

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

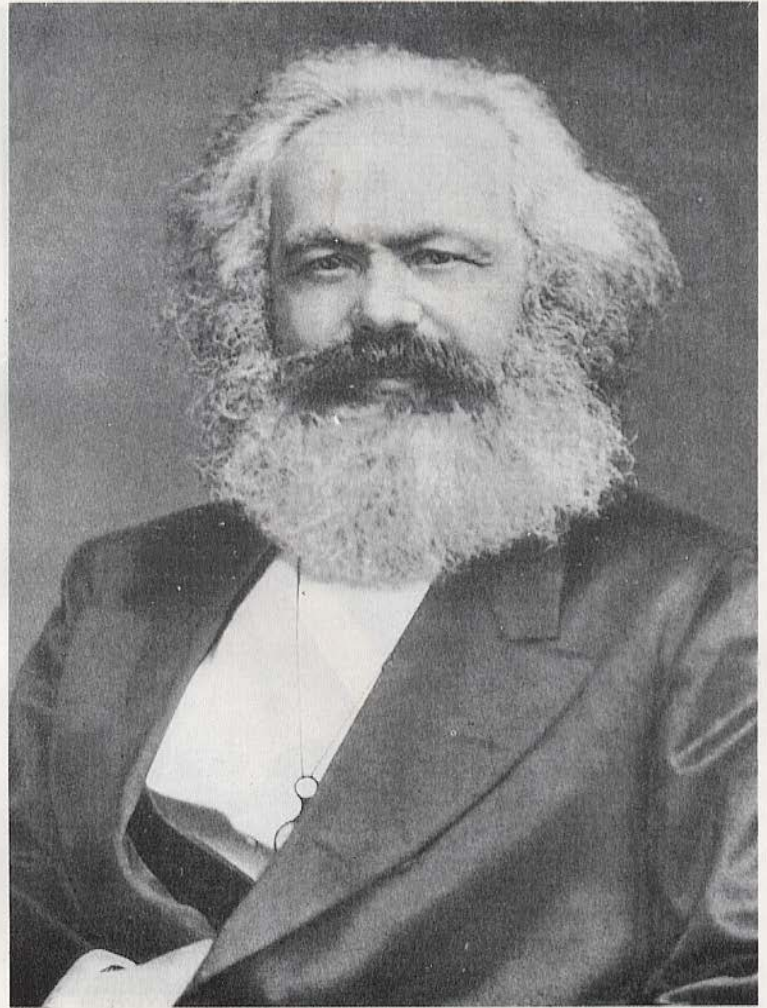
GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS. PTS. Trần Học Hiên	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS. PTS. Phạm Xuân Nam	Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

TOÀN TẬP

TẬP 11

(THÁNG GIÊNG 1855 - THÁNG TƯ 1856)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1993



Karl Marx



F. Engels

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 11 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Giêng 1855 đến tháng Tư 1856. Trong tập này, hai ông tiếp tục đi sâu phân tích và lý giải nguyên nhân của sự bùng nổ và thực chất của cuộc Chiến tranh Crum (lúc này đang đi vào giai đoạn kết thúc) cũng như tác động của nó đối với thế giới. Vạch rõ tình trạng suy thoái về kinh tế ở một số nước châu Âu, hai ông dự đoán nước Anh sẽ phải trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề nhất từ trước đến lúc đó và rất có khả năng là khủng hoảng kinh tế sẽ xuất hiện ở nhiều nước; gắn liền với sự kiện này là một cao trào mới của phong trào dân chủ và cách mạng ở châu Âu sẽ nổ ra. Hai ông chỉ rõ: trong bối cảnh đó giai cấp vô sản các nước phải hành động để biến cuộc Chiến tranh Crum thành cuộc chiến tranh để cải tạo châu Âu, giải phóng các dân tộc bị áp bức, thống nhất nước Đức và nước I-ta-li-a theo con đường dân chủ và cách mạng.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, tập 11 do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1958. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ

tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 8 - 1993

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Neue Oder-Zeitung.

Mittagsblatt.

In Berlin bei der Commission
am brei Commanbire er. Quarta
I. 1801m 90 6gr.

Breslau.
Sonntags, den 27. Januar 1855.

In Preußen bei allen Börsen
hörm. Post-Verhalten er. Quarta
3 2/3gr.

N^o 45.

KHAI MẠC KỶ HỌP NGHỊ VIỆN¹

Luân Đôn, ngày 24 tháng Giêng. Hôm qua kỳ họp của nghị viện lại tiếp tục². Ở thượng nghị viện, bá tước Ê-len-bô-rô đã tuyên bố rằng thứ năm, tức là ngày 1 tháng Hai, ông ta sẽ đề nghị cho nghị viện biết số liệu chính thức về số quân đã được đưa sang Crum, - bộ binh, kỵ binh và lính thủy, - cũng như về số tử vong, thương vong, ốm yếu và nói chung là số người bị loại khỏi vòng chiến đấu. Công tước Rít-sơ-mơn đã chắt vắn bộ trưởng chiến tranh rằng tại sao khi tặng huy chương người ta lại bỏ qua những người tham gia chiến đấu ở Ba-la-cla-va³. Không chỉ những người tham gia chiến đấu ở Ba-la-cla-va, mà nói chung tất cả những lính thủy có mặt ở Hắc Hải, thậm chí cả những người không tham gia chiến trận, cũng đều phải được tặng huy chương, - công tước Niu-ca-lơ, bộ trưởng chiến tranh đã đập lại công tước Rít-sơ-mơn như vậy. Để phản đối ý kiến này, công tước Rít-sơ-mơn cùng với bá tước Ê-len-bô-rô và Hác-uych đã sử dụng luận điểm xưa kia của A-đam Xmit nói rằng giá trị của "xa xỉ phẩm", và do đó cả giá trị của những chiếc huy chương nữa, tỉ lệ nghịch với số lượng của chúng. Sau một cuộc tranh luận hết sức nghiêm túc, kéo dài gần nửa giờ, các nghị sĩ đã giải tán.

Phòng họp ở hạ nghị viện cũng chật ních người. Nhưng hy vọng của những người đến họp đã không trở thành hiện thực. Đi-xra-e-li vắng mặt và ngài Ben-gia-min Hôn đã phát biểu. Phiên họp khai mạc vào hồi bốn giờ kém mười lăm phút và trước sáu

giờ đã kết thúc. Người ta ngạc nhiên về thái độ hết sức bình thản của viện nguyên lão La Mã khi họ nhận được tin bại trận ở Can-ơ⁴. Nhưng giờ đây các commoners^{1*} Anh còn hơn hẳn các patres conscripti^{2*} La Mã. Nhìn vào nét mặt họ ta không thể tin được rằng quân đội Anh đang chết ở Crum. Có lẽ tình trạng vệ sinh phòng bệnh của quân đội Anh ở Crum đã thúc đẩy ngài Ben-gia-min Hôn đưa ra hai dự luật cải tiến tổ chức cảnh sát vệ sinh ở Anh. Ngài Ben-gia-min Hôn là một trong số những người được gọi là phái cấp tiến kiểu Uy-li-am Môn-xơ-ốt, Ô-xbóc-ơ và phe cánh. Chủ nghĩa cấp tiến của các vị này thể hiện ở chỗ họ đòi cho mình các chức vị trong nội các, mặc dù họ không thuộc tầng lớp đầu sỏ và không có tài năng của giới bình dân. Nhưng chỉ riêng việc họ ở trong nội các thôi, cũng đã là một sự kiện cấp tiến rồi. Bạn bè của họ nói như vậy. Vì thế mùa hè năm 1854, khi bệnh dịch tả bắt đầu hoành hành dữ dội ở nước Anh và "Hội đồng bảo vệ sức khoẻ", trước đó nằm dưới sự kiểm soát của Pan-móc-xton, bộ trưởng nội vụ, cũng tỏ ra bất lực như tổ chức chăm lo y tế ở doanh trại Xê-va-xtô-pôn, thì liên minh cho rằng đó là thời cơ thích hợp để đặt ra một chức vụ mới trong nội các - chức vụ độc lập của vị chủ tịch Hội đồng bảo vệ sức khoẻ - và tăng cường địa vị của mình bằng cách lôi kéo ngài Ben-gia-min Hôn "cấp tiến". Như vậy là ngài Ben-gia-min Hôn đã trở thành vị bộ trưởng y tế. Thật ra, bệnh dịch tả không biến khỏi Luân Đôn sau khi tờ "Gazette" thông báo việc bổ nhiệm ông ta, nhưng ông Tay-lo nào đó đã biến mất khỏi những trang tạp chí "Punch"⁵, trong đó ông ta đã châm biếm khôi liên minh và Nga hoàng. Ngài Ben-gia-min Hôn đã bổ nhiệm ông ta giữ chức thư ký Hội đồng bảo vệ sức khoẻ với số lương là 1 000 pao xtéc-ling. Là một phần tử cấp tiến, ngài Ben-gia-min Hôn ưa thích phương pháp điều trị cấp tiến. Chúng ta sẽ còn đủ thời giờ bàn đến ưu điểm những dự luật của ông ta khi chúng được đưa ra. Còn hôm qua thì chúng chỉ đem lại cho ông ta cái cơ cho sự entrée^{3*} của ông ta vào hạ nghị viện trong cương vị bộ trưởng.

^{1*} - các nghị sĩ hạ nghị viện

^{2*} - các thành viên viện nguyên lão

^{3*} - tham gia

Về lời chất vấn của Lây-ác,

"liệu nội các có đồng ý đệ trình lên nghị viện những văn bản trao đổi với các cường quốc nước ngoài về hiệp ước ngày 2 tháng Chạp 1854 và đặc biệt là những văn kiện nào mang nội dung giải thích bốn điểm mà phía Anh - Pháp đã trao cho Chính phủ Nga không phải để đàm phán, mà là để chấp nhận, hay không" thì ngài Huân tước Giôn Rốt-xen đã trả lời rằng ông ta không biết liệu có thể đệ trình được một văn kiện nào trong số những văn kiện đang bị chất vấn hay không. Điều đó không hợp với thông lệ của nghị viện. Còn về chuyện bốn điểm⁶ thì ông ta có thể thông báo về đại thể cho người bạn đáng kính của mình như sau: cuối tháng Mười một, thông qua Goóc-tra-cốp, nước Nga đã thông báo rằng họ chấp nhận cái gọi là bốn điểm; tiếp đó là hiệp ước ngày 2 tháng Chạp⁷; rồi sau đó ngày 28 tháng Chạp tại Viên đã có cuộc gặp giữa Goóc-tra-cốp với các đại sứ Anh, Pháp và Áo. Nhân danh các nước đồng minh, đại sứ Pháp đọc văn kiện giải thích bốn điểm ấy. Chính bản giải thích này phải được xem là cơ sở cho cuộc đàm phán. Điểm thứ ba đề nghị chấm dứt ưu thế của Nga ở Hắc Hải. Goóc-tra-cốp không đồng ý với cách giải thích ấy, nhưng lại tuyên bố rằng ông ta có ý định xin chỉ thị của chính phủ mình. Mười ngày sau, Goóc-tra-cốp thông báo cho bá tước Bu-ôn rằng ông ta đã nhận được những chỉ thị ấy. Ngày 7 hay 8 tháng Giêng lại có cuộc gặp gỡ mới tại văn phòng bộ trưởng ngoại giao Áo. Goóc-tra-cốp đọc bản bị vong lục trình bày quan điểm của chính phủ ông ta. Bá tước Bu-ôn, huân tước Oét-xmô-len và nam tước Buốc-kê-nê tuyên bố rằng họ không được uỷ quyền chấp nhận bản bị vong lục. Điểm xuất phát của cuộc đàm phán phải là sự tán thành cách giải thích đã nêu về bốn điểm. Bấy giờ Goóc-tra-cốp rút lại bản bị vong lục của mình và chấp nhận bản giải thích bốn điểm là cơ sở đàm phán. Nước Nga, Rốt-xen nói thêm, mặc dù thừa nhận "cơ sở" này, song vẫn giữ quyền bác bỏ "từng điểm" của cơ sở đó sau khi nó được soạn thảo một cách chính xác (hiện nay nó chỉ mang tính chất sơ thảo mà thôi). Chính phủ Anh tuyên bố sẵn sàng đàm phán trên cơ sở nói trên, "nhưng cho đến nay Chính phủ đó vẫn chưa trao cho đại sứ của mình toàn quyền thương lượng". Câu cuối này cũng chính là tin tức duy nhất mà Rốt-xen thông báo với "commoners".

Sự kiện quan trọng nhất của phiên họp là lời tuyên bố của Rô-bác:

"thứ năm tuần sau ông ta sẽ đề nghị thành lập một uỷ ban đặc biệt để xác định số lượng và tìm hiểu tình hình quân đội ở Xê-va-xtô-pôn cũng như để điều tra về hoạt động của những cơ quan chính phủ có trách nhiệm thoả mãn các nhu cầu của quân đội".

Tờ "Times"⁸ "cầu khẩn" Rô-bác "gào thét thật to và không chiều cố cái gì cả". Cả lời khẩn cầu của "Times" lẫn quá khứ của ngài Rô-bác khiến người ta nghĩ rằng ông ta sẽ gào lên, hay nói cho đúng hơn, sẽ kêu lên oang oác để không cho người khác phát biểu. Như chúng ta biết, Uy-li-xơ không bao giờ lợi dụng Téc-xi-tơ, nhưng các thành viên đảng Vích vốn lấu cá chả kém gì Uy-li-xơ theo kiểu của họ, thì sẽ lợi dụng Rô-bác.

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số
45, ngày 27 tháng Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

VỀ CUỘC KHỦNG HOẢNG NỘI CÁC

Luân Đôn, ngày 26 tháng Giêng. Khi người đưa thư hoá tốc của quốc vương Men-lích-sắc đến A-la-mút và đòi Hát-xan-ben-Xa-bác phải đầu hàng, thì "ông già của núi rừng" thay vì đưa ra câu trả lời, đã ra lệnh cho một trong những phê-đa-i⁹ của mình phải tự sát. Chàng trai lập tức đâm con dao nhọn vào ngực mình và gục xuống tắt thở trên thềm đá. "Ông già"^{1*} trong liên minh cũng đòi huân tước Giôn Rốt-xen phải xả thân vì mình, phải tự sát ở hạ nghị viện. Song Rốt-xen, vị chí nhân lão thành ấy trong nghị viện, vốn hiểu điều răn "thương người như thể thương thân" bao giờ cũng là "thương lấy thân" lại muốn giết chính "ông già". Chúng ta không hiểu nhằm Rô-bác. Thông đồng với Rốt-xen, Rô-bác đưa ra đề nghị để phòng khi liên minh tan vỡ thì cứu lấy "bộ phận ưu tú" của nó - tức đảng Vích.

Quả là như vậy đấy ! Đề nghị của Rô-bác không nhằm chống lại toàn bộ nội các mà nhằm chống lại "những cơ quan" trực tiếp được trao quyền tiến hành chiến tranh, tức là chống lại *phái Pin*¹⁰. Ngoài ra, rõ ràng là khi khai mạc kỳ họp nghị viện, hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà Rốt-xen lại tuyên bố rằng cơ sở để đàm phán tuyệt nhiên chưa là cơ sở, chừng nào nước Nga còn dành cho mình quyền bác bỏ từng điểm trong bốn điểm, rằng đàm phán thực chất chưa phải là đàm phán, một khi nội các nước Anh

^{1*} - A-bóc-đin

chưa trao toàn quyền cho ai đàm phán. Rô-bác vừa mới đưa ra đề nghị của mình, - đó là vào ngày thứ ba, - thì ngay chiều hôm đó Rốt-xen liền viết cho "ông già" rằng mục đích của đề nghị đó là tỏ ra không tín nhiệm cơ quan quân sự (phái Pin), bởi vậy ông ta buộc phải đệ đơn từ chức. A-bóc-đin đến Lâu đài Uyn-đơ yết kiến nữ hoàng và khuyên nữ hoàng nên chấp thuận đơn từ chức đó, và việc đó đã được thực hiện. Lòng dũng cảm của "ông già" thật dễ hiểu vì người ta biết là Pan-móc-xton không đệ đơn từ chức.

Hạ nghị viện biết tất cả những sự kiện trọng yếu này vào phiên họp hôm thứ năm. Hạ nghị viện hoãn họp, còn Rô-bác thì hoãn đến tối hôm nay mới đưa kiến nghị. Tất cả các nghị sĩ hạ nghị viện đều lao tới thượng nghị viện để chờ A-bóc-đin giải thích. Song A-bóc-đin khá là giáo hoạt: lại lấy cớ đi Uyn-đơ, để không dự phiên họp, và công tước Niu-ca-lơ đã nhắc lại ở thượng nghị viện những chuyện đơm đặt mà Pan-móc-xton đã nói ở hạ nghị viện. Lúc đó, phái Vích, các nghị sĩ hạ nghị viện, rất lo sợ khi biết tại thượng nghị viện kế hoạch của họ đã bị bại lộ và con đường rút lui đã bị cắt. Đảng To-ri hoàn toàn không muốn làm thiệt phái Pin qua việc lại bảo đảm cho đảng Vích cái đặc quyền cũ của họ là "được Thượng đế trao truyền thu tô để chế Anh". Họ thúc huân tước Linh-huê-xơ đưa ra ý kiến khác với ý kiến của Rô-bác, không nhằm phản đối bộ này bộ kia, mà nhằm chống lại toàn thể chính phủ, và cũng không chỉ có lên án - à la Rô-bác- mà còn trực tiếp buộc tội chính phủ. Nguyên văn lời tuyên bố của Linh-huê-xơ như sau:

"Thứ sáu, ngày 2 tháng Hai tôi sẽ nêu ý kiến rằng theo ý kiến của nghị viện này, cuộc viễn chinh sang Crum đã được các bộ trưởng của hoàng thượng tiến hành với phương tiện cực kỳ thiếu thốn, thiếu sự thận trọng thích đáng và không nghiên cứu đầy đủ vấn đề về tính chất và sức chống trả có thể có của đối phương, và nói rõ rằng thái độ chệnh mảng và bất tài của chính phủ trong việc chỉ đạo chiến dịch đã dẫn đến những hậu quả hết sức tai hại".

Không nghi ngờ gì hết, ý kiến của Linh-huê-xơ cũng nhằm chống lại đảng Vích y như ý kiến của Rô-bác nhằm chống lại những kẻ ủng hộ A-bóc-đin. Nhân đây chúng tôi xin nêu: huân

tước Giôn Rốt-xen, thông qua Hai-tơ, đã thông báo cho hạ nghị viện biết là hễ có dịp, - nghĩa là tối hôm nay, - ông ta sẽ giải thích nguyên nhân từ chức của mình. "Ai chẳng chờ đợi gì, thì sẽ không bị đánh lừa"¹¹.

Do C.Mác viết ngày 26 tháng Giêng 1855 Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 47, ngày 29 tháng Giêng 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

CÔNG VIỆC CỦA NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 27 tháng Giêng. Nét mặt và giọng nói trong phiên họp hôm qua của hạ nghị viện đã cho phép hình dung rõ nghị viện Anh hiện nay đã đón hèn đến mức nào.

Trước khi bắt đầu phiên họp, vào khoảng 4 giờ chiều, phòng họp đầy người vì người ta chờ đợi một vụ om sòm: huân tước Rót-xen giải thích nguyên nhân từ chức của ông ta. Nhưng cuộc tranh luận có tính chất cá nhân vừa kết thúc và cuộc tranh luận về thực chất của vấn đề - về đề nghị của Rô-bác - vừa bắt đầu thì các nhà ái quốc phần uất vội vã đi dùng bữa trưa; phòng họp vắng tanh, đâu đó nổi lên tiếng hò hét: "biểu quyết, biểu quyết!" Bắt đầu một sự tạm ngừng khó chịu kéo dài mãi cho đến khi quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề quân sự Xít-ni Héc-bóc đứng lên và đọc một bản báo cáo dài dòng và tỉ mỉ trước các hàng ghế nghị sĩ trống không. Sau đó các nghị sĩ đã chén no lần lượt chậm rãi trở về chỗ ngồi của mình. Khi Lây-ác bắt đầu đọc tham luận, vào khoảng 9 giờ rưỡi tối, có chừng 150 nghị sĩ dự họp; nhưng khi ông ta kết thúc bản tham luận vào khoảng một giờ trước khi bế mạc phiên họp thì phòng họp lại đầy người. Nhưng phần cuối của phiên họp lại rất giống giờ nghỉ trưa của nghị viện.

Huân tước Giôn Rót-xen, người mà toàn bộ ưu điểm quy lại chỉ là duy trì nếp cũ trong sách lược nghị viện, đã đọc bài diễn văn của mình không phải ở bàn diễn giả như thường lệ trong

những trường hợp như thế mà ở hàng ghế thứ ba, nơi các đảng viên đảng Vích bất mãn ngồi, phía sau các ghế bộ trưởng. Ông ta nói giọng khe khẽ, khàn khàn, kéo dài các từ, phát âm tiếng Anh rất tồi như thường lệ và thường là đại lung cùng về phép tắc đặt câu. (Nhân tiện xin nói thêm: trong bất kể trường hợp nào cũng không nên lẫn lộn diễn văn dưới dạng đăng báo với phát biểu mồm). Các diễn giả bình thường thì hay che đậy nội dung tồi dưới hình thức trình bày hay ho, còn Rót-xen thì lại cố biện hộ cho cái nội dung tồi bằng lời trình bày vụng về. Cứ như là ông ta dùng cách nói của mình để xin thứ lỗi cho điều mà ông ta nói.

Quả có điều cần xin tha thứ thực đấy ! Thứ hai trước, ông ta còn chưa nghĩ đến việc từ chức, nhưng đến thứ ba, Rô-bác vừa nêu đề nghị của mình thì ông ta đã thấy đó là điều không tránh khỏi. Việc này làm cho người ta nghĩ đến tên đầy tớ không hề phản đối sự dối trá, nhưng khi điều nói dối ấy bị vạch trần thì lương tâm hấn mới thức tỉnh. Căn cứ vào đâu mà ông ta có thể phản đối kiến nghị nghị viện tiến hành cuộc điều tra, như chức trách người lãnh đạo hạ nghị viện buộc ông ta phải làm. Phải chăng là do tai họa chưa lớn đến mức phải điều tra? Nhưng ai dám phủ nhận tình cảnh bi đát của quân đội ở Xê-va-xtô-pôn? Tình cảnh đó không chỉ đau khổ, mà là khủng khiếp không thể chịu đựng nổi. Hoặc giả ông ta phải đoán chắc với nghị viện rằng ủy ban điều tra của nghị viện là vô dụng, vì những biện pháp hay ho nhất để chống tai họa ấy đã được thi thố cả rồi? Ở đây, Rót-xen vấp phải một vấn đề khó xử, vì rằng không những với tư cách thành viên của nội các, mà còn với tư cách chủ tịch Privy Council^{1*}, ông ta trực tiếp chịu trách nhiệm về việc áp dụng những biện pháp ấy. Rót-xen thừa nhận rằng ông ta đã đồng ý bỏ nhiệm công tước Niu-ca-lơ làm bộ trưởng chiến tranh "chính". Ông ta không thể phủ nhận rằng những biện pháp nhằm cung cấp lương thực, quân trang cho quân đội và phục vụ y tế ít ra phải được tiến hành vào tháng Tám và tháng Chín. Rót-xen đã làm gì trong thời kỳ hết sức nguy cấp ấy, theo như lời ông ta thừa nhận?

^{1*} - Hội đồng cơ mật

Ông ta đã ngao du khắp nước, đọc những bài diễn văn nhỏ tại "literary institutions"^{1*} và lo việc xuất bản tập thư từ của Sác-lơ, Giêm-xơ Phốc-xơ¹². Trong khi ông ta ngao du ở Anh thì A-bớt-đin đi ngao du ở Xcôt-len, và từ tháng Tám đến 17 tháng Mười nội các không họp một lần nào cả. Theo chính lời huân tước Giôn, trong phiên họp này của nội các ông ta không hề đưa ra được một cái gì khả dĩ thu hút sự chú ý của nghị viện. Sau đó, huân tước Giôn lại nghiền ngẫm suốt cả một tháng trời, và rút cục, ngày 27 tháng Mười một gửi cho A-bớt-đin một bức thư đề nghị hợp nhất chức bộ trưởng chiến tranh với chức vụ secretary at war^{2*} và trao hai chức vụ ấy cho huân tước Pan-móc-xton, nói cách khác, cách chức của công tước Niu-ca-lơ. A-bớt-đin đã bác bỏ đề nghị ấy. Ngày 28 tháng Mười một, Rốt-xen lại viết thư cho A-bớt-đin cũng theo tinh thần ấy. Ngày 30 tháng Mười một, A-bớt-đin có đầy đủ lý do để trả lời Rốt-xen rằng toàn bộ đề nghị của Rốt-xen chỉ nhằm thay thế người này bằng người khác - thay công tước Niu-ca-lơ bằng Pan-móc-xton. Thực ra, khi tách bộ thuộc địa khỏi bộ chiến tranh, Rốt-xen vui lòng đề nghị trao bộ chiến tranh cho công tước Niu-ca-lơ, để đặt một trong những đảng viên đảng Vích của ông ta là ngài Gioóc-giơ Grây vào bộ thuộc địa. Sau đó A-bớt-đin hỏi riêng Rốt-xen xem ông ta có định đưa đề nghị của mình ra trước nội các không. Rốt-xen từ chối đề nghị như ông ta nói, "*không phá vỡ nội các*". Như vậy là, trước hết là nội các, rồi sau mới đến quân đội ở Crum.

Rốt-xen thừa nhận rằng *không một* biện pháp nào được tiến hành, để loại trừ tai họa. Toàn bộ cuộc cải cách của ngành quân sự chỉ gói gọn trong việc làm cho ngành quân nhu phụ thuộc vào bộ chiến tranh. Thế nhưng mặc dù không một biện pháp nào được tiến hành để cải thiện tình hình, Rốt-xen vẫn yên trí ở lại nội các và từ ngày 30 tháng Mười một 1854 đến ngày 20 tháng Giêng 1855 ông ta cũng không đưa ra thêm đề nghị nào. Vào hôm ấy, tức là vào thứ bảy trước, A-bớt-đin đã trao cho Rốt-xen một số đề nghị về cải cách ngành quân sự, nhưng Rốt-xen thấy rằng những đề

^{1*} - "các hội văn học"

^{2*} - bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự

nghị ấy không đầy đủ, và về phía mình đã đưa ra các đề nghị hưởng ứng dưới hình thức văn bản. Chỉ ba ngày sau, ông ta lại thấy cần phải đệ đơn từ chức, vì Rô-bác đã ra tuyên bố mà Rốt-xen thì không có ý định chia phần trách nhiệm với cái nội các trong đó ông ta đã từng giữ các chức vụ và đã trực tiếp tham gia vào công việc của nó. Rốt-xen giải thích rằng ông ta nghe nói không đời nào A-bớt-đin lại dám bỏ nhiệm Pan-móc-xton làm nhân vật cai quản bộ chiến tranh, mà nếu vậy thì nhân vật Cuốc-ti-u-xơ ấy chỉ có thể tự chúc mừng rằng đã không uống công rồi bỏ nội các và lao vào vực thẳm của phe đối lập. Như thế là, ngày càng lấn xuống dốc, huân tước Giôn của chúng ta đã xoá bỏ nốt cái cơ cuối cùng mà ông ta có thể viện ra để thanh minh cho việc mình từ chức, khi nói rằng: 1) triển vọng của chiến tranh tuyệt nhiên không đến nỗi khiến cho người ta rơi vào tâm trạng tuyệt vọng đang ngự trị; 2) A-bớt-đin là vị thủ tướng vĩ đại, Cla-ren-đôn là nhà ngoại giao vĩ đại, Glát-xtôn là nhà tài chính vĩ đại; 3) đảng Vích không phải gồm những kẻ mưu cầu danh lợi, mà là gồm những nhà yêu nước mơ mộng, và sau hết, ông ta, Rốt-xen sẽ bỏ phiếu trắng khi biểu quyết về đề nghị của Rô-bác, mặc dầu ông ta rời nội các dường như là vì một nhà yêu nước *chẳng* thể nào phản đối được đề nghị ấy. Bài diễn văn của Rốt-xen đã được tiếp đón lạnh nhạt hơn cả giọng người đọc bài diễn văn đó.

Pan-móc-xton thay mặt nội các phát biểu. Tình cảnh của ông ta thật nực cười. Cuốc-ti-u-xơ - Rốt-xen từ chức vì A-bớt-đin không muốn bỏ nhiệm Pan-móc-xton làm nhân vật cai quản bộ chiến tranh. Bru-tút - Pan-móc-xton công kích Rốt-xen vì ông này rời bỏ A-bớt-đin vào giờ phút hiểm nghèo. Lắm vào tình cảnh nực cười này, Pan-móc-xton cảm thấy rất dễ chịu. Ông ta lợi dụng nó để gây cười, biến tình thế nghiêm trọng thành một trò hề, như ông ta thường làm trong giờ phút gay go. Khi Pan-móc-xton chỉ trích Rốt-xen vì Rốt-xen không ra quyết định dừng cảm của mình ngay từ tháng Chạp, thì Đi-xra-e-li ra ông ta cũng không giấu giếm nỗi vui sướng của mình về sự phá sản của hiến pháp Vơ-ni-dơ - đã phá ra cười còn Glát-xtôn vốn chuyên làm ra vẻ nghiêm túc, hẳn đã nhắm toàn bộ bài kinh cầu nguyện của giáo phái Pi-u-di¹³ để khỏi bật ra tiếng cười, Pan-móc-xton tuyên bố rằng chấp nhận

đề nghị của Rô-bác có nghĩa là nội các sụp đổ. Nếu đề nghị ấy bị bác bỏ thì nội các sẽ thảo luận vấn đề tự cải tổ (kể cả vấn đề quyền độc tài của Pan-móc-xton).

Vị Pan-móc-xton này quả là một nhà ảo thuật vĩ đại! Một chân đã đứng trong mồ mà ông ta vẫn biết cách làm cho nước Anh tin rằng ông ta là homo novus^{1*} và con đường công danh của ông ta mới chỉ bắt đầu! Giữ chức quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề quân sự trong 20 năm trời và nổi tiếng với chức vụ ấy chỉ vì đã bảo vệ một cách có hệ thống hình phạt bằng nhục hình và việc bán quân hàm trong quân đội¹⁴, giờ đây ông ta dám mạo xưng là người mà chỉ riêng tên tuổi thôi cũng đủ để có thể khắc phục được những thiếu sót của cả chế độ! Là người duy nhất trong các bộ trưởng Anh đã nhiều lần, đặc biệt nghiêm trọng là năm 1848, bị vạch mặt ở nghị viện là *tay sai của Nga*, ông ta vẫn dám mạo xưng là người duy nhất có thể đưa nước Anh vào cuộc chiến tranh với nước Nga. Vị Pan-móc-xton này quả là một nhân vật vĩ đại!

Do những đề nghị của Rô-bác đã được chuyển sang phiên họp tối thứ hai, nên đề đến lần sau sẽ tranh luận. Đề nghị đó được xây dựng khôn khéo đến nỗi những địch thủ của nội các đã tuyên bố rằng họ sẽ bỏ phiếu tán thành đề nghị đó, tuy họ thấy nó phi lý, còn những người ủng hộ nội các thì dự định tán thành nó, tuy họ sẽ bỏ phiếu chống. Phiên họp của thượng nghị viện chẳng có gì đặc biệt lý thú. Đối với lời tuyên bố của Rôt-xen, A-bóc-đin không bổ sung gì cả, ngoài sự kinh ngạc của ông ta: Rôt-xen đã làm cho toàn thể nội các kinh ngạc.

Do C.Mác viết ngày 27 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 49, ngày 30 tháng Giêng 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} - con người mới

Neue Oder-Zeitung.

Mittagsblatt.

Im Briefau bei der Expedition
und bei den Gemeindeführern
1 Bblm 90 Bgr.

Breslau,
Sonntags, den 27. Januar 1855.

Im Preßen bei allen Post-
ämtern und Buchhändlern
2 Bblm

N^o 45.

PH.ÄNG-GHEN

CHIẾN TRANH Ở CHÂU ÂU¹⁵

Càng gần ngày khai mạc hội nghị mới ở Viên¹⁶ thì hy vọng về những sự nhượng bộ nào đó của nước Nga càng trở nên hão huyền và cực kỳ bấp bênh. Thắng lợi huy hoàng của coup^{1*} ngoại giao xuất sắc của Nga hoàng, sự đồng ý nhanh chóng của Nga hoàng về cơ sở đàm phán được đưa ra, làm cho ông ta, ít ra là trong thời gian trước mắt, ở vào địa vị rất có lợi. Chính vì vậy có thể quả quyết rằng dù bề ngoài Nga hoàng tỏ ra đồng ý các đề nghị hoà bình như thế nào đi nữa thì cơ sở thực tế duy nhất mà hiện giờ ông ta tán thành dựa vào đó để dàn xếp cuộc xung đột thực ra vẫn là duy trì status quo^{2*}. Bằng việc chấp nhận bốn điểm¹⁷ Nga hoàng lại đặt Áo vào tình trạng hết sức lập lờ nước đôi, đồng thời tiếp tục không chế Phổ và tranh thủ thời gian để điều tra biên giới toàn bộ lực lượng dự bị và những đơn vị mới thành lập trước khi chiến sự có thể bắt đầu.

Bản thân việc đồng ý đàm phán sẽ cho phép rút ngay từ đội quân giám sát của Nga ở biên giới Áo một số quân có thể thay thế được trong vòng hai tháng hoặc mười tuần lễ tức là ít ra là 60 đến 80 nghìn người. Vì toàn bộ tập đoàn quân Đa-nuýp trước đây không còn tồn tại như cũ, - lữ đoàn 4 đã ở Crum từ cuối tháng Mười, lữ đoàn 3 cũng đến đây vào cuối tháng Chạp, còn bộ phận

^{1*} - đòn

^{2*} - hiện trạng

còn lại của lữ đoàn 5 cùng kỵ binh và lực lượng dự bị hiện đang trên đường đi đến Crum, - nên để thay cho các đơn vị ấy cần phải bố trí trên sông Búc và Đni-e-xtơ-rơ những đơn vị mới rút từ quân đoàn miền Tây đóng ở Ba Lan, Vô-lun và Pô-đô-li-a. Do đó, nếu chiến tranh sẽ chuyển vào trung tâm lục địa thì thời hạn hai - ba tháng có ý nghĩa quyết định đối với nước Nga, vì hiện nay quân Nga bị dần trải ra quá dài trên tuyến Ca-li-sơ - I-xmai, không có quân tăng viện thì không thể tiếp tục chống được với quân Áo có số lượng ngày càng tăng. Giờ đây Nga đã tranh thủ được khoảng thời gian này, và dưới đây chúng tôi sẽ trình bày sự chuẩn bị quân sự của nước Nga hiện đang ở vào giai đoạn nào.

Trước đây chúng tôi đã trình bày vắn tắt về tổ chức của quân đội Nga¹⁸. Đội quân tác chiến lớn dành cho các chiến dịch ở Nam và Tây Âu, ban đầu gồm có 6 quân đoàn, - mỗi quân đoàn có 48 tiểu đoàn-, hai quân đoàn tinh nhuệ, mỗi quân đoàn có 36 tiểu đoàn cùng một số lượng khá lớn kỵ binh chính quy cũng như không chính quy và pháo binh. Như chúng tôi đã đưa tin, chính phủ không những đã gọi lính trừ bị để thành lập các tiểu đoàn 4, 5 và 6 trong các đơn vị tinh nhuệ và các tiểu đoàn 5 và 6 trong 6 quân đoàn còn lại, mà còn dùng lính mới thành lập tiểu đoàn 7 và 8 ở mỗi trung đoàn, thành thử số tiểu đoàn trong 6 quân đoàn chủ lực tăng gấp đôi, còn trong số quân tinh nhuệ (vệ binh và tinh binh) thì tăng hơn hai lần. Hiện nay quân số của quân đội Nga đại để như sau:

Vệ binh và tinh binh - 4 tiểu đoàn loại đầu cho mỗi trung đoàn.....	96 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 900 người -	86 400
Vệ binh và tinh binh- 4 tiểu đoàn loại sau cho mỗi trung đoàn.....	96 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 700 người -	67 200
Quân đoàn 1 và 2 (chưa tham gia chiến đấu) 4 tiểu đoàn loại đầu, hoặc còn gọi là 4 tiểu đoàn quân tác chiến cho mỗi trung đoàn.....	96 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 900 người -	86 400

Quân đoàn 1 và 2 - 4 tiểu đoàn loại sau cho mỗi trung đoàn.....	96 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 700 người -	67 200
Quân đoàn 3,4,5 và 6 - các tiểu đoàn tác chiến.....	192 tiểu đoàn mỗi tiểu đoàn có 500 người -	96 000
Quân đoàn 3,4,5 và 6 4 tiểu đoàn loại sau cho mỗi trung đoàn.....	192 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 700 người -	134 400
Quân đoàn người Phần Lan.....	16 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 900 người -	14 400
Tổng cộng.....	784 tiểu đoàn	552 000
Ngoài ra: Kỵ binh chính quy....		80 000
Kỵ binh không chính quy.....		46 000
Pháo binh.....		80 000
	Tổng cộng.....	758 000

Một vài con số chúng tôi đưa ra có thể tưởng như hơi cao, nhưng thực tế không phải như vậy. Mặc dầu những tổn thất đã xảy ra mà chỉ có 96 tiểu đoàn tác chiến của các quân đoàn 3, 4, 5 và 6 phải chịu đựng, con số lính mới đông đảo được gọi nhập ngũ từ đầu chiến tranh tất phải làm cho số quân tăng lên nhiều nữa, nhưng chúng tôi đã trừ đi một số rất lớn tân binh bị chết trên đường về đơn vị. Ngoài ra, về kỵ binh chúng tôi đã tính rất thấp.

Trong số quân kể trên có 8 000 người (một sư đoàn của quân đoàn 5) đóng ở Cáp-ca-dơ, do đó cần phải trừ số quân đó đi bởi vì ở đây chúng tôi không bàn đến số quân được sử dụng ở ngoài châu Âu. Số 750 000 người còn lại, đại để được bố trí như sau: đóng ở bờ biển Ban-tích, dưới quyền chỉ huy của tướng Xi-véc-xơ là tập đoàn quân Ban-tích gồm quân đoàn người Phần Lan và các đơn vị dự bị của vệ binh, tinh binh và quân đoàn 6 - kể cả kỵ binh và pháo binh có khoảng 135 000 người, nhưng một bộ phận của tập đoàn quân này gồm những lính mới chưa được huấn luyện và những tiểu đoàn tổ chức vội vã. Đóng ở Ba Lan và biên giới Ga-li-xi từ Ca-li-sơ đến Ca-mê-nét-xơ là các đơn vị vệ binh, tinh

binh, quân đoàn 1, một sư đoàn của quân đoàn 6 và một đơn vị quân dự bị của tinh binh và quân đoàn 1 - cả thảy khoảng 235 000 người, kể cả kỵ binh và pháo binh. Đạo quân này là bộ phận ưu tú nhất của các lực lượng vũ trang Nga; nó bao gồm những đơn vị tinh nhuệ và những đơn vị dự bị ưu tú. Đóng ở Bét-xa-ra-bi-a và khoảng giữa sông Đni-e-xtơ-rơ và sông Búc là 2 sư đoàn của quân đoàn 2 cùng với một đơn vị quân dự bị của chúng - tất cả chừng 60 000 người. Những đội quân này vốn thuộc tập đoàn quân miền Tây nhưng sau khi tập đoàn quân Đa-nuýp di chuyển đến Crum thì chúng được điều về vị trí cũ của tập đoàn quân Đa-nuýp. Hiện nay, những đội quân này đang trực diện với quân Áo ở Các công quốc vùng Đa-nuýp và được đặt dưới quyền chỉ huy của tướng Pa-nuy-tin. Dùng để phòng thủ Crum có quân đoàn 3 và quân đoàn 4, một sư đoàn của quân đoàn 5, hai sư đoàn của quân đoàn 6 và một đơn vị quân dự bị đã chuyển đến đây, ngoài ra còn có một sư đoàn của quân đoàn 2, một sư đoàn của quân đoàn 5 còn đang trên đường hành quân; quân số của tất cả những đội quân ấy, kể cả kỵ binh và pháo binh, gồm ít ra là 170 000 người do Men-si-cốp chỉ huy. Tướng Sê-ô-đa-ép hiện đang tổ chức một tập đoàn quân dự bị lớn gồm phần còn lại của quân dự bị và của các binh đoàn mới, đặc biệt là của các quân đoàn 1, 2, 3, 4 và 5. Tập đoàn quân này tập trung ở vùng nội địa nước Nga và sẽ có khoảng 150 000 người. Tất nhiên, không thể nói được bộ phận nào của tập đoàn quân này đang trên đường hành quân về Ba Lan hay phía nam.

Vậy là hồi mùa hè năm ngoái hoàng đế Ni-cô-lai mới có chưa đầy 500 000 quân ở biên giới phía tây đế chế của ông, từ Phần Lan đến Crum, thì nay đã có 600 000 người ở đây, ngoài ra còn 150 000 quân dự bị được tổ chức tại các vùng nội địa. Tuy nhiên, so với Áo thì ông ta hiện có ít lực lượng hơn trước đây. Tháng Tám và tháng Chín năm ngoái ở Ba Lan và Pô-đô-li-a có 270 000 lính Nga, còn ở khu vực sông Prút và sông Đni-e-xtơ-rơ thì bố trí tập đoàn quân Đa-nuýp gồm khoảng 80 000 người - tập đoàn quân này đóng giữ ở đây là do sợ người Áo hơn là sợ bất cứ ai khác. Vì vậy, bây giờ có thể điều động một đạo quân 350 000 người chống Áo. Hiện giờ, như chúng ta đã thấy ở đây chỉ có 295 000 người tập trung dọc tuyến tiền tiêu của Áo, trong khi đó

Áo đã điều 320 000 quân đối chọi với họ, mà lại còn có thể tung 70000 - 80000 quân đóng ở Bô-hêm và Mô-ra-vi, tăng viện cho lực lượng này. Thế tương đối yếu về số lượng quân ấy của Nga hiện thời và sự thiếu tin tưởng vào việc viện binh có thể đến kịp vào mùa này từ vùng nội địa của một nước và nạn tham nhũng hoành hành trong toàn bộ ngành hành chính, là những nguyên nhân hoàn toàn đầy đủ khiến Chính phủ Nga ra sức tranh thủ thời gian càng nhiều càng hay. Ưu thế về số lượng của kẻ địch cản trở quân Nga mở những đợt tấn công, mà điều đó có nghĩa là khi tác chiến ở địa hình trống trải, đặc trưng đối với Ba Lan, và thêm vào đó giữa hai quân đội lại không có tuyến đường thủy lớn nào ngăn cách, thì quân Nga ngay trong cuộc đụng độ đầu tiên sẽ buộc phải rút về những vị trí có thể giữ được. Trong trường hợp như vậy, điều đó hẳn sẽ dẫn tới việc chia cắt quân đội Nga thành hai bộ phận mà một bộ phận phải rút về Vác-sa-va, còn một bộ phận phải rút về Ki-ép, hơn nữa hai bộ phận ấy hẳn sẽ cách nhau bởi vùng đầm lầy Pô-lê-xi-ê không qua lại được, kéo dài từ sông Búc (không phải sông Búc ở miền Nam mà là nhánh của sông Vi-xla) đến sông Đni-e-prơ. Trong tình huống này, nếu như đông đảo quân Nga không bị xua vào vùng đầm lầy ấy thì quả là một may mắn đặc biệt, hiếm thấy đối với quân Nga trong những trường hợp như thế. Vậy là phần lớn miền Nam Ba Lan, Vô-lun, Pô-đô-li-a, Bét-xa-ra-bi-a, nghĩa là toàn bộ đất đai từ Vác-sa-va đến Ki-ép và Khéc-xôn, ắt sẽ bị bỏ lại thậm chí không có một trận chiến đấu nào. Mặt khác trong điều kiện có ưu thế về số lượng thì quân đội Nga cũng sẽ có thể dễ dàng đuổi được quân Áo ra khỏi Ga-li-xi và Môn-đa-vi-a trước khi quân Áo dám mạo hiểm tiến hành một trận quyết chiến, và chiếm được các con đường đi sang Hung-ga-ri; kết quả việc này chẳng khó gì mà không hình dung thấy. Trong cuộc chiến tranh loại này giữa Áo và Nga, chiến dịch tấn công thắng lợi đầu tiên quả thực có ý nghĩa cụ kỷ to lớn đối với cả hai bên, và mỗi bên đều gắng đem hết mọi khả năng để đặt chân đầu tiên trên lãnh thổ đối phương.

Chúng tôi đã nhiều lần nói rằng chừng nào Áo chưa chống lại Nga thì, xét theo quan điểm nghệ thuật quân sự, cuộc chiến tranh hiện nay sẽ không làm cho người ta quan tâm như mọi cuộc chiến

tranh châu Âu. Thậm chí sự kiện ở Crum chẳng qua cũng chỉ là một cuộc chiến tranh lớn trong phạm vi nhỏ. Những cuộc hành quân dài vô tận của quân Nga, những tai hoạ của quân đồng minh cho tới nay đã làm giảm số quân của các quân đội tham chiến đến mức không cho phép tiến hành một trận chiến đấu thực sự lớn nào. Nếu như mỗi bên chỉ có từ 15 đến 25 nghìn người tham gia thì sao gọi là trận đánh lớn được. Trên dải đất nhỏ giữa Khéc-xôn và Bác-si-xa-rai thì có thể tiến hành được những trận đánh có ý nghĩa chiến lược và thực sự khoa học gì! Ngay cả ở đây nữa dấu giao tranh diễn ra như thế nào thì vẫn không bao giờ đủ quân sĩ để chiếm lĩnh toàn bộ trận tuyến. Cái người ta không làm lại được chú ý hơn cái người ta làm. Ngoài ra, mọi việc xảy ra đều mang tính chất giai thoại chứ không phải tính chất lịch sử.

Nếu như hai đạo quân lớn hiện đang đóng đối diện nhau trên biên giới Ga-li-xi khởi sự thì lại là chuyện khác. Dù ý đồ và năng lực của các nhà chỉ huy ra sao đi nữa thì bản thân sự đông đảo của các đội quân và tính chất của địa hình sẽ loại trừ cả cuộc chiến tranh bề ngoài lẫn sự do dự. Ở đây, sự tập trung nhanh chóng, những cuộc hành quân cấp tập, mưu trí quân sự và những trận vu hồi đánh tạt sườn địch bằng những lực lượng lớn, sự thay đổi căn cứ tác chiến và hướng tác chiến, nói tóm lại, sự cơ động và những trận đánh quy mô lớn phù hợp với những nguyên tắc đích thực của nghệ thuật quân sự sẽ trở nên hết sức cần thiết và là lẽ đương nhiên; trong những điều kiện ấy, vị thống soái bị chi phối bởi những lý do chính trị hoặc hành động thiếu kiên quyết sẽ không tránh khỏi làm cho quân đội của mình bị tiêu vong. Cuộc chiến tranh có quy mô như thế và trên địa hình như thế lập tức mang tính chất nghiêm trọng và thực sự; chính vì vậy mà cuộc chiến tranh Nga - Áo nếu nổ ra sẽ trở thành một trong những sự kiện đáng chú ý nhất sau năm 1815.

Còn như triển vọng ký hoà ước thì hiện nay không rõ ràng như mấy tuần trước đây. Nếu các nước đồng minh tỏ ra sẵn lòng kết thúc cuộc chiến với điều kiện duy trì về cơ bản status quo, thì chiến tranh có thể chấm dứt; nhưng hy vọng đó mỏng manh biết nhường nào nên không cần phải giải thích cho bạn đọc của chúng tôi nữa. Thật vậy, vị tất Nga đã chịu chấp nhận những

điều kiện mà Pháp và Anh có thể đưa ra hoặc có thể đồng ý trong khi một nửa nước Đức, ít ra, là ủng hộ Nga về tinh thần và khi mà nó đã động viên được những lực lượng lớn với con số đã được chúng tôi nêu ở trên. Ít có khả năng là tiếp sau một chuỗi hầu như liên tục những hoà ước có lợi kể từ thời Pi-ốt Đại đế cho đến Hoà ước A-đri-a-nô-pôn¹⁹, lại sẽ có một hiệp ước từ bỏ sự thống trị ở Hắc Hải vào lúc này khi mà Xê-va-xtô-pôn chưa bị thất thủ và mới chỉ có một phần ba quân đội Nga được đưa vào hoạt động... Nhưng nếu như hoà ước không thể được ký kết chừng nào số phận của Xê-va-xtô-pôn và của cuộc viễn chinh của quân đồng minh chưa rõ hẳn thì hoà ước lại càng phi hiện thực khi kết cục của chiến tranh Crum được quyết định. Nếu Xê-va-xtô-pôn thất thủ thì danh dự của nước Nga - còn nếu như quân đồng minh bị đánh bại và bị đuổi ra biển thì danh dự của các nước đồng minh - sẽ không cho phép ký kết hiệp ước chừng nào chưa đạt được những kết quả quan trọng hơn. Nếu trong thời gian chuẩn bị hội nghị mà hiệp định đình chiến được ký kết - chúng tôi dự đoán khả năng này khi được biết Nga hoàng đã chấp nhận bốn điểm - thì còn có căn cứ để hy vọng là hoà ước sẽ được ký kết; trong tình hình hiện nay chúng tôi buộc phải cho rằng một cuộc chiến tranh châu Âu quy mô lớn có nhiều khả năng xảy ra hơn.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 29 tháng Giêng 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4316, ngày 17 tháng Hai 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TIN TỪ NGHỊ VIỆN - TỪ CHIẾN TRƯỜNG

Luân Đôn, ngày 29 tháng Giêng. Sự phán đoán của chúng tôi về nghị viện Anh đã được báo chí Anh hôm nay xác nhận.

"Nghị viện Anh", - tờ "Morning Advertiser"²⁰ viết, - "lại họp và giải tán ngay trong tối đầu tiên giữa tiếng cười còn khà ó hơn là lời pha trò của tên ngốc trước linh cữu cha nó".

Tờ "Times" cũng buộc phải nhận xét:

"Đương nhiên, chỉ có một số ít người, sau khi đọc thông báo về phiên họp hôm thứ sáu, có thể khắc phục được tâm trạng u buồn. Xem xét kỹ hơn thì sẽ thấy nguyên nhân của tâm trạng ấy là quan điểm cho rằng hội nghị hợp pháp của chúng ta họp trong hoàn cảnh đặc biệt để thảo luận những vấn đề cực kỳ nghiêm trọng, lại ưa thích những việc thứ yếu hơn là những việc quan trọng nhất, lại mất thì giờ cho những vấn đề liên quan đến quyền lợi cá nhân và quyền lợi đảng phái hẹp hòi, mà lẽ ra phải hoàn toàn dành thì giờ ấy cho việc thảo luận tình cảnh bi đát của quân đội chúng ta ở Crum".

Nhân dịp này, tờ "Times" khuyên nên bổ nhiệm Pan-móc-xton làm thủ tướng bởi lẽ để ông ta làm bộ trưởng chiến tranh thì "quá già nua". Cũng tờ báo này lại khuyên nên tiến hành cuộc viễn chinh Crum với lực lượng và, vào cái mùa mà, theo lời chứng minh của ngài Hô-vác-đơ Đu-glát, nhà phê bình quân sự lớn nhất ở Anh, hầu như cảm chắc thất bại.

Về đặc điểm của phiên họp hôm thứ sáu, có thể bổ sung thêm một khía cạnh nữa. Tuy Rô-bác mắc bệnh mãn tính từ lâu, buộc

phải ngừng tham luận sau khi bắt đầu được 10 phút và đi thẳng vào đề nghị của mình, nhưng ông ta vẫn có đủ thời gian để đưa ra một câu hỏi hóc búa: chúng ta đã phải sang phương Đông một đội quân 54 000 người được trang bị tốt; nó chỉ còn lại 14 000 người, thế còn 40 000 người nữa *biến* đi đâu? Quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề quân sự Xít-ni Héc-bóc, người bảo hộ vĩ đại của phái kiên thành, phái văn tập ở Anh²¹ đã giải đáp vấn đề này ra sao? Tại chế độ chả ra làm sao cả, ông ta bảo như thế. Nhưng ai đã phản đối bất cứ một cuộc cải cách căn bản nào đối với chế độ này mấy tháng trước đây, khi người ta tách bộ chiến tranh ra khỏi bộ thuộc địa? Xít-ni Héc-bóc và đồng sự của ông ta. Không thoả mãn với việc đem "chế độ" ra làm dẫn chứng để cứu nguy, Xít-ni Héc-bóc còn lên án những người chỉ huy lữ đoàn và trung đoàn là hoàn toàn vô tích sự. Nhưng ai đã am hiểu chế độ này thì đều biết rằng những người chỉ huy ấy không liên quan gì với chế độ quản lý, do đó, cũng chả dính tới chế độ quản lý tôi, mà như mọi người đều thừa nhận, vật hy sinh cho nó là một quân đội kiêu mẫu. Nhưng Héc-bóc thành kính còn cảm thấy rằng ông ta chưa xưng đủ tội của *người khác*. Binh lính Anh không linh hoạt. Họ chả mưu trí. Họ quả là dững cảm nhưng lại ngu dân.

"Đánh nhau họ quả có tài,

Suy tính thì quá sức họ"^{1*}.

Còn ông ta, Xít-ni Héc-bóc, và đồng sự của ông ta là những thiên tài chưa được thừa nhận. Có gì phải ngạc nhiên khi lời truyền giáo của Héc-bóc đã kích động được con người khờ khạo Đram-môn-đơ và thúc đẩy ông ta nêu vấn đề là phải chăng đã đến lúc nên tạm đình chỉ hiệu lực của hiến pháp và bổ nhiệm nhà độc tài của nước Anh? Sau hết, Véc-nôn Xmit, nguyên bộ trưởng thuộc đảng Vích, đã diễn tả một cách điển hình tình trạng bối rối của mọi người khi tuyên bố rằng ông ta không biết tác giả của lời kiến nghị thực sự muốn gì, mà cũng chả hay bản thân mình phải làm gì; không biết nội các mới đã thành lập hay chưa và nội các cũ đã từng tồn tại khi nào, bởi vậy nên ông ta không có ý định

^{1*} - Phòng theo thơ của Go-tơ trong tập "Thơ châm ngôn".

bỏ phiếu tán thành kiến nghị. Nhưng tờ "Times" cho rằng kiến nghị sẽ được chấp thuận vào tối hôm nay. Như mọi người đều biết, ngày 26 tháng Giêng 1810, kiến nghị của huân tước Poóc-séc-xơ về việc thành lập ủy ban điều tra cuộc viễn chinh Van-khe-ren²² đã bị nghị viện Anh phản đối. Người ta cũng thấy một sự phản đối tương tự vào ngày 26 tháng Giêng 1855. Nhưng ngày 29 tháng Giêng 1810, kiến nghị đã được thông qua, mà nước Anh lại là một nước có những tiền lệ lịch sử.

Riêng việc Nga đồng ý đàm phán hoà bình đủ cho Nga có thể rút khỏi số quân đội giám sát đóng ở biên giới Áo một số có thể thay thế lại trong vòng hai tháng hoặc mười tuần, tức ít ra là 60 000 - 80 000 người. Hiện nay chúng tôi biết rằng toàn bộ tập đoàn quân Đa-nuýp trước đây (của Nga) không còn tồn tại với tính cách tập đoàn vì quân đoàn 4 đã ở Crum từ cuối tháng Mười, quân đoàn 3 đã đến đây từ cuối tháng Chạp, còn bộ phận còn lại của quân đoàn 5 cùng với kỵ binh và đội dự bị thì đang trên đường đi Crum. Sự bố trí lại những đội quân ở khu vực sông Búc và sông Đni-e-xơ-rơ cần được thay thế bằng những đội quân điều từ tập đoàn quân miền Tây (đóng ở Ba Lan, Vô-lun và Pô-đô-li-a) và việc các đơn vị của quân đoàn 2 và của đội kỵ binh dự bị cũng tiến về Crum, tự chúng cũng đủ giải thích - không phụ thuộc vào bất cứ lý do ngoại giao nào khác - tại sao Nga không hề có giây phút do dự, lại đồng ý đàm phán trên cái gọi là "cơ sở" đó. Thời hạn hai - ba tháng có ý nghĩa quyết định đối với Nga vì rằng quân đội của nó trải dài trên tuyến từ Ca-li-sơ đến I-xmai, không được tăng viện thì không thể tiếp tục chống chọi với quân đội Áo ngày một gia tăng về số lượng. Để chứng minh điều đó một cách có sức thuyết phục hơn, chúng tôi xin dẫn ra những số liệu sau đây về quân số và sự bố trí của đạo quân tác chiến hùng hậu của Nga được dùng vào chiến dịch ở Nam và Tây Âu; những số liệu này thu thập từ những nguồn tin đáng tin cậy nhất và nói đúng ra, *đánh giá quá cao* chứ không phải *đánh giá không đầy đủ* lực lượng của Nga. Đạo quân ấy ban đầu gồm có 6 quân đoàn, mỗi quân đoàn gồm 48 tiểu đoàn; hai quân đoàn tinh nhuệ (vệ binh và tinh binh), mỗi quân đoàn có 36 tiểu đoàn cùng một số khá lớn kỵ binh - chính quy và không chính quy - và pháo binh. Sau đó

Chính phủ Nga đã gọi lính dự bị để thành lập tiểu đoàn 4,5 và 6 trong các đội quân tinh nhuệ và tiểu đoàn 5 và 6 trong các quân đoàn còn lại. Tiếp đó bằng cách gọi tân binh, Chính phủ Nga lại lập thêm tiểu đoàn 7 và 8 cho mỗi trung đoàn, thành thử số lượng tiểu đoàn ở các quân đoàn chủ lực tăng gấp đôi, còn ở các đơn vị tinh nhuệ thì tăng hơn hai lần.

Quân số của những lực lượng vũ trang ấy có thể trình bày đại để như sau: *vệ binh và tinh binh* - 4 tiểu đoàn loại đầu cho mỗi trung đoàn, 96 tiểu đoàn với biên chế mỗi tiểu đoàn 900 người, cả thảy là 86 400 người; 4 tiểu đoàn loại sau cho mỗi trung đoàn hoặc 96 tiểu đoàn với biên chế mỗi tiểu đoàn 700 người, cả thảy là 67 200 người; *quân đoàn 1 và 2* (chưa tham gia chiến đấu) - 4 tiểu đoàn loại đầu cho mỗi trung đoàn, hoặc 96 tiểu đoàn với biên chế mỗi tiểu đoàn 900 người, cả thảy là 86 400 người; 4 tiểu đoàn loại sau cho mỗi trung đoàn hoặc 96 tiểu đoàn với mỗi tiểu đoàn biên chế 700 người, cả thảy là 67 200 người; *các quân đoàn 3,4,5 và 6* - 4 tiểu đoàn loại đầu cho mỗi trung đoàn hoặc 192 tiểu đoàn biên chế mỗi tiểu đoàn 500 người cả thảy là 96 000 người; 4 tiểu đoàn loại sau cho mỗi trung đoàn hoặc 192 tiểu đoàn với biên chế mỗi tiểu đoàn 700 người, cả thảy là 134 400 người, *quân đoàn người Phần Lan* - 14 400 người. Tổng cộng 784 tiểu đoàn, 552 000 người; *kỵ binh* (chính quy) - 80 000 người, *kỵ binh* (không chính quy) - 46 000 người; *pháo binh* 80 000 người. Cả thảy 758 000 người. Cho tới nay chỉ có 96 tiểu đoàn tác chiến của các quân đoàn 3,4,5 và 6 bị thiệt hại.

Trừ sư đoàn 1 của quân đoàn 5 đóng ở Cáp-ca-dơ thì còn lại 750 000 người, hiện được bố trí như sau. Trên bờ biển Ban-tích, dưới quyền chỉ huy của tướng Xi-véc-xơ, là tập đoàn quân Ban-tích gồm quân đoàn người Phần Lan và những đơn vị dự bị của vệ binh, tinh binh và của quân đoàn 6; kể cả kỵ binh v.v., đạo quân này gồm khoảng 135 000 người, trong đó một bộ phận gồm những tân binh chưa được huấn luyện và những tiểu đoàn tổ chức vội vã. Đóng ở Ba Lan và biên giới Ga-li-xi, từ Ca-li-sơ đến Ca-mê-nét-xơ, là các đơn vị vệ binh, tinh binh, quân đoàn 1, sư đoàn 2 của quân đoàn 6, một phần đội dự bị của tinh binh và của quân đoàn 1 - tất cả khoảng 235000 người, kể cả kỵ binh và pháo binh.

Goóc-tra-cốp chỉ huy bộ phận tinh nhuệ này của quân đội Nga. Ở Béc-xa-ra-bi-a và khoảng giữa sông Đni-e-xtơ-rơ và Búc bố trí hai sư đoàn của quân đoàn 2 cùng một đơn vị quân dự bị của chúng, cả thảy khoảng 60 000 người. Những đơn vị này vốn thuộc tập đoàn quân miền Tây nhưng sau khi tập đoàn quân Đa-nuýp chuyển về Crum thì chúng tách khỏi tập đoàn quân miền Tây và được điều về vị trí của tập đoàn quân Đa-nuýp. Hiện giờ những đơn vị này do tướng Panuy-tin chỉ huy đóng trực diện với quân đội Áo ở Các công quốc vùng Đa-nuýp. Để phòng thủ Crum có: quân đoàn 3 và 4, hai sư đoàn của quân đoàn 6 với quân dự bị và một sư đoàn của quân đoàn 2, một sư đoàn của quân đoàn 5 hiện đang trên đường hành quân - cả thảy là 170 000 người, kể cả kỵ binh, do Men-si-cốp chỉ huy. Tướng Sê-ô-đa-ép lại thành lập một tập đoàn quân dự bị lớn gồm phần còn lại của quân dự bị và của những tiểu đoàn mới thành lập, đặc biệt là của các quân đoàn 1,2,3,4 và 5. Đạo quân này tập trung ở vùng nội địa nước Nga và có khoảng 150 000 người. Không rõ bộ phận nào của đạo quân này đang trên đường đi Ba Lan hoặc xuống miền nam.

Như vậy là vào cuối mùa hè năm ngoái Nga mới có ở biên giới phía tây, từ Phần Lan đến Crum chưa đầy 500 000 quân, thế mà hiện nay nó đã có ở đây 600 000 quân, chưa kể tập đoàn quân dự bị gồm 150 000 người. Tuy nhiên, so với Áo thì hiện nay Nga yếu hơn trước. Bây giờ, vào tháng Tám và tháng Chín, ở Ba Lan và Pô-đô-li-a có 270 000 quân Nga, còn đạo quân Nga ở khu vực sông Prút, Đni-e-xtơ-rơ và Đa-nuýp thì có khoảng 80 000 quân - tất cả gộp thành một đạo quân 350 000 người có thể chống chọi với Áo. Hiện nay, ở đây chỉ có 295 000 người mà Áo lại đưa 320 000 quân ra đối mặt với họ, nó còn có thể tung thêm 70 000 - 80 000 quân nữa đóng ở Bô-hêm và Mô-ra-vi để tăng viện. Vì vậy vào *thời điểm này* Nga không đủ sức tấn công được, điều đó có nghĩa là hoạt động trên địa hình trống trải, đặc trưng cho Ba Lan, thêm vào đó giữa hai quân đội lại không có tuyến đường thủy lớn ngăn cách, quân Nga sẽ buộc phải rút về những căn cứ có thể giữ vững được. Nếu như hiện nay Áo bắt đầu tấn công thì quân Nga sẽ bị cắt ra làm đôi, một bộ phận buộc phải rút về Vác-sa-va, một bộ phận về Ki-ép, hơn nữa giữa hai bộ phận ấy là vùng đầm lầy

Pô-lê-xi-ê không qua lại được kéo dài từ sông Búc đến sông Đni-e-prơ. Đó là lý do tại sao vào *thời điểm này* tranh thủ thời gian lại có ý nghĩa quyết định đối với Nga. Đây là điều cốt nghĩa những "suy tính về ngoại giao" của nó.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 29 tháng Giêng 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 53, ngày 1 tháng Hai 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

CHÍNH PHỦ TRƯỚC CỦA ANH²³

Khi bàn về việc lên cầm quyền của chính phủ Pan-móc-xton mà chúng tôi cho rằng bước đường danh vọng của ông ta sẽ ngăn ngại và chẳng về vang gì lắm, chúng tôi cho là nên trình bày ngắn gọn lịch sử của chính phủ trước. Thật khó mà nói được trong công tác nghiên cứu lịch sử sau này cái gì đáng đặc biệt chú ý trong lịch sử của chính phủ này - tham vọng ban đầu của nó hay là tầm quan trọng của những sự kiện mà nó tham gia, sự bắt lức chưa từng thấy của nó hay là sự nhục nhã đi kèm theo sự sụp đổ của nó.

Cần nhớ rằng huân tước A-bóc-đin và nội các liên hiệp của ông ta lên cầm quyền do cuộc biểu quyết đánh đổ chính phủ Đốc-bi ngày 16 tháng Chạp 1852. Đi-xra-e-li bị thiếu số trong cuộc biểu quyết ngân sách do ông ta đưa ra. Ngân sách này bị bác bỏ với đa số 19 số phiếu, với lý do là việc mở rộng thuế nhà cửa và thuế trực thu nói chung mà ông ta đề xướng hoàn toàn trái với những nguyên tắc kinh tế chính trị sáng suốt mà đảng Vích và phái Pin đã công bố. Thực ra, kết quả của cuộc bỏ phiếu là do nhóm Ai-rơ-len²⁴ quyết định; như mọi người đều biết, nhóm này bị chi phối bởi những lý do hoàn toàn không mang tính chất lý luận, và thậm chí ở những kẻ gọi là phái tự do và phái bảo thủ - tự do thì lời nói đã không đi đôi với việc làm, vì trong ngân sách của mình, họ đã sao chép nhiều đề nghị của Đi-xra-e-li và vay mượn phần lớn luận cứ của ông ta. Dù sao thì đảng To-ri đã bị lật đổ; sau mấy keo vật lộn và mấy cuộc thử nghiệm hoàn toàn vô hiệu

nội các liên hiệp đã được thành lập, nhờ nó mà, như lời tờ báo "Times" ở Luân Đôn, nước Anh giờ đây đã bước vào "giai đoạn đầu của vương quốc chính trị nghìn thu". Cái vương quốc nghìn thu ấy mới thọ chừng hai năm một tháng đã kết thúc bằng sự sụp đổ hoàn toàn và bằng một thảm họa trong bầu không khí phần nộ rộng khắp của nhân dân Anh. Cũng chính tờ "Times" là tờ báo đã từng tuyên bố rằng sự lên ngôi của "tất cả những con người tài hoa" có nghĩa là sự bắt đầu của vương quốc nghìn thu lại góp phần vào sự sụp đổ của nội các ấy nhiều hơn tất cả các tờ báo khác.

"Những con người tài hoa" xuất hiện trước nghị viện ngày 10 tháng Hai 1853. Họ lại công bố chính cái cương lĩnh của đảng Vích mà huân tước Giôn Rót-xen đưa ra từ năm 1850, và đã nhanh chóng dẫn đến sự từ chức của nội các. Còn về vấn đề chủ yếu là cải cách nghị viện thì hoá ra không thể thảo luận được trước "kỳ họp sắp tới". Tạm thời đất nước phải vui lòng với những cuộc cải cách hành chính kém phần quan trọng, nhưng số lượng nhiều hơn và thực tế hơn như cải cách tư pháp, thi hành luật lệ mới đối với đường sắt và cải tiến công cuộc giáo dục quốc dân. Việc Giôn Rót-xen rút khỏi bộ ngoại giao, nơi Cla-ren-đôn đã thay thế ông ta là sự chuyển đầu tiên trong những vụ chuyển hết sức đặc trưng cho chính phủ tài hoa đó, những vụ chuyển bao giờ cũng đưa tới chỗ đặt ra những chức vụ mới, những địa vị mới ngồi mát ăn bát vàng, đưa tới việc định ra những mức lương mới cho những người trung thành ủng hộ chính phủ. Trong một thời gian nào đó, Rót-xen là thành viên của nội các, không có chức năng nào khác ngoài chức năng lãnh tụ hạ nghị viện và không có lương; nhưng ông ta đã cố đạt được phúc lợi ấy rất nhanh chóng, và cuối cùng đã được phong danh hiệu chủ tịch Hội đồng cơ mật, với số lương hàng năm khá lớn.

Ngày 24 tháng Hai, huân tước Giôn đã đưa ra nghị viện dự luật của ông ta về xoá bỏ sự hạn chế các quyền của người Do Thái, nhưng không đi đến đâu vì thượng nghị viện lờ đi. Ngày 4 tháng Tư, ông ta đưa ra dự luật về cải cách giáo dục. Người ta chỉ có thể chờ đợi ở nội các của những kẻ vô công rồi nghề chính những dự luật vô vị và thảm hại ấy. Trong thời gian ấy, Pan-móc-xton giữ chức bộ trưởng nội vụ đã phát giác một vụ âm mưu thuốc

súng - vụ tên lửa Cô-sút - Hây-lơ nổi tiếng. Chúng tôi xin nhắc lại rằng, theo lệnh của Pan-móc-xton, xưởng tên lửa của ông Hây-lơ đã bị lục soát, nhiều tên lửa và chất nổ đã bị tịch thu, vụ này được thổi phồng lên nhiều, và khi thảo luận nó tại nghị viện vào ngày 15 tháng Tư, Pan-móc-xton lại làm cho nó nghiêm trọng hơn bằng những lời ám chỉ khó hiểu của ông ta. Song về một vấn đề, Pan-móc-xton đã nói hoàn toàn không úp mở gì: ông ta tự tuyên bố là nhân viên tình báo chính của cảnh sát lục địa đối với những người lưu vong và cũng thành thực như ngài Giêm-xơ Grê-hêm năm 1844 trong vụ kiểm duyệt thư của Mát-di-ni²⁵. Rút cục, nhà tình báo cao thượng buộc phải ngừng vụ án vì rằng tội danh duy nhất có thể gán cho ông Hây-lơ là xưởng chế tạo chất nổ của ông ta ở gần ngoại ô Luân Đôn quá mức luật định. Vụ âm mưu to lớn e chừng nhằm làm nổ tung toàn bộ châu Âu quy lại chỉ là sự vi phạm luật lệ của cảnh sát, bị phạt vi cảnh mà thôi!

Bây giờ lại nói về Rốt-xen. Trong lời phát biểu tại nghị viện ngày 31 tháng Năm, ông ta xúc phạm quá mạnh phái Thiên chúa giáo²⁶ là những người đã giúp ông ta đạt được chức vụ của mình, khiến các thành viên của chính phủ người Ai-rơ-len xin từ chức ngay lập tức. Đây là một đòn quá nặng đối với cái "chính phủ vững vàng". Sự ủng hộ của nhóm Ai-rơ-len là điều kiện đầu tiên cho sự tồn tại của chính phủ này, và vì vậy, trong thư gửi một thành viên của nhóm ấy, A-bóc-đin buộc phải đoạn tuyệt với đồng sự của mình, còn Rốt-xen thì tại nghị viện đã buộc phải rút lui ý kiến của mình.

Vấn đề quan trọng nhất được thảo luận tại kỳ họp này của nghị viện là dự luật về Đông Ấn. Nội các đề nghị gia hạn giấy phép đặc biệt của Công ty Đông Ấn thêm 20 năm nữa và không tiến hành bất cứ một sự biến đổi quan trọng nào trong chế độ cai quản Ấn Độ. Đề nghị ấy không thể chấp nhận được ngay cả đối với nghị viện này và người ta đã buộc phải từ bỏ nó. Người ta đã quyết định trao cho nghị viện quyền thu tiêu giấy phép đặc biệt với điều kiện báo trước cho Công ty ấy một năm. Ngài Sác-lơ Vút, nguyên là bộ trưởng tài chính bất tài trong nội các Rốt-xen, bây giờ mới trở tài trong Hội đồng kiểm tra nghĩa là trong hội

đồng phụ trách các vấn đề Ấn Độ. Mọi cuộc cải cách được đưa ra quy lại chỉ là một số thay đổi nhỏ nhặt và ít hiệu quả trong chế độ thủ tục tổ tụng và chỉ là việc tự do thay thế những chức vụ dân sự và những chức vụ quân sự đòi hỏi tri thức chuyên môn. Nhưng những cuộc cải cách ấy chỉ là cái cớ; thực chất của dự luật quy lại như sau: lương của chủ tịch Hội đồng kiểm tra, ngài Sác-lơ Vút, được nâng từ 1 200 lên 5 000 pao xtéc-linh; thay vì 24 giám đốc do Công ty đề cử, chỉ còn có 18, trong số này có 6 giám đốc do chính phủ bổ nhiệm, việc tăng cường sự bảo hộ của chính phủ như thế tuyệt nhiên không hạ thấp phẩm giá của các giám đốc vì rằng lương của họ tăng từ 300 lên 900 p.xt., còn chủ tịch và phó chủ tịch phải được lĩnh mỗi người 1 000 pao xtéc-linh. Chưa hài lòng với lối phung phí tiền bạc của nhà nước như thế, người ta còn quyết định tách chức toàn quyền Ấn Độ kiêm nhiệm thống sứ Ben-gan - ra khỏi chức thống sứ này và đặt ra một viên thống sứ mới cho riêng khu vực sông Ấn cũng trực thuộc viên toàn quyền trên. Đương nhiên mỗi viên thống sứ ấy đều phải có hội đồng của họ mà các chức vụ trong các hội đồng này đều là những chức vụ nhận hạ lương cao và lắm bổng lộc. Diễm phúc biết bao cho Ấn Độ khi mà rốt cuộc nó được cai trị theo những nguyên tắc chính công của đảng Vích !

Sau đó là cuộc thảo luận về ngân sách. Thủ thuật tài chính tuyệt diệu ấy cũng như kế hoạch thanh toán quốc trái, do ông Glát-xtôn đưa ra, đã được phân tích hết sức cặn kẽ trên tờ "Tribune" nên không cần phải trình bày lại mọi chi tiết của nó nữa. Nhiều chỗ trong dự án của Glát-xtôn được sao chép từ dự án ngân sách của Đê-xra-e-li vốn đã từng gây ra sự phẫn nộ lớn của Glát-xtôn đầy lòng từ thiện; cả hai dự án ngân sách đều quy định giảm thuế chèo và mở rộng thuế trực thu. Một số khoản quan trọng nhất trong dự án ngân sách là do nhà tài chính vĩ đại buộc lòng tiếp nhận sau khi những phản đề án của ông ta đã bị thất bại nhiều lần trong nghị viện; đây là điều khoản về việc bãi bỏ thuế quảng cáo trên báo chí, điều khoản về mở rộng thuế thừa kế đối với tài sản ruộng đất. Đề án cải cách chế độ môn bài được thẩm xét lại nhiều lần trong quá trình thảo luận đã bị khước từ. Trong quá trình tranh luận, cái ngân sách vốn được lập ra với tham vọng

là một hệ thống hoàn thiện, đã biến thành một thứ *mixtum compositum*^{1*} chĩa ra hình thù gì, gồm những điều khoản tũn mủn rời rạc không đáng một phần trăm số thời gian bỏ ra để thảo luận chúng.

Về vấn đề giảm bớt quốc trái thì Glát-xtôn còn bị thất bại thảm hại hơn nữa. Kế hoạch của ông ta được xây dựng với tham vọng lớn hơn là dự án ngân sách; nó nhằm phát hành trái phiếu ngân khố với lãi suất 2,5% thay cho kỳ phiếu ngân khố với lãi suất 1%, khiến cho công chúng mất hẳn 1,5% tổng số lợi tức; do kế hoạch đó mà phải mua lại toàn bộ kỳ phiếu ngân khố đang lưu hành và 8 triệu trái khoán của Công ty Nam Hải²⁷, điều đó gây ra sự bất tiện rất lớn cho công chúng; kế hoạch này cũng đưa tới sự phá sản hoàn toàn của trái phiếu ngân khố là thứ trái phiếu chẳng ai muốn mua. Do những biện pháp tài tình ấy, ông Glát-xtôn có thể hài lòng tin chắc rằng đến ngày 1 tháng Tư 1854 lượng tiền mặt của ngân khố trong vòng một năm đã giảm từ 7 800 000 xuống còn 2 800 000 p.xt., nói cách khác, vào ngay đêm trước của chiến tranh, số tiền mặt trong ngân khố quốc gia đã giảm mất 5 triệu. Trong khi đó, như người ta có thể thấy rõ qua thư từ mật của ngài Xây-mua, một năm trước khi xảy ra chiến tranh chính phủ tất phải biết rằng cuộc chiến tranh với Nga là không tránh khỏi.

Dự luật mới về các đại địa chủ và tá điền ở Ai-rơ-len²⁸ mà Nây-pia, đảng viên đảng To-ri, đưa ra thảo luận ngay từ thời nội các của huân tước Đốc-bi, đã được hạ nghị viện thông qua, ít ra là hình như được sự đồng ý của nội các, nhưng thượng nghị viện đã bác bỏ, và ngày 9 tháng Tám A-bóc-đin đã tỏ ra hài lòng về kết quả ấy. Đạo luật về việc đi đày²⁹, dự luật về hàng hải và các dự luật khác đã trở thành luật, đều được kế thừa của nội các Đốc-bi. Những dự luật về cải cách nghị viện, về cải cách giáo dục quốc dân và hầu hết mọi dự luật về cải cách tư pháp đều bị gác lại. Xem ra thì đảng Vích ở Anh cảm thấy bất hạnh cho mình nếu như một biện pháp nào đó trong những biện pháp của họ tránh được cái số phận ấy. Dự luật duy nhất được thông qua và có

^{1*} - hỗn tạp

quyền được coi là thuộc về nội các này, đó là pháp lệnh vĩ đại về phu xe ngựa nhưng nó đã bị sửa đổi ngay sau hôm được thông qua vì sự công phẫn rộng khắp của phu xe ngựa. "Tất cả những con người tài hoa" thậm chí đã không thể thực thi nổi luật lệ đối với phu xe ngựa.

Ngày 20 tháng Tám 1853, Pan-móc-xtôn bế mạc kỳ họp của nghị viện, cam đoan với nghị viện là nhân dân có thể yên tâm trước tình hình khó khăn ở phương Đông; quân chiếm đóng sẽ rút khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp, bảo đảm cho điều đó là "lòng tin của ông ta vào sự thành thực và phẩm chất cá nhân của hoàng đế Nga, chúng sẽ khiến hoàng đế rút quân đội khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp!" ngày 3 tháng Chạp, người ta hay rằng quân Nga đã tiêu diệt hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Xi-nô-ơ. Ngày 12 tháng Chạp, bốn cường quốc gửi tới Công-xtăng-ti-nô-plơ một công hàm thực sự đòi triều đình Thổ Nhĩ Kỳ phải có những nhượng bộ thậm chí còn lớn hơn so với những nhượng bộ được đề ra trong công hàm mà hội nghị Viên gửi từ trước³⁰. Ngày 14 tháng Chạp, Chính phủ Anh gửi bức điện đến Viên nói rằng họ không coi sự kiện Xi-nô-ơ là trở ngại cho việc tiếp tục đàm phán. Pan-móc-xtôn hoàn toàn đồng ý như vậy, thế mà hôm sau ông ta lại xin từ chức, về mặt chính thức thì dường như là do bất đồng ý kiến về dự luật cải cách nghị viện do Rót-xen đưa ra, còn thực tế là để bày tỏ với công luận rằng ông ta từ chức vì những nguyên nhân về chính sách đối ngoại và đường lối giải quyết vấn đề chiến tranh. Đạt được mục đích đó rồi, mấy ngày sau ông ta lại trở lại nội các và như thế là tránh khỏi mọi sự giải thích không hay trong nghị viện.

Năm 1854, sự việc bắt đầu bằng sự từ chức của một thứ trưởng tài chính, ông Xát-lơ, thuộc nhóm Ai-rơ-len vốn cũng một thời là người môi giới cho chính phủ. Những phát giác xấu xa tại toà án Ai-rơ-len đã làm cho chính phủ mất một người tài của mình. Sau đó lại lộ ra những vụ tai tiếng mới. Ông Glát-xtôn hiện lãnh đầy lòng từ thiện, mưu toan đặt vào chức toàn quyền Ô-xtơ-rây-li-a một người bà con thân thích, thư ký riêng của ông ta, một kẻ tên là Lô-li, chỉ nổi tiếng là một kẻ mê đua ngựa và một tên đầu cơ chứng khoán, nhưng may thay, ý đồ đó bị phá

sản nhanh chóng. Cũng ông Glát-xton ấy đã liên can đến chuyện xấu xa là một kẻ tên là Ô.Phla-ét-ti làm việc ở chỗ ông ta và nhờ ông ta mà lên được chức, đã bỏ trốn với một món tiền không nhỏ của nhà nước. Một kẻ khác, tên là Hây-uốt, đã viết một bài dài dằng dặc, chả có giá trị gì về văn học và khoa học, đả kích Đì-xra-e-li và nhờ đó mà được Glát-xton thưởng cho một chức vụ trong Ủy ban tế bần.

Nghị viện họp lại vào đầu tháng Hai. Ngày 6 tháng Hai, Pan-móc-xton tuyên bố sẽ đưa ra dự luật về thành lập đội dân binh ở Ai-rơ-len và Xcốt-len, nhưng khi tuyên chiến thật sự vào ngày 27 tháng Ba thì ông ta lại cho rằng nghĩa vụ của mình là không đưa ra dự luật đó trước cuối tháng Sáu. Ngày 13 tháng Hai, Rót-xen đưa ra dự luật về cải cách nghị viện chỉ là để mười tuần sau lại rút nó về mà "mất đảm lẹ", cũng lại vì đã có tuyên chiến. Tháng Ba, Glát-xton đưa ra dự án ngân sách của mình, chỉ yêu cầu có đủ "số tiền cần thiết để đưa trở lại 25 000 binh sĩ hiện đang chuẩn bị rời bờ biển nước Anh". Nhờ các đồng sự của mình, hiện ông ta đã thoát khỏi sự bận tâm ấy. Cũng trong thời gian này, bằng sự công bố việc trao đổi thư tín mật³¹, Nga hoàng đã buộc nội các Pháp và Anh phải tuyên chiến. Việc trao đổi thư tín mật ấy, bắt đầu bằng bức điện khẩn gửi Rót-xen ngày 11 tháng Giêng 1853, cho thấy rằng ngay từ thời kỳ ấy, các bộ trưởng Anh đã hoàn toàn biết rõ ý đồ xâm lược của Nga. Lúc này tất cả những điều quả quyết của họ về sự thành thực và phẩm chất cá nhân của Ni-cô-lai, về lập trường yêu chuộng hoà bình và ôn hoà của Nga xem ra là những lời bịa đặt vô liêm sỉ chỉ để lừa dối Giôn Bun.

Ngày 7 tháng Tư, huân tước Grây bày tỏ nguyện vọng thiết tha được giữ chức bộ trưởng chiến tranh để phá hoại kỷ luật quân đội, giống như khi cầm đầu việc cai trị thuộc địa, ông ta đã làm cho hầu hết các thuộc địa của đế chế Anh trở nên bất phục tùng - đã đả kích gay gắt lẽ lối tổ chức sự quản lý quân sự hiện nay. Ông ta yêu cầu thống nhất tất cả các ngành quân sự dưới sự chỉ đạo của một vị bộ trưởng chiến tranh. Bài phát biểu ấy tạo cho các bộ trưởng khả năng đặt ra vào tháng Sáu một chức vụ

mới - chức bộ trưởng chiến tranh bằng cách tách bộ chiến tranh ra khỏi bộ thuộc địa. Như thế là tất cả vẫn ở trong tình trạng tồi tệ như trước đây, chỉ có thêm một chức vụ mới với khoản lương mới. Nhìn vào hoạt động của nghị viện trong thời kỳ họp này, nói chung có thể tổng kết như sau: người ta đã đưa ra 7 dự luật quan trọng, trong đó có ba dự luật: dự luật về sửa đổi luật di cư đối với những người nghèo³², dự luật về giáo dục quốc dân ở Xcốt-len và dự luật về sửa đổi bản tuyên thệ của nghị viện³³ - biến tướng của dự luật về các quyền của người Do Thái - đều đã bị bác bỏ; ba dự luật khác là: dự luật về ngăn ngừa hối lộ cử tri, dự luật về cải tổ ngành dân sự và dự luật về cải cách nghị viện đều đã bị rút bỏ chỉ có một dự luật là dự luật về cải cách trường Đại học tổng hợp Óc-xphốt đã được thông qua, nhưng dưới một hình thức đã bị sửa đổi hoàn toàn.

Ở đây không cần nói đến việc tiến hành chiến tranh, đến những cố gắng ngoại giao của nội các liên hợp - tất cả những cái đó còn sót dèo trong trí nhớ của mỗi người. Nghị viện ngừng họp vào ngày 12 tháng Tám năm ngoái, đến tháng Chạp lại họp để gấp rút thông qua hai biện pháp hết sức cấp bách: dự luật về đội quân đánh thuê và dự luật về sử dụng đội dân binh theo chế độ tình nguyện để thi hành quân dịch ở nước ngoài. Hai dự luật ấy cho đến hôm nay vẫn còn nằm trên giấy tờ. Trong khi đó người ta lại nhận được tin tức về tình cảnh nguy ngập của quân đội Anh ở Crum. Điều đó khiến cho công luận phẫn nộ; sự việc thật là hiển nhiên và không thể nào chối cãi được; các bộ trưởng phải nghĩ đến việc từ chức. Nghị viện họp vào tháng Giêng, Rô-bác nêu kiến nghị của mình, huân tước Giôn Rót-xen lập tức biến mất và kết quả những cuộc tranh cãi chỉ kéo dài có mấy ngày là "tất cả những con người tài hoa" đã bị thất bại chưa từng thấy trong lịch sử nghị viện và bị lật đổ.

Nước Anh có thể khoe khoang không phải chỉ độc một chính phủ bất tài, nhưng chưa bao giờ người ta thấy một nội các bất tài hèn kém, tham lam đồng thời lại quá tự tin như nội các của "tất cả những con người tài hoa" như thế. Nội các này bắt đầu bằng những lời khoác lác bán trời không văn tự, sống bằng

những cuộc tranh cãi về những chuyện vợ vẫn bị thất bại và kết thúc bằng sự nhục nhã hết mức mà con người có thể gánh chịu.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 1 tháng Hai 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4321, ngày 23 tháng

Hai 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

BÀN VỀ CUỘC KHỦNG HOẢNG NỘI CÁC

Luân Đôn, ngày 2 tháng Hai. Tối hôm qua, sau khi Pan-móc-xton tuyên bố chính thức là nội các xin từ chức, hạ nghị viện lại hoãn họp.

Tại thượng nghị viện, huân tước A-bóc-đin đã đọc lời điều "nội các của tất cả những con người tài hoa". Theo lời ông ta thì ông ta phản đối kiến nghị của Rô-bác không phải vì chính phủ của ông ta sợ điều tra, mà là vì kiến nghị ấy vi phạm hiến pháp. Nhưng A-bóc-đin không minh hoạ lời khẳng định ấy bằng những ví dụ lịch sử, giống như cách làm của bạn ông ta là Xít-ni Héc-bóc đã chất vấn hạ nghị viện rằng phải chăng hạ nghị viện định bắt chước Hội đồng chấp chính Pháp (thành lập năm 1795) cử các phái viên đi bắt Duy-mu-ri-ê - như mọi người đều biết, Duy-mu-ri-ê đã đem nộp những phái viên này cho Áo năm 1793³⁴. Nhà quý tộc Xcôt-len nọ đã tự kiểm chế không phô bày sự uyên bác như thế. Ông ta đoán chắc rằng nội các của ông ta sẽ chỉ có lợi trong việc cử ra ủy ban điều tra mà thôi. Ông ta nói tiếp. Ông ta thấy trước được kết quả cuộc điều tra, khoe khoang hết lời về bản thân và đồng sự của mình - trước hết là bộ trưởng chiến tranh, bộ trưởng tài chính, kế đến là bộ trưởng hải quân và sau rốt là bộ trưởng ngoại giao. Ai cũng vĩ đại, ai cũng đều là người tài ba, trên cương vị của mình. Còn về tình hình quân sự của Anh thì tình cảnh quân đội ở Crum quả có khó khăn, nhưng Bô-na-pác-tơ đã tuyên bố với châu Âu rằng quân đội Pháp có 581 000 người, ngoài ra

Bô-na-pác-tơ còn ra lệnh tuyển mộ thêm 140 000 người. Xác-đi-ni đã trao 15 000 binh sĩ ưu tú cho huân tước Ra-glan sử dụng. Trong trường hợp cuộc đàm phán hoà bình ở Viên thất bại thì nghe nói chúng ta được bảo đảm là có sự giúp đỡ của một cường quốc quân sự hùng mạnh có một đạo quân 500 000 người.

Dù sao, vị quý tộc Xcôt-len không mắc cái tật như nhà kinh tế học và sử học nổi tiếng Xi-xmôn-đi, là người đã bằng một mắt thấy tất cả là một màu đen, theo như lời ông ta thừa nhận. Bằng hai con mắt, A-bóc-đin thấy tất cả rất một màu hồng. Chẳng hạn, ông ta thấy là tất cả mọi vùng ở Anh giờ đây đang cực kỳ phồn thịnh trong khi các nhà buôn, chủ xưởng và công nhân lại quả quyết rằng họ đang trải qua một cuộc khủng hoảng thương mại trầm trọng. A-bóc-đin đã kích địch thù của mình là huân tước Đớc-bi bằng mấy câu dí dỏm của quý tộc Xcôt-len mà huân tước Bay-rơ³⁵ còn ca tụng:

"Thưa các thượng nghị sĩ tôn kính ! Đất nước hiện cần có một chính phủ mạnh. Có thể thành lập chính phủ đó bằng cách nào, điều đó không phải thuộc trách nhiệm của tôi phải bàn đến. Đang lan truyền những tin đồn dai dẳng là huân tước Đớc-bi vâng lệnh nữ hoàng đứng ra lập chính phủ. Nhưng nhìn vào huân tước Đớc-bi trên cương vị bình thường của ông ta, tôi bắt đầu nghĩ rằng sự tình không phải như vậy và tin đồn đại là không đúng".

Để hiểu hết cái dí dỏm tinh tế của lời nói trên cần dẫn ra câu trả lời của huân tước Đớc-bi.

"Bá tước A-bóc-đin cao quý đánh giá quá thấp nguồn tin mà ông ta dẫn ra. Người ta được biết không phải qua tin đồn, rằng chính ông" (Đớc-bi) "trước khi đến thượng nghị viện đã báo riêng với A-bóc-đin về đề nghị mà ông nhận được của nữ hoàng. Vì vậy việc dẫn ra những tin đồn dурơng như khiến cho bá tước cao quý tin rằng ông ta" (Đớc-bi) "có ý kiến nữ hoàng - chỉ là cách nói văn hoa mà bá tước cao quý sử dụng do bẩm sinh vốn sợ sự thô phồng và do muốn mình giải một cách vô tư từng chi tiết của sự việc mà bá tước bảo vệ".

Nhân dịp này, Đớc-bi cũng tuyên bố luôn rằng trong tình hình các chính đảng hiện nay và trong hiện trạng của hạ nghị viện, ông ta không thể đứng ra lập nội các được.

Sự giải thích của bộ trưởng chiến tranh là công tước Niu-ca-lơ và bức tranh mà ông ta vẽ ra về quan hệ bên trong "gia đình hoà

thuận" đã đánh lạc sự chú ý của công chúng có mặt tại thượng nghị viện cũng như của bản thân các ngài quý tộc cao quý, không những đối với quân đội ở Crum mà còn đối với cuộc khủng hoảng nội các. Sự giải thích của huân tước Giôn Rốt-xen tại hạ nghị viện, - công tước Niu-ca-lơ nói, - buộc ông ta phải trình bày vị trí mà bản thân ông ta đã giữ trong nội các bị đổ. Lời trình bày của Rốt-xen vừa không đầy đủ, vừa sai sự thực. Rốt-xen trình bày sự việc như thể khi tách bộ chiến tranh ra khỏi bộ thuộc địa, ông ta đã đồng ý một cách hết sức miễn cưỡng trao bộ chiến tranh cho công tước Niu-ca-lơ hoàn toàn chỉ chiều theo "nguyện vọng thiết tha" của công tước. Sự thực thì khi nội các quyết định việc tách bộ này, ông ta (Niu-ca-lơ) đã tuyên bố: "riêng về cá nhân tôi, tôi sẵn sàng nhận bất cứ bộ nào trong hai bộ ấy, cũng như không nhận bộ nào cả". Ông ta không nhớ Rốt-xen đã từng bày tỏ nguyện vọng trao bộ chiến tranh cho huân tước Pan-mớc-xton, nhưng lại nhớ kỹ là đã có lúc Rốt-xen dự định tự mình cầm đầu bộ ấy. Ông ta (Niu-ca-lơ) không có ý cản đường Rốt-xen về mặt này và tiếp nhận bộ chiến tranh với nhận thức đầy đủ rằng nếu thành công thì công lao sẽ không được cho là của ông ta mà nếu thất bại thì mọi sự chê trách sẽ đổ lên đầu ông ta. Nhưng ông ta cho rằng nghĩa vụ của mình là không lẫn trốn cái trách nhiệm bạc bẽo gắn liền với nguy hiểm và khó khăn ấy. Có người gọi đó là "tính tự phụ", huân tước Rốt-xen với giọng bao che lộ liễu, gọi hành động ấy là "tính hiếu danh đáng khen". Huân tước Rốt-xen cố tình giấu hạ nghị viện đoạn sau đây trong bức thư của A-bóc-đin gửi cho huân tước cao quý:

"Tôi đã báo cho công tước Niu-ca-lơ và Xít-ni Héc-bớc nội dung bức thư của Ngài. Như đã dự đoán, hai vị ấy đều kiên quyết đòi kỳ được rằng đối với những chức vụ mà các vị ấy đảm đương phải ra được những quyết định được coi là hoàn toàn đáp ứng những lợi ích xã hội".

Về vấn đề này, ông ta (Niu-ca-lơ) còn tuyên bố miệng với bá tước A-bóc-đin rằng:

"Đừng cho huân tước Rốt-xen cái cơ để rút khỏi nội các. Chớ chống lại nguyện vọng của ông ta muốn gạt tôi ra khỏi chức vụ ấy. Hãy đối xử với tôi đúng như lợi ích xã hội đòi hỏi".

Tại hạ nghị viện, Niu-ca-lơ nói, huân tước Rốt-xen mập mờ ám chỉ những sai lầm đã nhắc tới trong thư gửi A-bớt-đin, nhưng hết sức tránh đọc những đoạn hữu quan trong thư ấy. Lời ám chỉ đầu tiên là về vấn đề tại sao không điều trung đoàn 97 từ A-ten đến Crum, nhưng số là bộ trưởng ngoại giao lại cho rằng việc điều quân đội Anh khỏi A-ten là không được phép và nguy hiểm. Về sai lầm thứ hai của ông ta là việc không chịu điều 3 000 tân binh, thì đó là vì huân tước Ra-glan phản đối việc tiếp tục điều đến chỗ ông ta những binh sĩ trẻ và chưa quen với kỷ luật. Thêm vào đó, lúc bấy giờ lại rất thiếu tàu vận tải. Hai cái gọi là sai lầm ấy là tất cả những gì mà Rốt-xen có thể nghĩ ra được, Rốt-xen và đồng sự của ông ta đi nghỉ mát ở bờ biển, trong khi ông ta (Niu-ca-lơ) suốt cả năm 1854 không rời cương vị của mình một bước và làm việc đến vã mồ hôi. Song, ngày 8 tháng Mười, Rốt-xen đã viết thư cho chính ông ta về "những sai lầm" ấy: "Ngài đã làm tất cả những gì có thể làm được và tôi chứa chan niềm hy vọng hân hoan về thành công của Ngài".

Tuy vậy, theo lời Niu-ca-lơ, A-bớt-đin vẫn đưa ra nội các kiến nghị của Rốt-xen về thay đổi nhân sự. Nhưng kiến nghị ấy đã bị nhất trí bác bỏ. Ngày 13 tháng Chạp, ông ta (Niu-ca-lơ) đọc tại thượng nghị viện bản tham luận tường tận bảo vệ cơ quan quản lý của mình; ngày 16 tháng Chạp Rốt-xen tuyên bố với A-bớt-đin rằng ông ta đã thay đổi quan điểm của mình và từ bỏ ý định tiến hành những thay đổi về nhân sự. Rốt-xen chưa bao giờ đưa ra đề nghị cụ thể về cải cách cơ quan điều hành quân sự trừ hai trường hợp sau đây. Ba ngày trước khi ông ta từ chức và Rô-bác ra tuyên bố, nội các đã họp. Rốt-xen đưa ra đề nghị nhằm làm tăng tính chất chính thức, hợp pháp cho các hội nghị thủ trưởng tất cả các ngành quân sự mà văn phòng bộ trưởng chiến tranh triệu tập gần đây. Đề nghị của ông ta đã được chấp nhận. Chẳng bao lâu sau đó, Rốt-xen lại đưa ra một đề án viết thành văn bản hãn hoi, trong đó ngoài cái mới đã được nội các tán thành còn có hai đề nghị: 1) thành lập một hội đồng tối cao do bộ trưởng chiến tranh đứng đầu, hội đồng này phải nắm lấy cục pháo binh và phải kiểm soát toàn bộ việc quản lý phi quân sự của quân đội; 2) phải đưa vào hội đồng tối cao ấy hai sĩ quan cao cấp nữa,

ngoài những thủ trưởng các ngành quân sự đã tham gia từ trước. Rốt-xen tuyên bố tại hạ nghị viện rằng ông ta có đủ mọi căn cứ để cho rằng "những đề nghị bằng văn bản" của ông ta sẽ bị bác bỏ. Điều đó không đúng. Đề nghị thứ nhất đã được công tước Niu-ca-lơ chấp thuận; đề nghị thứ hai bị bác bỏ cũng là vì "tổng cục trưởng quân nhu" người mà Rốt-xen muốn tuyển dụng, đã thành một nhân vật thần` thoại từ nhiều năm nay, không còn tồn tại trong quân đội Anh nữa. Như thế là Rốt-xen chưa bao giờ đưa ra đề nghị nào mà không được chấp thuận cả. Nhưng ông ta (Niu-ca-lơ) đã tuyên bố với bá tước A-bớt-đin ngay từ 23 tháng Giêng rằng dù quyết định của nghị viện có ra sao đi nữa - ủng hộ hoặc phản đối nội các - thì ông ta vẫn rút khỏi nội các. Chỉ có điều ông ta không muốn rằng người ta coi như ông ta đã bỏ chạy trước khi nghị viện đưa ra nhận định của mình.

Huân tước Giôn Rốt-xen mà toàn bộ cuộc đời của ông ta, theo lời ông già Cóp-bét, là một chuỗi "những cơ giả tạo đối với cuộc sống", giờ đây, như lời công tước Niu-ca-lơ đã chứng minh, cũng tự kết liễu với một cái cơ giả tạo.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số
59, ngày 5 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NỘI CÁC A-BỐC-ĐIN SỰ ĐỒ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 2 tháng Hai 1855

Trong toàn bộ lịch sử của chế độ đại nghị chưa hề có một nội các nào phải từ chức một cách nhục nhã như nội các trứ danh của "tất cả những con người tài hoa" ở Anh. Bất cứ nội các nào cũng có thể bị thiếu số, nhưng bị đánh bại bởi một đa số 305 phiếu trên 148 phiếu, tức là hơn 2 phần 3, và trong một nghị viện như hạ nghị viện của Anh, thì chỉ có lớp thiên tài xuất sắc mà đứng đầu là *A-bốc-đin ce cher*^{1*} mới trội hơn như vậy.

Điều chẳng may may nghị ngờ là nghị viện vừa mới họp thì nội các đã hiểu rằng cuộc đời của nó đã được tính sổ rồi. Những vụ bê bối ở Crum, sự tiêu vong của cả một quân đội, sự bất lực của tất cả các cơ quan và nhân vật tham gia chỉ đạo chiến tranh, sự công phần trong nước được hâm nóng bởi những lời đả kích của tờ "Times", quyết tâm sắt đá của Giôn Bun nhằm rút cục xác minh xem ai là thủ phạm của sự việc đã xảy ra hoặc chí ít cũng nhằm trút lên đầu ai đó nỗi bức tức của mình - tất cả những điều này tất phải làm cho nội các thấy rằng đã đến lúc nó phải chuẩn bị đón cái chết.

Lập tức xuất hiện một số lượng lớn những lời tuyên bố về việc đưa ra lời chất vấn và kiến nghị nguy hiểm cho chính phủ; đặc biệt nguy hiểm là kiến nghị của Rô-bác đòi thành lập một uỷ

^{1*} - đáng quý ấy

ban nhằm xác minh chiến tranh đã được tiến hành như thế nào và điều tra hoạt động của tất cả những ai ít nhiều chịu trách nhiệm về việc chỉ đạo chiến tranh. Điều đó đưa đến kết cục ngay tức thì. Sự nhạy cảm về chính trị lập tức làm cho huân tước Giôn Rốt-xen nhận thức được rằng kiến nghị của Rô-bác sẽ được chấp thuận bất kể phái thiểu số³⁶ bỏ phiếu như thế nào, còn một nhà hoạt động nhà nước như ông, người có thể tự hào rằng tuổi chưa nhiều bằng số lần bị thiếu số thì không thể để cho ngay giờ đây đa số phiếu lại chống ông. Vì vậy, vốn hèn và vô liêm sỉ - những phẩm chất ấy trong suốt bước đường công danh của ông ta thường lộ ra dưới chiếc mặt nạ ba hoa ra tuồng quan trọng và vênh vác hợp hiến - ông ta cho rằng "khôn ngoan là biểu hiện tốt đẹp nhất của lòng dũng cảm"^{1*} và đã chuẩn khỏi cương vị mà không báo trước cho đồng sự của mình. Mặc dù Rốt-xen là một con người mà vắng ông ta thì mọi sự vẫn có thể trôi chảy, nhưng dường như "tất cả những con người tài hoa" vẫn hết sức bàng hoàng trước sự ra đi bất ngờ của ông ta. Báo chí Anh nhất trí lên án nhà hoạt động nhà nước nhỏ bé ấy, nhưng điều đó có thể có ý nghĩa gì? Tất cả báo chí cùng tất cả những lời lên án của họ không thể chấm dứt được sự hỗn loạn đang bao trùm nội các. Chính vào giờ phút lộn xộn ấy, khi mà công tước Niu-ca-lơ từ bỏ bộ chiến tranh, còn huân tước Pan-móc-xton thì chưa tiếp quản, nội các phải đối mặt với kiến nghị khủng khiếp của Rô-bác.

Ông Rô-bác, một luật sư nhỏ, cũng có thể thành một đảng viên đảng Vích nhỏ ngộ nghĩnh và vô hại như huân tước Giôn Rốt-xen, nếu như ông ta may mắn hơn trên bước đường công danh ở nghị viện. Nhưng vị luật sư không hành nghề *ci-devant*^{2*} mà hiện đang là kẻ bèm mép ở nghị viện, dẫu đã đem hết tinh lực và tài xoay xoã cũng vẫn không kiếm chác được chút vốn chính trị đáng kể nào. Suốt thời gian đóng vai một loại mặt vụ tâm phúc của mọi nội các đảng Vích, ông ta vẫn chưa bao giờ đạt tới cái địa vị bảo đảm cho mình một "chức vụ" vốn là mục đích tối cao của tất cả những người thuộc phái tự do ở Anh. Bị vỡ mộng về những hy

^{1*} Câu này đã trở thành câu cách ngôn, lấy trong vở kịch của Séch-xpia "Vua Hen-ri IV", phần I, màn V, cảnh 4.

^{2*} - trước đây

vọng tốt đẹp nhất của mình, bị đảng của mình đánh giá thấp, bị đối thủ của mình chế nhạo, Rô-bác đáng mến của chúng ta cảm nhận được rằng trái tim mình đã chai sạn và đầy rẫy đắng cay, dần dà ông ta đã biến thành một chú khuyển tâm thường, rất mực tham lam, dữ tợn, đáng ghét, và làm cho người ta nổi đóa khi nó bắt chọt sủa ăng ăng trong nghị viện. Với tư cách đó, thậm chí không cầu mong được bất cứ ai biết ơn hoặc kính trọng, ông ta lần lượt phục vụ tất cả những ai có thể sử dụng ông ta vào mục đích riêng. Nhưng không ai biết sử dụng được ông ta giỏi hơn ông bạn già Pan-móc-xton của chúng ta, người đã lại dùng ông ta làm công cụ vào ngày 26 tháng Giêng.

Bản thân kiến nghị của Rô-bác vị tất có thể có ý nghĩa gì trong một hội nghị như hạ nghị viện Anh. Ai nấy đều biết các uỷ ban của hạ nghị viện làm việc vụng về, uể oải và, chậm đến chết người ra sao rồi; cuộc điều tra của một uỷ ban như thế đối với vấn đề chỉ đạo cuộc chiến tranh hiện nay, giá ví thử nhìn chung nó có thể đem lại được một cái gì đó thì thực ra cũng chẳng có ích gì, bởi lẽ khi biết rõ được kết quả của nó thì hẳn muộn mất nhiều tháng so với thời gian cần thiết. Chỉ có ở các nghị viện chuyên chính cách mạng, chẳng hạn như Hội nghị Quốc ước năm 1793 ở Pháp, những uỷ ban như thế mới có thể đem lại những kết quả tích cực. Còn trong những trường hợp như vậy, bản thân chính phủ chẳng qua cũng chỉ là một uỷ ban như thế; những nhân vật đại diện của nó là những người được bản thân nghị viện ủy thác và vì vậy trong nghị viện ấy những kiến nghị tương tự hẳn là thừa. Tuy nhiên, ông Xít-ni Héc-bóc không hoàn toàn sai lầm khi ông ta vạch rõ là kiến nghị ấy, chừng mực nào đó, mang tính chất vi phạm hiến pháp (dĩ nhiên, ông Rô-bác không may có ý đồ như vậy) cũng như, khi với sự am hiểu chính xác vốn có của mình về các sự kiện lịch sử, ông ta hỏi hạ nghị viện có định cử các phái viên đến Crum giống như *Hội đồng chấp chính* (sic!) đã làm đối với tướng Duy-mu-ri-ê hay không. Chúng tôi xin lưu ý rằng chính niên biểu chính xác nói rằng Hội đồng chấp chính (thành lập năm 1795) đã cử đến chỗ tướng Duy-mu-ri-ê những phái viên mà viên tướng này đã bắt và giao cho Áo từ năm 1793, - chính niên biểu ấy là sự minh họa rõ rệt cho sự lẫn lộn thời gian và không gian của các sự kiện, mà người ta thường thấy

trong tất cả các hoạt động của Xít-ni Héc-bóc và đồng sự của ông ta. Còn về kiến nghị của Rô-bác thì tính chất vi phạm hiến pháp nói trên của nó đã tạo lý do cho nhiều người tranh cử vào các chức vụ không bỏ phiếu tán thành nó, và như thế là họ dành cho mình con đường rộng mở để tham gia bất cứ nội các nào có thể chấp vá được. Tuy nhiên, đa số chống nội các vẫn là một đa số áp đảo như vậy!

Đặc điểm nổi bật của các cuộc tranh cãi là sự đôi co giữa các ngành. Mỗi ngành đều tìm cách đổ lỗi cho ngành khác. Xít-ni Héc-bóc, quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề quân sự quả quyết rằng ngành vận tải hoàn toàn có lỗi; Béc-nan Ô-xboóc, bộ trưởng hải quân, tuyên bố rằng nguyên nhân gây ra toàn bộ tai họa chỉ tại hệ thống tệ hại và vô dụng của bộ tổng tư lệnh tối cao ở Luân Đôn. Đô đốc Bóc-eli, một trong những người lãnh đạo bộ hải quân, đã gợi ý với Héc-bóc khá rõ là ông ta nên tự khép tội mình trước tiên v.v.. Sự trao đổi những lời lẽ nhã nhặn như vậy cũng đồng thời xảy ra tại thượng nghị viện giữa công tước Niu-ca-lơ, bộ trưởng chiến tranh, với tử tước Hác-đinh, tổng tư lệnh. Hoàn cảnh của Héc-bóc quả là rất khó khăn, do lời phát biểu của huân tước Giôn Rốt-xen thừa nhận rằng mọi tin tức của báo chí về tình hình quân đội ở Crum thực chất là đúng và tình cảnh của quân đội là "tệ hại và không thể chịu đựng nổi", khi ông ta giải thích về nguyên nhân mình xin từ chức. Thế là Xít-ni Héc-bóc không còn cách nào khác hơn là nhẫn nhục thừa nhận sự thực và chỉ đưa ra được mấy lý do rất không thoả đáng và phần nào vô căn cứ để bào chữa. Ông ta buộc phải thừa nhận, thậm chí còn nói rõ hơn sự hoàn toàn vô dụng và sự rối loạn của cơ quan điều hành quân sự. Héc-bóc nói rằng chúng ta đã chuyển được tương đối dễ dàng 240 000 tấn vật phẩm các loại và một đội quân đông đảo đến Ba-la-cla-va cách xa 3 000 dặm (tiếp theo là bản liệt kê đầy đặc đủ mọi thứ nào là quân trang, tăng bạt, thực phẩm, thậm chí cả xa xỉ phẩm, cung cấp thừa thãi cho quân đội). Song than ôi! Tất cả những thứ đó lại cần chờ đến một địa điểm cách bờ biển sáu dặm, chứ không phải đến Ba-la-cla-va. Chuyển tất cả những vật phẩm ấy trên một khoảng cách ba ngàn dặm thì có thể làm được, còn trên một khoảng cách ba ngàn lẻ sáu dặm thì lại

không thể làm được! Sự việc phải chuyển những vật phẩm ấy thêm sáu dặm nữa đã tiêu hủy tất cả!

Lời van xin khoan dung của Héc-bóc có lẽ vẫn sẽ tạo ra được sự thương hại nào đó đối với ông ta nếu như không có những lời phát biểu của Lây-ác, Xtáp-phốt và cộng sự của ông ta là Glát-xtôn. Hai nghị sĩ trên vừa mới trở về sau chuyến đi phương Đông; họ là những người chứng kiến tất cả những gì đã được người ta thuật lại. Không chỉ nhắc lại những điều đã nói trên báo chí, họ còn đưa ra những dẫn chứng về sự trễ nải, sự bất lực và quản lý tồi; bức tranh âm đạm mà họ vẽ ra đã vượt xa tất cả điều mà người ta biết được cho tới nay. Ngựa được chuyển bằng thuyền buồm từ Vác-na đến Ba-la-cla-va mà không mang theo cỏ. Những bao túi đựng phẩm vật được chuyển đi chuyển lại năm, sáu lần từ Crum đến Bô-xpho, trong khi đó binh sĩ bị đói rét dày vò phải chịu tê cóng và ướt sũng vì không có quần áo để trong những bao túi ấy. "Bệnh binh mới ốm dậy" đã bị đưa trở lại phục vụ chiến đấu ở Crum khi họ còn yếu đến nỗi đứng không vững; thương bệnh binh bị phó mặc cho số phận ở Xcu-ta-ri, ở Ba-la-cla-va, trên các tàu vận tải, không hề được trông nom, săn sóc trong tình trạng bản thiêu kinh người. Tất cả những cái đó tạo nên một bức tranh khiến cho sự miêu tả của "phóng viên bản báo" hoặc tin tức của các cá nhân gửi từ Crum đều hoàn toàn bị lu mờ đi.

Để xoá bỏ ấn tượng nặng nề của những lời mô tả ấy thì cần phải nhờ đến sự giúp đỡ của bộ óc sáng suốt tự mãn của Glát-xôn, nhưng thật không may cho Xít-ni Héc-bóc, Glát-xtôn đã phủ nhận tất cả những điều mà đồng sự của ông ta thừa nhận trong tối tranh luận đầu tiên. Rô-bác thẳng thừng nêu câu hỏi với Héc-bóc: ngài đã phái đi từ Anh 54 000 người, nay chỉ còn có 14 000 tay súng, thế số 40 000 còn lại biến đi đâu? Héc-bóc thân nhiên trả lời Rô-bác, nhắc là một số binh sĩ đã chết ngay từ khi ở Ha-li-pô-li và Vác-na; ông ta tuyệt nhiên không hoài nghi gì tính chính xác của số liệu chung về số tử vong và số bị loại khỏi vòng chiến đấu. Nhưng hiện nay xem chừng Glát-xtôn còn thạo tin hơn cả bộ trưởng chiến tranh; ông ta tuyên bố: "theo những số liệu mới nhất mà chúng tôi nhận được" thì số quân thực tế không phải là 14 000 mà là 28 200 người, không kể 3 000 - 4 000 lính

thủy đánh bộ và lính thủy phục vụ trên bờ. Đương nhiên, Glát-xtôn tránh không nói đây là "số liệu mới nhất" nào. Nhưng lưu ý đến sự lè mè thường thấy trong việc lập danh sách tử sĩ và thương binh bao trùm ở tất cả các cấp, nhất là ở bộ tham mưu lữ đoàn, sư đoàn và bộ tổng tham mưu trong quân đội, chúng ta có quyền cho rằng tin tức của Glát-xtôn thuộc về khoảng trước ngày 1 tháng Chạp 1854, và tin tức ấy cũng bao hàm cả một số lớn những người hoàn toàn bị loại khỏi vòng chiến đấu trong sáu tuần tiếp theo sau vì thời tiết xấu và do quá mệt mỏi. Nhưng xem ra thì vào lúc này Glát-xtôn cũng còn tràn đầy cái niềm tin mù quáng vào văn kiện chính thức mà trước đây ông ta đã từng chờ đón ở dư luận đối với các đề án tài chính của ông ta.

Không cần phân tích kỹ hơn những cuộc tranh luận ấy. Ngoài một số đông đảo dii minorum gentium^{1*}, những người phát biểu ý kiến gồm có Đì-xra-e-li, rồi đến Uôn-pôn, bộ trưởng nội vụ cuối cùng của đảng To-ri, và sau hết là Pan-móc-xton, người biện hộ "một cách khảng khái" cho các đồng sự bị bôi nhọ của mình. Trong quá trình tranh luận, Pan-móc-xton không hề rằng nói nửa lời chùng nào chưa hoàn toàn tin chắc kết quả sẽ như thế nào. Sau khi đã tin chắc và chỉ sau đó thì ông ta mới lên tiếng. Những tin đồn truyền đến hàng ghế của các bộ trưởng thông qua các viên chức của họ, tâm trạng chung của nghị viện - tất cả những cái đó nói lên rằng thất bại của nội các là không tránh khỏi, một sự thất bại hẳn sẽ huỷ diệt đồng sự của ông ta, nhưng hẳn sẽ không động chạm đến bản thân ông ta. Tuy Pan-móc-xton có lẽ sẽ phải rời bỏ chức vụ cùng với tất cả những người còn lại, nhưng ông ta vẫn tin tưởng rằng địa vị của mình vững chắc, tin chắc rằng sự từ chức của các đồng sự của ông ta sẽ có lợi cho ông ta, đến mức gần như cho rằng bản phận phép lịch sự là phải kính cần đưa tiễn họ. Bản phận đó ông ta đã làm tròn khi phát biểu ngay trước cuộc biểu quyết.

Pan-móc-xton quả đã hành động rất khôn khéo. Giành được tiếng là "vị bộ trưởng Anh chính công"³⁷ nhờ vụ Pa-xi-phi-cô, ông ta khéo giữ gìn danh tiếng ấy đến mức, tuy có những sự tố giác chưa từng thấy, Giôn Bun vẫn luôn cho rằng mình bị bán rẻ cho

^{1*} - các vị thần nhỏ; theo nghĩa bóng là các nhân vật hạng hai.

một nước ngoài nào đó khi Pan-móc-xton vừa rời bộ ngoại giao. Bị Giôn Rót-xen đuổi khỏi bộ này một cách thiếu lịch sự nhất, Pan-móc-xton đã dùng biện pháp đe dọa để buộc con người bé nhỏ phải câm lặng về nguyên nhân ông ta bị đuổi và từ lúc đó sự quan tâm đến "vị bộ trưởng Anh chính công" càng tăng lên: ông ta tỏ ra là vật hy sinh vô tội của những đồng sự hiếu danh và bất tài, thành con người bị đảng Vích phản bội. Sau khi nội các Đốc-bi đồ, Pan-móc-xton được đưa vào bộ nội vụ ở một chức vụ vẫn lại tạo cho ông ta cái vẻ bề ngoài là vật hy sinh. Họ không thể không có con người vĩ đại đó, kẻ mà tất cả bọn họ đều căm ghét, nhưng vì không muốn đặt ông ta vào một chỗ xứng đáng với ông ta nên họ chỉ cho ông ta một chức vụ không xứng đáng với một thiên tài như vậy. Giôn Bun suy luận như thế và càng tự hào về Pan-móc-xton của mình, khi thấy vị bộ trưởng Anh chính công ấy lảng xãng trên chức vụ hạng thứ của ông ta: can thiệp vào công việc của quan toà hoà giải, quấy rầy phu xe ngựa, chửi mắng cơ quan trông coi mạng ống thoát nước, phát biểu hùng hồn về chế độ môn bài, nổi nóng về vấn đề rất đỗi quan trọng là khói than, cố đạt kỳ được sự tập trung cảnh sát, phản đối việc chôn cất trong phạm vi thành phố. Thật là vị bộ trưởng Anh chính công! Đối với ông ta, một loạt thư từ "Paterfamilias"^{1*} đăng không bao giờ hết trên tờ "Times" là mẫu mực, là nguồn thông tin, là kho tàng những biện pháp cải cách mới. Đương nhiên, không ai vừa lòng với điều đó như Paterfamilias, một bản sao chính xác của đa số cử tri tư sản Anh mà Pan-móc-xton đã trở thành thần tượng của họ. "Hãy xem một nhân vật lớn ở một chức vụ nhỏ có thể làm gì! Ai trong các vị cựu bộ trưởng nội vụ đã từng quan tâm xoá bỏ tất cả những sự lộn xộn ấy!" Thực ra, phu xe ngựa vẫn nguyên như cũ, khói than không bị loại trừ, mò mà không biến khỏi thành phố, cảnh sát không được tập trung - tóm lại không một cải cách vĩ đại nào được thực hiện, nhưng lỗi nào có phải ở Pan-móc-xton mà ở những đồng sự hay đổ kỵ và đàn độn của ông ta! Sự lảng xãng và sự quấy rầy của Pan-móc-xton dần dà được coi là bằng chứng về nghị lực và tính tích cực sôi nổi. Nhà hoạt động nhà nước thất thường nhất ở Anh ấy chưa bao

^{1*} - "Gia trưởng"

giờ có thể đưa bất cứ cuộc thương lượng nào, bất cứ dự luật nào ở nghị viện đến kết cục tốt đẹp, nhà chính khách ấy chỉ lảng xãng để thoả mãn bản thân và mọi biện pháp của ông ta rốt cuộc vẫn chỉ nằm trên giấy tờ - chính ngài, Pan-móc-xton này được nổi tiếng như là con người duy nhất mà đất nước có thể trông cậy vào giờ phút hiểm nguy. Cần nói rằng bản thân Pan-móc-xton đã góp sức không nhỏ vào sự tăng bốc mình. Chưa vừa lòng với vai trò đồng sở hữu tờ "Morning Post"³⁸ là tờ báo hằng ngày quảng cáo cho ông ta, tăng bốc ông ta là vị cứu tinh tương lai của đất nước, ông ta còn thuê những công tử như Vi-cốp làm cái việc ca tụng ông ta ở Mỹ và ở Pháp; mấy tháng trước đây, ông ta còn mua chuộc tờ "Daily News"³⁹, báo cho nó biết một số tin điện báo và những tin tức quan trọng khác; ông ta có ảnh hưởng đối với ban biên tập của hầu hết các tờ báo ở Luân Đôn. Sự chỉ đạo tồi đối với chiến tranh đã dẫn tới cục diện hiểm nghèo mà Pan-móc-xton hằng mong đợi để leo lên trên cánh đồ nát của nội các liên hiệp, vươn lên đỉnh cao khó bề với tới. Vào giờ phút quyết định ấy ông ta được sự ủng hộ không điều kiện của tờ "Times". Dĩ nhiên khó mà nói được ông ta đã đạt được điều đó như thế nào, đã ký kết thoả hiệp gì với Đi-lê-nơ, nhưng hôm sau cuộc bỏ phiếu, tất cả các tờ nhật báo ở Luân Đôn, chỉ trừ tờ "Herald"⁴⁰ đều đồng thanh nhất trí lớn tiếng ủng hộ việc cử Pan-móc-xton làm thủ tướng, và phải nghĩ rằng ông ta coi mục đích mà ông ta cố sức đeo đuổi, đã đạt được rồi. Điều không may cho ông ta là vị bộ trưởng Anh chính công ấy thường quá quấy rầy nữ hoàng, và nữ hoàng sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để đảo lộn kế hoạch của ông ta.

Do C.Mác viết ngày 2 tháng Hai 1855

*Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4316, ngày 17 tháng Hai 1855*

Ký tên: Các Mác

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

NỘI CÁC BỊ LẬT ĐỒ

Luân Đôn, ngày 3 tháng Hai. Ngày 16 tháng Chạp 1852, khoản thứ nhất trong dự án ngân sách của Đì-xra-e-li quy định mở rộng thuế trực thu, trước hết là thuế nhà cửa, đã bị bác bỏ với đa số 19 phiếu. Nội các của đảng To-ri xin từ chức. Sau cuộc đấu tranh mười ngày ở hậu trường, nội các liên hợp được thành lập. Nó gồm một bộ phận giới đầu sỏ của đảng Vích, - bộ tộc Grây lần này bị gạt ra ngoài - giới quan lại của phái Pin, một hỗn hợp của cái gọi là phái cấp tiến Mây - phe⁴¹, như Môn-xơ-uốt, Ô-xbóc-nơ, sau hết là bọn mối lái của nhóm Ai-rơ-len như Xát-lơ, Kê-u, Môn-xen là những người đã quyết định kết cục của sự việc trong ngày 16 tháng Chạp và đã kiếm được những chức vị hạng thứ trong nội các. Nội các mới tự xưng là "nội các của tất cả những con người tài hoa". Quả thật nó bao gồm hầu như *tất cả* những kẻ tài ba đã từng thay thế nhau trong chính phủ trong vòng trên 30 năm nay. Tờ "Times" đưa tin về việc lên cầm quyền của "nội các của tất cả những con người tài hoa" bằng lời lẽ như sau: "Hiện nay chúng ta đã bước vào thời kỳ đầu của *vwang quốc chính trị nghìn thu*". Thực ra đối với giới cầm quyền thì "vwang quốc chính trị nghìn thu" đã đến từ lúc mà họ phát hiện rằng tổ chức đảng phái của họ đã tan rã, rằng những mâu thuẫn nội bộ của họ chỉ dựa trên tính đồng đảng và tính hiếu danh của cá nhân, còn những xích mích giữa họ với nhau thì không còn có thể làm cho đất nước chú ý nữa. Nội các liên hiệp không đại diện

cho một phe phái riêng biệt nào. Nó đại diện cho "tất cả những con người tài hoa" của giai cấp vãn thống trị nước Anh từ trước tới nay. Vì vậy nhìn lại hoạt động của nó là điều quan trọng.

Sau khi nội các Đóc-bi đồ, nghị viện đã nghỉ lễ giáng sinh. Rồi nó lại nghỉ lễ phục sinh. Kỳ họp thật sự năm 1853, chỉ sau đó mới bắt đầu, và hầu như hoàn toàn dành cho việc thảo luận dự án ngân sách của Glát-xtôn, dự luật về Ấn Độ của Sác-lơ Vút và dự luật của I-ăng về điều chỉnh quan hệ giữa địa chủ và tá điền ở Ai-rơ-len.

Trước khi đưa ra nghị viện xét duyệt dự án ngân sách của mình, Glát-xtôn tuyên bố thi hành những biện pháp quan trọng nhằm giảm quốc trái ngắn hạn cũng như dài hạn. Biện pháp về quốc trái ngắn hạn là giảm lãi suất hàng ngày của kỳ phiếu ngân khố từ 1,5 pen-ni xuống 1 pen-ni mà lại giảm đúng vào lúc lãi suất thị trường cao lên. Do biện pháp này, Glát-xtôn ban đầu phải thu hồi 3 triệu kỳ phiếu ngân khố, rồi sau đó lại tung ra theo lãi suất cao hơn. Điều đó có ý nghĩa hơn là cuộc thí nghiệm của ông ta với một số lượng lớn quốc trái dài hạn. Chính thức thì mục đích của nó là giảm quốc trái. Glát-xtôn hành động khôn khéo tới mức là đến cuối năm tài chính phải thu hồi at par^{1*} 8 triệu trái khoán của Công ty Nam Hải, những trái khoán này theo thị giá đương thời của sở giao dịch chỉ trị giá bằng 85% giá trị danh nghĩa. Đồng thời Glát-xtôn ném ra sở giao dịch một loại giấy có giá mà ông ta mới phát minh - trái khoán ngân khố. Ông ta đã làm cho nghị viện cho phép phát hành loại giấy có giá này với con số 30 triệu pao xtéc-linh. Nhưng vất vả lắm ông ta mới tiêu thụ được những phiếu loại trái khoán ấy với con số 400 000 pao xtéc-linh. Tóm lại, biện pháp của Glát-xtôn nhằm giảm quốc trái đã kết thúc bằng sự tăng tổng số quốc trái dài hạn và nâng cao lãi suất của quốc trái ngắn hạn.

Dự án ngân sách Glát-xtôn, niềm tự hào này của nội các liên hợp, gồm những yếu tố rất khác nhau. Những khoản như giảm thuế chè, giảm thuế tiêu dùng (thực ra, ở Glát-xtôn thì giảm thuế tiêu dùng đối với xà phòng, còn ở Đì-xra-e-li thì giảm thuế tiêu

^{1*} - theo giá trị danh nghĩa

dùng đối với mạch nha) và tăng thuế trực thu, đều do Glát-xtôn sao chép trong dự án ngân sách của người tiền nhiệm ông ta. Những mục khác và những mục quan trọng nhất như thu thuế ruộng đất đối với tài sản thừa kế, bỏ thuế quảng cáo trên báo chí v.v. là do Glát-xtôn buộc phải tiếp thu sau khi nghị viện đã hai lần bác bỏ các phân đề án của ông ta. Ông ta buộc phải hoàn toàn từ bỏ một số mục trong dự án ngân sách của mình như cải cách chế độ môn bài. Cái mà ông ta đưa ra nghị viện dưới hình thức một hệ thống có tính cách bách khoa, thì qua thảo luận, đã hoá ra là một mớ hồ lộn những mục tấp nham và mâu thuẫn nhau. Bản thân ông ta chỉ đưa ra được mỗi một mục trong dự án ngân sách về bỏ thu tem đối với phụ trương báo chí, nhờ mục này mà "Times", tờ báo duy nhất phát hành có phụ trương được lợi mỗi năm 30 000 - 40 000 p.xt. Song Glát-xtôn lại kiên quyết hơn trong việc khăng khăng đòi duy trì thuế tem đối với các trang chính của báo chí, nhờ vậy mà ông được cảm tình đặc biệt của tờ "Times", là tờ báo, đương nhiên, hiện đang mong thấy ông ta ở trong nội các mới. Đây là những kiệt tác của Glát-xtôn mà nhờ chúng, nội các liên hợp đã sống được trong suốt cả kỳ họp năm 1853.

Ngày 30 tháng Tư 1854, thời hạn có hiệu lực của giấy phép đặc biệt của Công ty Đông Ấn đã hết. Do đó cần điều chỉnh lại quan hệ giữa Anh và Ấn Độ. Nội các liên hợp cố gia hạn giấy phép đặc biệt của Công ty Đông Ấn thêm 20 năm nữa. Nó không đạt được điều này. Ấn Độ không còn bị cho Công ty "thuê" thêm hàng chục năm nữa. Giấy phép đặc biệt chỉ còn hiệu lực cho đến khi có "thông báo" đình chỉ nó mà nghị viện có thể gửi cho Công ty bất cứ lúc nào. Điều khoản quan trọng duy nhất này của dự luật về Ấn Độ đã được thông qua trái với mong muốn của nội các. Nếu như không tính đến một số sửa đổi nhỏ trong lĩnh vực tổ tụng ở Ấn Độ và việc mở cửa cho tất cả những ai có năng lực cần thiết vào thay thế các chức vụ dân sự và quân sự đòi hỏi tri thức chuyên môn, thì thực chất cuộc cải cách đối với Ấn Độ quy lại chỉ như sau: lương của bộ trưởng ở Luân Đôn phụ trách các vấn đề Ấn Độ (President of the Board of Control^{1*}) được nâng từ 1 200

^{1*} - chủ tịch Hội đồng kiểm tra

lên 5 000 p.xt. mỗi năm. Trong số 18 giám đốc của Công ty Đông Ấn thì 6 người hiện nay do chính phủ bổ nhiệm và chỉ có 12 người do Hội đồng của Công ty bầu ra. Lương của những giám đốc ấy tăng từ 300 lên 900 p.xt., lương của hai chủ tịch thì tăng từ 400 lên 1 000 pao xtéc-linh. Ngoài ra chức thống sứ Ben-gan (cùng với Hội đồng trực thuộc nó) từ nay sẽ tách khỏi chức toàn quyền Ấn Độ; đồng thời cũng đặt ra chức vụ mới là thống sứ cùng với Hội đồng trực thuộc quan chức này cho chính khu vực sông Ấn. Cuộc cải cách đối với Ấn Độ của "nội các của tất cả những con người tài hoa" chỉ bó hẹp ở việc tăng lương và đặt ra những chức vụ mới với việc nhàn, lương cao ấy.

Dự luật về quan hệ giữa địa chủ và tá điền ở Ai-rơ-len thì nội các liên hợp tiếp thu của những người tiền nhiệm của nó thuộc đảng To-ri. Nó không thể lạc hậu so với những người ấy. Nó đưa ra dự luật ấy và trước khi bế mạc kỳ họp ít lâu, sau cuộc tranh luận kéo dài 10 tháng, đã làm cho dự luật ấy được thông qua tại hạ nghị viện, hoặc nói đúng hơn, nó đã để cho dự luật ấy được thông qua tại đây. Nhưng tại thượng nghị viện, A-bớc-đin lại đồng ý bác bỏ dự luật ấy với lý do những dự luật ấy cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và nêu lại ở kỳ họp sau.

Theo yêu cầu của nội các, những dự luật của nội các về cải cách nghị viện, cải cách giáo dục quốc dân, cải cách tư pháp v.v. được hoãn đến kỳ họp sau. Kiệt tác của "tất cả những con người tài hoa" - dự luật về thể lệ đối với phu xe ngựa ở Luân Đôn - quả đã thành đạo luật, nhưng nó vừa ra khỏi ngưỡng cửa nghị viện đã bị đưa trở lại để sửa đổi. Nó tỏ ra là bất khả thi.

Sau hết, kỳ họp của nghị viện kết thúc vào ngày 20 tháng Tám. Pan-móc-xtôn đã tóm tắt chính sách đối ngoại của nội các trong kỳ họp này bằng những lời phát biểu khi bế mạc kỳ họp của nghị viện như sau: nghị viện có thể yên tâm giải tán. "Tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự thành thực và phẩm chất cá nhân của hoàng đế Nga", ngài sẽ tự nguyện triệt binh khỏi Các công quốc vùng Đa-nuyép.

Sự can thiệp công khai của Pan-móc-xtôn vào chính sách đối ngoại trong kỳ họp năm 1853 chỉ giới hạn ở lời tuyên bố ấy, rồi

sau đó ở bài diễn văn tại nghị viện mà ông ta đọc mấy ngày trước khi bế mạc hạ nghị viện, trong đó ông ta giải thích cuộc phong toả của người Nga đối với nhánh sông Xu-lin của sông Đa-nuýp như là một trò đùa không thành công, và cuối cùng là ở chỗ buộc phải thừa nhận trong phiên họp ngày 15 tháng Tư 1853 - có liên quan đến cái gọi là vụ âm mưu thuốc nổ của Cô-sút - rằng ông ta theo lệnh của các triều đình châu Âu, dùng cảnh sát Anh để theo dõi các nhà chính trị lưu vong.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 63,
ngày 7 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CÁC CHÍNH ĐẢNG VÀ TẬP ĐOÀN

Luân Đôn, ngày 5 tháng Hai. Độ dài của cuộc khủng hoảng nội các hiện nay ít nhiều mang tính chất bình thường, vì những cuộc khủng hoảng như thế ở Anh kéo dài trung bình 9-10 ngày. Trong tác phẩm nổi tiếng "Về năng lực của con người"⁴², Kê-tơ-lê đã làm cho người ta rất đỗi ngạc nhiên khi chứng minh rằng ở các nước văn minh, con số các trường hợp bất hạnh, các tội phạm v.v. xảy ra hàng năm có thể tính trước được hầu như với độ chính xác toán học. Trái lại, độ dài xác định của các cuộc khủng hoảng nội các ở Anh trong các thời kỳ khác nhau ở thế kỷ XIX không hề làm cho người ta phải ngạc nhiên, bởi lẽ, như mọi người đều biết, ở đây bao giờ cũng phải trải qua một chu trình liên hiệp nhất định, cũng phải phân chia một số chức vụ nhất định và xảy ra hiện tượng một số âm mưu nào đó vô hiệu hoá lẫn nhau. Chỉ có tính chất của sự liên hợp mà sự tan rã của các chính đảng cũ lần này buộc phải đi tới điều khác thường mà thôi. Sự tan rã đó là sự kiện khiến người ta có thể và tất phải thành lập nội các liên hợp hiện đã bị lật đổ. Đảng cấp cầm quyền tuyệt nhiên không hoà làm một với giai cấp thống trị ở Anh, sẽ buộc phải khi thì đi tới sự liên hiệp này, khi thì đi tới sự liên hiệp khác chừng nào chưa thấy rõ môn một rằng họ đã mất năng lực quản lý. Như mọi người đều biết, phái Đốc-bi đã từng hăng hái bác bỏ mọi sự liên hiệp. Bước đi đầu tiên của huân tước Đốc-bi sau khi được nữ hoàng giao cho lập nội các mới, là tìm cách liên hiệp không

những với Pan-móc-xton - người mà Đi-xra-e-li, khi thảo luận kiến nghị của Rô-bác, đã tuyên bố thẳng rằng yêu cầu biểu quyết khiến trách đều là nhằm chống lại cả công tước Niu-ca-lơ và A-bóc-đin lẫn bản thân ông ta, - mà còn liên hiệp với cả Glát-xtôn và Xít-ni Héc-bóc, tức là với những người thuộc phái Pin mà đảng To-ri công kích một cách rất căm ghét, xem họ là thủ phạm trực tiếp gây ra sự tan rã của đảng mình. Về phần mình, khi được giao nhiệm vụ lập nội các, Rót-xen định liên hiệp với chính những phân tử phái Pin mà sự có mặt của họ ở nội các trước đã khiến cho ông ta có lý do để từ chức và là những phân tử đã vạch trần những lời giả dối của ông ta trong không khí trang nghiêm của phiên họp nghị viện. Sau cùng, nếu Pan-móc-xton thành lập được nội các của mình thì đó cũng sẽ chỉ là sự tái bản có chính lý đôi chút cái nội các liên hiệp cũ. Có thể là bộ tộc Grây của đảng Vích sẽ thay thế bộ tộc Rót-xen của đảng Vích v.v. Những chính đảng cũ trong nghị viện nắm độc quyền thống trị đất nước nay chỉ còn tồn tại dưới hình thức các tập đoàn, nhưng chính những nguyên nhân làm suy yếu những tập đoàn ấy, không cho chúng khả năng thành lập chính đảng đứng tách riêng ra, lại làm chúng mất khả năng thống nhất lại. Vì vậy, không một thời đại nào trong lịch sử nghị viện Anh lại bày ra cái cảnh tượng chia vụn thành hàng lô tập đoàn nhỏ nhoi và ngẫu nhiên như thời kỳ nội các liên hiệp. Về mặt số lượng thì trong số đó, chỉ có hai tập đoàn là đáng kể: phái Đốc-bi và phái Rót-xen. Trong những người ủng hộ chúng có một nhóm chi nhánh đông, gồm những dòng họ lâu đời có thể lực lớn cùng với đông đảo bạn hàng của họ. Nhưng chính sự đông đảo ấy lại là nguồn gốc sinh ra sự yếu hèn của phái Đốc-bi cũng như phái Rót-xen. Họ quá ít để tạo thành một đa số độc lập ở nghị viện, nhưng đồng thời họ lại quá đông, và trong bọn họ lại có biết bao nhiêu kẻ mưu cầu danh lợi mà tham vọng phải được thoả mãn mới xong, thành thử họ mất khả năng tranh thủ được sự ủng hộ đầy đủ của bên ngoài bằng cái giá phải trả là phân phát các chức vụ quan trọng. Vì vậy những tập đoàn yếu về số lượng như phái Pin, phái Grây, phái Pan-móc-xton v.v., lại thích hợp hơn với việc thành lập những nội các liên hiệp. Nhưng cái làm cho họ thích hợp với việc thành lập những nội các

như thế - sự yếu hèn của mỗi tập đoàn ấy - cũng làm cho đa số của họ trong nghị viện mang tính chất ngẫu nhiên, đa số này có thể tan vỡ bất cứ lúc nào do sự thoả hiệp của phái Đốc-bi với phái Rót-xen, hoặc của phái Đốc-bi với trường phái Man-se-xtơ⁴³ v.v..

Những mưu toan được tiến hành gần đây nhất nhằm tạo ra những chính phủ liên hiệp mới cũng là một điều thú vị về phương diện khác. Trong tất cả những khối liên hiệp ấy đều có mặt những thành viên nội các cũ. Đứng đầu nội các gần đây nhất là thành viên có ảnh hưởng lớn nhất của nội các trước. Nhưng chẳng lẽ khi tiếp thu kiến nghị của Rô-bác, hạ nghị viện đã không ngờ ý, - như bản thân Pan-móc-xton đã tuyên bố điều này khi trả lời Đi-xra-e-li, - không những tán thành biểu quyết khiến trách tất cả các thành viên của nội các liên hiệp cũ mà còn tán thành cử uỷ ban điều tra hoạt động của họ, hay sao? Uỷ ban còn chưa được cử ra, cuộc điều tra còn chưa bắt đầu, vậy mà các bị cáo lại đã cầm lái con tàu quốc gia. Nhưng nếu như nghị viện có quyền lật đổ nội các thì nội các có quyền *giải tán* nghị viện. Triển vọng giải tán có ảnh hưởng như thế nào đối với nghị viện hiện nay, ta có thể thấy được qua lời tuyên bố của ngài Gi.Tơ-rô-lốp tại hạ nghị viện ngày 1 tháng Ba 1853:

"Hiện nay" - ông ta nói - đã có 14 uỷ ban do nghị viện thành lập gồm các nghị sĩ, để điều tra các vụ hối lộ xảy ra trong thời gian bầu cử nghị viện vừa rồi. Nếu chúng ta cứ tiếp tục theo tinh thần này thì chẳng bao lâu nghị viện sẽ biến thành các uỷ ban điều tra hối lộ trong bầu cử. Hơn nữa, số nghị sĩ bị tố cáo sẽ lớn đến mức số nghị sĩ không bị hoài nghi còn lại sẽ không đủ để phán xét họ hoặc chỉ để điều tra các việc làm của họ".

Do tinh thần yêu nước mà mất đi những địa vị mua được với giá đắt như vậy ngay khi kỳ họp thứ ba của nghị viện mới bắt đầu thì thật là một điều nặng nề.

*Do C.Mác viết ngày 5 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 65, ngày 8 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

HAI CUỘC KHỦNG HOẢNG

Luân Đôn, ngày 6 tháng Hai. Công luận giờ đây hoàn toàn bị thu hút bởi hai cuộc khủng hoảng: cuộc khủng hoảng mà quân đội đang trải qua ở Crum và cuộc khủng hoảng nội các. Dân chúng bàn bạc đến cuộc khủng hoảng thứ nhất, còn các câu lạc bộ và phòng khách thì bàn đến cuộc khủng hoảng thứ hai. Theo tin tức gần đây từ Crum, được diễn tả bằng giọng hết sức bi đát, thì quân số của Anh đã giảm từ 14 000 xuống 12 000 người và có thể chờ đợi sắp sửa có sự chấm dứt bao vây Xê-va-xtô-pôn. Trong khi đó ở hạ nghị viện đang diễn ra cuộc thảo luận về những âm mưu ở các phòng khách. Huân tước Rót-xen và Glát-xtôn chiếm hết toàn bộ thời gian của hội nghị bằng những lời bàn dài lê thê về sự rút lui, về việc tán thành và phản đối sự rút lui của Rót-xen vĩ đại khỏi cái nội các không còn tồn tại nữa. Không bên nào đưa ra được sự việc mới nào mà chỉ tiếp tục đôi co về chuyện cũ. Huân tước Giôn đóng vai thầy cãi cho bản thân, còn Glát-xtôn đứng ra với tư cách thầy cãi của công tước Niu-ca-lơ. Những ý kiến, suy tính dẫn đo về vấn đề công tước Niu-ca-lơ có thích hợp với chức bộ trưởng chiến tranh hay không nghe ra quá ư nực cười khi mà cái đạo quân cần được quản lý đã không còn tồn tại nữa. Khi kết thúc lời phát biểu dông dài của mình, Glát-xtôn tuyên bố rằng "ông mong sao tất cả những sự hiểu lầm (giữa Rót-xen và Niu-ca-lơ) sẽ bị quên đi", thì ngay cả hạ nghị viện hiện thời cũng phải tỏ ra bất bình bằng những tiếng lầu bầu trừ danh như thường lệ.

Do đó, cơ sở của cuộc khủng hoảng nội các không phải là sự bỏ phiếu không tín nhiệm của nghị viện, càng không phải là sự tiêu vong của quân đội Anh, mà chỉ là "sự hiểu lầm" giữa huân tước già và công tước trẻ. Crum chỉ là cái cớ cho những âm mưu ở các phòng khách. Sự hiểu lầm giữa nội các và hạ nghị viện thậm chí không đáng nhắc tới. Điều đó thậm chí đã là quá đáng đối với hạ nghị viện hiện thời. Rót-xen đã đổ, Glát-xtôn đã đổ và toàn bộ hội nghị cũng đã đổ rồi.

Hai viện được thông báo rằng việc thành lập nội các được uỷ thác cho huân tước Pan-móc-xton. Nhưng ông ta bất ngờ gặp phải những trở ngại. Huân tước Grây khước từ việc đảm nhiệm chỉ đạo cuộc chiến tranh mà ngay từ đầu ông ta đã không tán thành và hiện nay cũng vẫn không tán thành. Đó là điều may mắn cho quân đội, vì nếu không ông ta sẽ phá hoại kỷ luật của nó như đã từng phá hoại kỷ luật của các thuộc địa. Như Glát-xtôn, Xít-ni Héc-bóc và Grê-hêm cũng tỏ ra khó thoả thuận được. Họ đòi tất cả các phần tử thuộc phái Pin phải được trở lại chính phủ. Những nhân vật tầm cỡ quốc gia ấy nhận thức được rằng họ hình thành một bè phái nhỏ nhoi chiếm khoảng 32 phiếu trong nghị viện. Chỉ trong điều kiện những người tài hoa "vĩ đại" của họ đoàn kết lại với nhau thì tập đoàn nhỏ bé của họ mới có thể hy vọng giữ được tính độc lập. Nếu như một bộ phận những người lãnh đạo phái Pin *tham gia* nội các, còn một bộ phận khác ở *ngoài* nội các thì điều đó cũng được xem ngang như sự tiêu tan của câu lạc bộ những nhân vật có tầm cỡ quốc gia đáng kính. Trong khi đó Pan-móc-xton sẽ phải dùng những thủ đoạn cục cằn để tìm cách ép buộc nghị viện chấp thuận mình, tại đó ông ta không có đảng của mình, cũng như ông ta đã ép buộc nữ hoàng phải làm theo ý mình. Nội các của ông ta chưa được thành lập, mà ông ta đã đe trên tờ "Morning Post" rằng ông ta sẽ không dựa vào nghị viện mà dựa vào nhân dân. Ông ta doạ giải tán nghị viện, nếu nghị viện cả gan "không kính trọng ông như ông đã được nhân dân kính trọng ở ngoài phạm vi Cung "Oét-min-xto". "Nhân dân" của ông ta chỉ là những tờ báo hoàn toàn hoặc một nửa thuộc về ông ta. Tại nơi mà vừa đây đã vang lên tiếng nói của nhân dân, chẳng hạn, trong cuộc mít tinh ở Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ, từ nơi đây người ta đã gửi tới nghị viện những

đơn thỉnh nguyện đòi truy tố nội các, - tại nơi ấy người ta hết sức kiên quyết vạch mặt Pan-móc-xton là kẻ lãnh đạo bí mật của nội các liên hiệp đã bị kết liễu.

Còn có mấy nhận xét nữa để cho lời điều "nội các của tất cả những con người tài hoa" được trọn vẹn. Ngày 30 tháng Mười một 1853 xảy ra những sự kiện ở Xi-nô-pơ, ngày 3 tháng Chạp, ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, người ta bắt đầu biết về những sự kiện ấy; ngày 12 tháng Chạp, đại biểu các cường quốc gửi cho triều đình Thổ Nhĩ Kỳ một công hàm đòi hỏi những sự nhượng bộ với Nga lớn hơn cả trong công hàm Viên nổi tiếng xấu xa; ngày 14 tháng Chạp, nội các Anh gửi bức điện đến Viên cho biết rằng những sự kiện Xi-nô-pơ không được làm gián đoạn cuộc đàm phán hoà bình ở Viên. Huân ưốc Pan-móc-xton đã dự cuộc họp của nội các thông qua quyết định ấy. Ông ta tán thành quyết định, nhưng ngay hôm sau lại rút khỏi nội các với lý do dự luật về cải cách nghị viện do Rốt-xen thảo ra dường như mâu thuẫn với quan điểm bảo thủ của ông ta. Mục đích thực sự của Pan-móc-xton là muốn phủi tay rũ sạch trách nhiệm trước công chúng về những sự kiện Xi-nô-pơ. Mục đích ấy vừa mới đạt được thì ông ta liền lập tức trở lại nội các.

Đầu tháng Hai 1854, nghị viện hoạt động trở lại. Những vấn đề ngoại giao về những vụ rắc rối ở phương Đông dường như được đệ trình nghị viện. Thiếu những vấn đề quan trọng nhất. Nghị viện nhận được những vấn đề ấy từ hoàng đế Ni-cô-lai via^{1*} Pê-téc-bua, chứ không phải từ các bộ trưởng Anh. "Việc trao đổi thư tín mật và tối mật"⁴⁴ công bố ở Pê-téc-bua chứng minh hết sức rõ cho nghị viện rằng suốt thấy rằng trong suốt kỳ họp trước đây của nó vào năm 1853, cũng như vào năm 1854, các bộ trưởng đã cố tình lừa gạt nghị viện trong những vấn đề thuộc chính sách đối ngoại. Thư từ đã bị công bố ấy buộc các bộ trưởng phải tuyên chiến vào ngày 27 tháng Ba. Ngày 6 tháng Hai, Pan-móc-xton tuyên bố sẽ đưa ra dự luật về nghĩa vụ gia nhập dân binh ở Xcôt-len và Ai-rơ-len. Nhưng vừa tuyên chiến xong, ông

ta liền gác dự luật của mình lại và cho đến cuối tháng Sáu vẫn chưa đưa nó ra. Ngày 13 tháng Hai Rốt-xen đưa ra dự luật của mình về cải cách nghị viện, hoãn việc tuyên đọc lần thứ hai dự luật đến cuối tháng Tư, nhưng ngay trong tháng Ba ông ta đã nức nở thảm thiết thu hồi dự luật ấy, và các đồng sự của ông ta đã khen thưởng ông ta về sự hy sinh đó bằng cách trao cho ông ta, người mà cho tới lúc này có thể nói là một vị bộ trưởng khác thường, không chức không lương - một khoản bổng lộc cao trong nội các: chức chủ tịch Hội đồng cơ mật. Ngày 6 tháng Ba, nhà tài chính vĩ đại Glát-xton đưa ra dự án ngân sách của mình. Ông ta chỉ bó hẹp ở chỗ yêu cầu tăng gấp đôi thuế thu nhập trong thời hạn 6 tháng. Ông ta "chỉ" đòi hỏi "số tiền cần thiết để đưa trở lại 25 000 binh sĩ hiện đang chuẩn bị rời nước Anh". Đồng sự của ông ta là Niu-ca-lơ hiện đã giải thoát cho Glát-xton khỏi sự tận tâm ấy. Ngay ngày 8 tháng Năm, Glát-xton đã buộc phải đưa ra dự án ngân sách thứ hai. Ngày 12 tháng Tư, ông ta lên tiếng phản đối bất luận thứ quốc trái nào, ấy thế mà ngày 21 tháng Tư, lại đề nghị nghị viện chuẩn y 6 triệu p.xt. công trái để bù đắp những chi phí cho cuộc thí nghiệm không thành công của ông ta về hoán cải quốc trái. Ngày 7 tháng Tư, huân tước Grây phát biểu về những khuyết điểm của cơ quan quản lý quân sự Anh. Ngày 2 tháng Sáu, nội các lợi dụng đề án cải cách của ông ta, giống như nó đã lợi dụng cuộc cải cách chế độ cai trị Ấn Độ và cuộc cải cách liên quan đến bệnh dịch tả, để đặt ra một chức vụ mới. Bộ chiến tranh tách khỏi bộ thuộc địa. Mọi cái khác vẫn như cũ⁴⁵. Thành tựu của nội các trên lĩnh vực lập pháp trong thời gian kỳ họp này của nghị viện quy lại như sau: nội các đưa ra bảy dự luật quan trọng. Ba trong số đó bị bác bỏ: dự luật về sửa đổi luật di cư dân nghèo, về cải cách giáo dục quốc dân ở Xcôt-len, về sửa đổi văn bản tuyên thệ của nghị viện. Ba dự luật bị rút về: dự luật về ngăn chặn mua chuộc cử tri, về cải tổ hoàn toàn ngành dân sự và về cải cách nghị viện. Một dự luật về cải cách trường Đại học tổng hợp Ôc-xphốt được thông qua nhưng với vô số điểm bổ sung đến nỗi hình thức ban đầu của nó chẳng còn lại tí gì. Những thành tích vĩ đại về ngoại giao và quân sự của chính phủ hãy còn

^{1*} - qua

tươi nét trong trí nhớ của mọi người. "Nội các của tất cả những con người tài hoa" là như thế đấy.

*Do C.Mác viết ngày 6 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 67, ngày 9 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In toàn văn bằng tiếng
Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC GIÀNH GIẬT Ở CRUM

Ngay sau trận giao tranh ở An-ma và cuộc hành binh của liên quân về Ba-la-cla-va, chúng tôi đã nêu ý kiến cho rằng kết cục cuối cùng của chiến dịch Crum sẽ tùy thuộc vào tình hình là bên tham chiến nào tập trung được trước những đơn vị mới đủ để tạo được ưu thế về số lượng cũng như về chất lượng so với đối phương⁴⁶. Từ lúc đó, tình hình chiến sự đã thay đổi nhiều và nhiều ảo tưởng đã bị tiêu tan. Nhưng trong suốt cả thời kỳ này, giữa Nga với các nước đồng minh đã diễn ra một cuộc chạy đua về mặt điều động lực lượng tăng viện, và chúng ta phải thừa nhận rằng người Nga đã dẫn đầu trong cuộc chạy đua ấy. Bất chấp mọi cải tiến được tán dương trong lĩnh vực kỹ thuật và phương tiện vận tải, quân đội Nga mọi rợ đã vượt 300 -500 dặm trên bộ dễ dàng hơn nhiều so với quân đội của người Pháp và người Anh vẫn minh thượng hạng trong việc vượt 2 000 dặm trên biển, nhất là khi quân đội Anh - Pháp dường như cố tình coi thường tất cả những ưu việt mà nền văn minh cao của họ đã đem lại cho họ, còn người Nga mọi rợ thì lại có thể cho phép mình mất nhiều binh sĩ gấp đôi liên quân mà không sợ, rút cục, sẽ mất ưu thế của mình.

Nhưng liên quân có thể trông đợi gì nếu như một trong những đạo quân của họ - quân đội Anh, sau khi hết hy vọng bị quân Nga tiêu diệt, thì bắt đầu thường xuyên và bền bỉ thực hiện dự định tự tiêu diệt mình và nó tiến hành việc đó hăng hái và thành công

đến mức làm lu mờ tất cả những thành tựu trước đây của mình? Mà thực ra sự việc xảy ra đúng như vậy. Như chúng tôi được thông báo, quân đội Anh đã không còn là một quân đội nữa. Trong số 54 000 người cầm vũ khí chỉ còn lại có mấy ngàn, nhưng họ sở dĩ còn được coi là "đủ điều kiện phục vụ" chỉ vì ở bệnh viện, nơi mà họ cũng có thể chết, không còn chỗ nữa. Ở phía quân đội Pháp có thể còn khoảng 50 000 người cầm được vũ khí, nhưng trước đó họ đông gấp đôi. Dù sao thì họ cũng duy trì được một số lượng binh sĩ có khả năng chiến đấu ít ra là nhiều gấp 5 lần quân Anh. Nhưng 50 000 - 60 000 người thì có nghĩa lý gì khi phải cô thủ Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây suốt mùa đông, phải tiếp tục phong toả Xê-va-xtô-pôn từ phía nam, phòng thủ các chiến hào, còn sang xuân thì chuyển sang tấn công với lực lượng còn lại?

Hiện giờ người Anh đã ngừng điều quân tăng viện. Vấn đề là sau khi đã mất hết hy vọng cứu vãn quân đội, bản thân Ra-glan xem ra không muốn tiếp nhận lực lượng bổ sung mới; ngay đối với những người còn lại, ông ta cũng không biết lấy gì nuôi họ, bố trí ở đâu và sử dụng như thế nào. Có khả năng là người Pháp đang chuẩn bị những sư đoàn mới để điều đi bằng đường biển vào tháng Ba, nhưng người Pháp đã tiêu hao nhiều sức lực để chuẩn bị đối phó với chiến dịch mùa xuân quy mô lớn trên lục địa, và 10 phần chẵn 9 là lực lượng tăng viện mà họ điều tới sẽ quá yếu hoặc quá muộn. Để cải thiện tình cảnh hiện tại, người ta đã tiến hành hai biện pháp và cả hai đều chứng minh sự bất lực hoàn toàn của liên quân trong việc ngăn ngừa thảm họa đang nhích tới gần quân đội của họ ở Crum một cách chậm chạp nhưng tất yếu. Một là, để sửa chữa sai lầm to lớn là việc tiến hành cuộc viễn chinh Crum chậm mất 4 tháng, họ đã mắc một sai lầm lớn hơn rất nhiều là điều bộ phận tàn quân Thổ Nhĩ Kỳ duy nhất còn dùng được đến Crum vào giữa mùa đông, bốn tháng sau khi quân đội của họ đã đến đây. Lực lượng và sức chiến đấu của đạo quân này đã bị tiêu hao ngay từ khi ở Sum-la do sự trễ nải, bất lực và bị mua chuộc của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, nên ngay khi đổ bộ lên Crum, nó sẽ bị tan rã vì đói và rét với một tốc độ nhanh tới mức ngay cả những thành tựu của bộ chiến tranh Anh trong lĩnh vực này cũng sẽ bị lu mờ. Tình hình sẽ như vậy nếu

như người Nga đủ thông minh tạm thời để yên và không tấn công quân Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu điều kiện thời tiết cho phép mở cuộc tấn công thì quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị tiêu diệt tức khắc, tuy rằng quân Nga sẽ phải trả giá đắt hơn và không giành được ưu thế nào ngoài ưu thế về tinh thần.

Ngoài ra, liên quân đã thuê - không thể gọi khác thế được - từ 15 000 đến 20 000 quân Pi-ê-mông để lấp lỗ hổng trong hàng ngũ quân Anh và do cục quân nhu Anh bảo đảm việc cung cấp. Những năm 1848 và 1849, người Pi-ê-mông đã tỏ ra là quân thiện chiến và dũng cảm. Phần lớn là người miền núi nên họ có một lực lượng bộ binh nhờ bản năng mà thích nghi với tác chiến ở địa hình mấp mô và đội hình tán khai, thậm chí hơn cả người Pháp, còn vùng đồng bằng sông Pô thì cung cấp những kỵ binh cao lớn và thân hình cân đối giống như các trung đoàn tinh nhuệ của kỵ binh Anh. Thêm vào đó, họ đã học tập được nhiều trong những chiến dịch gian khổ của thời kỳ cách mạng. Hai sư đoàn Pi-ê-mông ấy đương nhiên là những "binh đoàn lê-dương" không tồi trong cuộc chiến tranh hiện nay. Nhưng dưới quyền chỉ huy của một kẻ thủ cựu Anh già nua^{1*} không có tí khái niệm gì về cơ động và chỉ đòi hỏi ở binh sĩ của mình tính ngoan cường bất khuất vốn là niềm vinh dự, đồng thời là phẩm chất chiến đấu duy nhất của binh sĩ Anh, thì những chàng trai nhanh nhẹn, tháo vát linh hoạt, vóc người tầm thước ấy sẽ làm được những gì? Họ sẽ bị đặt vào những vị trí không thích hợp với lối tác chiến quen thuộc của họ; người ta sẽ cản trở họ làm những việc đúng với năng lực của họ và sẽ bị điều đi làm những nhiệm vụ mà không một người có lý trí nào lại giao cho họ. Đẩy quân đội Anh vào cuộc tàn sát một cách vô nghĩa lý, thiếu suy nghĩ và ngu xuẩn như đã làm ở An-ma, có lẽ là con đường ngắn nhất để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra trước họ. Vị công tước già^{2*} cũng thường đối xử dễ dãi như thế đối với những sự việc tương tự. Chắc cũng có thể bắt quân đội Đức phải làm như vậy mặc dù trình độ quân sự cao của sĩ quan Đức không cho phép họ chịu đựng lâu cách chỉ huy quân

^{1*} - Ra-glan

^{2*} - Oen-lin-ton

đội tồi như thế. Song tìm cách làm những việc ấy với quân đội Pháp, I-ta-li-a hoặc Tây Ban Nha - với những đội quân được huấn luyện chủ yếu để làm khinh binh, để cơ động, tận dụng lợi thế địa hình, nghĩa là với những đội quân mà sức chiến đấu tùy thuộc nhiều ở tính cơ động, linh hoạt của mỗi người lính, - thì không thể được; lối tác chiến vụng về đó tuyệt đối không thích dụng với những đội quân như thế. Tuy nhiên, quân Pi-ê-mông đáng thương rất có thể tránh được thử thách nặng nề là tác chiến theo kiểu Anh. Cần biết rằng việc cung cấp cho họ sẽ do cục quân nhu Anh đảm nhiệm, nhưng các cơ quan nổi tiếng xấu xa ấy cho tới nay chỉ có thể cung cấp cho bản thân nó mà thôi. Do đó quân Pi-ê-mông sẽ chịu chung cái số phận của quân Anh mới bổ sung. Giống như quân Anh, họ sẽ chết mỗi tuần một trăm người và sẽ nằm bệnh viện đông gấp ba. Nếu huân tước Ra-glan tưởng rằng quân Pi-ê-mông cũng sẽ ngoan ngoãn như quân Anh cam chịu sự bất lực của bản thân ông ta và sự vô dụng của các sĩ quan quân nhu của ông ta thì ông ta sẽ nhanh chóng thấy rằng mình đã lầm to. Chỉ có người Anh và người Nga là một mục phục tùng trong những điều kiện như vậy và cần phải thấy là điều này không đem lại vinh quang cho tính cách dân tộc của họ.

Tiến trình tiếp theo của cái chiến dịch thê lương ấy - cũng thê lương và âm đạm như cao nguyên Xê-va-xtô-pôn ngập bùn - được mô tả như sau: một khi quân Nga tập trung được đầy đủ lực lượng của mình và thời tiết cho phép thì chắc là trước hết họ sẽ tiến công quân Thổ Nhĩ Kỳ của Ô-me-rơ-pa-sa. Người Anh, người Pháp và người Thổ Nhĩ Kỳ đang chờ đợi điều đó, và biết rõ người ta đã dành cho quân Thổ Nhĩ Kỳ những vị trí bất lợi như thế nào. Dù sao điều đó cũng nói lên rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ được điều lên phía bắc một cách hoàn toàn có dụng ý; còn về tình cảnh tuyệt vọng của liên quân thì khó mà nghĩ ra được một bằng chứng nào tốt hơn là việc chính các tướng lĩnh của họ buộc phải thừa nhận điều ấy. Quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị đánh tan là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng điều gì sẽ xảy ra với quân đội của các nước đồng minh và với quân Pi-ê-mông? Những chuyện khoác lác về cuộc tấn công Xê-va-xtô-pôn giờ đây hầu như đã hoàn toàn im bật. Về đề tài này, tờ báo Luân Đôn "Times" đã

đăng bức thư ngày 3 tháng Hai của đại tá E.Nây-pia quả quyết rằng nếu liên quân tấn công phía Nam Xê-va-xtô-pôn, thì chắc chắn là họ sẽ tràn vào thành phố, nhưng họ sẽ bị hỏa lực áp đảo của các lô-cốt và pháo đài phía bắc quét sạch và đồng thời bị quân dã chiến của Nga bao vây. Bởi vậy, ông ta nói, trước hết phải đánh bại đội quân này rồi mới bao vây thành phố cả từ phía bắc lẫn phía nam. Để làm ví dụ, ông ta nhắc đến việc công tước Oen-lin-ton đã hai lần thôi bao vây Bát-đa-i-ốt để đón đánh viện binh đến ứng cứu quân bị vây⁴⁷. Đại tá Nây-pia hoàn toàn đúng, và tờ "Tribune" đã viết gần giống như vậy vào lúc diễn ra cuộc hành quân tạt sườn địch nổi tiếng ở Ba-la-cla-va⁴⁸. Nhưng khi nói rằng liên quân sẽ tràn vào Xê-va-xtô-pôn, thì rõ ràng là vị đại tá nọ đã không tính đến đặc điểm của các công sự phòng ngự của quân Nga khiến người ta không thể chiếm thành phố bằng một cuộc đột kích. Ở đây, trước hết có công sự ngoại vi, rồi đến lũy chính, còn đằng sau là những toà nhà thành phố được biến thành đồn bốt, phố xá đều có chiến lũy, toàn bộ các khu nhà ở đều có các lỗ châu mai và sau hết, các lỗ châu mai còn được khoét ở tường sau của các đồn phòng thủ bờ biển. Việc chiếm mỗi đồn ấy đều đòi hỏi phải tiến hành một cuộc tấn công riêng và có lẽ cả một cuộc bao vây riêng, thậm chí cần đặt cả mìn ngầm ở phía bên dưới. Nhưng ngoài tất cả những cái đó ra, những cuộc xuất kích thắng lợi mà quân Nga tiến hành trong thời gian gần đây đã chứng minh đầy đủ rằng bên bao vây đã tiếp cận thành phố ở một cự ly tạo ra thế cân bằng hoàn toàn về lực lượng giữa các bên đối địch, và bên tấn công không có ưu thế nào khác ngoài ưu thế về pháo binh. Chừng nào chưa chấm dứt được các cuộc xuất kích thì bất cứ ý định nào về tiến công đều trở thành phi lý; nếu bên bao vây không đủ sức giam hãm bên bị bao vây trong những bức tường của pháo đài thì càng không thể hy vọng chiếm pháo đài ấy bằng lối đánh giáp lá cà.

Như thế là bên bao vây từ nay sẽ quanh quẩn trong doanh trại của họ. Họ sẽ bị giam chân ở đó vì sự yếu đuối của bản thân và vì quân dã chiến của Nga, và đội ngũ của họ sẽ tan rã như trước đây, còn quân Nga trong khi đó lại điều lực lượng mới đến; nếu như chính phủ mới của Anh không huy động được những lực

lượng mới vào mà cho tới nay người ta còn chưa được biết, thì sẽ đến ngày quân Anh, quân Pháp, quân Pi-ê-mông và quân Thổ Nhĩ Kỳ bị tổng khừ khỏi đất Crum.

*Do. Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày
9 tháng Hai 1855*

*Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4323, ngày 26 tháng
Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

PAN-MỐC-XTƠN. - QUÂN ĐỘI

Luân Đôn, ngày 9 tháng Hai. Vì Pan-mốc-xton và Xít-ni Héc-bóc đã nhận chức vụ mới trong nội các nên phải tiến hành thủ tục bầu lại họ vào nghị viện. Do đó, hôm qua hai viện đã hoãn họp một tuần. Trong thông báo của mình tại thượng nghị viện về chuyện hậu trường của cuộc khủng hoảng nội các, huân tước Đốc-bi và hầu tước Lan-xdao-nơ đã lặp lại những điều mà họ đã nói nhiều lần. Chỉ có *một* câu nói của Đốc-bi làm lộ cái bí mật về hoàn cảnh của huân tước Pan-mốc-xton là quan trọng. Như đã biết, trong nghị viện, Pan-mốc-xton không có bè đảng nào mang danh một chính đảng. Đảng Vích, đảng To-ri, phái Pin đều không tin nhiệm ông ta. Trường phái Man-se-xtơ công khai chống lại ông ta. Những người thân tín của ông ta trong phái cấp tiến Mây-phe (khác với phái cấp tiến Man-se-xtơ) có không quá một tá). Vậy thì ai và cái gì khiến ông ta có thể ép buộc nữ hoàng và nghị viện phải chấp nhận mình? Danh tiếng của ông ta chẳng? Nó cũng ít có thể góp phần vào việc đó như bộ mặt không có danh tiếng của Glát-xtôn, Héc-bóc, Grê-hêm và Cla-ren-đôn có thể cản trở họ nắm lại quyền hành. Hoặc giả có lẽ một con người chưa bao giờ thuộc một đảng nào, lần lượt phục vụ tất cả các đảng, lần lượt rời bỏ tất cả các đảng và bao giờ cũng giữ thăng bằng giữa tất cả các đảng lại trở thành lãnh tụ tự nhiên của những đảng đã tan rã, những đảng đang mưu toan cản bước lịch sử bằng việc thành lập những nội các liên hiệp? Trong thời điểm này, tình hình đó không

chứng minh gì hết: nó không đủ để đặt Pan-móc-xton đứng đầu nội các liên hiệp thay cho A-bớc-đin ngay từ năm 1852.

Đốc-bi đã cho chiếc chìa khoá để giải câu đố ấy. Pan-móc-xton là người bạn công khai của Bô-na-pác-tơ. Việc ông ta vội vã thừa nhận cuộc chính biến tháng Chạp 1851 bấy giờ đã được xem là nguyên nhân khiến ông ta bị phế truất khỏi nội các đảng Vích⁴⁹. Cho nên ông ta là "persona grata" - con người được Bô-na-pác-tơ tín nhiệm. Còn liên minh với Bô-na-pác-tơ lúc này lại có ý nghĩa quyết định. Như thế là Pan-móc-xton đã ném nhân tố chính sách đối ngoại lên đĩa cân của các thế cờ trong nội các, và đây không phải là lần đầu tiên, người ta có thể rất dễ dàng tin chắc vào điều đó nếu như tìm hiểu kỹ hơn lịch sử của các nội các Anh trong thời kỳ từ năm 1830 đến năm 1852.

Vì hiện thời không còn có thể lợi dụng tình hình của quân đội ở Crum cho những âm mưu trong nội các nên tại phiên họp hạ nghị viện hôm qua, huân tước Giôn Rót-xen đã rút bỏ lời đánh giá bi quan của mình đối với tình hình, cho phép quân đội Anh tăng thêm vài ba vạn người và trao đổi với nhà chính giáo Glát-xtôn những lời chúc mừng nhau về vấn đề này. Tuy "nghị viện đã phục sinh" quân đội Anh vẫn không nghi ngờ gì là nay nó không còn tồn tại như một đạo quân nữa. Mấy ngàn người sở dĩ vẫn còn được xem là "đủ điều kiện phục vụ" vì ở bệnh viện không có chỗ cho họ nằm. Từ chỗ có 100 000 quân Pháp, còn lại khoảng 50 000 người. Nhưng 50 000 hoặc 60 000 người có nghĩa lý gì khi phải cố thủ suốt mùa đông ở Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây, phong toả Xê-va-xtô-pôn từ phía nam, phòng thủ các chiến hào, còn sang mùa xuân thì chuyển sang tấn công với lực lượng còn lại? Có thể là người Pháp đã có những sư đoàn mới sẵn sàng để chuyển đi bằng đường biển vào tháng Ba, song họ mất nhiều sức lực để chuẩn bị đối phó với chiến dịch mùa xuân trên lục địa, và tất cả đều nói lên rằng viện binh họ điều đến sẽ hoặc là quá yếu, hoặc là quá muộn.

Hai biện pháp mà các chính phủ Anh và Pháp tiến hành để cứu nguy là bằng chứng cho thấy họ bắt lợc và đã phó mặc quân đội ở Crum cho số phận.

Muốn sửa chữa cái sai lầm là tiến hành cuộc viễn chinh Crum chậm mất 4 tháng, họ lại mắc một sai lầm lớn hơn rất nhiều khi điều bộ phận tàn quân Thổ Nhĩ Kỳ duy nhất còn dùng được đến Crum vào giữa mùa đông, bốn tháng sau khi quân đội của họ đã đến đây. Lực lượng và sức chiến đấu của đạo quân này đã bị tiêu hao ngay ở Sum-la do sự trễ nải bắt lợc của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và do chính phủ này mua chuộc nên nó sẽ bị tan rã ở Crum vì đói và rét với một tốc độ nhanh đến mức vượt ngay cả những thành tích của người Anh trong lĩnh vực này.

Một khi quân Nga hoàn toàn tập trung được lực lượng của mình và khi thời tiết cho phép bắt đầu những chiến dịch dã chiến thì chắc là họ sẽ tấn công trước hết vào quân Thổ Nhĩ Kỳ của Ô-me-rơ-pa-sa. Người Anh và người Pháp chờ đợi điều đó khi biết người ta đã dành cho quân Thổ Nhĩ Kỳ vị trí bất lợi như thế nào. Như vậy là liên quân đã cho thấy rõ rằng khi điều quân Thổ Nhĩ Kỳ lên phía bắc lúc này, họ đã cố tình mắc cái sai lầm chiến lược ấy. Chỉ có những sai lầm khó tin là có thật của quân Nga mới có thể cứu được quân Thổ Nhĩ Kỳ khỏi sự tiêu diệt không tránh khỏi.

Hai là, người Anh và người Pháp đã thuê 15 000 người Pi-ê-mông để lấp lỗ hổng trong hàng ngũ quân Anh và sẽ do cục quân nhu Anh bảo đảm việc cung cấp. Trong những năm 1848 - 1849, người Pi-ê-mông đã tỏ ra là quân thiện chiến và dũng cảm. Phần lớn họ là người miền núi, có bộ binh tác chiến ở địa hình mấp mô, với đội hình tản khai và về kỹ thuật bắn nhau còn vượt cả người Pháp. Mặt khác vùng đồng bằng sông Pô còn cung cấp một lực lượng kỵ binh có thể sánh với kỵ binh cận vệ Anh. Sau hết, họ đã trải qua trường học gian khổ trong những chiến dịch mới đây nhất của thời đại cách mạng. Những chàng trai nhanh nhẹn, tháo vát linh hoạt, vóc người tầm thước ấy dùng vào việc gì cũng thích hợp, trừ việc làm người lính Anh mà người ta muốn biến họ thành, và trừ việc tiến hành những cuộc tấn công chính diện đại quy mô thông thường mà toàn bộ chiến thuật của Ra-glan quy lại chỉ là như vậy. Thêm vào đấy, quân trang của họ lại do cục quân nhu Anh cung cấp, một cơ quan cho tới nay chỉ biết tự cung

cấp cho bản thân mình mà thôi! Vì vậy việc thuê 15 000 người Pi-ê-mông có thể là một sai lầm mới nữa.

Việc điều quân Anh tăng viện hiện nay tạm ngừng. Xem ra thì chính Ra-glan đã cấm gửi viện binh tới, vì ông ta, thậm chí, không kham nổi ngay số tàn quân còn lại trong tay ông ta. Ai có thể tin rằng tình trạng bệnh tật, mệt mỏi, kiệt sức càng lan tràn trong doanh trại quân Anh thì lỗi đánh bằng roi đáng kinh ngạc lại càng được sử dụng rộng rãi? Những người đáng lẽ phải được gửi đi quân y viện từ lâu thì vẫn phải làm quân dịch hàng tuần lễ, ngủ trên đất ẩm với những bộ quần áo ướt và chịu đựng tất cả những cái đó với một nghị lực hầu như quá sức con người, những người ấy lại được thết đãi bằng "dùi cui" và gây nể người ta bắt gặp họ ngủ trong chiến hào. "Cho tên lười biếng này năm chục roi!", đây là mệnh lệnh chiến lược duy nhất mà huân tước Ra-glan thỉnh thoảng lại bàn ra. Có gì phải ngạc nhiên nếu như binh sĩ ở dưới quyền chỉ huy của tác giả cuộc "hành quân tạt sườn" nổi tiếng vào Ba-la-cla-va lại bắt chước ông ta và chạy trốn roi vọt cũng bằng một cuộc "hành quân tạt sườn" về phía quân Nga? Như phóng viên tờ "Times" đưa tin, hiện tượng đảo ngũ sang doanh trại quân Nga ngày càng nhiều.

Những chuyện khoác lác về cuộc tấn công Xê-va-xtô-pôn dĩ nhiên là đã im bật. Người ta nói, trước hết cần phải đập tan quân Nga ở bãi chiến trường. Cần nhớ rằng Oen-lin-ton đã hai lần ngừng cuộc bao vây Bát-đa-i-ôt để đối phó với đội quân đến cứu viện cho số quân đang bị vây. Thêm vào đó, như đã nói, những công sự phòng thủ mà quân Nga mới dựng lên làm mất khả năng chiếm thành phố bằng cuộc tấn công⁵⁰. Sau hết, những cuộc xuất kích gần đây của quân Nga chứng tỏ rằng liên quân chỉ có ưu thế về pháo binh so với quân Nga. Chừng nào chưa thể chấm dứt được các cuộc xuất kích thì mọi ý định tấn công đều phi lý. Nếu quân bao vây không đủ sức giam chân quân bị vây trong những bức tường của chính pháo đài thì họ lại càng không thể hy vọng chiếm pháo đài này bằng đánh giáp lá cà. Như vậy, quân hãm thành từ nay sẽ phải sống qua ngày đoạn tháng trong doanh trại của mình, bị chôn chân ở đấy bởi sự yếu đuối của bản thân và bởi quân đã chiến Nga. Hàng ngũ của họ sẽ tiếp tục tan rã, còn quân Nga trong

khi đó lại điều tới những lực lượng mới. Nếu như quân đồng minh không tìm được những nguồn lực lượng mới mà cho tới nay hoàn toàn chưa biết đến và trước đây chưa tính đến thì màn đầu của cuộc chiến tranh châu Âu được trình diễn ở Crum sẽ kết thúc bằng sự diệt vong của liên quân.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 9 tháng Hai 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"

số 71, ngày 12 tháng Hai 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

* TIN TỪ NGHỊ VIỆN: THAM LUẬN CỦA GLÁT-XTÔN

Luân Đôn, ngày 10 tháng Hai. Glát-xtôn, bộ trưởng tài chính giáo điều và Đun-xơ Xcốt, nhà tài chính, đã đưa ra sự xác nhận mới đối với câu ngạn ngữ cũ là "niềm tin tạo ra kỳ tích". Nhờ niềm tin, ông ta đã cải tử hoàn sinh cho những người chết, và nhờ niềm tin, ông ta đã tăng quân đội Anh ở Crum từ 11 000 lên 30 000 người. Ông ta đòi hỏi nghị viện cũng phải có niềm tin như vậy. Chẳng may bản báo cáo của bác sĩ Hôn, phụ trách quân y ở doanh trại Xê-va-xtô-pôn, đã được gửi tới vừa đúng lúc. Theo báo cáo này thì không những trung đoàn 63 đã hoàn toàn biến mất, mà trung đoàn 46, rời Anh vào tháng Mười một năm ngoái với 1 000 người, cũng chỉ còn lại có 30 người có sức chiến đấu; một nửa số người đang phục vụ trong quân ngũ - bác sĩ Hôn tuyên bố, - cần được đưa đi quân y viện và trong doanh trại còn lại nhiều nhất là 5 000 - 6 000 lính thực sự còn sức chiến đấu. Ai hiểu mảnh khoé của những kẻ bảo vệ sự sùng tín thì sẽ chẳng hoài nghi gì rằng giống như Phôn-xtáp, Glát-xtôn đã biến 6 000 người "mặc áo vải son"^{1*} thành 30 000 người. Phải chăng ông ta đã không tuyên bố với chúng ta hôm thứ năm, tại phiên họp gần đây của nghị viện, rằng những người tính toán ước lượng đều xuất phát từ những quan điểm khác nhau; chẳng hạn, người thiên về đánh giá

^{1*} Xem Sécch-xpia, "Vua Hen-ri IV", phần I, màn II, cảnh 4.

thấp quân số ở Crum thì ước tính kỳ binh không giống như bản thân ông ta ước tính - như thể là sau trận Ba-la-cla-va, nhìn chung vẫn còn tồn tại một lực lượng kỳ binh đáng kể! Đối với Glát-xtôn thì khi tính số lượng "những người mất tích" chẳng cần đưa gì vào con tính cả. Điều có một không hai là lời ông ta bộc bạch trong phiên họp hôm thứ năm về dự án "ngân sách" quân đội của ông ta, - trong đó mỗi khoản nợ thì ghi thành khoản cho vay, còn mỗi khoản thiếu thì ghi thành khoản thừa, - lời kết thúc của ông ta là "tha thứ cho những kẻ phản đối chính phủ về sự thổi phồng của họ". Khi ông ta khuyên các nghị sĩ chớ để "những tình cảm" chi phối thì giọng nói và tư thế của ông ta cũng có một không hai. Cần chịu đựng một cách ngoan ngoãn và thái độ cam chịu những sự đau khổ của *người khác* - đó là châm ngôn của ông Glát-xtôn theo chính giáo.

Do C.Mác viết ngày 10 tháng Hai 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"

số 73, ngày 13 tháng Hai 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

HUÂN TƯỞC PAN-MÓC-XTƠN⁵¹

I

Luân Đôn, ngày 12 tháng Hai. Huân tước Pan-móc-xton rõ ràng là một hiện tượng hết sức lý thú trong giới chính thức của nước Anh. Tuy đã là một ông già và từ năm 1807 hoạt động hầu như liên tục trên trường chính trị, ông ta vẫn luôn luôn khéo làm duyên về cái mới và kích thích tất cả những niềm hy vọng mà người ta thường hay gửi gắm vào những người trẻ tuổi có nhiều hứa hẹn và ít từng trải. Tuy ông ta đã gần kề miệng lỗ, nhưng người ta vẫn còn tin rằng bước đường công danh thực sự của ông ta đang ở phía trước. Giả dụ ngày mai Pan-móc-xton về châu trời thì cả nước Anh hẳn sẽ sững sốt khi biết rằng ông ta suốt nửa thế kỷ đã làm bộ trưởng. Không phải là nhà hoạt động nhà nước toàn năng, nhưng chắc chắn ông ta là một diễn văn toàn năng; ông ta có thể diễn xuất giỏi cả trong phong cách hùng lẫn hài, cả giọng hùng hồn lẫn giọng suồng sã, cả bi kịch lẫn hài kịch; song có lẽ vai hài hước thích hợp với tính cách của ông ta hơn. Ông ta không phải là một nhà hùng biện hạng nhất, nhưng lại là một nhà luận chiến hoàn hảo. Là con người có trí nhớ kỳ lạ, có kinh nghiệm phong phú, có sự lịch thiệp vô song, có sự khôn khéo và sự mềm dẻo thường trực của kẻ thượng lưu, là người biết rành rọt tất cả những mảnh lối, âm mưu, các đảng phái và các nhà hoạt động trong nghị viện, ông ta có thể với vẻ thần nhiên đáng mến

phán đoán về những sự việc cực kỳ phức tạp mà lần nào cũng thích ứng được với những định kiến của bất kỳ thính giả nào. Cái nonchalance^{1*} của ông ta giúp bảo vệ ông ta khỏi mọi sự bất ngờ, tính ích kỷ và sự quý quyết ngăn ngừa ông ta khỏi những cơn bực trực, còn tính quá ung dung nôi và thái độ thờ ơ quý tộc tránh cho ông ta khỏi nổi nóng. Bằng những lời dí dỏm ý nhị, ông ta biết cách tranh thủ được cảm tình của tất cả mọi người. Không bao giờ mất tự chủ, nhờ vậy ông ta làm cho những đối thủ cuồng nhiệt nhất của mình phải kính phục. Nếu như ông ta thiếu những quan niệm chung thì bao giờ ông ta cũng sẵn sàng thêu dệt ra những điều hoa mỹ bằng những sáo ngữ chung chung. Nếu như ông ta không thể chinh phục một đối tượng nào đó thì ông ta vẫn biết cách chơi trò với nó. Run sợ lẫn tránh đối chọi với kẻ địch mạnh, ông ta biết cách tạo ra cho mình một kẻ địch yếu.

Khi nhượng bộ thế lực nước ngoài trong việc làm, thì ông ta lại phản đối họ trong lời nói. Kế thừa di sản của Ca-ninh - tiện thể xin nói thêm là khi lâm chung ông này đã báo trước cần đề phòng Pan-móc-xton, - Pan-móc-xton đã nói theo cái học thuyết về sứ mệnh của nước Anh là truyền bá chủ nghĩa lập hiến trên lục địa, do đó lẽ đương nhiên là ông ta không bao giờ thiếu lý do để mơn trớn các định kiến dân tộc, đồng thời duy trì tính đa nghi mang tính chất đố kỵ với các cường quốc nước ngoài. Sau khi dùng phương pháp tiện lợi đó để biến mình thành bête noire^{2*} của các vương triều trên lục địa, ở trong nước ông ta đã giành được một cách dễ dàng cái danh tiếng "bộ trưởng Anh chính công". Tuy Pan-móc-xton ban đầu là người thuộc đảng To-ri, ông ta vẫn có thể đưa tất cả mọi "shams"^{3*} và mâu thuẫn vốn là thực chất của chủ nghĩa Vích vào việc chỉ đạo chính sách đối ngoại. Mượn ngôn ngữ kiêu căng của nước Anh quý tộc thời xưa, Pan-móc-xton biết kết hợp lời tán róc về dân chủ với các quan điểm của tập đoàn thống trị, biết bao che cho giai cấp tư sản tuyên truyền hoà bình. Ông ta biết tỏ vẻ là người công kích khi ông ta đồng ý và là người

^{1*} - tính vô tâm

^{2*} - con ngáo ộp, loài vật mà người ta sợ hãi và ghét bỏ (dịch theo từng chữ: "thú rừng hung dữ").

^{3*} - sự giả dối, trò bịp

bảo vệ khi ông ta phản bội; ông ta biết thương hại kẻ thù giả tưởng và biết chọc tức kẻ đồng minh giả tạo trong giờ phút quyết định của cuộc tranh cãi, ông ta biết đứng về bên mạnh hơn chống lại bên yếu và nói những lời táo bạo rồi đánh bài chuẩn.

Một số người chỉ trích ông ta ăn lương của Nga, một số người khác nghi ông ta thuộc phái Các-bô-na-ri. Năm 1848 ông ta đã buộc phải tự bào chữa tại nghị viện vì bị đe dọa đưa ra toà về tội bí mật thoả thuận với Nga, nhưng vào năm 1850 ông ta lấy làm hài lòng đã trở thành đối tượng hăm hại của các đại sứ quán nước ngoài, họ đã lập mưu chống lại ông ta, âm mưu này đã thành công ở thượng nghị viện, nhưng bị thất bại ở hạ nghị viện⁵². Nếu như Pan-móc-xton đã phản bội nhân dân nước khác thì ông ta đã làm việc đó một cách cực kỳ lịch thiệp. Nếu như kẻ áp bức bao giờ cũng có thể trông cậy vào sự giúp đỡ có hiệu quả của ông ta thì người bị áp bức lại được ông ta hào hiệp ban cho sự rộng lượng của nhà hùng biện khoa trương. Việc đàn áp phong trào của người Ba Lan, người I-ta-li-a, người Hung-ga-ri và các dân tộc khác bao giờ cũng trùng hợp với thời gian ông ta cầm quyền và kẻ thắng lợi trong những cuộc đàn áp ấy bao giờ cũng nghi ngờ ông ta bí mật thông đồng với những nạn nhân mà ông ta đã cho phép họ hăm hại. Chừng nào ông ta là địch thủ thì người ta luôn luôn có thể hy vọng thắng lợi chắc chắn, còn hễ ông ta là bạn thì người ta luôn luôn có thể cảm chắc thất bại. Nhưng nếu như nghệ thuật ngoại giao của Pan-móc-xton không kết thúc được các cuộc đàm phán của ông ta với nước ngoài bằng những kết quả tích cực đôi chút, thì nghệ thuật đó lại càng biểu hiện xuất sắc hơn trong kỹ năng của ông ta là buộc nhân dân Anh phải coi những câu nói suông là việc làm có thực, coi sự tưởng tượng là hiện thực và không thấy được những động cơ thấp hèn đằng sau những lý do cao đẹp.

Hen-ri Giôn Tem-plot, từ tước Pan-móc-xton, năm 1807 được cử làm thứ trưởng hải quân khi thành lập chính phủ của công tước Poóc-len. Năm 1809, ông ta trở thành secretary at war^{1*} và ở mãi chức vụ ấy cho đến tháng Năm 1828 trong các nội các Péc-xi-van,

^{1*} - quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề quân sự

chức vụ ấy cho đến tháng Năm 1828 trong các nội các Péc-xi-van, Li-vóc-pun, Ca-ninh, Gôt-rích và Oen-lin-ton. Dù sao, thật lạ lùng khi thấy vị Đông Ki-sốt ấy của "các thể chế tự do", tên Pin-đa-ơ ấy của "chế độ lập hiến vinh quang" xuất hiện với tư cách thành viên xuất sắc và thường trực của những nội các của đảng To-ri, là những nội các đã ban hành những đạo luật về ngũ cốc⁵³, cho phép lính đánh thuê nước ngoài đóng trên đất Anh, thỉnh thoảng lại - như lời huân tước Xít-mút - "làm chảy máu" nhân dân, bịt miệng báo chí, cấm hội họp, tước vũ khí của quần chúng nhân dân, có lúc thủ tiêu thủ tục tố tụng bình thường và đồng thời thủ tiêu cả tự do cá nhân, tóm lại, đã thi hành tình trạng giới nghiêm ở Anh và Ai-rơ-len! Năm 1829, Pan-móc-xton chạy sang phía đảng Vích, đảng này cử ông ta làm bộ trưởng ngoại giao vào tháng Mười một 1830. Không kể những khoảng thời gian mà đảng To-ri cầm quyền, tức là từ tháng Mười một 1834 đến tháng Tư 1835 và từ năm 1841 đến năm 1846, Pan-móc-xton luôn luôn chỉ đạo chính sách đối ngoại của Anh từ thời kỳ cách mạng năm 1830 đến cuộc chính biến năm 1851. Bản tin sau đây sẽ điếm qua hoạt động của ông ta trong thời kỳ ấy.

II

Luân Đôn, ngày 14 tháng Hai. Trong những tuần gần đây, tờ "Punch" đã nhiều lần mô tả Pan-móc-xton như chú Tễu trên sân khấu múa rối. Chú Tễu như đã biết là một nhân vật chuyên nghề phá hoại an ninh xã hội, là kẻ ưa đánh lộn om sòm, là thủ phạm gây ra những sự hiểu lầm tai hại, là bậc kỳ tài của những vụ tai tiếng. Hẳn chỉ cảm thấy thoải mái trong tình cảnh hỗn loạn ngập tràn do chính hắn gây ra, lợi dụng sự hỗn loạn ấy, hắn ném vạc, con rối ném cả cảnh sát ra cửa sổ, để rút cục vô có gây ra nhiều sự âm ỉ, khôn khéo thoát khỏi tình cảnh khó khăn, say sưa vui sướng độc địa về chuyện tai tiếng đã xảy ra. Huân tước Pan-móc-xton xuất hiện trước chúng ta như thế đấy - ít ra là trong hình tượng nghệ thuật - như một bóng ma quấy nhiễu không biết mệt mỏi, tìm kiếm đủ chuyện gây rối, đủ mọi âm mưu, đủ

bởi vậy tạo ra những xung đột ở nơi mà hẳn ta không tìm thấy chúng dưới hình thức có sẵn. Chưa hề có vị bộ trưởng ngoại giao nào của nước Anh lại phát huy được tính tích cực như thế trên khắp các xó xỉnh của trái đất. Cuộc phong toả Sen-đa, Ta-khô, Đu-ê-rô, cuộc bao vây Mê-hi-cô và Bu-ê-nốt - Ai-rét⁵⁴, cuộc viễn chinh đến Na-plơ, những cuộc viễn chinh nhân sự kiện Pa-xi-phi-cô và ở Vịnh Ba Tư⁵⁵, các cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha vì "tự do" và ở Trung Quốc⁵⁶, về nhập khẩu thuốc phiện, những vụ đụng độ ở biên giới Bắc Mỹ, các cuộc tiến quân ở Áp-ga-ni-xtan, trận pháo kích Xanh Giăng - đ' A-cro⁵⁷, những vụ tai tiếng ở Tây Phi về quyền khám xét các tàu, những vụ xích mích ngay cả ở "Pacific"^{1*} - và tất cả những cái đó đều kèm theo và được bổ sung bằng một số lượng không sao đếm xuể những công hàm có tính chất đe dọa và hàng chông biên bản và kháng thư ngoại giao. Tất cả sự náo động ấy thường kết thúc bằng những cuộc tranh luận gay gắt ở nghị viện; những cuộc tranh luận này lần nào cũng bảo đảm thắng lợi ngắn ngủi cho vị huân tước cao quý. Người ta có ấn tượng là Pan-móc-xton xử lý những xung đột trong lĩnh vực chính sách đối ngoại như một diễn viên, đến giờ phút nhất định thì làm cho chúng trở nên gay gắt, nhưng lập tức nhường bộ một khi những xung đột ấy đe dọa có tính chất quá nghiêm trọng hoặc đã gây ra được sự kích động có kịch tính cần thiết cho anh ta. Bản thân lịch sử thế giới được xem là trò giải trí được bày đặt ra chỉ là để tử tước cao quý Pan-móc-xton thuộc dòng họ Pan-móc-xton có thể mua vui. Đây là ấn tượng đầu tiên mà thuật ngoại giao muôn hình ngàn vẻ của Pan-móc-xton gây ra cho những người ít từng trải. Nhưng khi nghiên cứu kỹ hơn sẽ thấy rằng thật kỳ lạ là tất cả những nước cờ ngoại giao của ông ta chỉ có lợi cho một nước, hơn nữa lại không phải là nước Anh mà là nước Nga. Hi-um, bạn của Pan-móc-xton đã tuyên bố vào năm 1841 như sau:

"Nếu như hoàng đế Nga có tay sai của mình trong nội các Anh thì tên này chắc gì có thể bảo vệ lợi ích của hoàng đế tốt hơn là vị huân tước cao quý đang làm".

Năm 1837, huân tước Đa-đli Xtiu-át, một trong những người

^{1*} - "Thái Bình Dương"

sùng bái Pan-móc-xton nhiệt thành nhất đã nói với ông ta như sau:

"Huân tước cao quý định để cho nước Nga xúc phạm nước Anh và gây thiệt hại cho nền mậu dịch Anh bao lâu nữa? Huân tước cao quý đã làm nhục nước Anh trước con mắt toàn thế giới, sắm cho nó cái vai kẻ gây gỗ khoắc lác, ngạo mạn và tàn nhẫn đối với kẻ yếu, ngoan ngoãn và quy lụy đối với kẻ mạnh".

Dù sao cũng không thể phủ nhận sự thực là tất cả các hiệp ước có lợi cho Nga, từ Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn đến Hiệp ước Ban-ta-Li-man⁵⁸, và hiệp ước kế thừa ngôi vua Đan Mạch⁵⁹, đều được ký kết dưới sự bảo hộ của Pan-móc-xton; thật ra khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, Pan-móc-xton không ở trong chính phủ mà ở phe đối lập, nhưng hiệp ước này sở dĩ được thừa nhận chính là nhờ ông ta dựng lên những âm mưu bí mật; mặt khác, đứng đầu phe đối lập đảng Vích thời kỳ đó, ông ta đã công kích A-bớc-đin là ngả về Áo - Thổ Nhĩ Kỳ và tuyên bố rằng nước Nga là người bảo vệ nền văn minh (chẳng hạn hãy xem biên bản các phiên họp của hạ nghị viện các ngày 1 tháng Sáu 1829, 11 tháng Sáu 1829, 16 tháng Hai 1830 v.v.). Về vấn đề này, ngài Rô-bớc Pin tuyên bố tại hạ nghị viện rằng "ông ta không rõ Pan-móc-xton thực ra đại diện cho ai". Tháng Mười một 1830, Pan-móc-xton trở thành người đứng đầu bộ ngoại giao. Ông ta không những cự tuyệt đề nghị của Pháp về một cuộc can thiệp chung có lợi cho Ba Lan do xét đến "quan hệ hữu nghị giữa nội các Xanh-Giêm-xơ và nội các Xanh-Pê-téc-bua", mà còn cấm Thụy Điển tự vũ trang, đe dọa tiến hành chiến tranh với Ba Tư là nước đã phái quân đội đến biên giới Nga nếu nước Ba Tư này không rút quân về. Pan-móc-xton thậm chí trang trải một phần chi phí quân sự của Nga, không được nghị viện ủy quyền mà vẫn tiếp tục thanh toán cả gốc lẫn lãi cho cái gọi là khoản nợ Nga - Hà Lan, mặc dầu cách mạng Bỉ đã hủy bỏ hiệp định về khoản nợ ấy⁶⁰. Năm 1832, ông ta cho phép từ bỏ quyền thế nợ bằng lãnh thổ quốc gia mà Quốc hội Hy Lạp đã trao cho Anh là một bên ký kết với tư cách là sự đảm bảo cho khoản nợ Hy Lạp - Anh năm 1824 và chuyển nó thành đảm bảo cho một khoản nợ khác được ký kết với sự giúp đỡ của Nga. Các điện khẩn của Pan-móc-xton gửi công sứ Anh ở Hy Lạp là ông Đô-kin-xơ thường xuyên chỉ rõ: "Ngài phải hành động nhất

trí với đại diện Nga". Ngày 8 tháng Bảy 1833, Nga buộc Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ ký Hiệp ước Un-ki-ác I-xkê-lê-xi nhằm đóng cửa eo biển Đắc-đa-nen đối với tàu thuyền châu Âu và bảo đảm nền độc tài tám năm của Nga ở Thổ Nhĩ Kỳ⁶¹ (xem điều hai của hiệp ước). Vua Thổ Nhĩ Kỳ^{1*} buộc phải ký hiệp ước ấy vì hạm đội Nga đã đậu ở Bô-xpho, còn quân đội Nga thì đã ở cửa ngõ Công-xtăng-ti-nô-plơ dường như để đề phòng I-bra-him-pa-sa. Pan-móc-xton nhiều lần cự tuyệt yêu cầu khẩn khoản của Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị can thiệp vì lợi ích của Thổ Nhĩ Kỳ và thế là buộc Thổ Nhĩ Kỳ phải chấp nhận sự giúp đỡ của Nga. (Điều đó thể hiện rõ qua những lời tuyên bố của chính ông ta tại hạ viện ngày 11 tháng Bảy, 24 tháng Tám và tại các phiên họp khác năm 1833 cũng như ngày 17 tháng Ba 1834). Đến khi huân tước Pan-móc-xton lên giữ chức bộ trưởng ngoại giao thì ảnh hưởng của Anh ở Ba Tư rõ ràng là chiếm ưu thế. Các đại diện Anh trước sau như một vẫn được ông ta chỉ thị là "trong bất kỳ tình huống nào", họ "đều phải hành động nhất trí với đại sứ Nga". Nhờ sự giúp đỡ của Pan-móc-xton, Nga mới đưa được lên ngai vàng Ba Tư người do mình sắp đặt^{2*}. Huân tước Pan-móc-xton phê chuẩn cuộc viễn chinh Nga - Ba Tư chống lại Hê-rát. Sau khi cuộc viễn chinh này thất bại, ông ta ra lệnh tiến hành một cuộc viễn chinh Anh - Ấn vào vịnh Ba Tư - một cuộc nghi binh góp phần tăng cường ảnh hưởng của Nga ở Ba Tư. Năm 1836, dưới thời chính phủ của huân tước cao quý, nước Anh lần đầu tiên thừa nhận việc Nga xâm chiếm cửa sông Đa-nuýp, việc họ thi hành những điều lệ về kiểm dịch và thuế quan⁶² v.v.. Cũng năm ấy, Pan-móc-xton lợi dụng việc chiến hạm Nga tịch thu tàu buôn Anh "Vích-xen" tại vịnh Xút-giúc - Ca-lơ ở Séc-kê-xi - tàu "Vích-xen" được đưa đến đây theo đòi hỏi của Chính phủ Anh - để chính thức thừa nhận những tham vọng của người Nga đối với bờ biển Tréc-kê-xi. Đồng thời người ta lại phát hiện rằng trước đây 6 năm ông ta đã bí mật thừa nhận những tham vọng của Nga đối với Cáp-ca-dơ. Vào lúc ấy, tử tước cao quý đã tránh được cuộc biểu quyết khiển

^{1*} - Ma-khơ-mút II

^{2*} - Mô-ha-mét-sắc, tức quốc vương Mô-ha-mét, từ "sắc" trong tiếng Ba Tư có nghĩa là quốc vương.

trách lại hạ nghị viện nhờ một đa số chỉ có 16 phiếu. Một trong những người lên án Pan-móc-xton gay gắt nhất thời bấy giờ là ngài Xơ-rát-pho Can-ninh, hiện nay là huân tước Rết-clíp-phơ, đại sứ Anh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Năm 1836, một đại diện Anh^{1*} ở Công-xtăng-ti-nô-plơ đã ký với Thổ Nhĩ Kỳ một hiệp định mậu dịch có lợi cho Anh. Pan-móc-xton trì hoãn phê chuẩn hiệp định ấy và năm 1838 lại lên lút ký một hiệp định mới hết sức có lợi cho Nga và bất lợi cho Anh đến mức một số nhà buôn Anh ở các nước Cận Đông quyết định từ nay sẽ buôn bán dưới sự bảo trợ của các hãng buôn Nga. Cái chết của quốc vương Uy-li-am IV đã thành cái cớ cho một vụ tai tiếng om sòm có liên quan đến "Portfolio"⁶³. Trong thời kỳ cách mạng ở Vác-sa-va, toàn bộ tập thư từ bí mật, điện khẩn v.v.. của các quan chức ngoại giao và bộ trưởng Nga lưu trữ trong lâu đài của đại công tước Côn-xtan-tin đều rơi vào tay người Ba Lan. Bá tước Da-môi-xki, cháu của công tước Sác-tô-ru-xki, đã chuyển những tài liệu ấy sang Anh. Ở đây, theo lệnh của quốc vương, những tài liệu ấy được đăng trên tờ "Portfolio", do Uốc-các-tơ biên tập và dưới sự giám sát chung của Pan-móc-xton. Quốc vương vừa chết, Pan-móc-xton liền phủ nhận sự tham gia của mình vào việc đăng các tài liệu ấy trên tờ "Portfolio", từ chối thanh toán chi phí cho chủ nhà in v.v.. Bấy giờ Uốc-các-tơ cho công bố thư từ của mình với ông Bắc-hau-xơ, người trợ lý của Pan-móc-xton. Tờ "Times" (ra ngày 26 tháng Giêng 1839) bình luận về việc ấy như sau:

"Chúng tôi không biết huân tước Pan-móc-xton cảm thấy thế nào, nhưng chúng tôi hoàn toàn biết rõ là bất kỳ một người nào khác được xem là quý tộc và giữ chức vụ bộ trưởng sẽ có cảm giác gì sau khi công bố những thư từ ấy".

Do C.Mác viết ngày 12 và 14 tháng Hai 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"

số 79 và 83, ngày 16 và 19 tháng Hai 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức.
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong cuốn: C.Mác và Ph.
Ăng-ghe-n "Luận văn và thư tín
1854-1855", 1924.*

^{1*} - Uốc-các-tơ

C.MÁC

HÉC-BỚC LẠI TRÚNG CỬ. - NHỮNG BIỆN PHÁP ĐẦU TIÊN CỦA NỘI CÁC MỚI. - TIN TỨC TỪ ĐÔNG AN

Luân Đôn, ngày 16 tháng Hai. Hôm qua tại hội trường toà thị chính Xôn-xbe-ri đã trình diễn tấn tuồng bầu lại Xít-ni Héc-bóc làm nghị sĩ của khu Nam Uy-len-sia. Uy-len-sia nổi tiếng trong các tỉnh ở Anh cả về sự tập trung sở hữu ruộng đất, nhờ sự tập trung đó mà toàn bộ ruộng đất ở đây đã trở thành sở hữu của chưa đầy một tá gia đình. Trừ một số vùng ở Bắc Xcôt-len, không có nơi nào mà ruộng đất được "quét sạch" dân cư một cách chu đáo như ở đây và không có nơi nào áp dụng triệt để hệ thống nông nghiệp hiện đại như ở đây. Nếu như đôi khi không nổ ra những cuộc tranh chấp gia đình giữa một số ít lãnh chủ thì Uy-len-sia không hề biết gì đến tranh cử cả.

Ngoài Xít-ni Héc-bóc, người ta không đưa ra một ứng cử viên nào. Do đó viên quận trưởng chủ trì cuộc bầu cử đã lập tức tuyên bố ngay lúc khai mạc với Héc-bóc rằng Héc-bóc đã lại trúng cử theo đúng mọi quy định của luật pháp. Bấy giờ Héc-bóc đứng lên và phát biểu mấy câu chung chung nhằm tai trước các tá điền và chư hầu của mình. Trong khi đó thị dân dần dần tụ tập trong hội trường, họ không được quyền bầu cử nhưng hiến pháp Anh trao cho họ cái đặc quyền là quấy rầy ứng cử viên bằng những câu hỏi của họ tại các hustings^{1*}. Xít-ni Héc-bóc chưa kịp ngồi xuống

^{1*} - đại hội bầu cử

thì những câu hỏi chòng chéo tới tấp rơi xuống cái đầu thần thánh của ông ta: "Còn vấn đề những hạt cà phê chưa rang mà binh sĩ của chúng ta được thết đãi thì như thế nào?", "Quân đội của chúng ta ở đâu?", "Tờ "Times" hôm qua nói gì về Ngài?", "Tại sao Ngài thương hại Ô-đét-xa?", "Ông cậu của Ngài là công tước Nga Vôn-rôn-xốp có những cung điện ở Ô-đét-xa không?".v.v.. Đương nhiên, không ai để ý đến công chúng ngoài nghị viện ấy và những câu hỏi của họ. Trái lại, Xít-ni Héc-bóc lợi dụng lúc tiếng ồn ào lắng xuống ít nhiều để đề nghị biểu quyết lời cảm ơn quận trưởng đã điều khiển "cuộc thảo luận" một cách "không thiên vị" như thế. Đề nghị đó được thông qua giữa những tiếng vỗ tay của đám công chúng nghị viện và giữa tiếng huýt sáo và lầu bầu của đám công chúng ngoài nghị viện. Tiếp theo là tràng thứ hai những câu hỏi moi móc: "Kẻ nào giam đói binh sĩ chúng ta?" - "Hãy đưa chính hấn ta ra trận!"v.v.. Kết quả vẫn như lần đầu. Sau đó viên quận trưởng tuyên bố kết thúc cuộc trình diễn đã kéo dài hơn nửa giờ và bức màn hạ xuống.

Những biện pháp đầu tiên của nội các mới cải tổ chẳng được hoan nghênh. Vì huân tước Pan-muy-rơ, bộ trưởng chiến tranh mới, là người tàn phế nên gánh nặng chủ yếu của chức trách ông ta dồn lên vai thứ trưởng chiến tranh. Việc bổ nhiệm Phrê-đê-rích Pin, con trai thứ của ông Pin đã quá cố, vào chức vụ quan trọng ấy càng làm cho người ta phẫn nộ hơn, vì Phrê-đê-rích Pin là một kẻ tầm thường ai ai cũng thấy. Tuy còn trẻ, hấn đã là hiện thân sống động của thói cổ hủ. Những người khác thì trở thành quan liêu, còn hấn ta thì bẩm sinh đã là một tên quan liêu. Phrê-đê-rích nhận được chức vụ đó là nhờ thế lực của phái Pin. Do đó phải đặt một nhân vật của đảng Vích lên bàn cân bên kia. Cho nên ngài Phren-xít Bê-rinh cũng được cử làm lãnh chúa công quốc Lan-kê-xơ. Ông ta đã từng làm bộ trưởng tài chính trong chính phủ của đảng Vích của huân tước Men-buốc và bấy giờ đã được gán cho cái biệt hiệu rất xứng đáng là "Ngài thâm hụt". Việc bổ nhiệm các chức vụ mới trong quân đội vẫn theo y nguyên chế độ nguyên lão. Chẳng hạn, huân tước Xi-tôn tám mươi tuổi

được cử làm tư lệnh quân đội ở Ai-rơ-len. Huân tước Rô-cơ-bi già nua, điếc, mắc bệnh thống phong được cử sang Crum chỉ huy lữ đoàn vệ binh. Sư đoàn 2 ở Crum, trước đây do ngài Đơ Lây-xi Ê-van-xơ chỉ huy, được trao cho tướng Xim-xơn, một người chẳng giống Xăm-xông chút nào, trái lại, chức tổng trấn Poóc-xmút an nhàn mới thật thích hợp với viên tướng già nua ấy. Tướng Xô-mơ-xét là tướng chỉ huy lữ đoàn từ năm 1811, đã lên đường đi làm tổng tư lệnh ở Đông Ấn. Sau hết, đô đốc Bốc-sơ, "phần tử vô chính phủ" già nua ấy, như tờ "Times" gọi, khi ở Công-xtăng-ti-nô-plơ đã đưa tất cả các phương tiện vận tải vào cảnh vô cùng lộn xộn thì nay được cử tới Ba-la-cla-va để đem lại "trật tự" cho hải cảng.

"Chúng tôi e rằng" - tờ "Times" viết - "chúng ta sẽ buộc phải tìm kiếm nguồn nghị lực của nội các ở một nơi nào khác. Hẳn sẽ là vô ích nếu trông cậy vào những kẻ mắc tội phung phí không tiếc tay và thiếu suy nghĩ những nguồn của cải tốt nhất của nước ta trong cuộc đấu tranh chống lại sự phung phí đó. Nếu như đầu óc họ không bị quay cuồng vì nắm chính quyền lâu dài, một chính quyền thường xuyên chuyển từ tập đoàn này sang tập đoàn khác của giai cấp họ, thì ít ra họ đã không để cho óc vị kỷ thiển cận và ngoan cố ấy bộc lộ ra vào đúng lúc này. Thiết tưởng bản năng tự vệ phải dạy họ cái gì đó, và chúng tôi trình trọng hỏi nhân dân Anh: liệu nhân dân Anh có thể cho phép đưa đồng bào mình ra làm vật hiến tế cho sự thờ ơ tàn nhẫn hoặc sự bắt tài bắt lực không?" "Không phải chính phủ, thậm chí không phải hạ nghị viện, mà là hiến pháp Anh đang phải ra trước toà", tờ "Times" đe dọa như vậy.

Tin tức gần đây từ Đông Ấn có ý nghĩa quan trọng vì chúng cho thấy rõ tình hình không vui ở Can-cút-ta và Bom-bay. Ở các khu công nghiệp dệt, cuộc khủng hoảng đang tới gần một cách chậm chạp nhưng chắc chắn. Trong cuộc họp ngày hôm kia, các chủ xưởng sợi mịn ở Man-se-xtơ đã quyết định sẽ thực hiện tuần lễ làm việc bốn ngày trong các công xưởng của mình kể từ ngày 26 tháng Hai, trong thời gian ấy kêu gọi các chủ xưởng vùng lân cận cũng áp dụng biện pháp ấy. Tại các công xưởng ở Bléch-bóc, Pre-xtơ và Bôn-tơ, công nhân đã được báo trước rằng từ nay họ sẽ chỉ làm việc "không trọn cả tuần". Các vụ phá sản sẽ xảy ra đặc biệt nhiều và nghiêm trọng vì rằng năm ngoái nhiều chủ xưởng, để tác động vào thị trường, đã tự nắm lấy mậu dịch xuất

khẩu, lẫn tránh các hãng buôn. Thứ tư trước tờ "Manchester Guardian"⁶⁴ đã thừa nhận rằng đang xảy ra hiện tượng *sản xuất thừa* không những về sản phẩm của công xưởng mà thừa chính bản thân các công xưởng.

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 85, ngày 20 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 17 tháng Hai. Hôm qua nghị viện lại họp. Sự buồn nản bao trùm hạ nghị viện. Hạ nghị viện có vẻ chán nản vì nhận thấy rằng những sự cải cách chính trị ba tuần vừa qua đã làm mất sạch uy tín của nó. Nội các cũ vẫn nắm chính quyền, chỉ đổi mới chút ít. Hai huân tước già không thể dàn xếp được với nhau đã biến khỏi nội các, nhưng huân tước già thứ ba vốn cùng bị bỏ phiếu không tín nhiệm với hai ngài kia, lại không bị giáng cấp mà còn được đề bạt lên cấp cao nhất. Huân tước Pan-móc-xton được đón tiếp với sự im lặng trịnh trọng. Không có “cheers”^{1*} nào, không có sự nhiệt tình nào. Trái với lệ thường, người ta đã đón tiếp bài diễn văn của ông ta với thái độ hết sức lạnh nhạt và hoài nghi khó chịu. Và cũng trái với lệ thường, trí nhớ đã phản bội ông ta và ông ta cứ luống cuống loay hoay giở cuốn sổ tay để ở trước mặt mặc cho đến khi ngài Sác-lơ Vút khẽ nhắc cho ông ta cái ý đã lãng quên. Xem ra thì thính giả không tin rằng việc thay đổi tâm biến đề sẽ cứu vãn được một hãng buôn cũ khỏi bị phá sản. Toàn bộ vẻ mặt của Pan-móc-xton làm sống lại trong trí nhớ người ta câu nói của hồng y giáo chủ An-be-rô-ni nói về Uy-li-am O-răng-giơ:

“Con người ấy khi cầm chiếc cân trong tay thì mạnh, còn khi ném bản thân mình lên đĩa cân thì yếu”.

^{1*} - “tiếng hoan hô”

Song không thể chối cãi được rằng sự kiện quan trọng nhất là sự xuất hiện của liên hiệp mới chống lại sự liên hiệp cũ đã cải tổ, liên hiệp mới của đảng To-ri đứng đầu là Đi-xra-e-li với bộ phận kiên quyết nhất trong phái cấp tiến – Lây – ác, Đôn-côm-bơ, Hoóc-xmen và những người khác. Chính trong phái cấp tiến, trong phái cấp tiến Mây-phe, Pan-móc-xton từ trước tới nay vẫn có những người hết sức trung thành với mình. Một tờ báo của chính phủ tiết lộ: Lây-ác bị thất vọng trong niềm hy vọng nhận một chức vụ nào đó ở bộ chiến tranh. Một tờ báo khác gợi ý: hãy cho ông ta một chức vụ gì đấy!

Trước khi giới thiệu nội các mới của mình, huân tước Pan-móc-xton đã trình bày vắn tắt lịch sử cuộc khủng hoảng nội các. Sau đó ông ta khoe khoang món hàng của mình: nội các do ông ta thành lập

“có đủ năng lực hành chính, đủ sự sáng suốt về chính trị, nắm vững những nguyên tắc tự do, có đầy đủ tinh thần yêu nước và quyết tâm hoàn thành chức trách của mình”.

Huân tước Cla-ren-đôn, huân tước Pan-muy-rơ, ông Glát-xtôn, ngài Giêm-xơ Grê-hêm – người nào cũng được khen ngợi. Nhưng nội các xuất sắc ấy lại gặp khó khăn lớn. Ông Rô-bác dự họp ở đây cứ nằng nặc đòi cử một ủy ban điều tra vào thứ năm sau. Nghị viện cần ủy ban ấy để làm gì? Hãy nhớ lại một giai thoại dưới thời Ri-sốt II và có liên quan đến thời kỳ nổi loạn của Uốt Tai-lơ. Ông vua trẻ tuổi gặp một toán quân phiến loạn mà thủ lĩnh của họ vừa chết trước mặt họ. Dũng cảm tiến về phía họ, nhà vua nói lớn: “Các người đã mất thủ lĩnh; hỏi các bạn, trẫm sẽ là thủ lĩnh của các bạn”. “Còn tôi” (nhà độc tài trẻ tuổi (!) Pan-móc-xton) “nói thế này: thừa nghị viện, nếu nghị viện đồng ý từ bỏ cái ủy ban ấy thì bản thân chính phủ sẽ là ủy ban của nghị viện”.

Sự so sánh một cách thiếu tôn trọng nghị viện với một đám “quân phiến loạn” và láo xược yêu cầu biến nội các thành quan tòa của chính nghị viện đã gây ra những tiếng cười châm biếm. Các ngài muốn gì, - cất cao giọng và ngừng đầu khiêu khích theo lối Ai-rơ-len, Pan-móc-xton nói lớn, - ủy ban điều tra nhằm mục

đích gì? Cái tiến lĩnh vực quản lý. Hay lắm! Hãy nghe đây, chúng tôi đang thi hành những biện pháp gì về mặt này. Cho tới nay, các ngài có hai vị bộ trưởng chiến tranh: secretary at war^{1*} và bộ trưởng chiến tranh. Từ nay, các ngài sẽ chỉ có một, đó là bộ trưởng chiến tranh. Còn về cục pháo binh thì sự lãnh đạo chung về quân sự được chuyển giao cho tổng tư lệnh tối cao (Horseguards), còn sự lãnh đạo về dân sự thì thuộc bộ trưởng chiến tranh. Ngành vận tải sẽ được mở rộng. Cho tới nay, theo luật năm 1847, thời hạn quân dịch là 10 năm, từ nay có thể đi lính thuê với bất cứ thời hạn nào - từ 1 đến 10 năm. Sẽ không nhận những người dưới 24 tuổi và trên 32 tuổi nhập ngũ. Bây giờ nói về tình hình chiến trường! Để đem lại sự thống nhất, sự kiên quyết và quy tắc trong việc tiến hành chiến tranh và quản lý trên chiến trường, Pan-móc-xton đề nghị một biện pháp tuyệt vời: đặt thêm vào mỗi chức một kiểm soát viên với những quyền hạn không xác định. Huân tước Ra-glan vẫn giữ chức tổng tư lệnh, nhưng tướng Xim-xơn sẽ làm tổng tham mưu trưởng, và Ra-glan “sẽ cho rằng mình có nghĩa vụ thực hiện những ý kiến cố vấn của ông ta”. Ngài Giôn Buéch-gô-in sẽ bị triệu hồi, còn ngài Hác-ri Giôn-xơ sẽ được cử làm tổng đại diện toàn quyền của cục quân nhu với những quyền lực độc tài vô hạn. Nhưng đồng thời sẽ cử đến Crum một quan chức dân sự - ngài Giôn Mác-Nai-lơ (tác giả của cuốn sách mỏng nổi tiếng “Cuộc xâm lấn của nước Nga ở phương Đông”⁶⁵) - để điều tra vấn đề biên thủ của công, bắt lặc, vi phạm chức trách ở cục quân nhu. Sẽ lập những quân y viện mới ở Xmiéc-na, Xcu-ta-ri và tiến hành cải cách công tác y tế ở Crum và ở chính nước Anh; cứ 10 ngày một lần tàu vận tải sẽ đi lại giữa Crum và Anh để chuyển thương bệnh binh. Nhưng đồng thời bộ trưởng chiến tranh cũng sẽ yêu cầu chủ tịch Hội đồng bảo vệ sức khỏe cử ba quan chức dân sự đến Crum để khi mùa xuân đến, họ sẽ thi hành những biện pháp vệ sinh phòng bệnh cần thiết chống dịch hạch và kiểm tra hoạt động của nhân viên y tế và tình hình tổ chức công tác y tế. Từ đó người ta thấy rằng có rất nhiều khả năng nổ ra những cuộc tranh chấp về vấn đề quyền hạn.

^{1*} - quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề quân sự

Còn huân tước Ra-glan thì để đền bù về chỗ từ nay “quyền chỉ huy tối cao” của ông ta “bị thiết chế hợp pháp hạn chế”, huân tước sẽ được toàn quyền đàm phán về việc thành lập tại Công-xtăng-ti-nô-plơ một đội công nhân quét đường và công nhân đào huyệt gồm 300 người Thổ Nhĩ Kỳ để khi thời tiết trở nên âm áp sẽ ném xuống biển các quân nhân tử vong, những con ngựa đã tử trận và mọi thứ rác rưởi. Trên chiến trường sẽ thành lập một đoàn vận tải chuyên trách đường bộ. Do đó, trong khi một mặt sẽ tiến hành chuẩn bị cho chiến sự sau này, thì mặt khác, ở Viên, huân tước Giôn Rốt-xen sẽ chuẩn bị cho hòa ước, nếu như có thể làm được điều đó.

Đi-xra-e-li. – Nghe những lời tán dương của vị huân tước cao quý “về năng lực hành chính và sự sáng suốt về chính trị” của các đồng sự của mình, khó bề tin được rằng huân tước nói về chính “những bậc thầy vô song về sai lầm” mà nghị viện đã chỉ trích 19 ngày trước đây! Cứ cho rằng những cải tiến đã hứa hẹn sẽ được thực hiện và sẽ đem lại những kết quả hứa hẹn. Song những sự cải tiến ấy chẳng phải là sự châm biếm độc ác nhất đối với cái nội các vốn là kẻ duy nhất phản đối những sự cải tiến ấy, là kẻ đã giải thích quyết định của hạ nghị viện về việc điều tra những nguyên nhân của sự quản lý tồi tệ trước đây như là cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm mình, hay sao? Ngay cả huân tước Giôn Rốt-xen cũng nói rằng ông ta vẫn không thể hiểu nổi tại sao quân đội lại biến mất một cách bí ẩn và cần phải điều tra những nguyên nhân bí ẩn của sự biến đi này. Phải chăng nghị viện sẽ phải tự đặt mình vào địa vị một thằng ngốc và lại thủ tiêu quyết định mà nó đã thông qua chừng 10 ngày trước đây? Bây giờ nghị viện sẽ hoàn toàn mất ảnh hưởng của mình đối với xã hội trong những năm dài. Huân tước cao quý và các đồng sự được đổi mới của ông ta sẽ đưa ra những luận cứ gì nhằm thuyết phục hạ nghị viện cứ để mặc cho người ta lừa gạt mình? Đây là những lời hứa sẽ không bao giờ được đưa ra, nếu không có sự đe dọa thành lập ủy ban điều tra. Đi-xra-e-li nặng nề đòi nghị viện phải điều tra. Bắt tay vào nghĩa vụ cao cả của mình, Pan-móc-xton mở đầu bằng sự đe dọa chống lại hoạt động độc lập của nghị viện. Chưa hề có một nội các nào được phía đối lập

ủng hộ và sẵn lòng phục vụ như nội các của huân tước A-bóc-đin - nội các “sau chót”, nếu như có thể nói như thế. Người ta bảo là chính hai Đrô-mi-ô ấy đã làm cho ông ta hết sức rối trí; bởi vậy tốt hơn hết là nói rằng – “nội các sau chót ấy và những người kế thừa trung thành hiện nay của nó – là anh em sinh đôi ngồi trên ghế nội các”.

Rô-bác tuyên bố rằng thứ năm sau, ông ta sẽ đề cử người vào ủy ban đã được nghị viện phê chuẩn. Chính phủ vẫn là chính phủ cũ, chỉ có những con bài được đảo lại, song những con bài ấy lại rơi vào những bàn tay cũ. Chỉ có sự can thiệp trực tiếp của hạ nghị viện mới có thể đập tan xiềng xích của lề thói cũ và xóa bỏ được những trở ngại không cho phép chính phủ tiến hành những cải cách cần thiết ngay cả khi chính phủ muốn điều đó.

T. Đơn-côm-bơ. – Huân tước cao quý tuyên bố với chúng ta rằng ông ta và chính phủ đồng ý tự mình trở thành ủy ban của chúng ta! Xin vô cùng đa tạ! Nghị viện muốn điều tra chính hoạt động của huân tước cao quý và các đồng sự của ngài! Huân tước hứa hẹn những cuộc cải cách, nhưng ai sẽ tiến hành? Chính những con người mà sự quản lý của họ đã gây ra tính tất yếu của cải cách. Trong lĩnh vực quản lý không hề có chút gì thay đổi. Status quo ante^{1*} đối với đồ án của *Rô-bác* vẫn được duy trì. Huân tước Giôn Rốt-xen đã nhát gan chuồn khỏi cương vị của mình. Bản thân huân tước Pan-móc-xton là “bông hoa úa” của 13 nội các đã về châu tiên tổ kể từ nội các của huân tước Li-vóc-pun đến nội các hiện nay. Bởi vậy, hiển nhiên huân tước phải có “kinh nghiệm phong phú và tài năng quản lý lớn lao”. Huân tước Pan-muy-rơ của ông ta không sánh được thậm chí cả với công tước Niu-ca-lơ. Cử uỷ ban vẫn chưa phải là lên án. Vấn đề là điều tra. Sự lên án chắc sẽ đến liền sau đó. Còn cuộc đàm phán ở Viên, thì trong vấn đề này chính phủ đã tự đối lập với nhân dân.

Nhân dân muốn xét lại Công ước Viên năm 1815 vì lợi ích của người Ba Lan, người Hung-ga-ri và người I-ta-li-a. Nhân dân hiểu chiến tranh chống Nga là sự thủ tiêu thực sự ưu thế của Nga.

Vậy là, nội các Pan-móc-xton mở đầu từ điều mà nội các A-bóc-đin đã kết thúc, - từ cuộc chiến tranh chống đề án của *Rô-bác*. Đến thứ năm sau, mọi thủ đoạn sẽ được thi thố để tập hợp đa số nội các chống lại ủy ban điều tra.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 88, ngày 22 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - Nguyên trạng

C.MÁC

SỰ LIÊN HIỆP CỦA ĐẢNG TO-RI VỚI PHÁI CẤP TIẾN

Luân Đôn, ngày 19 tháng Hai. Sự liên hợp của đảng To-ri với phái cấp tiến mà chúng tôi đã nói đến trong bản tin vừa rồi^{1*} hôm nay đang được tất cả các nhật báo Luân Đôn coi như fait accompli^{2*}. Tờ "Morning Chronicle"⁶⁶ của nội các nhận xét về điều đó như sau:

"Chưa hề có cuộc *cách mạng* nào mà sự bùng nổ của nó lại không được đẩy nhanh bởi sự kích động, bởi tính hiếu danh bị tổn thương, thói hám danh hão hoặc hoàn toàn do sự ngu xuẩn của những con người bị đẩy vào chỗ trở thành vật hy sinh cho cách mạng mà bản thân họ không nhận thức được điều đó, và sự liên hiệp hỗn tạp của phái Đốc-bi với phái tự do, hợp nhất với ông Rô-bác, đã theo gót các nghị sĩ của nghị viện Pháp, những nghị sĩ này sau khi mở một chiến dịch tiệt chủng năm 1848 nhằm ủng hộ cuộc cải cách, chỉ có ý nhằm cho được sự việc gạt bỏ nội các, vậy mà họ lại kết thúc bằng việc lật đổ ngai vàng".

Người ta quả quyết rằng Rô-bác sẵn sàng đóng vai Rô-be-xpi-e hoặc (chữ "hoặc" thật là hay!) Lơ-đruy Rô-lanh. Ông ta có ý định thành lập "Ủy ban cứu nguy xã hội". Ông ta không dừng bước trước việc đề cử những nhân vật sau đây vào uỷ ban điều tra do ông ta kiến nghị: Rô-bác, Đram-môn-đơ, Lây-ác, ngài Giô-đép Pác-xtôn (kiến trúc sư xây Cung triển lãm công nghiệp toàn thế

^{1*} Xem tập này, tr. 94-96.

^{2*} Việc đã rồi

giới), huân tước Xten-li (con trai của Đốc-bi), En-li-xơ, Oai-tơ-xai-đơ, Đi-xra-e-li, Bát, Lâu (ủy viên hội đồng không công khai của tờ "Times") và Mai-xơ.

"Sẽ là vô ích nếu lờ đi không nói đến sự việc là" - tờ "Morning Chronicle" viết tiếp - "chúng ta đang đứng trước sự đe dọa công khai của một cuộc thập tự chinh cách mạng chống lại giới quý tộc nước ta. Những kẻ mị dân ra sức lật đổ chính phủ của huân tước Pan-mớc-xton, khéo lợi dụng những lực lượng chiến đấu liên hiệp nhưng không thống nhất của Đi-xra-e-li và Rô-bác để chống lại chính phủ ấy. Phái dân chủ mưu toan gây ra cách mạng, lật đổ một cách có phương pháp hết nội các này đến nội các khác".

Sau hết, một cơ quan ngôn luận của chính phủ dọa giải tán nghị viện bằng cách "kêu gọi nhân dân", như Bô-na-pác-tơ đã làm mấy tháng trước cuộc chính biến.

Tạp chí "Economist"⁶⁷ do quốc vụ khanh tài chính *Uyn-xon* xuất bản, tuyên bố rằng "chế độ đại nghị" không thể dung hoà với việc tiến hành chiến tranh. Do đó Uyn-xon, anh thợ mũ trước đây, đề nghị miễn bầu lại các nghị sĩ đương nhiệm các chức vụ nhà nước và trao ex officio^{1*} cho các vị bộ trưởng - thành viên của nội các- cá ghế lẫn quyền bỏ phiếu ở hạ nghị viện. Như thế là nội các sẽ không phụ thuộc vào cử tri và hạ nghị viện, còn hạ nghị viện thì sẽ lệ thuộc vào nội các. Về điểm này, tờ "Daily News" cảnh cáo rằng:

"Nhân dân Anh phải cảnh giác và chuẩn bị sẵn sàng đứng lên bảo vệ các cơ quan đại diện của mình. Cần đề phòng mưu toan làm giảm bớt sự lệ thuộc của chính phủ đối với hạ nghị viện. Điều đó sẽ dẫn tới xung đột giữa chính phủ và hạ nghị viện. Kết quả là sẽ nổ ra *cách mạng*".

Thật vậy, thứ tư tới, ở Mê-ri-lê-bôn, là nơi được coi là một trong những khu cấp tiến nhất của Luân Đôn, sẽ triệu tập một cuộc mít tinh để ra nghị quyết phản đối "ý đồ của chính phủ chống lại cuộc điều tra của nghị viện".

Trong khi tờ "Morning Chronicle" dự báo một cuộc cách mạng như vậy, còn tờ "Daily News" dự báo mưu toan cuộc phân cách mạng, thì tờ "Times" cũng nói bóng gió về cuộc cách mạng tháng

^{1*} - căn cứ theo chức vụ

Hai, thực ra là đề ám chỉ cuộc mưu sát Pra-xlanh chứ không phải cuộc tiệc tùng ủng hộ cải cách. Mới cách đây có mấy ngày, toà thượng thẩm Ai-rơ-len đã xử một vụ về tài sản thừa kế trong đó hầu tước CLan-ri-các-đơ - quý tộc Anh, đại sứ ở Pê-téc-bua thời nội các Men-buốc và giám đốc ngành bưu điện trong thời gian Rốt-xen cầm quyền - đã đóng vai nhân vật chính giống hệt như trong tiểu thuyết của Ban-dắc mô tả vụ giết người, gian dâm, lừa đảo và chiếm đoạt tài sản thừa kế một cách phi pháp.

"Vào mùa thu âm đạm năm 1847" - tờ "Times" viết - "khi mà dư luận Pháp bị kích động bởi sự linh cảm đầy lo ngại về cuộc cách mạng đang tới gần thì trong giới thượng lưu của xã hội Pa-ri xảy ra một vụ tai tiếng lớn khiến đông đảo các tầng lớp xã hội vốn đã bị kích động phải phẫn nộ, và làm cho tâm hồn càng chóng tới gấp bội. Ai chú ý quan sát tình trạng sục sôi của dư luận xã hội hiện nay thì không thể không theo dõi, với sự lo lắng tương tự, vụ tai tiếng om sòm được phát hiện ở phòng xử án của toà thượng thẩm Ai-rơ-len".

Những hành vi phạm tội trong nội bộ tập đoàn cầm quyền, sự kiêu căng bất lực và sự nhu nhược của nó, sự diệt vong của tinh hoa quân đội Anh, sự tan rã của các chính đảng cũ, tình trạng không có một đa số cố kết trong hạ nghị viện, sự hình thành các liên hiệp trong nội các trên cơ sở những truyền thống đã lỗi thời từ lâu, những khoản chi phí cho cuộc chiến tranh châu Âu trong điều kiện xảy ra khủng hoảng công thương nghiệp cực kỳ nghiêm trọng, - tất cả những cái đó đều là những triệu chứng đầy đủ nói lên rằng nước Anh đang đứng trước một cuộc biến đổi lớn về chính trị và xã hội. Đặc biệt đáng chú ý một sự việc là đi đôi với sự tan vỡ những ảo tưởng chính trị, những ảo tưởng về mậu dịch tự do cũng tiêu tan. Nếu như những ảo tưởng chính trị bảo đảm sự lũng đoạn của giới quý tộc trong lĩnh vực quyền hành pháp thì những ảo tưởng về mậu dịch tự do bảo đảm sự lũng đoạn của giai cấp tư sản trong lĩnh vực quyền lập pháp.

*Do C.Mác viết ngày 19 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 92, ngày 24 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN TRANH TREO TRÊN BẦU TRỜI CHÂU ÂU⁶⁸

Qua mấy tuần nữa, nếu như ngay trong thời gian sắp tới ở Viên không ký kết hoà ước, - điều mà hiện nay ở châu Âu hình như không ai tin cả-, thì chúng ta sẽ là những người chứng kiến cuộc chiến tranh nổ ra trên lục địa này, so với cuộc chiến tranh này, thì chiến dịch Crum sẽ đóng cái vai trò không đáng kể mà lẽ ra nó phải đóng trong cuộc chiến tranh giữa ba dân tộc mạnh nhất trên trái đất. Những hoạt động quân sự ở Hắc Hải và biển Ban-tích cho tới nay không phụ thuộc nhau sẽ được gắn liền bằng một trận tuyến xuyên suốt toàn bộ lục địa ngăn cách hai biển lớn trong nội địa này; các đạo quân mà số lượng tương ứng với bề rộng mệnh mông của đồng bằng Xac-mát sẽ chiến đấu giành quyền bá chủ vùng đồng bằng ấy. Bây giờ và chỉ có bây giờ mới có thể nói rằng chiến tranh đã trở thành cuộc chiến tranh châu Âu thực sự.

Còn về chiến dịch Crum thì chúng tôi chỉ cần đưa ra những điều giải thích bổ sung ngắn. Chúng tôi đã thường xuyên và cặn kẽ trình bày tính chất của nó và nói về kết cục có thể có của nó nên chỉ cần đưa ra một số sự việc mới chứng thực cho những luận điểm mà chúng tôi đã đề xuất. Một tuần trước đây chúng tôi đã viết^{1*} rằng chiến dịch ấy đã biến thành một cuộc chạy

^{1*} Xem tập này, tr.69.

đưa điều quân tăng viện và chắc là người Nga sẽ thắng trong cuộc chạy đua ấy. Hiện nay vị tất có thể hoài nghi rằng đến khi thời tiết cho phép tiến hành những hoạt động quân sự kéo dài, theo một kế hoạch hiệp đồng từ trước thì quân Nga trên bán đảo sẽ có 120 000 - 150 000 người, còn liên quân thì với những cố gắng phi thường chắc cũng chỉ có thể đưa ra được 90 000 người để chống chọi. Ngay khi giả định rằng cả quân Anh lẫn Pháp có đủ quân để điều đến Crum, thì họ cũng kiếm đâu ra phương tiện vận chuyển trong tình hình ba phần tư số tàu chạy bằng hơi nước đưa sang Hắc Hải đều nằm lại đáy với đủ thứ lý do? Anh đã hoàn toàn làm rối loạn các tuyến đường biển xuyên Đại Tây Dương của mình và hiện đang cần tàu vượt đại dương hơn cả nhưng không lấy đâu ra. Cái duy nhất có thể cứu vãn liên quân là kịp thời điều đến Crum quân đoàn Áo gồm khoảng 30 000 người, có thể cho xuống tàu ở cửa sông Đa-nuýp. Không có lực lượng tăng viện ấy thì cả quân đoàn Pi-ê-mông cũng như quân đoàn Na-plơ, cả quân số bổ sung nhỏ nhoi của Anh - Pháp cũng như quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa đều không thể chi viện gì đáng kể cho họ.

Bây giờ chúng ta hãy xem bộ phận nào của lực lượng vũ trang Anh và Pháp đã hoạt động ở Crum. Chúng tôi sẽ chỉ nói đến bộ binh vì rằng tỷ lệ kỵ binh và pháo binh trong những đội quân viễn chinh ấy thiếu ổn định đến mức không thể rút ra kết luận xác định nào về quân số của chúng. Ngoài ra, mức độ tham chiến của toàn bộ quân chủ lực của một nước bao giờ cũng được xác định bằng số bộ binh tham chiến. Chúng tôi sẽ không nói về Thổ Nhĩ Kỳ vì rằng đạo quân của Ô-me-rơ-pa-sa tham chiến là đạo quân cuối cùng và duy nhất của Thổ Nhĩ Kỳ. Còn như lực lượng nó còn lại ở châu Á thì không phải là một đội quân; đó chẳng qua chỉ là một đám ô hợp.

Anh có tất cả 99 trung đoàn hoặc 106 tiểu đoàn bộ binh, trong đó ít nhất có 35 tiểu đoàn phục vụ ở thuộc địa. Trong số còn lại có khoảng 40 tiểu đoàn được biên chế vào 5 sư đoàn đầu tiên điều sang Crum và ít ra có 8 tiểu đoàn về sau điều sang đây làm quân tăng viện. Còn lại khoảng 23 tiểu đoàn, trong đó vị tất có thể lấy ra dù chỉ một tiểu đoàn. Do đó, những biện pháp quân sự cuối cùng của Anh trên thực tế là sự công khai thừa nhận rằng quân

chủ lực thời bình của Anh đã hoàn toàn bị vét cạn. Để sửa những chỗ sơ xuất người ta đã sử dụng đủ thứ mảnh khoé. Dân binh, gồm chừng 50 000 người, được phép tự nguyện đăng ký phục vụ ngoài lãnh thổ Anh. Người ta định đưa họ đến Gi-bran-ta, Man-tơ và Coóc-phu để rút khoảng 12 tiểu đoàn đang phục vụ ở thuộc địa nhằm điều sang Crum. Người ta đã quyết định thành lập đội quân đánh thuê gồm người nước ngoài; nhưng than ôi, người nước ngoài xem ra không muốn sung vào đội quân trong đó nhục hình đe dọa họ. Sau hết, ngày 13 tháng Hai đã có lệnh thành lập các tiểu đoàn thứ 2 ở 93 trung đoàn - 43 tiểu đoàn với quân số 1 000 người trong mỗi tiểu đoàn và 50 tiểu đoàn với quân số 1 200 trong mỗi tiểu đoàn. Như thế là tăng thêm 103 000 người, ngoài ra còn khoảng 17 000 người dành cho kỵ binh và pháo binh. Nhưng chưa tuyển được một người lính nào trong số 120 000 ấy; mà ai sẽ huấn luyện và chỉ huy họ? Tổ chức tuyệt vời của quân đội Anh và sự lãnh đạo chung của nó đã dẫn tới tình trạng là bằng cách này hay cách khác, hầu như toàn thể bộ binh của nó, chỉ trừ các đại đội hậu bị và một số tiểu đoàn hậu bị, - không những binh sĩ mà cả *sĩ quan* nữa, - đều đóng ở Crum và thuộc địa. Số tướng lĩnh, đại tá và thiếu tá lĩnh nửa lương quả là có thừa trong danh sách quân đội và số đó có thể được sử dụng vào những đơn vị mới thành lập ấy. Nhưng, theo chúng tôi được biết, thì số đại úy lĩnh nửa lương lại hoàn toàn không có hoặc hầu như không có, còn số trung úy, thiếu úy và hạ sĩ quan đã qua huấn luyện cần thiết thì tuyệt nhiên không thấy có. Người thì nhiều, nhưng sĩ quan chưa qua đào tạo thì không thể huấn luyện được những tân binh chưa qua huấn luyện; mọi người đều biết, nòng cốt của bất cứ quân đội nào cũng là những hạ sĩ quan cũ, có kinh nghiệm và đã được rèn luyện. thêm vào đó, theo ý kiến của một người có uy tín như ngài U. Nây-pia, để biến bất cứ đám người ô hợp nào của nước Anh già cỗi thành cái mà Giôn Bun gọi là những binh sĩ "ưu tú nhất thế giới" và "tinh hoa của nước Anh", thì phải cần ít ra là ba năm. Nếu khi trong tay đã có sẵn những *cán bộ sĩ quan* mà tình hình còn như vậy thì khi không có sĩ quan cấp thấp hoặc hạ sĩ quan mà lại muốn biến 120 000 binh lính còn đang phải tuyển mộ thành anh hùng, thì phải cần bao

nhieu thời gian? Chúng ta có thể cho rằng toàn bộ lực lượng vũ trang của Anh đã bị sa bẫy trong cuộc chiến tranh này đến mức trong vòng năm tới, Chính phủ Anh may lắm cũng chỉ có thể đưa ra được "một đội dũng sĩ không nhiều" gồm 40 000 - 50 000 để chống chọi với kẻ thù. Chỉ có thể tăng được số lượng ấy trong một thời gian rất ngắn nhưng lại làm đảo lộn nghiêm trọng toàn bộ công tác huấn luyện quân tăng viện sau này.

Pháp có một đội quân đông hơn và tổ chức hoàn hảo, song nó chỉ sử dụng vào tác chiến một bộ phận quân ít hơn thế nhiều. Pháp có 100 trung đoàn bộ binh chủ lực, 3 trung đoàn lính du-a-vơ và hai trung đoàn lê dương, mỗi trung đoàn có 3 tiểu đoàn; ngoài ra Pháp còn 20 tiểu đoàn xạ kích và 6 tiểu đoàn lính châu Phi, cả thảy là 341 tiểu đoàn. Trong số 341 tiểu đoàn ấy có 100 tiểu đoàn, tức là ở mỗi trung đoàn chủ lực có một tiểu đoàn, được coi là tiểu đoàn hậu bị, tiếp nhận và huấn luyện tân binh; chỉ hai tiểu đoàn đầu được sử dụng vào tác chiến, còn tiểu đoàn hậu bị thì huấn luyện quân bổ sung để duy trì đủ quân số cho những tiểu đoàn trên. Như thế là trong tổng số các tiểu đoàn trên phải trừ ngay đi 100 tiểu đoàn. Nếu như sau đó những tiểu đoàn hậu bị ấy được sử dụng làm hạt nhân để thành lập tiểu đoàn dã chiến thứ ba như thường khi người ta vẫn làm dưới thời Na-pô-lê-ông, thì có thể tiến hành việc đó bằng cách biên chế vào những tiểu đoàn ấy một số tân binh lớn hơn, và lại cần có một số thời gian huấn luyện trước khi có thể sử dụng họ để tác chiến. Vì vậy, hiện nay lực lượng có thể sử dụng được của quân đội Pháp không vượt quá 241 tiểu đoàn. Trong số này, ít ra cần 25 tiểu đoàn để đóng ở An-giê-ri. Có 4 tiểu đoàn đang đóng ở La Mã. 9 sư đoàn bộ binh, tức là khoảng 80 tiểu đoàn, đã được điều đi Crum, Công-xtăng-ti-nô-pơ và A-ten. Tính gộp thì đã sử dụng tất cả là 110 tiểu đoàn hoặc hầu như một nửa tổng số bộ binh thời bình của Pháp, không kể các tiểu đoàn hậu bị. Những biện pháp thi hành trong quân đội Pháp, việc thành lập sẵn các tiểu đoàn hậu bị, việc gọi binh sĩ đang nghỉ phép vào năm phục vụ cuối cùng, khả năng tiến hành đầy đủ việc gọi nhập ngũ hàng năm, chưa kể việc tuyển bộ khẩn cấp, và sau hết là sự ham thích làm quân dịch của người Pháp - tất cả những cái đó đã làm cho chính phủ

có khả năng tăng gấp đôi số lượng bộ binh của mình trong vòng một năm. Nếu xét đến việc Pháp ngấm ngấm vũ trang không ngừng từ giữa năm 1853, thành lập 10-12 tiểu đoàn vệ binh hoàng gia, cũng như có tính đến những lực lượng quân đội Pháp tập trung ở các doanh trại tương ứng vào mùa thu năm ngoái, thì có thể suy luận rằng số lượng bộ binh đóng ở bên trong nước Pháp hiện nay ngang với số lượng trước khi điều 9 sư đoàn khỏi Pháp; nếu tính đến cả khả năng thành lập các tiểu đoàn dã chiến thứ ba trên cơ sở các tiểu đoàn hậu bị mà không phá hoại nghiêm trọng chức năng huấn luyện của chúng thì số lượng bộ binh thậm chí có thể lớn hơn. Song nếu như ta xác định số lượng bộ binh mà Pháp sẽ có trên lãnh thổ mình tính đến cuối tháng Ba là 350 000 người thì con số ấy sẽ là phóng đại chứ không phải tính ít đi. Theo tổ chức hiện tại ở Pháp, số lượng bộ binh ấy, cùng với kỵ binh, pháo binh v.v. sẽ tương đương với một đạo quân khoảng 500 000 người. Trong số này ít ra phải để lại trong nước 200 000 người để làm bộ *khung* cho các tiểu đoàn hậu bị, để duy trì trật tự trong nước, để phục vụ ở các công binh xưởng và quân y viện. Do đó, đến ngày 1 tháng Tư, Pháp có thể mở chiến dịch với một đạo quân 300 000 người, gồm khoảng 200 tiểu đoàn bộ binh. Nhưng 200 tiểu đoàn ấy không thể sánh được với những đơn vị đã được điều đến Crum trước đây xét về mặt tổ chức và kỷ luật cũng như về mặt ngoan cường trong chiến đấu. Trong những tiểu đoàn này sẽ có nhiều tân binh trẻ và nhiều tiểu đoàn sẽ được thành lập riêng cho cuộc chiến tranh này. Những đơn vị trong đó sĩ quan và binh sĩ không biết nhau, những đơn vị được thành lập vội vàng theo chỉ thị của cấp trên ngay trước khi xuất phát, thì về nhiều mặt đều thua kém những đơn vị cũ trong đó sự cùng phục vụ lâu năm, cùng nhau chịu đựng hiểm nguy, tiếp xúc với nhau hằng ngày trong suốt bao năm, đã tạo nên cái *esprit de corps*^{1*} mà ảnh hưởng mạnh mẽ của nó làm cho ngay cả những tân binh trẻ nhất cũng làm quen rất nhanh với sinh hoạt của đơn vị mình. Do đó phải thừa nhận rằng 80 tiểu đoàn đã điều đến Crum là bộ phận quân đội Pháp có tầm quan trọng hơn rất nhiều so với mức người

^{1*} - tinh thần đồng đội, sự gắn bó

ta tưởng khi chỉ nhìn vào số lượng của nó. Nếu như Anh đã ném vào cuộc chiến tranh hầu như đến người cuối cùng của toàn bộ bộ phận ưu tú trong quân đội mình, thì Pháp đã đưa sang phương Đông hầu như một nửa số quân ưu tú của nó.

Ở đây không cần nhắc lại những số liệu về lực lượng vũ trang của Nga, vì vừa rồi chúng tôi đã đưa tin^{1*} về quân số và sự phân bố nó. Chỉ cần nêu ra như sau là đủ rồi: trong quân đội tác chiến của Nga hoặc quân đội dùng cho tác chiến ở biên giới phía tây của đế chế này, hiện nay chỉ có các quân đoàn 3, 4, 5 và 6 đã tham gia tác chiến. Vệ binh và tinh binh cũng như quân đoàn 1 còn chưa đụng đến; quân đoàn 2 hình như đã điều khoảng một sư đoàn đến Crum. Ngoài những đơn vị ấy còn có 8 quân đoàn dự bị đã hoặc còn đang được thành lập, tương đương với 8 quân đoàn của quân đội tác chiến nếu không xét về quân số thì cũng về số lượng tiểu đoàn. Như thế là Nga đưa ra đối chọi với phương Tây một đạo quân gần khoảng 750 tiểu đoàn, nhưng trong đó có lẽ có 250 tiểu đoàn mới đang được thành lập và sẽ không bao giờ được bổ sung đủ quân số, còn 200 tiểu đoàn khác thì đã bị tổn thất nặng nề trong hai chiến dịch. Về lực lượng dự bị thì các tiểu đoàn 5 và 6 của mỗi trung đoàn chủ yếu gồm các lính cũ nếu như kế hoạch thành lập ban đầu đã được thực hiện; còn các tiểu đoàn 7 và 8 thì chắc chắn là gồm tân binh và là những đơn vị hoàn toàn không có sức chiến đấu, vì người Nga tuy thông minh nhưng làm quen rất chậm với việc phục vụ trong quân ngũ. Ngoài ra, tất cả các đơn vị dự bị đều rất thiếu cán bộ sĩ quan. Vì vậy về phía Nga, hiện nay có chừng một nửa số quân tác chiến chính quy tham chiến. Nửa số quân thứ hai chưa tham chiến - vệ binh tinh binh, quân đoàn 1 và 2 - là tinh hoa của quân đội, là những đơn vị được hoàng đế yêu quý và đặc biệt quan tâm đến sức chiến đấu của họ. Nga đã đạt được gì khi sử dụng một nửa quân đội tác chiến của mình?^{2*} Nga hầu như đã hoàn toàn tiêu diệt được sức tấn

^{1*} Xem tập này, tr 21 - 25.

^{2*} Trong bản dịch bài này gửi cho tờ "Neue Oder - Zeitung", Mác đã sửa câu này như sau: "Những thành tựu mà Nga đã đạt chỉ có thể được giải thích bằng ảnh hưởng của hoạt động ngoại giao đối với việc tiến hành chiến tranh của phương Tây".

công và phòng ngự của Thổ Nhĩ Kỳ; Nga đã buộc Anh chôn vùi một đạo quân 50 000 người và làm cho Anh trở thành bất lực ít ra là một năm; ngoài ra Nga đã buộc Pháp phải ném vào chiến tranh một bộ phận quân đội bằng số quân mà bản thân Nga đã ném vào. Và trong khi các trung đoàn châu Phi ưu tú của Pháp đã giao chiến với địch thì elite^{1*} của quân đội Nga vẫn chưa nổ một phát súng nào.

Do đó, ưu thế hiện thời còn ở phía Nga, tuy rằng các đơn vị quân Nga tác chiến ở châu Âu không hề tự khoe về một thắng lợi nào, mà trái lại, đã phải bỏ trận địa trong mọi trận đánh quan trọng và từ bỏ mọi sáng kiến của mình. Nhưng tình hình sẽ thay đổi căn bản một khi Áo tham chiến. Áo có một đạo quân 500 000 người ở tư thế sẵn sàng chiến đấu; ngoài ra còn có 100 000 người trong các đơn vị hậu bị và 120 000 người nữa trong các đội dự bị; số lượng của quân đội Áo có thể nâng lên 850 000 người nhờ một đợt động viên khẩn cấp quy mô nhỏ. Nhưng chúng tôi cho rằng nó sẽ là 600 000 người kể cả quân hậu bị và không kể số quân dự bị chưa gọi nhập ngũ. Trong số 600 000 người này có 100 000 người ở các đơn vị hậu bị, khoảng 70 000 người ở I-ta-li-a và các khu vực khác trong nước không bị Nga uy hiếp. Số 430 000 người còn lại biên chế thành mấy tập đoàn quân bố trí trên tuyến Bô-hêm Ga-li-xi - hạ lưu sông Đa-nuýp, tạo khả năng tập trung 150 000 người ở bất cứ địa điểm nào trong một thời gian rất ngắn. Đạo quân đồ sộ này lập tức tạo thành ưu thế so với Nga một khi Áo khai chiến với Nga; vì từ khi toàn bộ tập đoàn quân Đa-nuýp trước đây của Nga đã chuyển đến Crum thì Áo trội hơn Nga về tất cả mọi mặt và có thể điều khá nhanh chóng lực lượng dự bị lên biên giới, tuy hiện nay quân Nga đã vượt lên trước họ. Chỉ còn phải nêu thêm rằng về số lượng quân dự bị thì Áo thua xa Nga, và với việc gọi nhập ngũ 120 000 lính dự bị thì việc tiếp tục tăng cường quân đội Áo hẳn sẽ phải dựa vào việc động viên tân binh nên sự tăng cường ấy rất chậm. Bởi vậy người Áo càng tuyên chiến chậm thì càng tạo nhiều lợi thế cho Nga. Người ta nói với chúng tôi rằng tình hình sẽ được cải thiện vì quân trợ

^{1*} - quân tinh nhuệ

chiến của Pháp sẽ tiến vào Áo. Nhưng đường từ Đì-giông hoặc Li-ông đến Cra-côp khá xa và cần có tổ chức thật chu đáo, nếu không, quân đội Pháp có thể đến quá chậm, nếu như quân đội Áo vừa mới cải tổ, với phẩm chất chiến đấu vốn có của nó, không phải là đối thủ xứng đáng của quân Nga vốn thậm chí có phần trội hơn quân Áo về số lượng.

Như thế Áo là người quyết định vận mệnh của các bên. Từ khi Áo chiếm giữ trận địa ở biên giới phía đông, nó đã giữ vững được ưu thế đối với quân Nga. Nếu như quân dự bị Nga đến kịp thời làm cho nó tạm thời mất ưu thế đó, thì nó vẫn có thể dựa vào các tướng lĩnh lão luyện của mình - họ là những người duy nhất, trừ mấy người Hung-ga-ri, đã thể hiện tài năng quân sự của mình trong mấy năm gần đây - và những đội quân được tổ chức tốt của mình mà phần lớn đã trải qua chiến đấu. Một vài cuộc điều binh khéo léo, một cuộc rút lui rất nhỏ sẽ buộc đối phương phải phân tán lực lượng, bảo đảm cho nó những triển vọng thắng lợi tốt đẹp. Nói theo ngôn ngữ quân sự thì chỉ cần Áo ra quân là Nga buộc phải hoàn toàn chuyển sang phòng ngự.

Cần phải bàn đến một điểm nữa. Nếu Pháp tăng số quân trong nước lên 500 000 người, còn Áo tăng toàn bộ số quân trong nước lên 800 000 người thì trong vòng một năm, mỗi nước ấy có thể gọi nhập ngũ thêm ít ra là 250 000 người. Mặt khác, nếu một ngày kia Nga hoàng hoàn thành việc bổ sung quân số cho các tiểu đoàn 7 và 8 của các trung đoàn bộ binh của mình, do đó tăng quân số tác chiến chẳng hạn lên đến 900 000 thì Nga hoàng sẽ làm được hầu hết mọi cái có thể làm để phòng ngự. Nghe nói, việc tiến hành đợt tuyển quân vừa rồi ở khắp nơi đều vấp phải khó khăn lớn; đã phải hạ thấp tiêu chuẩn quy định về chiều cao và thi hành những biện pháp khác để tuyển đủ số người cần thiết. Lệnh của Nga hoàng gọi nhập ngũ tất cả số lượng đàn ông ở Nam Nga không làm cho quân số tăng lên đáng kể, đó là sự công khai thừa nhận rằng không thể tiến hành được những đợt tuyển quân thường xuyên sau này. Trong thời kỳ Pháp xâm lược năm 1812, khi đất nước thực sự bị kẻ thù xâm lược, biện pháp nói trên đã được thi hành, nhưng chỉ ở 17 tỉnh. Bây giờ Mát-xcơ-va đã cung cấp 80 000 dân quân, tức là một phần mười dân số của tỉnh;

Xmô-len-xơ gửi đi 25 000 người v.v.. Nhưng trong thời gian chiến tranh, người ta không thấy họ ở đâu cả và mấy chục vạn dân quân ấy cũng không thể tránh cho quân Nga, khi tiến đến sông Vi-xla, khỏi rơi vào tình trạng bi thảm và hỗn loạn như chính quân Pháp. Ngoài ra, đợt gọi lính mới en masse^{1*} ấy có nghĩa là Ni-cô-lai quyết tâm đánh đến cùng.

Nếu như xét theo góc độ quân sự, sự tham chiến của Áo buộc Nga phải chuyển vào phòng ngự thì xét theo góc độ chính trị, tình hình không nhất thiết phải như vậy. Nga hoàng có thủ đoạn tấn công chính trị mạnh mẽ - chúng tôi đã nhiều lần lưu ý điều này - đó là cuộc bạo động của người Xla-vơ ở Áo và Thổ Nhĩ Kỳ và việc tuyên bố nền độc lập của Hung-ga-ri.

Bạn đọc đều biết rõ, các nhà hoạt động nhà nước Áo sợ điều đó như thế nào. Không nghi ngờ gì nữa, khi cần Nga hoàng sẽ dùng đến thủ đoạn ấy; thật khó mà nói được điều đó sẽ dẫn tới cái gì.

Chúng tôi không nói gì về Phổ. Rất có thể là rút cục nó sẽ liên hợp với phương Tây chống lại Nga, tuy rằng khả năng ấy có lẽ chỉ có được sau những cơn bão táp mà không ai dự kiến được. Dù sao, chừng nào chưa xảy ra một phong trào dân tộc nào đó thì quân Phổ vị tất có thể đóng vai trò quan trọng, vì vậy chúng tôi tạm thời có thể hầu như không tính đến nó.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 20 tháng Hai 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4332, ngày 8 tháng Ba 1855 và đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 91 và 93, ngày 23 và 24 tháng Hai 1855

In theo bản đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" có đối chiếu với bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

^{1*} - trên quy mô đồ sộ, có tính chất toàn dân

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG VẤN ĐỀ Ở NGHỊ VIỆN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ QUÂN SỰ

Luân Đôn, ngày 20 tháng Hai. Tuy hôm qua hạ nghị viện họp từ 4 giờ chiều đến 2 giờ đêm và phê chuẩn khoảng 7 triệu rưỡi p.xt. kinh phí cho lục quân, song cuộc tranh luận vẫn không đáng để mô tả tỉ mỉ. Chúng tôi chỉ nhận xét rằng Pan-móc-xton đã làm cho những đối thủ của ông ta thuộc phái tự do phải phát cáu do những lời đối đáp của ông ta rất kiêu cách và tầm thường cũng như do thái độ xác xược quá tự tin đầy khiêu khích của ông ta khi tuôn ra những lời tầm thường ấy. Khi kể về trận Ba-la-cla-va và với cái giọng ngâm nga chỉ thích hợp với rạp xiếc A-xơ-li, ông ta lại đồng thời đã kích Lây-ác là "khoa trương, thô lậu về giới quý tộc". Ông ta bảo rằng quý tộc không có ở trong cục quân nhu, trong ngành vận tải, trong ngành y tế. Ông ta quên rằng bọn đầy tớ của quý tộc đang ở đây. Lây-ác nhận xét đúng đắn rằng những uỷ ban do Pan-móc-xton phát minh ra chỉ tỏ gây xung đột về vấn đề thẩm quyền trong quân đội viễn chinh. Nhưng Pan-móc-xton liền kêu lên: sao các ngài - ông ta lại đứng ở tư thế của Ri-sốt II, còn nghị viện thì đóng vai binh dân Uốt Tai-lơ - các ngài lại muốn thành lập một uỷ ban của nghị viện chỉ thích dụng với việc biên soạn Blue Books⁶⁹, và phản đối những uỷ ban "phải làm việc" của tôi sao!. Pan-móc-xton tỏ ra ngạo mạn với nghị viện đến mức thậm chí lần này ông ta cảm thấy không cần phải trở lại hóm hỉnh của bản thân mình. Ông ta mượn những câu

nói hóm hỉnh ở các tờ báo ra buổi sáng của chính phủ để ở trên bàn, trước mặt các nghị sĩ. Đây là "Ủy ban cứu nguy xã hội" mượn ở tờ "Morning Chronicle", và tờ "Morning Post" với câu pha trò vô duyên của nó là đưa đến Crum các nghị sĩ nào đòi điều tra để họ ở lại đây. Người ta chỉ có thể hiểu rằng những thứ đó cho một nghị viện như nghị viện hiện nay mà thôi.

Như thế là trong nghị viện, Pan-móc-xton thậm chí đã vượt cả ông già A-bóc-đin, nhưng trên báo chí - không phải trên những cơ quan ngôn luận trực thuộc ông ta, mà là trên tờ báo nhẹ dạ cả tin của các chủ quán bia liên hợp^{1*} - Pan-móc-xton lại tung tin là ông ta không được tự do trong hành động, triều đình đã ràng buộc ông ta v.v..

Vì ở Viên sắp mở hội nghị hoà bình cho nên bàn về chiến tranh và đánh giá khái quát lực lượng quân sự hiện có của các nước ít nhiều đã tham chiến là điều rất hợp thời. Ở đây, vấn đề không chỉ là tổng quân số mà còn là lượng quân có thể sử dụng vào hoạt động tấn công. Chúng tôi chỉ nói kỹ về bộ binh vì thành phần các binh chủng khác phải có một tỉ lệ tương ứng với bộ binh.

Anh có cả thầy 99 trung đoàn hoặc 106 tiểu đoàn bộ binh, trong đó ít ra có 35 tiểu đoàn đang phục vụ ở thuộc địa. Trong số còn lại thì 40 tiểu đoàn đã biên chế vào 5 sư đoàn đầu tiên đưa sang Crum và ít ra có 8 tiểu đoàn về sau đã được điều sang đây làm lực lượng tăng viện. Do đó còn lại chừng 23 tiểu đoàn, trong số này vị tất đã rút ra được dù chỉ một tiểu đoàn để làm nhiệm vụ ở ngoài nước. Dân binh có tới trên 50 000 người, được quyền đi phục vụ ở ngoài nước Anh. Người ta dự định đưa họ sang Gi-bran-ta, Man-tơ và Coóc-phu để rút ra khoảng 12 tiểu đoàn có thể được sử dụng ở Crum. Quân đoàn lê dương, như Pan-móc-xton tuyên bố hôm qua tại hạ nghị viện, chưa thành lập được. Sau hết, ngày 13 tháng Hai đã ra lệnh thành lập các tiểu đoàn thứ 2 ở 93 trung đoàn, cụ thể là 43 tiểu đoàn với biên chế 1 000 người trong mỗi tiểu đoàn và 50 tiểu đoàn với biên chế 1 200 người trong mỗi tiểu đoàn. Như vậy là tăng thêm 103 000 người, ngoài ra còn thêm 17 000 người cho kỵ binh và pháo binh. Nhưng chưa tuyển được

^{1*} - "Morning Advertiser"

một người lính nào trong số 120 000 ấy. Lại còn phải huấn luyện và cung cấp cán bộ sĩ quan cho họ.

Tổ chức tuyệt vời hiện nay của quân đội Anh đã dẫn đến tình trạng là hầu hết bộ binh của nó, chỉ trừ các đại đội hậu bị và một số tiểu đoàn hậu bị - không những binh sĩ mà, đây là điều hình như không thể tin được, cả sĩ quan nữa - đều đóng ở Crum và các thuộc địa. Số lượng các tướng lĩnh, đại tá, thiếu tá lĩnh nửa lương ghi trong danh sách quân đội Anh thì thừa thãi và có thể sử dụng cho những đơn vị mới thành lập ấy. Nhưng hầu như hoàn toàn không có số đại úy lĩnh nửa lương, còn những trung úy và hạ sĩ quan lĩnh nửa lương thì tuyệt nhiên không có. Mọi người đều biết, hạ sĩ quan là nòng cốt của bất cứ quân đội nào. Theo ý kiến của người có uy tín lớn nhất trong lĩnh vực này, tướng Uy-li-am Nây-pia, nhà sử học về cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-a⁷⁰, thì phải mất ba năm tròn để biến "tag-rag" và "bob-tail" (vô sản lưu manh) của nước Anh già cỗi thành "tinh hoa của nước Anh", thành "những binh sĩ ưu tú nhất thế giới". Nhưng đây là với điều kiện có cán bộ sĩ quan và chỉ cần bổ sung thôi. Vậy thì cần bao nhiêu thời gian để biến 120 000 binh sĩ ấy thành những anh hùng? Trong vòng một năm tới, Chính phủ Anh nhiều lắm cũng chỉ có thể đưa ra được một "đội quân anh hùng nhỏ bé" gồm 50 000 người để chống chọi với kẻ thù. Thật thế, con số ấy có thể tăng lên trong một thời kỳ ngắn, nhưng điều đó sẽ làm rối loạn nghiêm trọng việc huấn luyện số quân tăng viện sau này.

Việc gửi bài vở ra bưu điện buộc chúng tôi phải ngừng trình bày ở đây.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 20 tháng Hai 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 91, ngày 23 tháng Hai 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

BÀN VỀ CUỘC KHỦNG HOẢNG MỚI CỦA NỘI CÁC

Luân Đôn, ngày 24 tháng Hai. Hôm qua hạ nghị viện đồng nghị người vì người ta chờ đợi những sự giải thích của các bộ trưởng về sự sụp đổ của chính phủ Pan-móc-xton *đầu tiên*. Trong phòng họp chật ních, các nghị sĩ sốt ruột chờ vị tử tước đáng kính đến, cuối cùng ông ta đã xuất hiện sau khi hạ nghị viện khai mạc phiên họp được một giờ và được tiếp đón bằng những lời chế nhạo trên một số hàng ghế, còn trên một số hàng ghế khác thì bằng *cheers*^{1*}. Các bộ trưởng bội tín - Grê-hêm, Glát-xtôn, Héc-bớt - ngồi ở hàng ghế của cái gọi là phái cấp tiến (trường phái Man-se-xơ), nơi Brai-tơ dường như chào đón họ. Ngồi trên ghế gần họ là Các-đu-en cũng đã rút ra khỏi nội các. Huân tước Pan-móc-xton đưa ra đề nghị xét ngay vấn đề uỷ ban của Rô-bác. Tiếp đó, ngài Giêm-xơ Grê-hêm bắt đầu bản xung tội của nội các, nhưng khi ông ta vừa mới dạo khúc hùng biện của mình thì đã vẳng lên tiếng đệm đàn của Pan-móc-xton - dấu hiệu chắc chắn của một giấc ngủ ngon.

Về nguyên tắc, biện luận của Grê-hêm chống lại uỷ ban điều tra quy lại là việc cử uỷ ban ấy là sự xâm phạm của hạ nghị viện đối với đặc quyền của nhà vua. Chúng ta biết rằng từ một thế kỷ rưỡi nay các bộ trưởng Anh đã có thói quen là họ viện đến đặc

^{1*} - tiếng hoan hô

quyền nghị viện để chống lại nhà vua và viện đến đặc quyền của nhà vua để chống lại nghị viện. Thực ra, Grê-hêm đem nguy cơ đe dọa liên minh Anh - Pháp do các hoạt động điều tra của uỷ ban gây ra, để hù dọa. Đó chẳng qua chỉ là sự ám chỉ rằng nước Pháp đồng minh sẽ bị coi là thủ phạm của mọi thất bại. Về việc Grê-hêm rút khỏi nội các thì ngay từ đầu nội các đã đánh giá đề án của Rô-bác chỉ là một sự bỏ phiếu ngầm không tín nhiệm. Vì vậy mà A-bóc-đin và công tước Niu-ca-lơ biến thành vật hy sinh và nội các cũ bị giải tán. Nhưng nội các mới lại gồm toàn những nhân vật trước đây, trừ Ca-ninh và Pan-muy-rơ; thế thì tại sao đề án của Rô-bác lại có thể đột nhiên được giải thích khác đi? Không phải ông ta mà là huân tước Pan-móc-xton, từ thứ sáu trước đến thứ ba này, đã thay đổi quan điểm của mình. Không phải ông ta mà là người bạn cao quý của ông ta là kẻ đào ngũ. Ngoài ra - Grê-hêm ngây thơ thừa nhận - nguyên nhân ông ta rút khỏi nội các đã cải tổ là vì tin chắc

"rằng chính phủ hiện nay không được nghị viện tín nhiệm hơn chính phủ đã đổ mấy tuần trước đây".

Trong bài phát biểu của mình, Grê-hêm còn nói:

"Khi thành lập nội các mới, tôi có hỏi huân tước cao quý" (Pan-móc-xton) "liệu sẽ có những thay đổi gì trong chính sách đối ngoại của bá tước A-bóc-đin cũng như trong những điều kiện đã đưa ra về hoà ước hay không. Huân tước Pan-móc-xton đã đoán chắc với tôi rằng về mặt này, mọi việc sẽ vẫn như cũ".

(Chúng tôi trích dẫn những lời này đúng như chúng đã được *phát biểu* trong hạ nghị viện, chứ không phải dưới hình thức gọt rũa hơn như chúng đã được *đăng* trên báo chí).

Brai-tơ vợ ngay lấy lời tuyên bố ấy của Grê-hêm để chứng minh rằng ông ta không muốn lật đổ chính phủ Pan-móc-xton, không có sự thù ghét cá nhân nào đối với huân tước cao quý, hơn nữa, ông ta tin rằng Pan-móc-xton và Rốt-xen còn có tiếng tăm đầy đủ để ký kết hoà ước trên cơ sở bốn điểm, tức là có cái mà người bị công kích oan là A-bóc-đin không có được.

Xít-ni Héc-bóc. - Đề án của Rô-bác gồm hai phần hoàn toàn khác nhau. Một là, Rô-bác đề nghị điều tra tình hình quân đội ở Xê-va-xtô-pôn; hai là, điều tra sự lãnh đạo của các cơ quan chính

phủ trực tiếp phụ trách việc cung cấp cho quân đội. Nghị viện có quyền tiến hành việc thứ hai chứ không phải việc thứ nhất. Phải chăng là dựa vào lý do ấy, ngày 26 tháng Giêng Héc-bóc đã phản đối "việc thứ hai" cũng kịch liệt như hiện nay, ngày 23 tháng Hai, phản đối "việc thứ nhất". Khi ông ta (Héc-bóc) nhậm chức trong nội các hiện nay thì huân tước Pan-móc-xton, hoàn toàn phù hợp với lời phát biểu của mình vào thứ sáu trước, đã gọi việc cử uỷ ban là một biện pháp vi hiến và đưa ra ý kiến rằng vấn đề này sẽ bị xoá bỏ cùng với sự ra đi của A-bóc-đin và công tước Niu-ca-lơ. Pan-móc-xton thậm chí đã không nghi ngờ gì rằng bây giờ nghị viện sẽ bác bỏ đề án của Rô-bác mà không cần thảo luận gì hết. Do mục đích của uỷ ban không phải là buộc tội chính phủ, mà là điều tra tình hình quân đội, nên nó trở thành một trò bịp quá đần. Huân tước Pan-móc-xton không đủ can đảm để làm theo niềm tin mà ông ta đã nhiều lần bày tỏ, nên ông ta đã làm yếu chính phủ. Một con người mạnh nếu thi hành một chính sách yếu thì đem lại lợi ích gì?

Glát-xtôn thực ra không bổ sung được gì thêm vào những lời giải thích của các đồng sự của mình, ngoài cái thứ lập luận đã từng cho Pin quá cố cái cớ để nói, nhân dịp Glát-xtôn rút khỏi nội các của ông ta, - lúc bấy giờ là đang nói về trường dòng Mây-nút⁷¹ - rằng ông ta dường như đã hiểu rõ những nguyên nhân khiến bạn ông ta rút khỏi chính phủ trước khi bạn ông ta nghĩ đến việc trình bày những nguyên nhân ấy với nghị viện trong một bản tham luận dài hai tiếng đồng hồ.

Pan-móc-xton cho rằng sẽ là thừa nếu bản luận về những sự giải thích của các đồng sự cũ của mình. Ông ta lấy làm tiếc là họ đã rút lui nhưng không có họ thì đâu vẫn vào đấy. Theo ý kiến ông ta, uỷ ban không nhằm mục đích buộc tội mà nhằm điều tra tình hình quân đội. Ban đầu ông ta phản đối việc cử uỷ ban, nhưng giờ đây lại tin rằng không thể buộc nghị viện từ bỏ quyết định của nó. Một đất nước không thể thiếu chính phủ, do đó ông ta sẽ ở lại đứng đầu chính phủ, bất luận có uỷ ban hay không. Về câu hỏi của *Brai-tơ*, Pan-móc-xton trả lời là cuộc đàm phán hoà bình sẽ tiến hành nghiêm túc và Rốt-xen sẽ nhận được những chỉ thị

căn cứ vào bốn điều khoản. Về tình hình nội các của mình, ông ta không thông báo gì cho nghị viện cả.

Tuy chính phủ đầu tiên của mình đột nhiên bị đổ, Pan-móc-xton hiển nhiên vẫn giành được thắng lợi, nếu như không phải là trước mặt công luận, thì cũng là trong nội các và trong nghị viện. Cử Rót-xen đi Viên công tác, ông ta đã gạt được một đối thủ bất lợi và tính khí thất thường. Thoả hiệp với Rô-bác, ông ta biến uỷ ban điều tra của nghị viện thành uỷ ban của chính phủ, nó sẽ chỉ là uỷ ban thứ tư, cùng với ba uỷ ban do ông ta thành lập. Theo cách nói của Xít-ni Héc-bóc, Pan-móc-xton đã đem "trò bịp quái đản" thay cho hiện thực. Việc phái Pin rút khỏi nội các tạo cho ông ta khả năng thành lập một nội các gồm toàn những con số không, trong đó chỉ có ông ta là một đại lượng. Song không nghi ngờ gì nữa, sự thành lập nội các Pan-móc-xton đích thực ấy hẳn sẽ không tránh khỏi vấp phải những khó khăn hầu như không khắc phục nổi.

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 97, ngày 27 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

HI-UM

Luân Đôn, ngày 24 tháng Hai. Mất Hi-um là hạ nghị viện đã mất đi nhân vật lão thành của mình. Hoạt động nghị trường lâu dài của ông ta là chiếc phong vũ biểu chính xác về sự phát triển của *cái* chính đảng cấp tiến tư sản đã đạt tới đỉnh cực thịnh của nó vào năm 1831. Trong thời kỳ đầu sau cải cách⁷², Hi-um đã đóng vai Vác-vích trong nghị viện, nghĩa là "người chế tạo ra các nghị sĩ". Tám năm sau, ông ta đã cùng với Đa-ni-en Ô. Cô-nen và Phéc-giuýt Ô. Cô-no xuất hiện với tư cách một trong những tác giả của "Hiển chương nhân dân"⁷³ hiện vẫn còn là cương lĩnh chính trị của phái Hiến chương và, về thực chất, chỉ là yêu sách đòi thực hiện *quyền phổ thông đầu phiếu* và đòi tạo ra những điều kiện để quyền ấy có thể được thật sự thực hiện ở Anh.

Chẳng bao lâu sau xảy ra sự chia rẽ giữa công nhân và các nhà cổ động tư sản. Hi-um đứng về phía bọn này. Trong thời kỳ nội các Rót-xen ông ta lập ra "Bản hiến chương nhỏ" đã trở thành cương lĩnh của cái gọi là "những người ủng hộ cải cách nghị viện và tài chính"⁷⁴. Thay cho 6 điểm của "Hiển chương nhân dân", "Bản hiến chương nhỏ" gồm 3 điểm, và thay cho quyền "phổ thông" đầu phiếu, nó chỉ yêu sách quyền bầu cử "mở rộng" ít nhiều. Sau hết, năm 1852, Hi-um công bố cương lĩnh mới, trong đó ông ta từ bỏ "Bản hiến chương nhỏ" của mình và chỉ đòi *một* điểm là bỏ phiếu kín (Ballot). Ngoài ra, Hi-um còn là đại biểu điển hình của cái gọi là phe đối lập "độc lập" mà Cốp-bét gọi một cách hết sức xác đáng

và đầy đủ là "chiếc van an toàn" của chế độ cũ. Đến cuối đời, Hi-um đã có thói quen mà sau này trở thành thói đam mê thực sự là: đưa đề án ra trước nghị viện rồi đến phút cuối cùng lại rút về theo chỉ thị của các bộ trưởng. Câu "tiết kiệm công quỹ" mà ông ta ưa dùng để làm đôm, đã trở thành câu nói cửa miệng. Tất cả các bộ trưởng đều cho phép ông ta đã kích các khoản chi nhỏ và rút bớt chúng để các khoản chi lớn được nghị viện thông qua không gặp trở ngại gì.

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 58, ngày 28 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

PAN-MÓC-XTƠN VÀ BỌN QUẢ ĐẦU ANH

Luân Đôn, ngày 27 tháng Hai. Đối với sự ồn ào nổi lên chống lại quý tộc, Pan-móc-xton đã trả lời một cách châm biếm bằng việc thành lập một nội các gồm 10 huân tước và 4 nam tước, hơn nữa trong số 10 huân tước ấy lại có 8 vị tham gia Viện nguyên lão. Để trả lời sự bất bình do sự thoả hiệp giữa các phái trong tập đoàn thống trị đầu sỏ gây ra, ông ta ký kết thoả hiệp giữa các nhóm gia đình trong nội bộ đảng Vích. Bộ tộc Grây, gia đình công tước Xa-thơ-len, sau hết là gia đình Cla-ren-đôn đều nhận phần trong nội các của ông ta. Bộ trưởng nội vụ, ngài Gioóc-giơ Grây, là anh em thúc bá của bá tước Grây mà chị ruột đã lấy ngài Sác-lơ Vút, bộ trưởng hải quân; bá tước Gran-vin và công tước Ác-gai-lơ thuộc gia đình Xa-thơ-len. Ngài Gi. C.Lu-ít, bộ trưởng tài chính, là anh em rể của bá tước Cla-ren-đôn, bộ trưởng ngoại giao. Chỉ riêng Ấn Độ là được trao cho Véc-nôn Xmít, một người không có tước vị, mặc dù có quan hệ thông gia với gia đình đảng Vích. "Cả một vương quốc vì một con ngựa!", Ri-sốt III^{1*}, đã từng thốt lên; Pan-móc-xton bắt chước Ca-li-gu-la⁷⁵ thét lớn: "Một con ngựa dành cho vương quốc!" và biến Véc-nôn Xmít thành Đại Mô-gôn Ấn Độ⁷⁶.

"Huân tước Pan-móc-xton" - tờ "Morning Advertiser" than phiền - "không những cho chúng ta một chính phủ quý tộc nhất trong lịch sử nước ta, mà còn thành lập

^{1*} Sếch-xpia: "vua Ri-sốt III", màn V, cảnh 4

chính phủ của mình bằng chất liệu quý tộc tôi nhất có thể tìm được". Nhưng tờ "Advertiser" thuần phác lại tự an ủi rằng "Pan-móc-xton từ trước đến nay chưa bao giờ được tự do trong hành động của mình; ông ta vẫn luôn bị xiềng xích và dây dợ trói buộc...".

Như chúng tôi đã tiên đoán^{1*}, huân tước Pan-móc-xton đã thành lập nội các gồm những con số không trong đó chỉ có ông ta là một đại lượng. Đối với huân tước Giôn Rót-xen là người năm 1851 đã đuổi ông ta ra khỏi nội các đảng Vích một cách thẳng thừng, thì ông ta lại cử đi du lịch một cách rất lịch sự⁷⁷. Ông ta lợi dụng phái Pin để làm kẻ kè kè tục A-bóc-đin. Bảo đảm cho mình được chức thủ tướng rồi, ông ta liền gạt bỏ các môn đồ của A-bóc-đin và đánh cắp của Rót-xen, theo cách nói của Đi-xra-e-li, không những chiếc áo khoác của đảng Vích mà cả bản thân những đảng viên Vích nữa. Tuy chính phủ hiện nay rất giống, hầu như đồng nhất với chính phủ đảng Vích của Rót-xen những năm 1846 - 1852, song lẫn lộn họ với nhau thì thật hết sức sai lầm. Thực chất của vấn đề hiện nay tuyệt nhiên không phải là ở nội các, mà là ở huân tước Pan-móc-xton thay thế nội các. Tuy thành phần nội các phần lớn vẫn là những nhân vật cũ, nhưng các chức vụ trong nội các được phân phối khác đi, chỗ dựa của nó ở hạ nghị viện đã khác đi và bản thân nó thì lại một lần nữa xuất hiện trong tình hình đã thay đổi đến mức là nếu như trước kia nó là một nội các yếu kém của đảng vích, thì nay nó tượng trưng cho sự độc tài mạnh mẽ của một cá nhân, nhưng với giả định rằng Pan-móc-xton không phải là Pít giả mạo, Lu-i Bô-na-pác-tơ không phải là Na-pô-lê-ông giả mạo, còn huân tước Giôn Rót-xen thì vẫn tiếp tục cuộc hành trình của mình. Giới tư sản Anh tuy bực tức về sự chuyển biến hết sức bất ngờ của tình hình, nhưng trò hề vô liêm sỉ mà Pan-móc-xton dùng để lừa bịp và làm u mê bạn hữu và kẻ thù của ông ta tạm thời vẫn làm cho giới tư sản Anh buồn cười. Pan-móc-xton, một nhà buôn ở Xi-ti nói, lại tỏ ra "clever". Nhưng "clever" là một từ không thể dịch được vì có nhiều nghĩa khác nhau, ý khác nhau. Nó bao gồm toàn bộ phẩm chất của một người biết thể hiện mình một cách có lợi nhất cũng như biết kiếm lợi

^{1*} Xem tập này, tr. 117 - 118.

cho mình mà làm thiệt hại cho người khác. Hết mục trung thành với đạo lý và lối xử thế đúng mực, giới tư sản Anh vẫn thán phục trước hết con người mà họ nói là "clever", con người mà đạo lý không ràng buộc nổi, sự sùng kính không làm quẫn trí, một con người vẫn coi các nguyên tắc là lưới giăng bẫy những người xung quanh mình. Nếu Pan-móc-xton "clever" đến mức đó thì liệu ông ta có ranh mãnh hơn người Nga như ông đã ranh mãnh lấu cá vượt cả Rót-xen không? - đó là lời bàn của nhà chính trị thuộc tầng lớp trên trong giai cấp tư sản Anh.

Còn về đảng To-ri thì họ tưởng rằng cái thời xa xưa vàng son đã trở lại rồi, rằng phép phù thủy độc ác của sự liên hiệp đã bị phá tan và sự luân phiên truyền thống giữa các chính phủ đảng Vích và đảng To-ri lại được khôi phục. Một sự thay đổi thực sự, không chỉ bó hẹp ở sự tan rã tiêu cực, thực ra chỉ có thể xảy ra dưới chính phủ đảng To-ri. Chỉ khi nào đảng To-ri nắm chính quyền thì mới bắt đầu có sức ép mạnh mẽ từ bên ngoài - pressure from without - và những cuộc cải biến không tránh khỏi mới được thực hiện. Chẳng hạn, công cuộc giải phóng các tín đồ Thiên chúa giáo⁷⁸ diễn ra dưới thời nội các Oen-lin-ton; việc huỷ bỏ luật ngũ cốc xảy ra dưới thời kỳ nội các Pin; cũng có thể nói như vậy nếu như không phải vì bản thân dự luật cải cách nghị viện, thì ít ra cũng là vì phong trào cải cách, một phong trào mà ý nghĩa lớn hơn là kết quả.

Khi người Anh mời một người Hà Lan^{1*} từ hải ngoại về để tôn lên ngôi vua thì cùng với vương triều mới, đã bắt đầu một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên liên minh giữa quý tộc ruộng đất và quý tộc tài chính. Từ đó cho đến nay vẫn duy trì thế cân bằng hợp hiến giữa đặc quyền huyết thống và đặc quyền kim tiền. Chẳng hạn, theo đặc quyền huyết thống, một phần các chức vụ trong quân đội được phân phối theo nguyên tắc quan hệ gia đình, thông qua tệ cất nhắc những người họ hàng thân quen và sủng ái, nhưng nguyên tắc kim tiền cũng chiếm địa vị xứng đáng vì tất cả các quân hàm sĩ quan đều được mua bán bằng kim tiền. Người ta ước tính rằng các sĩ quan hiện đang tại ngũ đã mất

^{1*} - Uy-li-am O-răng-giơ

một số tiền 6 triệu pao xtéc-ling để mua quân hàm của mình. Để khỏi mất các quyền được hưởng trong thời gian phục vụ và để khỏi bị kẻ giàu có trẻ tuổi nào đó gạt ra ngoài, những sĩ quan kém sung túc hơn phải đi vay số tiền cần để lo lót thăng cấp và như thế là trở thành con nợ bị trói buộc bởi những khoản cầm cố.

Trong giáo hội, cũng như trong quân đội, ngoài nguyên tắc quan hệ gia đình ra, nguyên tắc kim tiền vẫn thống trị. Nếu như một phần các chức vụ trong giáo hội rơi vào tay con em quý tộc ít tuổi thì phần còn lại rơi vào tay kẻ nào trả nhiều tiền hơn. Việc buôn bán "linh hồn" nhân dân Anh - trong chừng mực linh hồn ấy thuộc quốc giáo - cũng mang tính chất thường xuyên không kém gì việc buôn bán người da đen ở Viéc-gi-ni-a. Trong lĩnh vực buôn bán này, không những có kẻ bán người mua mà còn có cả những tay môi lái. Court of Queen's Bench^{1*} hôm qua đã xử vụ kiện của một trong những tên môi lái mua bán "linh hồn" mà họ của hắn là Xim-xơn. Y đòi tên Lam nào đó phải trả y khoản thù lao mà y được hưởng; theo hợp đồng thì tên Lam này phải thu xếp việc bổ nhiệm linh mục Giô-di-a Rô-đu-en về giáo khu Uê-xơ - Hác-ni, trong việc này Xim-xơn đòi được hưởng năm phần trăm số tiền của bên mua cũng như bên bán, không kê một số khoản phụ thu khác. Theo y nói thì tên Lam đã không làm tròn nghĩa vụ của mình. Thực chất của vụ buôn bán này như sau: Lam là con trai của một linh mục 70 tuổi có hai giáo khu ở Xút-xéch mà giá bán quy định là 16 000 pao xtéc-ling. Đương nhiên, giá cả tỉ lệ thuận với thu nhập của giáo khu và tỉ lệ nghịch với tuổi tác của người chủ giáo khu. Lam con, là người trông coi các giáo khu do Lam bố chiếm hữu, thêm vào đó lại là anh của ông Lam thứ ba trẻ hơn nữa, người sở hữu một giáo khu và là linh mục ở Uê-xơ-Hác-ni. Vì ông Lam nói sau chót này còn rất trẻ, giá của sự bổ nhiệm tiếp theo vào chức lương cao việc nhàn của anh ta tương đối thấp. Tuy thu nhập hàng năm của giáo khu này là 550 p.xt, không kê số chi phí về nhà ở cho linh mục, nhưng người chủ giáo khu này chỉ bán chức vụ sắp tới có 1 000 p.xt. Người anh của anh ta hứa sau khi ông bố chết sẽ chuyển giao cho anh ta các giáo khu ở Xút-xéch, còn ghé bỏ trống

ở Uê-xơ - Hác-ni thì hứa bán cho Giô-di-a Rô-đu-en với giá 3 000 pao xtéc-ling thông qua Xim-xơn. Như thế là anh ta sẽ được 2 000 p.xt. thu nhập ròng, em anh ta sẽ được một giáo khu tốt hơn, còn người môi lái thì sẽ kiếm chác trong vụ buôn bán này 300 p.xt. tính theo số hoả hồng 5% phải trả cho y. Chỉ còn một điều không rõ là tại sao hợp đồng bị hủy bỏ. Toà xử cho anh môi lái Xim-xơn được bồi thường 50 bảng "về lao động đã bỏ ra".

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Hai 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 105, ngày 3 tháng Hai 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - Toà án hoàng gia

C.MÁC

HIẾN PHÁP CỦA NƯỚC ANH

Luân Đôn, ngày 2 tháng Ba. Trong khi hiến pháp của nước Anh phá sản trên tất cả các khâu của nó, ở khắp mọi nơi nó được chiến tranh thử thách, thì ở trong nước, nội các liên hiệp sụp đổ, một nội các thể hiện tinh thần hiến pháp hơn tất cả các nội các mà lịch sử nước Anh được biết. 40 000 binh sĩ Anh đã ngã xuống trên bờ Hắc Hải, làm vật hi sinh cho hiến pháp của nước Anh! Giới sĩ quan, bộ tổng tham mưu, cục quân nhu, ngành quân y, ngành vận tải, bộ hải quân, bộ tư lệnh tối cao, cục quân giới, lục quân và hải quân - tất cả bọn họ đều phá sản và mất sạch uy tín trước con mắt toàn thế giới. Nhưng tất cả đều hài lòng khi nhận thức rằng họ chỉ làm tròn nghĩa vụ trước hiến pháp của nước Anh! Tờ "Times" đã tiếp cận chân lý hơn là nó tưởng khi nó viết về sự phá sản chung ấy rằng "bản thân hiến pháp của nước Anh đã ra toà"! Hiến pháp đã ra toà và bị coi là có tội.

Nhưng cái hiến pháp của nước Anh đó là gì? Phải chăng thực chất của nó là ở các cơ quan đại nghị và ở sự hạn chế quyền hành pháp? Những đặc điểm ấy không làm cho nó khác với hiến pháp của Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, cũng như với điều lệ của vô số công ty cổ phần Anh "hiểu biết công việc của mình". Thực ra, hiến pháp của nước Anh trong thực tế chỉ là một sự thoả hiệp lỗi thời già cỗi, cũ rích giữa giai cấp tư sản tuy *không chính thức* nhưng thực tế *thống trị* trong tất cả mọi lĩnh vực có tính chất quyết định của xã hội tư sản và giới quý tộc địa chủ *chính thức*

cầm quyền. Lúc đầu, sau cuộc cách mạng "vinh quang" năm 1688, chỉ có một phái của giai cấp tư sản - *giới quý tộc tài chính* - tham gia thoả hiệp. Đạo luật cải cách năm 1831 lại làm cho thêm một phái khác - bọn trùm giai cấp tư sản *công nghiệp*, "millocracy" như người Anh gọi - tham gia thoả hiệp. Lịch sử lập pháp từ năm 1831 là lịch sử những nhượng bộ đối với giai cấp tư sản công nghiệp, kể từ đạo luật về người nghèo⁷⁹ cho đến việc thủ tiêu các luật ngũ cốc và kể từ việc thủ tiêu luật ngũ cốc cho đến việc thi hành thuế thừa kế tài sản ruộng đất.

Nếu như giai cấp tư sản - thực ra chỉ là tầng lớp trên của giai cấp tư sản - nhìn chung được thừa nhận là *giai cấp thống trị* cả về mặt *chính trị* thì điều đó chỉ diễn ra trong điều kiện giới quý tộc ruộng đất nắm trong tay mọi sự quản lý thực tế trên toàn bộ các khâu, thậm chí cả những chức năng hành chính của quyền lập pháp, nghĩa là hoạt động lập pháp thực tế ở cả hai viện. Trong những năm 1830, giai cấp tư sản thà khôi phục sự thoả hiệp với quý tộc ruộng đất còn hơn là thoả hiệp với quần chúng nhân dân Anh. Còn giai cấp quý tộc, tuy phục tùng một số nguyên tắc do giai cấp tư sản đưa ra, nhưng vẫn thống trị tuyệt đối trong nội các, nghị viện, cơ quan quản lý nhà nước, lục quân và hải quân; giai cấp quý tộc ấy trong chừng mực nào đó đã tạo nên bộ phận quan trọng nhất của hiến pháp nước Anh, giờ đây buộc phải ký vào bản án tử hình của chính mình và thừa nhận trước toàn thế giới sự bất lực của mình trong việc tiếp tục quản lý nước Anh. Biết bao nhiêu mưu toan đã được tiến hành để hạ hơi tiếp sức cho cái xác chết của nó. Hết nội các này đến nội các khác được thành lập chỉ để rồi tuyên bố sự giải tán của mình sau mấy tuần cầm quyền. Khủng hoảng trở thành thường xuyên, chính phủ chỉ là hiện tượng tạm thời. Mọi hoạt động chính trị đều tạm ngừng, mỗi người đều nhận thức rằng mình chỉ cầu mong tra dầu vào cỗ máy chính trị và không cho nó dừng hẳn. Hạ nghị viện đã không nhận ra mình nữa trong những nội các mà chính nó xây dựng lên theo hình dáng và hình ảnh của nó.

Trong tình hình bất lực phổ biến ấy, không những phải tiến hành chiến tranh mà còn phải đấu tranh với một kẻ địch nguy hiểm gấp bội so với Nga hoàng Ni-cô-lai. Kẻ địch ấy là *cuộc khủng*

hoảng công thương nghiệp bắt đầu từ tháng Chín năm ngoái, ngày một phát triển và trở nên rộng khắp. Bàn tay sắt của nó lập tức bịt mõm những tông đồ dung tục ủng hộ mậu dịch tự do là những kẻ trong nhiều năm nay đã thuyết giáo rằng sau khi bãi bỏ luật ngũ cốc thì sự thừa ứ hàng hoá trên thị trường và khủng hoảng xã hội đã vĩnh viễn trở thành truyện cổ tích rồi. Nhưng sự thừa ứ hàng hoá trên thị trường hiện nay đã trở thành sự thực và không ai lớn tiếng hò hét về sự thiếu nhìn xa trông rộng của bọn chủ xưởng đã không thu hẹp sản xuất lại bằng chính các nhà kinh tế học mới năm tháng trước đây với thái độ giáo điều đã quá quyết như đinh đóng cột rằng sản xuất thừa vĩnh viễn không còn nữa.

Chứng bệnh này đã xuất hiện dưới hình thức mãn tính từ thời kỳ bãi công ở Pre-xtơ⁸⁰. Chẳng bao lâu sau đó, sự thừa ứ hàng hoá trên thị trường Mỹ đã gây ra cuộc khủng hoảng ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ. Ấn Độ và Trung Quốc tuy đây áp hàng hoá vẫn tiếp tục đóng vai trò kênh tiêu nước đối với sản xuất thừa, cũng giống như Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xơ-rây-li-a. Các chủ xưởng Anh, do không còn khả năng tiêu thụ hàng hoá của họ ở thị trường trong nước mà không hạ giá, nên đã tìm đến một biện pháp nguy hiểm là gửi hàng đi bán theo lối ủy thác ở các nước khác, đặc biệt là ở Ấn Độ, Trung Quốc, Ô-xơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a. Biện pháp ấy cho phép họ tránh được, trong một thời gian nào đó, những khó khăn có thể xảy ra đối với thương nghiệp nếu như tất cả hàng hoá đều được tung ra thị trường trong nước cùng một lúc. Song hàng xuất khẩu vừa được chở đến nơi thì lập tức chúng ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường các nước ấy, và đến cuối tháng Chín, thì người ta bắt đầu cảm thấy hậu quả của việc này cả ở đây, ở Anh.

Bấy giờ cuộc khủng hoảng mãn tính biến thành cấp tính. Những xí nghiệp đầu tiên bị phá sản là các xưởng in hoa, kể cả một số công ty lâu đời ở Man-se-xtơ và ngoại ô thành phố này. Tiếp theo là đến lượt các chủ tàu và thương gia buôn bán với Ô-xơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a, rồi đến các hãng buôn bán với Trung Quốc, và sau hết là các hãng buôn bán với Ấn Độ. Lần lượt chẳng ai thoát; phần lớn trong số họ bị thua lỗ nặng, nhiều

hãng buộc phải ngừng kinh doanh và trong những ngành thương nghiệp này chưa ngành nào qua khỏi mối nguy. Trái lại, mối nguy ấy ngày một tăng lên. Các chủ xưởng dệt lụa cũng bị khủng hoảng đụng đến; sản xuất tơ lụa hiện nay giảm xuống, hầu như đến con số không, và tình trạng thiếu thốn cực độ bao trùm các trung tâm của ngành sản xuất này. Rồi đến lượt các chủ xưởng sợi và vải bông. Một số trong bọn họ không còn trụ nổi và số đông hơn nữa thì nhất định sẽ chung số phận đó. Như chúng tôi đã chỉ rõ^{1*}, các xưởng sợi mịn đã thực hiện tuần làm việc không đầy đủ, và chẳng bao lâu nữa các chủ xưởng sản xuất sợi thô cũng buộc phải áp dụng biện pháp đó. Một phần các xí nghiệp này hiện nay tuần lễ chỉ làm việc có mấy ngày. Liệu họ có thể duy trì như thế được bao lâu?

Mấy tháng nữa thôi, cuộc khủng hoảng ở các khu công nghiệp sẽ đạt quy mô cuộc khủng hoảng năm 1842 nếu như không nói là lớn hơn. Nhưng một khi giai cấp công nhân cảm thấy đầy đủ ảnh hưởng của nó đối với bản thân thì sẽ lại bắt đầu xuất hiện phong trào chính trị ít nhiều tiềm sinh trong giai cấp ấy sáu năm qua và chỉ duy trì được những cán bộ cho một cuộc cổ động mới. Cuộc xung đột giữa giai cấp vô sản công nghiệp với giai cấp tư sản sẽ lại bắt đầu đúng vào lúc mà cuộc xung đột giữa giai cấp tư sản và quý tộc sẽ đạt tới tột đỉnh của nó. Chiếm mất nạ cho tới nay vẫn che đậy không cho người nước ngoài trông thấy những đặc điểm thực sự của bộ mặt chính trị của nước Anh rút cục sẽ bị xé toang. Chỉ có ai không biết đất nước này có nguồn nhân lực và vật lực hết sức phong phú như thế nào, mới có thể hoài nghi điều sau đây: nước này sẽ vượt qua được một cách thắng lợi cuộc khủng hoảng lớn đang tới gần, và nó sẽ hoàn toàn đổi mới.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 108, ngày 6 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} Xem tập này, tr. 92 - 93.

C.MÁC

LÂY-ÁC

Luân Đôn, ngày 2 tháng Ba. Lây-ác, nhà nghiên cứu nổi tiếng về At-xi-ri, trong diễn văn đọc hôm kia trước cử tri của mình ở Ây-xbê-ri đã đưa ra những tình tiết đáng chú ý, một mặt nói lên những thủ đoạn và phương pháp mà tập đoàn thống trị đầu sỏ sử dụng để phân chia các chức vụ nhà nước quan trọng nhất, mặt khác nói lên lập trường hết sức mập mờ đối với tập đoàn ấy của những kẻ mệnh danh là nghị sĩ tự do và độc lập.

Lây-ác kể rằng huân tước Gran-vin đã cử ông ta làm trợ lý bộ trưởng ngoại giao; ông ta giữ chức vụ ấy được ba tháng thì nội các Rốt-xen đổ và nội các Đốc-bi được thành lập. Đốc-bi đề nghị ông ta ở lại chức vụ ấy cho đến khi huân tước Xten-li (con trai Đốc-bi) được chỉ định kế chân ông từ Ấn Độ về, sau đó ông ta sẽ cử ông (Lây-ác) lãnh sứ mệnh ngoại giao ở nước ngoài.

"Tất cả các bạn hữu chính trị của tôi", - Lây-ác nói, "đều có ý kiến là tôi nên chấp nhận đề nghị ấy, trừ huân tước Rốt-xen có ý kiến trái lại; tôi lập tức nghe theo lời khuyên của Rốt-xen".

Thế là Lây-ác cự tuyệt đề nghị của Đốc-bi. Hay lắm! Huân tước Rốt-xen lại trở thành bộ trưởng và Lây-ác không bị bỏ quên. Rốt-xen mời ông ta ngồi vào "bàn nội các" ngồi ghế phó chủ tịch "Board of Control"^{1*}, tức là thứ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ. Lây-ác đồng ý. Nhưng Rốt-xen chợt nhớ ra rằng một nhà quý phái cao tuổi hơn trong số đảng viên Vích là ngài Tô-mát

^{1*} - "Hội đồng kiểm tra"

Rê-đinh-ton trước đây đã từng phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len nhưng chưa bao giờ phụ trách các vấn đề châu Á, "còn chưa được sắp xếp" (nguyên văn). Do đó, Rốt-xen gợi ý với Lây-ác để Lây-ác không cản trở việc sắp xếp nhà quý phái đáng kính ấy. Lây-ác lại nhượng bộ. Bấy giờ Rốt-xen, được cổ vũ bởi tính khiêm tốn và tinh thần hy sinh quên mình của vị học giả nọ, đã khuyên ông ta nhường hẳn đường và nhận thức lãnh sự ở Ai Cập. Nhưng lần này thì Lây-ác đã nổi giận, cự tuyệt đề nghị và thu hút sự chú ý của nghị viện đối với mình bằng một bài diễn văn hùng hồn phản đối chính sách của nội các đối với phương Đông.

Sau khi lập xong nội các, Pan-móc-xton tìm cách thoả mãn Lây-ác bằng chức cục trưởng cục quân giới. Lây-ác từ chối đề nghị vì ông ta bảo rằng ông hoàn toàn không hiểu gì về súng ống cả v.v.. Ngây thơ làm sao! Cứ như là ông Môn-xen vừa rời chức cục trưởng ấy, một trong những tay môi lái của nhóm Ai-rơ-len, đã từng có khả năng phân biệt được súng trường thông thường với súng trường nòng có rãnh! Bấy giờ Pan-móc-xton đề nghị Lây-ác giữ chức thứ trưởng Bộ chiến tranh. Ông ta chấp nhận đề nghị, nhưng hôm sau, Pan-móc-xton đột nhiên lại phát hiện rằng lúc này rất cần có Phrê-đê-rích Pin - một tên nhỏ nhen quan cách ấy - của Bộ chiến tranh, mà các chức năng của bộ này thì như mọi người đều biết, Pin chẳng có khái niệm gì cả. Sau hết, để đền bù, Pan-móc-xton đã nhân danh Rốt-xen đề nghị Lây-ác nhận chức thứ trưởng thuộc địa. Lây-ác cho rằng trong tình hình này, tìm hiểu về 50 thuộc địa nữa mà cho đến nay ông ta chưa hề nghiên cứu đến thì quá ư vất vả. Ông ta lại từ chối và câu chuyện bỏ ịch này kết thúc ở đây.

Đạo lý duy nhất mà các tờ báo của chính phủ rút ra được từ đó là: Lây-ác còn rất thiếu kinh nghiệm trong cuộc sống và sai lầm của ông ta là ở chỗ không lợi dụng tiếng tăm của mình như là nhà nghiên cứu môn khoa học Át-xi-ri.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 107, ngày 5 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

KHỦNG HOẢNG Ở ANH

Trong tất cả các tin tức mà tàu "Át-lan-tíc"⁸¹ đem từ châu Âu đến thì cái chết của Nga hoàng và ảnh hưởng của sự kiện đó đối với tình hình phức tạp hiện nay chắc chắn đã làm cho người ta chú ý nhất. Nhưng các tin tức về sự kiện ấy hoặc về các vấn đề khác ở châu Âu dù có quan trọng đến mấy thì chúng cũng khó mà làm cho nhà quan sát chín chắn phải quan tâm đến chúng hơn là những triệu chứng về sự phát triển dần dần của một cuộc khủng hoảng chính trị nội bộ nghiêm trọng mà hiện nay nước Anh bị lôi cuốn vào, trái với mong muốn của nó. Mưu toan cuối cùng hòng duy trì sự thoả hiệp lỗi thời mang tên hiến pháp của nước Anh, - sự thoả hiệp giữa giai cấp thống trị chính thức với giai cấp thống trị không chính thức, - rõ ràng là đã thất bại. Ở Anh, không những nội các liên hiệp, nội các hợp hiến nhất trong số tất cả nội các, mà cả bản thân hiến pháp cũng đã phá sản trên tất cả các khâu của nó, ở bất cứ nơi nào nó được chiến tranh thử thách. Bốn vạn binh sĩ Anh đã ngã xuống trên bờ biển Hắc Hải làm vật hy sinh cho hiến pháp của nước Anh! Giới sĩ quan bộ tổng tham mưu, cục quân nhu, ngành quân y, ngành vận tải, bộ hải quân, bộ tư lệnh tối cao, cục quân giới, lục quân và hải quân - tất cả bọn họ đều phá sản và mất sạch uy tín trước con mắt toàn thế giới. Nhưng tất cả đều hài lòng khi nhận thức rằng họ chỉ làm tròn nghĩa vụ trước hiến pháp của nước Anh. Tờ báo Luân Đôn "Times" đã tiếp cận chân lý hơn là nó tưởng khi nó viết

về sự phá sản chung ấy rằng bản thân hiến pháp của nước Anh đã ra toà!

Hiến pháp đã ra toà và bị coi là có tội. Hiến pháp ấy của nước Anh chẳng qua chỉ là sự thoả hiệp lỗi thời, nhờ đó, mà chính quyền nhà nước hoàn toàn chuyển sang tay những tầng lớp nhất định thuộc giai cấp tư sản, nhưng, với điều kiện là toàn bộ việc quản lý thực tế, quyền hành pháp trên tất cả các khâu của nó, thậm chí của những chức năng hành chính của quyền lập pháp, nghĩa là hoạt động lập pháp thực tế ở cả hai viện của nghị viện, vẫn nằm trong tay giới quý tộc ruộng đất. Thế là giai cấp quý tộc, tuy phục tùng những nguyên tắc chung do giai cấp tư sản đưa ra, nhưng vẫn thông trị tuyệt đối trong nội các, trong nghị viện, trong cơ quan quản lý nhà nước, trong lục quân và hải quân; giai cấp quý tộc ấy tạo thành bộ phận quan trọng nhất của hiến pháp nước Anh, giờ đây buộc phải ký vào bản án tử hình của chính mình. Nó buộc phải thừa nhận mình bất lực, không thể tiếp tục cai trị nước Anh được nữa. Hết nội các này đến nội các khác được thành lập chỉ để tuyên bố về sự giải tán của mình sau mấy tuần cầm quyền. Khủng hoảng trở thành thường xuyên, chính phủ chỉ là hiện tượng tạm thời. Mọi hoạt động chính trị đều ngừng lại; mỗi người chỉ cầu mong tra đủ dầu vào cỗ máy chính trị và không cho nó dừng hẳn. Bản thân hạ nghị viện - niềm tự hào ấy của tất cả những người Anh ủng hộ hiến pháp - đã rơi vào điểm chết. Nó đã không còn nhận ra bản thân mình nữa kể từ khi bị phân rã thành nhiều bè phái mưu toan thử mọi phép toán học và biến thiên toán học có thể có với một số đại lượng như thế. Nó đã không còn nhận ra bản thân mình nữa trong các nội các khác nhau do bản thân nó thành lập theo hình dáng của nó và hình ảnh của nó với mục đích duy nhất là lại giải tán những nội các ấy. Quả là một sự phá sản hoàn toàn.

Trong tình hình có sự bất lực phổ biến khắp đất nước và giống như bệnh dịch ở Crum, nó dần dần lan sang tất cả các bộ phận của cơ thể chính trị, trong tình hình này không những phải tiến hành chiến tranh mà còn phải đấu tranh với một kẻ địch nguy hiểm hơn nước Nga gấp bội, một kẻ địch mà đứng trước nó, tất cả các nội các trước kia, hiện nay và sau này của tất cả

những Glát-xtôn, Các-đu-en, Rót-xen và Pan-móc-xtôn gộp lại, đều khoanh tay bất lực. Kẻ địch ấy là cuộc khủng hoảng công thương nghiệp từ tháng Chín năm ngoái đã mang tính chất gay gắt, phổ biến và mãnh liệt đến mức không thể phủ nhận sự tồn tại của nó. Bàn tay sắt khắc nghiệt của nó lập tức bịt miệng những tông đồ dung tục ủng hộ nền mậu dịch tự do mà trong nhiều năm đã từng thuyết giáo rằng sau khi thủ tiêu những đạo luật về ngũ cốc thì không thể có sự thừa ứ hàng hoá trên thị trường. Sự thừa ứ hàng hoá trên thị trường dưới hình thức gay gắt nhất và với tất cả những hậu quả nảy sinh từ đó, hiện nay đã trở thành sự thực và đứng trước sự thực ấy không ai buộc tội các chủ xưởng thiếu nhìn xa trông rộng, không thu hẹp sản xuất, một cách gay gắt như chính những nhà kinh tế học mà mới chỉ mấy tháng trước đây còn quả quyết rằng sẽ không bao giờ còn tình trạng sản xuất thừa nữa. Chúng ta đã lưu ý từ lâu đến sự hiện diện của chứng bệnh ấy dưới hình thức mãn tính của nó. Những khó khăn gần đây ở Mỹ và cuộc khủng hoảng gây ra sự đình đốn trong thương nghiệp ở Mỹ, không nghi ngờ gì nữa, đã làm cho chứng bệnh ấy thêm trầm trọng. Ấn Độ và Trung Quốc, tuy đã tràn ngập hàng hoá, vẫn tiếp tục đóng vai trò kênh tiêu nước cũng như Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xtơ-rây-li-a. Các chủ xưởng Anh do không còn có thể tiêu thụ hàng hoá của mình trên thị trường trong nước hoặc do không muốn làm như thế để không hạ giá hàng, nên đã dùng đến một biện pháp kỳ cục là gửi hàng đi bán theo lối uỷ thác ở các nước khác, nhất là ở Ấn Độ, Trung Quốc, Ô-xtơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a. Biện pháp ấy cho phép họ tránh được trong một thời gian nhất định những khó khăn có thể xảy ra đối với thương nghiệp, nếu như tất cả hàng hoá đều được tung ra thị trường trong nước cùng một lúc; nhưng hàng xuất khẩu vừa được chở đến nơi thì lập tức gây ra những khó khăn trên thị trường các nước ấy, và đến cuối tháng Chín năm ngoái thì người ta bắt đầu cảm thấy hậu quả của việc này cả ở Anh.

Bây giờ cuộc khủng hoảng mãn tính biến thành cấp tính. Các chủ xưởng in hoa cảm thấy nó đầu tiên; nhiều người trong số họ, kể cả một số công ty lâu đời ở Man-se-xtơ và ngoại ô thành phố này, bị phá sản. Tiếp theo sau họ là đến lượt các chủ tàu và

thương gia buôn bán với Ô-xtơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a, rồi đến các thương gia buôn bán với Trung Quốc, và cuối cùng là các hãng buôn bán với Ấn Độ. Lần lượt chẳng ai thoát; phần lớn trong số họ bị thua lỗ nặng, nhiều người thậm chí buộc phải ngừng kinh doanh và chưa ai qua khỏi mỗi nguy. Trái lại, mỗi nguy ấy còn ngày một tăng lên. Các chủ xưởng dệt lụa cũng bị cuộc khủng hoảng đụng đến; sản xuất tơ lụa giảm xuống hầu như đến con số không, tình trạng thiếu thốn cực độ đã và cho tới nay vẫn đang bao trùm các trung tâm của ngành sản xuất này. Rồi đến lượt các chủ xưởng sợi và vải bông. Theo những tin tức cuối cùng, một bộ phận trong số họ đã không đứng vững được nữa, số đông hơn nhất định sẽ chung chịu số phận ấy. Như mọi người đều biết, các xưởng sợi mịn đã thực hiện tuần làm việc bốn ngày và chẳng bao lâu nữa các xưởng sản xuất sợi thô cũng sẽ buộc phải làm như vậy. Nhưng liệu nhiều xưởng trong số đó có thể đứng vững được một thời gian tương đối dài hay không?

Mấy tháng nữa thôi, cuộc khủng hoảng sẽ đạt tới quy mô mà nước Anh chưa từng thấy kể từ năm 1846 và có lẽ ngay cả từ năm 1842. Nhưng khi giai cấp công nhân cảm thấy đầy đủ ảnh hưởng của nó thì sẽ lại bắt đầu xuất hiện phong trào chính trị tiềm sinh trong sáu năm qua. Bây giờ công nhân Anh lại đứng lên đấu tranh, uy hiếp giai cấp tư sản đúng vào lúc nó gạt hấn quý tộc ra khỏi chính quyền. Chiếc mặt nạ, cho tới nay vẫn che đậy những đặc điểm thực sự của bộ mặt chính trị của nước Anh, rút cục sẽ bị xé toang. Hai lực lượng đấu tranh thực sự với nhau ở Anh - giai cấp trung lưu và giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và giai cấp vô sản - sẽ xung đột diện đối diện, và đất nước này cuối cùng sẽ bị lôi cuốn vào sự phát triển xã hội chung của xã hội châu Âu. Khi Anh liên minh với Pháp thì nó đã mất hẳn cái tính chất tách biệt mà vị trí đảo đã đem lại cho nó, tính chất tách biệt này vốn đã bị phá vỡ từ lâu bởi nền mậu dịch thế giới và sự phát triển của các phương tiện giao thông. Hiện nay vị tất Anh có thể tránh né được những phong trào lớn lao trong nước mà các nước châu Âu khác bị lôi cuốn vào.

Điều có ý nghĩa là những ngày tồn tại cuối cùng của hiến pháp nước Anh cũng đầy rẫy những cảnh tượng về một chế độ

xã hội hoàn toàn thối nát như những ngày cuối cùng của chính thể quân chủ của Lu-i - Phi-líp. Chúng tôi đã đưa tin về các vụ tai tiếng của nghị viện và chính phủ, về các vụ tai tiếng của Xtô-no, Xát-lơ, Lô-li^{1*}, nhưng cực điểm của tất cả những điều đó là sự phát giác vụ Han-côc và Đơ Biéc-gơ, trong đó huân tước Clan-ri-các-đơ, vị quý tộc Anh, xuất hiện với tư cách kẻ can dự nếu không trực tiếp thì cũng gián tiếp vào những tội ác ghê tởm nhất. Không lấy gì làm lạ rằng điều đó cũng đủ hoàn tất sự loại suy và sau khi đọc xong những tình tiết bi ôi của vụ án, dân chúng sẽ bất giác thốt lên: "Công tước Pra-xlanh! Công tước Pra-xlanh!" Nước Anh đã đạt tới tình hình năm 1847 của nó; ai mà biết được năm 1848 của nó sẽ bắt đầu lúc nào và sẽ ra sao?

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Ba 1855
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4346, ngày 24 tháng
Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong Văn tập C.Mác và
Ph.Ăng-ghen "Bàn về nước
Anh", xuất bản năm 1952*

^{1*} Xem tập này, tr. 38-40.

C.MÁC

VIỆC BUÔN BÁN QUÂN HÀM. - TIN TỨC TỪ Ô-XTƠ-RÂY-LI-A

Luân Đôn, ngày 3 tháng Ba. Như mọi người đều biết, trong phiên họp hôm kia của hạ nghị viện, kiến nghị của huân tước Gôt-rích về việc thăng cấp cho các hạ sĩ quan lên đến cấp đại úy đã bị bác bỏ. Pan-móc-xton viện ra một lý do cũ rích: không thể tiến hành cải cách mang tính chất bộ phận vì mỗi khâu của chế độ cũ đều chế định khâu khác. Như vậy là không thể có cải cách thực tế cục bộ vì nó bị loại trừ về mặt lý luận. Cuộc cải cách toàn bộ chế độ cũng không thể tiến hành được vì đây không phải cải cách mà là cách mạng. Do đó, xét về lý luận là không thể có cải cách vì nó bị loại trừ trên thực tiễn. Hạ nghị viện hiện nay, một nghị viện tuân theo nguyên tắc "principiis obsta"^{1*}, đương nhiên vui lòng tin vào điều đó, hoặc nói đúng hơn, không cần người khác thuyết phục vì sự phán quyết của nó, nó đã tiến hành từ trước rồi.

Về vấn đề này, Pan-móc-xton nhận xét là chế độ bán giấy chứng nhận quân hàm sĩ quan đã có từ rất lâu đời và ở điểm này thì ông ta có lý. Chúng tôi đã nói rằng chế độ đó ra đời trong thời kỳ cách mạng "vinh quang" năm 1688 đồng thời với việc xác lập chế độ công trái, giấy bạc ngân hàng và vương triều Hà Lan.

^{1*} - "tiêu diệt điều ác từ lúc phôi thai"

Ngay trong đạo luật về các cuộc nổi loạn năm 1694⁸² đã nêu lên sự cần thiết phải ngăn ngừa

"tai họa lớn nảy sinh từ việc mua bán quân hàm sĩ quan trong quân đội hoàng gia" và quy định "mỗi sĩ quan có giấy chứng nhận" (chỉ hạ sĩ quan là *không có giấy chứng nhận*) "phải tuyên thệ rằng giấy chứng nhận của mình không phải là mua về".

Nhưng quy định ấy không được áp dụng trên thực tiễn; trái lại năm 1702, ngài N.Rai-tơ, quan chưởng ấn đã ra một quyết định theo tinh thần ngược lại. Ngày 1 tháng Năm 1711, chế độ giấy chứng nhận đã được trực tiếp thừa nhận trong một sắc lệnh của nữ hoàng An-na nói rằng:

"không được bán giấy chứng nhận sĩ quan nếu không được sự chuẩn y của nhà vua và không sĩ quan nào có quyền bán giấy chứng nhận nếu chưa phục vụ đủ 20 năm hoặc chưa được coi là không còn phục vụ được nữa" v.v..

Từ chỗ chính thức thừa nhận việc mua bán giấy chứng nhận quân hàm ấy đến chỗ chính thức điều tiết thị giá của giấy chứng nhận chỉ còn một bước nữa thôi. Thị giá ấy được quy định lần đầu tiên vào những năm 1719 - 1720. Sau đó giá cả của giấy chứng nhận sĩ quan đã được định lại vào những năm 1766, 1772, 1773, 1783 và sau hết là năm 1821 đã xác định giá cả hiện hành cho tới nay. Ngay từ năm 1766, bộ trưởng chiến tranh Bác-rinh-ton đã công bố một bức thư nói rằng:

"Hậu quả của việc mua bán giấy chứng nhận sĩ quan ấy thường là: những người vào phục vụ trong quân đội theo chỉ hướng hết sức nhiệt thành của mình và không bỏ lỡ cơ hội tỏ ra xuất sắc hơn người, lại suốt đời mang quân hàm thấp vì họ nghèo. Những sĩ quan đáng quý này thường chịu sự lãng nhục tàn ác, ở dưới quyền các sĩ quan miệng còn hơi sữa xuất thân từ các gia đình giàu có, nhập ngũ chậm hơn rất nhiều và tiền của cho phép họ ăn chơi thoải mái bên ngoài đơn vị trong khi những người khác thường xuyên ở trong doanh trại, nắm vững nghiệp vụ của mình và thực thi nhiệm vụ của những phong lưu công tử ấy".

Thật vậy, luật pháp chung ở Anh cho rằng việc biến tặng phẩm hoặc "tiền thù lao môi giới" để nhận một chức vụ nhà nước nào đó là phi pháp, giống như điều lệ của giáo hội quốc giáo quy định khai trừ khỏi giáo hội về tội xi-mô-ni-a⁸³. Nhưng sự phát triển của lịch sử lại là ở chỗ không luật pháp nào quyết định được thực

tiễn, không thực tiễn nào thủ tiêu được đạo luật mâu thuẫn với nó.

Tin tức gần đây từ Ô-xơ-rây-li-a đã bổ sung thêm những nét mới vào bức tranh lộn xộn, hoang hốt và dao động phổ biến. Chúng ta cần phân biệt cuộc nổi loạn ở Ban-la-rát (gần Men-bua-nơ) với phong trào cách mạng bao trùm toàn tỉnh Vích-tô-ri-a. Hiện nay cuộc nổi loạn chắc chắn đã bị đàn áp, còn phong trào cách mạng chỉ có thể chấm dứt khi mọi yêu sách được thỏa mãn. Cuộc nổi loạn chỉ là triệu chứng, là sự bùng nổ ngẫu nhiên của cách mạng. Về cuộc nổi loạn ở Ban-la-rát thì sự thể như sau. Ở chỗ tên Ben-li nào đó, chủ khách sạn "Ép-ri-ca" ở khu mỏ vàng Ban-la-rát đã nổ ra đủ chuyện xung đột với những người đào vàng. Vụ hung sát xảy ra ở nhà hấn càng làm tăng thêm sự căm ghét đối với hấn. Sau khi dự thẩm viên khám nghiệm tử thi, Ben-li được thả vì được coi là người không liên quan. Nhưng 10 trong số 12 bồi thẩm chứng kiến cuộc khám xét tử thi đã kháng nghị về thái độ thiên vị của coroner (dự thẩm viên khám nghiệm tử thi) tìm cách bưng bít những cung chứng bất lợi cho kẻ bị bắt. Theo yêu cầu của dân chúng, người ta đã tiến hành cuộc điều tra thứ hai. Bất chấp những lời khai của người làm chứng vạch tội y, Ben-li lại được tha. Bây giờ người ta mới rõ là một trong các viên quan tòa đã hùn vốn vào khách sạn của Ben-li. Nhiều đơn khiếu nại trước đây cũng như mới nhận được đều nói lên hành vi ám muội của các quan chức chính phủ khu Ban-la-rát. Hôm Ben-li được thả lần thứ hai, những người khai vàng đã tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ, đốt khách sạn của hấn rồi giải tán. Theo lệnh của ngài Sác-lơ Ha-tem, tỉnh trưởng tỉnh Vích-tô-ri-a, ba người khởi xướng đã bị bắt. Ngày 27 tháng Mười một, đoàn đại biểu của những người đào vàng yêu cầu thả những người bị bắt. Ha-tem cự tuyệt yêu cầu ấy. Những người đào vàng đã tổ chức một cuộc mít tinh không lồ. Viên tỉnh trưởng phái cảnh sát và quân đội chính quy từ Men-bua-nơ đến. Sự việc đã dẫn tới xung đột, kết quả là mấy người bị chết. Theo tin tức cuối cùng - khoảng ngày 1 tháng Chạp - những người đào vàng đã giương lên ngọn cờ độc lập.

Ngay lời thuật lại ấy mà về cơ bản được lấy trong một tờ

báo của chính phủ, cũng không hề có lợi cho các quan tòa và quan chức chính phủ Anh. Nó chứng tỏ rằng họ đã hoàn toàn bị mất tín nhiệm. Phong trào cách mạng ở tỉnh Vích-tô-ri-a về thực chất xoay quanh hai vấn đề lớn làm cho cuộc đấu tranh bùng nổ. Những người đào vàng đòi thủ tiêu giấy phép khai thác vàng, tức là thủ tiêu thuế đánh trực tiếp vào lao động; hai là, họ kiên quyết thủ tiêu tiêu chuẩn tài sản đối với hạ nghị sĩ, như thế là quyết nắm lấy quyền kiểm soát đối với thuế khóa và đối với hoạt động lập pháp. Rất dễ thấy rằng thực ra những động cơ ấy cũng tương tự như những động cơ đã đưa tới việc tuyên bố nền độc lập của Hợp chúng quốc, chỉ khác mỗi điều là ở Ô-xtrây-li-a, công nhân đã bắt đầu cuộc phản kháng chống tư bản lũng đoạn câu kết với bọn quan lại thuộc địa. Trên tờ "Melbourne Argus" chúng tôi, một mặt, đọc thấy tin tức nói về những cuộc mít-tinh lớn ủng hộ cải cách, và mặt khác, tin tức về những hoạt động chuẩn bị quân sự quy mô lớn của chính phủ. Tờ báo còn viết:

"Một cuộc mít-tinh có 4 000 người tham dự đã thông qua nghị quyết nói rằng thuế giấy phép là một gánh nặng và một thứ thuế phi pháp đánh vào lao động tự do, do đó những người tham gia cuộc mít-tinh này cam kết lập tức xóa bỏ nó bằng cách thiêu hủy tất cả các giấy phép. Nếu có người nào đó sẽ bị bắt vì không có giấy phép thì nhân dân liên hợp lại sẽ ủng hộ và bảo vệ người ấy".

Ngày 30 tháng Mười một, các nhân viên cảnh sát Rít và Giôn-xon có kị binh và cảnh sát hộ tống đã xuất hiện ở Ban-la-rát, vũ khí trong tay, họ yêu cầu những người đào vàng xuất trình giấy phép. Những người đào vàng, phần lớn có vũ trang, đã tổ chức một cuộc mít-tinh quần chúng và quyết định đem toàn lực chống lại việc thu thứ thuế đáng ghét ấy. Họ cự tuyệt xuất trình giấy phép, tuyên bố rằng đã thiêu hủy nó rồi; người ta đọc cho họ nghe đạo luật về các cuộc nổi loạn và thế là cuộc nổi loạn thực sự bắt đầu.

Để chứng minh bọn tư bản lũng đoạn thao túng các cơ quan lập pháp cấp tỉnh và bọn quan lại thực dân câu kết với chúng đã làm những trò gì, chỉ cần dẫn chứng ra đây sự việc sau là đủ: năm 1854, số tiền chi tiêu của chính phủ ở Vích-tô-ri-a lên tới 3 564 258 p.xt., con số thâm hụt là 1 085 896 p.xt., nghĩa là

bằng hơn một phần ba tổng thu nhập. Do cuộc khủng hoảng hiện nay và do sự phá sản chung, ngài Sác-lơ Ha-tem yêu cầu cho năm 1855 một số tiền là 4 801 292 pao-xtéc-lingh! Vích-tô-ri-a có chưa đầy 300 000 dân mà trong số tiền trên thì 1 860 830 p.xt. - tính theo mỗi đầu người là 6 p.xt. - được dành cho các công trình công cộng như : xây dựng đường sá, bến tàu, đường bao các bờ biển, doanh trại, công thự của chính phủ, hải quan, vườn bách thảo, chuồng ngựa công v.v... Tính như vậy - 6p.xt. trên một đầu người - dân cư Anh sẽ phải nộp hàng năm riêng cho việc tổ chức các công tác xã hội 168 000 000 p.xt., tức là một số tiền lớn gấp ba số thuế mà họ phải nộp. Cư dân công nhân nổi lên chống lại thứ thuế quá đáng ấy là điều hoàn toàn dễ hiểu. Cũng dễ hình dung bọn quan lại và tư bản lũng đoạn cùng nhau xây dựng những công trình công cộng trên quy mô lớn như vậy bằng tiền của người khác, sẽ kiếm được những món lợi như thế nào.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 111, ngày 7 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

BÁO CHÍ ANH NÓI VỀ ÔNG VUA ĐÃ CHẾT

I

Luân Đôn, ngày 3 tháng Ba. Tất cả các nhật báo và tuần báo ra hôm nay đương nhiên đều đăng xã luận về cái chết của hoàng đế Nga, nhưng tất cả, không trừ một bài nào, đều mang tính chất tầm thường và lặp lại nhưng đều chung chung. Tờ “Times” ít ra cũng tìm cách dựa vào sự nhiệt tình 100 sức ngựa nâng vãn phòng của mình lên độ cao của Ti-mua - Ta-méc-lan. Chúng tôi chỉ đưa ra hai đoạn - cả hai đều là những lời ca tụng đối với huân tước Pan-móc-xton. Việc cử Pan-móc-xton “kẻ tử thù của Nga hoàng”, làm thủ tướng dường như càng làm cho Ni-cô-lai bị kích thích thêm quá mức và đẩy mạnh cái chết của ông ta. Trong thời kỳ từ 1830 đến 1840 (mười năm đầu của chính sách đối ngoại của Pan-móc-xton), như người ta bảo, Nga hoàng đã từ bỏ việc thi hành chính sách xâm lược và thống trị thế giới của mình. Điều khẳng định này có giá trị như điều khẳng định kia.

Mặt khác, tờ “Morning Advertiser” đã nổi bật lên với sự phát hiện của nó cho thấy là Mi-kha-in là con trưởng của Nga hoàng và do đó là người nối ngôi hợp pháp. Tờ “Morning Post” cơ quan ngôn luận riêng của Pan-móc-xton, tuyên bố với công chúng Anh trong lời điệu của nó rằng :

“Hội nghị Viên tuy bị hoãn lại một thời gian, nhưng sắp sửa khai mạc với những triển vọng mới cho tương lai” và “sau bữa trưa hôm nay huân tước

Cla-ren-đôn sẽ hội đàm với hoàng đế Na-pô-lê-ông ở Bu-lông, lúc đó hai chính phủ sẽ trao đổi ý kiến về sự kiện hết sức bất ngờ và quan trọng ấy”.

Tờ “Daily News” không tin vào những hệ quả hòa bình của “sự kiện bất ngờ” vì các cường quốc phương Tây không đồng ý kết thúc chiến tranh *trước khi* Xê-va-xtô-pôn thất thủ, còn Nga thì không đồng ý kết thúc chiến tranh *sau khi* Xê-va-xtô-pôn thất thủ.

II

Luân Đôn, ngày 6 tháng Ba. Cái chết của hoàng đế Ni-cô-lai đã tạo cơ hội cho báo chí ở đây đăng những tin quảng cáo không hoàn toàn bình thường. Ông Giêm-xơ-li không tiến hành việc theo dõi chữa bệnh nào mà đã vượt cả bác sĩ Gran-vin⁸⁴ :

“ngày 6 tháng Hai - ông ta viết trên tờ “Morning Advertiser” số ra hôm nay” - “tôi đã gửi cho các bạn một bức thư trong đó tôi viết rằng hoàng đế Nga sẽ trở thành chiếc thây ma chậm lằm là ba tuần nữa kể từ ngày tôi gửi thư”.

Trong lời chú thích, ban biên tập tờ “Morning Advertiser” giải thích rằng nó quả thực đã nhận được bức thư của Li, nhưng đã vứt vào sọt rác vì cho rằng bức thư đó là lời mê sảng của con bệnh. Li còn đi xa hơn. Ông ta còn dám tiên đoán trên tờ “Advertiser” về cái chết sắp sửa đến nơi của một ông vua khác, nhưng với một điều kiện nhất thiết là bản tin của ông ta phải được đăng. Xem ra thì những lời tiên tri của Li bị đánh giá còn rẻ hơn những cuốn sách của Xi-bi-lơ.

Cái chết của Nga hoàng cũng khiến cho Uốc-các-tơ, với tư cách dân miền núi Xcôt-len vốn có tài nhìn xa thấy rộng, phát biểu mấy câu châm ngôn Pi-ti⁸⁵, trong đó điển hình nhất và dễ hiểu nhất là những câu sau :

“Máu đã chảy giữa Ni-cô-lai và dân Ba Lan là những người không thể không được đặt dưới sự giám sát, và người ta đòi hỏi họ phải nộp 500 000 chiến sĩ. Điều hoàn toàn dễ hiểu là trong đời Ni-cô-lai không thể thực hiện được sự phục hưng con chim ưng trắng hai đầu - biểu tượng của sự liên hợp các chủng tộc Xla-vơ - mà A-lếch-xan-đrơ, tiền bối của Ni-cô-lai, đã tuyên bố ở nhà thờ lớn Mát-xcơ-va”.

Do đó Uốc-các-tơ cho rằng hiện đã đến lúc nước Nga biến thành đế quốc Xla-vơ giống như xưa kia Vương quốc Mát-xcơ-va đã biến thành nước Nga.

*Do C.Mác viết ngày 3 và 6 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số
109 và 116, ngày 6 và 10 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

VỀ LỊCH SỬ LIÊN MINH VỚI PHÁP

Luân Đôn, ngày 6 tháng Ba. Tờ “Morning Herald” số ra hôm nay đã làm cho Luân Đôn kinh ngạc bằng bản tin sau :

“Chúng ta có đủ mọi căn cứ để khẳng định rằng hoàng đế Pháp đã ra kháng nghị về việc thành lập ủy ban điều tra tình hình tiến hành chiến tranh, và tuyên bố rằng nếu ủy ban ấy tiếp tục hoạt động thì quân đội của hai nước không thể cùng nhau hành động được nữa tuy rằng họ đều theo đuổi cùng một mục đích. Để thỏa mãn Lu-i Bô-na-pác-tơ, đồng thời không gây ra sự bất mãn của nhân dân Anh, nghị viện sẽ giải tán ngay khi có thời cơ thuận lợi”.

Không đặc biệt coi trọng bản tin ấy của tờ “Herald”, chúng tôi coi nó là một trong nhiều triệu chứng cho thấy rằng *những lực lượng ngầm ngầm ở cả hai phía biển Măng-sơ đang phá hoại liên minh Anh - Pháp*. Các bạn hãy nhớ lại những lời giải thích của các vị cựu bộ trưởng.

Ngài *Giêm-xơ - Grê-hêm*. - Do sức ép của ủy ban điều tra, vị đô đốc của chúng ta sẽ buộc phải nói toạc ra những nguyên nhân dẫn đến việc trì hoãn phong tỏa và do đó cuộc điều tra sẽ đụng chạm đến quan hệ của chúng ta với người đồng minh vĩ đại và hùng cường vào lúc hết sức cần tránh ngay cả những sự hiểu lầm nhỏ nhất giữa chúng ta.

Xít-ni Héc-bóc. - Ông kêu gọi ủy ban đi tới thực chất của vấn đề, đồng thời không hủy hoại danh dự của quân đội ta ở Crum và hết sức không làm lung lay sự tín nhiệm của đồng minh chúng

ta. Nếu như không một ủy viên nào của ủy ban có khả năng kịp thời tránh cho ủy ban khỏi đi vào con đường nguy hiểm thì sẽ xảy ra một sự bất công lớn; có thể xảy ra tình trạng là các sĩ quan bị ủy ban thẩm vấn sẽ trở thành vật hy sinh do họ không được phép trả lời những lời buộc tội được đưa ra vì như thế sẽ dẫn tới những sự phát giác tế nhị và nguy hiểm. Về bản thân Héc-bóc thì ông cho rằng mình có trách nhiệm ngăn ngừa tình trạng là các sĩ quan quân đội Anh bị rơi vào cảnh ngộ bị can, sẽ bị bó tay và mất khả năng tự bào chữa.

Glát-xtôn. - Ngoài tất cả những cái khác, ủy ban phải xác định được nguyên nhân tại sao con đường đi từ Ba-la-cla-va không được xây dựng sớm hơn. Nếu ủy ban không điều tra vấn đề ấy thì nói chung nó chẳng làm được việc gì; nếu nó điều tra thì câu trả lời sẽ là : do thiếu nhân lực. Nếu nó hỏi tiếp do đâu mà có sự thiếu nhân lực ấy thì sẽ được trả lời rằng mọi người còn bận đào chiến hào và những chiến hào ấy *rất dài do tỷ lệ phân chia trận địa giữa quân Pháp và quân Anh*. Tôi cũng nói rõ rằng cuộc điều tra đó sẽ hoàn toàn giả tạo nếu nó không truy cứu vấn đề đường sá, mà nếu nó truy cứu việc đó, thì bị cáo trong lời tự bào chữa sẽ đụng chạm trực tiếp đến những khía cạnh tế nhị nhất trong quan hệ giữa Anh và Pháp.

Rất dễ hiểu là những lời giải thích đó của các bộ trưởng sẽ thúc đẩy sự phát triển của những hạt giống của sự không tin nhiệm đã được gieo xuống. Sự thể là vai trò của quân đội Anh ở Crum bị thu hẹp vào nhiệm vụ canh gác ở Ba-la-cla-va đã xúc phạm mạnh mẽ đến tinh cảm dân tộc của người Anh. Tiếp đó trên tờ “Moniteur”⁸⁶ đã xuất hiện một bài báo chính thức với những suy nghĩ của “hoàng đế” về hiến pháp Anh. Bài báo ấy đã gây ra những lời bác bẻ gay gắt của báo chí Anh ra hàng tuần. Sau đó người ta đăng tập Hội ký Bruy-xen⁸⁷ trong đó Lu-i Na-pô-lê-ông được mô tả, một mặt, như người đề xướng ra cuộc viễn chinh Crum, mặt khác, lại như người đề xướng ra những nhượng bộ đối với Áo. Tính chất gay gắt của những bài bình luận về tập Hội ký này, được đăng trên tờ “Morning Advertiser” chẳng hạn, làm cho người ta nhớ đến “Thư của một người Anh”^{1*} về cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp⁸⁸.

1* - A.Ri-sốt

Tất cả những cái đó đã gặp sự phản ứng như thế nào trong báo chí nhân dân chân chính, thì điều đó ta có thể phán đoán qua đoạn trích sau đây trong tờ báo của phái Hiến chương “People’s Paper”⁸⁹

“Bô-na-pác-tơ đã như Anh đến Crum... Quân đội của chúng ta bị mắc mưu, đã bị ông ta đặt vào tình trạng là nó đã làm hao tổn lực lượng quân đội Nga trước khi quân đội này đụng độ với quân đội của chính ông ta. Ở An-ma, Ba-la-cla-va, In-ke-rơ-man, Xê-va-xtô-pôn, quân Anh đều ở vào những trận địa nguy hiểm nhất. Họ buộc phải đón nhận đòn tấn công chính và chịu những thiệt hại lớn nhất. Nếu so với Pháp thì, theo hiệp định, Anh chỉ phải cung cấp một phần ba quân đội. Một phần ba ấy phải chịu gánh nặng chủ yếu của hầu hết các trận đánh. Cũng cái phần ba ấy phải giữ quá nửa số trận địa ở Xê-va-xtô-pôn. Quân đội của chúng ta bị tiêu diệt vì nó không được tiếp tế lương thực và quân trang để mục nát ở Ba-la-cla-va ; không được tiếp tế vì giữa Ba-la-cla-va và Xê-va-xtô-pôn không có con đường nào, mà sở dĩ không có con đường nào là vì Na-pô-lê-ông nhất quyết đòi rằng người Anh với chưa đầy một phần ba tổng số quân, phải hoàn thành quá nửa công việc đào công sự; điều đó làm cho quân Anh không thể rút số người cần thiết để làm đường sá... Điều bí mật mà Grê-hêm, Héc-bóc và Glát-xtôn ám chỉ là ở đó... Như vậy là Na-pô-lê-ông đã cố tình tiêu diệt 44 000 binh sĩ của chúng ta” v.v...

Tất cả những dấu hiệu ấy của thái độ không tin nhiệm nước đồng minh Pháp và sự bất mãn đối với nó sở dĩ có ý nghĩa là vì đứng đầu chính phủ là huân tước Pan-móc-xton, một con người lần nào cũng lợi dụng sự liên minh với Pháp làm chiếc thang leo lên cao, rồi đột nhiên tạo ra cục diện trong đó chiến tranh hầu như trở thành tất yếu thay cho sự liên minh giữa Anh và Pháp. Tình hình đã xảy ra như vậy trong thời kỳ những sự kiện Thổ Nhĩ Kỳ - Xi-ri năm 1840 và ký hiệp ước ngày 15 tháng Bảy⁹⁰ mà Pan-móc-xton dùng để kết thúc mỹ mãn cuộc liên minh 10 năm với Pháp. Về điểm này, ngài Rô-bóc-pin đã nhận xét vào năm 1842 rằng :

“Ông không sao hiểu thấu đáo tại sao lại hủy bỏ sự liên minh với Pháp, một sự liên minh mà xem ra huân tước cao quý bao giờ cũng rất lấy làm tự hào”.

Tình hình đó cũng diễn ra vào năm 1847 nhân các cuộc hôn nhân Tây Ban Nha⁹¹. Năm 1846 Pan-móc-xton chỉ chiếm lại được chức

vụ của mình sau khi đã đi thăm Lu-i Phi-líp, hòa giải hết sức trịnh trọng với ông ta và phỉnh nịnh người Pháp trong một bài diễn văn tại hạ nghị viện. Năm 1847, ông ta quả quyết rằng Lu-i Phi-líp đã phá vỡ liên minh vì đã vi phạm hiệp ước U-tơ-rếch⁹² (một hiệp ước đã hết hiệu lực từ năm 1793 và từ đó không được khôi phục lại nữa) và đã có hành vi “bội phản” với nữ hoàng Anh. Về sự bội phản thì ở đây có phần đúng sự thực, nhưng như những văn kiện được công bố sau này chứng minh, bằng thủ đoạn khéo léo nhất, Pan-móc-xton đã thúc đẩy triều đình Pháp đi đến sự bội phản ấy để có cơ cắt đứt. Như vậy hóa ra chính bản thân Lu-i Phi-líp xảo quyết, định tỏ ra ranh hơn Pan-móc-xton, lại bị sa lưới giăng chu đáo của vị tử tước “thích đùa” ấy. Chỉ nhờ có cuộc cách mạng tháng Hai mới ngăn cản nổ ra chiến tranh giữa Anh và Pháp lúc bấy giờ.

*Do C.Mác viết ngày 6 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 115, ngày 9 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

ỦY BAN ĐIỀU TRA

Luân Đôn, ngày 7 tháng Ba. Xem ra tin đồn nghị viện sắp bị giải tán với lý do ủy ban điều tra làm ô danh cuộc liên minh với Pháp, đã được xác nhận. Phóng viên báo “Morning Advertiser” viết về điều đó như sau:

“Ai làm cho ủy ban ấy có tính chất công khai? Huân tước Pan-móc-xton, con người mà như người ta khẳng định, đã rắp tâm giải tán nghị viện. Rô-bác, người yêu cầu tiến hành điều tra và đã đạt được điều đó, thì đòi phải giữ bí mật. Huân tước Pan-móc-xton, người phản đối cuộc điều tra nhưng buộc phải nhượng bộ trong vấn đề này, lại tán thành công khai. Trước hết ông ta buộc ủy ban lựa chọn con đường đáng chê trách nhất theo quan điểm của các đồng minh nước ngoài của chúng ta, rồi lấy tính chất đáng chê trách của con đường ấy làm căn cứ cho thủ tướng giải tán nghị viện, đình chỉ cuộc điều tra và ngầm chế giễu cả hai”.

Về vấn đề này, tờ “Morning Herald” viết trong bài xã luận như sau :

“Khi liên quân chiếm lĩnh trận địa của mình ở Xê-va-xtô-pôn, quân Anh vượt quân Pháp về số lượng ; sau đó sự thiếu hụt quân số trong hàng ngũ quân đội ta là hoàn toàn do thiếu quân dự bị ở Địa Trung Hải và dân binh có tổ chức ở chính nước Anh, vì những nguyên nhân ấy mà quân đội Anh thiếu quân tăng viện cần thiết. Ý đồ lôi cuốn tên tuổi của các đồng minh chúng ta vào cuộc tranh luận là mưu kế ít được che đậy của những kẻ tuyệt vọng và vô lương tâm tìm cách lẩn tránh cuộc điều tra mà họ biết rằng tất sẽ vô cùng nguy hại cho tiền đồ chính trị của họ. Huân tước Cla-ren-đôn đi con đường vòng để tìm mọi cách tiếp kiến

hoàng đế Pháp với mục đích duy nhất là buộc vị hoàng đế ấy ra tuyên bố hoặc phát biểu ý kiến có thể được giải thích như là thái độ không tán thành ủy ban điều tra. Bây giờ, khi đã đạt được điều đó thì các vị bộ trưởng yêu nước tự đặt cho mình mục đích hù dọa nghị viện bằng việc giải tán nghị viện và kêu gọi đất nước dưới khẩu hiệu: sự liên minh với Pháp đang bị lâm nguy!”

Hoàn toàn rõ ràng là nếu như mưu kế ấy phục vụ cho Chính phủ Anh để gạt bỏ ủy ban điều tra, thì nó cũng đồng thời gây thiệt hại cho sự liên minh với Pháp và do đó chuẩn bị chính cho cái điều mà nó làm ra về như phải ngăn ngừa. Đồng minh Pháp đã bị làm mất uy tín bằng lời khẳng định rằng cần từ bỏ ủy ban điều tra, vì ủy ban này có thể bóc trần những sự bí mật “tế nhị và nguy hiểm” làm mất uy tín đồng minh Pháp. Việc thủ tiêu ủy ban sẽ nói lên điều bất lợi cho Pháp nhiều hơn là điều mà bản thân ủy ban có thể nói lên. Thêm vào đó, sự hiểu biết hời hợt nhất về những dao động thường xuyên của dư luận Anh làm cho chúng ta tin rằng việc thủ tiêu ủy ban hoặc giải tán nghị viện, được hiểu là sự nhượng bộ lớn đối với nước ngoài tưởng như theo yêu cầu của Bô-na-pác-tơ, ngay khi có thời cơ thuận lợi, sẽ gây ra sự phản ứng trở lại - mưu toan phản kháng hết sức mãnh liệt đối với ảnh hưởng của Pháp.

Chúng tôi xin dẫn chứng những lời cung khai của tướng Đờ Lây-xi Ê-van-xơ trong các bản báo cáo về hai phiên họp đầu tiên của ủy ban điều tra. Ở Man-tơ, nơi một quan chức cục quân nhu được cử đến ít lâu trước khi quân đội rời nước Anh, ông ta lấy làm ngạc nhiên khi biết rằng người ta không mua được một con la nào cả. Ở Xcu-ta-ri đã không tiến hành những công việc chuẩn bị cần thiết để mổ giết súc vật và nướng bánh mì. Ngay bấy giờ người ta đã thấy rõ rằng một số quy chế của bộ tài chính gây trở ngại nghiêm trọng cho hoạt động bình thường. Ê-van-xơ tin chắc rằng ngay từ khi cuộc chiến tranh mới mở đầu đã lan tràn các ảo tưởng cho rằng mọi việc đều sẽ được thu xếp ổn thỏa mà không cần nỗ lực nào, do đó không cần lập các loại kho tàng. Tuy cục quân nhu đặt dưới quyền giám sát của vị tổng tư lệnh, nhưng cũng có quan hệ chặt chẽ với bộ tài chính (do đó với thủ tướng) và các quan chức của nó xem ra đã được gợi ý rằng

chỉ ra các khoản cần thiết cho cuộc chiến tranh hiện nay là điều kỳ quặc. Ở Vác-na, hầu như không có sự chuẩn bị gì cho việc thu nhận thương binh. Rõ ràng là tất cả đều tin chắc rằng trong cuộc chiến tranh này sẽ không có thương binh. Người ta chẳng làm gì để tạo khả năng cho quân đội bắt đầu ngay được hoạt động dã chiến. Khi quân Nga vượt sông Đa-nyúp, Ô-me-rơ-pa-sa yêu cầu quân Anh cứu viện thì được trả lời rằng quân đội không có những phương tiện vận tải cần thiết, điều mà đương nhiên lẽ ra người ta phải lo đến từ lâu rồi. Chính phủ vẫn còn chờ đợi công hàm và nghị định thư từ Viên và không có những sự cố gắng lớn để chuẩn bị cho quân đội tiến quân. Chịu trách nhiệm về sự chậm trễ đó dĩ nhiên là chính phủ chứ không phải cục quân nhu. Quân Nga đã bắt đầu vây đánh Xi-li-xơ-ri, còn quân đội ta vẫn chưa sẵn sàng ra quân. Việc cung cấp lương thực cho quân đội do hai cơ quan phụ trách: cục quân nhu và cục trưởng cục doanh trại. Những vụ xung đột với cục quân nhu là hiện tượng thường thấy. Quan chức của cục quân nhu có thể sẽ là những nhân viên văn thư tốt ở bộ tài chính. Trên thực tế họ chỉ bận rộn về công văn đi đến với bộ tài chính. Họ tỏ ra hoàn toàn vô dụng trong chiến tranh. Việc chuẩn bị lương thực ngay ở nơi cách Vác-na 18 dặm đã là một khó khăn rất lớn. Số nhân viên cục quân nhu ở Vác-na ít đến mức phải rút 100 hạ sĩ quan để làm công tác quân nhu. Tỷ lệ chết cao trong binh sĩ ở Vác-na chủ yếu là do tâm trạng buồn nản, hậu quả của tình trạng bất động một môi kéo dài.

Khi nói về tình hình quân đội ở Crum, Đờ Lây-xi Ê-van-xơ đã nhắc lại những sự việc mà mọi người đã rõ một phần - thiếu lương thực, quân trang, lán gỗ v.v.. Chúng tôi chỉ dẫn những ý kiến sau đây của ông ta về vấn đề này, đáng chú ý bởi những tình tiết của nó :

“Phin-đơ quá cao tuổi, lãnh đạo cục quân nhu từ thời kỳ tiến quân về Pi-rê-nê, hiện nay là cục trưởng cục doanh trại, chưa bao giờ bàn bạc với ông (Ê-van-xơ) về nhu cầu của sư đoàn ông mà đáng lý ông Phin-đơ phải làm ; ông (Ê-van-xơ) kiên quyết yêu cầu làm tròn chức trách ấy nhưng Phin-đơ cự tuyệt yêu cầu đó. Phin-đơ tuy là cấp dưới của Ra-glan nhưng đồng thời lại trực tiếp giao dịch bằng công văn với bộ tài chính”. “Việc dùng ngựa của pháo binh và kỵ binh để chuyên chở thức ăn cho lừa ngựa là hết sức không thỏa đáng. Kết quả là gần đây chỉ có

một nửa số pháo của ông (Ê-van-xơ) được bảo đảm có ngựa”. “Đường từ cảng Ba-la-cla-va đến doanh trại bị sụt lở nghiêm trọng và ngập ngụa bùn. Nếu 1000 binh sĩ làm việc trong vòng 10 ngày thì họ sẽ làm cho đường thông suốt nhưng ông cho rằng tất cả những người có thể sử dụng vào mục đích ấy đều đã được cử đi đào chiến hào rồi”.

Cuối cùng, Ê-van-xơ giải thích tại sao quân đội Anh tiêu tan ở Xê-va-xtô-pôn :

“Tôi tin chắc rằng những khuyết điểm trong việc vận chuyển quân trang, lương thực và chất đốt lẽ ra đã không gây ra trong quân đội sự chết chóc và bệnh tật rùng rợn như thế nếu như binh sĩ không bị mệt lử vì đào chiến hào. Sự kiệt sức của con người dẫn đến tổn hại cực kỳ nghiêm trọng. Số lượng binh sĩ ngay từ đầu đã hoàn toàn không đủ cho công việc mà họ bị ném vào. Sự căng thẳng quá mức trong thời gian lao động ban đêm rõ ràng là nguyên nhân chính gây nên mọi nỗi đau khổ của quân đội”.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 117, ngày 10 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

HỒI KÝ BRUY-XEN

Luân Đôn, ngày 7 tháng Ba. Tờ “Morning Post”, cơ quan ngôn luận riêng của Pan-móc-xơn, hôm nay đã đăng bản dịch tiếng Anh tập “Hồi ký Bruy-xen” nổi tiếng, với lời tựa ngắn trong đó phỏng đoán tác giả tập sách này là hoàng thân Na-pô-lê-ông. Đồng thời tờ báo còn đăng bài xã luận đầy rẫy sự công kích độc ác đối với Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ, trong đó lặp đi lặp lại đến ngấy ý kiến cho rằng tác giả tập “Hồi ký” “chỉ” có thể “là gián điệp Nga”.

Viện cơ bảo vệ Lu-i Bô-na-pác-tơ khỏi bị người anh em họ của ông ta làm hại và duy trì kỷ niệm trong trắng đối với A-sin Lơ-roa, alias^{1*} Phlô-ri-mông, alias Đơ Xanh-Ác-nô, tờ “Morning Post” rõ ràng là chỉ tìm kiếm tài liệu cho sự xung đột giữa Anh và Pháp. Xanh-Ác-nô là một trong những Saints^{2*} thường thấy trong lịch của các tên bịp bợm Pháp ở mọi thời đại, chẳng hạn Xanh-Giéc-manh, Xanh-Gioóc-giơ v.v.. Công lao của tờ “Morning Post” là tôn các Saints ấy lên hàng thánh và biến họ thành những thánh đồ thuộc đẳng cấp tương ứng. Lời khẳng định rằng dường như tập “Hồi ký” tiết lộ bí mật “quân sự” với người Nga là hoàn toàn tầm bậy. Ở Anh, ở Mỹ cũng như ở Đức, giới bình luận không chờ đợi sự xuất bản tập “Hồi ký” để trình bày cuộc viễn

^{1*} - Nói cách khác là

^{2*} - Thánh (ở đây có sự chơi chữ, chữ “Xanh” trong họ của người Pháp theo nghĩa đen là thánh)

chinh Crum như là một sự sai lầm. “Hồi ký” không thêm được một chữ nào vào các lời bình luận đã có trước nó, tuy rằng nó đã có công vẽ toạc chân dung những kẻ tầm thường giữ vai trò chỉ huy ở Xê-va-xtô-pôn. Chỉ có người Nga mới quan tâm đến việc duy trì những ảo tưởng đối với cuộc viễn chinh Crum và sự hăng hái của tờ “Morning Post” khi nói về những tay sai và gián điệp của Nga làm cho người ta nhớ tới Ê-sin là người lên án Đê-mô-xten về tội bị Phi-líp mua chuộc, đồng thời bán thân lại khoe khoang rằng mình biết trước mọi người khác về các kế hoạch bí mật của vua xứ Ma-xê-đoan. Nhưng đương nhiên chúng ta không hề coi hoàng thân Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ là Đê-mô-xten.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 118, ngày 11 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

SỰ TRẢ THÙ CỦA AI-RƠ-LEN

Luân Đôn, ngày 13 tháng Ba. Ai-rơ-len đã trả thù Anh : về mặt xã hội sự trả thù thể hiện ở chỗ : mỗi thành phố công nghiệp, thương nghiệp và hải cảng tương đối lớn ở Anh, Ai-rơ-len đều tạo ra khu người Ai-rơ-len, còn về mặt chính trị thì trong nghị viện Anh, nó đã lập ra “nhóm Ai-rơ-len”. Năm 1833, Đa-ni-en Ô Cô-nen nghiêm khắc lên án đảng Vích, gọi họ là “bọn đê tiện, khát máu và hung ác”. Năm 1835 ông ta trở thành công cụ ngoan ngoãn nhất trong tay chính đảng Vích ấy, và chính phủ Men-bua-nơ tuy bị đa số ở Anh phản đối vẫn đứng vững được từ tháng Tư 1835 đến tháng Tám 1841 nhờ sự ủng hộ của Ô Cô-nen và nhóm Ai-rơ-len của ông ta. Cái gì làm cho Ô Cô-nen năm 1833 với Ô Cô-nen năm 1835 khác nhau thế ? Đây là cái gọi là *Hiệp ước “Li-sphin-hau-xơ”*⁹³ ; theo hiệp ước này nội các của đảng Vích bảo đảm cho Ô Cô-nen sự “bảo hộ” của nó ở Ai-rơ-len, còn Ô Cô-nen thì bảo đảm cho nội các của đảng Vích các lá phiếu của nhóm Ai-rơ-len ở nghị viện. Đảng Vích vừa bị lật đổ thì việc cổ động của “vua Đan”^{1*} cho Repeal⁹⁴ liền bắt đầu, nhưng khi đảng To-ri thất bại thì “vua Đan” lại trở thành một luật sư bình thường. Sau khi Ô Cô-nen chết, nhóm Ai-rơ-len không hề mất đi ảnh hưởng của nó. Trái lại, người ta thấy rằng nó sở dĩ có ảnh hưởng không phải là nhờ vào tài năng của một cá nhân mà là nhờ hoàn cảnh chung.

^{1*} - Đa-ni-en Ô Cô-nen

Hai chính đảng lâu đời chủ yếu ở nghị viện Anh - đảng To-ri và đảng Vích-hầu như cân sức nhau. Do đó không có gì là lạ khi các phái mới, yếu về số lượng, chiếm giữ các ghế trong nghị viện đã cải cách - trường phái Man-se-xơ và nhóm Ai-rơ-len - đem lại ưu thế lúc thì cho bên này, lúc thì cho bên kia và quyết định vấn đề. Ý nghĩa của “khu người Ai-rơ-len” trong nghị viện Anh bắt nguồn từ đó. Sau khi Ô Cô-nen chết, không còn có thể phát động quần chúng Ai-rơ-len bằng việc cổ động cho Repeal với Anh nữa. Vấn đề “Thiên chúa giáo” cũng chỉ đôi khi lợi dụng được mà thôi. Từ khi các tín đồ Thiên chúa giáo được giải phóng, vấn đề ấy không còn có thể là đề tài thường xuyên của công tác cổ động được nữa. Do đó các nhà chính trị Ai-rơ-len buộc phải làm cái việc mà Ô Cô-nen đã ra sức tránh và phản đối - đụng chạm đến nguồn gốc tai họa ở Ai-rơ-len - quan hệ sở hữu ruộng đất và đưa ra yêu sách cải cách quan hệ đó làm khẩu hiệu tranh cử, nghĩa là khẩu hiệu có thể giúp họ trúng cử vào nghị viện. Chiếm được ghế nghị sĩ rồi, họ liền tìm cách lợi dụng vấn đề quyền lợi của tá điền v.v., như lợi dụng Repeal trước kia, để ký kết Hiệp ước “Li-sphin-hau-xơ” mới.

Nhóm Ai-rơ-len đã lật đổ nội các Đốc-bi. Nó được một chức vụ tuy là thứ yếu trong nội các liên hiệp. Nó lợi dụng chức vụ ấy như thế nào? Nó giúp nội các liên hiệp “chôn vùi” những biện pháp có lợi cho cải cách quan hệ ruộng đất ở Ai-rơ-len, những biện pháp do chính đảng To-ri quyết định đưa ra do tin vào tinh thần yêu nước của nhóm này và hy vọng tranh thủ nó về phía mình. Xuất thân là người Ai-rơ-len, Pan-móc-xơ biết rõ “khu người Ai-rơ-len” của mình và về phía mình đã khôi phục Hiệp ước “Li-sphin-hau-xơ” năm 1835 trên cơ sở rộng rãi nhất. Ông ta bổ nhiệm Kê-u, thủ lĩnh nhóm Ai-rơ-len, làm Attorney General^{1*} Ai-rơ-len, cử Phít-xơ-giê-ran, cũng là nghị sĩ thuộc phái tự do Thiên chúa giáo đại biểu cho Ai-rơ-len làm Solicitor General^{2*}, lại cử một thành viên thứ ba của nhóm Ai-rơ-len vào hội đồng tư pháp của Lord Lieutenant^{3*} của Ai-rơ-len; như thế là tất cả bộ tổng tham

^{1*} - tổng chương lý

^{2*} - tổng cố vấn pháp luật

^{3*} - toàn quyền

muu tư pháp của bộ máy cai quản Ai-rơ-len hiện nay gồm toàn tín đồ Thiên chúa giáo và người Ai-rơ-len. Đối với Môn-xen, Clerk of Ordnance^{1*} trong nội các liên hiệp, thì Pan-móc-xơ sau ít nhiều do dự lại cử ông ta giữ chức vụ ấy mặc dầu Môn-xen, như Mun-tơ (nghị sĩ Bớt-minh-hêm, và chủ xưởng sản xuất vũ khí) đã nhận xét rất đúng, không phân biệt được súng hỏa mai với súng bắn bằng kim hỏa. Pan-móc-xơ chỉ thị cho các quận trưởng khi bổ nhiệm các chức đại tá và các chức vụ trọng trách khác trong dân binh Ai-rơ-len thì thông thường phải ưu tiên những người được sự bảo hộ của giới tăng lữ Ai-rơ-len có liên hệ với nhóm Ai-rơ-len trong nghị viện. Chính sách của Pan-móc-xơ đã đạt được hiệu quả của nó, bằng chứng là serjeant^{2*} Si đã ngã về phía nội các. Hơn nữa điều đó còn biểu hiện ở chỗ giáo chủ Thiên chúa giáo xứ Át-lon đã đạt được sự tái đắc cử của Kê-u và giới tăng lữ Thiên chúa giáo đã góp sức vào sự tái đắc cử của Phít-xơ-giê-ran. Nơi nào mà tầng lớp dưới của giới tăng lữ Thiên chúa giáo coi trọng “tinh thần yêu nước Ai-rơ-len” và chống lại các thành viên nào của nhóm này đã ngã về phía chính phủ thì đều bị sự sỉ vả của các giáo chủ của họ vốn được tiết lộ các bí mật ngoại giao.

“Giữa huân tước Pan-móc-xơ và giới tăng lữ Ai-rơ-len có sự hoàn toàn nhất trí” - một tờ báo To-ri theo đạo tin lành than vãn - “nếu Pan-móc-xơ nộp Ai-rơ-len cho các linh mục thì, các linh mục lại bầu vào nghị viện những đại biểu đem nộp nước Anh cho Pan-móc-xơ”.

Nhóm Ai-rơ-len phục vụ đảng Vích không chế nghị viện Anh; đảng Vích ban phát cho nhóm này những chức vụ và lương bổng hậu hĩ; giới tăng lữ Thiên chúa giáo để cho một bên mua chuộc mình còn một bên bán rẻ mình với điều kiện là thế lực của nó được cả hai bên thừa nhận, củng cố và mở rộng. Song điều đáng chú ý là: thế lực chính trị của Ai-rơ-len ở Anh tăng lên bao nhiêu thì sự thống trị xã hội của người Ken-tơ ở Ai-rơ-len lại giảm sút bấy nhiêu. Hình như “khu người Ai-rơ-len” ở nghị viện và giới tăng lữ Ai-rơ-len đều không nhận thức được rằng ở sau lưng họ cuộc cách mạng Ăng-glô-xác-xông đang gây ra một bước ngoặt căn

^{1*} - cục trưởng cục quân giới

^{2*} - luật sư của hoàng gia

bản trong xã hội Ai-rơ-len. Cuộc cách mạng đó thể hiện ở chỗ là *hệ thống quan hệ ruộng đất Ai-rơ-len nhường chỗ cho hệ thống quan hệ ruộng đất Anh, chế độ phát canh nhỏ bị chế độ phát canh lớn loại bỏ*, cũng như những người sở hữu ruộng đất trước kia nhường chỗ cho các *nhà tư bản hiện đại*.

Những sự kiện chính yếu đã chuẩn bị cho bước ngoặt ấy là: nạn đói năm 1847 mà kết quả là khoảng một triệu người Ai-rơ-len bị chết; cuộc di dân sang Mỹ và Ô-xtrây-li-a làm cho trên đất Ai-rơ-len biến đi thêm một triệu người nữa và còn đang tiếp tục cuốn đi thêm nhiều ngàn người; cuộc khởi nghĩa năm 1848⁹⁵ bị thất bại đã phá vỡ niềm tin cuối cùng của Ai-rơ-len vào chính mình và sau hết là pháp lệnh của nghị viện đã buộc lớp quý tộc cũ mắc nợ ở Ai-rơ-len phải bán đấu giá các trang trại của họ và lớp quý tộc ấy bị đuổi ra khỏi ruộng đất, giống như nạn chết đói đã cướp đi những tá điền nhỏ, những người bán phần lĩnh canh và những nông dân không có ruộng đất.

*Do C.Mác viết ngày 13 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 127, ngày 16 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG SỰ KIỆN Ở CRUM⁹⁶

Luân Đôn, ngày 16 tháng Ba. Những ảo tưởng về chiến sự ở Crum, nảy sinh bởi sự bất lực của giới quan phương, bởi những mưu mô của nội các Anh và bởi những lợi ích vị kỷ của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, bắt đầu tan biến cùng với lớp tuyết phủ kín chiến trường mấy tháng vừa qua. Cuốn sách nhỏ của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ (con) nói thẳng ra rằng trong khi mọi việc đều rối mù ở Crum thì,

“các tông tư lệnh được lệnh của chính phủ che đậy và giấu giếm những khó khăn cản trở việc đánh chiếm Xê-va-xtô-pôn”.

Điều đó hoàn toàn được xác nhận trong những bản báo cáo của các viên tướng ấy và nhất là trong những lời đồn đại mà họ đã nhiều lần tung ra nói là cuộc tấn công đã được ấn định vào ngày nào đó. Từ ngày 5 tháng Mười một cho đến đầu tháng Ba, công chúng hai bên bờ biển Măng-sơ ở trong tình trạng thường xuyên chờ đợi màn chót đó của vở kịch. Trong khi đó, do cuộc vây đánh kéo dài, ngay trong doanh trại đã hình thành một thứ dư luận dựa vào những ý kiến phát biểu công khai của các sĩ quan am hiểu tình hình, và các ngài ở bộ tổng tham mưu không còn có thể tung tin rằng cuộc tấn công sẽ diễn ra vào ngày nào đó và thành phố sẽ bị chiếm lĩnh. Hiện nay thì điều đó không lừa gạt được bất cứ người lính nào. Tính chất của công sự phòng ngự, ưu thế của hỏa lực địch, sự không tương xứng giữa số quân vây đánh với

nhiệm vụ mà họ gánh vác và trước hết là ý nghĩa quyết định của đồn phía Bắc, - tất cả những cái đó lúc này đã được mọi người trong doanh trại biết quá rõ nên không thể tiếp tục kể lại những câu chuyện thần thoại cũ được. Chúng tôi đã có cơ hội đọc cả thư của các sĩ quan Anh, khiến không còn chút hoài nghi gì về tình hình này.

Theo tài liệu hiện có thì vào cuối tháng Hai liên quân có ở Xê-va-xtô-pôn 58 000 quân Pháp, 10 000 quân Anh và 10 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ, cả thảy khoảng 80 000 người. Nhưng dù liên quân có 90 000 người đi nữa thì vị tất họ đã có thể dùng một bộ phận để tiếp tục bao vây, còn một bộ phận khác thì điều đi tấn công quân Nga ở Bác-si-xa-rai; bởi vì liên quân có thể điều đến Bác-si-xa-rai không quá 40 000 quân đã chiến, trong khi đó quân Nga có thể đưa ra chống chọi với họ ít nhất là 60 000 người, hơn nữa lại ở địa hình trống trải, nơi liên quân không có những trận địa kiên cố ở bên sườn như họ đã có ở giữa In-ke-rơ-man và Ba-la-cla-va. Như thế là liên quân vẫn bị vây ở Khéc-xô-nét do họ chiếm giữ cho đến khi họ có thể vượt sông Đen với một đạo quân khoảng 100 000 người. Nhưng ở đây lại thấy họ vẫn lúng túng trong cái vòng luẩn quẩn: họ càng tung nhiều quân vào cái bẫy chuột lây bệnh dịch hạch ấy thì họ càng tổn thất nhiều vì bệnh tật, tuy nhiên phương pháp duy nhất để bình yên thoát khỏi nơi đó lại là điều càng nhiều quân càng tốt.

Một phương sách khác mà liên quân sáng tạo ra - cuộc viễn chinh của quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ép-pa-tô-ri - hiện đang tỏ ra là lặp lại nguyên xi sai lầm trước đây. Quân Thổ Nhĩ Kỳ vừa đổ bộ lên Ép-pa-tô-ri thì đã bộc lộ rõ là họ quá yếu không thể tiến sâu vào bán đảo được. Công sự bao quanh cứ điểm này xem ra chiếm một diện tích lớn đến mức cần có một đội quân khoảng 20 000 người để phòng ngự. Ngoài ra bề rộng của dinh lũy chứa 40 000 người phải lớn đến mức khi bị tập kích thì cần có khoảng một nửa quân số để tiến hành hoạt động tích cực. Như thế là cần chừng 20 000 người để phòng ngự bản thân thành phố và chỉ còn lại 20 000 người cho hoạt động đã chiến. Nhưng 20 000 người ấy không thể xa rời Ép-pa-tô-ri quá vài dặm mà không bị nguy cơ vấp

phải đủ loại tập kích từ bên sườn và sau lưng, thậm chí cả nguy cơ bị quân Nga cắt đứt liên lạc với thành phố. Còn quân Nga thì có thể rút lui theo hai hướng về Pê-rê-cốp và về Xim-phê-rơ-pôn, thêm vào đó lại ở ngay trên lãnh thổ mình nên lúc nào cũng có thể tránh được bất cứ trận quyết chiến tương đối lớn nào với 20 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ vận động từ phía Ép-pa-tô-ri. Vì vậy, 10 000 quân Nga ở cách thành phố một ngày đường luôn luôn có thể uy hiếp được 40 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ tập trung trong thành phố ấy. Cứ mỗi lần quân Nga rút lui 10 - 12 dặm là số lượng quân Thổ Nhĩ Kỳ dám xa rời căn cứ tác chiến của mình lại giảm đi. Nói cách khác: Ép-pa-tô-ri sẽ là một Ca-la-phát thứ hai nhưng chỉ có điều khác là ở phía sau Ca-la-phát là sông Đa-nuýp chứ không phải Hắc Hải, và Ca-la-phát là một trận địa phòng ngự trong khi Ép-pa-tô-ri là một trận địa tấn công. Nếu như 30 000 người ở Ca-la-phát có thể tiến hành phòng ngự thành công, thỉnh thoảng kèm theo những cuộc xuất kích thành công ở cự ly nhất định, thì 40 000 người ở Ép-pa-tô-ri là quá nhiều để phòng ngự một cứ điểm mà khoảng 1 000 người Anh và Pháp từng đã giữ vững được trong năm tháng, đồng thời con số ấy lại quá ít cho bất cứ hành động tấn công nào. Kết quả là một lữ đoàn quân Nga hoặc nhiều lắm là một sư đoàn quân Nga là hoàn toàn đủ để kiểm chế toàn bộ quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ép-pa-tô-ri.

Cái gọi là *trận Ép-pa-tô-ri*⁹⁷ là một cuộc thăm dò thuần túy về phía quân Nga. Quân Nga gồm 25 000 - 30 000 người tiếp cận Ép-pa-tô-ri từ phía tây-bắc, phía duy nhất có thể chọc thủng, vì phía nam thành phố có biển bao bọc, còn phía đông có hồ đầm lầy Xa-xúc che chở. Khu vực tây-bắc thành phố là một vùng đồng bằng gò đồng mấp mô; xét theo bản đồ và kinh nghiệm của trận đánh vừa qua ấy thì nó không khổng chế thành phố trong tầm bắn của pháo dã chiến. Quân Nga, với số quân ít hơn quân đồn trú 10 000 người, thêm vào đó hai bên sườn, nhất là sườn phải, có thể bị tàu chiến đậu trong vịnh bắn vào, dĩ nhiên không thể nghiêm chỉnh nghĩ đến việc xung phong đánh chiếm thành phố. Do đó quân Nga chỉ hạn chế ở một cuộc tích cực thăm dò. Họ bắt đầu bằng cuộc pháo kích trên toàn tuyến ở cự ly loại trừ khả

năng gây tổn thất nghiêm trọng; rồi họ đưa pháo vào mỗi lúc một gần, đồng thời ra sức giữ đội hình hàng dọc ở ngoài tầm bắn của địch; tiếp đó họ đưa đội hình hàng dọc tiến lên đường như để công kích, để buộc quân Thổ Nhĩ Kỳ phải bộc lộ lực lượng của mình, rồi công kích thực sự ở địa điểm mà sự che chắn của những đài kỷ niệm và cây cối trên nghĩa địa cho phép họ tiến sát công sự phòng ngự. Sau khi nắm được sự bố trí và lực lượng của các công sự Thổ Nhĩ Kỳ cũng như số lượng đại thể quân đồn trú, quân Nga đã rút lui như các vị tư lệnh thận trọng của bất cứ quân đội nào đều làm. Quân Nga đã đạt được mục đích của họ, còn như tổn thất của họ lớn hơn của quân Thổ Nhĩ Kỳ thì họ đã biết điều này từ trước. Sự việc hoàn toàn bình thường ấy đã được các vị tư lệnh liên quân thổi phồng thành thắng lợi huy hoàng. Chẳng lẽ điều đó không nói lên rằng số cầu về thắng lợi thì lớn mà khả năng cung về thắng lợi thực sự thì quá ít hay sao? Quân Nga rõ ràng đã mắc một sai lầm lớn là đã để cho liên quân chốt ở Ép-pa-tô-ri 5 tháng trời cho đến khi quân Thổ Nhĩ Kỳ đến. Một lữ đoàn quân Nga với một số lượng cần thiết các cỗ pháo cỡ 20 pao đủ để ném quân địch xuống biển, còn một số công sự giản đơn bằng đất trên bờ biển lẽ ra đã có thể kiểm chế ngay cả các tàu chiến ở một cự ly xa. Nếu như hạm đội liên quân phái đến Ép-pa-tô-ri một hạm đội đủ sức đè bẹp sự kháng cự của quân Nga thì, quân Nga đã có thể đốt sạch địa điểm này làm cho nó sau này hoàn toàn không thích hợp để đóng vai trò căn cứ tác chiến của quân đổ bộ. Nhưng trong tình hình hiện nay, quân Nga đành phải vui lòng để Ép-pa-tô-ri nằm trong tay liên quân. Bốn vạn quân Thổ Nhĩ Kỳ, số tàn quân cuối cùng của đạo quân duy nhất đáng được chú ý mà Thổ Nhĩ Kỳ có, bị phong tỏa trong doanh trại, nơi đây 10 000 quân Nga đủ sức kiểm chế họ, nơi đây họ bị sự đe dọa của bệnh dịch và những sự thiếu thốn thường đi kèm theo mọi sự tập trung đông người; 40 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ bị quân Nga kiểm chế ấy là một khoản khấu trừ lớn trong số lực lượng tấn công của liên quân.

Quân Pháp và quân Anh bị phong tỏa ở Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây, quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ép-pa-tô-ri, còn quân Nga thì dễ dàng duy trì

được liên lạc giữa phía Bắc và phía Nam Xê-va-xtô-pôn - đây là kết quả vinh quang của cuộc thử nghiệm 5 tháng ở Crum. Thêm vào đây là một số tình hình chính trị và quân sự mà chúng tôi để sang bản tin sau sẽ xem xét.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 16 tháng Ba 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 131, ngày 19 tháng Ba 1855 và đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4353, ngày 2 tháng Tư 1855

In theo bản in trên tờ "Neue Oder - Zeitung", có đối chiếu với bản in trên tờ "New - York Daily Tribune"
Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

SỐ PHẬN CỦA TÊN ĐẠI PHIÊU LƯU

Cách đây mấy hôm chúng tôi đã đăng một số đoạn lý thú trích trong tập sách nhỏ mà hoàng thân Na-pô-lê-ông xuất bản gần đây; chúng tôi không nghi ngờ gì rằng bạn đọc đã có sự chú ý cần thiết đến cuốn sách ấy⁹⁸. Cuốn sách ấy đã phơi bày một sự thực hết sức quan trọng và làm cho người ta ngạc nhiên là cuộc viễn chinh Crum là sự sáng tạo của bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ, ông ta đã tự mình thảo ra kế hoạch với tất cả mọi chi tiết, không bàn bạc với ai và gửi bản thảo đi Công-xtăng-ti-nô-plơ để tránh sự phản đối của nguyên soái Vai-ăng. Sau khi tất cả những việc ấy đều được mọi người biết, thì phần lớn những sai lầm quân sự nghiêm trọng do cuộc viễn chinh ấy gây ra đều được giải thích bởi những quyền lợi vương triều của kẻ sáng tạo ra cuộc viễn chinh. Tại hội nghị quân sự ở Vác-na, Xanh-Ác-nô buộc phải trực tiếp dùng đến quyền uy của “hoàng đế” để buộc các đô đốc và tướng lĩnh dự họp tiến hành cuộc viễn chinh Crum, trong khi đó, về phần mình, nhà thông trị ấy đã công khai buộc tội gay gắt những ý kiến của những người phản đối mình là “những lời khuyên nhút nhát”. Đến Crum rồi thì lời đề nghị thực sự nhút nhát của Ra-glan là tiến về Ba-la-cla-va đã được Xanh-Ác-nô hồ hởi tiếp nhận vì việc thực hiện lời khuyên đó nếu không đưa thắng đến Xê-va-xtô-pôn thì ít ra cũng đưa đến gần cửa ngõ của nó. Những cố gắng điên cuồng thúc đẩy cuộc vây đánh trong khi không có những phương tiện cần thiết cho nó; việc nổ súng vội vàng hấp

tấp khiến quân Pháp phải coi nhẹ sự vững chắc của công sự của họ đến mức là kẻ địch áp chế được hỏa lực của các khẩu đội pháo của họ trong vòng mấy giờ; sự mệt lử thường xuyên của binh sĩ trong chiến hào, như hiện nay đã được chứng minh, đã thúc đẩy không kém gì các nguyên nhân khác sự tiêu vong của quân đội Anh; cuộc pháo kích vô nghĩa lý và không hiệu quả từ 17 tháng Mười đến 5 tháng Mười một; việc coi thường tất cả các loại công sự phòng ngự, thậm chí việc coi nhẹ cả việc chiếm lĩnh tương đối vững chắc dải đất đi ra sông Đen đã gây ra những thiệt hại ở Ba-la-cla-va và In-ke-rơ-man - tất cả những điều đó bây giờ đã được giải thích đầy đủ. Vương triều Bô-na-pác-tơ cần chiếm Xê-va-xtô-pôn, hơn nữa bằng bất cứ giá nào và trong thời hạn ngắn nhất, và liên quân phải hoàn thành nhiệm vụ đó. Trường hợp thành công, Can-rô-béc, tùy theo nguyện vọng, sẽ trở thành nguyên soái Pháp, bá tước, công tước, hoàng thân với quyền lực không hạn chế về “lạm dụng” tài chính. Trái lại, trường hợp thất bại sẽ biến y thành tên phản bội lợi ích của hoàng đế và sẽ bị đi đày cùng với các đồng sự của y, La-mô-ri-xi-e, Bê-đô và Săng-gác-ni-ê. Ra-glan đã nhu nhược đến mức không thể không nhượng bộ đồng sự đeo đuổi hết sức rõ lợi ích của mình.

Song tất cả những cái đó chỉ là những hậu quả có ý nghĩa ít nhất của kế hoạch hoạt động quân sự của hoàng đế. Chín sư đoàn hoặc 81 tiểu đoàn quân Pháp bị lôi cuốn vào việc làm vô hy vọng ấy. Những cố gắng lớn nhất, những hy sinh thiếu suy nghĩ nhất đều không đem lại kết quả gì; Xê-va-xtô-pôn lại mạnh hơn trước, chiến hào của quân Pháp, như hiện nay chúng tôi được biết qua các nguồn tin đáng tin cậy, vẫn còn cách công sự của quân Nga 400 i-ác-đơ còn chiến hào của quân Anh thì cách xa gấp đôi khoảng cách đó. Tướng Ni-en do Bô-na-pác-tơ cử đi quan sát các công việc bao vây đã tuyên bố rằng không thể nghĩ đến chuyện cường tập, ông ta thay đổi hướng tấn công chính, chuyển điểm xuất phát từ phía quân Pháp sang phía quân Anh, thành thử không những kéo dài cuộc vây đánh mà còn chĩa đòn chủ yếu vào ngoại ô là nơi dù có đánh chiếm được vẫn bị Vịnh phía Nam ngăn cách với thành phố. Nói tóm lại, hết mưu kế này đến mưu kế khác, hết mảnh khốe này đến mảnh khốe khác được đem ra thực hiện để duy trì

không phải là hy vọng thắng lợi mà chỉ là cái vẻ ngoài của hy vọng thắng lợi. Vào lúc mà tình thế đã xoay chuyển như vậy, khi mà người ta đang đứng trước một cuộc chiến tranh toàn diện ở lục địa, khi mà người ta đang trang bị cho một cuộc viễn chinh mới ở biển Ban-tích, một cuộc viễn chinh mà trong mùa hàng hải này phải đạt được những kết quả gì đấy và do đó số quân đổ bộ phải mạnh hơn nhiều so với cuộc viễn chinh năm 1854 - vào lúc đó tính cố chấp đã thúc đẩy Lu-i Bô-na-pác-tơ ném thêm 5 sư đoàn vào bãi lầy Crum, nơi mà các binh sĩ và thậm chí cả từng trung đoàn đã biến đi như có phép lạ. Hơn nữa, ông ta còn quyết định đích thân đến đây để quan sát xem binh sĩ của ông ta tiến hành cuộc cường tập cuối cùng như thế nào.

Đây là tình cảnh mà cuộc thử nghiệm chiến lược đầu tiên của Lu-i Bô-na-pác-tơ đã đẩy nước Pháp rơi vào. Con người ấy không hiểu tại sao lại cho rằng hắn sẽ trở thành vị thống soái vĩ đại ngang hàng, trên mức độ nào đó, với người đặt nền tảng cho vương triều của hắn, con người ấy ngay từ đầu đã tỏ ra chỉ là một kẻ hèn mọn quá tự tin. Nắm được những tin tình báo hết sức hạn chế, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã đặt ra kế hoạch viễn chinh đối với một địa điểm cách xa nơi mình có mặt những 3 000 dặm, bí mật thảo ra tỉ mỉ kế hoạch ấy không bàn bạc với ai, gửi nó cho viên tổng tư lệnh của mình là người, tuy ở cách mục tiêu tấn công chỉ có mấy trăm dặm, cũng không biết tí gì về lực lượng đề kháng của địch, cũng như tính chất của những trở ngại mà chắc chắn sẽ vấp phải. Cuộc viễn chinh được tiến hành; thất bại này nối tiếp thất bại kia; thậm chí thắng lợi cũng không mang lại kết quả gì và kết quả duy nhất mà nó dẫn tới là sự hủy diệt của bản thân đội quân viễn chinh. Trong thời kỳ cực thịnh của mình, Na-pô-lê-ông chắc là không bao giờ khăng khăng chủ trương thực hiện hành động đó. Trong những trường hợp như vậy, ông ta biết tìm ra lối thoát khác, bất ngờ chuyển quân của mình đến một mục tiêu tấn công mới và dựa vào những cuộc cơ động hoàn thành một cách xuất sắc, để thành đạt tới một điều là ngay cả thất bại tạm thời cũng trở thành hành động góp phần vào thắng lợi cuối cùng. Nếu như ông ta chống cự đến cùng ở A-xpéc-nơ⁹⁹, thì tình hình sẽ ra sao? Chỉ trong những ngày suy tàn của mình, sau

thảm họa năm 1812 làm tổn thương lòng tin của ông ta, sức mạnh của ý chí của ông ta mới biến thành tính cố chấp mù quáng đã buộc ông ta, chẳng hạn, ở Lai-pxích¹⁰⁰, cố thủ đến cùng một trận địa mà trong tư cách là vị thống soái, ông ta không thể không nhận thức được sự hoàn toàn vô dụng của nó. Song, sự khác nhau giữa hai vị hoàng đế là ở chỗ: Lu-i Bô-na-pác-tơ bắt đầu từ điểm mà Na-pô-lê-ông kết thúc.

Xem ra thì Lu-i Bô-na-pác-tơ quả thực có ý định kiên quyết tiến đến Crum và đích thân bảo đảm việc chiếm lĩnh Xê-va-xtô-pôn. Có thể là ông ta hoãn ngày khởi hành, nhưng chỉ có việc ký kết hòa ước mới buộc ông ta thay đổi quyết tâm của mình. Thực ra, số phận của cá nhân ông ta gắn liền với cuộc viễn chinh này - hành động quân sự đầu tiên của ông ta. Song, có thể cho rằng ngày mà ông ta thực sự lên đường là ngày mở đầu cuộc cách mạng thứ tư mà cũng là cuộc cách mạng vĩ đại nhất ở Pháp. Ở châu Âu, mọi người đều cảm thấy điều đó. Mọi người đều khuyên ông ta bỏ bước đi ấy. Giai cấp tư sản Pháp rùng mình khi nhắc tới chuyến đi của ông ta sang Crum. Nhưng không có gì lay chuyển nổi vị anh hùng Xto-ra-xbua¹⁰¹. Suốt đời mình, ông ta là một con bạc cuồng nhiệt mà gần đây trở thành con bạc quen phất những canh lớn nhất và dựa vào “ngôi sao hộ mệnh” của mình, ông ta dốc túi vào một canh bạc mặc dù gặp những vận đen nhất. Ngoài ra, ông ta biết khá rõ ràng là niềm hy vọng của giai cấp tư sản định giữ ông ta ở Pa-ri để tránh khủng hoảng là tuyệt đối không thực hiện được. Dù ông ta có mặt ở Pa-ri hay không, số phận của đế chế Pháp, số phận của trật tự xã hội hiện hành đều được quyết định trong các chiến hào tại Xê-va-xtô-pôn. Nếu như bất chấp tất cả, ông ta giành được thắng lợi ở Crum thì sự có mặt của ông ta ở đó sẽ góp phần - ít ra là trước dư luận châu Âu - làm cho ông ta không còn bị coi là một tên cướp mà trở thành một vị anh hùng; nếu không như vậy thì trong bất kể tình huống nào, đế chế của ông ta sẽ diệt vong. Việc ông ta mang theo bên mình kẻ cạnh tranh và người kế thừa dự kiến của mình là Giê-rôm Bô-na-pác-tơ trẻ mặc quân phục trung tướng đã nói lên rằng ông ta đã tính đến khả năng xảy ra kết cục ấy.

Hiện giờ, cuộc viễn chinh Crum phục vụ trước hết lợi ích của

Áo. Nếu như cuộc đấu tranh diễn ra trên con đường tiến vào Xê-va-xtô-pôn, kéo dài mấy tháng nữa thì cái bãi lầy ấy, ngốn hết quân đoàn nọ đến quân đoàn kia và làm yếu lực lượng của Pháp cũng như của Nga, sẽ làm cho Áo thành trọng tài chính ở lục địa, nơi đây số lượng đồ sộ 600 000 binh lính của nó bất cứ lúc nào cũng có thể được ném lên bàn cân và đem lại cho nó ưu thế quyết định. Nhưng may thay, còn có lực lượng đối kháng ngăn cản địa vị đứng đầu ấy của Áo. Nếu Pháp lại đi vào con đường cách mạng thì lực lượng ấy của Áo sẽ phân thành những bộ phận hợp thành mâu thuẫn nhau. Người Đức, người Hung-ga-ri, người Ba Lan, người I-ta-li-a, người Crô-a-xi sẽ vứt bỏ những mối liên hệ đã cưỡng ép ràng buộc họ lại với nhau và thay cho những liên minh và đối kháng ngẫu nhiên không xác định và hiện nay, ở châu Âu sẽ lại hình thành hai phe lớn với những ngọn cờ khác nhau và những mục tiêu mới. Và bây giờ, cuộc đấu tranh sẽ chỉ diễn ra giữa một bên là cuộc *cách mạng dân chủ* với một bên là *thế lực phản cách mạng quân chủ*.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 16 tháng Ba 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4353, ngày 2 tháng Tư 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

PHÊ PHÁN PHƯƠNG THỨC TIẾN HÀNH CHIẾN TRANH CỦA PHÁP

Luân Đôn, ngày 17 tháng Ba. Sau khi cuốn sách nhỏ của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ (em) đã phơi bày sự thực là cuộc viễn chinh Crum là tác phẩm của bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ, rằng ông ta đã tự mình thảo ra kế hoạch với tất cả mọi chi tiết không bàn bạc với ai và gửi bản thảo đi Công-xtăng-ti-nô-plo để tránh sự phản đối của nguyên soái Vai-ăng, - sau khi tất cả những sự việc ấy được mọi người biết thì phần lớn những sai lầm quân sự nghiêm trọng nhất của cuộc viễn chinh ấy đều được giải thích bởi lợi ích vương triều của tác giả của nó. Tại hội nghị quân sự ở Vác-na Xanh-Ác-nô đã phải ép buộc các đô đốc và tướng lĩnh dự họp tiến hành cuộc viễn chinh Crum bằng cách trực tiếp viện đến quyền uy của "hoàng đế" là người, về phần mình, đã công khai lên án những ý kiến của những người phản đối mình, coi đó là "những lời khuyên nhút nhát". Đền Crum rồi thì đề nghị thực sự "nhút nhát" của Ra-glan là tiến về Ba-la-cla-va đã được Xanh-Ác-nô sốt sắng tiếp nhận, vì việc thực hiện lời khuyên ấy nếu không đưa thẳng đến Xê-va-xtô-pôn thì ít ra cũng dẫn đến gần cửa ngõ của nó. Những cố gắng điên cuồng nhằm đánh mạnh cuộc vây hãm trong điều kiện không có những phương tiện cần thiết cho nó; việc nổ súng vội vàng hấp tấp khiến quân Pháp xem nhẹ sự vững chắc của công sự của họ đến nỗi kẻ địch áp chế được hỏa lực của các khẩu đội pháo của họ trong vòng mấy giờ; sự mệt lử của binh sĩ trong

chiến hào, như hiện nay đã được chứng minh, đã thúc đẩy sự tiêu vong của quân đội Anh, chẳng khác gì ngành quân nhu, ngành vận tải, ngành y tế v.v., cũng đã là nguyên nhân của sự tiêu vong ấy; cuộc pháo kích vô nghĩa lý và không hiệu quả từ ngày 17 tháng Mười đến ngày 5 tháng Mười một; việc coi thường tất cả các loại công sự phòng ngự - tất cả những điều đó bây giờ đã được giải thích đầy đủ. Vương triều Bô-na-pác-tơ cần chiếm Xê-va-xtô-pôn, và lại trong một thời hạn ngắn nhất; liên quân phải hoàn thành nhiệm vụ đó. Trong trường hợp thành công, Can-rô-béc, tùy theo nguyện vọng, sẽ trở thành nguyên soái Pháp, bá tước, công tước, hoàng thân và có được những quyền hạn vô hạn trong lĩnh vực tài chính. Trái lại, sự thất bại có nghĩa là sự kết thúc bước đường công danh của ông ta. Ra-glan đã nhu nhược đến mức không thể không nhượng bộ đồng sự có mối quan tâm hết sức rõ ràng của mình.

Song đây không phải là những hậu quả quan trọng nhất của kế hoạch hoạt động quân sự của hoàng đế. Chính sự đoàn hoặc 81 tiểu đoàn của Pháp bị lôi cuốn vào việc làm vô hy vọng ấy. Mà nó được công nhận hầu như là thất bại; những cố gắng lớn nhất, những sự hy sinh điên rồ nhất đều không đem lại kết quả gì; Xê-va-xtô-pôn lại mạnh hơn trước; chiến hào của quân Pháp, như chúng tôi được biết theo các nguồn tin đáng tin cậy, vẫn còn cách công sự của quân Nga 400 i-ác-đơ, còn chiến hào của quân Anh thì cách xa gấp đôi khoảng cách trên. Tướng Ni-en do Bô-na-pác-tơ cử đi kiểm tra việc vây hãm đã tuyên bố rằng không thể nghĩ đến chuyện thực hiện cuộc cường tập; ông ta thay đổi hướng tấn công chính, chuyển điểm xuất phát từ phía quân Pháp sang phía quân Anh, thành thử không những kéo dài cuộc vây hãm mà còn chĩa đòn chủ yếu vào ngoại ô là nơi dù có chiếm được vẫn bị Vịnh phía Nam ngăn cách với thành phố. Tóm lại, hết kế hoạch nọ đến kế hoạch kia, hết mưu mẹo này đến mưu mẹo khác, tất cả những cái đó đều nhằm duy trì không phải là niềm hy vọng thắng lợi mà chỉ là cái vẻ ngoài của niềm hy vọng thắng lợi. Vào lúc mà tình thế đã xoay chuyển như thế, khi mà người ta đang đứng trước một cuộc chiến tranh toàn diện ở lục địa, khi mà người ta đang trang bị cho một cuộc viễn chinh mới ở biển Ban-tích - đây

là cuộc viễn chinh phải đạt được kết quả gì đó cho nên cần nhiều quân đồ bộ hơn nhiều so với năm 1854, - vào lúc đó Bô-na-pác-tơ, lại đưa thêm 5 sư đoàn bộ binh vào bãi lầy Crum, nơi đây các binh sĩ và cả từng trung đoàn đã biến đi như có phép lạ. Hơn nữa, ông ta còn quyết định đích thân đến Crum, và ông ta sẽ đi thật, trừ phi hòa ước rất ít có khả năng ký kết hoặc những sự kiện nghiêm trọng ở biên giới Ba Lan mới có thể buộc ông ta thay đổi quyết định. Đây là tình cảnh mà cuộc thử nghiệm chiến lược đầu tiên của Bô-na-pác-tơ đã đẩy chính ông ta và nước Pháp “của hoàng đế” rơi vào. Không những tính cô chấp, mà cả sự linh cảm không lành cho thấy là số phận của Đế chế Pháp được quyết định ở chiến hào Xê-va-xtô-pôn đã thúc đẩy ông ta đi đến đây. Cho tới nay, còn chưa có một Ma-ren-gô nào biện minh được việc tái bản sự kiện ngày 18 tháng Sương mù¹⁰².

Có thể xem điều sau đây là sự trở trêu của lịch sử: dù đế chế được phục tích có ra sức bắt chước hình mẫu của nó như thế nào, nó vẫn buộc phải tiến hành ở khắp nơi những việc trái ngược với những việc mà Na-pô-lê-ông đã làm. Na-pô-lê-ông đánh vào trái tim của các quốc gia mà ông ta tiến hành cuộc chiến chống lại; nước Pháp hiện nay đánh vào cul de sac^{1*} của Nga. Niềm hy vọng không đặt vào những hành động quân sự lớn mà là vào coup de main^{2*} thành công, vào hành động tập kích bất ngờ, vào hành động phiêu lưu. Tất cả sự khác nhau giữa đế chế Pháp thứ nhất và thứ hai cùng các đại biểu tương ứng của chúng là ở sự khác nhau của những ý đồ ấy. Na-pô-lê-ông có thói quen tiến vào thủ đô của châu Âu hiện đại với tư thế người chiến thắng. Người kế thừa ông vin đủ mọi cớ - bảo vệ giáo hoàng, bảo vệ vua Thổ Nhĩ Kỳ, bảo vệ quốc vương Hy Lạp - bố trí binh lính đồn trú của Pháp trong các thủ đô của châu Âu cổ đại: La Mã, Công-xtăng-ti-nô-pơ và A-ten; kết quả là không có sự tăng thêm uy lực nào, chỉ có sự phân tán lực lượng. Nghệ thuật của Na-pô-lê-ông là tập trung, nghệ thuật của người kế thừa ông ta là phân tán. Khi Na-pô-lê-ông thấy rằng mình buộc phải tác chiến

1* - ngõ cụt, nơi hẻo lánh

2* - cuộc đột kích

trên hai chiến trường khác nhau, như trong các cuộc chiến tranh chống Áo, thì ông lập tức tập trung bộ phận binh lực lớn nhất vào tuyến tác chiến có ý nghĩa quyết định (trong các cuộc chiến tranh với Áo, đó là tuyến Xto-ra-xbua - Viên), để lại binh lực ít hơn ở chiến trường thứ yếu (I-ta-li-a), ông ta xuất phát từ niềm tin rằng ngay trong trường hợp quân đội của ông ta thất bại ở chiến trường này, thắng lợi của ông ta trên tuyến tác chiến chính sẽ lại càng chắc chắn ngăn chặn được bước tiến quân của địch hơn là bất cứ cuộc chống đỡ trực tiếp nào. Trái lại, người kế thừa ông đã phân tán lực lượng quân sự của Pháp trên nhiều địa điểm, còn một phần lực lượng ấy sẽ tập trung ở một địa điểm mà những thắng lợi nhỏ nhất, nếu nói chung có thể đạt được, cũng phải mua bằng những hy sinh lớn nhất. Ngoài quân đội ở La Mã, A-ten, Công-xtăng-ti-nô-pơ, Crum, còn phải đưa một đạo quân hỗ trợ sang Áo gần biên giới Ba Lan và một đạo quân hỗ trợ sang biển Ban-tích. Như thế là quân đội Pháp ít ra phải tác chiến trên ba chiến trường xa cách nhau ít nhất là 1 000 dặm. Theo kế hoạch đó, toàn bộ lực lượng quân sự của Pháp có thể đã bị sử dụng hầu như hoàn toàn *trước* khi cuộc chiến tranh ở châu Âu mang tính chất nghiêm trọng. Nếu như Napô-lê-ông rút ra kết luận rằng hành động mà ông ta đã bắt đầu là không hợp lý (chẳng hạn, ở A-xpéc-nơ) thì ông ta không khẳng định thực hiện nó, mà ông ta biết tìm ra lối thoát khác, nghĩa là bất ngờ điều quân của mình sang mục tiêu tấn công mới và dựa vào sự cơ động xuất sắc, thành công để đạt một điều là ngay thất bại tạm thời cũng biến thành một hoạt động góp phần vào thắng lợi cuối cùng. Chỉ trong những ngày tàn của mình, sau năm 1812 khi ông ta đã mất lòng tự tin, sức mạnh ý chí của ông ta mới biến thành tính cố chấp mù quáng khiến ông ta cố thủ một trận địa (như ở Lai-pxích) mà trong tư cách là thống soái, ông ta đã nhận thức rõ tính vô dụng của nó. Song, người kế thừa ông ta *buộc phải* bắt đầu từ điều mà tiền bối của y kết thúc. Những gì là kết quả của thất bại không thể giải thích được của người này lại là hệ quả của những sự may mắn không thể giải thích được của người kia. Ở người này vì sao hộ mệnh mà ông ta tin tưởng vào là thiên tài của bản thân; ở người kia, lòng tin vào vì sao hộ mệnh của mình phải

thay thế cho thiên tài. Người này đã thắng một cuộc cách mạng thực sự vì ông ta là người duy nhất có thể thực hiện nó; người kia đã thắng được cái hoài ức đã sống lại về thời đại cách mạng đã qua vì hấn mang tên của con người duy nhất ấy, do đó bản thân hấn là một hoài ức. Không khó khăn gì cũng chứng minh được rằng sự tâm thường hợm hĩnh của phương thức tiến hành chiến tranh của nền Đế chế thứ hai được phản ánh trong nền nội chính của nó, rằng ở đây, về bề ngoài đã thay thế cho hiện thực, rằng những cuộc tiến công “kinh tế” tuyệt nhiên không thành công hơn những cuộc tiến quân quân sự.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 17 tháng Ba 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 133, ngày 20 tháng Ba 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

* CHIẾN DỊCH CHỐNG PHỔ TRÊN BÁO CHÍ.- NGÀY ĂN CHAY. - XUNG ĐỘT GIỮA GIAI CẤP VÔ SẢN VÀ GIAI CẤP TƯ SẢN

Luân Đôn, ngày 19 tháng Ba. Để nói lên tâm trạng của báo chí ở đây đối với Phổ, chúng tôi trích ra đây hai đoạn, một đoạn trong tờ “Morning Herald”, cơ quan ngôn luận của đảng To-ri, và một đoạn trong tờ “Morning Post”, cơ quan ngôn luận của Pan-móc-xton. Dẫn chứng bài diễn văn của ngài Rô-béc Pin vừa được cử làm thứ trưởng hải quân trước cử tri của mình ở Poóc-xmút, tờ “Morning Herald” chỉ rõ:

“Ngài Rô-béc Pin thể hiện hoàn toàn chính xác tình cảm của nhân dân Anh khi nêu lên nguyện vọng muốn người ta buộc Phổ phải thi hành một chính sách rõ ràng, nếu không cuộc viễn chinh thứ hai của chúng ta ở biển Ban-tích sẽ không đem lại kết quả gì, như cuộc viễn chinh thứ nhất. Chúng ta đã có đủ nghị định thư, đủ các “điều khoản”; đáng lẽ phải cắt đứt từ lâu nguồn tài nguyên của Nga và gây ra sự phản ứng tương ứng trong nội bộ nước Nga”.

Tờ “Morning Post” đã nhận được bản tin sau đây từ Pa-ri nói về sứ mệnh của tướng Vê-đen:

“Tướng Vê-đen đã báo cho nội các Na-pô-lê-ông về những chỉ thị mà ông đã nhận được. Những chỉ thị đó là gì? Tướng Vê-đen thông báo với Chính phủ Pháp rằng : 1) quốc vương Phổ lấy làm đau xót sâu sắc về cái chết của em trai vợ mình là hoàng đế Nga; 2) về nghị định thư ký ngày 28 tháng Chạp, thì Phổ hoàn toàn đồng ý với các cường quốc phương Tây và sẵn sàng ký nghị định thư ấy

dưới bất cứ hình thức nào, do đó Phổ phải có vị trí của mình tại Hội nghị Viên. Nhưng toàn bộ vấn đề là ở chỗ nghị định thư ngày 28 tháng Chạp không buộc ai có nghĩa vụ gì cả và đúng ra chỉ là bản phác thảo ngoại giao của một văn kiện lịch sử. Vì Phổ từ chối ký một hiệp ước *thật sự* về liên minh giữa Anh, Pháp và Áo, nên sứ mệnh của tướng Vê-đen có thể coi là đã hoàn thành”.

Mọi người đều biết các nhà thống trị ở Tia và Các-ta-giơ, tuy mong muốn làm cho các vị thần tỏ ra mũi lòng, nhưng đã không tự dâng mình làm tế vật, mà lại mua trẻ con của người nghèo ném chúng vào vòng tay rực lửa của Mô-lô-sơ. Giới quan lại nước Anh qui định nhân dân phải qui thuận trước Thượng đế, ăn chay và thú tội về điều ô nhục mà chính phủ trước đã gây cho họ bằng sự cai trị tồi của nó, về nhiều triệu pao xtéc-ling mà chính phủ đã móc của họ song chẳng làm được việc gì, về nhiều ngàn sinh mệnh mà nó đã cướp đi của họ không chút lương tâm. Hội đồng cơ mật tuyên bố rằng thứ tư tới là ngày thú tội và cầu nguyện.

“để cầu xin tha thứ cho tội lỗi của chúng ta và dưới hình thức ngoan ngoãn và thành kính nhất dâng lên Thượng đế vạn năng những lời cầu nguyện và cầu xin của chúng ta, xin Ngài ban phúc lành, phù hộ cho vũ khí của chúng ta và khôi phục hòa bình cho nữ hoàng và toàn bộ lãnh địa của nữ hoàng”.

Giống như quan nội giám trong các nghi lễ của cung đình, tổng giám mục Can-tơ-bơ-ri đã công bố “thẻ thức” cho nghi thức tôn giáo ấy, một thẻ thức trong đó đưa ra những quy định về cầu xin Thượng đế vạn năng như thế nào. Trong cuộc cạnh tranh đáng kinh ngạc giữa giáo hội quốc giáo Anh và giáo hội quốc giáo Nga, giáo hội này cũng cầu xin thượng đế ban phúc lành cho vũ khí Nga, thì ưu thế rõ ràng là thuộc về giáo hội Nga.

“Thần dân của Nga hoàng” - tờ “Leader”¹⁰³ vạch rõ “đọc lời cầu nguyện do tổng giám mục Can-tơ-bơ-ri qui định sẽ cảm thấy nó là lời cầu nguyện của kẻ nhất gan; người Anh đọc sẽ xem nó như lời cầu nguyện của những kẻ đạo đức giả; tín đồ của các giáo phái phân liệt sẽ hiểu nó là lời cầu nguyện của một giáo phái muốn gán ép ý muốn của mình cho các giáo phái khác; dân cư thợ thuyền sẽ coi nó là lời cầu nguyện của bọn giàu có cùng thuộc về một giáo phái và ủng hộ toàn bộ sự lừa bịp ấy, tin rằng nó gián tiếp giúp chúng giữ độc quyền mang quân hàm và chức vị. Tác phẩm đầy cảm kích của vị tổng giám mục nọ gây ra sự phẫn nộ trong giai cấp công nhân khắp nơi trong nước. Đối với họ, ngày ăn chay

và qui thuận là điều gì đó hiện thực. Đối với tất cả những kẻ không tin ngưỡng sự nghèo nàn, dù họ theo tín ngưỡng nào khác, thì ngày ấy chỉ có nghĩa là thêm trúng và súp cá vào thức ăn thường ngày và đóng cửa xí nghiệp và công xưởng của họ như vào những ngày chủ nhật. Đối với công nhân, *ngày ăn chay* có nghĩa là mất tiền lương và do đó mất bữa ăn trưa”.

Trong một bản tin trước đây, chúng tôi đã viết:

“Cuộc xung đột giữa giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp tư sản lại sẽ bắt đầu đúng vào lúc mà cuộc xung đột giữa giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc đạt tới tột đỉnh của nó ^{1*}”.

Luận điểm ấy đã được chứng minh rõ ràng trong cuộc mít-tinh lớn tổ chức vào thứ sáu trước tại Quán Luân Đôn. Trước khi đưa tin về cuộc mít-tinh ấy, chúng tôi cung cấp một số tài liệu về một loạt những cuộc xung đột xảy ra gần đây giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở trong cũng như ở ngoài nghị viện. Mới gần đây, các chủ xưởng ở Man-se-xơ đã họp hội nghị quyết định bắt đầu cổ động cho việc thu tiêu chế độ “các thanh tra công xưởng” của nhà nước, vì nghe đâu những viên thanh tra ấy đã cả gan không những giám sát việc thực hiện nghiêm chỉnh số giờ lao động hàng ngày do luật pháp qui định, mà thậm chí còn đòi hỏi các công xưởng thực sự thi hành những biện pháp mà nghị viện qui định để ngăn ngừa những trường hợp rủi ro đe dọa sinh mạng và sức khỏe của công nhân, do việc sử dụng máy móc gây ra. Thanh tra công xưởng ở Nam Lan-kê-sia, ông Lê-ô-nác Hoóc-nơ nổi tiếng, đã chuốc lấy sự bất bình đặc biệt của các chủ xưởng, vì trong báo cáo gần đây ông này đã đòi thi hành tại các xưởng kéo sợi những biện pháp do luật pháp qui định mà tình trạng không chấp hành, như một chủ xưởng - đương nhiên y là thành viên của Hội hòa bình ¹⁰⁴ - đã ngậy thơ thốt lên, đã đưa tới chỗ là “trong năm ngoái đã phải trả bằng cái chết của *cả thảy* có 5 công nhân ở tuổi thành niên”.

Những sự kiện *bên ngoài nghị viện* là như vậy. *Ngay bên trong hạ nghị viện*, dự luật của ngài Hen-ri Hôn-phoóc-đơ tuyên bố chế độ “stoppage of wages” là phi pháp, đã bị bác bỏ trong lần đề xuất

^{1*} Xem tập này, tr. 129 - 130

thứ hai. “Stoppage of wages” có nghĩa là *khoản tiền khấu trừ trong tiền công danh nghĩa*, được thu một phần dưới hình thức tiền phạt đối với sự vi phạm nội quy công xưởng do chủ qui định, một phần dưới hình thức tiền thuế v.v. mà công nhân nộp về việc sử dụng máy dệt v.v. trong những ngành công nghiệp chưa thi hành chế độ mới.

Chế độ nói trên đặc biệt thịnh hành trong ngành dệt bí tất ở Nốt-tinh-hêm, nơi đây, như ngài Hen-ri Hôn-phoóc-đơ đã chứng minh, công nhân trong nhiều trường hợp không những không nhận được tiền công của chủ, mà trái lại, bản thân người công nhân có khi phải trả tiền cho chủ. Vấn đề là ở chỗ, với mọi cơ khác nhau, tiền công danh nghĩa bị khấu trừ nhiều đến nỗi công nhân thậm chí phải trả khoản chênh lệch giữa tiền công với số tiền mà nhà tư bản ghi vào sổ nợ của công nhân. Bằng cách đó trở thành con nợ của chủ, người công nhân buộc phải ký tiếp hợp đồng với chủ, với những điều kiện ngày càng bất lợi hơn, cho đến khi anh ta trở thành nô lệ theo ý nghĩa đầy đủ của từ này, nhưng khác với nông nô, anh ta thậm chí không được bảo đảm duy trì sự tồn tại về thể xác của mình.

Nếu như dự luật của ngài Hen-ri Hôn-phoóc-đơ nhằm ngăn chặn tình trạng vô lý ấy bị hạ nghị viện bác bỏ trong lần đề xuất thứ hai, thì dự luật của Cốp-bét, con trai của nhà văn châm biếm nổi tiếng Anh, *không được hạ nghị viện ngó ngang tới*. Dự luật này đề ra mục đích: 1) thay thế đạo luật ngày lao động 10½ giờ của năm 1850 bằng đạo luật ngày lao động 10 giờ của năm 1847¹⁰⁵; 2) biến sự hạn chế thời gian làm việc trong công xưởng do luật pháp qui định thành “hiện thực” bằng cách hăng ngày cưỡng bách ngừng chạy máy khi đã hết ngày làm việc do luật pháp qui định.

Ngày mai chúng tôi sẽ nói về cuộc mít-tinh lớn tại Quán Luân Đôn.

Do C.Mác viết ngày 19 tháng Ba 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” số 137, ngày 22 tháng Ba 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

* CUỘC MÍT-TINH Ở QUÁN LUÂN ĐÔN

Luân Đôn, ngày 20 tháng Ba. Mấy tháng qua, tờ “Morning Advertiser” đã có nhiều cố gắng để tổ chức một hội cổ động mang tên “Hội liên hiệp dân tộc và lập hiến” nhằm mục đích lật đổ chế độ của tập đoàn thống trị. Sau công tác trù bị to lớn như ra lời kêu gọi, thu chữ ký v.v., cuối cùng, vào thứ sáu trước đã triệu tập một cuộc mít-tinh quần chúng ở *Quán Luân Đôn*¹⁰⁶. Ngày đó phải trở thành ngày khai sinh của Hội liên hiệp mới được tuyên truyền rộng rãi. Rất lâu trước khi khai mạc, phòng họp lớn đã chật ních công nhân và cuối cùng, khi các lãnh tụ tự bầu mình lên của phong trào mới xuất hiện thì họ chật vật lắm mới kiếm được chỗ ngồi ở diễn đàn. Ngài Giêm-xơ Tay-lo được cử làm chủ tịch đã tuyên đọc các thư của Lây-ác, của ngài Đờ Lây-xi Ê-van-xơ, của Uê-clip, của ngài Giêm Điu-cơ, của ngài Giôn Se-li và những người khác đều đoan chắc sự đồng tình của mình đối với mục đích của Hội liên hiệp, nhưng đồng thời lại viện đủ mọi cớ để khước từ lời mời đích thân tham gia hội nghị. Tiếp đó, người ta đã đọc “Lời kêu gọi nhân dân”. Lời kêu gọi này đã trình bày những suy xét về việc tiến hành chiến tranh ở phương Đông và cuộc khủng hoảng nội các. Tiếp đó là lời tuyên bố như sau:

Những người có tài năng của mỗi giai cấp, nhất là giai cấp tư sản, đã có những điều kiện cần thiết để gánh vác việc trị nước”.

Sự ám chỉ vụng về đó về tham vọng đặc biệt của giai cấp tư sản đã được đón tiếp bằng những lời châm chọc ồn ào.

“Nhiệm vụ chính của Hội liên hiệp này” - lời kêu gọi nói tiếp - “sẽ là thủ tiêu sự lũng đoạn của giai cấp quý tộc trong việc nắm quyền lực nhà nước và các chức vụ quốc gia, một sự lũng đoạn cực kỳ tai hại cho lợi ích tối cao của đất nước. Việc thủ tiêu nền ngoại giao bí mật thuộc trong số những nhiệm vụ thứ yếu. Sứ mệnh đặc biệt của đoàn thể này sẽ là kêu gọi tất cả các cử tri của Vương quốc liên hiệp nhằm báo trước cho họ về sự cần thiết phải chăm chú theo dõi những người mà họ đã giao phó các nguồn tài nguyên vật chất và nền tự do của đất nước, và nhất là sẽ không nên bỏ phiếu cho những đại diện tí tiện của giai cấp quý tộc và bọn giàu có cùng lũ tay sai của chúng”.

Sau đó, ông *Bin-xơ* đã đứng lên biện hộ cho kiến nghị thứ nhất trong một bài phát biểu tỉ mỉ:

“Tình hình nguy hiểm trong nước và tính chất vô vọng hiển nhiên của mọi ý đồ cải tiến dưới chế độ hiện nay của tập đoàn thống trị đã từng chiếm đoạt chức năng của chính phủ, đã độc quyền chiếm đoạt các chức vụ và các đặc quyền và đem lại sự ô nhục và bất hạnh cho đất nước, khiến cần phải đoàn kết nhân dân lại để chấm dứt chế độ cũ tiếp tục tồn tại... Do đó cần thành lập một đoàn thể mang tên *Hội liên hiệp dân tộc và lập hiến*”.

Ông *Ni-cô-lây*, một trong những ngôi sao sáng của Mê-ri-lê-bôn đã ủng hộ kiến nghị ấy. Ông nghị sĩ *Áp-xli Pên-lát* cũng phát biểu theo tinh thần ấy:

“Nhân dân sẽ gánh lấy sự nghiệp cải cách việc cai quản quốc gia với quyết tâm, sự đúng đắn, sự ngoan cường và sự kiên quyết như “*quân thiết kỵ*” của *Crôm-oen*. Cử tri Anh sẽ có đầy đủ khả năng thủ tiêu mọi thói lạm dụng nếu như họ quyết tâm bầu những con người trong sạch vào nghị viện làm việc *không hưởng thù lao*. Nhưng họ không thể hy vọng có những đại biểu trong sạch, nếu như những kẻ như huân tước Ê-brinh-ton, đại biểu cho Mê-ri-lê-bôn được cử vào nghị viện, chỉ vì ông ta đã chi ra 5 000 p.xt., còn địch thủ kém cỏi của ông ta đã mất toi 3 000 p.xt.”

Kế đó, nghị sĩ *Ma-rô* bước lên diễn đàn, nhưng theo yêu cầu kiên quyết của hội nghị ông ta buộc phải nhường chỗ cho Gioóc-giơ Ha-ri-xơn (công nhân Nôt-tinh-hêm, thuộc phái Hiến chương).

“Phong trào này”, - Ha-ri-xơn nói, - “là mưu toan của giai cấp tư sản nhằm cướp

lấy chính quyền, chia nhau chức vụ và tiền trợ cấp và đặt cơ sở cho một tập đoàn thống trị tồi tệ hơn là tập đoàn hiện đang tồn tại”.

Rồi ông đọc *tu chính án* trong đó tuyên bố rằng quý tộc ruộng đất và quý tộc tiền tài đều là kẻ thù của nhân dân, rằng cách duy nhất để phục hưng quốc gia là thực hiện *Hiến chương nhân dân* gồm 5 điểm: thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu, bỏ phiếu kín, các khu bầu cử bình đẳng, bầu nghị viện hằng năm, thủ tiêu điều kiện tài sản trong bầu cử.

Éc-ne-xơ Giôn-xơ (lãnh tụ phái Hiến chương, xuất thân từ gia đình quý tộc) ủng hộ tu chính án ấy và còn vạch rõ thêm:

“Nhân dân sẽ tự mình phá hoại vị trí của mình, nếu họ ủng hộ phong trào tư sản ấy, cái phong trào mà mục đích của nó là chiếm chính quyền và các chức vụ. Trên diễn đàn, không nghi ngờ gì nữa, có không ít kẻ thêm khất chức thủ tướng (cheers)^{1*}, nhiều người ham thích chức vụ lương cao an nhân in partibus”^{2*} (cheers). Song nhân dân không được liên minh với bọn Brai-tơ và Cóp-đen và các đại biểu của tư bản tiền tệ. Không phải quý tộc ruộng đất mà là các đại biểu của tư bản đã chống lại luật công xưởng mang tính chất nhân đạo; chính họ đã bác bỏ dự luật phản đối stoppage of wages (các khoản khấu trừ tiền công danh nghĩa), họ đã cản trở việc thông qua đạo luật về lập hiệp hội, một đạo luật có lợi - cũng chính các đại biểu của tư bản tiền tệ và tư bản công nghiệp đã ra sức áp bức và làm nhục nhân dân hơn bất cứ ai. Về phần mình, tôi bao giờ cũng sẵn sàng tham gia phong trào mà mục đích là bẻ gãy thể lực của công tước Đê-vôn-sia và bọn khác, nhưng tuyệt nhiên không phải để đặt vào vị trí của họ những công tước đại biểu cho bụi bặm công xưởng và những huân tước đại biểu cho các cọc sợi. (Có tiếng hoan hô và tiếng cười tán thành). Người ta nói rằng phong trào công nhân, phong trào Hiến chương chết rồi. Tôi tuyên bố với các ngài chủ trương cái cách trong giai cấp tư sản rằng giai cấp công nhân đang đầy sức sống và đủ sức mạnh để đánh tan bất cứ phong trào nào. Giai cấp công nhân sẽ không để cho giai cấp tư sản cướp đoạt nếu như giai cấp tư sản không chấp nhận đưa Hiến chương nhân dân với 5 điểm của nó vào cương lĩnh của mình. Giai cấp tư sản chớ có tự lừa dối mình - nó không thể lại lừa dối giai cấp công nhân được nữa”.

Sau một cuộc tranh luận ngắn, trong bầu không khí hứng khởi

^{1*} - tiếng hoan hô

^{2*} - ở xứ sở của những người khác

chung, chủ tịch tìm cách gạt bỏ tu chính án, nói rằng đây không phải là tu chính án, nhưng ông ta vẫn phải nhanh chóng thay đổi quyết định của mình. Tu chính án được đưa ra biểu quyết và được thông qua với đa số phiếu, theo tỉ lệ ít ra là 10/1; công chúng hoan hô âm ỉ và tung mũ lên. Sau khi tuyên bố tu chính án đã được thông qua, chủ tịch bày tỏ, giữa tiếng cười của tất cả mọi người, sự tin tưởng rằng đa số những người tham dự cuộc mít-tinh dù sao cũng tán thành việc thành lập “Hội liên hiệp dân tộc và lập hiến”. Do đó những người khởi xướng sẽ bắt tay vào bước tiếp theo để tổ chức Hội liên hiệp và sau đó họ sẽ lại kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân; tuy nhiên ông ám chỉ, tuy dưới hình thức kín đáo, rằng từ nay, để tránh sự đối lập, chỉ những người mang thẻ hội viên mới được dự hội nghị. Phái Hiến chương rất phấn khởi đã ca ngợi ông chủ tịch, tỏ ý cảm ơn ông ta và cuộc mít-tinh kết thúc.

Không thể phủ nhận rằng dù xét trên góc độ những nguyên tắc của Hội liên hiệp đã được tuyên bố công khai, thì lô-gích cũng thuộc về phái Hiến chương. Hội liên hiệp muốn lật đổ tập đoàn thống trị bằng cách không dựa vào nội các mà dựa vào nghị viện. Nhưng nội các là gì? Sản phẩm của đa số trong nghị viện. Hay là nó muốn lật đổ nghị viện bằng cách dựa vào cử tri? Nhưng nghị viện là gì? Là cơ quan đại biểu của cử tri bầu ra một cách tự do. Do đó chỉ còn một cách - mở rộng phạm vi cử tri. Những người từ chối thừa nhận Hiến chương và qua đó từ chối mở rộng phạm vi cử tri đến mức bao gồm toàn thể nhân dân - những kẻ đó đã đích thân cung khai ý đồ của họ là thay quý tộc cũ bằng quý tộc mới. *Muốn lấy danh nghĩa nhân dân* nói chuyện với tập đoàn thống trị hiện nay, nhưng họ đồng thời lại muốn tránh không để bản thân nhân dân bước lên vũ đài khi họ kêu gọi nhân dân.

Do C.Mác viết ngày 20 tháng Ba 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 141 ngày 24 tháng Ba 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

TIN TỨC CỦA BÁO CHÍ ANH

Luân Đôn, ngày 20 tháng Ba. Công tước Niu-ca-lơ đã ra lệnh triệu hồi huân tước Lu-can, huân tước Pan-muy-rơ đã công bố bức thư của Ra-glan phản đối Lu-can, còn huân tước Hác-đinh, vị nguyên soái nổi tiếng ấy của quân đội Anh, đã bác bỏ đề nghị của Lu-can về tiến hành điều tra và đưa ra tòa án quân sự. Bất chấp sự phản đối của hai vị bộ trưởng, tổng tư lệnh ở Crum và tổng tư lệnh tối cao ở Luân Đôn, huân tước Lu-can đã chứng minh qua những lời giải thích tỉ mỉ của mình tại thượng nghị viện hôm qua rằng không phải ông ta, mà chỉ có Ra-glan chịu trách nhiệm về sự diệt vong của đội kỵ binh nhẹ ở gần Ba-la-cla-va và hai nội các A-bóc-đin và Pan-móc-xton, để cứu vãn vị tư lệnh dễ tính, vụng về và dễ thỏa thuận ấy ở Crum, đã đẩy huân tước Lu-can ra trước sự trừng phạt của đám công chúng phẫn nộ. Cần phải thỏa mãn như thế nào đó con quái vật ấy - công chúng. Điều có ý nghĩa quyết định trong vấn đề này là bức thư viết dở được tìm thấy trong xác chết của tướng Cát-các-tơ, bức thư gửi cho vợ và viết ngày 2 tháng Mười một, tức là ba ngày trước khi diễn ra trận đánh ở In-ke-rơ-man¹⁰⁷, một tuần sau cuộc tấn công của kỵ binh ở gần Ba-la-cla-va. Bức thư đã nói thẳng ra rằng:

“Không phải huân tước Lu-can, cũng không phải huân tước Các-đi-gan là người phải chịu sự khiển trách, mà nói đúng ra thì trái lại, vì họ chỉ phục tùng mệnh lệnh”.

“Tờ “Times” số ra hôm nay, trong một bài viết về Hội nghị Viên¹⁰⁸ đã đưa ra ý kiến tiêu biểu sau đây: nếu Hội nghị Viên tiến hành một cách nghiêm chỉnh thì phải chờ đợi những trở ngại chính ở phía người Thổ Nhĩ Kỳ. Phải cố đạt được không phải ở Nga hoàng mà ở vua Thổ Nhĩ Kỳ những nhượng bộ quan trọng trong phạm vi bốn điểm.

Tờ “Times” số ra hôm kia lại mê hoặc bạn đọc của nó bằng những tin tức “đáng tin cậy” cho hay là ngay trước ngày 19 tháng Ba đã có cuộc pháo kích dữ dội và cuộc cường tập có tính chất quyết định vào Xê-va-xtô-pôn. Từ đâu mà có sự chuyển biến đột nhiên ấy, từ sự bi quan thất vọng sang sự lạc quan phấn khởi dựa trên mê tín? Tờ “Times” bắt đầu chiến dịch Crum của nó chống lại nội các liên hiệp đã bị lật đổ và bắt đầu “ceterum censeo”¹⁰⁹ của nó về sự cần thiết thành lập ủy ban điều tra đúng vào lúc mà Glát-xtôn đe dọa sự độc quyền của nó khi ông ta đề nghị bỏ thuế tem và giảm trọng lượng của tờ báo được phép gửi qua bưu điện với con tem trị giá một pen-ni; ông ta đề nghị hạn chế trọng lượng ấy trong giới hạn bốn ôn-xơ, tức là trọng lượng còn nhẹ hơn trọng lượng của một tờ báo “Times”. Glát-xtôn vừa bị lật đổ, người kế chân ông là ngài Gi.C.Lu-ít thu hồi ngay dự luật này, và tờ “Times”, hy vọng rằng mọi việc vẫn như xưa, đột nhiên, từ bỏ cách nhìn u buồn của mình đối với các sự kiện ở Crum; thay vào đây nó đưa ra một bức tranh toàn cảnh xúc động, sáng tỏ những tia hy vọng thắng lợi, trong bức tranh đó chính đạo quân mà mới ba tháng trước đây tờ báo này đã đọc lời điều, lại hoạt động trở lại. Hôm nay tờ “Times” lại buồn rầu vì hôm qua, trái với tất cả mọi dự tính, ngài Gi.C.Lu-ít lại đưa ra dự luật bỏ thuế tem đối với các tờ báo. Đó là sự thù ghét của một nhà bình luận chuyên về những sự việc cũ đối với những tin tức mới! - tờ “Times” thốt lên như vậy. Ai nấy đều biết, Lu-ít là người xuất bản tạp chí “Edinburgh Review”.

Chúng tôi sẽ còn trở lại dự luật này khi nào nó được trình bày tỉ mỉ ở hạ nghị viện, hiện nay chúng tôi chỉ nêu lên rằng dự luật này là sự nhượng bộ đối với *trường phái Man-se-xtơ* đã có công cố gắng không mệt mỏi cho việc thực hiện tự do cạnh tranh trong lĩnh vực báo chí. Sự nhượng bộ của nội các Pan-móc-xton đối với *trường phái Man-se-xtơ* là *captatio benevolentiae*^{1*} đề phòng trường hợp giải tán hạ nghị viện và bầu lại nghị viện.

*Do C.Mác viết ngày 20 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số
139 ngày 23 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} ý đồ tranh thủ thiện cảm

C.MÁC

* TIN TỪ NGHỊ VIỆN: NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ PHỔ Ở THƯỢNG NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 21 tháng Ba. Trong phiên họp hôm qua của thượng nghị viện, huân tước Linh-huê-xtơ, cựu đồng sự của Livóc-pun và Ca-xlê-ri, rút cục đã đưa ra bản đề án mà ông ta hứa hẹn từ lâu về “thái độ của Phổ đối với Hội nghị Viên”. Ông ta chỉ rõ rằng có hai tình huống đã gây ra sự chú ý mới đối với vấn đề ấy trong thời gian gần đây: công hàm của hoàng đế Nga đang hấp hối gửi triều đình Phổ và tuyên ngôn của A-lếch-xan-đơ II bảo đảm thi hành đầy đủ chính sách của Pi-ôt, Ê-ca-tê-ri-na, A-lếch-xan-đơ và phụ thân ông. Bản thân nước Nga quan niệm chính sách của Phổ như thế nào thì điều đó có thể thấy được qua đoạn trích sau đây trong bức điện mật mà Pốt-xô-đi Boóc-gô gửi cho Nê-xen-rô-đe không lâu trước khi nổ ra cuộc chiến tranh 1828-1829. Trong bức điện khẩn ấy có đoạn viết:

“Nếu Nga dùng thủ đoạn sức mạnh đối với Thổ Nhĩ Kỳ thì có mọi căn cứ để hy vọng rằng Phổ sẽ tuyệt đối không cản trở Nga làm điều đó; trái lại, lập trường của Phổ vừa độc lập vừa hữu nghị sẽ gây ảnh hưởng kiềm chế mạnh mẽ đối với các quốc gia khác và buộc họ đồng ý với những kết quả đáp ứng được phẩm giá và lợi ích của Nga. Cần làm cho nội các Béc-lin biết, ở mức độ nào đó, ý đồ của chúng ta và làm cho nó tin rằng vai trò mà chúng ta dành cho Phổ sẽ góp phần củng cố quan hệ thân thành giữa hai nhà vua và hai triều đình”.

Linh-huê-xơ thốt lên: liệu có thể đưa ra lời tiên tri nào chính xác hơn thế về đường lối mà Triều đình Phổ đã thi hành trong nửa năm hoặc một năm trở lại đây? Quả thực, Phổ đã ký vào các nghị định thư ngày 5 tháng Chạp, 13 tháng Giêng và 9 tháng Tư. Mục đích của những nghị định thư ấy là rút quân khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp và bảo đảm tính độc lập của vua Thổ Nhĩ Kỳ và sự toàn vẹn của Thổ Nhĩ Kỳ. Triều đình Phổ có hành động phù hợp với mục đích ấy không? Về khoản tiền vay 30 triệu ta-le cho hoạt động quân sự, nam tước Man-toi-phen tuyên bố rằng: trong các nghị định thư nói trên, Phổ đã phát biểu về chính sách của Nga theo tinh thần là đã làm một việc rất phi nghĩa; nhưng Phổ không cho rằng mình có nghĩa vụ đi xa hơn và tham gia tích cực vào chiến tranh. Chẳng lẽ đây là ngôn từ của một nước lớn hay sao? Và chẳng lẽ, khi ký kết các hiệp ước năm 1840 và 1841, Phổ lại không có nghĩa vụ trực tiếp bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ hay sao? Nam tước Man-toi-phen nói thêm rằng nền độc lập của Đức hoặc các lợi ích của Đức không bị đụng chạm gì do xảy ra cuộc xung đột ấy và vì vậy Phổ không cho rằng mình có nghĩa vụ chịu đựng những sự hy sinh nào đó. Song, trong một văn kiện khác, bản thân nam tước Man-toi-phen lại xác nhận điều ngược lại. Tuy nhiên, nếu Nga hoàng chiếm Công-xtăng-ti-nô-pơ thì việc bàn đến nền độc lập của Đức và lợi ích của Đức sẽ là thừa. Chúng phải nhượng bộ sức mạnh vượt trội. Tiếp đó, Linh-huê-xơ nhắc qua đến sự từ chức của bộ trưởng chiến tranh Bô-nin việc triệu hồi đại sứ Bunden ở Luân Đôn về, và việc từ chối thảo thư phúc đáp của lưỡng viện Phổ đối với diễn văn của nhà vua, rồi ông “chuyển sang màn hai của vở kịch chính trị này”. Ông nói sau một thời gian dài, Áo cảm thấy có thể yêu cầu Nga rút quân khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp. Yêu cầu ấy thảo xong được gửi sang Béc-lin ký. Từ Béc-lin người ta gửi về Viên những phản kiến nghị hoàn toàn không tiếp thu được, nhưng gây ra sự mất thời gian vì cần phải trao cho các nước đồng minh xem xét. Trong khi đó Nga đã rút quân khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp, nhưng tiếp tục chiếm đóng một phần lãnh thổ của các công quốc này vì những lý do có tính chất quân sự; đồng thời Nga tuyên bố rằng trong tương lai nó có ý định giữ tư thế có tính chất thuần túy phòng

ngự; bây giờ Phổ rút khỏi liên minh, cho rằng Nga đã thỏa mãn mọi yêu cầu hợp lý. Từ lúc đó, Phổ dùng mọi thủ đoạn để phá hoại các kế hoạch của Áo. Nhằm mục đích đó, nó đưa ra trước Quốc hội liên bang và trước các bang ở Đức những đề nghị mà phần nhiều đều được ủng hộ. Trong khi đó Nga công khai căm tị hai bang ở Đức về việc từ chối ủng hộ các nước đồng minh. Ông ta (Linh-huê-xơ) bây giờ chuyển sang màn ba và màn chót của vở kịch. Các nước đồng minh ấy định hội đàm ở Viên vào ngày 8 tháng Tám để quyết định xem cần nêu ra những yêu cầu gì cho Nga làm cơ sở cho bất cứ cuộc đàm phán sơ bộ nào. Theo thông lệ Phổ đã được thông tri về điều đó và thông tri đã được gửi cho Phổ không phải chỉ một lần. Phổ không trực tiếp cự tuyệt tham dự hội nghị, nhưng thực tế không đến dự. Do sự vắng mặt của Phổ, các nước đồng minh, thay vì thảo ra nghị định thư, thì lại ký một công hàm nêu lên bốn điểm làm cơ sở cho cuộc đàm phán sau này. Người ta đề nghị Nga tiếp thu bốn điểm ấy, nhưng Nga cự tuyệt. Về phần mình, Phổ lại công bố và phân phát một văn kiện phản đối bốn điểm nói trên. Đồng thời Phổ còn tác động đến Quốc hội liên bang và các triều đình Đức nhằm mục đích ngăn cản các tiểu bang ở Đức ủng hộ các nước đồng minh. Sau khi ký hiệp ước ngày 2 tháng Chạp, Phổ được thông tri rằng người ta đã tạo khả năng cho nó tham gia hiệp ước ấy. Phổ từ chối, nhưng tuyên bố rằng nó sẵn sàng ký kết những hiệp ước tương tự riêng với Anh và với Pháp. Sau khi các nước nói trên đồng ý, qua nhiều lần đàm phán, Phổ đưa ra đủ thứ đề nghị, yêu cầu phải có những thay đổi vô tận, thừa biết rằng Pháp và Anh nhất định bác bỏ. Khi ông ta (Linh-huê-xơ) nói về Phổ, ông ta chỉ ám chỉ nước Phổ *quan phương*. Ông ta biết rằng tuyệt đại đa số dân cư Phổ có ác cảm với Nga. Hoàn toàn không hiểu làm sao mà Phổ từ chối tham gia hiệp ước ngày 2 tháng Chạp, lại có thể yêu cầu người ta mời mình tham gia cuộc đàm phán ở Viên. Ông ta hy vọng rằng các nước đồng minh, dù với lý do gì đi nữa, cũng không để đại biểu Phổ tham gia. Vì nếu không làm thế thì tại Hội nghị Viên, Nga sẽ có không phải một mà hai phiếu. Nên ngoại giao của Phổ không thay đổi từ thời Phri-đrich Đại đế. Ông ta nhắc

đến năm 1794, đến thời kỳ không lâu trước khi nổ ra trận đánh Ô-xtéc-lít và cả sau trận đánh này v.v..

Huân tước Cla-ren-đôn. - Ông chỉ có ý định bổ sung đôi điều còn khiếm khuyết trong tin tức về cuộc đàm phán giữa Anh và Phổ. Sau khi Chính phủ Nga bác bỏ những điều kiện của các nước đồng minh, hội nghị đại sứ của các nước hữu quan được triệu tập, nhưng không họp được vì đại biểu của Chính phủ Phổ không muốn tham gia. Thực ra, sau đó đại sứ Phổ ở Luân Đôn nói với Cla-ren-đôn rằng chính phủ của ông ta định ra lệnh cho phép đại sứ của mình ở Viên tham gia, nhưng ông ta (Cla-ren-đôn) trả lời rằng “Bây giờ thì quá muộn rồi”. Sự trao đổi giấy tờ giữa Phổ và Áo là có lợi cho Nga. Ngay trước khi ký hiệp ước ngày 2 tháng Chạp, người ta đã mời Phổ tham gia nhưng không kết quả. Phổ yêu cầu để cho mình tham gia hội nghị mới không kèm theo điều kiện nào, trên cơ sở là hội nghị này là sự tiếp tục của hội nghị lần trước chưa kết thúc, là hội nghị mà Phổ không nghĩ đến việc rút khỏi. Về điều khẳng định sau, Chính phủ Anh dẫn chứng sự việc là hội nghị đã có lần không họp được vì Phổ không muốn tham gia tuy được mời nhiều lần. Thêm vào đó, hội nghị mới hoàn toàn không phải là sự tiếp tục của hội nghị cũ, vì vào tháng Mười và Mười một, khi Áo yêu cầu Anh và Pháp lại triệu tập hội nghị thì được trả lời rằng thời gian để ký kết nghị định thư và họp hội nghị đã qua rồi, nhưng nếu Áo đồng ý ký hiệp ước quân sự với Anh và Pháp thì hai nước sẽ xét xem có thể đạt được hòa bình hay không. Sự việc này đã đưa đến hiệp ước ngày 2 tháng Chạp. Sau đó lại tỏ ý sẵn sàng ký hiệp ước riêng với Phổ.

“Nhưng, hoàn toàn không thể để cho Phổ hưởng mọi đặc quyền mà không chia xẻ với chúng ta sự nguy hiểm nào, không thể cho phép Phổ tham gia vô điều kiện vào một cuộc hội nghị có thể kết thúc bằng một hòa ước nhưng cũng có thể dẫn tới một cuộc chiến tranh qui mô lớn hơn, không thể cho phép Phổ tham gia hội nghị mà lại không có lời tuyên bố nào của Phổ về mục đích và chính sách của nó, mà lại không đoán chắc xem hiện nay hoặc khi cần nó sẽ liên minh với chúng ta hay không, không biết rõ xem nó có mặt ở hội nghị với tư cách một cường quốc trung lập, thù địch hay hữu nghị.

Các phái đoàn chuyên môn mà Phổ cử đi sau đó, Cla-ren-đôn nói, đều đã được tiếp đón thân thiện như nhau ở Luân Đôn cũng như ở Pa-ri, nhưng cuộc đàm phán cho tới nay vẫn không đi đến đâu. Ông ta vẫn cho rằng cuộc đàm phán chưa gián đoạn. Mới chỉ ba ngày trước đây đã có những đề nghị mới. Thật không may Hội nghị Viên vẫn khai mạc vào lúc mà Phổ bị gạt ra do hành vi của bản thân nó. Một cường quốc lớn như Phổ không thể tự bỏ mình trong biên giới chật hẹp của Đức. Người ta đã nhiều lần cảnh cáo lập trường ấy của Phổ, nhưng Phổ trả lời trước sau như một rằng chính sách của nó là hòa bình. Nhưng thực ra chính sách của nó “vừa không phải kiểu Âu, vừa không phải kiểu Đức, vừa không phải kiểu Nga” và nói đúng ra chính sách ấy là nhằm ngăn cản Áo hơn là uy hiếp Nga. Tuy thế, Phổ không thể khẳng định lâu mãi với chính sách cô lập của nó khi những lợi ích quan trọng của châu Âu bị ném vào canh bạc. Nó không thể đứng về phía Nga - điều đó mâu thuẫn với tình cảm dân tộc ở Phổ và ở Đức. Phổ biết hết sức rõ ràng rằng nếu nó đứng về phía Nga chống lại Áo thì nó sẽ bị phụ thuộc vào Nga. Phổ không muốn ủng hộ Áo. Trái lại, nó giữ lập trường không thân thiện đối với nước này.

“Vì vậy tôi khẳng định rằng Phổ giữ lập trường cô lập và sai lầm. Điều đó chắc là làm cho kẻ thù của nó vui lòng, nhưng khiến cho các đồng minh của nó và những người yêu nước trong dân cư của nó lấy làm tiếc một cách sâu sắc”.

Cuối cùng, huân tước Cla-ren-đôn cam đoan sẽ có mọi nỗ lực để tranh thủ được sự hợp tác của Phổ.

Tại hạ nghị viện, *huân tước U.Grê-hêm* chất vấn thủ tướng:

“Chẳng phải đại sứ Áo đã yêu cầu huân tước Cla-ren-đôn giải thích những lời của ngài Rô-bóc Pin khi được tái đắc cử, nói rằng không thể giải quyết thỏa đáng vấn đề phương Đông nếu không khôi phục Ba Lan và Hung-ga-ri, là gì”.

Huân tước Pan-mớc-xton không trả lời gì câu hỏi ấy, mà chỉ bày tỏ sự hài lòng của mình về việc ngài Rô-bóc Pin đã giữ một chức vụ trong chính phủ của ông ta. Về vấn đề Hung-ga-ri thì ông nói rằng Áo biết rõ từ lâu rằng Anh cảm thấy việc tách Hung-ga-ri khỏi Đế quốc Áo là điều bất hạnh lớn cho châu Âu vì sự tồn tại của Đế quốc Áo với tính cách một chính thể thống nhất ở trung tâm châu Âu được xem như một nhân tố quan trọng

của thế cân bằng lực lượng. Về Ba Lan (lúc này mọi người đã cười âm lên vì Pan-móc-xơn đã dừng lại chốc lát khi trả lời và tiếp tục lời phát biểu của mình với một giọng lạ lùng), theo ý ông ta thì Ba Lan trong chế độ hiện nay của nó và trong tình hình nó bị chiếm đoạt hiện nay là một sự uy hiếp thường xuyên đối với Đức. Tuy nhiên, những điều khoản hiện đang thảo luận ở Viên không bao gồm những qui định nào về việc cải tổ Ba Lan. Nhưng Anh và Pháp vẫn giữ quyền tùy theo tình hình hoặc cục diện chiến tranh mà bổ sung vào bốn điểm, được dùng làm cơ sở cho cuộc đàm phán hiện nay, những qui định khác mà hai nước ấy coi là quan trọng đối với nền an ninh sau này của châu Âu.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 141, ngày 24 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN

MƯU KẾ CUỐI CÙNG CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG¹¹⁰

“Nếu Crê-dút-xơ vượt sông Ga-lít, hẳn sẽ hủy diệt vương quốc rộng lớn”. Câu trả lời ấy của nhà tiên tri Đen-phơ đối với vua Li-đi hiện nay hoàn toàn thích hợp với Lu-i Bô-na-pác-tơ nhân chuyến đi Crum của ông ta. Chuyến đi này của ông ta quả thực sẽ gây ra sự hủy diệt của đế quốc, nhưng không phải Đế quốc Nga, mà là đế quốc của chính ông ta.

Tình hình đặc biệt, không bình thường, đòi hỏi những hành động khác thường. Bất cứ người nào khác ở vào địa vị ông ta đều bị coi là kẻ mất trí, nếu anh ta tiến hành một chuyến đi tương tự mà triển vọng thất bại và triển vọng thành công của nó ở trong tỷ lệ 10/1. Chắc Lu-i Bô-na-pác-tơ hoàn toàn nhận thức được điều đó, tuy nhiên vẫn phải đi. Ông ta là người đề xướng ra toàn bộ cuộc viễn chinh, ông ta đẩy liên quân vào vị thế thấp kém mà hiện nó lâm vào, và chịu trách nhiệm trước toàn châu Âu đưa nó ra khỏi vị thế ấy. Cần biết rằng đây là chiến công đầu tiên của ông ta mà kết cục sẽ quyết định, ít ra là trong một thời gian nào đó, tiếng tăm của ông ta với tư cách vị thống soái. Ông ta phải chịu trách nhiệm về sự thành công của cuộc viễn chinh bằng chính cái ngòi vua của mình, không hơn không kém.

Ngoài ra còn có những nguyên nhân ít quan trọng hơn cũng buộc người ta phải coi chuyến đi phiêu lưu ấy đến Crum là quốc gia đại sự. Binh sĩ ở phương Đông đã nhiều lần tỏ ý rằng họ vỡ mộng ghê gớm trong niềm hy vọng về vinh quang quân sự của

để chế mới. Ở Vác-na và Ba-dác-gích, những pa-la-đin của Đại Sác-lơ-ma-nhơ già đã bị binh sĩ của họ tặng cho cái biệt hiệu “lũ khỉ”. A bas les singes! Vive Lamoricière!”^{1*}, - những người lính du-a-vơ thét lên khi Xanh-Ác-nô và Ê-xpi-nắc điều họ đi chết vì dịch tả và sốt rét ở miền hoang mạc Bun-ga-ri. Hiện nay binh sĩ không những so sánh vinh quang và tiếng tăm của các vị tướng bị thất sủng với tiếng tăm khả nghi của các vị tư lệnh hiện đang chỉ huy quân đội Pháp. Hành vi lạ lùng của Giê-rôm Na-pô-lê-ông em trong thời gian ông ta có mặt ở phương Đông¹¹¹ làm cho binh sĩ An-giê-ri đây từng trải nhớ lại hành vi khác hẳn của các hoàng thân Oóc-lê-ăng ở châu Phi là những người, - mặc cho người ta bình luận về họ ra sao, - bao giờ cũng đứng ở hàng đầu các binh lính của mình và hoàn thành bốn phận quân nhân của mình.

Sự tương phản giữa Ô-man trẻ và Na-pô-lê-ông trẻ đương nhiên đã đủ rõ rệt để thúc đẩy binh sĩ nói rằng: nếu như dòng họ Oóc-lê-ăng còn cầm quyền thì các hoàng thân sẽ ở cùng chiến hào với chúng ta, chia sẻ những sự nguy hiểm và khó khăn với chúng ta, mà họ lại không mang cái tên Na-pô-lê-ông! Đây là điều mà binh sĩ nói, nhưng làm thế nào buộc họ im mồm? Con người “được phép mang quân phục cấp thiếu tướng” đã làm tổn thương đến truyền thống quân sự gắn liền với tên tuổi Na-pô-lê-ông; những thành viên còn lại của hoàng gia thì hoặc là các nhân vật dân sự, các nhà khoa học tự nhiên, các giáo sĩ hoặc là những tay phiêu lưu chính cống; ông già Giê-rôm không nên tính đến do tuổi tác; thêm vào đó những chiến công trước kia của ông ta không đem lại vinh quang lớn cho ông ta. Thế là Lu-i Na-pô-lê-ông không còn cách nào khác hơn là đích thân ra đi. Ngoài ra, tin đồn về chuyến đi Crum này đã truyền đến tận những làng mạc hẻo lánh của nước Pháp và được nông dân nhiệt liệt hoan nghênh, và nên biết rằng chính nông dân đã đưa Lu-i Na-pô-lê-ông lên làm hoàng đế. Nông dân tin chắc rằng vị hoàng đế mà bản thân họ đặt lên ngai vàng, mà cũng mang tên Na-pô-lê-ông, đích thị phải là Napoleon redivivus^{2*}; theo họ thì vị trí của Lu-i Na-pô-lê-ông là đứng ở hàng

^{1*} - “Đã đảo bọn khỉ! La-mô-ri-xi-e muôn năm!”

^{2*} - Na-pô-lê-ông phục sinh

đầu các binh sĩ mà dưới quyền chỉ huy của ông ta họ không chịu thua kém các quân đoàn của đại quân. Xê-va-xtô-pôn sờ dĩ chưa bị chiếm là vì hoàng đế chưa đến đó; chỉ cần ngài có mặt ở đó là các lô cốt nhô ra của cứ điểm Nga sẽ sụp đổ tan tành như các tường thành Giê-ri-khôn. Vì vậy Na-pô-lê-ông dù không muốn đi cũng không thể từ bỏ lời hứa xuất chinh của mình vì tin tức về chuyến đi của ông ta đã lan truyền rộng rãi.

Vì vậy, công tác chuẩn bị được tiến hành với tổng lực. Để tăng cường cho 10 sư đoàn đã có mặt ở Crum, phải gửi đến đây 4 sư đoàn nữa, trong đó 2 sư đoàn sẽ thành lập quân đoàn dự bị ở Công-xtăng-ti-nô-plơ khi chiến dịch bắt đầu. Một trong bốn sư đoàn ấy sẽ gồm quân vệ binh của hoàng đế, một sư đoàn khác gồm các đại đội tinh nhuệ hỗn hợp, nghĩa là gồm các tinh binh và bộ binh nhẹ của quân đoàn Pa-ri; hai sư đoàn khác (11 và 12) hoặc đang xuống tàu hoặc đang tập trung ở Tu-lông và An-giê-ri. Khi số quân tăng viện mới này đến thì số lượng quân Pháp ở Crum lên tới khoảng 100 000 - 110 000 người; đến cuối tháng Tư, 15 000 quân Pi-ê-mông và một lực lượng lớn quân tăng viện của Anh sẽ tới đây. Tuy nhiên, vị tất có thể hy vọng rằng liên quân có thể bắt đầu chiến dịch vào tháng Năm với một đạo quân 150 000 người. Thành phố Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây đã biến thành một nghĩa địa lớn mà lại hoàn toàn hoang vu và tình hình ở đây là khi mùa nóng nực hoặc ẩm thấp đến thì nó không tránh khỏi trở thành vườn ươm mọi thứ bệnh dịch; số binh lính ở đây dù có số lượng bao nhiêu thì bệnh tật và chết chóc trong họ sẽ nghiêm trọng đến mức liên quân sẽ chịu những tổn thất còn đáng sợ hơn từ trước đến nay. Trước khi tất cả những lực lượng tăng viện ấy đến, quân đội tác chiến của liên quân không có hy vọng gì tiến lên từ trận địa hiện nay của họ, còn quân tăng viện sẽ đến vào khoảng giữa tháng Năm khi mà bệnh dịch sẽ bùng lên.

Ngay trong tình hình thuận lợi nhất, liên quân cũng phải để lại 40 000 người ở phía Nam Xê-va-xtô-pôn và họ chỉ còn 90 000 - 100 000 người để ném vào cuộc viễn chinh đánh đội quân đã chiến của Nga. Nếu như liên quân không hoàn thành được sự cơ động đặc biệt thành công, còn quân Nga không mắc sai lầm nghiêm trọng thì trước khi đạo quân này hội quân được với quân Thổ Nhĩ Kỳ

ở Ép-pa-tô-ri, nó phải trước hết xuất phát từ Khéc-xô-nét đánh tan quân Nga và đẩy lui chúng khỏi Xim-phê-rơ-pôn. Chúng tôi giả định rằng cuộc hội quân thực hiện không gặp khó khăn đặc biệt, nhưng lực lượng tăng viện mà quân Thổ Nhĩ Kỳ có thể đem lại cho đạo quân không thuần nhất gồm người Pháp, người Anh và người Pi-ê-mông nhiều nhất cũng chỉ là 20 000 người, mà lại không hoàn toàn thích hợp với các trận đánh ở địa hình trống trải. Tổng cộng lại, đây là một đạo quân khoảng 120 000 người. Khó hình dung được rằng đạo quân đó có thể tồn tại ở một nơi mà bản thân người Nga đã phá sạch, thiếu lương thực, một nơi mà thứ của cải chủ yếu là đại gia súc, thì đương nhiên đã bị người Nga xua về Pê-rê-cốp. Mỗi bước tiến nhỏ nhất cũng đòi hỏi phải vận chuyển một số lượng lớn thức ăn cho lừa ngựa và điều một số lượng lớn các đội binh lính để bảo đảm các cánh sườn và tuyến giao thông ra biển. Đội kỵ binh phi chính qui của Nga, cho tới nay chưa tham chiến, sẽ bắt đầu làm liên quân mệt mỏi bằng các cuộc tập kích của nó. Trong khi đó, quân tăng viện sẽ đến với quân Nga; sự dồn đại rộng rãi về việc chuẩn bị quân sự ở Pháp 6 tuần vừa qua khiến cho quân Nga có thể kịp thời có những biện pháp cần thiết. Không nghi ngờ gì nữa hiện nay hai hoặc ba sư đoàn quân Nga, được rút ra hoặc từ các đạo quân được bố trí ở Vô-lun và Bét-xa-ra-bi-a, hoặc từ các lực lượng dự bị mới thành lập, đang trên đường hành quân về Crum để duy trì thế so sánh lực lượng vốn có ở đây.

Nhưng liên quân buộc phải điều đơn vị lớn nhất trong đạo quân của mình để phong tỏa Xê-va-xtô-pôn từ phía Bắc. Muốn thế lại phải rút thêm 20 000 người, và số quân còn lại, vốn đã phải chịu đựng những khó khăn hết sức lớn về cung cấp, bị chạt vạt bởi cả một đoàn xe vận tải đạn dược và lương thực, vị tất đủ để đánh bật quân dã chiến của Nga ra khỏi Crum.

Hoàn toàn rõ ràng là những cây nguyệt quế mà Lu-i Bô-na-pác-tơ định dựa vào để giành cho mình tại Crum danh tiếng của một Na-pô-lê-ông, lại mọc khá cao và hái được không phải là dễ dàng như vậy. Nhưng tất cả những khó khăn mà chúng tôi nói đến cho tới nay mới chỉ là những khó khăn có tính chất cục bộ. Sự phản đối chủ yếu chống lại phương pháp tiến hành chiến tranh ở

Crum, xét cho cùng, là ở chỗ phương pháp ấy đem ném một phần tư toàn bộ số lực lượng vũ trang có thể sử dụng được của Pháp vào chiến trường thứ yếu, nơi mà ngay cả thắng lợi lớn nhất cũng không giải quyết được gì cả. Và chính tính cố chấp thiếu suy nghĩ đối với vấn đề Xê-va-xtô-pôn vốn biến thành một thứ mê tín và gán cho thắng lợi cũng như thất bại một ý nghĩa giả tạo, là sai lầm cơ bản nhất của toàn bộ kế hoạch chiến dịch. Mà ý nghĩa giả tạo gán cho toàn bộ sự kiện ở Crum thì đã bật trở lại mạnh gấp đôi vào chính tác giả gặp vận đen đui của kế hoạch ấy.

Đối với A-lếch-xan-đrơ, Xê-va-xtô-pôn còn xa mới là toàn bộ nước Nga, nhưng đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ, việc không thể chiếm được Xê-va-xtô-pôn chẳng khác gì để mất cả nước Pháp.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 23 tháng Ba 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4358, ngày 7 tháng Tư 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

TRẬN XÊ-VA-XTÔ-PÔN¹¹²

Trong số ra hôm nay, tờ báo của chúng tôi đã đăng bản tin chính thức của Pháp, Anh và Nga về trận đánh giữa hai địch thủ ở Xê-va-xtô-pôn. Sự kiện khá quan trọng đó đáng được chúng tôi giải thích thêm và bình luận đôi điều để bổ sung cho các văn kiện chính thức.

Khoảng một tháng trước đây, các cuộc xuất kích thường thắng lợi của quân Nga cho phép chúng tôi kết luận rằng chiến hào đã được đẩy lên phía trước đến cự ly tạo thành thế cân bằng lực lượng giữa bên bị vây và bên bao vây^{1*}; nói cách khác, chiến hào đã đào gần đến mức khi xuất kích, quân Nga có thể tập trung ở bất cứ đoạn nào của chiến hào ấy một lực lượng ít ra tương đương với lực lượng mà liên quân có thể điều đến trong 1 - 2 giờ. Vì 1 - 2 giờ ấy hoàn toàn đủ để loại các khẩu pháo của các khẩu đội pháo ra khỏi vòng chiến bằng cách đóng đinh có ngạnh vào ngòi nổ của nó, nên dĩ nhiên, liên quân không thể đào hào tiếp cận dần lên phía trước. Kể từ lúc đó, liên quân ngừng mọi hoạt động tích cực cho đến khi ba lữ đoàn của Pháp (1 lữ của sư đoàn 8 và 2 lữ của sư đoàn 9) tới nơi những đơn vị này cho phép thay thế một phần bộ binh Anh và tăng cường canh gác chiến hào. Cùng lúc đó, tướng Ni-en của công binh và Giôn-xơ đến đã đẩy mạnh công tác bao vây và cho phép sửa chữa những sai lầm đã mắc phải chủ

^{1*} Xem tập này, tr. 72 - 74.

yếu vì sự cố chấp của tướng Pháp Bi-dô và do số lượng ít của bộ binh Anh. Liên quân đã đào những hào tiếp cận mới, đặc biệt là ở đoạn bố trí quân Anh, ở nơi cách công sự quân Nga chừng 300 i-ác-đơ trên đồi Ma-la-khốp đã đào những chiến hào song song mới. Một số trong những pháo đài mới được xây dựng lại đã nhích gần In-ke-rơ-man đến mức là hễ có khả năng nổ súng là chúng có thể bắn vào một phần các pháo đài của Nga từ phía sau lưng hoặc bằng hỏa lực bắn dọc. Quân Nga đã có những hoạt động thực hiện hết sức tài tình và táo bạo chống lại những tuyến công sự mới ấy.

Như bản đồ đã chỉ rõ, phòng tuyến của Nga bọc lấy thành phố thành hình cung, từ đầu vịnh Ca-ran-tin đến quân cảng bên trong, rồi lại từ đây đến đầu vịnh Ki-len. Vịnh này là một vịnh nhỏ, do một khe núi sâu hình thành, kéo dài từ vịnh Lớn hoặc bến tàu Xê-va-xtô-pôn đi sâu vào mãi tận cao nguyên, trên đó có doanh trại của liên quân. Một dãy cao điểm chạy dài ở phía tây khu núi ấy, tạo thành phòng tuyến của quân Nga; quan trọng nhất trong các cao điểm ấy là đồi Ma-la-khốp; do vị trí không chế của nó, nó là trận địa then chốt của toàn bộ cánh phải của quân Nga. Ở phía đông khe núi và vịnh Ki-len có một cao điểm khác; nó hoàn toàn nằm trong tầm bắn của các pháo đài cũng như của tàu chiến của quân Nga, liên quân không chiếm được nó vì liên quân không hoàn toàn phá hoại được tuyến giao thông giữa Xê-va-xtô-pôn và In-ke-rơ-man được hỏa lực của các lô cốt và pháo đài ở phía bắc bến tàu yểm hộ. Nhưng vì liên quân đặt các khẩu đội pháo của mình tại các trận địa ở phía đông và đông - nam đồi Ma-la-khốp nên có thể uy hiếp phòng tuyến quân Nga từ bên sườn và sau lưng, nên cao điểm trung lập này có ý nghĩa đặc biệt. Do đó, đêm 20 rạng ngày 21 tháng Hai quân Nga đã cử đến đây một đơn vị công trình để xây dựng lô cốt vuông^{1*} mà đồ án đã được kỹ sư của họ thiết kế từ trước. Sáng sớm, liên quân đã nhìn thấy một chiến hào dài và tường chắn ở phía sau nó, nhưng xem ra thì họ hoàn toàn không hiểu ý nghĩa của những công sự ấy nên không cản trở quân Nga tiến hành. Sáng sớm hôm sau lô-cốt vuông đã

^{1*} - đồn Xê-len-ghin

được làm xong, nhưng thực ra còn chưa hoàn chỉnh vì, như các sự kiện về sau đó đã chứng minh, tiết diện của tường chắn này, tức là chiều sâu của hào và mức độ kiên cố của tường chắn còn xa mới đầy đủ. Bấy giờ liên quân mới bắt đầu hiểu rằng công sự ấy chiếm vị trí tuyệt diệu, tạo khả năng cho quân Nga dùng hỏa lực trải rộng bắn vào các pháo đài nối liền nhau của liên quân, do đó làm cho những pháo đài này hầu như mất tác dụng. Các kỹ sư tuyên bố cần chiếm công sự này bằng mọi giá. Vì vậy Can-rô-béc thành lập một cách hết sức bí mật một đơn vị cường tập gồm khoảng 1 600 lính du-a-vơ và 3 000 lính thủy đánh bộ. Vì lệnh tác chiến đưa xuống khuya quá mà lại bất ngờ, nên có sự lúng túng trong việc tập kết binh lính ở địa điểm qui định và khi số quân lính, dẫn đầu là lính du-a-vơ, rút cục mở cuộc tấn công thì đã là 2 giờ sáng ngày 24 tháng Hai. Sau một cuộc chạy ngắn, họ đã ở cách hào 20 i-ác-đơ. Theo lệ thường, các cuộc tấn công đó không được phép nổ súng; binh sĩ được lệnh tháo ngòi thuốc nổ ra khỏi súng để tránh nổ súng không cần thiết và sớm quá. Đột nhiên khẩu lệnh của quân Nga vang lên và một đơn vị mạnh của quân Nga ở bên trong lô-cốt vuông bắt đầu hành động, đặt súng lên tường chắn và bắn từng loạt vào đơn vị tấn công. Do đêm tối và do qui tắc đã ăn sâu vào binh sĩ tác chiến trong chiến hào - bao giờ cũng bắn thẳng thông qua tường chắn - loạt súng ấy chỉ gây ra thương vong không đáng kể cho toán đi đầu đội hình hẹp của đơn vị tấn công. Lính du-a-vơ, mà bước tiến hầu như không bị cản trở gì bởi các vách dốc thoải của hào và tường còn chưa làm xong, trong khoảnh khắc đã xông vào được lô-cốt vuông và chĩa lưỡi lê xông thẳng vào quân địch. Một cuộc đánh giáp lá cà gay go đã xảy ra. Qua một thời gian ngắn, lính du-a-vơ đã chiếm được một nửa lô-cốt vuông, còn sau đó ít lâu quân Nga đã rút bỏ toàn bộ. Lúc bấy giờ lính thủy đánh bộ, đi theo sau lính du-a-vơ không xa, đã dừng lại ở sườn một cao điểm, không rõ vì lạc đường hoặc vì nguyên nhân gì khác. Ở đây họ đã bị đơn vị của quân Nga tấn công vào hai sườn, mặc dầu lính thủy đánh bộ chống cự kịch liệt, quân Nga vẫn đuổi được họ khỏi cao điểm. Rõ ràng là trời đã sáng ngay trong trận đánh hoặc sau trận đánh ít lâu vì quân Nga vội vàng rút khỏi cao điểm, bỏ lô-cốt vuông trong tay lính du-a-vơ, mà

sau đó họ pháo kích bằng toàn bộ số pháo mà Nga có thể sử dụng vào mục đích đó. Có một thời gian ngắn lính du-a-vơ đã nằm rạp xuống, còn một số xạ thủ tình nguyện đi theo họ đã bò lên công sự trên đồi Ma-la-khốp và tìm cách bắn vào các pháo thủ Nga qua lỗ châu mai. Nhưng hỏa lực quân Nga quá mạnh, chẳng bao lâu lính du-a-vơ buộc phải lui xuống sườn của cao điểm, hướng về phía In-ke-ơ-man, nơi đây họ tránh được hỏa lực của phần lớn các pháo đài Nga. Họ quả quyết rằng họ đã mang theo toàn bộ số thương binh của mình.

Trong trận đánh nhỏ này, lính du-a-vơ dưới quyền chỉ huy của tướng Mô-nơ đã hành động rất dũng cảm, còn quân Nga thì tác chiến với trình độ nghệ thuật cao và với tính ngoan cường vốn có ở họ. Lực lượng quân Nga gồm có hai trung đoàn Xê-len-ghin và Vô-lun mà quân số của mỗi tiểu đoàn sau mấy trận đánh chỉ có không quá 500 người hoặc cả thảy là 4 000 người. Tướng Khru-sốp chỉ huy họ. Hành động của quân Nga đã thành công đến mức quân Pháp phải tuyên bố rằng toàn bộ kế hoạch tấn công đã bị quân Nga biết trước. Cuộc tấn công của quân Nga vào lính thủy đánh bộ đã thu được thắng lợi hoàn toàn và hầu như chớp nhoáng, còn cuộc rút lui của họ khỏi lô-cốt vuông chưa hoàn thành đã làm cho lính du-a-vơ bất hạnh, thiếu sự chi viện, hứng chịu hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh đã im lặng khi cuộc chiến đấu diễn ra bên trong lô-cốt vuông.

Tướng Can-rô-béc phát hiện rằng cuộc thất bại ấy tác động hết sức mạnh mẽ đến binh sĩ mình. Sự nôn nóng mà người ta đã nhiều lần cảm thấy thì bây giờ đã bùng nổ với tất cả sức mạnh của nó. Binh sĩ yêu cầu cường tập thành phố. Từ “phản bội”, đó là sự giải thích thường dùng của người Pháp đối với bất cứ trận thất bại nào của họ, đã vang lên mạnh mẽ trong quân sĩ và thậm chí còn chỉ rõ tên kẻ phản bội đã tiết lộ cho quân thù quyết định bí mật của hội đồng quân sự của quân Pháp; người ta cho rằng kẻ phản bội là tướng Phoóc-ơ mà không dựa trên những căn cứ đặc biệt nào. Can-rô-béc đã hoảng hốt đến mức thảo một bản mệnh lệnh mô tả toàn bộ trận đánh như là một thắng lợi huy hoàng, tuy rằng tương đối, đồng thời gửi công văn cho huân tước Ra-glan đề nghị bắt đầu ngay lập tức cuộc cường

tập, nhưng đương nhiên là huân tước Ra-glan đã bác bỏ đề nghị này.

Quân Nga giữ được lô-cốt vuông mới ấy và bồi trục thêm. Vị trí ấy rất quan trọng. Nó bảo đảm tuyến giao thông với In-ke-roman và việc chuyên chở cung cấp từ phía này. Nó uy hiếp từ bên sườn toàn bộ cánh phải của các công sự bao vây của liên quân và buộc người ta phải làm các hào tiếp cận mới để loại trừ tác hại của nó. Ngoài ra, tất cả những cái đó chứng minh quân Nga có khả năng không những giữ vững trận địa của mình mà còn tiến ra phía ngoài trận địa. Vào nửa cuối tháng Hai, quân Nga đã xây dựng gần lô-cốt vuông mới một hệ thống hào chống tiếp cận về hướng công sự của liên quân. Nhưng trong báo cáo không chỉ rõ phương hướng chính xác của những công sự ấy. Dù sao, sự có mặt của hai trung đoàn tác chiến nói trên ở Xê-va-xtô-pôn nói lên rằng toán quân đồn trú đóng giữ cho tới nay chỉ gồm có lính thủy đánh bộ và lính thủy đã được bổ sung nhiều và hiện nay có đủ lực lượng đối phó với mọi hành động có thể có của quân địch.

Tin tức gần đây cho biết khoảng ngày 10 - 11 tháng Ba, các pháo đài của liên quân có thể bắn vào công sự phòng ngự của quân Nga. Nhưng trong tình hình quân Nga có những nguồn lực lượng như thế, trong tình hình liên quân gặp những khó khăn như thế, phải chăng có thể hy vọng liên quân sẽ tạo được những điều kiện cần thiết trước tiên để giành thắng lợi, tức là đạt tới chỗ hòa lực của bên vây đánh mạnh hơn bên bị vây, vả lại, mạnh hơn đến mức có thể buộc các pháo đài của quân Nga phải câm tịt trước khi quân Anh và quân Pháp cạn hết đạn dược của mình? Nhưng thậm chí cứ giả định rằng liên quân đạt được kết quả ấy; giả định rằng vào giờ phút quyết định ấy các binh đoàn đã chiến của quân Nga không mưu toan chiếm lấy trận địa ở gần In-ke-roman và Ba-la-cla-va; giả định rằng liên quân sẽ tiến hành một loạt cuộc tấn công vào phòng tuyến thứ nhất của quân Nga và chọc thủng được nó, thì sẽ ra sao? Trước mắt các cánh quân vây đánh sẽ xuất hiện những công sự phòng ngự mới, các pháo đài mới, và những công trình kiên cố biến thành những cứ điểm nhỏ mà để tiêu diệt chúng cần có những pháo đài mới. Dưới làn mưa đạn pháo và đạn thường, liên quân buộc phải rút lui, và điều lớn nhất

mà họ có thể làm được là nắm giữ trong tay mình phòng tuyến thứ nhất của quân Nga.

Kế đó là cuộc vây đánh phòng tuyến thứ hai, rồi thứ ba, chưa nói gì đến vô số những vật chướng ngại nhỏ mà các kỹ sư Nga - mà hiện nay chúng ta đã biết họ là những người như thế nào - không thể không đặt ở khu vực phòng thủ mà họ phụ trách. Đồng thời mưa và nắng, nắng và mưa cứ thay thế nhau, trên mặt đất tràn ngập uế khí do sự rữa nát của hàng ngàn thân người và ngựa tỏa ra, sẽ gây ra những thứ bệnh tật cho tới nay chưa từng nghe thấy và chưa từng biết đến. Tuy nhiên, bệnh dịch sẽ hoành hành không những ở ngoại thành mà cả ở nội thành, nhưng ai biết được bên nào sẽ đầu hàng trước tiên trước bệnh dịch ấy?

Mùa xuân đến sẽ là một tai nạn đáng sợ đối với cái bán đảo nhỏ rộng năm dặm và dài mười dặm này, nơi đây ba cường quốc mạnh nhất châu Âu tiến hành một cuộc đấu tranh ngoan cường, và Lu-i Bô-na-pác-tơ có đủ lý do để tự chúc mừng mình nếu như cuộc viễn chinh vĩ đại của ông ta rút cục sẽ bắt đầu đem lại những thành quả phong phú.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 23 tháng Ba 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4358, ngày 7 tháng Tư 1855 và trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 143, ngày 26 tháng Ba 1855

In theo bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune", có đối chiếu với bản in trên tờ "Neue Oder - Zeitung"

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

VỀ LỊCH SỬ LIÊN MINH VỚI PHÁP

Luân Đôn, ngày 24 tháng Ba. Tờ “Press”¹¹³, cơ quan ngôn luận của Đì-xra-e-li, đã gây ra trong tuần trước một cuộc cãi nhau vật do nó khẳng định rằng “hoàng đế Lu-i” là trở ngại duy nhất trên con đường ký kết hòa ước, rằng hoàng đế đã liên kết với Áo, ký với nước này một “hiệp định” bí mật mà nước này cố sức ruổi ra. Đảng To-ri cho tới nay vẫn bảo vệ liên minh Anh - Pháp như bảo vệ đũa con cung của mình. Phải chăng huân tước Man-mơ-xbê-ri đã không tăng cường liên minh với Bô-na-pác-tơ?¹¹⁴ Phải chăng Đì-xra-e-li đã không chế giễu một cách độc ác Grê-hêm và Vút trong nghị viện về việc họ hình như đã báng bỏ một cách tội lỗi cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp trước mặt cử tri của họ? Phải chăng trong vòng hai năm nay, đảng To-ri đã không phải là kẻ đề xướng chiến tranh một cách điên cuồng nhất trên diễn đàn nghị viện, cũng như trên báo chí? Giờ đây, không cần có một sự chuyển giọng nào, không cần có sự khách khí nào, họ đột nhiên chuyển sang vu cáo liên minh với Pháp, châm chọc “hoàng đế Lu-i” và tuyên truyền hòa bình! Tờ “Morning Herald”, cơ quan ngôn luận giả yếu của đảng To-ri đáng kính không được biết những điều bí mật của các lãnh tụ của đảng, đã lắc đầu hoài nghi và lấp bấp những lời lẽ gay gắt chống lại những ảo giác của tờ “Press” mà nó không hiểu. Song tờ “Press” hôm nay lại trở

lại cái chủ đề tai hại. Nó đăng bản tin sau đây bằng chữ đậm ở chỗ dễ thấy nhất:

“Những tình huống quan trọng đã được làm sáng tỏ. Cách đây không lâu, chúng tôi viết rằng chúng tôi có căn cứ để dự kiến rằng congress re infecta^{1*} sẽ bị gián đoạn và huân tước Giôn Rốt-xen trở về Anh ngay. Giọng điệu của Áo đối với Nga thay đổi sau cái chết của hoàng đế Ni-cô-lai, và nhất là lời tuyên bố của hoàng đế Áo với A-lếch-xan-đơ II, không nghi ngờ gì nữa, đã góp phần vào kết cục ấy. Hiện nay chúng tôi có căn cứ để dự đoán rằng hoàng đế Pháp đã xóa bỏ những trở ngại trên con đường đi đến sự hòa giải toàn diện, rằng Pháp sẽ đồng ý hoàn toàn rút khỏi Crum mà không đặt điều kiện gì về việc phá hủy hoặc thu hẹp các công sự ở khu vực ấy”.

Để làm sáng tỏ lời tiên tri ấy, tờ “Press” dẫn ra “những tình tiết đáng tin cậy đưa ra trong bài xã luận của nó”. Nhưng chính những tình tiết ấy lại mâu thuẫn một cách lạ lùng với kết luận được rút ra căn cứ vào những tình tiết ấy và quá ư vội vàng.

“Tình hình ở Viên”, - bài xã luận viết, - “hàng giờ đều có sự chuyển biến mỗi lúc một kém sáng suốt và kém thuận lợi; do đó, điều quan trọng là dư luận sáng suốt ở cả hai bên bờ biển Măng-sơ phải sử dụng toàn bộ ảnh hưởng của mình để ngăn ngừa những kết quả có thể gây ra sự khó chịu và sự đáng tiếc. Nếu như năm 1853 các bộ trưởng của chúng ta tỏ ra chân thành đối với sự liên minh Anh - Pháp thì chắc là đã không xảy ra nguyên do dẫn đến chiến tranh; còn nếu như chiến tranh không thể tránh khỏi, thì hoàn toàn có khả năng là nó đã được tiến hành một cách thành công và thắng lợi. Đáng lẽ ký kết đồng minh hữu nghị với Pháp thì Chính phủ Anh lại bỏ phí cả một năm trời để đạt tới cái mà nó gọi là *Adhasion*^{2*} các bang lớn ở Đức. Cuộc chiến tranh của các cường quốc phương Tây với Nga không thể được biện minh bằng cách nào khác ngoài quyết tâm sát đá muốn cắt xén một cách đáng kể phạm vi của đế quốc Nga ở miền Nam. Đây là giải pháp duy nhất đối với vấn đề phương Đông. Thời cơ có lợi năm 1853 đã bị bỏ lỡ mất. Họ đã lãng phí thời gian và tiền bạc, đã hy sinh quân đội và tiếng tăm. Nếu như năm 1853 chúng ta thành thực với Pháp thì các cường quốc Đức

^{1*} - hội nghị mà công việc chưa kết thúc

^{2*} - sự thu hút, hợp nhất

buộc phải theo chúng ta. Còn hiện nay thì tình hình ra sao? Hoàng đế Áo bảo đàm với hoàng đế A-lếch-xan-đơ rằng “Áo không mưu toan thu hẹp biên giới của Nga, cũng như gây thiệt hại gì đó cho lãnh thổ của Nga”. Câu nói đó chỉ có thể có một cách giải thích. Còn như hiệp định bí mật giữa Pháp và Áo mà chúng tôi đã ám chỉ trước đây, thì dựa vào những nguồn tin hoàn toàn đáng tin cậy, chúng tôi biết rằng tuy hiệp định ấy rõ ràng là mang tính chất liên minh thường xuyên giữa hai cường quốc, nhưng không bao gồm điều nào qui định Áo nhất thiết phải tấn công Nga. - Hoàng đế Nga sẵn sàng tiếp thu những điều kiện hòa bình mà thực ra không có nghĩa là giải quyết được vấn đề phương Đông, song không nghi ngờ gì nữa, đó là sự thừa nhận thất bại của cuộc xâm lược và trên mức độ nhất định còn là sự chuộc tội đối với những hành vi bạo ngược đã phạm phải. Chúng tôi cho rằng thời cơ thi hành một chính sách cao siêu hơn đã bị bỏ lỡ rồi, rằng sự trùng phùng của các tình huống có thể bảo đảm nền độc lập của châu Âu sẽ không nhanh chóng lập lại; tuy thế hiện nay vẫn có thể đạt được một hòa ước có lợi cho châu Âu nói chung, thuận lợi cho Thổ Nhĩ Kỳ và không làm mất thế diện đối với các cường quốc Tây Âu. Nhưng chúng tôi có cơ sở để lo ngại rằng cuộc đàm phán cho một hòa ước như thế sẽ không được tiến hành. Ai cản trở nó?... Hoàng đế của người Pháp. Nếu như hiện nay ông ta giữ ý kiến cho rằng bất chấp những điều kiện bất lợi, vấn đề phương Đông phải được giải quyết, thì chúng tôi không bàn đến việc nước Anh nên rút lui. Nhưng chúng tôi biết rằng ý định của hoàng đế khác hẳn... Hoàng đế Pháp sáng tạo ra *mezzo termino*^{1*} giữa sự thu hẹp biên giới của nước Nga và cuộc đàm phán hòa bình mà người ta dự kiến, đây là điều nguy hiểm và có thể trở thành điều bất hạnh. Hoàng đế mơ tưởng một chiến dịch đầy chiến công huy hoàng nhằm khôi phục prestige (tiếng tăm sáng chói) của ông ta; chiến dịch này phải kết thúc bằng một hòa ước không thay đổi tí gì biên giới các nước châu Âu và châu Á, so với sự qui định trong đề nghị của Áo và Nga và đã được đại biểu đặc mệnh toàn quyền của Anh ở Viên sẵn sàng đồng ý. Khôi phải nói đến bộ phận của kế hoạch mang ý nghĩa sẵn sàng hy sinh hàng ngàn sinh mạng chỉ đơn thuần để vấn hồi *uy tín*... Chúng tôi cho rằng tính chất điên rồ của kế hoạch này cũng không thể dung thứ như tính chất vô đạo đức của nó. Còn nếu như chiến dịch phát động vì uy tín mà thất bại thì sao?.. Ngoài những chương

^{1*} - một điều gì đó ở giữa, con đường ở giữa

ngại mà quân Nga bố trí ở Crum, bệnh dịch hạch là một mối đe dọa không kém gì vũ khí. Nếu như chiến dịch này được phát động vì *uy tín* không thành công thì Anh và Pháp sẽ ra sao? Bây giờ các cường quốc Đức sẽ đứng về bên nào? Triển vọng chỉ có một: sự suy đồi và diệt vong của châu Âu. Ngay khi thời cơ thuận lợi cho chúng ta, phải chăng chúng ta có quyền đón nhận những hiểm nguy như vậy, hưởng hồ không phải vì một chính sách nhất định, mà lại vì sự thị uy thuần túy? Đối với kẻ thống soái của người Pháp, có lẽ bỏ lỡ thời cơ thuận lợi ấy là điều rất đau lòng; điều đó cũng không kém phần đau lòng đối với nhân dân Anh. Nhưng các nhà hoạt động nhà nước phải tính đến các tình huống. Năm 1855, cả Pháp, Anh lẫn Nga đều không ở vào tình hình giống năm 1853. Thảm hại thay những kẻ bán rẻ lợi ích tối cao của châu Âu. Mặc cho họ gánh chịu cái số phận xứng đáng đối với họ. Vị thống lĩnh của người Pháp và nữ hoàng Anh đều không có lỗi, nhưng họ không nên hành động giống như một đầu thú mất trí, trong cơn điên loạn của niềm thất vọng hoặc trong khi tuyệt vọng tột độ họ đã đẩy nhanh điều bất hạnh đến gần mình”.

Cũng trên tờ báo này, chúng tôi thấy một đoạn trích từ tiểu phẩm của Gi-rác-đanh “La Paix”¹¹⁵ trong đó sự giải trừ quân bị đồng thời ở Xê-va-xtô-pôn và Gi-bran-ta được hoan nghênh như là một giải pháp chân chính cho vấn đề hòa bình.

“Nhu quý vị thấy đây”, - tờ “Press” thốt lên, - “tiểu phẩm ấy, hay nói đúng hơn, việc bán tiểu phẩm ấy lại được Chính phủ Pháp cho phép, mà tác giả tác phẩm này lại là bạn gần gũi và thân thiết, là cố vấn và đồng chí của người nói ngôi được dự kiến!”

Ở đây cần nêu lên rằng phái Đốc-bi, mà cơ quan ngôn luận là tờ “Press”, ra sức liên hợp với trường phái Man-se-xtơ yêu chuộng hòa bình, còn về phần mình, chính phủ cũng tìm cách lôi kéo trường phái ấy về phía mình bằng dự luật xóa bỏ thuế tem đối với báo chí (chúng tôi còn trở lại dự luật này). Tư tưởng về một chiến dịch thuần túy mang tính chất thị uy, tư tưởng về cuộc chiến tranh châu Âu không phải để đánh vào sự hùng mạnh của kẻ địch mà là để cứu vãn *uy tín* của bản thân, tư tưởng về một cuộc chiến tranh giả vờ, đương nhiên, làm cho bất cứ người Anh nào có lý trí lành mạnh đều phẫn nộ. Một câu hỏi đặt ra là: phải

chăng tư tưởng ấy là một trong những “idées napoléoniennes”¹¹⁶ như để chế phục tích hiều và buộc phải hiều như thế?

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
145, ngày 27 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NA-PÔ-LÊ-ÔNG VÀ BÁC-BE.- THUẾ TEM ĐÁNH VÀO CÁC BÁO

Luân Đôn, ngày 27 tháng Ba. Theo những nguồn tin đáng tin cậy, chúng tôi được biết là chuyến đi thăm hoàng cung Xanh Giêm-xơ¹¹⁷ của Bô-na-pác-tơ dự định thực hiện vào ngày 16 tháng Tư, sẽ là lý do cho một cuộc *biểu tình phản kháng* qui mô lớn. Phái Hiến chương đã mời nhân vật lưu vong người Pháp là *Ác-măng Bác-be* đến Luân Đôn cũng vào ngày 16 tháng Tư, nơi đây, nhân dịp ông đến, sẽ tổ chức một cuộc diễu hành ngoài đường phố và một cuộc mít-tinh lớn. Nhưng cho tới nay vẫn chưa biết tình hình sức khỏe có cho phép Bác-be tiến hành một cuộc hành trình qua biển hay không.

Hôm qua hạ nghị viện đã thông qua, trong lần đề xuất thứ hai, dự luật về bãi bỏ thuế tem đối với báo chí. Những điều khoản chính của dự luật này qui lại như sau: 1) Bãi bỏ thuế tem cưỡng bách đối với báo chí. 2) Các ấn phẩm định kỳ in trên giấy có đóng dấu tem vẫn được hưởng đặc quyền gửi qua bưu điện không mất tiền như trước đây. Điều ba nói về khối lượng của các tài liệu ấn loát gửi qua bưu điện, và sau hết còn một điều qui định rằng báo chí in trên giấy có đóng dấu tem phải nộp tiền ký gửi để phòng những vụ kiện tụng có thể xảy ra do vu khống. Để nêu rõ đặc trưng của chế độ

thuế báo chí cũ, chỉ cần nêu lên vài ví dụ là đủ. Xuất bản một tờ báo hàng ngày ở Luân Đôn cần có một số vốn ít ra là 50 000 - 60 000 pao xtéc-ling. Toàn bộ báo chí Anh, trừ một số ít ỏi, đã phát động một chiến dịch trợ trên nhất và vô sỉ nhất chống lại dự luật mới. Phải chăng cần có những bằng chứng khác để chứng minh rằng chế độ cũ là chế độ bảo hộ đối với báo chí hiện có và là chế độ cấm đoán đối với những tác phẩm sáng tác tinh thần tự do hay sao? Ở Anh cho tới nay tự do báo chí vẫn là đặc quyền chỉ dành riêng của tư bản. Một số rất ít tuần báo đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân - dĩ nhiên, không thể bàn đến việc xuất bản các tờ báo hàng ngày, - chật vật lắm mới tồn tại được nhờ sự quyên góp hằng tuần của công nhân Anh là những người vì mục đích chung đã chịu những sự hy sinh khác hẳn so với công nhân lục địa. Với sự sốt sắng bi hài, con quái vật khổng lồ của báo chí Anh - tờ "Times" - hò hét đấu tranh pro aris et focus^{1*} tức là cho sự độc quyền báo chí, đồng thời khi thì khiêm tốn so sánh mình với nhà tiên tri ở đền Đen-phơ, khi thì quả quyết rằng ở Anh chỉ tồn tại một cơ quan duy nhất đáng duy trì, đó là tờ "Times" khi thì mang tham vọng thống trị trong giới báo chí thế giới và - không cần đến Hiệp ước Quy-súc - Cai-nắc-gia nào cả - bảo hộ toàn thể các nhà báo châu Âu.

Tất cả "cant"^{2*} ấy của tờ "Times" đã bị đập lại đích đáng trong lời phát biểu của con người kỳ quặc *Dram-môn-đơ* tại phiên họp hôm qua của hạ nghị viện. Ông nói:

"Báo chí hiện nay là hoạt động thương mại và không phải là cái gì khác... "Các ngài Oan-tơ" (những cổ đông chính yếu của tờ "Times") đương nhiên có quyền lập ra xưởng ba hoa chính trị, cũng như ông Brai-tơ lập ra xưởng dệt bông... Tờ "Times" kinh doanh giỏi hơn những kẻ cạnh tranh với nó. Bọn Oan-tơ bao giờ cũng có bên cạnh mình những kẻ tháo vát, - bọn luật sư hành nghề lâu năm và những nhân vật tương tự, - bao giờ cũng sẵn sàng phát biểu ý kiến tán thành hoặc phản đối

^{1*} - cho điều thiêng liêng, cho sự nghiệp thiết thân

^{2*} - "lời khoác lác"

về bất cứ vấn đề nào. Chẳng hạn, các ngài Bác-nơ-xơ Ôn-xây-de, Xtéc-ling, Đi-lê-nơ, Mô-rít-xơ, Lâu và Đây-xen là những nhân vật như thế. Tất cả những vị trưởng phụ này có những quan điểm khác nhau. Những tờ báo ngu xuẩn không biết kinh doanh, như tờ "Morning Chronicle", chỉ dựa vào một đảng phái nhất định. Tờ báo này thì trở thành cơ quan của phái Pin, tờ báo kia thì trở thành cơ quan của phái Đốc-bi v.v.. Chừng nào mà phái Pin còn hưng thịnh thì tờ báo của nó cũng hưng thịnh, nhưng nếu tình hình của phái Pin tồi đi thì tình cảnh của tờ báo của nó cũng tồi đi. Người ta nhìn thấy ngay những kẻ không được việc. Nghệ thuật chân chính - ở đây tờ "Times" cũng thể hiện tài nghệ của nó - là ở chỗ thuê cả một lô những nhân vật trưởng phụ có ý kiến khác nhau và bắt họ viết. Đương nhiên, không thể trách bất kỳ một người nào trong số các ngài ấy về tính không nhất quán; giả sử mỗi người trong số họ bao giờ cũng giữ cùng một quan điểm và như thế là mỗi nhà báo ấy nói riêng là hoàn toàn nhất quán; nhưng nếu gộp chung họ lại thì phải thừa nhận rằng trên thế gian này không có cái gì thiếu nhất quán hơn họ. Sự hoàn thiện chân chính của nhà báo xem ra là ở chỗ tuân thủ nguyên tắc: sự đứng đắn của cá nhân và sự không thành thật tập thể về chính trị cũng như về văn học. Nguyên tắc ấy rất có ích và tờ "Times" luôn luôn làm ông ta nhớ lại một người tá điền mà ông bảo tát khô một khoảnh ruộng lầy. "Ấy chớ! - người tá điền nói. - Đừng có tát khô nó! Trời mưa sẽ tìm thấy được ở đây một cái gì đó để nuôi bò, mà nếu không tìm được một cái gì để nuôi bò thì sẽ mọc lên một cái gì đó để nuôi lợn; thậm chí nếu không kiếm được một cái gì để nuôi lợn thì bao giờ cũng tìm được một cái gì đó để nuôi ngỗng". Còn tính chất bị mua chuộc của báo chí thì ở đây đã có chứng cứ trực tiếp về tờ "Times" mà Na-pô-lê-ông đã từng nói đến: "họ gửi cho tôi báo "Times", tờ báo "Times" hèn hạ, tờ báo của dòng họ Buốc-bông". Một cuốn sách của Ô Ma-ra đã khẳng định rằng tờ "Times" đã nhận của ông ta mỗi tháng 6 000 phrăng. Trong tay Ô Ma-ra còn có những biên lai nhận tiền do người xuất bản tờ báo chính thức ký. Ô Ma-ra cũng kể lại rằng trước khi bị đày đi En-bơ, Na-pô-lê-ông đã nhận được kiến nghị của nhiều tờ báo, trong đó có tờ "Times" viết bài để bảo vệ ông. Na-pô-lê-ông cự tuyệt những kiến nghị ấy, nhưng về sau ông ta hối hận về quyết định của mình".

Chúng tôi chỉ bổ sung một điểm vào tình hình nói trên là năm 1815 tờ "Times" nằng nặc đòi đưa Na-pô-lê-ông, mà nó mô tả là kẻ mị dân chính ở châu Âu, ra xử tại tòa án quân sự

và kết tội xử bắn. Còn năm 1816 cũng tờ báo ấy cố sức đòi đặt lại Hợp chủng quốc Bắc Mỹ, “tâm gương nguy hiểm về phiến loạn thắng lợi ấy”, dưới quyền thống trị của chế độ chuyên chế Anh.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 151, ngày 30 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

* NHỮNG TIẾT LỘ CỦA ỦY BAN ĐIỀU TRA

Luân Đôn, ngày 28 tháng Ba. Ủy ban điều tra của hạ nghị viện đã họp trên 12 phiên và phần lớn kết quả điều tra của nó thì công chúng đã rõ. Những nhân chứng thuộc các tầng lớp khác nhau nhất của xã hội, từ công tước Căm-brít-giơ cho đến ông Mác-đô-nan của tờ “Times” đã được thẩm vấn và tất cả những chứng cứ của họ đều có đặc điểm là sự nhất trí hiếm thấy. Các ngành quản lý khác nhau đã bị kiểm tra và tất cả đều ở trong tình trạng không những không làm cho người ta hài lòng, mà còn thực sự nhục nhã, tai tiếng. Bộ tư lệnh lục quân, ngành y tế, cục quản lý cung ứng, cục quân nhu, ngành vận tải, cục quản lý quân y viện, cục cảnh sát vệ sinh, cục cảnh sát cảng ở Ba-la-cla-va và Công-xtăng-ti-nô-plơ, - tất cả các cơ quan ấy đều bị nhất trí nhận định là vô dụng. Nhưng dù mỗi ngành nói riêng có tội tệ thế nào chăng nữa thì toàn bộ sự lộng lẫy của hệ thống ấy chỉ lộ ra trong quá trình tiếp xúc và tác động qua lại với nhau. Các qui chế được đặt ra lạ lùng đến nỗi khi đem thi hành thì không ai biết được quyền hạn của mình bắt đầu từ đâu, kết thúc ở đâu và cần giao thiệp với ai. Hãy đọc các bài mô tả tình hình các quân y viện, mô tả những điều kiện tàn nhẫn nhục nhã - không biết do thiếu tinh thần trách nhiệm hay do khinh suất - mà thương bệnh binh lâm vào khi đi trên tàu vận tải cũng như khi đến địa điểm qui định. Trong cuộc rút lui khỏi Mát-xcơ-va cũng không có sự kinh khủng như thế. Và tất cả những sự việc ấy đã xảy ra ở Xcu-ta-ri cách Công-xtăng-ti-nô-plơ - một thành phố lớn với tài nguyên phong phú,

có mấy bước, chứ không phải trong một cuộc rút lui vội vã khi lính cô-đắc bám truy đuổi sát kẻ rút lui, chặn đường tiếp tế của nó; tất cả những việc đó xảy ra vào lúc chiến dịch còn thuận lợi ở một địa điểm được bảo vệ khỏi những cuộc tấn công của địch, ở kho trung tâm lớn, nơi mà nước Anh tập trung vật tư dự trữ cho quân đội của mình. Mà thủ phạm của tất cả những điều kinh khủng ấy không phải là bọn dã man, mà là những nhân vật trượng phu thuộc vào số “một vạn nhân vật thượng đẳng”, những con người vốn có tấm lòng dịu dàng. Qui chế fiat^{1*}, quân đội pereat^{2*}! “Hãy tìm hỏi ngành khác, việc đó không thuộc thẩm quyền chúng tôi!”. “Nhưng hỏi ở đâu bây giờ?” - “Tìm hiểu xem ngành nào có thẩm quyền, thì điều đó không thuộc quyền hạn của chúng tôi, mà thậm chí nếu việc đó thuộc thẩm quyền của chúng tôi thì chúng tôi cũng không có thẩm quyền báo cho quý vị biết điều đó”. - “Nhưng bệnh binh cần áo lót, xà phòng, vải trải giường, nhà ở, thuốc men, bánh mì, rượu poóc-tô. Họ bị chết hàng trăm người”. - “Quả thực chúng tôi rất lấy làm tiếc rằng tinh hoa của nước Anh bị tiêu vong nhanh như thế, nhưng chúng tôi không thể giúp gì cả. Ngay cả khi chúng tôi có, chúng tôi cũng không thể phát gì cả, nếu không có mệnh lệnh chính thức hữu quan có chữ ký của nửa tá nhân vật trong đó hai phần ba đang vắng mặt, hiện ở Crum hoặc ở nơi khác”. Và giống như Tăng-ta-lơ, binh sĩ vẫn phải chết trong khi trông thấy, thậm chí cảm thấy có tất cả những vật phẩm có thể cứu vãn cuộc sống của họ. Ở đây không thấy một người đàn ông nào có đủ nghị lực để phá bỏ cái hệ thống hủ lậu đó và gánh lấy trách nhiệm hành động theo yêu cầu của tình hình và bắt chấp mọi qui chế. Chỉ có một người dám làm việc đó, và đây lại là một *phụ nữ*, cô *Nai-tin-gây*. Sau khi chắc chắn rằng nhu yếu phẩm để ở trong kho, cô dẫn mấy người can đảm, bẻ khóa, làm một vụ trộm thực sự trong kho của nữ hoàng, đồng thời còn tuyên bố với các viên sĩ quan quân nhu sợ đến ngẩn người ra:

“Rút cục, tôi đã có tất cả những thứ mà tôi cần. Còn bây giờ các ông hãy thông báo về nước Anh điều mà các ông đã thấy. Tôi xin nhận toàn bộ trách nhiệm”.

^{1*} - muôn năm

^{2*} - hãy diệt vong

Những tên nhát gan cổ hủ quản lý công việc ở Công-xtăng-ti-nô-plo và Xcu-ta-ri không những không thể hành động dũng cảm như thế, mà còn tỏ ra nhát gan đến mức người ta khó lòng tin được điều đó nếu như chúng ta không được biết về những lời công nhiên thú nhận của chính họ. Chẳng hạn, ủy ban điều tra đã hỏi một người trong họ, một bác sĩ En-đriu Xmít nào đó đã có thời gian làm viện trưởng một số quân y viện, rằng: phải chăng ở Công-xtăng-ti-nô-plo không có tiền để mua những thứ cần thiết và không có thị trường có thể mua tại đó những thứ ấy?

“Có chứ! - ông ta trả lời - “nhưng xin các vị hãy tin rằng sau 40 năm quen thói thủ cựu và quan liêu giấy tờ, trong vòng mấy tháng trời tôi khó bề nghĩ được rằng có những khoản tiền nào đó thực sự đang thuộc quyền chi phối hoàn toàn của tôi”.

Mà quân đội Anh thì lại được trao phó cho những tên nhát gan cổ hủ như thế! Những sự mô tả sinh động nhất được trình bày trên báo chí và trong nghị viện đều tỏ ra lu mờ trước tình cảnh thực tế được phơi bày qua các bằng chứng của các nhân chứng. Có thể nói gì về các ngài Héc-bớt, Glát-xtôn, Niu-ca-lơ và tutti quanti^{1*} về các quan chức cao cấp của Pin là những người, trong nghị viện, đã nhiều lần gọi những sự thực hiện nay, đã được chứng minh, là điều bịa đặt và bác bỏ những sự thực ấy một cách mãnh liệt điên cuồng khó có thể thấy ở những ngài “rất khả kính” ấy! Những con người lịch sử ấy của Exeter Hall¹¹⁸, những con người ăn mặc sang trọng kiểu Pi-út ấy - đối với họ sự khác nhau giữa “*biến tướng*” và “*sự tồn tại thực tế*” là vấn đề sống còn - đã chỉ đạo chiến tranh với lòng tự tin “khiêm nhường” riêng có ở họ, và về mặt “biến tướng” của quân đội Anh họ đã thành công lớn đến mức quân đội đó đã mất hết mọi “sự tồn tại thực tế”. “Nó ở một nơi nào đó - Glát-xtôn trả lời - ngày 1 tháng Giêng quân đội Anh ở Crum có 32 000 người”. Không may cho ông ta, chúng tôi có lời làm chứng của công tước Căm-brít-giơ cho thấy là sau trận đánh gần In-ke-rơ-man, ngày 6 tháng Mười một, quân

^{1*} - những kẻ giống họ

đội Anh có chưa đến 13 000 người, mà chúng ta biết rằng từ tháng Mười một - tháng Chạp nó đã mất đi gần 3 000 người.

Trong khi đó những tin tức về sự công phần của hạ nghị viện đối với các bộ trưởng, về ủy ban Rô-bác và về sự bất bình phổ biến ở Anh đã truyền đến Crum. Được binh sĩ hoan nghênh, những tin tức ấy đã gây ra sự hoảng sợ cho các tướng lĩnh và thủ trưởng các ngành. Một tuần lễ sau lại truyền đến tin tức cho hay là các đại biểu của ủy ban có toàn quyền tiến hành đàm phán và điều tra đã lên đường. Tin đó tác động như một dòng điện đối với những người bị liệt. Đồng thời, công nhân đường sắt không bị ràng buộc bởi các truyền thống, bởi các luật lệ, cũng như bởi những thói quan liêu, đã bắt đầu làm việc. Họ lo bảo đảm cho địa điểm đỗ bộ, đã sử dụng cuộc chim, xây dựng xưởng đóng tàu, nơi trú ẩn, vật chướng ngại, và các vị trượng phu già nua nực cười chưa kịp tỉnh ngộ thì những thanh đường sắt đầu tiên đã được đặt xong. Con đường sắt ấy có lẽ không có ý nghĩa đặc biệt đối với cuộc vây đánh - tất cả những ưu điểm mà nó đem lại, đều có thể đạt được một cách đơn giản hơn và ít tốn kém hơn - nhưng nó đem lại lợi ích to lớn bằng việc nêu lên một tấm gương, đem đối lập rành rành giữa lề thói cũ của nước Anh bất lực với nền công nghiệp hiện đại của Anh. “Sự tiến lên” mạnh mẽ của công nhân đường sắt đã đưa quân đội Anh ra khỏi trạng thái đờ người như bị phù phép, - sự đờ người sinh ra từ ảo tưởng về những điều giả tạo không thể có được, ảo tưởng ấy đẩy sĩ quan và binh sĩ Anh đến thuyết định mệnh ngu muội của người Thổ Nhĩ Kỳ và buộc họ bình thần nhìn vào cái chết chắc chắn, coi đó như là số phận khắc nghiệt. Nhờ công nhân đường sắt mà trong quân đội người ta lại nói đến “Aide-toi et le ciel t’aidera”^{1*}. Trong vòng sáu tuần, mọi cái đều thay đổi bộ mặt. Ra-glan và bộ tư lệnh của ông ta, các vị tướng chỉ huy sư đoàn và lữ đoàn hàng ngày đã xuất hiện ở chiến hào, xem xét mọi thứ và ra lệnh. Ở cục quân nhu đã tìm được ngựa, xe và người điều khiển xe ngựa, còn binh lính thì đã làm được hầm trú ẩn cho bệnh binh của mình và một phần cho bản thân. Nhân viên quân y đã xóa bỏ được tình

^{1*} - “Hãy tự giúp mình thì trời sẽ giúp anh!”

hình tệ hại hết sức đáng công phần trong các lều vải và nhà gỗ của quân y viện. Đã bắt đầu có đạn dược, quân trang, thậm chí thịt và rau tươi. Ở một mức độ nhất định trật tự đã bắt đầu chiếm thế thượng phong, và tuy còn lại nhiều thói xấu cũ cần khắc phục, sự cải thiện tình hình là không thể phủ nhận được và hết sức rõ rệt.

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 153, ngày 31 tháng Ba 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

QUÂN ĐỘI ANH

Chúng tôi đã có dịp tìm hiểu các bản báo cáo của chừng 12 phiên họp ủy ban mà mọi người đã biết là được hạ nghị viện cử ra để điều tra tình hình quân đội Anh ở Crum. Các nhân chứng thuộc mọi tầng lớp xã hội, kể từ công tước Căm-brít-giơ trở đi, đã được thẩm vấn, và tất cả những chứng cứ của họ đều có đặc điểm là sự nhất trí lạ lùng. Cuộc kiểm tra đã được tiến hành trong tất cả các ngành quản lý, và tất cả các ngành này đều ở trong tình trạng không những không hài lòng, mà còn quả thực là xấu xa. Bộ tư lệnh lục quân, ngành quân y, cục quản lý cung ứng, cục quân nhu, ngành giao thông, cục quản lý quân y viện, cảnh sát vệ sinh và cảnh sát vi cảnh, cảnh sát hải cảng ở Ba-la-cla-va - tất cả các ngành đó đều bị nhất trí nhận định là vô dụng.

Nhưng dù mỗi ngành nói riêng dù có tội tệ thế nào chẳng nữa thì toàn bộ sự lộng lẫy của chế độ ấy cũng chỉ được bộc lộ trong quá trình tiếp xúc và tác động qua lại với nhau. Qui chế của các cơ quan ấy được đặt ra một cách kỳ quặc đến nỗi khi chúng bắt đầu có hiệu lực, sau khi quân lính đổ bộ ở Thổ Nhĩ Kỳ, thì không ai biết quyền hạn của mình bắt đầu từ đâu và kết thúc ở chỗ nào, và đối với vấn đề này hoặc vấn đề kia thì phải giao thiệp với ai. Vì vậy, do quá sợ chịu trách nhiệm, tất cả họ đều đùn đẩy chức trách của mình cho người khác. Với hệ thống đó bệnh binh trong quân y viện ở vào những điều kiện tàn nhẫn nhục nhã. Sự sơ xuất và thiếu tinh thần trách nhiệm đã ảnh hưởng nghiêm

trọng đến thương bệnh binh khi ở trên tàu vận tải, cũng như khi đến địa điểm qui định. Quả thực khó mà tin được những sự thực đã bị phơi bày; trong cuộc rút lui khỏi Mát-xcơ-va cũng không có những sự kinh khủng như thế. Mà những sự thực ấy quả thực đã xảy ra ở Xcu-ta-ri, cách Công-xtăng-ti-nô-pơ - một thành phố lớn dôi dào nhân lực và tài nguyên - có vài bước. Tất cả những việc đó xảy ra không phải trong một cuộc rút lui vội vã như khi lính cô-dắc bám sát truy đuổi quân rút lui và chặn đường tiếp tế của họ mà là vào lúc chiến dịch không còn tương đối thuận lợi, ở một địa điểm được bảo vệ khỏi những cuộc tấn công của địch, ở một kho trung tâm lớn, nơi mà Anh tập trung vật tư dự trữ cho quân đội của mình. Thủ phạm của tất cả những sự khủng khiếp và nhơ nhuốc ấy lại không phải là bọn dã man tàn nhẫn. Thủ phạm là những nhân vật trọng phu của Anh có giáo dục, xuất thân từ giới quyền quý, có trái tim dịu hiền, từ thiện và ngoan đạo. Không nghi ngờ gì nữa, mỗi người trong số họ, với tư cách là một con người, sẽ vui lòng làm mọi việc cần thiết; với tư cách ấy là những nhân vật chính thức họ buộc phải ngồi khoanh tay và thản nhiên ngắm nhìn tất cả những sự đê tiện ấy, tự an ủi bằng ý nghĩ cho rằng trường hợp này không qui định trong bất cứ điều khoản hữu quan nào của qui chế của nữ hoàng. Thà để cho hàng ngàn binh sĩ chết đi còn hơn là vi phạm qui chế của nữ hoàng! Và binh sĩ, giống như Tăng-ta-lơ, phải chết tuy rằng rất gần họ - hình như chỉ trong tầm tay! - có tất cả những của cải có thể cứu vãn sinh mạng của họ.

Ở đây không tìm ra một người đàn ông nào có đủ nghị lực phá vỡ cái hệ thống qui định hủ lậu đó và gánh lấy trách nhiệm hành động theo yêu cầu của tình hình, bất chấp mọi qui chế. Chỉ có một người dám làm điều đó, và đây lại là một phụ nữ, đó là cô Nai-tin-gây. Như tin tức cho biết, sau khi tin chắc rằng nhu yếu phẩm đều ở trong kho, cô dẫn mấy người can đảm, bẻ khóa làm một vụ trộm thực sự trong kho của nữ hoàng! Những tên hèn nhát hủ lậu coi sóc công việc ở Công-xtăng-ti-nô-pơ và Xcu-ta-ri không những không thể có hành động dũng cảm như thế, mà còn tỏ ra nhất gan đến nỗi khó bề tin được điều đó nếu như không

có những lời thú nhận của chính họ. Người ta đã hỏi một người trong bọn họ, bác sĩ En-đriu Xmít, là người đã có một thời gian làm viện trưởng một số quân y viện rằng: phải chăng ở Công-xtăng-ti-nô-plơ không có tiền để mua nhiều thứ trong số các nhu yếu phẩm và không có thị trường để có thể kiếm được những thứ đó?

“Có chứ!” - ông ta trả lời - *“nhưng xin các vị hãy tin rằng sau 40 năm quen thói thủ cựu và quan liêu giấy tờ, trong vòng mấy tháng trời tôi khó bề nghĩ được rằng có những khoản tiền nào đó thực sự thuộc quyền chi phối hoàn toàn của tôi!”*.

Sự mô tả ảm đạm nhất về tình hình được trình bày trên báo chí và trong các lời phát biểu ở nghị viện, đều lu mờ trước bức tranh thực tế phơi bày ra trước mặt chúng ta. Một số sự thực ghê gớm nhất đã được loan báo từ trước, nhưng đến nay chúng xuất hiện dưới một màu xám xịt hơn. Tuy bức tranh còn xa mới hoàn chỉnh, chúng ta vẫn biết được đầy đủ để phán đoán toàn bộ tình hình. Trong bức tranh ấy không có một nhân vật lỗi lạc nào, trừ các cô y tá đi theo binh lính. Tất cả các nhóm nhân viên công tác đều tụt tụt và ngu xuẩn như nhau, và nếu như trong báo cáo của mình, các ủy viên của ủy ban dám nói theo tinh thần các chứng cứ của nhân chứng thì họ khó bề tìm ra trong tiếng Anh những từ ngữ đủ mạnh để diễn đạt sự lên án của mình.

Sau tất cả những sự vạch trần ấy, người ta không sao nén được cái cảm giác phẫn nộ cực độ và khinh rẻ không những đối với những thủ phạm trực tiếp, mà trước hết là đối với các chính phủ đã tổ chức ra cuộc viễn chinh ấy đã tuyên bố một cách vô liêm sỉ rằng những sự thực hoàn toàn hiển nhiên ấy là điều đơm đặt. Cái nội các liên hợp vĩ đại của “tất cả các bậc tài hoa” ấy, cái nhóm các nhà hoạt động quốc gia vĩ đại mà sự cầm quyền của họ phải có nghĩa là thời đại hoàng kim ở Anh, bây giờ đâu rồi? Phái Vích và phái Pin, các tín đồ của Rốt-xen và những người ủng hộ Pan-móc-xton, người Ai-rơ-len và người Anh, bọn bảo thủ tự do và bọn tự do bảo thủ - tất cả mọi việc mà chúng đã làm chỉ là mặc cả và ngã giá với nhau, và tất cả những người mà chúng bổ nhiệm vào các chức vụ nhà nước đều tỏ ra hoặc là bọn nhất

gan già nua, hoặc đơn giản là bọn ngu xuẩn. Những nhà hoạt động nhà nước vĩ đại ấy quá tin chắc rằng chiếc máy mà họ điều khiển 30 năm nay sẽ chạy một cách xuất sắc, nên thậm chí không tranh thủ thời gian cử một đại biểu đặc mệnh toàn quyền đến Crum để phòng tình hình không được dự kiến trước; với việc quản lý tốt như vậy, còn có thể xảy ra tình hình gì không dự kiến trước được! Những vị bộ trưởng Anh ấy, theo bản tính và do thói quen chỉ biết phục tùng, đột nhiên đứng ở cương vị chỉ huy, đã đẩy nước Anh đến sự nhục nhã cực độ. Hãy lấy ông già Ra-glan mà xét; con người ấy suốt đời ngồi ở bộ tư lệnh của Oen-lin-ton; con người ấy chưa bao giờ được phép tự mình gánh lấy trách nhiệm hành động và suốt 65 tuổi đời chỉ được người ta dạy bảo một điều là phục tùng mệnh lệnh một cách mù quáng. Và con người ấy bỗng nhiên được giao phó cầm cả một đạo quân chống lại quân thù, quyết định mọi vấn đề một cách nhanh chóng và độc lập! Ông ta đã tỏ rõ tất cả mọi sự lỗi lạc của mình. Ngập ngừng, do dự, hoàn toàn thiếu tự tin, thiếu kiên quyết và thiếu chủ động là đặc trưng của mỗi hành động của ông ta. Đến nay chúng ta được biết ông ta nhất gan như thế nào trong hội đồng quân sự khi thông qua quyết định về cuộc viễn chinh Crum. Ông ta bị dắt mũi bởi một tên khoác lác và đểu giả như Xanh-Ác-nô, mà ông già Oen-lin-ton có thể bịt mõm chỉ bằng một lời châm biếm khô khốc! Cuộc hành quân do dự của ông ta ở Ba-la-cla-va, sự bất lực của ông ta trong thời gian tiến hành cuộc vây đánh và trong thời kỳ những tai họa mùa đông, bây giờ ông ta không tìm ra cái gì tốt hơn là lẩn tránh mọi người! Rồi đến huân tước Hác-đinh, mà về tính cách cũng chỉ thích hợp với các vai trò phụ thuộc, là tư lệnh quân đội ở đây, ở nước Anh. Tuy ông ta là người vốn đã từng tham gia nhiều chiến dịch, nhưng xét theo hệ thống quản lý của ông ta, xét theo cách ông ta bảo vệ hệ thống đó ở thượng nghị viện có thể cho rằng ông ta chưa bao giờ ra khỏi doanh trại và văn phòng của mình. Nói rằng ông ta không hiểu tí gì về những nhu cầu tối thiểu nhất của quân đội tác chiến hoặc lười nhớ đến những nhu cầu ấy - đó sẽ là sự nhận xét nhẹ nhàng nhất có thể đưa ra về hoạt động của ông ta. Sau nữa là các quan chức của Pin - Các-đu-en,

Glát-xtôn, Niu-ca-lơ, Héc-bóc và tutti quanti^{1*}. Tất cả bọn họ đều là những nhân vật trọng phu trẻ, có giáo dục và bề ngoài dễ mến mà phong cách lịch thiệp và tình cảm cao đẹp của họ không cho phép hành động một cách thô bạo hoặc tỏ ra quả quyết, dù chỉ là bề ngoài, trong công việc của cái thế giới này. Châm ngôn của họ là “xem xét cẩn thận”. Họ chú ý đến mọi cái; họ dành cho mọi cái sự chú ý cần thiết; họ quan tâm đến mọi người và hy vọng rằng tất cả những ai chú ý đến điều đó sẽ dành cho bản thân họ một sự chú ý cần thiết. Họ thích rằng mọi cái đều trọn vẹn và ôn hòa. Không có cái gì làm cho họ ghét bỏ hơn là thái độ vụng về - tượng trưng cho nghị lực và sức mạnh.

Những nhân vật lịch thiệp dễ xúc động, thẳng thắn và ngoan đạo ấy đã phủ nhận một cách vô liêm sỉ mọi tin tức từ quân đội truyền ra nói rằng sự lãnh đạo bất tài đã giết hại quân đội, một khi họ đã tin chắc à priori^{2*} rằng công tác quản lý của họ là không thể chê trách được, thì ngoài họ ra còn người nào khác hiểu những lời bác bỏ như thế. Khi những sự buộc tội ngày càng kiên quyết, còn tin tức chính thức từ chiến trường thậm chí buộc họ thừa nhận một phần sự chính đáng của những lời buộc tội đối với họ, thì trong những lời bác bỏ của họ vẫn tiếp tục vang lên cái giọng bực tức và cay độc. Sự phản đối của họ đối với đề án tiến hành điều tra của Rô-bác là một ví dụ tồi tệ chưa từng thấy về việc phủ nhận chân lý một cách công khai và ngoan cố. Tờ “Times” ở Luân Đôn, Lây-ác, Xtáp-phớt và thậm chí Rốt-xen, đồng sự của chính họ, đều lên án các vị trọng phu ấy đã nói dối, nhưng họ vẫn ngoan cố. Với đa số hai phần ba, toàn thể hạ nghị viện đã lên án họ nói dối, mà họ thì vốn ngoan cố. Hiện nay họ đã bị đưa ra trước ủy ban Rô-bác và bị vạch mặt, nhưng theo chỗ chúng tôi biết, họ vẫn tiếp tục ngoan cố bác bỏ. Song, giờ đây thì sự ngoan cố của họ hầu như không còn ý nghĩa nữa. Chân tướng đã phơi bày trước toàn thế giới với tất cả sự lố lỏm gồm ghiếc

^{1*} - những kẻ giống họ

^{2*} - từ trước

của nó và điều đó sẽ không tránh khỏi đưa đến những sự thay đổi về tổ chức và quản lý của quân đội Anh.

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Ba 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4364, ngày 14 tháng Tư 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

TIỀN TRÌNH CỦA CHIẾN TRANH

Trong khi các nhà ngoại giao tụ tập ở Viên thảo luận về số phận của Xê-va-xtô-pôn, còn các đồng minh tìm cách ký kết hòa ước theo những điều kiện có lợi nhất cho mình, thì quân Nga ở Crum lợi dụng sai lầm nghiêm trọng của địch, cũng như vị trí trung tâm của mình trên bán đảo, lại chuyển sang tấn công toàn diện. Nếu như nhớ lại những lời cam đoan khoác lác của các nước đồng minh khi họ bắt đầu cuộc xâm lược, thì tình hình thật nực cười và là một sự châm biếm chua cay đối với thái độ quá tự tin và ngu xuẩn của con người. Việc đó có khía cạnh khôi hài ngộ nghĩnh, nhưng tấn kịch nhìn chung là một bi kịch sâu sắc và chúng tôi lại một lần nữa đề nghị bạn đọc nghiên cứu kỹ những sự kiện đã được trình bày trong các bản tin gần đây của chúng tôi, nhận được ở đây vào sáng chủ nhật do tàu “A-mê-ri-ca”¹⁹ đem đến.

Ở Ép-pa-tô-ri, Ô-me-rơ-pa-sa trên thực tế đã bị phong tỏa từ phía đất liền. Ưu thế về số lượng kỵ binh cho phép quân Nga đưa tiền tiêu và các trạm kỵ binh lên hầu như sát thành phố, tuần tiễu ở ngoại thành, do đó cắt đường tiếp tế của địch, còn trong trường hợp có cuộc xuất kích quan trọng thì rút về nơi bộ binh đóng. Như vậy là họ đã làm cái điều mà chúng tôi đã dự kiến từ trước - với một số lượng quân bằng một phần tư hoặc một phần ba quân Thổ Nhĩ Kỳ, họ đã kiềm chế được quân Thổ Nhĩ

Kỳ có ưu thế về số lượng¹²⁰. Vì thế Ô-me-rơ-pa-sa chờ đợi số kỵ binh tăng viện, đồng thời đến doanh trại Anh - Pháp báo cho liên quân biết rằng lúc này ông ta không thể hành động gì cả và thiết tha mong muốn liên quân cử đến một lực lượng tăng viện khoảng 10 000 quân Anh - Pháp. Không nghi ngờ gì nữa, quân tăng viện là điều đáng mong muốn, nhưng bản thân Can-rô-béc cũng cần số quân tăng viện đó không kém gì, ông ta đã phát hiện rằng ông ta có quá nhiều đồng thời lại quá ít quân lính - quá nhiều để tiếp tục vây hãm theo phương pháp cũ và để phòng thủ sông Đen, nhưng không đủ quân để vượt sông Đen nhằm đẩy lùi quân Nga vào sâu trong bán đảo và bao vây đồn lũy phía Bắc. Cử 10 000 người đến Ép-pa-tô-ri không tạo cho quân Thổ Nhĩ Kỳ khả năng bắt đầu những hành động quân sự thuận lợi trong khi đó sự thiếu số quân đó sẽ đặt quân Pháp vào hoàn cảnh gay go vào đúng lúc bắt đầu chiến dịch dự kiến vào mùa xuân khi lực lượng tăng viện tới.

Hiện giờ tình hình cuộc vây hãm trên thực tế rất xấu. Kết quả của cuộc tấn công của lính du-a-vơ đêm ngày 24 tháng Hai còn thiếu não hơn là chúng tôi đưa tin một tuần lễ trước đây^{1*}. Qua báo cáo của Can-rô-béc có thể thấy rằng bản thân ông ta cũng không hiểu ông ta làm điều gì khi ra lệnh tấn công. Ông ta viết:

“Vi mục đích của cuộc tấn công đã đạt được, quân lính của ta đã rút lui vì không ai nghĩ đến chuyện cũng có ở một địa điểm hoàn toàn bị hỏa lực địch khống chế”.

Nhưng đã đạt được mục đích gì? Nếu không giữ được địa điểm ấy thì tại sao mở cuộc tấn công? Hoàn toàn không cần thiết, lô-cốt vuông không bị phá hủy, mà cũng không thể bị phá hủy dưới hỏa lực địch, thậm chí cả khi lính du-a-vơ đã hoàn toàn chiếm được trong một thời gian, như bản báo cáo thứ nhất khẳng định, nhưng lính du-a-vơ không làm được điều đó. Quân Nga kiên quyết bác bỏ sự việc ấy trong các báo cáo của họ, còn Can-rô-béc thậm chí không

^{1*} Xem tập này, tr. 198 - 200

dám đưa ra cái gì như thế. Như thế thì vì sao đã mở cuộc tấn công ấy? Vấn đề là ở chỗ: Can-rô-béc thấy quân Nga đang củng cố trận địa đặt phía quân bao vây vào tình hình hết sức khó khăn và không kém phần mất thể diện, nên đã không chịu suy nghĩ và cân nhắc kết cục có thể có của cuộc tấn công này và đã tung quân vào cuộc tấn công. Đây là một cuộc tàn sát thực sự hoàn toàn vô nghĩa, nó để lại một vết nhơ nhục nhã cho danh tiếng quân sự của Can-rô-béc. Lời biện bạch duy nhất có thể là giả thuyết cho rằng quân Pháp khao khát bắt đầu cường tập và viên tướng này quyết định cho họ khả năng có được một khái niệm nào đó về cuộc cường tập ấy như thế nào. Nhưng lời biện bạch ấy cũng làm cho Can-rô-béc mất uy tín như bản thân cuộc tấn công.

Do kết quả trận đánh ở gần đồi Ma-la-khốp, quân Nga đã xác lập được ưu thế của mình tại khu vực ở ngay trước các công sự phòng ngự của mình. Công sự nằm trên đỉnh của cao điểm và chịu đựng được cuộc tấn công không kết quả của lính du-a-vơ, được quân Nga gọi là đồn Xê-len-ghin để kỷ niệm trung đoàn phòng ngự nó. Được kết quả của trận đánh cổ vũ, quân Nga lập tức thi hành những biện pháp củng cố thắng lợi của mình. Đồn Xê-len-ghin giờ đây được mở rộng và củng cố, trên có đặt pháo tuy rằng phải vận chuyển dưới hỏa lực mãnh liệt của bên vây hãm, và phía trước nó có đào hào chống tiếp cận có lẽ nhằm mục đích xây dựng trước lô-cốt vuông này một hoặc hai công sự nhỏ. Ở một nơi khác, trước pháo đài Coóc-ni-lốp cũng xây dựng một loạt lô-cốt vuông mới ở phía trước các công sự cũ của quân Nga 300 i-ác-đơ. Nếu tin vào những báo cáo trước đây của Anh thì những hoạt động như thế xem ra không thể tiến hành được: vì chúng tôi luôn luôn được người ta bảo rằng từ lâu liên quân đã đưa chiến hào của mình tới một cự ly gần phòng tuyến quân Nga hơn. Nhưng dựa vào nguồn tin quân sự có thẩm quyền, chúng tôi đã xác định được rằng khoảng một tháng trước đây, phòng tuyến quân Pháp vẫn còn cách công sự ngoại vi của quân Nga 400 i-ác-đơ, còn phòng tuyến quân Anh còn cách xa gấp đôi. Hiện nay trong bản tin ngày 16 tháng

Ba, phóng viên tờ “Times” rút cục đã thừa nhận rằng cho tới gần đây nhất, các chiến hào của quân Anh còn cách chiến hào của quân Nga 600 - 800 i-ác-đơ và *những pháo đài sẵn sàng bắn vào địch thực ra vẫn là những pháo đài đã bắn ngày 17 tháng Mười năm ngoái!* Đây, thắng lợi của cuộc vây đánh lớn như vậy, các chiến hào được đưa lên phía trước xa như vậy, khiến đã phải trả bằng cái giá là sinh mệnh của hai phần ba quân đội Anh!

Trong tình hình đó hoàn toàn có đủ chỗ cho quân Nga xây dựng công sự mới ở khoảng giữa hai tuyến pháo đài, tuy nhiên, việc xây dựng những công sự ấy là một biện pháp dững cảm và tài nghệ chưa từng có mà quân đồn trú bị bao vây chưa từng bao giờ tiến hành. Điều đó, về thực chất, có nghĩa là đặt một hào song song mới chống lại liên quân cách công sự của họ 300 - 400 i-ác-đơ, đây là cấu trúc hào chống tiếp cận lớn nhất chống lại bên bao vây, do đó họ phải lập tức chuyển sang phòng ngự trong khi điều kiện đầu tiên và cơ bản của bất cứ cuộc vây hãm nào cũng đều phải là: bên bao vây phải giữ được bên bị vây ở thể phòng ngự. Như thế là vai trò đã hoàn toàn thay đổi, và quân Nga đã giành được ưu thế lớn.

Dù các kỹ sư Nga mắc sai lầm nghiêm trọng như thế nào, dù ở Xi-li-xtơ-ri, dưới quyền chỉ huy của Sin-đéc, họ đã tiến hành những cuộc thí nghiệm lạ lùng như thế nào, thì ở đây, ở Xê-va-xtô-pôn, xem ra liên quân đã gặp phải một loại người khác. Bản lĩnh xác định phương hướng nhanh chóng và chính xác, tính linh hoạt, lòng dững cảm và tính chuẩn xác trong việc thực hiện ý đồ đã định mà các kỹ sư Nga thể hiện trong việc xây dựng phòng tuyến xung quanh Xê-va-xtô-pôn, sự chú ý thường xuyên đến việc bảo vệ những điểm phòng ngự yếu ngay sau khi bị địch phát hiện, việc tổ chức xuất sắc hệ thống hỏa lực tạo khả năng tập trung, ở bất cứ đoạn nào của mặt trận, một hỏa lực mạnh hơn của địch, việc cấu trúc tuyến công sự thứ hai, thứ ba và thứ tư sau tuyến thứ nhất, - tóm lại toàn bộ việc tổ chức cuộc phòng ngự ấy đã được tiến hành một cách mẫu mực. Việc cấu trúc trong thời gian gần đây trên đồi Ma-la-khốp và ở phía trước pháo đài Coóc-ni-lốp

những công sự nhô ra phía trước là việc làm có một không hai trong lịch sử vây đánh và chứng tỏ những người tổ chức nó là những chuyên viên loại nhất trong lĩnh vực này. Sự công bằng đòi hỏi phải nói thêm rằng tư lệnh bộ đội công trình ở Xê-va-xtô-pôn là đại tá Tốt-tơ-le-ben, một nhân vật ít tên tuổi trong quân đội Nga. Nhưng không nên xem công cuộc phòng ngự Xê-va-xtô-pôn như là một kiểu mẫu điển hình của nghệ thuật trúc thành ở Nga. Xin hãy có quan điểm sát thực tế hơn, đây là một cái gì đó đứng giữa Xi-li-xtơ-ri và Xê-va-xtô-pôn.

Ở Crum, cũng như ở Anh và Pháp, người ta bắt đầu hiểu, tuy rất chậm, rằng không có hy vọng gì chiếm Xê-va-xtô-pôn bằng cường tập. Rơi vào tình cảnh khó khăn, tờ “Times” đã đi hỏi “nhân vật quân sự có uy tín lớn” và nhận ra rằng cần phải chuyển sang tấn công, muốn thế thì hoặc phải vượt sông Đen và hội quân với quân đội Thổ Nhĩ Kỳ của Ô-me-rơ-pa-sa - dù là trước hay sau trận đánh với cánh quân quan sát của quân Nga, - hoặc tiến hành một cuộc nghi binh vào Ca-pha để buộc quân Nga phân tán lực lượng. Vì như người ta suy đoán, liên quân hiện nay có 110 000 - 120 000 người nên những hoạt động này tất phải vừa sức liên quân. Nhưng thực ra Can-rô-béc và Ra-glan biết rõ hơn bất cứ ai rằng vượt sông Đen và hội quân với đạo quân của Ô-me-rơ-pa-sa là cần thiết như thế nào; nhưng, như chúng tôi đã nhiều lần chứng minh^{1*} tiếc thay liên quân trên các cao điểm gần Xê-va-xtô-pôn hiện nay và trước kia chưa bao giờ có tới 110 000 - 120 000 người. Tính đến ngày 1 tháng Ba, họ có ở đây không quá 90 000 có thể làm nhiệm vụ. Còn cuộc viễn chinh ở Ca-pha thì quân Nga không mong gì hơn là được thấy liên quân bị phân tán ở ba địa điểm khác nhau cách địa điểm trung tâm 60 - 150 dặm, trong khi ở cả hai địa điểm hiện liên quân không chế họ đều không đủ lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra trước họ! “Nhân vật quân sự có uy tín lớn” rõ ràng là đã chế nhạo tờ “Times” khi trịnh trọng

^{1*} Xem tập này tr. 103 - 105.

khuyên tờ báo này đưa ra ý kiến lặp lại cuộc viễn chinh ở Ép-pa-tô-ri!

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 30 tháng Ba 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” số 4366, ngày 17 tháng Tư 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

VỀ TÌNH HÌNH Ở CRUM

Luân Đôn, ngày 30 tháng Ba. Tính chất của tin tức về tiến trình đàm phán hòa bình thay đổi hàng ngày. Hôm nay thì hòa bình là điều không nghi ngờ gì nữa, ngày mai chiến tranh lại là điều không nghi ngờ gì nữa. Trong tờ “Post”^{1*}, Pan-móc-xton đe dọa bằng đại bác và grom - một bằng chứng nói lên rằng ông ta sẵn sàng ký hòa ước bất cứ lúc nào. Na-pô-lê-ông ra lệnh cho báo chí của mình ca tụng cây hòa bình - một bằng chứng xác thực nhất nói lên rằng ông ta định tiếp tục chiến tranh. Tiến trình các sự kiện ở Crum không hề cho phép nói rằng Xê-va-xtô-pôn sắp thất thủ. Ở Ép-pa-tô-ri, Ô-me-rơ-pa-sa trên thực tế đã bị phong tỏa từ phía đất liền. Ưu thế về số lượng kỵ binh cho phép quân Nga đưa các toán tiên tiêu và các trạm kỵ binh của mình hầu như lên sát thành phố, tuần tiễu ở ngoại thành, chặn đường tiếp tế của địch và trong trường hợp có cuộc xuất kích quan trọng thì rút về chỗ bộ binh đóng ở phía sau họ. Như thế là, như chúng tôi đã dự kiến^{2*} với một số lượng quân bằng một phần tư hoặc một phần ba quân Thổ Nhĩ Kỳ, quân Nga đã kiểm chế được lực lượng ưu thế của quân Thổ Nhĩ Kỳ. Cuộc xuất kích do kỵ binh Thổ Nhĩ Kỳ tiến hành dưới quyền chỉ huy của I-xcan-đơ-bếch (người Ba Lan tên là I-lin-xki, nổi tiếng ở gần Ca-la-phát) đã bị đẩy lùi bởi ba đội quân Nga từ ba địa điểm khác nhau, đồng thời tấn công

^{1*} “Morning Post”

^{2*} Xem tập này, tr.160 – 163.

quân Thổ Nhĩ Kỳ. Giống như bất cứ đội kỵ binh nào huấn luyện kém và thiếu kiên quyết, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã không tuốt kiếm xông vào quân Nga mà dừng lại ở cự ly khá xa và nổ súng. Bằng chứng hiển nhiên này về thái độ thiếu kiên quyết của quân Thổ Nhĩ Kỳ đã thúc đẩy quân Nga chuyển sang tấn công. Với một đại đội kỵ binh, I-xcan-đơ-bếch định tấn công địch, nhưng bị tất cả bỏ rơi, trừ toán quân ba-si-bu-dúc, đã buộc phải rút lui, xuyên qua hàng ngũ quân Nga. Ô-me-rơ-pa-sa chờ đợi số kỵ binh tăng viện, đồng thời đến doanh trại Anh - Pháp báo với liên quân rằng hiện nay ông ta không thể tiến hành một hành động gì và thiết tha mong muốn quân Pháp cử một lực lượng tăng viện khoảng 10 000 người. Không nghi ngờ gì nữa, quân tăng viện là điều mong muốn, nhưng bản thân Can-rô-béc cũng cần đến quân tăng viện không kém, ông ta đã phát hiện rằng ông ta có quá nhiều, đồng thời lại có quá ít quân. Quá nhiều để bao vây Xê-va-xtô-pôn theo phương pháp cũ và để phòng ngự sông Đen, quá ít để vượt sông Đen, đẩy quân Nga vào sâu trong bán đảo và phong tỏa phía Bắc. Cử 10 000 người đến Ép-pa-tô-ri không tạo cho quân Thổ Nhĩ Kỳ khả năng bắt đầu những hoạt động quân sự thuận lợi, đồng thời quân đội Pháp sẽ bị suy yếu đối với những hoạt động tác chiến trên địa hình trống trải. Cuộc *vây đánh* Xê-va-xtô-pôn ngày càng đặt bên bao vây vào tình thế ngày càng hiểm nghèo.

Chúng ta thấy rằng ngày 24 tháng Hai, quân Nga đã giữ vững được đồn trên núi Xa-pun (gần đồi Ma-la-khốp)¹²¹. Đồn này hiện nay đã được mở rộng và củng cố, trên có đặt pháo và phía trước có hào chống tiếp cận. Ở một chỗ khác, phía trước pháo đài Coóc-ni-lốp cũng đã xây dựng một loạt lô-cốt vuông mới, ở khoảng cách 300 i-ác-đơ, trước mặt các công sự cũ của quân Nga. Đối với bạn đọc của tờ “Times” điều đó khó tin được, vì theo tin tức của báo này thì từ lâu liên quân đã đưa chiến hào của mình lên một cự ly gần phòng tuyến quân Nga hơn. Hiện nay, phóng viên của tờ “Times” rút cục, đã thừa nhận, chẳng hạn trong bản tin ngày 16 tháng Ba, rằng cho tới gần đây nhất, chiến hào của quân Anh còn ở cự ly 600 - 800 i-ác-đơ, rằng *những pháo đài sẵn sàng bắn vào địch thực ra vẫn là những pháo đài đã bắn ngày 17 tháng Mười năm ngoái*. Đây, thắng lợi của cuộc vây đánh lớn như vậy,

chiến hào đưa lên phía trước xa như vậy, khiến đã phải trả bằng cái giá là sinh mệnh và sức khỏe của hai phần ba quân đội Anh! Trong tình hình đó hoàn toàn có đủ chỗ cho quân Nga xây dựng công sự mới ở khoảng giữa hai tuyến pháo đài. Việc xây dựng những công sự đó phải được xem như là việc xây dựng lên một hào song song mới chống lại bên vây đánh cách công sự của họ 300 - 400 i-ác-đơ, đó là hào chống tiếp cận lớn nhất chống lại quân bao vây. Vì vậy, phía quân bao vây, buộc phải chuyển sang phòng ngự, trong khi đó thì điều kiện đầu tiên và cơ bản của bất cứ cuộc vây hãm nào cũng đều phải là: bên bao vây phải giữ bên bị vây ở thế phòng ngự.

Ở doanh trại gần Xê-va-xtô-pôn cũng như ở chính nước Anh, người ta bắt đầu hiểu rằng không có hy vọng gì chiếm Xê-va-xtô-pôn bằng cường tập. Rơi vào tình cảnh khó khăn, tờ "Times" đi hỏi "nhân vật quân sự có uy tín lớn" và nhận thấy rằng cần phải chuyển sang tấn công, muốn thế hoặc phải vượt sông Đen và hội quân với quân đội Thổ Nhĩ Kỳ của Ô-me-rơ-pa-sa - dù là trước hay sau trận đánh với toán quân quan sát của quân Nga - hoặc tiến hành một cuộc nghi binh nhằm vào Ca-pha để buộc quân Nga phân tán lực lượng. Vì liên quân hiện nay có 110 000 - 120 000 người, những hoạt động như thế tất phải vừa sức họ. Tờ "Times" nghĩ như thế.

Ra-glan và Can-rô-béc hiểu rõ hơn ai hết rằng hiện nay hội quân với quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa là cần thiết như thế nào, nhưng tiếc thay, trên các cao điểm gần Xê-va-xtô-pôn, cho tới nay liên quân không có số quân 110 000 - 120 000 người; ở đây họ có nhiều nhất là 80 000 - 90 000 binh sĩ có thể làm nhiệm vụ. Còn nói về cuộc viễn chinh ở Ca-pha thì quân Nga không thể mong muốn gì tốt hơn thế. Phân tán liên quân ra ba địa điểm khác nhau cách địa điểm trung tâm 60 - 150 dặm trong khi ở cả hai địa điểm mà liên quân không chế được thì họ đều không đủ lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra trước họ! Phải chăng tờ "Times" đã mượn lời khuyên của mình ở các chuyên gia quân sự "Nga"?

Vì các sư đoàn 11 và 12 của quân Pháp, ít ra là một bộ phận của chúng, hiện đã lên đường, còn bộ phận còn lại cùng với sư

đoàn 13, 14 và hai sư đoàn quân Pi-ê-mông chuẩn bị đi tiếp sau họ, nên đến cuối tháng Ba, quân đội của các nước đồng minh sẽ đạt tới số lượng làm cho nó có thể và buộc phải tiến lên phía trước trận địa phòng ngự của nó trên sông Đen. Quân lính sẽ tập trung ở Công-xtăng-ti-nô-pơ và nói đúng hơn, sẽ được đưa xuống tàu cùng một lúc để có thể chỉ dừng lại một thời gian ngắn nhất ở Khéc-xô-nét bất hạnh. Biện pháp ấy làm cho công việc chậm trễ ít nhiều, nhưng đem lại lợi ích lớn. Số quân tăng viện gửi sang Crum cho tới nay vẫn dần dần, bằng những đơn vị nhỏ, tuy tổng hợp lại thành cả một đạo quân, nhưng chưa bao giờ tăng cường được cho đội quân viễn chinh đến mức tạo cho nó khả năng chuyển sang tấn công.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 30 tháng Ba 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 155, ngày 2 tháng Tư 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CHUYỆN TAI TIẾNG VỀ HỘI ĐỒNG LẬP PHÁP Ở PHÁP. - ẢNH HƯỞNG CỦA ĐRUÊN ĐƠ LUY-XƠ. - TÌNH HÌNH CỦA ĐỘI DÂN BINH

Luân Đôn, ngày 3 tháng Tư. Người ta viết tin cho chúng tôi từ Pa-ri:

“Trong Hội đồng lập pháp của Bô-na-pác-tơ đã xảy ra một *màn kịch* mà tin tức chưa truyền đến báo chí Anh. Khi đang thảo luận về luật thay thế¹²², sau lời phát biểu của *Mông-ta-lăm-be*, *Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc* đã đứng phắt lên và trong cơn tức giận đã tiết lộ bí mật. Một khi đạo luật này có hiệu lực - ông ta nói - quân đội sẽ trở thành đúng như nó phải trở thành như thế, trung thành với trật tự và hoàng đế và chúng ta sẽ không còn phải trông thấy cảnh tượng nhục nhã - binh sĩ quay lưng lê lết xuống (soldats à baionnettes renversées). Đoạn cuối của lời phát biểu công khai ca tụng chế độ vệ binh của Thổ Nhĩ Kỳ như là lý tưởng đối với quân đội Pháp, đã gây ra những lời phản nân âm ỉ ngay cả ở nghị viện này và *Gra-ni-ê* buộc phải ngồi xuống. Bấy giờ một đại biểu khác của Hội đồng lập pháp đã phát biểu và công kích kịch liệt *Gra-ni-ê*. Chuyện tai tiếng đã xảy ra đến nỗi ngay *Moóc-ni* cũng buộc phải yêu cầu *Cát-xa-nhắc* giải thích. (Như mọi người đều biết, *Ghi-đô* đã gọi *Cát-xa-nhắc* là le roi des drôles^{1*} ngay từ khi ông ta còn làm chủ biên tờ báo nhạt nhẽo của mình “Globe”.) “*Gra-ni-ê* đã *chính thức xin lỗi* một cách đặc biệt hèn nhát và đề nghị từ “Moniteur” lờ tịt sự việc này đi. Hội nghị cũng ổn ào như những ngày hoàng kim của hạ nghị viện thời *Lu-i Phi-líp*”.

^{1*} - Vua của bọn hề

Tờ “Morning Chronicle” viết trong số báo ra hôm nay:

“Công chúng Anh đi đến kết luận rằng ông *Đruên Đơ Luy-xơ* đến Viên thì thâm nhô to và xúi bẩy để tác động đến huân tước *Giôn Rót-xen*, người mà hành vi cho tới nay không làm hài lòng cả đồng bào của ông ta lẫn đồng minh của chúng ta. Vị huân tước cao quý ấy đã nổi tiếng nhờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa tự do khi lên khi xuống của ông ta, nhờ tính tích cực đặc biệt trong hoạt động xã hội khi ông ta ở phe đối lập hoặc vì cần kiếm vốn chính trị cho mình, và sự hoàn toàn nằm im, một khi sự quan tâm trực tiếp biến mất. Xem chừng một cái gì giống thế cũng đang xảy ra với ông ta lần này và nhân dân đã bắt đầu than phiền... Sau khi *Đruên Đơ Luy-xơ* đến *Luân Đôn*, trong các giới chóp bu đã xuất hiện giọng điệu cương quyết hơn. Thậm chí có người nói rằng sứ mệnh của ông ta thành công đến mức ý đồ hòa bình của huân tước *Giôn Rót-xen* vấp phải sự phản đối của chính phủ, và *con người của hành động của chúng ta*” (*Pan-móc-xton*) “dù muốn hay không cũng phải đồng ý đưa ra tối hậu thư mà xem ra Nga sẽ cự tuyệt với thái độ khinh miệt”.

Quân đội Anh đã biến mất, đội dân binh Anh cũng đã biến dần. Dân binh thành lập theo pháp lệnh của nghị viện năm 1852 - thời kỳ huân tước *Đóc-bi* cầm quyền, - theo luật pháp, thời bình phải phục vụ mỗi năm không quá 28 ngày. Nhưng trong trường hợp kẻ thù xâm lược hoặc do những tình hình khẩn cấp nào khác, dân binh có thể bị gọi ra phục vụ lâu dài. Trái lại, theo pháp lệnh của nghị viện năm 1854 thì tất cả những người được tuyển sau ngày 12 tháng Năm 1854 phải phục vụ cho đến hết chiến tranh. Thế là nảy ra vấn đề nghĩa vụ của những người bị gọi nhập ngũ theo pháp lệnh năm 1852 như thế nào. Các cố vấn luật pháp của nữ hoàng tuyên bố rằng họ coi nghĩa vụ của loại quân này là phục vụ thường xuyên trong suốt thời gian chiến tranh. Trái với kết luận đó của các luật gia, huân tước *Pan-muy-rơ* mấy tuần trước đây đã ra mệnh lệnh, căn cứ vào đó thì tất cả những người bị gọi nhập ngũ trước khi có pháp lệnh năm 1854 có thể được giải ngũ, nhưng nếu tự nguyện phục vụ thêm 5 năm thì sẽ được một khoản thù lao là một p.xt.. Vì mức thù lao cho tân binh phục vụ trong quân chính qui hai năm hiện nay trong bộ binh là 7 p.xt., còn trong kỵ binh là 10 p.xt., cho nên khoản thù lao với mức 1 p.xt. cho 5 năm phục vụ trong đội dân binh là biện pháp chắc chắn nhất để giải tán đội dân binh. Huân tước *Pan-móc-xton*, người đã dây

đưa gần một năm trời trong việc gọi dân binh nhập ngũ, xem ra muốn giải thoát khỏi nó hẳn có thời cơ thuận lợi. Do đó, chúng tôi được biết rằng hai tuần lễ nay, các trung đoàn dân binh theo nhau mất quân số từ $\frac{2}{3}$ đến $\frac{5}{8}$. Như ở tỉnh Xô-móc-xét, trong trung đoàn dân binh thứ nhất, trong số 500 người có 414 đã xuất ngũ, trong dân binh ở Bắc Đức-hê-m, trong 800 người đã xuất ngũ 770, trong dân binh ở Le-xơ, trong số 460 người đã xuất ngũ 340, trong trung đoàn pháo tỉnh Xúp-phôn, trong số 130 người đã xuất ngũ 90 v.v..

Do C.Mác viết ngày 3 tháng Tư 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 163 ngày 7 tháng Tư 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

TRIỂN VỌNG TRƯỚC MẮT Ở PHÁP VÀ Ở ANH

Luân Đôn, thứ ba, ngày 10 tháng Tư 1855

Cho phép tôi lại tiếp tục các bản tin của mình trên tờ "tribune" sau một thời gian dài gián đoạn.

Hôm qua và hôm nay có lẽ là hai ngày đầu tiên có ý nghĩa quyết định của Hội nghị Viên, vì phiên họp ngày 9 tháng Tư phải khai mạc với sự tham dự của ông Đruên Đơ Luy-xơ, ngoài ra có thể trông chờ rằng trước thời gian đó, đại sứ Nga sẽ nhận được chỉ thị về điểm thứ ba và thứ tư. Chuyến đi của ông Đruên Đơ Luy-xơ ngay từ đầu đã được quảng cáo ở tất cả các sở giao dịch như là triệu chứng chắc chắn của hòa bình. Người ta quả quyết rằng nhà ngoại giao xuất sắc như vậy đương nhiên không đích thân tham gia vào những cuộc đàm phán ấy, nếu như không tin chắc vào sự thành công của nó. Còn nói về những "phẩm chất xuất sắc" của nhà ngoại giao ấy thì chúng là những đặc tính mang tính chất hoàn toàn huyền thoại và chủ yếu tồn tại trong những bài báo do ông ta trả tiền, trong đó ông ta được tâng bốc thành nhân vật Tả-lây-răng thứ hai, tuồng như thể trong bước đường công danh nhiều năm của ông ta dưới thời Lu-i Phi-líp, ông ta chưa từng được gán cho danh hiệu về sự tầm thường "xuất sắc". Nguyên nhân chính của chuyến đi này của ông ta như sau: huân tước Giôn Rốt-xen, nhờ không biết tiếng Pháp như ai nấy đều rõ, trong mấy tuần lễ đã khéo tìm cách ràng buộc các đồng

minh của mình bằng những nhượng bộ mà ông ta chưa bao giờ có ý định thực hiện và hiện nay cần có nhiều công sức để thu lại những nhượng bộ ấy. Tiếng Pháp của huân tước Giôn là loại ngôn ngữ của ông Giôn Bun điển hình, ngôn ngữ mà các “quan lớn” trong “Phra Đi-a-vô-lo”¹²³ và các vở kịch khác lưu hành trước kia ở Pháp đã sử dụng; ông ta bắt đầu bằng từ “monsieur l’aubergiste”^{1*} và kết thúc bằng từ “très bien”^{2*}. Nếu ông ta chỉ hiểu được một nửa điều mà người ta nói với ông ta thì niềm an ủi đối với ông ta là nhận thức rằng người khác còn hiểu ít hơn nữa điều mà ông ta nói. Chính xuất phát từ những suy tính đó mà huân tước Pan-móc-xton, người bạn và người cạnh tranh của ông ta, đã cử ông ta đi Viên, cho rằng đôi ba sai lầm nghiêm trọng trong môi trường hoạt động này, sẽ đủ để hoàn toàn làm hại ông Giôn bé bỏng đáng thương. Sự việc quả đã diễn ra như thế. Trong phần lớn trường hợp, Rót-xen không hiểu vấn đề đang bàn đến là vấn đề gì và đối với mỗi câu nói xen gay gắt và bất ngờ của Goóc-tra-cốp hoặc Bu-ôn, nhà ngoại giao mới vào nghề gặp vận đen này đều luôn luôn trả lời bằng câu nói luống cuống “très bien”. Điều đó khiến cho Nga và, trên chừng mực nào đó khiến cho Áo có thể khẳng định rằng một số điều khoản, do có liên quan đến Anh, đã được thỏa thuận, tuy huân tước Giôn đáng thương chưa hề nghĩ đến nhượng bộ như thế. Dĩ nhiên, Pan-móc-xton không phản đối điều đó một khi tất cả tội lỗi trút lên đầu người đồng sự bất hạnh của mình. Nhưng Lu-i Bô-na-pác-tơ không thể cho phép người ta dùng thủ đoạn lừa bịp buộc ông ta ký kết hòa ước. Muốn chấm dứt cái thứ ngoại giao như thế, Chính phủ Pháp quyết định đưa ngay sự việc đến kết cục. Nó thảo ra tối hậu thư mà Đruên Đơ Luy-xơ mang sang Luân Đôn, nơi đây ông ta đã bảo đảm có được sự đồng ý của Chính phủ Anh, rồi mang văn kiện ấy đến Viên. Như thế Đruên Đơ Luy-xơ hiện nay có thể được coi như đại biểu chung của Anh và Pháp, và, không nghi ngờ gì nữa, ông ta có thể lợi dụng một cách tốt nhất địa vị ấy vì lợi ích của chủ mình. Vì điều quan tâm duy nhất và tuyệt đối của Lu-i

^{1*} - “ông chủ quán”

^{2*} - “tốt lắm”

Bô-na-pác-tơ là *không* ký kết hòa ước trước khi ông ta giành được vinh quang và ưu thế mới cho nước Pháp, trước khi cuộc chiến tranh được hoàn toàn biện minh trong ý nghĩa của nó là “moyen de gouvernement”^{1*}, nên rõ ràng là sứ mệnh của Đruên Đơ Luy-xơ tuyệt nhiên không phải là hòa bình; trái lại, mục đích của nó, không nghi ngờ gì nữa, là bảo đảm tiếp tục chiến tranh dưới những lý do hết sức đẹp đẽ.

Trong các giới tư sản Anh và Pháp, cuộc chiến tranh dứt khoát không được hoan nghênh. Trong giai cấp tư sản Pháp, cuộc chiến tranh này ngay từ đầu đã không được hoan nghênh vì từ ngày 2 tháng Chạp, giai cấp này hoàn toàn đối lập với chính phủ “cứu tinh xã hội”. Ở Anh, giai cấp tư sản có sự bất đồng. Đại bộ phận giai cấp này chuyển sự thù hận dân tộc đối với người Pháp sang phía người Nga. Tuy bản thân Giôn Bun đã đôi khi tự cho phép tiến hành một vài sự thôn tính nào đó ở Ấn Độ, nhưng ông ta không muốn cho phép các nước khác làm chính việc ấy ở những nơi khác sát nách chính nước Anh hoặc lãnh địa của nó. Về mặt này, Nga là nước từ lâu đã gây cho nó sự lo lắng. Vì mâu dịch của Anh với Cận Đông và với nội địa châu Á qua Tơ-ra-pê-dun phát triển trên qui mô lớn nên vấn đề tự do đi lại của tàu thuyền qua vùng Đác-đa-nen đã mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Anh. Anh không thể cho phép Nga thôn tính dần các nước ven sông Đa-nyúp mà vai trò vựa lúa mì của chúng ngày một tăng lên; nó không thể để cho Nga phong tỏa việc đi lại trên sông Đa-nyúp. Lúa mì của Nga hiện là một khoản quá ư quan trọng trong tiêu dùng của Anh, sự sáp nhập vào Nga những nước sản xuất lương thực tiếp giáp với Nga sẽ đặt Anh vào vị trí hoàn toàn phụ thuộc vào Nga và Hợp chúng quốc Bắc Mỹ và biến hai nước này thành những nước điều tiết thị trường lương thực thế giới. Ngoài ra ở Anh thường xuyên lưu truyền những tin đồn không xác định được và gây ra nỗi lo lắng về sự bành trướng của người Nga ở Trung Á; công chúng Anh kém hiểu biết về địa lý dễ tin vào những lời đồn đại ấy do các chính khách quan tâm đến công việc làm ăn ở Ấn Độ và những kẻ giàu trí tưởng tượng quá hoang

^{1*} - “thủ đoạn cai trị”

hốt ra sức gieo rắc. Vì vậy, khi Nga bắt đầu xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ thì niềm thù hận dân tộc lập tức bộc lộ rõ ràng; có lẽ không có cuộc chiến tranh nào được hoan nghênh như cuộc chiến tranh này. Phe chủ hòa buộc phải tạm thời nín lặng; thậm chí một bộ phận rất lớn thành viên của phe này đã bị lôi cuốn vào dòng lũ lớn hơn. Nhưng ai đã hiểu tính cách người Anh thì sẽ không nghi ngờ gì rằng nhiệt tình hiếu chiến ấy không thể kéo dài, ít ra là có thể nói về giai cấp tư sản. Nhưng một khi chiến tranh đánh vào túi tiền của giai cấp tư sản thì bản tính con buôn của họ trội hơn lòng tự hào dân tộc của họ và sự lo sợ trước tổn thất tức khắc của lợi ích cá nhân tỏ ra mạnh hơn sự lo sợ trước sự tổn thất dần dần và không tránh khỏi về những ưu thế lớn lao đối với toàn dân tộc. Phái Pin - những kẻ phản đối chiến tranh, do thái độ thực sự yêu chuộng hòa bình ít hơn là do tính hạn chế và tính nhút nhát của mình khiến họ bao giờ cũng lo lắng trước bất cứ cuộc khủng hoảng lớn và hành động kiên quyết nào - đã dùng mọi biện pháp để đẩy nhanh cái giờ phút vĩ đại khi mà mỗi nhà buôn và chủ xưởng Anh có thể tính toán chính xác đến từng phác-tinh xem cá nhân họ phải trả giá bao nhiêu per annum^{1*} cho chiến tranh. Ông Glát-xtôn coi thường tư tưởng thông thường về phát hành công trái, đã tăng ngay thuế thu nhập lên gấp đôi và tạm ngừng cải cách tài chính. Hậu quả biểu hiện không chậm trễ. Phe chủ hòa lại cất cao đầu lên. Với nghị lực và tính ngoan cường vốn có, Giôn Brai-tơ đã cả gan đứng lên chống lại tâm trạng đang bao trùm đất nước và rút cục đã làm cho các khu công nghiệp ngã về phía mình. Ở Luân Đôn, tâm trạng vẫn còn có lợi cho chiến tranh, nhưng sự tăng cường ảnh hưởng của phái chủ hòa đã trở thành rõ nét ngay cả ở đây. Tiện đây cần nhắc rằng Hội hòa bình trước đây chưa bao giờ có ảnh hưởng quan trọng đôi chút ở thủ đô. Tuy nhiên, công tác cổ động của họ được tăng cường ở khắp nước và chỉ cần qua một năm thu thuế thu nhập gấp đôi cùng với công trái - mà việc phát hành công trái hiện nay được xem là tất yếu - là đủ để xóa bỏ được những dấu vết cuối cùng của tinh thần hiếu chiến trong giai cấp công thương nghiệp.

^{1*} - mỗi năm, hằng năm

Tình hình quần chúng nhân dân ở hai nước lại khác hẳn. Từ năm 1789, nông dân ở Pháp là người sốt sắng ủng hộ mạnh nhất chiến tranh và vinh quang quân sự. Lần này, nông dân Pháp tin chắc rằng họ sẽ không cảm thấy mãnh liệt gánh nặng của chiến tranh vì ở một nước mà ruộng đất phân tán vô cùng tận giữa những người sở hữu nhỏ, thì quân địch không những giải thoát khu vực nông nghiệp khỏi sức lao động thừa mà hằng năm còn tạo thời cơ thuận lợi cho khoảng 20 000 thanh niên đi kiếm một khoản tiền khá lớn, cho họ khả năng đi phục vụ trong quân đội với tư cách người đi thay. Chỉ có chiến tranh kéo dài mới ảnh hưởng nặng nề đến nông dân. Còn nói về những loại thuế chiến tranh thì hoàng đế không muốn mạo hiểm với vương miện và sinh mệnh, sẽ không dám đánh vào nông dân. Thủ đoạn duy nhất để duy trì chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ trong nông dân, - đó là miễn các loại thuế chiến tranh cho họ, do đó mua chuộc thiện cảm của họ; vì vậy trong mấy năm tới, chắc là họ không bị hình thức áp bức ấy.

Ở Anh, tình hình đại thể cũng giống thế. Ở các khu vực nông nghiệp thường xuyên thừa sức lao động, họ cung cấp khối lượng binh sĩ chủ yếu mà chỉ đến giai đoạn sau này của chiến tranh mới được sự tiếp sức của quân số bổ sung, lấy trong các phần tử không an phận của thành thị. Vì khi chiến tranh mới bắt đầu, thương nghiệp còn ở vào tình trạng ít nhiều khâm khá và cách đây không lâu đã tiến hành một loạt cải tiến trong nông nghiệp, nên số lượng tân binh nông thôn lần này ít hơn trước kia, còn dân thành thị rõ ràng là chiếm ưu thế trong đội dân binh hiện nay. Nhưng số lượng người nhập ngũ không đông ấy cũng đủ để ảnh hưởng có lợi đến tiền công, còn cảm tình của dân cư nông thôn bao giờ cũng dành cho những binh sĩ xuất thân từ tầng lớp họ mà ra và sau đó trở thành anh hùng trước con mắt của họ. Thuế trực thu không đụng chạm đến những tá điền nhỏ và công nhân nông nghiệp, và cần có mấy năm chiến tranh để họ cảm thấy ảnh hưởng của sự tăng thuế gián thu. Trong số những người này, nhiệt tình hiếu chiến mãnh liệt hơn bao giờ hết; không có làng mạc nào lại không mở ra những quán bia mới với cái tên gọi “Anh hùng An-ma” hoặc một cái tên giọng giống thế, tại các làng đó hầu

như trên tường của mỗi ngôi nhà đều trang điểm bằng những tranh màu kỳ quái mô tả các trận An-ma, In-ke-rơ-man, các cuộc tấn công gần Ba-la-cla-va, bằng chân dung của huân tước Raglan và những người khác. Nhưng nếu như ở Pháp ưu thế to lớn của tiểu nông (chiếm bốn phần năm dân cư) và thái độ đặc thù của họ đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ đem lại sức nặng cho ý kiến của họ, thì ở Anh, dân cư nông thôn chỉ chiếm một phần ba dân số toàn quốc, hầu như không có ảnh hưởng gì và chỉ đóng vai điều đóm và phụ họa của giới quý tộc ruộng đất.

Ở cả hai nước, giai cấp vô sản giữ một lập trường đặc biệt hầu như giống nhau đối với chiến tranh. Người vô sản Anh cũng như Pháp dạt dào tình cảm dân tộc cao thượng, song họ đã ít nhiều thoát khỏi những định kiến dân tộc cũ kỹ vốn có ở nông dân hai nước. Họ ít quan tâm trực tiếp tới chiến tranh, nếu như không kể đến một điều là thắng lợi của đồng bào họ mơn trớn lòng tự hào dân tộc của họ, còn sự chỉ đạo chiến tranh một cách không suy tính và quá tự tin ở người Pháp, nhút nhát và vô tích sự ở người Anh đã tạo cho họ cơ hội thuận lợi để cổ động chống lại các chính phủ hiện tại và các giai cấp cầm quyền. Nhưng điều chủ yếu nhất đối với họ là: cuộc chiến tranh này kết hợp với cuộc khủng hoảng thương nghiệp, - hiện mới chỉ có những biểu hiện đầu tiên của nó - một cuộc chiến tranh được chỉ đạo bởi những người không có năng lực giải quyết những nhiệm vụ đặt ra trước họ, đồng thời nó mang qui mô châu Âu, tất nhiên sẽ gây ra những sự kiện đem lại cho giai cấp vô sản khả năng giành lại vị trí mà họ đã mất do trận chiến đấu tháng Sáu 1848 ở Pháp¹²⁴. Và điều đó không chỉ liên quan đến nước Pháp, mà còn liên quan đến toàn bộ Trung Âu, kể cả Anh.

Ở Pháp, không thể mảy may hoài nghi điều này, bất cứ cơn bão táp cách mạng mới nào sớm muộn đều sẽ đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền. Ở Anh, tình hình cũng nhanh chóng có sự biến đổi như thế. Giai cấp quý tộc muốn tiếp tục chiến tranh, nhưng không có năng lực làm việc đó, còn cuộc chiến tranh được tiến hành rất tồi vào hồi mùa đông năm ngoái đã làm nó mất sạch uy tín. Giai cấp tư sản không muốn tiếp tục chiến tranh, nhưng chiến tranh hiện nay không thể chấm dứt được; làm tất

cả mọi cái vì hòa bình, giai cấp tư sản qua hành động đó đã chứng tỏ ngay sự bất lực của nó không thể cai trị nước Anh. Nếu như các sự kiện gạt giai cấp thứ nhất, với các phe phái khác nhau của nó, ra khỏi chính quyền và không cho giai cấp thứ hai nắm chính quyền, thì chỉ còn có hai giai cấp có thể cầm quyền: giai cấp tiểu tư sản, giai cấp những người tư hữu nhỏ mà mỗi lần khi người ta kêu gọi nó chuyển từ lời nói sang hành động, đều bộc lộ sự thiếu nghị lực và quyết tâm, và giai cấp công nhân thường xuyên bị chê trách là có quá nhiều nghị lực và quyết tâm khi bắt đầu hành động với tư cách một giai cấp.

Giai cấp nào trong những giai cấp ấy sẽ giải thoát nước Anh khỏi cuộc vật lộn hiện nay và khỏi những khó khăn sắp sửa nảy sinh từ cuộc vật lộn ấy?

Do C.Mác viết ngày 10 tháng Tư 1855

*Đã đăng trên tờ "New - York Daily Tribune"
số 4375, ngày 25 tháng Tư 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

Ký tên: Các Mác

PH.ĂNG-GHEN

PHÊ PHÁN BÀI BÁO CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG TRÊN TỜ “MONITEUR”¹²⁵

Luân Đôn, ngày 14 tháng Tư. Công chúng, thậm chí ở Pháp, xem ra đã khám phá được những điều bí mật của cuộc vây hãm Xê-va-xtô-pôn. Vì vậy với tư cách biên tập en chef^{1*} của báo “Moniteur”, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã nổi cơn thịnh nộ bằng một bài xã luận dài dằng dặc về vấn đề này. Với bài báo ấy, ông ta hy vọng đạt được mấy mục đích: nói chung là an ủi công chúng về thất bại của hành động đã được thực hiện, đặc biệt là rũ trách nhiệm cho người kế thừa Na-pô-lê-ông I về sự thất bại đó và, nói riêng, để trả lời tập Hội ký Bruy-xen. Bài báo viết theo lối văn nửa thân mật, nửa quan cách, đặc trưng cho con người vừa viết cho nông dân Pháp vừa viết cho các nội các châu Âu, đó là một thứ lịch sử chiến tranh kèm theo những sự luận chứng bịa đặt cho mỗi biện pháp được thi hành. Văn kiện ấy hết sức phi chính trị, nó hết sức yếu ớt và thiếu sức thuyết phục. Nhưng nếu Bô-na-pác-tơ buộc phải phát biểu và tự bào chữa kiểu như vậy, thì pressure from without^{2*} rõ ràng là rất mạnh.

Sau lời nói đầu dài dòng đã công bố một phần các huấn lệnh mà Xanh-Ác-nô nhận được vào đầu chiến dịch, và đưa ra sự giải thích tại sao liên quân ban đầu đổ bộ ở *Ha-li-pô-li*. Đoạn này có

^{1*} - tổng [biên tập]

^{2*} - sức ép từ bên ngoài

nói rằng quân Nga có thể vượt sông Đa-nyúp ở Ru-súc, vòng qua tuyến Sum-la - Vác-na, vượt núi Ban-căng và tiến về Công-xtăng-ti-nô-plơ. Đây là lý do tồi nhất trong tất cả những lý lẽ có thể viện ra để biện hộ cho cuộc đổ bộ ở Ha-li-pô-li. Một là, Ru-súc là một *cứ điểm* chứ không phải là một thành phố bỏ ngõ, như người xuất bản cao cả của tờ “Moniteur” tưởng tượng. Điều đó làm chúng tôi nhớ lại sai lầm lịch sử mà báo “Moniteur” mắc phải trước đây không lâu trong bài tường niệm hoàng đế Ni-cô-lai, lẫn lộn Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn với Hiệp ước Quy-súc - Cai-nắc-gia¹²⁶. Còn về sự nguy hiểm của cuộc hành quân tạt sườn của quân Nga, thì cần nhớ rằng nếu không cử một lực lượng lớn kiểm chế đạo quân Thổ Nhĩ Kỳ gồm 60 000 người chốt ở giữa bốn cứ điểm mạnh thì quân Nga không thể đổ đạo quân ấy ở sau lưng mình mà không bị uy hiếp; cuộc hành quân tạt sườn ấy đã đặt quân Nga, ở khe núi Ban-căng, vào tình trạng giống như Đuy-pông ở Bai-len và Văng-đam ở Cun-mơ¹²⁷, và như thế trong trường hợp may nhất họ cũng chỉ có thể đưa đến A-đri-a-nô-pôn được 25 000 người. Còn những ai cho rằng đạo quân ấy là sự uy hiếp đối với Công-xtăng-ti-nô-plơ, thì có thể rút ra được một điều gì đó bổ ích cho họ trong cuốn sách của thiếu tá Môn-tơ-kê nói về cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 - 1829¹²⁸. Chúng ta hãy nghe tiếp. Nếu Công-xtăng-ti-nô-plơ không bị mối nguy nào đe dọa thì liên quân phải đưa mấy sư đoàn đến Vác-na để đập tan mọi ý đồ bao vây Xi-li-xtơ-ri. Sau đó sẽ có thể tiến hành hai hành động: hoặc đổ bộ ở Ô-đét-xa, hoặc đánh chiếm Crum. Các tướng lĩnh liên quân phải thảo luận tại chỗ vấn đề hai hành động ấy. Huấn lệnh kết thúc bằng mấy lời khuyên quân sự sáng suốt dưới hình thức huấn thị và châm ngôn ngắn:

“Bao giờ cũng phải nắm rõ những gì địch đang làm. Hãy tập trung binh lực, chớ có phân tán nó; nếu quý vị buộc phải phân tán binh lực thì hãy làm thế nào để trong vòng một ngày đêm lại có thể tập hợp được nó ở địa điểm qui định” v.v..

Tất cả những điều đó quả thực là những qui tắc hành động rất có giá trị, nhưng cũ rích, ai nấy đều rõ đến mức người ta lập tức rút ra kết luận là: nếu như Xanh-Ác-nô cần những huấn thị như thế thì, xem ra, trước con mắt của chủ, ông ta chỉ là một

kẻ ngu dốt hoàn toàn. Và bản huấn lệnh đột nhiên kết thúc một cách bất ngờ bằng câu nói sau đây:

“Nguyên soái, Ngài được sự tin nhiệm hoàn toàn của tôi! Hãy lên đường, tôi tin rằng dưới sự chỉ huy dày dặn kinh nghiệm của Ngài, con đại bàng Pháp sẽ giành được vinh quang mới”.

Còn về điều chủ yếu, cuộc viễn chinh Crum, thì Bô-na-pác-tơ thừa nhận rằng đây là kế hoạch ưa thích của ông ta, và sau đó ông ta đã gửi cho Xanh-Ác-nô cả một loạt chỉ thị mới về vấn đề này. Nhưng ông ta phủ nhận đã đích thân thảo ra mọi chi tiết của kế hoạch viễn chinh và gửi nó cho đại bản doanh. Theo ông ta nói thì các tướng lĩnh được dành khả năng lựa chọn việc đổ bộ ở Ô-đét-xa. Để chứng minh cho điều đó, người ta dẫn ra một chỗ trong các chỉ thị mới ấy, trong đó Bô-na-pác-tơ đề nghị đổ bộ ở Phê-ô-đo-xi-a (Ca-pha) vì thấy rằng nơi đây có chỗ đỗ tàu an toàn và rộng rãi cho hạm đội phải trở thành căn cứ tác chiến cố định cho quân đội. Về khái niệm căn cứ tác chiến thì ngay trong những chỉ thị đầu tiên, ông ta đã tìm cách giải thích một cách tỉ mỉ và dưới hình thức phổ cập nhất cho vị nguyên soái nổi tiếng. Từ địa điểm ấy - Ca-pha - quân đội phải tiến về Xim-phê-rơ-pôn, đẩy lùi quân Nga về Xê-va-xtô-pôn mà ở ngay trước công sự của thành phố này chắc chắn sẽ xảy ra trận đánh lớn và, sau hết, sẽ bao vây Xê-va-xtô-pôn. “Bất hạnh thay”, các tướng lĩnh liên quân không thi hành kế hoạch ông ta đề nghị. Song cái sự “không may” ấy lại càng trở thành điều may mắn vì nó cho phép Bô-na-pác-tơ trút bỏ hết trách nhiệm về sự việc không vui về ấy và đổ trách nhiệm lên đầu các viên tướng. Kế hoạch đổ bộ 60 000 quân ở thành phố Ca-pha để từ đó tiến về Xê-va-xtô-pôn, quả thực là độc đáo. Nếu dựa vào qui tắc chung thì lực lượng tấn công của đội quân đang ở trên lãnh thổ kẻ địch ít ra cũng giảm đi theo tỷ lệ thuận với khoảng cách của nó đối với căn cứ tác chiến của nó, thì thử hỏi: sau khi đi một chặng đường dài trên 120 dặm, liên quân đưa được bao nhiêu người đến Xê-va-xtô-pôn? Cần phải để lại ở Ca-pha bao nhiêu? Cần bao nhiêu người để giữ và củng cố các địa điểm trung gian? Cần bao nhiêu người để làm đội hộ tống vận tải và giải tỏa các vùng? Vị tất đã tập hợp được 20 000 binh sĩ dưới tường thành của cứ điểm mà riêng việc phong tỏa nó đã đòi hỏi một số

lượng binh sĩ gấp đôi. Nếu như có lúc nào đó Lu-i Bô-na-pác-tơ bỗng nhiên nghĩ đến phải đích thân ra chiến trường và tiến hành chiến tranh theo những nguyên tắc ấy thì nhân vật này và nhân vật kia cùng mang họ Bô-na-pác-tơ, không nghi ngờ gì nữa sẽ là sự tương phản hiển nhiên nhất trong lịch sử chiến tranh^{1*}. Còn nói về bến đỗ tàu an toàn ở Ca-pha thì mỗi thủy thủ trên biển Hắc Hải đều biết và bất cứ bản đồ nào cũng đều chỉ rõ rằng Ca-pha là nơi đỗ tàu trông trái chỉ ngăn được các cơn gió bắc và gió tây trong khi các cơn gió tây-nam và đông-nam đe dọa biến thành những cơn bão đáng sợ nhất trên Hắc Hải. Chẳng hạn, cơn bão ngày 14 tháng Mười một là như vậy. Nếu bây giờ hạm đội thả neo ở Ca-pha thì, không nghi ngờ gì nữa, nó đã bị thổi dạt lên bờ biển.

Tiếp đó là phần rắc rối nhất của bài báo. Bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ, như ông ta nghĩ, đã may mắn rũ sạch trách nhiệm mà tập Hội ký Bruy-xen gửi cho ông ta. Nhưng hy sinh Ra-glan và Can-rô-béc là điều bất tiện. Do đó, để chứng minh năng lực của các viên tướng ấy, ông ta đã trình bày tóm tắt nghệ thuật bao vây. Nhưng sự trình bày ấy, về thực chất, chỉ chứng minh rằng Xê-va-xtô-pôn là *không* thể chiếm được vì đoạn trình bày ấy nhấn mạnh một cách rõ ràng rằng mọi qui tắc thông thường đều không thích hợp với Xê-va-xtô-pôn.

“Chẳng hạn”, bài báo viết, “trong cuộc vây đánh thông thường - khi cuộc tấn công được thực hiện từ một hướng thì chiều dài của hào song song cuối cùng là khoảng 300 mét, còn toàn bộ chiều dài của chiến hào không vượt quá 4 000 mét. Ở đây, chiều dài của hào song song là 3 000 mét, còn toàn bộ chiều dài của chiến hào lên tới 41 000 mét”.

Đúng thế, nhưng chính ở đây lại nảy ra câu hỏi: *tại sao* tuyến tấn công lại quá ư kéo dài như thế trong khi mọi tình huống đều

^{1*} - Trong bài Ph. Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune”, câu này viết như sau: “Nếu như có lúc nào đó Lu-i Na-pô-lê-ông bỗng nhiên nghĩ đến việc đích thân ra chiến trường và tiến hành chiến tranh theo những nguyên tắc ấy thì ông ta sẽ lập tức quan tâm đến căn phòng của ông ta ở biệt thự Mi-vát ở Luân Đôn, vì ông ta không còn được thấy Pa-ri nữa”.

đòi hỏi hết sức tập trung hỏa lực vào một hoặc hai địa điểm? Câu trả lời là:

“Xê-va-xtô-pôn không giống các cứ điểm khác. Ở đây chỉ có một con hào không sâu; không có bờ trong bằng đá và những công sự phòng ngự này được thay thế bằng hàng rào lông nhím và các cọc rào. Vì vậy hỏa lực của chúng ta chỉ có tác dụng yếu ớt đối với tường chắn bằng đất”.

Vì điều đó không thể viết cho nguyên soái Xanh-Ăc-nô, là người có thể tin vào điều đó, nên rõ ràng là những điều này được viết riêng cho nông dân Pháp, bởi vì bất cứ một hạ sĩ quan nào của quân đội Pháp cũng đều sẽ bật cười trước câu nói tầm bậy ấy. Cọc rào, nếu không dựng ở đáy hào hoặc ít ra khuất mắt địch, thì sẽ nhanh chóng bị đạn rìa phá hủy. Hàng rào lông nhím có thể bị thiêu hủy. Chúng phải được đặt ở chân bờ dốc cách tường chắn khoảng 60 - 80 i-ác-đơ, nếu không chúng sẽ cản trở hỏa lực của pháo binh. Nhưng kiếm đâu ra gỗ cây để làm những hàng rào lông nhím đó - những cây gỗ lớn được gắn bó vào nhau một cách vững chắc và được đặt trên mặt đất sao cho những cành cây vạt nhọn chĩa về phía địch, - kiếm ở đâu ra gỗ cây ở vùng không có rừng này, về điểm này thì tờ “Moniteur” lờ tịt. Bảo rằng cọc rào là một tiến bộ so với bờ trong bằng đá, thì đó là một phát minh thực sự; cần biết rằng những công sự bằng gỗ ấy rất dễ thiêu hủy, do đó chúng không thể trở ngại cuộc cườn tập sau khi hỏa lực của pháo binh đã áp chế được địch.

Ở đoạn kết thúc, chúng ta được biết - đây là điều mà bài báo chúng ta đang phân tích có sứ mạng chứng minh - rằng các tướng lĩnh liên quân đã làm tất cả những gì có thể làm, đã làm nhiều hơn mức mà người ta có thể mong đợi ở họ trong những điều kiện ấy, và họ thậm chí đã giành được danh tiếng. Đó là danh tiếng xấu nếu như cần *chứng minh* danh tiếng ấy, hơn nữa lại bằng phương thức ấy! Nếu các ông tướng không thể bao vây Xê-va-xtô-pôn, nếu các ngài ấy không thể đẩy lùi đạo quân quan sát của Nga, nếu như cho tới nay các ngài ấy chưa vào được Xê-va-xtô-pôn, thì đó chỉ là vì các ngài ấy thiếu sức mạnh! - Sự thực chính là như vậy. Nhưng nếu như họ không đủ mạnh thì ai chịu trách nhiệm về *sai lầm lớn nhất ấy trong tất cả các sai*

làm? Không phải ai khác ngoài Bô-na-pác-tơ. Đây là kết luận tất yếu mà bài xã luận của tờ “Moniteur” dẫn tới. Bài ấy đã gây ra ấn tượng như thế nào ở Pa-ri, điều đó có thể thấy được qua đoạn trích dưới đây trong thư của phóng viên báo “Times” thông thường hết sức xu nịnh:

“Một số người coi bài báo ấy như là đoạn mào đầu cho sự rút lui hoàn toàn khỏi Crum. Trong các giới chính thống có thể nghe thấy những câu nói: người ta hứa với chúng ta một cuộc *chiến tranh à la Na-pô-lê-ông*; nhưng xem ra thì hiện nay chúng ta sẽ có được một nền *hòa bình à la Lu-i - Phi-líp*. Mặt khác, tâm trạng như thế cũng bao trùm trong dân cư công nhân ở ngoại ô Xanh-Ăng-toan. Ở đây họ cho rằng bài báo là sự thừa nhận công khai về tình trạng hoàn toàn bất lực”.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 14 tháng Tư 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 177, ngày 17 tháng Tư 1855 và đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4377, ngày 30 tháng Tư 1855

In theo bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung", có đối chiếu với bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

VỤ XUẤT KÍCH NGÀY 23 THÁNG BA¹²⁹

Luân Đôn, ngày 15 tháng Tư. Cuộc vây đánh Xê-va-xtô-pôn vẫn tiên triển chậm chạp, uê oải như trước, không xảy ra sự kiện quan trọng gì và chẳng giải quyết được vấn đề gì; chỉ có những cuộc đụng độ cá biệt không đem lại kết quả và những cuộc tấn công lẻ tẻ, mà mỗi cuộc là bản sao của trận trước và bản mẫu cho trận sau, - đã đem lại ít nhiều không khí náo nhiệt. Nếu như không nói đến ưu điểm của bên phòng ngự về mặt công binh thì chắc chắn là sẽ ít tìm được những ví dụ về những chiến dịch kéo dài như thế và có thể minh họa về sự tầm thường như vậy của các cấp chỉ huy hai bên.

Trước mặt chúng tôi là thông báo chính thức của Pháp và Anh về trận xuất kích ngày 23 tháng Ba; chúng tôi còn chưa thấy thông báo tỉ mỉ của Nga. Như thường lệ, thông báo của các tướng lĩnh liên quân cố tình viết mập mờ, cho nên qua đó người ta không biết được cái gì khẳng định cả. Tuy nhiên, dựa vào thư riêng của người Anh và tin tức báo chí, có thể tái tạo lại, tuy trên những nét chung, bức tranh về sự kiện ấy. *Cánh phải của cuộc tấn công* của liên quân hướng vào đoạn đông - nam của phòng tuyến Xê-va-xtô-pôn thì đã nhích lên được 600 i-ác-đơ cách phòng tuyến thứ nhất của quân Nga, nhờ ba tuyến hào tiếp cận hoặc chiến hào ngoằn ngoèo nối liền với nhau ở đoạn cuối bằng cái gọi là hào song song thứ hai. Từ hào song song thứ hai, ba tuyến hào tiếp cận ấy được nối tiếp lên xa nữa, tuy là chậm chạp và chẳng

theo một hệ thống nào, để nối liền với nhau bằng hào song song thứ ba và xây dựng ở hào tiếp cận trung tâm một trận địa có công sự hoặc vị trí ẩn nấp đủ rộng để bố trí đội dự bị. Hào tiếp cận ở giữa trong số 3 hào tiếp cận ấy là do quân Anh giữ, hào tiếp cận bên phải và bên trái là do quân Pháp giữ. Hai hào tiếp cận bên sườn ấy chạy tiếp lên xa hơn hào tiếp cận giữa, nhờ đó ở đây các chiến hào của quân Pháp, so với trận địa quân Anh giữ, thì gần cứ điểm hơn khoảng chừng 50 i-ác-đơ.

Ngày 23 tháng Ba, vào tảng sáng, một lực lượng lớn quân Nga, khoảng 12 tiểu đoàn, đã từ thành phố xông vào các công sự của quân vây đánh. Biết rõ những chiến hào này được xây dựng với phương pháp hoàn toàn coi thường các biện pháp phòng ngừa mà điều lệnh qui định, các nhánh sườn không được kéo về phía sau một cách thích đáng vì không có lô cốt vuông bảo vệ, do đó một cuộc tấn công táo bạo dẫm cảm vào những đoạn sườn ngoài cùng của hào song song nhất định sẽ đưa họ đột nhập được vào chiến hào, quân Nga đã mở đầu cuộc tấn công của mình bằng một cuộc cơ động bất ngờ và nhanh chóng, kết quả là vu hồi được các nhánh sườn phía đông và phía tây của hào song song. Trong khi cuộc tấn công chính diện kiềm chế được bộ phận bảo vệ chiến hào và đội dự bị của nó, thì các đơn vị vu hồi của quân Nga, bất chấp sự chống cự dẫm cảm của quân Pháp, đã nhảy vào công sự của bên vây đánh và bắt đầu vận động nhanh chóng theo chiến hào cho đến khi tới được trận địa trung tâm do quân Anh phòng thủ. Trận địa quân Anh tránh được sự uy hiếp nghiêm trọng từ phía chính diện, đã không bị tấn công cho tới khi hỏa lực súng trường từ bên phải và bên trái buộc một bộ phận đội dự bị Anh tham gia chiến đấu; thậm chí sau đó, cuộc tấn công chính diện vẫn không mãnh liệt vì lực lượng chủ công được tập trung thành các toán quân đánh vu hồi. Nhưng các toán quân này, vừa tác chiến vừa tiến được một cự ly dài ven theo chiến hào mà họ chiếm được, đã mất đi đà hăng hái chiến đấu ban đầu, và từ lúc quân Nga đụng độ với quân Anh thì các sĩ quan của quân Nga đã hoàn toàn bị chi phối bởi ý nghĩ làm thế nào bảo đảm việc rút lui để kết thúc cuộc xuất kích. Như thế là trận đánh đã nhanh chóng đạt tới giai đoạn mà không bên nào nhường trận địa của mình,

mà chính vào lúc ấy thì toán quân xuất kích phải suy nghĩ đến việc rút lui an toàn. Quân Nga đã làm như vậy. Không có ý định thực sự đuổi quân Anh ra khỏi trận địa của nó, quân Nga tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu cho đến khi đại bộ phận quân lính của nó đã rút về khá gần Xê-va-xtô-pôn, sau đó, đơn vị hậu vệ cũng rút lui chịu những thiệt hại rất lớn trong cuộc đụng độ với đội dự bị của quân Pháp và quân Anh.

Xem ra quân Nga hy vọng tìm thấy được nhiều pháo, một số lượng lớn đạn dược và vật tư chiến tranh khác ở hào song song thứ hai. Cuộc xuất kích của họ chỉ có thể theo đuổi một mục đích - phá hủy tất cả những thứ đó. Nhưng họ hầu như không tìm thấy gì ở đây và vì vậy cuộc xuất kích ấy không đem lại gì hết ngoài sự tin tưởng rằng ở một cự ly xa công sự của họ như vậy, họ có thể giữ được ưu thế trong những giờ đầu của cuộc xuất kích cho tới khi quân địch tập trung được đội dự bị của mình. Đương nhiên, điều đó có ý nghĩa nào đó, nhưng vị tất đã biện minh được những tổn thất trong cuộc xuất kích ấy. Những thiệt hại về vật chất do quân Nga gây ra cho công sự phía vây đánh có thể được hàn gắn chỉ trong một vài ngày, còn tác dụng tinh thần của cuộc xuất kích này có thể được coi là ngang số không. Vì bất cứ cuộc xuất kích nào cũng đều tất nhiên kết thúc bằng sự rút lui, nên bên vây đánh bao giờ cũng coi mình là kẻ chiến thắng. Tác dụng tinh thần của cuộc xuất kích thường là có lợi cho bên vây đánh hơn là cho bên bị vây, trừ trường hợp thiệt hại của bên bị vây ít hơn nhiều so với bên bao vây.

Trong tình hình Can-rô-béc và Ra-glan hơn bao giờ hết cần đến thắng lợi bề ngoài, thì cuộc xuất kích với những kết quả không đáng giá gì và kết thúc bằng cuộc rút lui vội vã của quân Nga ấy đã đến rất đúng lúc với họ. Quân Pháp đặc biệt làm rùm beng rằng họ đã truy kích địch đến tận công sự Xê-va-xtô-pôn. Nhưng trong tình huống như thế thì điều đó chẳng khó khăn gì, vì pháo của cứ điểm không thể bắn được do sợ sát thương chính quân lính của mình. Về phía quân Anh thì họ lờ tịt cái sự thể là trận địa của họ lùi quá xa về phía sau, nên họ đóng vai trò đội dự bị hơn là đội quân ở tuyến đầu, giờ đây họ lại khoác lác, - lần này thì ít căn cứ hơn bao giờ hết, - về sự bất khả chiến thắng của

họ và về tinh thần dũng cảm không lay chuyển của binh sĩ Anh đã khiến họ không thể rút lui bước nào. Đại tá Ken-li và các sĩ quan Anh khác bị quân Nga bắt ở ngay nơi bố trí của những binh sĩ sắt đá ấy và bị áp giải một cách hoàn toàn bình yên đến Xê-va-xtô-pôn, đã biết cant^{1*} ấy giá trị như thế nào.

Trong khi đó, các nhà chiến lược vĩ đại của báo giới Anh tiếp tục nhấn mạnh, với nhiệt tình sôi nổi, rằng trước khi suy nghĩ đến cường tập Xê-va-xtô-pôn, dù thế nào cũng phải chiếm cho được những công sự ngoại vi mới, do quân Nga xây dựng; họ hy vọng rằng điều đó sẽ được thực hiện nhanh chóng. Sự xác nhận đó của họ đương nhiên hết sức chính xác mà cũng hết sức tầm thường, song vấn đề là ở chỗ: chiếm những công sự ấy *như thế nào*, nếu như liên quân thậm chí không cản trở được việc xây dựng những công sự ấy ngay trong phạm vi hỏa lực pháo của mình? Cuộc tấn công vào lô-cốt vuông Xê-len-ghin (trên núi Xapun) đã chứng minh đủ rõ rằng bằng những tổn thất lớn có thể chiếm được những công sự như thế trong một thời gian ngắn, nhưng điều khó hiểu là việc đó để làm gì, nếu như không thể giữ công sự ấy ngay trong khoảng thời gian cần thiết cho việc phá hoại nó. Vấn đề là ở chỗ: những công sự mới ấy là bộ phận hợp thành hữu cơ của toàn bộ hệ thống phòng ngự của quân Nga, sườn và lưng nó do phòng tuyến chính không chế, nên không thể chiếm được nếu không sử dụng chính những biện pháp cần thiết cho việc chiếm bản thân phòng tuyến chính. Trước khi suy nghĩ nghiêm chỉnh đến việc tấn công và chiếm lấy những công sự ngoại vi ấy, cần phải đưa hào tiếp cận lên một cự ly khá gần, xây dựng hào song song kín có vị trí xuất phát, thiết lập và trang bị các pháo đài để bắn vào phòng tuyến chính của quân Nga. Tờ "Times" lớn tiếng hơn ai hết và năng nặc đòi chiếm ngay những công sự ngoại vi ấy, chỉ quên nói đâu là những phương pháp mới cho phép giải quyết trong vòng mấy giờ cái nhiệm vụ khó khăn mà tờ báo thông báo một cách đầy tin tưởng ấy. Nhưng nó chưa kịp diễn đạt niềm hy vọng lạc quan của mình, thì đã nhận được thư của phóng viên của nó ở Crum, là người không những tuyên bố rằng những công

^{1*} - sự khoác lác

sự ngoại vi mới ấy của quân Nga là không thể đánh chiếm được, mà còn nói rằng những công sự này chỉ là tuyến thứ nhất, từ chỗ này quân Nga có ý định nhích đều đều các hào chống tiếp cận của mình lên phía trước. Những công sự bộ binh ở trước đồn Ma-mê-lôn (người Nga gọi là đồn Cam-sát-xki) được nối liền bằng một chiến hào hoàn chỉnh và do đó hình thành một tuyến phòng ngự mới. Giữ đồn Ma-mê-lôn và Xê-len-ghin (trên núi Xa-pun) người ta đã đào một chiến hào mới hình thành ba cạnh của một hình vuông và từ đó có thể bắn dọc vào một phần hào tiếp cận của quân Pháp. Dù sao thì cũng rõ ràng là quân Nga theo đuổi mục đích xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh công sự phòng ngự tiền tiêu để yểm hộ đồn Ma-la-khốp từ bên sườn và từ phía chính diện, và rút cục, có thể chiếm lấy các chiến hào của liên quân. Trường hợp ý đồ đó thành công, thì tuyến bao vây sẽ bị chọc thủng ở đoạn tấn công ấy. Trong khi suốt 6 tháng qua, liên quân chỉ bám lấy trận địa của mình và phần lớn chỉ củng cố các pháo đài của mình hơn là tiến lên, thì trong một tháng trời quân Nga đã tiến lên được nhiều về phía trận địa địch và đang tiếp tục tiến lên. Đương nhiên, có những ví dụ về một cuộc phòng ngự xuất sắc hơn cuộc phòng ngự Xê-va-xtô-pôn, nhưng trong sử biên niên về các cuộc chiến tranh, từ thời đại có trận vây hãm thành Tơ-roa, không thể chỉ ra một trận vây đánh nào được tiến hành một cách không có hệ thống, vô nghĩa và không về vang như cuộc vây đánh Xê-va-xtô-pôn.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 15 tháng Tư 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 179, ngày 18 tháng Tư 1855 và đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4377, ngày 30 tháng Tư 1855

In theo bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung", có đối chiếu với bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune"

*Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

NƯỚC ĐỨC VÀ CHỦ NGHĨA ĐẠI XLA-VO¹³⁰

I

Những nguồn tin đáng tin cậy cho biết *đương kim* hoàng đế Nga đã gửi cho một số triều đình bức điện trong đó có nói rằng:

“Khi mà Áo liên kết hẳn với phương Tây hoặc có hành động công khai thù địch nào đó với Nga thì *A-léch-xan-đrơ II* sẽ đích thân lãnh đạo phong trào đại *Xla-vo* và đổi tước hiệu hiện nay của mình là *hoàng đế toàn Nga* thành tước hiệu *hoàng đế của tất cả mọi người Xla-vo*”(?).

Lời tuyên bố ấy của *A-léch-xan-đrơ*, nếu mang tính chất chính thức, sẽ là sự công khai bày tỏ ý kiến đầu tiên kể từ khi chiến tranh bắt đầu. Đây là bước đi đầu tiên đem lại cho cuộc chiến tranh tính chất châu Âu mà cho tới nay tính chất ấy chỉ được phỏng đoán theo các loại lý do thoái thác và các cứ, nghị định thư và hiệp ước, những đoạn văn của *Vát-ten* và những đoạn trích trong các tác phẩm viết của *Pu-phen-đoóc-phơ*. Vấn đề nền độc lập, thậm chí vấn đề sinh tồn của Thổ Nhĩ Kỳ do đó bị đẩy lùi về phía sau. Hiện nay, vấn đề không còn là vấn đề ai sẽ cai quản *Công-xtăng-ti-nô-plơ* mà là vấn đề ai sẽ thống trị cả châu Âu. Người *Xla-vo* từ lâu bị những sự xích mích nội bộ chia rẽ, bị người Đức dồn về phía đông, bị người Đức, người Thổ Nhĩ Kỳ, người *Hung-ga-ri* chinh phục một phần, sau năm 1815 lại lạng lẽ liên hợp các chi của mình bằng cách truyền bá dần dần chủ nghĩa

đại Xla-vơ, hiện nay đã tuyên bố lần đầu tiên về sự thống nhất của mình và do đó tuyên bố một cuộc chiến tranh sống mái với các dân tộc Rô-manh Ken-tơ và Đức cho tới nay vẫn thống trị ở châu Âu. Chủ nghĩa đại Xla-vơ - đây không những là một phong trào độc lập dân tộc; đây còn là một phong trào tìm cách xóa sạch tất cả những gì mà lịch sử mấy ngàn năm đã sáng tạo ra; là một phong trào không thể đạt được mục đích của mình nếu không xóa bỏ Thổ Nhĩ Kỳ, Hung-ga-ri và nửa nước Đức khỏi bản đồ châu Âu mà khi đã đạt được kết quả ấy thì không thể nào bảo đảm tương lai của nó bằng cách nào khác hơn là chinh phục châu Âu. Từ chỗ là tượng trưng của tín điều, chủ nghĩa đại Xla-vơ hiện nay đã biến thành một cương lĩnh chính trị và nắm trong tay 800 000 binh sĩ. Nó đặt châu Âu trước một sự lựa chọn: hoặc để người Xla-vơ chinh phục hoặc vĩnh viễn tiêu diệt trung tâm của lực lượng tấn công của nó là nước Nga.

Câu hỏi sau đây mà chúng tôi cần giải đáp là câu hỏi: Áo bị chủ nghĩa đại Xla-vơ - dưới hình thức mà Nga đem lại cho nó - đụng chạm đến mức nào? Trong 70 triệu người Xla-vơ sống ở phía đông rừng Bô-hê-m và núi An-pơ ở Kéc-nơ-then gần 15 triệu sống dưới quyền vua chúa Áo, bao gồm đại biểu của hầu hết các tộc người thuộc hệ ngôn ngữ Xla-vơ. Chi Bô-hê-m hoặc Séc (6 triệu) hoàn toàn ở dưới quyền thống trị của Áo, chi Ba Lan gồm gần 3 triệu người Ba Lan vùng Ga-li-xi, chi Nga có 3 triệu người tiểu Nga (người Ru-xin, người Ru-ten) ở Ga-li-xi và đông-bắc Hung-ga-ri, đây là bộ tộc Nga duy nhất ở ngoài biên giới Đế quốc Nga; chi nam Xla-vơ có gần 3 triệu người Xla-vô-nơ (người Kéc-nơ-then và người Crô-a-xi) và người Xéc-bi với một số ít người Bun-ga-ri ở rải rác đó đây. Như thế là người Xla-vơ thuộc Áo phân chia ra hai nhóm: một nhóm gồm những tàn dư của các bộ tộc trước kia có lịch sử riêng của mình, còn sự phát triển lịch sử hiện nay thì gắn liền với các dân tộc khác họ về chủng tộc và ngôn ngữ. Hoàn cảnh nặng nề của họ với tư cách là những bộ tộc, lại nặng nề thêm vì những con người do quá khứ vĩ đại để lại một cách bi thảm đó lại không có tổ chức dân tộc nào trong

nước Áo, trái lại, họ bị phân tán ở nhiều tỉnh. Người Xla-vô-nơ tuy đông gần một triệu rưỡi lại phân tán ở những tỉnh khác nhau ở Crai-na, Kéc-nơ-then, Stê-ri-a, Crô-a-xi và Tây-Nam Hung-ga-ri. Người Séc, là dân tộc đông đảo nhất trong số những tộc người Xla-vơ ở Áo thì sống một phần ở Bô-hê-m, một phần ở Mô-ra-vi còn một phần (hệ Xlô-va-ki) ở Tây-Bắc Hung-ga-ri. Do đó, những dân tộc nói trên tuy sống hoàn toàn trên lãnh thổ Áo nhưng lại không hề được coi là các dân tộc khác nhau đã hình thành. Họ bị xem là vật nhánh phụ thuộc vào dân tộc Đức, hoặc vào dân tộc Hung-ga-ri và trên thực tế, họ không phải là dân tộc gì khác. Nhóm thứ hai của các dân tộc người Xla-vơ thuộc Áo gồm những nhóm nhỏ thuộc các dân tộc khác nhau đã tách rời khỏi cơ bản của dân tộc mình trong quá trình lịch sử, do đó trung tâm chính của họ nằm ở ngoài nước Áo. Vì thế người Ba Lan ở Áo ngã về Ba Lan thuộc Nga như là trung tâm tự nhiên của mình, người Ru-xin ngã về những khu vực tiểu Nga khác hợp nhất với nước Nga, còn người Xéc-bi ngã về xứ Xéc-bi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Việc mỗi một bộ phận lẻ tẻ, đã tách rời dân tộc mình, ngã về trung tâm tự nhiên của mình là điều hoàn toàn dễ hiểu, và hiện tượng ấy ngày càng trở nên rõ rệt theo đà văn minh truyền bá đến họ và do đó tùy theo đà phát triển của nhu cầu về hoạt động lịch sử dân tộc. Trong cả hai trường hợp, người Xla-vơ ở Áo chỉ là *disjecta membra*^{1*} đang ra sức tái liên hợp hoặc với nhau hoặc với khối cơ bản của dân tộc mình. Đây là nguyên nhân vì sao *chủ nghĩa đại Xla-vơ là phát minh không phải của Nga mà là của Áo*. Để bảo đảm phục hưng mỗi một dân tộc Xla-vơ, các dân tộc Xla-vơ khác nhau ở Áo bắt đầu tán thành sự liên hợp tất cả các dân tộc Xla-vơ ở châu Âu. Nước Nga bản thân vốn mạnh, Ba Lan nhận thức sâu sắc sự vững vàng không lay chuyển của sự tồn tại dân tộc của mình và ngoài ra còn công khai thù địch với nước Nga Xla-vơ - hai dân tộc ấy rõ ràng là không có sứ mạng sáng tạo ra chủ nghĩa đại Xla-vơ. Người Xéc-bi và người Bun-ga-ri ở dưới quyền thống trị

^{1*} - các thành viên phân tán, các bộ phận chia nhỏ

của Thổ Nhĩ Kỳ còn quá dã man để có thể đưa ra tư tưởng ấy; người Bun-ga-ri bình thân khuất phục trước người Thổ Nhĩ Kỳ, còn người Xéc-bi cuốn hút vào cuộc đấu tranh cho nền độc lập dân tộc của mình.

II

Hình thức ban đầu của chủ nghĩa đại Xla-vơ là thuần túy văn học. Những người sáng lập ra nó là *Đô-brốp-xki*, người Séc, người đặt nền móng cho khoa ngữ văn khoa học về các phương ngữ Xla-vơ, và *Cô-lơ*, nhà thơ Xlô-va-ki ở Pri-các-pát thuộc Hung-ga-ri. Ở *Đô-brốp-xki*, nhiệt tình của nhà khoa học và nhà nghiên cứu chiếm ưu thế, ở *Cô-lơ* thì tư tưởng chính trị nhanh chóng chiếm ưu thế. Ban đầu, chủ nghĩa đại Xla-vơ thỏa mãn ở thi ca bi ai, và chủ đề của thơ ca của nó là quá khứ vĩ đại, cái nhục, sự bất hạnh và sự áp bức của dân tộc hiện nay. “Ôi Thượng đế, chẳng lẽ trên trái đất này không tìm được người nào đem lại công bằng cho người Xla-vơ?” Ước mơ về đế quốc đại Xla-vơ định ra luật lệ cho châu Âu bấy giờ mới chỉ đang hình thành. Nhưng thời kỳ thơ ca bi ai đã kết thúc nhanh chóng, và cùng với nó là những lời hô hào đơn giản “phải đem lại công bằng cho người Xla-vơ”.

Công tác nghiên cứu lịch sử bao quát các lĩnh vực phát triển về chính trị, văn học và ngôn ngữ của người Xla-vơ đã đạt được những thành tựu lớn lao ở Áo. Các nhà ngôn ngữ học *Sa-pha-rích*, *Cô-pi-tát* và *Mi-clô-sích*, nhà sử học *Pa-lát-xki* đã lãnh đạo phong trào, và theo sau họ là rất nhiều nhà khoa học khác ít tài năng hơn hoặc hoàn toàn không có tài năng như *Han-ca*, *Gai v.v.* Những thời đại vinh quang của lịch sử Séc và Xéc-bi được vẽ bằng màu sắc tươi sáng đối lập với tình cảnh nhục nhã và bi thảm của những dân tộc ấy trong thời kỳ hiện nay; giống hệt như ở bộ phận còn lại của Đức, chính trị và thần học bị phê phán dưới chiêu bài “triết học”, ở Áo trước con mắt của *Mét-téc-ních*, ngôn ngữ học đã bị các nhà theo chủ nghĩa đại Xla-vơ lợi dụng để truyền bá học thuyết về sự thống nhất của người Xla-vơ và để thành lập một chính

đảng mà mục đích hiển nhiên của nó là thay đổi căn bản tình cảnh của tất cả các dân tộc ở Áo và thậm chí biến nước này thành một đế quốc Xla-vơ to lớn.

Sự pha trộn tiếng nói, một hiện tượng thịnh hành ở khu vực phía đông Bô-hêm và Kéc-nơ-then cho đến tận Hắc Hải, thật sự gây nên sự kinh ngạc. Quá trình phi dân tộc hóa ở người Xla-vơ kế cận nước Đức, bước tiến của sự bành trướng về phía trước tuy chậm chạp nhưng liên tục của người Đức, sự xâm nhập của người Hung-ga-ri mà kết quả là người Xla-vơ ở miền Bắc và miền Nam đã bị khối dân tộc Phần Lan rắn chắc gồm 7 triệu người cắt rời, sự tồn tại của người Thổ Nhĩ Kỳ, người Tác-ta, người Va-la-ki ở xen vào khu vực định cư của các dân tộc Xla-vơ, - tất cả những cái đó tạo thành một Ba-bi-lon thực sự về ngôn ngữ. Ngôn ngữ biến đổi từ làng nọ sang làng kia, hầu như từ ấp nọ sang ấp kia. Thậm chí ở Bô-hêm, trong 5 triệu dân có 2 triệu người Đức và 3 triệu người Xla-vơ, và ngoài ra họ còn bị người Đức bao vây từ ba phía. Tình hình cũng giống thế đối với các dân tộc Xla-vơ ở Áo. Trao trả lại cho người Xla-vơ toàn bộ đất đai vốn thuộc người Xla-vơ, biến Áo, trừ vùng Ti-rôn và Lô-m-bác-đi, thành đế quốc Xla-vơ là mục đích của chủ nghĩa đại Xla-vơ, điều đó có nghĩa là tuyên bố rằng sự phát triển lịch sử trong một ngàn năm gần đây là hoàn toàn vô hiệu, cắt một phần ba nước Đức và toàn bộ Hung-ga-ri và biến Viên và Bu-đa-pét thành các thành phố Xla-vơ, - những hành động như vậy không thể nhận được sự đồng tình của người Đức và người Hung-ga-ri chiếm giữ những khu vực này. Thêm vào đó, sự khác nhau giữa các phương ngữ Xla-vơ lớn đến mức là, trừ rất hiếm ngoại lệ, những người nói những thứ tiếng ấy không hiểu nhau. Điều đó đã được chứng minh một cách nực cười tại Đại hội Xla-vơ ở Pra-ha năm 1848¹³¹, ở đây, sau mọi thứ thử nghiệm vô hiệu quả trong việc tìm một tiếng nói chung mà mọi người đều hiểu, những người tham dự đại hội rút cục buộc phải dùng thứ tiếng nói mà họ thù ghét hơn cả - *tiếng Đức*.

Như thế là chúng ta thấy rằng chủ nghĩa đại Xla-vơ ở Áo không có được những nhân tố quan trọng nhất để đạt được thành tựu: khối quần chúng và sự thống nhất. Không có được *quần chúng*, vì đảng đại Xla-vơ chỉ bao trùm được một bộ phận các giai cấp có học vấn, không có ảnh hưởng gì trong nhân dân, do đó không đủ mạnh để đồng thời chống lại Chính phủ Áo và các dân tộc Đức và Hung-ga-ri mà đảng này thách thức. Không có được sự *thống nhất*, vì nguyên tắc thống nhất của đảng này chỉ thuần túy mang tính chất lý tưởng và ngay lần đầu tiên định thực hiện thì nguyên tắc này đã bị thất bại do sự khác nhau về ngôn ngữ. Chừng nào chủ nghĩa đại Xla-vơ còn là một phong trào thuần túy ở Áo thì nó không phải là mối nguy lớn, nhưng đối với nó thì cái trung tâm của sự thống nhất và khối quần chúng mà nó cần sẽ tìm thấy được một cách nhanh chóng.

Phong trào dân tộc của người Xéc-bi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ vào đầu thế kỷ này¹³² đã nhanh chóng hướng sự chú ý của *Chính phủ Nga* đến một sự thực là trong dân cư Thổ Nhĩ Kỳ có khoảng 7 triệu người Xla-vơ mà ngôn ngữ của họ so với tất cả các phương ngữ Xla-vơ khác thì giống ngôn ngữ Nga hơn cả, còn tôn giáo và ngôn ngữ *giáo hội* - ngôn ngữ cổ Xla-vơ hoặc ngôn ngữ Xla-vơ giáo hội - thì hoàn toàn giống với người Nga. Nước Nga lần đầu tiên đã bắt đầu sự cố động cho chủ nghĩa đại Xla-vơ chính là với những người Xéc-bi và Bun-ga-ri này, dựa vào địa vị của mình là người lãnh đạo và bảo hộ giáo hội chính thống - Hy Lạp. Khi phong trào đại Xla-vơ vừa mới bắt rễ ở Áo, Nga đã rất nhanh chóng mở rộng mạng lưới điệp báo của mình đến khu vực các đồng minh của mình. Ở nơi nào nó gặp phải những người Xla-vơ theo giáo hội Thiên chúa giáo La Mã thì khía cạnh tôn giáo của vấn đề được bỏ qua và Nga chỉ đóng vai trò một trung tâm thu hút tất cả những người Xla-vơ, như một hạt nhân, quanh đó, các dân tộc Xla-vơ đã phục hưng có thể có kết thành một dân tộc mạnh và thống nhất, mang sứ mệnh thành lập một đế quốc Xla-vơ vĩ đại từ sông En-bơ đến Trung Quốc và từ biển A-đri-a-tích đến Bắc Băng Dương. Tóm lại, ở đây đã tìm thấy khối quần chúng và sự

thống nhất vốn còn thiếu! Chủ nghĩa đại Xla-vơ lập tức bị mắc bẫy. Như vậy, nó đã tuyên bố bản án của chính nó. Để xác lập lại các dân tộc tưởng tượng những người theo chủ nghĩa đại Xla-vơ tuyên bố sẵn sàng đem hy sinh sự tham gia thực tế tám trăm năm vào nền văn minh cho tình trạng dã man Nga - Mông Cổ. Chẳng lẽ đây không phải là kết quả tự nhiên của một phong trào đã được bắt đầu bằng sự phản ứng kiên quyết chống lại tiến trình phát triển của nền văn minh châu Âu và ra sức quay ngược lịch sử thế giới hay sao?

Trong những năm hùng mạnh nhất của mình. Mét-tét-ních đã nhận thức được nguy cơ và thấy rõ âm mưu của Nga. Ông ta đàn áp phong trào ấy bằng tất cả những thủ đoạn có trong tay. Nhưng tất cả những thủ đoạn mà ông ta dùng có thể biểu thị bằng *một* từ - *đàn áp*. Thủ đoạn duy nhất có hiệu quả - sự phát triển tự do của tinh thần Đức và Hung-ga-ri, hoàn toàn đủ để xua tan bóng ma Xla-vơ - lại mâu thuẫn với hệ thống chính sách đê hèn của ông ta. Kết quả là sau khi Mét-tét-ních đổ, năm 1848 phong trào Xla-vơ bùng lên với một sức mạnh mới, lôi cuốn những tầng lớp dân cư rộng rãi hơn trước kia. Nhưng tính chất phản động sâu sắc của nó cũng bộc lộ ra ngay. Trong khi các phong trào của người Đức và Hung-ga-ri ở Áo mang tính chất tiến bộ rõ ràng, thì chính người Xla-vơ đã cứu vãn chế độ cũ khỏi tan rã, tạo khả năng cho Ra-đét-xki tiến đến sông Min-si-ô còn Vin-đi-sơ-grét-xơ chiếm Viên. Để làm cho Áo hoàn toàn phụ thuộc vào người Xla-vơ, *đội quân hậu bị Xla-vơ* lớn mạnh, quân đội Nga, phải tiến vào Hung-ga-ri¹³³ năm 1849 và buộc Hung-ga-ri tiếp nhận hòa ước ở đây.

Nếu như sự kết hợp của phong trào đại Xla-vơ với Nga là sự tự kết án của nó thì Áo cũng thừa nhận không kém phần rõ ràng tình trạng thiếu sức sống của mình khi quyết định tiếp nhận, thậm chí kêu gọi sự giúp đỡ ấy của người Xla-vơ chống lại ba dân tộc ở lãnh thổ mình, mà chỉ có những dân tộc ấy mới có được sự sống lịch sử và biểu hiện sức sống ấy, - chống lại người Đức, người I-ta-li-a và người Hung-ga-ri. Kể từ năm 1848, món nợ ấy trước chủ nghĩa đại Xla-vơ không ngừng đè nặng lên Áo,

và sự nhận thức về món nợ ấy là chiếc lò xo chính của chính sách của Áo.

Áo bắt đầu từ hành động chống lại người Xla-vơ trên lãnh thổ mình, nhưng không thể đạt được điều đó nếu không thì hành một chính sách tiên bộ dù chỉ là một phần. Đặc quyền của tất cả các tỉnh bị xóa bỏ, chế độ cai quản tập trung đã được thi hành thay cho chế độ cai quản kiểu liên bang và người ta đề nghị thừa nhận chỉ một *dân tộc nhân đạo - dân tộc Áo* thay vì những dân tộc khác nhau. Tuy những biện pháp mới ấy chia một phần vào người Đức, người I-ta-li-a và người Hung-ga-ri, sức nặng chính của nó vẫn rơi vào các dân tộc Xla-vơ kém cố kết hơn, và nhờ vậy người Đức đã có một tư thế trội hơn khá lớn. Nếu nhờ đó sự lệ thuộc bên trong vào người Xla-vơ được loại trừ thì sự lệ thuộc vào nước Nga vẫn tồn tại, và cần phải chấm dứt sự lệ thuộc trực tiếp và nhục nhã ấy dù chỉ là tạm thời hoặc trên một mức độ nhất định. Đây là nguyên nhân thật sự của chính sách của Áo chống Nga tuy là chính sách ấy có dao động nhưng ít ra đã được tuyên bố công khai trong vấn đề phương Đông. Mặt khác, chủ nghĩa đại Xla-vơ không biến đi; nó bị lãng nhục sâu sắc, nó phẫn nộ, nín lặng và từ thời kỳ có cuộc can thiệp vào Hung-ga-ri nó đã coi hoàng đế Nga như đấng cứu thế đã được chỉ định của nó. Nhiệm vụ của chúng tôi không phải là nghiên cứu xem trong trường hợp Nga công khai hành động với tư cách thủ lĩnh của chủ nghĩa đại Xla-vơ thì Áo có thể nhượng bộ Hung-ga-ri và Ba Lan mà không để cho sự tồn tại của mình bị đe dọa, hay không? Có một điều rõ ràng là: hiện nay không những Nga, mà cả một âm mưu đại Xla-vơ đang đe dọa thiết lập quyền thống trị của nó trên đồng đồ nát của châu Âu. Sự liên hợp của tất cả các dân tộc Xla-vơ, do sức mạnh hiển nhiên mà nó có và còn có thể tăng cường, sẽ nhanh chóng buộc lực lượng đối chọi với nó phải hành động dưới một hình thức khác hẳn trước đây. Ở đây chúng tôi không nói về người Ba Lan mà - thật vinh dự thay cho họ - đại bộ phận thù ghét chủ nghĩa đại Xla-vơ, cũng không nói về hình thức dân chủ và xã hội chủ nghĩa giả danh của chủ nghĩa đại Xla-vơ, mà

xét về thực chất chỉ khác với chủ nghĩa đại Xla-vơ thông thường trắng trợn của Nga bởi những câu nói hoa mỹ và sự giả nhân giả nghĩa. Chúng tôi cũng ít nói về các đại biểu của triết học tư biện Đức¹³⁴, do sự ngu dốt lạ lùng, họ đã rơi xuống chỗ đóng vai trò công cụ cho âm mưu của Nga. Chúng tôi còn trở lại vấn đề này và sẽ trình bày tỉ mỉ những vấn đề ấy và những vấn đề khác có liên quan đến chủ nghĩa đại Xla-vơ.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 17 tháng Tư 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" các số 185 và 189, ngày 21 và 24 tháng Tư 1855

In theo bản đăng báo Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

VỀ LỊCH SỬ CÁC CHIẾN DỊCH CỔ ĐỘNG

Luân Đôn, ngày 7 tháng Năm. Trong thời gian có các phong trào cổ động lớn ở Anh, khu Xi-ti ở Luân Đôn không bao giờ có thể đi tiên phong trong phong trào. Cho tới nay, sự tham gia của nó vào bất cứ cuộc cổ động nào chỉ có nghĩa là mục đích của cuộc cổ động ấy đã đạt được rồi, cuộc cổ động đó đã thành *fait accompli*^{1*}. Tình hình đã diễn ra như vậy với *phong trào ủng hộ cải cách nghị viện* do Bóc-minh-hêm khởi xướng. Cũng có tình hình như vậy với *phong trào phản đối các đạo luật lúa mì* do Man-se-xơ lãnh đạo. Luật hạn chế ngân hàng năm 1797¹³⁵ là một ngoại lệ. Các cuộc mít-tinh do các chủ ngân hàng và các nhà buôn của khu Xi-ti ở Luân Đôn tổ chức bấy giờ đã giúp Pitt thực hiện việc *cấm* Ngân hàng Anh thanh toán bằng tiền mặt, *sau khi* các giám đốc ngân hàng đã báo cho Pitt trước đó mấy tuần rằng ngân hàng đang đứng bên miệng hố phá sản và chỉ có thể cứu vãn nó bằng *coup d'état*^{2*}, nghĩa là bằng một thị giá cưỡng bách của chứng khoán ngân hàng. Tình hình lúc bấy giờ không đòi hỏi ở Ngân hàng Anh, để phục tùng *lệnh cấm* thanh toán tiền mặt, một sự hy sinh lớn hơn là các nhà buôn ở khu Xi-ti, mà uy tín của họ lại phụ thuộc vào uy tín của ngân hàng để duy trì lệnh cấm của Pitt và để cho toàn quốc hưởng ứng lệnh

^{1*} - công việc đã hoàn thành

^{2*} - đảo chính

đó¹⁾. Cứu vãn Ngân hàng Anh là cứu vãn khu Xi-ti. Do đó mà có các cuộc mít-tinh “yêu nước” bấy giờ của Xi-ti và sáng kiến “cổ động” của nó. Sáng kiến mà hiện nay Xi-ti đảm nhiệm khi tiến hành, vào thứ bảy trước tại Quán Luân Đôn và Gin-hôn, các cuộc mít-tinh của mình nhằm thành lập “*Hội cải cách hành chính*”¹³⁷, sáng kiến ấy đã có công lao tạo ra điều mới lạ rất hiếm có ở Anh, đó là công lao tạo ra một sự kiện chưa có tiền lệ. Thêm vào đó, trong các cuộc mít-tinh đó không có ăn uống gì, điều đó cũng là cái mới trong sử biên niên của khu Xi-ti mà “chủ nghĩa yêu nước với món súp thịt rùa” đã được Cốp-bét làm cho trở nên bất tử. Sau hết, điều mới mẻ còn ở chỗ là các cuộc mít-tinh của các nhà buôn của khu Xi-ti Luân Đôn được tổ chức tại Quán Luân Đôn và Gin-hôn vào giữa ban ngày trong giờ làm việc. Sự tiêu điều hiện nay trong công việc kinh doanh đã giải thích, trên mức độ nhất định, hiện tượng ấy, và lại nhìn chung sự tiêu điều ấy là chất men, mà là chất men quan trọng, trong sự lên men về tinh thần của giới nhà buôn thuộc khu Xi-ti. Tuy vậy, không thể nào phủ nhận tầm quan trọng của phong trào ấy của giới kinh doanh thuộc khu Xi-ti, mặc dù ở Uê-xơ-en-đơ người ta ra sức chế nhạo nó như thế nào đi nữa. Các tờ báo của phái cải cách tư sản - “Daily News”, “Morning Advertiser”, “Morning Chronicle” (tờ báo này thuộc loại này từ ít lâu nay) ra sức phô bày trước kẻ thù của mình “tương lai vĩ đại” của Hội Xi-ti. Nhưng họ không cảm thấy kết quả trực tiếp. Họ không hiểu rằng bản thân việc triệu tập những cuộc mít-tinh ấy đã có nghĩa là giải quyết được những vấn đề rất trọng đại, rất trọng yếu: 1) sự chia rẽ giữa giai cấp thống trị ở ngoài nghị viện với giai cấp cầm quyền trong nghị viện; 2) gạt bỏ những phần tử

¹⁾ Thực sự không thể tin được là ngay cả trong những bộ lịch sử mới nhất về khoa kinh tế chính trị, hành động bấy giờ của khu Xi-ti được dẫn ra như là bằng chứng về chủ nghĩa yêu nước của Anh. Điều càng khó tin là ông Phôn Hắc-xơ-hau-den, trong cuốn sách của mình về nước Nga (tập ba, năm 1852) đã khinh xuất đến nỗi khẳng định Pitt đã giữ lại được tiền Anh bằng biện pháp ngân hàng tạm ngừng thanh toán tiền mặt¹³⁶. Ở Nga người ta đã đem những chuyện hết sức bịa đặt đến mức như thế nào để nhồi sọ một con người có thể tin vào những điều như thế? Chúng ta nghĩ gì về giới bình luận ở Béc-lin đã hoàn toàn tin ở ông Phôn Hắc-xơ-hau-den và *sao chép* ở ông ta để chứng thực điều đó?

tư sản cho tới nay vẫn có ảnh hưởng đối với chính sách; 3) vạch trần Pan-móc-xton.

Lây-ác, như mọi người đều biết, đã hứa tới nay sẽ đưa ra trước hạ nghị viện đề án cải cách của mình. Ai nấy đều biết rằng khoảng một tuần trước, nghị viện đã không để ông ta phát biểu, huýt sáo phản đối ông ta, chế nhạo và la ó ông ta. Các ông hoàng của giới nhà buôn Anh ở Xi-ti đã trả lời trong các cuộc mít-tinh của họ bằng những lời lớn tiếng “hoan hô” *Lây-ác*. Ông ta trở thành nhân vật được thường xuyên chú ý ở quán Luân Đôn và Gin-hôn. Cheers^{1*} của khu Xi-ti là sự trả lời có tính chất khiêu khích đối với groans^{2*} của hạ nghị viện. Nếu như tới nay hạ nghị viện tỏ ra khiếp nhược thì uy tín của nó sẽ mất đi và những ngày tồn tại của nó sẽ chấm dứt; nếu như nó vẫn còn tiếp tục groans thì cheers của những người phản đối nó sẽ càng mãnh liệt. Qua cuốn “Người Áp-đê-ơ”¹³⁸ có thể biết rõ cuộc cạnh tranh giữa cheers và groans sẽ diễn tới cái gì. Các cuộc mít-tinh của Xi-ti là sự thách thức trực tiếp đối với hạ nghị viện, giống như việc bầu ông Phren-xít Bớc-đét làm đại biểu Oét-min-xtơ là sự thách thức vào thập kỷ đầu của thế kỷ này.

Mọi người đều biết, cho tới nay, đúng đầu phong trào của giai cấp tư sản Anh là trường phái *Man-se-xtơ* với các tập đoàn Brai-tơ và Cốp-đen. Các chủ xưởng ở *Man-se-xtơ* hiện nay đã bị các nhà buôn ở Xi-ti lấn át. Lập trường phản đối chiến tranh chính thống của họ làm cho giai cấp tư sản - là giai cấp không phút nào ngồi yên ở Anh - tin chắc, ít ra là hiện nay, rằng họ đã mất năng lực lãnh đạo nó. Hiện nay bọn đầu sỏ ở *Man-se-xtơ* chỉ có thể duy trì được “bá quyền” của chúng nếu như chúng vượt trội được bọn đầu sỏ ở Xi-ti. Cuộc cạnh tranh ấy giữa hai nhóm phái quan trọng nhất trong giai cấp tư sản được xác nhận trên thực tế trong những cuộc mít-tinh ở Xi-ti mà các tập đoàn Brai-tơ và Cốp-đen bị gạt ra ngoài và cũng tự động không tham gia, đang hứa hẹn những điều có lợi cho phong trào nhân dân. Có thể dẫn ra sự việc sau đây làm bằng chứng: thư ký Ủy ban Xi-ti đã gửi

^{1*} - tiếng hoan hô

^{2*} - lời la ó

thư cho phái Hiến chương ở Luân Đôn đề nghị cử thành viên vào Ủy ban thường vụ Xi-ti. Phái Hiến chương đã cử Êc-ne-xtơ Giôn-xơ tham gia vào đó. Giữa giai cấp tư sản thương nghiệp và công nhân cổ nhiên không có sự đối kháng *trực tiếp* như giữa công nhân và chủ xưởng, millocracy^{1*}, do đó họ có thể có - ít ra là lúc đầu - những bước đi *chung* không thể có giữa phái Hiến chương và phái *Man-se-xtơ*.

Pan-móc-xton - đây là kết quả to lớn cuối cùng của các cuộc mít-tinh ở Xi-ti - lần đầu tiên chế nhạo và bị la ó trong một khu vực bầu cử quan trọng nhất trong nước. Tính chất hấp dẫn của tên tuổi ông ta, đã vĩnh viễn biến mất. Điều làm ông ta mất danh giá ở Xi-ti không phải là chính sách đối với nước Nga, một chính sách kéo dài hơn cả cuộc chiến tranh ba mươi năm¹³⁹ của ông ta; điều làm ông ta mất danh giá là sự châm biếm độc ác, thái độ trơ trên đầy tự cao tự đại và trước hết là sự “pha trò nhạt nhẽo” mà ông ta sử dụng, làm ra vẻ giúp nước Anh thoát khỏi cuộc khủng hoảng đáng sợ hơn tất cả những cuộc khủng hoảng mà nước Anh đã trải qua. Tất cả những cái đó đã chọc tức lương tâm của giai cấp tư sản, tuy rằng đã từng đạt được thành tựu trong nghị viện đã sa đọa của bọn “ti tiện”^{2*}.

Cải cách hành chính với một nghị viện như nghị viện hiện nay - bất cứ ai cũng thấy ngay được tính chất phi lô-gích của những nguyện vọng tốt lành ấy. Nhưng ở thế kỷ này, chúng ta đã từng thấy những người cha cải cách¹⁴⁰. Chúng ta đã trải qua những bữa tiệc ủng hộ cải cách mà đúng đầu là Ô-đi-lông Bar-rô¹⁴¹. Vì vậy không có gì là lạ nếu như các tảng tuyết sẽ quét sạch nước Anh cổ xưa bắt đầu xuất hiện dưới hình thức các cục tuyết nhỏ trong tay các doanh gia cải cách thuộc khu Xi-ti.

Do C.Mác viết ngày 7 tháng Năm 1885

Đã đăng trên tờ “Neue Oder Zeitung” số 215, ngày 10 tháng Năm 1885

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} - bọn trùm công nghiệp

^{2*} - Chơi chữ: “Haus der Gemeinen” có nghĩa là “hạ nghị viện”, cũng có nghĩa là “nghị viện của bọn ti tiện”.

PH.ĂNG-GHEN

TIN TỪ XÊ-VA-XTÔ-PÔN¹⁴²

Bưu kiện nhận được ở đây tôi thứ bảy, do tàu “A-mê-ri-ca” đem tới, lại cho chúng tôi có khả năng cung cấp cho bạn đọc một bản báo cáo ít nhiều đầy đủ về tiến trình chiến tranh ở Crum, tuy rằng tính chất mâu thuẫn và mập mờ như trước đây của các thông cáo chính thức và tin tức báo chí làm cho nhiệm vụ ấy của chúng tôi không dễ dàng gì. Điều hoàn toàn hiển nhiên là sự thất bại ở Viên¹⁴³ đã gây ra sự náo nhiệt và sự hoạt động tích cực hơn trong doanh trại của liên quân gần Xê-va-xtô-pôn, tuy người ta có thể nói rằng cuộc pháo kích đã ngừng lại ngày 24 tháng Tư, nhưng hai tuần lễ sau đó đã không trôi qua mà hoàn toàn không có hành động gì. Hiện giờ rất khó xác định liên quân đã đạt được những lợi thế gì; tuy nhiên, một phóng viên khẳng định rằng phía quân phòng ngự đã rút khỏi các công sự phòng ngự phía trước của quân Nga là các đồn Xê-len-ghin, Vô-lun và Cam-sát-xki cũng như các chiến hào bộ binh trên toàn bộ tuyến phía trước của công sự ấy¹⁴⁴. Vì không nghi ngờ gì nữa, đây là thành tựu tối đa của liên quân, nên chúng tôi tạm thời giả định rằng những tin tức ấy xác thực. Một số phóng viên được tin quân Pháp đã cường tập và chiếm được các pháo đài Cột buồm, nhưng những tin tức này không đáng tin cậy. Chúng chỉ là sự thổi phồng một cách vô căn

cứ sự kiện ngày 21 tháng Tư, khi quân Pháp đánh mình làm nổ tung chiến hào tiền tiêu ở trước pháo đài ấy^{1*}.

Chúng tôi giả định rằng quân Nga thật sự đã bị đẩy lùi về phòng tuyến ban đầu của họ, tuy rằng điều rất lạ lùng là cho tới nay chưa nhận được thông báo về việc liên quân chiếm được núi Xa-pun và Ma-mơ-lôn. Nhưng dù những lô cốt vuông trên những điểm cao ấy không còn trong tay quân Nga nữa, thì vẫn không có ai có thể phủ nhận rằng quân Nga đã sử dụng có hiệu quả lớn những lô cốt ấy. Quân Nga đã giữ núi Xa-pun từ ngày 23 tháng Hai, còn đồn Cam-sát-xki thì họ giữ được từ ngày 12 tháng Ba đến cuối tháng Tư; trong suốt thời gian ấy, các chiến hào của liên quân đều bị đặt hoặc dưới hỏa lực bắn dọc hoặc dưới hỏa lực chính diện tập trung của các pháo đài quân Nga, trong khi đó chiếc chìa khóa của toàn bộ trận địa - đồi Ma-la-khốp - đã được quân Nga yểm hộ hoàn toàn suốt hai tuần lễ pháo kích. Sau khi

^{1*} - Trong tờ “Neue Oder-Zeitung” đoạn đầu của bài viết như sau: “Việc thiết lập đường dây điện tín giữa Ba-la-cla-va - Luân Đôn và Pa-ri cho tới nay chưa đem lại gì cho công chúng, mà chỉ đem lại sự rầm rối lớn hơn trong tin tức mà họ nhận được.

Chính phủ Anh hoặc không công bố gì cả, hoặc hạn chế ở những lời tuyên bố mập mờ về thắng lợi đã giành được. Chính phủ Pháp đã công bố những điện khẩn do Can-rô-béc ký, nhưng dưới hình thức cắt xén và xuyên tạc đến nỗi hầu như không thể rút ra được gì từ những thông báo ấy. Chẳng hạn, pháo đài mà quân Pháp giáng đòn công kích chủ yếu thì cho tới nay vẫn gọi là *pháo đài Cột buồm - Bastion du Mât*. Hiện nay chúng ta được biết đến thắng lợi lớn mà quân Pháp thu được trong cuộc tiến công vào pháo đài Trung tâm, rồi vào pháo đài số 4. Nhưng đối chiếu kỹ những báo cáo ấy với các báo cáo trước đây, nhất là của phía Nga, sẽ thấy rằng người ta vẫn nói như trước đây về cái pháo đài mà chúng ta đã biết từ trước, về pháo đài Cột buồm, nhưng với cái tên gọi khác. Sự lờ bịp ấy là hoàn toàn có dụng ý, do đó ở một mức độ nhất định nó mang tính chất “tiền định”.

Nhưng nếu như điện tín không đem lại lợi ích gì cho công chúng thì hiển nhiên là nó đã gây ra sự náo nhiệt nào đó ở phía liên quân. Không nghi ngờ gì nữa, những điện tín đầu tiên, mà Can-rô-béc nhận được, đã chứa đựng những chỉ thị nghiêm ngặt về hành động kiên quyết hơn và phải dùng mọi thủ đoạn để giành lấy một thắng lợi nào đó. Trong một bản tin không chính thức người ta đã khẳng định rằng quân Nga đã bỏ lại *tất cả* những công sự phòng ngự phía trước - các đồn Xê-len-ghin, Vô-lun và Cam-sát-xki - cũng như các chiến hào bộ binh trên toàn bộ tuyến phía trước các công sự ấy”.

đã lợi dụng thành công như vậy những điểm cao ấy, quân Nga có thể chấp nhận việc rời bỏ những cao điểm ấy.

Ở đây không cần mô tả vô số những cuộc tấn công ban đêm mà kết quả là liên quân đã chiếm được các chiến hào bộ binh và hào chống tiếp cận của quân Nga, cũng như những cuộc xuất kích mà quân Nga tiến hành nhằm mục đích giành giật lại những công sự ấy trong tay liên quân. Những hành động như thế chỉ đáng quan tâm đứng trên góc độ chiến thuật, đối với những ai đã đích thân hiểu rõ địa hình, vì việc tiến hành những hành động như thế phần lớn là tùy thuộc vào sự tháo vát, tinh thần tấn công mãnh liệt và sự ngoan cường của sĩ quan cấp dưới và của binh sĩ. Quân Anh - Pháp trội hơn quân Nga về những phẩm chất ấy, nên họ có thể xây dựng những chốt của mình ở một số địa điểm sát nách công sự quân Nga. Ở một số nơi cự ly giữa hai địch thủ đã rút ngắn đến khoảng cách có thể ném lựu đạn được, tức là liên quân còn cách đường ẩn nấp của quân Nga 20 - 30 i-ác-đơ hoặc cách bức tường chắn chính yếu 40 - 50 i-ác-đơ. Quân Nga tuyên bố rằng quân bao vây ở cách họ ba mươi xa-giê, tức là 60 i-ác-đơ. Tình hình là như vậy, đặc biệt là trước pháo đài Cột buồm, pháo đài Trung tâm và pháo đài Rê-đan, nơi đây những chỗ lõm của địa hình tạo thành một khoảng không chết, thêm vào đó vị trí của những chỗ lõm này làm cho pháo của quân Nga không thể tạo thành góc xiên cho phép bắn cầu vồng vào những chỗ lõm ấy. Vì hỏa lực của pháo binh Nga không hề bị áp chế, nên việc giữ liên lạc với những chỗ lõm ấy và việc biến chúng thành một hệ thống chiến hào hoàn chỉnh là điều rất khó khăn và liên quân sẽ cảm thấy rất mãnh liệt hỏa lực tạt sườn của quân Nga. Thực vậy, chừng nào các khẩu đội của liên quân, còn ở phía sau các chiến hào tiền tiêu ở khoảng cách 400 - 500 i-ác-đơ thì khó mà tưởng tượng liên quân có thể trừ tính phòng ngự những trận địa không yểm hộ ấy chống lại những cuộc xuất kích được tiến hành bất ngờ với một lực lượng đầy đủ; mà sau cuộc pháo kích không thành công, như hiện nay người ta thừa nhận, cần một thời gian nhất định mới có thể sử dụng những khẩu đội mới được đẩy xa hơn lên phía trước.

Cuộc tiến lên đột nhiên này của liên quân hầu như đến tận chân tường cứ điểm quân Nga, tuy bề ngoài khác với sự chậm chạp và thái độ do dự trước đây, nhưng thực ra vẫn cùng một hiện tượng như thế. Trong khi tiến hành cuộc vây đánh này, chẳng có hệ thống gì, chẳng tuân theo một trật tự chặt chẽ nào, và vì bất cứ cuộc vây đánh nào, - xét về thực chất, đều là những hành động nối tiếp nhau chặt chẽ trong đó sau mỗi bước đã hoàn thành, để nó không trở thành vô ích, đều phải lập tức đạt được lợi thế mới gì đó, cho nên điều hoàn toàn hiển nhiên là liên quân đã tiến hành cuộc vây đánh này theo một kế hoạch tột tệ nhất trong những kế hoạch có thể có. Bất chấp sự thất vọng của các tướng lĩnh liên quân khi họ trông thấy lần đầu tiên khu vực tác chiến, bất chấp những sai lầm đã mắc phải hồi mùa thu năm ngoái trong thời gian tiến hành cái gọi là cuộc vây hãm lần thứ nhất, liên quân vẫn có thể đạt được thắng lợi lớn. Ở đây chúng tôi hoàn toàn không đụng đến phía Bắc thành phố, như chính các tướng lĩnh của liên quân đã làm. Họ dứt khoát quyết định tấn công riêng phía Nam, do đó có thể bị lọt vào thành phố có những cứ điểm khổng lồ mà họ không tiếp cận được. Thế là nảy ra vấn đề: hoặc là các tướng lĩnh liên quân cho rằng lực lượng của họ đủ mạnh để chiếm phía Nam, trong trường hợp này hiện nay họ buộc phải thừa nhận rằng họ đã mắc sai lầm không thể tha thứ được; hoặc là họ cảm thấy lực lượng của mình quá yếu, vậy thì xin hỏi: tại sao họ không điều viện binh của mình đến? Hiện nay đã không thể phủ nhận được sự thật là trong cuộc vây đánh “đáng ghi nhớ và không có tiền lệ” ấy, các sai lầm đã nối tiếp nhau. Rõ ràng là sự thiếu thốn phải chịu đựng trong điều kiện mùa đông đã gây ra trong quân sĩ, cũng như trong hàng ngũ tướng lĩnh, tâm trạng uể oải, thờ ơ và mệt mỏi không sao khắc phục được. Vào tháng Hai, khi quân Nga mạnh dạn vọt ra ngoài công sự của họ và xây dựng ở phía trước những phòng tuyến mới, thì điều đó xem ra phải là một đà thúc đẩy khá lớn đối với liên quân và buộc họ huy động lực lượng của mình; nhưng Can-rô-béc chỉ có thể lợi dụng sự cảnh cáo nghiêm trọng ấy để làm nguội lạnh nhiệt tình chiến đấu của lính du-a-vơ, ném họ vào một cuộc tấn công mà ông ta cảm chắc là thất bại. Việc đào chiến hào được khôi phục, nhưng

nói đúng ra là với mục đích xây dựng đường ẩn nấp cho các đơn vị thực hiện cường tập hơn là để đưa các khẩu đội đến gần địch hơn. Thậm chí sau sáu tháng ở lại gần cứ điểm, mỗi hành động của liên quân đều chứng minh rằng họ không có kế hoạch rõ ràng và chưa xác định địa điểm tổng công kích; trái lại, ý nghĩ cũ ám ảnh là chiếm lấy Xê-va-xtô-pôn bằng coup de main^{1*} vẫn xâm chiếm tâm hồn họ, trở ngại cho việc thực hiện mọi đề nghị hợp lý, ngăn cản mọi ý đồ tiến một cách tuần tự lên phía trước. Một ít việc mà liên quân đã làm thì lại diễn ra chậm ba lần, so với hành động tiến hành trong cuộc vây hãm chính quy, đồng thời tình trạng thiếu tuần tự trong hoạt động và thiếu kế hoạch chung thậm chí không đem lại niềm tin vào thắng lợi, vẫn là đặc trưng của những hành động như thế.

Tuy nhiên, tất cả mọi hy vọng đều đặt vào cuộc pháo kích được tiến hành trước đây không lâu. Đây là lý do chủ yếu biện minh cho mọi sự chậm trễ và tình trạng án binh bất động. Tuy khó nói được xem người ta có thể chờ đợi gì ở sự kiện vĩ đại ấy - ở những khẩu pháo ở cách mục tiêu của chúng 600 - 1 000 i-ác-đơ, nhưng dù sao cuộc pháo kích rút cục đã bắt đầu. Trong hai ba ngày đầu, mỗi khẩu pháo bắn 150 phát, rồi 120 phát, rồi 80, 50 sau hết là 30 phát; sau đó cuộc pháo kích đã ngừng lại. Kết quả ít rõ rệt, nếu như không kể những khẩu pháo của liên quân bị hỏng và các kho đạn pháo của liên quân bị cạn sạch. 5 ngày pháo kích với uy lực tối đa lẽ ra có thể gây ra cho quân Nga những thiệt hại lớn hơn và lẽ ra có thể tạo cho liên quân nhiều cơ hội thắng lợi hơn là 15 ngày pháo kích khi mở đầu thì mãnh liệt, nhưng lại giảm sút đi ngay. Nhưng phải chăng trong tình hình thiếu đạn dược và pháo bị loại khỏi vòng chiến, liên quân lại có thể lợi dụng được thời cơ có lợi ấy? Họ không thể làm nhiều hơn hiện nay, trong khi đó, với sự giảm sút của hỏa lực pháo và sau khi liên quân không còn bắn mỗi ngày 50 000 phát như trong năm ngày đầu, quân Nga hiện nay đã ở vào tình hình tốt hơn nhiều so với tình hình có thể xảy ra. Việc kéo dài thời gian pháo kích bằng cách giảm cường độ pháo kích là sự vi phạm nghiêm trọng và không giải thích

^{1*} - cuộc đột kích táo bạo

được đối với mọi quy tắc quân sự, nên nguyên nhân của nó, không nghi ngờ gì nữa, là những lý do chính trị. Khi mà hai ngày pháo kích đầu tiên đã đánh lừa hy vọng của liên quân, thì sự cần thiết duy trì cuộc pháo kích bề ngoài trong khi Hội nghị Viên làm việc đã buộc liên quân tiêu hao vô mục đích đạn dược của họ.

Cuộc pháo kích đã ngừng lại, các phiên họp của Hội nghị Viên đã gián đoạn, liên lạc bằng điện tín đã được thiết lập. Từ Pa-ri đã phát ra mệnh lệnh hành động nhanh chóng và kiên quyết. Người ta đã bỏ phương pháp tấn công trước đây; những cuộc đấu pháo không hiệu quả đã nhường cho những cuộc cường tập có tính chất bộ phận, cho việc chiếm lĩnh trận địa bằng đánh mìn, cho những cuộc bắn nhau và đánh giáp lá cà. Những địa điểm mới ở phía trước đã bị chiếm lĩnh và giữ vững, bất chấp những cuộc xuất kích đầu tiên của bên bị vây. Nhưng đây không phải là thành tựu, nếu không có sự thừa nhận về khả năng bố trí các khẩu đội ở nơi gần phòng tuyến quân Nga và làm cho họ mất khả năng ở lại những phòng tuyến ấy lâu hơn nữa. Những trận địa phía trước không thể giữ được, nếu hằng ngày không chịu những tổn thất lớn, nếu không giữ vững được trước những cuộc vật lộn đều đặn đem lại thắng lợi bấp bênh lần lượt cho hai bên. Chúng tôi thậm chí giả định rằng ngay cả những pháo đài ở hào song song thứ hai và thứ ba sẽ được xây dựng và để xây dựng chúng ngay từ đầu đã đòi hỏi phải đuổi quân Nga ra khỏi các chiến hào bộ binh, - còn cần bao nhiêu thời gian nữa để cung cấp cho những pháo đài mới ấy đủ số lượng khẩu pháo để trả đũa có hiệu quả hỏa lực của quân Nga, mà như hai cuộc pháo kích gần đây đã chứng minh, không thua gì hỏa lực của liên quân? Pháo đài càng gần công sự địch thì hỏa lực đan chéo có thể tập trung vào nó càng mạnh và không gian để bố trí pháo càng hạn chế; nói cách khác: hỏa lực của bên tấn công và hỏa lực của bên phòng ngự càng trở nên cân bằng, nếu trước đó hỏa lực của bên phòng ngự không bị hỏa lực của các khẩu đội ở xa hơn áp chế, điều mà trong trường hợp này chưa xảy ra.

Quân Nga đã chống cự hết sức thành công cuộc tấn công của liên quân bằng cách nào? Một là, nhờ sai lầm và sự do dự của bản thân liên quân; hai là, nhờ lòng dũng cảm của đội quân đóng

giữ và tài nghệ của viên tư lệnh công binh, đại tá Tốt-tơ-lê-bên; ba là, nhờ sự kiên cố tự nhiên của bản thân trận địa. Bởi vì cần thừa nhận rằng trận địa quả thực kiên cố hiếm thấy. Theo các bản đồ tôi mà người ta có được cho tới mãi gần đây, thì Xê-va-xtô-pôn ở dưới sườn núi, phía sau có các cao điểm không chẻ; nhưng các bản đồ mới và tốt hơn thì lại chỉ rõ rằng thành phố ở trên mấy quả đồi độc lập hình tròn, có các khe vực ngăn cách với cao nguyên; những quả đồi ấy trên thực tế đã không chẻ, trên mức độ ngang nhau, cả thành phố lẫn cao nguyên. Tính chất ấy của địa hình có lẽ đã giải thích đầy đủ tại sao liên quân không dám cường tập vào cứ điểm hồi tháng Chín năm ngoái; xem ra thì điều đó đã tác động mạnh mẽ đến các tướng lĩnh liên quân đến nỗi họ thậm chí không tìm cách buộc kẻ địch bộc lộ lực lượng mà nó có để tiến hành phòng ngự. Các công trình sư Nga đã lợi dụng tới mức tối đa những ưu điểm ấy của địa hình. Trên tất cả dốc núi của Xê-va-xtô-pôn hướng về phía cao nguyên đều xây dựng hai, thậm chí ba hàng pháo đài, hàng nọ cao hơn hàng kia, nên đã tăng gấp đôi và gấp ba sức mạnh phòng ngự. Các pháo đài thuộc loại này cũng đã được xây dựng khi xây dựng công sự của các thành phố khác (chẳng hạn, trên sườn đồi Mông Va-lê-ri-ăng ở Pa-ri), nhưng nhìn chung các công trình sư không tán thành loại pháo đài này và gọi là những chiếc bẫy. Chúng quả thực là những chiếc bia lớn cho phía quân bao vây; nếu không bắn trúng, đạn sẽ rơi vào pháo đài ở phía dưới, hoặc đi ở phía trên pháo đài mà người ta ngắm bắn, do đó bên phòng ngự bao giờ cũng chịu những thiệt hại lớn. Nhưng ở nơi đây, nơi mà cứ điểm thậm chí không bị vây chặt, như Xê-va-xtô-pôn, thì sự tổn thất ấy không nghĩa lý gì so với uy lực lớn mà những pháo đài ấy đem lại cho hỏa lực phòng ngự. Chúng tôi cho rằng sau cuộc vây đánh Xê-va-xtô-pôn này, lời chê bai đối với những cái bẫy ấy sẽ rất ít. Trong việc phòng thủ các cứ điểm hạng nhất trong đó có chứa một số lượng lớn vật tư chiến tranh và khó bao vây, những pháo đài ấy có thể được sử dụng rất hiệu quả, nếu địa hình thuận lợi cho điều đó. Ngoài loại bẫy đó, về cả phương diện khác, quân Nga cũng đã từ bỏ lối thực hành công binh đã có từ lâu. Trong hệ thống công sự pháo đài cũ, thì có 15 hoặc thậm chí 17 pháo đài

xung quanh cứ điểm là không đủ: chúng bảo đảm tôi cho việc phòng ngự cứ điểm ấy. Thay vào đó, hiện nay chỉ có pháo đài trên các điểm cao nhô ra phía trước, thêm vào đó những đoạn thành gắn liền những pháo đài ấy tạo thành một đường gẫy khúc tạo khả năng phát huy hỏa lực bên sườn không phụ thuộc vào hỏa lực của bản thân những pháo đài ấy. Trong khi đó, các khẩu pháo đặt ở những nơi nhô ra của đường gẫy khúc ấy có thể bắn phong tỏa toàn bộ khu vực ở phía trước. Trên những đoạn thành nổi ấy, hầu như trên toàn bộ chiều dài của chúng, đều đặt các khẩu pháo, đó cũng là một sự sáng tạo vì trong những công sự pháo đài thông thường thì các đoạn thành nổi chỉ được trang bị một vài khẩu pháo dùng vào những mục đích đặc biệt, còn toàn bộ sự phòng ngự bằng hỏa lực đều dựa vào các pháo đài và các ụ pháo. Tuy không có những tài liệu kỹ thuật tỉ mỉ hơn, song qua những điều nói trên có thể thấy rằng quân Nga đã lợi dụng tối đa phương tiện của mình và nếu liên quân thậm chí chiếm lĩnh được pháo đài Cột buồm hoặc pháo đài trên đồi Ma-la-khốp thì, không nghi ngờ gì nữa, họ vẫn còn vấp phải phòng tuyến thứ hai và thứ ba mà muôn đọt phá chúng họ phải vận dụng toàn bộ tài nghệ và mưu trí của mình.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 8 tháng Năm 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4401, ngày 28 tháng Năm 1855 và đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 217, ngày 11 tháng Năm 1855

In theo bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" có đối chiếu với bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung"

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lâu đầu*

C.MÁC

PI-A-NÔ-RI. - SỰ BẤT BÌNH ĐỐI VỚI ÁO

Luân Đôn, ngày 9 tháng Năm. Báo “Morning Chronicle”, “Advertiser”, “Daily News” và những tờ báo khác đã kết thúc toàn bộ sự chửi bới của chúng đối với tên sát nhân gian trá Pi-a-nô-ri bằng lời quở trách khá nhu nhược đối với một số báo “Moniteur”. Số báo này đã đăng báo cáo trạng đối với Pi-a-nô-ri cùng với quyết định trả cho Căng-ti-ông, nguyên là hạ sĩ quan Pháp và hiện nay là món hàng ế ở Bruy-xen, 10 000 phrăng mà Na-pô-lê-ông di chúc tặng thưởng cho y về việc ám sát Oen-lin-ton. Điều đặc biệt nực cười là sự xun xoe và tự hạ mình của tờ “Chronicle” mà thông thường giữ thái độ hết sức nghiêm túc. Nó nghĩ rằng Na-pô-lê-ông III hình như không biết cái việc kỳ quặc và giờ đây hết sức vụng về để tỏ lòng kính trọng Na-pô-lê-ông I. Cái tên “Căng-ti-ông” rơi trúng vào các trang báo không bị vấy bẩn của tờ “Moniteur” chắc là ngẫu nhiên, do lapsus pennae^{1*}. Có lẽ một viên chức cấp dưới quá sốt sắng nào đó đã tự ý chia cho Căng-ti-ông 10 000 phrăng v.v.. Xem ra thì tờ “Chronicle” đáng kính nghĩ rằng bộ máy quan liêu giấy tờ của Pháp được xây dựng theo kiểu Anh, trong đó qua cuộc thẩm vấn gần đây do ủy ban điều tra của nghị viện tiến hành, người ta đã thấy là một viên chức cấp dưới thuộc Board of Ordnance^{2*} quả thực đã giấu giếm thủ trưởng của mình mà tự tiện đặt mua một loại đạn phóng, hơn nữa với số

^{1*} - in nhảm

^{2*} - bộ quân giới

tiền mấy nghìn pao xtéc-linh, và trong bộ máy ấy, như Pan-móc-xton đã giải thích với hạ nghị viện, việc trao văn kiện ngoại giao cho nghị viện có thể bị trì hoãn hàng tuần vì “nhân vật” mà bộ ngoại giao trao nhiệm vụ dịch các văn kiện đó bị cảm hoặc bị phong thấp.

Đã mấy hôm nay, báo chí Luân Đôn dần dần không ca tụng Áo nữa và chuẩn bị cho bạn đọc của mình chuyển hướng mạnh mẽ, theo hướng sẽ có một giọng điệu khác hẳn. Theo thông lệ “our own correspondents”^{1*} phải mở đường. Chẳng hạn tờ “Morning Chronicle” đã đăng bản tin sau đây gửi từ Béc-lin:

“Không thể vạch mặt nội các Phổ về bất cứ hành vi không thành thực nào đó hoặc trong sự bội ước lời hứa. Nếu như chính phủ các cường quốc phương Tây bị mất phương hướng, thì chỉ là do lỗi lầm của chính họ hoặc do lỗi lầm của những người có trách nhiệm mở mắt cho họ. Nhưng có thể nói như vậy về Áo không? Hành vi của Áo có công nhiên như hành vi của Phổ không? Phổ dốc sức làm hại các cường quốc phương Tây, làm điều đó một cách trực tiếp và lộ liễu. Phổ nhạo báng và chế giễu chúng ta không che đậy, thẳng thừng. Còn Áo thì ỡng ẹo với Anh và Pháp trong 20 tháng nay, cười thầm chúng ta, gây ra niềm hy vọng uổng công, lợi dụng những con đường chính thức và tư nhân, lôi kéo chúng ta vào hết ủy ban này đến ủy ban khác, đưa ra những sự cam kết có tính chất dứt khoát nhất; còn hiện nay, đúng như những sự tiên đoán của những người không bị sự căm giận quá mức mê hoặc. Áo mưu tính rời bỏ chúng ta nếu chúng ta không tiếp nhận những điều kiện hòa bình hết sức có lợi hơn cho Nga và hoàn toàn không thể chấp nhận được đối với Pháp và Anh! Và sự thực quả như thế! Ban đầu Áo làm chiếc lá chắn cho Nga ở sông Prút và để cho Goóc-tra-cốp di chuyển hầu hết toàn thể binh lính của ông từ Bét-xa-ra-bi-a về Crum, còn hiện nay Áo đề xướng và đòi kỳ được một hòa ước giữ nguyên hiện trạng, không có sự thay đổi gì. Nếu đây là tất cả những cái mà chúng ta có thể chờ đợi ở tinh hũu nghị của Áo thì mặt nạ càng được vạch trần nhanh càng tốt”.

Mặt khác, tờ “Times” đã đăng bản tin sau đây gửi từ Viên:

“Nam tước Hét-xơ chỉ huy quân đoàn số ba và số bốn cách đây không lâu đã thảo một bức thư ngắn và đệ lên hoàng đế, trong đó đã chứng minh rằng trong tình hình hiện nay, mà tuyên chiến với Nga là điều không sáng suốt đối với Áo.

^{1*} - “các phóng viên của chính chúng ta”

Có thể là sẽ có những lời la lối nổi lên chống lại tôi, vì tôi đã công khai đùng chạ một vấn đề hết sức tế nhị như vậy, nhưng theo ý kiến tôi, thì tôi sẽ phục vụ tốt cho nước Anh và nước Pháp nếu tôi nói rằng Anh và Pháp chỉ nên dựa vào lực lượng của bản thân, còn vị tất có thể trông cậy vào sự viện trợ của Áo. Nếu Áo đã thuyết phục được Phổ và Hiệp bang Đức cung cấp một đạo quân 100 000 người để yểm hộ cánh trái của mình thì, bất chấp mọi trở ngại, chắc Áo từ lâu lẽ ra đã nhận lấy nghĩa vụ bắt đầu tấn công Nga. Trong bức thư ngắn của mình, nam tước Hét-xơ đã đưa ra những luận cứ gì thì quả thực không rõ, nhưng những người Áo ủng hộ phía Nga và bao giờ cũng thạo tin tức hơn bất cứ ai trong loại sự việc này, thì đều tin chắc rằng những luận cứ ấy đại để quy lại như sau: các cường quốc phương Tây đã chứng minh một cách hoàn toàn hiển nhiên rằng họ buộc phải ném vào Crum toàn bộ lực lượng của bản thân mình cũng như toàn bộ lực lượng của Thổ Nhĩ Kỳ để chống chọi thành công với quân Nga ở đây. Do đó, đối với phía Áo thì việc tham gia chiến tranh chống Nga mà không đảm bảo được cho mình sự ủng hộ của Hiệp bang Đức, sẽ là điều hết sức không sáng suốt. Ai nấy đều thừa nhận rằng Nga có ở Ba Lan một đạo quân 250 000 người gồm cả quân đoàn vệ binh và quân đoàn tinh binh; do đạo quân ấy đóng ở đây, tại khu vực bấy cứ điểm mạnh nhất của Đế quốc Nga nên cần có ít ra là một lực lượng đông gấp đôi để chống chọi thành công với đạo quân ấy của người Nga. Cũng cần chú ý đến nền tài chính tồi tệ của Áo, việc Pháp không thể cung cấp cho Áo một đạo quân 10 vạn người, sự bất lực hiển nhiên của Chính phủ Anh, lập trường bấp bênh của Phổ v.v.. Một tuần lễ nay lại xuất hiện một luận cứ mới - tình trạng luôn biến đổi của tình hình nói chung và sự bất trắc của số phận con người nói riêng và tình trạng tiến thoái lưỡng nan mà Áo sẽ rơi vào nếu như có chuyện gì đó xảy ra với Lu-i Na-pô-lê-ông vào lúc mà Áo đã ở trong tình trạng chiến tranh với Nga”.

*Do C.Mác viết ngày 9 tháng Năm 1885
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
219, ngày 12 tháng Năm 1885*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN DỊCH CRUM¹⁴⁵

Luân Đôn, ngày 11 tháng Năm. Sự nộ nóng bao trùm quân đội Pháp đã buộc Can-rô-béc tiết lộ kế hoạch tác chiến của liên quân. Phải điều quân đoàn dự bị gồm 25 000 người đến Crum; tiếp theo đơn vị này còn cử thêm 30 000 - 40 000 quân Pháp và quân Pi-ê-mông. Ngay sau khi quân đoàn dự bị tới, quân Pháp sẽ tiến quân, vượt sông Đen, tấn công quân Nga ở bất cứ nơi nào gặp họ, tìm cách hội quân với quân của Ô-me-ro-pa-sa ở một nơi nào đó gần sông An-ma và sông Ca-sa, còn sau đó sẽ hành động như thế nào thì tùy tình hình. Trong khi đó, hạm đội gồm tàu chạy bằng hơi nước sẽ tập kích Ca-pha và Kéc-sơ và nếu thành công sẽ chiếm lĩnh và giữ lấy hai thành phố này làm pivôts hoặc điểm tựa cho các đội quân đã chiến. Quả thực đó là kế hoạch duy nhất có thể có, nó cho phép liên quân kết thúc thắng lợi chiến dịch Crum. Nhưng để hành động như thế ở địa hình trống trải thì liên quân phải có ưu thế lớn về số lượng. Không có ưu thế ấy thì họ không thể trông mong giành được thắng lợi có tính chất quyết định trong cuộc đụng độ với quân đoàn quan sát của Nga. So sánh lực lượng của hai bên hiện giờ ra sao?

Quân Pháp có ở Crum 9 sư đoàn bộ binh và một lữ đoàn kỵ binh (Chasseurs d’Afrique^{1*}). Với quân số mỗi sư đoàn 7 000 người thì cả thảy có 63 000 bộ binh và 1 500 kỵ binh. Quân Anh có 5 sư

^{1*} - Các xạ thủ châu Phi

đoàn bộ binh, quân số của mỗi sư đoàn không quá 6 000 người, và một sư đoàn kỵ binh với số quân 2 000 người. Ngoài ra ở Crum còn có một sư đoàn bộ binh Thổ Nhĩ Kỳ gồm khoảng 6 000 người. Cần thêm vào đó quân đoàn dự bị của Pháp, mà từ quân đoàn ấy có thể đều đến Crum vào thời điểm Can-rô-béc ấn định mở đầu chiến dịch, không quá 20 000 người kể cả 4 000 quân Pi-ê-mông đã đổ bộ ngày 3 tháng Năm. Tổng quân số của liên quân ở khu vực Xê-va-xtô-pôn như sau:

Quân Phápbộ binh	83 000,	kỵ binh	1 500
Quân Anh bộ binh	30 000,	kỵ binh	2 000
Quân Thổ Nhĩ kỳ bộ binh	6 000,	kỵ binh	2 000
Tổng cộng... bộ binh	119 000	kỵ binh	5 500

Chúng ta biết rất ít về thành phần của quân đoàn dự bị của Pháp ở Công-xtăng-ti-nô-pơ. Do đó chúng ta không biết hiện giờ liệu có thể điều thêm lực lượng kỵ binh nào đến Crum. Trước khi bắt đầu chiến dịch, liên quân có thể tăng cường số lượng kỵ binh nhiều nhất là 2 000 người, như vậy tổng số tăng lên tới 5 500 người. Để tiếp tục vây hãm cần có ít ra là một số lượng quân bằng số lượng quân hiện đang làm nhiệm vụ đó, nghĩa là 46 000 người (4 sư đoàn quân Pháp, mỗi sư đoàn có 7 000 người, và 3 sư đoàn quân Anh, mỗi sư đoàn có 6 000 người). Cũng cần kể trong số đó số lính thủy và số quân đóng giữ Ba-la-cla-va và tuyến công sự từ đó đến In-ke-rơ-man, đồng thời làm đội dự bị cho đội quân bao vây. Số quân này ít ra là 12 000 người kể cả 6 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ nói trên kia. Nếu tính rằng số lính thủy và lính thủy đánh bộ là 4 000 người, thì trong tổng số 119 000 cần trừ đi 54 000 người, thành thử chỉ còn lại cho hoạt động dã chiến 65 000 bộ binh và 5 500 kỵ binh, cả thảy là hơn 70 000 người một chút. Ngoài ra phải tính đến quân đoàn của Ô-me-rơ-pa-sa ở Ép-pa-tô-ri gồm khoảng 35 000 bộ binh và 3 000 - 4 000 kỵ binh. Trong số quân này phải để lại 15 000 người đóng giữ cứ điểm, nên chắc là Ô-me-rơ-pa-sa có thể tiến quân với số lượng 20 000 bộ binh và 4 000 kỵ binh, tổng cộng 24 000 người.

Như thế là, toàn bộ số quân có thể sử dụng vào *hoạt động dã chiến* trong hai đạo quân độc lập ấy của liên quân là:

	Bộ binh	Kỵ binh	Tổng số
Đạo quân ở Xê-va-xtô-pôn.....	65 000	5 500	70 500
Đạo quân ở Ép-pa-tô-ri.....	20 000	4 000	24 000
	85 000	9 500	94 500

Nếu xuất phát từ con số tối thiểu những số liệu do chính người Nga dẫn ra về quân số hiện nay của họ ở Crum, thì chúng ta sẽ thấy 120 000 bộ binh và 20 000 kỵ binh. Trong số này phải trừ đi 50 000 người cần thiết cho việc phòng ngự Xê-va-xtô-pôn, trong đó 26 000 người cho phía Nam và 24 000 người cho đồn phía Bắc và khu thành lũy. Còn lại 70 000 bộ binh và 20 000 kỵ binh dành cho hoạt động dã chiến. Số lượng pháo dã chiến không thể nào xác định được dù chỉ là về đại thể. Đồng thời, nếu ta xét đến những khó khăn mà liên quân vấp phải trong việc bảo đảm ngựa cho quân đội của mình, cũng như đến số lượng lớn pháo luôn luôn hộ tống quân Nga, thì vị tất có thể hoài nghi sự thật là quân Nga vượt trội quân địch về pháo binh. Ưu thế của quân Nga về kỵ binh cũng rõ rệt như vậy. Về bộ binh thì lực lượng *liên hợp* của liên quân vượt trội hơn quân Nga, song mỗi đạo quân dã chiến ấy, nếu tính tách riêng, thì thua quân Nga về số lượng bộ binh. Nhưng ưu thế lớn nhất của quân Nga là trận địa mà họ chiếm lĩnh. Bố trí trong một khu tam giác giữa sông An-ma, Xê-va-xtô-pôn và Xim-phê-rơ-pôn, quân Nga chiếm lĩnh ở phía bắc, chống lại Ô-me-rơ-pa-sa, một trận địa có công sự ven theo con sông nói trên, sông này được bảo vệ ở phía chính diện, bằng một lực lượng là 15 000 bộ binh, đồng thời sự cơ động bên sườn của kỵ binh Nga đe dọa cắt đứt quân Thổ Nhĩ Kỳ với Ép-pa-tô-ri. Cho nên, nếu Ô-me-rơ-pa-sa quyết định tự mình tiến đến sông An-ma, thì dù sao ông ta cũng không thể nào vượt được sông này, chừng nào quân Anh - Pháp còn chưa đẩy lùi quân Nga về Xim-phê-rơ-pôn và do đó buộc quân Nga bỏ trận địa của họ ở An-ma. Trong trường hợp này hai đạo quân ấy mới có thể hội quân được. Vì vậy sự

tiến lên của quân đội Anh - Pháp là điều kiện cơ bản cho thắng lợi toàn cục. Nhưng xem ra thì cuộc tiến quân đó của liên quân không thể theo con đường nào khác con đường hướng về ấp Mê-ken-di. Con đường chạy về hướng An-ma và Xim-phê-rô-pôn được bảo vệ bằng hai tuyến công sự, một tuyến xây dựng trên sông núi nhìn xuống sông Đen, một tuyến xây dựng ở phía bắc khe núi chạy từ dãy núi gần ấp Mê-ken-di xuống tận cuối vịnh Xê-va-xtô-pôn. Tuyến phòng ngự thứ hai và chủ yếu này dài cả thảy khoảng hai dặm Anh, nghe nói, rất kiên cố, ở đây liên quân phải tiến hành một trận quyết chiến đầu tiên, một trận đánh mà kết cục sẽ quyết định xem họ sẽ bị giam hãm ở Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây hay là đột nhập được vào sâu trong bán đảo. Lợi thế của quân Nga là ở phía chính diện hẹp nơi đó liên quân sẽ phải tiến hành các hoạt động. Nếu quân Nga thua trận ở đây và trận địa của họ bị cướp mất, thì họ không còn cách nào khác hơn là rút về Ben-bêch và chốt ở tuyến ấy chống cự với liên quân, đồng thời tạo nên sự uy hiếp đối với quân Thổ Nhĩ Kỳ ở An-ma bằng lực lượng của đơn vị biệt phái. Dù quân Nga lại thua ở đây, thì ưu thế của nó về kỹ binh cũng như những phương tiện vận tải thì không cho phép liên quân đứng vững ở nơi cách xa bờ biển, sẽ tạo cho quân Nga khả năng rút khỏi khu vực hoạt động của liên quân. Phòng tuyến mà quân Nga có thể lui về chính là phần kéo dài của cánh trái của nó, song đó lại là trận địa hoàn toàn bất lợi. Nhưng hoàn toàn có khả năng là quân Nga ngay từ đầu sẽ tìm cách kiềm chế liên quân ở sông Đen, đồng thời tung chủ lực của họ chống lại Ô-me-rô-pa-sa để bao vây và tiêu diệt Ô-me-rô-pa-sa bằng kỹ binh, sau đó quay toàn bộ lực lượng của họ về chống lại quân Anh - Pháp.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 11 tháng Năm 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder -Zeitung" số 221, ngày 14 tháng Năm 1855 và đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4402, ngày 29 tháng Năm 1855

In theo bản đăng trên tờ Neue Oder - Zeitung", có đối chiếu với bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune".

*Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

TỜ "MORNING POST" CHỐNG NƯỚC PHỔ. - ĐẢNG VÍCH VÀ ĐẢNG TO-RI

Luân Đôn, ngày 14 tháng Năm. Báo "Morning Post", cơ quan ngôn luận riêng của Pan-móc-xton, hôm nay đã đăng một bài đầy đầy sự đe dọa đối với *Phổ*, trong đó có đoạn viết:

"Tháng Tư 1854, quyết định của Hội đồng cơ mật đã cho phép nhập khẩu vào Vương quốc liên hợp những sản phẩm của Nga chở trên các tàu trung lập. Phổ đã lợi dụng một cách nhanh chóng ghê gớm sự cho phép này. Những số liệu thống kê dưới đây (rút trong bảng thống kê chính thức đệ trình nghị viện) nói lên những con số so sánh về khối lượng mỡ, gai và lanh nhập khẩu từ nước đó vào Anh trong những năm 1853 và 1854. Qui mô tăng nhập khẩu năm qua nói lên rõ ràng số lượng sản phẩm của Nga đã tìm được đường vào thị trường Anh qua ngã Mê-men và Đan-tích, bất chấp sự phong tỏa chặt chẽ của chúng ta đối với các cảng của Nga trên biển Ban-tích. Từ Phổ đã nhập vào Vương quốc liên hợp:

	Năm 1853	Năm 1854
	(tính theo tạ)	
Mỡ.....	54	253 955
Gai.....	3 447	366 220
Lanh.....	242 383	667 879
Hạt lanh....	57 848	116 267

Những con số ấy chứng minh đầy đủ ý nghĩa của ngành mậu dịch mới này đối với Phổ. Kết quả là, bất chấp sự phong tỏa của chúng ta, Nga vẫn có thể tự

do bán sản phẩm của mình như trong thời bình, trong khi đó chúng ta phải trả thêm cho những sản phẩm ấy 50% dưới hình thức thuế và lợi nhuận mà các nhà buôn Phổ thu được. Chúng ta thừa nhận rằng chính sách hiện nay của chúng ta về cơ bản là không quán triệt. Nhưng biện pháp chữa chạy không phải là chấm dứt việc phong tỏa các hải cảng của địch, mà là thu tiêu - nếu việc này vừa sức chúng ta - mậu dịch trên đất liền được tiến hành thông qua lãnh thổ của Phổ”.

Phong trào *chống giai cấp quý tộc* ở Anh chỉ có thể có một kết quả trực tiếp - đưa đảng To-ri, tức là đảng quý tộc đặc trưng, lên cầm quyền. Nếu không xảy ra điều đó thì phong trào tất nhiên trước hết sẽ quy tụ vào một số hành vi tầm thường của đảng Vích, vào vài ba cuộc cải cách giả trong lĩnh vực hành chính không đáng bàn đến. Lời tuyên bố của Lây-ác về ý định đưa ra nghị quyết án về “tình trạng đất nước” và sự ngênh đón mà nghị quyết án ấy có được ở hạ nghị viện đã dẫn tới việc triệu tập các cuộc mít-tinh ở khu Xi-ti. Nhưng tiếp liền các cuộc mít-tinh ở Xi-ti là đề án của Ê-len-bô-rô tại thượng nghị viện mà đảng To-ri dùng để nắm lấy phong trào cải cách mới đó và lợi dụng nó làm thủ đoạn chui vào nội các. Bản thân Lây-ác, trong đề án của mình, đã thay các từ “*ảnh hưởng của quý tộc*” bằng các từ “*ảnh hưởng của gia tộc*”, qua đó đã nhượng bộ đảng To-ri. Mọi phong trào ngoài nghị viện đều mang hình thức tranh cãi *bên trong* nghị viện giữa hai phái của giai cấp cầm quyền. Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc trong tay đảng Vích đã trở thành công cụ lật đổ đảng To-ri^{1*}. Hội cải cách hành chính trong tay đảng To-ri sẽ trở thành thủ đoạn lật đổ đảng Vích. Song, chớ nên quên rằng như vậy là hai phái đều luân phiên đem hy sinh hết nền tảng này đến nền tảng kia của chế độ cũ, nhưng bản thân chế độ - cần phải bổ sung điều này - vẫn còn hiệu lực. Chúng tôi đã nêu lên từ trước ý kiến cho rằng chỉ có đảng To-ri thường buộc phải nhượng bộ nhiều hơn, vì chỉ trong thời kỳ họ cầm quyền sức ép từ bên ngoài mới mang tính chất uy hiếp, thậm chí mang tính chất cách mạng^{1*}. Đảng Vích đại biểu cho bản thân tập đoàn thống trị đầu sỏ ở Anh, cho quyền lực của một nhóm nhỏ các gia đình có thể

^{1*} - Xem tập này, tr. 122 - 124

lực, như Xa-thơ-len, Bét-phớt, Các-lai-lơ, Đê-vôn-sia v.v.. Đảng To-ri đại biểu cho squireocracy, cho phái gioong-ke, nếu các bạn muốn nói như vậy, tuy rằng giữa đại địa chủ Anh và anh chàng gioong-ke Bắc Đức có sự khác nhau lớn. Do đó đảng To-ri là kẻ duy trì tất cả những định kiến của nước Anh cũ trong các vấn đề giáo hội và quốc gia, trong chính sách bảo hộ thuế quan và chống Thiên chúa giáo. Đảng Vích, tập đoàn thống trị *có văn hóa*, đã vứt bỏ không chút do dự những định kiến cản trở họ thực hiện quyền thế tập của mình trong việc mua các chức vị nhà nước. Thiện ý của đảng Vích bao giờ cũng kìm hãm phong trào của giai cấp tư sản; thiện ý của đảng To-ri thì thường xuyên đẩy quần chúng nhân dân vào vòng tay giai cấp tư sản, còn giai cấp này lại trao quần chúng nhân dân cho đảng Vích tùy ý sử dụng. Hiện nay không còn sự khác nhau gì nữa giữa đảng Vích và đảng To-ri, vì đảng To-ri tựa hồ như đại biểu cho bình dân, còn đảng Vích thì đại biểu cho haute volée^{1*} của quý tộc. Giới quý tộc bình dân quen dùng những câu nói quý tộc cũ, còn đám quý tộc thượng đẳng thì quen dùng những câu nói của phái tự do. Nhưng trên thực tế, sau khi các đảng viên To-ri (huân tước Bô-linh-brốc, v.v.) rút khỏi vũ đài, thì đứng đầu đảng To-ri luôn luôn là bọn mới phát lên, như Pít, Át-đin-ton, Péc-xi-van, Ca-ninh, Pin và Đì-xra-e-li. Trong hàng ngũ đảng To-ri bao giờ cũng tìm thấy homines novi^{2*}. Khi Đóc-bi (bản thân là kẻ chạy từ phe Vích sang) thành lập nội các, thì thành phần nội các này, ngoài bản thân Đóc-bi, không có quá hai người xuất thân từ giới quyền quý. Tất cả những thành viên còn lại đều là những đại địa chủ bình thường và một nhà văn. Trái lại, các đảng viên đảng Vích, những người không do dự phút nào trong việc thay đổi lễ phục và quan điểm của họ tùy theo điều kiện thời gian, những người thường xuyên đổi mới và cải cách xét về bề ngoài, thì không cần đến những người mới. Họ có thể làm cho họ tên của mình trở thành bất tử. Nếu nhìn khái quát lịch sử nước Anh từ thời kỳ có cuộc cách mạng “quang vinh” năm 1688, thì chúng ta sẽ đi đến kết luận là tất cả các đạo luật nhằm chống

^{1*} - tầng lớp trên

^{2*} - những con người mới, những kẻ mới phát lên

lại quần chúng nhân dân, kể từ đạo luật đổi nhiệm kỳ của nghị viện thành 7 năm¹⁴⁷, cho đến đạo luật gần đây về trại lao động¹⁴⁸ và luật công xưởng mới nhất, đều xuất thân từ đảng Vích. Nhưng chính sách phản động của đảng Vích bao giờ cũng được thi hành với sự đồng ý của giai cấp tư sản. Chính sách phản động của đảng To-ri chĩa vào giai cấp tư sản thậm chí ở một mức độ lớn hơn là chống lại quần chúng nhân dân. Đây là nguyên nhân tại sao đảng Vích được xem là phái tự do.

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Năm 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 227, ngày 18 tháng Năm 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

PHIÊN HỌP CỦA THƯỢNG NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 15 tháng Năm. Sau bữa trưa hôm qua, hành lang của thượng nghị viện chật ních ngay từ trước khi khai mạc hội nghị. Người ta chờ đợi một cảnh tượng thú vị - cuộc thảo luận về đề án của huân tước Ê-len-bô-rô và cuộc giao chiến thực sự giữa Ins và Outs^{1*}. Ngoài ra người ta còn tò mò muốn chính mắt mình xem các nhà lập pháp thế tập sẽ đóng vai kỹ sĩ thập tự quân *chống* quý tộc như thế nào. Đóng vai kém quá. Các diễn viên luôn luôn xa rời vai sấm của mình. Cuộc trình diễn mở đầu bằng bi kịch, nhưng kết thúc bằng một trò hề. Trong cuộc giao chiến giả thậm chí đã không giữ được một ảo tưởng, một ảo tưởng có tính chất kịch nào. Thoạt nhìn đã thấy ngay rằng các chiến sĩ cao thượng ra sức giữ gìn nguyên vẹn không những cho nhau, mà thậm chí giữ nguyên vẹn cả vũ khí dùng để giao chiến.

Cuộc tranh luận, do xoay quanh sự phê phán việc tiến hành chiến tranh, nên đã ở trình độ thấp hơn cuộc tranh luận ở bất cứ Debating Club^{2*} nào ở Luân Đôn, và bàn về cuộc tranh luận đó dù là chỉ bỏ một phút, cũng có nghĩa là lãng phí thời gian. Nhưng chúng tôi vẫn định minh họa bằng mấy nét về các huân tước cao quý đã sắm vai như thế nào trong khi diễn vai người bảo vệ cải cách hành chính, người phản đối sự độc quyền của

^{1*} - chính phủ và phe đối lập

^{2*} - Câu lạc bộ tranh luận

giới quý tộc trong việc trị nước, các ngài đó đã phản ứng ra sao đối với các cuộc mít-tinh ở Xi-ti. Huân tước Ê-len-bô-rô thét lên: “Những người thích đáng ở vị trí thích đáng!”. Và để chứng minh rằng mỗi người phải được hưởng niềm vinh dự của mình căn cứ vào công lao và chỉ căn cứ vào công lao, vị huân tước ấy đã đưa ra sự kiện là *bản thân ông ta* (Ê-len-bô-rô) và huân tước Hác-uych sở dĩ ngồi ở thượng nghị viện là vì *cha của họ* bằng công lao của mình đã mở cho họ con đường vào viện quý tộc. Trái lại, theo chúng tôi, sự việc ấy là một ví dụ nói lên rằng dựa vào công lao của *người khác*, trong trường hợp này là công lao của cha mình, người ta có thể đạt được suốt đời không những một chức vụ nào đó, mà thậm chí cả danh hiệu nhà lập pháp của nước Anh. Còn *công lao* mà Lord chief justice of the Queen’s Bench^{1*}, Ê-len-bô-rô bố và ông Sác-lơ I-oóc, bố của huân tước Hác-uych, đã dựa vào để mở đường vào thượng nghị viện thì như thế nào? Lịch sử của nó thật là một bài học. Ông Ê-len-bô-rô quá cố, một luật sư Anh và sau đó là quan tòa, trong việc xét các vụ án về xuất bản, về các vụ âm mưu và về các gián điệp cảnh sát, được tiến hành dưới thời cai trị của Pít và những người kế tục ông ta, đã đạt được danh hiệu là *Giê-phrít en miniature*^{2*}. Dưới sự lãnh đạo của ông special jury^{3*} ở Anh đã đạt được tiếng tăm mà ngay cả “jurés probes et libres”^{4*} thời Lu-i Phi-líp cũng chưa bao giờ được hưởng. Đây là *công lao* của Ê-len-bô-rô bố và chúng mở đường cho ông ta vào thượng nghị viện. Còn về ngài *Sác-lơ I-oóc*, tiền bối của huân tước Hác-uych, thì ông này vượt ông Ê-len-bô-rô bố về mặt *công lao*. Ông Sác-lơ I-oóc ấy trong hai mươi năm làm nghị sĩ do xứ Căm-brít-giơ bầu ra, là một trong những người được lựa chọn mà Pít, Péc-xi-van và Li-vốc-pun giao phó “to do the dirty work for them”^{5*}. Mỗi một biện pháp khủng bố “trung thực” đương thời đều tìm thấy ở ông ta nhân vật Pin-đa-rơ của mình. Ông ta xem mỗi đơn thỉnh cầu phản đối việc công khai mua bán ghế nghị sĩ ở hạ

1* - chánh án tòa án hoàng gia

2* - thu nhỏ

3* - tòa án bồi thẩm đặc biệt

4* - “các bồi thẩm chính trực và tự do”

5* - “làm những việc xấu xa thay cho họ”

ngị viện như là “âm mưu Gia-cô-banh”. Đối với mỗi một đề nghị phản đối chế độ vô liêm sỉ ban phát các chức tước béo bở an nhàn trong khi sự bần cùng hóa đã xuất hiện ở Anh, Sác-lơ I-oóc đều tuyên bố đó là hãm hại “sự yên vui diễm phúc của tín ngưỡng thiêng liêng của chúng ta”. Nhân vật Sác-lơ I-oóc ấy đã chúc mừng sự thăng quan tiến chức của mình vào thượng nghị viện trong những hoàn cảnh như thế nào? Cuộc hành binh Van-khe-ren¹⁴⁹ đã gây ra ở Anh, vào năm 1810, những sự kiện giống như cuộc viễn chinh Crum đã gây ra năm 1855. Huân tước Poóc-se-xtơ đưa ra trước hạ nghị viện đề án cử một ủy ban điều tra. Sác-lơ I-oóc phản đối kịch liệt, nói đến những âm mưu, đến việc kích động tâm trạng bất mãn và những điều tương tự. Tuy vậy, đề án của Poóc-se-xtơ đã được thông qua. Bây giờ I-oóc quyết định làm cho công chúng mất khả năng tìm hiểu về những tài liệu điều tra, và vẫn dựa trên đặc quyền cũ và phi lý của nghị viện để nhất quyết đòi hành lang của nghị viện phải sạch bóng công chúng và phóng viên. Người ta đã làm như vậy. Lúc đó có một Hây-lơ Giôn-xơ nào đó, chủ tịch một Debating Club ở Luân Đôn, đã công bố một bản tin nói rằng trong phiên họp sắp tới của câu lạc bộ sẽ thảo luận vấn đề ngài Sác-lơ I-oóc xâm phạm tự do xuất bản và lãng nhục thô bạo dư luận. Để đáp lại điều đó, đứng trước nghị viện Sác-lơ I-oóc đã buộc tội Hây-lơ Giôn-xơ đã làm nhục nghị sĩ và vi phạm “đặc quyền của nghị viện”, sau đó, bất chấp mọi luật pháp của Anh, Giôn-xơ đã bị áp giải thẳng từ phiên họp của nghị viện, không có xét xử và điều tra, đến nhà tù Niu-ghết “để bị giam ở đây cho đến chừng nào mà hạ nghị viện còn thấy điều đó là thích hợp”. Hoàn thành chiến công anh hùng ấy. Sác-lơ I-oóc đã lên mặt về thái độ độc lập của mình. Các bạn thấy không, ông ta chỉ hành động như một “quý tộc nông thôn” ngay thẳng, như “một người bạn của quốc vương”, như “một người trung thực chống Gia-cô-banh”. Nhưng chưa đầy ba tuần sau khi đóng cửa hành lang theo sự đòi hỏi của I-oóc, như mọi người đều biết, ông ta đã kịp trình tài khoản của mình lên nội các Péc-xi-van và đã mặc cả được cho suốt đời mình cái chức vụ lương cao việc nhàn Teller of the Exchequer^{1*},

1* - của một kiểm soát viên ngân khố

(một thứ chức vụ đại loại “người giữ nền xanh”), nói cách khác, khoản thu nhập suốt đời mỗi năm 2 700 p.xt.. Nhận được chức vụ lương cao việc nhàn ấy rồi, Sác-lơ I-oóc phải đến với cử tri của mình ở Căm-brít-giơ để được bầu lại. Tại đại hội bầu cử, người ta hoan nghênh ông ta bằng tiếng huýt sáo, lời châm chọc, bằng những quả táo thối và trứng gà thối và ông ta đã buộc phải bỏ chạy. Để đền bù sự thất bại ấy, Péc-xi-van đã ban cho ông ta danh hiệu quý tộc. Bằng con đường ấy Sác-lơ I-oóc đã trở thành quý tộc và bằng con đường ấy - huân tước Ê-len-bô-rô chỉ giao cho huân tước Pan-móc-xton - những công lao phải được sự thừa nhận của bộ máy quốc gia được tổ chức tốt đẹp. Không tính đến những lapsus linguae^{1*} ngây thơ và đặc trưng ấy, Ê-len-bô-rô có sự tương đồng không thể chối cãi được với chàng hiệp sĩ bất hạnh^{2*}, phần nhiều đã sử dụng những câu chữ của các cuộc mít-tinh ở Xi-ti.

Bạn ông ta là Đốc-bi đã ra sức hạn chế ngay cả sự nhượng bộ thuần túy mang tính chất hùng biện ấy. Ông ta bác bỏ tin đồn rằng ông ta đã liên minh với Lây-ác. Ông ta, mà toàn bộ thiên tài là ở tính thận trọng; đã chỉ trích Lây-ác thiếu thận trọng. Trong quan điểm của các ngài ở Xi-ti có nhiều cái đúng, nhưng họ đã đi đến những kết luận khá kỳ quặc (! !). Các bộ trưởng nên tìm đồng sự của mình trong nghị viện, không những trong nghị viện mà cả trong đảng của mình, mà trong đảng không bằng trong nhóm đảng viên có trọng lượng trong nghị viện. Trong nhóm ấy, đương nhiên là những người có tài năng, mà cho tới nay thường chưa được tính đến, phải có ý nghĩa quyết định. Đốc-bi cho rằng sai lầm là ở cuộc cải cách nghị viện năm 1831. “Các địa phương mục nát” “rotten boroughs” đã bị thủ tiêu, nhưng chính những địa phương ấy đã cung cấp cho nước Anh những nhà hoạt động nhà nước có đầu óc sáng suốt. Các địa phương ấy đã tạo khả năng cho những người có thể lực vào nghị viện, những người trẻ tuổi có tài

^{1*} - câu nói lỡ lời

^{2*} - Đông-Ki-sốt

năng nhưng không có tài sản, và từ đây họ sẽ đảm nhiệm những chức vụ quốc gia. Do đó, thậm chí theo ý kiến của Đốc-bi, không thể có cải cách hành chính nào nếu không có cải cách nghị viện - chỉ có điều là cải cách nghị viện theo ý nghĩa trái lại, theo ý nghĩa phục hưng “các địa phương mục nát”. Những lời oán trách của Đốc-bi xem ra không phải hoàn toàn có căn cứ, nếu ta xét đến một điều là 85 ghế trong hạ nghị viện cho tới nay vẫn còn thuộc về khoảng 60 “rotten boroughs” nhỏ (chỉ riêng ở Anh) mà không một địa phương nào trong số đó có quá 500 nhân khẩu, tuy một số địa phương ấy đã cử hai đại biểu.

Huân tước Pan-muy-rơ phát biểu nhân danh nội các, đã hướng cuộc tranh luận tại thượng nghị viện đi vào thảo luận thực chất của vấn đề. Ông ta nói lấp bắp rằng những lời nói hăng hái của các ngài đều theo đuổi mục đích lợi dụng sự huyên náo được đẩy lên ở ngoài nghị viện để đuổi chúng tôi ra khỏi nội các và tự mình chiếm lấy chỗ của chúng tôi. Tại sao Đốc-bi không thành lập nội các ba tháng trước đây khi nhận được đề nghị của nữ hoàng? Đốc-bi mỉm cười trả lời, đúng, ba tháng trước! Ba tháng nay tình hình đã thay đổi. Ba tháng trước đây huân tước Pan-móc-xton là homme à la mode^{1*}, là nhà hoạt động nhà nước vĩ đại không thay thế được. Bây giờ ông ta đã hát xong bài hát của mình và đã đến lượt chúng tôi.

Những cuộc tranh luận ở thượng nghị viện chứng tỏ rằng ở đây không một bên nào có những tài liệu để tạo nên con người chân chính. Còn nói về hạ nghị viện thì Ê-len-bô-rô chỉ ra một cách chính xác rằng nó đã thối rữa rồi, đã mất uy tín, rằng cần tìm kiếm ảnh hưởng chính trị không phải ở *bên trong*, mà là ở *bên ngoài* nghị viện. Những cuộc tranh luận ở thượng nghị viện chứng minh rõ ràng mala fides^{2*} của phe đối lập quý tộc định dùng cách lừa bịp để biến phong trào tư sản thành con số không, đồng thời lợi dụng nó làm chiếc rìu chống lại nội các. Trong bản tin sau,

^{1*} - con người mốt

^{2*} - sự không thành thực

chúng tôi sẽ có dịp chứng minh cũng mala fides của phái cải cách ở khu Xi-ti đối với giai cấp công nhân mà họ định đùa rỡ như phe đối lập quý tộc đã từng đùa rỡ với họ. Điều đó làm cho người ta có thể tin chắc rằng phong trào hiện nay ở Anh, xét về tính chất của nó, là rất phức tạp và, như chúng tôi đã vạch rõ từ lâu, bản thân nó bao gồm hai phong trào đối lập và thù địch nhau.

*Do C.Mác viết ngày 15 tháng Năm 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 228, ngày 19 tháng Năm 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

*** PHÁI TƯ SẢN ĐỐI LẬP VÀ
PHÁI HIỆN CHƯƠng¹⁵⁰**

Luân Đôn, ngày 16 tháng Năm. Sự phẫn nộ của phái tư sản đối lập đối với cuộc biểu quyết ở thượng nghị viện về đề án của Ê-len-bô-rô là dấu hiệu của sự yếu đuối của nó. Trái lại đáng lẽ nó nên chúc mừng việc bác bỏ đề án ấy như là một thắng lợi. Buộc thượng nghị viện, hội đồng tối cao ấy của quý tộc, trong quá trình tranh luận một cách trịnh trọng và công khai phải tuyên bố rằng nó hài lòng về cách tiến hành cuộc chiến tranh cho tới nay, buộc nó công khai thừa nhận trước mọi người rằng Pan-mớc-xton là lãnh tụ và đại biểu của mình và cự tuyệt dứt khoát ngay cả nguyện vọng tốt lành về cải cách hành chính và khước từ mọi cải cách nói chung - *kẻ thù của quý tộc* có thể chờ đợi kết quả gì tốt hơn ở đề án của Ê-len-bô-rô? Họ lẽ ra trước hết phải ra sức làm mất uy tín của thượng nghị viện, dinh lũy cuối cùng của quý tộc Anh. Nhưng họ lại oán trách thượng nghị viện bỏ lỡ cơ hội giành lấy tiếng tăm ngắn ngủi, không phải nhờ vào đặc quyền của bản thân, mà là nhờ vào nội các hiện tại! Nếu báo "Morning Herald", cơ quan ngôn luận của đảng To-ri, cơ quan của mọi thành kiến "hiến pháp toàn thiện toàn mỹ nhất của chúng ta", oán trách như vậy thì đó là điều tự nhiên. Báo "Morning Herald" tự an ủi bằng niềm hy vọng rằng sau khi tập đoàn thống trị Vích hoàn thành, trong vòng một nửa thế kỷ, nghĩa vụ người bạn của giai cấp tư sản và của "tiền bộ tự do", thì vai trò sẽ thay đổi và trong

một thế kỷ rưỡi tiếp theo, vai trò các đại biểu “quí tộc” của giai cấp tư sản và của “tiên bộ tự do” sẽ được trao cho *đảng To-ri*. Tờ “Morning Herald” có đầy đủ lý do chính đáng để than phiền. Còn phái tư sản đối lập? Chẳng lẽ họ cho rằng cuộc biểu tình ôn hòa của các nhà buôn ở Xi-ti đủ để đẩy giới quý tộc đi đến tự sát, vứt bỏ chính quyền? Song sự thực là giai cấp tư sản trông mong thỏa hiệp, nó chờ đợi sự nhượng bộ của đối phương, để bản thân có thể nhượng bộ, nó hy vọng hết sức tránh cuộc đấu tranh thực sự. Vì rằng một khi cuộc đấu tranh thực sự bắt đầu thì “hàng triệu” người, mà họ gọi là các giai cấp “bên dưới”, sẽ chen lên vũ đài và tham gia vào đó không những với tư cách khán giả hoặc trọng tài, mà còn với tư cách một bên tham chiến. Song, điều đó thì giai cấp tư sản muốn tránh bằng mọi cách. Nguyên nhân tương tự đã buộc đảng Vích đứng ngoài nội các từ năm 1808 đến năm 1830. Họ muốn lật đổ đối thủ của mình bằng bất cứ giá nào, nhưng miễn là không phải với cái giá những nhượng bộ thực sự cho giai cấp tư sản mà không có sự giúp đỡ của giai cấp này thì không đuổi được đảng To-ri, miễn là không phải với cái giá là cải cách nghị viện. Chúng ta đã thấy, với cái nhún vai lập lờ nước đôi như thế nào, với những điều kiện đặt trước gì và với hình thức châm biếm chẳng nói lên cái gì, Ê-len-bô-rô và Đóc-bi đã tuyên bố mình là người ủng hộ cuộc cải cách hành chính tư sản, đồng thời lại bằng mọi cách quay lưng lại với những đồng minh giả của mình. Mặt khác, hiện nay chúng ta lại thấy, với sự nham hiểm nhút nhát như thế nào các nhà buôn chủ trương cải cách ở Xi-ti ngay từ đầu đã ra sức ngăn cản mọi sự phân đôi của phái Hiến chương và tạm thời bảo đảm sự im lặng của họ, để sau đó lợi dụng sự âm ỉ gạt họ ra khỏi vị trí mà họ tự nguyện nhường lại. Cũng như đảng To-ri, ở các ngài thuộc khu Xi-ti nỗi lo sợ và sự thù hận đối với những đồng minh giả đã vượt trội sự ác cảm đối với những kẻ thù giả. Vấn đề thì các sự kiện đã diễn ra như sau:

Hội cải cách hành chính sợ sự phân đôi của phái Hiến chương là phái, như bạn đọc còn nhớ, trong hai cuộc mít-tinh lớn ở 2 phòng họp lớn Xanh-Mác-tin-xơ và Xao-tu-ác, đã đấu tranh thắng lợi với Hội hiệp dân tộc và lập hiến và đã buộc hội này rút khỏi trận

địa mà nó đã lựa chọn. Ngày 26 tháng Tư, ông Giêm-xơ A-clen (trong quá khứ đã cố động chống lại những đạo luật về ngũ cốc) đã đến nhà Êc-ne-xơ Giôn-xơ và tuyên bố rằng ông ta là “sứ giả” của Hội cải cách hành chính là hội đang trông mong ở sự hậu thuẫn của phái Hiến chương, vì hội này ra sức thủ tiêu “cơ quan lập pháp giai cấp” và tiến tới thành lập chính phủ nhân dân. Ông ta mời Êc-ne-xơ Giôn-xơ gặp mặt, trong một ngày gần nhất, với Ủy ban của hội nói trên. Giôn-xơ tuyên bố rằng ông ta không được trao quyền thay mặt đảng Hiến chương trả lời vấn đề này. Ông ta buộc phải từ chối cuộc gặp mặt khi chưa xin ý kiến với Ban chấp hành phái Hiến chương ở Luân Đôn¹⁵¹ sẽ họp vào chủ nhật tới.

Tối chủ nhật, 29 tháng Tư, Giôn-xơ báo cáo tất cả điều đó với Ủy ban Hiến chương và được trao quyền tiếp tục đàm phán. Sáng hôm sau, Giôn-xơ đã có cuộc gặp mặt với ông In-grê-hêm Tô-ra-vét-xơ, người lãnh đạo phong trào ở Xi-ti, ông này đã đích thân giới thiệu với ông ta Giôn-xơ Giêm-xơ A-clen là đại biểu toàn quyền của đảng mình. Ông I. Tô-ra-vét-xơ đã bảo đảm với Giôn-xơ rằng họ xác định mục đích của mình là thành lập chính phủ nhân dân. Các nghị quyết, dưới hình thức như đã đăng trên báo “Times”, chỉ có tính chất *sơ bộ*; thủ đoạn để đạt mục đích ấy còn do ban chấp hành sẽ được bầu ra trong cuộc mít-tinh ở Quán Luân Đôn xác định. Để chứng tỏ sự đồng tình với cuộc cải cách hành chính, người ta yêu cầu phái Hiến chương cử một diễn giả sẽ đại biểu cho họ ở cuộc mít-tinh. Theo lời mời của chủ tịch, diễn giả này sẽ phải ủng hộ một trong những nghị quyết ấy. Phái Hiến chương cũng phải cử một đại biểu sẽ được bầu làm ủy viên thường vụ của Ban chấp hành Hội cải cách, ngay trong cuộc mít-tinh, theo đề nghị của ủy ban lâm thời các nhà buôn ở Xi-ti. Sau hết, người ta đã thỏa thuận rằng, vì chỉ được vào dự mít-tinh theo vé, nên phái Hiến chương sẽ được nhận một phần tương ứng các vé ấy. Giôn-xơ không đồng ý với việc chỉ hạn chế ở những cuộc đàm phán miệng ấy và nói với In-grê-hêm rằng tất cả những điểm nói trên đều phải được chuyển cho Ban chấp hành phái Hiến chương bằng văn bản.

Người ta đã làm như thế. Đã nhận được bức thư đầy những lời bảo đảm trịnh trọng. Nhưng khi đến thời điểm chuyển số vé vào cửa thì chỉ có 12 chiếc được gửi đến. Để trả lời sự phản kháng của Ủy ban Hiến chương coi đây là sự phản bội lời hứa, thì người ta viện cứ số vé có ít, nhưng nếu như Ủy ban Hiến chương muốn cử hai người đứng ở cửa Quán thì họ có quyền cho phép ai vào cũng được mà không cần vé. Nhằm mục đích ấy, phái Hiến chương đã cử các ông Xlô-côm và Uóc-cơ-men được giấy ủy nhiệm của ông Tơ-ra-vét-xơ. Để loại trừ mọi sự nghi kỵ, ngay hôm họp mít-tinh, mấy giờ trước khi khai mạc, hội cải cách hành chính đã cử đặc phái viên đem thư đến cho Giôn-xơ để nhắc ông này rằng chủ tịch yêu cầu ông ủng hộ nghị quyết số 4 và sẽ giới thiệu ông Giôn-xơ tại cuộc mít-tinh làm ứng cử viên, với tư cách đại biểu của phái Hiến chương, để bầu ông ta làm ủy viên của ban chấp hành.

Chừng một giờ trước khi bắt đầu cuộc mít-tinh, một đám đông những người thuộc phái Hiến chương tụ tập trước Quán. Cửa vừa mở, các ông Xlô-côm và Uóc-cơ-men đã bị cấm không được cho ai không có vé vào cửa. Người ta đã miễn cưỡng phân phát 8 tấm vé để kéo dài thời gian khi sức ép ở bên ngoài mỗi lúc một nghiêm trọng. Thời gian kéo dài ấy đã được lợi dụng để đưa đến đó đội cảnh sát đã bố trí từ trước ở phố bên cạnh. Từ lúc đó không ai được phép vào nữa trừ “các nhà buôn và chủ ngân hàng có tiếng tăm”. Những người mặc quần áo công nhân, những người mặc áo khoác ngắn bằng da mà mọi người đều biết, đều không được vào ngay cả khi có vé vào cửa. Để lừa bịp số quần chúng công nhân đứng chờ đợi ngoài phố, cửa đột nhiên đóng lại và người ta treo thông báo với nội dung như sau: “Phòng họp đã quá đầy người. Chấm dứt việc vào cửa”. Thực ra lúc đó phòng họp chưa đầy một nửa và “các thân sĩ” đi xe ngựa đã vào phòng qua cửa sổ và bằng cửa sau đi qua nhà bếp. Đâu có ngờ đến sự phản trắc, quần chúng công nhân đã lặng lẽ giải tán. Trong cuộc mít-tinh, mặc dù đưa ra “giấy lên diễn đàn”, Éc-ne-xơ Giôn-xơ vẫn không được lên diễn đàn và, đương nhiên không được phát biểu. Hội cải cách đã đạt được hai mục đích: ngăn ngừa sự phản đối của phái Hiến chương và có thể nêu lên rằng số quần chúng tụ tập ở ngoài

phố là những người ủng hộ mình. Nhưng ở ngoài phố quần chúng chỉ đóng vai diễn viên phụ.

Trong lời kêu gọi gửi công nhân Anh, Éc-ne-xơ Giôn-xơ bóc trần tất cả quá trình của vở hài kịch âm mưu ấy và nhân danh phái Hiến chương thách thức Hội cải cách hành chính¹⁵².

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Năm 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 229, ngày 19 tháng Năm 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Luân Đôn, ngày 19 tháng Năm. Theo ý kiến những người lạc quan trong báo giới Anh thì cuộc khủng hoảng công thương nghiệp ở Anh đã kết thúc, và công nghiệp cùng thương nghiệp lại phát triển theo chiều hướng đi lên. Sự thực mà từ đó họ rút ra kết luận trấn an ấy là *sự cải thiện tình hình trên thị trường tiền tệ*. Nghĩa là, một mặt *dự trữ vàng* trong hầm của Ngân hàng Anh đã tăng lên, và mặt khác, ngân hàng giảm *mức chiết khấu*. Trong khi dự trữ vàng tính đến ngày 20 tháng Giêng 1855 chỉ có 12 162 000 p.xt., thì đến ngày 12 tháng Năm 1855 số dự trữ đã lên tới 16 045 000 p.xt., tăng được 3 883 000 pao xtéc-linh. Mức chiết khấu ngày 20 tháng Giêng 1855 là 5% đã được ngân hàng hạ xuống còn 4,5% ngày 31 tháng Ba và xuống còn 4% vào ngày 28 tháng Tư. Song các ngài ấy không nghĩ rằng sự tích lũy vàng trong hầm ngân hàng và sự giảm mức chiết khấu có thể có nguyên nhân khác ngoài sự phồn vinh kinh tế, mà đó lại là *nguyên nhân trái ngược hẳn*: sự tiêu điều trong kinh doanh và *sự giảm bớt nhu cầu về tư bản* có liên quan với nó. Các bản thống kê mà Ngân hàng Anh công bố hàng tuần cho ta thấy rằng lần này nguyên nhân đích thực lại chính là sự đình trệ trong kinh doanh. Không nên làm như những người lạc quan nói trên là chỉ chú ý đến hai mục dự trữ vàng và mức chiết khấu trong những bản thống kê ấy. Cần so sánh hai mục khác là: *số giấy bạc dự trữ* và *các kỳ phiếu đã chiết khấu*.

Như mọi người đều biết, Ngân hàng Anh gồm hai cục khác nhau: Issuing department (Cục phát hành) và Banking department (Cục ngân hàng). Chúng ta có thể gọi cục thứ nhất là *xưởng đúc tiền* của ngân hàng Anh. Toàn bộ hoạt động của nó là phát hành giấy bạc. Việc phát hành giấy bạc đã bị hạn chế về mặt pháp luật do pháp lệnh của Rô-bóc Pin năm 1844. Nghĩa là, ngoài số tiền 14 000 000 p.xt. là số tư bản mà nhà nước nợ Ngân hàng Anh, thì Ngân hàng này chỉ có quyền phát hành một số lượng giấy bạc không vượt quá trị giá số dự trữ vàng cất giữ trong hầm của nó. Do đó, nếu ngân hàng phát hành chẳng hạn 20 triệu p.xt. giấy bạc thì trong hầm của nó phải có 6 triệu p.xt. vàng. Toàn bộ hoạt động của Issuing department của ngân hàng qui tụ vào việc điều tiết bằng cách đó việc in và phát hành giấy bạc. Nó chuyển giao toàn bộ số lượng giấy bạc mà nó in ra cho Banking department là ngân hàng theo đúng nghĩa, là ngân hàng có giao dịch với công chúng, như bất cứ ngân hàng tôn khoản hoặc ngân hàng chiết khấu nào, và đưa giấy bạc vào lưu thông bằng cách chiết khấu các kỳ phiếu, cho vay bằng chứng khoán có lợi tức, trả lợi tức cổ phần cho các chủ nợ của nhà nước, cấp phát những khoản tiền gửi ở ngân hàng v.v.. Phát minh cừ khôi ấy - sự phân chia Ngân hàng Anh thành hai bộ phận không phụ thuộc vào nhau và điều tiết như trên số lượng giấy bạc được phát hành - là của Rô-bóc Pin, ông ta cho rằng bằng cách đó sẽ ngăn ngừa được tất cả mọi cuộc khủng hoảng tiền tệ sau này và sự lưu thông tiền giấy sẽ ăn khớp với dự trữ kim loại nhờ qui luật máy móc tác động một cách tự động. Nhưng nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng đã không chú ý đến một sự thật khá quan trọng là sự điều tiết của ông ta chỉ điều tiết sự lưu thông giữa Issuing và Banking department, giữa hai bộ phận của Ngân hàng Anh, chứ không hề điều tiết sự lưu thông giữa Cục ngân hàng với thế giới bên ngoài. Cục phát hành của ngân hàng chuyển giao cho Cục ngân hàng một số lượng giấy bạc mà nó có quyền in theo luật, chẳng hạn 20 triệu, nếu trong két sắt của nó có 6 triệu vàng. Nhưng có bao nhiêu trong số 20 triệu ấy thực sự đi vào lưu thông thì điều đó lại tùy thuộc vào tình hình kinh doanh, vào nhu cầu của giới thương nghiệp. Số còn lại mà ngân hàng không thể đưa vào lưu thông và

do đó nằm lại trong kết sắt của Banking department sẽ được ghi vào sổ sách của ngân hàng dưới cái tên gọi *giấy bạc dự trữ*.

Như chúng ta đã thấy, nếu dự trữ vàng của ngân hàng từ 20 tháng Giêng 1855 đến 12 tháng Năm 1855 đã tăng 3 883 000 pao xtéc-linh thì tổng số giấy bạc dự trữ trong thời gian ấy đã tăng từ 5 463 000 lên đến 9 417 000, nghĩa là tăng thêm 3 954 000 pao xtéc-linh. Tổng số giấy bạc dự trữ, nghĩa là số giấy bạc nằm trong kết sắt của Banking department, càng lớn thì số lượng giấy bạc thực tế đã đi vào lưu thông càng nhỏ. Nhưng từ những con số nêu trên đây có thể rút ra kết luận rằng đi đôi với sự tích lũy vàng trong hầm của ngân hàng, số lượng giấy bạc đi vào lưu thông đã giảm đi. Nguyên nhân của sự thu hẹp lưu thông ấy là ở đâu? Đương nhiên là ở sự giảm sút của hoạt động kinh doanh và sự giảm bớt số vụ giao dịch thương nghiệp. Tính chính xác của quan điểm đó được hoàn toàn chứng thực bằng chính những báo cáo của ngân hàng, qua đó có thể thấy rằng giá trị của những kỳ phiếu mà ngân hàng đã chiết khấu, tính đến ngày 20 tháng Giêng 1855, đã đạt 25 282 000 pao xtéc-linh, đến ngày 12 tháng Năm 1855, trái lại, đã tụt xuống còn 23 007 000 p.xt. nghĩa là giảm đi 2 275 000 p.xt.. Nhưng giá trị các kỳ phiếu mà ngân hàng đã chiết khấu là thước đo chắc chắn nhất về số lượng các vụ giao dịch mà ngân hàng đã ký kết với giới thương nghiệp. Kết quả còn đáng kinh ngạc hơn, nếu xét đến một điều là ngày 28 tháng Tư ngân hàng đã hạ mức chiết khấu xuống còn 4%, như thế là nó giao bán hàng hóa của mình - tư bản - rẻ hơn tháng Giêng vừa rồi 20%. Trong khi đó, từ ngày 28 tháng Tư, khi ngân hàng hạ mức chiết khấu, đến ngày 12 tháng Năm, số lượng giấy bạc mà ngân hàng phát hành để chiết khấu các kỳ phiếu đã giảm đi, chứ không phải tăng lên. Điều đó chứng tỏ rằng trong tình hình hiện nay, tư bản ngay với lãi suất 4% cũng quá đắt để có thể kiếm được dù chỉ là lượng cầu mà nó còn kiếm được vào đầu tháng Giêng với lãi suất 5%. Điều đó chứng tỏ rằng cần coi việc hạ mức chiết khấu không phải do lượng tư bản được cung cấp nhiều hơn mà là do lượng cầu nhỏ hơn về tư bản trong hoạt động công thương nghiệp. Sau hết, điều đó chứng tỏ rằng sự tăng thêm dự trữ

vàng trong hầm của ngân hàng chỉ là sự tăng thêm số tư bản nằm không và hiện giờ không tìm được chỗ sử dụng.

Do C.Mác viết ngày 19 tháng Năm 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 233, ngày 23 tháng Năm 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH CRUM

Vào lúc viết những dòng này, hoạt động đã chiến ở Crum, mà việc chuẩn bị đã được chúng tôi nhắc tới mấy ngày trước đây¹⁵³, chắc đã bắt đầu. Vì thế cuộc chiến tranh ấy, do nó bó hẹp trong phạm vi bán đảo, đã bước vào một giai đoạn phát triển mới và có thể có ý nghĩa quyết định. Việc các đội dự bị Pi-ê-mông và Pháp được chuyển đến nhanh chóng và nhất là những sự thay đổi được tiến hành đột nhiên mà kết quả là Can-rô-béc chuyển từ chức tư lệnh xuống chức chỉ huy quân đoàn, còn quyền tổng chỉ huy được trao cho Pê-li-xi-ê, không còn nghi ngờ gì nữa, đã chứng minh rằng đã đến lúc liên quân thay đổi chiến thuật tác chiến.

Bạn đọc có thể tìm ở bài báo trước của chúng tôi sự mô tả chung về địa hình sẽ trở thành chiến trường và những số liệu ước chừng về lực lượng phải tung vào chiến đấu. Cần nhớ rằng trận địa cơ bản của đội quân quan sát của Nga vẫn duy trì liên lạc với phía bắc Xê-va-xtô-pôn thì được bố trí trên cao nguyên giữa In-ke-rơ-man và nơi mà con đường Ba-la-cla-va - Xim-phê-rơ-pôn cắt ngang sông núi phân chia thung lũng sông Đen và sông Ben-bêch. Trận địa ấy có những điều kiện ưu việt tự nhiên lớn thì đã bị quân Nga đào chiến hào khắp nơi. Trận địa ấy kéo dài gần 4 dặm giữa đoạn cuối vịnh Xê-va-xtô-pôn và ngọn núi không thể vượt qua được, và quân Nga có thể tập trung ở đây ít ra 50 000 - 60 000 bộ binh và pháo binh - một số lượng hoàn toàn đủ cho công cuộc phòng ngự.

Đề tấn công chính diện trận địa ấy cần có ưu thế lớn về số lượng và tổn thất sẽ lớn lao; trong khi đó liên quân không thể có điều thứ nhất, cũng không thể tự cho phép mình chấp nhận điều thứ hai. Dù họ chiếm lĩnh được công sự của quân Nga thì tổn thất cũng lớn đến mức làm cho họ mất khả năng tiếp tục chiến dịch một cách tích cực và kiên quyết. Do đó họ phải tìm cách kéo một số lượng quân Nga rút khỏi trận địa ấy và tìm con đường vu hồi trận địa ấy. Cuộc viễn chinh thần bí ở Kéc-sơ được tiến hành với mục đích ấy. Chừng 15 000 quân của liên quân được đưa xuống tàu, đi qua I-an-ta ngay trước mặt quân Nga, tiến về Kéc-sơ, rồi quay trở lại. Việc họ không tìm cách đổ bộ đường như được giải thích là do có mệnh lệnh bằng điện gửi từ Pa-ri đến. Dù sao cũng có thể nói được rằng cuộc thị uy ấy phải được xem là thất bại hoàn toàn: không thể buộc một viên tướng có đầu óc lạnh mạnh nào phân tán quân của mình để tiến hành một cuộc viễn chinh không kết thúc bằng một trận đánh lớn dù là trên hình thức. Cuộc tấn công vào Ca-pha, dù đã được bộ tham mưu đặt kế hoạch, xem ra rút cục cũng bị vứt bỏ. Hiện nay cũng không thể tồn tại vấn đề chuyển quân về Ép-pa-tô-ri với mục đích tiến hành xuất kích từ địa điểm ấy; nếu như vậy thì số quân dự bị Pi-ê-mông và Pháp đã được lập tức ném vào đấy. Do trên bờ biển giữa Ba-la-cla-va và Ca-pha, cũng như giữa Xê-va-xtô-pôn và Ép-pa-tô-ri, không có cảng nào khác hoặc nơi đỗ tàu tốt, nên rút cục chủ trương vu hồi quân Nga từ mặt biển rõ ràng là bị gác lại, và hiện nay không còn cách nào khác hơn là vu hồi họ từ đất liền, song, như chúng tôi đã vạch rõ, đó sẽ là một hành động cực kỳ khó khăn.

Ngoài con đường mà quân Nga chiếm ở phía trên In-ke-rơ-man chỉ còn một con đường lớn chạy từ Ba-la-cla-va đến Xim-phê-rơ-pôn. Nó chạy ven theo bờ biển phía nam cho đến A-lu-sta, ở đây nó ngoặt vào sâu bán đảo, chạy qua vùng núi ở phía đông Sa-tua - Đa-gơ hoặc núi Sa-te-rơ, ngọn núi cao nhất ở Crum, ở độ cao 2 800 phút so với mặt biển và chạy xuống Xim-phê-rơ-pôn qua thung lũng sông Xan-ghi-rơ là con sông lớn nhất ở Crum. Từ Ba-la-cla-va đến A-lu-sta phải đi 4 ngày đường, từ A-lu-sta đến Xim-phê-rơ-pôn phải đi 3 ngày đường; tất cả chừng 95 dặm Anh. Nhưng vì không có những con đường khác cho phép binh lính vận

động thành mấy đội hình hàng dọc song song, nên toàn bộ đoàn quân phải vận động trên một con đường thành một đội hình hàng dọc hết sức dài; điều đó đòi hỏi ít ra là 4, 5 ngày hành quân theo một đội hình hàng dọc căng ra trên một khoảng cách lớn. Gần A-lu-sta và trên đèo có một số công sự cũ, và không nghi ngờ gì nữa, bản thân đèo cũng được bố phòng mạnh. Có thể là quân lính cần 12 ngày, chứ không phải bảy ngày, để vượt qua được đèo Sa-tura - Đa-gơ, đó là thời gian đủ để cho quân Nga đánh vào đạo quân lưu lại để tiến hành cuộc vây hãm, hoặc tung đại bộ phận binh lực của mình chống lại quân địch và đón đánh với số quân vượt trội của nó vào lúc địch quân ra khỏi đường hẻm, trong khi đó những đơn vị cơ động nhẹ tiến theo đường núi ở Thượng lưu sông Ca-sa và An-ma sẽ đánh vào bên sườn và sau lưng. Song nhược điểm lớn nhất của cuộc vận động bên sườn qua A-lu-sta là ở đây thiếu căn cứ tác chiến. Bên đống tàu trống trải của A-lu-sta loại trừ ý nghĩ biến thành phố này thậm chí thành căn cứ tạm thời; vì vậy, ngay trước khi liên quân đi qua được A-lu-sta, bộ binh nhẹ của quân Nga men theo đường núi có thể cắt đứt hoàn toàn thành công tuyến giao thông nối với Ba-la-cla-va.

Cho nên cuộc hành quân qua A-lu-sta vị tất có thể được tiến hành. Mỗi nguy kèm theo nó vượt xa lợi ích mà nó có thể đem lại. Song, còn có phương pháp khác để vu hồi quân Nga. Nếu như trong cuộc vận động qua A-lu-sta, mọi ưu thế mà con đường lớn đem lại cho liên quân sẽ phần lớn bị mất đi do tình hình quân Nga có thể lợi dụng đường núi để tấn công, thì liên quân liệu có thể lợi dụng những con đường núi ấy vì lợi ích của mình được không? Nhưng điều đó có nghĩa là tiến hành một hành động hoàn toàn khác. Trong trường hợp này, liên quân sẽ bố trí lực lượng chủ chốt trong số các đơn vị dã chiến của mình, kê cả số binh lính được dùng vào cuộc vây đánh phía bắc Xê-va-xtô-pôn, trực diện với doanh trại quân Nga ở In-ke-rơ-man, do đó buộc địch duy trì bộ phận to lớn quân lính của nó tập trung trong chiến hào. Trong khi đó lính du-a-vơ, lính xạ thủ Pháp, bộ binh nhẹ, các xạ thủ Anh, thậm chí Chasseurs d'Afrique^{1*}, cũng như số pháo binh đánh núi

có thể tập trung được để biên chế thành nhiều đơn vị tùy theo số lượng đường núi chạy từ thung lũng Bai-đác-xcai-a và từ bờ biển phía nam gần A-lúp-ca, cách Ba-la-cla-va 30 dặm, đến thung lũng sông Ben-béch và Ca-sa. Sau một đêm hành quân, số quân lính được dùng vào việc vu hồi đầu cánh trái của quân Nga có thể vượt thung lũng Bai-đa và tiến đến bờ biển phía nam, nơi đây họ đã ở ngoài tầm với của địch. Lại một ngày đường nữa sẽ đưa họ đến A-lúp-ca. Những mòm núi dựng đứng của dãy I-ai-la sừng sững trên A-lúp-ca, tạo thành trên sườn bắc, ở độ cao 2 000 phút so với mặt biển, một cao nguyên với những đồng cỏ tuyệt vời cho cừu; với những dốc đứng lởm chởm, cao nguyên này chạy xuống thung lũng hẹp của mấy con sông nhỏ Bi-úc U-den và U-den Bất khi hợp lại thành ra sông Ben-béch. Ba con đường núi chạy từ khu vực A-lúp-ca dẫn đến cao nguyên, rồi chạy vào thung lũng hẹp của hai sông U-den. Toàn bộ khu vực ấy hoàn toàn đi lại được đối với những đội bộ binh, như các lính du-a-vơ hoặc các xạ thủ Pháp đã quen tác chiến ở miền núi trong những điều kiện phức tạp hơn nhiều ở châu Phi. Tiếp đó, từ thung lũng ở thượng lưu sông Đen, quen thuộc hơn dưới cái tên gọi thung lũng Bai-đác-xcai-a, ít ra có hai con đường núi chạy đến thung lũng nằm trên thượng lưu sông Ben-béch và sau hết suốt con đường núi tách khỏi đường cái Ba-la-cla-va - Xim-phê-rơ-pôn ngay trước đèo, cắt ngang đỉnh núi cách ấp Mê-ken-đi ba dặm về phía đông - nam và đưa thẳng đến cánh trái của trận địa có công sự của quân Nga. Dù những con đường núi ấy khó đi như thế nào đối với quân đội, chúng vẫn có thể vượt qua được đối với quân lính trang bị nhẹ của Pháp từ châu Phi. “Nơi nào loài dê đi qua được thì con người có thể đi qua được; nơi nào một người đi qua được thì một tiểu đoàn đi qua được; nơi nào một tiểu đoàn đi qua được thì một vài con ngựa qua được hơi khó khăn; và sau hết, quý vị có thể kéo pháo dã chiến qua được”. Thực ra không có gì là lạ nếu như những con đường nhỏ dê đi và những con đường nhỏ người đi ấy có đánh dấu trên bản đồ thậm chí là những con đường nông thôn rất xấu, nhưng vẫn thích hợp cho cuộc vận động bên sườn, trong đó thành phần của đơn vị chắc sẽ bao gồm cả pháo binh. Trong trường hợp này, cuộc cơ động vu hồi phải tiến hành với lực lượng hết sức lớn

^{1*} - xạ thủ châu Phi

và bây giờ quân Nga sẽ nhanh chóng buộc phải bỏ chiến hào của mình, thậm chí không cần có cuộc tấn công chính diện quan trọng. Nếu như những con đường núi ấy không thể đi lại được đối với pháo dã chiến (pháo binh bắn đạn phóng và sơn pháo có thể đi qua bất cứ đâu) thì các đơn vị vu hồi biến thành những đơn vị lưu động thông thường, cố hết sức đuổi quân Nga khỏi thung lũng ở thượng lưu sông Ben-béch, thọc vào thung lũng sông Ca-sa, uy hiếp hậu phương quân Nga, sẽ cắt đứt các tuyến giao thông của nó, tiêu diệt các đoàn vận tải của nó, thu thập tin tức chính xác, trinh sát địa hình, thu hút về phía mình thật nhiều quân Nga, cho đến khi con đường ít khó khăn nhất được sửa chữa sao cho pháo binh có thể đi qua được. Sau đó, tiếp theo những đơn vị lưu động ấy có thể cử những lực lượng lớn, và như vậy hậu phương của quân Nga có thể bị uy hiếp nghiêm trọng đến mức quân Nga buộc phải rời bỏ công sự của mình. Chúng tôi không nghĩ rằng cuộc tiến quân riêng của bộ binh và pháo binh nhẹ qua những ngọn núi ấy đến sườn trái và hậu phương quân Nga sẽ đạt được kết quả như thế, vì những đội quân ấy không tạo ra được sự uy hiếp nghiêm trọng đối với tuyến giao thông của quân Nga, nếu không đến được khu vực mà pháo binh lại phát huy được toàn bộ tác dụng của mình, do đó bảo đảm ưu thế của bên có pháo binh. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, bằng hoạt động sáng tạo nhất định, pháo binh có thể hộ tống các đơn vị vu hồi. Ở I-ê-na¹⁵⁴, Na-pô-lê-ông đã chỉ ra điều có thể làm được khi lợi dụng đường mòn thông thường dẫn tới đỉnh núi dốc đứng: trong 5 giờ con đường mòn này đã biến thành đường đủ rộng để cơ động pháo, do đó quân Phổ bị đánh từ bên sườn và bảo đảm được thắng lợi cho hôm sau. Ở đâu mà cỗ xe lớn kiểu Crum đi qua được thì pháo dã chiến đi qua được; một số trong những đường núi mà ta nói đến, đặc biệt những con đường chạy từ sông Đen đến sông Ben-béch xem ra đều là những con đường đất nông thôn cũ dùng cho các loại xe lớn.

Nhưng điều kiện đầu tiên để thực hiện sự cơ động đó là có đủ lực lượng. Không nghi ngờ gì nữa, quân Nga có ưu thế về số lượng, sự hiểu rõ địa hình hơn cũng là ưu thế của họ. Điều thứ nhất có thể bị vô hiệu hóa bằng cuộc tiến quân mạnh dạn của

quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa từ Ép-pa-tô-ri đến An-ma. Tuy ưu thế của quân Nga về kỵ binh không cho phép ông ta tiến quân nhanh chóng và trên một khoảng cách lớn, song biết cơ động và bảo đảm tốt tuyến giao thông của mình, ông ta có thể buộc công tước Goóc-tra-cốp tung ra nhiều bộ binh hơn để chống lại ông ta. Nhưng liên quân không thể gửi gắm hy vọng vào những hành động thứ yếu như vậy - điều đó có nghĩa là hành động câu may. Điều tốt nhất mà họ có thể làm để thực hành tấn công từ Ba-la-cla-va đó là điều sẵn (điều mà họ đã làm, theo tin tức gần đây^{1*}), một ngày hoặc hai ngày trước khi bắt đầu cuộc tấn công thực tế, khoảng 20 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ đến Khéc-xô-nét, ở nơi đó mỗi binh sĩ ngang hai binh sĩ ở Ép-pa-tô-ri. Điều đó tạo khả năng cho họ tấn công quân Nga với một lực lượng hầu như 110 000 người, gồm khoảng 6 000 kỵ binh mà quân Nga có thể chống chọi lại với số quân khoảng 65 000 hoặc 75 000 bộ binh (trong số này có 15 000 - 20 000 người thuộc đội quân đóng giữ phía bắc) và 10 000 kỵ binh. Nhưng một khi tập đoàn quân thực hành vu hồi bắt đầu uy hiếp cánh trái và sau lưng quân Nga, thì số lực lượng mà quân Nga có thể sử dụng chống lại nó sẽ tương đối yếu, vì việc điều quân khỏi phía bắc thành phố sẽ đặt họ trước nguy cơ bị cắt đứt khỏi dinh lũy của họ được bố trí xung quanh thành; vì vậy liên quân có khả năng sử dụng toàn bộ số quân dã chiến có trong tay vào bất cứ địa điểm nào có ưu thế lớn. Trong trường hợp đó, không nghi ngờ gì nữa, họ có thể hy vọng thắng lợi; nhưng nếu họ tấn công quân Nga không có sự chi viện bên ngoài, nếu so sánh số quân của hai quân đội - so sánh này do các nhân vật có uy tín đáng tin cậy nhất đưa ra - phù hợp với thực tế, thì họ sẽ có ít cơ hội thắng lợi. Nhóm quân thực hành vu hồi của họ sẽ quá yếu và quân Nga có thể không đếm xỉa đến nó, xuất kích táo bạo từ trận địa của mình đuổi bật liên quân đã suy yếu từ cao điểm xuống sông Đen.

Người ta cho rằng liên quân có thể có cách cơ động khác: tiến hành cường tập ngay vào phía nam Xê-va-xtô-pôn. Thậm chí có tin,

^{1*} - Câu trong ngoặc đơn xem ra là do ban biên tập từ "New-York Daily Tribune" thêm vào.

từ Pa-ri đã có bức điện truyền một mệnh lệnh vô điều kiện về việc tiến hành cuộc cường tập ấy và Can-rô-béc đã từ chức vì ông ta không tin vào khả năng thực hiện cách cơ động ấy mà theo ý ông ta sẽ gây nên con số tổn thất là 40 000 người. Căn cứ vào tri thức quân sự mà Lu-i Na-pô-lê-ông biểu hiện trong sự can thiệp vào việc chỉ huy chiến dịch hiện nay thì có lẽ có thể cho rằng lệnh đó đã được ban ra. Nhưng ít có khả năng là ngay sabreur^{1*} liêu lĩnh như Pê-li-xi-ê lại chấp nhận thi hành một mệnh lệnh như thế. Các sự kiện trong tháng qua phải làm cho binh sĩ Pháp nhận thức được khá rõ ràng là họ sẽ vấp phải sự chống trả như thế nào trong trường hợp tiến hành cường tập. Thêm vào đó hành động ấy không thể thực hiện mà không gây nên số tổn thất 40 000 người - hơn một phần ba toàn bộ số quân được sử dụng vào cuộc cường tập, - không nghi ngờ gì nữa, có rất ít cơ hội thắng lợi. Có lẽ Pê-li-xi-ê khao khát chiếc gậy nguyên soái đã tuột khỏi tay Can-rô-béc, nhưng chúng tôi vẫn rất hoài nghi về việc ông ta là một phần tử Bô-na-pác-tơ hoàn toàn để dăm liều mạng và đánh liều tiêng tằm của mình trong những điều kiện bất lợi như thế. Thậm chí giả định rằng cuộc cường tập đó thành công, không những phòng tuyến thứ nhất, mà cả phòng tuyến thứ hai cũng bị chiếm, thậm chí các lũy chướng ngại, các ngôi nhà biến thành công sự và những hầm trú ẩn ngăn cản con đường đi vào các lô cốt bờ biển, và cả những lô cốt bờ biển ấy đều bị chiếm, toàn bộ phía nam rơi vào tay liên quân đã thiệt hại chẳng hạn chỉ có 30 000 người, trong khi quân Nga thiệt hại 20 000 người thì bây giờ sẽ ra sao? Liên quân thiệt hại hơn quân Nga 10 000 người, buộc phải bỏ ngay cứ điểm đã chiếm được, còn công việc tiến hành hoạt động đã chiến thì càng khó khăn hơn.

Nhưng có một yếu tố loại trừ mọi tư tưởng về cuộc tổng cường tập tức khắc. Dựa vào một số tin tức bán chính thức, trong một bài trước đây viết về cuộc vây đánh^{2*}, nhằm mục đích tranh luận thuần túy, chúng tôi đã xuất phát từ giả định cho rằng quân Nga bị đuổi khỏi các công sự ngoại vi mới của họ ở

^{1*} - kẻ làm ầu

^{2*} Xem tập này, tr. 266

trước Xê-va-xtô-pôn. Đồng thời chúng tôi cũng vạch rõ rằng chúng tôi có căn cứ để hoài nghi tính chính xác của những tin tức ấy, vì liên quân bao giờ cũng tuyên bố âm ỉ và khẳng định về bất cứ thắng lợi nào như thế. Thật vậy, hiện nay chúng tôi đã có những tin tức đáng tin cậy, từ các nguồn tin của Nga, cho biết rằng các lô-cốt vùng Cam-sát-ski (Ma-mê-lôn), Xê-len-ghin và Vô-lun vẫn ở trong tay họ, thêm vào đó các tin tức nhận được từ doanh trại liên quân không những đã xác nhận điều đó, mà còn thừa nhận việc bên phía bị vây đang xây dựng công sự ngoại vi mới. Vì vậy ưu thế mà liên quân đạt được nhờ họ xây các hào tiếp cận gần cứ điểm đã bị hào phản tiếp cận của quân Nga loại trừ, và tuyên mà tại đó hai bên có thể đụng độ với nhau với lực lượng cân nhau thì vẫn còn ở rất xa hào chính. Tuy nhiên, cuộc cường tập chỉ nên tiến hành vào lúc trận tuyến mà tại đó lực lượng của bên tấn công dùng cho các hoạt động vây đánh lại cân bằng với lực lượng bên phòng ngự, đã chạy theo hào phòng ngự chính. Hoàn toàn rõ ràng là trong trường hợp ngược lại các đơn vị tiến hành cường tập sẽ bị đánh bại và bị tiêu diệt trước khi họ xông lên được đỉnh của tường chắn. Đây là lý do tại sao liên quân, khi chưa đẩy lùi được quân Nga về sau hào chính, thì không thể thực hiện cuộc cường tập vào bức tường chính ở phía sau hào chính ấy. Còn việc chiếm phòng tuyến thứ hai được xây dựng sau hào chính ấy, thì hiện giờ không thể bàn đến điều đó được.

Có thể đã tạo ra được tình hình có lợi cho một cuộc cường tập cục bộ đối với phía trái hoặc phía Thành phố ở đoạn từ pháo đài Ca-ran-tin đến pháo đài Cột buồm, nơi mà quân Pháp tiến hành cuộc tấn công công binh chủ yếu của họ. Nhưng do chính sách của Chính phủ Pháp, chúng ta không có khái niệm gì về chiều dài và mức độ vững chắc của công sự ngoại vi của quân Nga ở đó, còn những báo cáo gần đây của quân Nga mà thời gian gần đây chỉ nhận được bằng điện tín thì không thấy có sự trình bày rõ ràng và tỉ mỉ gì. Song, như bản thân quân Nga thừa nhận, ở gần pháo đài Cột buồm công sự của quân Pháp đã ở gần tường chính, và người ta đã đánh mình ở phía dưới bức tường này, tuy không đạt được kết quả quan trọng nào. Do đó cuộc cường tập ở đoạn này có thể thành công, nhưng vì pháo đài này nhô ra phía trước, còn

địa hình ở phía sau nó (lô-cốt vuông I-a-dô-nốp) lại rất cao, nên rất đáng nghi ngờ là có đạt được gì trong việc chiếm pháo đài này không; có lẽ pháo đài này bị tách rời khỏi bộ phận còn lại của các công sự bởi một hoặc hai bức tường ngang chạy dài phía sau nó, nên cản trở các đơn vị cường tập cùng cố trong đó hoặc ít ra là tiến lên phía trước ít nhiều.

Như thế là liên quân sẽ vấp phải những khó khăn lớn, điều này không tùy thuộc vào chỗ họ sẽ tiến hành cường tập hay là những hoạt động dã chiến. Dù sao đi nữa, phương pháp tác chiến uể oải mà liên quân duy trì, từ khi đến khu vực Xê-va-xtô-pôn, đang chầm dụt và giờ đây có thể chờ đợi những sự kiện và những hành động quan trọng hơn và đáng thật sự quan tâm, xét theo góc độ quân sự.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 21 tháng Năm 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4411, ngày 8 tháng Sáu 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

BÀN VỀ PHONG TRÀO CẢI CÁCH

Luân Đôn, ngày 21 tháng Năm. Tất cả báo chí Luân Đôn hôm nay đều đăng lời kêu gọi của các nhà cải cách ở Xi-ti, hay nói đúng hơn, của ủy ban chấp hành của họ gửi "nhân dân Anh". Cách hành văn của văn kiện này khô khan, có tính chất sự vụ, không cao siêu như cách hành văn của những thông báo thương nghiệp xuất bản định kỳ cũng xuất xứ từ những nguồn tin ấy và dùng những câu văn hoa mỹ cấu tạo ít nhiều khéo léo để rao bán trên toàn thế giới cả phê, chè, đường, gia vị và những sản phẩm khác của các nước nhiệt đới. Hội liên hiệp hứa cung cấp những tư liệu bóc trần nội dung sinh lý đích thực của các ngành chính phủ và phanh phui mọi bí mật của phố Đao-ninh¹⁵⁵, phố Đao-ninh hiện tài thế tập. Đây là điều mà nó hứa. Về phía mình, nó yêu cầu các cử tri Anh bầu vào nghị viện những ứng cử viên đã có công lao mà họ đích thân bầu ra, chứ không phải những ứng cử viên do các câu lạc bộ quý tộc gán ép cho họ như thường xảy ra trước đây. Vì vậy nó cho rằng sự tồn tại của tập đoàn những kẻ có đặc quyền được hưởng quyền bầu cử là bình thường, mà theo sự thừa nhận của chính nó thì sự lệ thuộc của tập đoàn cử tri ấy vào một số câu lạc bộ, sự dễ bị mua chuộc và sự thiếu độc lập của họ đã sản sinh ra hạ nghị viện hiện nay, do đó, để ra chính phủ hiện nay. Hội liên hiệp không muốn thủ tiêu tập đoàn cử tri có đặc quyền ấy, thậm chí không muốn mở rộng nó; hội liên hiệp chỉ muốn tác động đến nó trên phương diện đạo đức. Vậy thì tại sao trong trường hợp này không trực tiếp kêu gọi lương tâm của chính tập

đoàn thống trị thay cho việc đe dọa thủ tiêu các đặc quyền của nó? Chính là vì: dù sao thì làm cho bọn cầm đầu tập đoàn thống trị quay về con đường chân chính còn dễ dàng hơn là làm cho tập đoàn cử tri của tập đoàn thống trị quay về con đường chân chính. Hội liên hiệp ở Xi-ti rõ ràng là muốn gây dựng một phong trào chống quý tộc, nhưng là phong trào trong *khuôn khổ hẹp pháp* (theo cách nói của Ghi-dô) của giới chính thức nước Anh. Nó có ý định làm thế nào khuấy đục vũng bùn nhơ bẩn của tập đoàn cử tri ấy? Nó dự định làm thế nào buộc những cử tri ấy từ bỏ những lợi lộc và các tập quán biến họ thành kẻ phụ thuộc vào vài ba câu lạc bộ quý tộc và biến họ thành chỗ dựa của tập đoàn đầu sỏ cầm quyền? Nhờ bộ mặt sinh lý của phổ Dao-ninh chăng? Không hoàn toàn như thế. Cũng có dựa vào *sức ép bên ngoài*, bằng các cuộc mít-tinh quần chúng và những cái tương tự. Nhưng bằng cách nào nó dự tính đưa vào phong trào đám quần chúng nhân dân không chính thức, không có quyền bầu cử, để gây sức ép đối với tập đoàn cử tri đặc quyền ấy? Nó kêu gọi họ từ bỏ Hiến chương nhân dân (mà về thực chất không chứa đựng điều gì khác ngoài yêu sách về *quyền phổ thông đầu phiếu* và những điều kiện trong đó quyền ấy có thể thực hiện thực sự ở Anh) và thừa nhận đặc quyền của tập đoàn cử tri nhỏ hẹp mà bản thân các nhà cải cách ở khu Xi-ti thừa nhận là đang lâm vào quá trình tan rã. Hội liên hiệp ở Xi-ti đã có trước mặt nó tấm gương của “những người ủng hộ cải cách nghị viện và cải cách tài chính”. Nó biết rằng phong trào ấy, do Hi-um, Brai-tơ, Cóp-đen, Oan-mơ-xli và Tôm-xon lãnh đạo, đã thất bại, vì họ đưa ra cái gọi là “Bản hiến chương nhỏ” thay vì Hiến chương nhân dân, vì họ chỉ có những nhượng bộ cá biệt đối với quần chúng nhân dân và chỉ muốn ký kết thỏa hiệp với quần chúng ấy thôi. Và Hội liên hiệp lại hy vọng rằng họ sẽ đạt được, mà *không* cần có nhượng bộ, những gì đã không thể đạt được tuy có nhượng bộ? Hoặc giả, có thể từ phong trào đòi hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc. Hội liên hiệp rút ra kết luận rằng có thể đưa nhân dân Anh tham gia phong trào vì những cải cách cục bộ? Nhưng mục tiêu của phong trào ấy đụng chạm đến những tầng lớp rộng rãi nhất, rất được hoan nghênh và hết sức dễ cảm nhận được. Mọi người đều biết, biểu tượng của

Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc là chiếc bánh mì tròn to đối chọi với chiếc bánh mì nhỏ của phái thuế quan bảo hộ. So với “sinh lý học của phổ Dao-ninh” thì chiếc bánh mì tròn - đặc biệt là trong năm 1846 đói kém - đương nhiên đã nói với nhân dân được nhiều hơn vô chừng. Không cần nhắc đến cuốn sách nhỏ nổi tiếng “*Sinh lý học của Xi-ti*”¹⁵⁶. Cuốn sách này đã chứng minh không thể bác bỏ được rằng dù các ngài ở Xi-ti tiến hành sự nghiệp của họ tốt như thế nào thì trong việc quản lý *các công việc xã hội*, chẳng hạn quản lý *các công ty bảo hiểm*, họ đều ít nhiều bất chước các giới chính thức ở phổ Dao-ninh. Sự quản lý *đường sắt* của họ, với những sự gian lận, những vụ lừa đảo gây âm ỉ và với thái độ hoàn toàn coi thường các biện pháp an toàn, sự quản lý ấy tỏ ra tồi tệ đến nỗi trên báo chí trong nghị viện và ngoài nghị viện đã nhiều lần người ta nêu lên vấn đề có nên thu hồi đường sắt từ tay các nhà tư bản tư nhân không và nên chăng đặt nó dưới sự giám sát trực tiếp của nhà nước! Do đó, sinh lý học của phổ Dao-ninh không đem lại gì cả, đúng như người Anh nói - “this will not do, sir!”^{1*}

Do C.Mác viết ngày 21 tháng Năm 1855
Đã đăng trên tờ “*Neue Oder-Zeitung*”
số 237, ngày 24 tháng Năm 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} - việc đó không ổn đâu, thưa ngài!”

C.MÁC

BẢN VỀ CỤC DIỆN Ở CRUM.- TIN TỪ NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 23 tháng Năm. Sự bất bình ghê gớm mà việc triệu hồi đội quân viễn chinh Kéc-sơ gây ra trong hải lục quân của liên quân, gần Xê-va-xtô-pôn, đã được phản ánh - tuy yếu ớt và uê oải - trên báo chí Luân Đôn. Người ta bắt đầu lo ngại rằng sự thống nhất hành động và tiến trình bình thường của tấn kịch quân sự ở Crum bị đe dọa bởi quân Nga không bằng bởi sự can thiệp trắng trợn và thất thường của Deus ex machina^{1*}, thiên tài quân sự Na-pô-lê-ông III. Những mẫu mực của thiên tài ấy chứa đựng trong bài “kinh nghiệm” mang tính chất giáo dục khoa học quân sự nổi tiếng đăng trên tờ “Moniteur”¹⁵⁷, thực ra không hề an ủi được người ta và làm người ta yên tâm. Song, cho tới nay, sự xa cách của chiến trường đối với điện Tuyn-lơ-ri đã tạo được một sự bảo đảm nhất định khỏi sự can thiệp thực tế của các nhà khoa học quân sự không chuyên ở Pa-ri. Nhưng điện báo dưới nước đã xóa bỏ khoảng cách ấy và cùng với nó là xóa bỏ sự bảo đảm ấy và Giôn Bun, kẻ có thói quen tự xưng là “the most thinking people of the world”^{2*}, bắt đầu nghĩ ngợi, cầu nhàu và phàn nàn

^{1*} - nghĩa đen: “vị thần từ trong máy móc ra” (trong rạp hát cổ đại, diễn viên sắm vai thần xuất hiện trên sân khấu như một thứ máy móc đặc biệt); nghĩa bóng: nhân vật xuất hiện bất ngờ cứu vãn được tình thế.

^{2*} - “dân tộc biết suy nghĩ nhất thế giới”

rằng lục và hải quân Anh phải đóng vai corpus vile^{1*} để vị “thiên tài quân sự” dòng dõi và trời ban ấy tiến hành các cuộc thí nghiệm của ông ta.

Trong số ra hôm nay tờ “Morning Herald” khẳng định dứt khoát rằng đội quân viễn chinh bị triệu hồi vì Bô-na-pác-tơ lại bị mê hoặc bởi tư tưởng phiêu lưu muốn thực hiện cuộc cường tập Xê-va-xtô-pôn từ phía nam. Chúng tôi không phút nào hoài nghi, vị thiên tài quân sự ở Tuyn-lơ-ri bị ám ảnh bởi cái tư tưởng dai dẳng ấy, nhưng chúng tôi không thể tin rằng ngay một “sabreur”^{2*} bình thường như Pê-lê-xi-ê lại có thể đảm nhiệm việc chấp hành một kế hoạch tai hại vô nghĩa lý đến thế. Do đó, chúng tôi cho rằng người ta đã thông qua quyết định vượt sông Đen en masse^{3*} và coi việc phân tán lực lượng, bằng cách phân chia đạo quân 12 000 người, là việc làm phiêu lưu. Thật vậy, thay vì tách riêng 12 000 người ấy, thì trái lại, ngay trước khi ra quân, cần đưa 15 000 - 20 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ lên tàu chiến ở Ép-pa-tô-ri và hợp nhất họ với đạo quân chủ lực, chỉ để lại ở đấy một đội quân canh giữ cần thiết cho việc phòng thủ địa điểm ấy. Như đã chỉ rõ trong một bản tin trước đây^{4*}, thành công của chiến dịch hoàn toàn phụ thuộc vào số lượng của đạo quân vượt sông Đen. Dù sao đi nữa, việc triệu hồi đội quân viễn chinh Kéc-sơ là một bằng chứng mới về sự do dự và dao động của nhà khoa học thợ vườn đang hành động mò mẫm, những điều đó hiện nay lại được xem là idées napoléoniennes^{5*}.

Trong khi đó, các nhân vật anh hùng được tạo ra vội vàng cho nhu cầu của coup d'état^{6*} đã rút khỏi sân khấu với một tốc độ chưa từng thấy. Người đầu tiên trong số họ là Ê-xpi-nắc, kẻ mà sau cuộc tiến quân nhục nhã ở Đô-brút-gia¹⁵⁸ đã bị lính du-a-vơ buộc phải chạy bán sống bán chết về Pa-ri. Cũng chính tên

^{1*} - đối tượng không có giá trị

^{2*} - kẻ làm ẩu

^{3*} - ồ ạt

^{4*} - Xem tập này, tr. 229 - 230

^{5*} - các tư tưởng của Na-pô-lê-ông

^{6*} - đảo chính

Ê-xpi-nắc này, kẻ chịu trách nhiệm bảo vệ tòa nhà của Quốc hội, thì đã nộp Quốc hội cho kẻ thù¹⁵⁹. Đứng hàng thứ hai là *Lơ-roa*, alias^{1*} *Xanh - Ác-nô*, bộ trưởng chiến tranh ngày 2 tháng Chạp. Theo sau hắn là *Phoóc-rơ* rất mực dững cậm trong việc hãm hại các nông dân bất hạnh ở đông - nam nước Pháp và rất mực nhân đạo chu đáo đối với người Nga. Sự hoài nghi phát sinh trong quân đội cho rằng hắn đã tiết lộ cho người Nga biết bí mật của hội đồng quân sự Pháp, đã buộc người ta phải điều hắn từ Crum về châu Phi. Sau hết là Can-rô-béc bị giáng cấp vì sự bất lực rõ ràng. Do sự trở trêu của lịch sử mà Pê-li-xi-ê, chính tên Pê-li-xi-ê mà trong năm 1841, ngay trong nghị viện, trong câu lạc bộ sĩ quan ở Luân Đôn, trong các cuộc mít-tinh ở các tỉnh, trên tờ “Times” và tờ “Punch”, người ta lập đi lập lại không ngớt rằng *không bao giờ* một sĩ quan Anh chính trực nào khác có thể cùng phục vụ với con “*quái vật*” ấy (“that ferocious monster”), lại đã được bổ nhiệm làm người kế tục Can-rô-béc, do đó, trên mức độ nhất định, được cử làm thống soái của liên quân Anh-Pháp. Mà hiện nay thì quân đội Anh không những phục vụ *cùng với* hắn, mà toàn bộ quân đội Anh còn ở *dưới* quyền chỉ huy của hắn! Khi đảng Vích và bộ trưởng ngoại giao của nó, Pan-móc-xton, bị đảng To-ri lật đổ, thì Pan-móc-xton triệu tập các cử tri của mình ở Thi-véc-ton và chứng minh với họ rằng ông ta có quyền phế bỏ liên minh Anh - Pháp và liên hiệp với Nga với lý do là Chính phủ Pháp, Lu-i - Phi-líp vẫn giữ lại trong quân ngũ một con “*quái vật*” như Pê-li-xi-ê! Phải thừa nhận rằng nếu quân đội Pháp đã trả giá đắt cho cuộc phiến loạn tháng Chạp của mình, thì sự liên minh với một nền đế chế phức tạp đã đem lại cho Anh không chỉ “hoa hồng” mà thôi.

Hôm qua, tại hạ nghị viện, nội các đã vấp phải một thất bại, nó chỉ chứng minh rằng nghị viện đôi lúc đã trả thù các bộ trưởng về sự khinh bỉ của họ, out of doors^{2*}, đối với nó. Một ông *Oai-dơ* nào đó đã đưa ra đề án:

^{1*} - nói cách khác

^{2*} - ở bên ngoài nghị viện

“Theo ý kiến của nghị viện hiện nay, cần tiến hành kiểm tra toàn diện các cơ quan ngoại giao của chúng ta theo hình thức đã được nêu lên trong báo cáo của ủy ban lương bổng quan chức, được bầu ra năm 1850”.

Ông Oai-dơ là bạn của Pan-móc-xton. Đề án của ông ta đã được ghi vào chương trình nghị sự của nghị viện hầu như hai năm nay, nhưng cho tới nay vẫn chưa được đem ra thảo luận. Hôm qua là cơ hội thích hợp để nó thu hút được sự chú ý của nghị viện bất bình. Oai-dơ phát biểu với dự tính là, sau một số ý kiến nhận xét của Pan-móc-xton, sẽ chơi cái trò quen thuộc là rút lui đề án của mình. Song, bất chấp sự thỏa thuận ấy, ông Bây-li đã ủng hộ đề án mà Oai-dơ thu hồi, và trái với ý muốn của Oai-dơ và Pan-móc-xton, đã thông qua được đề án ấy với đa số 112 phiếu thuận so với 57 phiếu chống. Thất bại đó không mấy may làm nhà sách lược kỳ cựu dày kinh nghiệm như Pan-móc-xton lo lắng, vì ông ta biết rằng để cứu vãn cái vô địch lập của mình, nghị viện đôi khi buộc phải kết án từ hình các đề án của nội các, và khai sinh cho các đề án chống nội các. Trái lại, đề án của Đì-xra-e-li¹⁶⁰, như một tiếng sét, đã đánh vào hàng ghế nội các. Bản thân Pan-móc-xton, bậc thầy của hài kịch nghị viện, đã chúc mừng “tác giả và diễn viên của màn kịch không gì so sánh được ấy”. Đây không phải là sự châm biếm. Đây là sự ca ngợi không có chủ tâm mà một nhà nghệ thuật bày tỏ với địch thủ đã chiến thắng mình trong cùng một lĩnh vực. Trong phiên họp hôm thứ hai, Pan-móc-xton đã cùng với Min-nơ Ghíp-xơn, Glát-xtôn, Héc-bóc, Brai-tơ và huân tước Vây-nơ đã diễn kịch tài nghệ đến mức việc hoãn mọi cuộc thảo luận về chính sách đối ngoại đến sau kỳ nghị lễ thánh Ba ngôi đã được bảo đảm, đường lối hành xử đã qui định của nội các và nghị viện được bảo đảm, nền độc tài của bản thân vị tứ tước cao quý được xác lập trong nhiều tuần lễ. Ngày duy nhất mà các cuộc tranh luận còn có thể được tiến hành - đó là thứ năm, thì đã được qui định trước cho việc thảo luận đề án cải cách của Lây-ác. Như thế là không ai có thể cản trở Pan-móc-xton ký kết hòa ước vào thời gian nghị lễ Ba ngôi và như ông ta đã làm nhiều lần, khiến cho nghị viện họp lại phải sững sốt trước một trong những hiệp ước đầy tai tiếng của ông ta. Về phần mình, nghị viện có thể không phản đối việc nó

bị bắt ngờ hết sức tài tình như thế. Bản hòa ước được ký sau lưng nó, thậm chí một hòa ước à tout prix^{1*} sẽ được nó thông qua với một số kháng nghị post festum^{2*} để giữ thể diện. Nhưng khi nội các và nghị viện buộc phải phát biểu trước kỳ nghị, thì nội các đã không thể làm cho nghị viện bị bắt ngờ, còn nghị viện thì không thể cho phép mình bị bắt ngờ. Điều đó giải thích tại sao có sự bối rối xảy ra khi Đê-xra-e-li đứng lên đưa ra đề án của mình, còn Lây-ác đã nhường ngày của mình cho ông ta. Vì vậy, theo sự xác định của báo “Post”, “sự câu kết bí mật giữa Lây-ác và Đê-xra-e-li” đã phá vỡ mọi qui tắc được sử dụng từ khi “bể mạt Hội nghị Viên” còn “chưa kết thúc”.

*Do C.Mác viết ngày 23 tháng Năm 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số
241, ngày 26 tháng Năm 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - bằng bất cứ giá nào

^{2*} - muộn màng

C. MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

MÀN ĐẦU HÀI KỊCH Ở DINH HUÂN TUỐC PAN-MỐC-XTƠN.- DIỄN BIẾN CỦA NHỮNG SỰ KIỆN GẦN ĐÂY Ở CRUM¹⁶¹

Luân Đôn, ngày 24 tháng Năm. Đề nghị của Đê-xra-e-li vừa mới tạo ra triển vọng của cuộc đấu tranh thực sự giữa Ins và Outs^{1*} tại hạ nghị viện, thì Pan-mốc-xtơn quyết định kéo còi báo động và mấy giờ trước khi khai mạc phiên họp đã mời bầu đoàn nội các cùng phái Pin, trường phái Man-se-xtơ và cái gọi là “đảng dân lập” đến dinh ông ta ở phố Đao-ninh. Có mặt 202 nghị sĩ, trong số đó có ông Lây-ác là người cảm thấy mình không đủ sức chống lại tiếng gọi hấp dẫn của chiếc còi nội các. Pan-mốc-xtơn vận dụng thủ đoạn ngoại giao, nhận khuyết điểm, xám hối, úy lạo và thuyết phục. Ông ta mỉm cười nuốt những lời lên lớp của Brai-tơ, Lâu và Lây-ác. Ông ta để huân tước Rô-bóc Grô-vơ-nơ và ngài Giêm-xơ Grê-hêm thương lượng với các nghị sĩ “bị kích động”. Từ lúc mà Pan-mốc-xtơn thấy những người bất mãn ở trong dinh mình, họ tụ tập xung quanh ông ta cùng với những người ủng hộ ông ta, thì ông ta hiểu rằng họ không còn đáng sợ đối với ông ta nữa. Họ không phấn khởi, nhưng mong muốn hòa giải. Như thế là kết cục của hội nghị của hạ nghị viện đã được quyết định trước, chỉ còn một việc là diễn vở hài kịch nghị viện này trước công chúng.

^{1*} - chính phủ và phe đối lập

Tình hình căng thẳng đã qua rồi. Chúng tôi sẽ giới thiệu vắn tắt vở hài kịch ấy, khi diễn xong màn chót.

Thời tiết ẩm áp và âm thấp đến thì các loại bệnh tật thường thấy trong mùa xuân và mùa hè ở Crum lại lan tràn. Bệnh dịch tả và sốt cách nhật lại xuất hiện trong doanh trại liên quân; bệnh dịch tạm thời còn chưa ghê gớm lắm, nhưng đủ để làm lời cảnh cáo cho tương lai. Người ta ngại thấy mùi hôi thối xông lên từ hàng loạt thi hài thối rữa được chôn ở khắp vùng Khéc-xô-nét chỉ ở độ sâu có mấy in-xơ. Trong khi đó tinh thần của quân đội vây đánh còn xa mới làm cho người ta hài lòng. Sau những khó khăn và nguy hiểm của một chiến dịch mùa đông chưa từng thấy mà họ phải chịu đựng, trật tự và tinh thần chiến đấu của binh sĩ còn duy trì được trên một mức độ nhất định là nhờ mùa xuân đã đến và nhờ những lời hứa lặp lại nhiều lần rằng cuộc vây đánh sẽ kết thúc nhanh chóng và thắng lợi; nhưng ngày lại qua ngày, người ta chẳng giành được thắng lợi gì cả trong khi đó quân Nga đã tiến ra ngoài phòng tuyến của họ và dựng các lô-cốt vuông ở khu vực mà hai bên tranh chấp. Lính du-a-vơ đã không chịu phục tùng, do đó bị ném vào cuộc tàn sát ở núi Xa-pun ngày 23 tháng Hai. Sau đó, các tướng lĩnh liên quân đã biểu hiện một sự linh hoạt nào đó - đây chưa thể gọi là tính tích cực; nhưng người ta không định ra mục tiêu rõ ràng nào, không thực hiện triệt để một kế hoạch kiên quyết nào. Đầu óc nổi loạn trong binh sĩ Pháp vẫn bị kìm giữ như trước là nhờ quân Nga, bằng các cuộc xuất kích của mình, không để cho họ yên ổn, và cũng còn nhờ cuộc pháo kích thứ hai đã bắt đầu, cuộc pháo kích lần này xem ra nhất định phải kết thúc bằng một cuộc tổng cường tập ngoạn mục. Nhưng kết quả là sự thất bại thảm hại. Sau đó bắt đầu cuộc tấn công công bình chậm rãi, vất vả, không đem lại thành tựu rõ rệt, cần thiết cho việc duy trì tinh thần binh sĩ. Binh sĩ nhanh chóng chán ghét những cuộc vật lộn ban đêm ở chiến hào ấy, trong đó hàng trăm người chết mà không đem lại kết quả rõ ràng nào. Người ta lại đòi thực hiện cuộc cường tập, và Can-rô-béc buộc phải hứa hẹn, tuy biết trước rằng không thể thực hiện lời hứa ấy. Pê-li-xi-ê đã cứu ông ta khỏi những cảnh phiến loạn được lặp lại bằng cuộc tấn công đêm ngày 1 tháng Năm. Tin tức cho biết ông

ta đã tiến hành cuộc tấn công này trái với lệnh của Can-rô-béc, lệnh này đến vào lúc quân lính đã bước vào chiến đấu. Nghe nói, cuộc tập kích thành công này lại nâng cao tinh thần binh sĩ. Vào lúc đó, đội dự bị Pi-ê-mông đã tới; Khéc-xô-nét chật ních binh lính. Họ cho rằng một khi đã nhận được quân tăng viện, họ có thể chuyển sang hành động trực tiếp. *Cần có* biện pháp gì đó. Người ta đã quyết định phái quân viễn chinh đến Kéc-sơ, và đoàn quân này đã lên đường. Nhưng trước khi quân viễn chinh đến bến đỗ tàu ở Kéc-sơ, thì từ *Pa-ri* người ta đã gửi điện đến trao trách nhiệm cho Can-rô-béc *triệu hồi* đội quân viễn chinh này. Ra-glan đương nhiên đồng ý điều đó. Brau-nơ và Lai-ôn-xơ, chỉ huy lục quân và hải quân Anh của đạo quân viễn chinh ấy, đã khẩn khoản đề nghị các đồng sự Pháp của mình tấn công cứ *điểm trái* với bản phả mệnh lệnh. Nhưng điều này thật phí công. Quân viễn chinh buộc phải trở về. Lần này thì sự căm phẫn của binh lính không còn kìm hãm được nữa. Ngay cả người Anh cũng đã nói với tiếng nói hoàn toàn không lập lờ nước đôi; người Pháp thì ở vào tình trạng sắp sửa nổi loạn. Như thế là Can-rô-béc không còn cách nào khác hơn là từ bỏ việc chỉ huy quân đội mà ông ta đã mất hết mọi quyền lực và ảnh hưởng đối với nó. Pê-li-xi-ê là người duy nhất có thể kế thừa ông ta vì binh sĩ chán ghét từ lâu các tướng lĩnh được đào tạo trong nhà kính của chủ nghĩa Na-pô-lê-ông, *đã nhiều lần đòi cử một vị chỉ huy thuộc trường châu Phi cũ*. Pê-li-xi-ê được sự tín nhiệm của binh sĩ, nhưng ông ta nhận chức thống soái tối cao trong những điều kiện khó khăn. Ông ta phải hành động không chậm trễ. Vì không thể tiến hành cuộc cường tập, nên không còn cách nào khác hơn là tiến quân chống lại quân Nga, và lại không phải bằng biện pháp mà chúng tôi đã mô tả trước kia, nghĩa là toàn bộ quân đội phải vận động theo *một* con đường *duy nhất*, hơn nữa lại do quân Nga phòng thủ mạnh mẽ, mà là chia quân đội thành nhiều phân đội tiến theo vô số đường núi và đường nhỏ mà phần nhiều chỉ có cừu và người chăn cừu đi qua được; điều đó tạo khả năng vu hồi trận địa quân Nga từ bên sườn. Nhưng ở đây nảy ra điều khó khăn. Quân Pháp có phương tiện vận tải cho khoảng 30 000 người và để di chuyển đến nơi không xa bờ biển lắm. Phương tiện vận tải của quân Anh sẽ

cạn sạch, nếu dùng để chở một sư đoàn đến một nơi không xa hơn So-rơ-gun trên sông Đen. Khó hình dung được rằng trong điều kiện thiếu phương tiện vận tải như thế lại có thể bắt đầu cuộc tiến quân, mà nếu thắng lợi thì phong tỏa phía bắc, truy kích địch đến Bác-si-xa-rai và liên lạc với Ô-me-rơ-pa-sa. Huống hồ quân Nga, theo lệ thường, sẽ chăm lo không để lại gì phía sau họ trừ cảnh đồ nát; chỉ trong trường hợp liên quân giáng cho quân Nga một thất bại có tính chất quyết định thì mới có thể bảo đảm cho quân đội có xe lớn, ngựa, lạc đà và những thứ tương tự. Chúng ta hãy xem Pê-li-xi-ê sẽ gỡ ra khỏi những khó khăn ấy như thế nào.

Chúng tôi đã chỉ ra từ trước một số tình huống lạ lùng liên quan đến việc bổ nhiệm Pê-li-xi-ê^{1*}. Nhưng ở đây cần nêu lên một điểm nữa. Khi chiến tranh bắt đầu, Xanh-Ăc-nô, một viên tướng par excellence^{2*} của Bô-na-pác-tơ, được nhận chức tổng tư lệnh. Ông ta đã giúp nhiều cho hoàng đế bằng cách chết đi nhanh chóng. Không một phần tử Bô-na-pác-tơ hàng đầu nào: Ma-nhăng, Cát-xơ-lan, Rô-ghe, Ba-ra-ghe đ'In-li-ê được bổ nhiệm làm người kế nhiệm ông ta. Người ta tìm đến Can-rô-béc, một con người kém vững vàng hơn và không được tu dưỡng lâu năm về chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ nhưng có nhiều kinh nghiệm châu Phi. Giờ đây, khi thay đổi bộ chỉ huy, thì các phần tử Bô-na-pác-tơ du lendemain^{3*} cũng bị gạt bỏ, như các phần tử Bô-na-pác-tơ de la veille^{4*}, và chức vụ ấy được trao cho một viên tướng châu Phi bình thường, không có màu sắc chính trị xác định, nhưng có nhiều năm phục vụ quân đội và có tên tuổi trong quân đội. Phải chăng con đường đi xuống ấy tất nhiên dẫn đến Săng-gác-ni-ê, La-mô-ri-xi-e hoặc Ca-ve-nhắc, nghĩa là bên ngoài hàng ngũ của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ?

“Thiếu năng lực ký kết hòa ước, cũng như tiến hành chiến tranh - đây là tình hình của chúng ta!”, một nhà hoạt động nhà

^{1*} Xem tập này, tr. 313 - 315.

^{2*} - thật sự, chủ yếu

^{3*} - của ngày mai

^{4*} - của hôm qua

nước của Pháp mà toàn bộ số phận của ông ta gắn liền với đế chế, đã nhận xét như thế mấy hôm trước đây. Sự chính xác của ông ta được chứng minh qua mỗi bước đi của đế chế phục tích, kể cả việc bổ nhiệm Pê-li-xi-ê.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết ngày 24 tháng Năm 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số 243, ngày 29 tháng Năm 1855 và đã đăng làm xã luận trên tờ “New-York Daily Tribune” số 4414, ngày 12 tháng Sáu năm 1855

*In theo bản đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” có đối chiếu với bản đăng trên tờ New-York Daily Tribune”
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CẢI CÁCH NGHỊ VIỆN. - SỰ GIÁN ĐOẠN VÀ SỰ NÓI LẠI HỘI NGHỊ VIỆN. - CÁI GỌI LÀ CUỘC CHIẾN TRANH HỦY DIỆT

Luân Đôn, ngày 26 tháng Năm. Một số tình tiết, mà mọi người đều biết, về Comité du Salut Ministériel^{1*} do Pan-móc-xton triệu tập ngày hôm kia, trước khi hạ nghị viện họp, đã nói lên tính chất của bộ máy nghị viện và lập trường của các phái khác nhau đã đem lại cho nội các một đa số 100 phiếu, Pan-móc-xton ngay từ đầu đã dọa *từ chức*, nếu đề án của Đê-xra-e-li được thông qua. Ông ta dọa dẫm về triển vọng thành lập *nội các của đảng To-ri*. Cái gọi là các nghị sĩ cấp tiến, poor fellows^{2*}, kể từ năm 1830 đã được hưởng đặc quyền là trông thấy sự đe dọa đáng sợ cuối cùng ấy treo lơ lửng trên đầu họ như thế nào mỗi khi họ bắt đầu nổi loạn. Và lần nào sự đe dọa ấy cũng đều buộc họ khuất phục. Tại sao vậy? Vì họ sợ hãi phong trào quần chúng tất nhiên xuất hiện ở thời kỳ nội các To-ri. Sự thú nhận của ông Uy-li-am Môn-xơ-uốt, một phần tử cấp tiến, mà chính ông ta hiện nay là bộ trưởng - tuy chỉ là bộ trưởng lâm nghiệp hoàng gia - đã chứng minh luận điểm ấy chính xác đến mức nào. Chức vụ ấy hoàn toàn thích hợp với một con người bẩm sinh đã có thiên tài là thấy

^{1*} - Ủy ban cứu nguy nội các

^{2*} - những con người khốn khổ

cây mà không thấy rừng. Với tư cách đại biểu của khu Xao-tu-ác, một khu thuộc Luân Đôn, ông ta được cử tri của mình mời tham gia cuộc mít-tinh quần chúng tổ chức vào thứ tư vừa rồi ở Xao-tu-ác (NB: trong cuộc mít-tinh này, giống như trong phần lớn các cuộc mít-tinh cử hành trước đây ở các địa phương trong nước, đã thông qua nghị quyết nói rằng yêu sách đòi cải cách hành chính mà không có cải cách nghị viện trước, thì đó là *giả tạo và lừa bịp*). Môn-xơ-uốt không dự cuộc mít-tinh nhưng gửi một bức thư đến và trong thư đó, ông ta, một phần tử cấp tiến và thành viên nội các, đã viết như sau: “Nếu đề án của ông Đê-xra-e-li được thông qua thì sự cần thiết của cải cách hành chính càng rõ ràng”. Chữ “rõ ràng” ấy có nghĩa là: nếu đảng To-ri thành lập nội các, thì phong trào ủng hộ cải cách sẽ có bước chuyển biến quan trọng. Nhưng việc dọa từ chức không phải là con chủ bài của Pan-móc-xton. Pan-móc-xton ám chỉ việc *giải tán nghị viện* và số phận sẽ đến với nhiều nghị sĩ bất hạnh mà mới có ba năm trước đây đã mua bằng những hy sinh lớn lao các ghế của mình ở “nghị viện đáng kính trọng”. Luận cứ ấy có tính chất quyết định. Vấn đề không còn là sự từ chức của *ông ta* nữa. Đã nổi lên vấn đề sự từ chức của *họ*.

Tuy Pan-móc-xton bảo đảm cho mình được đa số 100 phiếu chống lại đề án của Đê-xra-e-li, nhờ đe dọa một số người bằng sự từ chức *của mình*, đe dọa một số người khác bằng việc *họ* bị đuổi ra khỏi hạ nghị viện, nêu ra triển vọng hòa bình cho một số người, nêu lên triển vọng chiến tranh cho một số người khác, nhưng sự liên hợp được khôi phục hiện nay lại tan rã, và lại lại đứng vào lúc có sự trình diễn trước công chúng với hài kịch đã chuẩn bị từ trước. Những lời tuyên bố, mà các vị bộ trưởng buộc phải đưa ra trong quá trình tranh luận đã vô hiệu hóa những lời tuyên bố của họ en petit comité^{1*}. Chất xi măng gắn liền các phái cô chấp với nhau đã rã rời không phải do một cơn giông tố, mà là do một cơn gió nhẹ của nghị viện. Vấn đề là trong phiên họp hôm qua, Rô-bác đã chắt vắn thủ tướng về tin đồn về việc mở lại Hội nghị Viên. Ông ta muốn biết xem đại sứ Anh ở Viên

^{1*} - ở trong một nhóm nhỏ

có được ủy nhiệm tham gia hội nghị ấy không. Trong khi đó, như mọi người đều biết, từ khi nhà ngoại giao không gặp may Rót-xen từ Viên trở về, Pan-móc-xton đã từ chối mọi cuộc tranh luận về chiến tranh và về ngoại giao, viện cớ không nên cản trở “Hội nghị Viên, tuy bị gián đoạn, nhưng tuyệt nhiên chưa kết thúc”. Thứ hai trước, Min-nơ Ghíp-xon đã rút lại, nói đúng hơn, đã gác lại đề án của mình vì theo lời tuyên bố của vị huân tước cao quý ấy, “vấn đề về hội nghị này còn chưa được quyết định”. Đồng thời Pan-móc-xton đặc biệt nhấn mạnh rằng nội các Anh đã đề cho Áo, “nước đồng minh của chúng ta trên mức độ nhất định”, tìm kiếm điểm xuất phát mới cho đàm phán hòa bình. Ông ta nói rằng không còn nghi ngờ gì về việc Hội nghị Viên sẽ tiếp tục họp. Tuy Rót-xen đã rời Viên, nhưng Oét-xmo-len còn ở lại đó, và ngoài ra, các đại sứ tất cả các cường quốc đang hội họp ở Viên; do đó mọi yếu tố của một hội nghị thường trực đang tồn tại.

Nhưng từ thứ hai, khi Pan-móc-xton có nhã ý cho nghị viện nghe những lời bộc bạch chân thành ấy, đã xảy ra những biến đổi lớn. Đứng giữa Pan-móc-xton vào thứ hai và Pan-móc-xton vào thứ sáu là đề án của Đì-xra-e-li và ngày tranh luận về đề án ấy; Đì-ra-e-li nêu lên lý do của đề án của mình là sợ rằng trong thời gian nghị viện ngừng họp, nội các có thể “lôi kéo đất nước vào một hòa ước nhục nhã” giống như thời kỳ A-bóc-đin cầm quyền, đất nước đã bị “lôi cuốn” vào một cuộc chiến tranh nhục nhã. Do đó, số phận của cuộc biểu quyết tùy thuộc vào câu trả lời của Pan-móc-xton đối với lời chất vấn của Rô-bác. Trong lúc này Pan-móc-xton không thể nêu lên cái bóng ma Hội nghị Viên và tuyên bố với nghị viện rằng ở Viên người ta quyết định trong khi ở phòng họp thánh Xtêphan¹⁶² chỉ làm công việc thảo luận, rằng ở đây người ta làm công việc đề nghị, còn ở đây thì những người khác chi phối. Ông ta càng không thể làm như thế, vì chỉ mới hôm kia Rót-xen đã rời bỏ Áo, rời bỏ dự thảo hòa ước và Hội nghị Viên. Cho nên Pan-móc-xton trả lời Rô-bác: Hội nghị Viên không được tái nhóm, và đại sứ Anh không được phép tham dự bất cứ hội nghị mới nào nếu không có chỉ thị đặc biệt của phủ Đạo-ninh. Sau đó, Min-nơ Ghíp-xon phát biểu ý kiến với thái độ hết sức bức tức. Mấy ngày trước đây, vị huân tước cao quý

đó đã tuyên bố rằng Hội nghị Viên chỉ bị hoãn lại, và Oét-xmo-len có những thẩm quyền vô hạn để tiến hành đàm phán. Chẳng lẽ những thẩm quyền ấy của ông ta bị tước mất chẳng, và vào lúc nào? - những thẩm quyền! - Pan-móc-xton trả lời, - những thẩm quyền của ông ta vẫn vô hạn như trước, nhưng ông ta không có quyền sử dụng nó. Có những thẩm quyền và có quyền sử dụng những thẩm quyền ấy - hai điều đó không phải là một. Câu trả lời của Pan-móc-xton đối với lời chất vấn của Rô-bác đã xé tan những mối liên hệ thắt chặt nội các với phái chủ hòa à tout prix^{1*} là phái đã mạnh lên nhờ phái Pin. Đồng thời, đây không phải là “sự hiểu lầm” duy nhất, cũng không phải quan trọng nhất. Hôm kia trong suốt mấy tiếng đồng hồ, Đì-xra-e-li đã hành hạ và tra hỏi Rót-xen, dùng kim nung đỏ chọc ông ta. Đì-xra-e-li đã dùng một tay chỉ vào bộ da sư tử đẹp đẽ và vị đảng viên Vích thuộc kiểu bộ tộc át-tếch ấy quen khoác, còn tay kia thì chỉ vào con người bé nhỏ làm bằng nhựa cây kết nấp sau bộ da ấy. Tuy Rót-xen nhờ kinh nghiệm nghị trường lâu năm và nhờ những hành động phiêu lưu của mình đã được bảo vệ khỏi những lời lẽ gay gắt, giống như nhân vật Dích-phrít không thể bị thương, nhưng ông ta vẫn không thể giữ được sự bình tĩnh khi cái “tôi” thực sự của ông ta bị vạch mặt tàn nhẫn như thế. Ông ta nhả mặt khi Đì-xra-e-li phát biểu. Ông ta nhấp nhồm trên ghế của mình khi tiếp sau Đì-xra-e-li, đến lượt Glát-xtôn phát biểu những lời thuyết giáo của mình. Glát-xtôn vừa dừng lại một cách tuyệt hảo thì Rót-xen đã đứng lên, và chỉ có tiếng cười của nghị viện mới làm ông ta nhớ rằng còn chưa đến lượt mình. Cuối cùng, Glát-xtôn kết thúc lời phát biểu và Rót-xen có thể dốc bầu tâm sự. Rót-xen kể lể với nghị viện tất cả những điều mà ông ta khôn khéo giấu giếm công tước Goóc-tra-cốp và ông Ti-tốp. Nước Nga, mà “*danh dự và phẩm giá*” của nó được ông ta bênh vực tại Hội nghị Viên, thì hiện nay đối với ông đó là một cường quốc đang ra sức lấy ngôi bá chủ thế giới một cách không gì kìm hãm được, là một cường quốc ký kết các hiệp ước để tạo lý do tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược, và tiến hành chiến tranh để đầu độc bầu không khí bằng

^{1*} - bằng bất cứ giá nào

những hiệp ước. Theo ông ta thì không những Anh và cả châu Âu đang bị uy hiếp và không có lối thoát nào khác ngoài chiến tranh hủy diệt. Ông ta cũng ám chỉ Ba Lan. Nói tóm lại, nhà ngoại giao ở Viên đột nhiên biến thành “kẻ mị dân tầm thường” (một trong những danh từ mà ông ta ưa thích). Đê-xra-e-li đã khéo léo thúc đẩy ông ta phát biểu với lối văn khoa trương như vậy.

Ngay *sau cuộc biểu quyết*, ngài Giêm-xơ Grê-hêm thuộc phái Pin đã phát biểu ý kiến. Ông ta nghe làm chẳng? Rốt-xen đã tuyên bố một cuộc “chiến tranh mới” với nước Nga, một cuộc thập tự chinh, một cuộc chiến tranh sống mái, một cuộc chiến tranh của các dân tộc. Vấn đề quá nghiêm trọng đến mức không thể ngừng tranh luận. Theo họ thì bây giờ đây ý đồ của các bộ trưởng không rõ ràng hơn bao giờ hết. Rốt-xen cho rằng *sau* cuộc biểu quyết, ông ta có thể, như thường lệ, lột bỏ bộ da sư tử. Vì vậy ông ta quyết định không khách khí gì cả. Ông ta nói, Grê-hêm “*hiểu nhầm*” ông ta. Ông ta chỉ mong muốn có “an ninh cho Thổ Nhĩ Kỳ”. Các ngài thấy đấy, Đê-xra-e-li thốt lên, các ngài là những người đã bác bỏ đề án của tôi, như vậy là đã xóa bỏ việc kết tội nội các là “hai mặt”, bây giờ các ngài hãy thưởng thức sự chân thành của ông ta! Cái vị Rốt-xen ấy *sau* cuộc biểu quyết đã từ bỏ toàn bộ lời phát biểu của mình đã nói ra *trước* cuộc biểu quyết! Tôi chúc mừng các ngài đã biểu quyết!

Nghị viện không thể đứng vững trước “*demonstratio ad oculos*”^{1*} đó. Các cuộc tranh luận bị hoãn hết kỳ nghỉ nhân dịp lễ Ba ngôi; thắng lợi mà nội các đã giành được thì trong phút chốc lại mất đi. Người ta tính rằng vở hài kịch chỉ gồm có hai màn và kết thúc bằng cuộc biểu quyết. Giờ đây lại thêm đoạn kết đe dọa trở thành quan trọng hơn phần trình diễn chính của vở kịch. Tuy vậy, kỳ nghỉ của nghị viện cho phép chúng ta phân tích tỉ mỉ hơn về hai màn đầu. Các cuộc tranh luận lại mang tính chất nghiêm trọng chỉ *sau* cuộc biểu quyết là việc chưa từng thấy trong biên niên sử của nghị viện. Các cuộc tranh đấu nghị

viện cho tới nay thường kết thúc bằng cuộc biểu quyết giống như các cuộc ái tình tiểu thuyết đều kết thúc bằng kết hôn.

*Do C.Mác viết ngày 26 tháng Năm 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
245, ngày 30 tháng Năm 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - “chúng có rành rành”

C.MÁC

KIỆN NGHỊ CỦA ĐI-XRA-E-LI

Luân Đôn, ngày 28 tháng Năm. Theo cách nói tao nhã của Glát-xtôn thì người ta đã đề nghị với hạ nghị viện một “thực đơn đa dạng” - lựa chọn giữa đề án của Đi-xra-e-li và tu chính án của Bê-rinh đối với đề án của Đi-xra-e-li, giữa sous-amendement^{1*} của ngài U.Hít-cốt đối với tu chính án của Bê-rinh và contre-sous-amendement^{2*} của ông Lâu phản đối Đi-xra-e-li, Bê-rinh và ngài U. Hít-cốt. Đề án của Đi-xra-e-li bao gồm sự khiển trách các bộ trưởng và tờ trình gửi nữ hoàng về vấn đề chiến tranh: vấn đề thứ nhất mang hình thức rõ ràng, còn vấn đề thứ hai thì mang hình thức mập mờ, cả hai được gắn liền bằng một số mối quan hệ chỉ có thể hiểu được qua quá trình tư duy của nghị viện. Hình thức rụt rè của tờ trình về vấn đề chiến tranh đã nhanh chóng có được sự giải thích. Đi-xra-e-li sợ sự căm phẫn trong phe mình. Một đảng viên To-ri, hầu tước Gran-bi, tỏ ý *phản đối*, một đảng viên To-ri khác, huân tước Xten-li tỏ ý *tán thành*, nhưng cả hai đều với tư cách người ủng hộ hòa bình. Tu chính án của Bê-rinh là của *nội các*. Nó bác bỏ nghị quyết khiển trách nội các và tiếp thu phần quân sự trong đề án theo đúng cách dùng thuật ngữ Đi-xra-e-li, chỉ thêm ở phía trước mấy câu: nghị viện “lấy làm tiếc mà xác nhận rằng Hội nghị Viên không dẫn đến

^{1*} - tu chính án bổ sung

^{2*} - phản tu chính án đối với tu chính án bổ sung

việc chấm dứt các hoạt động quân sự”. Bê-rinh cùng một lúc đã dội cả nước nóng lẫn nước lạnh. “Lấy làm tiếc” là dành cho phái chủ hòa, còn “tiếp tục chiến tranh” là dành cho phái chủ chiến, và việc nội các không có những nghĩa vụ rõ ràng đối với cả hai phái, thì đây là shell trap^{1*} dành cho những phiếu trắng cũng như phiếu đen, là bản hợp tấu cho sáo và bản hợp tấu cho kèn. Sous - amendement của Hít-cốt đã hoàn chỉnh nốt tu chính án lập lờ của Bê-rinh bằng những câu chữ trữ tình thuần túy qua việc thêm vào mấy chữ “nghị viện vẫn còn ôm ấp hy vọng” (sberishing - một thành ngữ hoàn toàn vô hại), “rằng những cuộc hội họp đang tiếp tục sẽ kết thúc thành công”. Trái lại, tu chính án của Lâu tuyên bố rằng các cuộc đàm phán hòa bình đã kết thúc vì Nga cự tuyệt điều khoản thứ ba, và dùng điểm để làm căn cứ cho tờ trình lên nữ hoàng về vấn đề chiến tranh. Chúng ta thấy, trong tu chính án có tính chất chiết trung của nội các có hai phần mà nó định che đậy và trung hòa lại đối lập nhau một cách hòa bình. Tiếp tục Hội nghị Viên! - Hít-cốt hô lớn. Không có Hội nghị Viên nào cả! - Lâu trả lời. Tiếp tục Hội nghị Viên và tiếp tục chiến tranh! Bê-rinh nói thảm. Sự phát triển của chủ đề của bài hát ba bè ấy, chúng ta sẽ nghe sau đây một tuần, còn bây giờ chúng ta trở lại cuộc tranh luận về đề án của Đi-xra-e-li, về vấn đề này thì trong tối đầu tiên chỉ có ba nhân vật quốc gia trọng yếu phát biểu ý kiến, đó là *Đi-xra-e-li*, *Glát-xtôn*, và *Rót-xen*: người thứ nhất phát biểu gay gắt và rất chính xác, người thứ hai thì xuôn xẻ và hùng biện, người thứ ba thì nhạt nhẽo và ồn ào.

Chúng tôi không đồng ý với lời chê trách rằng Đi-xra-e-li do phản đối cá nhân Rót-xen nên quên khuấy mất “thực chất của vấn đề”. Cần tìm bí mật của cuộc chiến tranh Nga - Anh không phải trên chiến trường, mà ở phố Đào-ninh. Rót-xen là bộ trưởng ngoại giao trong thời kỳ nhận được các thông tin bí mật của nội các Pê-téc-bua, Rót-xen là đại diện đặc mệnh toàn quyền trong thời gian có Hội nghị Viên gần đây, Rót-xen đồng thời là lãnh

^{1*} cạm bẫy

tự của hạ nghị viện; ông ta là hiện thân sống của phổ Dao-ninh, ông ta là điều bí mật *bị vạch trần* của nó. Không phải vì ông ta là linh hồn của nội các, mà là vì ông ta là cuồng hợm của nó.

Vào cuối năm 1854, theo Đi-xra-e-li kể, Rót-xen giễu võ dương oai khi tuyên bố như sau giữa những tiếng vỗ tay rầm rộ của nghị viện đông nghị:

“Anh không thể hạ vũ khí chừng nào chưa được sự *bảo đảm vật chất* có thể hạn chế sự hùng mạnh của Nga trong *phạm vi* không gây nguy hiểm cho châu Âu và, do đó, đảm bảo sự an ninh hoàn toàn cho tương lai”.

Cũng con người ấy là thành viên của cái nội các đồng ý nghị định thư Viên ký ngày 5 tháng Chạp 1853, trong đó các đại biểu Anh và Pháp nói thêm rằng chiến tranh không được dẫn tới sự suy yếu hoặc sự thay đổi “các điều kiện vật chất” của Đế quốc Nga. Đối với lời chất vấn của Linh-huê-xơ về nghị định thư ấy, C la-ren-đôn đã nhân danh nội các tuyên bố rằng:

“Không cho phép làm yếu sự hùng mạnh của Nga ở châu Âu - có thể đó là nguyện vọng của Phổ và Áo, nhưng không phải là nguyện vọng của Pháp và Anh”.

Đi-xra-e-li nói rằng hạ nghị viện Rót-xen đã nhận định tính chất của hành động của hoàng đế Ni-cô-lai là “giả dối và nham hiểm”. Tháng bảy 1854, ông ta khoác lác thông báo về việc sắp sửa xâm nhập vào Crum và tuyên bố rằng việc tàn phá Xê-va-xtô-pôn là điều cần thiết đối với châu Âu. Sau hết, ông ta lật đổ A-bớc-đin, vì theo ý kiến của ông ta, A-bớc-đin tiến hành chiến tranh quá ư uể oải. Bộ da sư tử xem ra là như thế đấy, bây giờ nói về bản thân sư tử. Rót-xen là bộ trưởng ngoại giao trong thời gian vài ba tháng năm 1853, vào thời kỳ Anh nhận được từ Xanh-Pê-téc-bua “*những văn kiện bí mật và cơ mật*” trong đó Ni-cô-lai thẳng thừng đòi kỳ được sự chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ, trước hết với lý do là ông ta bảo hộ các thần dân Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ, một sự bảo trợ, như Nê-xen-rô-đe đã thừa nhận trong bức điện khẩn gần đây của mình, chưa hề tồn tại. Rót-xen làm gì? Ông ta gửi cho đại sứ Anh ở Pê-téc-bua một bức điện khẩn trong đó có đoạn nguyên văn như sau:

“Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ càng tuân theo sách lược lập pháp không thiên vị và cai trị công bằng, thì hoàng đế Nga càng ít cho rằng cần sử dụng quyền *bảo hộ* đặc biệt của mình mà ông ta cho là hết sức nặng nề và bất tiện, tuy rằng sự bảo hộ ấy không nghi ngờ gì nữa, là nghĩa vụ của ông ta và đã được các hiệp ước làm cho trở thành thiêng liêng”.

Như vậy, trong điểm tranh chấp này, Rót-xen đã nhượng bộ từ trước. Ông ta tuyên bố rằng sự bảo hộ không những là hợp pháp, mà còn là nghĩa vụ. Ông rút nó ra từ Hiệp ước Cai-nắ-gia. Vậy “điểm thứ tư” của Hội nghị Viên nói gì? Nói rằng “sự giải thích sai lầm về Hiệp ước Quy-súc - Cai-nắ-gia là nguyên nhân chính của cuộc chiến tranh hiện nay”. Vì vậy nếu như trước khi tuyên chiến, chúng ta thấy Rót-xen đóng vai người bênh vực *quyền lợi* của nước Nga, quyền lợi mà hiện nay ngay cả Nê-xen-rô-đe cũng từ bỏ, thì vào giai đoạn cuối của thời kỳ đầu chiến tranh, tại Hội nghị Viên chúng ta lại gặp ông ta trong vai người bảo vệ *danh dự* của nước Nga. Ngày 26 tháng Ba ngay khi người ta đi vào thực chất của vấn đề, đi vào thảo luận điểm thứ ba, thì phần tử bài Nga Rót-xen mới đứng lên tuyên bố trịnh trọng:

“Trước con mắt của nước Anh và của các đồng minh của nó, điều kiện ký hòa ước tốt nhất và *duy nhất có thể cho phép* là những điều kiện hài hòa một cách tốt nhất với danh dự và phẩm giá của nước Nga, đồng thời bảo đảm nền an ninh của châu Âu v.v.”.

Vì vậy, ngày 17 tháng Tư các đại biểu của Nga đã thôi chủ động đưa ra các đề nghị về điểm thứ ba; sau lời tuyên bố của Rót-xen họ tin chắc rằng những điều kiện do các đại biểu của các nước đồng minh đề nghị sẽ phù hợp với tinh thần của nước Nga hơn là những điều kiện mà bản thân nước Nga có thể đưa ra. Chẳng lẽ việc hạn chế lực lượng hải quân Nga là “hài hòa” một cách tốt nhất với “danh dự nước Nga” hay sao? Vì vậy, trong thông tri gần đây của mình, Nê-xen-rô-đe bám chắc vào lời thừa nhận ngày 26 tháng Ba của Rót-xen. Ông ta trích dẫn Rót-xen. Ông ta hỏi Rót-xen rằng phải chăng những đề nghị ngày 19 tháng Tư là “tốt nhất và duy nhất có thể cho phép”? Rót-xen đã đóng vai người

bao che cho nước Nga vào đêm trước khi nổ ra chiến tranh. Ông ta đóng vai người bao che cho nước Nga vào cuối thời kỳ đầu của chiến tranh, bên chiếc bàn màu xanh tại dinh của bá tước Bu-ôn.

Đây là lời phát biểu của Đì-xra-e-li chống lại Rốt-xen. Sau đó ông ta giải thích thất bại ở chiến trường, cũng như sự bất bình ở ngay trong nước bằng những hành động mâu thuẫn nhau của nội các, mà ở Crum thì nó hành động có lợi cho chiến tranh, còn ở Viên thì nó hành động có lợi cho hòa bình, kết hợp được lối ngoại giao hiếu chiến với cuộc chiến tranh được ngoại giao hóa.

“Tôi phủ nhận” - ông ta thốt lên - “rằng thu thuế và trang bị cho quân đội viễn chinh là đủ để tiến hành chiến tranh. Cần giữ vững tinh thần của nhân dân. Nhưng các ngài không thể làm được điều đó, vì các ngài thường xuyên làm cho đất nước tin rằng các ngài dốc sức cho hòa bình, rằng điều khoản đang gây tranh cãi thì rút cục lại mang tính chất tương đối nhỏ. Khi người ta tin rằng mình phải độ sức với một kẻ thù hùng mạnh thì người ta sẽ có những hy sinh to lớn. Khi người ta biết rằng mình bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh trong đó vấn đề đặt ra là vinh quang của đất nước, sự tồn tại và sự cường thịnh của nó, thì người ta sẽ có những hy sinh to lớn. Nếu như các ngài tăng gấp đôi hoặc gấp ba thuế thu nhập, nếu các ngài xua đuổi người ta ra khỏi tổ ấm gia đình để vào phục vụ trong quân đội, nếu các ngài làm cho trái tim người Anh buồn phiền bởi những tin tức về những trận đánh đẫm máu, nếu các ngài làm tất cả những cái đó thì nhân dân không được phép nghe thấy rằng toàn bộ vấn đề là ở chỗ trên biển Hắc Hải nước Nga có hay không có bốn hoặc tám chiếc tàu tuần dương hạng vừa... Muốn tiến hành chiến tranh thuận lợi, cần giữ vững tinh thần không những của nước mình, mà còn của các quốc gia khác. Hãy tin rằng chừng nào mà các ngài kêu gọi nước khác yêu cầu nước ấy đứng ra làm người trung gian thì nước ấy không bao giờ hành động trong tư cách đồng minh của ngài... Huân tước Pan-móc-xton khẳng định rằng ông ta sẽ không ký kết một hòa ước nhục nhã. Vị huân tước cao quý ấy tự cam đoan như thế thay mặt mình, nhưng ai bảo lãnh cho huân tước cao quý?... Các ngài không thể thoát khỏi các khó khăn bằng Hội nghị Viên. Dùng ngoại giao, các ngài chỉ làm tăng thêm nguy hiểm và khó khăn. Lập trường của các ngài, về mọi mặt, đều sai lầm, và các ngài không bao giờ có thể tiến hành thuận lợi cuộc chiến tranh tấn công nếu không được sự ủng hộ của nhân dân được khích lệ và của các nước đồng minh tin vào quyết tâm của các ngài. Tôi muốn rằng tôi nay, bằng cuộc biểu quyết của mình, nghị viện sẽ chấm

dứt chế độ hai mặt sai lầm, các chế độ sử dụng đồng thời chiến tranh và ngoại giao; tôi muốn rằng nghị viện sẽ tuyên bố công khai và không lập lờ rằng thời kỳ đàm phán đã qua rồi. Tôi nghĩ rằng trong những người đã đọc thông tin của Nê-xen-rô-đe, không một ai có thể nghi ngờ điều đó”.

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Năm 1885

Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số 247, ngày 31 tháng Năm 1885

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

* TIN TỪ NGHỊ VIỆN: NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐI-XRA-E-LI

Luân Đôn, ngày 29 tháng Năm. Tài hùng biện của *Glát-xtôn* chưa bao giờ biểu hiện hoàn chỉnh, toàn diện hơn bài speech^{1*} của ông ta đọc tối thứ năm. Hoa mỹ và lưu loát, sâu sắc mà trống rỗng, ngọt ngào mà không phải không chứa chất độc, dịu dàng nhưng không phải không châm chọc, mang mọi màu sắc kinh viện, questiones và questioniculae^{2*}, cả kho vũ khí của chủ nghĩa hoặc nhiên với lương tâm nguy hiểm và những điều kiện đặt trước vô lương tâm của nó, những lý do không gây ra sự hoài nghi và với những sự hoài nghi có lý do, tham vọng hiền lành muốn có sự vượt trội, âm mưu từ thiện, sự bình dị đầy rẫy mảnh lới, có cả Bi-dăng-xơ và Li-vóc-pun. Diễn văn của *Glát-xtôn* xoay quanh vấn đề chiến tranh và hòa bình giữa Anh và Nga không bằng xoay quanh vấn đề tại sao *Glat-xtôn* mới gần đây là thành viên của nội các tiến hành chiến tranh mà nay lại trở thành *Glát-xtôn* tín đồ của phái chủ hòa với bất cứ giá nào? Ông ta phân tích, ông ta nghiên cứu tất cả mọi khía cạnh những giới hạn của lương tâm mình và, với sự khiêm tốn vốn có, ông ta yêu cầu đế quốc Anh vận động trong khuôn khổ lương tâm của *Glát-xtôn*. Vì vậy

^{1*} - diễn viên

^{2*} - các vấn đề lớn và vấn đề nhỏ

diễn văn của ông ta mang màu sắc tâm lý - ngoại giao, màu sắc này nếu nó đem yếu tố lương tâm vào ngoại giao thì nó lại đem, trên mức độ lớn hơn, yếu tố ngoại giao vào lương tâm.

Cuộc chiến tranh chống Nga nghe đâu ban đầu là chính nghĩa, nhưng hiện nay chúng ta đã đi tới lúc mà tiếp tục nó là có tội. Ngay từ khi tình hình phương Đông trở nên phức tạp, chúng ta đã không ngừng nâng cao những đòi hỏi của chúng ta. Với những điều kiện của mình, chúng ta vận động theo con đường đi lên, trong khi đó, bằng những nhượng bộ từng bước của nó, Nga đã tụt từ trên cao xuống. Ban đầu, Nga đòi hỏi quyền bảo hộ không những đối với phần đạo mà cả đối với phần đời của tín đồ Cơ Đốc Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo chính thống, không muốn nhượng bộ bất cứ hiệp ước cũ nào hoặc dù chỉ là rút khỏi các công quốc vùng Đa-nuýp. Nga từ chối tham dự bất cứ cuộc hội nghị nào ở Viên của các cường quốc và đề nghị đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ đến X. Pê-téc-bua hoặc đến tổng hành dinh quân Nga. Đây là luận điểm của Nga vẫn như thế vào ngày 2 tháng Hai 1854. Giữa những yêu cầu bấy giờ của các cường quốc phương Tây và bốn điểm có một sự khác nhau biết nhường nào! Tận ngày 26 tháng Tám 1854, Nga còn tuyên bố không bao giờ đồng ý tiếp nhận bốn điểm, và thà chấp nhận tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài, tàn khốc và tai hại còn hơn. Giữa luận điệu ấy của Nga vào tháng Tám 1854 và luận điệu của nó vào tháng Chạp 1854 khi nó bảo đảm tiếp nhận “không điều kiện” bốn điểm lại có sự khác nhau biết nhường nào! Bốn điểm ấy là giới hạn mà các yêu sách của chúng ta có thể nâng lên được và các nhượng bộ tối đa mà Nga có thể chấp nhận được. Tất cả cái gì vượt quá phạm vi của bốn điểm ấy đều vượt quá phạm vi của đạo đức Cơ Đốc giáo. Vậy ta thấy gì! Nước Nga đã tiếp thu điểm thứ nhất, nó cũng tiếp thu điểm thứ hai; nó không bác bỏ điểm thứ tư vì điểm này chưa được đưa ra thảo luận. Như thế là chỉ còn lại điểm thứ ba, do đó chỉ còn một phần tư, thậm chí không phải toàn bộ điểm thứ ba mà chỉ là một nửa điểm này, nghĩa là tất cả chỉ còn một phần tám là có sự bất đồng. Vấn đề là điểm thứ ba gồm hai phần: phần thứ nhất - bảo đảm sự

toàn vẹn lãnh thổ của Thổ Nhĩ Kỳ, phần thứ hai - làm yếu sự hùng mạnh quân sự của Nga trên Hắc Hải. Về phần thứ nhất, Nga tỏ ra có ít nhiều tán đồng. Do đó chỉ còn lại phần thứ hai của điểm thứ ba. Và ngay trong vấn đề này, Nga tỏ ra không phản đối việc hạn chế quyền bá chủ của nó trên biển, nó chỉ phản đối *phương pháp* thực hiện sự hạn chế ấy của chúng ta. Các cường quốc phương Tây đề nghị cả thấy có một phương pháp. Nga đề nghị không phải một, mà là hai phương pháp khác, nghĩa là ở đây Nga lại đi trước các cường quốc phương Tây. Về phương pháp mà các cường quốc phương Tây đề nghị thì nó xúc phạm đến danh dự của đế quốc Nga. Nhưng không thể xúc phạm đến danh dự của một quốc gia, nếu không thu hẹp lực lượng của nó. Mặt khác, không thể thu hẹp lực lượng của một quốc gia, vì như vậy sẽ xúc phạm đến danh dự của nó. Có những quan điểm khác nhau về “phương pháp” mà, sau khi xét đến tất cả mọi “phương pháp”, dựa vào đó có thể biến một phần tám sự bất đồng thành một phần ba mươi hai của sự bất đồng, song có nên vì thế mà hy sinh thêm nửa triệu sinh mạng không? Trái lại, cần tuyên bố rằng chúng ta đã đạt được mục đích của chiến tranh. Chúng ta có nên tiếp tục chiến tranh chỉ vì muốn giữ *uy tín*, vì vinh quang quân sự không? Binh sĩ của chúng ta đã giành được vinh quang. Tuy thế, nếu nước Anh vẫn mất uy tín trước con mắt của các nước trên lục địa, thì

“hãy vì Thượng đế” - vị trượng phu đáng kính nọ đã thốt lên - “chớ có trả thù vì sự mất uy tín đó bằng việc đổ máu loài người, mà hãy khôi phục sự tín nhiệm đối với Anh bằng việc cung cấp cho nước ngoài những tin tức xác thực hơn”.

Thật vậy, tại sao không “uốn nắn” báo chí nước ngoài? Thắng lợi hơn nữa của liên quân sẽ dẫn tới cái gì? Nó buộc Nga chống cự ngoan cường hơn. Còn thất bại của liên quân? Nó gây ra sự phẫn nộ của dân cư Luân Đôn và Pa-ri và đẩy liên quân vào tiến công kiên quyết hơn. Như vậy, chiến tranh vì chiến tranh sẽ dẫn tới cái gì? Thoạt tiên Thổ Nhĩ Kỳ, Áo, Pháp và Anh *nhất trí* trong những yêu sách của họ đối với Nga, Phổ đã tránh sang một bên. Nếu tiếp tục khăng khăng đòi hơn nữa thì Áo sẽ rút lui. Chỉ còn một mình Pháp ở lại với Anh.

Nếu Anh sẽ tiếp tục chiến tranh dựa theo những lý do mà, ngoài Pháp ra, không một nước nào đồng ý, thì “uy tín đạo đức của lập trường của Anh sẽ rất suy yếu và lung lay”. Trái lại, bằng cách giảng hòa với Nga thì Anh - ngay cả khi hòa ước ấy làm tổn thương đến uy tín mà nó giành được từ thế giới này - sẽ tăng cường “uy tín đạo đức” của mình và nó không bị han rỉ và mỗi mọt. Ngoài ra, những người không đồng ý với phương pháp của Nga trong việc thực hiện phần thứ hai của điểm thứ ba, muốn đạt mục đích gì? Có lẽ họ muốn sự chia cắt đế quốc Nga. Điều đó không thể làm được, nếu không gây ra “chiến tranh giữa các dân tộc” nhưng liệu Áo có *muốn*, và Pháp *có thể* ủng hộ cuộc chiến tranh ấy giữa các dân tộc không? Nếu Anh muốn gây ra “cuộc chiến tranh giữa các dân tộc” thì nó buộc phải tiến hành *đơn độc*, mà điều đó có nghĩa là “nó hoàn toàn không dám tiến hành cuộc chiến tranh đó”. Vì vậy, không còn cách nào khác hơn là đưa ra những yêu sách mà Nga đồng ý.

Diễn văn của Glát-xtôn là như thế đấy, nếu không phải xét về câu văn, thì xét về nội dung tinh thần. Nước Nga đã nói với một *luận điệu* khác; điều đó chứng tỏ rằng nó đã nhượng bộ *trên thực tế*. Đối với phần tử pi-u-di đáng kính trọng vấn đề duy nhất là ngôn từ. Ông ta cũng nói với một ngôn ngữ khác. Hiện nay ông ta than vãn về chiến tranh; nỗi đau khổ của toàn thể loài người đang dày vò tâm hồn ông ta. Ông ta phát biểu có tính biện hộ, khi khiển trách ủy ban điều tra và cho rằng điều hợp lý là đẩy quân đội Anh vào chỗ chịu mọi nỗi đau khổ của chết đói và dịch hạch. Nhưng đồng thời quân đội được biến thành vật hy sinh cho *hòa bình!* Tội lỗi đã bắt đầu ngay từ lúc quân đội bị đem hy sinh cho *chiến tranh*. Nhưng Glát-xtôn đã chứng minh được rằng Chính phủ Anh chưa bao giờ suy nghĩ nghiêm chỉnh về cuộc chiến tranh với Nga; ông ta đã chứng minh được rằng cả Chính phủ Anh hiện nay lẫn Chính phủ Pháp hiện nay đều không thể và không muốn tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự chống lại nước Nga; ông ta đã chứng minh rằng *những cái cớ* để gây ra chiến tranh không xứng đáng nổi một phát đạn nào, Glát-xtôn chỉ quên

rằng “những có” ấy là do ông ta và các đồng sự trước đây của ông ta tưởng tượng ra, và nhân dân Anh buộc họ tiến hành cuộc “chiến tranh” ấy. Đối với họ, việc chỉ đạo chiến tranh chỉ là cái có để làm tê liệt nó và duy trì các chức vụ của mình. Và từ lịch sử phát sinh và biến hóa của những cái có giả tạo mà họ dựa vào đó để tiến hành chiến tranh, Glát-xtôn đã rút ra một cách thành công kết luận cho rằng họ có thể ký kết hòa ước cùng với những cái có giả tạo ấy. Ông ta chỉ khác với đồng sự cũ của ông ta ở một điểm ông ta là Out^{1*}, họ là In^{2*}. Nhưng cái có giả tạo, thích hợp với cự bộ trưởng, không phải là cái có giả tạo thích hợp với một bộ trưởng hiện nay, tuy rằng nước tốt cho thịt ngỗng cái cũng là nước tốt cho thịt ngỗng đực.

Sự lẫn lộn một cách khó tin ấy về những khái niệm mà Glát-xtôn mắc phải là tín hiệu *Rót-xen* mong đợi từ lâu. Ông ta đứng lên và bắt đầu bôi nhọ nước Nga, trái với Glát-xtôn là người hết sức biện hộ cho nó. Nhưng Glát-xtôn là “Out”, còn Rót-xen là “In”. Sau khi Rót-xen lập lại, bằng giọng điệu la lối, tất cả những câu nói chung chung mọi người đều biết, tầm thường nhưng chính xác về các kế hoạch xâm lược thế giới của Nga, ông ta đi vào vấn đề, vào chính vấn đề của Rót-xen. Ông ta nói rằng không bao giờ vấn đề dân tộc hết sức quan trọng như thế lại bị hạ thấp đến mức như trong bài diễn văn của Đê-xra-e-li. Thật vậy, đối với vấn đề dân tộc quan trọng, thậm chí có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, liệu có thể có sự coi thường nào lớn hơn là đặt nó ngang hàng với nhân vật *Giôn* bé nhỏ, với ông *Giôn Rót-xen* không? *Châu Âu* contra^{3*} *Nga* đã xuất hiện ngay khi bắt đầu, cũng như khi kết thúc thời kỳ thứ nhất của cuộc chiến tranh, giống như *Rót-xen* chống lại *Nê-xen-rô-đê*, thì chuyện đó đâu có phải lỗi tại Đê-xra-e-li. Con người bé nhỏ ấy đã cựa quậy đến buồn cười khi đề cập đến bốn điểm. Một mặt, ông ta cần chứng minh rằng những điều kiện giảng hòa của ông đều phù

^{1*} - phe đối lập

^{2*} - chính phủ

^{3*} - chống lại

hợp với những điều đáng sợ của nước Nga mà ông ta vừa mô tả, mặt khác, cần chứng minh rằng ông ta, kẻ trung thành với lời hứa tự nguyện, không bị sự cưỡng bức nào của mình đối với Ti-tốp và Goóc-tra-cốp, đã đưa ra những điều kiện “hài hòa một cách tốt nhất với danh dự nước Nga”. Vì vậy, một mặt, ông ta chứng minh rằng Nga chỉ là một cường quốc hải quân trên *danh nghĩa*, do đó có thể rất dễ đồng ý với sự hạn chế những lực lượng chỉ tồn tại trong tưởng tượng ấy, còn mặt khác, lại khẳng định rằng hạm đội mà bản thân Nga đánh chìm là một sự uy hiếp đáng sợ đối với Thổ Nhĩ Kỳ, và, do đó, đối với cả thế cân bằng ở châu Âu, và vì vậy “nửa thứ hai của điểm thứ ba”, có ý nghĩa độc lập lớn. Địch dồn đối thủ vào ngõ cụt, đặt nó trước tình thế tiến thoái lưỡng nan. Rót-xen tự đặt mình vào tình trạng không có lối thoát. Ông ta cho thấy những bằng chứng mới về *thiên tài ngoại giao* của mình. Liên minh tích cực với Áo không đem lại gì hết, vì chỉ một trận thua cũng đủ để đưa quân Nga vào Viên, - ông ta khích lệ một đồng minh của mình *như vậy*.

“Chúng tôi cảm thấy” - ông ta nói tiếp - “Nga có ý định chiếm Công-xtăng-ti-nô-plo và thống trị ở đó, vì *Thổ Nhĩ Kỳ* rõ ràng đang ở trên con đường tan rã; và tôi không nghi ngờ gì nữa, Nga cũng giữ ý kiến ấy đối với ý định của Pháp và Anh khi nước ấy thất bại”.

Chỉ thiếu một điều là ông ta nói thêm rằng: “thực ra Nga đã làm; không phải Anh và Pháp; mà là một mình Anh phải làm chủ Công-xtăng-ti-nô-plo”. Nhà ngoại giao vĩ đại đã thúc đẩy như vậy để Áo đứng về phía Anh, ông ta đã tiết lộ như vậy cho Thổ Nhĩ Kỳ biết các bạn bè của Thổ Nhĩ Kỳ, những người cứu Thổ Nhĩ Kỳ, có ý kiến, mà hơn nữa lại “hiển nhiên” có ý kiến, như thế nào. Tuy nhiên, về một điểm, Rót-xen đã được thành tựu trong tư cách là nhà sách lược của nghị viện. Tháng Bảy 1854, khi ông ta khoác lác rằng Crum sẽ bị đánh chiếm, Đê-xra-e-li đã đẩy ông ta vào chỗ lúng túng đến mức buộc ông ta từ bỏ những lời lẽ hiếu chiến của mình ngay *trước* khi có cuộc biểu quyết ở nghị viện. *Lần này* thì ông ta hiểu hành động tự sát ấy - từ bỏ cuộc đấu tranh của toàn thế giới chống Nga mà ông ta lớn tiếng công

bổ - cho đến khi cuộc biểu quyết đã được *tiến hành*. Một bước tiến lớn!

Diễn văn của Rót-xen còn bao gồm hai bức minh họa lịch sử - sự mô tả thú vị cao độ về cuộc đàm phán với hoàng đế Ni-cô-lai về Hiệp ước Cai-nắc-gia và sự bình điểm qua tình hình *nước Đức*. Cả hai vấn đề ấy đều đáng được nhắc qua. *Rót-xen*, như các bạn đọc sẽ nhớ lại, căn cứ vào Hiệp ước Cai-nắc-gia, đã trực tiếp thừa nhận quyền bảo hộ của Nga. Đại sứ Anh ở Pê-téc-bua, ngài Ha-min--ton Xây-mua đã tỏ ra là một con người không dễ tính bằng và hoài nghi hơn. Ông ta thăm dò Chính phủ Nga, còn Rót-xen thì ngay thơ đến nỗi kể lại câu chuyện đó như sau:

“Ngài Ha-min-ton Xây-mua hết sức khẩn khoản xin vị cố hoàng đế Nga cho ông ta xem phần của hiệp ước làm căn cứ cho yêu sách của hoàng đế. Đức hoàng đế phán rằng: “Trẫm không thể cho khanh xem cái điều khoản đặc biệt trong hiệp ước được dùng làm căn cứ cho yêu sách của trẫm” (quyền bảo hộ), “Khanh hãy đi gặp bá tước Nê-xen-rô-đe, ông ta sẽ làm việc đó”. Ha-min-ton Xây-mua đề đạt lời thỉnh cầu của mình với Nê-xen-rô-đe. Bá tước Nê-xen-rô-đe trả lời rằng ông ta không nắm rõ các điều khoản của bản hiệp ước và giới thiệu ông này đi gặp nam tước Brun-nốp hoặc nhờ chính phủ ông ta đi gặp vị nam tước nọ; nam tước Brun-nốp sẽ nói cho ông ta biết rõ phần nào của bản hiệp ước được dùng làm căn cứ cho yêu sách của hoàng đế. Tôi nghĩ rằng nam tước Brun-nốp không bao giờ dám nói ra điều khoản ấy trong hiệp ước”.

Về nước Đức thì vị huân tước cao quý ấy kể rằng:

Nước Nga có quan hệ với nước Đức thông qua cuộc hôn nhân với vô số vị vua nhỏ. Những vị vua này - phải lấy làm tiếc mà thừa nhận điều đó - đang cai trị mà cảm thấy rất lo sợ trước tinh thần cách mạng mà họ cho rằng đang tồn tại ở thân dân của họ, và vì vậy trồng cây vào sự bảo vệ của quân đội của mình.

Nhưng những lực lượng vũ trang ấy như thế nào? Các sĩ quan của họ bị triều đình Nga làm truy lạc và đòi bại. Triều đình Nga phân phát cho họ huân chương, huy chương và tiền thưởng, mà trong một số trường hợp Nga cung cấp tiền đều đặn để thanh toán nợ nần của họ, cho nên nước Đức, mà lẽ ra nó phải là thành trì của nền độc lập và phải lãnh đạo việc bảo vệ châu Âu khỏi sự thống trị của Nga, thì nhiều năm nay lại suy yếu dần và mất đi nền độc lập của mình do những âm mưu và tiền bạc của Nga”.

Cho nên để thúc đẩy Đức đi trước như một bó đuốc, để kêu gọi nó phục tùng “mệnh lệnh tuyệt đối”, *thi hành nghĩa vụ*, Rót-xen đã tuyên bố, tại Hội nghị Viên, rằng mình là người bảo vệ “danh dự và phẩm giá của Nga” và buộc Đức lắng nghe lời lẽ kiêu hãnh của một người Anh tự do và độc lập.

*Do C.Mác viết ngày 29 tháng Năm 1885
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung”
số 249, ngày 1 tháng Sáu 1885*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

PHÊ PHÁN BÀI DIỄN VĂN GẦN ĐÂY CỦA PAN-MỐC-XTƠN

Luân Đôn, ngày 1 tháng Sáu. Nếu Glát-xtôn đưa người ta vào chỗ nhằm lẫn bằng cái vẻ bề ngoài của sự sâu sắc thì Pan-mốc-xtôn lại đưa người ta vào chỗ nhằm lẫn bằng cái vẻ bề ngoài của sự nông cạn. Ông ta biết che giấu một cách khéo léo ý đồ thực sự của mình bằng sự sắp xếp câu chữ gây được ấn tượng và bằng những sự nhượng bộ không nói lên điều gì trước đòi hỏi của thời cuộc. Bài diễn văn của ông ta ở nội các đã được công chúng biết một tuần nay rồi. Các tờ nhật báo và tuần báo đã thảo luận, nghiên cứu, bình luận bài diễn văn ấy. Kẻ thù của ông ta nói rằng sau khi ông ta nói tiếng nói của ông già A-bóc-din trong nhiều tháng trời, đến nay ông ta cho rằng nói tiếng nói của ông già Pan-mốc-xtôn trong một buổi tối lại là thích hợp. Họ nói rằng vị huân tước cao quý ấy bảo đảm cho bản thân, nhưng ai bảo lãnh cho vị huân tước cao quý đó? Họ gọi bài diễn văn của ông ta là một trò quí quyết, vì ông ta đã lảng tránh được mọi lời tuyên bố rõ ràng về chính sách của mình và trình bày bài diễn văn của mình dưới hình thức co dãn, bỏ lửng, nên không có khả năng vạch lỗi ông ta. Trái lại, bạn bè của ông ta không quên tuyên bố rằng các luồng gió, mà ông ta gây ra khi chơi phong cầm rất hay, là âm nhạc. Ông ta lập tức đánh giá đúng đắn tư thế mà ông ta tự đặt mình ở vào trước mặt nghị viện và quốc gia. Trước mặt tôi là những ai? Một mặt đó là những người cho rằng chúng ta

tiến hành chiến tranh chưa đủ kiên quyết, còn mặt khác, còn có cả những người định đẩy quốc gia tiếp nhận những điều kiện hòa bình nhục nhã; một mặt là những người chê trách chúng ta bị lôi cuốn vào những cuộc đàm phán vô ích với nước Áo làm cho chiến tranh bị tê liệt, còn mặt khác, có những người cho rằng trong những cuộc đàm phán ấy chúng ta đi chưa đủ xa và phá hoại những cuộc đàm phán ấy bằng những yêu sách quá đáng.

Thế là bản thân ông ta giữ lập trường đứng giữa là vàng ngọc. Sự công kích của những người ủng hộ chiến tranh đã được ông ta gạt sang phía những người ủng hộ hòa bình, còn sự công kích của những người ủng hộ hòa bình thì được ông ta gạt sang phía những người ủng hộ chiến tranh. Lời phát biểu chống lại những người ủng hộ hòa bình vô điều kiện đã cho ông ta cái cơ thích hợp để giải bày có tính toán kỹ lưỡng tinh thần yêu nước, để cam đoan một cách trịnh trọng về một nghị lực bất di bất dịch, để nói tắt cả những câu hào hùng mà ông ta dùng để lừa gạt niais^{1*}. Ông ta phỉnh phờ lòng tự tôn dân tộc bằng cách kể ra những tài nguyên đồ sộ mà nước Anh có - đây là sự trả lời duy nhất của ông ta đối với sự kết tội ông ta là bất lực trong việc quản lý những tài nguyên lớn lao.

“Huân tước cao quý”, - Đì-xra-e-li nói, - “làm ông nhớ lại một anh chàng mới phát muốn khoe khoang với người yêu về sự giàu có của mình: tôi có biệt thự, nhà ở thành phố, phòng trưng bày tranh, hầm rượu vang tuyệt vời”.

Nước Anh cũng vậy: có hạm đội ở biển Ban-tích, hạm đội ở Hắc Hải, và thu nhập quốc gia hằng năm 80 triệu pao xtéc-ling v.v.. Tuy nhiên, dưới sự che đậy của tất cả những câu khoa trương tầm thường tạo thành bài diễn văn của Pan-mốc-xtôn, ông ta đã thành công ra được lời *tuyên bố gì đó* mà sau này, khi thời cơ thích hợp, ông ta sẽ trở lại và tuyên bố rằng nó là nguyên tắc chính sách của ông ta đã được nghị viện phê chuẩn. *Không* một tờ báo Anh nào *ghi nhận* lời tuyên bố đó, nhưng nghệ thuật diễn thuyết của Pan-mốc-xtôn chính là ở chỗ khéo léo che đậy tư tưởng đích thực trong các bài diễn văn của mình và gột sạch nó khỏi trí

^{1*} - những kẻ khờ khạo

nhớ của người nghe bằng hàng tràng những câu nói trống rỗng mà lưu loát. Vì Pan-móc-xton cố gắng đạt tới không phải chỉ thắng lợi trong phút chốc, như ông Rốt-xen nào đó, vì ông ta có tính đến cả tương lai, nên ông ta không thỏa mãn ở những thủ đoạn diễn thuyết cần thiết cho thời điểm hiện tại, mà còn chu đáo xây dựng cơ sở cho thủ đoạn sau này của ông ta. Lời tuyên bố nói trên nguyên văn là như sau:

“Chúng ta bị lôi cuốn vào các hoạt động qui mô lớn ở Hắc Hải, chúng ta nghĩ và hy vọng rằng *thắng lợi* sẽ thuộc về chúng ta và chúng ta tin chắc rằng thắng lợi sẽ đưa chúng ta tới chỗ chúng ta giành được những điều kiện mà Anh, Pháp và Áo, trong tình trạng hiện nay của cuộc xung đột, cho rằng mình có quyền đòi hỏi”.

Như vậy là bất kể các hoạt động trên Hắc Hải được mở rộng như thế nào, thì cơ sở ngoại giao của chiến tranh vẫn cứ thế. Dù thắng lợi quân sự ra sao, kết quả cuối cùng đã được cái gọi là “bốn điểm” qui định và hạn chế từ trước. Đây là điều mà Pan-móc-xton tuyên bố mấy giờ sau khi Lây-ác đã gỡ bỏ ra khỏi bốn điểm cái mặt nạ che đậy thái độ thân Nga của những điểm đó. Nhưng Pan-móc-xton đánh lạc sự chú ý của mọi người khỏi sự phê phán Lây-ác. Biện hộ cho nửa thứ hai của điểm thứ ba chống lại sự phê phán của Glát-xtôn và biến nửa điểm ấy thành một điểm *hoàn chỉnh*, ông ta đã lẩn tránh việc xem xét vấn đề thật sự quan trọng - về nhiệm vụ và mục đích của chiến tranh.

Sự cố làm gián đoạn diễn văn của Pan-móc-xton đáng được chú ý. Nhà đạo đức giả Anh, huân tước Rô-bóc Grô-vơ-nơ đã kết tội Pan-móc-xton là khi nói về thắng lợi quân sự và đánh giá triển vọng của chiến tranh, ông ta đã không tính đến sự ban ơn và sự phù hộ của đẳng tối cao, thậm chí “không nhắc đến tên Thượng đế”. Do đó ông ta đã giúp cho việc phái thiên thần xuống trừng phạt đất nước mình. Pan-móc-xton lập tức hối hận và tự đâm vào ngực mình để chứng minh rằng khi cần ông ta cũng có thể thuyết giáo và trợn mắt chằng kém gì huân tước Grô-vơ-nơ. Nhưng sự cố ấy trong nghị viện được dân chúng phát triển. Dân chúng ở Mê-ri-lê-bôn (một khu thuộc Luân Đôn) đã triệu tập một cuộc mít-tinh lớn trong một trường học ở phố Cau-pơ để phản đối

“luật cấm buôn bán vào ngày chủ nhật”. Vì ở đây vấn đề lại đụng đến cử tri cho nên huân tước Ê-brinh-ton và huân tước Rô-bóc Grô-vơ-nơ đã tham dự với tư cách người biện hộ cho đạo luật mà chính họ đã đưa ra nghị viện. Nhưng thay cho việc dựa vào sự phù hộ và ban ơn của đẳng tối cao, họ đã tỏ ra nhìn xa thấy rộng nên bố trí sẵn ở khắp mọi nơi trong phòng họp bọn võ tay thuê và bọn phá rối thuê. Bí mật bị phát hiện nhanh chóng và bọn tay sai làm thuê của nhà đạo đức giả lập tức bị dân chúng tóm cổ và tống ra phố. “Các vị huân tước cao quý” không chống lại được những tiếng ồn ào, tiếng huýt sáo và tiếng la lối vang lên khắp nơi, đành luống cuống trở về chỗ ngồi của mình. Họ vừa rời phòng họp thì theo sau xe ngựa của họ là một đám người “không được trả thù lao” bộc lộ rõ ràng những dấu hiệu của sự chế nhạo đầy tội lỗi và tâm hồn tàn nhẫn.

Do C.Mác viết ngày 1 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
253, ngày 4 tháng Bảy 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

* HỘI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH. - HIẾN CHƯƠNG NHÂN DÂN

Luân Đôn, ngày 5 tháng Sáu. Hội cải cách hành chính đã giành được thắng lợi ở Bát. Ứng cử viên của nó là ông Tai-tơ, người tranh cử với ứng cử viên của đảng To-ri, đã được bầu làm nghị sĩ với đa số tuyệt đối. Thắng lợi ấy thu được trong phạm vi “hợp pháp” của nước Anh đã được báo chí tự do hôm nay chúc mừng như một sự kiện lớn. Các bản công báo về “poll”^{1*} đã được công bố với sự khoác lác không kém gì những bản công báo về những thắng lợi không đổ máu ở biên A-đốp. Bát và Kéc-sơ! - đây là khẩu hiệu hiện nay. Nhưng điều mà báo chí lờ đi - báo chí của phe ủng hộ cũng như của phe phản đối cải cách, của nội các cũng như của phe đối lập, báo chí của đảng To-ri, đảng Vích và phái cấp tiến - đó là những thất bại và nỗi tuyệt vọng mà Hội cải cách hành chính đã ném trải trong những ngày gần đây ở Luân Đôn, Bóc-minh-hêm và Vu-xơ. Đương nhiên, lần này thì cuộc đấu tranh diễn ra không phải trong phạm vi hạn chế của tập đoàn cử tri có đặc quyền. Và kết quả của nó cũng không gây ra sự hân hoan trong phe đối phương của các nhà cải cách ở Xi-ti.

Cuộc mít-tinh thật sự *công khai* đầu tiên (nói cách khác cuộc mít-tinh *không cần* giấy phép vào cửa) do Hội cải cách tổ chức ở *Luân Đôn*, đã được cử hành vào thứ tư trước ở Mê-ri-lê-bôn. Đối

chơi lại nghị quyết án do phái cải cách ở Xi-ti đưa ra, một người thuộc phái Hiến chương đã đưa ra tu chính án nói rằng:

“giới quý tộc tiền tệ, mà đại diện là các ngài ở Xi-ti, cũng tôi như giới quý tộc ruộng đất; dưới chiêu bài cải cách, nó chỉ ra sức dựa vào nhân dân để chui vào phổ Dao-ninh nhằm phân chia ở đây, cùng với tập đoàn thống trị, các chức vụ, lương bổng và vinh dự, còn cương lĩnh duy nhất của phong trào nhân dân là Hiến chương với 5 điều khoản của nó”.

Chủ tịch cuộc mít-tinh, một trong những ông trùm ở Xi-ti, đưa ra cả một lô những điều phân vân: một là, ông ta có nên đưa tu chính án ấy ra biểu quyết hay không, hai là, đưa nghị quyết án hay là tu chính án ra biểu quyết trước và, sau hết, biểu quyết *như thế nào*. Mỗi một trước sự do dự, sự suy tính về sách lược và những sự lựa lách không đẹp đẽ của ông ta, thánh giá đã tuyên bố rằng ông ta đã bắt lực không thể tiếp tục điều khiển cuộc họp, nên đã bầu Éc-ne-xơ Giôn-xơ làm chủ tịch thay ông ta, rồi bỏ phiếu, với đa số tuyệt đối, chống lại nghị quyết án và tán thành tu chính án.

Ở *Bóc-minh-hêm*, Hội liên hiệp ở Xi-ti đã tổ chức cuộc mít-tinh công khai ở phòng họp thành phố dưới quyền chủ tọa của thị trưởng. Cũng giống như ở Luân Đôn một tu chính án đã được đưa ra để chống lại nghị quyết án của Hội liên hiệp. Nhưng thị trưởng dứt khoát từ chối đưa tu chính án ra biểu quyết, nếu chữ “Hiến chương” không được thay thế bằng những chữ khác ít đáng chê trách hơn. Nếu không, ông ta sẽ rời ghế chủ tịch. Do đó, chữ “*Hiến chương*” được thay bằng những chữ “*quyền phổ thông đầu phiếu* và bỏ phiếu kín”. Tu chính án được sửa lại như vậy đã được thông qua với đa số là 10 phiếu. Ở *Vu-xơ*, nơi mà phái cải cách ở khu Xi-ti cũng tổ chức mít-tinh công khai, thắng lợi của phái Hiến chương và thất bại của những người ủng hộ cải cách hành chính còn rõ ràng hơn. Ở đây, *Hiến chương* đã được tuyên đọc không có sự trì hoãn nào.

Kết cục hoàn toàn bất lợi của các đại hội ở Luân Đôn, Bóc-minh-hêm đối với Hội liên hiệp và Vu-xơ đã buộc nó thay

^{1*} - “bầu cử”

thể sự công khai kêu gọi vox populi^{1*} bằng việc sử dụng ở tất cả những thành phố lớn nhất những đơn thỉnh cầu đề thu chữ ký của những người ủng hộ nó. Quan hệ rộng rãi của giới đầu sỏ ở Xi-ti với bọn trùm thương nghiệp của Vương quốc liên hiệp và ảnh hưởng của bọn trùm này đối với những tên cai của chúng, đối với nhân viên các hãng buôn và đối với những đại lý thương nghiệp “nhỏ hơn”, không nghĩ ngờ gì nữa, đã tạo khả năng cho nó thu thập chữ ký một cách lặng lẽ, sau lưng tất cả mọi người, để lấp đầy những đơn thỉnh cầu ấy, rồi gửi cho “nghị viện đáng kính” với dòng chữ: *tiếng nói của nhân dân Anh*. Nhưng các ngài đó nghĩ lắm, nếu cho rằng có thể làm cho chính phủ sợ hãi bằng những chữ ký ấy được thu thập bằng sự xin xỏ, âm mưu và quỉ kế. Với thái độ tự phụ châm biếm, chính phủ đã quan sát những người ủng hộ Hội liên hiệp bị đuổi khỏi theatrum mundi^{2*} giữa tiếng huýt sáo la ó như thế nào. Báo chí của chính phủ tạm thời im lặng; một phần vì nếu làm khác đi thì nó buộc phải nêu lên thắng lợi của phái Hiến chương, một phần vì giai cấp cầm quyền đã có ý định lãnh đạo phong trào của Hội cải cách hành chính, nếu phong trào nhân dân trở thành quá cố chấp. Chúng giữ kỹ “sự hiểu lầm” để đề phòng cho trường hợp gặp mỗi nguy này: sự hiểu lầm ấy là vào lúc nào đó trong tương lai sẽ coi những người ủng hộ Hội như là những người thể hiện ý chí của nhân dân. Những sự hiểu lầm đó chính là cái thực chất của sự phát triển “lịch sử” của Anh, và không ai khéo lợi dụng nó hơn các đảng viên có tư tưởng tự do.

Hiến chương là một văn kiện hết sức ngắn gọn và, ngoài yêu sách về *quyền phổ thông đầu phiếu*, chỉ gồm có 5 điểm dưới đây trong đó nêu lên 5 điều kiện để thực hiện quyền ấy: 1) bỏ phiếu kín (bỏ phiếu bằng các quả cầu); 2) *Xóa bỏ* điều kiện tài sản đối với các nghị sĩ; 3) trả lương cho nghị sĩ; 4) bầu nghị viện hằng năm; 5) các khu vực bầu cử bình đẳng. Sau cuộc thực nghiệm năm 1848 ở Pháp làm mất lòng tin vào *quyền phổ thông đầu phiếu*¹⁶³, cư dân lục địa có xu hướng coi nhẹ tầm quan trọng và

^{1*} - tiếng nói của nhân dân

^{2*} - sân khấu thế giới

ý nghĩa của *Hiến chương* đối với Anh. Họ không thấy xã hội Pháp gồm hai phần ba là nông dân và một phần ba là dân thành thị, trong khi đó ở Anh trên hai phần ba dân cư sống ở thành phố và chưa đầy một phần ba sống ở nông thôn. Ở Anh kết quả của quyền phổ thông đầu phiếu phải ở trong mối tương quan *ngược chiều* với kết quả của nó ở Pháp, giống như tương quan giữa thành thị với nông thôn ở hai nước. Điều đó giải thích tính chất trái ngược hẳn giữa yêu sách về quyền phổ thông đầu phiếu ở Pháp và ở Anh. Ở nước kia, đó là yêu sách của các nhà tư tưởng chính trị, yêu sách mà mỗi người “có học vấn” đều có thể ủng hộ trên mức độ nào đó, tùy theo tín điều của họ. Ở đây, yêu sách này tạo thành đường phân thủy giữa một bên là quý tộc và tư sản với một bên là quần chúng nhân dân. Ở nước kia, nó mang tính chất một vấn đề chính trị, ở đây nó mang tính chất một vấn đề xã hội. Ở Anh công tác cổ động cho quyền phổ thông đầu phiếu đã có một quá trình phát triển lịch sử lâu dài trước khi nó trở thành khẩu hiệu của quần chúng nhân dân. Ở Pháp, quyền phổ thông đầu phiếu được thực hiện *trước*, rồi *sau* quyền đó mới bắt đầu con đường lịch sử của nó. Ở Pháp, thực tiễn của quyền phổ thông đầu phiếu đã thất bại, ở Anh là tư tưởng của nó đã thất bại. Trong mấy chục năm đầu thế kỷ này, dưới thời ngài Phren-xít Bóc-đét, thiếu tá Các-rai-tơ, Cóp-bét, quyền phổ thông đầu phiếu mang tính chất duy tâm, chưa xác định, tính chất này đã biến quyền phổ thông đầu phiếu thành nguyện vọng tốt lành của tất cả các tầng lớp dân cư không trực tiếp thuộc các giai cấp cầm quyền. Đối với giai cấp tư sản, quyền đó thực tế chỉ là biểu hiện khái quát không bình thường của những điều mà giai cấp này đạt được bằng cuộc cải cách nghị viện năm 1831. Sau năm 1838 yêu sách về quyền phổ thông đầu phiếu ở Anh không mang tính chất đặc thù thực sự của nó. Chứng cứ là cả Hi-um và Ô Cô-nen đều đã ký vào Hiến chương. Năm 1842 những ảo tưởng cuối cùng đã tiêu tan. Bây giờ Lê-vét thực hiện một mưu đồ cuối cùng, nhưng vô ích là trình bày yêu sách về quyền phổ thông đầu phiếu như là yêu sách *phổ biến* của cái gọi là phái cấp tiến và quần chúng nhân dân¹⁶⁴. Từ đó không còn sự hoài nghi nào về thực chất của quyền phổ thông đầu phiếu. Không còn sự

hoài nghi gì về tên gọi của nó. Đây là *Hiến chương* của quần chúng nhân dân và nó có nghĩa là họ giành được quyền lực chính trị được dùng làm công cụ để thực hiện những yêu sách xã hội của họ. Năm 1848, quyền phổ thông đầu phiếu được hiểu ở Pháp như là khẩu hiệu bác ái phổ biến, ở Anh nó được hiểu như là khẩu hiệu chiến tranh. Ở nước kia quyền phổ thông đầu phiếu là nội dung trực tiếp của cách mạng, ở đây cách mạng là nội dung trực tiếp của quyền phổ thông đầu phiếu. Nếu lần theo dòng lịch sử của quyền phổ thông đầu phiếu ở Anh thì có thể thấy rằng nó dần dần được giải phóng khỏi tính chất duy tâm của nó theo đà phát triển của xã hội hiện đại ở đây với những mâu thuẫn bất tận của nó - những mâu thuẫn nảy sinh từ sự phát triển của công nghiệp.

Ngoài những đảng chính thức và bán chính thức, cũng như song song với phái Hiến chương, người ta còn thấy ở Anh tập đoàn “các nhà thông thái” bất bình cả với chính phủ và giai cấp thống trị, cả với phái Hiến chương. Phái Hiến chương muốn gì? - họ thét lên. Tăng cường và mở rộng quyền lực vạn năng của nghị viện, biến nó thành chính quyền nhân dân. Họ không thủ tiêu chế độ nghị viện, họ nâng nó lên trình độ cao hơn. Mục đích đích thực là đập tan chế độ nghị viện! Đứng đầu tập đoàn ấy là một trong những nhà thông thái phương Đông *Đa-vít Uóc-các-tơ*. Ông ta muốn trở lại với Common law (luật tập quán) của Anh. Ông ta muốn thu hẹp giới hạn của Statutelaw (luật thành văn). Ông ta muốn địa phương hóa thay vì tập trung hóa. Ông ta muốn khai quật “những cội nguồn pháp luật cổ đại và chân chính của thời đại Ăng-glô-xắc-xông”. Bây giờ những nguồn ấy sẽ tự tuôn chảy, tưới mát và bón tốt cho đồng ruộng xung quanh. Nhưng ít ra *Đa-vít* cũng triệt để. Ông ta dự định đưa sự phân công lao động hiện đại và sự tích tụ tư bản trở lại trình độ Ăng-glô-xắc-xông ngày xưa và, tốt hơn nữa, là trở lại trình độ phương Đông. Vốn sinh ra là người miền núi Xcôt-len, xét về sự tự do lựa chọn, thì ông ta tự mang tính chất người dân Séc-kê-xi và Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta có thể buộc tội nền văn minh với mọi ung nhọt của nó mà có khi thậm chí còn phán xét về nó. Nhưng ông ta không tầm thường như những nhà ảo tưởng đem tách rời các hình thức hiện đại của nhà

nước với xã hội hiện đại, mơ tưởng về tính độc lập địa phương song song với sự tích tụ tư bản, tính biệt lập cá nhân bên cạnh sự phân công lao động phân cá nhân. *Đa-vít* là nhà tiên tri với cái nhìn hướng về quá khứ, với sự ngưỡng mộ của người chơi đồ cổ đứng trước nước Anh cổ xưa. Do đó, khi nước Anh mới đi ngang qua ông ta, để mặc ông ta đứng nguyên tại chỗ, mặc cho ông ta hét lên để thuyết phục và với thái độ khẩn khoản: “*Đa-vít Uóc-các-tơ* là người duy nhất có thể cứu vớt chúng ta!”, thì ông ta phải coi đây là lẽ thường của sự vật. Mấy ngày trước đây, tại cuộc mít-tinh ở Xtáp-phớt, ông ta đã kêu gọi như thế.

*Do C.Mác viết ngày 5 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
261, ngày 8 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

* NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN VỀ CHIẾN TRANH

Luân Đôn, ngày 6 tháng Sáu. Pan-móc-xton lại biểu hiện sở trường cũ của mình là dựa vào nghị viện để nắm ngoại giao và dựa vào ngoại giao để nắm nghị viện. Chính sách của nội các phải được thảo luận trên cơ sở các tu chính án của Bê-rinh, Hít-cót và Lâu. Tất cả các tu chính án ấy đều lấy Hội nghị Viên làm cơ sở. Trong thời gian nghỉ một tuần nhân lễ Ba ngôi, Pan-móc-xton viện cớ tranh luận ở nghị viện đã kết thúc để khéo lẩn tránh Hội nghị Viên và tự biện bạch với nước Áo, còn trước nghị viện đã họp trở lại thì ông ta vin cớ hội nghị *đã kết thúc*, nói rằng nó chỉ tồn tại trong truyền thuyết để lẩn tránh tranh luận. Cùng với Hội nghị Viên cũng biến mất các tu chính án đề nghị tiếp tục các phiên họp của hội nghị này, và cùng với các tu chính án, thì cuộc tranh luận về chính sách của nội các cũng không còn nữa, mà cùng với cuộc tranh luận, thì việc nội các phải giải thích về *xu thế nhiệm vụ mục đích của cuộc chiến tranh "mới"* cũng không thành vấn đề nữa. Như *Đa-vít Uóc-các-tơ*, ông ta chính là *Đa-vít* chủ chiến, đã khẳng định, mục đích ấy chỉ là để cho liên quân làm quen với bệnh tật mùa hè ở Crum sau khi họ đã thường thức các loại bệnh tật mùa đông ở Crum. Nếu như Uóc-các-tơ không hiểu tất cả mọi điều thì ông ta hiểu rất rõ Pan-móc-xton của mình. Ông ta chỉ sai lầm về quyền lực vô hạn của các ý đồ bí mật - ảnh hưởng của chúng đối với lịch sử chính thức. Tóm lại,

Pan-móc-xton tuyên bố với nghị viện họp trở lại rằng không còn vấn đề gì để thảo luận nữa và điều tốt nhất mà nghị viện có thể làm, đó là gửi tờ trình lên nữ hoàng nói về vấn đề chiến tranh, nói cách khác - biểu thị sự *tín nhiệm* nội các. Ban đầu ông ta thất bại vì sự ngoan cố của *những* nghị sĩ đọc thuộc lòng các bài diễn văn dài dòng về các tu chính án và muốn bán rao món hàng của mình. Nhưng bằng việc giải tán Hội nghị Viên, ông ta đã làm cho các bài diễn văn ấy mất sự sắc bén, còn horror vacui^{1*}, sự nhạt nhẽo, rút cục, sẽ buộc nghị viện thông qua tờ trình của ông ta. Để thoát khỏi những bài diễn văn ấy, nghị viện sẽ bám lấy tờ trình.

Tu chính án của Lâu đã thay đổi ý nghĩa của nó cùng với sự thay đổi của tình hình. Thoạt đầu nó có nghĩa là đình chỉ Hội nghị Viên. Hiện nay tu chính án ấy có nghĩa là phê chuẩn Hội nghị Viên và hoạt động ngoại giao của nội các, vì nó tuyên bố rằng yêu sách đòi thu hẹp lực lượng hải quân của Nga trên Hắc Hải, do Rót-xen đưa ra, là *nhiệm vụ* đích thực, *mục đích cuối cùng* của chiến tranh. Vừa là hòn đá thử lửa đối với phái chủ hòa, vì nó đòi hỏi quá nhiều, đối với phái chủ chiến, vì nó mong muốn quá ít; tu chính án còn là hòn đá thử vàng đối với nội các, vì nó thực sự đặt ra vấn đề mục đích và việc chính thức thừa nhận mục đích của chiến tranh. Từ đó mà xảy ra hiện tượng kỳ quặc là những người ủng hộ hòa bình và đảng To-ri hiện nay bỏ phiếu *tán thành*, còn nội các thì bỏ phiếu *phản đối* việc tiếp tục *tranh luận* về tu chính án của Lâu; từ đó nảy sinh ý đồ của Pan-móc-xton định quăng nó đi. Ý đồ đó không thành công. Do đó ông ta hoãn cuộc tranh luận đến phiên họp tới thứ năm. Đã tranh thủ được một ngày. Trong thời gian này đã công bố định ước cuối cùng của Hội nghị Viên. Định ước này được đưa ra nghị viện. Một vấn đề mới đột nhiên nảy ra, và Pan-móc-xton với *dissolving views*^{2*} của mình có thể hy vọng rằng đối tượng thật sự của cuộc tranh luận sẽ biến khỏi cuộc thảo luận.

^{1*} - sự sợ hãi trước điều trống rỗng

^{2*} - những bức tranh lơ mờ

Cuộc thảo luận hai ngày ở nghị viện quá ư nhạt nhẽo, kéo dài, chẳng ra đầu ra đuôi, người ta không thể chờ đợi cái gì khác ở những bài diễn văn vồn từ trước đã mất sự sắc bén của chúng. Cuộc tranh luận ấy vẫn nói lên cảnh tượng tiêu biểu chứng tỏ là những người ủng hộ hòa bình trước khi biểu quyết nghị quyết án của Đi-xra-e-li đã ve vãn nội các như thế nào, còn hiện nay nó ve vãn phe đối lập như thế nào, chúng tôi muốn nói phe đối lập chính thức. Hơn nữa, cuộc tranh luận đã bộc lộ entente cordiale^{1*} giữa phái Pin và trường phái Man-se-xtơ. Phái Pin rõ ràng là tự an ủi bằng niềm hy vọng là sẽ đứng đầu giai cấp tư sản công nghiệp, cai trị nước Anh sau khi ký kết hòa ước. Trong tình huống này, phái Pin, sau một thời gian mò mẫm dài, rút cục đã có được chính đảng chân chính của mình, còn các nhà công nghiệp đã tìm được các nhà hoạt động nhà nước chuyên nghiệp của mình. Nhưng nếu bằng cách đó những người ủng hộ hòa bình đã tranh thủ được Glát-xtôn, Grê-hêm và đồng bọn, thì họ đã mất đi ngài Uy-li-am Môn-xơ-uốt “cấp tiến”, người bạn cũ trên 20 năm của họ. Chắc là Môn-xơ-uốt đã đọc thấy trong tác phẩm của Hốp-xơ, mà ông ta xuất bản¹⁶⁵, có nói rằng “lý trí đến qua lỗ tai”. Do đó, ông ta kêu gọi không phải lý trí mà là cái tai. Ông ta đã làm điều mà Hăm-lét cấm các diễn viên làm¹⁶⁶. Ông ta đã vượt cả bạo chúa về mặt tàn bạo, đã giống Rót-xen hơn cả bản thân Rót-xen. Ngoài ra, ông ta đã đọc thấy ở Hốp-xơ rằng tất cả mọi người đều bình đẳng, vì mọi người đều có thể cướp đi mạng sống của người khác. Vì đối với ông ta, vấn đề là kéo dài cuộc đời bộ trưởng của mình, nên ông ta nói theo tinh thần của những người có thể cướp đi cuộc đời ấy của ông. Điều thú vị là nhìn xem cái máy tính ấy hát những bài ca tụng như thế nào. Ngay cả *Báp-bít-giơ* cũng không dự kiến được điều đó trong tác phẩm “Triết học máy móc”¹⁶⁷ của mình. *Min-nơ Ghíp-xơn*, một nam tước ở ngoại ô Man-se-xtơ, nói với giọng đều đều, ru ngủ, khô khan và làm cho người ta mệt mỏi. Xem ra thì ông ta đã học được ở cái thủ phủ công nghiệp Anh gần nhà ông ta cách sản xuất được nhiều nhất với những chi phí sản xuất ít nhất. Đây là một con người mà toàn bộ về bề

^{1*} - sự hòa thuận thân thiết

ngoài đã nói lên rằng anh ta thấy buồn tẻ. Vậy tại sao ông ta ra sức giải trí cho những người anh em của mình? Anh đối xử với tôi thế nào thì tôi đối xử với anh thế ấy! Ngoài ra, xem ra thì sự hóm hỉnh, sự pha trò và sự hăng hái đều bị ông ta quy vào faux frais de production^{1*}, còn qui luật thứ nhất của trường phái kinh tế học mà ông ta theo là tránh những khoản “chi phí phi sản xuất”. *Bun-vơ* thì bay bổng giữa tinh thần anh dũng của “Người tạo ra những vị quốc vương” và tâm trạng bàng quan của “I-u-giu A-ram”¹⁶⁸ của ông ta. Khi xuất hiện theo tinh thần của nhân vật thứ nhất, ông ta thách thức nước Nga, còn khi xuất hiện theo tinh thần của nhân vật thứ hai, ông ta biện vòng hoa đào kim nhường chung quanh đầu Mét-téc-ních.

Min-nơ Ghíp-xơn, Môn-xơ-uốt, và Bun-vơ là người chỉ huy dàn hợp xướng trong tối đầu tiên. *Cốp-đen*, *Grê-hêm* và *Rót-xen* là chỉ huy dàn hợp xướng trong tối thứ hai. Chỉ có lời phát biểu của Cốp-đen là đáng phân tích, nhưng hiện nay không có thời gian cũng như không có chỗ để làm việc đó. Chỉ xin nêu nhận xét rằng theo sự khẳng định của ông ta thì Bô-na-pác-tơ sẵn sàng tiếp nhận những đề nghị cuối cùng của Áo. Dirty Boy^{2*} của ngài Rô-bóc Pin quá cố gần đây đã thả mình cho “sentiments”^{3*}, cho những “trái tim tan nát” và “tình yêu chân lý”, đã biện hộ cho người gần gũi của mình, mà đó chính là ngài Giêm Grê-hêm. Ông ta cấm Nây-pia hành động trên biển Ban-tích khi chưa đến mùa mà mỗi hoạt động đều là sự hủy diệt đối với hạm đội Anh. Ông ta cấm Đôn-đa-xơ pháo kích Ô-đét-xa. Như thế là ông ta làm tê liệt hoạt động của hạm đội Anh ở biển Ban-tích cũng như ở Hắc Hải. Ông ta lấy số lượng của hạm đội mà ông ta trang bị để chứng minh hành động của mình là đúng đắn. Bản thân sự tồn tại của một hạm đội như thế đã là bằng chứng về sự hùng mạnh của Anh. Do đó hoạt động của hạm đội là thừa. Mấy ngày trước đây, Nây-pia đã gửi cho một người bạn của Uốc-các-tơ một bức thư ngắn mà Uốc-các-tơ đã đọc tại cuộc mít-tinh ở Xtáp-phốt. Bức

^{1*} - chi phí phi sản xuất trong sản xuất

^{2*} - Đưa trẻ để làm việc bần thiêu

^{3*} - “tình cảm”

thư đó nói nguyên văn như sau: “Thưa ngài! Tôi cho rằng ngài Giêm-xơ Grê-hêm có thể làm mọi việc hèn hạ. *S.Nây-pia*”.

Sau cùng, *Rốt-xen* đã vượt lên trên bản thân mình. Ngay ở phần đầu lời phát biểu, ông ta đã tuyên bố rằng vấn đề cơ bản đặt ra trước nghị viện, là:

“Nếu như chúng ta định ký hòa ước thì chúng ta có thể chấp nhận những điều kiện hòa bình gì? Nếu chúng ta định tiếp tục chiến tranh thì chúng ta tiếp tục nó với mục đích gì?”

Đối với câu hỏi thứ nhất thì theo ông ta, lời giải đáp cho nó có thể tìm thấy trong các nghị định thư của Hội nghị Viên, còn về câu hỏi thứ hai, tức là câu hỏi về mục đích chiến tranh thì ông ta chỉ trả lời *rất chung chung*, nói cách khác, không trả lời gì cả. Nếu đồng ý lấy câu “nền an ninh của Thổ Nhĩ Kỳ” làm câu trả lời, thì ông ta chẳng có gì phản đối. Thông điệp Viên đã đưa ra một cách giải thích về nền “an ninh” ấy, còn *bốn điểm* lại giải thích một cách khác; tìm cách giải thích thứ ba không phải là công việc của *Rốt-xen*, mà là công việc của *chiến tranh*. Nguyên tắc của Na-pô-lê-ông là bản thân chiến tranh phải trang trải các chi phí của nó, nguyên tắc của *Rốt-xen* là bản thân chiến tranh phải xác định *mục đích* của nó.

Do C.Mác viết ngày 6 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “*Neue Oder-Zeitung*” số
263, ngày 9 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

TIN TỨC TỪ CRU'M¹⁶⁹

Chuyến bưu kiện do tàu “A-di-a” chở tới hồi khuya thứ năm đã tạo điều kiện cho chúng tôi đăng vào ngày hôm qua bản báo cáo của tướng Pê-li-xi-ê về trận chiến đấu xảy ra gần Xê-va-xtô-pôn tối 22 tháng Năm, cũng như tin tức đáng tin cậy về cuộc tiến quân của liên quân đến So-rơ-gun mà họ tiến hành vào ngày 25 tháng Năm. Khoảng 25 000 người dưới quyền chỉ huy của Can-rô-béc đã vượt sông Đen và chiếm lĩnh trận tuyến chạy theo bờ sông ấy, đuổi các trạm tiền tiêu của quân Nga ra khỏi trận địa của họ ở trên những cao điểm không chế hữu ngạn sông này. Vì phòng tuyến ấy không phải là nơi mà quân Nga định chiến đấu, cho nên, như người ta đã dự kiến, họ đã rút lui để tập trung toàn bộ quân lính của mình ở tuyến kiên cố giữa In-ke-rơ-man và dãy núi ở phía đông địa điểm này. Nhờ cuộc tiến quân của liên quân đã mở rộng hầu như gấp đôi khu vực họ chiếm lĩnh, do đó bảo đảm không gian mà họ rất cần do sự tăng số lượng quân lính và họ đã mở được đường về thung lũng Bai-đác-xcai-a, điều đó có thể rất có lợi. Bước đầu tiên nhằm khôi phục hoạt động dã chiến đã được tiến hành thắng lợi, nhưng tiếp theo nó phải tiến hành những hoạt động đại qui mô hơn.

Ngày 22 tháng Năm, cuộc chiến đấu xảy ra ở đoạn giữa Vịnh Ca-ran-tin và pháo đài Trung tâm, tức là pháo đài thứ 5 theo cách xếp thứ tự của quân Nga. Trận chiến đấu rất ngoan cường và đẫm máu. Hiện nay, qua báo cáo của Pê-li-xi-ê, được biết rằng quân Nga,

dựa vào các công sự độc lập và chiến hào bộ binh, đã giữ vững được toàn bộ khu vực của mình từ cuối vịnh Ca-ran-tin đến nghĩa địa, rồi từ nghĩa địa đến pháo đài Trung tâm, tuy rằng, theo bình đồ chính thức về công sự công thành do Bộ hải quân Anh vẽ thì đoạn quan trọng này đầy dẫy chiến hào. Hiện nay đã biết rõ là các pháo đài Cột buồm và pháo đài Trung tâm vừa bị uy hiếp nghiêm trọng, còn các công sự ngoại vi bảo vệ chúng bị quân Pháp chiếm lĩnh, thì quân Nga đã biến ngay đoạn này thành một khu công sự lớn. Sau mấy đêm đã xây dựng được một tuyến dài tường chắn nối liền với nhau bao quanh cả đoạn ấy, do đó, tạo thành một *place d'armes* lớn, hoặc khu phòng thủ lớn, nơi đây quân đội có thể tập trung an toàn để đánh vào sườn quân Pháp, trong trường hợp quân Pháp tấn công hoặc thậm chí để tiến hành những cuộc xuất kích qui mô lớn vào sườn các công sự nhô ra phía trước của quân Pháp. Theo kinh nghiệm của bản thân, Pê-li-xi-ê biết rằng quân Nga xây dựng những công sự loại đó nhanh chóng như thế nào và bảo vệ chúng ngoan cường như thế nào sau khi hoàn thành các công sự bằng đất. Do đó, ông ta quyết định công kích ngay tức khắc. Tối 22 tháng Năm đã có cuộc tấn công bằng 2 cánh. Cánh trái chiếm lĩnh các chiến hào của quân Nga ở cuối vịnh Ca-ran-tin và củng cố ở các trận địa ấy. Cánh phải cũng chiếm các chiến hào nhô lên phía trước, nhưng do hỏa lực mạnh của địch nên không thể củng cố ở đó và buộc phải rút lui vào tầng sáng. Tối hôm sau, liên quân lại tấn công lần thứ hai với lực lượng lớn hơn và đã hoàn toàn thắng lợi. Đoạn có công sự bị chiếm hoàn toàn và biến thành trận địa chống lại quân Nga bằng cách chuyển các bao cát từ bờ này sang bờ kia của chiến hào. Nghe nói trong trận này, quân Pháp đã chiến đấu với tinh thần dũng cảm cao, với *furia francese*^{1*} vốn có từng làm cho nó nổi tiếng trong quá khứ, tuy phải thừa nhận rằng khi mô tả những khó khăn mà quân đội của mình phải khắc phục, Pê-li-xi-ê không khỏi khoắc lác.

Về cuộc pháo kích thành phố lần thứ ba, theo tin tức chúng tôi nhận được từ Ha-li-phắc, thì nó bắt đầu ngày 6 tháng Sáu và tiếp theo là cuộc cường tập và chiếm lĩnh Ma-mê-lôn và các công sự

^{1*} - sự điên cuồng của người Pháp

Trắng,^{1*} vào ngày 7 tháng Sáu, trong buro kiện do tàu “A-di-a” chờ đến không có tin tức gì mới, nên chúng tôi không thể bổ sung gì vào những điều đã viết hôm thứ tư. Song chúng tôi được biết rằng 25 000 người thuộc đạo quân của Ô-me-rơ-pa-sa ở Ép-pa-tô-ri đã được điều về Khéc-xô-nét; rõ ràng là liên quân chuẩn bị tiến hành hoạt động dã chiến, vì nếu họ lại định thực hiện một cuộc pháo kích và cường tập nữa thì số quân lính Thổ Nhĩ Kỳ ấy phải được để lại ở trận địa cũ của họ. Nhưng cũng có thể suy đoán rằng liên quân được bảo đảm kém về số phương tiện vận tải và lương thực cần thiết cho cuộc hành quân vào sâu bán đảo. Có thể là trong khi chờ đợi giải quyết những khó khăn ấy, Pê-li-xi-ê quyết định không để cho binh lính nhàn rỗi, bằng cách khôi phục hoạt động tích cực về vây đánh thành phố, nhưng hoàn toàn không phải để tiến hành cường tập Xê-va-xtô-pôn trong lúc này, mà để duy trì *tinh thần chiến đấu* của binh sĩ.

Hành động của Pê-li-xi-ê từ khi nhận chức tư lệnh nói lên rằng hình như ông ta quyết định hành động theo ý kiến của mình và không coi trọng kế hoạch và phương án có thể nảy sinh trong đầu óc Lu-i Bô-na-pác-tơ. Việc đặt các kế hoạch chiến dịch Crum xem ra hiện nay đã thành cái một ở Pa-ri. Thậm chí nguyên soái Vai-ăng già nua cũng gửi một hoặc hai kế hoạch, nhưng Pê-li-xi-ê lập tức điện về nói rằng nếu như Vai-ăng cho rằng kế hoạch của mình hay ho đến thế thì hãy sang Crum và đích thân thực hiện nó. Chúng ta sẽ nhanh chóng thấy vị tư lệnh cương quyết, nhưng bướng bỉnh và tàn nhẫn ấy sẽ hành động như thế nào. Dù sao thì nếu quả thực ông ta cho rằng có thể gửi “mệnh lệnh” cho các tham mưu trưởng của quân đội Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và Xác-đi-ni, thậm chí không nhọc công thông tri nội dung của “các lệnh” ấy cho các vị tư lệnh tương ứng, thì trong phe liên quân sẽ rất nhanh chóng nảy sinh những xích mích nghiêm trọng. Cần biết rằng cho tới nay cơ quan tối cao của quân đội của họ không phải là một viên tướng, mà là một hội đồng quân sự mà thành phần gồm tất cả các vị tư lệnh. Hãy hình dung xem, một nguyên soái già, huân tước Ra-glan, lại phải phục tùng mệnh lệnh của một viên trung tướng Pháp nào đó!

^{1*} - đồn Xê-len-ghin và đồn Vô-lun

Trong khi đó quân Nga không bỏ phí thời gian. Thái độ “chờ thời” mà Áo lại giữ và việc đội dự bị cùng tân binh từ hậu phương tới đã tạo khả năng cho quân Nga điều lực lượng mới đến Crum. Ở đây, ngoài mấy sư đoàn kỵ binh thì đã có các quân đoàn bộ binh 3, 4, 5 và 6. Quân đoàn bộ binh thứ hai mà một tháng rưỡi trước đây người ta đã đưa tin nó đến Crum, thì hiện nay mới thực sự được điều từ Vô-lun ra chiến trường, còn theo sau nó là sư đoàn kỵ binh nhẹ số 7 phối thuộc quân đoàn tinh binh. Đây là dấu hiệu xác thực nói lên rằng sắp đến lúc các đơn vị bộ binh và pháo binh thuộc quân đoàn tinh binh được điều đến Crum. Hiện nay những đơn vị này đang trên đường đi Vô-lun và Pô-đô-li-a để thay thế quân đoàn 2 ở đây. Với quân đoàn này thuộc quyền chỉ huy của tướng Pa-nuy-tin mà trước đây đã chỉ huy một sư đoàn Nga phối thuộc quân đoàn Hay-nau ở Hung-ga-ri thì tại Crum, ngoài pháo binh và kỵ binh nhẹ, sẽ có 49 tiểu đoàn bộ binh, tất cả là 50 000 - 60 000 người, vì không nghi ngờ gì nữa, các quân đoàn này còn chưa tham chiến nên có đầy đủ quân số theo biên chế thời chiến. Các bộ phận của quân đoàn 2 sẽ đến chiến trường vào khoảng giữa 15 tháng Sáu và 15 tháng Bảy, vào thời kỳ mà hoàn toàn có khả năng mở đầu các hoạt động quân sự có tính chất quyết định, do đó, họ có thể đóng vai trò rất quan trọng trong các hoạt động quân sự sắp tới ở Crum.

Rõ ràng, tháng Sáu sẽ là tháng có ý nghĩa quyết định trong tiến trình của chiến dịch Crum. Đến cuối tháng Sáu, hoặc chậm nhất là vào cuối tháng Bảy thì hoặc đội quân đã chiến của Nga buộc phải bỏ Crum, hoặc liên quân buộc phải chuẩn bị rút quân đội của mình.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 18 tháng Sáu 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4424, ngày 23 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng báo

Nguyễn văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

PHÊ PHÁN NHỮNG SỰ KIỆN Ở CRUM

Luân Đôn, ngày 8 tháng Sáu. Vì ba sư đoàn dự bị của quân Pháp đã đến bổ sung cho hai sư đoàn Xéc-đi-ni cho nên liên quân không thể ở lại khu vực chật hẹp Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây nữa. Vì vậy, ngày 25 tháng Năm, chẳng bao lâu sau khi tướng Pê-li-xi-ê nhận chức tư lệnh, họ đã phái 20 000 - 25 000 lính đến sông Đen, chiếm giải đất ven sông ấy và đuổi các trạm tiền tiêu của quân Nga ra khỏi trận địa ở trên những cao điểm trong xuống hữu ngạn sông này. Có lẽ bạn đọc còn nhớ, hơn một tháng trước đây, chúng tôi đã chỉ rõ^{1*} rằng phòng tuyến nhô ra dài nhất ấy của quân Nga không phải là nơi họ thực sự có ý định nghênh chiến, cho nên đáng lẽ giữ vững đoạn này và nghênh chiến trên tuyến này, thì quân Nga chắc sẽ bỏ nó trong cuộc tấn công mãnh liệt đầu tiên, để tập trung toàn bộ quân lính của mình vào khu vực kiên cố giữa In-ke-rơ-man và dãy núi ở về phía đông In-ke-rơ-man. Tình hình đã diễn ra như vậy. Nhờ tiến lên phía trước liên quân đã mở rộng gần gấp đôi khu vực mà mình chiếm lĩnh và mở đường vào thung lũng Bai-đác-xcai-a phì nhiêu, điều này rất có lợi trong tương lai. Song, lợi thế đạt được hiện nay thì đã được khai thác một cách thiếu nhanh chóng và kiên quyết. Sau bước tiến đầu tiên lại là sự dừng lại. Có thể là do thiếu phương tiện giao thông gây nên. Sự bất đồng giữa các vị tư lệnh của liên quân cũng được người

^{1*} Xem tập này, tr. 279 - 280

ta xem là một nguyên nhân. Cuộc pháo kích Xê-va-xtô-pôn lại bắt đầu ngày 6 tháng Sáu, cuộc pháo kích thứ ba đã gây ra sự hoài nghi là sau sự tích cực nhất thời ấy, liên quân có ý định trở lại dây dưa như trước. Song không ngoại trừ khả năng là cuộc pháo kích sẽ được tiến hành đồng thời với các hoạt động dã chiến. Dù sao đi nữa, một biện pháp cần thiết (xem “Neue Oder - Zeitung” số 241^{1*}), tức là việc điều khoảng 20 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ do Ô-me-rơ-pa-sa đích thân chỉ huy, từ Ép-pa-tô-ri đến Khéc-xô-nét - rút cục đã được thi hành. Như vậy là liên quân hiện có đủ 200 000 người. Với lực lượng ấy có thể tiến hành một cách tự tin các hoạt động tích cực, miễn là công tác tổ chức vận chuyển lương thực và số lượng phương tiện vận tải sẽ cho phép bắt đầu các hoạt động dã chiến. Dĩ nhiên, ở đây còn phải khắc phục không ít khó khăn.

Sự kiện thứ hai cần nhắc tới khi mô tả lịch sử của quân chủ lực, đó là trận chiến đấu ở khu vực giữa Vịnh Ca-ran-tin và pháo đài Trung tâm (pháo đài số 5 theo cách xếp thứ tự của quân Nga). Trận chiến đấu này rất ngoan cường và đẫm máu. Hiện nay qua báo cáo của Pê-li-xi-ê được người ta biết rằng quân Nga dựa vào công sự độc lập và chiến hào bộ binh đã giữ vững được toàn bộ khu vực từ cuối vịnh Ca-ran-tin đến nghĩa địa và từ nghĩa địa đến pháo đài Trung tâm, tuy rằng theo bình đồ chính thức về công sự công thành do Bộ hải quân Anh vẽ thì trên toàn bộ đoạn quan trọng này đã xuất hiện những công sự của Pháp, mà thực tế không có. Các pháo đài Cột buồm và pháo đài Trung tâm vừa bị uy hiếp nghiêm trọng, còn các công sự ngoại vi bảo vệ chúng bị quân Pháp chiếm thì quân Nga biến ngay toàn bộ khu vực rộng lớn này thành một dinh lũy lớn. Sau mấy đêm họ đã xây được một tuyến dài các tường chắn nối liền với nhau bao quanh tất cả khu vực ấy, do đó, tạo thành một place d'armes lớn hoặc khu phòng thủ lớn, nơi đây quân lính có thể tập trung an toàn để đánh vào sườn quân Pháp trong trường hợp quân Pháp tấn công, hoặc để tiến hành những cuộc xuất kích lớn vào sườn các công sự nhô ra phía trước của quân Pháp. Để không cho quân Nga có thời gian

^{1*} Xem tập này, tr. 313

thực hiện kế hoạch của mình, Pê-li-xi-ê quyết định công kích quân Nga ngay lập tức khi họ còn chưa hoàn thành công sự bằng đất. Tối 22 tháng Năm đã tiến hành cuộc tấn công bằng hai cánh. Cánh trái chiếm lĩnh các chiến hào của quân Nga ở cuối vịnh Ca-ran-tin và củng cố ở các trận địa ấy; cánh phải cũng chiếm các chiến hào nhô lên phía trước, nhưng do hỏa lực mạnh của địch nên buộc phải rút lui vào tầng sáng. Tối hôm sau, liên quân lại tấn công lần thứ hai với lực lượng lớn hơn và đã hoàn toàn thắng lợi. Khu vực có công sự bị chiếm hoàn toàn và biến thành trận địa chống quân Nga bằng cách chuyển các bao cát từ phía này sang phía kia của chiến hào. Nghe nói, trong trận này quân Pháp lại chiến đấu với *furia francese*^{1*} đã làm cho họ nổi tiếng trong quá khứ, tuy phải thừa nhận rằng khi mô tả những khó khăn mà quân lính của mình phải khắc phục, Pê-li-xi-ê không khỏi khoác lác.

Như mọi người đều biết, cuộc viễn chinh ở biển A-dốp đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Hạm đoàn, mà chủ yếu gồm các tàu chiến nhẹ của hai hạm đội, đã chở 15 000 binh sĩ Anh, Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ không vấp phải sự chống cự nào và đã chiếm lĩnh được Kéc-sơ, Ê-ni-ca-lơ và eo biển đi vào biển A-dốp. Tiến trên biển nội địa này, các tàu chiến đã đến Béc-đi-an-xơ, Gê-ni-sê-xơ và A-ra-bát và đã tiêu hủy hoặc buộc quân Nga tiêu hủy nhiều số dự trữ lương thực và đạn dược, một ít tàu chạy bằng hơi nước và khoảng 200 tàu vận tải. Liên quân may mắn bắt được ở gần Kéc-sơ một số thư của Goóc-tra-cốp gửi cho viên chỉ huy đội quân vùng này. Vị tổng tư lệnh quân Nga than phiền ở Xê-va-xtô-pôn thiếu lương thực và đòi kỳ được cấp tốc chuyển những chuyến tải lương mới. Xem ra thì trong toàn bộ chiến dịch này, biển A-dốp là con đường chính qua đó quân Nga bổ sung dự trữ của mình ở Crum, công cụ dùng để vận tải là *500 tàu buồm*. Vì cho đến nay liên quân chỉ phát hiện và tiêu diệt được 200 tàu buồm, nên 300 chiếc còn lại có lẽ ở vào nơi nào đó về phía bắc gần Ta-gan-róc hoặc A-dốp. Do đó, một đội tàu bằng hơi nước đã được cử đi tìm kiếm các tàu buồm ấy. Thắng lợi của liên quân lại càng quan trọng ở chỗ là nó buộc quân Nga phải vận chuyển tất cả vật tư

^{1*} - sự điên cuồng của người Pháp

dự trữ qua Pê-rê-cốp hoặc qua biển Gnin mà lại phải dùng các phương tiện vận tải do súc vật kéo, chậm chạp và không chắc chắn, và lập các kho chính của mình ở gần Khéc-xôn hoặc Be-ri-xláp trên sông Đni-e-prơ, nghĩa là ở những nơi rất nguy hiểm hơn là phía bắc biển A-dốp. Thắng lợi của cuộc viễn chinh này hầu như không vấp phải sự chống cự nào là lời quở trách nghiêm khắc nhất đối với bộ chỉ huy của liên quân. Nếu như trong bốn ngày đã đạt được kết quả như thế, thì tại sao không cử một đội quân viễn chinh như thế vào tháng Chín hoặc tháng Mười năm ngoái, vào những thời điểm ấy việc phá hoại tương tự đối với các tuyến giao thông của quân Nga có thể buộc họ rút quân đội khỏi Crum và bỏ Xê-va-xtô-pôn?

Lục quân đi theo đội quân viễn chinh ấy được trao nhiệm vụ khi cần thì bảo vệ các tàu chiến, phái lực lượng làm đội quân phòng thủ các địa điểm dân cư chiếm được và phá hoại các tuyến giao thông của quân Nga. Chủ lực của những đội quân này xem ra sẽ chỉ được sử dụng vào hoạt động dã chiến với tính cách đơn vị lưu động; trong mọi thời cơ thuận lợi, họ phải giáng những đòn chớp nhoáng rồi rút về trận địa bố phòng kiên cố của mình dưới sự yểm trợ của pháo trên các hạm tàu, còn trong tình hình xấu nhất, nếu bị binh lực có ưu thế lớn của địch uy hiếp thì thậm chí lại trở về các tàu chiến. Nếu sứ mạng của các đơn vị lục quân chính là như vậy thì họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ và 15 000 người không phải là quá nhiều để hoàn thành nhiệm vụ như vậy. Nếu sứ mệnh trao cho họ là hành động như một đơn vị độc lập với căn cứ tác chiến riêng, tiến hành cơ động thực sự bên sườn chống quân Nga và cố gắng tạo ra sự uy hiếp nghiêm trọng đối với phần nội địa ở Crum thì con số 15 000 người đã bị suy yếu đi vì phải tách trong lực lượng mình những phân đội độc lập, sẽ quá ít đối với các hoạt động ấy, như vậy sẽ tạo ra mối nguy lớn là họ sẽ bị binh lực ưu thế của địch cắt đứt, bao vây và sẽ bị tiêu diệt. Hiện nay chúng tôi chỉ được biết rằng những đơn vị ấy đã đổ bộ ở Kéc-sơ và hiện đang bận củng cố công sự của thành phố ở phía đất liền. Sau khi quân Nga tự động bỏ Xút-giúc - Ca-lơ thì cứ điểm duy nhất trên bờ biển Séc-kê-xi còn nằm trong tay họ là A-na-pa. Cái cứ điểm ấy, vốn đã rất kiên cố

nhờ điều kiện thiên nhiên, hiện giờ lại được củng cố rất tốt. Chúng tôi hoài nghi việc liên quân sẽ tiến công vào A-na-pa trong lúc này. Nếu họ làm như vậy mà không nắm chắc thắng nhanh, thì họ mắc một sai lầm lớn. Họ sẽ phân tán binh lực đúng vào lúc cần tập trung ở mức tối đa và lãng phí lực lượng vào việc tấn công những mục tiêu mới, khi chưa củng cố được ở các địa điểm đã chiếm được từ trước.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 8 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 265, ngày 11 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

* NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN TẠI NGHỊ VIỆN ANH

Luân Đôn, ngày 9 tháng Sáu. Cuộc tranh luận lớn tại nghị viện đã kết thúc, hoặc nói đúng hơn, đã làm cạn khô nước bọt. Đề án của Bê-rinh đã được thông qua “*giữa tiếng cười chung của nghị viện*” mà không gặp sự phản đối nào. Đề án này về thực chất rất hoang đường, đã kết thúc bằng một tờ trình gửi lên nhà vua về vấn đề chiến tranh. Nghị viện phải chăng đã không tuyên bố rằng chiến tranh là “*une guerre pour rire*”^{1*} hay sao? Hoặc, có lẽ nghị viện đã tuyên bố rằng mình là “*un parlement pour rire*”^{2*} ? Dù sao thì kết quả thật sự của hai tuần lễ tranh luận không phải là sự thông qua đề án của Bê-rinh - một thủ tục trống rỗng - mà là tiếng cười chung, là những hành động có tính chất kinh giạt không tự chủ được và lễ tiết không cho phép, là những lời hò hét không lịch sự mà trong đó “*nghị viện đáng kính trọng*” chôn vùi các đề án phản đề án, các tu chính án và các phản tu chính án, nội các và phe đối lập, các diễn văn, những lối bác bẻ, thuyết giáo, suy luận, sự châm biếm chua cay và những lời thề cảm động, lời cầu nguyện cho hòa bình và sự hò hét hiệu chiến, thái độ tề nhị và không tề nhị, bản thân và sự biểu quyết của bản thân. Nghị viện đã thoát khỏi tình trạng nực cười sau khi đã tự chế nhạo

^{1*} - “một cuộc chiến tranh để pha trò”

^{2*} - “một nghị viện để pha trò”

mình. Như thế là nó thừa nhận rằng trong môi trường nghị viện của nó, tính nghiêm túc có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới thoạt đầu đã biến thành tính nghiêm túc quy ước, rồi sau đó tính nghiêm túc giả tạo ấy đột nhiên kết thúc bằng trò giải trí giản đơn.

Mọi ý đồ buộc Pan-móc-xton trình bày chính sách của nội các, công bố các nhiệm vụ, xu thế, mục đích của chiến tranh, đều kết thúc bằng thất bại hoàn toàn. Ông ta nói thẳng: “*Không thể chất vấn bộ trưởng, thậm chí chất vấn một người quen biết thông thường, về mục đích của chiến tranh*”. Trước hết là những người ủng hộ hòa bình đã giúp ông ta. Ngài muốn biết, vì sao chúng ta tiến hành chiến tranh? Ri-sốt Cóp-đen ngồi kia kia, ông ta muốn hòa bình bằng bất cứ giá nào. Chẳng lẽ ngài không lựa chọn chiến tranh không phải bằng bất cứ giá nào, hơn là lựa chọn hòa bình bằng bất cứ giá nào? Hãy cứ đánh Ri-sốt Cóp-đen! Lần nào Pan-móc-xton cũng đặt Cóp-đen hoặc Brai-tơ, Grê-hêm hoặc Glát-xtôn giữa ông ta và với các đối thủ của ông ta.

Các anh hùng ngành vải bông phục vụ ông ta không chỉ với tư cách tấm vải lót mà ông ta dùng may lót quần phục của mình. Hơn thế nữa, ông ta còn dùng bông làm thuốc súng. Đồng thời trong khi tranh luận, người ta đã phát hiện rằng Pan-móc-xton đã có được ở Rốt-xen, cũng như trước kia ở A-bóc-đin, một cột thu lôi cho nội các của mình, cái cột thu lôi dành riêng cho ông ta, nhân vật thần thánh. Ông ta cử Rốt-xen đến Viên chính là nhằm mục đích biến Rốt-xen thành cột thu lôi của mình. Hiện nay Rô-bác tuyên bố Rốt-xen chịu trách nhiệm về “*shortcomings*”^{1*} của Pan-móc-xton anh hùng, giống như trước kia Lây-ác và các đồng sự tuyên bố A-bóc-đin chịu trách nhiệm về điều đó. Giống như phái Pin trước kia, hiện nay phái Rốt-xen đang cản trở “*sự tung cánh của linh hồn tự do*”^{2*} của ông ta. Giống như chiếc đồng hồ Svác-xvan, ông ta đeo những chiếc dùi chuông ấy, nhưng không

^{1*} - “khuyết điểm”

^{2*} - G.Héc-vêch. “*Từ trên các ngọn núi*”.

phải để ông ta có thể chuyển động như chiếc đồng hồ, mà là để báo sai thời gian.

Tất cả các tập đoàn của hạ nghị viện đều trở nên xơ xác sau trận đánh mang tính chất quy ước và giả vờ. *Phái Pin* rút cục đã thừa nhận rằng cho tới nay họ chỉ là những sĩ quan không có quân đội. Họ từ bỏ mọi tham vọng thành lập bè phái riêng của mình và công khai tham gia trường phái Man-se-xtơ. Những con người ấy, trong năm đầu của chiến tranh đã được trao việc chỉ huy quân đội và hạm đội, thừa nhận rằng niềm tin ngưỡng của họ là nền hòa bình lâu dài, nhưng họ đã tự bộc lộ một cách hết sức ngu xuẩn và là *kẻ phản bội* trong nội bộ nội các liên hiệp, khiến cho ông Pan-móc-xtơ - Rót-xen vừa kinh ngạc vừa hài lòng. Họ đã tự làm hại tiếng tăm của mình.

Trường phái Man-se-xtơ thực sự muốn hòa bình để có thể tiến hành cuộc chiến tranh công nghiệp ở trong và ngoài nước. Họ cố sức giành lấy sự thống trị của giai cấp tư sản Anh trên thị trường thế giới, nơi mà chiến tranh chỉ được tiến hành bằng vũ khí của họ - bằng những kiện bông - cũng như ở chính nước Anh, nơi mà giai cấp quý tộc, vật thừa đối với nền sản xuất hiện đại, phải bị loại bỏ, nơi mà giai cấp vô sản, với tư cách là công cụ đơn thuần của nền sản xuất ấy, phải bị nô dịch, còn bản thân nó, với tư cách người lãnh đạo nền sản xuất, cũng phải lãnh đạo quốc gia và giữ các chức vụ nhà nước. Nhưng hiện nay Cốp-đen thì chửi bới vị linh mục, tiến sĩ Gríp-phít, là người đã tuyên bố tại một cuộc hội họp công chúng rằng không cần có thượng nghị viện, còn Brai-tơ, thì than khóc cho số phận con em của *hoàng tộc* mà sự phá sản do chiến tranh gây ra đã buộc họ phải tự giặt lấy quần áo lót. Cả hai đều chửi bới phong trào nhân dân. Đây là các vị anh hùng hảo hán của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc; khi làn sóng của phong trào nhân dân nâng bổng họ lên thì họ đã tuyên bố rằng “sự lộng lẫy đã man của vương quyền”, các huân tước, bọn quý tộc địa chủ v.v. đều là “khoản chi phí phi sản xuất trong nền sản xuất”. Toàn bộ thực chất của phong trào của họ, kể cả sự thuyết giáo cho hòa bình, đều thể hiện qua cuộc

đấu tranh chống quý tộc. Bây giờ thì họ chửi bới quần chúng trước quý tộc! Et propter vitam, vivendi perdere causas^{1*}. Trong cuộc tranh luận này, trường phái Man-se-xtơ đã từ bỏ cơ sở tồn tại của mình.

Đến lượt mình, đảng To-ri đã phát hiện ra phái chủ hòa trong phe mình và chứng minh rằng họ rất ít giữ gìn truyền thống làm đại biểu cho chủ nghĩa dân tộc Anh, cũng như rất ít giữ gìn sự thù ghét của mình đối với “Vương triều Bô-na-pác-tơ”.

Sau hết, đó là những người ủng hộ nội các! Không có gì có thể nêu bật đặc trưng của họ hơn là ý đồ có tính chất kinh giạt cố bám lấy cái đề án mà bản thân Pan-móc-xtơ một tuần trước đây đã buộc phải từ bỏ, và tác giả của nó muốn từ bỏ, còn Uôn-pôn nhân danh đảng To-ri, Glát-xtôn thì nhân danh những người ủng hộ hòa bình, nội các thì nhân danh “cái cười phổ biến” là đã thừa nhận.

Tờ “Morning Herald” đã nhận được bản tin sau đây từ vịnh Phần Lan:

“ngày 28 tháng Năm tàu “Ô-ri-ôn” đã tiến hành trinh sát ở cách Crôn-stát 16 hải lý. Nó báo cáo rằng hạm đoàn Nga ở Crôn-stát gồm có 6 thiết giáp hạm có khả năng hoạt động, một số lượng như các thiết giáp hạm hầu như đã tháo hết dây dợ, 13 thiết giáp hạm mà xét theo bề ngoài thì đã chuyển thành các pháo đài nổi, 8 tàu lớn chạy bằng hơi nước và một số lượng lớn pháo thuyền không thể đếm được. Khi đến thăm Bô-mác-xun-đơ, chúng tôi thấy ở đây mọi cái vẫn như trước; người Nga đã không làm gì để khôi phục các công sự. Không thấy một người dân nào. Sự trừng phạt đối với những người năm ngoái đã buôn bán với các hạm đoàn của liên quân làm cho dân cư hết sức thận trọng”.

Do C.Mác viết ngày 9 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
267, ngày 12 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} - Và vì cuộc sống mà để mất đi toàn bộ cội rễ của cuộc sống (Giu-vê-nan. (những bài thơ trào phúng”)

PH.ĂNG-GHEN

XÊ-VA-XTÔ-PÔN¹⁷⁰

Chuyến бру kiện do tàu “Ban-tích” chở tới đã cung cấp cho chúng tôi những văn kiện chính thức về những sự kiện gần đây ở Xê-va-xtô-pôn. Hôm qua chúng tôi đã đăng điện khẩn của tướng Pê-li-xi-ê và của huân tước Ra-glan, còn hôm nay chúng tôi có ý định tiếp tục trình bày một số sự việc dựa trên những văn kiện ấy và những văn kiện khác.

Ngày 6 tháng Sáu, các khẩu đội pháo của liên quân ở cánh tấn công bên phải lại bắn vào thành phố. Nhưng lần này không phải là một cuộc pháo kích toàn diện; hỏa lực tập trung bắn vào một số địa điểm nhất định với mục đích lập tức chiếm lĩnh nó. Công sự ngoại vi mà quân Nga dựng lên ở khu vực phòng ngự ấy vào ngày 23 tháng Hai và 12 tháng Ba - các đồn Xê-len-ghin, Vô-lun và Cam-sát-xki - tạm thời vẫn giữ được bên vây đánh và các đơn vị pháo của họ ở một cự ly nhất định. Ở khu vực phía tây, ở cánh tấn công bên trái của liên quân thì có những công sự ngoại vi ấy, và nhờ vậy quân Pháp, mà bây giờ hầu như ở sát hào hoặc đường ngầm (nếu ở đây có) của công sự phòng ngự, đã tiến xa hơn nhiều so với số quân ở cánh tấn công bên phải tiến lên chậm hơn. Theo kế hoạch vây đánh do liên quân thông qua thì hai khu vực lớn của chính diện - phía Thành phố ở phía tây của bên trong^{1*}, và vịnh Cô-ra-ben ở bờ đông của nó - được xem như hai

^{1*} Vịnh phía Nam

cứ điểm độc lập mà người ta dự định tấn công cùng một lúc, cho nên cần đẩy mạnh tấn công ở sườn bên phải và chiếm lấy các công sự ngoại vi để liên quân ở hướng này có thể tiến lên thành cùng một tuyến với các hào song song nhô lên phía trước của cánh tấn công bên sườn trái. Muốn thế cần chiếm mấy lô-cốt nói trên và một số công sự thứ yếu ở công trường đá ở phía bên phải đồn Ma-mê-lôn (đồn Cam-sát-xki). Chính vì vậy mà tối ngày 7 tháng Sáu, sau 36 giờ pháo kích, quân Pháp vượt qua khe núi Ki-len tiến về lô-cốt vuông Xê-len-ghin và Vô-lun và Ma-mê-lôn, trong khi đó quân Anh tấn công công trường đá. Sau một giờ chiến đấu ác liệt, liên quân chiếm được các công sự. Họ thu được mấy khẩu pháo và bắt được 400 tù binh, trong đó có 13 sĩ quan. Hai bên đều bị thiệt hại nặng.

Như thế là tình hình ở khu vực này lại trở nên gần giống như tình hình trước ngày 22 tháng Hai. Trong số các đồn liên quân chiếm được, quan trọng nhất là đồn Ma-mê-lôn (quân Nga gọi nó là đồn Cam-sát-xki^{1*}). Nó được xây dựng ngày 12 tháng Ba và trong những ngày sau đó. Ngay từ bấy giờ chúng tôi đã nêu lên ý nghĩa lớn lao của công sự ấy và vai trò quan trọng của nó trong chiến tranh¹⁷¹. Các sự kiện đã hoàn toàn khẳng định sự đúng đắn của quan điểm của chúng tôi. Công sự đã chiến xây dựng vội vàng ấy đã tìm được bước tiến của đội quân vây đánh trên một nửa tuyến tấn công trong vòng 88 ngày, nghĩa là khoảng thời gian được xem như dài hơn cả thời gian đủ để chiếm lĩnh hai lần một cứ điểm lớn trong các cuộc vây đánh thông thường. Chúng tôi thử giải thích hiện tượng kỳ lạ ấy - hiện tượng giống thế chỉ gặp có hai lần trong lịch sử các cuộc vây đánh: năm 1807 khi quân Phổ phòng thủ Côn-béc-gơ và năm 1813 - 1814 khi quân Pháp phòng thủ Đan-tích.

Theo đà tăng lên của số lượng quân đã chiến, các công sự nhỏ thông thường kiểu cũ thời Vô-băng đã mất tác dụng. Quân chủ lực của bên chiến thắng vòng qua một cách an toàn những công sự ấy, còn các đơn vị cơ động của họ thì hầu như không thèm chú ý đến chúng; việc chiếm lĩnh chúng nằm trong nhiệm vụ của các

^{1*} - Đây là muốn nói đến công sự đã chiến Cam-sát-xki

đội dự bị đi sau của quân đội họ. Nhưng khi trên đường của những đạo quân lớn ấy xuất hiện những cứ điểm lớn thì cuộc tiến quân không tránh khỏi bị cản trở. Tình hình đó đã xảy ra với Napô-lê-ông ở Măng-tu năm 1797 và ở Đan-txích năm 1807. Nguyên nhân của nó rất rõ ràng. Khi một đạo quân 150 000 người tiến vào lãnh thổ kẻ thù, những cứ điểm nhỏ không tạo thành sự uy hiếp nào ở hậu phương nó; tất cả số quân đồn trú ở các cứ điểm ấy gộp lại cũng không đủ mạnh để ngăn cản cuộc tiến quân của các đơn vị tăng viện và của đội dự bị lấy từ trong các lực lượng hậu bị để bổ sung cho đội quân tác chiến. Ngoài ra, những đơn vị đồn trú nhỏ ấy không thể lập ra những đơn vị ít nhiều quan trọng để sục sạo các khu vực và để phá hoại tuyến giao thông của địch. Khi trên đường của mình, quân đội gặp phải các cứ điểm qui mô lớn với số quân đồn trú từ 15 000 đến 25 000 người thì vấn đề lại khác; cứ điểm đó là trung tâm phòng ngự của cả khu vực; nó có thể phá đi theo bất cứ hướng nào và đến một cự ly xa một đơn vị lớn có thể tiến hành hoạt động dã chiến, còn trong trường hợp bị binh lực ưu thế của địch tấn công thì nó có thể lui về cứ điểm bất cứ lúc nào. Phong tỏa cứ điểm đó hầu như cũng tốn công sức như chiếm nó; do đó, chiếm nó còn có lợi hơn.

Trong các cứ điểm cũ kiểu công sự Vô-băng và Coóc-môn-tanh, toàn bộ các phương tiện phòng ngự đều tập trung xung quanh tường chính và trong hào chính. Tất cả các lô-cốt lõm vào, lô-cốt kính, công sự yểm hộ lô-cốt 5 cạnh và lô-cốt thủ có tháp canh đều được bố trí sao cho hình thành một phòng tuyến, và nếu quân địch đã xen được vào phòng tuyến ấy thì trong vòng mấy ngày nó sẽ chọc thủng được toàn tuyến, mà do phòng tuyến bị chọc thủng, địch sẽ chiếm được cứ điểm. Rõ ràng là hệ thống công sự đó hoàn toàn không thích hợp với các cứ điểm lớn, mà chỉ những cứ điểm ấy mới có thể ngăn chặn cuộc tấn công của đạo quân xâm nhập lớn; duy trì hệ thống ấy có nghĩa là hy sinh đội quân đồn trú, vì trong trường hợp bị đột phá, cứ điểm không có gì bảo vệ. Vì vậy phải dùng một hệ thống khác - hệ thống công sự nhô ra phía trước. Người đầu tiên cả gan chủ trương xây dựng các lô-cốt độc lập, bất chấp các thiên kiến đang thịnh hành trong giới quân sự, là tướng Mông-ta-lăm-be, người thầy của Các-nô. Nhưng phương

pháp xây dựng các cứ điểm lớn có các lô-cốt độc lập hình thành hệ thống phòng ngự hoàn chỉnh thì đã được soạn thảo và cải tiến ở Đức, trước hết do tướng Phổ A-xơ. Những công sự phòng ngự xuất sắc ở Khuên, Cô-blen-tơ, Pô-dơ-nan, Khuê-ních-xbéc và một phần ở khu vực Ma-in-xơ đều do ông xây dựng và đánh dấu một kỷ nguyên mới trong lịch sử xây dựng hệ thống công sự phòng thủ. Người Pháp rút cục đã thừa nhận cần phải chuyển sang hệ thống ấy và đã xây dựng ở Pa-ri các công sự phòng ngự được thiết kế tuyệt vời và thượng hạng có các lô-cốt độc lập.

Hệ thống lô-cốt độc lập lập tức sinh ra một phương pháp phòng ngự mới. Số lượng quân đồn trú ở các cứ điểm lớn buộc phải tăng lên đến mức không cần chi hạn chế ở sự phòng thủ thụ động, nghĩa là ngồi chờ đến khi địch tiến lên dè dặt trong cự ly cho phép xuất kích. Số quân đồn trú 20 000 - 25 000 người là đủ mạnh để tấn công địch ngay ở trận địa của nó. Dưới sự yểm hộ của các lô-cốt độc lập, cứ điểm và khu vực xung quanh nó mang tính chất một dinh lũy hoặc căn cứ cho các hoạt động dã chiến của đơn vị đồn trú mà thực tế đã biến thành một đạo quân nhỏ. Phòng ngự từ trước đến nay mang tính chất tiêu cực thì nay đã trở thành tích cực, nó mang tính chất tấn công. Tính tất yếu của hệ thống phòng ngự đó đã trở thành hết sức hiển nhiên vào năm 1807 khi quân Pháp bao vây Đan-txích, quân đồn trú Phổ có khoảng 20 000 người đã xây dựng chính những lô-cốt độc lập đó, những lô-cốt này vốn không có ở đây, nhưng người ta lập tức cảm thấy cần có nó khi phải sử dụng lực lượng của đơn vị đồn trú lớn này vào việc thực sự phòng ngự thành phố. Khi quân Pháp phòng ngự Đan-txích vào các năm 1813 - 1814 chống lại quân đồng minh, thì họ đã vận dụng nguyên tắc này thành công hơn.

Việc vây đánh, mà từ thời Vô-băng là một hoạt động trong một thời hạn ngắn mà mục đích - nếu không xảy ra sự can thiệp nào từ bên ngoài - hầu như chắc chắn có thể đạt được trong một thời hạn qui định trước, thì đến nay đã trở thành một hoạt động mà kết cục tùy thuộc vào rất nhiều nhân tố, giống như các hoạt động quân sự dã chiến vậy. Pháo đặt trên các tường cao đã mất ngay tác dụng hàng đầu của nó; pháo dã chiến bắt đầu đóng vai trò quan trọng hơn ngay cả đối với sự phòng ngự cứ điểm. Nghệ

thuật của các kỹ sư không còn chỉ dùng để sửa chữa những công sự bị phá hoại trong thời gian bị vây đánh; cũng như trong quân dã chiến, các kỹ sư hiện nay phải lựa chọn và củng cố trận địa ở phía trước của chính các lô-cốt, đào các chiến hào hướng về chiến hào của địch, uy hiếp từ bên sườn các công sự của địch bằng cách xây dựng các công sự chống bao vây, bất ngờ thay đổi phía chính diện của phòng ngự, do đó buộc địch thay đổi hướng tấn công. Trong hoạt động vây đánh, cũng như trong hoạt động dã chiến, bộ binh biến thành lực lượng chủ yếu, còn kỵ binh trở thành bộ phận hợp thành hoàn toàn tất yếu của hầu như bất kỳ đơn vị đồn trú nào. Hiện nay đã không thể xác định trước, dù là về đại thể, cuộc vây đánh kéo dài bao nhiêu thời gian, còn các nguyên tắc của Vô-lăng về đánh chiếm cứ điểm tuy về cơ bản vẫn đúng một khi vẫn nói về các chi tiết của cuộc tấn công bằng pháo binh, nhưng đã hoàn toàn không thích hợp với cuộc vây đánh nữa xét trên *toàn cục*.

Quân Nga ở Xê-va-xtô-pôn không có thời gian xây dựng lô-cốt độc lập. Họ buộc phải giữ lại phương pháp cũ về xây dựng cứ điểm. Họ đã dùng tường chính làm phòng tuyến thứ nhất, và quả thực vào thời điểm đó, tường chính hết sức cần thiết. Sau phòng tuyến thứ nhất, quân Nga đã xây dựng phòng tuyến thứ hai và thứ ba, đồng thời tiếp tục củng cố phòng tuyến thứ nhất. Sau đó, dần dần nhận thức được rằng họ có lợi thế ngay cả ở một cự ly nào đó trước tường chính, quân Nga đã tiến lên và xây dựng các đồn Xê-len-ghin và Vô-lun và sau hết là công sự ở Ma-mê-lôn và một tuyến chiến hào dài, trong khi ở sườn phía tây, nơi có quân chủ lực của Pháp đóng, họ chỉ có thể xây dựng mấy lô-cốt kính gần hào chính và đào một số chiến hào bộ binh, không xa mấy ở phía trước những lô cốt kính ấy. Như thế là từ lúc quân Nga củng cố đồn Ma-mê-lôn, sườn phía đông trở thành tương đối an toàn; ở sườn phía tây, nơi không có công sự phòng ngự ngoại vi đó, bên vây đánh đã tiến dần lên sát bờ hào chính. Do đó, để tiếp cận pháo đài trên đồi Ma-la-khốp, cao điểm khổng lồ và quan trọng nhất ở sườn phải, phía bao vây cần phải chiếm Ma-mê-lôn trước. Song yểm hộ cho đồi Ma-la-khốp, đến lượt mình Ma-mê-lôn lại được các công sự ở phía sau mình yểm hộ. Sự yểm hộ đó có

hiệu quả đến mức nào, điều đó có thể thấy được qua sự kiện là trong cuộc pháo kích thứ hai, Can-rô-béc không dám thực hiện cuộc cường tập thực sự vào Ma-mê-lôn. Hiện nay cũng không còn nghi ngờ gì nữa rằng thiệt hại của quân Pháp trong việc chiếm công sự này là hết sức lớn.

Việc liên quân khôi phục cuộc pháo kích và các hoạt động kiên quyết của tướng Pê-li-xi-ê, không tiếc xương máu của binh sĩ mình và ra sức lợi dụng mọi thời cơ thuận lợi để thọc sâu vào trung tâm phòng ngự của địch, đã đi kèm với việc hoàn toàn ngừng hoạt động trên sông Đen. Hành động đó lập tức cho chúng ta một khái niệm về tính cách của Pê-li-xi-ê, và chứng thực cái tiếng tăm mà người ta gán cho ông ta là con người kiên trì, bướng bỉnh, không lùi bước trước bất cứ cái gì. Trước mặt ông ta có hai con đường: hoặc bắt đầu hoạt động dã chiến, bao vây Xê-va-xtô-pôn cả từ phía Bắc, rồi khôi phục cuộc vây đánh với một binh lực gấp đôi, như vậy hy vọng thắng lợi nhanh chóng sẽ tăng gấp bốn lần, hoặc tiếp tục chiến thuật sai lầm tám tháng qua - ngoan cố tấn công vào phía Nam, triệt để phá hủy nó và đuổi quân Nga ra khỏi cứ điểm, mà dù quân Nga có bỏ cứ điểm này, thì liên quân vẫn không thể chiếm được nó vì hỏa lực của các pháo đài ở phía Bắc.

Ở cả hai bán cầu không tìm đâu ra một quân nhân có lý trí nào biết tin về việc bổ nhiệm Pê-li-xi-ê làm tư lệnh và về việc liên quân nhận được lực lượng tăng viện lớn, mà lại không trông đợi là Pê-li-xi-ê sẽ chọn con đường thứ nhất. Nhất là sau khi 25 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ, dưới quyền chỉ huy của Ô-me-rơ-pa-sa, đã đến Ba-la-cla-va, thì không còn nghi ngờ gì nữa là liên quân đã có đủ lực lượng để tiếp tục vây đánh và phải 15 000 người đến Kéc-sơ, đồng thời tiến quân lên phía trước, tiến hành các hoạt động dã chiến với một số lượng quân lính lớn hơn là lực lượng quân Nga có thể đưa ra để chống cự. Tại sao liên quân không làm như thế? Họ vẫn chưa đủ phương tiện vận tải chăng? hoặc có lẽ họ không tin rằng mình có thể thực hiện chiến dịch ở Crum? Điều đó chúng tôi không biết. Nhưng có một điểm rõ ràng: nếu Pê-li-xi-ê không có nguyên nhân gì *rất quan trọng* khiến phải từ bỏ các hoạt động dã chiến thì đó chỉ là do tính cố chấp và tính tùy tiện mà ông ta vẫn tiếp tục đường lối hết sức sai lầm; với những thiệt hại

ngang với những thiệt hại mà hiện nay đạo quân của ông ta buộc phải chịu đựng trong thời gian tiến hành các cuộc cường tập, thì ông ta có thể đạt được, trong các hoạt động dã chiến, những kết quả lớn hơn nhiều và thắng lợi có tính chất quyết định hơn. Chiếm phía Nam mà thậm chí không tìm cách bao vây phía Bắc là phía hoàn toàn không chế phía Nam thì như thế có nghĩa là hoàn toàn coi thường mọi qui tắc tiến hành chiến tranh, và nếu Pê-li-xi-ê định hành động như vậy thì ông ta có thể tiêu diệt đạo quân lớn mà ông ta chỉ huy.

Nhưng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức tìm cách biện hộ cho mỗi hành động khả nghi của vị tư lệnh mới. Có lẽ hành động ở cánh tân công bên trái là không tránh khỏi và do việc quân Nga xây dựng các hào chống tiếp cận. Cũng có thể là do cần đẩy quân Nga về trận tuyến ban đầu của họ, biểu thị ưu thế của bên bao vây bằng cách thực hiện mấy đòn mãnh liệt có tính chất tiêu diệt, trước khi mạo hiểm phân chia quân đội thành đội quân vây đánh và đội quân dã chiến. Nhưng dù giả định tất cả những điều đó, giờ đây chúng ta cũng phải chỉ rõ rằng không thể cứ tiếp tục như thế nữa và bất cứ ý đồ lớn mới nào muốn tiến hành cường tập vào thành phố đều sẽ là sai lầm rõ rệt, nếu không làm cho lực lượng của đội quân dã chiến Nga bị mệt mỏi từ trước trong các trận chiến đấu nhờ sử dụng tất cả các đơn vị mà liên quân có thể ném vào việc thực hiện nhiệm vụ này.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 12 tháng Sáu 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4429, ngày 29 tháng Sáu 1855 và đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 273, ngày 15 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune", có đối chiếu với bản in trên tờ "Neue Oder - Zeitung"

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG KẾ HOẠCH QUÂN SỰ CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG

Chính phủ Pháp cảm thấy cần thiết thông qua tờ báo ở Pa-ri "Constitutionnel"¹⁷² lại báo cho toàn thế giới biết rằng chiến tranh sẽ được tiến hành như thế nào trong mấy tháng gần đây. Những exposés^{1*} như thế hiện nay không những không trở thành cái một, mà còn có tính chất định kỳ, tuy rằng thường mâu thuẫn nhau, nhưng vẫn cho một khái niệm khá rõ ràng về việc Chính phủ Pháp giờ đây đang có những hy vọng thành công gì. Gộp chung lại, những bài tường thuật ấy là bộ sưu tập tất cả các loại kế hoạch tác chiến chống Nga của Lu-i Bô-náp-tơ và những bài tường thuật như thế đáng được chú ý ở mức độ nào đó vì chúng đụng chạm đến số phận của Đế chế thứ hai và khả năng phục hưng của dân tộc Pháp.

Vậy là, dường như sẽ không có "grande guerre"^{2*} nào, 500 000 quân Áo và 100 000 quân Pháp cũng sẽ không xuất hiện ở sông Vi-xla và Đni-e-pro. Cũng sẽ không xảy ra cuộc khởi nghĩa toàn diện của "những dân tộc bị áp bức" đang thường xuyên nhìn về phương Tây. Quân đội Hung-ga-ri, I-ta-li-a và Ba Lan sẽ không xuất hiện theo tín hiệu của chiếc gậy thần của con người đã tiêu diệt nước Cộng hòa La Mã¹⁷³. Tất cả các cái đó hiện nay đã qua rồi.

^{1*} - bài tường thuật

^{2*} - "cuộc đại chiến"

Áo đã làm tròn trách nhiệm của mình đối với phương Tây. Phổ đã hoàn thành trách nhiệm của mình. Toàn thế giới đã làm tròn trách nhiệm của mình. Tất cả đều hài lòng với nhau. Cuộc chiến tranh hiện nay tuyệt nhiên không phải là cuộc chiến tranh lớn. Nó không theo đuổi mục đích khôi phục vinh dự của người Pháp trong các cuộc chiến tranh chống Nga trước đây, tuy rằng, tiện đây xin nói luôn, Pê-li-xi-ê trong một bản báo cáo của mình đã khẳng định điều ngược lại. Quân đội Pháp được cử đến Crum không phải để giành lấy niềm vinh quang của thắng lợi; họ chỉ chấp hành ở đây nhiệm vụ cảnh sát. Vấn đề đòi hỏi phải được giải quyết - quyền bá chủ trên Hắc Hải - thì lại mang tính chất thuần túy cục bộ và nó sẽ được giải quyết ở nơi ấy, tại chỗ. Mở rộng phạm vi chiến tranh là điên rồ. Liên quân sẽ đập tan “một cách lịch sự, nhưng kiên quyết” mọi ý đồ kháng cự của quân Nga ở Hắc Hải và bờ biển Hắc Hải; và khi điều đó được thực hiện thì, đương nhiên, bây giờ họ hoặc quân Nga, hoặc cả hai bên sẽ đi đến hòa bình.

Lại một ảo tưởng nữa của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ đã tiêu tan như vậy. Ước mơ về biên giới của Pháp kéo dọc sông Ranh, về việc sáp nhập Bỉ và Xa-voa đã tiêu tan, và sự khiêm tốn hết sức tinh táo đã thay thế cho những ước mơ đó. Chúng ta tiến hành chiến tranh hoàn toàn không phải để đưa nước Pháp trở lại địa vị xứng đáng của nó ở châu Âu. Tuyệt nhiên không phải như vậy. Chúng ta không chiến đấu cho nền văn minh, như chúng ta đã nhiều lần khẳng định mới gần đây thôi. Chúng ta quá ư khiêm tốn để có tham vọng thực hiện một sứ mạng quan trọng như thế. Chiến tranh được tiến hành hoàn toàn vì lý do là sự giải thích điều khoản thứ ba của nghị định thư Viên! Đức hoàng đế Na-pô-lê-ông III - nhờ ơn quân đội và nhờ lòng khoan dung của châu Âu mà ông ta lên làm hoàng đế của người Pháp - hiện nay đã nói bằng ngôn ngữ như thế đấy.

Nhưng tất cả những điều đó có nghĩa là gì? Người ta nói với chúng ta rằng chiến tranh được tiến hành nhằm mục đích giải quyết một vấn đề có tính chất thuần túy cục bộ và có thể kết thúc thắng lợi bằng những phương sách thuần túy cục bộ. Chỉ

cần tước đoạt quyền bá chủ thực tế của Nga trên Hắc Hải là mục đích của chiến tranh sẽ đạt được. Trở thành chủ nhân của Hắc Hải và bờ biển Hắc Hải, các anh hãy giữ lấy cái mà các anh chiếm được, và thế là nước Nga sẽ nhượng bộ rất nhanh. Đây là kế hoạch mới nhất trong nhiều kế hoạch chiến dịch do tổng hành dinh ở Pa-ri đặt ra. Chúng ta hãy nghiên cứu nó kỹ hơn.

Chúng tôi xin mô tả cục diện hiện nay. Một mặt, toàn bộ bờ biển từ Công-xtăng-ti-nô-pơ đến Đa-nuýp và, mặt khác, bờ biển Séc-kê-xi, A-na-pa, Kéc-sơ, Ba-la-cla-va cho đến Ép-pa-tô-ri đều đã chiếm được từ trong tay quân Nga. Chỉ còn Ca-pha và Xê-va-xtô-pôn hiện thời vẫn đứng vững, mà Ca-pha thì rơi vào tình cảnh khó khăn, còn Xê-va-xtô-pôn do vị trí của nó nên khi bị uy hiếp nghiêm trọng thì cũng phải rút bỏ nó. Ngoài ra, hạm đội liên quân đang rẽ sóng trên biển nội địa A-dốp, các hạm tàu nhẹ của nó đã đến tận Ta-gan-róc và tập kích tất cả các địa điểm quan trọng trên bờ biển. Có thể nói rằng không còn đoạn bờ biển nào nằm trong tay quân Nga, trừ đoạn từ Pê-rê-cốp đến Đa-nuýp, nghĩa là chỉ còn một phần mười lăm của những gì trước đây thuộc về quân Nga trên bờ biển này. Bây giờ chúng ta hãy giả định rằng Ca-pha và Xê-va-xtô-pôn cũng thất thủ và Crum rơi vào tay liên quân. Bây giờ sẽ ra sao? Lâm vào tình cảnh ấy, Nga sẽ không ký hòa ước, về điểm này nó đã tuyên bố cho mọi người đều nghe thấy. Về phía Nga đó là điều điên rồ. Điều đó có nghĩa là bỏ chiến đấu chỉ vì đội tiền vệ bị đánh lui, đúng vào lúc chủ lực đang tiếp cận. Còn liên quân có thể làm gì sau khi đạt được những thắng lợi đó bằng những hy sinh to lớn?

Người ta nói với chúng ta rằng liên quân có thể phá hủy Ô-đét-xa, Khéc-xôn, Ni-cô-la-ép, thậm chí đổ bộ một đạo quân lớn lên Ô-đét-xa, củng cố ở đấy để đẩy lui cuộc tập kích của quân Nga bất kể với số lượng nào, rồi sau sẽ tùy theo tình hình mà hành động: Ngoài ra, họ có thể phái quân đội đến Cáp-ca-dơ và hầu như có thể tiêu diệt đạo quân Nga do Mu-ra-vi-ép chỉ huy hiện đang đóng giữ Gru-di-a và các khu vực khác thuộc Nam Cáp-ca-dơ. Chúng ta hãy giả định rằng tất cả những điều đó đều được thực

hiện, nhưng ở đây lại nảy ra vấn đề: nếu sau đó Nga từ chối ký kết hòa ước, mà chắc chắn nó sẽ làm như thế, thì sẽ ra sao? Chớ quên rằng Nga ở vào hoàn cảnh khác với Pháp và Anh. Anh có thể cho phép mình ký kết một hòa ước không có lợi. Vì một khi Giôn Bun cảm thấy rằng những sóng gió và những chi phí quân sự đã quá đủ đối với ông ta rồi và ông ta sẽ dốc hết mọi cố gắng để thoát khỏi tai họa và nhường cho các đồng minh đáng kính trọng của mình tự gỡ lấy mỗi bông bong. Không phải tìm ở hướng này điều bảo đảm cho sự hùng cường thực sự của Anh và nguồn gốc sức mạnh của nó. Đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ cũng có thể đến lúc nào đó hẳn sẽ lựa chọn một hòa ước không vẻ vang, hơn là chọn một cuộc chiến tranh một mất một còn, vì chớ quên rằng khi tên phiêu lưu ấy rơi vào tình trạng tuyệt vọng thì khả năng kéo dài sự thống trị của hắn thêm nửa năm nữa sẽ thắng mọi suy nghĩ khác. Vào giờ phút quyết định, Thổ Nhĩ Kỳ và Xác-đi-ni với những tài nguyên thâm hại của họ sẽ bị bỏ rơi. Điều đó chẳng cần nghi hoặc. Giống như La Mã Cổ, Nga *không thể* giảng hòa, chừng nào kẻ địch còn ở trên lãnh thổ của nó. Suốt 150 năm gần đây, Nga chưa lần nào ký một hòa ước buộc nó phải nhường đất đai của mình. Ngay Hòa ước Tin-dít¹⁷⁴ cũng đưa đến sự mở rộng lãnh thổ của Nga, mà nó được ký kết vào lúc chưa có một người Pháp nào đặt chân lên đất Nga. Ký kết hòa ước vào lúc mà trên lãnh thổ nước Nga có một đạo quân lớn đã chuẩn bị sẵn sàng, một hòa ước qui định cắt mất đất đai hoặc ít ra hạn chế quyền lực của Nga hoàng trong phạm vi lãnh địa của mình thì điều đó có nghĩa là đoạn tuyệt quyết liệt với những truyền thống của một thế kỷ rưỡi nay. Vừa mới lên ngôi và còn mới lạ đối với nhân dân, mỗi hành động của vua Nga đều bị đảng dân tộc có thể lực lo lắng theo dõi, do vậy Nga hoàng không thể đi một bước như thế. Hòa ước đó không thể được ký kết chừng nào toàn bộ tiềm lực tấn công và trước hết là toàn bộ tiềm lực *phòng ngự* của Nga còn chưa được sử dụng và chưa cạn sạch. Song, giờ phút ấy tất sẽ đến và người ta sẽ buộc Nga phải từ bỏ sự can thiệp vào công việc của nước khác, nhưng điều đó sẽ được tiến hành bởi những kẻ thù hoàn toàn khác chứ không phải Lu-i

Bô-na-pác-tơ và Pan-móc-xton, và thông qua cuộc đấu tranh kiên quyết hơn nhiều so với những biện pháp trừng phạt có tính chất “cục bộ” được áp dụng đối với nước Nga trên lãnh địa Hắc Hải của nó. Nhưng chúng ta giả định rằng Crum bị chiếm và 50 000 liên quân đóng trên đất đai của nó, Cáp-ca-dơ và toàn bộ lãnh địa ở phía nam đều không còn quân Nga, liên quân kim chân quân Nga ở Cu-ban và Tê-rếch, Ô-đét-xa bị chiếm và biến thành một dinh lũy được củng cố, trong đó cứ cho rằng có 100 000 binh sĩ Anh - Pháp, còn Ni-cô-lai-ép, Khéc-xôn và I-xmai bị liên quân phá hủy hoặc chiếm lĩnh. Thậm chí giả định rằng ngoài những hành động có tính chất “cục bộ” ấy, một số kết quả ít nhiều quan trọng đã đạt được trên biển Ban-tích, tuy rằng dựa vào những tài liệu chúng tôi hiện có thì khó bề dự đoán ở đó sẽ đạt được những thành tựu gì. Vậy thì sau đó sẽ ra sao?

Liệu liên quân sẽ chỉ hạn chế ở chỗ giữ lấy các trận địa của mình và tiêu hao lực lượng quân Nga chăng? Bệnh tật sẽ cướp đi sinh mạng binh sĩ của liên quân ở Crum và Cáp-ca-dơ nhanh hơn là lực lượng bổ sung đến. Chủ lực của liên quân, Chẳng hạn ở Ô-đét-xa, sẽ buộc phải nhờ hạm đội cung cấp vì đất đai xung quanh Ô-đét-xa ở khoảng cách hàng trăm dặm không được canh tác. Quân Nga có các phân đội Cô-dắc đặc biệt hữu ích trong hoạt động ở thảo nguyên sẽ tập kích vào liên quân trong mọi ý đồ vượt ra ngoài phạm vi chiến lũy của họ, và quân Nga có thể chiếm lĩnh trận địa cố định gần thành phố. Trong những điều kiện ấy, không thể buộc quân Nga nghênh chiến, họ bao giờ cũng có lợi thế hơn là có thể nhử địch vào sâu nội địa. Đối với mỗi cuộc tấn công của liên quân, họ đều đáp lại bằng một cuộc rút lui chậm rãi. Trong khi đó không thể giữ một đạo quân lớn ngồi không trong dinh lũy một thời gian dài. Sự phát triển dần dà của hiện tượng thiếu kỷ luật và mất tinh thần sẽ buộc liên quân phải có một hành động kiên quyết gì đó. Bệnh tật cũng sẽ làm cho tình hình thêm phức tạp. Tóm lại, nếu liên quân chiếm các cứ điểm trọng yếu trên bờ biển và sẽ ngồi ở đây chờ giờ phút mà nước Nga cảm thấy cần nhượng bộ thì việc đó chẳng đem lại cho liên quân gì hết. Gần

như chắc chắn là liên quân sẽ kiệt sức trước tiên và những ngôi mộ của binh sĩ của họ trên bờ Hắc Hải sẽ nhanh chóng lên đến hàng chục vạn.

Lối hành động đó, xét cả trên góc độ quân sự, cũng sai lầm. Để không chế bờ biển mà chỉ chiếm các địa điểm trọng yếu của nó thì chưa đủ. Chỉ có việc chiếm lĩnh nội địa mới bảo đảm cho việc chiếm lĩnh bờ biển. Như chúng ta đã thấy, những tình huống này sinh do chính việc liên quân chiếm bờ biển phía nam Nga sẽ buộc liên quân đưa quân đội của mình tiến vào nội địa. Nhưng chính là ở đây bắt đầu nảy sinh những khó khăn. Cho đến tận ranh giới các tỉnh Pô-đôn-xcơ, Ki-ép, Pôn-ta-va và Khác-cốp, đất đai là một thảo nguyên ít được tưới nước, hầu như không trồng trọt được, trên đó không thứ gì mọc được ngoài cỏ dại, mà ngay cỏ dại trong mùa hè cũng bị nắng gắt thiêu khô. Giả định rằng Ô-đét-xa, Ni-cô-la-ép, Khéc-xôn sẽ biến thành các căn cứ tác chiến, nhưng mục tiêu tác chiến mà liên quân có thể hướng các cố gắng của mình vào, là ở đâu? Ở đây số lượng thành phố không nhiều, lại cách xa nhau, trong đó không có thành phố nào quan trọng đến mức là việc chiếm được nó sẽ đem lại cho hoạt động chiến đấu tính chất quyết định. Tính đến tận Mát-xcơ-va, không có những địa điểm quan trọng như thế, còn Mát-xcơ-va thì cách xa 700 dặm. Muốn tiến quân về Mát-xcơ-va phải cần 50 vạn người, nhưng lấy ở đâu ra? Không nghi ngờ gì nữa, có tình hình là nếu chiến sự phát triển theo hướng đó thì cuộc chiến tranh “cục bộ” dù sao cũng không đem lại kết quả có tính chất quyết định. Hãy mặc cho Lu-i Bô-na-pác-tơ, với tất cả sự phong phú của trí tưởng tượng chiến lược của mình, thử tìm một con đường khác?

Nhưng để thực hiện tất cả những kế hoạch ấy không những cần sự trung lập nghiêm chỉnh của Áo, mà còn cần có sự ủng hộ tinh thần của nước này nữa. Song, hiện giờ cường quốc này đứng về phía nào? Năm 1854, Áo và Phổ đã tuyên bố rằng họ sẽ coi việc quân Nga tiến vào Ban-căng như là *casus belli*^{1*} chống

^{1*} - cái cớ khai chiến

nước Nga¹⁷⁵. Lấy gì để bảo đảm rằng năm 1856 họ lại không coi cuộc tấn công của quân Pháp vào Mát-xcơ-va hoặc thậm chí vào Khác-cốp là cái cớ để tiến hành chiến tranh chống lại các nước phương Tây? Chớ nên quên rằng bất cứ đạo quân nào tiến từ Hắc hải vào nội địa nước Nga đều sẽ bị hờ sườn từ phía Áo, cũng giống hệt như trường hợp quân Nga tiến từ Đa-nuýp vào Thổ Nhĩ Kỳ; do đó, ở một cự ly nhất định, tuyến giao thông của đạo quân ấy với căn cứ tác chiến của nó, tức là bản thân sự tồn tại của nó, sẽ tùy thuộc vào thiện chí của Áo. Để buộc Áo không tham chiến, dù chỉ là một thời gian, phải mua chuộc nó, nhưng Bét-xa-ra-bi-a cho quân đội Áo. Tiến đến sông Đni-e-xcơ-rơ, quân đội Áo cũng sẽ hoàn toàn làm chủ Ô-đét-xa chẳng khác nào thành phố này bị quân Áo chiếm lĩnh. Trong điều kiện đó, liên quân liệu có thể lao vào cuộc truy kích điên cuồng quân Nga vào sâu nội địa chẳng? Đó là sự mất trí! Chúng tôi xin nhắc lại rằng, sự mất trí đó là hậu quả lô-gích của kế hoạch mới nhất của Lu-i Bô-na-pác-tơ - kế hoạch “tiến hành chiến tranh cục bộ”.

Kế hoạch đầu tiên của chiến dịch là “grande guerre” trong sự liên minh với Áo. Kế hoạch này đặt quân đội Pháp vào địa vị phụ thuộc, xét về mặt quân số, so với quân đội Áo, giống như địa vị quân đội Anh hiện nay so với quân đội Pháp. Kế hoạch ấy tạo cho nước Nga thể chủ động cách mạng. Lu-i Bô-na-pác-tơ vừa không thể thực hiện điều thứ nhất, vừa không thể thực hiện điều thứ hai. Áo từ chối không tham gia chiến tranh; kế hoạch đã phá sản. Kế hoạch thứ hai là “chiến tranh dân tộc”. Kế hoạch này có thể gây ra, một mặt, cơn bão táp trong người Đức, người I-ta-li-a và người Hung-ga-ri, mặt khác, sẽ gây nên cuộc khởi nghĩa của người Xla-vo, điều đó lập tức sẽ ảnh hưởng đến nước Pháp và khiến cho nền đế chế thuộc thời kỳ suy tàn [Lower Empire]¹⁷⁶ của Lu-i Bô-na-pác-tơ sẽ sụp đổ trong một thời gian ngắn hơn là thời gian cần thiết để thiết lập nó. “Con người sắt” giả, mạo xưng là Na-pô-lê-ông, đã hoảng sợ rút lui. Kế hoạch thứ ba, và là kế hoạch khiếm tốn nhất, là kế hoạch “chiến tranh cục bộ vì những mục đích cục bộ”. Sự phi lý của nó lập tức đập vào mắt

người ta. Và chúng ta lại buộc phải đặt câu hỏi: sau đó thì sao? Rốt cuộc, trở thành hoàng đế của người Pháp; khi mọi tình huống đều thuận lợi để làm điều đó, thì dễ hơn rất nhiều so với việc giữ lấy ngôi hoàng đế, ngay cả khi sự luyện tập lâu dài trước gương soi đã làm cho đức hoàng thượng ấy biết thành thạo tất cả những thuộc tính bên ngoài của quyền lực hoàng đế.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 15 tháng Sáu 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4431, ngày 2 tháng Bảy 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

THƯ CỦA NÂY-PIA. - ỦY BAN RÔ-BÁC

*Luân Đôn, ngày 15 tháng Sáu. Ngài Sác-lơ Nây-pia mở đầu việc công bố một loạt thư về hạm đội Ban-tích, bằng bức thư số 1 với nội dung như sau*¹⁷⁷:

“Người ta hỏi rằng tại sao phân hạm đội của chúng ta ở Ban-tích năm ngoái chẳng làm được việc gì quan trọng và chắc năm nay cũng sẽ không làm nên chuyện gì? Câu hỏi ấy rất dễ trả lời: vì ngài Giêm-xơ Grê-hêm không để ý đến kế hoạch mà tôi gửi cho ông ta tháng Sáu năm ngoái, thậm chí còn vờ không biết gì về việc đó; ngoài ra, còn vì bộ hải quân không coi trọng các kế hoạch mà tôi gửi cho họ hồi tháng Chín năm ngoái. Nếu đô đốc Đơ-đa-xơ được cung cấp tất cả những thiết bị mà tôi nêu lên, thì cuộc pháo kích Xvê-a-boóc-gơ đã được tiến hành và cứ điếm ấy chắc đã bị phá hủy. Đáng lẽ phải làm việc đó thì người ta lại tiêu tốn khoảng một triệu đồng vào những pháo đài nổi bọc thép, những pháo đài này khó khăn lắm mới di chuyển được trên mặt nước và nếu đưa sang biển Ban-tích thì chưa chắc đã có ngày trở về. Và điều đó xảy ra sau khi, như sự kiện ở Poóc-xmút đã chứng minh, ở cự ly 400 i-ác-đơ, những pháo đài đó có thể bị pháo 68 pao phá hủy, trong khi đó, như mọi người đều biết, chúng không thể phá hoại các bức tường hoa cương ở cự ly 800 i-ác-đơ. Nếu như những khoản tiền ấy được dùng để chế tạo các pháo thuyền đặt súng cối thì còn có hy vọng làm được điều gì đó; nếu chỉ một nửa số tiền ấy được dùng để thực hiện kế hoạch mà huân tước Đan-đô-nan đã bàn bạc với tôi, thì không nghi ngờ gì nữa, chúng ta đã thu được thắng lợi ở biển Ban-tích cũng như ở Hắc Hải. Sẽ đến lúc - và thời điểm đó sắp đến rồi - tôi có điều kiện bác trần mọi hành vi của ngài Giêm-xơ Grê-hêm đối với tôi. Ông Đơ-côm-bơ đã vạch mặt ông ta” (trong vụ án anh em Ban-đê-ê-ra) “rằng

ông ta đã bóc lột thư riêng. Grê-hêm định đổ tội cho ông Lây-ác về cái chết của đại úy Cri-xti đáng thương, còn tôi thì quy tội ông ta đã xuyên tạc thư của tôi. Người ta không cho phép tôi cung cấp những chứng cứ, viện cớ là việc công bố những chứng cứ ấy sẽ cung cấp tin tức tình báo cho địch. Việc viện cớ như thế sẽ nhanh chóng bị bác bỏ và khi ấy cả nước sẽ biết vị nam tước đáng tôn kính ấy đã thi hành những thủ đoạn gì để thuyết phục đô đốc Bóc-eli và đô đốc Ri-sốt ký những chỉ thị mà nếu được đem thi hành thì sẽ dẫn tới sự tiêu diệt hạm đội hoàng gia. Hãy để cho cả nước biết rằng liệu vị bộ trưởng hải quân có thể công bố rộng rãi thư riêng của một sĩ quan, rồi sau đó lại cản trở viên sĩ quan đó hành xử như thể với thư riêng của vị bộ trưởng ấy hay không?

Ngày *S.Nây-pia*".

Ủy ban Rô-bác lại họp lần thứ bốn mươi chín vào hôm qua để đi đến một kết luận nào đó về bản báo cáo phải đệ trình lên hạ nghị viện. Sau 4 giờ tranh luận, các ủy viên lại không đi đến nhất trí, giống như trong các phiên họp trước. Họ lại hoãn phiên họp đến thứ hai, với "hy vọng", là rút cục họ có thể báo cáo rằng công việc của mình đã kết thúc.

Hôm qua Hội cải cách hành chính đã tổ chức tại rạp hát Đru-ri - Lên một cuộc mít-tinh lớn, nhưng không phải mít-tinh công khai mà là ticket meeting, chỉ ai có vé vào cửa mới được vào dự. Như vậy các ngài thuộc Hội cảm thấy hoàn toàn không bị gò bó "au sein de leur famille"^{1*}. Họ tuyên bố rằng cuộc mít-tinh nhằm mở đường cho "công luận". Nhưng để cho công luận ấy không bị luồng gió từ bên ngoài thổi vào, ở cửa vào rạp hát Đru-ri-Lên đã bố trí một nửa đại đội cảnh sát. Cái thứ công luận được tổ chức một cách tế nhị ấy là cái gì một khi nó chỉ dám trở thành công luận dưới sự bảo vệ của cảnh sát và vé vào cửa! Cuộc mít-tinh này trước hết là cuộc biểu dương lực lượng ủng hộ Lây-ác, là người, rút cục, tôi nay sẽ đưa ra nghị viện đề án cải cách của mình.

^{1*} - "trong bầu không khí gia đình của họ"

Trong cuộc mít-tinh công khai cử hành hôm kia ở Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ, Đa-vít Uóc-các-tơ đã chửi bới "nội các phản bội và nghị viện kém sáng suốt".

Về các cuộc mít-tinh mà hiện nay phái Hiến chương đang chuẩn bị ở các tỉnh, thì lần sau sẽ xin nói tới¹⁷⁸.

Vào lúc mà hiện trạng đang bị chỉ trích từ các phía và từ các quan điểm khác nhau thì hoàng thân An-be đã lợi dụng một bữa tiệc ở Tơ-ri-ni-ti-hau-xơ¹⁷⁹ để trình bày thái độ của triều đình đối với tình trạng bất bình phổ biến. Hóa ra, ông này cũng có thuốc tiên để phòng khủng hoảng. Liều thuốc tiên ấy là: "*Sự tín nhiệm trên cơ sở lòng yêu nước hy sinh quên mình dành cho nội các!*" Hoàng thân An-be cho rằng chỉ có sự chuyên chế của nội các mới có thể làm cho nước Anh lập hiến có thể tiến hành chiến tranh với chế độ chuyên chế phương Bắc, đánh bại nước Nga bằng chính vũ khí của nó. Sự so sánh mà hoàng thân tiến hành giữa nước Anh và nước Nga, vừa không có sức thuyết phục, vừa không thỏa đáng. Chẳng hạn: nữ hoàng không có quyền mộ lính. Người không có đội quân nào khác ngoài những đội quân tự nguyện phục vụ người! Hoàng thân An-be quên rằng trong tay nữ hoàng có gần 30 triệu pao xtéc-ling để thuê lính. Từ bao giờ lao động cưỡng bức trở thành có năng suất cao hơn lao động làm thuê? Người ta sẽ nói gì về một chủ xưởng nào đó ở Man-se-xơ oán trách các chủ xưởng ở Mát-xcơ-va cạnh tranh với mình, viện lý do là ông ta chỉ có những công nhân "tự nguyện phục vụ"? Đáng lẽ phải nhấn mạnh rằng hoàng đế Nga đã từ trên diễn đàn của nhà thờ ra lệnh tuyên bố rõ ràng và dứt khoát với nhân dân về mục đích của cuộc chiến tranh "thần thánh" của mình, trong khi Anh đã tiến hành chiến tranh hai năm mà thủ tướng còn tuyên bố tại nghị viện về cuộc chiến tranh ấy rằng "không ai có thể xác định được mục đích của nó", - đáng lẽ phải nhấn mạnh điều đó thì hoàng thân An-be lại than phiền rằng:

"chính phủ của nữ hoàng không thể thi hành bất cứ biện pháp nào vì lợi ích của việc tiếp tục chiến tranh nếu không báo trước cho nghị viện".

Tuồng như thể ủy ban Rô-bác không phải đã được thành lập

sau khi quân đội Anh đã bị hy sinh mất hai phần ba! Tuồng như thể các cuộc tranh luận về Hội nghị Viên không phải chỉ *sau khi* Hội nghị này bế mạc mới được bắt đầu! Sự thực thì chính phủ không hề thông báo cho nghị viện biết về bất kỳ một biện pháp nào được thi hành vì lợi ích của chiến tranh, nếu không kể lời tuyên bố khoác lác của Rót-xen về cuộc viễn chinh Xê-va-xtô-pôn mà ông ta tiến hành theo sáng kiến cá nhân và rõ ràng là chỉ theo đuổi mục đích kịp thời cảnh cáo nội các Pê-téc-bua. Nếu như đã có tranh luận về vấn đề phong tỏa thì đó không phải là vì nội các thi hành biện pháp ấy, mà là vì nội các tuyên bố phong tỏa, nhưng lại không thực hiện. Đáng lẽ phải than phiền về những âm mưu của nghị viện buộc nữ hoàng phải chịu đựng, trong thời gian chiến tranh với Nga, nền độc tài của một nội các công nhiên thân Nga và rõ ràng là ra sức mưu cầu hòa bình, thì hoàng thân An-be, trái lại, lại than phiền về kết cục bất lợi của cuộc biểu quyết tại nghị viện đã “buộc nữ hoàng gạt bỏ các dây tơ tin cậy của mình”. Đáng lẽ phải than phiền một cách chính đáng về những sai lầm, sự bất lực, hành động bỉ ổi mà nếu bất cứ viên tướng nào, vị bộ trưởng nào, nhà ngoại giao nào ở Nga mắc phải đều có nguy cơ bị đẩy đi Xi-bia, còn ở Anh nhiều lắm cũng chỉ gây ra những lời bàn tán lạnh nhạt trên báo chí và trong nghị viện, - đáng lẽ phải làm như thể thì hoàng thân An-be lại than phiền rằng:

“không có thất bại nào, dù là nhỏ nhất, không một khuyết điểm và nhược điểm nào lại không bị lập tức khiển trách, mà thậm chí có khi còn bị thổi phồng lên với sự thỏa mãn bệnh hoạn”.

Hoàng thân An-be nâng cốc chúc mừng kẻ thù lâu đời của mình, huân tước Pan-móc-xton, bằng những lời bực tức bệnh hoạn ấy. Nhưng Pan-móc-xton xa lạ với tính rộng lượng. Ông ta lập tức lợi dụng tình cảnh sai lầm mà hoàng thân đã tự đặt mình vào để đáp lại, với cách tự đắm vào ngực mình hét tướng lên rằng: “Tôi cần tuyên bố rằng nhân dân Anh có sự ủng hộ khảng khái nhất đối với chúng ta”. Pan-móc-xton còn đi xa hơn nữa. Ông ta nói thẳng ra rằng ông ta được sự “tín nhiệm” của nhân dân Anh. Pan-móc-xton bác bỏ lời khuyên bảo chán ngắt của hoàng thân

đối với nhân dân. Ông ta khúm núm trước nhân dân sau khi hoàng thân khúm núm trước ông ta. Pan-móc-xton thậm chí không muốn tốn sức đáp lại nhà vua bằng những lời chúc tụng. Hoàng thân An-be muốn tuyên bố mình là người che chở cho nội các, do đó đã tuyên bố nội các “*Không phụ thuộc*” vào nghị viện và nhân dân; Pan-móc-xton trả lời bằng cách xác nhận nhà vua “độc lập” với nội các.

*Do C.Mác viết ngày 15 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 277, ngày 18 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

* VỤ RẮC RỐI Ở HẠ NGHỊ VIỆN. - CUỘC CHIẾN TRANH Ở CRUM

Luân Đôn, ngày 16 tháng Sáu. Cuộc tranh luận về đề án của Lây-ác hôm qua chưa kết thúc và được chuyển sang phiên họp tối thứ hai. Chúng tôi cũng tạm thời hoãn bình luận về cuộc tranh luận ấy.

Một sự cố xảy ra trong phiên họp của hạ nghị viện đáng được nhắc tới. Trong thời gian tranh luận về Hội nghị Viên, Pan-móc-xton đã tiện thể nói rằng phái Pin đặt điều kiện để họ tham gia nội các của ông là tiếp nhận những điều kiện giảng hòa nhất định. Chính những điều kiện này đã được Rót-xen bảo vệ ở Viên. Hôm qua Ô-tu-ây yêu cầu Pan-móc-xton tuyên bố xem ông ta có ủng hộ những điều kiện giảng hòa của phái Pin, do đó, của cái đảng đã tự thừa nhận rằng mình hành động vì lợi ích của nước Nga, hay không? Bấy giờ Glát-xtôn đứng lên và yêu cầu vị diễn giả đang chỉ trích ông ta và bạn bè của ông ta là phản bội, hãy tôn trọng kỷ cương. Điều đó đã đạt được. Tuy nhiên, Ô-tu-ây vẫn nhắc lại sự đánh giá của mình đối với phái Pin và lời chất vấn Pan-móc-xton. Pan-móc-xton, đúng như ông ta phải làm, đã khước từ không trả lời. Điều kiện giảng hòa, theo ý ông ta, đương nhiên tùy thuộc vào các diễn biến trong chiến tranh. Còn về phái Pin thì họ chỉ thương lượng với ông ta để điều kiện “nào đó”, mà ông ta không được nói ra, không trở thành *conditio sine qua non*^{1*} của việc giảng hòa. Khi trả lời Pan-móc-xton, Glát-xtôn tuyên bố

^{1*} - điều kiện tiên quyết

rằng ông ta chưa bao giờ đàm phán với Pan-móc-xton về điều kiện giảng hòa. Có lẽ bạn ông, Grê-hêm, đã hành động theo cách khác. Song, ông ta phản đối cung cách hành động của Pan-móc-xton: một mặt, đó là thái độ dè dặt quan cách quá đáng, mặt khác, là những chỉ thị ngấm ngấm, những sự ám chỉ lập lờ nước đôi và những lời nói nửa chừng. Hãy đề nghị các nói toạc ra hoặc hoàn toàn ngậm miệng. Glát-xtôn đã đưa ra cho Pan-móc-xton những lời răn bảo xứng đáng ấy với nỗi khổ tâm dịu hiền.

Chính phủ Pháp đã đưa ra, trên tờ “*Constitutionnel*” một *exposé*^{1*} mới về cách tiến hành chiến tranh trong những tháng tới. Những *exposés* như thế hiện nay không những đã trở thành cái mốt, mà còn mang tính chất định kỳ. Tuy chúng, về căn bản, mâu thuẫn nhau, nhưng vẫn có giá trị ở chỗ là chúng phơi bày ra “tất cả” những kế hoạch tác chiến “có thể có” của Lu-i Bô-na-pác-tơ chống lại nước Nga. Chúng có giá trị vì chúng chứng minh rằng các ảo tưởng của Bô-na-pác-tơ kế tiếp nhau tan vỡ. Kế hoạch thứ nhất là kế hoạch “*chiến tranh lớn*” trong sự liên minh với Áo, với 500 000 quân Áo và 100 000 quân Pháp ở sông Vi-xla và sông Đni-e-prơ. Kế hoạch này đặt quân đội Pháp ở vào địa vị phụ thuộc về mặt số lượng so với quân Áo, giống như địa vị của quân đội Anh hiện nay ở Crum so với quân Pháp. Kế hoạch này tạo cho nước Nga nắm thế chủ động cách mạng. Áo cự tuyệt tham chiến. Kế hoạch bị tan vỡ. Kế hoạch thứ hai là “*chiến tranh dân tộc*” - cuộc khởi nghĩa rộng khắp của “những người bị áp bức luôn hướng nhìn về phương Tây”. Kế hoạch này, một mặt gây cơn bão táp trong người Đức, người I-ta-li-a và người Hung-ga-ri, mặt khác, gây nên cuộc khởi nghĩa của người Xla-vơ. Bằng ảnh hưởng trở lại đối với nước Pháp, kế hoạch này làm cho Đế chế “thứ hai” có nguy cơ sụp đổ. “Con người sắt” già đã hoảng sợ rút lui. Kế hoạch đã tan vỡ. Hiện nay tất cả những điều đó đều đi vào dĩ vãng. Áo đã làm tròn nghĩa vụ của mình, Phổ đã làm tròn nghĩa vụ của mình, tất cả thế giới đã làm tròn nghĩa vụ của mình, và

^{1*} - bản trình bày

khiêm tốn nhất: - “*chiến tranh cục bộ vì những mục đích cục bộ*”. Quân đội Pháp chiến đấu ở Crum không phải vì vinh quang, họ chỉ làm nhiệm vụ cảnh sát ở đây. Vấn đề đòi hỏi giải quyết thì chỉ mang ý nghĩa thuần túy địa phương - *quyền bá chủ trên Hắc Hải* - và giải quyết nó ở đây, ngay tại chỗ. Đem lại cho chiến tranh qui mô lớn hơn sẽ là sự mất trí. Liên quân sẽ đẩy lùi “một cách lịch sự nhưng kiên quyết” mọi ý đồ kháng cự của quân Nga ở Hắc Hải, rồi họ hoặc quân Nga, hoặc cả hai bên sẽ đi đến giảng hòa. Những lời lẽ hùng tráng không để lại dấu vết, thậm chí những câu nói về nền văn minh cũng không còn nữa, chẳng còn gì hết, ngoài cuộc đấu tranh cho điều khoản thứ ba của nghị định thư Viên. Nhà tiên tri của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ chỉ rõ, *chiến tranh chỉ vì mục đích cục bộ có thể được tiến hành chỉ bằng những phương sách cục bộ*. Hãy chỉ tước quyền bá chủ của Nga trên Hắc Hải! Trong bản tin sau, chúng tôi sẽ vạch rõ, sau khi Bô-na-pác-tơ chuyển từ “chiến tranh lớn” sang “chiến tranh dân tộc”, rồi từ “chiến tranh dân tộc” sang “chiến tranh cục bộ vì những mục đích cục bộ được tiến hành bằng những phương sách cục bộ”, thì loại chiến tranh cuối cùng này đã trở thành điều “*phi lý*”.

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 16 tháng Sáu 1855

Đã đăng trên tờ “*Neue Oder-Zeitung*” số 279, ngày 19 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

LỜI CHÚC CỦA HOÀNG THÂN AN-BE.- THUẾ TEM ĐỐI VỚI BÁO CHÍ

Luân Đôn, ngày 18 tháng Sáu. Việc công bố bài diễn văn của hoàng thân An-be và lời đáp của Pan-móc-xton đã gây ra một số điều lạ lùng. Những lời phát biểu ấy vốn đọc vào thứ bảy, ngày 9 tháng Sáu, ở Tơ-ri-ni-ti-hau-xơ. Thứ hai, các báo chỉ tiện thể nhắc qua về bữa tiệc hàng năm của nghiệp đoàn Tơ-ri-ni-ti, không nói đến lời chào mừng của hoàng thân An-be. Chỉ mãi đến thứ tư, ngày 13 tháng Sáu, tờ “*Daily News*”, và đến thứ năm, ngày 14 tháng Sáu, tờ “*Times*” mới đăng toàn văn lời chào mừng và lời cảm tạ. Bây giờ mới rõ là việc đăng những bài phát biểu ấy là mảnh khóc của huân tước Pan-móc-xton định dựa vào nhà thiện tâm cao cả nhất để giành lấy tiếng tăm cho mình. Hoàng thân An-be đã buộc phải trả giá cho “sự tín nhiệm tuyệt đối” đối với vị tử tước cao quý, sự tín nhiệm mà hoàng thân kiên trì kêu gọi cả nước phải có đối với vị tử tước nọ. Phần lớn các tuần báo đã phản ứng ra sao đối với lời chào mừng của hoàng thân An-be, thì điều đó có thể phán đoán qua đoạn trích dưới đây trong tờ “*Reynolds*”¹⁸⁰. Tiện thể xin nói thêm rằng số lượng phát hành của tờ “*Reynolds*” là 2 496 256 bản. Sau khi đưa ra lời bình luận kỹ càng, tờ báo viết:

“Người thẩm tra cao cả nhất quả quyết rằng bất cứ nhược điểm nào, bất cứ khuyết điểm nào cũng đều bị lên án ngay tức khắc, mà thậm chí có khi còn bị thổi phồng với một *thái độ thỏa mãn bệnh hoạn*. Sự kiên nhẫn của nhân dân

Anh đã trở thành câu nói cửa miệng. Nhân dân Anh, giống như I-xát-sa-rơ, có thể được đem so sánh với con lừa mang hai gánh nặng: nạn cho vay nặng lãi và sự độc quyền về ruộng đất. Song, sự trách móc ấy của chồng nữ hoàng là sự lãng nhục thô bạo nhất, quái đản nhất mà người Anh phải chịu đựng. *Thái độ thỏa mãn bệnh hoạn!* Điều đó có nghĩa là nhân dân Anh đã có thái độ thỏa mãn bệnh hoạn khi chứng kiến nỗi đau khổ đáng sợ mà các binh sĩ anh hùng của chúng ta phải chịu đựng do sự phản bội và sự ngu xuẩn của giới quý tộc; thái độ thỏa mãn bệnh hoạn trước việc nước Áo lường gạt chúng ta; thái độ thỏa mãn bệnh hoạn trước việc lãng phí một cách thiếu suy nghĩ 40 000 000 pao xtéc-ling và 40 000 binh sĩ dũng cảm nhất đã bị hy sinh; thái độ thỏa mãn bệnh hoạn trước việc chúng ta đã gây ra sự không tin nhiệm của nước đồng minh mà tưởng như chúng ta giúp đỡ, và sự khinh bỉ của kẻ địch mà chúng ta định trừng phạt. Song, lời quở trách của hoàng thân không những thô bạo và có tính chất lãng nhục, đồng thời nó còn hết sức giả dối và mang tính chất vu khống. Dù sai lầm của nhân dân Anh ra sao - có Thượng đế chứng giám, những sai lầm ấy nhiều lắm - người Anh tuyệt nhiên không cảm thấy *thỏa mãn* trước nỗi đau khổ của binh sĩ và thủy binh của mình và trước nỗi nhục phủ lên danh dự dân tộc. Nhưng các nhân vật cao cả nhất gốc người Đức; bọn quý tộc phản bội và những môn khách đáng khinh bỉ và ghê tởm của họ lại là ngoại lệ... Đương nhiên, chúng ta sẵn sàng tin rằng bọn dâm đảng ăn không ngồi rồi và no nê phê phỡn, bọn lính nằm trên chăn dưới đệm khó bề hiểu được nỗi đau khổ và những sự nếm trái của những binh sĩ và lính thủy chân chính... Song, có một điểm chúng tôi đồng ý với vị chiến sĩ cao cả nhất: *chủ nghĩa lập hiến*, đó là sham^{1*} lớn nhất, đó là hình thức cai trị cực kỳ công kênh, tệ hại, bất công và vô dụng. Nhưng, vị hoàng thân nọ đã nhầm khi cho rằng ngoài chế độ chuyên chế, không có sự lựa chọn nào khác. Chúng tôi khuyên hoàng thân hãy nhớ lại rằng đã từng tồn tại hình thức chế độ cộng hòa - đó là con đường mà, có thể, dân tộc chúng ta sẽ lựa chọn; chúng tôi cảm thấy rằng công luận hiện nay ngày càng ngả về phái đó, rằng ngày càng gia tăng xu hướng ngả về chế độ cộng hòa, chứ không phải ngả về chế độ chuyên chế không hạn chế, mà vị hoàng thân hiểu chiến đang mong mỏi”.

Tờ “Reynolds” viết như thế đấy.

Đạo luật mới về *bỏ thuế tem đối với báo chí* đã được nữ

^{1*} - sự lừa bịp

hoàng phê chuẩn vào chủ nhật trước và có hiệu lực từ ngày 30 tháng Sáu. Theo đạo luật này thì thuế tem đối với báo chí chỉ đánh vào những số báo nào gửi qua bưu điện mà *không phải trả tiền*. Trong các nhật báo Luân Đôn chỉ có tờ “Morning Herald” đã tuyên bố giảm giá mỗi số báo từ 5 pen-ni xuống còn 4 pen-ni. Trái lại, trong số các tuần báo đã có nhiều tờ như “Lloyd’s”, “Reynolds”, “People’s Paper” và những tờ khác nữa đã tuyên bố hạ giá mỗi số từ 3 pen-ni xuống còn 2 pen-ni. Người ta đưa tin về việc xuất bản một tờ báo mới ở Luân Đôn, tờ “Courier and Telegraph”, có cùng một khổ với tờ “Times”, giá mỗi số là 2 pen-ni. Trong số những tuần báo mới với giá bán mỗi số 2 pen-ni và hiện đang xuất bản ở Luân Đôn có tờ “The Pilot” (báo Thiên chúa giáo); “Illustrated Time” và “Town and Country Paper” của ngài *Sác-lơ Nai-tơ*. Sau hết, các ông Uyn-lôt và Lét-gie tuyên bố rằng họ đã bắt đầu xuất bản ở Luân Đôn tờ Penny paper ra hàng tuần (tờ báo giá một pen-ni mỗi số)^{1*}. Nhưng những sự thay đổi quan trọng hơn, có liên quan đến việc bỏ thuế tem đối với báo chí, thì đã xảy ra trong báo chí các tỉnh. Chỉ riêng ở Gla-xgô sẽ xuất bản 4 tờ nhật báo mới với giá mỗi số một pen-ni. Ở Li-vóc-pun và Man-se-xtơ, những tờ báo trước đây mỗi tuần chỉ ra một hoặc hai kỳ thì nay đã đổi thành nhật báo, với giá mỗi số là 3, 2 và 1 pen-ni. Giải thoát báo chí các tỉnh khỏi sự khống chế của Luân Đôn, phi tập trung hóa nghề làm báo - trên thực tế đó là mục đích chủ yếu của trường phái Man-se-xtơ trong chiến dịch ngoan cường và lâu dài của họ chống thuế tem đối với báo chí.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung”
số 283, ngày 21 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

^{1*} - “Penny Times”

C.MÁC

MỘT CHÍNH SÁCH KỶ LẠ

Trong cuốn sách của mình “Đại hội Viên”, linh mục Đơ Prát đã lên án một cách có lý rằng Đại hội Khuên này - như bá tước Đơ Li-nơ đã gọi nó - đã đặt cơ sở cho sự thống trị của nước Nga ở châu Âu, hơn thế nữa lại còn phê chuẩn sự thống trị ấy.

“Như vậy là” - Đơ Prát thốt lên - “cuộc chiến tranh mà châu Âu tiến hành cho nền độc lập của mình chống lại nước Pháp đã kết thúc bằng sự lệ thuộc của châu Âu vào nước Nga. Có đáng bỏ ra bấy nhiêu công sức cho một kết quả như thế không!”¹⁸¹

Cuộc chiến tranh chống nước Pháp đồng thời là cuộc chiến tranh chống cách mạng, cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa Gia-cô-banh, dẫn tới chỗ - như người ta phải thấy trước - là trung tâm của ảnh hưởng chính trị chuyển từ phương Tây sang phương Đông, từ Pháp sang Nga. Đại hội Viên là sản phẩm tự nhiên của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa Gia-cô-banh. Hiệp ước Viên là thành quả hợp pháp của Đại hội Viên, còn sự thống trị của nước Nga là đưa con ngoài giá thú của Hiệp ước Viên. Vì vậy không thể cho phép các nhà văn Anh, Pháp và Đức dồn tất cả tội lỗi lên đầu nước Phổ, chỉ vì Phri-đrich - Vin-hem III, bằng sự trung thành mù quáng của mình đối với hoàng đế A-lếch-xan-đơ và bằng những chỉ thị dứt khoát gửi cho các đại biểu toàn quyền của mình phải ủng hộ nước Nga trên tất cả các vấn đề quan trọng, đã cản trở bộ ba ô nhục - Ca-xlê-ri, Mét-téc-ních và Ta-lây-răng - thực hiện những âm mưu bí mật của họ là lập một hàng rào lãnh thổ chắc

chắn chống lại sự xâm nhập của nước Nga để nhờ đó mà ngăn ngừa những hậu quả khó chịu, nhưng không tránh khỏi cái chế độ mà bản thân họ sốt sắng áp đặt lên châu Âu. Ngay cả hội đồng hồng y giáo chủ vốn không từ một thủ đoạn nào, cũng không thể giả mạo ra được lô-gích của các sự kiện.

Ưu thế áp đảo của Nga ở châu Âu không tách rời Hiệp ước Viên; cho nên bất cứ cuộc chiến tranh nào chống lại cường quốc này, nếu như ngay từ đầu không tuyên bố thủ tiêu hiệp ước ấy, đều không tránh khỏi biến thành một loạt những sự bịp bợm, lừa dối và câu kết bí mật. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh hiện nay được tiến hành không phải với mục đích xóa bỏ Hiệp ước Viên, nói đúng hơn, nó nhằm củng cố hiệp ước ấy bằng cách đưa thêm Thổ Nhĩ Kỳ vào nghị định thư năm 1815. Người ta hy vọng rằng triều đại nghìn năm của chế độ bảo thủ sẽ bắt đầu từ đó, và những cố gắng thống nhất của các chính phủ sẽ có thể chỉ nhằm “xoa dịu” giới tư tưởng châu Âu. Bản dịch dưới đây của mấy đoạn đáng chú ý rút trong tập sách nhỏ của vị nguyên soái Phổ Cnê-dê-béch, “Bị vong lục về thế cân bằng ở châu Âu, được soạn thảo trong thời gian họp Đại hội Viên”¹⁸² đã chứng tỏ rằng ngay trong thời gian Đại hội diễn ra, những người tham gia chính yếu của nó đã hiểu rất rõ rằng việc duy trì nước Thổ Nhĩ Kỳ cũng như việc chia xẻ Ba Lan, là một bộ phận không thể thiếu được của “chế độ” của họ.

“Người Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu! Người Thổ Nhĩ Kỳ gây cho các anh thiệt hại gì? Đây là một dân tộc mạnh và ngay thẳng; nếu các anh để họ yên ổn thì họ sẽ sống hòa bình nhiều thế kỷ, hoàn toàn có thể tin cậy họ được. Chẳng lẽ họ đã từng lừa dối các anh? Chẳng lẽ họ không thành thực và thẳng thắn trong chính sách của họ? Họ quả thực hiểu chiến và can đảm, nhưng xét về nhiều mặt, điều đó tốt và có lợi. Người Thổ Nhĩ Kỳ là cái bình phong tốt nhất chống lại sự xâm nhập của nhân khẩu thừa của châu Á và chính vì họ có lãnh thổ ở châu Âu mà họ cản trở mọi cuộc xâm nhập. Nếu đuổi họ khỏi châu Âu, bản thân họ sẽ xâm nhập. Hãy tạm giả định rằng họ bị đuổi đi. Sẽ xảy ra chuyện gì? Hoặc những đất đai ấy bị Nga hay Áo chiếm, hoặc ở đấy sẽ thành lập một Quốc gia Hy Lạp độc lập. Hay là các anh muốn làm cho nước Nga hùng mạnh hơn nữa chăng? Phải chăng

các anh muốn, ngay cả từ phía đó, đặt tên không lồ đề lên đầu, lên cổ mình chẳng? Nước Nga đã tiến từ sông Vôn-ga đến sông Ni-ê-man, từ sông Ni-ê-man đến sông Vi-xla và hiện nay chắc sẽ mở rộng thế lực của mình xa hơn nữa, đến sông Vác-ta, các anh thấy như thế còn ít sao? Nếu không phải như thế thì các anh định hướng lực lượng của Áo về phía châu Á và do đó làm yếu nó hoặc làm cho nó có thái độ lãnh đạm đối với việc duy trì địa vị cường quốc trung tâm của mình chống lại sự xâm phạm của phương Tây chẳng? Hãy nhớ lại, I-an Xô-bê-xki, Ô-gien Xa-voa và Mông-tê-cu-cu-li lúc sinh thời đã ở vào hoàn cảnh như thế nào. Phải chăng vì Pháp ban đầu giành được quyền thống trị đối với Đức, còn Áo thì thường xuyên buộc phải hướng lực lượng của mình vào cuộc đấu tranh chống châu Á? Các anh muốn đẩy Áo nhích gần lại với châu Á để khôi phục tình hình trước đây và tăng cường hơn nữa tình hình đó chẳng?

Nếu thế sẽ phải thành lập Quốc gia Hy Lạp hoặc Quốc gia Bi-dăng-xơ độc lập! Điều đó cải thiện tình hình châu Âu chẳng? Trong tình trạng bất lực mà dân tộc ấy” (dân tộc hy Lạp) “rơi vào châu Âu, ngược lại, có phải thường xuyên vũ trang để tự bảo vệ mình chống lại người Thổ Nhĩ Kỳ trong trường hợp họ quay trở lại, hay không? Do ảnh hưởng của Nga đối với Hy Lạp nhờ dựa vào tôn giáo, mậu dịch và tiền tài, Hy Lạp có đơn thuần biến thành thuộc địa của Nga không? Tốt hơn hết là, nơi nào có người Thổ Nhĩ Kỳ thì hãy để cho họ yên ổn, chớ nên khuấy động các lực lượng hiếu động khi nó đang ngủ.

“Nhưng mà”, - các nhà từ thiện có thiện chí thốt lên - “ở đó người ta đối xử thậm tệ với con người! Bọn đã man cư trú ở những nơi đẹp đẽ nhất trên trái đất, kể cả A-ten Cổ và Xpác-tơ!”

Bạn của tôi ơi, tất cả điều đó có thể đúng thật: ở đây người ta đang bóp nghẹt con người, hoặc thời gian gần đây người ta đã bóp nghẹt con người; nhưng ở các nước khác, con người cũng bị đánh đập bằng gậy, bằng cành cây, bằng roi và bị đem bán đi. Trước khi thay đổi cái gì đó, hãy nghĩ xem, liệu tình hình có nhờ thế mà tốt hơn không. Liệu ngọn đòn đánh bằng gậy và cành cây cùng với sự phẫn nộ của người Hy Lạp có dễ chịu hơn dây bện bằng lụa và các sắc lệnh của người Thổ Nhĩ Kỳ không? Trước hết cần chấm dứt tất cả những cái đó cùng với việc mua bán nô lệ ở châu Âu và thôi đừng buồn phiền về sự đã man của người Thổ Nhĩ Kỳ; trong sự đã man của họ ẩn giấu sức mạnh, tin ngưỡng của họ đem lại cho họ sự dũng cảm. Còn chúng ta cần có sức mạnh và sự dũng

cảm để có thể bình tĩnh quan sát xem người Nga đang tiến về sông Vác-ta như thế nào.

Do đó người Thổ Nhĩ Kỳ phải được bảo tồn, còn người Ba Lan phải biến đi với tư cách một dân tộc! Không thể nào khác thế được.

Tất cả những cái gì có sức mạnh để đứng vững, đều phải được sinh tồn, còn tất cả cái gì thối nát thì phải diệt vong. Cuộc sống là như vậy. Hãy để cho mỗi người tự hỏi mình xem tình hình sẽ như thế nào nếu như người Ba Lan, với mọi đặc điểm vốn có của họ, vẫn tồn tại như một dân tộc độc lập. Tệ say rượu, tham ăn, xu nịnh, thái độ khinh miệt đối với tất cả những gì ưu tú và đối với tất cả các dân tộc khác, thái độ chế giễu khinh bỉ mọi trật tự và qui tắc, sự phung phí, thói phóng đãng, dễ bị mua chuộc, gian xảo, bịp bợm, thói vô đạo đức, từ giới cung đình cho đến giới nghèo - đây là hoàn cảnh tự nhiên trong đó người Ba Lan sống. Vì những cái đó, anh ta hát những bài hát của mình, chơi vĩ cầm hoặc ghi-ta, hôn người yêu và uống rượu bằng chiếc hải nhô của cô ta, tuốt kiếm, vê bộ ria của mình, nhảy lên ngựa đi chiến đấu chống Đuy-mi-ri-ê và Bô-na-pác-tơ hoặc bất kỳ một kẻ nào khác, uống quá chén rượu Vốt-ca và rượu pân-sơ, đánh lộn với bạn và thù, đối xử tồi tệ với vợ và nông nô của mình, bán tài sản của mình, ra nước ngoài, làm xáo động cả nửa thế giới và thề với bọn Cô-xtiu-scô và Pô-ni-a-tốp-xki rằng Ba Lan không diệt vong - điều đó cũng đúng sự thật như chuyện anh ta là người Ba Lan.

Đây là cái mà anh ủng hộ khi anh yêu cầu phục hưng Ba Lan.

Một dân tộc như thế có đáng tồn tại độc lập không? Một dân tộc như thế là chín muồi để hưởng hiến pháp không? Bất cứ bản hiến pháp nào cũng đều bao hàm quan niệm về trật tự vì nó chỉ điều tiết và vạch ra cho mỗi thành viên xã hội vị trí dành cho anh ta; nhằm mục đích đó, nó qui định quốc gia phải gồm những tầng lớp nào và xác định cho mỗi tầng lớp vị trí, địa vị xã hội, tổ chức, quyền lợi và nghĩa vụ của họ, cũng như xác định phương hướng hoạt động của bộ máy nhà nước và đường lối cơ bản của việc quản lý quốc gia. Nhưng làm sao quản lý được một dân tộc khi mà không ai muốn có trật tự cả? Một trong những ông vua Ba Lan (Vtê-phan Ba-tô-ri) đã có lần thốt lên: “Người Ba Lan! Các người sở dĩ tồn tại được không phải nhờ trật tự - các người không thừa nhận nó, - không phải nhờ chính phủ, - các người không tôn trọng nó, - mà chỉ nhờ gặp may!”

Tình hình đó cứ tiếp tục cho đến nay. Vô kỷ cương, vô đạo đức là hoàn cảnh tự nhiên của người Ba Lan. Không, tốt hơn hãy để cho dân tộc ấy chịu đựng

những đòn đánh bằng gậy. Đây là ý muốn của Thượng đế! Chỉ có Thượng đế mới biết rõ cái gì có ích cho con người!

Cho nên, hiện nay hãy đá đảo người Ba Lan!”

Cuộc chiến tranh hiện nay - một cuộc chiến tranh tiến hành nhằm mục đích mở rộng và củng cố Hiệp ước Viên năm 1815 - xem ra phải thực hiện ý định của lão nguyên soái Cnê-dê-béch. Trong suốt thời kỳ Phục tich và nền Quân chủ thánh Bày ở Pháp đã ngự trị ảo tưởng cho rằng tuồng như chủ nghĩa Na-pô-lê-ông có nghĩa là sự xóa bỏ Hiệp ước Viên là Hiệp ước đã chính thức đặt châu Âu dưới quyền bảo hộ của Nga, còn đặt Pháp dưới “surveillance publique”^{1*} của châu Âu. Hiện nay, kẻ đang bắt chước bác mình và bị dày vò bởi ý nghĩ về sự trở trêu khắc nghiệt của tình cảnh bi thảm của mình, đang chứng minh với thế giới rằng chủ nghĩa Na-pô-lê-ông có nghĩa là chiến tranh *không phải để giải thoát* nước Pháp khỏi Hiệp ước Viên, mà *là để* làm cho Thổ Nhĩ Kỳ *phục tùng* Hiệp ước ấy. Chiến tranh được tiến hành để duy trì Hiệp ước Viên, nhưng với cái cớ là làm yếu sự hùng mạnh của Nga!

Đây là “idée napoléonienn”^{2*} chân chính theo sự giải thích của con người Pa-ri đã làm nó sống lại ấy. Là đồng minh tự hào của Na-pô-lê-ông thứ hai, người Anh dĩ nhiên cho rằng mình có thể đối xử với những châm ngôn của Na-pô-lê-ông I, giống như cháu ông ta đối xử với tư tưởng của ông ta. Vì vậy không nên ngạc nhiên khi đọc thấy một tác giả Anh hiện đại (Đan-lốp)¹⁸³ viết rằng tuồng như Na-pô-lê-ông đã tiên đoán rằng cuộc đấu tranh sắp tới chống nước Nga sẽ đặt ra một vấn đề lớn, - châu Âu phải trở thành “châu Âu lập hiến hay là châu Âu Cô-dắc”. Trước khi có sự ra đời của đế quốc thời kỳ suy tàn, người ta có thói quen cho rằng Na-pô-lê-ông đã tuyên bố: “châu Âu phải trở thành châu Âu cộng hòa hay là châu Âu Cô-dắc”. Song, người ta phải học suốt đời.

^{1*} - “sự giám sát công cộng”

^{2*} - “tư tưởng Na-pô-lê-ông”

Vì tờ “Tribune” ca tụng không đầy đủ Hiệp ước Viên và “chế độ” châu Âu dựa trên cơ sở Hiệp ước ấy; nó đã bị buộc tội là phản bội sự nghiệp tự do và nhân quyền!

Do C.Mác viết ngày 9 tháng Sáu 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New York Daily Tribune" số 4437, ngày 10 tháng Bảy 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN TRANH CỤC BỘ. - NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH. - BÁO CÁO CỦA ỦY BAN RÔ-BÁC

Luân Đôn, ngày 20 tháng Sáu. *Chiến tranh cục bộ* mà Bô-na-pác-tơ tuyên bố trên tờ “Constitutionnel” là cuộc chiến tranh trên Hắc Hải, và mục đích của nó là tiêu diệt suprématie^{1*} của Nga tuồng như tồn tại trên Hắc Hải, suprématie, tiện đây xin nói luôn, chưa bao giờ được chứng minh trên biển, ngay cả đối với người Thổ Nhĩ Kỳ. Tình hình bây giờ ra sao? Một mặt, toàn bộ bờ biển từ Công-xtăng-ti-nô-pơ đến Đa-nuýp, và mặt khác, vùng bờ biển Séc-kê-xi từ Ba-la-cla-va đến Ép-pa-tô-ri đều đã chiếm được của quân Nga. Hiện chỉ còn Ca-pha và Xê-va-xtô-pôn còn đứng vững; Ca-pha đang ở vào tình thế khó khăn, còn Xê-va-xtô-pôn, do vị trí của nó, khi bị uy hiếp nghiêm trọng thì cũng buộc phải rút bỏ. Hơn nữa, hạm đội liên quân đang rẽ sóng trên biển nội địa A-dốp, các tàu chiến nhẹ của họ tiến đến tận Ta-gan-róc và bắn phá tất cả các địa điểm trọng yếu trên bờ biển. Không còn một đoạn bờ biển nào nằm trong tay quân Nga, trừ một khúc từ Pê-rê-cốp đến Đa-nuýp, bằng khoảng 1/15 khu vực trước kia thuộc họ trên bờ biển này. Giả định rằng Ca-pha và Xê-va-xtô-pôn cũng thất thủ và Crum nằm trong tay liên quân, bây giờ sẽ ra sao? Nước Nga, như nó đã tuyên bố, sẽ không ký hòa ước. Làm như thế là mất

^{1*} - ưu thế, sự vượt trội

trí. Điều đó sẽ có nghĩa là từ bỏ chiến đấu, chỉ vì đội tiền vệ bị đánh lui, đúng vào lúc chủ lực đang kéo đến. Vậy liên quân còn biết làm gì nữa? Người ta nói với chúng tôi rằng họ có thể phá hủy Ô-đét-xa, Khéc-xôn, Ni-cô-la-ép. Họ có thể tiến lên xa nữa, đổ bộ một đạo quân lớn lên Ô-đét-xa, củng cố nó ở đó để đẩy lùi cuộc tấn công mãnh liệt của bất cứ số lượng binh lực nào của quân Nga, rồi sẽ tùy tình hình mà hành động. Ngoài ra, họ có thể phái quân đội đến Cáp-ca-dơ, tiêu diệt đạo quân Nga đóng giữ Gru-di-a và các lãnh địa khác ở Nam Cáp-ca-dơ (do tướng Mu-ra-vi-ép chỉ huy) và cắt đứt đế quốc Nga khỏi những lãnh địa Nam Á của nó. Nếu như Nga vẫn không ký hòa ước? Nga không thể ký hòa ước, chừng nào quân địch còn ở trên lãnh thổ của nó. Suốt 150 năm nay, Nga chưa lần nào ký kết một hòa ước khiến cho nó mất một cái gì đó. Thậm chí Hòa ước Tin-dít cũng đưa tới mở rộng lãnh thổ của nó, mà hòa ước ấy được ký kết khi chưa có một người Pháp nào đặt chân lên đất Nga. A-lếch-xan-đơ II vừa mới lên ngôi sẽ không phiêu lưu làm cái việc nguy hiểm ngay cả đối với Ni-cô-lai. Ông ta không thể đột nhiên phá bỏ truyền thống của đế chế. Giả định rằng Crum bị chiếm và trên lãnh thổ của nó có bố trí một đạo quân 50 000 người, Cáp-ca-dơ và toàn bộ các lãnh địa ở phía nam đều đã quét sạch quân Nga, liên quân tìm được quân Nga ở Cu-ban và Tê-rêch, Ô-đét-xa thì bị chiếm và biến thành thành lũy với một đạo quân 100 000 người, còn Ni-cô-la-ép, Khéc-xôn, I-xmai bị liên quân phá hủy hoặc chiếm lĩnh. Sau đó, liệu liên quân có chỉ hạn chế ở việc giữ vững trận địa của mình và đặt hy vọng vào sự mệt mỏi của quân Nga hay không? Bệnh tật sẽ cướp đi binh sĩ của liên quân ở Crum và Cáp-ca-dơ nhanh hơn là số lực lượng được bổ sung đến. Chủ lực của liên quân tập trung ở Ô-đét-xa sẽ phải nhờ hạm đội tiếp tế, vì ruộng đất xung quanh Ô-đét-xa ở cự ly một trăm dặm chẳng trồng trọt gì cả. Với mọi ý đồ vượt ra ngoài phạm vi doanh trại, liên quân đều sẽ bị quân Nga, trước hết là lính Cô-dắc, tấn công. Không thể buộc quân Nga ứng chiến. Quân Nga bao giờ cũng có lợi thế là có thể như địch vào sâu nội địa. Đối với mọi cuộc tấn công của liên quân, họ đều đối phó bằng cuộc rút lui chậm chạp. Trong khi đó

không thể nào giữ một đạo quân lớn nằm im trong dinh lũy trong một thời gian dài. Bệnh tật và sự phát triển dần của hiện tượng thiếu kỷ luật và mất tinh thần sẽ buộc liên quân phải có những hành động kiên quyết. Do đó, vấn đề không phải là chiếm các địa điểm trọng yếu trên bờ biển, rồi ngồi chờ cho đến khi người Nga cảm thấy cần nhượng bộ. Xét cả trên góc độ quân sự, điều đó cũng sai lầm. Muốn không chế vùng duyên hải mà chỉ chiếm các địa điểm trọng yếu của nó thì chưa đủ. Chỉ có việc chiếm lĩnh nội địa mới bảo đảm được việc chiếm lĩnh vùng duyên hải. Sau khi liên quân đứng vững bên bờ biển Nam Nga, tình thế sẽ buộc họ đưa quân của mình tiến sâu vào nội địa. Nhưng ở đây bắt đầu có những khó khăn. Khu vực kéo dài đến địa giới các tỉnh Pô-đôn-xcơ, Ki-ép, Pôn-ta-va và Khác-cốp, ruộng đất được tưới nước kém, hầu như là một thảo nguyên không canh tác mà trên đó không có cây gì mọc được, trừ cỏ dại, mà ngay cỏ dại cũng bị ánh nắng mặt trời làm cho khô héo. Giả định rằng Ô-đét-xa, Ni-cô-la-ép và Khéc-xôn sẽ biến thành căn cứ tác chiến, nhưng đâu là *mục tiêu* tác chiến mà liên quân có thể hướng các cố gắng của mình vào đó? Mục tiêu đó chỉ có thể là Mát-xcơ-va ở cách xa 700 dặm, mà muốn tiến quân đến đó cần có một đạo quân 500 000 người. Những cuộc tiến quân ấy đòi hỏi không những sự trung lập nghiêm chỉnh, mà còn cần có sự ủng hộ về tinh thần của Áo. Nhưng hiện nay cường quốc ấy đứng về phía nào? Năm 1854, Phổ và Áo tuyên bố rằng họ sẽ coi cuộc tiến quân của quân Nga vào Ban-căng như là *casus belli*^{1*}. Tại sao không thể giả định rằng năm 1856 hai nước ấy sẽ coi cuộc tấn công của người Pháp vào Mát-xcơ-va, hoặc thậm chí vào Khác-cốp là cái cớ để gây chiến tranh? Không giây phút nào được quên rằng bất cứ đạo quân nào tiến từ Hắc Hải vào nội địa nước Nga đều bị hờ sườn từ phía Áo, chẳng khác nào quân Nga tiến từ Đa-nuýp vào Thổ Nhĩ Kỳ; do đó, ở một cự ly nhất định, tuyến giao thông của nó và căn cứ tác chiến của nó, nghĩa là bản thân sự tồn tại của nó, sẽ bị phụ thuộc vào lòng nhân từ của Áo. Trong điều kiện đó, liệu liên quân có thể diên

^{1*} - cái cớ gây chiến

rò truy kích quân Nga vào sâu nội địa ư? Đây là sự điên rồ, sự điên rồ thuần túy, nhưng nó là hậu quả tất nhiên của kế hoạch cuối cùng của Bô-na-pác-tơ - kế hoạch “tiến hành chiến tranh cục bộ”. Phép biện chứng nghiệt ngã dẫn tới chỗ là “chiến tranh cục bộ” trên tất cả các địa điểm, đều vượt xa các ranh giới địa phương được qui định cho nó và biến thành cuộc chiến tranh “lớn”, nhưng lại không có các tiền đề, điều kiện và phương tiện cho một cuộc chiến tranh lớn. Nhưng “kế hoạch” cuối cùng của Bô-na-pác-tơ vẫn có ý nghĩa. Nó là sự thừa nhận rằng trên vũ đài phải xuất hiện các lực lượng khác để tiến hành chiến tranh chống Nga, rằng để chế phục tích đã nhận thức được sự bất lực của nó, buộc nó tiến hành cuộc chiến tranh chống Nga trong phạm vi cục bộ, một cuộc chiến tranh chỉ có thể được tiến hành trong phạm vi châu Âu. Tất cả những sự biến hóa ly kỳ mà *idees napoléoniennes*^{1*} đã trải qua trong cái để chế phục tích ấy đều bị lấn lướt bởi sự biến hóa cuộc chiến tranh chống Nga của Na-pô-lê-ông thành “chiến tranh cục bộ”.

Trong *cuộc tranh luận về vấn đề cải cách hành chính*, được tiếp tục tới hôm nay, tu chính án do Bun-vơ thay mặt đảng To-ri đưa ra đã làm cho chính phủ có thể đánh bại những người ủng hộ cải cách hành chính với đa số phiếu là 7 phiếu thuận trên 1 phiếu chống. Nhìn chung, đặc điểm của cuộc tranh luận là *tính chất quan lại nhỏ nhặt* mà nó không một giây phút nào vươn cao hơn được. Những tình tiết về sự sùng ái và thói nâng đỡ cánh hầu, những sự bàn luận về “cuộc thi ưu tú nhất”, những cơn lôi đình về vấn đề coi thường công lao - tất cả những điều đó đều nhỏ mọn và vô nghĩa lý. Có thể nghĩ rằng ta đang nghe đơn kiện của một viên chức lâm nghiệp nhỏ gửi lên một hội đồng nội các đáng kính. Thậm chí A-bóc-din in petto^{2*} cũng tán thành cải cách chế độ quan liêu, như ông Glát-xtôn đã khẳng định. Đốc-bi cũng thế, Đi-xtra-e-li quả quyết như vậy. Nội các của tôi cũng không chịu kém, Pan-móc-xton thề thốt như vậy. Do đó, các ngài ở Xi-ti không

^{1*} - các tư tưởng của Na-pô-lê-ông

^{2*} - trong lòng

cần chuẩn bị ra quân để cải cách, giáo dục, cải tổ bàn giấy của chúng ta. Chớ có lo phiền làm gì!

Trong phong trào cổ động trước đây của mình, giai cấp tư sản Anh đã làm cho tập đoàn cầm quyền bị bất ngờ và lôi cuốn được quần chúng làm đội đồng ca, bởi vì trong cương lĩnh của mình, giai cấp tư sản đã đi xa hơn mục tiêu thực tế của họ. Lần này, trong cương lĩnh của mình, họ không dám vươn cao, thậm chí ngay cả đến mức độ mục tiêu thực tế. Các anh hết người nọ đến người kia thuyết phục chúng tôi rằng không muốn đập tan quý tộc, mà chỉ muốn đoàn kết với chúng tôi tu sửa bộ máy chính phủ! Very well!^{1*} Thịnh tình đáp lại thịnh tình! Bản thân chúng tôi cải cách ngành hành chính cho các anh, dĩ nhiên là không vi phạm những giới hạn truyền thống của nó. Các anh quả quyết rằng “cải cách hành chính” không phải là vấn đề tranh luận giữa các giai cấp, rằng vấn đề bàn đến chỉ là “công việc thực tế”, về những cải cách “đầy thiện chí”. Chúng tôi muốn rằng, để làm bằng chứng thứ nhất cho thiện chí của các anh, hãy để cho chúng tôi tự mình định ra những chi tiết của cải cách hành chính, bởi vì vấn đề chỉ là nói về các chi tiết. Chúng tôi thấy rõ hơn, chúng tôi có thể đi xa đến đâu mà không làm thiệt hại giai cấp chúng tôi, không do sơ suất mà biến cải cách hành chính thành vấn đề tranh luận giữa các giai cấp và không làm cho nó mất tính chất nhân ái. Giai cấp tư sản, khi tán thành cải cách, đã buộc phải làm ra vẻ tin vào ngôn ngữ chiêm biếm ấy của bonhomie^{2*} quý tộc, vì bản thân nó đã nói với quần chúng bằng thứ ngôn ngữ giả dối. Quý tộc, nội các và phe đối lập, đảng To-ri và đảng Vích không một giây phút nào nhằm lẫn trong vấn đề quan hệ giữa những người ủng hộ cải cách hành chính với quần chúng. Họ biết rằng phong trào cơ động ấy đã kết thúc bằng sự phá sản trước khi đi vào nghị viện. Và lại, liệu họ có thể hiểu lầm không? Mặc dù Hội cải cách hành chính chỉ cho những người được lựa chọn tham gia cuộc mít-tinh ở Đru-ri - Lên, mặc dù đám thánh giả của nó đã được sàng lọc hai ba lần, song sự sợ hãi của nó về khả năng có một đề án

^{1*} - Rất tốt

^{2*} - ý định tốt đẹp

dân chủ nào đó hoặc về một lời phát biểu nào đó không được ghi trong chương trình vẫn tỏ ra mạnh đến mức trước khi khai mạc cuộc mít-tinh, ông chủ tịch đã tuyên bố: công chúng tham dự ở đây chỉ để “nghe những lời phát biểu của các diễn giả đã được công bố trong chương trình”, sẽ không đưa ra biểu quyết bất cứ “đề án” nào, “do đó không thể đưa ra một tu chính án nào” và cũng không thể đưa ra “bất cứ sự bổ sung nào vào danh sách các diễn giả đã đăng ký”. Công tác cổ động *như thế*, dĩ nhiên đã không thể tác động đến tập đoàn thống trị Anh ngoan cố và không thể buộc nó nhượng bộ.

Trong *báo cáo của ủy ban Rô-bác* đọc tối hôm kia tại hạ nghị viện, những vấn đề gay go được che đậy bằng những câu nói dài dòng rỗng tuếch. Bản báo cáo đã khiến trách rụt rè các ngành như pháo binh, quân nhu, quân y v.v.. Nó chỉ trích Pan-móc-xton về việc quản lý đội dân binh và chỉ trích toàn thể nội các liên hiệp về sự khinh suất điên rồ trong việc tiến hành cuộc viễn chinh Xê-va-xtô-pôn. Vì ủy ban trong khi thẩm vấn các nhân chứng đã tìm mọi cách lẩn tránh đào tìm những nguyên nhân đích thực của những thất bại ghê gớm, nên đương nhiên, trong báo cáo nó buộc phải luôn luôn ngập ngừng giữa việc chỉ trích, dưới hình thức hoàn toàn chung chung, các lãnh tụ chính trị và sa vào các chi tiết trong việc kết tội những người đóng vai thi hành. Nhìn chung, ủy ban này đã hoàn thành nhiệm vụ của mình với tư cách là cái van an toàn làm giảm áp lực của sự công phẫn trong xã hội.

Các tờ nhật báo, đã thốt lên những tiếng kêu bất bình về “vụ sát nhân phản trắc” mà quân Nga tiến hành ở Gan-ghê. Tuy nhiên, tờ “Morning Chronicle” thừa nhận rằng người Anh đã lợi dụng tàu mang cờ trắng để đo chiều sâu của biển và hoạt động gián điệp ở gần trận địa quân Nga - chẳng hạn, xung quanh Xê-va-xtô-pôn và Ô-đét-xa.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết 20 tháng Sáu 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” số 287, ngày 23 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng trên trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

**TIN TỨC VỀ VIỆC CHIẾM XÊ-VA-XTÔ-PÔN. -
 TIN TỨC TỪ SỞ GIAO DỊCH PA-RI. - CUỘC
 TRANH LUẬN TẠI THƯỢNG NGHỊ VIỆN VỀ
 TỘI ÁC Ở GAN-GHÊ¹⁸⁴**

Luân Đôn, ngày 22 tháng Sáu. Màn thứ hai của vở “Xô-nam-bu-la”¹⁸⁵ vừa kết thúc, tấm màn của rạp hát Đru-ri - Lên vừa hạ xuống thì đột nhiên tiếng trống đánh mạnh gọi công chúng đang kéo lên căng-tin trở về phòng lớn. Màn lại kéo lên, giám đốc rạp hát tiến lên sân khấu và nói với giọng quá xúc động không được tự nhiên:

“Thưa quý bà và quý ông! Tôi hết sức vinh hạnh thông báo để quý ngài biết một tin quan trọng: *Liên quân đã chiếm được Xê-va-xtô-pôn*”.

Sự sôi nổi và niềm hân hoan phổ biến, những tiếng hô “hoan hô!”, “muôn năm!”, một trận mưa hoa. Dàn nhạc hợp tấu cất tiếng, và công chúng đồng thanh hát những bài “God save the Queen”, “Rule Britannia” và “Partant pour la Syrie”¹⁸⁶. Từ trên tầng cao vang lên tiếng hô “La Marseillaise!”^{1*}, nhưng không được hưởng ứng. Sáng tác ứng khẩu của viên giám đốc rạp hát là dựa trên một tin điện, trong đó tuyệt nhiên không nói đến việc chiếm Xê-va-xtô-pôn, mà nói về trận càn quét của quân Pháp vào đòi Ma-la-khốp và của quân Anh vào Rê-đan được tiến hành ngày 18 tháng Sáu, đều bị đánh lui với những thiệt hại lớn. Tối hôm qua,

^{1*} - “Mác-xây-e”

trên sân khấu của rạp hát Đru-ri - Lên, diễn viên này đã bắt chước người điều khiển một vở khác, người này, khoảng một năm trước đây, trong tiến trình của một cuộc duyệt binh lớn¹⁸⁷ đã cấp thời sáng tác ra một câu nói bất ngờ và không sao quên được: “Messieurs, Sevastopol est pris!”^{1*}.

Sự ngoan cố khó hiểu của Pê-li-xi-ê khi tiếp tục tiêu diệt lực lượng của liên quân trong các cuộc tấn công đơn phương vào phía Nam rõ ràng được giải thích bởi những lý do có tính chất không phải là *quân sự* mà là *tài chính*. Mọi người đều biết Bô-na-pác-tơ đã phát hành hàng tỉ kỳ phiếu để chiếm Xê-va-xtô-pôn và đã buộc dân tộc Pháp thanh toán những kỳ phiếu ấy. Ông ta còn định phát hành thêm 800 triệu kỳ phiếu hoặc khoảng con số đó. Do đó, việc thanh toán để trang trải cho xong số kỳ phiếu đang lưu hành tỏ ra rất cần thiết, và nếu việc vượt sông Đen hứa hẹn *những kết quả thực tế* thì cuộc tấn công vào phía Nam Xê-va-xtô-pôn báo trước *cái vẻ ngoài của thắng lợi huy hoàng*. “Xê-va-xtô-pôn thất thủ” sẽ ảnh hưởng có lợi cho triển vọng nhận được khoản công trái mới và nếu vì chiến tranh mà phát hành công trái, thì tại sao lại không vì công trái mà tiến hành chiến tranh! Trước những luận cứ như vậy, mọi sự phê phán về phương diện khoa học - quân sự đều phải nín lặng. Nói chung, giữa chiến tranh ở Crum và sở giao dịch Pa-ri có mối liên hệ bí ẩn. Như mọi người đều biết, cũng như tất cả con đường đều dẫn đến La Mã, tất cả các dây điện đều hội tụ ở Tuyn-lơ-ri, nơi đây tất cả chúng kết thúc bằng “bí mật của nội các”. Người ta nhận thấy rằng những tin điện quan trọng nhất được công bố ở Pa-ri chậm hơn ở Luân Đôn mấy giờ. Nghe nói, trong mấy giờ ấy, một người Coóc-xi-ca nào đó có tên gọi là *Oóc-si* đã hoạt động ráo riết ở sở giao dịch Pa-ri. Nhân vật Oóc-si này, điều này thì ở Luân Đôn ai nấy đều biết, trước kia là đại diện “thiên phú” của con người bị trục xuất^{2*} hồi ấy tại sở giao dịch Luân Đôn.

Nếu các bức điện khẩn của đô đốc Đơ-đa-xơ, mà nội các Anh đã công bố, chứng minh rằng không hề có sự lạm dụng nào của

^{1*} - “Thưa các ngài, Xê-va-xtô-pôn đã bị chiếm!”

^{2*} - Lu-i Bô-na-pác-tơ

các sĩ quan hoặc đoàn thủy thủ trên chiếc thuyền do tàu “Cô-dắc” phái đi trong việc sử dụng cờ đàm phán - những sự lạm dụng này có thể tạo cơ cho hành động tàn bạo của người Nga ở Gan-ghê, thì câu chuyện trình bày của tờ “Người tàn tật Nga”¹⁸⁸ sẽ không để lại sự hoài nghi nào về vấn đề ấy. Rõ ràng là người Nga không ngờ rằng một thủy thủ, tên là Giôn Brau-nơ, đã sống sót từ đáy trở về và có thể đưa ra những chứng cứ bác lại họ. Do đó, tờ “Người tàn tật” cảm thấy sẽ là thừa nếu lên án tàu Anh hoạt động gián tiếp, do chiều sâu của biên v.v., nên đã vội vã dựng lên câu chuyện của mình vì nó đã cùng với linh mục Xi-ây-ét tin rằng “người chết thì không nói được”. Hôm qua thượng nghị viện đã thảo luận sự việc ấy. Song, chúng tôi không thể đồng ý với lời khẳng định của tờ “Times” cho rằng “cái thượng nghị viện ấy, do thói quen và xuất phát từ nguyên tắc, bao giờ cũng rất mực bình thản và đứng đắn” lần này đã mất tự chủ thực sự để lộ ra sự công phần cực độ của mình. Chúng tôi thấy rằng trên lời nói thì giả vờ công phần, còn trên thực tế thì quan tâm nhiệt thành đến “danh dự nước Nga” và lo sợ khiếm nhục sự trả thù của dân tộc. Bộ trưởng ngoại giao thuộc đảng To-ri, bá tước Man-mơ-xbê-ri, đứng lên, trình bày vấn đề thực chất của vấn đề, rồi thốt lên:

“Tôi lần lượt nhớ lại toàn bộ lịch sử nước Anh và không thể tìm ra được một tiền lệ nào về sự tàn bạo như thế. Trong tình hình đó, chính phủ định thi hành những biện pháp gì? Đối với từng sĩ quan và từng quân đội ở châu Âu, điều đặc biệt quan trọng là trường hợp này phải được truy cứu cặn kẽ, còn những kẻ phạm tội ác đó phải bị trừng phạt đích đáng”.

Cla-ren-đôn, bộ trưởng ngoại giao thuộc đảng Vích tuyên bố chia xẻ “sự công phần” của các đồng sự của mình. Hành động bạo lực kinh khủng và không gì so sánh được ấy trái ngược với những phương pháp và những tập quán của các dân tộc văn minh đến mức có thể nghĩ rằng kẻ thi hành tội ác ấy không thể hành động theo mệnh lệnh hoặc được sự cho phép của cấp trên của hắn. Có thể là viên chỉ huy 500 quân Nga ấy không phải là commissioned officier^{1*} (tất cả các sĩ quan Anh cho đến cấp trung úy đều có

^{1*} - sĩ quan có giấy chứng nhận quân hàm sĩ quan

commission^{1*}, nhưng thượng sĩ và hạ sĩ quan thì không có). Do đó, hoàn toàn có thể là Chính phủ Nga không đồng ý hành động ấy. Vì thế, ông đã ủy thác cho đại sứ Anh ở Cô-pen-ha-ghen thông qua viên công sứ Đan Mạch ở Pê-téc-bua truyền đạt cho Chính phủ Nga biết rằng Chính phủ Anh rất nóng lòng chờ đợi được biết Chính phủ Nga đã thi hành hoặc dự định thi hành những biện pháp gì để tỏ thái độ của mình đối với hành động, có lẽ, không gây ra sự ngạc nhiên nào nếu xảy ra trên một hòn đảo dã man nào đó ở Thái Bình Dương, nhưng không thể ngờ lại xảy ra ở châu Âu văn minh; hành động ấy, nếu thủ phạm của nó không bị Chính phủ Nga trừng trị nghiêm khắc và thích đáng, sẽ đòi hỏi sự trấn áp khắc nghiệt nhất. Nội các Anh, - Cla-ren-đôn kết thúc phát biểu - chờ đợi lời tuyên bố của phía Nga để có biện pháp tiếp theo thích ứng với lời tuyên bố ấy.

Huân tước Côn-tréc-tơ cho rằng:

“trong mỗi trường hợp như thế, chức trách của người chỉ huy là liên hệ trực tiếp với cấp cao của quân Nga mà ông ta có thể liên hệ được nhờ có người đi đàm phán mang cờ trắng, để trình bày sự việc và đòi lên án sự tàn bạo ấy”.

Huân tước Man-mơ-xbê-ri phát biểu lần thứ hai và tuyên bố rằng nói chung ông ta đồng ý với hành động của chính phủ, nhưng cảm thấy rùng mình khi nghe thấy Cla-ren-đôn nói đến chữ “trấn áp”. Về phần mình, Anh không thể hành động theo phương pháp của quân Nga. Cần trừng phạt Nga hoàng về mặt đạo đức, kêu gọi tất cả các triều đình châu Âu gửi kháng nghị cho triều đình Pê-téc-bua và qua đó tuyên bố bản án quốc tế đối với nước Nga. Tất cả những cái gì mang tính chất “trả thù” sẽ chỉ làm tăng thêm sự “ghê tởm” của dư luận xã hội. Chủ tịch danh nghĩa của nội các Anh, bá tước Gran-vin nhiệt liệt hưởng ứng lời phát biểu của đảng To-ri và cầu nguyện theo kiểu tín đồ Cơ Đốc giáo: “Không được có một sự trả thù nào!”

Như tờ “Times” phát biểu, những biểu hiện của sự bất bình cực độ ấy của thượng nghị viện nói lên cái gì? Đảng To-ri chứa chan sự phẫn nộ về mặt đạo đức, đã đưa ra lời chất vấn. Đảng Vích còn tức giận ghê hơn, nhưng đồng thời lại ngầm gợi ý với

^{1*} - giấy chứng nhận

Chính phủ Nga những lý do bào chữa và chỉ ra cho chính phủ ấy lối thoát: phủ nhận và đưa một sĩ quan cấp dưới nào đó ra làm vật hy sinh. Ông ta lầu bầu về những hành động trấn áp “có thể có” để che đậy sự rút lui của ông ta, Huân tước Côn-tréc-to muốn trừng phạt quân Nga về việc tấn công tàn bạo vào người đi đàm phán mang cờ trắng, bằng cách cử một người đàm phán khác mang cờ trắng. Bấy giờ đảng viên To-ri lại phát biểu và chuyển từ trấn áp sang kêu gọi đạo lý. Đảng viên Vích phấn khởi về khả năng từ bỏ thủ đoạn trấn áp, dù chỉ mới là trên khả năng thôi, phụ họa với đảng viên To-ri: “No retaliation!”^{1*}. Chỉ toàn là sự hài hước! Thượng nghị viện đứng xen vào giữa sự công phần của nhân dân và nước Nga để yếm hộ cho nước Nga. Vị quý tộc duy nhất đã thôi sấm vai của mình là *Brum*. “Nếu đất nước đã từng có lúc nào kêu gọi đổ máu - ông nói - thì chính là vào lúc này”. Còn về tính nhạy cảm của Anh đối với “trấn áp”, “jus talionis”^{2*}, thì huân tước Man-mơ-xbê-ri, khi lục lợi lịch sử nước Anh, rõ ràng là đã bỏ qua các trang về Ai-rơ-len, Ấn Độ và Bắc Mỹ trong lịch sử đó! Tập đoàn thống trị Anh đã đa cảm như thế với nước Nga khi nào nhỉ?

Trong báo cáo của ủy ban Rô-bác đọc tại nghị viện, đoạn cuối, đoạn mà Rô-bác đề nghị và ủy ban đã biểu quyết thông qua, đã biến mất một cách lạ lùng. Đoạn ấy viết:

“Tất cả những gì được suy tính hoặc thi hành không có sự hiểu biết thích đáng về tình hình đều được thực hiện thiếu sự cẩn thận và đề phòng đầy đủ. Cách hành động đó của chính phủ là nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân đầu tiên của mọi tai họa đã xảy ra đối với quân đội của chúng ta ở Crum”.

*Do C.Mác viết ngày 22 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” các số 289 và 290, ngày 25 và 26 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu*

^{1*} - “không được có sự trả thù!”

^{2*} - “quyền trả đũa”

C.MÁC

THẤT BẠI NGÀY 18 THÁNG SÁU. - QUÂN TẶNG VIỆN

Luân Đôn, ngày 23 tháng Sáu. Ngày kỷ niệm trận Oa-téc-lô¹⁸⁹ - 18 tháng Sáu lần này được cử hành dĩ nhiên không phải ở Luân Đôn. Người ta dự định cử hành ngày đó ở Crum bằng một thắng lợi giành được không phải *chống* mà là *cùng* với quân Pháp. Sự kiện đó càng lý thú vì Ra-glan, *famulus*^{1*} của Oen-linh-ton, đã chỉ huy, dù bằng cách nào đi nữa cũng là theo lệnh của một trong số các viên tướng của Na-pô-lê-ông III. Tên gọi của thông báo ấy đã được chuẩn bị xong xuôi, điều tai hại chỉ là ở cái sự kiện mà bản thông báo ấy phải làm cho bất hủ. Trong lịch sử của đế chế phục tịch, không thể không thừa nhận thái độ thiên vị tai hại khi người ta ra sức làm sống lại những ngày vĩ đại của Empire^{2*} bằng cách khẳng định các thành tích và phủ nhận các thất bại thông qua sự tái bản có sửa chữa. Sự tái sinh một cách vẻ vang những ngày vĩ đại của Na-pô-lê-ông, cho tới nay vẫn thực hiện được trong cuộc đấu tranh chống nền cộng hòa, thì nay đã phá sản trong cuộc đấu tranh với kẻ thù bên ngoài. Còn empire không có thắng lợi của Empire lại giống cái việc cải biến vai Hăm-lét của Sếch-xpia, trong đó không những thiếu cái vẻ buồn bã của vị hoàng tử Đan Mạch, mà còn thiếu ngay cả bản thân hoàng tử Đan Mạch nữa¹⁹⁰. Từ Pa-ri người ta đã ấn định trước chiến công vĩ đại ở Crum vào

^{1*} - người hầu

^{2*} - Đế quốc

ngày 2 tháng Chạp 1854. Chiến công không đạt được vì mưa nhiều và thiếu đạn dược. Ngày 18 tháng Sáu 1855, người ta dự định diễn lại ở gần Xê-va-xtô-pôn trận Oa-téc-lô theo kịch bản có sửa chữa và với một kết cục khác. Nhưng thay vào đó, quân đội Anh - Pháp đã gánh chịu một *thất bại nghiêm trọng đầu tiên*.

Luân Đôn buồn bã, các loại chứng khoán có giá bị sụt giá, và trong một ngày Pan-móc-xton đã mất đi cái mà ông ta bảo đảm giành được trong mấy tháng trời nhờ một sách lược rất khéo léo. Trận thất bại xảy ra ngày 18 tháng Sáu; mãi đến ngày 22 tháng Sáu người ta mới được biết đến những bức điện báo tin này. Thử năm trước, tờ báo chính thức “Globe”¹⁹¹, theo chỉ thị của Pan-móc-xton, đã tuyên bố rằng: “không xảy ra việc gì nghiêm trọng”. Cũng ngày hôm ấy, tại phiên họp buổi tối của hạ nghị viện, Pan-móc-xton trình trọng xác nhận lời cam đoan đó. Còn bây giờ người ta đã xác định rằng ông ta đã nhận được bức điện vào thứ tư, ngày 20 tháng Sáu, vào lúc 4 giờ chiều. Tờ “Leader” khẳng định rằng sở dĩ có sự chậm trễ là do Pa-ri khẩn khoản yêu cầu, mà ở đây thì thất bại trên chiến trường lại biến thành sự thành đạt ở sở giao dịch. Dù sao thì cockney^{1*} cũng rất tức giận Pan-móc-xton. Thua trận - điều đó đã đủ tồi lắm rồi. Nhưng nhờ sự giao quyết của các bộ trưởng mà trở thành kẻ đã tham gia những đợt hoan hô nức cười ở rạp hát Đru-ri-Lên và Cô-ven-Gác-đơn để chúc mừng việc chiếm được Xê-va-xtô-pôn thì điều đó this is too bad, sir!^{2*}

Chúng tôi đã chuẩn bị đầy đủ cho bạn đọc thấy rằng sự cố chấp của Pê-li-xi-ê đòi thực hiện kỳ được cuộc cường tập vào phía Nam đã báo trước thất bại của liên quân. Khi ông ta nắm quyền chỉ huy, chúng tôi cũng đã vạch ra một tình huống khiến người ta có thể thông cảm là tình trạng thiếu phương tiện vận tải đã gây trở ngại nhiều cho Pê-li-xi-ê trong hoạt động đã chiến¹⁹². Hiện nay,

^{1*} - coóc-ni (tầng lớp tiểu thị dân Luân Đôn)

^{2*} - quá quắt lắm, thưa ngài!

cả hai tình huống ấy đều được báo chí Anh chứng thực. Chẳng hạn, tờ “Morning Herald” số ra hôm nay viết:

“Quân đội *không thể* tiến quân - như nó phải làm theo mọi qui tắc chiến lược, để tiêu diệt đội quân hỗ trợ ở Xim-phê-rô-pôn. Nó không thể hành quân vì những *kẻ đào mỏ chủ yếu* - đó là sự cầu thả và chậm chạp vốn có của các nhà đương cục - cũng đã thực hiện công tác phá hoại của chúng ngay cả ở đây, và đáng lẽ cần 28 000 súc vật kéo xe thì chúng ta chỉ nhận được khoảng 4 000 - 5 000 con; tất cả những cái đó xảy ra đúng vào lúc mà bệnh tật lại xâm nhập vào doanh trại vốn đã chứa chất vi trùng sốt rét, tả và dịch hạch. Tình trạng không thể tiến lên ấy - giống như tình hình đã xảy ra ở Vác-na và Thung lũng chết - là nguyên nhân làm cho các tướng lĩnh của chúng ta buộc phải ngày này qua ngày khác giết hại sinh mạng của binh sĩ chúng ta trong những cuộc tấn công tuyệt vọng vào các công sự bằng đất hầu như không thể đánh chiếm được, trong khi đội quân anh dũng đáng lẽ phải hành quân thì lại ngồi bất động ở gần sông Đen không có kỵ binh và không có phương tiện vận tải”.

Thái độ tặc trách cực độ của nội các, vào lúc cuộc chiến tranh bắt đầu nổ ra, trong việc sử dụng các khoản tiền trao cho nó, lại được chứng minh bởi bản báo cáo tài chính vừa mới công bố. Theo báo cáo chính thức ấy, trong số tiền cấp phát cho quân đội, tính đến ngày 1 tháng Giêng 1854 trong quỹ còn 1 835 882 p.xt., còn số tiền chi tiêu cho quân đội tính đến ngày 1 tháng Tư 1854 chỉ có tất cả là 2 270 000 pao xtéc-linh, như thế là đã chi vào việc tuyển tân binh chưa đầy 3/4 số tiền mà nghị viện đã biểu quyết. Theo báo cáo của ủy ban Rô-bác thì vì sao quân đội bị tiêu diệt? - Vì bị mệt mỏi quá mức. Còn nguyên nhân của sự mệt mỏi quá mức ấy? - Vì số lượng ít. Như báo cáo tài chính đã chứng minh, số lượng quân đội ít là kết quả của âm mưu của nội các. Thế mà hoàng thân An-be lại còn than phiền rằng nữ hoàng không có được quân đội! Rằng nội các bị bó tay! Cuộc tranh luận về đề án của Lây-ác đã phơi bày bức tranh cho thấy rõ là chính cái nội các than phiền về việc thiếu phương tiện vận tải ấy lại đồng thời đã cử các tàu vận tải đi qua Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ đến Poóc-xmút để chở than ở đây, hoặc cử tàu vận tải từ Clai-đơ đến Li-vóc-pun

và từ Đép-tơ-phoóc đến Vu-li-giơ để chịu sự kiểm soát của Surveyor^{1*}.

Thất bại ngày 18 tháng Sáu đòi hỏi cấp tốc gửi *quân tăng viện*. Do đó, hôm qua đã có lệnh cho trung đoàn bộ binh từ số 15 từ Xây-lan trở về không lâu phải lập tức xuống tàu; trung đoàn bộ binh nhẹ hoàng gia số 51, các trung đoàn bộ binh số 80 và 94, tất cả các phân đội dự định sử dụng ở Ấn Độ gồm các đại đội hậu bị và 1 200 kỵ binh, phải ra ngay chiến trường. Người ta đã gửi điện đến Mác-xây ra lệnh cấp tốc điều các tàu chạy bằng hơi nước cho các thống sứ ở Man-tơ, Gi-bran-ta và Lord High Commissioner^{2*} trên quần đảo I-ô-niêng sử dụng, để chuyển trên những tàu ấy tất cả những người còn phục vụ được không những thuộc biên chế quân đồn trú mà cả những người thuộc đơn vị hậu bị của lữ đoàn cận vệ và tất cả những tiểu đoàn hậu bị có thể điều đi mà không ảnh hưởng gì, ngay *trước khi* các trung đoàn và các đơn vị dân binh tới thay thế. Sẽ lập tức điều từ Gi-bran-ta trung đoàn bộ binh nhẹ số 13; từ quần đảo I-ô-niêng điều trung đoàn bộ binh số 31; từ đảo Coóc-phu điều trung đoàn bộ binh số 48 và từ Gi-bran-ta điều các trung đoàn bộ binh số 54, 66 và trung đoàn miền núi Xcôt-len số 92. Như thế là lực lượng của Anh ở Crum tăng thêm trên 13 000 người. Cần tính thêm vào đó 4 đại đội pháo dã chiến, một đội kỵ pháo và các đơn vị tăng viện cho đội pháo công thành - tất cả những đơn vị ấy đã chuẩn bị đầy đủ và chỉ còn chờ tàu vận tải. Tuy vậy, Anh vẫn ở vào tình trạng giống như năm 1854. Nó không có đội quân dự bị. Tệ hơn nữa. Năm 1854, như báo cáo của ủy ban Rô-bác khẳng định, Pan-móc-xton cản trở việc thành lập đội dân binh và trì hoãn thi hành biện pháp này, còn năm 1855 thì ông ta hầu như đã giải tán đội dân binh đã được thành lập. Qua các tài liệu dẫn ra trên đây có thể thấy rằng số quân tăng viện bao gồm không những khối lượng cơ bản của quân đội; nó còn bao gồm cả các tiểu đoàn hậu bị và thành phần chỉ huy. Do đó nước Anh giống như nhân vật người rừng dã man

^{1*} - thanh tra viên về các tàu bè đi biển

^{2*} - cao ủy

trong tác phẩm của Mông-te-xki-ơ, anh ta đã chặt cây để lấy quả của nó. Một đất nước có ý thức tiết kiệm *par excellence*^{1*} lại đã tiêu sài số vốn quân sự của mình, chứ không phải số lãi. Đây là kết quả của mảnh lời của nội các mà hoàng thân An-be yêu cầu phải tuyệt đối tín nhiệm nó! Không có gì sai lầm hơn là ý kiến lưu truyền rộng rãi trên lục địa cho rằng tuồng như Anh quá ư nghèo nàn về nhân lực nên không thể cung cấp được một quân đội. Năm 1815 sau cuộc chiến tranh hai mươi hai năm, Anh có trên 350 000 người trong lực lượng vũ trang! Nhưng nội các cố tình coi thường hai biện pháp: tăng lương cho quân thường trực và chế độ rút thăm đối với dân binh! Người ta còn có thể trông mong gì ở một vị thủ tướng mà các khoản nợ của ông ta đã được nữ công tước Li-ven trả giúp vào năm 1827, còn đến năm 1830 đã được bà ta đưa lên làm bộ trưởng ngoại giao, một vị thủ tướng đã dùng Hiệp ước Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi để bảo đảm quyền thống trị 8 năm của Nga đối với Thổ Nhĩ Kỳ và một tuần lễ trước khi Hiệp ước Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi hết hạn lại tái lập quyền thống trị ấy trong bản hiệp ước về Đắc-đa-nen¹⁹³.

Hôm qua, *Rô-bác* tuyên bố tại hạ nghị viện rằng ngày 3 tháng Bảy (thứ ba, sau một tuần) ông ta sẽ đưa ra đề án sau:

“Nghị viện đau buồn sâu sắc trước những nỗi đau khổ của quân đội ở Crum trong chiến dịch mùa đông, đồng ý với bản báo cáo của ủy ban của mình khẳng định rằng phương thức hành động của chính phủ là nguyên nhân đầu tiên và chủ yếu gây ra những tai họa mà quân đội phải gánh chịu, do đó nghị viện tuyên bố khiển trách nghiêm khắc *tất cả các thành viên của nội các* ấy vì những lời cổ vãn của họ đã dẫn đến những kết quả bi thảm như vậy”.

Đề án của Rô-bác như thế là bao gồm, một cách hữu ý, cả Pan-móc-xton, Rót-xen, Cla-ren-đôn, Gran-vin và Lan-xdao-nơ vừa là thành viên của nội các hiện nay, vừa là thành viên của nội các trước. Vị luật sư chính cống bé nhỏ ấy, cay độc, trông giống như Téc-xi-tơ, nhưng có kinh nghiệm và nắm vững sách lược nghị viện, đã buộc phải đưa ra đề án ấy, vì cử tri của Rô-bác ở Sép-phin

^{1*} - tột bậc, với nghĩa đích thực của từ này

đã đe dọa ông ta, con người mà thứ ba đã từng lên án Pan-móc-xton, vậy mà đến thứ năm thì bỏ phiếu tín nhiệm vẫn cái ông Pan-móc-xton ấy, bằng cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm trong cuộc mít-tinh quần chúng. Sự can thiệp đen đui của hoàng thân An-be vào quan hệ giữa nội các và nghị viện, sự thách thức của hoàng thân đối với chủ quyền của nghị viện là nguyên nhân thứ hai dẫn đến đề án này, một đề án đe dọa làm cho nữ hoàng mất đi “những đầy tớ tin cẩn”.

Lần sau chúng tôi sẽ bàn đến những hoạt động và mưu mô gần đây của *những kẻ ủng hộ cải cách hành chính*, cũng như về những âm mưu của những người thuộc phái giáo hội.

*Do C.Mác viết ngày 23 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 219, ngày 26 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

*** PHONG TRÀO CHỐNG GIÁO HỘI. - BIỂU TÌNH TẠI CÔNG VIÊN HẦY-ĐƠ**

Luân Đôn, ngày 25 tháng Sáu. Chân lý lâu đời, đã được lịch sử chứng minh, cho biết rằng các lực lượng xã hội lỗi thời - những lực lượng trên danh nghĩa còn mang tất cả dấu hiệu của quyền lực, tuy cơ sở tồn tại của nó đã mục nát từ lâu, và đang sống lay lắt trong khi đó, ngay trước khi có sự công bố cái chết của nó và công bố di chúc, thì những kẻ kế thừa đã tranh cãi nhau về tài sản thừa kế - các lực lượng ấy còn giãy giụa lần cuối cùng trong cơn hấp hối, chuyển từ phòng ngự sang tấn công, đáng lẽ lần tránh đấu tranh thì lại đích thân gây ra đấu tranh hòng rút ra những kết luận cực đoan nhất từ những tiền đề không những đã bị đặt thành vấn đề nghi hoặc, mà còn bị lịch sử lên án từ lâu. Tập đoàn thống trị Anh hiện đang hành động như thế đấy. Người chị em sinh đôi của nó - *giáo hội* - cũng hành động như thế. Giáo hội quốc giáo Anh, cấp “thượng đẳng” cũng như giới “hạ đẳng”, biết bao lần định cải tổ nội bộ, định giảm xếp sự bất đồng với các tín đồ phi quốc giáo¹⁹⁴, để nhờ đó mà đối chọi lại đám quần chúng vô đạo bằng một lực lượng rắn chắc, người ta hiện đang thi hành nhanh chóng và liên tiếp một loạt biện pháp cưỡng bức tôn giáo. Bá tước Xêp-xbe-ri ngoan đạo, trước đây người ta gọi là huân tước Ê-sli, đã xót xa nhận xét trong thượng nghị viện rằng chỉ riêng ở Anh đã có 5 triệu người hoàn toàn rời bỏ không những giáo hội, mà rời bỏ cả Cơ Đốc giáo. Giáo hội quốc giáo trả

lời rằng: “Compelle intrare”^{1*}. Nó trao cho huân tước Ê-sli và những tín đồ phi quốc giáo, những nhân vật thần thánh có đầu óc bè phái và loạn trí giống như vị huân tước kia làm cái việc lấy hạt dẻ trong lửa ra cho nó.

Biện pháp cưỡng bức tôn giáo đầu tiên của giáo hội là Beer Bill^{2*} cấm mở cửa mọi nơi giải trí công cộng vào chủ nhật, trừ khoảng thời gian từ 6 đến 10 giờ tối. Luật này được lên lút thông qua vào cuối một phiên họp, trong khi nghị viện hầu như trống rỗng, sau khi các ngài ngoan đạo đã mua chuộc được sự ủng hộ của các ông chủ tiệm bia lớn ở Luân Đôn bằng lời hứa hẹn kéo dài hiệu lực của chế độ bằng phát minh sáng chế, nghĩa là hứa hẹn duy trì tư thế độc quyền của đại tư bản. Tiếp theo là Sunday Trading Bill^{3*} hiện đã được hạ nghị viện thông qua sau lần thảo luận thứ ba và một số điều khoản của nó vừa mới được thảo luận trong tiểu ban¹⁹⁵ nghị viện. Biện pháp cưỡng bức mới này cũng được sự ủng hộ của đại tư bản vì chỉ có các hiệu buôn nhỏ mở cửa ngày chủ nhật, còn các cửa hàng lớn bao giờ cũng sẵn sàng, thông qua nghị viện, loại trừ sự cạnh tranh của các hiệu nhỏ vào những ngày chủ nhật. Trong cả hai trường hợp chúng ta đều thấy âm mưu chung của giáo hội với tư bản lũng đoạn và trong cả hai trường hợp các đạo luật trừng phạt tôn giáo đều nhằm chống lại các giai cấp bên dưới để lương tâm các giai cấp bên trên được yên ổn. *Beer Bill* cũng ít động chạm đến hoạt động của các câu lạc bộ quý tộc cũng như *Sunday Trading Bill* không đụng chạm đến các hoạt động chủ nhật của các giai cấp hưởng đặc quyền. Giai cấp công nhân lĩnh lương vào tối thứ bảy. Do đó, hoạt động buôn bán vào chủ nhật chỉ phục vụ họ, chỉ mình họ phải mua những thứ lặt vặt vào chủ nhật. Cho nên luật mới chỉ đánh vào họ. Thế kỷ XVIII, quý tộc Pháp nói rằng: Vôn-te là để cho chúng ta, còn lễ cầu kinh và thuế đầu mẩu là để cho dân chúng. Thế kỷ XIX, quý tộc Anh nói: những câu nói giả nhân giả nghĩa

^{1*} - “Hãy thuyết phục người ta vào” (câu nói trong Phúc âm)

^{2*} - “Luật về bia”

^{3*} - “Luật cấm buôn bán ngày chủ nhật”

là để cho chúng ta, sự nghiệp Cơ Đốc giáo là để cho dân chúng. Các vị thánh cổ điển của đạo Cơ Đốc hành xác *minh* để cứu vớt linh hồn quần chúng; các vị thánh hiện đại, có học thức, thì hành hạ *thể xác quần chúng* để cứu vớt linh hồn mình.

Sự liên minh ấy giữa giai cấp quý tộc trụy lạc, đồi bại, ham muốn hưởng lạc, với giáo hội, một thứ liên minh tìm được chỗ dựa trong những tính toán bản thiêu về những khoản lợi nhuận của bọn chủ hiệu bia lớn và bọn thương nhân lũng đoạn, - đã gây ra, vào hôm qua ở Công viên Hây-đơ, một cuộc *biểu tình quần chúng lớn* mà Luân Đôn chưa từng thấy kể từ ngày qua đời của Gioóc-giơ IV, “vị trượng phu số một của châu Âu”. Chúng tôi đã quan sát cuộc biểu tình ấy từ đầu chí cuối và nghĩ rằng nếu nói *cách mạng Anh đã bắt đầu hôm qua ở Công viên Hây-đơ*, thì cũng không có gì là phóng đại cả. Những tin tức gần đây từ Crum đã có tác dụng chất men ảnh hưởng quan trọng đến cuộc biểu tình “*phi nghị viện*”, “*bên ngoài nghị viện*” và “*chống nghị viện*” ấy.

Huân tước Rô-bóc Grô-vơ-nơ, người thảo ra đạo luật cấm buôn bán vào chủ nhật đã đáp lại như sau trước sự chê trách rằng đạo luật của ông ta chỉ chống người nghèo, chứ không chống người giàu:

“Quý tộc đã tự kiềm chế rất nhiều, không để cho đầy tớ và ngựa của họ phải lao động quá sức vào chủ nhật”.

Cuối tuần trước, trên tất cả các bức tường ở Luân Đôn đều thấy dán biểu ngữ in với cỡ chữ lớn, do *phái Hiến chương* đưa ra:

“*Luật chủ nhật mới* cấm đọc báo, cạo râu, hút thuốc, uống, ăn và tất cả những hình thức ăn uống và nghỉ ngơi về thể chất và tinh thần mà *người nghèo* hiện nay còn được hưởng. Chủ nhật, sau bữa trưa, tại công viên Hây-đơ sẽ có cuộc *mít-tinh ở ngoài trời* của những thợ thủ công, công nhân và những đại biểu khác của “*tầng lớp bên dưới*” của thủ đô, để thấy rõ quý tộc đã thành kính tuân thủ những điều khuyên răn về ngày nghỉ như thế nào, để thấy rõ nó đã chăm lo như thế nào để đầy tớ và ngựa không phải lao động quá mệt trong ngày đó - hãy tham khảo lời phát biểu của huân tước Grô-vơ-nơ. Cuộc mít-tinh họp vào 3 giờ, bên hữu ngân Xéc-pen-ti-nơ” (con sông con trong Công viên Hây-đơ), “trên đường đi đến Khu

vườn Ken-sinh-ton. Xin mời đến dự và mang theo vợ con để họ có thể học hỏi ở tấm gương mà các “giai cấp thượng đẳng” nêu cho họ!

Cần thấy rõ một điều là, cũng như khu *Lông-săng* đối với người Pa-ri, đối với những đại biểu của *haute volée*^{1*} Anh, con đường trong Công viên Hây-đơ chạy dọc theo con sông con Xéc-pen-ti-nơ là nơi mà sau bữa ăn trưa nhất là vào các chủ nhật, họ trưng bày những chiếc xe ngựa và đồ trang sức lộng lẫy của mình và phóng ngựa với vô số đầy tớ theo hầu. Qua tấm biểu ngữ nêu ở trên kia có thể thấy rằng cuộc đấu tranh chống bọn tăng lữ cũng mang một tính chất như bất cứ cuộc đấu tranh quan trọng nào ở Anh, - tính chất một cuộc *đấu tranh giai cấp* của người nghèo chống người giàu, của nhân dân chống quý tộc, của các giai cấp “hạ đẳng” chống các giai cấp “thượng đẳng”.

Vào ba giờ chiều, khoảng 50 000 người đã tập hợp ở địa điểm nói trên, ở phía hữu ngạn sông Xéc-pen-ti-nơ, trên bãi cỏ rộng của Công viên Hây-đơ. Dần dần số người tập hợp tăng lên ít ra đến 200 000 nhờ có những làn sóng người ở tả ngạn kéo sang. Có thể trông thấy từng nhóm ít người bị xô đẩy từ chỗ này sang chỗ khác. Một số đông cảnh sát có mặt rõ ràng là có ý định tước đoạt của những người tổ chức cuộc mít-tinh, điều mà Ác-si-mét đòi phải có để lật ngược thế giới - điếm tỵ. Cuối cùng một đám người đông hơn đứng vững ở một chỗ, và một thành viên phái Hiến chương là ông *Blai* xuất hiện, với tư cách chủ tịch, ở trên một mô đất cao hơn, ở giữa đám người ấy. Nhưng ông ta vừa bắt đầu phát biểu thì viên thanh tra cảnh sát Ban-xơ, cầm đầu 40 tên cảnh sát, khua dùi cui tuyên bố với ông ta rằng công viên là tài sản riêng của *nhà vua* và không được tổ chức mít-tinh ở đây. *Pourparlers*^{2*} ngắn bắt đầu, bấy giờ *Blai* định chứng minh rằng công viên là tài sản công cộng, nhưng để đáp lại Ban-xơ tuyên bố rằng hẳn được lệnh bắt *Blai* nếu ông này cứ khẳng khẳng thực

^{1*} - tầng lớp trên

^{2*} - Cuộc thương lượng

hiện ý định của mình. Sau đó *Blai* đã thét lên giữa những tiếng ồn ào phẫn nộ của quần chúng:

“Cảnh sát của nữ hoàng tuyên bố rằng Công viên Hây-đơ là tài sản riêng của nữ hoàng và nữ hoàng không muốn cho nhân dân mượn đất của mình để họp mít-tinh. Vì vậy chúng ta sẽ đến Chợ Ốc-xphốt”.

Đám đông vừa hô một cách chậm biêm: “God save the Queen!”^{1*} vừa tản ra đi theo những con đường khác nhau để đến Chợ Ốc-xphốt. Nhưng lúc bấy giờ *Phin-len*, một ủy viên của Ban chấp hành phái Hiến chương¹⁹⁶, bỏ nhào đến một gốc cây ở xa. Quần chúng đi theo ông, trong nháy mắt, đã vây xung quanh ông thành một vòng tròn kín mít, đến nỗi cảnh sát phải bỏ ý định lao đến chỗ ông.

“Người ta áp bức chúng ta 6 ngày trong một tuần” - ông nói - “còn nghị viện muốn cướp của chúng ta tí chút tự do trong ngày thứ bảy. Tập đoàn thống trị và bọn tư bản đồng lõa với bọn mục sư với những con mắt trợn trừng muốn *chước tội* của chúng đã tàn sát một cách vô lương tâm những người con của nhân dân, đưa họ đi hy sinh ở Crum, nhưng *chước tội* không phải bằng cái giá của chúng mà là bằng cái giá mà chúng ta phải gánh chịu”.

Chúng ta hãy để mặc nhóm người này để đến gần một nhóm khác, nơi đây tác giả nằm sóng soài trên mặt đất đang nói chuyện với thính giả của mình trong tư thế nằm ngang ấy. Đột nhiên từ bốn phía vang lên những tiếng kêu: “Ra đường cái, đến chỗ có các xe ngựa!”. Lúc ấy mọi người bắt đầu bật ra tiếng cười chế nhạo có tính chất lảng nhục đối với bọn đi trên xe ngựa và cười ngựa. Cảnh sát, luôn được tăng viện từ thành phố, đuổi đám đông đang dạo chơi ra khỏi đường cái. Thế là họ làm cho ở hai bên đường cái, trên một khoảng cách chừng 15 phút đi bộ, từ Áp-xli-hau-đơ đi qua Rốt-ten-rau dọc theo bờ sông Xéc-pen-ti-nơ cho đến tận vườn Ken-sinh-ton, chật ních những hàng người. Công chúng chừng 2/3 là công nhân và một phần ba là đại biểu của giai cấp tư sản, tất cả đều mang theo vợ con. Lần này thì các diễn viên bắt đắc dĩ, các phu nhân và thân sĩ lịch thiệp, những hạ nghị

^{1*} - “Thượng đế phù hộ nữ hoàng”

sĩ và thượng nghị sĩ trong những chiếc xe ngựa cao và đẹp có đám đầy tớ mặc đồng phục tiền hô hậu ứng, các ngài cao niên cười ngựa sôi nổi nhờ rượu vang không còn nghĩ đến chuyện phô trương giàu sang nữa. Họ phải chạy qua đám đông dày đặc. Cả một dòng thác những từ ngữ châm biếm, kích động, lảng nhục, mà không một ngôn ngữ nào lại phong phú các từ ngữ ấy như ngôn ngữ Anh, lập tức từ hai phía phả vào họ. Vì buổi hòa nhạc này là do ngẫu hứng, nên thiếu nhạc cụ. Do đó, những người tham gia hợp xướng phải lợi dụng mọi khả năng của bản thân và chỉ hạn chế ở hình thức thanh nhạc. Một dàn hợp xướng quý quái đã hình thành bởi sự kết hợp những tiếng cười lớn, tiếng la ó, tiếng huýt sáo, tiếng hét khản cổ, tiếng dậm chân, tiếng lầu bầu, tiếng gậm thét, tiếng kêu the thé, tiếng rên rỉ, tiếng hò hét, tiếng khóc lóc, tiếng nghiêng răng! Đây là một thứ âm nhạc có thể làm cho con người mất trí và thậm chí làm cho đá bị xúc động. Một sự hỗn hợp lạ lùng giữa tính hài hước chân chính ngàn xưa của người Anh và sự căm phẫn sôi sục bị kìm hãm từ lâu: “Go to the church!” (“Hãy đến nhà thờ!”) là tiếng hô duy nhất rõ ràng có thể phân biệt được. Một vị phu nhân nào đó, để trấn an tinh thần đã thò từ trong xe ngựa ra cuốn prayer book (sách cầu nguyện) đóng rất đẹp. “Give it to read to your horses!” (Hãy đưa cho các con ngựa của các người đọc cái đó!) - hàng ngàn tiếng trả lời vang như sấm động. Mỗi lần ngựa hoảng sợ rướn thẳng người lên, đá hậu, chạy lồng lên đe dọa sinh mạng của thứ hàng hóa lịch sử, chớ trên xe thì những tiếng cười chế nhạo càng rõ lên to hơn, mạnh hơn và khắc nghiệt hơn. Các huân tước và phu nhân cao quý trong đó có nữ bá tước Gran-vin, vợ của vị bộ trưởng kiêm chủ tịch Hội đồng cơ mật, đã buộc phải xuống xe ngựa và sử dụng đến đôi chân của mình. Khi các vị trượng phu đáng kính, mà y phục của họ, đặc biệt là những chiếc mũ rộng vành của họ chứng tỏ rằng họ đặc biệt làm ra vẻ ngoan đạo, cười ngựa đi qua, thì tất cả những tiếng thét căm phẫn, tuồng như theo lệnh chỉ huy, đã biến thành tiếng cười rõ không sao kìm hãm được. Một trong những vị trượng phu ấy đã không chịu đựng nổi nữa. Giống như Mê-phi-xtơ-phê-le-xơ, hắn có một điệu bộ khác thường - thè lưỡi

ra về phía kẻ địch. “He is a word - catcher, a parliamentary man! He fights with his own weapons” (“Hắn là thằng khoác lác, một nghị sĩ, hắn chiến đấu bằng vũ khí của hắn!”) - từ một phía bên đường vang lên những lời như thế. “He is a Saint! He is psalm singing!” (“Hắn là ông thánh, hắn đang hát thánh ca!”) - từ bên kia đường vọng lại những câu đó. Bấy giờ theo đường điện báo của thành phố người ta thông tri cho tất cả các đồn cảnh sát rằng ở Công viên Hây-đơ nổ ra bạo động và hạ lệnh cho họ tiến ra chiến trường. Một lát sau, các đội cảnh sát lần lượt nối tiếp nhau điểu qua hai hàng rào người từ Áp-xli-hau-đơ đến Khu vườn Ken-sinh-ton, mỗi lần đều được đón tiếp bằng câu dân ca:

“Where are gone the geese?

Ask the police!”

(“Những con ngỗng đi đâu mất rồi?

Xin hãy hỏi cảnh sát thôi!”)

ám chỉ việc một tên cảnh sát đã ăn cắp ngỗng cách đây không lâu ở Cléc-ken-oen mà ai cũng biết. Vỡ kịch ấy kéo dài ba tiếng đồng hồ. Chỉ có những lá phổi của người Anh mới đạt được chiến công đó. Trong khi hành động, từ các nhóm người vang lên: “Đấy mới chỉ là bắt đầu!”, “Đấy mới chỉ là bước đầu!”, “Chúng ta thù ghét chúng!” v.v.. Trong khi trên mặt công nhân có thể thấy được vẻ tức giận thì trên mặt bọn tư sản hiện lên nụ cười thỏa mãn khoái trá mà chúng tôi chưa hề thấy. Khi sắp kết thúc, sự công phẫn của những người biểu tình tăng lên. Họ bắt đầu vung gậy lên dọa các xe ngựa và tiếng ồn ào không ngớt hòa thành một tiếng thét: “You rascals!” (“Các người là đồ vô lại!”). Trong ba giờ ấy, các nam nữ thành viên đầy nghị lực của phái Hiến chương len lỏi trong quần chúng phân phát truyền đơn trên đó có in bằng chữ lớn:

“Chấn chỉnh phong trào Hiến chương! Đại hội quần chúng sẽ họp vào thứ ba tới, ngày 26 tháng Sáu, tại Viện nghiên cứu văn học và khoa học ở phố Phrai-a, trụ sở của bác sĩ dân luật. Hội nghị được triệu tập để cử đại biểu đi dự hội nghị chấn chỉnh phong trào Hiến chương ở thủ đô. Vào cửa tự do”.

Tuyệt đại đa số báo chí Luân Đôn hôm nay chỉ đưa tin vắn tắt về sự kiện ở Công viên Hây-đơ. Không một tờ nào đăng xã luận về sự kiện đó, trừ tờ “Morning Post” của Pan-mớc-xton.

“Cảnh tượng nhục nhã và nguy hiểm cực độ” - tờ báo ấy viết - “đã xảy ra ở Công viên Hây-đơ: công khai lăng nhục luật pháp và phép lịch sự, can thiệp một cách phi pháp và bằng bạo lực vào lĩnh vực hoạt động tự do của quyền lập pháp. Phải ngăn ngừa nguy cơ tái diễn cảnh tượng ấy vào chủ nhật tới”.

Đồng thời tờ báo này cũng tuyên bố rằng thủ phạm duy nhất “chịu trách nhiệm” về vụ lộn xộn này là huân tước Grô-vơ-nơ “cuồng tín”, buộc tội ông ta đã gây ra “sự công phần chính đáng của nhân dân”. Như thể nghị viện đã không thông qua dự luật của huân tước Grô-vơ-nơ sau lần thảo luận thứ ba! Hay là có thể vị huân tước cao quý ấy cũng gây ảnh hưởng “bằng bạo lực đối với hoạt động tự do của quyền lập pháp” chẳng?

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 295, ngày 28 tháng Sáu 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

NHỮNG TIN TỨC KHÁC NHAU

Luân Đôn, ngày 26 tháng Sáu. Hôm qua, tại phiên họp của hạ nghị viện, ông *Ô-tu-ây* đứng lên nêu câu hỏi:

“Huân tước Pan-mớc-xton có định thi hành những biện pháp nào đó để thúc đẩy huân tước Grô-vơ-nơ thu hồi Sunday Trading bill^{1*} hay không? (*Có tiếng hô tán thành của mọi người*).

Huân tước Pan-mớc-xton trả lời:

“Nếu ông bạn cao quý của tôi” (Grô-vơ-nơ)” nghe thấy tiếng hô tán thành của mọi người ở đây thì tôi nghĩ rằng ông bạn sẽ coi trọng chúng” (*Có tiếng hô tán thành*).

Rõ ràng là cuộc biểu tình của quần chúng ở Công viên Hây-đơ đã làm cho hạ nghị viện hoảng sợ. Nó bác bỏ dự luật và làm ra bonne mine à mauvais jeu^{2*}. Tờ “Times” gọi cảnh tượng chủ nhật ở Công viên Hây-đơ là “hành động vĩ đại của sự trả thù chính đáng”, gọi dự luật ấy là sản phẩm của “ngành lập pháp giai cấp”, là “biện pháp giả nhân giả nghĩa có tổ chức” và chế nhạo “thần học nghị viện”.

Về hành động tàn ác ở Gan-ghê, bộ trưởng hải quân, ngài Sác-lơ Vút, đưa tin rằng ông ta đã nhận được những báo cáo mới của đô đốc Đơn-đa-xơ. Qua báo cáo ấy có thể kết luận rằng 5 thủy thủ và vị thuyền trưởng Phần Lan bị hỏa lực của Nga giết chết, 4

^{1*} - Luật cấm buôn bán vào chủ nhật

^{2*} - bộ mặt vui trong khi chơi tồi

thủy thủ và 2 người Phần Lan bị thương rồi bị bắt, 3 sĩ quan, 4 thủy thủ và 2 người Phần Lan không bị thương đã bị bắt. Đô đốc Đon-đa-xơ đã gửi thư cho viên thống đốc ở Hen-xinh-phoóc trình bày sự việc và đưa ra lời phản kháng kiên quyết nhất đối với hành động tàn bạo bắn vào chiếc thuyền còm cở trắng. Đon-đa-xơ đã nhận được thư trả lời, trong đó viên thống đốc đã xin lỗi và đã *biện bạch*, trên chừng mực nào đó, cho sự việc xảy ra. Ông ta giải thích rằng theo lời của các sĩ quan và binh sĩ thì họ *không trông thấy* còm cở trắng. Họ đã từng hết sức công phần vì trong nhiều *trường hợp khác* các tàu đã treo cờ Nga; ngoài ra, báo chí đưa tin rằng ở *một nơi nào đó*, tàu Anh đã lợi dụng cờ trắng để đo chiều sâu của biển. Như thế là tất cả sự *biện bạch* đều qui vào bệnh cận thị của binh sĩ và sĩ quan Nga. Dù sao, nếu binh sĩ Nga đã đọc báo và các báo cáo đăng trên báo chí đã gây ra “sự công phần mãnh liệt” ở họ thì đó đã là dấu hiệu của sự văn minh rồi.

Hội cải cách hành chính đã cho biết ngày mai ở Đru-ri - Lên sẽ có cuộc mít-tinh mới. Cũng như trước đây muốn dự mít-tinh phải có vé vào cửa, còn diễn giả đã được chỉ định trước. Pông-xơ Pi-la-tơ đã từng hỏi: chân lý là gì? Còn Pan-móc-xton thì hỏi: *công lao* là gì? Những người ủng hộ cải cách hành chính trả lời: công lao của một người, - đó là khoản thu nhập hằng năm của anh ta^{1*}. Do vậy, các nhà cải cách của chúng ta tiến hành cải tổ trong nội bộ tổ chức họ. Trước kia, các thành viên của tổng ủy ban - trên thực tế họ tự bầu mình - trên hình thức phải được bầu ra bằng cuộc bỏ phiếu của toàn thể thành viên của Hội. Còn hiện nay bất cứ ai quyên góp hằng năm cho Hội 50 pao xtéc-ling trở lên sẽ tự động trở thành ủy viên của tổng ủy ban. Trước kia điều kiện bổ sung góp 10 ghi-nê và 1 ghi-nê được xem là đủ để giữ cho “phong trào” không bị sự xâm nhập của các phần tử bình dân. Hiện nay, những ngài nộp 10 ghi-nê đã bị xem là không thật sự “đáng kính”, còn những người nộp 1 ghi-nê thì hoàn toàn bị coi là “mob”^{2*}. Biểu

^{1*} - chơi chữ: “Verdienet” nghĩa là “công lao”, mà cũng có nghĩa là “thu nhập”, “lợi nhuận”

^{2*} - dân đen

ngữ thông báo về cuộc mít-tinh có dòng chữ ghi nguyên văn như sau:

“Chi được vào cửa theo vé phát cho thành viên của hội. Người đóng 50 pao xtéc-ling trở lên là thành viên của tổng ủy ban, người đóng 10 ghi-nê và một ghi-nê là thành viên của Hội”.

Như thế là quyền lợi của hội viên trong nội bộ Hội được tính theo thang trượt của đồng ghi-nê. Người ta đã tuyên bố không khách khí gì sự thống trị lộ liễu, không hề che đậy của đồng ghi-nê. Các nhà cải cách ở khu Xi-ti đã tiết lộ bí mật của họ. Thế mới là những nhà còm cở động! Thêm vào đó, số phận gần đây cũng không may mắn lắm đối với họ. Ở nghị viện, Đram-môn-đơ đã công khai chê trách họ là “phi đạo đức một cách có hệ thống” và “tham ô”. Còn những minh họa về sự thuần khiết của giai cấp họ thì đã nối tiếp nhau xuất hiện như là theo một mệnh lệnh! Thoạt đầu “Lancet” (tạp chí y học) đưa ra bằng chứng rằng việc làm giả và sự hư hỏng của các loại hàng hóa và thực phẩm tuyệt nhiên không phải là tội lỗi riêng của các tiểu thương, mà các công ty bán buôn cũng thường làm công việc ấy. Sau đó người ta biết rằng các công ty “đáng kính” ở Xi-ti đã phát hành dock warrants^{1*} giả. Cuối cùng là vụ vỡ nợ lớn fraudulente^{2*} của ngân hàng tư nhân của Xtơ-ra-en, ngài Giôn Pôn và Bây-tơ kèm theo vụ đánh cắp thẳng cánh các chứng khoán có giá gửi ở đây. Trường hợp sau cùng này cũng đã dạy cả giới quý tộc quý trọng tài “quản lý” của các ngài ở Xi-ti vì ngân hàng “quản lý” trước hết là các đồng ghi-nê của quý tộc. Pan-móc-xton bị thiệt hại, hầu tước Clan-ri-các-đơ bị thiệt hại, còn đô đốc Nây-pia thì hầu như mất toàn bộ tài sản của mình. *Giáo hội* cũng mất đi một phần không nhỏ phúc lợi trần tục của mình, vì các ông Xtơ-ra-en, Pôn và Bây-tơ đặc biệt nổi tiếng về đức tính nghiêm nghị của mình, đã từng chủ trì các cuộc hội nghị ở cung Éc-xe-tơ dành để “khuyến dụ những người theo đa thần giáo”, đã có mặt trong số những người

^{1*} - giấy chứng nhận kho hàng do bến cảng cấp phát

^{2*} - có mưu tính trước

quyên góp chủ yếu cho hội “truyền bá kinh thánh” và đã tham gia ban trị sự của “Hội liên hiệp cải tạo tội phạm”. Tín ngưỡng của họ đã tạo ra uy tín cho họ. Ngân hàng của họ trở thành ngân hàng ưa chuộng của các ngài hành đạo và các đoàn thể tư nhân. Nhưng tài “quản lý” của chủ ngân hàng không thương xót gì hết: cả tiền của vợ góa con côi lẫn những khoản tiền tiết kiệm nhỏ mọn của các thủy thủ. Tại sao không để cho họ nắm “tiền trong ngân khố” mà hiện nay họ đang chìa tay ra để với tới đó?

“Trong chúng ta hiện nay đang xuất hiện những triệu chứng” - tờ “Daily News”, cơ quan ngôn luận par excellence^{1*} của các nhà cải cách ở Xi-ti, buồn bã thốt lên - “nói lên rằng không cần mất nhiều thời gian cũng có thể nêu ra được những hành động hết sức vô đạo đức trong các giai cấp công nghiệp”.

Vụ vỡ nợ của ngài Xơ-ra-en và công ty dĩ nhiên gây ra “run”^{2*} của công chúng ở nơi thu phát tiền của các ngân hàng tư nhân ở Xi-ti là các ngân hàng mà trước khi xảy ra vụ việc này đã được coi là vô cùng đáng kính trọng hơn so với ngân hàng cổ phần. Các chủ ngân hàng tư nhân lớn đã thấy rằng họ buộc phải “công khai khuyến khích” việc định kỳ kiểm tra lẫn nhau những chứng khoán có giá gửi ở ngân hàng của họ và cũng cần phải thông qua tờ “Times” mời khách hàng của mình đích thân kiểm tra những vật quý mà họ gửi ở ngân hàng. Còn có một tình huống nữa xảy ra hoàn toàn không đúng lúc đối với các Ngài thuộc phái cải cách ở Xi-ti: mọi người đều biết, một trong những ông vua ở Xi-ti, Rốt-sin, với tư cách người được họ lựa chọn đang đứng ở ngưỡng cửa hạ nghị viện; nhưng ông ta không được phép vào trong chốn thiêng liêng ấy vì không chịu đọc “lời thề của tín đồ Cơ Đốc chân chính”¹⁹⁷, còn đồng sự của ông ta, huân tước Giôn Rốt-xen thì không muốn “thực thi” đạo luật về người Do Thái. Vì thế, hôm qua Đon-côm-bơ đã phát biểu. Sau khi biết rằng theo pháp lệnh của nghị viện năm 1782 thì mỗi nghị sĩ, sau khi trúng cử, nếu ký kết hiệp đồng cung cấp gì đó với chính phủ thì sẽ bị tước ghế

^{1*} - chủ yếu

^{2*} - sự đột nhập

ở hạ nghị viện, cũng như sau khi biết rằng cách đây không lâu Rốt-sin đã cho công quỹ vay 16 triệu p.xt., thì Đon-côm-bơ tuyên bố rằng tối mai ông ta sẽ đưa ra đề án về mục đích của cuộc bầu cử mới ở Xi-ti. Còn hơn thế nữa. Tiếp theo sau Đon-côm-bơ, đến lượt Ma-lin-xơ phát biểu ý kiến và đưa ra đề án tương tự đối với Lin-xi là kẻ mà trong khi tranh luận về cải cách đã bị ngài Sác-lơ Vút công khai buộc tội là đã ký với chính phủ các hợp đồng về cung cấp tàu thủy, vậy mà đã và vẫn đang còn là nghị sĩ. Toàn bộ sự cố ấy đang được chú ý không những vì nó làm mất danh giá của những nhân vật như bọn đầu sỏ ở Xi-ti và bọn đầu sỏ trong số các nhà cải cách ở Xi-ti. Nó còn đáng được chú ý vì nó nhắc nhở công chúng rằng Pít, Péc-xi-van và Li-vóc-pun coi thường pháp lệnh năm 1782 đã tìm chỗ dựa của mình ở trong và ngoài nghị viện chính là bọn kinh doanh nổi đình đám nhất ở Xi-ti, bọn ký hợp đồng cho vay và các hợp đồng cung cấp cho chính phủ. Bọn quý tộc tài chính này - hồi đó là bọn người còn dễ mua chuộc hơn dưới thời Lu-i Phi-líp - là linh hồn của cuộc chiến tranh chống Gia-cô-banh. Hải quân táo vàng của E-xpê-ri-đơ, bọn trùm tài chính đồng thời còn thuyết phục quốc dân, trong các cuộc mít-tinh khét tiếng ở Xi-ti, rằng giới quý tộc ấy

“phải đem hy sinh tiền và máu để cứu vớt sự bình yên thánh ban của tôn giáo thần thánh của chúng ta khỏi tay bọn Pháp đang làm ô uế bàn thờ, và cũng cứu vớt bản thân mình khỏi sự tuyệt vọng bi thảm của chủ nghĩa vô thần”.

Vậy là, đúng vào lúc không thích hợp nhất người ta nhắc nhở quốc dân rằng khu Xi-ti, hiện đang đứng lên chống lại tập đoàn thống trị, lại chính là vườn ươm trong đó tập đoàn thống trị ấy sinh trưởng và nở rộ như bông hoa lộng lẫy.

Do C.Mác viết ngày 26 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung”
số 297, ngày 29 tháng Sáu 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

TIN TỪ XÊ-VA-XTÔ-PÔN¹⁹⁸

Trái với sự mong đợi của công chúng, chuyến bưu kiện do tàu “Pa-xi-phích” chở đến sáng sớm hôm qua không có báo cáo tỉ mỉ về thất bại mà liên quân vấp phải ở gần Xê-va-xtô-pôn ngày 18 tháng Sáu. Tuy nhiên, chúng tôi có một số tin tức khô khan về số thương vong trong trận đánh ấy mà chúng tôi sẽ đề cập vắn tắt ở dưới đây. Thay cho những tin tức mong đợi, rất cuộc đã nhận được báo cáo tỉ mỉ của tướng Pê-li-xi-ê về việc chiếm lĩnh Ma-mê-lôn và công trường khai thác đá. Nhưng ngay cả bản báo cáo đó cũng không trình bày rõ ràng kế hoạch tác chiến mà con người thực tế chỉ huy 20 vạn liên quân ở Crum tuân theo. Nếu như chúng ta muốn đi đến kết luận nào đó về vấn đề ấy thì đúng hơn hết chúng ta phải dựa vào những tài liệu phản diện hơn là chính diện. Để phán đoán xem Pê-li-xi-ê chuẩn bị hành động như thế nào thì phải phân tích chủ yếu không phải điều ông ta làm, mà chủ yếu là điều ông ta không làm. Nhưng chúng ta trở lại bàn về việc chiếm Ma-mê-lôn; một số đặc điểm của trận đánh này đáng được phân tích.

Ngày 6 và 7 tháng Sáu, các khẩu đội pháo của liên quân đã mở cuộc pháo kích trên toàn mặt trận. Trong khi ở cánh tấn công bên trái (từ pháo đài Cốt buồm đến pháo đài Ca-ran-tin) cuộc pháo kích ấy chỉ mang tính chất phô trương thanh thế thì ở cánh tấn công bên phải (từ Rê-dan đến núi Xa-pun), nó đã diễn ra mãnh liệt. Ở đây, các công sự ngoại vi của quân Nga bị bắn phá đặc biệt

mãnh liệt. Tới ngày 7 tháng Sáu, khi tường chừng như hỏa lực của các pháo đài quân Nga phần lớn đã bị áp chế, còn những người bảo vệ pháo đài đã yếu đi nhiều thì có lệnh tiến hành cuộc cường tập. Quân Pháp phải tiến hành đột kích chiếm lấy hai trận địa khác nhau tạo thành hai cao nguyên và cách nhau bởi một khe núi; quân Anh phải chiếm lĩnh một cao nguyên mà hai bên đều có khe núi. Phương pháp mà hai quân đội sử dụng trong khi chuẩn bị cường tập đã phản ánh đặc điểm và truyền thống của họ. Quân Pháp điều động 4 sư đoàn, cứ hai sư đoàn cường tập một trận địa. Như vậy là hai sư đoàn được tập trung để cường tập Ma-mê-lôn (đồn Cam-sát-xki) và hai sư đoàn được tập trung để cường tập núi Xa-pun. Ngoài ra, trên mỗi hướng, thê đội một có hai lữ đoàn bố trí thành các đội hình hàng dọc tấn công và hai lữ đoàn làm đội dự bị. Như thế là có 18 tiểu đoàn đảm nhiệm việc cường tập và một số lượng như thế làm đội dự bị, tính gộp lại cả thảy có tới ít ra 28 000 - 30 000 người. Đội hình chiến đấu ấy hoàn toàn phù hợp với điều lệnh và truyền thống của quân đội Pháp, trong các cuộc tấn công qui mô lớn bao giờ nó cũng tấn công bằng các đội dàn hàng dọc, có khi hình như quá đồ sộ. Cũng trong đội hình như thế quân Anh sẽ cần hai sư đoàn để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra trước họ: hai lữ đoàn để cường tập và hai lữ đoàn làm đội dự bị. Nhưng, theo nguyên tắc chiến thuật của mình, họ chỉ đưa vào cường tập khoảng 1 000 người, tương đương với hai tiểu đoàn, nghĩa là một lực lượng vị tất đã bằng một nửa lữ đoàn của Pháp. Không nghi ngờ gì nữa, họ có đội dự bị mạnh; tuy nhiên, ở nơi nào mà quân Pháp sử dụng ba người thì quân Anh chỉ hạn chế vào một người. Điều đó một phần là do phương pháp tấn công của Anh là theo đội hình hàng ngang, chứ không theo đội hình hàng dọc, còn một phần là do sự ngoan cường cao độ của binh sĩ Anh trên trận địa phòng ngự. Cần chỉ rõ rằng ngay con số 1 000 binh sĩ Anh ấy cũng không tung vào chiến đấu ngay một lúc; thoát đầu, 200 người tấn công và dùng cường tập chiếm lấy công sự quân Nga, rồi cử thêm 200 người nữa tăng viện cho họ, số còn lại cũng đưa vào chiến đấu theo trật tự đó. Sau đó tất cả 1 000 binh sĩ Anh củng cố trên trận địa quân Nga, giữ vững

nó, đẩy lùi sáu đợt tấn công kế tiếp nhau của quân Nga dưới hỏa lực chính diện và bắn dọc liên tục của các công sự quân Nga. Tảng sáng, quá nửa số quân Anh đã bị thương vong; nhưng họ vẫn giữ được trận địa và những nhóm lẻ, trong khi truy kích quân Nga, thậm chí đã vào được Rê-đan. 1 000 quân Pháp không bao giờ đạt được thành quả đó. Tinh thần bình tĩnh tự chủ của binh sĩ Anh dưới hỏa lực hầu như không có giới hạn; và như đêm hôm nào, khi cuộc đấu giáp lá cà làm binh sĩ Anh nhớ lại trò giải trí ưa thích của họ - những cuộc đánh lộn nhau trên đường phố - thì họ cảm thấy mình ở trong môi trường tự nhiên của mình và say sưa một chọi lại sáu mà không nghĩ đến nguy hiểm.

Nói về cuộc tấn công của quân Pháp, tướng Pê-li-xi-ê đã kể tỉ mỉ với chúng ta về các lữ đoàn và trung đoàn tham gia trận đánh, tìm ra được cho mỗi đơn vị lời khen ngợi của mình; nhưng sự trình bày của ông ta về tuyến xuất phát và tuyến tấn công của mỗi đội hình hàng dọc thì rất không rõ ràng, sự mô tả tiến trình trận đánh thì hoàn toàn lơ mơ và báo cáo của ông ta hoàn toàn thiếu số liệu về thiệt hại. So sánh báo cáo chính thức ấy với những tin tức khác, chúng tôi đi đến kết luận là quân Pháp đã chiếm được Ma-mê-lôn trong đợt tấn công đầu tiên, truy kích quân Nga đang rút lui đến tận đồi Ma-la-khốp và đã vào được pháo đài này ở một số điểm nào đó, nhưng bị quân Nga đánh bật ra; sau đó lại để mất Ma-mê-lôn, nằm thành nửa vòng tròn quanh lô-cốt này và lại chiếm được nó sau đợt tấn công thứ hai. Đồn Vô-lun ở bên kia vực Ki-len đã bị chiếm với những thiệt hại không lớn lắm; cuộc chiến đấu chiếm đồn Xê-len-ghin nằm ở đằng sau đồn Vô-lun, tuy gay go hơn nhưng không thể so sánh với các trận đánh giành giật Ma-mê-lôn. Vì số lượng quân lính mà Pê-li-xi-ê tung vào các địa điểm tấn công thì rất lớn, vì những hàng cọc đồ sộ mà số quân này tạo thành, cho nên quân Pháp tất phải bị thiệt hại rất lớn. Việc không có tin tức chính thức về thiệt hại là một chứng cứ đầy đủ cho điều đó. Theo ý kiến chúng tôi, nếu chúng tôi đánh giá thiệt hại ấy là 1 500 - 2 000 người thì cũng không có gì là phóng đại.

Còn về phía quân Nga thì họ ở vào hoàn cảnh khó khăn. Họ không thể phái ra các công sự ngoại vi một số lượng lớn binh sĩ vì như thế sẽ làm cho một bộ phận của họ bị hỏa lực pháo binh địch tiêu diệt trước khi cuộc cường tập bắt đầu. Do đó, họ chỉ có thể giữ trong những lô-cốt vuông ấy số lượng tối thiểu những người bảo vệ và phải dựa vào hỏa lực của pháo binh của họ trên đồi Ma-la-khốp và Rê-đan không chế khu vực xung quanh, cũng như dựa vào hoạt động của đội dự bị được bố trí trong cứ điểm. Ở Ma-mê-lôn, họ có hai tiểu đoàn, khoảng 800 người. Nhưng sau khi các lô-cốt vuông bị địch chiếm, quân Nga không thể giành lại và củng cố trên mức độ cần thiết ở đây. Họ hiểu rằng quân đội bị vây có thể bị mất rất nhanh chóng một trong những trận địa của mình, nhưng đoạt lại nó không phải giản đơn như vậy. Ngoài ra, lô-cốt vuông trên Ma-mê-lôn, có cấu trúc rất phức tạp - tường ngang và nơi tránh đạn của nó hình thành một thứ hầm ngầm tạm thời - nên quân phòng thủ lô-cốt vuông, dù có khéo ẩn tránh được hỏa lực của pháo binh, thì cũng hầu như bất lực khi bị cường tập, vì mỗi ngăn khó khăn lắm mới chứa được pháo và pháo thủ. Vì vậy khi pháo vừa dỡ khỏi giá thì số bộ binh phải phòng thủ công sự trong cuộc cường tập lại không có chỗ để đặt vị trí bắn mà từ đó họ có thể đồng thời phát huy hỏa lực dày đặc vào các đội hình cường tập. Phân tán thành những nhóm nhỏ, họ không chịu nổi cuộc tấn công mãnh liệt của các đội hình cường tập và lại một lần nữa chứng minh rằng trong những trường hợp bộ binh Nga không thể chiến đấu bằng những số lượng binh lực lớn thì họ thua quân Pháp về tốc độ tác chiến và tính linh hoạt và không có được cái tinh thần bám trụ đến cùng của quân Anh.

Tiếp theo trận đánh xảy ra ngày 7 tháng Sáu là 10 ngày tạm ngừng, trong thời gian đó người ta đã đào xong chiến hào và giao thông hào, đã lựa chọn xong trận địa cho các đơn vị pháo và đã chuyển xong pháo và đạn dược. Đồng thời liên quân đã cử hai đội trinh sát vào sâu nội địa. Đội thứ nhất được cử đi Bai-đa ở cách Ba-la-cla-va 12 dặm trên con đường dẫn đến bờ biển phía Nam,

chỉ tiến hành một cuộc trinh sát có tính chất sơ bộ. Đội thứ hai được cử đi Ai-tô-đo, cách So-rơ-gun trên sông Đen 6 dặm, đã được phái đến hướng cần thiết. Ai-tô-đo ở trên một điểm cao dẫn đến thung lũng thượng lưu sông Ben-béch, và nên nhớ rằng chỉ qua con đường ấy, như chúng tôi đã chỉ ra từ lâu^{1*}, mới có thể thực sự vu hồi trận địa quân Nga ở In-ke-rơ-man. Nhưng cứ đến đây đội trinh sát và sau đó không chiếm lĩnh địa điểm ấy bằng những lực lượng quan trọng, không bắt đầu ngay hoạt động quân sự, thì điều đó chỉ có nghĩa là làm cho địch cảnh giác, chỉ cho biết nó bị uy hiếp từ phía nào. Đương nhiên, có thể là địa hình xung quanh Ai-tô-đo khó đi lại, nhưng chúng tôi nghi ngờ điều đó; nhưng ngay cả trong trường hợp ấy, sự cơ động mà liên quân tiến hành cũng bộc lộ quá rõ ràng ý đồ thực hành vu hồi địch từ bên sườn. Nếu cuộc hành quân bên sườn ấy có thể được sử dụng để nghi binh thu hút sự chú ý thì sẽ hoàn toàn thích đáng, nhưng chúng tôi tin chắc rằng nó phải là một hoạt động chủ yếu, do đó không được để lộ sự tồn tại của kế hoạch ấy trước khi liên quân thực sự bắt tay thực hiện nó.

Nhưng đáng lẽ mở rộng những cuộc cơ động nhỏ ấy thì tướng Pê-li-xi-ê lại định tiến hành một điều khác hẳn. Ngày 18 tháng Sáu, để kỷ niệm trận Oa-téc-lô, quân đội Anh và Pháp cùng cường tập vào trận địa quân Nga bên cánh phải. Quân Anh tấn công Rê-đan, quân Pháp tấn công đồi Ma-la-khốp. Trận tấn công vốn định rửa nhục cho Oa-téc-lô, nhưng tiếc thay, không thành công. Liên quân bị đánh lui với những thiệt hại lớn. Theo thống kê chính thức, số thiệt hại ấy chỉ khoảng 5 000 người, nhưng vì biết rõ các thông cáo của Pháp bao giờ cũng thiếu tính trung thực, nên chúng tôi buộc phải tăng thêm 50%. Vì chưa có tin tức tỉ mỉ, tạm thời chúng tôi không thể bàn về những đặc điểm chiến thuật của trận này. Hiện nay chỉ nên xem xét ý nghĩa chiến lược và chính trị của nó.

Tất cả báo chí châu Âu đều mô tả Pê-li-xi-ê là một con người

không thể chịu sự chỉ huy bằng điện tín từ Pa-ri và kiên quyết hành động theo ý mình. Chúng tôi có căn cứ để hoài nghi việc ông ta có tính cố chấp độc đáo đó, và ý đồ của ông ta định rửa nhục “một cách đích đáng” cho trận Oa-téc-lô bằng một thắng lợi chung của quân Anh và quân Pháp đã hoàn toàn xác nhận sự hoài nghi ấy của chúng tôi. Ý nghĩ đó chỉ có thể nảy ra ở đức hoàng đế nước Pháp, một con người mê tín vào các ngày tháng đáng ghi nhớ, một con người bao giờ cũng nhất định tìm mọi cách đánh dấu ngày 2 tháng Chạp bằng hành động khác thường, một con người đã tuyên bố tại thượng nghị viện rằng sự trả thù cho trận Oa-téc-lô là sứ mệnh đặc biệt của ông ta. Không nghi ngờ gì nữa, Pê-li-xi-ê đã nhận được lệnh nghiêm ngặt nhất về việc kỷ niệm long trọng trận Oa-téc-lô. Đích thân ông ta chịu trách nhiệm về cách thức kỷ niệm ngày đó.

Cuộc cường tập vào phòng tuyến ở phía Cô-ra-ben phải thừa nhận là sai lầm, về điểm này chúng tôi càng tin chắc như thế hơn bao giờ hết. Nhưng hiện giờ chúng tôi chưa hiểu hết Pê-li-xi-ê nên chúng tôi thử tìm lý do bào chữa cho mọi hành động của ông ta đã gây ra sự hoài nghi ở nơi xa chiến trường như thế này. Có thể là tình hình vệ sinh ở Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây - chúng tôi đã lưu ý bạn đọc đến tình hình này từ lâu - khiến cho ông ta rất mong muốn kết thúc nhanh chóng các hoạt động trên mảnh đất này. Mùi hôi thối xông lên từ 25 000 thi thể và 10 000 xác ngựa rửa nát đang đe dọa nghiêm trọng sức khỏe của binh sĩ trong mùa hè. Chúng tôi sẽ không nói đến một số hiện tượng đáng sợ khác mà tất sẽ gặp phải ở đó. Rõ ràng là Pê-li-xi-ê cho rằng có thể đuổi quân Nga ra khỏi phía Nam trong một thời gian ngắn, phá hủy hoàn toàn cứ điểm, chỉ để lại một số ít người để phòng thủ, rồi bắt đầu những hoạt động dã chiến bằng một đạo quân mạnh. Chúng tôi đưa ra giả định đó vì chúng tôi muốn tìm động cơ, dù chỉ là đôi chút hợp lý, trong các hành động của người cựu binh ấy. Nếu sự việc quả thực như vậy thì có nghĩa là ông ta đã đánh giá thấp khả năng phòng ngự của Xê-va-xtô-pôn. Chúng tôi đã từng nói rằng mọi ý đồ mở rộng chiến quả đạt được ngày 7 tháng Sáu

^{1*} Xem tập này, trang 300 - 305.

và bắt đầu cuộc cường tập vào chính thành phố sẽ nhất định thất bại^{*}; ý kiến của chúng tôi đã được các sự kiện xác nhận. Chúng tôi đã viết rằng chiếc chìa khóa mở vào Xê-va-xtô-pôn là ở phía Bắc In-ke-rơ-man; theo chúng tôi, trận đánh ngày 18 tháng Sáu đã chứng minh điều đó.

Vì vậy chúng tôi sẵn sàng thừa nhận rằng tướng Pê-li-xi-ê đã dựa vào những suy nghĩ hoàn toàn lô-gích khi ông ta chọn việc cường tập vào phía Cô-va-ben hơn là tiến hành hoạt động đã chiến; đồng thời chúng tôi phải thừa nhận rằng những người ở ngay chiến trường thường có xu hướng lấy những sự việc thứ yếu làm căn cứ cho kết luận của mình và Pê-li-xi-ê, như thất bại ngày 18 tháng Sáu đã chứng minh, rõ ràng là đã rơi vào nhược điểm ấy; gắng sức một cách cố chấp để tiến hành đến cùng một sự việc đã bắt đầu - đó quả thực là biểu hiện của nghị lực, nhưng đồng thời điều đó cũng nói lên sự thiếu trí tuệ nếu tiếp tục việc đó, dù chỉ là đại khái, chỉ vì nó đã được bắt đầu. Pê-li-xi-ê có lẽ đúng khi có ý định bằng bất cứ giá nào cũng chiếm cho được Xê-va-xtô-pôn, nhưng không nghi ngờ gì nữa, ông ta đã sai lầm nếu không thấy rằng con đường gần nhất để đến Xê-va-xtô-pôn là đi qua In-ke-rơ-man và qua các trận địa quân Nga đang phòng ngự In-ke-rơ-man.

Nếu như liên quân không quan tâm lợi dụng ngay tức khắc ưu thế của mình thì họ sẽ khá nhanh chóng rơi vào hoàn cảnh rất khó khăn. Nước Nga từ lâu đã thừa nhận cần phải tăng cường số lượng quân của nó ở Crum. Hiện nay đã có khả năng ấy nhờ hoàn thành việc bổ sung các tiểu đoàn hậu bị của quân chính qui, nhờ gọi dân quân nhập ngũ và tổ chức họ thành 200 tiểu đoàn và đặc biệt là do số lượng đạo quân quan sát của Áo đã giảm xuống còn 18 000 người - số còn lại hoặc được cho nghỉ, hoặc điều về nội địa đế quốc. Kết quả là đã thành lập ở Ô-dét-xa quân đoàn dự bị mà một bộ phận của nó gồm khoảng 25 000 người, theo người ta nói, đóng ở gần Ni-cô-la-ép, cách Xê-va-xtô-pôn 12 đến 15

ngày hành quân. Cũng nghe nói, có hai sư đoàn tinh binh đã xuất phát từ Vô-lun. Do đó, đến giữa tháng Bảy, mà có thể sớm hơn, quân Nga có thể khôi phục lại ưu thế số lượng của nó, nếu trong thời gian đó, các đơn vị quân Nga đang chống chọi với liên quân không bị giáng một thất bại có tính chất quyết định. Tuy nhiên, có tin cho hay là có 50 000 quân Pháp nữa đang trên đường đi Tu-lông và Mác-xây để xuống tàu, nhưng không nghi ngờ gì nữa, họ sẽ đến quá muộn và vị tất có thể làm nên chuyện gì, ngoài việc bù đắp những thiệt hại do các trận chiến đấu và bệnh tật mà hiện nay lại xuất hiện trong doanh trại liên quân.

Những hoạt động trên biển A-dốp đã phá hoại một trong những con đường tiếp tế của quân Nga, nhưng vì sông Đni-e-prơ là mạch máu giao thông đường thủy thiên nhiên quan trọng hơn sông Đông rất nhiều đối với các vùng trồng lúa mì của nước Nga, nên không nghi ngờ gì nữa, ở Khéc-xôn có nhiều lương thực, nhiều hơn cả số cần thiết để nuôi số quân Nga ở Crum. Từ Khéc-xôn có thể cung cấp cho Xim-phê-rơ-pôn không khó khăn gì đặc biệt. Vì vậy ai hy vọng rằng cuộc viễn chinh A-dốp lập tức ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiếp tế lương thực cho Xê-va-xtô-pôn thì họ sẽ lầm to.

Cán cân cách đây không lâu đã nghiêng về phía liên quân thì có thể lại trở về thế thăng bằng hoặc thậm chí nghiêng về phía có lợi cho kẻ địch của liên quân. Nếu quân Nga hành động nhanh chóng thì kết cục của chiến dịch Crum chưa thể được coi là đã được định đoạt.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 29 tháng Sáu 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4439, ngày 12 tháng Bảy 1855 và đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 301, ngày 2 tháng Bảy 1855

In theo bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune", có đối chiếu với bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

^{1*} Xem tập ngày, tr. 374 - 376.

C.MÁC

NHỮNG TIN TỨC KHÁC NHAU

Luân Đôn, ngày 30 tháng Sáu. Vì huân tước Grô-vơ-nơ cự tuyệt việc tự nguyện rút *Sunday Trading Bill*^{1*} của mình, nên hôm nay trên những phố náo nhiệt nhất ở Luân Đôn đã xuất hiện những biểu ngữ kêu gọi dự cuộc biểu tình đồ sộ mới tại Công viên Hây-đơ ấn định tiến hành vào chiều mai. Thái độ của nghị viện tỏ ra khá ấu trĩ khi nó đồng thanh trả lời No! No!^{2*} trước câu hỏi của Grô-vơ-nơ: phải chăng sự thay đổi đột nhiên ý kiến của đại đa số nghị sĩ bắt nguồn từ những hành động của mob^{3*} ở Công viên Hây-đơ?

Trả lời câu chất vấn của một quý tộc thuộc đảng To-ri, Pan-muy-rơ tiện thể đã nêu rõ rằng các bộ trưởng đã *nhân danh nữ hoàng* gửi lời kêu gọi tới quân đội trong đó tuyên bố rằng đã quyết định tăng lương rất nhiều cho một số quân đoàn và trung đoàn, - những quân đoàn và trung đoàn này đang ở chiến trường Crum, - không những bao gồm thời kỳ phục vụ hiện nay của họ, mà còn được hưởng cả mấy tháng trước đó, và tăng cả hưu bổng. Hiện giờ việc đó chỉ được người ta tuyên bố nhân danh nữ hoàng; tuy hạ nghị viện lúc ấy đang họp, nhưng các bộ trưởng không thông tri gì cho hạ nghị viện cả. Như thế là các bộ trưởng đã chiếm lấy quyền hạn mà theo hiến pháp chỉ thuộc về hạ nghị viện, - quyền *qui định mức lương cho quân đội*. Song, mấy tuần

^{1*} - Luật cấm buôn bán vào chủ nhật

^{2*} - không ! không!

^{3*} - đám đông, dân đen

hoặc mấy ngày nữa, các bộ trưởng phải ra trước nghị viện để nhận sự phê chuẩn việc tăng lương đã hứa hẹn. Nhưng lời kêu gọi đã đi trước cuộc biểu quyết của nghị viện. Nếu nghị viện bác bỏ yêu cầu tăng lương thì nó sẽ xung đột với quân đội. Đây là sự trả lời đối với kết luận của ủy ban Rô-bác nói rằng nội các chịu trách nhiệm về những khổ đau của quân đội. Đây là một trong những bước đi được tiến hành theo phương hướng mà hoàng thân An-be chỉ ra.

Dự luật *Bu-ve-ri*, được hạ nghị viện thông qua hôm qua trong lần thảo luận thứ hai, có ý nghĩa quan trọng đối với bộ luật thương mại ở Anh. Cho tới nay, ở nước Anh, người nào nhận một phần lợi nhuận của công ty thương nghiệp đều được coi là cổ đông, do đó phải chịu trách nhiệm, *bằng toàn bộ tài sản của mình*, đối với các cam kết thương mại của công ty. Theo dự luật *Bu-ve-ri*, được đưa ra nhân danh nội các, thì qui định ấy của đạo luật phải được bãi bỏ. Quan trọng hơn nữa là dự luật của *Bu-ve-ri* về *công ty cổ phần*. Cho tới nay, mỗi thành viên của công ty ấy *không những* phải chịu trách nhiệm về *tổng giá trị cổ phiếu của mình*, mà còn phải *lấy toàn bộ tài sản của mình* để chịu trách nhiệm về *mọi cam kết của công ty*. Theo một trong những dự luật đã được đưa ra thì trách nhiệm giới hạn bằng tổng giá trị cổ phần của từng cổ đông, nhưng điều đó chỉ áp dụng đối với những công ty mà toàn bộ số vốn của chúng ít ra bằng 20 000 p.xt., mà hợp đồng sáng lập do các cổ đông có tổng số cổ phần không dưới 15 000 p.xt. ký và với điều kiện là phần vốn cổ phần đã thanh toán ít nhất phải bằng 20% tổng số vốn. Bản thân việc cần đến những đạo luật như thế chứng tỏ rằng cho tới nay tập đoàn tài chính đã khống chế ngành lập pháp đến mức nào, đã dùng luật pháp để hạn chế một cách vô lý và tùy tiện như thế nào đối với các hiệp định mậu dịch ở nước thương nghiệp hàng đầu này trên thế giới. Dự luật mới có tham vọng thực hiện nguyên tắc “đặt lao động và tư bản nhỏ ngang hàng (trong luật thương mại) với đại tư bản”. Thực hiện điều đó bằng cách nào? Bằng cách là những tư bản cổ phần có tổng số giá trị *dưới* 20 000 p.xt. thì bị loại khỏi phạm vi được hưởng những ưu đãi mà luật pháp qui định và tiếp tục chịu những sự hạn chế trước đây. Việc đại tư bản không

chịu thỏa mãn với ưu thế trong các thủ đoạn kinh tế mà nó dùng để đánh bại sự cạnh tranh của các nhà tư bản nhỏ, việc đại tư bản ở Anh cũng còn dùng đến đủ loại đặc quyền về luật pháp và các đạo luật đặc biệt thì đã được chứng minh hùng hồn nhất qua các đạo luật ở Anh về các công ty cổ phần và công ty thương mại nói chung. Chẳng hạn, mới mấy năm trước đây, ngân hàng không được phép có quá 6 cổ đông. Phải qua một thời gian dài các công ty cổ phần mới được hưởng quyền phát đơn kiện và nhân danh ban quản trị của mình trả lời trước tòa án. Nhưng để sử dụng được đặc quyền ấy, các công ty nói trên phải đăng ký, nghĩa là được hợp nhất, nhưng theo đạo luật năm 1837 thì việc hợp nhất chỉ do chính quyền nhà vua thực hiện theo đề nghị của Board of Trade^{1*}; như thế là công ty ấy có hợp nhất được hay không thì trên thực tế điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào lòng tốt của Board of Trade. Các ngân hàng, hội từ thiện, hội tương trợ v.v. hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của luật mới.

Một tờ nhật báo hôm nay đã đăng số liệu thống kê sau đây của nghị viện: tất cả có 327 khu vực bầu cử. Trong số 327 khu vực bầu cử ấy, tình hình phụ thuộc vào bốn trùm tư bản như sau: một tên nắm 9 khu vực, 4 tên mỗi tên nắm 8 khu vực; 1 tên nắm 7 khu vực, 3 tên mỗi tên nắm 6 khu vực, 8 tên mỗi tên nắm 5 khu vực; 26 tên mỗi tên nắm 4 khu vực, 29 tên mỗi tên nắm 3 khu vực; như vậy là 297 khu vực bầu cử nằm trong tay 72 tên trùm tư bản. Số khu vực bầu cử gọi là “độc lập” chỉ có 30. Hạ nghị viện có 654 nghị sĩ, trong đó 594 nghị sĩ do các khu vực bầu cử phụ thuộc bầu ra. Trong số 594 nghị sĩ này, 274 người hoặc có họ hàng trực tiếp với quý tộc hoặc là quý tộc.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Sáu 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
303, ngày 3 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

^{1*} - bộ thương nghiệp

C.MÁC

LÀN SÓNG CÔNG PHẦN NHÂN VIỆC BAN BỎ LUẬT ĐÒI NGHIÊM CHỈNH TÔN TRỌNG NGÀY CHỦ NHẬT HƠN NỮA

Luân Đôn, ngày 2 tháng Bảy. Cuộc biểu tình chống luật cấm buôn bán vào chủ nhật đã lại diễn ra hôm qua tại Công viên Hây-đơ, nhưng với qui mô lớn hơn, trong tình hình nguy hiểm hơn và với những hậu quả nghiêm trọng hơn. Tâm trạng xúc động u buồn bao trùm Luân Đôn hôm nay là một bằng chứng về điều đó.

Biểu ngữ kêu gọi họp lại mít-tinh, đồng thời cũng mời tập họp vào 10 giờ sáng chủ nhật trước nhà của vị huân tước Grô-vơ-nơ ngoan đạo và theo ông ra nhà thờ. Nhưng vị huân tước cao quý ấy đã rời Luân Đôn ngay từ thứ bảy trên chiếc xe ngựa bọc kín để không ai biết. Việc ông ta định biến người khác, chứ không phải bản thân mình, thành kẻ tử vì đạo đã được chứng minh bằng lời tuyên bố của ông ta đăng trên tất cả các báo ở Luân Đôn, trong đó, ông ta một mặt kiên trì bản dự luật của mình, mặt khác, lại cố chứng minh rằng đạo luật ấy không có ý nghĩa gì, mục đích gì và không quan trọng gì. Suốt chủ nhật, nhà ông ta bị chiếm, có điều không phải là do những người hát thánh ca, mà là những cảnh sát với số lượng 200 tên chiếm giữ. Cảnh sát cũng chiếm nhà của em ông ta, hầu tước Oét-min-xơ nổi tiếng giàu có.

Thứ bảy, ngài Ri-sốt Mai-nơ, cảnh sát trưởng ở Luân Đôn đã dán lên tường ở Luân Đôn bản bố cáo không những “cấm” họp mít-tinh ở Công viên Hây-đơ, mà còn “cấm” tụ tập “đồng người” ở

đấy cũng như *cám* tỏ ý tán thành hoặc phản đối bằng bất cứ cách nào. Ngay báo cáo của cảnh sát cũng phải thừa nhận rằng kết quả của mệnh lệnh ấy là mới có 2 giờ rưỡi mà đã có 15 vạn người thuộc các tầng lớp và các lứa tuổi *khác nhau* đi dạo trong công viên, mà số người đến ngày một nhiều hơn, nhiều đến mức chưa từng thấy ngay cả ở Luân Đôn. Người Luân Đôn không những kéo đến rất đông, mà còn xếp thành hai hàng rào người ở hai bên đường cái ven theo hồ Xéc-pen-ti-na, lần này thì đông hơn và rộng hơn chủ nhật trước. Chi haute volée^{1*} là không có mặt. Tất cả có 20 chiếc xe ngựa, chủ yếu là xe song mã cỡ nhỏ và xe mui trần đã đi qua không gặp trở ngại gì, còn những xe lộng lẫy hơn, lớn hơn, với chỗ ngồi của người xà ích ở trên cao, trang điểm bằng những dải thêu kim tuyến thì đã gặp phải sự tiếp đón như lần trước và tiếng hò hét như sấm, mà tiếng rên vang lần này làm chấn động bầu không khí trong phạm vi một dặm đường xung quanh. Mệnh lệnh của cảnh sát đã bị sự tụ tập đông người và tiếng ồn ào của hàng ngàn con người làm tiêu tan. Haute volée không có mặt ở chiến trường và sự vắng mặt của họ thừa nhận chủ quyền thuộc về vox populi^{2*}.

Đã bốn giờ, cuộc biểu tình do thiếu đối tượng nên xem chừng đã biến thành một cuộc giải trí vô hại ngày chủ nhật. Nhưng cảnh sát không đánh giá như thế. Chẳng lẽ chúng phải rút lui giữa tiếng cười của mọi người, luyến tiếc đưa mắt tiễn biệt các bản bố cáo của chính mình được in bằng chữ lớn và được dán ở cửa vào công viên? Huống hồ thủ trưởng của chúng có mặt ở đây: ngài Ri-sốt Mai-nơ và các viên giám sát cảnh sát Gíp-xơ và Uôn-cơ cưỡi ngựa, các viên thanh tra Ban-xơ, Đác-kin và Bren-nan đi bộ. 800 cảnh sát đã được triển khai theo ý đồ chiến lược, phần lớn ẩn trong các ngôi nhà và mai phục sẵn. Các đội mạnh hơn thì bố trí ở gần đó làm đội dự bị. Ngôi nhà người quản lý công viên, kho đạn dược và trạm cứu hộ ở chỗ con đường cái trên bờ hồ Xéc-pen-ti-na chuyển thành con đường nhỏ hai bên có trồng cây

^{1*} - các tầng lớp thượng lưu

^{2*} - tiếng nói của nhân dân

dẫn đến. Khu vườn Ken-sinh-ton được biến thành lô-cốt lâm thời có đội cảnh sát mạnh canh giữ để thu nhận những người bị bắt và bị thương. Gần đồn cảnh sát phố Vai-nơ khu Pi-ca-di-ly có đậu nhiều xe sẵn sàng ra chiến trường và đưa những người bị bắt về có sự áp giải chắc chắn. Tóm lại, cảnh sát đã đặt ra một kế hoạch tác chiến trông đợi vào một “hành động kiên quyết” hơn, như tờ “Times” viết so với “bất cứ kế hoạch nào mà chúng ta đã nghe thấy nói ở Crum”. Cảnh sát cần đánh vỡ đầu mọi người và những vụ bắt bớ để bản thân khỏi bị lập tức biến từ địa vị anh hùng thành địa vị đáng buồn cười mà không có giai đoạn chuyển tiếp nào. Thế là khi hàng rào người vừa hơi thưa đi và quần chúng phân tán thành từng nhóm ở khoảng đất trống rộng rãi của công viên xa đường cái hơn, các viên chỉ huy cảnh sát liền cưỡi ngựa chạy ra giữa đường, ở giữa hai hàng rào người và bắt đầu đưa ra các mệnh lệnh có tính chất khiêu khích quay sang phải và quay sang trái, tuồng như để bảo vệ đám người ở trên các xe ngựa và những người cưỡi ngựa. Nhưng vì không có xe ngựa, cũng không có người cưỡi ngựa đến, và không có ai để bảo vệ, nên cảnh sát bèn vin “lý do bịa đặt” lời một số người từ trong đám đông ra và cụ thể là bắt họ, tuồng như thể vì họ là pickpockets (những kẻ móc túi). Khi số lượng các cuộc thí nghiệm ấy tăng lên, cái có nêu lên đã mất tín nhiệm thì quần chúng thốt lên những tiếng hét phần nộ. Nhưng lúc đó các đội cảnh sát từ nơi mai phục xông ra, khua dùi cui bắt đầu đánh mọi người đến chảy máu, bắt một số người trong đám đông và lôi họ vào lô-cốt lâm thời (tất cả có 104 người bị bắt như thế). Mép bên trái đường cái chỉ cách hồ Xéc-pen-ti-na có một dải đất hẹp. Bằng một thủ đoạn khéo léo, một sĩ quan cảnh sát cùng tốp cảnh sát của hắn đã dồn những người đứng xem lui đến tận bờ hồ, đe dọa cho họ tắm mình trong dòng nước lạnh. Một người nào đó đã bơi qua hồ Xéc-pen-ti-na sang bờ bên kia để tránh dùi cui của cảnh sát, nhưng cảnh sát đã dùng thuyền truy kích anh ta, bắt anh ta và đắc thắng lôi anh ta trở về.

Tính chất của cảnh tượng hôm nay khác với chủ nhật trước

biết chừng nào! Thay cho những chiếc xe ngựa sang trọng là những chiếc xe ngựa bần thiêu luôn luôn chạy từ đồn cảnh sát ở phố Va-in đến nhà tù lâm thời ở Công viên Hây-đơ và chạy ngược trở lại đồn cảnh sát. Trên chỗ ngồi của người xà ích, thay cho những tên đầy tớ là cảnh sát với phu xe say rượu. Trong xe, thay cho các ông và các bà lịch sự là những người bị bắt máu me đầy đầu, tóc rối bù, quần áo rách mướp, thân thể hờ hang dưới sự áp giải của những tên truy kích khả nghi trong số vô sản lưu manh Ai-rơ-len mặc đồng phục cảnh sát Luân Đôn. Thay cho sự phe phẩy của những chiếc quạt lông là tiếng vun vút của dùi cui bọc da (cái gọi là “truncheon” của cảnh sát). Chủ nhật trước, giai cấp thống trị trung bày bộ mặt nhân sĩ thượng lưu cao thượng của mình, lần này để lộ ra bộ mặt kẻ cầm quyền quốc gia của mình. Đằng sau những nhân vật lịch lãm già nua mỉm cười nhã nhặn, những người ăn mặc sang trọng đứng một, những bà góa cao tuổi có tiếng tăm, những người đẹp trang điểm bằng khăn voan Ca-sơ-mia và lông chim đà điều, tỏa hương thơm trong những vòng hoa và kim cương, đằng sau họ là bọn cảnh sát mặc áo mưa, đội mũ vải dầu loáng bóng, tay cầm truncheon. Đây là mặt sau của chiếc huy chương. Chủ nhật trước, quần chúng chạm trán với giai cấp thống trị trong bộ mặt của một số đại biểu cá biệt của chúng. Hôm nay, những giai cấp ấy xuất hiện dưới hình thức chính quyền nhà nước, pháp luật, truncheon. Phản kháng chúng lần này có nghĩa là khởi nghĩa, mà người Anh thì cần cố động lâu dài và dần dần trước khi anh ta khởi nghĩa. Vì thế sự phản kháng của những người biểu tình nhìn chung chỉ bó hẹp ở chỗ huýt sáo, chửi bới và chế nhạo các xe cảnh sát, ở những ý đồ yếu ớt lẽ tẻ định giải thoát cho những người bị bắt, ở sự phản kháng chủ yếu là thụ động và giữ vững trận địa một cách chiếu lệ.

Điều tiêu biểu là: những binh sĩ có mặt ở đây một phần thuộc vệ binh, một phần thuộc trung đoàn 66, đã đóng vai trò như thế nào trong cảnh tượng ấy. Họ hiện diện rất đông. Mười hai người trong bọn họ thuộc vệ binh, có người ngực còn đeo huy chương Crum, đứng ở trong đám đàn ông, đàn bà và trẻ em bị dùi cui của

cảnh sát vụt. Một người cao tuổi không chịu nổi đòn đã ngã xuống đất. Một trong những anh hùng ở Crum hét lên: “Stiffstaffs (biệt hiệu chửi cảnh sát) Luân Đôn còn ghê hơn quân Nga ở In-ke-rơ-man!”. Cảnh sát định bắt anh ta nhưng phải lập tức thả anh ta giữa tiếng hò la của đám đông “Quân đội muôn năm!”. Cảnh sát thấy nên chuồn là hơn. Lúc đó, một số lính thuộc các đội tinh binh vừa tới, binh sĩ xếp thành hàng ngũ có quần chúng vây quanh, đi du ngoạn khắp công viên với vẻ mặt khiêu khích về những tiếng hò “Quân đội muôn năm! Đả đảo cảnh sát! Đả đảo luật chủ nhật!” Cảnh sát còn đang do dự cho đến khi một viên đội thuộc vệ binh tới, lớn tiếng bày tỏ sự tức giận đối với hành động thô bạo của cảnh sát, trấn an các binh sĩ và còn khuyên một số binh lính cùng mình trở về doanh trại để tránh những cuộc xung đột nghiêm trọng hơn. Nhưng phần lớn binh sĩ vẫn ở lại giữa đám đông quần chúng, thả sức biểu lộ sự bất bình của mình đối với cảnh sát. Giữa quân đội và cảnh sát ở Anh từ lâu đã tồn tại sự đối kháng và hiện nay khi quân đội là “pet child” (con cưng) của quần chúng nhân dân thì cũng không thể trông mong sự đối kháng ấy giảm bớt đi.

Nghe nói một ông già, mà họ ông ta là Rốt-xen, hôm nay đã chết vì những vết thương. Khoảng sáu người bị thương đang nằm ở bệnh viện Xanh-Giôóc-giơ. Trong thời gian biểu tình, ở các nơi cũng định tổ chức những cuộc mít-tinh riêng lẻ. Tại một trong những cuộc mít-tinh ấy ở An-be-hai-tơ, được tổ chức ở phía ngoài phần mà ban đầu cảnh sát đã chiếm trong công viên, một người không rõ tên tuổi đã phát biểu trước công chúng, đại để như sau:

“Hỡi những con người của nước Anh cũ! Hãy tỉnh dậy, hãy thoát khỏi giấc mơ, nếu không các bạn sẽ ngã xuống mãi mãi. Mỗi chủ nhật, hãy tỏ rõ sự chống đối với chính phủ! Hãy đi biểu tình phản đối luật giáo hội, như các bạn đã làm hôm nay. Đừng đưa ra đòi hỏi về những quyền lợi thuộc về các bạn, hãy trút bỏ những xiềng xích áp bức và bạo lực của tập đoàn thống trị. Nếu các bạn không làm như thế, thì các bạn sẽ nhất định bị xéo nát. Dân cư của thủ đô lớn, lớn nhất thế giới văn minh này mà để cho cái tên huân tước Grô-vơ-nơ gì đó hoặc một kẻ như huân tước Ê-brinh-ton đứng ra bảo vệ tự do của mình, thì điều đó chẳng

phải là ô nhục hay sao! Ngài huân tước ấy nghĩ rằng cần dồn chúng ta vào nhà thờ và dùng các đạo luật của nghị viện để biến chúng ta thành tén đồ! Một dự định uông công! Chúng ta là ai và họ là ai? Hãy xem cuộc chiến tranh hiện nay! Chẳng phải nó được tiến hành trên lưng các giai cấp sản xuất và bằng máu của họ, hay sao? Còn các giai cấp không sản xuất làm gì? Họ làm hỏng toàn bộ sự nghiệp”.

Đĩ nhiên là diễn giả, cũng như bản thân cuộc mít-tinh, đã bị cảnh sát làm gián đoạn.

Ở Grin-vích, gần đài thiên văn, dân chúng Luân Đôn cũng tổ chức mít-tinh có 10 - 15 ngàn người tham gia. Cuộc mít-tinh này cũng bị cảnh sát giải tán.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 307, ngày 5 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG CUỘC XUNG ĐỘT GIỮA NHÂN DÂN VÀ CẢNH SÁT. - VỀ CÁC SỰ KIỆN Ở CRUM¹⁹⁹

Luân Đôn, ngày 6 tháng Bảy. Từ thứ hai đến tối hôm qua, Luân Đôn đã chứng kiến một loạt cuộc xung đột giữa cảnh sát với “mob”^{1*}, cảnh sát thì tấn công bằng dùi cui, mob thì đánh trả bằng đá. Ở phố Man-bô-rô và những phố lân cận, chúng tôi được nhìn thấy những cảnh tượng làm cho chúng tôi nhớ lại một cách sinh động Pa-ri. Tối qua tại nghị viện, Đon-côm-bơ đưa ra đề nghị điều tra về hành động “ê tiện và tàn bạo” của cảnh sát vào chủ nhật trước. Quần chúng dự định ngày kia sẽ đến các câu lạc bộ ở Pen-mên²⁰⁰. Phái hiến chương định tổ chức một cuộc tuần hành *vũ trang* (không phải bằng gươm và súng mà bằng dụng cụ làm việc và gậy) từ cầu Bléch-phrai-ác đến Công viên Hây-đơ có mang theo cờ và khẩu hiệu: “No Mayne Law” (“Đả đảo luật Mai-nơ”. Ở đây đã cố ý gắn cho nó hai nghĩa. Như mọi người đều biết, Maine law là tên gọi luật của thanh giáo Mỹ cấm uống rượu, còn Mayne là họ của viên cảnh sát trưởng Luân Đôn). Qua những bản tin trước đây^{2*} có thể thấy rằng cuộc biểu tình quần chúng ở Công viên Hây-đơ đã nổ ra một cách tự phát. Sau đó phong trào được mở rộng và mạnh lên do sự tàn bạo có tính chất khiêu khích của cảnh sát mà viên cảnh sát trưởng, ngài Ri-sốt Mai-nơ, tỏ ra xứng đáng với tâm huân chương hãn nhận được ở Pa-ri. Nhưng hiện nay có thể phân biệt các đảng phái đã ra sức kích động

^{1*} - “đám đông”, “dân đen”

^{2*} Xem tập này, tr. 419 - 426, 443 - 448

phong trào quần chúng, lãnh đạo và lợi dụng nó vào mục đích sau này của mình. Những đảng phái ấy là:

Thứ nhất, đó là bản thân chính phủ. Trong thời gian Bô-na-pác-tơ lưu lại Luân Đôn, tất cả những biểu ngữ là biếm họa phản đối hần đều biến khỏi các bức tường như là có phép màu. Còn bây giờ cảnh sát lại để cho những biểu ngữ gay gắt nhất treo ở trên tường. Tất cả những cái đó chứng tỏ đang có một mưu kế bí mật: sự thô bạo của cảnh sát *theo lệnh trên*, những lời biện hộ có tính chất khiêu khích của các luật sư nhằm bào chữa cho chính phủ tại tòa án ở phố Man-bô-rô, việc sử dụng *một cách phi pháp* các tù nhân ở Treadmill²⁰¹, giọng điệu lảng nhục của báo chí chính thức, những lời phát biểu ngập ngừng của các thành viên nội các tại nghị viện. Có lẽ Pan-móc-xton cần coup d'état^{1*} nhỏ để duy trì nội các của mình chăng? Hoặc ông ta cần sự hỗn loạn nghiêm trọng bên trong để đánh lạc sự chú ý đối với Crum? Biết rõ nhân vật hoạt động nhà nước tự tin ấy khéo che đậy sự tính toán sâu sắc và lạnh lùng dưới cái vẻ khinh suất bề ngoài, chúng tôi cho rằng ông ta “capable de tout”^{2*}, giống như Vôn-te của A-ba-quých.

Thứ hai, đó là những người thuộc Hội cải cách hành chính. Họ đã ra sức lợi dụng phong trào quần chúng phần thì để dọa giới quý tộc, phần thì để làm thủ đoạn tranh thủ tiếng tăm cho mình. Vì vậy *Ban-lan-tai-nơ* đã thay mặt họ vì lợi ích của họ phát biểu trước Police - Court^{3*} tại phố Man-bô-rô với tư cách người biện hộ cho những người bị bắt vào chủ nhật trước. Vì vậy những người ủng hộ cải cách hành chính hôm qua đã nộp phạt hộ những người bị bắt và chuộc được họ ra. Vì vậy báo của họ bênh vực “mob” (là tên gọi mà tờ báo của chính phủ “Globe” dùng để gọi nhân dân) và công kích cảnh sát và nội các.

Thứ ba, đó là phái Hiến chương mà mục đích thì mọi người đều biết.

Tin tức chính thức và không chính thức về thất bại của cuộc

^{1*} - đảo chính

^{2*} - “có khả năng làm tất cả”

^{3*} - tòa án cảnh sát

tấn công ngày 18 tháng Sáu, rút cục đã được công bố. Điện văn chính thức được công bố chậm mấy ngày, đương nhiên, không phải là không có nguyên nhân. Không nghi ngờ gì nữa, sự kiện ngày 18 tháng Sáu là điển hình hoàn thiện nhất của những điều phi lý và sai lầm thường xảy ra trong những vấn đề phương Đông.

Chiến hào phía trước của quân Pháp cách các pháo đài quân Nga 400 - 500 i-ác-đơ, của quân Anh cách 500 - 700 i-ác-đơ. Đây chỉ là cự ly mà khi cường tập, các đội hình tấn công phải chạy qua không được bảo vệ dưới hỏa lực quân Nga và không có sự chi viện bằng hỏa lực pháo binh của mình; khi chạy nhanh, bất cứ đội hình chiến đấu nào như thế đều không tránh khỏi rối loạn và quân lính lâm vào tình trạng bất lực dưới hỏa lực súng trường của địch trong vòng 3 - 5 phút, thời gian quá đủ để cho các đội hình đó hoàn toàn tan rã. Riêng sự việc ấy đã nói lên đặc điểm của toàn bộ kế hoạch tấn công. Đáng lẽ phải bắt đầu bằng việc *hoàn toàn* áp chế hỏa lực địch và dùng hỏa lực cầu vòng bắn liên tục để *thật sự* cản trở việc định tập trung một số lượng lớn binh lực trong công sự của nó - không làm như thế thì không thể có được hy vọng nhỏ nhất về thắng lợi.

Hình như quân Nga đã đoán đúng kế hoạch của liên quân, nếu không phải như Pê-li-xi-ê nhận định là họ đã biết trước kế hoạch ấy. Ngày 17 tháng Sáu, họ chỉ đánh trả yếu ớt hỏa lực của liên quân, ban ngày thì giấu pháo phía sau tường chắn và đại để tiến hành những biện pháp đề phòng hầu như không cần thiết cho họ khi chống lại cuộc tấn công hôm sau. Nhưng ban đêm, pháo đã được chuyển đến trận địa, các đơn vị binh lính và các đội dự bị dùng để phòng ngự đã chiếm lĩnh xong trận địa.

Kế hoạch ban đầu thỏa thuận giữa Pê-li-xi-ê và Ra-glan là tăng sáng ngày 18 tháng Sáu khôi phục cuộc pháo kích và phát huy hỏa lực tối đa trong vòng mấy giờ, sau đó 7 đội hình đồng thời mở cuộc cường tập bất ngờ. Một cánh quân (của quân Pháp) đánh vào pháo đài ở gần khe núi Ki-len, 2 cánh quân (của quân Pháp) đánh vào đồi Ma-lô-khốp, 3 cánh quân (của quân Anh) đánh Rê-đan và 1 cánh quân (của quân Anh) đánh mấy ngôi nhà và nghĩa địa ở giữa Rê-đan và đoạn cuối vịnh ở phía trong. Vốn dự định tiến

hành cường tập, kế hoạch ấy khá chính xác. Nếu thực hiện được nó thì hỏa lực của quân Nga sẽ bị áp chế và số quân Nga tập trung lại để phòng ngự sẽ bị đánh tan trước khi bắt đầu cuộc tấn công. Mặt khác, liên quân nhất định sẽ bị thiệt hại vì hỏa lực của quân Nga trong khi liên quân tập kết ở chiến hào mà bên phòng ngự chắc cũng sẽ nhanh chóng phát hiện được các cánh quân dự định xung phong vào trận địa của họ. Nhưng đây là điều tai hại nhỏ nhất. Với tất cả những khuyết điểm ấy, kế hoạch ban đầu vẫn là kế hoạch hay nhất trong những điều kiện đó. Kế hoạch ấy đã bị thất bại như thế nào, hy vọng của Pê-li-xi-ê nhận được vòng nguyệt quế đã tiêu tan như thế nào, liên quân đã phải ném trái một trận “*Ba-la-cla-va bằng bộ binh*” như thế nào, về tất cả những vấn đề đó, đến ngày mai, chúng tôi sẽ bàn.

Mùa hè năm nay hình như đã đem lại sự thử thách nặng nề đối với các “*thánh đồ*”. Chủ ngân hàng bậc nhất ở Luân Đôn, thủ lĩnh nổi tiếng của giáo phái Quây-cơ, ông *Guéc-ni* giàu có bao nhiêu thì cũng ngoan đạo bấy nhiêu (con trai của Bun-den đã lấy một người con gái của ông ta) xem ra đã mất hết danh giá do vụ vỡ nợ có mưu tính trước ở Xtơ-ren. Biết rõ hãng buôn Xtơ-ren và công ty đã phá sản, ông ta vẫn thanh toán kỳ phiếu của hãng này với số tiền 37 000 p.xt., do đó làm cho hãng này có thể lừa bịp được công chúng mấy tháng nữa, còn bản thân thì thoát khỏi cảnh khó khăn mà chẳng mất mát tí gì. Báo chí của giới trần tục lấy làm hý hứng trước sự thật là ngay cả những nhân vật được lựa chọn cũng không phải là không mắc tội lỗi.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết khoảng 6 tháng Bảy 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” số 313, ngày 9 tháng Bảy 1855 và đăng làm xã luận trên tờ “New-York Daily Tribune” số 4447, ngày 21 tháng Bảy 1855

*In theo bản đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” có đối chiếu với bản đăng trên tờ “New - York Daily Tribune”,
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

VỀ TRẬN TẤN CÔNG NGÀY 18 THÁNG SÁU

Luân Đôn, ngày 7 tháng Bảy. Hôm qua chúng tôi đã phân tích kế hoạch ban đầu của cuộc cường tập mà liên quân tiến hành ngày 18 tháng Sáu. Đến đêm khuya ngày 17 tháng Sáu, Pê-li-xi-ê được biết quân Nga định hôm sau sẽ mở một cuộc tấn công mới qui mô lớn vào Ma-mê-lôn. Đáng lẽ Pê-li-xi-ê phải đánh giá đây là điều may mắn thực sự, vì trận địa phòng ngự của Ma-mê-lôn, không nghi ngờ gì nữa, có thể chịu đựng được cuộc tấn công mãnh liệt của bất cứ lực lượng nào mà quân Nga có thể tung vào. Nếu không Ma-mê-lôn (hiện nay gọi là đồn *Bran-xi-ông*) làm sao có thể trở thành căn cứ tác chiến cho cuộc cường tập vào đồi Ma-la-khốp? Như thế là quân Nga, sau khi bị thất bại trong cuộc tấn công vào Ma-mê-lôn, lại đứng trước một sự cần thiết không may mắn là phải mở cuộc tấn công thứ hai vào đồi Ma-la-khốp; trong tình hình đó thắng lợi của cuộc tấn công của liên quân vào trận địa đó có thể coi là được bảo đảm. Nhưng Pê-li-xi-ê lại suy nghĩ khác. Tới khuya, ông bãi bỏ lệnh pháo kích và ấn định mở cuộc cường tập vào 3 giờ sáng. Tín hiệu sẽ là ba phát pháo hiệu. Quân Anh cũng được thông báo về việc thay đổi mệnh lệnh ấy.

Toàn bộ hành động ấy đã kết thúc đúng như nó phải kết thúc - phù hợp với câu danh ngôn của Na-pô-lê-ông, Na-pô-lê-ông đích thực, về số phận của những viên tướng do dự và bất tài: “*Ordre, Contreordre, Désordre*”^{1*}. Nửa giờ trước thời gian qui định, cánh quân Pháp ở đầu sườn phải đã bước vào chiến đấu với địch.

^{1*} - “mệnh lệnh, phản mệnh lệnh, hỗn loạn”

Hiện nay chưa hoàn toàn biết rõ là họ bước vào chiến đấu là do cuộc xuất kích giả của quân Nga hay là, như Pê-li-xi-ê khẳng định, viên tướng chỉ huy tướng nhằm pháo của Pháp là pháo hiệu. Dù sao đi nữa Pê-li-xi-ê cũng đã buộc phải phát tín hiệu tấn công sớm hơn thời gian qui định, và những đội hình vẫn còn đang bận tìm kiếm những vị trí qui định cho họ trong chiến hào đã buộc phải bắt đầu tấn công khi một nửa còn đang ở tư thế lộn xộn và một bộ phận thì không ở vào địa điểm xuất phát đã quy định cho họ. Cách giữa các quân Pháp phải vu hồi đòi Ma-la-khốp từ bên sườn đã hoàn thành nhiệm vụ của mình và đã đột nhập công sự của quân Nga; nhưng hai cánh khác không tiến vào được dưới làn mưa đạn ria và đạn súng trường trút lên đầu họ. Mỗi cánh là một lữ đoàn gồm 4 tiểu đoàn; lữ đoàn thứ hai của mỗi sư đoàn đều ở tuyến hai trong khi vệ binh được dùng làm đội tổng dự bị. Như thế, vị tư lệnh nắm chừng 4 sư đoàn, hay là 20 000 người. Số quân lính thuộc tuyến hai đã được sử dụng để chi viện cho đợt tấn công đầu tiên, nhưng không kết quả. Sau hết, vệ binh cũng bước vào chiến đấu, nhưng họ bị cản lại rồi bị đánh lui. Trong tay vị tư lệnh chỉ còn hai tiểu đoàn. Lúc ấy đã là 8 giờ rưỡi. Lữ đoàn tạo thành cánh giữa đã đột nhập công sự của quân Nga, nhưng bị đánh bật ra. Ở tất cả các địa điểm, quân Pháp đều bị đánh lui với những thiệt hại nặng nề, còn các lực lượng mới thì trong tay không có. Quân Anh cũng tấn công không thành công như thế. Pê-li-xi-ê ra lệnh rút lui, một cuộc rút lui, theo ông ta nói, được tiến hành một cách “xứng đáng”.

Ở điểm tấn công của *quân Anh*, mỗi đội hình đi đầu chỉ có 1 800 người, ít hơn của quân Pháp 1 000 người. Trong số 1 800 người ấy thì 1 000 người được dùng vào tác chiến, còn 800 người làm những công việc cần thiết. Ở tuyến hai phía sau mỗi cánh quân là những binh lính còn lại của lữ đoàn sau khi đã tách ra cánh quân ấy và gồm có 1 200 - 1 400 người. Ở tuyến ba phía sau các lữ đoàn đầu thì bố trí những lữ đoàn thứ hai của mỗi sư đoàn. Sau hết, vệ binh và các đội quân miền núi Xcôt-len (sư đoàn 1) tạo thành đội tổng dự bị. Như vậy là, trong tổng số bộ binh Anh tập trung ở khu vực tác chiến, chỉ có 7 200 người được dự định tung vào đợt tấn công thứ nhất, và trong đó chỉ có 4 000

người có thể thực sự tham gia chiến đấu. Quân số các đội hình đi đầu sở dĩ ít như vậy, một phần vì truyền thống của quân đội Anh, một phần vì quân Anh quen tấn công bằng đội hình hàng ngang. Tất cả các báo cáo cho phép kết luận rằng lần này quân Anh cũng tấn công theo đội hình hàng ngang, khiến bản thân trở thành cái bia tốt cho đạn ria của địch, mà chẳng được lợi ích gì. Những khó khăn do việc bố trí quân thành 4 tuyến, tuyến nọ sau tuyến kia trong chiến hào hẹp và không chính qui, ngay từ đầu đã gây ra sự lộn xộn lớn, đem lại thiệt hại và sẽ dẫn tới sự hỗn loạn hoàn toàn, nếu cuộc chiến đấu trở nên ít nhiều gay go. Đội hình thứ nhất và thứ ba (tính từ phải sang trái) phải vu hồi Rê-đan từ bên sườn, còn đội hình thứ hai thì tấn công góc nhỏ của nó khi các đội hình thứ nhất và thứ ba vừa đạt tới đích. Đội hình thứ tư hoặc tận cùng bên trái phải tấn công theo hướng đoạn cuối của vịnh trong.

Khi pháo hiệu bắn lên, các đội hình quân Anh cũng như quân Pháp còn đang vận động lên vị trí chủ định cho họ. Đội hình thứ nhất vẫn vượt qua được tường chắn của chiến hào và lập tức sa vào hỏa lực đạn ria mãnh liệt. Số quân mà hàng ngũ hòa lẫn vào nhau khi vượt tường chắn, không làm thế nào xếp thành đội hình chiến đấu được. Viên chỉ huy đội hình ấy, đại tá I-ê, đã gọi lính kèn để ra hiệu lệnh rút lui, nhưng không tìm thấy lính kèn và thế là quân lính tiếp tục tiến lên tuy đội hình hoàn toàn rối loạn. Một số binh sĩ đã đột nhập hàng rào lông nhím bao quanh Rê-đan, nhưng chẳng đem lại kết quả gì. Đại bộ phận đội hình này lập tức rút lui, tìm chỗ ẩn nấp trong chiến hào. Đội hình thứ ba tiến ra chậm một vài phút. Họ lạc đường và đáng lẽ phải vu hồi Rê-đan từ bên sườn thì lại tấn công chính diện. Họ tiến lên khó khăn dưới làn mưa đạn chí mạng, nhưng đội hình bị phá vỡ và sau mấy phút cánh quân này đã rút lui hỗn loạn. Cuộc tấn công vào Rê-đan đã kết thúc như vậy trước khi có một đơn vị nào của đội dự bị phức tạp của huân tước Ra-glan đến tiếp viện. Cánh quân thứ hai hoảng sợ trước thất bại bất ngờ như thế của các đơn vị có nhiệm vụ chi viện nó từ bên sườn, nên thậm chí nó không dám

nhảy ra khỏi chiến hào. Chỉ có đội hình thứ tư là bám chắc được ở nghĩa địa và trong những ngôi nhà xung quanh nghĩa địa. Ở đây, khoảng 1 800 người đã giữ vững được suốt cả ngày; họ không thể rút lui được, vì khu vực phía sau họ trống trải và nằm dưới hỏa lực đan chéo của quân Nga. Quân Anh cố gắng chiến đấu đến 9 giờ tối rồi rút lui khi màn đêm buông xuống. Thiệt hại của họ là trên một phần ba quân số. Cuộc tấn công qui mô lớn của Pê-li-xi-ê vào khu Cô-ra-ben kết thúc như vậy đây. Hành động này đã được quyết định vội vã, càng vội vã hơn vào phút cuối cùng, khi quyết định này bị thay đổi hoàn toàn, và trận đánh này đã được tiến hành đặc biệt vụng về. Viên sĩ quan Nga đã đúng khi hỏi một sĩ quan Anh vào lúc ngừng tiếng súng ngày 19 tháng Sáu rằng: “Có phải các vị tướng của anh hôm qua đã say rượu khi họ chỉ huy cuộc càn quét không?”.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 6 tháng Bảy 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” số 317, ngày 11 tháng Bảy 1855 và đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” số 4447, ngày 21 tháng Bảy 1855

In theo bản đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” có đối chiếu với bản đăng trên tờ “New - York Daily Tribune”, Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

* TIN TỪ NGHỊ VIỆN : NHỮNG ĐỀ NGHỊ CỦA RÔ-BÁC VÀ BUN-VO

Luân Đôn, ngày 11 tháng Bảy. Như mọi người đều biết, đề án của Rô-bác tỏ ý khiển trách tất cả các thành viên của nội các liên hiệp trước được dự định thảo luận vào thứ ba tới. Trong khi ở Bóc-minh-hêm cũng như ở Sép-phin, Niu-cát-xơ và các địa điểm khác đã tổ chức nhiều cuộc mít-tinh để ủng hộ đề án của ông ta, đồng thời ở tất cả các góc ngách Luân Đôn đều công khai tổ chức việc lấy chữ ký vào đơn thỉnh cầu về vấn đề ấy thì các nghị sĩ chạy sang Pa-ri, sang Na-plơ, về trang trại của mình để lẩn tránh biểu quyết. Nhằm ra sức ngăn chặn cuộc chạy trốn, đã được Pan-mớc-xton ủng hộ bằng đủ cách, hôm qua Rô-bác yêu cầu trao quyền tiến hành “Call” ở hạ nghị viện vào thứ ba tới. “Call” là một thủ tục cũ của nghị viện đã bị bỏ quên từ cuộc tranh luận về giải phóng tín đồ Thiên chúa giáo. Thủ tục này là khi khai mạc phiên họp sẽ điểm danh tất cả nghị sĩ. Những người vắng mặt sẽ bị cảnh vệ của nghị viện bắt, phải công khai nhận lỗi trước nghị viện đang họp và phải nộp một khoản tiền phạt nhất định. Nhưng bằng đa số 133 phiếu thuận và 108 phiếu chống, hạ nghị viện đã bác bỏ đề nghị của Rô-bác sử dụng biện pháp cưỡng chế “Call”. Không có gì đặc trưng cho nghị viện Anh và báo chí vẫn được dùng làm cái loa của nó hơn là thái độ đối với đề án Rô-bác. Đề án không phải do một thành viên của phe đối lập “chính thức” đưa ra, và người ta coi đây là thiếu sót thứ nhất của nó. Đề án

không những chĩa vào các thành viên nội các hiện nay mà còn chĩa vào các thành viên của nội các trước. Do đó, nó không phải là mưu mô thuần túy của đảng phái. Đề án này tuyên bố rằng tội lỗi của nội các trước không thể được chuộc lại bằng việc thành lập nội các mới. Nó là tiền đề của đề án truy cứu trách nhiệm và người ta coi đây là thiếu sót lớn thứ hai của nó. Đương nhiên, phe đối lập chính thức chỉ muốn tiến hành đấu tranh nghị viện “*trong phạm vi thay đổi bộ trưởng*”. Nó xa lạ với việc tiến hành đấu tranh về vấn đề trách nhiệm của các bộ trưởng. Tập đoàn Outs^{1*} quan tâm duy trì quyền lực vạn năng của nội các cũng sốt sắng không thua gì tập đoàn Ins.^{2*} Nghệ thuật đấu tranh nghị viện chính là ở chỗ làm sao trong cuộc đánh giáp lá cà không đánh vào chức vụ mà chỉ đánh vào con người hiện giữ chức vụ đó, và lại đánh làm sao cho anh ta có thể đứng dậy được trong tư cách *ứng cử viên bộ trưởng* ngay sau khi anh ta đã bị ngã với tư cách *bộ trưởng*. Tập đoàn thống trị làm cho bản thân mình tồn tại vĩnh viễn không phải dựa vào việc thường xuyên giữ lấy quyền lực trong *cùng* một bàn tay *ấy*, mà là bằng cách luân lượt thả chính quyền từ tay này ra để cho tay kia lập tức nắm lấy. Do đó, đảng To-ri cũng như đảng Vích đều không hài lòng với đề án của Rô-bác.

Còn về *báo chí* thì điều có ý nghĩa quyết định ở đây là lập trường của tờ “Times”. Tờ báo nào đã hô hào lớn tiếng hơn hết để ủng hộ việc thành lập ủy ban Rô-bác khi ủy ban này có thể lợi dụng để một mặt, gây ra sự thay đổi bộ trưởng và, mặt khác, tạo lỗ xả cho các làn sóng cuồng nhiệt của xã hội? Nhưng từ lúc Rô-bác tiến xa hơn và dựa vào kết quả công tác của ủy ban của mình, đe dọa tạo ra sự khiển trách của nghị viện đối với *tất cả* các thành viên của nội các liên hiệp thì tờ báo nào đã ngoan cố giữ sự im lặng hơn tờ “Times”? Đề án của Rô-bác không tồn tại đối với nó, sự việc xảy ra hôm qua tại nghị viện về vấn đề “Call” không dính dáng đến nó, về các cuộc mít-tinh ở Bóc-minh-hêm, Sép-phin, v.v. không có một chữ nào trên các cột báo của nó. Bản

^{1*} - phe đối lập

^{2*} - chính phủ

thân Rô-bác, đương nhiên, không phải là Bru-tút; một mặt, ông ta thấy rằng đảng Vích trả công bunn xin như thế nào cho sự phục vụ lâu dài của mình, mặt khác, - các cử tri của ông ta đứng đằng sau ông ta. Ông ta là đại biểu của khu vực bầu cử có số lượng cử tri lớn mà ông ta phải đền đáp bằng danh tiếng; vì ông ta không thể trả bằng tiền. Sau hết, vai trò Vác-vích hiện đại của “người tạo ra các quốc vương” của nghị viện không thể không phù hợp với tâm hồn của vị luật sư hiệu danh nhưng cho tới nay chưa chắc đã thành đạt. Với tư cách phe đối lập, đảng To-ri, dĩ nhiên, không thể tiến hành đấu tranh chống đề án của Rô-bác bằng phương thức của đảng Vích. Do đó, nó cố gắng vượt lên trước đảng Vích. Đây là điều bí mật của đề án của Bun-vơ về *việc bỏ phiếu không tín nhiệm* nội các dựa trên những sự bóc trần đáng kinh ngạc của Giôn Rốt-xen về Hội nghị Viên. Đề nghị của Bun-vơ hoàn toàn loanh quanh “*trong phạm vi thay đổi các bộ trưởng*”. Nó giật lấy số phận của các bộ trưởng từ trong tay Rô-bác. Nếu đề nghị của ông ta được thông qua thì điều đó sẽ có nghĩa là đảng To-ri lật đổ đảng Vích, mà một khi đảng To-ri nắm nội các thì “*sự độ lượng*” thường thấy ở nó sẽ không cho phép nó lợi dụng thắng lợi của mình và ủng hộ Rô-bác thêm nữa. Nhưng sự xảo quyệt của đảng To-ri đồng thời làm cho Pan-móc-xton có thể sử dụng những thủ đoạn nghị viện cũ. Sự từ chức của Rốt-xen - dù tự nguyện hay là bị bắt buộc - đã gạt được đề án của Bun-vơ, cũng như Bun-vơ đã gạt được đề án của Rô-bác. Sự từ chức của Rốt-xen không tránh khỏi dẫn tới sự sụp đổ của nội các Pan-móc-xton, nếu nó xảy ra không phải vào cuối kỳ họp. Bây giờ thì trái lại, sự từ chức ấy có thể kéo dài sự tồn tại của nội các Pan-móc-xton. Nếu quả như vậy thì có nghĩa là trước Pan-móc-xton, chưa có vị bộ trưởng Anh nào lợi dụng khéo léo như vậy và thành công như vậy sự oán trách của nhân dân để ép buộc các đảng phái ở nghị viện, cũng như lợi dụng khéo léo như vậy và thành công như vậy những lợi ích nghị viện nhỏ nhặt, các phe phái và các thủ tục ở nghị viện để ép buộc nhân dân. Ông ta giống như lão già bỏ bùa mê mà nhà hàng hải Xanh-đơ-bát không

sao hất ngã được sau khi có một lần cho phép lão ta leo lên vai mình.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 323, ngày 14 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

* TIN TỪ NGHỊ VIỆN : ĐỀ NGHỊ CỦA BUN-VÖ, VẤN ĐỀ AI-RO-LEN

Luân Đôn, ngày 13 tháng Bảy. Những người không am hiểu những bí mật của luật học khó bề hiểu được làm thế nào mà trong các vụ kiện thông thường nhất đã bất ngờ nảy sinh những vấn đề pháp lý không phải xuất phát từ thực chất của vụ án, mà là từ những qui định và công thức tố tụng. Tài vận dụng, những công thức pháp lý ấy làm cho người ta thành luật sư, cũng như tài điều khiển nghi thức tôn giáo biến người ta thành thầy cúng của đạo Bà-la-môn. Trong tiến trình phát triển của tôn giáo, cũng như trong quá trình phát triển của luật pháp, hình thức biến thành nội dung. Nhưng vai trò mà thủ tục tố tụng đóng ở tòa án thì trong cơ quan lập pháp sẽ do chương trình nghị sự và qui tắc hội nghị đóng. Lịch sử ngành lập pháp ruộng đất chứng minh rằng, tập đoàn thống trị cô La Mã, những người sáng lập ra thủ tục phức tạp trong vụ kiện đã sử dụng đầu tiên thủ tục phức tạp trong thủ tục lập pháp. Nhưng nước Anh đã vượt họ về cả hai mặt. Những khó khăn về kỹ thuật khi đưa đề án nào đó vào chương trình nghị sự, những sự biến đổi khác nhau mà một dự luật phải trải qua để thành luật; những qui tắc cho phép người phản đối dự luật không cho nó lọt vào nghị viện, và cho phép người phản đối dự luật không cho nó lọt ra khỏi nghị viện, - tất cả những cái đó đã tạo thành một kho tàng vô tận về những thủ tục phức tạp trong nghị viện, những sự vu khống và

các thủ đoạn sách lược tại nghị viện. Trước Pan-móc-xton, vẫn chưa có vị bộ trưởng Anh nào có thể đem lại một cách đầy đủ cho hạ nghị viện một diện mạo, phong cách và tính chất Court of Chancery²⁰². Ở đâu mà khoa ngoại giao bất lực, ông ta đều sử dụng tới thủ tục. Dưới bàn tay của ông ta, những cuộc tranh luận về một đề án mà ông ta không thích lần nào cũng biến thành cuộc tranh luận sơ bộ về việc ấn định ngày giờ cho cuộc tranh luận thực sự ấy, bao giờ thì thảo luận về đề án ấy. Đề án của Min-nơ Ghíp-xon đã gặp tình huống như vậy, đề án của Lây-ác đã gặp tình huống như vậy, đề án của Bun-vơ giờ đây cũng gặp cảnh ngộ như thế. Trong tình hình chương trình nghị sự vào cuối kỳ họp đã quá đầy vắn đề, Bun-vơ chỉ có thể chọn ngày để đưa ra đề án của mình vào ngày mà nghị viện họp với tính cách là Committee of Supply²⁰³ nghĩa là khi nội các đưa ra hạ nghị viện những yêu cầu về cấp phát tiền. Thông thường thì thứ sáu được qui định cho mục đích ấy. Song, đương nhiên, *khi nào* yêu cầu hạ nghị viện cấp tiền thì điều đó tùy thuộc vào nội các, và do đó, nội các quyết định khi nào nghị viện phải họp với tư cách Committee of Supply. Pan-móc-xton liền tuyên bố với Bun-vơ rằng thứ sáu này không dùng vào Supply - danh từ chuyên môn là như thế - mà dùng để thảo luận dự luật về các công ty mậu dịch với trách nhiệm hạn chế. Hãy để Bun-vơ tự tìm lấy “ngày của mình”. Vì vậy, thứ ba trước, Đì-xra-e-li đã chính thức tuyên bố rằng thứ năm tới (hôm qua) ông sẽ đưa ra hạ nghị viện yêu cầu thủ tiêu hệ thống thủ tục ấy. Pan-móc-xton đã đi trước ông ta. Trong phiên họp buổi chiều ngày hôm qua, Pan-móc-xton đã đứng lên và, giữa tiếng cười của cả hội trường, tuyên bố rằng, dĩ nhiên, ông ta không tự đặt cho mình mục đích trì hoãn cuộc tranh luận về đề án của Bun-vơ về việc biểu quyết không tín nhiệm và dùng các trở ngại có tính chất kỹ thuật để ngăn cản hạ nghị viện đáng kính đưa ra lời phán quyết của mình. Nhưng mặc dù có mọi sự cố gắng, các văn kiện bổ sung về Hội nghị Viên không thể được đệ trình các nghị sĩ xem xét trước ngày mai, mà các nghị sĩ thì làm sao có thể đưa ra lời phán quyết được khi chưa hiểu rõ những văn kiện liên quan đến vụ việc này? Ông ta sẵn sàng dùng ngày thứ hai

để thảo luận đề án của Bun-vơ. Đì-xra-e-li nhấn mạnh rằng “các văn kiện bổ sung” hoàn toàn không dính dáng gì đến đề án của Bun-vơ. Dự luật về các công ty mậu dịch với trách nhiệm hạn chế thuộc loại dự luật rất quan trọng. Nhưng quốc gia trước hết muốn biết:

“Nội các có chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động của mình không, hay là ở đây áp dụng nguyên tắc trách nhiệm hạn chế? Quốc gia muốn biết, trước hết những điều kiện dựa vào đó các cổ đông của các công ty ở phố Đao-ninh tiến hành công việc kinh doanh của mình?”.

Bun-vơ tuyên bố đồng ý chuyển cuộc tranh luận sang thứ hai. Đến lượt mình, Rốt-xen đã ủng hộ công tìm cách lợi dụng sự cố ấy để làm yếu và xuyên tạc ý nghĩa của lời tuyên bố do mình đưa ra vào thứ sáu trước. Nhưng, như tờ “Times” số ra hôm nay đã chứng minh có sức thuyết phục rằng bản in lần thứ hai có sửa chữa ấy đã tỏ ra quá chậm. Trong nhiều ngày, tờ báo này đã trở hết tài nghệ của nó để cứu vớt nội các Pan-móc-xton bằng cách hy sinh Rốt-xen, và trong việc này, nó được sự ủng hộ kiên định của tờ “Morning Advertiser” chất phác mà sự tín nhiệm của nó đối với Pan-móc-xton được hoàn toàn khôi phục mỗi khi hạ nghị viện đe dọa không tín nhiệm ông ta. Trong khi đó Pan-móc-xton đã lợi dụng mấy ngày ấy vào những mảnh lối mới. Row^{1*} Ai-rơ-len diễn ra hôm qua tại hạ nghị viện, đã chứng minh ông ta khéo lợi dụng mỗi ngày đó như thế nào.

Mọi người đều biết, ba dự luật về điều chỉnh quan hệ giữa người chiếm hữu ruộng đất với tá điền ở Ai-rơ-len đã được thảo luận hai năm nay ở hạ nghị viện. Một trong những dự luật ấy qui định mức bồi thường mà tá điền có thể đòi về việc cải tạo đất đai mà người đó đã tiến hành trong trường hợp người sở hữu ruộng đất từ chối ký lại hợp đồng. Cho tới nay, việc cải tạo đất đai mà tá điền Ai-rơ-len (tá điền hầu như tất cả đều có tính chất tạm thời - thời hạn là một năm) chỉ đưa tới chỗ tạo khả năng cho chủ ruộng nâng cao tiền tô khi hết hạn lĩnh canh. Vì vậy,

^{1*} - vụ bê bối

tá điền, hoặc sẽ mất trang trại, nếu từ chối ký lại hợp đồng với những điều kiện bất lợi, và cùng với trang trại anh ta mất luôn tư bản của bản thân mình dùng vào việc cải tạo chất đất, hoặc buộc phải nộp tiền lợi tức, ngoài khoản tô ban đầu, cho việc cải tạo ruộng đất mà anh ta tiến hành bằng tư bản *của mình*. Sự ủng hộ những dự luật trên là một điều kiện đảm bảo cho nội các liên hiệp có được những lá phiếu của đoàn nghị sĩ Ai-rơ-len. Vì vậy, năm 1854 những dự luật ấy đã được hạ nghị viện thông qua, nhưng ở thượng nghị viện, với sự giúp sức ngấm ngấm của các bộ trưởng, những dự luật ấy ban đầu bị hoãn đến kỳ họp sau (1855), rồi bị sửa chữa đến mức mất hết mọi ý nghĩa và được trả lại hạ nghị viện dưới hình thức bị bóp méo ấy. Tại hạ nghị viện, vào thứ năm trước, điều khoản chủ yếu của dự luật về bồi thường đã bị đem lại làm tế vật trước bàn thờ của chế độ sở hữu ruộng đất, và người Ai-rơ-len ngạc nhiên phát hiện thấy rằng ru thể của đối thủ của mình một phần là do phiếu của nội các, một phần là do phiếu của những người có quan hệ trực tiếp với nội các đem lại. Sự công kích gay gắt của serjeant^{1*} Si đối với Pan-móc-xton đe dọa gây ra riot^{2*} của “khu người Ai-rơ-len” trong nghị viện mà hậu quả đúng vào lúc này thật nguy hiểm. Vì thế Pan-móc-xton phải nhờ đến Xát-lơ, nguyên thành viên của nội các liên hiệp và người mối lái của đoàn nghị sĩ Ai-rơ-len, làm trung gian và dàn xếp đến mức là ngày hôm kia một đoàn đại biểu gồm 18 nghị sĩ Ai-rơ-len đến thăm và chất vấn ông ta là liệu ông ta có lợi dụng ảnh hưởng của mình để đạt được việc thủ tiêu nghị quyết của nghị viện và làm cho điều khoản chủ yếu được nghị viện thông qua khi biểu quyết lại, hay không. Đương nhiên Pan-móc-xton tuyên bố sẵn sàng làm tất cả, miễn là được lá phiếu của các nghị sĩ Ai-rơ-len khi có cuộc biểu quyết không tín nhiệm. Sự bóc trần quá sớm âm mưu ấy tại hạ nghị viện đã tạo lý do cho một trong những màn kịch tai tiếng đặc trưng cho sự suy sụp của nghị viện của tập đoàn thống trị. Những người Ai-rơ-len có

trên 105 phiếu. Nhưng hóa ra là đại đa số trong số họ đã không trao cho đoàn đại biểu 18 người một thẩm quyền nào cả. Nhìn chung, Pan-móc-xton không thể lợi dụng được các nghị sĩ Ai-rơ-len trong thời kỳ nở rộ ra các cuộc khủng hoảng nội các như dưới thời Ô Cô-nen. Cùng với sự tan rã của tất cả các phái cũ trong nghị viện, “khu Ai-rơ-len” ở nghị viện cũng chia rẽ, phân thành các bộ phận khác nhau. Dù sao thì sự việc đó cũng chứng tỏ rằng Pan-móc-xton đã lợi dụng như thế nào thời gian mà ông ta tranh thủ được để lung lạc các tập đoàn. Đồng thời ông ta chờ đợi những tin tức dù là đôi chút thuận lợi từ chiến trường, những sự kiện nhỏ nhặt nào đó mà ông ta có thể lợi dụng, nếu không phải ở phương diện quân sự thì cũng ở phương diện nghị viện. Phương tiện điện tín dưới biển đã tước của các tướng lĩnh quyền chỉ huy chiến tranh và đặt nó phục tùng những trò lố lăng của nhà thiên văn không chuyên Bô-na-pác-tơ, cũng như phục vụ những âm mưu nghị viện - ngoại giao. Đó là nguồn gốc giải thích tính chất khó hiểu và chưa từng thấy của chiến dịch Crum lần thứ hai.

*Do C.Mác viết ngày 13 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 325, ngày 16 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - serijeant at law : luật gia của hoàng gia

^{2*} - cuộc nổi loạn

C. MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

SỰ TỪ CHỨC CỦA RỐT-XEN.- NHỮNG SỰ KIỆN Ở CRUM²⁰⁴

Luân Đôn, ngày 14 tháng Bảy. Trong một bản tin trước đây^{1*} chúng tôi đã nói về *sự từ chức*, bắt buộc hoặc tự nguyện, của *huân tước Giôn Rốt-xen* như là *fait accompli*^{2*}. Nó được đưa ra chiều hôm qua sau bữa trưa và cần nói rằng đây là sự từ chức có *tính chất tổng hợp*: vừa tự nguyện vừa bắt buộc. Vấn đề ở chỗ là Pan-móc-xton đã đẩy bộ phận đảng viên Vích ham muốn chức vụ nhất, do Bu-ve-ri lãnh đạo, đi đến bước nổi loạn quỳ gối. Họ tuyên bố rằng họ sẽ buộc phải bỏ phiếu tán thành đề án của Bun-vơ, nếu Rốt-xen không đệ đơn từ chức. Thật là điều vô bổ nếu chống lại việc đó. Không thỏa mãn với chiến công đó, bọn tiểu nhân bội tín ấy thuộc đảng Vích còn lấy chữ ký tại hành lang của hạ nghị viện vào đơn thỉnh cầu gửi Pan-móc-xton yêu cầu ông ta thuyết phục nữ hoàng chấp nhận đơn từ chức mà Rốt-xen đã đệ lên. Dù sao những thủ đoạn hèn hạ này cũng có thể đem lại cho Rốt-xen một sự thỏa mãn: ông ta đã thành lập được một đảng theo hình mẫu của mình.

Sự từ chức của con người, mà theo cách nói của Uóc-các-tơ “thường hay hoạt động ngầm ngầm để bảo đảm cho mình chỗ dựa tinh thần”, vị tất đã có ảnh hưởng gì đến sự tồn tại của

nội các, nếu đa số hạ nghị sĩ không tham lam bám lấy mọi cái cơ cho phép nó hoãn ngày giải tán. Và sự giải tán của hạ nghị viện sẽ không tránh khỏi xảy ra khi đề án của Bun-vơ được thông qua. Nếu Pan-móc-xton vẫn ở lại mặc dầu có cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm thì ông ta nhất định sẽ giải tán hạ nghị viện; nếu người kế tục ông ta là Đốc-bi thì Đốc-bi cũng nhất định làm như thế. Nhưng hạ nghị viện vị tất đã sẵn lòng hy sinh bản thân vì tổ quốc.

Ngài Gioóc-giơ Grây đã thành lập một ủy ban để điều tra các hành động bạo ngược của cảnh sát. Ủy ban này gồm các quan tòa của Luân Đôn, Li-vóc-pun và Man-se-xtơ và các phiên họp của nó sẽ bắt đầu vào thứ ba tới.

Nếu trong buôn bán, thời gian là tiền bạc thì trong chiến tranh, thời gian là thắng lợi. Bỏ lỡ thời cơ thuận lợi, không lợi dụng cơ hội để tung vào chiến đấu với địch những lực lượng vượt trội thì có nghĩa là mắc sai lầm lớn nhất mà người ta có thể mắc phải trong chiến tranh. Sai lầm ấy nguy hiểm gấp đôi nếu người ta phạm phải nó không phải trong phòng ngự, khi mà hậu quả của sự thiếu thận trọng còn có thể sửa chữa được, mà là trong tấn công, khi xâm nhập lãnh thổ địch, khi mà sự sơ xuất như thế có thể gây ra sự hủy diệt của toàn bộ quân đội. Đây toàn là những điều chung chung mà bất cứ viên chuẩn úy nào cũng coi là chân lý cũ rích. Tuy nhiên, người ta không thường xuyên vi phạm những quy tắc chiến lược hoặc chiến thuật nào, nhưng hình như tướng Pê-li-xi-ê, con người hành động nhanh chóng ấy, vị “nguyên soái thẳng tiến” của đạo quân Crum ấy, được trao sứ mệnh làm tấm gương sáng ngời của hành động thường coi nhẹ những nguyên lý mà mọi người biết ấy.

Đường đi Xê-va-xtô-pôn chạy qua In-ke-ro-man đến phía Bắc cực điểm. Pê-li-xi-ê và bộ tham mưu của ông ta biết rõ điều đó hơn ai hết. Nhưng muốn chiếm phía Bắc, liên quân phải triển khai hoạt động dã chiến, sử dụng chủ lực đánh tan quân Nga, bao vây phía Bắc và tách ra một đơn vị có thể giữ chân số quân dã chiến của quân Nga ở một cự ly nhất định. Thời cơ thích hợp cho hành

^{1*} Xem tập này, tr. 459 - 460

^{2*} - việc đã rồi

động ấy là khi quân đoàn Xác-đi-ni và đạo quân Thổ Nhĩ Kỳ do Ô-me-rơ-pa-sa chỉ huy đã đến. Bây giờ liên quân mạnh hơn quân Nga rất nhiều. Nhưng họ không làm một việc gì giống thế. Họ tiến hành cuộc viễn chinh ở Kéc-sơ và biển A-dốp và một loạt mưu đồ cường tập Xê-va-xtô-pôn. Hoạt động đã chiến chỉ quy tụ vào trinh sát và mở rộng khu vực đóng quân đến tận lối vào thung lũng Bai-đác-xcai-a. Hiện nay, rút cục người ta đã thấy rõ ràng cái gì là nguyên nhân của sự án binh bất động ấy: *thiếu phương tiện vận tải*, do đó, sau 15 tháng chiến đấu, liên quân vẫn bị giam chân ở phía biển, ở Ca-mu-sơ và Ba-la-cla-va! Điều đó quả thực lạ lùng. Crum không phải là một đảo hoang ở nơi nào đó tại Nam Cực. Nó là một khu vực trong đó nguồn lương thực có thể đã cạn, nhưng trong tương lai vẫn còn có thể cung cấp một số lượng lớn cỏ ngựa, súc vật làm việc và xe cộ, miễn là biết khéo léo và dũng khí chiếm lấy những thứ đó. Những cuộc điều động ngập ngừng và chậm chạp quanh đi quẩn lại trong phạm vi mây dậm Anh xung quanh sông Đen, đương nhiên, không phải là biện pháp để đạt được những thứ đó. Nhưng ngay cả hoàn toàn không tính đến lạc đà, ngựa và xe lớn hiện có ở Crum thì ở vùng duyên hải châu Âu và châu Á của Hắc Hải cũng có thừa phương tiện vận tải mà người ta có thể dùng tàu thủy chở đến trong vòng hai ngày. Tại sao không trưng dụng những thứ ấy cho nhu cầu của liên quân. Nên nhớ rằng quân Nga trên thực tế đã dạy cho họ một bài học hay về việc nên hành động như thế nào. Quân Nga đã điều các quân đoàn 3, 4 và 5 cùng các loại sư đoàn hậu bị đến Crum vào lúc liên quân đòi tuyệt vọng về khả năng đưa lương thực từ Ba-la-cla-va cung cấp cho chiến hào. Binh lính đã được chuyển một phần bằng xe lớn qua thảo nguyên và xem ra thì họ đã cảm thấy rất thiếu lương thực. Toàn bộ khu vực quanh Pê-rê-cốp trong bán kính 200 véc-xta rất thưa dân. Nhưng quân Nga đã kiếm được vật tư bằng cách trưng dụng ở các tỉnh xa hơn, mà họ chuyển bằng xe từ Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Pôn-ta-va, Khác-cốp v.v. đến Crum còn khó hơn rất nhiều so với việc liên quân nhận phương tiện vận tải từ Ru-mê-li và A-na-tô-li. Dù sao thì thời cơ chiếm Crum cho đến tận Xim-phê-rô-pôn đã bị bỏ lỡ với cái cớ là thiếu phương tiện vận

tải. Bây giờ tình hình đã thay đổi. Quân Nga đã thành lập cho Crum một quân đoàn hậu bị ở khu vực giữa Ô-đét-xa và Khéc-xôn. Chúng tôi chỉ có thể xác định binh lực của quân đoàn ấy căn cứ vào số binh lính được rút ra từ quân đoàn phía tây; số quân ấy gồm có toàn bộ quân đoàn số 2 và 2 sư đoàn tinh binh. Tổng quân số của đạo quân này gồm có 5 sư đoàn bộ binh (82 tiểu đoàn), 1 sư đoàn kỵ binh (32 đại đội) và 80 khẩu pháo. Phải thêm vào đó đội dự bị của bộ binh và kỵ binh. Như vậy là nếu trừ số thiệt hại trong hành quân thì quân số của đạo quân tập trung ở giữa Ô-đét-xa và Pê-rê-cốp và được chỉ định sử dụng cho Crum có thể xác định là khoảng 70 000 - 80 000 người. Những toán đi đầu của nó hiện nay có thể đã vượt qua Pê-rê-cốp và đến cuối tháng Bảy liên quân sẽ cảm thấy sự có mặt của nó.

Liên quân lấy gì đối phó với số quân tăng viện ấy? Đội ngũ của họ lại giảm dần vì dịch tả và sốt rét không kém gì so với mấy lần mưu đồ thực hiện cường tập. Lực lượng tăng viện của Anh đến chậm chạp - trên thực tế chỉ có rất ít trung đoàn xuống tàu xuất phát. Con số 13 000 người, mà chúng tôi báo tin cách đây không lâu là đã xuất phát^{1*} chỉ là sự phô trương thanh thế của nội các. Còn Chính phủ Pháp tuyên bố rằng nó không có ý định gửi đi các sư đoàn quân đang sung sức, mà chỉ phái những phân đội rút ra từ các đơn vị hậu bị để bù lại những con số thiệt hại trên chiến trường. Nếu như lực lượng tăng viện này đến kịp thời, thì con số đó cũng vị tất đủ để đưa quân số của liên quân lên mức mà nó đã có vào tháng Sáu, nghĩa là 200 000 người, kể cả quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Xác-đi-ni. Điều chắc chắn hơn cả là quân số liên quân sẽ không vượt con số 180 000 người, còn quân Nga vào đầu tháng Tám sẽ tung ra chống lại liên quân một đạo quân ít nhất 200 000 người, và lại nó chiếm lĩnh các trận địa tốt hơn, chi phối khu vực ở hậu phương mình và nắm trong tay phía Nam của Xê-va-xtô-pôn, với tính cách là bàn đạp. Trong những điều kiện đó, nếu liên quân lại bị dồn về cao nguyên hẹp bên kia sông

^{1*} Xem tập này, tr. 415 - 416.

Đen thì cao nguyên ấy chen chúc một số lượng người lớn như vậy không tránh khỏi biến thành nghĩa địa.

Tuy nhiên, thời cơ để bắt đầu chiến dịch vẫn chưa mất. Thời cơ thích hợp nhất quả thực đã bị bỏ lỡ rồi, nhưng tuy thế, cuộc tiến quân dũng cảm ngay trong lúc này vẫn có thể bảo đảm cho liên quân một khu vực hoạt động rộng rãi hơn. Nhưng xem ra liên quân không có ý định lợi dụng thời cơ.

Để biện bạch cho Pê-li-xi-ê, có lẽ nên bổ sung rằng dư luận ở Luân Đôn cũng như ở Pa-ri đã tìm kiếm và tìm thấy nguyên nhân của toàn bộ Misère^{1*} của chiến dịch Crum lần thứ hai: đó là sự can thiệp của Lu-i Bô-na-pác-tơ, viên tướng chỉ huy từ xa ấy.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 14 tháng Bảy 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 327, ngày 17 tháng Bảy 1855 và đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4452, ngày 27 tháng Bảy 1855

In theo bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" có đối chiếu với bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune",

Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} - thất bại

C.MÁC

SỰ TỪ CHỨC CỦA RỐT-XEN

Luân Đôn, ngày 17 tháng Bảy. Sự từ chức của Rốt-xen, dù là tự nguyện hay bắt buộc, cũng đã gạt được đề án của Bun-vơ, giống như trước đây Bun-vơ đã gạt được đề án của Rô-bác. Ý kiến ấy - mà chúng tôi đã nêu lên trong bản tin ngày 11 tháng Bảy^{1*} - đã được phiên họp hôm qua của nghị viện hoàn toàn xác nhận. Có câu cách ngôn cũ của đảng Vích nói rằng "chính đảng giống như con sên, cái đầu chuyển động theo cái đuôi". Nội các Vích hiện nay giống con thỏ tức hơn; hình như nó lớn lên nhờ sự cưa cắt, chịu đựng được dễ dàng sự mất đi của các chi, mất đi cái đầu, mất đi cái gì cũng được, miễn là không phải có đuôi. Tuy nhiên, Rốt-xen không phải là người đứng đầu nội các, nhưng là thủ lĩnh của chính đảng đã thành lập ra nội các ấy và do nội các ấy làm đại biểu. Bu-vê-ri, thứ trưởng Board of Trade^{2*}, đại biểu cho cái đuôi của con thỏ tức Vích. Ông ta phát hiện rằng cần chặt đầu của cái thân thể Vích để duy trì sự sống cho cái thân mình Vích và nhân danh cái đuôi Vích và được sự ủy nhiệm của nó đã thông báo phát hiện ấy cho Pan-móc-xtơn. Hôm qua Rốt-xen tuyên bố "sự khinh bỉ" của mình đối với cái đuôi ấy. Đi-xra-e-li hành hạ Bu-vê-ri mãi bằng "sinh lý học của tình hữu nghị" và bằng việc mô tả bản chất của các loài khác nhau trong đó tách riêng ra bản chất loại mang cái tên "*bạn hữu*". Sau hết, ý đồ tự biện bạch

^{1*} Xem tập này, tr. 459

^{2*} - Bộ thương mại

của Bu-vê-ri - ông ta nói, ông ta và cái đuôi gạt Rót-xen ra để cứu vớt bản thân Rót-xen - đã hoàn thành bức tranh thể loại của cái chính đảng của bọn mưu cầu danh lợi ấy.

Khi cái đầu tự nhiên của đảng Vích bị chặt đi như vậy thì cái đầu bị tiếm đoạt của đảng này, huân tước Pan-móc-xton, lại càng bám chắc hơn vào thân mình nó. Sau khi A-bóc-đin và Niu-ca-lơ đổ, Pan-móc-xton lợi dụng Glát-xtôn, Grê-hêm và Héc-bóc để chiếm lấy di sản của nội các liên hiệp. Sau khi Glát-xtôn, Grê-hêm và Héc-bóc từ chức, Pan-móc-xton đã lợi dụng huân tước Giôn Rót-xen để thành lập nội các Vích thuần túy. Sau hết, ông ta lợi dụng cái đuôi Vích để gạt khéo huân tước Rót-xen và như thế là trở thành nhà độc tài trong nội các. Mỗi một cuộc đổi lột đó đều là một giai đoạn trên con đường tổ chức nội các Pan-móc-xton thuần túy. Qua những lời tuyên bố của bản thân Rót-xen, chúng ta được biết, ông ta đã nhiều lần đệ đơn từ chức cho Pan-móc-xton, nhưng lần nào Pan-móc-xton cũng thuyết phục ông ta rút đơn về. Pan-móc-xton cũng thuyết phục như vậy nội các A-bóc-đin dùng mọi thủ đoạn để phân đối ủy ban điều tra của Rô-bác. Trong cả hai trường hợp ông ta đều đạt được kết quả như nhau và theo đuổi cùng một mục đích.

Đề án của Bun-vơ gắn chặt với cá nhân Rót-xen đến mức nó không còn nữa khi corpus delicti^{1*}, Rót-xen, vừa biến khỏi nội các. Điều đó buộc Bun-vơ tuyên bố rằng ông ta rút lui đề án của mình. Nhưng ông ta không thể tự kiềm chế để không phát biểu nhằm luận giải cho đề án của mình, nhưng quên rằng bản thân đề án mà ông ta luận giải trong lời phát biểu của mình, đã không tồn tại nữa. Pan-móc-xton lợi dụng hoàn cảnh lúng túng đã hình thành. Khi người ta vừa tuyên bố rằng cuộc đấu tranh không được tiến hành nữa, ông ta đã liềm giữ ngay tư thế của võ sĩ và hành động một cách trắng trợn, om sòm và tự tin; nhưng Đix-rê-e-li đã quở trách nghiêm khắc ông ta về điều đó, đến nỗi cái anh phùng chèo hoàn hảo ấy - nét mặt ông ta nói lên điều đó - cũng không thể giữ được sự bình tĩnh hoàn toàn trở trên thường thấy ở ông

^{1*} - thành phần phạm tội, toàn bộ chứng cứ phạm tội

ta nữa. Nhưng điều quan trọng nhất trong câu trả lời của Đix-rê-e-li là lời tuyên bố sau đây:

“Tôi biết rằng những quan điểm mà huân tước Rốt-xen đem từ Viên về không những đã được đa số, mà thậm chí được *tất cả các đồng sự của ông ta* đón tiếp với thiện chí, có điều là *tình huống mà họ không dự kiến* đã cản trở khiến cho kế hoạch của vị huân tước cao quý ấy không được vui vẻ và nhất trí thông qua. Tôi có đầy đủ căn cứ để nói điều đó. Tôi nói điều đó cũng với niềm tin tưởng mà một tháng rưỡi trước đây tôi đã nói về bản tuyên bố lập lờ và hành động thiếu kiên quyết của chính phủ; những sự kiện sau đó đã xác nhận tính chính xác của những điều khẳng định của tôi, tôi nói chắc chắn rằng trước khi kết thúc kỳ họp này, nghị viện sẽ nhận được những bằng chứng về những điều khẳng định của tôi”.

“Tình huống” mà Đix-rê-e-li ám chỉ, như có thể thấy rõ điều này trong bài phát biểu của ông ta, là “sự trở ngại do phía Pháp gây ra”. Đix-rê-e-li chỉ rõ rằng bản tin của Cla-ren-đôn đưa ra cho nghị viện tham khảo đã mâu thuẫn với những chỉ thị mật của nội các. Đix-rê-e-li kết thúc lời phát biểu của mình như sau:

“Trong nước đang có ý kiến cho rằng làm lỗi chính là ở sự lãnh đạo tồi đối với công việc của chúng ta. Xuất hiện một văn kiện của nước ngoài” (thông tri của Bu-ôn); “sự bất bình của nhân dân tăng lên, nhân dân suy nghĩ, thảo luận, đại biểu của nhân dân chất vấn nghị viện. Và việc gì đã xảy ra? Nhân vật lỗi lạc nhất trong các nhà hoạt động nhà nước của chúng ta thậm chí không dám tranh luận với những người đặt ra những lời chất vấn ấy. Ông ta biến đi một cách bí mật. Ai dám làm việc đó? Thủ tướng của nữ hoàng. Tối nay tại nghị viện, thủ tướng đã nói với cái giọng và nói những câu hoàn toàn không tương xứng với địa vị của ông ta và không gọi lên một cái gì cả, giọng nói và những câu nói của ông ta khiến tôi tin rằng nếu danh dự và lợi ích của quốc gia sau này vẫn còn do ông ta điều khiển thì điều đó chỉ có thể dẫn tới chỗ danh dự bị lãng nhục và lợi ích *bị bán rẻ* mà thôi”.

Rô-bác đã vượt Đix-rê-e-li về cách phát biểu gay gắt: “*Tôi muốn biết giờ đây ai là kẻ phản bội trong nội các?*” Ban đầu A-bóc-đin và Niu-ca-lơ là kẻ phản bội. Rồi đến Grê-hêm, Glát-xtôn và Héc-bóc. Rồi đến Rốt-xen. Ai sequens^{1*}?

Tuy nhiên, địa vị của con người trước kia bí mật lãnh đạo nội

^{1*} - tiếp theo

các liên hiệp và hiện nay chính thức cầm đầu nội các, đã được củng cố rất nhiều. Nếu trước khi kết thúc kỳ họp, do một lý do gì đó mà có cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm, - điều này ít có khả năng xảy ra - thì ông ta sẽ giải tán nghị viện. Trong bất kể tình hình nào, sẽ còn có 6 tháng nữa để ông ta có thể toàn quyền lãnh đạo chính sách đối ngoại của Anh; và lại, sẽ không có sự ồn ào, cũng không có cuộc quyết chiến tưởng tượng trong hạ nghị viện quây rây ông ta.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 333, ngày 20 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

TRONG NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 18 tháng Bảy. Kết quả tất nhiên của phiên họp sóng gió, ồn ào và sôi nổi tối ngày 16 tháng Bảy của hạ nghị viện là sự uể oải, mệt mỏi và thờ ơ phổ biến. Nội các biết rõ điều bí mật của bệnh trạng của nghị viện, định lợi dụng tâm trạng ấy để cản trở việc biểu quyết đề án của Rô-bác, không những cản trở việc biểu quyết mà cả việc tranh luận. Tuy nhiên đã gần nửa đêm, ngay trước khi bế mạc phiên họp, tại nghị viện đã xuất hiện trong khoảnh khắc một sự yên tĩnh tưởng như mời các bộ trưởng giải thích, và mặc dù từ bốn phía đã nhiều lần vang lên những tiếng yêu cầu giải thích, nhưng không có một thành viên nào của chính phủ phát biểu ý kiến cả. Nội các ngoan cố giữ sự yên lặng kiên cường, khiến cho các đại biểu của hầu tước Éch-xe-tơ, đại biểu của huân tước Uóc-đơ và những đại diện tương tự của giới quý tộc trong hàng ngũ hạ nghị sĩ có thể nhấn chìm nghị viện đáng kính trong hồ nước đục vô tận mà sự hiện diện trong đó đã được Đan-tơ mô tả trong tác phẩm "*Địa ngục*" của mình như là số phận vĩnh hằng của những kẻ thờ ơ lãnh đạm²⁰⁵. Đối với đề án của Rô-bác, người ta đã đưa ra hai tu chính án của tướng Pin và của đại tá Ê-đe-rơ, cả hai tu chính án ấy đều nhân danh giới quân nhân, cả hai đều là mảnh lời lẩn tránh vấn đề. Tu chính án của Pin yêu cầu nghị viện đưa ra biểu quyết "vấn đề tiên quyết"²⁰⁶ nghĩa là biểu thị thái độ không tán thành mà cũng không phản đối đề án cơ bản, do đó lẩn tránh trả lời bất kỳ câu hỏi nào của Rô-bác. Đại tá Ê-đe-rơ yêu cầu tán thành "chính sách mà người ta

căn cứ vào đó để tiến hành cuộc viễn chinh Xê-va-xtô-pôn và kêu gọi “kiên quyết tuân theo chính sách đó”. Do đó, ông ta đã dùng việc ca ngợi bước đầu tốt đẹp của cuộc viễn chinh Crum để gạt đi án của Rô-bác về việc khiển trách sự lãnh đạo tồi đối với cuộc viễn chinh này.

Nội các tự kiềm chế không tuyên bố gì về vấn đề xét xem tu chính án nào sẽ được nâng lên thành tu chính án của nội các. Rõ ràng là nó muốn thăm dò tâm trạng của nghị viện trước khi lần tránh câu hỏi không có sự trả lời hoặc là cùng với tướng Pin, hoặc là cùng với đại tá Ê-đe-rơ nấp sau câu trả lời mà không có câu hỏi. Sau hết, người ta thấy rõ rằng nghị viện đã rơi vào trạng thái mơ màng mà chính Pan-móc-xton mong đợi. Ông ta liền cử một thành viên ít được chú ý nhất của nội các, ngài Sác-lơ Vút, lên diễn đàn và tuyên bố rằng tu chính án của Pin là của nội các. Tiếp đó, được sự ủng hộ của những tiếng hô “biểu quyết! biểu quyết” vang lên từ hàng ghế những nghị sĩ thân thiện với ông ta, Pan-móc-xton phát biểu ý kiến và bày tỏ “niềm hy vọng rằng nghị viện sẽ quyết định ngay lập tức”. Ông ta cho rằng ông ta đã “bóp chết” được Rô-bác và thậm chí làm cho Rô-bác mất đi vai trò vinh quang là người khởi xướng ra “cuộc tranh luận lớn”, cuộc đấu sống mái ở nghị viện. Nhưng cuộc biểu quyết không chỉ vấp phải sự phản đối của Đì-xra-e-li. Với sự nghiêm túc khác thường luôn thấy, ông *Brai-tơ* đứng lên phát biểu:

“Chính phủ rõ ràng là muốn dùng thủ đoạn lừa gạt lần tránh thảo luận vấn đề, do đó đến tận nửa đêm vẫn không chịu tuyên bố gì cả. Tuy nhiên, trong tất cả những vấn đề trước đây đã được lưu ý hạ nghị viện, vấn đề này là quan trọng nhất. Cho dù cuộc tranh luận kéo dài cả tuần lễ thì nhờ đó quốc gia chỉ được lợi mà thôi”.

Thế là buộc phải đồng ý *hoãn* cuộc tranh luận, Pan-móc-xton đã phải từ bỏ kế hoạch tác chiến ban đầu của mình, ông ta đã thất bại.

Ưu điểm lớn trong lời phát biểu của Rô-bác là sự ngắn gọn. Giản đơn và rõ ràng, không như một luật sư mà như một quan tòa, ông ta luận giải lời tuyên án của mình; ông ta phải phát biểu như

vậy, vì ông ta là chủ tịch của ủy ban điều tra. Rõ ràng là ông ta buộc phải chạm trán với những chướng ngại cản trở hạm đội của liên quân tiến vào bến cảng Xê-va-xtô-pôn - với những chiếc tàu bị đắm : A-bóc-đin, Héc-bóc, Glát-xtôn, Grê-hêm v.v.. Chỉ có thắng được họ, ông ta mới với tới được Pan-móc-xton và những thành viên khác, *sống lâu hơn những nhân vật trên*, thành viên của nội các liên hiệp. Họ đã bịt con đường của ông ta vào nội các hiện nay. Rô-bác định gạt bỏ họ bằng những lời khen ngợi, tuyên bố rằng Niu-ca-lơ và Héc-bóc đáng được ca tụng vì phục vụ nhiệt tình, Grê-hêm cũng đáng được khen như thế. Và lại, họ đã bị đuổi khỏi phố Đao-ninh do mắc sai lầm vì không hiểu đầy đủ tình hình. Vấn đề hiện nay là tóm được những kẻ phạm tội còn chưa bị trừng trị. Ông ta nói rằng đề án của ông vốn nhằm mục đích ấy. Đặc biệt ông ta đã kích Pan-móc-xton không những trong tư cách là một trong những bị cáo, mà trước hết trong tư cách người chỉ huy đội dân binh. Để cho đề án của mình thích ứng với khuôn khổ truyền thống của nghị viện, Rô-bác rõ ràng là làm nó mất sự sắc bén. Những luận cứ mà người biện hộ cho nội các đưa ra tỏ ra trống rỗng đến nỗi hình thức ru ngủ mà người ta dùng để trình bày những luận cứ ấy đã có tác dụng tốt đẹp thực sự. Một số người thét lên: chứng cứ của nhân chứng không đầy đủ. Một số khác thét: các ngài đe dọa chúng tôi bằng thủ đoạn gạt bỏ. Huân tước Xê-xin tuyên bố: sự việc đã đi vào dĩ vãng rồi. Tại sao không quay lại lên án cả ngài R.Pin? Phi-li-mo-rơ thuộc “phái tự do” nói: mỗi thành viên của nội các đều chịu trách nhiệm về tất cả mọi hoạt động của toàn bộ nội các, nhưng không ai chịu trách nhiệm riêng về một việc gì đó. Lâu (thuộc tờ “Times”) tuyên bố rằng: các ngài làm cho sự liên minh với Pháp bị đe dọa, các ngài muốn xét xử hoàng đế Pháp! và theo sau Lâu là Giêm-xơ Grê-hêm. Ngay Grê-hêm là con người có lương tâm trong sạch, cũng tuyên bố rằng ông ta không hài lòng đối với “sự phủ định sạch trơn” của tướng Pin. Ông ta kiên trì đòi hỏi sự phán quyết của nghị viện: “có tội” hoặc “không có tội”, ông ta không hài lòng với công thức “Not proven” (không có bằng chứng) dựa vào đó tòa án Xcôt-len từ chối xét xử các vụ hình sự khả nghi. Phải chăng các

ngài lại muốn thi hành công thức “khởi tố” (impeachment²⁰⁷) lỗi thời và phi nghị viện? Tất cả tội lỗi thuộc về báo chí, thuộc về dư luận. Chính nó đã thúc đẩy các bộ trưởng tiến hành cuộc viễn chinh vào thời điểm bất lợi và với những phương tiện không đầy đủ. Nếu các ngài khiển trách nội các thì các ngài cũng phải khiển trách hạ nghị viện đã ủng hộ nội các. Sau hết là lời bào chữa của ngài Sác-lơ Vút: nếu Rô-bác thậm chí đã biện bạch cho Niu-ca-lơ, Héc-bóc và Grê-hêm thì ông ta làm thế nào có thể buộc tội chúng tôi? Chúng tôi *chẳng là cái gì cả* và chúng tôi không chịu trách nhiệm về *cái gì cả*. Vút nói như vậy trong tâm trạng “cảm thấy đau khổ về địa vị *thấp hèn* của bản thân mình”.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 335, ngày 21 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

TRIỂN VỌNG CỦA CHIẾN TRANH

Theo tin tức gần đây thì trên chiến trường Crum tình hình đang yên tĩnh. Ý đồ cường tập không còn nữa, các khẩu pháo hầu như hoàn toàn ngừng bắn. Nếu giữa hai trận tuyến không diễn ra cuộc bắn nhau thường xuyên bằng súng bộ binh, nếu liên quân không đào đối hào và đường hành lang bằng mìn để tiến lên ngày một gần đồi Ma-la-khốp, nếu quân Nga không thỉnh thoảng lại xuất kích thì có thể nghĩ rằng hành động quân sự đã ngừng hẳn. Nhưng đó không phải cái gì khác hơn là sự yên tĩnh trước cơn bão táp, và hiện nay chắc bão táp đã nổ ra rồi. Có đủ mọi căn cứ để suy đoán rằng ở Xê-va-xtô-pôn đã diễn ra và đã kết thúc một trận đánh quyết liệt hơn so với In-ke-rơ-man và ở Ma-mê-lôn, hoặc so với cuộc cường tập ngày 18 tháng Sáu.

Thật vậy, tháng Tám phải quyết định, trên mức độ nào đó, kết cục của chiến dịch. Đến lúc ấy đại bộ phận, nếu không phải là toàn bộ số quân tăng viện của quân Nga đã tới, còn hàng ngũ của liên quân thì sẽ không tránh khỏi giảm sút dần vì bệnh tật. Điều lớn nhất mà liên quân có thể làm được là giữ vững cho được trận địa của họ trên cao nguyên Khéc-xô-nét. Ngay báo chí Anh hiện nay cũng bỏ ý nghĩ chiếm phía Nam Xê-va-xtô-pôn trong năm nay. Liên quân chỉ còn hy vọng đánh vào từng khu vực để hoàn toàn phá hủy Xê-va-xtô-pôn và nếu họ cứ hành động chậm chạp như từ trước tới nay thì xét về mặt thời gian, cuộc vây đánh sẽ có nguy cơ kéo dài bằng trận vây đánh thành Tơ-roa. Tuy nhiên, không có

căn cứ gì để hy vọng rằng họ có thể hoàn thành nhiệm vụ được đặt ra cho họ với một nhịp độ nhanh hơn, vì người ta tuyên bố hầu như chính thức với chúng ta rằng cái hệ thống thối nát được duy trì từ trước nay thì sau này vẫn được duy trì một cách ngoan cố. Phóng viên của tờ báo Pa-ri “Constitutionnel” ở Crum, một người giữ chức vụ cao trong quân đội Pháp - nghe nói đây là tướng Rê-nhô Đơ Xanh-giăng đ’Ăng-ghê-li, tư lệnh vệ binh - đã tuyên bố rằng công chúng ủng hộ công đưa ra đủ mọi suy đoán về hoạt động dã chiến và về cuộc bao vây có thể có đối với phía Bắc Xê-va-xtô-pôn. Ông ta nói rằng trong điều kiện hiện nay không thể làm được việc đó mà lại không rút bỏ cuộc bao vây và trao cả cao nguyên cho quân Nga; vì vậy đã quyết định pháo kích hết sức mạnh mẽ những trận địa trước kia đã bị tấn công và hoàn toàn phá hủy chúng. Cần chỉ rõ rằng những tin tức chứa đựng trong bản tin này có thể hoàn toàn đáng tin cậy được vì có đủ căn cứ để cho rằng hoàng đế Pháp không những phê duyệt mà thậm chí còn sửa mọi tin tức phát ra từ nguồn ấy trước khi công bố. Thêm vào đó, hoàng đế đặc biệt tử tế với Rê-nhô.

Để dàng thấy trước được rằng tất cả những cái đó sẽ dẫn đến đâu. Quân đội Nga ở Xê-va-xtô-pôn và vùng xung quanh hiện có quân đoàn 3 và 4, 2 sư đoàn của quân đoàn 5 và một sư đoàn của quân đoàn 6, cũng như lính thủy đánh bộ, thủy binh, địa phương quân, lính Cô-dắc và kỵ binh, tổng cộng tạo thành một đạo quân gồm 180 tiểu đoàn, hay là 90 000 bộ binh và 30 000 pháo binh và kỵ binh, không kể khoảng 40 000 thương bệnh binh. Ngay cả tờ báo Pháp “Moniteur” cũng tính toán binh lực của Nga là 110 000 người. Hơn nữa toàn bộ quân đoàn 2 (50 tiểu đoàn bộ binh, 32 đại đội kỵ binh, 96 khẩu pháo) và hai sư đoàn tinh binh cùng một sư đoàn kỵ binh (24 tiểu đoàn bộ binh, 32 đại đội kỵ binh, 72 khẩu pháo) đang trên đường tiến về Xê-va-xtô-pôn hoặc đã đến gần nơi này. Đây là binh lực bổ sung gồm 55 000 bộ binh, 10 000 kỵ binh và lính Cô-dắc, 5 000 pháo binh. Như vậy là sắp tới đây quân Nga sẽ tập trung được một đạo quân ít ra là 175 000 người, nghĩa là vượt xa quân số của liên quân sau những thiệt hại mà liên quân

gánh chịu cách đây không lâu vì chiến trận và bệnh tật. Với một lực lượng như thế, quân Nga dù sao cũng giữ vững được trận địa của mình, hơn nữa còn có khả năng thường xuyên thay thế số quân phòng thủ quá mệt mỏi bằng số quân mới. Không nghi ngờ gì nữa, đây là điều tối thiểu mà người ta có thể trông đợi ở quân Nga.

Trái lại, liên quân không thể hy vọng nhận được một số lượng quân tăng viện như thế. Hiện nay họ có 21 sư đoàn bộ binh (12 sư đoàn quân Pháp, 4 sư đoàn quân Anh, 3 sư đoàn quân Thổ Nhĩ Kỳ, 2 sư đoàn quân Pi-ê-mông) hay là khoảng 190 tiểu đoàn bộ binh; 3 sư đoàn kỵ binh (Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ) hay là khoảng 60 đại đội kỵ binh và một số lượng pháo tương ứng. Nhưng vì các tiểu đoàn bộ binh, nhất là các đại đội kỵ binh của liên quân đã bị thiệt hại nặng trong chiến đấu, nên tổng quân số của họ không vượt quá 110 000 bộ binh, 7 500 kỵ binh và 20 000 – 25 000^{1*} pháo binh, số quân vận tải và những người làm nhiệm vụ không chiến đấu. Nhưng nếu trước khi viện binh của quân Nga tới, lực lượng của hai bên giao chiến hoàn toàn ngang nhau, thì sau khi số quân tăng viện ấy tới, ưu thế rõ ràng không ở phía liên quân. Tất cả số quân tăng viện của liên quân được phái đến từ trước hoặc hiện đang được phái đến đều là những phân đội lẻ tẻ lấy từ các đơn vị hậu bị và dùng để bổ sung cho các tiểu đoàn bộ binh và các đại đội kỵ binh đang tác chiến ở Crum và nếu tin theo tin tức của báo chí thì số lượng của chúng rất nhỏ. Tuy nhiên, như tin tức cho biết, ba sư đoàn đang trên đường đến Mác-xây và Tu-lông, nơi mà các tàu chạy bằng hơi nước đang tập kết về, còn ở Anh các trung đoàn được chỉ định đưa sang Crum đã nhận được lệnh chuẩn bị sẵn sàng để xuống tàu ngay. Số lực lượng này vào khoảng một sư đoàn bộ binh và một sư đoàn kỵ binh. Như thế là vào tháng Tám và tháng Chín, khoảng 33 000 bộ binh và có thể là 2 500 kỵ binh và pháo binh có thể đến Crum dần dần, song điều đó, mức độ rất lớn, tùy thuộc vào tốc độ chuyển số quân ấy xuống tàu.

^{1*} Trong bài “Tin từ nghị viện - Từ chiến trường” của C. Mác và Ph. Ăng-ghen (xem tập này, tr. 487) đã đưa ra những con số khác: 30000 - 35000.

Dù sao liên quân vẫn thua quân Nga về quân số như trước đây và có thể bị giam chân ở cao nguyên, nơi mà họ sống rất không vui về gì mùa đông năm ngoái. Thật khó nói, lần này quân Nga có thể đánh bật liên quân ra khỏi thành trì này hay không. Nếu liên quân không nhận được nhiều quân tăng viện thì rõ ràng là: điều duy nhất họ có thể hy vọng là giữ lấy trận địa đã chiếm lĩnh. Vậy là chiến tranh có thể quy tụ thành một loạt những trận đánh vô bổ và đẫm máu khi mà hai bên giao chiến ngày nào cũng phải đưa số quân mới của mình ra để tiến hành những trận đánh giáp lá cà với địch khi thì ở những bức tường thành của cứ điểm hoặc tường chắn của chiến hào, khi thì ở trên các cao điểm dốc đứng xung quanh In-ke-rơ-man và Ba-la-cla-va. Khó có thể hình dung được một tình cảnh nào khác của các đội quân giao chiến mà trong đó phải đổ nhiều máu hơn so với những trận đánh tương tự như trên, để đạt những kết quả không đáng kể như thế.

Tuy nhiên, sự kiện có tính chất quyết định vẫn có thể xảy ra. Nếu người Nga chuyển được tới Crum 50 000 người, ngoài con số đã phái đến, và nhờ đó bảo đảm được cho quân đội của mình có ưu thế hiển nhiên, thì họ có thể giáng cho liên quân một thất bại nghiêm trọng và buộc liên quân phải xuống tàu về nước. Muốn phán đoán khả năng ấy, cần hiểu rõ xem số lượng quân lính sẵn sàng chiến đấu mà nước Nga có được trên toàn bộ tuyến biên giới của nó. Đạo quân ở Crum, kể cả số quân tăng viện kể trên, chúng tôi ước lượng khoảng 175 000 người. Ở Cáp-ca-dơ, ngoài quân đội địa phương và lính Cô-dắc có sư đoàn 16 và 17 hoạt động, quân số của họ phải có chừng 60 000 người. Nghe nói, ở Bét-xa-ra-bi-a quân Nga có 60 000 người dưới quyền chỉ huy của Li-đéc-xơ, có thể suy đoán rằng số quân ấy chủ yếu gồm các tiểu đoàn hỗn hợp và các đội dự bị, vì ở đây chỉ có một sư đoàn bộ binh của quân đoàn 5, và chúng tôi không có số liệu gì về việc các đơn vị của quân đoàn 1 và 2 được điều đến đây. Ở Ba Lan và Vô-lun hiện nay xem ra chỉ còn hai sư đoàn vệ binh và một sư đoàn tinh binh, ba sư đoàn của quân đoàn 1 và các đơn vị dự bị khác nhau, tất cả chừng 160 000 người. Đại bộ phận số quân dự bị

và một phần vệ binh tập trung ở vùng bờ biển Ban-tích và được bố trí như sau: 50 000 người do Xi-véc-xơ chỉ huy ở các tỉnh duyên hải Ban-tích của Đức; 30 000 người do Béc-gơ chỉ huy đóng ở Phần Lan và đội quân dự bị gồm 50 000 người do Ri-di-ghec chỉ huy đóng ở Pê-téc-bua và xung quanh Pê-téc-bua. Tổng cộng con số ấy là khoảng 585 000 người. Số quân còn lại của quân Nga chừng 65 000 người thì đóng ở các vùng nội địa. Như vậy, toàn bộ lực lượng vũ trang của Nga là 650 000 người. Nếu tính đến các cuộc tuyển quân quy mô lớn được tiến hành ở Nga thì con số này tuyệt nhiên không phải là phóng đại.

Hoàn toàn rõ ràng là hiện nay, vào cuối hè, quân Nga không còn phải lo sợ việc quân địch đổ bộ lên bờ biển Ban-tích; và hoàn toàn có thể tiến hành điều động toàn diện từ đây về miền nam các đoàn quân khác nhau, do đó, tách được chẳng hạn 30 000 người, thay thế chúng bằng các đơn vị dân quân hoặc các đơn vị quân đội khác lấy từ các khu vực nội địa. Con số 30 000 người ấy có thể được điều sang Ba Lan và rút ở đây đi một số lượng quân như thế; mà khi Áo thu hẹp đạo quân biên phòng của mình xuống còn một số lượng không gây nguy hiểm, nghĩa là còn 70 000 – 80 000 người, mà điều này nhất định xảy ra trong tương lai rất gần, thì quân Nga ở Ba Lan có thể rút ra thêm 30 000 – 40 000 người. Kết quả là quân Nga có thể tìm được số quân để bổ sung đến mức làm cho liên quân mất hết mọi khả năng chiếm được Crum vào lúc nào đó, nếu không có sự chi viện từ bên ngoài, mà lực lượng bổ sung ấy có thể đến chiến trường vào giữa tháng Mười. Nhưng ở đây nảy ra câu hỏi: liệu chính phủ có thể cung cấp lương thực cho một đạo quân lớn như thế suốt cả mùa đông, đặc biệt là hiện nay, khi các tàu của Nga bị quét sạch khỏi biển A-dốp, hay không. Do thiếu tài liệu đầy đủ, chúng tôi không dám trả lời câu hỏi ấy; nhưng nếu có khả năng thực hiện điều đó, nếu quân Nga quả thực sẽ áp dụng những biện pháp như thế, thì liên quân sẽ buộc phải rời những vách đá bao quanh Ba-la-cla-va và rút khỏi các tường thành Xê-va-xtô-pôn do một đạo quân đông 25 vạn người bảo vệ trực tiếp hoặc gián tiếp.

Trước đây đạo quân Áo đông 30 000 người đã từng uy hiếp nước Nga từ bên sườn trên tuyến giao thông của nó với Crum. Hãy chỉ cần Nga trút bỏ được trở ngại ấy, thì liên quân sẽ nhanh chóng tin chắc rằng họ phải đương đầu với một lực lượng như thế nào. Họ đã bỏ lỡ thời cơ khi có thể chiếm được Xê-va-xtô-pôn nhờ sự giúp đỡ gián tiếp của Áo. Còn bây giờ, khi mà sự uy hiếp phía Áo đã mất đi, chỉ còn lại liên quân là kẻ thù duy nhất của nước Nga, thì đã muộn rồi.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 20 tháng Bảy 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4459, ngày 4 tháng Tám 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TIN TỪ NGHỊ VIỆN - TỪ CHIẾN TRƯỜNG

Luân Đôn, ngày 20 tháng Bảy. Cuộc tranh luận về đề án của Rô-bác tuyệt nhiên không đem lại sự chuyển biến mà nội các mong đợi. Mới sáng hôm qua, trên các cơ quan ngôn luận bán chính thức của nó, nội các đã tiên đoán rằng đề án của Rô-bác sẽ bị bác bỏ với tỷ lệ phiếu là 5/1. Đêm hôm qua, nội các cảm thấy may mắn khi nó đạt được, với tỷ lệ phiếu 289/182, việc thông qua nghị quyết về Previous Question^{1*}, nghĩa là nghị viện hoàn toàn từ chối ra bất cứ nghị quyết nào về đề án của Rô-bác. Chính cái nghị viện đã buộc A-bóc-đin từ chức vì ông ta cự tuyệt bổ nhiệm ủy ban điều tra, lại cứu vãn Pan-móc-xton, vì nó rút cục đã từ chối ra nghị quyết về những kết luận của ủy ban của chính nó. Nghị viện hoãn họp, khiến cho nội các Pan-móc-xton cũng được hoãn đến kỳ họp sau. Đến lúc ấy bài ca của nó sẽ chấm dứt. Về bản thân kỳ họp của nghị viện, chúng tôi sẽ trở lại bàn sau.

Hiện giờ, trong hoạt động quân sự ở Crum đã có sự yên tĩnh. Nếu không có sự bắn nhau thường xuyên bằng súng bộ binh giữa hai tuyến công sự, nếu liên quân không đưa trận địa của họ lên ngày càng gần đôi Ma-la-khốp bằng các đối hào và hành lang bằng mìn, nếu quân Nga không thỉnh thoảng xuất kích thì có thể nghĩ rằng hoạt động quân sự đã ngừng hẳn.

Đây là sự yên tĩnh trước cơn bão táp. Trong 2-3 tuần nữa sẽ

^{1*} - vấn đề tiên quyết

bắt đầu cuộc chiến đấu - cuộc vật lộn kịch liệt hơn là ở In-ke-ro-man, ở Ma-mê-lôn hoặc so với trận cường tập ngày 18 tháng Sáu. Tháng Tám phải có ý nghĩa quyết định ở một mức độ nào đó; đến lúc đó số quân lính Nga hiện nay đang trên đường hành quân sẽ tới nơi, còn hàng ngũ của liên quân thì giảm dần do bệnh tật. Đến lúc ấy, sẽ bắt đầu cuộc chiến đấu một mất một còn, và liên quân sẽ phải cố gắng rất nhiều để giữ vững trận địa mà họ chiếm lĩnh trên cao nguyên.

Ngay báo chí Anh hiện nay cũng bỏ ý nghĩ chiếm khu Nam Xe-va-xtô-pôn trong năm nay. Liên quân chỉ còn hy vọng đánh từng khu vực để hoàn toàn phá hủy Xe-va-xtô-pôn, và nếu họ cứ hành động chậm chạp như trước tới nay thì xét về thời gian cuộc vây đánh sẽ có nguy cơ kéo dài bằng trận vây đánh thành To-roa. Tuy nhiên, không có căn cứ gì để hy vọng rằng họ có thể hoàn thành nhiệm vụ được đặt ra cho họ với một nhịp độ nhanh hơn, vì người tuyên bố hầu như chính thức với chúng ta rằng cái hệ thống thối nát được duy trì từ trước tới nay sau này vẫn được duy trì một cách ngoan cố. Phóng viên của tờ báo Pa-ri "Constitutionnel" ở Crum, một người giữ chức vụ cao trong quân đội Pháp (nghe nói, đây là tướng Rê-nhô Đơ Xanh-giăng đ'Ăng-giê-li, tư lệnh vệ binh) đã tuyên bố rằng công chúng ủng hộ công đưa ra mọi suy đoán về hoạt động dã chiến và về cuộc bao vây có thể đối với phía bắc Xe-va-xtô-pôn. Ông ta nói rằng trong điều kiện hiện nay không thể làm được việc đó mà lại không phải rút bỏ cuộc bao vây và trao cả cao nguyên cho quân Nga. Vì vậy đã quyết định pháo kích hết sức mãnh liệt vào những trận địa trước kia đã bị tấn công và hoàn toàn phá hủy chúng. Những tin tức chứa đựng trong bản tin này có thể coi là bán chính thức, vì có đủ mọi căn cứ để cho rằng Bô-na-pác-tơ không những phê duyệt, mà thậm chí còn sửa mọi tin tức phát ra từ nguồn ấy trước khi công bố. Bô-na-pác-tơ đặc biệt có thiện cảm với Rê-nhô; đây chính là viên bộ trưởng chiến tranh trong thời kỳ Quốc hội lập pháp đã ký vào đơn xin từ chức của Săng-gác-ni-ê.

Để dàng có thể thấy trước được rằng tất cả những cái đó sẽ

dẫn đến đâu. Quân Nga ở Xe-va-xtô-pôn và vùng xung quanh gồm có quân đoàn 3 và 4, hai sư đoàn của quân đoàn 5 và một sư đoàn của quân đoàn 6, cũng như lính thủy đánh bộ, thủy binh, địa phương quân, lính Cô-dắc và kỵ binh, tạo thành một đạo quân gồm 180 tiểu đoàn hay là 90 000 bộ binh và 30 000 pháo binh và kỵ binh v.v., không kể khoảng 40 000 thương bệnh binh. Ngay tờ báo Pháp "Moniteur" cũng ước tính binh lực của Nga là 110 000 người. Hơn nữa, toàn bộ quân đoàn 2 (50 tiểu đoàn bộ binh, 32 đại đội kỵ binh, 96 khẩu pháo) và 2 sư đoàn tinh binh cùng một sư đoàn kỵ binh (24 tiểu đoàn bộ binh, 32 đại đội kỵ binh, 72 khẩu pháo) đang trên đường tiến về Xe-va-xtô-pôn hoặc đã đến gần nơi này. Đây là những lực lượng bổ sung gồm 55 000 bộ binh, 10 000 kỵ binh và lính Cô-dắc, 5 000 pháo binh. Như vậy là sắp tới đây quân Nga sẽ tập trung được một đạo quân gồm ít ra là 175 000 người, nghĩa là vượt xa lực lượng còn lại của liên quân sau những thiệt hại mà họ chịu đựng cách đây không lâu trong chiến trận và vì bệnh tật. Dù sao thì quân Nga cũng có thể giữ vững được trận địa của mình và điều đó lại càng chắc chắn vì họ có khả năng thường xuyên thay thế số quân phòng thủ quá mệt mỏi bằng số quân mới.

Trái lại, liên quân không thể hy vọng nhận được một số lượng quân tăng viện như thế. Hiện nay họ có 21 sư đoàn bộ binh (12 sư đoàn quân Pháp, 4 sư đoàn quân Anh, 3 sư đoàn quân Thổ Nhĩ Kỳ; và 2 sư đoàn quân Pi-ê-mông) hay là khoảng 190 tiểu đoàn bộ binh; 3 sư đoàn kỵ binh (Pháp, Anh và Thổ Nhĩ Kỳ), hoặc khoảng 60 đại đội kỵ binh và một số lượng pháo tương ứng. Nhưng vì các tiểu đoàn bộ binh của liên quân, nhất là các đại đội kỵ binh đã bị thiệt hại nặng trong chiến đấu, nên tổng quân số của liên quân không vượt 110 000 bộ binh, 7 500 kỵ binh và 30 000 - 35 000 pháo binh, binh lính vận tải và những người làm nhiệm vụ không chiến đấu. Vì vậy, nếu trước khi số quân tăng viện của quân Nga tới, lực lượng của hai bên giao chiến hoàn toàn ngang nhau thì sau khi số quân tăng viện ấy đến, ưu thế rõ ràng không ở phía liên quân. Tất cả số quân tăng viện của liên quân được phái đến từ trước đều là những phân đội lẻ tẻ rút ra từ các đội quân hậu bị và dùng để bổ sung cho các tiểu đoàn bộ binh và các đại đội kỵ binh đang tác chiến, và nếu tin theo báo chí thì số lượng của chúng rất nhỏ.

Tuy nhiên, theo tin tức cho biết thì ba sư đoàn đang trên đường đi Mác-xây và Tu-lông, nơi mà các tàu chạy bằng hơi nước đang tập kết về, còn ở Anh các trung đoàn được chỉ định đưa sang Crum đã nhận được lệnh chuẩn bị sẵn sàng để xuống tàu ngay. Lực lượng này vào khoảng một sư đoàn bộ binh và một sư đoàn kỵ binh. Như thế là vào tháng Tám và tháng Chín, khoảng 33 000 bộ binh và có thể là 2 500 kỵ binh và pháo binh có thể dần dần đến Crum, song điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào tốc độ xuống tàu của họ. Dù sao, liên quân vẫn thua quân Nga về quân số như trước đây và có thể lại bị dẫm chằm ở cao nguyên, nơi mà họ sống rất không vui vẻ gì mùa đông năm ngoái.

Lần này quân Nga có đẩy được liên quân ra khỏi thành trì ấy không, điều đó thật khó nói. Nếu liên quân không nhận được một số lượng lớn quân tăng viện thì rõ ràng là điều duy nhất họ có thể hy vọng là bám trụ ở trận địa mà họ đã chiếm lĩnh. Như thế là cuộc chiến tranh có thể quy tụ thành một loạt những trận đánh nhỏ và những trận đánh giáp lá cà đẫm máu và vô bổ khi mà hai bên ngày nào cũng phải đưa số quân mới của mình ra để đánh giáp lá cà với địch khi thì ở trên các tường thành của cứ điểm hoặc tường chắn của chiến hào, khi thì trên những cao điểm dốc đứng xung quanh In-ke-rơ-man và Ba-la-cla-va. Điều chắc chắn hơn cả là tình hình sẽ dẫn tới chính tình huống như thế. Khó hình dung được một tình cảnh nào khác của các đội quân giao chiến trong đó phải đổ nhiều máu hơn là những trận đánh tương tự để đạt được những kết quả rất nhỏ bé như vậy. Và tất cả những điều đó xảy ra chỉ vì sự tầm thường của các viên tổng tư lệnh của hai bên, tài nghệ chuyên môn yếu kém của Pa-ri và sự phản bội có tính toán trước ở Luân Đôn.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 20 tháng Bảy 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 337, ngày 23 tháng Bảy 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

PAN-MỐC-XTƠN. - SINH LÝ HỌC CỦA CÁC GIAI CẤP THÔNG TRỊ ANH

Luân Đôn, ngày 23 tháng Bảy. Nếu việc bảo đảm cho Thổ Nhĩ Kỳ²⁰⁸ tối nay gặp phải sự phản đối, như vào thứ sáu tuần trước, thì Pan-mốc-xton sẽ lập tức *giải tán* hạ nghị viện. Mọi tình hình đều thuận lợi cho con người giáo quyết ấy. Giải tán nghị viện vì đề án của Bun-vơ hoặc giải tán nghị viện vì đề án của Rô-bác, cả hai việc này đều phiêu lưu như nhau. Hoạt động ngoại giao ở Hội nghị Viên, hoạt động của các cơ quan chính phủ trong thời gian chiến dịch mùa đông - dựa vào những vấn đề ấy thì khó mà thay mặt nghị viện để kêu gọi cử tri. Nhưng vấn đề "*bảo đảm cho Thổ Nhĩ Kỳ vay tiền*" ! Bối cảnh sân khấu, đồ đạc trang trí, âm điệu đều đã thay đổi tuồng như theo sự múa may của chiếc gậy phù thủy. Bây giờ không còn là nghị viện khiển trách nội các về sự phản bội và bất tài. Bây giờ nội các buộc tội nghị viện đã cản trở tiến hành chiến tranh, đã làm cho sự liên minh với Pháp bị uy hiếp và đã phớt mặc Thổ Nhĩ Kỳ cho số phận. Nội các không còn kêu gọi toàn quốc giải thoát nó khỏi bản án kết tội của nghị viện. Nó kêu gọi toàn quốc lên án nghị viện. Trên thực tế, điều kiện cho vay được quy định là Thổ Nhĩ Kỳ không được trực tiếp nhận tiền, mà chỉ được đặt dưới sự bảo hộ, với những điều kiện không xứng đáng nhất đối với bất cứ nước nào, theo sự bảo hộ này thì số tiền tuồng như là cho Thổ Nhĩ Kỳ vay phải do các chuyên viên của Anh phân phối và cấp phát. Thật vậy, nếu chế độ quản

lý của Anh nổi tiếng xuất sắc như vậy trong cuộc chiến tranh phương Đông thì làm thế nào nó không bị cám dỗ và lao vào việc ban phát ân huệ của nó cho các nước khác. Các cường quốc phương Tây đã nắm được bộ ngoại giao, không những bộ ngoại giao mà cả bộ nội vụ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Từ khi Ô-me-rơ-pa-sa đáp tàu rời Bun-ga-ri đi Crum, Thổ Nhĩ Kỳ đã không còn chỉ huy quân đội của mình nữa. Còn bây giờ các cường quốc phương Tây thò tay vào nền tài chính của Thổ Nhĩ Kỳ. Để chế Ôt-tô-man lần đầu tiên đi vay nợ của nước ngoài, mà lại không nhận được tiền. Nó đã rơi xuống tình cảnh một anh địa chủ không những đem cầm cố ruộng đất để vay nợ, mà còn phải để cho chủ giữ vật cầm cố ấy có quyền chi phối số tiền trao cho anh ta dưới hình thức tiền cho vay. Việc duy nhất anh ta còn phải làm là trao cho kẻ giữ vật cầm cố ấy chính cơ ngơi ruộng đất của mình. Bằng hệ thống cho vay như thế, Pan-móc-xton đã làm cho Hy Lạp sa sút tinh thần và làm cho Tây Ban Nha bị tê liệt. Nhưng *cái vẻ bề ngoài* có lợi cho ông ta. Sự tham gia của phái chủ hòa vào phe đối lập chống lại việc cho vay đó đã tăng cường vẻ bề ngoài ấy. Dùng mách lới, ông ta lại đứng ra với tư cách đại biểu của phái chủ chiến chống lại phe đối lập liên hiệp, đại biểu cho phái chủ hòa. Ông ta định tiến hành loại chiến tranh nào, điều đó chúng ta đều biết. Ở biển Ban-tích bằng những đám cháy vô ích và không kết quả, ông ta đã làm cho Phần Lan gần bó chặt hơn với Nga, ở Crum, ông ta kéo dài không bao giờ dứt cuộc đổ máu mà sự thất bại chứ không phải thắng lợi mới có thể dẫn đến việc chấm dứt cuộc đổ máu ấy. Theo thói cũ, ông ta ném vào bàn cân của nghị viện những cuộc liên minh chính trị với nước ngoài. Bô-na-pác-tơ đã lệnh cho cái gọi là “hội đồng lập pháp” của ông ta phê chuẩn cho Thổ Nhĩ Kỳ vay nợ. Nghị viện Anh không còn cách nào khác hơn là biến thành hồi âm của “hội đồng lập pháp”, nghĩa là biến thành hồi âm của hồi âm, nếu không thì sự liên minh với Pháp sẽ bị đe dọa. Lợi dụng sự liên minh với Pháp làm lá chắn để tránh mọi đòn đả kích, Pan-móc-xton đồng thời lại cảm thấy thỏa mãn về việc liên minh ấy bị ăn đòn. Để chứng minh rằng “ông ta đặt người xứng đáng vào vị trí xứng đáng”, Pan-móc-xton đã cử ngài Môn-xơ-uốt làm

bộ trưởng thuộc địa, còn cử ngài B. Hôn thay Môn-xơ-uốt làm bộ trưởng bộ nông - lâm của hoàng tộc. Môn-xơ-uốt thuộc trường phái *Uây-cơ-phin* chủ trương thực dân hóa²⁰⁹. Nguyên tắc của trường phái này là nâng cao một cách giả tạo giá ruộng đất và hạ thấp một cách giả tạo giá lao động ở thuộc địa để đạt tới “sự kết hợp cần thiết của lực lượng sản xuất”. Ý đồ sử dụng lý luận ấy ở Ca-na-đa đã xua đuổi những người di dân ở đó sang Mỹ và Ô-xtơ-rây-li-a.

Hiện nay ở Luân Đôn có ba ủy ban điều tra đang họp: một ủy ban do nội các thành lập, hai ủy ban khác do nghị viện thành lập. Ủy ban thứ nhất gồm các thẩm phán của Luân Đôn, Man-se-xtơ và Li-vóc-pun, được lập ra để điều tra về *sự việc xảy ra ở Công viên Hây-đơ*, mỗi ngày dồn dập nhận được những chứng cứ không những chỉ rõ rằng cảnh sát đã phạm phải những hành động bạo ngược không thể tưởng tượng được, mà còn chỉ rõ rằng, những hành động bạo ngược ấy đã được cố tình thực hiện, *theo lệnh của cấp trên*. Nếu cuộc điều tra được tiến hành không thiên vị, thì nó phải bắt đầu từ ngài Gioóc-giơ Grây và nội các như là những thủ phạm chính. Ủy ban thứ hai, do *Bóc-clip* làm chủ tịch, nghiên cứu ảnh hưởng của luật cấm “bán rượu vào chủ nhật”, đã bóc trần toàn bộ sự tầm thường giả nhân giả nghĩa của ý đồ dùng việc điều chỉnh sự nghi ngại vào chủ nhật để cải tạo xã hội. Số lượng những hành động quá đáng do say rượu đáng lẽ giảm đi thì lại tăng lên. Chúng chỉ chuyển một phần từ chủ nhật sang thứ hai. Ủy ban thứ ba, do *Xcôn-phin-đơ* lãnh đạo, nghiên cứu vấn đề làm giả thực phẩm, đồ uống và tất cả những thứ liên quan đến ăn uống²¹⁰. Làm giả hoàng hóa là *thông lệ* còn chất lượng tốt của hàng hóa là *ngoại lệ*. Những chất lượng trộn vào để làm cho thực phẩm bị hỏng có được màu sắc, hương thơm, mùi vị thì phần lớn lại độc và có tác dụng phá hoại sức khỏe. Thương mại được quan niệm như là một thư phòng thí nghiệm đồ sộ về lừa bịp, còn bảng giá hàng là bản kê khai quý quái về các sản phẩm không tồn tại, tự do cạnh tranh là tự do đầu độc và bị đầu độc.

“*Những báo cáo của các thanh tra công xưởng*”²¹¹ về tình hình

nửa năm, tính đến 30 tháng Tư, đã được đệ trình hai viện. Bản báo cáo ấy là công hiến vô giá trong việc đánh giá đặc điểm của phe chủ hòa *Man-se-xtơ* và của giai cấp đang tranh giành với quý tộc sự độc quyền trị nước của quý tộc. Trong báo cáo này, “Những chuyện bất hạnh do máy móc sinh ra” được xếp thành những mục sau:

1) “Những vụ dẫn đến chết người”, 2) “làm mất tay phải hoặc bàn tay phải; làm mất một phần tay phải; làm mất tay trái hoặc bàn tay trái, làm mất một phần tay trái; làm gãy tay và chân; gãy chân thương ở đầu và mặt” và 3) gây dập nát bắp thịt, các hình thức chấn thương và những tổn thương khác không nêu ở trên”.

Trong báo cáo, chúng ta đọc thấy trường hợp một phụ nữ trẻ “bị mất tay phải”, một em bé “bị máy làm dập sống mũi và mù vì hai mắt bị thương”, một người đàn ông “mất chân trái, tay phải gãy ba bốn chỗ, còn đầu thì bị thương tích trông rất kinh khủng”. Một thanh niên “tay bị rời khỏi khớp vai và bị những vết thương khác”, và một thanh niên khác “cả hai tay đều rời khỏi khớp vai, phần dưới của thân thì bị dập nát đến nỗi lòi cả ruột gan ra ngoài, đầu và hai đùi bị dập nát” v.v.. Bản thông báo công nghiệp đó của các viên thanh tra công xưởng còn rùng rợn hơn và kinh khủng hơn bất cứ bản thông báo chiến sự nào ở Crum. Phụ nữ và trẻ em thường xuyên cung cấp một con số rất lớn cho bản danh sách những người bị thương và những người chết. Những cái chết và những vết thương đã trở nên quen thuộc không kém gì những vết sẹo mà chiếc roi của chủ đồn điền để lại trên thân thể người da đen. Hầu hết những trường hợp rủi ro là kết quả của thái độ coi thường việc *phòng hộ* máy móc do luật pháp quy định. Chúng ta hãy nhớ lại các chủ xưởng *Man-se-xtơ* - cái thủ phủ ấy của phe chủ hòa bằng bất cứ giá nào - đã cử bao nhiêu đoàn đại biểu đến gặp chính phủ để phản đối đạo luật quy định phải có những biện pháp thận trọng nhất định khi sử dụng máy móc. Vì bọn chủ xưởng hiện nay chưa thủ tiêu được đạo luật, nên chúng tìm cách loại bỏ dùng âm mưu để trừ khử viên thanh tra công xưởng L.Hoóc-nơ và thay thế ông này bằng một nhân vật bảo

vệ pháp luật dễ bảo hơn, nhưng hiện thời chúng chưa thành công. Bọn chủ xưởng quả quyết rằng việc lắp đặt thiết bị an toàn sẽ ngốn mất lợi nhuận của chúng. Nhưng Hoóc-nơ chứng minh rằng ở khu vực chỗ ông ta ở, chỉ có một số rất ít những công xưởng không thể bảo đảm an toàn nếu chỉ chi ra 10 pao xtéc-ling cho mục đích ấy. Tổng số những vụ rủi ro xảy ra vì máy móc trong 6 tháng mà bản báo cáo đề cập tới là 1 788 vụ, trong đó có 18 vụ *gây chết người*. Tổng số tiền phạt chủ xưởng, tiền bồi thường mà họ phải trả v.v. trong thời kỳ đó là 298 pao xtéc-ling. Để vẽ tròn con số ấy, người ta gộp vào đó cả số tiền phạt về “lao động trong thời gian mà pháp luật ngăn cấm”, vì “sử dụng lao động trẻ em dưới 8 tuổi” v.v. vì vậy, số tiền phạt về 18 vụ gây chết người và 1 770 vụ gây tàn phế còn xa mới đạt được con số 298 pao xtéc-ling. 298 pao xtéc-ling! Số tiền đó còn ít hơn giá trị một con ngựa đua hạng ba!

Ủy ban Rô-bác và tập đoàn thống trị Anh! Ủy ban Xcôn-phin-đơ và giai cấp thương gia Anh! Báo cáo của các thanh tra công xưởng và các chủ xưởng Anh! Dưới ba tiêu đề ấy có thể hình dung được rõ ràng sinh lý học của các giai cấp hiện đang thống trị ở Anh.

*Do C.Mác viết ngày 23 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 343, ngày 26 tháng Bảy 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức.*

C.MÁC

HUÂN TƯỞC GIÔN RỐT-XEN²¹²

Do C.Mác viết ngày 25 tháng Bảy 12 tháng Tám 1855 “Neue Oder-Zeitung” Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” các số 347, 359, 363, 365, 369 và 377; các ngày 28 tháng Bảy, 4, 7, 8, 10 và 15 tháng Tám 1855 và trên tờ “New-York Daily Tribune” số 4479, ngày 28 tháng Tám 1855

*In theo bản đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” có đối chiếu với bản đăng trên tờ “New-York Daily Tribune”
Nguyên văn là tiếng Đức*

I

Luân Đôn, ngày 25 tháng Bảy. Huân tước *Giôn Rót-xen* ưa dẫn ra câu cách ngôn cũ của đảng *Vích*: “chính đảng giống như con sên, cái đầu cựa quậy theo cái đuôi”. Vị tất ông ta đã nghĩ rằng cái đuôi, để tự cứu mình, sẽ chặt đứt cái đầu. Còn huân tước *Rót-xen* nếu không phải là thủ lĩnh của “*nội các cuối cùng của đảng Vích*” thì, không nghi ngờ gì nữa, cũng là thủ lĩnh của *đảng Vích*. *Biếc-cơ* đã có lần nói rằng:

“Số lượng trang trại, đất đai, lâu đài, rừng rú v.v. mà *dòng họ Rót-xen* chiếm của nhân dân Anh, quả là *không thể tưởng tượng được* (quite incredible)”²¹³.

Điều khó tưởng tượng hơn là niềm vinh quang của huân tước *Giôn Rót-xen* được hưởng và vai trò trọng yếu mà ông ta dưng cầm giữ trong hơn một phần tư thế kỷ, nếu “số lượng trang trại” mà *dòng họ Rót-xen* chiếm không phải là chiếc chìa khóa để giải câu đố ấy.

Huân tước *Giôn* hình như cả đời chỉ săn đuổi *địa vị* mà khi đã giành được *địa vị* thì ông ta bám lấy nó một cách điên cuồng, đến nỗi để mất mọi *tham vọng về quyền lực*. Điều đó đã xảy ra vào năm 1836 - 1841 khi mà ông ta đã đạt được *địa vị* lãnh tụ hạ nghị viện. Cũng như vào năm 1846 - 1851, khi mà ông ta đã nhận được danh hiệu thủ tướng. Sức mạnh hư ảo mà ông ta có được trong tư cách lãnh tụ phe đối lập công phá ngân khố quốc gia, lần nào cũng biến mất ngay hôm ông ta nắm được quyền lực. Khi *Rót-xen* vừa từ một người thuộc Out^{1*} biến thành người thuộc In^{2*} thì

^{1*} - phe đối lập

^{2*} - chính phủ

ông ta đã liền biến ngay thành *con số không*. Không một nhà hoạt động nhà nước nào khác ở Anh lại có cái tài năng như thế để biến sức mạnh thành sự bất lực. Nhưng cũng không có một ai khéo mào xung sự bất lực là sức mạnh như ông Rốt-xen.

Ngoài thế lực của gia đình công tước Bét-phớt mà huân tước Giôn là con thứ, quyền lực hư ảo ấy, từng thời kỳ lọt vào tay ông ta, là do ông ta thiếu những phẩm chất nói chung có thể làm cho một con người chi phối được người khác. Lối nhìn nhỏ nhen của ông ta đối với sự vật, giống như thứ bệnh truyền nhiễm, đã lây sang người khác và gây ra cho các thính giả của ông ta một sự lẫn lộn khái niệm, ở một mức độ lớn hơn cả sự xuyên tạc tài tình nhất đối với chân lý. Tài năng đích thực của ông ta là ông ta có thể quy tất cả những gì mà ông ta đụng đến thành quy mô nhỏ bé của bản thân mình, biến toàn bộ thế giới bên ngoài thành một ranh giới nhỏ vô hạn và biến nó thành một thế giới nhỏ tầm thường do ông ta sáng tạo ra. Tài năng bẩm sinh biến việc lớn thành nhỏ bé của ông ta chỉ có thể nhường chỗ cho bản lĩnh hiểm có của ông là mào xung cái nhỏ mọn thành cái vĩ đại.

Toàn bộ cuộc đời của huân tước Giôn Rốt-xen được xây dựng trên việc lợi dụng những lý do giả mạo. Cải cách nghị viện là lý do giả mạo đối với ông ta, tự do tín ngưỡng cũng là lý do giả mạo, tự do mật dịch cũng là lý do giả mạo nốt. Niềm tin của ông ta vào sức mạnh của những lý do giả mạo đã tỏ ra chân thành đến mức là ông ta cho rằng dưới lý do giả mạo có thể trở thành không những nhà hoạt động nhà nước Anh, mà còn trở thành nhà thơ, nhà tư tưởng và nhà sử học. Chỉ có điều đó mới giải thích được sự xuất hiện của điều nhằm nhí như vờ bị kịch của ông ta “Đông Các-lốt hay là Sự truy nã” hoặc tác phẩm của ông ta “Thư bàn về lịch sử chính phủ và hiến pháp Anh từ triều đại Hen-ri VII đến ngày nay”, hoặc tác phẩm của ông ta “Ghi chép những sự việc ở châu Âu từ thời kỳ ký Hòa ước U-tơ-rếch”²¹⁴. Do tính hẹp hòi ích kỷ của trí tuệ mình, Rốt-xen nhìn mỗi sự vật chỉ là

tabula rasa^{1*} trên đó ông ta có thể viết tên mình. Ý kiến của ông ta không bao giờ tùy thuộc vào các sự việc thực tế, mà trái lại, dưới con mắt ông ta, bản thân các sự việc tùy thuộc vào cái trật tự trong đó ông ta trình bày chúng trong các bài nói của mình. Là diễn giả, ông ta không bao giờ để lại cho người nghe một ý kiến độc đáo đáng nhắc tới, một câu châm ngôn sâu sắc, một nhận xét nghiêm chỉnh, một sự mô tả rõ ràng, một tư tưởng đẹp đẽ, một ý ẩn dụ sinh động, một cảnh tượng hóm hỉnh, một tình cảm chân thành. “*Sự tầm thường thâm hại nhất*” - như Rô-bác nhận định trong tác phẩm lịch sử của ông về nội các cải cách²¹⁵ - đây là điều mà ông ta làm cho thính giả của mình ngạc nhiên ngay vào lúc mà ông ta hoàn thành hành động vĩ đại nhất trong đời sống xã hội của ông, đưa ra hạ nghị viện cái mà ông ta gọi là dự luật về cải cách. Ông ta có cái phong cách độc đáo là biết kết hợp lời nói khô khốc, nhạt nhẽo, đơn điệu, giống như lời nói của người đặt giá trong cuộc bán đấu giá, với những bằng chứng minh họa ấu trĩ lấy trong lịch sử với những câu chữ trịnh trọng khó hiểu về các đề tài “những điều đẹp đẽ của hiến pháp”, “những quyền tự do phổ biến của quốc gia”, “nền văn minh” và “tiền bộ”. Sự hăng hái thực sự chỉ lộ ra ở ông ta khi cá nhân ông ta bị đụng chạm hoặc khi các địch thủ của ông ta buộc ông ta phải vứt bỏ cái tư thế tự cao tự đại giả tạo và để lộ tất cả những dấu hiệu của một tâm trạng mất thăng bằng. Ở Anh, người ta quen giải thích vô số thất bại của ông bởi tính tình nóng nảy bẩm sinh đặc biệt của ông ta. Thực ra, tính nóng nảy đó cũng chỉ là lý do giả mạo. Nó được giải thích bằng sự xung đột tất yếu giữa những thủ đoạn và những biện pháp buộc phải làm và chỉ nhằm sử dụng vào lúc đó, với tình hình bất lợi đã hình thành sau đó. Rốt-xen hành động không phải theo tình cảm mà bao giờ cũng theo tính toán, nhưng sự tính toán của ông ta cũng nhỏ mọn như bản thân ông ta, bao giờ cũng chỉ là mưu kế nhất thời. Do đó mà thường xuyên dao động và ăn nói quanh co, đột nhiên xông lên phía trước rồi rút lui nhục nhã, nói năng khiêu khích, đưa ra những lời cam

^{1*} - tấm bảng sạch

đoan kiêu hãnh nhưng rồi lại thận trọng nuốt chửng và khi tất cả những cái đó chẳng ăn thua gì thì rơi lệ và nức nở nhằm mục đích làm cho toàn thể giới thương hại. Vì vậy cả cuộc đời ông ta có thể được xem hoặc là một sự sham^{1*} có hệ thống hoặc một chuỗi liên tục những tính toán sai lầm.

Có thể có người lấy làm ngạc nhiên: làm thế nào mà một nhà hoạt động xã hội có thể đứng vững được với vô số biện pháp chết từ trong thai, với biết bao nhiêu là đề án thất bại và kế hoạch đề non. Nhưng giống như con thủy tức sinh sôi sau khi đứt đoạn, huân tước Giôn Rốt-xen chỉ phồn vinh nhờ những vật đề non ấy. Phần lớn kế hoạch của ông ta được đưa ra chỉ để xoa dịu sự bất bình của các đồng minh của ông ta, tức cái gọi là phái cấp tiến, trong khi sự thỏa thuận với địch thủ của ông ta, tức phái bảo thủ lại bảo đảm “*bóp chết*” những kế hoạch ấy. Từ thời kỳ có cuộc cải cách nghị viện, không thể nêu lên một “biện pháp rộng rãi và tự do” nào của ông ta, cũng như “một lần trả tiền nào cho cải cách vĩ đại” được ông ta gắn liền với số phận của nội các ông ta. Ngược lại. Sự củng cố và sự tồn tại kéo dài của nội các ông ta trước hết là nhờ vào những biện pháp được đưa ra để lấy lòng phái tự do và được thu hồi để lấy lòng phái bảo thủ. Trong cuộc đời của Rốt-xen đã có những thời kỳ mà Pin cố tình đề Rốt-xen cầm quyền để khỏi buộc phải làm những điều mà Rốt-xen, như Pin đã biết, sẽ chỉ nói *ba hoa* thôi. Trong những thời kỳ thỏa thuận bí mật với địch thủ chính thức, Rốt-xen giữ thái độ khiêu khích đối với các đồng minh chính thức của mình. Ông ta trở nên dửng dưng cảm - cũng dưới lý do giả mạo.

Chúng ta hãy nhìn lại hoạt động trước kia của ông ta - từ năm 1830 cho đến nay. *Thiên tài của sự tầm thường* hoàn toàn xứng đáng với điều đó

^{1*} - lừa bịp

II

Luân Đôn, ngày 1 tháng Tám

“Nếu tôi là họa sĩ”, - Cóp-bét nói, - “tôi sẽ vẽ hiến pháp Anh như một cây sồi già cỗi mà rễ đã thối nát, ngọn đã khô héo, thân cây đã có hang hốc, bị lung lay từ cội rễ và du đưa mỗi khi gió thổi, còn huân tước Giôn Rốt-xen thì được vẽ thành con chim nhỏ đậu trên cây ấy, đang ra sức đưa mọi thứ vào trật tự, đang mổ tỏ sâu trên vỏ cây đã mục nát một nửa của một cành cây thấp nhất. Một số người thậm chí còn nghĩ rằng ông ta mượn lý do trừ sâu trên vỏ cây để mổ mả”.

Tính chất nhỏ nhen của những ý đồ cải cách của Rốt-xen trong thời kỳ tiền sử của bước đường công danh của ông ta từ năm 1813 đến năm 1830 là như vậy, nhưng với tất cả sự nhỏ nhen ấy, các ý đồ của Rốt-xen thậm chí còn không thành thực. Chỉ cần có sự ám chỉ trao cho một chức vụ bộ trưởng nào đó là Rốt-xen, không do dự lấy một phút, vứt bỏ những ý đồ ấy.

Từ năm 1807, đảng Vích ủng hộ công mơ tưởng dự phần vào chiếc bánh ngọt của nhà nước, cho mãi đến năm 1827 khi sự ra đời của nội các Ca-ninh - mà hình như họ nhất trí trên các vấn đề thương nghiệp và chính sách đối ngoại - xem ra đã đem lại cho họ thời cơ chờ đợi từ nhiều năm. Bấy giờ Rốt-xen đã tuyên bố về ý định của mình là đưa ra thảo luận một trong những dự luật “chim nhỏ” của mình về cải cách nghị viện thì đột nhiên Ca-ninh bày tỏ quyết tâm kiên định là cho đến hết đời mình ông ta vẫn phản đối bất cứ cuộc cải cách nghị viện nào. Bấy giờ huân tước Giôn xin phát biểu ý kiến để rút lui đề án của mình.

“Cải cách nghị viện” - ông ta nói, - “là vấn đề gây nên những sự bất đồng lớn trong hàng ngũ những người ủng hộ nó, và các lãnh tụ đảng Vích bao giờ cũng phân đôi việc coi nó như là vấn đề của đảng. Và bây giờ ông ta nêu lên vấn đề ấy *lần cuối cùng*”.

Ông kết thúc lời phát biểu của mình bằng lời tuyên bố trở trên: “Nhân dân không mong muốn cải cách nghị viện nữa”. Ông ta, con người bao giờ cũng lên mặt về sự phản đối om sòm của mình chống 6 đạo luật đặc biệt nổi tiếng xấu xa của Ca-xlê-ri năm 1819²¹⁶, bây giờ lại bỏ phiếu trắng trong cuộc biểu quyết đề án Hi-um về việc thủ tiêu một trong những đạo luật ấy quy định hình phạt bị đi đày chung thân đối với tác giả của bất cứ ấn phẩm nào trong đó có thể tìm thấy dù chỉ là *khuyh hướng* xúc phạm đến một trong hai viện.

Như thế là vào cuối thời kỳ đầu của cuộc đời nghị trường của huân tước Giôn Rốt-xen, chúng ta thấy ông ta đã từ bỏ những lời tuyên bố trên 10 năm trời về cải cách nghị viện, hoàn toàn theo tinh thần của lời thú nhận của Hô-ra-xơ Uôn-pôn, một điển hình của đảng Vích hiện đại, nói với Côn-uây:

“Các dự luật dân chủ chưa bao giờ được đưa ra một cách nghiêm chỉnh, chúng chỉ là công cụ của các chính đảng, chứ không phải là sự bảo đảm thực hiện những tư tưởng kỳ quặc ấy”.

Vì vậy, tuyệt nhiên không thể trách Rốt-xen về chỗ là lẽ ra *lần cuối cùng* ông ta đưa ra đề án về cải cách nghị viện vào tháng Năm 1827, thế mà mãi 4 năm sau, ngày 1 tháng Ba 1831 ông ta mới nhắc lại nó dưới hình thức dự luật nổi tiếng về cải cách. Dự luật ấy, mà cho tới nay ông ta vẫn dùng để chứng minh những tham vọng muốn được sự ca ngợi của toàn thế giới nói chung và của nước Anh nói riêng, tuyệt nhiên không phải là sự sáng tạo của ông ta. Với những đặc điểm chính của nó - thủ tiêu phần lớn các điểm dân cư mục nát, tăng số đại biểu của các quận, để cho các nông dân có trong danh sách chính thức và các cô-pi-hôn-đơ và li-đơ-hôn-đơ²¹⁷, cũng như 24 thành phố công thương nghiệp lớn nhất ở Anh được hưởng quyền bầu cử - dự luật này là bản sao dự luật đã được bá tước Grây (đứng đầu nội các cải cách được

thành lập năm 1830) bấy giờ ở phe đối lập, đưa ra trước hạ nghị viện vào năm 1797, và đã thận trọng quên đi khi ông ta tham gia nội các năm 1806. Đó chính là dự luật ấy, chỉ có hình thức thì thay đổi chút ít. Việc Oen-lin-ton bị đuổi khỏi nội các vì ông ta tỏ ý phản đối cải cách nghị viện, cuộc cách mạng tháng Bảy ở Pháp, hoạt động tích cực gây nguy hiểm của các tổ chức chính trị lớn do giai cấp tư sản và giai cấp công nhân thành lập ở Bóc-minh-hêm, Man-se-xơ, Luân Đôn v.v., cuộc chiến tranh nông dân ở các quận nông nghiệp, các vụ thiêu cháy đã đưa ngọn lửa của nó lan khắp các khu vực phì nhiêu nhất của Anh²¹⁸ - tất cả những tình hình đó đã buộc đảng Vích đưa một dự luật nào đó về cải cách nghị viện. Đảng Vích đã buộc lòng phải nhượng bộ, tuy không phải ngay tức khắc, sau khi đã nhiều lần ủng hộ công mưu đồ duy trì địa vị của mình bằng cách thỏa hiệp với đảng To-ri. Đảng này gặp phải trở ngại qua thái độ đáng sợ của quần chúng nhân dân, cũng như qua thái độ không nhân nhượng cố chấp của đảng To-ri. Nhưng dự luật cải cách nghị viện vừa trở thành luật và được đem thi hành, thì nhân dân, theo cách nói của Brai-tơ (ngày 6 tháng Sáu 1849) liền “cảm thấy mình bị lừa”.

Có lẽ chưa bao giờ có một phong trào nhân dân mạnh mẽ như thế, và chắc là cũng chưa có phong trào nhân dân nào thành công như thế, lại đi đến những kết quả không đáng kể và có tính chất bề ngoài như thế. Không những giai cấp công nhân vẫn không có ảnh hưởng chính trị gì như trước đây, mà bản thân giai cấp tư sản cũng nhanh chóng hiểu rằng lời tuyên bố của huân tước Ôn-tô-pơ, linh hồn của nội các cải cách, với địch thủ của ông ta trong phe To-ri, không phải là lời nói suông đơn giản.

“Đạo luật cải cách nghị viện là biện pháp có tính chất quý tộc nhất trong những biện pháp đã được đưa ra với quốc dân”.

Số đại biểu mới của các khu nông nghiệp vượt xa số phiếu tăng thêm dành cho thành thị. Quyền bầu cử mà tá điền^{1*} được

^{1*} - Trong bài của C.Mác đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” có đoạn nói thêm: “hàng năm nộp 50 pao xtéc-linh tiền tô”.

hưởng càng biến các quận thành công cụ của quý tộc. Việc thay thế loại người nộp thuế bằng loại chủ nhà hằng năm có thu nhập trên 10 p.xt. đã tước quyền bầu cử của một bộ phận lớn dân cư thành thị. Việc cho hưởng và tước quyền bầu cử ấy nhìn chung không phải là để tăng cường thế lực của giai cấp tư sản, mà là để làm yếu thế lực của đảng To-ri và tăng cường thế lực của đảng Vích. Bằng một loạt mưu mô, thủ đoạn xảo quyệt và lường gạt không thể tin được nhất, người ta đã duy trì được sự bất bình đẳng của các khu vực bầu cử và phục hồi được tình trạng hết sức không tương xứng giữa một bên là số đại biểu với một bên là số dân cư và tầm quan trọng của những khu vực bầu cử ấy. Nếu như thủ tiêu được 56 điểm dân cư mục nát mà dân cư ở mỗi điểm đó rất thưa thớt thì hàng loạt quận và thành phố đông dân lại biến thành các điểm dân cư mục nát. Trong thư “Bàn về những nguyên tắc của đạo luật cải cách” (1839) gửi cho cử tri của mình ở Xtơ-ra-út, bản thân Giôn Rốt-xen đã thừa nhận rằng “quyền bầu cử mười pao đã bị mọi thứ thể lệ hạn chế và việc đăng ký cử tri hàng năm trở thành nguyên nhân của sự phiền hà của những khoản chi không cần thiết”. Ở nơi nào không thể dùng sự dọa nạt và không thể lợi dụng ảnh hưởng truyền thống được nữa thì người ta sử dụng việc mua chuộc, nó trở thành nền tảng của hiến pháp Anh sau khi đạo luật cải cách nghị viện được thông qua. Đạo luật cải cách nghị viện mà Rốt-xen là người đề xướng, chứ không phải là tác giả, là như vậy đó. Những điều khoản duy nhất mà rõ ràng có thể quy cho óc phát minh của ông ta là: điều khoản quy định rằng tất cả các *phri-hôn-đơ*²¹⁹, trừ những người thuộc hàng ngũ giáo phái, phải được chiếm hữu phần ruộng đất của mình trong một năm, và một điều khoản khác theo đó thì “điểm dân cư mục nát” của gia đình Rốt-xen - Ta-vi-xtốc - được giữ nguyên vẹn đặc quyền của nó.

Rốt-xen chỉ là một nhân vật thứ yếu trong nội các cải cách (từ năm 1830 đến tháng Mười một 1834) - chủ nhiệm tài vụ của quân đội và không có quyền biểu quyết trong nội các. Ông ta dường như là người ít quan trọng nhất trong số các đồng sự của ông

ta, nhưng là con thứ của công tước Bét-phớt đầy thế lực. Do đó mọi người đồng ý dành cho ông ta cái vinh dự đưa đạo luật cải cách ra trước hạ nghị viện. Một chương ngại đã xuất hiện trên con đường thực hiện sự thỏa thuận có tính chất gia đình ấy. Trong thời kỳ có phong trào vận động cải cách trước năm 1830, Rốt-xen luôn luôn là Henry Brougham's Little man (thuộc hạ của Hen-ri Brum). Chừng nào Brum còn cùng hợp với Rốt-xen ở hạ nghị viện thì không thể giao phó cho Rốt-xen việc đưa đạo luật cải cách nghị viện ra trước hạ nghị viện. Chương ngại ấy được loại trừ nhanh chóng và anh bình dân hiếu danh ấy được điều sang thượng nghị viện ngồi trên túi nhờ lông cừu²²⁰. Vì chẳng bao lâu thì những thành viên quan trọng nhất của nội các cải cách ban đầu hoặc đã chuyển sang thượng nghị viện (như Ôn-tô-pơ vào năm 1834) hoặc đã chết đi, hoặc chạy sang đảng To-ri, cho nên Rốt-xen không những trở thành người kế thừa duy nhất của nội các ấy, mà còn được tiếng là bố đẻ của đứa trẻ, trong khi nhiều lắm ông ta chỉ là bố nuôi của đứa trẻ ấy. Ông ta nổi tiếng, dưới cái chiêu bài giả mạo là tác giả mạo xưng của cải cách nghị viện, mà bản thân cuộc cải cách này cũng chỉ là một sự gian lận và một mảnh lối xảo quyệt mà thôi. Ngoài ra, trong thời kỳ 1830 - 1834, ông ta đã thu hút sự chú ý của mọi người chỉ là nhờ tính cáu gắt mà ông ta biểu hiện khi phản đối một danh sách trợ cấp nào đó.

III

Luân Đôn, ngày 3 tháng Tám. Trở lại nhận xét đặc điểm của Rót-xen, chúng ta bàn thêm về ông ta chút ít, vì thứ nhất, bản thân ông ta là *đại biểu điển hình của chủ nghĩa Vích hiện đại*, và thứ hai, vì lịch sử của ông ta - ít ra là về mặt nào đó - là *lịch sử của nghị viện từ sau cải cách đến nay*.

Trong lời biện hộ cho dự luật về cải cách, khi đề cập đến Ballot (bỏ phiếu kín) và *các nghị viện ngắn hạn* - mọi người đều biết rằng, năm 1694, đảng Vích đã sửa đổi nhiệm kỳ của nghị viện Anh từ nhiệm kỳ một năm thành nhiệm kỳ ba năm, còn đến năm 1717 lại đổi thành nhiệm kỳ bảy năm - Rót-xen đã tuyên bố như sau:

“Không nghi ngờ gì nữa, Ballot có nhiều ưu điểm. Nhưng luận cứ viện ra để bênh vực nó đều sắc sảo và có sức thuyết phục không kém bất cứ những lý lẽ nào mà tôi nghe thấy khi thảo luận một vấn đề tranh luận nào đó. Nhưng nghị viện phải tránh quyết định quá vội vàng... Vấn đề *các nghị viện ngắn hạn* hết sức quan trọng. Tôi dành cho các nghị sĩ khác trong tương lai có dịp nêu lên vấn đề ấy, vì tôi không thể đề đề mục lớn của mình bị chông chát các chi tiết”.

Ngày 7 tháng Sáu 1833, Rót-xen tuyên bố:

“từ bỏ hai đề nghị ấy để tránh xung đột với thượng nghị viện, trái với *niềm tin* (!), bắt rễ sâu xa trong tâm hồn ông ta. Ông ta vững tin rằng những biện pháp ấy có ý nghĩa quan trọng đối với hạnh phúc, sự phồn vinh và bình yên của đất nước”. (Đây, các bạn xem, đó là mẫu mực về tài diễn thuyết của ông ta.)

Do “niềm tin bắt rễ sâu xa” ấy mà suốt bước đường công danh

của ông ta trong nội các, ông ta đã phản đối một cách nhất quán và không khoan nhượng chế độ bỏ phiếu kín và nghị viện ngắn hạn. Vào thời kỳ mà những lời tuyên bố ấy được phát biểu, chúng là một quý kế theo đuổi hai mục đích. Chúng trấn an phái dân chủ đa nghị trong hạ nghị viện và gieo rắc sự lo sợ cho bọn quý tộc ngoan cố ở thượng nghị viện. Nhưng khi Rót-xen vừa cảm chắc được sự ủng hộ của triều đình mới của nữ hoàng Vích-to-ri-a (xem sự trả lời của *Brum* đối với bức thư của Rót-xen gửi cử tri Xtơ-ra-út, 1839) và cho rằng mình là kẻ vĩnh viễn nắm được chức vụ nào đó, ông ta liền ra lời tuyên bố vào tháng Mười một 1837 bảo chữa cho “sự vô cùng chậm chạp trong việc thi hành đạo luật cải cách”, viện cớ rằng cuộc cải cách ấy đã loại trừ mọi khả năng tiến bước hơn nữa.

“Mục đích của cuộc cải cách”, - ông ta nói, - “là nhằm *tăng cường ưu thế của giới chiếm hữu ruộng đất* và người ta hình dung nó như là sự *giải quyết cuối cùng* đối với vấn đề hiến pháp lớn lao”.

Nói tóm lại, chính lời tuyên bố về đạt được đỉnh tột cùng ấy đã khiến cho ông ta nhận được cái biệt hiệu “Finality John”^{1*}. Nhưng thái độ của ông ta đối với “Finality”, đối với quyết tâm dừng lại tại chỗ cũng không nghiêm chỉnh gì hơn thái độ của ông ta đối với quyết tâm tiến lên trước đây. Năm 1848, ông ta phản đối đề án cải cách nghị viện của Hi-um. Năm 1849 khi Hi-um lại đưa ra một đề án như thế, ông ta dựa vào lực lượng liên hiệp của đảng Vích, đảng To-ri và phái Pin lại đánh bại Hi-um bằng đa số 268 phiếu trên 82 phiếu. Trở nên can đảm nhờ sự ủng hộ của phái bảo thủ, ông ta đã tuyên bố có tính chất khiêu khích:

“Khi chúng tôi soạn thảo và đưa ra dự luật cải cách, chúng tôi đã ra sức *làm cho* số đại biểu của Viện này *thích ứng* với những cơ quan khác của chính quyền nhà nước, khiến cho tất cả những cái đó hoàn toàn hài hòa với hiến pháp. Ông Brai-tơ và những người cùng tư tưởng với ông có tầm tư duy *quá ư hạn chế*, năng lực phán đoán và linh hội của họ bị tầm mắt hạn hẹp hạn chế đến nỗi hoàn toàn không thể giải thích cho họ hiểu được những nguyên tắc vĩ đại mà cha

^{1*} - “Giôn Tột đỉnh”

ông chúng ta dùng làm nền tảng cho hiến pháp của nước ta, khiến cho chúng ta, con cháu của cha ông chúng ta, phải cúi đầu ngơ ngác và ra sức noi theo. Trong 17 năm kể từ sau cải cách, hạ nghị viện đã không phụ tất cả những niềm hy vọng gửi gắm một cách chính đáng vào nó. Chế độ hiện hành, tuy ít nhiều có đi chệch những quy định, đã có tác dụng tốt chính nhờ những sai lệch ấy”.

Nhưng năm 1851, khi Rốt-xen bị thất bại trước đề án của Lốc Kinh về việc áp dụng quyền bầu cử ở các quận cho những người chiếm hữu ruộng đất có thu nhập hằng năm là 10 p.xt., và thấy rằng bản thân ông ta buộc phải xin từ chức mấy ngày, thì “tâm mắt rộng rãi” của ông ta đột nhiên mở ra trước ông ta tính tất yếu của một “*đạo luật cải cách mới*”. Ông ta cam kết trước hạ nghị viện rằng sẽ đưa ra một dự luật như thế. Ông ta lờ tịt thực chất của “biện pháp” mới là gì, nhưng cho phát hành một kỳ phiếu mà ông ta *cam kết sẽ thanh toán vào kỳ họp sắp tới của nghị viện*.

“Tham vọng của nội các hiện nay đối với địa vị họ đang giữ” - tờ “Westminster Review”, cơ quan ngôn luận của cái gọi là phái cấp tiến liên minh với Rốt-xen, tuyên bố lúc bấy giờ, - “đã trở thành đề tài chế nhạo và khiển trách của mọi người, và cuối cùng, khi sự sụp đổ của nó và sự tiêu vong của chính đảng của nó đã trở thành điều không tránh khỏi, thì huân tước Giôn phát biểu hứa hẹn đưa dự luật cải cách mới vào năm 1852. Hãy đứng vững cho đến lúc đó, ông ta hò hét, tôi sẽ thỏa mãn nguyện vọng thiết tha của các ngài về cuộc cải cách rộng rãi và tự do”.

Năm 1852, quả thực ông ta đã đưa ra một dự luật cải cách mới, lần này đã là tác phẩm của ông ta, nhưng với quy mô nhỏ bé lạ lùng đến nỗi ngay cả phái bảo thủ cũng cảm thấy không cần công kích nó, còn phái tự do thì cảm thấy không cần bảo vệ nó. Dù sao thì cuộc cải cách để non ấy cũng cho con người bé nhỏ ấy - mà cuối cùng đã buộc phải rời bỏ nội các ấy - một cái cớ để khi chạy trốn có thể bắn một mũi tên ngầm vào người kẻ tục đặc thẳng của mình là bá tước Đớc-bi. Ông ta ra đi lớn tiếng đe dọa “*sẽ kiên trì đòi mở rộng quyền bầu cử*”. Mở rộng quyền bầu cử từ đây trở thành “việc làm thiết tha đối với trái tim ông ta”. Vừa bị

đuổi khỏi nội các, vị anh hùng của những biện pháp bất đắc dĩ ấy, mà hiện nay đã được những người ủng hộ ông ta gọi là “Foul weather Jack” (“Giấc Thời tiết xấu”), liền triệu tập ở tư dinh tại phố Tre-sơ-plê-xơ các phe phái khác nhau mà sự liên hiệp của họ đẻ ra một liên minh quái đản yếu đuối. Ông ta không quên mời Brai-tơ và Cốp-đen, “những kẻ có tâm tư duy hạn chế đến thế”, xin lỗi họ trong cuộc hội nghị long trọng về tầm mắt rộng rãi của mình và phát cho họ một kỳ phiếu mới về một cuộc cải cách khác “có ý nghĩa hơn”. Năm 1854, với tư cách thành viên của nội các liên hiệp, Rốt-xen đã giải trí hạ nghị viện bằng dự án định kỳ về cải cách bầu cử, mà đã được ấn định trước là trở thành I-phi-giê-ni mới mà ông ta, một A-ga-mơ-nông mới muốn dâng lên làm tế vật cho thắng lợi của cuộc viễn chinh Tơ-roa mới. Nghi lễ dâng tế vật được ông ta tiến hành theo phong cách nhạc kịch của Mê-ta-xta-di-ô, với những con mắt đăm lẹ, nhưng những giọt lệ này lập tức ráo hoảnh ngay khi chức vụ “không lương” mà ông ta giữ trong nội các vừa biến thành chức chủ tịch Hội đồng cơ mật với mức lương 2 000 pao xtéc-linh - nhờ âm mưu hèn hạ của ông ta chống lại ông Xơ-rát, một đảng viên của đảng ông ta.

Dự án cải cách thứ hai nhằm mục đích củng cố nội các sắp đổ của ông ta, dự án cải cách thứ ba buộc nội các của đảng To-ri phải đổ. Dự án thứ hai là một trò lấu cá, dự án thứ ba là một quỷ kế. Dự án thứ hai được ông ta đưa ra dưới hình thức mà không ai muốn vớ lấy, dự án thứ ba được ông ta đưa ra vào lúc không ai có thể làm được việc đó. Trong cả hai trường hợp, ông ta đều chứng tỏ rằng mặc dù số phận đã đưa ông ta lên làm bộ trưởng, nhưng thiên nhiên lại ấn định trước cho ông ta vai trò làm anh hàn nòi đi rong, giống như Cri-xtô-phơ Xlai. Thậm chí trong dự án cải cách thứ nhất và là dự án duy nhất được thực hiện, ông ta cũng chỉ nắm được quỹ kế của tập đoàn thống trị, chứ không phải hàm nghĩa lịch sử của toàn bộ kế sách

IV

Luân Đôn, ngày 4 tháng Tám. Kể từ cuộc chiến tranh chống Gia-cô-banh, thế lực của đảng Vích ở Anh ngày càng sa sút. Do đó, họ nhìn về *Ai-rơ-len*, quyết định ném *Ai-rơ-len* lên bàn cân của mình và viết lên đảng kỳ của họ: *giải phóng Ai-rơ-len*. Trong thời kỳ cầm quyền ngắn ngủi năm 1806, họ quả thực đã đưa ra hạ nghị viện dự luật cải cách vận vật cho *Ai-rơ-len*, đưa dự luật này qua được lần thảo luận thứ hai, nhưng rồi tự nguyện rút về để lấy lòng Gioóc-giơ III giả nhân, giả nghĩa và ngu xuẩn. Năm 1812, bọn Vích định, đương nhiên là không thành công, ràng buộc hoàng thân nhiếp chính (sau là Gioóc-giơ IV) chấp nhận mình với lý do họ là công cụ duy nhất có thể hòa giải với *Ai-rơ-len*. Trước cũng như trong thời kỳ phong trào vận động cải cách, họ xun xoe bằng đủ mọi cách trước Ô Cô-nen, và “những hy vọng của *Ai-rơ-len*” bị họ dùng làm vũ khí mạnh mẽ. Tuy thế, pháp lệnh đầu tiên của nội các cải cách trong kỳ họp đầu tiên của nghị viện cải cách là tuyên chiến với *Ai-rơ-len*, là biện pháp “đã man và đẫm máu”, tức là “luật đặc biệt” đặt *Ai-rơ-len* vào tình trạng giới nghiêm^{1*}. Bọn Vích thực hiện lời hứa trước đây của mình bằng “lừa, tù đày, thậm chí tử hình”. Ô Cô-nen bị truy tố và bị kết án về tội phiến loạn. Trong khi đó bọn Vích có thể đưa ra nghị viện thông qua luật đặc biệt đối với *Ai-rơ-len* chỉ với cái giá phải trả là kiên quyết

^{1*} Trong tờ “New - York Daily Tribune”, đoạn cuối câu này viết như sau: “... tức luật đặc biệt đối với *Ai-rơ-len* - “luật về tòa án áo đỏ”, căn cứ vào đó, các thẩm phán thông thường và các tòa án bồi thẩm ở *Ai-rơ-len* bị thay thế bằng các tòa án quân sự”.

cam kết đòi đưa ra một dự luật khác về *giáo hội quốc giáo Anh ở Ai-rơ-len*. Dự luật này - đây là những cam kết mà bọn Vích đã nhận về phía mình - phải bao gồm một điều khoản căn cứ vào đó thì một phần khoản *tiền thừa* trong các khoản thu nhập của giáo hội quốc giáo ở *Ai-rơ-len* sẽ được chuyển cho nghị viện sử dụng. Về phần mình, nghị viện phải sử dụng số tiền ấy vì lợi ích của *Ai-rơ-len*. Ý nghĩa của điều khoản này là thừa nhận nguyên tắc mà theo đó nghị viện có quyền trưng dụng tài sản của giáo hội quốc giáo, một nguyên tắc mà tính đúng đắn của nó càng hiển nhiên đối với huân tước Giôn Rốt-xen vì toàn bộ cơ nghiệp rộng lớn của gia đình ông ta là các ruộng đất giáo hội trước đây. Bọn Vích hứa bảo vệ dự luật giáo hội ấy nếu không sẽ từ chức. Nhưng luật đặc biệt vừa được thông qua thì bọn Vích, viện cớ cần tránh sự xung đột với thượng nghị viện, đã rút lui điều khoản trên đây là điều khoản duy nhất đem lại ý nghĩa cho dự luật giáo hội của họ. Họ bỏ phiếu chống lại đề án của chính họ và phủ quyết nó. Điều đó xảy ra vào năm 1834. Nhưng cũng cuối năm ấy, thiện cảm của họ đối với *Ai-rơ-len* lại sống lại như được một dòng điện kích thích. Vấn đề là mùa thu năm 1834 họ buộc phải nhường ghế nội các cho nội các Rô-bớt Pin. Họ lại bị ném sang hàng ghế phe đối lập. Và chúng ta thấy ngay hoạt động sôi sảng của Giôn Rốt-xen của chúng ta về mặt hòa giải với *Ai-rơ-len*. Tháng Giêng 1835, ông ta là đại biểu chính yếu trong cuộc đàm phán ký kết *Hiệp ước Li-sphin-hau-xơ*²²¹. Theo hiệp ước này, bọn Vích trao cho Ô Cô-nen patronage (quyền phân phối các chức vụ v.v.) ở *Ai-rơ-len*. Về phần mình, Ô Cô-nen bảo đảm cho họ có được những lá phiếu của *Ai-rơ-len* ở trong và ngoài nghị viện. Nhưng cần có *cớ* để đuổi đảng To-ri khỏi phủ Đạo-ninh. Với “tính quá ư cẩn thận” vốn có, Rốt-xen đã lựa chọn vấn đề *thu nhập của giáo hội* ở *Ai-rơ-len* làm chiến trường, còn khẩu lệnh chiến đấu thì được họ chọn chính cái *điều khoản* nổi tiếng xấu xa dưới tên gọi “*điều khoản về chiếm dụng*” mà trước đây không lâu ông ta và các đồng sự của ông ta trong nội các cải cách đã *tự mình* từ bỏ và đã thu hồi lại. Nội các Pin quả thực đã bị lật đổ dưới ngọn cờ “điều khoản về chiếm dụng”. Nội các Men-buốc được thành lập, và huân

tước Giôn Rót-xen nhận chức bộ trưởng nội vụ và lãnh tụ hạ nghị viện. Thế là ông ta tự tâng bốc mình, một mặt, về tinh thần kiên nghị của ông ta, vì khi đã cầm quyền rồi, ông ta vẫn tiếp tục kiên trì giữ niềm tin của mình đối với “điều khoản chiếm dụng”; mặt khác, về sự tự kiểm chế về đạo đức của ông ta, vì ông ta tự kiểm chế không *hành động* dựa vào niềm tin ấy. Niềm tin của ông ta bao giờ cũng chỉ dừng lại ở lời nói, và ông ta chưa hề thực hiện nó. Trở thành thủ tướng năm 1846, sự kiểm chế về đạo đức của ông ta đã hoàn toàn chiến thắng tinh thần kiên định của ông ta, đến nỗi ông ta từ bỏ cả “niềm tin” của mình. Rót-xen tuyên bố rằng ông ta không thấy biện pháp nào có hại hơn là những biện pháp xâm phạm các cơ sở vật chất của quốc giáo - các khoản thu nhập của nó.

Tháng Hai 1833, Giôn Rót-xen nhân danh nội các cải cách kịch liệt phản đối *phong trào Repeal*^{1*} ở Ai-rơ-len.

“Mục đích đích thực của phong trào này”, - ông ta thốt lên tại hạ nghị viện, - “là tìm cách thắng thừng lật đổ nghị viện liên hiệp và thay thế quốc vương, thượng nghị viện và hạ nghị viện của Vương quốc liên hiệp bằng nghị viện do Ô Cô-nen làm lãnh tụ và cầm đầu”.

Tháng hai 1834, trong diễn văn của quốc vương lại có sự công kích đối với phong trào Repeal, nên nội các cải cách đã đề nghị trong đáp từ

“trình trọng tuyên bố rằng duy trì sự hợp nhất của các cơ quan lập pháp của ba vương quốc trong hình thức bất khả xâm phạm và hoàn chỉnh là ý chí không lay chuyển của nghị viện”.

Nhưng vừa lâm vào thế bí của phe đối lập, Giôn Rót-xen liền đã tuyên bố:

“Về *Repeal sự hợp nhất* thì vấn đề này cũng có thể là đối tượng của những tu chính án và những cuộc chất vấn, như bất cứ pháp lệnh nào của cơ quan lập pháp”.

do đó, không hơn mà cũng không kém bất cứ luật nào về bia.

^{1*} - thủ tiêu (thủ tiêu sự hợp nhất)

Tháng Ba 1846, liên hiệp với bọn To-ri là bọn đang nóng lòng mong mỗi trùng trị sự phản bội của lãnh tụ của mình về vấn đề luật vũ khí, Giôn Rót-xen đã lật đổ chính phủ Pin. Lý do viện ra là Pin đưa ra “*dự luật về vũ khí*” cho Ai-rơ-len, dự luật đã bị Rót-xen, một người dạt dào nổi bất bình đạo đức, kiên quyết phản đối. Ông ta trở thành thủ tướng, biện pháp đầu tiên của Rót-xen là đưa ra nghị viện cũng “*dự luật về vũ khí*” như thế. Nhưng làm điều đó, ông ta chỉ mất thể diện, chẳng được lợi gì. Ô Cô-nen đã kịp tổ chức được một cuộc mít tinh lớn phản đối dự luật ấy và thu được 50 000 chữ ký vào đơn thỉnh cầu; ông ta ở Đu-blin, từ đây lãnh đạo toàn bộ phong trào. King Đan (vua Đan - cái tên mà nhân dân đã gọi Đa-ni-en Ô Cô-nen) sẽ mất đi vương quốc và các nguồn thu nhập của mình, nếu lúc đó bị coi là tông phạm của Rót-xen. Vì vậy, ông dùng hình thức đe dọa, cảnh cáo con người nhỏ mọn ấy để hấn lập tức thu hồi dự luật về vũ khí của hấn. Rót-xen đã thu hồi dự luật. Tuy có sự câu kết bí mật với bọn Vích, Ô Cô-nen vẫn khéo léo, như mọi khi, không những đánh bại chúng, mà còn làm nhục chúng. Để đánh tan mọi sự nghi ngờ về việc tín hiệu rút lui đã được phát ra *theo lệnh của ai*, ông đã báo tin cho những người tham gia phong trào đòi thủ tiêu sự hợp nhất, lúc ấy đang họp tại phòng lớn Công-xi-li-a ở Đu-blin, về việc rút lui dự luật về vũ khí vào ngày 17 tháng Tám - *vào đúng ngày* mà Giôn Rót-xen tuyên bố sự kiện đó tại hạ nghị viện. Năm 1844, Rót-xen trách ngài Rô-bóc Pin “đã đưa quân đội tràn vào Ai-rơ-len và không cai trị đất nước, mà chỉ chiếm đóng nó”. Năm 1848, Rót-xen chiếm đóng Ai-rơ-len, áp dụng ở đây các đạo luật về phản bội tổ quốc, ngừng thi hành Habeas Corpus Act²²² và ca tụng “các biện pháp kiên quyết” của Cla-ren-đôn. Nhưng sự kiên quyết ấy chỉ là lý do giả tạo. Ở Ai-rơ-len có hai phái đối lập nhau, một bên là những người ủng hộ Ô Cô-nen và các cố đạo câu kết bí mật với bọn Vích, một bên là Xmit Ô-brai-en với những tín đồ của mình. Những người này chỉ là dupes^{1*}, họ coi trò chơi thủ tiêu sự hợp nhất là việc nghiêm chỉnh, do đó kết thúc bằng

^{1*} - nạn nhân của sự lừa bịp, những người khờ khạo

trò hề. “Những biện pháp kiên quyết” mà chính phủ Rót-xen thi hành và những hành động tàn bạo được sử dụng thì hoàn toàn không phải do tình hình gây ra. Mục đích của chúng không phải là củng cố nền thống trị của Anh ở Ai-rơ-len, mà là kéo dài sự cầm quyền của bọn Vích ở Anh.

V

Luân Đôn, ngày 6 tháng Tám. *Những đạo luật về ngũ cốc* được thi hành ở Anh năm 1815, vì đảng To-ri và đảng Vích cùng nhau quyết định nâng cao địa tô của họ bằng cách đánh thuế vào quốc dân. Điều đó sở dĩ đạt được không chỉ vì những đạo luật về ngũ cốc - là những đạo luật cấm nhập khẩu ngũ cốc từ nước ngoài - đã nâng cao một cách giả tạo giá lương thực trong vòng mấy năm. Nghiên cứu thời kỳ từ 1815 đến 1846, chúng ta thấy rằng hình như điều càng có ý nghĩa lớn hơn, đó là ảo tưởng của các phéc-mi-ê lãnh canh cho rằng những đạo luật về ngũ cốc, trong bất kể điều kiện nào, đều có thể giữ giá lương thực ở mức nhất định à priori^{1*}. Ảo tưởng ấy đã có ảnh hưởng đôi với hợp đồng lãnh canh. Để thường xuyên duy trì ảo tưởng ấy, nghị viện, như chúng ta thấy, thường xuyên chăm lo đến việc xét lại và hoàn thiện đạo luật về ngũ cốc năm 1815. Bất chấp những quy định của những đạo luật về ngũ cốc, giá lương thực cứ tụt mãi, bấy giờ người ta đã thành lập những ủy ban của nghị viện có nhiệm vụ xác định nguyên nhân của agricultural distress (tình cảnh khốn đốn của nông nghiệp). Agricultural distress, vì nó là đối tượng điều tra của nghị viện, nên trên thực tế chỉ là sự tương xứng giữa giá cả mà tá điền phải trả về ruộng đất thuê của điền chủ với giá cả mà anh ta bán nông phẩm của mình cho người tiêu dùng, nói cách khác, đó là *sự không tương xứng giữa địa tô với giá lương thực*. Do đó, sự không tương xứng đó dễ khắc phục bằng cách giảm địa tô -

^{1*} - trước đây

nguồn thu nhập của giới quý tộc ruộng đất. Lẽ tự nhiên là bọn này thà “hạ giá” lương thực bằng thủ đoạn lập pháp còn hơn là giảm địa tô; đạo luật về ngũ cốc được thay thế bằng một đạo luật khác về ngũ cốc, chỉ hơi biến đổi về hình thức; sự vô tác dụng của những đạo luật về ngũ cốc lần nào cũng được giải thích bằng những chi tiết không quan trọng được xem là có thể khắc phục bằng một pháp lệnh mới của nghị viện. Vì vậy, nếu giá lương thực chỉ được giữ ở mức cao, không bình thường trong một số tình hình, thì *địa tô* được giữ ở mức cao không bình thường trong mọi tình hình. Vì vấn đề đụng chạm đến “những lợi ích thiêng liêng nhất” của giới quý tộc ruộng đất, đến các nguồn thu nhập bằng tiền của chúng, nên cả hai phái quý tộc - đảng To-ri và đảng Vích - đều sẵn lòng coi những đạo luật về ngũ cốc như là những vì tinh tú cố định ở rất cao đứng bên *trên* chiến trường đấu tranh đảng phái của chúng. Đảng Vích thậm chí đã đứng vững trước sự cám dỗ là tuyên bố các “quan điểm tự do” trên vấn đề này, nhất là bởi vì hồi đó họ coi là rất xa vời cái triển vọng đền bù sự thâm hụt về địa tô bằng việc thu lại địa tô thế tập, nhận được từ các chức vụ trong chính phủ. Cả hai phái muốn tranh thủ cho mình sự ủng hộ của giới quý tộc tài chính, nên đã bỏ phiếu tán thành đạo luật về ngân hàng năm 1819, theo đó thì những khoản lợi tức về quốc trái tính theo các loại tiền bị sụt giá phải được thanh toán bằng các loại tiền hoàn toàn có giá. Quốc gia vay chẳng hạn, 50 p.xt. thì phải thanh toán 100 p.xt.. Chúng đã mua chuộc được, bằng cách như vậy, sự đồng ý của giới quý tộc tài chính đối với đạo luật về ngũ cốc. Nâng giá một cách bịp bợm lợi tức quốc trái để đổi lấy việc nâng giá một cách bịp bợm địa tô - đó là tinh thần của bản hợp đồng ký kết giữa giới quý tộc tài chính và giới quý tộc ruộng đất. Sau sự việc đó thì sẽ chẳng lấy gì làm lạ nếu như huân tước *Giôn Rốt-xen* trong thời gian có các cuộc bầu cử nghị viện năm 1835 và 1837 đã tuyên bố rằng bất cứ cuộc *cải cách* nào đối với *những đạo luật về ngũ cốc* đều có hại, phi lý, không thực tế và không cần thiết. Từ khi bước vào con đường công danh trong nội các, ông ta đã bác bỏ mọi đề án như vậy, ban đầu với sự bình tĩnh khả kính về sau thì câu

gắt. Trong việc bảo hộ thuế quan cao về ngũ cốc, ông ta đã vượt xa ngài Rô-bớt Pin. Triển vọng xảy ra nạn đói kém vào những năm 1838 và 1839 không thể làm ông ta cũng như các thành viên khác của nội các Men-buốc, dao động. Nhưng điều mà tình cảnh nguy khốn của quốc gia không thể làm được thì tình cảnh nguy khốn của nội các đã làm được. Khoản thiếu hụt 7 500 000 p.xt trong nền tài chính quốc gia và chính sách đối ngoại của Pan-móc-xton đe dọa làm nổ ra cuộc chiến tranh với Pháp đã thôi thúc hạ nghị viện, theo đề nghị của Pin, bỏ phiếu không tin nhiệm nội các Men-buốc. Điều đó xảy ra ngày 4 tháng Sáu 1841. Bọn Vích là những kẻ bao giờ cũng tham lam theo đuổi địa vị, rất lúng túng khi đảm nhiệm các chức vụ ấy nhưng lại không chịu từ bỏ các chức vụ ấy, chúng đã mưu toan, tuy nhiên là uổng công vô ích, trốn tránh số phận của mình bằng việc giải tán nghị viện. Bấy giờ trong thâm tâm Giôn Rốt-xen nảy ra ý nghĩ lợi dụng phong trào phản đối những đạo luật về ngũ cốc rồi biến nó thành con số không, giống như trước đây, với sự giúp đỡ của ông ta, phong trào đòi cải cách đã bị lợi dụng rồi bị biến thành con số không. Chính vì vậy mà đột nhiên ông ta tán thành loại “thuế quan cố định có chùng mực” thay cho loại thuế quan theo thang trượt - nên nhớ rằng ông ta bao giờ cũng là bạn của sự trình bạch về chính trị “có chùng mực” và của những cải cách “có chùng mực”. Ông ta không thấy xấu hổ khi đi điều hành ở đường phố Luân Đôn với đội ngũ ứng cử viên của chính phủ có những người cầm cờ đi hộ tống, những người này đã cầm lên cán cờ hai chiếc bánh mì hình thành một sự tương phản rõ ràng - một chiếc là bánh mì giá hai pen-ni có đề chữ “*bánh mì của Pin*”, và chiếc kia là chiếc bánh mì giá một si-ling, có đề chữ “*bánh mì của Rốt-xen*”. Nhưng lần này nhân dân không mắc lừa. Qua kinh nghiệm, họ biết rằng bọn Vích hứa cho bánh mì, nhưng lại trả bằng những viên đá. Bất chấp cuộc diễu hành hóa trang hài hước của Rốt-xen, cuộc bầu cử mới đã đem lại cho chính phủ của đảng Vích một thiểu số là 76 đại biểu. Cuối cùng nó buộc phải nhường các ghế trong nội các. Để trả thù sự phục vụ tồi mà loại thuế quan cố định có chùng mực đã dành cho ông ta vào năm 1841, Rốt-xen đã bình tĩnh

để cho “thang trượt” của Pin mang hình thức một đạo luật vào năm 1842. Bây giờ thì ông ta khinh rẻ “thuế quan cố định có chừng mực”; ông ta xoay lưng lại với nó; ông ta để cho nó phá sản, không nói lấy một lời khi làm như vậy.

Từ năm 1841 đến 1845, *Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc* đã phát triển lên quy mô lớn. Hiệp ước cũ giữa giới quý tộc tài chính và giới quý tộc ruộng đất không còn là sự bảo đảm để duy trì những đạo luật về ngũ cốc nữa, vì giai cấp tư sản công nghiệp ngày càng trở thành bộ phận chủ đạo của giai cấp tư sản, lấn át quý tộc tài chính. Đối với giai cấp tư sản công nghiệp, việc thủ tiêu những đạo luật về ngũ cốc là vấn đề quan trọng sống còn. Việc thủ tiêu các đạo luật về ngũ cốc có nghĩa là giảm chi phí sản xuất, mở rộng ngoại thương, tăng thêm lợi nhuận, thu hẹp nguồn thu nhập chính của giới quý tộc ruộng đất, do đó, làm yếu quyền lực của nó, tăng cường thế lực chính trị của bản thân giai cấp tư sản công nghiệp. Mùa thu năm 1845, giai cấp tư sản công nghiệp đã tìm được những đồng minh đáng sợ - đó là nạn sâu bệnh khoai tây ở Ai-rơ-len, ở sự tăng giá lương thực ở Anh và mùa thu hoạch kém ở phần lớn châu Âu. Hoảng sợ trước tình hình nguy hiểm, ngài Rô-bóc Pin đã triệu tập một loạt hội nghị nội các vào cuối tháng Mười và đầu tháng Mười một 1845, trong đó ông ta đưa ra đề nghị tạm thời thủ tiêu những đạo luật về ngũ cốc, thậm chí ám chỉ cần vĩnh viễn thủ tiêu chúng. Nội các đã trì hoãn ra quyết định do sự phân đôi kiên quyết của một trong những thành viên của nó là ngài Xten-li (hiện nay là huân tước Đốc-bi).

Giôn Rốt-xen, bấy giờ lợi dụng mùa nghỉ của nghị viện để đi du ký ở Ê-đin-bóc, đã đánh hơi biết được sự việc xảy ra trong nội các Pin. Ông ta quyết định lợi dụng trở ngại do Xten-li gây ra để vượt lên trước Pin, chiếm lĩnh đầu tiên trận địa mà nhất định sẽ đem lại tiếng tăm cho ông ta, mạo xưng là người cố vũ cho Pin, do đó, tước mất mọi sức nặng tinh thần của quyết định mà Pin dự tính. Vì vậy, viện cố nội các quá ư chậm chạp trong việc ra quyết định về tình hình khốn đốn ở Ai-rơ-len, ngày 22 tháng Mười

một 1845, từ Ê-đin-bóc, ông ta gửi cho cử tri của mình ở Xi-ti một bức thư đầy đầy những sự ám chỉ ác ý và độc địa đối với Pin. Nạn đói có tính chất chu kỳ ở Ai-rơ-len trong những năm 1831, 1835, 1837 và 1839 chưa lần nào làm lung lay niềm tin của Rốt-xen và các đồng sự của ông ta đối với những đạo luật về ngũ cốc. Bây giờ ông ta đột nhiên trở thành hăng hái. Thậm chí tai nạn đáng sợ, như nạn đói của hai dân tộc, cũng bị con người bé nhỏ đó chỉ coi là cái cớ để đặt bẫy đối thủ “có chức vụ” của mình. Trong thư của mình, ông ta định giấu giếm động cơ đích thực của việc ông ta đột nhiên biến thành người ủng hộ tự do mậu dịch, tự che đậy dưới lời thú nhận sau đây của một kẻ phạm tội xám hối:

“Tôi thừa nhận rằng, niềm tin của tôi về vấn đề ấy trong 20 năm nay đã có những thay đổi lớn. Trước kia tôi quen cho rằng lương thực là ngoại lệ trong các quy tắc chung của khoa kinh tế chính trị, nhưng những sự quan sát và kinh nghiệm làm cho tôi tin rằng chúng ta phải từ bỏ *mọi sự can thiệp* vào vấn đề nhập khẩu thực phẩm”.

Cũng trong *bức thư ấy*, ông ta chê trách Pin về chỗ cho tới nay Pin vẫn *chưa* can thiệp vào vấn đề nhập khẩu thực phẩm ở Ai-rơ-len. Pin đã đẩy con người bé nhỏ này vào chính cái bẫy của hắn. Pin từ chức nhưng viết thư cho nữ hoàng hứa ủng hộ Rốt-xen, nếu Rốt-xen đảm nhận việc thủ tiêu những đạo luật về ngũ cốc. Nữ hoàng mời Rốt-xen đến và ủy nhiệm cho ông ta lập nội các mới. Ông ta đến, trông thấy... và tuyên bố rằng mình *không có năng lực* làm việc đó, ngay cả khi có sự ủng hộ của đối thủ của ông ta. Ông ta không ngờ rằng sự việc lại xoay chuyển như thế. Đối với ông ta, tất cả cái đó chỉ là *lý do giả tạo*, nhưng người ta đe dọa tóm lấy ông ta ngay ở trong lời nói! Thế là Pin lại lên cầm quyền và thủ tiêu những đạo luật về ngũ cốc. Do hành động của ông ta, đảng To-ri bị đánh bại và tan rã. Rốt-xen lại liên hiệp với đảng To-ri để lật đổ Pin. Đây là tất cả những điều mà ông ta có thể dùng để biện bạch cho tham vọng của mình đối với danh hiệu “bộ trưởng của tự do mậu dịch”, cái danh hiệu mà ông ta khoác lác trong nghị viện mới mấy ngày trước đây.

VI

Luân Đôn, ngày 12 tháng Tám. Bây giờ chúng ta trở lại với *huân tước Giôn Rốt-xen* để kết thúc sự nhận xét về ông ta. Vào buổi đầu con đường công danh của ông ta, ông ta đã có được tiếng tăm nhất định nhờ thái độ bao dung giả dối; và vào cuối con đường công danh của ông ta, ông ta cũng đã có được tiếng tăm nhất định nhờ lòng sùng đạo giả dối; trong trường hợp thứ nhất thì bằng đề nghị của ông ta về thủ tiêu “Test - and Corporation - Acts”²²³ trong trường hợp thứ hai thì bằng “Ecclesiastical Titles Bill” (dự luật về các tước vị trong giáo hội)²²⁴ của ông ta. Các pháp lệnh về việc tuyên thệ và về các nhà đương cục thị chính đã tước mất của tín đồ phi quốc giáo khả năng giữ các chức vụ quốc gia. Những đạo luật đó đã trở thành những câu chữ chết cứng trên giấy tờ từ lâu rồi, khi Rốt-xen đưa ra vào năm 1828 đề án tai tiếng của ông ta về việc thủ tiêu chúng. Đề án của ông ta được luận chứng rằng theo niềm tin của ông ta thì “việc thủ tiêu những đạo luật đó sẽ củng cố giáo hội quốc giáo”. Một người đương thời viết: “Về thành công của đề án ấy, không ai ngạc nhiên hơn bản thân tác giả của nó”. Thật không khó khăn gì mà không giải được câu đố ấy nếu ta nhớ lại rằng một năm sau (năm 1829) bản thân *nội các To-ri* đã đưa ra dự luật giải phóng những người công giáo, và đương nhiên nó hy vọng giải thoát từ trước khỏi các pháp lệnh về việc tuyên thệ và về các nhà đương cục thị chính. Tuy thế, tín đồ phi quốc giáo chẳng nhận được gì ở *huân tước Giôn*, ngoài lời hứa mà ông ta đưa ra khi còn ở phe

đổi lập. Còn khi ông đã nắm chính quyền thì thậm chí ông ta phản đối cả việc thủ tiêu thuế giáo hội (church rates).

Nhưng *sự công kích của ông ta đối với Giáo hoàng*^{1*} còn nói lên rõ ràng hơn về sự rỗng tuếch của con người đó và sự đê tiện của những động cơ thúc đẩy ông ta. Chúng ta đã thấy rằng vào những năm 1848 và 1849 với việc liên hiệp đảng Vích với đảng To-ri và phái Pin, ông ta đã đánh đổ đề án cải cách mà chính các đồng minh của ông ta đưa ra. Phụ thuộc vào phe đổi lập bảo thủ như vậy, nội các của ông ta đã trở thành hết sức yếu đuối và lung lay vào năm 1850, khi thánh dụ của giáo hoàng về việc thực hiện trật tự thứ bậc trong giới tăng lữ Thiên chúa giáo Rô-ma ở Anh và về việc cử hồng y giáo chủ Oai-dơ-men làm đại giáo chủ Oét-min-xơ đã gây ra sự xao xuyến nào đó trong bộ phận giả nhân giả nghĩa và có tầm hiểu biết hạn chế nhất trong dân chúng Anh. Dù sao thì đối với Rốt-xen hành động của giáo hoàng không phải là bất ngờ. Bó vợ ông ta, *huân tước Min-tơ*, đang ở La Mã khi “*Báo Rô-ma*”^{2*} báo tin vào năm 1848 về việc bổ nhiệm Oai-dơ-men. Qua “*Thư gửi nhân dân Anh*” của hồng y giáo chủ Oai-dơ-men, chúng ta biết rằng ngay từ năm 1848, giáo hoàng đã giới thiệu với *huân tước Min-tơ* thánh dụ về thực hiện thứ bậc trong giáo hội ở Anh. Bản thân Rốt-xen đã thi hành một số biện pháp sơ bộ, buộc Cla-ren-đôn và Grây chính thức thừa nhận các chức tước giáo hội Công giáo ở Ai-rơ-len và ở các thuộc địa. Nhưng hiện nay, xét đến sự không vững chãi của nội các của mình, không yên tâm vì hồi ức lịch sử cho thấy rằng năm 1807 việc công kích giáo hoàng đã làm cho chính phủ Vích bị lật đổ, sợ rằng Xten-li, noi gương Péc-xi-van và bản thân ông ta, sẽ đi trước ông ta trong thời gian nghỉ viện nghị hợp, giống như bản thân ông ta đã định đi trước ngài Rô-bóc Pin trong vấn đề thủ tiêu những đạo luật về ngũ cốc, vì bị ám ảnh bởi tất cả những sự linh cảm và bóng ma ấy, cho nên con người bé nhỏ ấy đã tiến hành salto mortale^{3*}, đột

1* - Pi IX

2* - “*Gazzetta di Roma*”

3* - bước nhảy chí tử, hành động mạo hiểm

nhiên bùng lên lòng nhiệt thành không kìm hãm được với đạo Tin lành. Ngày 4 tháng Mười một 1850, ông ta công bố bức thư trứ danh “Thư gửi giáo chủ địa phận Đức-hêm”, trong đó ông ta cam đoan với giáo chủ:

“Tôi hoàn toàn đồng ý với Ngài về quan điểm cho rằng sự xâm phạm gần đây của giáo hoàng đối với đạo Tin lành của chúng ta không thể không bị xem là ngang ngược và nham hiểm, do đó, như Ngài, tôi cũng phản nộ trước tình hình đó”.

Ông ta nói về “những ý đồ ngoan cố hiện nay nhằm mục đích gò bó tinh thần và nô dịch linh hồn”. Ông ta gọi các nghi lễ của công giáo là “sự nguy trang của mê tín mà đại đa số quốc dân coi khinh”, và cuối cùng hứa với giáo chủ rằng nếu những đạo luật cũ tỏ ra chưa đủ thì sẽ đưa ra những đạo luật mới để chống lại sự tiếm đoạt của giáo hoàng. Chính vì huân tước Giôn ấy vào năm 1845, quả thực, chưa nắm được công việc mà đã tuyên bố:

“Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể hủy bỏ các điều khoản ngăn cản giáo chủ Công giáo La Mã nhận các chức tước mà các giáo chủ quốc giáo đã nhận. Không có gì phi lý và ấu trĩ hơn là việc duy trì những sự khác nhau đó”.

Năm 1851, ông ta đưa ra nghị viện dự luật của mình về các tước vị trong giáo hội để củng cố “những sự khác nhau phi lý và ấu trĩ” ấy. Nhưng vì ông ta, cũng vào năm đó, bị liên minh của đoàn nghị sĩ Ai-rơ-len, phái Pin, phái Man-se-xtơ v.v. đánh bại trong cuộc thảo luận về đề án mở rộng quyền bầu cử do Lốc Kinh đưa ra, nên lòng nhiệt thành của đạo Tin lành của ông ta đã tiêu tan, và ông ta hứa sửa đổi dự luật ấy mà thực ra là cái thai chết rồi khi ra đời.

Không những sự công kích của Rốt-xen đối với giáo hoàng mà cả sự ủng hộ sốt sắng của ông ta đối với việc giải phóng người Do Thái, đều là những lý do giả tạo cả. Mọi người đều biết rằng Jewish Disabilities Bill^{1*} của ông ta là tấn tuồng diễn hằng năm, làm mỗi nhữ những cử tri mà lá phiếu của họ ở Xi-ti do nam

^{1*} - dự luật về sự thủ tiêu sự hạn chế các quyền lợi của người Do Thái

tước Áo Rốt-sin không chế. Tuyên bố của Rốt-xen chống lại chế độ nô lệ cũng là lý do giả tạo.

“Sự phân đôi của các ngài đối với mọi đề án có lợi cho người da đen”, - huân tước Brum viết cho Rốt-xen - “sự phân đôi mà các ngài thể hiện ngay cả đối với ý đồ giản đơn muốn cản trở việc buôn bán nô lệ đang được phục hồi, - đã mở rộng vực thẳm giữa các ngài và đất nước. Kẻ nào tin rằng các ngài, những người chống lại mọi đạo luật phân đôi chế độ nô lệ vào năm 1838, những kẻ thù của sự can thiệp vào hoạt động của các nghị viện, chủ nô ở thuộc địa, đột nhiên các ngài lại bùng lên lòng nhiệt thành yêu quý người da đen, đến mức là vào năm 1839 các ngài đã đưa ra dự luật bênh vực họ bất chấp nguy cơ vì điều đó có thể mất chức vị của mình, - thì kẻ đó đã có khuynh hướng tự lừa dối mình, khiến người ta phải ngạc nhiên”.

Đối với Rốt-xen, cải cách *tư pháp* cũng là một lý do giả tạo. Năm 1841 khi nghị viện bỏ phiếu không tin nhiệm nội các Vích và việc giải tán nghị viện sắp sửa được tiến hành sẽ không hứa hẹn thành công, thì Rốt-xen định đưa hạ nghị viện thông qua vội vã Chancery Bill^{1*} để

“chữa một chứng bệnh đau đớn nhất của chế độ chúng ta - bệnh quan liêu của courts of equity^{2*} - bằng cách đặt ra chức vụ của hai judges of equity mới” (những quan tòa phải tuân theo không phải những tiêu chuẩn pháp luật, mà là tuân theo công lý).

Rốt-xen gọi dự luật ấy của mình là “một khoản tiền lớn trả cho cải cách tư pháp”. Mục đích thực sự của ông ta là kín đáo đưa hai người bạn của đảng Vích vào những chức vụ mới thành lập đó, có lẽ *trước* khi thành lập nội các To-ri. Ngài Ê-đu-ác Xa-gơ-đen (hiện là nam tước Xen - Lê-ô-nác), đã đi guốc trong bụng Rốt-xen, đưa ra tu chính án mà theo đó đạo luật này chỉ có hiệu lực từ ngày 10 tháng Mười (nghĩa là *sau khi* triệu tập nghị viện mới được bầu ra). Tuy rằng thực chất của dự luật này - mà theo lời của Rốt-xen, là cần thiết “cấp bách”, - không bị thay đổi tí gì,

^{1*} - dự luật về tòa án cao cấp

^{2*} - tòa án chính nghĩa

nhưng ông ta lập tức rút về, khi tu chính án được thông qua. Dự luật trở thành “nhạt nhẽo”, nó đã mất tính chất tinh túy của nó.

Cải cách ở thuộc địa, các dự án trong lĩnh vực giáo dục quốc dân, “các quyền tự do của thân dân”, tự do báo chí và hội họp công khai, nhiệt tình chiến tranh và khát vọng hòa bình - đối với huân tước Giôn Rốt-xen, tất cả những cái đó chỉ là những lý do giả tạo. Toàn bộ cá nhân ông ta là lý do giả tạo, toàn bộ cuộc đời ông ta là một chuỗi những lời dối trá, toàn bộ hoạt động của ông ta là một chuỗi liên tục những âm mưu hèn hạ để đạt những mục đích bản thiêu, để biến thủ công quý và tiềm đoạt quyền lực chỉ có trên hình thức. Khó bề tìm được một sự chứng minh tốt hơn nào cho câu cách ngôn trong kinh thánh: con người không thể tăng thêm một in-sơ cho chiều cao của mình. Do nguồn gốc xuất thân, do quan hệ, do những sự ngẫu nhiên của hoàn cảnh xã hội, mà được đặt lên chiếc bệ, ông ta vẫn lớn luôn luôn là một con người thấp bé, là một anh lùn nhảy múa trên đỉnh kim tự tháp. Vị tất lịch sử còn có thể đưa ra một con người vĩ đại như thế trong sự nhỏ nhen của anh ta.

C.MÁC

HỘI NGHỊ BỐC-MINH-HÊM: VẤN ĐỀ TRUYỀN NGÔI VUA Ở ĐAN MẠCH VÀ VỀ BỐN ĐIỀU BẢO ĐẢM²²⁵

I

Luân Đôn, ngày 27 tháng Bảy. Đề chọi lại “Hội cải cách hành chính”, ở Luân Đôn đã thành lập “Hội cải cách quốc gia”²²⁶. Nó đã thu hút vào ban chấp hành của nó, Éc-ne-xơ Giôn-xơ và mấy lãnh tụ khác của phái Hiến chương. Mục đích chính của Hội này được tuyên bố hôm kia trong cuộc mít-tinh quần chúng là tiến hành cải cách nghị viện trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu.

Hội nghị Bốc-minh-hêm kết thúc công việc của mình vào ngày 23 tháng Bảy. Tham gia Hội nghị có đại biểu của Hát-đơ-xphin, Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ, của Luân Đôn, Ha-li-phắc, Sép-phin, Lít-xơ, Đóc-bi, Brát-phoóc, Nốt-tinh-hêm và Bốc-minh-hêm họp ở Bốc-minh-hêm để *phán quyết về chính sách đối ngoại* của giai cấp cầm quyền và của các đại biểu cho những giai cấp ấy trong nội các và nghị viện. Như tờ “Birmigham Daily Press” đã chỉ rõ, *phái Hiến chương*,

“đã mấy năm nay cự tuyệt tham gia bất cứ phong trào nào do bất cứ ai khởi xướng; nhưng lần này thì họ hành động khác. Họ rất phấn khởi tham gia phong trào này, bởi vì họ cảm thấy rằng nó không theo đuổi lợi ích nào thù địch hoặc xa lạ với họ và nói chung không theo đuổi bất cứ lợi ích giai cấp nào”.

Việc Uớc-các-tơ lưu lại ở khu công xưởng, không nghi ngờ gì nữa, là sự thúc đẩy đối với việc triệu tập hội nghị đáng chú ý này mà ông đã tham dự tất cả các phiên họp của nó. Vì không đủ thời gian để nhận lời mời tham gia hội nghị Bức-minh-hêm, bây giờ chúng tôi mới có thể trích dẫn trong một số văn kiện đáng chú ý trong số báo cáo được ấn hành về công việc của hội nghị mà người ta gửi cho chúng tôi²²⁷. Báo chí Luân Đôn bị mua chuộc hoặc lờ không nói về hội nghị này, hoặc xuyên tạc sự thật. Giữa bá tước *Man-mơ-xtơ-ri* và thư ký do hội nghị bầu ra của ủy ban có thư từ trao đổi như sau:^{1*}

“Thưa ngài! Tôi lấy làm hân hạnh được Ngài mời tham gia hội nghị Bức-minh-hêm. Tôi không thể nhận lời mời đó. Tuy nhiên, tôi báo gấp cho ngài biết tin tức làm ngài quan tâm về *Hiệp ước Đan Mạch* ký ngày 8 tháng Năm 1852. Ngài đã sai lầm trong việc đánh giá mục đích của hiệp ước ấy. Cho rằng “hiệp ước bảo đảm cho Nga quyền nối ngôi vua Đan Mạch và Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ”, là không đúng. Hiện giờ cũng như trong tương lai, Nga không được những quyền lợi gì mà nó chưa có được trước khi ký bản hiệp ước. Hiện nay bốn nhân vật kế thừa nam giới có quyền đòi hỏi ngôi vua Đan Mạch thì đều khỏe

^{1*} - Trong bài viết của C.Mác đăng trên “New - York Daily Tribune”, thay cho đoạn trên đây là nguyên văn như sau: “Sẽ rất sai lầm nếu xét đoán phong trào ở Anh căn cứ theo báo chí Luân Đôn. Hãy lấy Hội nghị Bức-minh-hêm gần đây làm ví dụ. Đại bộ phận báo chí Luân Đôn thậm chí không nhắc tới nó, số còn lại chỉ hạn chế ở việc đưa tin hội nghị đã họp. Hội nghị đó là gì? Nó là Hội nghị công khai của các đại biểu của các thành phố Bức-minh-hêm, Luân Đôn, Hát-đơ-xphin, Niu-cát-xơ, Ha-li-phắc, Sép-phin, Lít-xơ, Đốc-bi, Brát-phoóc, Nốt-tinh-hêm và những nơi khác họp để giành lấy trong tay nghị viện bất lực và suy đồi quyền xem xét vấn đề quan trọng nhất đương thời: chính sách đối ngoại của Anh.

Không còn nghi ngờ gì nữa, các cuộc mít-tinh do ông Uớc-các-tơ triệu tập ở tất cả các khu công xưởng đã thúc đẩy phong trào đó, và đặc điểm của cuộc Hội nghị ở Bức-minh-hêm là việc đại biểu của giai cấp tư sản và giai cấp công nhân cùng tham gia. Hội nghị đã chia thành nhiều ủy ban có nhiệm vụ cung cấp những báo cáo về những vấn đề quan trọng nhất của chính sách đối ngoại của Anh. Tôi đã nhận được báo cáo tỉ mỉ về các phiên họp của Hội nghị cùng những văn kiện có liên quan. Bây giờ tôi xin giới thiệu với bạn đọc của “Tribune” những tài liệu đặc sắc nhất. Trước hết là thư từ trao đổi giữa thư ký của Hội nghị với huân tước *Man-mơ-xtơ-ri*, bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ của huân tước Đốc-bi, về hiệp ước ký ngày 8 tháng Năm 1852 về quyền nối ngôi vua ở Đan Mạch. Huân tước *Man-mơ-xtơ-ri* viết.

manh. Hiệp ước quy định rằng trong trường hợp tất cả những người kế thừa đều chết cả thì các bên ký hiệp ước Áo, Phổ, Nga, Anh, Pháp và Thụy Điển phải xét đến mọi đề nghị của quốc vương Đan Mạch nhằm mục đích bảo đảm quyền nối ngôi vua trên cơ sở bảo đảm sự toàn vẹn của nền Quân chủ Đan Mạch. Vì vậy, nếu sự việc nói trên xảy ra thì các bên ký hiệp ước phải họp lại để thỏa thuận giải quyết vấn đề quyền nối ngôi vua Đan Mạch, và tôi đề nghị Ngài tự phán xét xem trong trường hợp ấy năm cường quốc ký kết với Nga hiệp ước ngày 8 tháng Năm có chịu trao cho Nga với tư cách thủ lĩnh vương triều Hôn-stai-nơ - Gôt-toóc-pơ quyền sáp nhập toàn bộ Vương quốc Đan Mạch vào lãnh thổ của mình hay không”.

Đây là nội dung của bức thư của huân tước *Man-mơ-xtơ-ri*. Thư ký hội nghị đã trả lời thư ấy như sau:

“Thưa ngài! Hội nghị Bức-minh-hêm ủy nhiệm cho tôi bày tỏ với Ngài sự cảm tạ về việc Ngài báo tin về Hiệp ước Đan Mạch. Qua sự báo tin của Ngài, chúng tôi đi đến kết luận rằng trường hợp bốn người kế thừa hợp pháp chết thì Anh và Nga phải can thiệp vào quan hệ giữa một bên là quốc vương Đan Mạch với một bên nữa là một số quốc gia - Đan Mạch, Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ. Chúng tôi không hiểu sự can thiệp như thế đem lại cho chúng ta quyền lợi gì, và chúng tôi tin chắc rằng việc tiến hành chiến tranh với Nga phải được lợi dụng để từ bỏ hành động phi đạo đức và bất hợp pháp đến thế. Ngài đề cho chúng tôi hiểu rằng theo ý kiến của Ngài thì bản thân sáu cường quốc đã là sự bảo đảm không cho phép Nga hưởng quyền nối ngôi. Thưa Ngài, chúng tôi rất muốn Ngài cho biết: toàn bộ vương quốc này sẽ được chuyển giao cho ai nếu *không* phải là cho Nga. Nếu Anh không coi Nga là người kế thừa toàn bộ lãnh thổ thì tại sao Anh không đưa ra việc Nga từ bỏ quyền lợi đối với Hôn-stai-nơ - Gôt-toóc-pơ làm điều kiện ký kết hiệp ước? Vì hiệp ước được bàn đến ở đây là do Ngài ký, cho nên có thể nghĩ rằng đối với những câu hỏi ấy hoặc là hoàn toàn không đưa ra câu trả lời được, hoặc là nói đúng hơn, chỉ có Ngài chứ không phải ai khác mới có thể đưa ra câu trả lời được. Vì vậy, thưa Ngài, tôi được ủy nhiệm xin Ngài trả lời những câu hỏi ấy, qua đó loại trừ được chính những nguyên nhân khiến chúng tôi thật sự không yên tâm”.

Lẽ tự nhiên là thư từ trao đổi ngừng lại ở đây, tuy rằng ngài huân tước có thể nói rằng ngài chỉ tham gia việc này trên hình thức. *Pan-móc-xơ* đã ký kết từ trước với nam tước *Brun-nốp*

một *ngụ định thư*, trong đó quy định rõ ràng các điều khoản và nguyên tắc của hiệp ước này^{1*}.

Hội nghị đã thành lập một loạt ủy ban để nghiên cứu và soạn thảo báo cáo về các vấn đề. Không nghi ngờ gì nữa, điều đáng được chú ý nhất là *báo cáo của ủy ban về bốn điều khoản* mà chúng tôi trích dẫn ra đây những chỗ quan trọng nhất:

“Ra sức vạch rõ ý nghĩa của bốn điều khoản, coi đó là cơ sở của việc ký kết hòa ước, ủy ban đã theo dõi xem xét: những điều khoản ấy đã được phát triển như thế nào trong Hội nghị Viên; mỗi một đề nghị nhằm phát triển những điều khoản ấy, do các cường quốc hữu quan đưa ra, đã được sự ủng hộ hoặc phản đối như thế nào, những điều khoản ấy đã được các nội các Pháp và Anh trình bày lần đầu tiên vào lúc nào và dưới hình thức gì; nguồn xuất xứ ban đầu của chúng là gì và chúng thích ứng đến mức nào với mục đích chiến tranh được công nhận - nền độc lập và sự toàn vẹn của Đế chế Ôt-tô-man. Chúng tôi thấy rằng căn cứ của bốn điều khoản là đề nghị dưới đây được nêu lên trong bức *diện khẩn* ngày 29 tháng Sáu 1854 của *bá tước Nê-xen-rô-đe* nhan đề: “Việc bảo đảm quyền lợi của tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ: “Xuất phát từ nhận thức cho rằng những quyền lợi công dân, cần được bảo đảm cho tất cả thần dân theo đạo Cơ Đốc của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, là không tách rời những quyền lợi tôn giáo của họ, chúng tôi đã từng tuyên bố rằng nếu điều đó được thừa nhận thì yêu cầu mà hoàng đế đưa ra với Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ có thể thực hiện được, vấn đề tranh chấp có thể được giải quyết và hoàng đế tỏ ý sẵn sàng góp phần thúc đẩy *châu Âu bảo đảm thực hiện những đặc quyền ấy*.”

Đề nghị ấy - tức là đề nghị: không phải một mà là năm cường quốc thường xuyên can thiệp vào các công việc nội bộ của Thổ Nhĩ Kỳ - đã được Anh và Pháp tiếp nhận dưới hình thức điều khoản thứ tư và đã được Đruên Đờ Luy-xơ trình bày như sau trong điện khẩn gửi ngày 22 tháng Bảy 1854 để trả lời bá tước Nê-xen-rô-đe: “Không một cường quốc nào được yêu cầu có quyền bảo hộ chính thức nào đối với thần dân của

^{1*} Trong tờ “New - York Daily Tribune”, thay cho đoạn này là đoạn nguyên văn sau đây:

“Thư từ trao đổi ngừng lại ở đây, - huân tước Man-mơ-xbê-ri không muốn tiếp tục nữa. Việc ngài huân tước không thể trả lời những vấn đề được nêu lên là có lý do nhất định: mọi điều khoản về quyền nối ngôi vua ở Đan Mạch đã được huân tước Pan-mớc-xton quy định rõ ràng trong nghị định thư ngày 8 tháng Bảy 1850, nên vị huân tước cao quý ấy quả thực không còn biết làm gì khác hơn là ký vào bản hiệp ước”.

Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ dù họ theo tôn giáo nào; trái lại, Pháp, Áo, Anh, Phổ và Nga phải liên hiệp những cố gắng của mình để làm cho chính phủ của Đế chế Ôt-tô-man tuyên bố và tuân thủ các đặc quyền tôn giáo của các cộng đồng Cơ Đốc giáo và để hướng sự quan tâm cao đẹp của vua Thổ Nhĩ Kỳ vào phúc lợi của các tín đồ Cơ Đốc giáo thuộc các giáo phái, nhưng không vì thế mà đụng chạm đến phẩm giá và nền độc lập của quyền lực tối cao của vua Thổ Nhĩ Kỳ”.

Chấp nhận điều khoản thứ tư này tất nhiên dẫn tới chỗ làm mất nền độc lập của Đế chế Ôt-tô-man trong khi mục đích được công nhận của chiến tranh là bảo vệ nền độc lập của đế chế này; tính chất phi pháp của điều khoản ấy thể hiện ở chỗ là Anh và Pháp đã chấp nhận sự *đầu hàng* như vậy trước đề nghị trên mà không có sự đồng ý của Thổ Nhĩ Kỳ, và bất chấp sự phản đối của Thổ Nhĩ Kỳ, Anh và Pháp cứ kiên trì đòi thảo luận điều khoản ấy ở Hội nghị Viên. Nói theo câu nói của *Xít-ni Héc-bóc*: “*Vấn đề trở thành phức tạp vì chúng ta đã thỏa thuận với kẻ thù của chúng ta, chứ không phải với đồng minh của chúng ta*”.

Nên biết rằng nếu chúng ta thất bại trong cuộc chiến tranh với Nga và buộc phải cầu xin hòa bình, thì chúng ta không có quyền *thay mặt* nước thứ ba đưa ra đề nghị ấy. Để loại trừ tính bất hợp pháp ấy, Anh và Pháp lẽ ra phải ngay từ đầu công khai chuyển sang phía Nga và tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ. Giống như điều khoản thứ tư có nghĩa là từ bỏ nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ, điều khoản thứ nhất có nghĩa là từ bỏ sự toàn vẹn của nó; trong điều khoản này, cũng như trong điều khoản thứ tư, sự đầu hàng được thực hiện mà không có sự đồng ý của bên hữu quan, vì đại biểu toàn quyền của Thổ Nhĩ Kỳ đã bày tỏ ý kiến rõ ràng là ông ta không đồng ý thảo luận điều khoản thứ nhất.

Chúng tôi cho rằng đằng sau những sự bảo đảm về việc cần để Môn-đa-vi-a, Va-la-ki và Xéc-bi ở dưới quyền thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ như trước kia đã ẩn giấu sự tước đoạt những đất đai của Thổ Nhĩ Kỳ. Câu: “Từ nay không cho phép có sự bảo hộ tuyệt đối nào đối với các tỉnh ấy” được giải thích trong năm điều khoản đặt năm cường quốc vào địa vị giống nhau, ngang với Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ - địa vị cùng thực hiện quyền lực của mình trong tư cách là những người cầm quyền tối cao. Câu này được thể hiện hoàn chỉnh trong đề nghị của Anh - Pháp được đưa ra trong phiên họp thứ sáu của Hội nghị Viên về việc hợp nhất Môn-đa-vi-a và Va-la-ki thành một quốc gia thống nhất dưới quyền của một vị quân chủ thể tập được lựa chọn trong số các thành viên của một vương triều đang cầm quyền ở châu Âu. Tính chất *nhục nhĩ* của các hành động của Anh đã

từ bỏ những ý đồ mà nó đã tuyên bố, cũng như phủ nhận các quyền lợi của đồng minh Thổ Nhĩ Kỳ của chúng ta lại càng tăng lên vì tất cả việc đó xảy ra vào lúc mà quân Nga buộc phải rút khỏi những vùng đảo thuộc quyền Thổ Nhĩ Kỳ, còn quân Anh và Pháp thì chưa viện trợ được gì cho Thổ Nhĩ Kỳ. Vì *việc từ bỏ sự toàn vẹn và nền độc lập của Đế chế Ôt-tô-man xảy ra trước khi có cuộc viễn chinh Xê-va-xtô-pôn* nên, tất nhiên, người ta đi đến kết luận rằng cuộc viễn chinh ấy được tiến hành để *đạt được, bằng vũ lực*, sự đồng ý với việc từ bỏ ấy, ép buộc Thổ Nhĩ Kỳ qua việc lợi dụng sự kiệt cạn tài nguyên của nó, cũng như ép buộc Anh đồng ý sự từ bỏ ấy, bằng cách *an ủi nó bằng thắng lợi bề ngoài đối với Nga*”.

II

Luân Đôn, ngày 28 tháng Bảy. Về điều khoản thứ hai, văn kiện Bức-minh-hêm nói rằng:

“Điều khoản thứ hai quy định sự tự do qua lại của tàu bè trên sông Đa-nyúp. Việc đình chỉ tự do qua lại trên sông Đa-nyúp bắt đầu từ Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn ký năm 1829, bấy giờ Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải nhường cửa sông Đa-nyúp cho Nga. Việc nhường cửa sông Đa-nyúp cho Nga là trái với Hiệp ước Luân Đôn ngày 6 tháng Bảy 1827 cấm Nga không được chiếm hữu vùng đất đai nào của Thổ Nhĩ Kỳ. Việc Anh ban đầu đồng ý sự chiếm hữu phi pháp đó một cách im lặng, rồi sau đó ủng hộ và thừa nhận nó, đã chứng minh rằng Anh đã nhiều lần vi phạm luật quốc tế. Tất cả việc đó được tiến hành với cái cố giữ gìn hòa bình; bây giờ, đương nhiên, lý do đó không còn nữa do tình trạng chiến tranh. Việc trả lại cửa sông Đa-nyúp cho Thổ Nhĩ Kỳ là một trong những yêu cầu thiết yếu của mọi cuộc chiến tranh thực sự giữa Anh và Nga. Nhưng trong các đề nghị của Anh đưa ra cho Nga hoàn toàn không nhắc gì đến vấn đề cửa sông Đa-nyúp. Như vậy là Anh biến vấn đề ấy thành một thủ đoạn lằng nhục Áo, mà mối quan tâm của nó đến việc tự do đi lại của tàu bè trên sông Đa-nyúp có lẽ chỉ thua mối quan tâm như thế của bản thân Thổ Nhĩ Kỳ. Trong phiên họp thứ tư của Hội nghị Viên ngày 21 tháng Ba 1855, nam tước Prô-kê-sơ, đại biểu toàn quyền của Áo, đã đưa ra đề nghị để Nga đồng ý trung lập hóa cửa sông Đa-nyúp. Đại biểu toàn quyền của Nga trả lời rằng: “không thể đồng ý với điều kiện ấy vì nó mang tính chất một sự tước đoạt gián tiếp”. Huân tước Gôn Rốt-xen *không* ủng hộ đề nghị hết sức ôn hòa của Áo và ngày 23 tháng Ba vấn đề được quyết định theo tinh thần để lại cửa sông Đa-nyúp thuộc quyền chiếm hữu của Nga. Hoàn toàn nhường b

Nga về điểm đó, ngày 12 tháng Tư, Rốt-xen viết cho huân tước Cla-ren-đôn rằng: “bá tước Bu-ôn nói với tôi rằng ông ta không kiên trì đòi trung lập hóa các đảo ở cửa sông Đa-nyúp vì tin chắc rằng trong trường hợp đó Nga sẽ phá hoại hội nghị”. Ngày 16 tháng Tư huân tước Giôn Rốt-xen điện cho huân tước Cla-ren-đôn rằng “Áo không có ý định ủng hộ bất cứ yêu cầu nào về nhân nhượng đất đai”. Ngay từ đầu Rốt-xen đã bỏ lỡ dịp ủng hộ Áo bằng cách đồng ý với đề nghị của Áo về biện pháp thỏa hiệp đối với việc trung lập hóa cửa sông Đa-nyúp, và sau đó tin chắc rằng Áo sẽ không hoàn toàn ủng hộ toàn bộ biện pháp, nghĩa là nhường cửa sông Đa-nyúp cho Thổ Nhĩ Kỳ - biện pháp này tự nó đã biến mất do sự ngoan ngoãn mà huân tước Giôn thể hiện với Nga ngày 23 tháng Ba, - thì hiện nay Rốt-xen lại đề nghị với huân tước Cla-ren-đôn “yêu cầu trả cho Thổ Nhĩ Kỳ các đảo ở cửa sông Đa-nyúp mà Thổ Nhĩ Kỳ đã nhường theo Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn”.

Điều khoản thứ ba quy định rằng hiệp ước tháng Bảy 1841 phải do các bên ký kết xem xét lại vì lợi ích của thế cân bằng ở châu Âu và theo tinh thần hạn chế thế lực của Nga ở Hắc Hải! Nếu ở đằng sau điều khoản này có ẩn giấu những ý định chân thành nào thì trong đó phải bao gồm: một là, hạn chế thế lực của Nga, hai là, khôi phục quyền lợi của Thổ Nhĩ Kỳ đối với Đác-đa-nen và Bô-xpho. Đối với việc khôi phục quyền kiểm soát hoàn toàn của vua Thổ Nhĩ Kỳ đối với các eo biển thì không cần có hiệp nghị riêng. Quyền lợi ấy sẽ được khôi phục cho vua Thổ Nhĩ Kỳ cùng với việc thù tiêu - do chiến tranh - những hiệp ước mà theo đó quyền lợi ấy bị tạm thời tước bỏ. Ngay cả những lý do giản đơn ấy cũng không được nêu ra trong Hội nghị Viên.

Về việc hạn chế quyền bá chủ của Nga thì bá tước Bu-ôn, trong thư ngày 20 tháng Năm 1855, đã nêu lên một cách công bằng: “Theo ý chúng tôi, các nước đồng minh phải hướng cố gắng chung của mình vào việc hạn chế quyền bá chủ chính trị của Nga, làm sao để nếu không làm cho nước Nga không thể lợi dụng được tài nguyên vật chất của mình, thì ít ra cũng làm cho nó hết sức khó khăn trong việc lợi dụng tài nguyên ấy vào những mục đích xấu xa. Bản thân việc giám sát, thậm chí hoàn toàn tiêu diệt hạm đội Nga ở Hắc Hải không đủ để làm Nga mất đi ưu thế nhờ vị trí địa lý của nó, đối với Thổ Nhĩ Kỳ”.

Trong tất cả các thủ đoạn, mà Chính phủ Anh định dùng để đánh lừa nghị viện, chỉ có một thủ đoạn không thành công - đề nghị hạn chế thế lực hải quân của Nga trên Hắc Hải. Nếu chiến tranh quả thực được tiến hành vì mục đích đã được tuyên bố thì ngay từ đầu sự toàn vẹn lãnh thổ của Đế chế Ôt-tô-man đã được bảo đảm và bây giờ điều kiện giảng hòa có lẽ là như sau: 1) trả lại cho

Thổ Nhĩ Kỳ cửa sông Đa-nuýp mà cho tới nay quyền chiếm hữu de jure^{1*} vẫn thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ, 2) Nga chịu trách nhiệm bồi thường chiến phí”.

Sau một số nhận xét, văn kiện ấy kết thúc như sau:

“Ủy ban cho rằng không phải tất cả các thành viên của nội các đều mắc sai lầm một cách có ý thức như nhau. Ủy ban không thể không chỉ ra vai trò đặc biệt của bốn bộ trưởng ngoại giao: Cla-ren-đôn, Rót-xen, A-bóc-đin và trước hết là Pan-móc-xton. Pan-móc-xton đã bảo đảm sự thừa nhận Hòa ước A-dri-a-nô-pôn, thậm chí trong thời chiến còn trả cho Nga món nợ đã mất hiệu lực từ lâu, thảo ra hoặc phê chuẩn các hiệp ước Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi, Đác-đa-nen và Ban-ta - Li-man và nghị định thư Đan Mạch năm 1850; sự bội tín của Pan-móc-xton đối với Ba Lan, Xi-xin, Lô-m-bác-đi và trên mức độ không nhỏ hơn thế, sự phản bội của ông ta đối với Pháp, Ba Tư, Tây Ban Nha và Đan Mạch - tất cả những cái đó đã vạch mặt ông ta là kẻ thù không khoan nhượng không những của Thổ Nhĩ Kỳ mà là của tất cả các nước châu Âu. Tất cả các thành viên của nội các Anh đều phục tùng Pan-móc-xton; ông ta đã biến họ thành các tông phạm trong các tội ác của mình mà họ không đủ sức đoán ra. Điều đó tạo khả năng cho Pan-móc-xton làm cho họ hoàn toàn khuất phục ý chí của ông ta. Chỉ có sự trừng phạt tội phản quốc mà luật pháp Anh đã định trước mới có thể cứu vãn nhân dân Anh khỏi những tên âm mưu đã bán rẻ họ vì lợi ích của nước ngoài.

*Do C.Mác viết ngày 27 và 28 tháng Bảy 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số
349 và 351, ngày 30 và 31 tháng Bảy 1855
và trên tờ "New-York Daily Tribune" số
4464, ngày 10 tháng Tám 1855*

*In theo bản đăng trên tờ "Neue
Oder - Zeitung" có đối chiếu với
bản đăng trên tờ "New - York
Daily Tribune"
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

CÁC QUÂN ĐỘI CHÂU ÂU²²⁸

*Do Ph.Ăng-ghen viết cuối tháng Sáu –
tháng Chín 1855*

*Đã đăng trên tạp chí "Putnam's Monthly" số
32, 33 và 36; tháng Tám, tháng Chín và
tháng Chạp 1855*

*In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh*

^{1*} - về pháp lý

BÀI THỨ NHẤT

Cuộc chiến tranh diễn ra hai năm vừa qua trên bờ biển Hắc Hải đang gây ra sự chú ý đặc biệt đến hai triệu binh sĩ mà châu Âu duy trì ngay cả trong thời bình và có thể là số lượng binh sĩ ấy sẽ tăng gấp đôi rất nhanh. Nếu như cuộc chiến tranh tiếp diễn - mà đó là điều hầu như không còn nghi ngờ gì nữa - thì chắc chúng ta sẽ được chứng kiến bốn triệu binh sĩ ấy lao vào hành động quân sự tích cực trên một chiến trường kéo dài từ biển này sang biển kia, xuyên qua toàn bộ lục địa châu Âu.

Do đó bạn đọc của chúng tôi không thể không quan tâm đến việc giới thiệu không những quân đội đã bị lôi cuốn vào cuộc xung đột ở phương Đông, mà cả những quân đội ít nhiều lớn mạnh khác ở châu Âu, nhất là ở phía bên này Đại Tây Dương, may thay, chưa hề có những quân đội mà về số lượng có thể so sánh, trên một mức độ nào đó, với ngay cả những quân đội hạng hai ở châu Âu; vì thế ở Mỹ, những người không phải chuyên gia chỉ có một khái niệm lơ mơ về tổ chức của loại quân đội đó.

Trước đây, sự nghi kỵ và cạnh tranh dẫn tới tình trạng là ở tất cả các nước quân đội đều được giữ bí mật nghiêm ngặt, tình hình đó hiện nay không còn nữa. Điều hết sức ngạc nhiên là, ngay cả ở những nước mà người ta ít khuyến khích sự công khai hơn cả, tại đó tất cả các ngành dân sự cho tới nay vẫn giữ sự bí mật vốn có ở chế độ chuyên chế - ngay ở đây tổ chức quân đội đã được các giới rộng rãi biết rất rõ ràng. Người ta đã công bố những tin tức chính thức về quân đội, trong đó nói rõ không những việc phân chia lực lượng vũ trang thành quân đoàn, sư đoàn, lữ

đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh và các đại đội kỵ binh, mà cả sự bố trí của chúng, cũng như số lượng và tên họ của các sĩ quan chỉ huy những đơn vị ấy. Khi tổ chức những cuộc duyệt binh lớn, các sĩ quan nước ngoài không những được phép tham dự, mà sự có mặt của họ thậm chí còn được hoan nghênh; người ta yêu cầu họ đưa ý kiến bình phẩm và phát biểu cảm tưởng, người ta tranh luận nghiêm chỉnh với họ về những sự khác nhau tồn tại trong cấu trúc của mỗi quân đội và về những sự đổi mới đang được thực hiện; như thế là ở đây có sự công khai hoàn toàn, khác với các ngành quản lý khác. Các bộ chiến tranh ở châu Âu hiện nay họa chăng chỉ còn có thể giữ bí mật về mấy công thức pha chế hóa chất, mấy loại hỏa tiễn hoặc ngòi nổ của đạn pháo, nhưng những bí mật ấy rất nhanh chóng bị phát hiện hoặc trở nên lỗi thời do những phát minh mới, chẳng hạn, hỏa tiễn Công-gri-vơ của Anh đã bị hỏa tiễn quân sự của ông Hây-lơ loại trừ, loại hỏa tiễn của Hây-lơ đã được sử dụng trong quân đội Bắc Mỹ, và hiện nay quân đội Anh cũng nắm được.

Sự công khai ấy đưa đến sự thể là trong thời bình các bộ chiến tranh của các nước trong thế giới văn minh, có thể nói là, đã tạo thành một hội đồng quân sự lớn mà mục đích của nó là thảo luận ưu điểm của một biện pháp mới nào đó đang được đề nghị, và tạo khả năng cho mỗi thành viên của nó sử dụng được kinh nghiệm của các thành viên khác. Điều đó khiến cho cấu trúc, tổ chức và sự quản lý nói chung của hầu hết các quân đội châu Âu gần như giống nhau và trên ý nghĩa đó có thể nói rằng quân đội này giống quân đội kia. Nhưng đặc điểm dân tộc, truyền thống lịch sử và nhất là trình độ văn minh khác nhau đã tạo ra nhiều sự khác nhau và làm xuất hiện chỗ mạnh và chỗ yếu riêng có ở mỗi quân đội. Người Pháp và người Hung-ga-ri, người Anh và người I-ta-li-a, người Nga và người Đức - tất cả họ đều có thể là những binh sĩ ưu tú và tài nghệ như nhau trong những điều kiện nhất định; nhưng mặc dù chế độ huấn luyện giống nhau, tuồng như loại trừ mọi sự khác nhau, ở mỗi binh sĩ ấy đều có ưu điểm của mình

do chỗ họ khác với địch thủ của mình nhờ những đặc điểm của mình.

Tình hình đó đưa chúng ta đến một vấn đề đã được các quân nhân yêu nước các nước thảo luận nhiều lần: binh sĩ nước nào ưu tú hơn cả? Lẽ tự nhiên là mỗi dân tộc đều sốt sắng với niềm vinh quang của nước mình, và theo ý kiến của đông đảo công chúng được giáo dục bằng những câu chuyện kể thiếu sự rọi sáng có tính chất phê phán và thiếu sự chính xác nhưng lại được tô điểm mạnh mẽ nhờ tình cảm yêu nước, thì một trung đoàn của nước nào đó có thể “tiêu diệt” hai hoặc ba trung đoàn của bất cứ nước nào khác. Lịch sử quân sự với tính cách một khoa học, mà nguyên tắc chỉ đạo duy nhất của nó là đánh giá chính xác sự việc, hiện còn rất trẻ và hiện nay không thể khoe khoang về một khối lượng lớn tác phẩm. Tuy nhiên, nó đã trở thành một lĩnh vực khoa học và ngày càng loại trừ, như là một thứ cặn bã, sự khoác lác ngu xuẩn và vô liêm sỉ mà trong một thời gian dài đã là đặc điểm của tác phẩm mệnh danh là những tác phẩm lịch sử chỉ dựa trên cơ sở là chúng cố ý xuyên tạc mỗi sự việc được mô tả. Đã qua rồi cái thời kỳ mà các tác giả khi viết về lịch sử chiến tranh, lại vẫn có thể tiếp tục cuộc chiến tranh ấy, có thể nói là bằng những thủ đoạn của mình, yên tâm phao kích kẻ thù trước đây bằng bùn nhơ sau khi việc ký hòa ước không cho phép họ phao kích kẻ địch bằng sắt thép nữa. Tuy rằng nhiều vấn đề thứ yếu trong lịch sử chiến tranh còn chưa được giải quyết, nhưng điều vẫn không nghi ngờ gì được là, mỗi dân tộc văn minh đều có quyền tự hào rằng trong một thời kỳ nào đó mình đã có những binh sĩ ưu tú nhất của thời đại đó. *Linh đánh thuê* Đức cuối thời trung cổ, binh sĩ Thụy Sĩ thế kỷ XVI đã từng là vô địch trong một thời kỳ nhất định, cũng như các binh sĩ Tây Ban Nha ưu tú đã thay thế họ với tư cách “bộ binh ưu tú nhất thế giới”, quân Pháp của Lu-i XIV và quân Áo của hoàng thân O-gien đã có một thời kỳ giành giật nhau danh hiệu vinh dự ấy cho đến khi quân Phổ của Phri-đrich Đại đế đánh tan cả hai, kết thúc cuộc tranh chấp đó; nhưng đến lượt mình quân Phổ lại mất cái niềm vinh quang đó

sau ngọn đòn mà nó phải chịu ở I-ê-na và quân Pháp lại được mọi người công nhận là những binh lính ưu tú nhất châu Âu. Song điều đó không cản trở quân Anh - ở Tây Ban Nha - biểu hiện tính ưu việt của nó so với quân Pháp trong những điều kiện nhất định và trong những thời điểm chiến đấu nhất định. Không nghi ngờ gì nữa, những quân đoàn mà năm 1805 Na-pô-lê-ông đã điều từ doanh trại Bu-lông đến Ô-xtéc-lít²²⁹ là những binh sĩ ưu tú nhất thời bấy giờ; không nghi ngờ gì nữa Oen-linh-ton biết rõ điều mình nói khi mà sau sự kết thúc của cuộc chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-co²³⁰, ông ta đã gọi binh sĩ của mình là “quân đội mà ông ta có thể đưa đi đâu cũng được và làm gì cũng được”, song tinh hoa của quân đội Anh đã từng chiến thắng ở I-bê-ri-co ấy lại bị các dân quân và quân tình nguyện không có kỹ năng và trình độ tổ chức, đánh tan ở Tân Oóc-lê-ăng²³¹.

Kinh nghiệm của tất cả các cuộc chiến tranh trước đây đều đưa chúng ta đến cùng một kết luận, và mỗi người lính từng trải có tư tưởng lành mạnh, không mang thành kiến đều xác nhận kết luận ấy và cho rằng phẩm chất quân sự - tinh thần dũng cảm và sức chiến đấu - của các dân tộc trên thế giới về cơ bản là ngang nhau; rằng binh sĩ của các dân tộc khác nhau không phải chủ yếu xét về sở trường của họ mà chủ yếu xét về đặc điểm của họ; sau hết là; trong tình hình công khai hiện nay trong lĩnh vực quân sự thì chỉ có chịu khó suy nghĩ, không ngừng cải tiến và phát minh trong lĩnh vực quân sự và trong công cuộc sử dụng tài nguyên của quốc gia cũng như phát triển các phẩm chất quân sự vốn có ở dân tộc mình, - chỉ có tất cả những cái đó mới có thể đưa trong một thời kỳ nào đó, một quân đội nào đó lên hàng đầu trước những kẻ cạnh tranh của nó. Như vậy là chúng ta thấy rằng nước có trình độ văn minh cao hơn có ưu thế quân sự như thế nào đối với những nước lân cận kém phát triển hơn. Chúng ta có thể nêu lên làm ví dụ: quân đội Nga, với tất cả chất lượng chiến đấu ưu tú của binh sĩ của nó, không bao giờ vượt được bất cứ quân đội nào của châu Âu văn minh. Nếu điều kiện ngang nhau thì quân Nga dù chiến đấu dũng cảm như thế nào cũng vẫn bị -

ít ra là tính đến cuộc chiến tranh hiện nay - kẻ địch của nó, dù là quân Pháp, quân Phổ, quân Ba Lan hoặc quân Anh, đánh bại.

Trước khi đi vào nghiên cứu từng quân đội cần có mấy nhận xét chung về tất cả những quân đội ấy.

Quân đội, nhất là quân đội lớn gồm trên 30 - 50 vạn người, với các bộ phận cần thiết của nó, với các binh chủng khác nhau của nó, với nhu cầu của nó về nhân lực và vật lực và với tổ chức của nó - là một cơ cấu phức tạp đến mức việc giản đơn hóa nó đến mức tối đa trở nên cần thiết. Trong quân đội tồn tại những sự phân chia không thể thiếu được, nên ít có khả năng chia nhỏ ra hơn nữa một cách giả tạo và vô nghĩa. Song truyền thống về lễ thối sa hoa và phô trương đầu độc tất cả các quân đội cũ đã khiến cho hầu hết các quân đội châu Âu trở thành phức tạp cực độ.

Sự khác nhau về vóc người, sức khỏe và tính khí mà người ta thấy trong các con người ở mỗi nước, cũng như ưu điểm khác nhau của ngựa, làm cho việc tách bộ binh nhẹ và kỵ binh nhẹ ra khỏi bộ binh nặng và kỵ binh nặng trở nên cần thiết. Ý đồ hoàn toàn xóa bỏ sự phân chia ấy có nghĩa là gộp vào cùng một đơn vị những con người có chất lượng chiến đấu trái ngược nhau về bản chất, do đó, điều đó có nghĩa là trung hòa những chất lượng ấy, điều đó làm yếu sức chiến đấu của toàn đơn vị ấy. Vì vậy, mỗi binh chủng đương nhiên phân chia ra thành hai bộ phận: một bộ phận gồm những người (và số ngựa tương ứng) trang bị nặng hơn, không được linh hoạt, chủ yếu dùng cho những cuộc tấn công có tính chất quyết định quy mô lớn và tác chiến trong đội hình dày đặc, còn bộ phận thứ hai gồm những người trang bị nhẹ hơn vì linh hoạt hơn, đặc biệt thích hợp với lối tác chiến trong đội hình tán khai, với nhiệm vụ cảnh giới và tiền vệ, với sự cơ động nhanh chóng v.v.. Sự phân chia ấy hoàn toàn hợp lý. Nhưng ngoài sự phân chia tự nhiên đó, hầu như trong mỗi quân đội, các binh chủng đều có sự phân chia thành các loại lính khác nhau chỉ phân biệt ở đủ thứ quân phục kỳ lạ và việc thành lập các loại binh lực ấy là dựa vào những quan niệm lý luận thường xuyên bị kinh nghiệm và thực tiễn bác bỏ.

Chẳng hạn trong mỗi quân đội châu Âu đều có một loại binh lính mang tên vệ binh ôm áp tham vọng là elite^{1*} của quân đội, trong khi trên thực tế nó chỉ giản đơn gồm những người cao lớn và vai rộng nhất có thể tuyển mộ được. Vệ binh của Nga và Anh đặc biệt nổi bật về mặt này, mặc dầu không có gì chứng tỏ rằng họ vượt các đơn vị thuộc cùng binh chủng này về mặt dũng cảm và sức chiến đấu. Vệ binh của Na-pô-lê-ông trước đây là một tổ chức khác hẳn; nó quả thực là elite của quân đội và điều kiện thể lực không đóng vai trò gì trong việc thành lập nó. Nhưng ngay vệ binh này cũng làm yếu bộ phận còn lại của quân đội vì thu hút mất những phần tử ưu tú nhất của bộ phận này. Giữ gìn các đơn vị lính tinh nhuệ này, Na-pô-lê-ông đã có khi mắc sai lầm; như ở Bô-rô-đi-nô²³², trong giờ phút quyết định ông ta không điều vệ binh lên phía trước, do đó bỏ lỡ cơ hội ngăn cản quân Nga rút lui hoàn toàn có trật tự. Trong quân đội Pháp, ngoài vệ binh hoàng gia ra còn có một loại lính elite như thế ở mỗi tiểu đoàn; nó gồm có hai đại đội phóng lựu và bộ binh nhẹ làm cho động tác chiến thuật của tiểu đoàn trở nên phức tạp một cách không cần thiết. Ở các nước khác cũng có những sắc lính như thế. Tất cả những đơn vị tinh nhuệ này khác biệt không những ở phương pháp tổ chức đặc biệt và hình thức quân phục đặc biệt, mà còn ở chỗ hưởng lương cao hơn. Nghe nói, chế độ đó kích thích đầu óc hiếu danh của binh sĩ, nhất là ở những dân tộc dễ bị kích động - người Pháp và người I-ta-li-a; song người ta vẫn có thể đạt được mục đích ấy, mà có lẽ với sự thành công lớn hơn, nếu như những binh sĩ được hưởng sự ưu đãi đó vẫn ở lại đại đội của mình mà không bị lợi dụng làm lý do để phá vỡ sự thống nhất chiến thuật và sự nhịp nhàng trong hành động của tiểu đoàn.

Trong kỵ binh lại còn có thể thấy được sự ngu xuẩn đáng kinh ngạc hơn. Ở đây sự khác nhau giữa ngựa trang bị nhẹ và trang bị nặng là căn cứ để phân chia ra đủ các loại kỵ binh có thể có - giáp kỵ, long kỵ, lính bộ binh tinh nhuệ thương kỵ, lạp kỵ binh, phiêu kỵ v.v.. Tất cả những sự phân chia ấy không những vô ích: chúng còn hoàn toàn vô nghĩa vì tạo nên những sự phức tạp quá

^{1*} - bộ phận chọn lọc, tinh hoa

đáng. Phiêu kỵ và thương kỵ đã được bắt chước ở người Hung-ga-ri và người Ba Lan. Nhưng ở Hung-ga-ri và ở Ba Lan, những loại kỵ binh này có ý nghĩa nhất định; đây là những binh lính dân tộc và quân phục của những binh lính ấy là quần áo dân tộc của đất nước. Chuyên những đặc điểm ấy sang nước khác mà tại đó không có cái tinh thần dân tộc đã mang lại ý nghĩa cho những đặc điểm ấy thì chỉ ít đó cũng là điều phi lý. Nếu như năm 1814, một lính phiêu kỵ Hung-ga-ri trả lời một lính phiêu kỵ Nga gọi anh ta là “đồng chí” rằng: “Đồng chí cái gì? Tôi là phiêu kỵ, còn anh là thằng hề!” (“Nix Kamarad, ich Husar, du Hanswurst!”) thì không phải là không có căn cứ. Một loại kỵ binh khác cũng hoang đường như thế, đó là giáp kỵ ở hầu hết các quân đội châu Âu. Loại kỵ binh này trên thực tế không có sức chiến đấu và làm cho các con ngựa của mình cũng mất sức chiến đấu do áo giáp rất nặng (áo giáp của Pháp nặng 22 pao); thêm vào đó áo giáp không bảo vệ được những người lính này ngay đối với đạn súng trường bắn ở cự ly 150 i-ác-đơ! Hầu như tất cả các quân đội châu Âu đều loại bỏ thứ giáp này, nhưng sự ham thích của Na-pô-lê-ông đối với thói phô trương hình thức và đối với truyền thống quân chủ lại đem nó ra sử dụng ở Pháp và tất cả các nước châu Âu lại nhanh chóng theo gương Pháp.

Nếu không tính đến quân đội Mỹ không lớn lắm thì quân đội Xác-đi-ni là quân đội duy nhất trong số các quân đội của các nước văn minh mà kỵ binh của nó chỉ chia thành kỵ binh nhẹ và kỵ binh nặng, không chia nhỏ hơn nữa và đã hoàn toàn vứt bỏ áo giáp.

Trong pháo binh dã chiến của tất cả các quân đội, tính nhiều về của cỡ pháo đã tạo ra sự phức tạp lớn. Về lý thuyết, ở quân đội Anh, tính nhiều về ấy đặc biệt lớn - 8 cỡ pháo và 12 kiểu pháo khác nhau - nhưng trên thực tế, dự trữ lớn về thiết bị cho phép giản đơn hóa rất nhiều các loại pháo. Chẳng hạn, ở Crum họ hầu như hoàn toàn sử dụng loại pháo có cỡ nòng 9 pao và pháo cỡ 24 pao. Mấy năm gần đây, quân Pháp đã giản đơn hóa, trên mức độ rất lớn, pháo binh của mình, thay thế 4 cỡ pháo khác nhau bằng một loại pháo nhẹ cỡ 12 pao, mà chúng tôi sẽ nói tới ở đoạn thích hợp. Phần lớn các quân đội còn lại cho tới nay vẫn

còn sử dụng ba bốn cỡ pháo, không kể sự khác nhau về giá pháo, xe chở pháo, bánh xe v.v..

Binh lính kỹ thuật, binh lính công trình v.v., mà chúng tôi có thể thêm vào đây các bộ tham mưu của chúng, trong tất cả các quân đội đều tổ chức hầu như giống nhau trừ quân đội Anh; trong quân đội này - bộ tham mưu hoàn toàn không phải là một tổ chức độc lập - điều này tác hại nhiều cho nó về những sự khác nhau kém quan trọng khác sẽ nói vào những chỗ thích hợp.

Chúng tôi bắt đầu từ quân đội được tổ chức trong thời kỳ cách mạng và dưới thời Na-pô-lê-ông, nó là một kiểu mẫu cho tất cả các quân đội châu Âu từ đầu thế kỷ này.

I. QUÂN ĐỘI PHÁP

Đầu cuộc chiến tranh hiện nay Pháp có 100 trung đoàn bộ binh nòng cốt trước đây ít lâu (các trung đoàn thứ 76 cho đến thứ 100 được gọi là “bộ binh nhẹ”, nhưng về huấn luyện cũng như tổ chức, chúng không khác tí gì với các trung đoàn nòng cốt khác). Mỗi trung đoàn gồm có ba tiểu đoàn - hai tiểu đoàn dã chiến và tiểu đoàn thứ ba là tiểu đoàn hậu bị. Nhưng vào thời chiến, tiểu đoàn thứ ba có thể nhanh chóng được dùng để phục vụ trong quân đội tác chiến, và bấy giờ tiểu đoàn hậu bị là tiểu đoàn thứ tư được thành lập bằng cách rút ra từ ba tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn rút ra một đại đội hậu bị bổ sung. Biện pháp đó đã được dùng đến trong thời kỳ có các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông, hồi bấy giờ thậm chí người ta thành lập tiểu đoàn thứ năm, có khi tiểu đoàn thứ sáu. Nhưng hiện nay, trung đoàn chỉ gồm có 3 tiểu đoàn. Mỗi tiểu đoàn gồm 8 đại đội chiến đấu (đại đội tinh binh, đại đội bộ binh cưỡi ngựa và 6 đại đội nòng cốt); thời chiến đại đội gồm có 3 sĩ quan và 115 hạ sĩ quan và binh sĩ. Như thế là tiểu đoàn nòng cốt của Pháp thời chiến có khoảng 960 người, trong đó đơn vị thứ tám (đại đội bộ binh cưỡi ngựa) được tách riêng ra để làm nhiệm vụ của bộ binh nhẹ.

Các đơn vị đặc biệt được dùng làm nhiệm vụ của bộ binh nhẹ gồm có chasseurs-à-pied^{1*} và các đơn vị châu Phi. Trước chiến

^{1*} - xạ thủ bộ binh

tranh có tất cả 10 tiểu đoàn xạ thủ bộ binh, nhưng năm 1853 số lượng của chúng tăng lên 20, nên hầu như mỗi sư đoàn bộ binh (4 trung đoàn) trong biên chế của mình đều có thể có được một tiểu đoàn xạ thủ bộ binh. Mỗi tiểu đoàn ấy có mười đại đội, hoặc chừng 1 300 người. Số đơn vị lính dùng riêng để phục vụ ở châu Phi thì gồm có ba trung đoàn hoặc chín tiểu đoàn lính du-a-vơ, hai trung đoàn hoặc sáu tiểu đoàn lê dương và sáu tiểu đoàn bộ binh nhẹ (trong đó có ba tiểu đoàn xạ thủ bộ binh bản xứ) - tổng cộng là 21 tiểu đoàn hoặc khoảng 22 000 người.

Kỵ binh chia thành bốn bộ phận khác nhau:

1. Kỵ binh nặng hoặc dự bị - 12 trung đoàn : 2 trung đoàn lính bộ binh tinh nhuệ (xạ thủ có đeo giáp) và 10 trung đoàn giáp kỵ = 72 đại đội kỵ binh.
2. Kỵ binh nông cốt - 20 trung đoàn : 12 trung đoàn long kỵ và 8 trung đoàn thương kỵ = 120 đại đội kỵ binh.
3. Kỵ binh nhẹ - 21 trung đoàn. 12 trung đoàn lập kỵ binh và 9 trung đoàn phiêu kỵ = 126 đại đội kỵ binh.
4. Kỵ binh nhẹ châu Phi - 7 trung đoàn : 4 trung đoàn chasseurs d'Afrique^{1*} và 3 trung đoàn Xpa-hi = 42 đại đội kỵ binh.

Theo biên chế thời chiến thì trong kỵ binh dự bị và kỵ binh nông cốt, mỗi đại đội có 190 người, trong kỵ binh nhẹ, mỗi đại đội có 200 người. Thời bình vị tất tuyển mộ được bốn đại đội trong đó có 120 người trang bị đầy đủ, nên mỗi lần động viên quân đội đều phải gọi một số lượng lớn những người đã giải ngũ và tìm đủ số ngựa cho họ; ở một nước nghèo về ngựa như nước Pháp, điều đó chỉ có thể đạt được bằng cách nhập nhiều ngựa từ nước ngoài.

Sau cuộc cải tổ gần đây, pháo binh gồm có 17 trung đoàn: năm trung đoàn bộ pháo dùng vào nhiệm vụ canh giữ và công thành, bảy trung đoàn nông cốt (để phục vụ trong các sư đoàn bộ binh), bốn trung đoàn kỵ pháo và một trung đoàn bắc cầu. Bộ pháo xem ra chỉ sử dụng cho hoạt động dã chiến trong những trường hợp đặc biệt. Trong pháo binh nông cốt, giá pháo và các lá chắn trước

^{1*} - xạ thủ châu Phi

được chế tạo sao cho pháo thủ có thể ngồi trên đó khi di chuyển nhanh. Kỵ pháo binh cũng được tổ chức như các loại pháo binh khác. Pháo binh nông cốt và kỵ pháo gồm 137 đại đội, mỗi đại đội có sáu khẩu pháo; có thể thêm vào số đó 60 đại đội bộ pháo làm đội dự bị. Cộng tất cả có 1 182 khẩu pháo. Ngoài ra, pháo binh còn có 13 đại đội công nhân.

Ngành nghiệp vụ chuyên môn của quân đội có: bộ tổng tham mưu gồm 560 sĩ quan; các bộ tham mưu của cứ điểm, của pháo binh và của công binh - tất cả khoảng 1 200 sĩ quan; ba trung đoàn công binh và đánh mìn, năm đại đội thò, năm đại đội vận tải, 1 187 sĩ quan quân y, v.v.. Tổng quân số như sau:

Bộ binh

Nông cốt, 300 tiểu đoàn và 300 đại đội hậu bị.....	335 000 người
Xạ thủ, 20 tiểu đoàn.....	26 000 người
Các đơn vị châu Phi, 21 tiểu đoàn.....	22 000 người
<hr/>	
Cộng.....	383 000 người

Kỵ binh

Dự bị, 72 đại đội và 12 đại đội hậu bị.....	16 300 người
Nông cốt 120 đại đội và 20 đại đội hậu bị	28 400 người
Nhẹ 126 đại đội và 21 đại đội hậu bị.....	31 300 người
Châu Phi 42 đại đội.....	10 000 người
<hr/>	
Cộng.....	86 000 người

Pháo binh và các đơn vị chuyên môn

1 200 khẩu pháo.....	70 000 người
<hr/>	
Tổng cộng 1 200 khẩu pháo và.....	539 000 người

Cần thêm vào đó vệ binh mới được thành lập, gồm một sư đoàn bộ binh (hai trung đoàn tinh binh và hai trung đoàn bộ binh nhẹ cưỡi ngựa), một lữ đoàn kỵ binh (một trung đoàn giáp kỵ và một trung đoàn dẫn đường), một tiểu đoàn xạ thủ và bốn hoặc năm khẩu đội pháo, cũng như hiến binh gồm 25 000 người, trong đó có 14 000 kỵ hiến binh. Ngoài ra gần đây còn thành lập hai trung đoàn bộ binh nữa - các trung đoàn 101 và 102 và đang tổ chức một lữ đoàn lê dương mới (người Thụy Sĩ). Như vậy là quân

đội Pháp, theo biên chế hiện nay của nó, phải có khoảng 600 000 người, và con số này phản ánh khá chính xác binh lực hiện có của nó.

Quân đội tuyển mộ bằng cách rút thăm được tiến hành trong thanh niên đủ 20 tuổi. Người ta xuất phát từ chỗ cho rằng hằng năm phải tuyển vào quân đội được khoảng 140 000 người, nhưng trên thực tế, thời bình chỉ có 60 000 - 80 000 người làm nghĩa vụ quân sự. Số còn lại có thể gọi bất cứ lúc nào trong vòng tám năm sau cuộc rút thăm. Ngoài ra, vào thời bình một số lượng lớn binh sĩ được nghỉ dài hạn, nên thời gian thực tế làm nghĩa vụ quân sự ngay cả đối với những người được gọi nhập ngũ cũng không vượt quá bốn năm. Chế độ ấy bảo đảm trình độ huấn luyện cao cho quân thường trực, nhưng không bảo đảm được việc chuẩn bị cho số quân dự bị có được trình độ huấn luyện nào đó để đề phòng tình hình khẩn cấp. Trường hợp nổ ra một cuộc chiến tranh lục địa lớn, khi Pháp phải đưa hai, ba đạo quân lớn ra tác chiến, thì trong đợt chiến dịch thứ hai nó đã buộc phải bổ sung cho quân đội tác chiến bằng một số lượng lớn tân binh thiếu huấn luyện và vào đợt chiến dịch thứ ba thì hoàn toàn sẽ cảm thấy sự sút kém của quân đội. Không nghi ngờ gì nữa, người Pháp nắm được nghề binh rất dễ dàng, nhưng tại sao trong trường hợp đó lại duy trì thời hạn phục vụ dài, nó làm cho một bộ phận quan trọng thanh niên mất khả năng được huấn luyện quân sự?

Bất cứ ở nơi nào mà chế độ phục vụ quân đội mang tính chất nghĩa vụ và thời gian phục vụ kéo dài, thì xã hội châu Âu đều cảm thấy cần quy định cho các giai cấp hữu sản cái đặc quyền dứt tiền, bằng hình thức này hay hình thức khác, để thoát khỏi nghĩa vụ phục vụ của bản thân. Như ở Pháp, chế độ đi lính thay đã được luật pháp phê chuẩn, và khoảng 8 vạn lính đi thay thường xuyên phục vụ trong quân đội Pháp. Thông thường, họ được tuyển mộ trong hàng ngũ của cái gọi là “các tầng lớp nguy hiểm trong xã hội”; rất khó quản lý những người này, nhưng biết quản lý thì họ sẽ trở thành những binh sĩ ưu tú. Cần có kỷ luật rất nghiêm để buộc họ phục tùng, mà quan niệm của họ về kỷ cương và về sự phục tùng có khi mang tính chất khá độc đáo. Khi đại bộ phận trung đoàn gồm lính đi thay, họ nhất định gây ra khó

khăn, nếu họ làm nhiệm vụ đồn trú. Vì vậy, người ta cho rằng nơi thích hợp nhất với họ là đứng trước mặt quân thù. Các đơn vị khinh binh châu Phi chủ yếu được tuyển mộ trong số họ, ví dụ lính du-a-vơ hầu hết tham gia quân đội với tính cách *remplaçants*^{1*}. Chiến dịch Crum đã chứng tỏ rõ ràng không ở nơi nào lính du-a-vơ thay đổi tập quán châu Phi của họ - thích cướp bóc và tùy ý khi gặp khó khăn. Chắc rằng cố nguyên soái Xanh-Ăc-nô, người gần gũi với họ xét về mặt tinh thần, đã chỉ rõ điểm đó khi viết trong thông báo của mình về trận An-ma : “Lính du-a-vơ quả thực là những binh sĩ ưu tú trên thế giới!”

Toàn bộ vũ khí và trang bị của quân đội Pháp nói chung là thuộc hạng nhất. Vũ khí có cấu tạo rất tốt, nhất là gươm kỵ binh. Kiểu của nó rất dễ coi, tuy có vẻ hơi dài. Bộ binh ăn mặc theo kiểu mới được áp dụng cùng một lúc ở Pháp và ở Phổ. Đã không dùng dây da bắt chéo để đeo đạn và kiếm hoặc lưỡi lê; hai thứ này đều đeo vào thắt lưng có hai quai chằng qua vai, còn ba lô thì đeo thoải mái trên vai bằng hai quai, không có sợi dây liên kết kiểu cũ buộc trước ngực. Như thế là ngực hoàn toàn thoải mái, và người lính hiện nay không còn giống tí nào với anh lính bất hạnh bị dây da bó chặt và bị trói buộc như mặc một thứ áo giáp dạ kiểu cũ. Kiểu quần áo giản dị nhưng đẹp mắt, phải thừa nhận rằng trong lĩnh vực một thường phục cũng như một quân phục, người Pháp quả thực tỏ ra có óc thẩm mỹ hơn bất cứ dân tộc nào khác. Áo ngoài màu lơ, một kiểu áo trào dài đến đầu gối, có cổ cứng và thấp, hở ở phía trước, quần đồ không rộng lắm, mũ mềm nhẹ, một thứ mũ thích hợp nhất đối với binh sĩ trong tất cả những kiểu đã thiết kế, giày da có ghệt và áo khoác màu xám nhẹ nhàng - đó là trang phục của bộ binh Pháp, nó giản dị và thuận tiện nhất chưa từng có ở quân đội châu Âu nào. Ở châu Phi, binh sĩ đội một thứ mũ che nắng bằng phla-nen trắng loại tốt nhất, binh sĩ cũng được phát áo lót bằng phla-nen. Ở Crum, mùa đông năm ngoái, binh sĩ mặc áo mưa có mũ bằng dạ dày che đầu che cổ và vai. Chasseurs - à-pied ăn mặc toàn màu xám có tô điểm màu xanh;

^{1*} - người đi lính thay

lính du-a-vơ, mặc những bộ quần áo kỳ quặc theo kiểu người Thổ Nhĩ Kỳ, xem ra điều đó thích hợp với khí hậu và nhiệm vụ mà họ đảm đương. Các xạ thủ và một số tiểu đoàn châu Phi được trang bị súng trường Mi-ni-ê, các đơn vị bộ binh còn lại được trang bị bằng súng trường thường. Tuy vậy có căn cứ để giả định rằng số lượng binh lính được trang bị bằng súng nòng có rãnh sẽ tăng lên.

Kỵ binh gồm những kỵ sĩ thân hình cân đối, nhẹ cân hơn ở nhiều quân đội khác, nhưng về chất lượng thì tuyệt nhiên không thua các binh sĩ khác. Thời bình, nó được cung cấp hoàn toàn thỏa mãn về ngựa, hoặc nhờ nhập khẩu của nước ngoài, hoặc nhờ các trại và vùng nuôi ngựa của nhà nước cung cấp, ở những nơi này đã cải tạo được giống ngựa địa phương mà thời gian gần đây bị người ta cho là rất tồi. Nhưng đến thời chiến, khi số lượng ngựa đòi hỏi tăng ngay gấp đôi, thì nguồn ngựa của Pháp tỏ ra hoàn toàn không đủ, và tất phải mua ở nước ngoài hàng ngàn ngựa, mà nhiều con vị tất thích hợp với hoạt động kỵ binh. Vì thế, trong trường hợp chiến tranh lâu dài, kỵ binh Pháp sẽ mất chất lượng chiến đấu của nó, nếu chính phủ không nắm được trong tay mình nguồn ngựa của những nước giàu về ngựa, như họ đã làm vào những năm 1805, 1806 và 1807.

Toàn bộ pháo binh hiện nay được trang bị bằng pháo nòng dài cỡ 12 pao kiểu mới tức cái gọi là phát minh của Lu-i Na-pô-lê-ông. Nhưng vì pháo nòng dài nhẹ 12 pao có lượng thuốc nổ bằng một phần tư trọng lượng viên đạn đã từng tồn tại trong quân đội Anh và Hà Lan, vì người Bỉ đã thôi đặt ngăn thuốc nổ trong các khẩu lựu pháo của mình, còn người Phổ và người Áo đã có thói quen, trong một số trường hợp, bắn đạn nổ bằng pháo nòng dài thông thường cỡ 12 pao và 24 pao, nên cái gọi là phát minh ấy quy lại chỉ là thích ứng pháo nòng dài nhẹ 12 pao ấy với giá pháo thông thường của pháo nòng dài nhẹ 8 pao của quân Pháp. Tuy nhiên, pháo binh Pháp rõ ràng đã được lợi về mặt giản đơn hóa và về hiệu suất nhờ sự cải tiến ấy, nhưng còn phải làm sáng tỏ vấn đề xem tính cơ động của pháo binh có vì thế mà giảm đi không và

pháo nòng dài 12 pao có còn thích hợp với đạn rỗng không. Dù sao chúng ta được tin cho biết là người ta đã thừa nhận cần gửi cho quân đội ở phương Đông các khẩu lựu pháo cỡ lớn hơn.

Điều lệnh chiến thuật của quân đội Pháp là sự kết hợp đáng ngạc nhiên giữa lý trí lành mạnh của quân nhân với truyền thống cũ kỹ. Dường như không có ngôn ngữ nào thích hợp với khẩu lệnh chiến đấu ngắn gọn, chuẩn xác và có sức thuyết phục như ngôn ngữ Pháp, tuy nhiên khẩu lệnh thường phát ra bằng rất nhiều chữ, nơi mà một vài chữ là đủ thì viên sĩ quan phải đọc cả một câu, mà có khi hai câu. Động tác thì phức tạp, còn trong khẩu huấn luyện đội hình thì có nhiều điều vô lý cũ rích, tuyệt đối không thích hợp với trình độ chiến thuật hiện đại. Bản lĩnh tác chiến trong đội hình tấn khai dường như là bẩm sinh ở người Pháp thì lại được huấn luyện cho binh sĩ với sự cầu kỳ vị tất đã thua ngay cả nước Nga. Một số mặt trong huấn luyện thao diễn của kỵ binh và pháo binh cũng vậy. Nhưng một khi người Pháp chiến đấu, yêu cầu của tình hình nhanh chóng buộc họ vứt bỏ tất cả những phương pháp cầu kỳ cũ rích ấy; và không ai nắm và vận dụng được nhanh chóng các phương pháp chiến thuật mới thích hợp với điều kiện mới, như người Pháp.

Nhìn chung có thể nói rằng binh sĩ gọn nhẹ là forte^{1*} của quân đội Pháp. Họ là quân đội nhẹ nhất châu Âu, hiểu theo đúng nghĩa của từ này. Không nơi nào tầm vóc trung bình của binh sĩ lại nhỏ như ở Pháp. Năm 1836, trong gần 80 000 binh sĩ Pháp, chỉ có 743 người cao 5 phút 8 in-sơ trở lên, và chỉ có bảy người đạt 6 phút, trong khi đó 38 000 người cao từ 4 phút 10,5 in-sơ đến 5 phút 2 in-sơ. Tuy nhiên, những binh sĩ tầm vóc thấp bé ấy không những đánh nhau rất xuất sắc, mà còn chịu đựng được sự căng thẳng cao độ nhất, còn về tính cơ động thì vượt trội hầu hết tất cả các quân đội khác. Tướng Nây-pia khẳng định rằng binh sĩ Anh là động vật chiến đấu mang vác nặng hơn tất cả các binh sĩ khác trên thế giới. Nhưng ông ta chưa bao giờ nhìn thấy binh sĩ Pháp,

^{1*} - chỗ mạnh

những người tham gia các cuộc hành quân ở châu Phi, ngoài vũ khí và hành lý cá nhân, họ còn mang trên lưng bạt, củi, thức ăn - những vật nặng xếp cao hơn cả mũ họ, cứ như thế đi bộ mỗi ngày ba - bốn mươi dặm dưới ánh nắng của mặt trời nhiệt đới. Bây giờ hãy so sánh binh sĩ Anh có vóc người cao, vụng về mà chiều cao của họ trong quân đội vào thời bình ít nhất là 5 phút 6 in-sơ với binh sĩ Pháp có vóc người thấp bé, chân ngắn, với trọng lượng nhẹ có chiều cao 4 phút 10 in-sơ! Anh lính Pháp nhỏ bé, tuy với tất cả đồ đạc nặng chũu của mình, vẫn là bộ binh nhẹ xuất sắc như trước: anh ta chiến đấu trong đội hình tản khai, chạy, xông lên vùn vụt, nằm xuống, nhảy lên, đồng thời vừa nạp đạn, vừa bắn, vừa tấn công hoặc rút lui, tản khai rồi lại tập hợp và thay đổi đội hình; anh ta tỏ ra không những cơ động gấp hai, mà còn nhanh trí gấp hai lần đối thủ cao lêu nghêu của mình ở đảo "thịt bò thui". Trong hai mươi tiểu đoàn chasseurs - à - pied, hoạt động phục vụ của bộ binh nhẹ được chấp hành hoàn hảo. Những binh lính không gì sánh được ấy - không sánh được trong khuôn khổ làm nhiệm vụ đặc biệt của mình - đã được huấn luyện để hoàn thành ngay trước mắt quân địch bất cứ sự vận động nào của mình bằng bước đi nhanh độc đáo gọi là pas gymnastique^{1*}, trong đó mỗi phút đi 160 - 180 bước. Họ không những có thể chạy trên nửa giờ với một thời gian nghỉ ngắn, họ cũng có thể bò, nhảy, leo, bơi v.v. rất giỏi, tóm lại họ có thể vận động bằng bất cứ phương pháp nào mà người ta có thể yêu cầu ở họ; đồng thời họ là những xạ thủ hạng nhất, và trong những điều kiện ngang nhau ít có ai có thể trụ được trong cuộc bắn nhau với những xạ thủ không biết bắn chệch là gì và biết tìm được nơi ẩn nấp ở đằng sau bất kỳ một mô đất nhỏ nhất nào.

Còn hành động của bộ binh Pháp trong đội hình dày đặc thì tính hăng hái vốn có của người Pháp đã cho họ không những ưu thế lớn, mà còn rất có hại cho họ. Thông thường cuộc tấn công đầu tiên của họ có đặc điểm là dứt khoát, nhanh chóng, kiên quyết,

nếu không phải là mãnh liệt. Trong trường hợp thắng lợi, không ai có thể đương đầu với họ. Trong trường hợp thất bại, họ nhanh chóng khôi phục trật tự trong hàng ngũ họ và lại có thể lao vào chiến đấu; nhưng trong chiến dịch mà tình thế bất lợi hoặc thậm chí thắng bại xen kẽ nhau thì bộ binh Pháp nhanh chóng mất tính kiên cường của mình. Thắng lợi là cần thiết cho mọi quân đội nhưng nó lại đặc biệt cần thiết cho các quân đội thuộc các dân tộc Rô-manh-Ken-tơ. Về mặt này, người Tơ-tông dứt khoát vượt họ. Khi Na-pô-lê-ông mở đường cho họ, quân Pháp có thể đập bằng mọi trở ngại trong 15 năm trời, cho đến khi những thất bại đánh bại họ; nhưng quân đội Pháp chưa bao giờ có thể thắng một cuộc chiến tranh như cuộc chiến tranh bảy năm²³³, trong đó Phri-đrich Đại đế nhiều lần đã ở miệng hổ diệt vong, thường hay thất bại, nhưng cuối cùng đã thắng. Cuộc chiến tranh Tây Ban Nha năm 1809 - 1814 có thể là một ví dụ rất tốt về mặt này.

Thời Na-pô-lê-ông, trái với bộ binh, kỵ binh Pháp đã nổi tiếng nhờ hành động của nó trong đội hình dày đặc hơn là làm nhiệm vụ với tính cách chiến binh hạng nhẹ. Nó được coi là vô địch, ngay cả Nây-pia cũng thừa nhận nó trội hơn kỵ binh Anh đương thời. Oen-ling-ton đồng ý, trên mức độ nhất định, với Nây-pia. Song, điều ngạc nhiên là đội kỵ binh vô địch ấy lại gồm những tay cưỡi ngựa không thạo, tất cả các cuộc tấn công đều được nó tiến hành bằng phi nước kiêu và chỉ trong trường hợp bất đắc dĩ mới tiến hành bằng cách phi nước đại đôi chút! Nhưng nó vận động bằng đội hình dày đặc và chỉ bắt đầu tấn công sau khi hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh dọn đường cho nó, lúc bấy giờ nó cũng chỉ tấn công bằng những binh lực lớn. Sự dũng cảm và ý chí quyết thắng đã kết thúc vấn đề. Kỵ binh Pháp hiện nay, nhất là các trung đoàn An-giê-ri, là những chiến sĩ rất giỏi, thông thường là những tay cưỡi ngựa xuất sắc và những tay đấu kiếm rất cừ, tuy rằng về nghệ thuật cưỡi ngựa họ vẫn thua kỵ binh Anh, Phổ và nhất là Áo. Nhưng vì vào thời chiến, quân đội buộc phải tăng gấp đôi thành phần kỵ binh của mình, nên chất lượng của nó không nghi ngờ gì nữa, đã sụt đi; song, mọi người đều biết rằng người

^{1*} - bước đi thể dục

Pháo có rất nhiều phẩm chất quan trọng đối với kỵ binh mà chúng ta gọi là *lối hành động chớp nhoáng [dash]* và nó bù đắp cho nhiều khiếm khuyết. Mặt khác, không một binh sĩ nào lại đối xử cầu thả đối với con ngựa của mình như người Pháp.

Pháo binh Pháp luôn luôn ở trình độ rất cao. Ba, bốn trăm năm gần đây, hầu hết mọi cải tiến trong ngành pháo binh đều bắt nguồn từ người Pháp. Trong thời kỳ các cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông, pháo binh Pháp đặc biệt đáng sợ do nghệ thuật của nó trong việc lựa chọn vị trí cho pháo, nghệ thuật mà các quân đội khác thời bấy giờ nắm rất tồi. Mọi bằng chứng đều nói lên rằng không ai có thể so sánh với người Pháp về bản lĩnh đặt pháo của mình sao cho địa hình phía trước tránh cho nó khỏi bị hỏa lực của địch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hiệu quả của hỏa lực của bản thân. Lý luận pháo binh cũng luôn luôn là lĩnh vực tri thức ưa thích của người Pháp mà tư duy toán học của họ đã góp phần; sự sáng sủa của ngôn ngữ, phương pháp khoa học, quan điểm sáng suốt - đây là đặc trưng của những sách viết về pháo binh của Pháp, điều đó chứng tỏ lĩnh vực tri thức ấy phù với tinh thần dân tộc của họ đến mức nào.

Về các ngành chuyên môn - lính công trình, cơ quan tham mưu, ngành y tế và vận tải - chỉ có thể nói rằng họ rất tinh thông nghiệp vụ. Trường quân sự là mẫu mực của cơ quan kiểu ấy. Đối với sĩ quan Pháp, người ta không yêu cầu phải có trình độ học vấn chung mà ở Phổ được coi là cần thiết; nhưng nhà trường nơi họ học sẽ cho họ kỹ năng nghiệp vụ xuất sắc, trong đó bao gồm những tri thức tốt của những môn khoa học bổ trợ và ít ra là một sinh ngữ. Trong quân đội Pháp còn có một loại sĩ quan, những người được lựa chọn từ những hạ sĩ quan nhiều tuổi lên. Họ ít khi được phong quân hàm cao hơn cấp đại úy; vì vậy trong quân đội Pháp có một hiện tượng thường thấy là có các tướng trẻ và các đại úy già, và chế độ đó tỏ ra hoàn toàn có lý.

Nhìn chung, quân đội Pháp, với tất cả các đặc điểm của nó, chứng tỏ rằng nó thuộc một dân tộc thiện chiến và đầy nghị lực, dân tộc này lấy làm tự hào về những người bảo vệ của mình.

Việc quân đội đó nhờ kỷ luật và sức chiến đấu đã thắng được sự căm dỗ mà Lu-i Bô-na-pác-tơ ra sức tiến hành đối với họ, việc các quân sĩ Prê-tô-ri-an hồi tháng Chạp 1851 đã có thể hết sức nhanh chóng biến thành các anh hùng ở Crum, - tất cả điều đó không nghi ngờ gì nữa, đã nói lên ưu điểm của nó. Chưa từng có một quân đội nào được chính phủ ve vãn lấy lòng như thế, xum xoe trước mặt nó như thế, chưa có một quân đội nào được kêu gọi công khai làm những điều quá đáng như người đã kêu gọi quân đội Pháp hồi mùa thu năm 1851, chưa bao giờ có một quân đội nào được chiều ý như quân đội Pháp trong cuộc nội chiến tháng Chạp; tuy nhiên nó lại trở thành quân đội có kỷ luật và hoàn thành rất tốt nghĩa vụ của mình. Thực ra; ở Crum, các phần tử Prê-tô-ri-an đã mấy lần để lộ bản chất, nhưng lần nào Can-rô-béc cũng áp chế được.

II. QUÂN ĐỘI ANH

Quân đội Anh hoàn toàn trái ngược với quân đội Pháp. Ở hai quân đội này, người ta không thể tìm ra được hai điểm nào giống nhau. Chỗ mạnh của quân đội Pháp chính là chỗ yếu của quân đội Anh, và vice versa^{1*}. Giống như bản thân nước Anh cũ là một mớ dầy đặc những sự lạm dụng ghê gớm, tổ chức quân đội của nó cũng hoàn toàn mục nát. Hình như trong quân đội đó, tất cả mọi cái đều được sắp xếp sao cho không cho nó có được khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nhờ cơ hội ngẫu nhiên nào đó, những cải tiến táo bạo nhất - quả thực không nhiều, - đã tìm thấy chỗ đứng của nó trong cả đồng những tàn dư vô nghĩa; tuy nhiên, khi chiếc máy đồ sộ và cột kẹt ấy chạy thì bằng cách này hay cách khác, nó vẫn làm được nhiệm vụ của mình.

Để mô tả tổ chức của quân đội Anh, không cần nhiều giấy mực. Bộ binh gồm có ba trung đoàn vệ binh, 85 trung đoàn nông cốt, 13 trung đoàn bộ binh nhẹ và hai trung đoàn xạ thủ. Trong

^{1*} - ngược lại

cuộc chiến tranh hiện nay, các trung đoàn vệ binh, xạ thủ và một số trung đoàn khác đều có ba tiểu đoàn, số trung đoàn còn lại có hai tiểu đoàn với một đại đội hậu bị. Song, việc tuyển lính khó bù đắp được số thương vong trong chiến tranh, nên vị tất có thể nói đến sự tồn tại của những tiểu đoàn thứ hai ở mỗi trung đoàn. Hiện nay, quân số hiện có của bộ binh chắc chắn không vượt quá 120 000 người.

Ngoài quân chính quy, bộ binh còn bao gồm dân binh, nó tạo thành một thứ quân dự bị hoặc vườn ươm để bổ sung cho quân đội. Theo pháp lệnh của nghị viện, số lượng dân binh có thể lên đến 80 000 người, trên thực tế hiện nay nó có không quá 60 000 mặc dù chỉ riêng ở Lan-kê-sia đã tuyển mộ được sáu tiểu đoàn. Theo luật hiện hành, dân binh có thể tự nguyện phục vụ ở thuộc địa, nhưng không được phái họ đến chiến trường ngoài biên giới của đế chế. Do đó, hiện nay chỉ có thể sử dụng họ để thay thế các trung đoàn nòng cốt làm nhiệm vụ canh giữ ở các đảo Coóc-phi, Man-tơ và ở Gi-bran-ta, và trong tương lai, có thể cả ở các thuộc địa xa hơn.

Kỵ binh gồm có ba trung đoàn cận vệ (giáp kỵ), sáu trung đoàn long kỵ vệ binh (trang bị nặng), bốn trung đoàn long kỵ nặng và bốn trung đoàn long kỵ nhẹ, năm trung đoàn phiêu kỵ và bốn trung đoàn thương kỵ. Mỗi trung đoàn, theo biên chế thời chiến, phải có 1 000 tay kiếm (bốn đại đội, mỗi đại đội có 250 người không kể lực lượng dự bị). Một số trung đoàn với chính biên chế như vậy đã được cử đến Crum, nhưng do những tai nạn mà họ gặp phải mùa đông do cuộc tấn công vô ý nghĩa gần Ba-la-cla-va và do thiếu tân binh bổ sung, nên quân số của các trung đoàn này nói chung đã giảm xuống đến mức biên chế thời bình. Chúng tôi không cho rằng hiện nay quân số của tất cả 26 trung đoàn lên tới 10 000 tay kiếm hoặc bình quân mỗi trung đoàn có 400 tay kiếm.

Pháo binh gồm có một trung đoàn bộ pháo (12 tiểu đoàn với 96 khẩu đội) và một lữ đoàn kỵ pháo (bảy khẩu đội và một khẩu đội hỏa tiễn). Mỗi khẩu đội có năm pháo nòng dài và một lựu pháo; cỡ của pháo nòng dài là 3,6,9,12 và 18 pao, cỡ của lựu pháo là

$4\frac{2}{5}$, $4\frac{1}{2}$, $5\frac{1}{2}$ và 8 in-sơ. Thêm vào đó, mỗi khẩu đội đều có hai loại pháo nòng dài nặng và nhẹ với hầu hết các cỡ. Trong thực tiễn, cỡ của pháo binh dã chiến là pháo nòng dài nhẹ cỡ 9 pao và 12 pao, cũng như lựu pháo cỡ $4\frac{1}{2}$ và $5\frac{1}{2}$ in-sơ, nhìn chung có thể nói rằng hiện nay loại pháo được sử dụng phổ biến trong pháo binh Anh là pháo nòng dài cỡ 9 pao và lựu pháo (12 pao) cỡ $4\frac{1}{2}$ in-sơ với tính cách pháo hỗ trợ. Ngoài những loại pháo kể trên, người ta còn sử dụng pháo hỏa tiễn cỡ 6 và 12 pao.

Vì quân đội Anh, theo biên chế thời bình, chỉ là khung cán bộ cho thời chiến và vì nó bổ sung quân số hoàn toàn theo nguyên tắc tự nguyện nhập ngũ, cho nên không thể nào vào mỗi thời kỳ nào đó xác định chính xác quân số thực tế của nó. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng sẽ không sai lắm, nếu xác định đại thể quân số hiện nay của nó bằng những con số sau đây; bộ binh gồm 120 000 người, kỵ binh: 10 000, pháo binh: 12 000 người với chừng 600 khẩu pháo (trong đó số pháo do lừa ngựa kéo không quá một phần năm). Trong số 142 000 người ấy, khoảng 32 000 người ở Crum, khoảng 50 000 người Ấn Độ và các thuộc địa, số còn lại 60 000 người thì đóng ở Anh (một nửa là những tân binh chưa qua huấn luyện, còn một nửa là những người huấn luyện những tân binh ấy). Cần thêm vào đó khoảng 60 000 dân binh. Chúng tôi hoàn toàn không tính đến số quân nhân đã hồi hưu, kỵ binh địa phương và những loại khác không sử dụng được vào việc phục vụ ở ngoài nước.

Chế độ tuyển quân bằng cách tự nguyện đăng ký nhập ngũ không cho phép quân đội vào thời chiến duy trì đủ sức chiến đấu và hiện nay người Anh lại vấp phải khó khăn ấy. Chúng ta lại thấy rằng cũng giống như ở thời Oen-lin-ton, người Anh có thể tập trung và sau đó duy trì ở một chiến trường nhất định một đạo quân lớn nhất là 30 000 - 40 000 người; mà vì đồng minh của Anh hiện nay không phải là người Tây Ban Nha mà là người Pháp, cho nên “đội quân anh hùng nhỏ bé” của người Anh hầu như tan biến trong tổng khối lượng liên quân.

Trong quân đội Anh tồn tại một thiết chế hoàn toàn đủ để

đánh giá những tầng lớp xã hội mà từ đó binh sĩ Anh được tuyển mộ. Đó là hình phạt bằng roi. Nhục hình không còn áp dụng trong quân đội Pháp cũng như trong quân đội Phổ; nó cũng không còn tồn tại ở một loạt những quân đội khác nhỏ hơn. Thậm chí ở Áo, là nước mà đại bộ phận tân binh gồm những người còn ở trình độ nửa dã man, cũng có nguyện vọng rõ ràng muốn thủ tiêu nhục hình; chẳng hạn, hình phạt bắt chạy xuyên qua hàng lính, gần đây đã bị xóa trong điều lệnh của quân đội Áo. Trái lại, ở Anh vẫn tiếp tục sử dụng như trước, hình phạt “mèo cái chín đuôi”, một dụng cụ tra tấn, giống như chiếc roi da của Nga trong thời kỳ thịnh hành nhất của nó. Điều làm cho người ta ngạc nhiên là khi vấn đề cải cách điều lệnh quân đội được đưa ra tại nghị viện, thì những nhân vật ngoan cố kỳ cựu trong lĩnh vực kỷ luật quân đội đã khăng khăng bảo vệ hình phạt “mèo cái”, và đặc biệt sốt sắng trong việc này là bản thân ông già Oen-lin-ton. Dưới con mắt họ, binh sĩ không bị đánh roi sẽ là một vật kỳ quặc không tương tượng được. Theo quan niệm của họ, những phẩm chất như tinh thần dũng cảm, tính kỷ luật và tinh thần bất khả chiến thắng chỉ là đặc trưng ở những binh sĩ nào mà trên lưng họ đã có những vết sẹo của ít ra là 50 roi.

Không nên quên rằng hình phạt “mèo cái” không những là dụng cụ nhằm gây ra sự đau đớn, nó còn để lại những vết sẹo không xóa được, in vết lên con người suốt cả đời, khắc dấu lên họ. Hiện nay, ngay trong quân đội Anh, nhục hình ấy, dấu ấn ấy trên thực tế chẳng khác nào sự sỉ nhục suốt đời. Binh sĩ bị đánh trở thành kẻ làm nhục trước con mắt đồng đội của mình. Trong khi đó, theo điều lệnh của quân đội Anh, tất cả hình phạt đối với binh sĩ đang ở trước mặt quân địch hầu như toàn là phạt bằng roi; điều đó đưa tới tình trạng là bản thân hình phạt ấy - mà những kẻ bảo vệ nó cho là thủ đoạn tốt nhất để duy trì kỷ luật vào những giờ phút quyết định - trên thực tế lại phá hoại kỷ luật, làm mất tinh thần binh sĩ và làm tổn thương đến point d' honneur^{1*} của họ.

^{1*} - danh dự

Điều đó đã giải thích hai sự việc hết sức lạ lùng: một là, số lượng binh sĩ Anh đào ngũ ở gần Xê-va-xtô-pôn rất lớn. Mùa đông, khi binh sĩ Anh buộc phải có những cố gắng vượt sức con người để làm nhiệm vụ canh giới ở chiến hào thì người nào không thể thức liền từ hai ngày đêm đến hai ngày đêm rười đều bị phạt roi! Xin hãy tưởng tượng xem! Phạt roi những vị anh hùng mà binh sĩ Anh là hiện thân trong các chiến hào ở gần Xê-va-xtô-pôn, những binh sĩ đã giành được thắng lợi ở gần In-ke-rơ-man bắt chấp các viên tướng của họ! Nhưng các điều khoản trong điều lệnh kỷ luật của quân đội Anh không cho phép lựa chọn. Những người ưu tú nhất trong quân đội bị đánh bằng roi khi sự mệt mỏi đã thắng họ, và sau khi bị làm nhục, họ đã đào ngũ sang phía quân Nga. Vị tất có cái gì khác có thể chứng minh rõ ràng hơn về toàn bộ tội ác của chế độ phạt roi, hơn là sự đào ngũ ấy. Trong các cuộc chiến tranh trước đây chưa bao giờ xảy ra tình hình binh sĩ của một nước nào đó đào ngũ với một số lượng lớn sang phía quân Nga, họ biết rằng ở đây họ sẽ bị đối xử tệ hơn là ở nhà mình. Cái vinh dự cung cấp một số lượng lớn binh sĩ đào ngũ đầu tiên đó thuộc về quân đội Anh và bản thân người Anh đã thừa nhận rằng chính hình phạt bằng roi đã buộc binh sĩ đào ngũ. Sự việc thứ hai là ý đồ thành lập quân đoàn lê dương phục tùng điều lệnh của quân đội Anh, đã hoàn toàn phá sản. Người nước ngoài xem chừng khá chi li khi vấn đề đụng chạm đến cái lưng họ. Triền vọng bị phạt roi đã đè bẹp sức cảm dỗ của các khoản thưởng cao và lương hậu. Đến cuối tháng Sáu, quân đoàn lê dương chỉ mộ được không quá 1 000 người, trong khi cần 15 000 người; không nghi ngờ gì nữa, nếu nhà đương cục sử dụng hình phạt bằng roi đối với một ngàn người khó bảo ấy, thì điều đó sẽ gây ra làn sóng phản nộ, nó buộc nhà đương cục hoặc nhượng bộ, hoặc phải giải tán ngay quân đoàn lê dương.

Quân phục và trang bị của binh sĩ Anh là kiểu mẫu cho những thứ không nên có. Cho đến nay kiểu thông dụng vẫn là kiểu đã dùng trong các quân đội ở thời kỳ năm 1815. Chưa có một sự cải

tiền nào. Áo ngoài kiểu cũ sẽ phía sau với cổ tay áo lộ lẳng khó coi, vẫn là điểm độc đáo của binh sĩ Anh so với tất cả các binh sĩ nước khác. Quần chật và không thuận tiện. Dây da bắt chéo kiểu cũ để đeo lưỡi lê, hộp đạn và ba lô vẫn được sử dụng nhất loạt ở hầu hết các trung đoàn. Kiểu áo của kỵ binh tiện lợi hơn của bộ binh và chất lượng tốt hơn nhiều; nhưng nó vẫn quá chật và trở ngại cho cử động. Ngoài ra người Anh là dân tộc duy nhất còn duy trì trong quân đội của mình chiếc áo đỏ “chiếc áo đỏ kiêu hãnh”, như Nây-pia gán cho nó tên gọi đó. Thiết tưởng, chiếc áo ngoài đó, mà binh sĩ Anh mặc vào sẽ giống như chú khỉ làm đom, lại có thể gây ra sự hoảng sợ cho địch do sự lộ liễu của nó. Nhưng, than ôi! Ai đã trông thấy bộ binh Anh mặc chiếc áo ngoài màu gạch đỏ đều phải thừa nhận rằng chiếc áo ngoài của họ, sau khi mặc bốn tuần, thì hoàn toàn không có cái vẻ đáng sợ nữa, mà là đáng thương hại; để dọa địch thì phải lựa chọn bất cứ màu nào khác không chịu ảnh hưởng của bụi bặm bùn bẩn và sự ẩm ướt. Người Đan Mạch và người Han-nô-vô trước kia cũng mặc áo ngoài đỏ, nhưng họ đã từ bỏ rất nhanh. Chiến dịch đầu tiên ở Slê-dơ-vích đã chứng minh với người Đan Mạch rằng chiếc áo đỏ và chiếc đai trắng là mục tiêu tuyệt vời như thế nào cho quân địch.

Theo quy định mới về kiểu quần áo, áo ngoài đỏ của Anh được quy định mang theo kiểu của Phổ. Bộ binh trên đầu đội mũ ki-ve của Áo hoặc kê-pi; kỵ binh thì đội mũ sắt kiểu Phổ. Dây da kiểu bắt chéo và quần hẹp màu đỏ được duy trì trên mức độ nào đó. Như thế là những thay đổi đều không đáng kể, và người lính Anh, vẫn như trước kia, là một cảnh tượng lạ mắt giữa những quân đội châu Âu khác mà quân phục và trang bị của họ hài hòa hơn với tư duy lạnh mạnh.

Tuy nhiên, quân đội Anh có một thành tựu vượt xa mọi thành tựu đạt được ở các nước khác. Đó là trang bị cho toàn thể bộ binh bằng súng trường Mi-ni-ê đã được Prít-sét-tơ cải tiến. Thật khó tưởng tượng được, làm thế nào mà các viên lão tướng đứng đầu quân đội, những kẻ vẫn quen khư khư ôm lấy những thành kiến của mình, lại có thể đi tới quyết định táo bạo đó, nhưng họ đã

làm như vậy và nhờ đó tăng gấp đôi hỏa lực của bộ binh họ. Không nghi ngờ gì nữa, ở In-ke-rơ-man, súng trường Mi-ni-ê, nhờ tính chuẩn xác đặc biệt và uy lực lớn của nó, đã quyết định thắng lợi của quân Anh. Mỗi lần mà tuyển bộ binh tân khai của quân Anh phát huy hỏa lực, nó đều chiếm ưu thế đối với bất cứ kẻ địch nào được trang bị bằng súng trường thường vì súng trường Mi-ni-ê nạp đạn cũng nhanh như súng trường nòng trơn.

Trong kỵ binh họ là những binh sĩ tuyệt vời, những kỵ sĩ giỏi, được trang bị bằng một kiểu gươm tuyệt hảo; bản lĩnh của họ như thế nào thì họ đã biểu hiện ra ở Ba-la-cla-va. Nhưng nhìn chung, người kỵ binh quá nặng đối với con ngựa của mình, do đó mấy tháng hoạt động tích cực không tránh khỏi sẽ đưa kỵ binh Anh đến chỗ tiêu tan. Crum đã cho chúng ta những bằng chứng mới về mặt này. Nếu như chiều cao trung bình của binh sĩ trong kỵ binh nặng được hạ thấp xuống còn 5 phút 6 in-sơ và của binh sĩ trong kỵ binh nhẹ được hạ thấp xuống còn 5 phút 4 in-sơ, thậm chí 5 phút 2 in-sơ - theo chúng tôi biết, người ta đã làm như vậy trong bộ binh thì sẽ có được những binh sĩ thích hợp hơn nhiều so với nhiệm vụ đã chiến mà hiện nay họ đang đảm đương. Còn trong điều kiện hiện nay, ngựa phải tải quá nặng và đã bị loại khỏi hàng ngũ trước khi có thể sử dụng chúng hữu hiệu để chống lại quân địch.

Phục vụ trong pháo binh cũng là những người có chiều cao quá mức cần thiết. Bình thường, pháo thủ phải có chiều cao sao cho anh ta đủ sức đỡ cỗ pháo 12 pao từ xe xuống, mà muốn thế thì chiều cao 5 phút 6 in-sơ là hoàn toàn đủ rồi - điều đó chúng tôi biết được căn cứ vào nhiều kinh nghiệm và quan sát của bản thân. Thật vậy, những người cao khoảng 5 phút hoặc 5 phút 6 in-sơ nếu như thân thể cường tráng thường là những người phục vụ tốt nhất cho pháo. Nhưng người Anh chạy theo vẻ bề ngoài, do đó binh sĩ của họ tuy cao và cân đối nhưng lại không có thể lực cần thiết đối với một pháo thủ tốt thực sự. Khí tài của pháo binh Anh có chất lượng hạng nhất. Pháo tốt nhất châu Âu, thuốc súng được thừa nhận là tốt nhất thế giới, đạn bắn cầu vòng và đạn

bắn thẳng có đặc điểm là bề mặt đặc biệt nhẵn bóng. Tuy vậy, không có thứ pháo nào trên thế giới lại bắn chệch mục tiêu xa đến như thế, và điều đó chứng tỏ rằng những người như thế nào đang thao tác pháo. Trong bất cứ quân đội nào khác ở châu Âu vị tất có những sĩ quan pháo binh thiếu huấn luyện chuyên môn như trong quân đội Anh. Kiến thức lý luận của sĩ quan pháo binh Anh rất hiếm khi vượt quá phạm vi những kiến thức cơ bản về pháo binh, còn trong thực hành, anh ta chỉ thao tác được pháo dã chiến mà lại không thành thạo. Nhưng có hai phẩm chất nổi bật của pháo binh Anh, sĩ quan cũng như binh sĩ đó là: đo bằng mắt đặc biệt giỏi và bình tĩnh khác thường trong chiến đấu.

Nhìn chung, chất lượng chiến đấu của quân đội Anh giảm sút rất nhiều do sự dốt nát của sĩ quan về lý luận cũng như trong thực hành. Lỗi thì cũ mà hiện nay sĩ quan Anh phải trải qua, mang tính chất hài hước; người ta đòi hỏi các đại úy hiểu biết về ba cuốn đầu trong tác phẩm của O-clít²³⁴! Nhưng nên nhớ rằng việc bổ nhiệm trong quân đội Anh chủ yếu là để sắp đặt những chức vị danh giá cho những người con thừa kế của giới quan liêu và quý tộc, do đó trình độ huấn luyện của sĩ quan quân đội Anh phải phù hợp không phải với yêu cầu phục vụ, mà là phù hợp với mức kiến thức nghèo nàn thường có ở các bậc “trượng phu” Anh. Còn các kiến thức quân sự thực hành của sĩ quan thì họ cũng thiếu. Sĩ quan Anh cho rằng họ chỉ phải hoàn thành một chức trách: khi chiến đấu, đưa binh sĩ của mình xông thẳng vào địch và nêu gương dũng cảm cho họ. Người ta không yêu cầu ở anh ta năng lực quản lý binh lính, lợi dụng tình huống có lợi và những điều tương tự; về việc quan tâm đến binh sĩ của mình, đến nhu cầu của họ thì ý nghĩ ấy e rằng chưa từng nảy ra trong đầu óc anh ta. Phần nữa những thất bại của quân đội Anh ở Crum là do sự kém cỏi của tất cả các sĩ quan của nó. Tuy nhiên có một phẩm chất đã giúp các sĩ quan Anh hoàn thành chức trách của mình: phần lớn trong họ ham săn bắn, do năng lực và theo bản năng họ đánh giá nhanh chóng những lợi thế của địa hình, -

phẩm chất đó, không nghi ngờ gì nữa nhờ săn bắn đã phát triển ở nơi họ.

Không có ở bộ phận nào mà sự thiếu tinh thông nghiệp vụ của sĩ quan lại đem lại nhiều tác hại như ở ngành tham mưu. Vì thiếu sự đào tạo có hệ thống các sĩ quan tham mưu, nên mỗi viên tướng đều tổ chức bộ tham mưu của mình gồm những sĩ quan lấy ở trung đoàn và không biết gì về nghiệp vụ cả. Những bộ tham mưu như thế thì không có lại tốt hơn. Công tác trinh sát tiến hành đặc biệt cầu thả, điều đó không sao tránh khỏi vì những người được trao nhiệm vụ này không quan niệm rõ về những gì mà người ta yêu cầu ở họ.

Những ngành chuyên môn khác trong quân đội thì được huấn luyện khá hơn chút ít, nhưng trình độ huấn luyện vẫn thấp nhiều so với quân đội các nước khác; nhìn chung, sĩ quan Anh nổi tiếng về dốt nát trước các sĩ quan của bất cứ nước nào khác. Những tác phẩm quân sự của người Anh đã chứng minh điều đó. Hầu như tác phẩm nào cũng đầy rẫy những sai lầm nghiêm trọng mà ở nước khác người ta không thể tha thứ được ngay đối với người thi lên cấp trung úy; sự việc trình bày thiếu thận trọng, dùng một thứ ngôn ngữ không phải chuyên môn và không phải thuộc ngôn ngữ quân sự, thực chất của vấn đề bị bỏ qua; nhìn một cái là thấy ngay rằng tác giả không hiểu nghiệp vụ của mình. Hậu quả của tình trạng ấy là việc tin theo một cách dễ dàng những luận điểm phi lý nhất trong sách nước ngoài^{1*}. Song, chúng ta phải nói rằng có một số ngoại lệ đáng mừng, trong đó có cuốn “Cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ” của U. Nây-pia và “Pháo binh hải quân” của Hô-vác-dơ Đu-glát²³⁶ chiếm địa vị đặc biệt.

Các ngành hành chính, quân y, quân khu, vận tải và những ngành hỗ trợ khác đều ở trong tình trạng thảm hại và hoàn toàn phá sản khi bị thử thách ở Crum. Người ta đang thực hiện những cố gắng cải tiến chúng, cũng như tập trung khâu quản lý, nhưng vị

^{1*} Tác phẩm của đại tá Séc-xni về súng ống²³⁵ có thể dùng làm ví dụ về mặt đó; tác giả được coi là một trong những sĩ quan pháo binh ưu tú của Anh.

tất những cố gắng ấy có thể đem lại kết quả gì, khi mà các cơ quan dân chính, và trên thực tế là toàn bộ chính quyền nhà nước chưa thay đổi gì.

Với tất cả những khuyết điểm lớn của nó, quân đội Anh vẫn có thể tiến hành đến cùng, bằng cách này hay cách khác, từng chiến dịch, tuy không thu được thắng lợi đặc biệt, nhưng cũng không bị nhục. Thiệt hại của quân đội Anh, sự quản lý tồi của nó, nhiều khuyết điểm mà nó mắc phải - những điều đó làm cho chúng ta ngạc nhiên khi chúng ta so sánh tất cả những cái đó với tình hình các quân đội khác ở vào những hoàn cảnh giống thế; tuy nhiên, họ không bị mất danh dự quân nhân, rất ít rút lui, hầu như chưa bao giờ thất bại hoàn toàn. Đó là kết quả của tinh thần dũng cảm cao và tính ngoan cường của cá nhân binh sĩ, tính kỷ luật và sự phục tùng vô điều kiện của họ. Dù binh sĩ Anh thiếu linh hoạt, không có trí và bất lực khi họ hành động độc lập hoặc khi họ buộc phải làm nhiệm vụ của những binh lính được trang bị nhẹ, song không ai có thể vượt họ trong chiến đấu chính quy khi họ hành động trong đội hình dày đặc. Forte của họ, đó là hoạt động trong đội hình tấn khai. Nhờ đội hình chiến đấu hàng ngang, bộ binh Anh có thể làm được cái mà bất cứ bộ binh của nước nào khác vị tất có thể làm - ở trong đội hình tấn khai đón đánh kỵ binh tấn công, giữ vũ khí nạp đạn sẵn cho đến phút cuối cùng và để cho địch lại gần đến cự ly 30 i-ác-đơ mới đồng loạt nổ súng và hầu như bao giờ cũng hoàn toàn thành công. Thậm chí trong giờ phút nguy cấp nhất, bộ binh Anh cũng phát huy hỏa lực với sự bình tĩnh như thế, nên về hiệu quả hỏa lực của họ vượt bất cứ quân đội nào khác. Chẳng hạn, người Xcôt-len nhờ hành động trong đội hình tấn khai đã đẩy lùi cuộc tấn công của kỵ binh Nga ở gần Ba-la-cla-va. Tính kiên cường và tính ngoan cường của bộ binh Anh biểu hiện rõ ràng không ở đâu bằng ở trận In-ke-rơ-man; quân Pháp mà ở trong tình huống như thế thì chắc chắn đã bị đánh tan; đồng thời quân Pháp không bao giờ để cho mình bị bất ngờ ở một trận địa như thế. Tính kiên cường và tính ngoan cường trong tấn công và trong phòng ngự là phẩm chất quan trọng của

quân đội Anh, và nhờ có những phẩm chất ấy đã nhiều lần cứu vãn nó khỏi nhiều thất bại, hoàn toàn thích đáng và dường như được định trước do sự bất lực của các sĩ quan của nó, sự phi lý trong sự chỉ huy và sự không linh hoạt trong các động tác vận động của họ.

III. QUÂN ĐỘI ÁO

Áo lợi dụng thời kỳ xả hơi ban đầu sau những thử thách nghiêm trọng năm 1848 và 1849 để cải tổ quân đội của mình trên cơ sở hiện đại hóa. Hầu như toàn bộ quân đội đã được cải tổ một cách căn bản, và hiện nay nó đã có sức chiến đấu cao hơn trước kia nhiều.

Trước hết là bộ binh. Nó gồm có 62 trung đoàn nòng cốt, một trung đoàn và 25 tiểu đoàn xạ thủ, 14 trung đoàn và một tiểu đoàn bộ binh biên phòng. Bộ binh biên phòng cùng các xạ thủ hình thành nên khối bộ binh nhẹ.

Trung đoàn bộ binh nòng cốt gồm có năm tiểu đoàn đã chiến và một tiểu đoàn hậu bị, tất cả là 32 đại đội, mỗi đại đội đã chiến có 220 người, còn mỗi đại đội hậu bị có 130 người. Như vậy tiểu đoàn đã chiến có khoảng 1 300 người, còn trung đoàn khoảng 6 000 người, tức là ngang quân số một sư đoàn Anh. Do đó, toàn bộ bộ binh theo biên chế thời chiến có khoảng 370 000 người.

Trong bộ binh biên phòng, mỗi trung đoàn có 2 tiểu đoàn đã chiến và một tiểu đoàn hậu bị, tất cả là 16 đại đội hoặc 3 850 người: quân số của toàn thể bộ binh biên phòng là 55 000 người.

Kỵ binh xạ thủ hoặc xạ thủ gồm có tất cả 32 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn gồm khoảng 1 000 người; tổng số loại binh chủng này là 32 000 người.

Trong quân đội có kỵ binh nặng: tám trung đoàn giáp kỵ và tám trung đoàn long kỵ; kỵ binh nhẹ: 12 trung đoàn phiêu kỵ và 12 trung đoàn thương kỵ (trong số này có bảy trung đoàn trước kia

là long kỵ nhẹ hoặc chevau-le'gers nhưng sau đó đổi thành thương kỵ).

Các trung đoàn kỵ binh nặng gồm có sáu đại đội, không kể một đại đội hậu bị; các trung đoàn kỵ binh nhẹ gồm có tám đại đội và một đại đội hậu bị. Trung đoàn kỵ binh nặng gồm 1 200 người, trung đoàn kỵ binh nhẹ có 1 600 người. Quân số toàn bộ kỵ binh, theo biên chế thời chiến ước chừng 67 000 người.

Pháo binh gồm có 12 trung đoàn pháo dã chiến, theo biên chế thời chiến, mỗi trung đoàn có bốn đại đội bộ pháo 6 pao và ba đại đội bộ pháo 12 pao, sáu khẩu đội kỵ pháo, một khẩu đội lựu pháo - cả thảy 1 344 khẩu pháo; ngoài ra còn có một trung đoàn pháo bờ biển và một trung đoàn pháo hỏa tiễn: 20 khẩu đội với 160 ống phóng hỏa tiễn. Tổng cộng: 1 500 khẩu pháo và ống phóng hỏa tiễn, với 53 000 người.

Tổng quân số chiến đấu của quân đội tác chiến thời chiến là 522 000 người. Cần thêm vào đó khoảng 16 000 công binh, lính đánh mìn và lính bắc cầu, 20 000 hiến binh, nhân viên ngành vận tải v.v., nên tổng cộng khoảng 590 000 người.

Với việc gọi lính trừ bị, quân đội có thể tăng thêm 100 000 - 120 000 người; sử dụng đến mức tối đa nguồn lực lượng của quân biên phòng, quân Áo có thể tăng thêm 100 000 - 120 000 người nữa. Nhưng vì các lực lượng này không thể cùng tập hợp trong thời gian quy định, mà sẽ đến dần, nên chủ yếu là để bổ sung cho số thương vong. Áo vị tất có khả năng vũ trang được ngay một lúc cho trên 650 000 người.

Quân đội chia làm hai bộ phận khác hẳn nhau - quân chính quy và lính biên phòng. Thời hạn phục vụ trong quân chính quy là tám năm, sau đó binh sĩ còn ở trong ngạch dự bị hai năm nữa. Nhưng, giống như ở Pháp, họ được phép nghỉ dài hạn, nên thời gian họ thực tế ở trong quân ngũ có thể xác định là năm năm.

Quân đội biên phòng được tổ chức theo nguyên tắc khác hẳn. Đây là con cháu của những người vùng nam Xla-vơ (người Crô-a-xi hoặc Xéc-bi) người Va-la-ki và một phần là người Đức đã di cư

đến đây, họ nhận ruộng đất với điều kiện làm nghĩa vụ quân sự cho nhà vua và trước kia họ được sử dụng để bảo vệ biên giới từ Đan-ma-xi đến Tư-ran-xin-va-ni chống các cuộc tập kích của người Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay nghĩa vụ này trở thành thủ tục hình thức thuần túy, nhưng Chính phủ Áo tuyệt nhiên không có ý định hy sinh nguồn binh lực hùng hậu như thế. Chính tổ chức quân biên phòng ấy đã cứu vãn được đạo quân của Ra-đét-xki ở I-ta-li-a, vào năm 1848, còn năm 1849, thì tạo khả năng cho quân Áo, dưới quyền chỉ huy của Vin-đi-sơ-grét-xơ, xâm nhập vào Hung-ga-ri lần đầu tiên. Có được ngôi vua của mình, Phran-tơ-I-ô-xíp chính phải nhờ không những ở nước Nga, mà cả ở các trung đoàn biên phòng gồm những người Nam Xla-vơ. Ở khu biên giới mà các trung đoàn này đóng giữ, mỗi người lính canh ruộng đất của hoàng gia (mà hầu như mỗi người đều như thế cả) tuổi từ 20 đến 50 đều có nghĩa vụ tòng quân theo yêu cầu đầu tiên. Lực lượng chủ yếu của những trung đoàn ấy dĩ nhiên là thanh niên; còn những người trung niên thì chủ yếu là luân phiên làm lính gác biên phòng, cho đến khi chiến tranh xảy ra thì họ được gọi nhập ngũ. Điều đó giải thích tại sao trong 1 500 000 - 2 000 000 dân khi cần lại có thể cung cấp 150 000 - 170 000 người hay là 10 - 12% toàn bộ dân số.

Quân đội Áo, có nhiều đặc điểm giống quân đội Anh. Trong cả hai quân đội ấy đều có nhiều thành phần dân tộc khác nhau, tuy nhiên, mỗi trung đoàn thường được tổ chức chỉ có một dân tộc. Sự khác nhau giữa người Ken-tơ ở Xcôt-lên, người Van-li-xơ, người Ai-rơ-len và người Anh vị tất đã lớn hơn sự khác nhau giữa người Đức, người I-ta-li-a, người Crô-a-xi và người Ma-gi-a. Trong cả hai quân đội này đều có sĩ quan thuộc nhiều dân tộc, trong đó có một số lượng lớn người ngoại quốc, phục vụ. Ở cả hai nơi, việc huấn luyện lý thuyết cho sĩ quan đều rất kém. Trong cả hai quân đội, đội hình chiến thuật còn duy trì nhiều cái của đội hình chiến đấu theo tuyến trước kia và chỉ sử dụng đội hình hàng dọc và đội hình tản khai ở mức độ rất hạn chế. Trong cả hai quân đội ấy, quân phục đều có màu sắc khác thường: quân Anh mặc y phục màu đỏ, quân Áo, thì mang y phục màu trắng. Nhưng

về các mặt chất lượng tổ chức, kinh nghiệm thực tiễn và đào tạo sĩ quan, về tính cơ động thì quân đội Áo vượt quân Anh nhiều.

Quân phục của binh sĩ, nếu không kể chiếc áo ngoài màu trắng kỳ cục của bộ binh, thì xét về kiểu nó hoàn toàn phù hợp với hệ thống hiện đại. Áo ngoài ngắn kiểu Phổ, quần màu lam nhạt, áo khoác màu xám, mũ kê-pi nhẹ giống của Pháp, hình thành một kiểu quần áo rất tốt, phù hợp với điều kiện hoạt động quân sự; chỉ có quần hẹp của các trung đoàn Hung-ga-ri và Crô-a-xi, tạo thành một phân y phục dân tộc của họ, là rất không tiện lợi. Trang bị của cá nhân binh sĩ không hợp yêu cầu, vẫn còn giữ dây da vắt chéo. Lính biên phòng và pháo thủ mặc áo ngoài màu hung, còn kỵ binh mặc áo ngoài màu trắng, nâu hoặc xanh da trời. Súng ống khá nặng nề, còn súng trường trang bị cho các xạ thủ cưỡi ngựa và cho đại bộ phận binh sĩ các đại đội, là kiểu khá cũ và chất lượng thấp hơn súng trường Mi-ni-ê. Thông thường vũ khí là súng có cò bằng đá lửa kiểu cũ, được sửa lại thành súng nòng ngắn rất không hoàn thiện, kiểu súng này bắn thường bị tịt.

Bộ binh - về mặt này họ cũng giống bộ binh Anh - chủ yếu tỏ ra xuất sắc về mặt tác chiến trong đội hình dày đặc hơn là về mặt cơ động khi chấp hành nhiệm vụ bộ binh nhẹ. Nhưng chúng ta phải xem lính biên phòng và các xạ thủ cưỡi ngựa là một ngoại lệ. Lính biên phòng - dù sao thì cũng là đa số trong số họ - rất điêu luyện trong xạ kích, nhất là người Xéc-bi mà phương pháp tác chiến quen thuộc là phục kích. Lạp binh - hầu hết là người Ti-rôn - là những xạ thủ xuất sắc. Bộ binh người Đức và người Hung-ga-ri thường nổi tiếng về tính kiên cường của họ, trong thời kỳ các cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông loại bộ binh này đã nhiều lần tỏ ra không thua bộ binh Anh về mặt này. Nó cũng đã nhiều lần đón đánh kỵ binh với đội hình hàng ngang, cho rằng không cần chuyển thành đội hình vuông; trong những trường hợp nó đã chuyển sang đội hình vuông thì kỵ binh địch rất ít khi đánh bật được nó; trận A-xpéc-nơ là một bằng chứng.

Kỵ binh rất tuyệt vời. Kỵ binh nặng hay là kỵ binh "Đức" gồm người Đức và người Séc, có những con ngựa tốt, vũ khí rất tốt

và hành động bao giờ cũng thành công. Kỵ binh nhẹ có lẽ bị thua vì biên chế cả chevau-le'gers Đức lẫn thương kỵ Ba Lan; nhưng phiêu kỵ Hung-ga-ri bao giờ cũng là mẫu mực của kỵ binh nhẹ.

Pháo binh, mà binh sĩ của binh chủng này được tuyển mộ chủ yếu ở các tỉnh của người Đức, luôn luôn ở một trình độ cao, không phải chủ yếu vì đã được cải cách kịp thời và thận trọng, mà chủ yếu nhờ khâu huấn luyện thực tế cho toàn thể binh sĩ của nó. Các hạ sĩ quan đều qua huấn luyện đặc biệt nghiêm chỉnh, nên vượt các hạ sĩ quan của bất cứ quân đội nào. Còn về sĩ quan thì việc huấn luyện lý thuyết thường được tiến hành theo sự tự nguyện của họ, tuy nhiên, Áo đã đào tạo được một loạt tác giả xuất sắc trong lĩnh vực này. Ở Áo, thông thường tất cả các sĩ quan, ít ra là sĩ quan sơ cấp, đều tham gia học tập, trong khi ở Anh người ta cho rằng sĩ quan mà học tập nghiệp vụ của mình là làm nhục đơn vị mình. Các ngành chuyên môn, bộ tham mưu và công binh đều xuất sắc, bằng chứng là những bản đồ tuyệt vời vẽ trên cơ sở các tư liệu đo đạc địa hình, nhất là bản đồ Lôm-bắc-đi. Bản đồ của cơ quan chỉ huy binh chủng pháo binh Anh, tuy không tồi, nhưng không thể so sánh với bản đồ nói trên.

Việc có nhiều thành phần dân tộc trong quân đội là một điều tai hại nghiêm trọng. Trong quân đội Anh ít ra tất cả mọi người đều nói tiếng Anh, trong khi ở Áo, ngay cả hạ sĩ quan thuộc các đơn vị không phải gồm người Đức, vị tất đã có thể nói được tiếng Đức. Điều đó dĩ nhiên gây ra nhiều rắc rối, nhiều khó khăn và ngay trong cuộc nói chuyện giữa sĩ quan và binh sĩ cũng cần có phiên dịch. Điều không may đó giảm đi một phần vì khu vực đóng quân thường thay đổi, nên các sĩ quan buộc phải học, ở chừng mực nào đó, tất cả những thứ tiếng mà người ta dùng ở Áo. Song điều bất tiện ấy vẫn không được loại trừ.

Việc giữ nghiêm kỷ luật trong binh sĩ bằng cách thường xuyên phải đánh bằng roi cảnh dè và thời hạn phục vụ dài cản trở việc này sinh các xung đột nghiêm trọng giữa các dân tộc khác nhau, ít ra là trong thời bình. Nhưng năm 1848 đã chứng tỏ nội bộ quân đội ấy kém ổn định đến mức nào. Ở Viên, binh lính người Đức

cự tuyệt đàn áp cách mạng. Ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri, các binh lính dân tộc đã chạy sang phía quân khởi nghĩa, hầu như không chống cự gì. Đây chính là chỗ yếu của quân đội Áo. Không ai có thể nói được rằng nó sẽ duy trì được sự thống nhất của nó đến mức nào hoặc bao lâu, và vào giờ phút nào đó sẽ có bao nhiêu trung đoàn rời bỏ nó để bắt đầu cuộc chiến đấu chống lại các đồng đội cũ của mình. Trong quân đội ấy có sáu dân tộc khác nhau và hai-ba tôn giáo; thay vì sự hiểu biết lẫn nhau vốn có tác dụng đoàn kết được quân đội ấy là sự xung đột không tránh khỏi sẽ xảy ra vào một thời điểm như hiện nay khi mà tất cả các dân tộc đều thiết tha mong muốn tự do sử dụng các lực lượng của mình. Phải chăng có thể trông đợi rằng, khi xảy ra chiến tranh với Nga, người Xéc-bi theo đạo chính thống, chịu ảnh hưởng của sự tuyên truyền về chủ nghĩa đại Xla-vơ, sẽ chiến đấu chống lại người Nga, những người anh em cùng huyết thống và cùng tôn giáo với họ? Phải chăng có thể xảy ra tình hình là khi chiến tranh cách mạng nổ ra, người I-ta-li-a và người Hung-ga-ri sẽ từ bỏ lợi ích của tổ quốc mình để chiến đấu cho một vị hoàng đế khác với họ về ngôn ngữ và dân tộc? Vị tất có thể trông chờ điều đó. Vì vậy dù quân đội Áo có mạnh như thế nào, cần có những điều kiện hoàn toàn đặc biệt thì nó mới có thể điều động được toàn bộ lực lượng của mình.

BÀI THỨ HAI

I. QUÂN ĐỘI PHỔ

Quân đội Phổ đáng được đặc biệt chú ý vì tổ chức độc đáo của nó. Trong khi trong bất cứ quân đội nào khác, cơ sở của toàn bộ tổ chức quân sự là quân đội biên chế theo thời bình và tại đây không tiến hành huấn luyện gì cho đội ngũ cán bộ của các đơn vị quân đội mới cần được hình thành ngay khi nổ ra cuộc chiến tranh lớn, thì ở Phổ, như người ta khẳng định với chúng ta, mọi thứ đã được chuẩn bị từng li từng tí cho việc chuyển sang biên chế thời chiến. Thế là quân đội biên chế thời bình giống một trường học, trong đó cư dân được huấn luyện sử dụng vũ khí và diễn tập. Người ta cho rằng chế độ ấy quy định rằng thời chiến sẽ đưa vào quân đội toàn thể nam giới thích dụng với nghĩa vụ quân sự, do đó tưởng chừng nước nào thực hiện chế độ này thì được bảo đảm an toàn chống lại bất cứ cuộc tập kích nào, song, tình hình còn xa mới như thế. Với chế độ này chỉ có thể làm cho quốc gia có được một binh lực hầu như nhiều hơn 50% so với chế độ tuyển lính của Pháp hoặc Áo; nhờ vậy mà một nước nông nghiệp, với chừng 17 triệu nhân khẩu, với một lãnh thổ không rộng, không có hải quân và không tiến hành mậu dịch trực tiếp trên biển, một nước như thế với nền công nghiệp kém phát triển mới có thể, trên mức độ nào đó, giữ địa vị cường quốc châu Âu.

Quân đội Phổ chia thành hai bộ phận lớn: quân thường trực, gồm những binh sĩ còn đang huấn luyện, và lan-đơ-ve - gồm những

binh sĩ đã được huấn luyện mà người ta có thể nói rằng họ được nghỉ vô thời hạn.

Thời gian phục vụ trong quân thường trực kéo dài năm năm; đàn ông tuổi từ 20 đến 25 đều có nghĩa vụ phục vụ, nhưng thời hạn ba năm hiện dịch được xem là đủ, sau đó binh sĩ được cho về nhà, và trong hai năm còn lại được biên chế vào cái gọi là quân dự bị. Trong thời gian ấy, người lính vẫn tiếp tục nằm trong danh sách lính dự bị của tiểu đoàn bộ binh hoặc đại đội kỵ binh của mình và có thể được gọi trở lại đơn vị bất cứ lúc nào.

Sau hai năm ở quân dự bị, binh sĩ chuyển sang lan-đơ-ve loại một (erstes Aufgebot des Landwehrs), trong đó anh ta được ghi vào biên chế cho đến 32 tuổi. Trong thời kỳ này, cứ hai năm một lần anh ta được gọi tham gia cuộc diễn tập của lan-đơ-ve thường được tiến hành khá quy mô và diễn ra cùng một lúc với cuộc diễn tập của quân thường trực. Cuộc diễn tập thường kéo dài một tháng, và nhằm mục đích đó, người ta thường tập trung từ 50 000 đến 60 000 người. Lan-đơ-ve loại một được dùng vào hoạt động dã chiến cùng với quân thường trực. Nó cũng được biên chế thành trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh hoặc đại đội kỵ binh như quân thường trực với cùng phiên hiệu trung đoàn. Nhưng pháo binh vẫn đưa vào các trung đoàn tương ứng của quân thường trực.

Binh sĩ tuổi từ 32 đến 39 thì được biên chế trong lan-đơ-ve loại hai (zweites Aufgebot); trong thời kỳ này, anh ta không còn thuộc ngạch thường trực nữa, miễn là không nổ ra chiến tranh; trường hợp nổ ra chiến tranh thì lan-đơ-ve loại hai phải làm nhiệm vụ canh giữ cứ điểm, do đó tạo khả năng sử dụng toàn bộ quân thường trực và đưa lan-đơ-ve loại một vào hoạt động dã chiến.

Ở lứa tuổi bốn mươi binh sĩ không phải gọi nhập ngũ nữa trừ trường hợp cái tổ chức hữu danh vô thực gọi là lan-stuốc (*quân dự bị hạng ba*) được gọi nhập ngũ hoặc trong trường hợp tuyên bố *en masse*^{1*}. Lan-stuốc bao gồm toàn bộ nam giới tuổi từ 16 đến 60 không ở trong ngạch thường trực và không được biên

chế vào hai loại lan-đơ-ve, cùng tất cả những người được miễn nghĩa vụ quân sự do vóc người thấp, sức khỏe yếu hoặc vì bất cứ nguyên nhân nào khác. Nhưng về loại quân lan-stuốc ấy, thậm chí không thể nói rằng họ tồn tại trên giấy tờ, vì người ta chưa hề nghĩ đến tổ chức của nó, chưa quy định vũ khí và trang bị cho nó; nếu như đến ngày nào đó người ta triệu tập được nó, thì ngoài việc làm nhiệm vụ canh sát trong nước và tiêu dùng một số lượng lớn rượu, họ sẽ chẳng làm được gì hết.

Vì ở Phổ, theo luật pháp, tất cả các công dân tuổi từ 20 đến 40 đều phải đi lính, nên tưởng chừng với một số dân là 17 triệu người có thể tổ chức một quân đội mà quân số ít ra đông đến 1,5 triệu người. Nhưng trên thực tế không tuyển mộ nổi một nửa số ấy. Thật vậy, muốn huấn luyện một khối lượng người như thế trong ba năm phục vụ ở trung đoàn thì phải tính quân số thời bình đạt ít ra 300 000 người, trong khi trên thực tế ở Phổ chỉ có 130 000 người. Người ta đã dùng nhiều biện pháp khác nhau để miễn nghĩa vụ quân sự cho một số lượng nhất định những người thuộc diện nhập ngũ - những người này hoàn toàn thích hợp với nghĩa vụ quân sự - họ được gọi là quá yếu, ủy ban kiểm tra sức khỏe hoặc chỉ lựa chọn những người khỏe nhất trong số có giấy gọi khám tuyển hoặc để cho người ta dứt lốt khi chọn người được coi là thích hợp với nghĩa vụ quân sự v.v.. Sự giảm bớt quân số thời bình trước đây xuống 100 000 hoặc 110 000 đã đạt được bằng cách rút thời hạn phục vụ trong ngành thường trực xuống hai năm đối với bộ binh; nhưng sau cách mạng, khi chính phủ nhận thức rõ ràng một năm phục vụ bổ sung sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với việc làm cho binh sĩ phục tùng sĩ quan của mình và họ trở nên đáng tin cậy khi nổ ra cách mạng thì thời hạn phục vụ ba năm lại được phục hồi.

Quân thường trực, hay là bộ phận nòng cốt, gồm có chín quân đoàn - một quân đoàn vệ binh và tám quân đoàn nòng cốt. Bây giờ chúng ta chuyển sang nghiên cứu đặc điểm tổ chức của nó. Thành phần của nó gồm 36 trung đoàn bộ binh (vệ binh và các đơn vị nòng cốt) mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn, tám trung đoàn dự bị,

^{1*} - tổng động viên

mỗi trung đoàn có hai tiểu đoàn; tám tiểu đoàn hậu bị hỗn hợp và mười tiểu đoàn lập binh (Jäger); tất cả 142 tiểu đoàn bộ binh hay là 150 000 người.

Kỵ binh gồm có 10 trung đoàn giáp kỵ, 5 trung đoàn long kỵ, 10 trung đoàn thương kỵ và 13 trung đoàn phiêu kỵ, mỗi trung đoàn có 4 đại đội hay là 800 người, tổng cộng có 30 000 người.

Pháo binh gồm có chín trung đoàn; theo biên chế thời chiến, mỗi trung đoàn có tám khẩu đội bộ pháo gồm bốn khẩu đội pháo 6 pao, ba khẩu đội pháo 12 pao và một khẩu đội lựu pháo cùng với ba khẩu đội kỵ pháo cộng thêm một khẩu đội hậu bị có thể biến thành khẩu đội pháo thứ 12; ngoài ra còn có bốn khẩu đội pháo cứ điểm và một đại đội công nhân. Nhưng để điều khiển số pháo ấy và bổ sung cho các đại đội, cần đến toàn bộ quân dự bị và quân lan-đơ-ve loại một (pháo thủ), nên có thể thấy rằng pháo binh thường trực gồm chín trung đoàn, mỗi trung đoàn có khoảng 2 500 người và khoảng 30 khẩu pháo, tất cả đều được bảo đảm đầy đủ lừa ngựa và trang bị.

Như vậy tổng quân số của quân thường trực Phổ lên khoảng 200 000 người; nhưng trong số đó hoàn toàn có căn cứ để trừ đi 60 000 hoặc 70 000 người thuộc quân dự bị, đã về nghỉ sau ba năm phục vụ.

Lan-đơ-ve loại một được thành lập theo cách tính sau đây: cứ mỗi trung đoàn vệ binh hoặc trung đoàn nòng cốt thì có một trung đoàn lan-đơ-ve, không kể tám trung đoàn dự bị; ngoài ra nó còn có tám tiểu đoàn hậu bị, tổng cộng có 116 tiểu đoàn hay là khoảng 100 000 người. Kỵ binh gồm có 2 trung đoàn vệ binh và 32 trung đoàn nòng cốt và 8 đại đội hậu bị tổng cộng có 136 đại đội hay là khoảng 20 000 người. Pháo binh, như trên đã nói, thuộc các trung đoàn nòng cốt.

Lan-đơ-ve loại hai cũng có 116 tiểu đoàn bộ binh, 167 đại đội kỵ binh (bao gồm cả những đại đội kỵ binh dự bị và huấn luyện mà nhiệm vụ của chúng giống như của lan-đơ-ve loại hai) và một số cứ điểm pháo binh, tổng cộng có khoảng 150 000 người.

Cùng với chín tiểu đoàn công binh, các loại binh sĩ hỗ trợ, khoảng 30 000 quân nhân hồi hưu hưởng trợ cấp và lính vận tải mà tính theo biên chế thời chiến thì ít ra đông đến 45 000 người, tổng quân số quân đội Phổ lên tới khoảng 580 000 người. Trong số này có 300 000 người làm nhiệm vụ dã chiến, 54 000 người huấn luyện trong các đơn vị quân hậu bị, 170 000 người làm nhiệm vụ đóng giữ hoặc đội dự bị và khoảng 60 000 người làm nhiệm vụ phi chiến đấu, số lượng pháo dã chiến của toàn quân đội được xác định bằng con số 800 - 850; con số ấy phân chia thành các khẩu đội pháo, mỗi khẩu đội có tám khẩu (sáu pháo nòng dài và hai lựu pháo).

Tất cả những lực lượng này đều được bảo đảm không những về số lượng cán bộ đã qua huấn luyện thích hợp, mà cả về vũ khí và trang bị; cho nên trong trường hợp *động viên* quân đội thì chỉ còn làm một việc là kiểm lừa ngựa nữa thôi; nhưng vì Phổ giàu về ngựa, mà súc vật, cũng như người, đều xếp vào diện bị trưng dụng khẩn cấp, nên điều đó không gây ra khó khăn lớn. Đây là tình hình được phán đoán theo quy định, còn tình hình thực tế xảy ra như thế nào thì điều đó đã được chứng minh qua cuộc động viên quân đội tiến hành năm 1850. Lan-đơ-ve loại một nhận được vũ khí và trang bị, tuy nhiên không phải là không có khó khăn lớn, nhưng đối với lan-đơ-ve loại hai thì chưa chuẩn bị gì cả, không có quần áo, không có giày, không có vũ khí, và nó đã biểu hiện một cảnh tượng thật hết sức buồn cười. Các chuyên gia phục vụ trong quân đội Phổ đã nói trước đó từ lâu, rằng sự việc tất sẽ xảy ra như thế, rằng khi cần thì trên thực tế, Phổ chỉ có thể trông vào số quân thường trực và vào một bộ phận lan-đơ-ve loại một. Những sự kiện tiếp sau đó đã hoàn toàn xác nhận những dự đoán ấy. Không nghi ngờ gì nữa, vũ khí và trang bị cho lan-đơ-ve loại hai từ bấy đến nay đã sẵn sàng; nếu loại lan-đơ-ve này được gọi hiện nay thì sau một tháng hoặc tháng rưỡi nó sẽ trở thành các đơn vị hoàn toàn đáng hài lòng để làm nhiệm vụ canh gác, thậm chí làm nhiệm vụ dã chiến. Nhưng cần biết rằng vào thời chiến ba tháng huấn luyện được xem là hoàn toàn đủ để

huấn luyện tân binh cho nhiệm vụ dã chiến, và như vậy là hệ thống công kênh mà Phổ áp dụng hoàn toàn không bảo đảm được những tính ưu việt lớn lao mà người ta gán cho nó. Ngoài ra, vật tư dành cho lan-đơ-ve loại hai, qua vài năm, sẽ biến mất, giống như trước kia nó đã được chuẩn bị, nhưng không còn nữa khi cần tới vào năm 1850.

Tuy quy định nguyên tắc mỗi công dân đều phải là một người lính, song Phổ đã thực hiện nửa vời, làm tổn hại đến nguyên tắc ấy và, do đó, làm tổn hại đến toàn bộ tổ chức quân sự. Vì chế độ tuyển mộ đã bị xóa bỏ và thay thế bằng chế độ nghĩa vụ quân sự phổ biến, nên quân thường trực, với tính cách của nó, cũng phải bị xóa bỏ và chỉ duy trì số cán bộ khung là các sĩ quan và hạ sĩ quan; họ sợ huấn luyện thanh niên mà thời hạn cho việc huấn luyện đó không được vượt quá số thời gian cần thiết cho mục đích ấy. Nếu sự việc diễn ra như thế thì thời hạn phục vụ trong thời bình sẽ rút ngắn xuống còn một năm, ít ra là đối với toàn thể bộ binh. Nhưng điều đó không hợp ý của chính phủ, cũng như của các nhà quân sự thông thái rôm thuộc phái thủ cựu. Chính phủ muốn có một quân đội ngoan ngoãn, và đáng tin cậy mà khi cần có thể sử dụng để đàn áp các cuộc nổi dậy ở trong nước; các nhà quân sự thông thái rôm thì muốn có một quân đội mà về mặt luyện tập, về hình thức bên ngoài và về tính kiên cường đều có thể cạnh tranh với các quân đội khác ở châu Âu gồm những binh sĩ cao tuổi hơn. Các binh sĩ trẻ phục vụ không quá một năm thì không đáp ứng được bất cứ yêu cầu nào trên đây. Do đó, đã quy định mức trung bình là ba năm phục vụ và từ đó nảy sinh ra tất cả những khuyết điểm và nhược điểm của quân đội Phổ.

Nhưng chúng tôi đã nói, ít ra là một nửa số người có khả năng làm nghĩa vụ quân sự đã không được tham gia quân đội. Họ được ghi ngay vào danh sách lan-đơ-ve loại hai mà trên danh nghĩa thì tăng lên đến quy mô đồ sộ, nhưng trên thực tế thì mất hết mọi sức chiến đấu vì nó đầy rẫy những người chưa bao giờ cầm súng trong tay và không hơn gì những tân binh chưa qua huấn luyện. Sự giảm bớt ít ra là một nửa lực lượng quân sự thực tế

của đất nước, đây là hậu quả tiêu cực đầu tiên của việc kéo dài thời hạn làm nghĩa vụ quân sự.

Nhưng bản thân quân thường trực và lan-đơ-ve loại một cũng bị thiệt hại vì chế độ ấy. Trong mỗi trung đoàn có một phần ba binh sĩ phục vụ chưa đầy ba năm, một phần ba chưa đầy hai năm số còn lại chưa đầy một năm. Không thể hy vọng rằng một quân đội được cấu tạo bằng cách đó có được những phẩm chất quân sự như tính kỷ luật hết sức nghiêm ngặt, tính ổn định của đội ngũ tác chiến, esprit de corps^{1*}, - là những đặc điểm của những cựu binh trong quân đội Anh, Áo, Nga, thậm chí quân đội Pháp. Người Anh là những quan tòa phán xử có uy tín về mặt này - vì binh sĩ của họ phục vụ một thời gian dài - thì cho rằng cần phục vụ tròn ba năm mới có thể huấn luyện tân binh đầy đủ^{2*}. Vì thời bình quân đội Phổ gồm những binh sĩ trong đó không một ai đã phục vụ tròn ba năm, nên điều hoàn toàn tự nhiên là những phẩm chất chiến đấu của cựu binh, hoặc ít ra là cái gì giống thế, bị nhòe nhét cho tân binh trẻ Phổ bằng phương pháp khô luyện không thể chịu nổi. Các hạ sĩ quan và sĩ quan sơ cấp, do không hoàn thành được nhiệm vụ mà họ đảm đương, đã đối xử với cấp dưới của mình bằng sự thô bạo và tàn nhẫn đáng ghét gấp đôi do kèm theo sự thông thái rôm; sự thông thái rôm này càng lộ bịch do chỗ nó hoàn toàn mâu thuẫn với chế độ huấn luyện giản đơn và hợp lý được quy định ở Phổ và thường xuyên được viện đến truyền thống của Phri-đrich Đại đế là người đã huấn luyện binh sĩ có tư chất khác hẳn, trong điều kiện sử dụng một chiến thuật khác hẳn. Như thế là sức chiến đấu chân chính của quân đội đã bị hy sinh cho sự luyện tập kiểu điều binh và nhìn chung, quân thường trực của Phổ ở vào trình độ thấp hơn những tiểu đoàn bộ binh và đại đội kỵ binh cũ mà bất cứ cường quốc nào ở châu Âu cũng có thể sử dụng để chống lại họ khi chiến tranh bắt đầu.

Tình hình quân đội Phổ là như vậy, mặc dù nó có nhiều ưu điểm

^{1*} - tinh thần đồng đội, tinh thần cố kết

^{2*} Xem U.Nây-pia. *Cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-co*.

mà các quân đội khác không có. Người Phổ, cũng như người Đức nói chung, là chất liệu rất tốt để đào luyện ra binh sĩ. Đất nước có đồng bằng bao la kết hợp với vùng núi rộng lớn có thể cung cấp thừa thãi sức người cho bất cứ binh chủng nào. Ngoài ra, phần lớn người Đức có thể chất thích hợp với việc phục vụ trong bộ binh nhẹ cũng như trong bộ binh nòng cốt mà vị tất các đặc tính của một dân tộc nào khác có thể sánh kịp. Đất nước giàu về ngựa và có thể cung cấp một số lượng lớn kỵ binh đã quen cưỡi ngựa từ thuở nhỏ. Tính điềm tĩnh và tính tự chủ của người Đức làm cho họ đặc biệt thích hợp với pháo binh. Thêm nữa, là một trong những dân tộc hiếu chiến nhất trên thế giới, người Đức tìm thấy sự thích thú trong chiến tranh, cho nên nhiều khi xảy ra tình hình sau đây: khi trước cửa nhà mình không có chiến tranh, họ rất hay đi tìm nó ở nước ngoài. Kể từ *linh đánh thuê Đức* thời Trung cổ cho đến các quân đoàn lê dương hiện nay của Pháp và Anh, người Đức bao giờ cũng cung cấp một khối lượng lớn những lính đánh thuê đi đánh nhau để mà đánh nhau. Nếu như người Pháp vượt người Đức về tốc độ nhanh chóng và tính tích cực trong tấn công, nếu người Anh ở trình độ cao hơn họ về tính ngoan cường trong đề kháng, thì, không nghi ngờ gì nữa, người Đức vượt tất cả các dân tộc khác ở châu Âu về sự thích hợp của họ đối với binh nghiệp nói chung, khiến họ trở thành những binh sĩ ưu tú trong bất kể tình hình nào.

Sĩ quan Phổ là lớp người có học thức nhất trong tầng lớp của họ trên thế giới. Trong các kỳ thi về các môn kiến thức phổ thông mà họ phải trải qua, người ta đưa ra cho họ những yêu cầu cao hơn rất nhiều so với bất cứ quân đội nào khác. Trong các lữ đoàn và sư đoàn có các trường để nâng cao tri thức lý luận của sĩ quan; còn trình độ quân sự chuyên môn sâu sắc hơn thì các sĩ quan nhận được ở rất nhiều trường quân sự. Tác phẩm quân sự của Phổ ở vào trình độ rất cao; những tác phẩm viết trong 25 năm qua chứng minh đầy đủ rằng các tác giả của chúng không những am hiểu xuất sắc nghiệp vụ của mình, mà còn có thể đưa tài với các sĩ quan của bất cứ quân đội nào về tầm rộng của các

tri thức khoa học của họ. Tuy nhiên, trong một số tác phẩm cá biệt có không ít luận điểm siêu hình hời hợt, nhưng điều đó không có gì là lạ, vì ở Béc-lin, Brê-xláp hoặc Khuê-ních-xbéc, các bạn có thể thấy sĩ quan lên lớp nghe giảng ở trường đại học cùng với các sinh viên. Clau-dơ-vít-xơ cũng như Giô-mi-ni đã được toàn thế giới công nhận là những nhân vật có uy tín trong lĩnh vực của mình, còn tác phẩm của công trình sư A-xơ đã mở một kỷ nguyên mới trong môn xây dựng công sự. Tuy nhiên, các danh hiệu “trung úy Phổ” đã trở thành danh từ chung ở khắp nước Đức; *esprit de corps* được nâng lên đến hình thức châm biếm, thói thông thái rởm và cái giọng ngang bướng mà anh ta tiếp thu được trong giao thiệp với nhau trong bầu không khí chung bao trùm trong quân đội, đã hoàn toàn giải thích sự việc trên. Đồng thời, không nơi nào có một số lượng lớn các nhà thông thái rởm thủ cựu ngoan cố trong hàng ngũ các sĩ quan cao cấp và tướng lĩnh như ở Phổ; mà phần lớn trong số họ là di tích của những năm 1813 và 1815. Sau khi nêu lên tất cả những điều đó, cần thừa nhận rằng ý đồ phi lý định biến quân thường trực Phổ thành cái mà nó không bao giờ có thể trở thành - thành quân đội gồm cựu binh - đã hạ thấp chất lượng của sĩ quan không phải với mức độ nhỏ hơn mà có lẽ với mức độ lớn hơn so với mức độ hạ thấp chất lượng của binh sĩ.

Điều lệnh chiến đấu của quân đội Phổ, không nghi ngờ gì nữa, là ưu tú nhất trên thế giới. Giản đơn, nhất quán, dựa trên một số ý nguyên tắc hợp lý, nó hầu như không làm cho người ta hy vọng cái gì tốt hơn. Điều lệnh ấy là kết tinh của thiên tài Sác-nơ-hoóc-xơ, người mà từ thời Mô-rít-xơ Na-xau có lẽ đã trở thành nhà tổ chức quân sự lỗi lạc nhất. Quy tắc chỉ huy các đơn vị lớn cũng rất tốt. Nhưng những cuốn chỉ nam về pháo binh, được chính thức giới thiệu cho các sĩ quan đọc lại đã cũ và hoàn toàn không phù hợp với yêu cầu của thời đại ngày nay; nhưng lời phê phán này chỉ nhằm vào những tác phẩm mang ít nhiều tính chất chính thức, chứ không liên quan đến các tác phẩm về pháo binh của Phổ nói chung.

Công binh có, và điều đó là hoàn toàn xứng đáng, tiếng tăm

rất tốt. Trong hàng ngũ họ đã xuất hiện A-xtơ, công trình sư quân sự ưu tú nhất từ thời Mông-ta-lăm-be. Các công trình sư quân sự Phổ đã xây dựng một loạt cứ điểm, kể từ Khuê-ních-xbéc và Pô-dơ-nan cho đến Khuên và Cô-blen-tơ, được toàn châu Âu ca ngợi.

Trang bị của quân đội Phổ sau cuộc cải cách tiến hành năm 1843 và 1844 không đẹp lắm, nhưng hoàn toàn thuận tiện cho chiến sĩ. Mũ sắt che nắng và che mưa rất tốt, kiểu quần áo rộng rãi và tiện lợi; toàn bộ trang bị tỏ ra phù hợp thậm chí hơn cả của quân Pháp. Vệ binh và các tiểu đoàn bộ binh nhẹ (mỗi trung đoàn có một tiểu đoàn như thế) được trang bị bằng súng trường nòng có rãnh và bắn bằng kim hỏa, số quân thường trực khác có súng trường thường, nhờ động tác cải tiến rất đơn giản mà biến thành ra súng trường Mi-ni-ê tốt; nói về lan-đơ-ve thì qua vài ba năm nữa họ cũng sẽ nhận được súng trường Mi-ni-ê, còn hiện nay họ được trang bị bằng súng nòng ngắn. Gươm của kỵ binh quá to bản và quá cong, nên đâm chém kém hiệu quả. Vũ khí trang bị của pháo binh - pháo, xe và bộ đồ ngựa - còn cần cải tiến về nhiều mặt.

Nhìn chung, quân đội Phổ, tức quân thường trực và quân lan-đơ-ve loại một, là một lực lượng mạnh, nhưng hoàn toàn không phải như các nhà văn Phổ yêu nước mô tả một cách khoa trương. Quân thường trực tung ra chiến trường, sẽ nhanh chóng cởi bỏ được sự ràng buộc của lối luyện binh kiểu thao trường và sau mấy trận đánh sẽ biết cách đọ sức với địch quân. Lan-đơ-ve loại một thì một khi động viên được ở họ tinh thần cự binh và nếu như chiến tranh được lòng người, thì họ không thua kém các quân đội cũ ưu tú nhất ở châu Âu. Cái mà nước Phổ lo sợ, đó là kẻ thù tích cực trong thời kỳ đầu của chiến tranh, khi mà người ta tung ra những binh sĩ có tổ chức hơn và được thử thách hơn để chống lại nó; nhưng nếu chiến tranh kéo dài, Phổ sẽ có trong quân đội mình một số lượng cự binh lớn hơn bất cứ nước nào khác ở châu Âu. Khi chiến tranh bắt đầu, quân thường trực là hạt nhân chủ yếu của quân đội, nhưng lan-đơ-ve loại một sẽ nhanh chóng đẩy nó xuống hàng thứ yếu, và binh sĩ của lan-đơ-ve loại một có thể lực tốt hơn và chất lượng chiến đấu cao hơn. Đây là những cự binh đích thực của Phổ chứ không phải bọn trẻ chưa

có râu trong đội ngũ của quân thường trực. Về lan-đơ-ve loại hai, chúng tôi không bàn đến, nó còn phải chứng minh xem nó có thể làm được những gì.

II. QUÂN ĐỘI NGA

Ở Nga cũng thi hành một số biện pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ khung cho thời chiến dựa vào chế độ lính dự bị mà trên một số mặt nào đó chế độ này giống với chế độ lan-đơ-ve của Phổ. Nhưng nhìn chung, quân dự bị của Nga bao gồm một số người rất hạn chế và rất khó tập hợp, họ từ các nơi khác nhau của đế quốc rộng lớn, nên ngay nửa năm sau khi Anh và Pháp tuyên chiến và trước khi nổ phát súng đầu tiên ở Crum người ta đã cảm thấy cần chấm dứt chế độ ấy và bắt tay tổ chức những đơn vị mới và theo sau chúng là những đơn vị mới tiếp theo. Vì vậy ở Nga, cần phân biệt thành phần quân đội khi bắt đầu chiến tranh và quân đội trong biên chế hiện nay của nó.

Quân đội Nga thời bình chia ra như sau: 1) quân thường trực có các quân đoàn nòng cốt (số 1 đến số 6); 2) quân dự bị - một quân đoàn vệ binh, một quân đoàn tinh binh, hai quân đoàn kỵ binh dự bị; 3) các quân đoàn đặc biệt - quân đoàn Cáp-ca-dơ, Phần Lan, Ô-ren-buốc và Xi-bi-oai; 4) các đơn vị quân phục vụ nội bộ - cự binh, vệ binh nội bộ, phệ binh v.v.; 5) quân phi chính quy. Các binh sĩ hậu bị, gồm binh sĩ về nghỉ vô thời hạn, cũng có thể tính vào đây.

Trong biên chế của mỗi quân đoàn trong sáu quân đoàn nòng cốt có: ba sư đoàn bộ binh, mỗi sư đoàn có một lữ đoàn nòng cốt và một lữ đoàn bộ binh nhẹ, mỗi lữ đoàn có hai trung đoàn, mỗi trung đoàn gồm bốn tiểu đoàn nòng cốt; tất cả có sáu lữ đoàn hay là 12 trung đoàn gồm 48 tiểu đoàn với một tiểu đoàn xạ thủ và một tiểu đoàn công binh; tổng cộng có 50 tiểu đoàn. Cũng tính vào đây một sư đoàn kỵ binh nhẹ gồm một lữ đoàn thương kỵ và một lữ đoàn phiêu kỵ, mỗi lữ đoàn gồm hai trung đoàn, hay là 16 đại đội; tổng cộng có 32 đại đội. Pháo binh có một sư đoàn gồm ba lữ đoàn bộ pháo và một lữ đoàn kỵ pháo; tổng cộng có 14 khẩu đội pháo hay là 112 khẩu pháo; tổng cộng mỗi quân đoàn có 50 tiểu đoàn,

32 đại đội kỵ binh, 112 khẩu pháo; tổng cộng tất cả các quân đoàn: 300 tiểu đoàn, 192 đại đội kỵ binh, 672 khẩu pháo.

Vệ binh có ba sư đoàn hay là sáu lữ đoàn, bao gồm 12 trung đoàn (chín trung đoàn tinh binh và ba trung đoàn Ca-ra-bin, hoặc bộ binh nhẹ); tất cả 36 tiểu đoàn, vì mỗi trung đoàn vệ binh và tinh binh chỉ có ba tiểu đoàn nòng cốt. Còn phải tính vào đây một tiểu đoàn xạ thủ và một tiểu đoàn công binh và lính đánh mìn, ba sư đoàn kỵ binh (giáp kỵ, thương kỵ và phiêu kỵ) gồm sáu lữ đoàn hay là 12 trung đoàn, tổng cộng là 72 đại đội kỵ binh. Còn có một sư đoàn pháo binh gồm năm lữ đoàn và 15 khẩu đội pháo (chín khẩu đội bộ pháo, năm khẩu đội kỵ pháo và một khẩu đội hỏa tiễn); cả thảy là 135 khẩu pháo. Quân đoàn tinh binh gồm ba sư đoàn hay là sáu lữ đoàn, bao gồm 12 trung đoàn hay là 36 tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn xạ thủ và một tiểu đoàn công binh và lính đánh mìn. Quân đoàn này cũng có một sư đoàn pháo binh, gồm hai lữ đoàn (một lữ đoàn thương kỵ và một lữ đoàn phiêu kỵ), tổng cộng là bốn trung đoàn hay là 32 đại đội kỵ binh. Pháo binh gồm có ba lữ đoàn bộ pháo và một lữ đoàn kỵ pháo với 14 khẩu đội pháo, tổng cộng là 112 khẩu pháo.

Kỵ binh dự bị được tổ chức như sau: quân đoàn 1 : ba sư đoàn (hai sư đoàn giáp kỵ và một sư đoàn thương kỵ) gồm sáu lữ đoàn hay là 12 trung đoàn; tổng cộng là 80 đại đội (48 đại đội giáp kỵ và 32 đại đội thương kỵ). Cũng có một sư đoàn kỵ pháo gồm ba lữ đoàn với 6 khẩu đội pháo; tất cả có 48 khẩu pháo. Quân đoàn 2: ba sư đoàn (một sư đoàn thương kỵ và hai sư đoàn long kỵ) hay là sáu lữ đoàn gồm 12 trung đoàn hay là 112 đại đội (32 đại đội thương kỵ và 80 đại đội long kỵ). Cũng có hai đại đội kỵ binh tiền tiêu và sáu khẩu đội kỵ pháo với 48 khẩu pháo.

Quân đoàn Cáp-ca-dơ bao gồm một lữ đoàn tinh binh dự bị với hai trung đoàn hay là sáu tiểu đoàn, ba sư đoàn bộ binh với 12 trung đoàn hay là 48 tiểu đoàn, một tiểu đoàn xạ thủ, một tiểu đoàn công binh, 47 tiểu đoàn tuyến Cáp-ca-dơ (dân quân) cả thảy là 103 tiểu đoàn. Kỵ binh gồm có một trung đoàn long kỵ, gồm 10 đại đội. Pháo binh có một sư đoàn với 10 khẩu đội pháo thường và 6 khẩu đội sơn pháo; tổng cộng có 180 khẩu pháo.

Quân đoàn Phần Lan gồm một sư đoàn có hai lữ đoàn hay là 12 tiểu đoàn bộ binh; quân đoàn Ô-ren-buốc có một sư đoàn cũng

gồm hai lữ đoàn nhưng chỉ có 10 tiểu đoàn; quân đoàn Xi-bia gồm một sư đoàn với ba lữ đoàn, tổng cộng có 15 tiểu đoàn.

Bảng dưới đây nêu tổng số quân thời bình của quân chính quy sẵn sàng chiến đấu:

	Tiểu đoàn bộ binh	Đại đội kỵ binh	Pháo
Sáu quân đoàn nòng cốt	300	192	672
Quân cận vệ	38	72	135
Tinh binh	38	32	112
Kỵ binh dự bị	-	194	96
Quân đoàn Cáp-ca-dơ	103	10	180
Quân đoàn Phần Lan	12	-	-
Quân đoàn Ô-ren-buốc	10	-	-
Quân đoàn Xi-bia	15	-	-
Tổng cộng	516	500	1195

Binh lính phục vụ nội bộ gồm có 52 tiểu đoàn vệ binh nội bộ, 800 đại đội cự binh và phé binh, 11 đại đội rưỡi kỵ hiến binh và 98 đại đội pháo. Những đơn vị này vị tất có thể tính vào lực lượng chiến đấu thực tế của đất nước.

Quân phi chính quy, chủ yếu là kỵ binh, được phân chia như sau:

1. Lính Cô-dắc sông Đông - 56 trung đoàn, mỗi trung đoàn gồm sáu đội trăm người^{1*}; tổng cộng 336 đội trăm người, 13 khẩu đội pháo.

2. Lính Cô-dắc Hắc Hải - 72 đội trăm người, chín tiểu đoàn, ba khẩu đội pháo.

3. Lính Cô-dắc tuyến Cáp-ca-dơ (ở vùng Cu-ban và vùng sông Tê-rếch) - 120 đội trăm người và ba khẩu đội pháo.

4. Lính Cô-dắc A-xơ-ra-khan - 18 đội trăm người, một khẩu đội pháo.

^{1*} - Từ "сотня" do Ăng-ghen viết bằng tiếng Nga với những chữ cái la-tinh.

5. Lính Cô-dắc Ô-ren-buốc - 60 đội trăm người, ba khẩu đội pháo.

6. Lính Cô-dắc U-ran - 60 đội trăm người.

7. Các đơn vị quân Ba-skia - 85 đội trăm người (hầu như hoàn toàn gồm những người Ba-skia và người Can-mức).

8. Lính Cô-dắc Xi-bia - 24 tiểu đoàn, 84 đội trăm người, ba khẩu đội pháo, thành phần của những đơn vị ấy một phần gồm người Tun-gút, Bu-ri-át và những dân tộc khác.

9. Lính Cô-dắc vùng biển A-dốp làm nhiệm vụ của hải quân.

10. Lính Cô-dắc sông Đa-nuýp ở vùng Bét-xa-ra-bi-a - 12 đội trăm người.

11. Lính Cô-dắc vùng Da-bai-can được thành lập cách đây không lâu; biên chế và số lượng của họ không rõ.

Tất cả có khoảng 847 đội trăm người (đội trăm người xuất xứ từ danh từ “*một trăm*”^{1*} ngang một đại đội 100 người), 33 tiểu đoàn bộ binh, 26 khẩu đội pháo binh. Tổng cộng có chừng 90 000 kỵ binh và 30 000 bộ binh. Song đối với hoạt động tác chiến hiện nay ở biên giới phía tây đại đế có thể sử dụng 40 000 hoặc 50 000 kỵ binh, mấy khẩu đội pháo, nhưng không có đơn vị bộ binh nào.

Như vậy là quân đội Nga thời bình (không kể binh lính phục vụ nội bộ) gồm có 360 000 bộ binh, 70 000 kỵ binh và 90 000 pháo binh; tất cả là 500 000 người, không kể lính Cô-dắc mà số lượng thay đổi tùy theo tình hình. Nhưng trong số 500 000 người ấy, các quân đoàn địa phương - Cáp-ca-dơ, Ô-ren-buốc và Xi-bia - không thể sử dụng vào bất cứ cuộc chiến tranh nào ở biên giới phía tây của đế quốc này; do đó, nước Nga chỉ có thể điều ra chống lại Tây Âu không quá 260 000 bộ binh, 700 000 kỵ binh và 50 000 pháo binh, chừng 1 000 khẩu pháo, ngoài ra khoảng chừng 30 000 lính Cô-dắc.

Đó là thành phần quân đội theo biên chế thời bình. Trường hợp xảy ra chiến tranh thì thi hành những biện pháp sau đây: thời hạn phục vụ đầy đủ là 20, 22 năm hoặc 25 năm, tùy theo tình

hình, nhưng sau 10 hoặc 15 năm, binh sĩ được nghỉ vô thời hạn và biên chế vào quân hậu bị. Tổ chức của quân hậu bị này thường hay thay đổi, nhưng như mọi người hiện nay đều biết, binh sĩ được về nghỉ thì trong năm năm đầu tiên phải được xếp vào tiểu đoàn bộ binh dự bị (tiểu đoàn thứ 4 trong trung đoàn vệ binh và tinh binh, tiểu đoàn thứ 5 trong trung đoàn nòng cốt), vào đại đội kỵ binh dự bị hoặc vào khẩu đội pháo binh dự bị thích ứng với binh chủng mà họ đã được phiên chế. Hết hạn năm năm, họ chuyển sang tiểu đoàn bộ binh hậu bị thứ 5 hoặc thứ 6 của trung đoàn mình, hoặc vào đại đội kỵ binh hậu bị, hoặc khẩu đội pháo binh hậu bị. Như vậy là khi gọi ngạch hậu bị, lực lượng thực tế của bộ binh và pháo binh sẽ tăng hầu như 50%, của kỵ binh tăng 20%. Tất cả số quân hậu bị này đều do các sĩ quan giải ngũ chỉ huy, và bộ phận cốt cán của những sĩ quan này đã được huấn luyện nếu không phải là đầy đủ thì cũng đến một trình độ nhất định.

Nhưng khi nổ ra chiến tranh, tất cả đều thay đổi. Trong quân đội tác chiến phải điều hai sư đoàn đến Cáp-ca-dơ, tuy rằng những sư đoàn này vốn được chỉ định cho tác chiến ở biên giới phía tây. Trước khi quân đội tác chiến (quân đoàn 3, 4 và 5) đã bị lôi cuốn vào chiến dịch chống quân Thổ Nhĩ Kỳ; tuy nhiên, lúc đó đang tập trung quân dự bị, nhưng để tập hợp họ từ mọi nơi trong đế quốc này đến những địa điểm thích hợp thì cần rất nhiều thời gian. Sự xuất hiện của quân đội và hạm đội đồng minh ở biển Ban-tích và Hắc hải, cũng như chính sách ngả nghiêng của Áo đòi hỏi Nga thi hành những biện pháp kiên quyết hơn; số người bị gọi nhập ngũ tăng gấp đôi, gấp ba, và số tân binh đông đảo đủ loại được tuyển mộ như vậy cùng với lính hậu bị tạo thành các tiểu đoàn 4, 5, 6, 7 và 8 ở tất cả các trung đoàn bộ binh; sự tăng cường như thế cũng được tiến hành trong kỵ binh. Như vậy là trong tám quân đoàn vệ binh, tinh binh và nòng cốt hiện nay có chừng 800 tiểu đoàn bộ binh thay vì 376 tiểu đoàn trước đây, và cứ hai đại đội kỵ binh và hai khẩu đội pháo theo biên chế thời bình được tăng thêm ít ra là một đại đội kỵ binh hậu bị và khẩu đội pháo. Song, tất cả những con số ấy xem ra thì đáng sợ trên giấy tờ hơn là trên thực tế; do các quan chức Nga dễ bị mua chuộc, do quản lý quân đội kém và do những cuộc hành trình di chuyển lớn mà tân binh buộc phải tiến hành từ nhà đến địa điểm

^{1*} Từ “*cmo*” Ăng-ghen viết bằng tiếng Nga với những chữ cái la-tinh.

tập hợp, rời từ địa điểm tập hợp đến nơi đóng quân của quân đoàn và xa nữa đến địa điểm tác chiến - cho nên phần lớn binh sĩ hoặc chết hoặc bị loại khỏi đội ngũ ngay trước khi gặp địch. Ngoài ra, sự cạn kiệt về quân số do bệnh tật gây ra và do tổn thất trong chiến đấu qua hai chiến dịch vừa xong là rất lớn, do đó chúng tôi không cho rằng 1 000 tiểu đoàn bộ binh, 800 đại đội kỵ binh và 200 khẩu đội pháo của quân Nga hiện nay bao gồm được trên 600 000 người.

Nhưng chính phủ không hài lòng với điều đó. Các tiểu đoàn 7 và 8 vừa mới tổ chức xong, chính phủ đã tuyên bố tuyển dân quân với một tốc độ nhanh chóng tỏ chính phủ hoàn toàn nhận thức được rằng tập hợp một số lượng lớn người từ các bộ phận khác nhau của đế quốc rộng lớn đến một nơi là một điều khó khăn như thế nào. Số dân binh này, hay là *Ô-pôn-tsê-ni-e*^{1*} phải được tổ chức thành *đru-giu-nu*^{2*} (tiểu đoàn) - mỗi đơn vị 1 000 người - tỉ lệ với dân số của mỗi tỉnh; cứ 1 000 nam giới có 23 người, hay là bằng gần 25% toàn bộ dân số, phải phục vụ. Hiện nay chỉ ở các tỉnh phía tây dân quân mới bị gọi nhập ngũ. Đợt tuyển mộ này được tiến hành trong một số dân đông 18 000 000 người, trong số đó có chừng một nửa là nam giới, sẽ cung cấp chừng 120 000 người - và con số này phù hợp với các *báo cáo* chính thức của Nga. Không nghi ngờ gì nữa, về tất cả các mặt, dân quân đều thua kém ngay cả những đơn vị dự bị vừa mới được thành lập gần đây, nhưng dù sao nó cũng tăng cường rất nhiều lực lượng quân sự của Nga, và một khi được sử dụng vào việc đóng giữ Ba Lan thì dân quân có thể giải phóng một số lượng lớn các trung đoàn nông cốt cho hoạt động tác chiến.

Mặt khác không những chỉ có nhiều lính Cô-dắc đã tiến về biên giới phía tây, mà còn có một số lượng lớn đơn vị gồm người Ba-ski, Can-mức, Kiéc-ghi-dơ, Tun-gút và các dân tộc Mông Cổ khác. Việc đó chứng minh rằng mệnh lệnh điều những đơn vị này đến miền tây đã được ban ra từ lâu, vì nhiều đơn vị trong số đó phải mất hơn một năm mới đến được X.-Pê-téc-bua hoặc Sông Vi-xla theo đội hình hành quân.

^{1*} - Từ "ополчение" được Ăng-ghen viết bằng tiếng Nga với các chữ cái la-tinh.

^{2*} Từ "дружины" Ăng-ghen viết bằng tiếng Nga với các chữ cái la-tinh.

Thế là nước Nga đã động viên hầu như đến mức cao nhất nguồn binh lực của mình, tuy nhiên, sau hai năm chiến tranh tuy nó chưa thua một trận nào có ý nghĩa quyết định, nhưng vẫn không thể đưa ra được trên 600 000 hoặc nhiều nhất là trên 650 000 quân chính quy, 100 000 dân quân và có thể là 50 000 kỵ binh phi chính quy. Chúng tôi không muốn qua đó để nói rằng binh lực của Nga đã cạn kiệt, nhưng chúng ta biết hoàn toàn rõ ràng là sau hai năm chiến tranh, nước Nga đã không làm được điều mà nước Pháp đã làm được sau 20 năm chiến tranh, và lại sau khi quân đội ưu tú nhất của nó đã hoàn toàn bị diệt vong vào năm 1812, - đó là việc bổ sung cho quân đội của mình 300 000 tân binh và kiểm chế được, dù chỉ là tạm thời, cuộc tấn công của địch. Sự khác nhau về sự hùng mạnh quân sự giữa hai nước, trong đó một nước có số dân đông đúc và một nước có số dân thưa thớt, thật to lớn biết chừng nào. Nếu nước Pháp ở giáp biên giới với nước Nga thì 66 000 000 dân Nga sẽ yếu hơn 380 000 000 người Pháp. Không nghi ngờ gì nữa, 44 000 000 người Đức là một lực lượng lớn hơn 66 000 000 thân dân của Nga hoàng theo đạo chính thống.

Quân đội Nga tuyển lính bằng những biện pháp khác nhau. Nó bổ sung quân số chủ yếu bằng những đợt tuyển quân được tiến hành đều đặn hằng năm, cứ một năm tiến hành ở các tỉnh phía tây thuộc bộ phận châu Âu của nước Nga lại một năm được tiến hành ở các tỉnh phía đông. Tỉ lệ tuyển quân thông thường là 4 hoặc 5 tân binh trên một ngàn "khẩu" (nam giới), bởi vì ở nước Nga sổ thống kê số khẩu chỉ đăng ký nam giới, vì theo quan niệm đẳng cấp của đạo chính thống thì phụ nữ không phải là "khẩu". Binh sĩ thuộc lãnh thổ miền tây đế quốc này phục vụ 20 năm, thuộc miền đông - 25 năm. Vệ binh phục vụ 22 năm; thanh niên thuộc các binh áp - 20 năm. Ngoài những đợt tuyển quân ấy, nguồn tân binh dồi dào là con của các binh sĩ. Mỗi người con trai của binh sĩ sinh trong thời gian binh sĩ tại ngũ đều có nghĩa vụ phục vụ; quy định này đi xa đến mức nhà nước đòi cả những đứa trẻ mà vợ binh sĩ sinh ra ngay cả trong trường hợp người chồng ở mãi tận đầu kia của đế quốc trong suốt 5 hoặc 10 năm. Những đứa con của binh sĩ ấy gọi là *thiếu sinh quân* và phần lớn bọn chúng do ngân sách nhà nước đài thọ; phần lớn hạ sĩ quan xuất thân từ hàng ngũ thiếu sinh quân này. Sau hết, vào phục vụ trong

quân đội còn có tội phạm bị tòa kết án, những kẻ lang thang và những loại người vô dụng khác. Quý tộc có quyền đưa nông nô của mình vào quân đội, nếu người đó không có nhược điểm về sinh lý; mỗi người cha cũng có thể làm như vậy đối với con trai mình, nếu không hài lòng về hành động của nó. “S”bogom idi pod krasnuyu shapku!” “Hãy đi đội mũ đỏ dưới sự phù hộ của thượng đế!”, nghĩa là hãy vào quân đội - đó là câu nói thường nghe thấy của nông dân Nga đối với đứa con trai không chịu vâng lời của mình.

Như chúng tôi đã nói, hạ sĩ quan phần lớn được tuyển lựa từ những đứa con của binh sĩ được đào tạo trong các trường của nhà nước. Những thanh niên này từ nhỏ đã thấm nhuần tinh thần kỷ luật quân sự, họ hoàn toàn không giống những binh sĩ mà sau này họ phải huấn luyện và chỉ huy. Họ tạo thành một nhóm đặc biệt, xa rời nhân dân. Họ thuộc về nhà nước và không có nhà nước thì họ không tồn tại được; phó mặc họ cho bản thân thì họ chẳng làm nên gì cả. Tiếp tục sống dưới sự bảo hộ của chính phủ - đây là tất cả những gì mà họ mong muốn. Những hạ sĩ quan này trong quân đội đã đóng vai trò y như vai trò của những quan chức cấp dưới được tuyển lựa từ con cái của chính những quan chức ấy trong ngành dân sự nước Nga. Đây là đám người đóng vai điều đóm, họ giáo quyết, thiên cận và ích kỷ, mà trình độ học vấn hời hợt làm cho họ thêm đáng ghét; hiếu danh và háms lợi, bán cả tinh thần lẫn thể xác cho nhà nước, song bản thân họ lại đồng thời từng giờ từng phút bán rẻ nhà nước, theo từng mảnh một, nếu như điều đó có thể đưa lại cho họ chút lợi lộc gì đây. Điển hình tuyệt vời của hạng người này là người chạy giầy hoặc người đưa thư đi theo ông Đờ Quy-xtin-nơ trong cuộc hành trình của ông ở nước Nga và được ông mô tả xuất sắc trong bản tường trình của ông về chuyến đi ấy²³⁷. Nhờ có loại người ấy mà cái nạn tham ô ghê gớm, vốn xâm nhập vào tất cả mọi mắt xích của bộ máy nhà nước ở Nga, mới hết sức thịnh hành trong ngành dân chính cũng như trong ngành quân sự. Song, không nghi ngờ gì nữa, nếu nước Nga vứt bỏ cái chế độ trẻ em hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của nhà nước, thì nó không thể tìm ra số lượng viên chức cấp dưới cần thiết cho ngành dân chính và số lượng hạ sĩ quan cần thiết cho quân đội.

Tình hình sĩ quan xem ra còn tồi hơn. Việc huấn luyện các viên

cai và các viên quân đòi hỏi chi phí tương đối rẻ; nhưng đào tạo sĩ quan cho đạo quân đông hàng triệu người (theo tài liệu chính thức thì ở Nga phải đào tạo các cán bộ chính là cho một số lượng như thế) thì đây là việc rất tốn kém. Các trường tư không làm gì hoặc làm được rất ít về mặt này, tất cả phải do nhà nước làm. Nhưng điều hoàn toàn rõ ràng là nhà nước không đủ sức bồi dưỡng một khối lượng lớn như thế những thanh niên cần thiết cho mục đích ấy. Do đó, nhà nước đã dùng áp lực tinh thần để buộc con em quý tộc phục vụ ít ra là 5 hoặc 10 năm trong quân đội hoặc ngành dân chính; những gia đình nào mà các thành viên của họ “không phục vụ” liền ba đời thì sẽ mất đặc quyền quý tộc, nhất là sẽ mất quyền sở hữu nông nô là quyền mà thiếu nó thì tài sản ruộng đất rộng lớn ở Nga sẽ tuyệt đối không có giá trị gì. Vì thế, số lớn thanh niên vào quân đội ở cấp chuẩn úy hoặc trung úy, mà toàn bộ trình độ học vấn của họ nhiều lắm chỉ là nói chuyện được tương đối dễ dàng bằng tiếng Pháp về những đề tài thông thường nhất và hiểu biết đôi chút về toán học, địa lý và lịch sử ở trình độ sơ đẳng - tất cả những cái đó được nhồi nhét cho họ chỉ để cho có hình thức. Đối với họ, phục vụ là một sự cần thiết nặng nề mà họ thực hiện với sự chán ghét không giấu giếm được, coi đó như là một đợt chữa bệnh dài; thời hạn phục vụ quy định vừa chấm dứt hoặc nhận được quân hàm thiếu tá là họ lập tức giải ngũ và được ghi vào danh sách các tiểu đoàn hậu bị. Còn về học sinh các trường quân sự thì họ cũng được nhồi nhét một số tri thức chủ yếu là để họ có thể qua được kỳ thi, và ngay trong lĩnh vực tri thức chuyên môn, họ cũng thua xa các thanh niên học ở các trường quân sự của Áo, Phổ và Pháp. Mặt khác, ở Nga số thanh niên có tài năng và hiểu học, say sưa nghiệp vụ của mình, thì rất hiếm đến mức là chỉ cần họ biểu hiện tài năng ra là lập tức được vô lấy dù họ là người nước ngoài hay người Nga. Nhà nước cung cấp một cách hậu hĩ học phí cho họ để họ có thể hoàn thành việc học tập và cất nhắc họ nhanh chóng về chức vụ. Những người đó thường được trưng ra trước châu Âu như là thành tựu của nền văn minh Nga. Nếu như họ có khuynh hướng văn học thì người ta khuyến khích họ bằng mọi cách, miễn là họ không vượt phạm vi mà Chính phủ Nga quy định; chính nhóm người này đã cung cấp một số ít điều có giá trị trong các tác phẩm quân sự của nước Nga. Nhưng cho đến tận

ngày nay, người Nga - dù họ thuộc giai cấp nào - vẫn đều còn rất dã man để có thể thấy hứng thú trong nghiên cứu khoa học hoặc trong lao động trí óc (trừ khả năng bày đặt mưu mô), do đó hầu như tất cả những người xuất sắc phục vụ trong quân đội Nga đều là người nước ngoài, hoặc - điều này thì cũng hầu như thế - người Đức “Ô-xtơ-dây-xki-e”^{1*} thuộc các tỉnh ven bờ biển Ban-tích. Đại biểu lỗi lạc nhất gần đây của nhóm này là tướng Tôt-tơ-le-ben, tổng công trình sư ở Xê-va-xtô-pôn, chết vào tháng Bảy năm nay sau khi bị thương²³⁸. Không nghi ngờ gì nữa, ông là người có học thức nhất về lĩnh vực của mình trong số tất cả những người tham gia cuộc vây đánh, dù chúng ta nêu lên phía quân Nga hoặc phía liên quân, nhưng ông là người Đức vùng bờ biển Ban-tích, người gốc Phổ.

Như vậy là trong sĩ quan quân đội Nga có những người rất khá và những người rất kém, nhưng loại người thứ nhất ít hơn vô cùng so với loại người sau. Ý kiến của Chính phủ Nga về sĩ quan của mình như thế nào, điều đó có thể xác định rõ ràng và không sai lầm dựa theo điều lệnh chiến thuật của nó. Điều lệnh này quy định không những nguyên tắc chung về bố trí đội hình chiến đấu của lữ đoàn, sư đoàn hoặc quân đoàn, tức cái gọi là “sự bố trí chuẩn mực” mà người chỉ huy có thể thay đổi tùy theo địa hình và các tình huống khác, nhưng còn có những quy định khác nhau về sự bố trí cho mọi tình huống có thể có, không để cho tướng lĩnh bất cứ sự lựa chọn nào, do đó gò bó họ để trút cho họ mọi trách nhiệm theo điều kiện cho phép. Chẳng hạn, theo điều lệnh, quân đoàn có thể được bố trí đội hình chiến đấu theo năm phương pháp khác nhau, và ở An-ma quân Nga quả thực đã được bố trí theo một trong những phương pháp ấy - tức theo cách bố trí thứ ba - và đương nhiên bị đánh bại. Cái ma lực ấy quy định sẵn mọi quy tắc cho tất cả mọi tình huống có thể có, khiến người chỉ huy rất ít được tự do hành động và nó hết sức cản trở họ lợi dụng lợi thế của địa hình, nên một viên tướng Phổ đã phê phán chế độ ấy bằng lời phát biểu sau đây:

“Chế độ của những điều quy định sẵn ấy chỉ có thể được chấp nhận trong một quân đội mà đại đa số các tướng lĩnh của nó ngu xuẩn đến mức chính phủ

không thể yên tâm trao cho họ quyền chỉ huy không hạn chế hoặc cho phép họ hành động theo ý muốn của mình”.

Binh sĩ Nga là một trong những binh sĩ dũng cảm nhất ở châu Âu. Tính ngoan cường của họ hầu như không thua kém các tiểu đoàn bộ binh Anh và một số tiểu đoàn quân Áo. Đặc điểm của họ là điều mà Giôn Bu-lơ tự khoe khoang - họ không cảm thấy mình bị đánh bại. Đội hình vuông của bộ binh Nga đã chống cự và đánh giáp lá cà một thời gian dài sau khi kỵ binh đột phá đội hình của họ; người ta luôn luôn cho rằng bắn chết hết lính Nga còn dễ hơn là buộc họ rút lui. Ngài Gioóc-giơ Cát-các-tơ đã quan sát lính Nga vào các năm 1813 và 1814²³⁹ trong vai đồng minh, và vào năm 1854 ở Crum khi họ trong vai địch thủ, ông ta đã chứng minh một cách khâm phục rằng họ “chưa bao giờ hoảng hốt cả”. Ngoài ra, binh sĩ Nga vóc người to, thân thể khỏe mạnh, dáng đi đẹp, dễ tính, có thể ăn uống hầu hết mọi thứ và có ý thức phục tùng sĩ quan của mình tốt hơn bất cứ binh sĩ nào khác trên thế giới. Tuy nhiên, quân đội Nga không có gì đáng đặc biệt khoe khoang. Trong suốt thời gian tồn tại của nước Nga, quân đội Nga chưa bao giờ thắng quân Đức, quân Pháp, quân Ba Lan hoặc quân Anh một trận nào trong trường hợp không vượt họ nhiều về số lượng. Trong những điều kiện ngang nhau, quân Nga bao giờ cũng bị quân đội khác đánh bại, trừ quân Phổ và quân Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng ở Sê-ta-te và Xi-li-xtơ-ri²⁴⁰ quân Thổ Nhĩ Kỳ đã thắng quân Nga, tuy họ yếu hơn quân Nga về số lượng.

Khuyết điểm chính của binh sĩ Nga là ở chỗ họ là những người lính kém linh hoạt nhất trên thế giới. Họ không thích hợp với bộ binh nhẹ, cũng như với kỵ binh nhẹ. Lính Cô-dắc, trên một số mặt, là kỵ binh nhẹ giỏi, nhưng nhìn chung họ không đáng tin cậy đến mức khi chạm trán với địch, ở phía sau các điểm tiền tiêu Cô-dắc, bao giờ người ta cũng phải bố trí một tuyến tiền tiêu thứ hai. Ngoài ra, lính Cô-dắc hoàn toàn không thích hợp với tấn công. Còn nói về quân chính quy, bộ binh cũng như kỵ binh, thì họ đều không có khả năng tác chiến trong đội hình tấn khai. Người Nga cái gì cũng bắt chước người khác, có thể hoàn thành được tất cả những việc mà người ta ra lệnh cho họ hoặc bắt buộc họ làm, nhưng nếu như họ buộc phải tự mình chịu trách nhiệm thì họ chẳng làm được gì cả. Thật vậy, khó lòng chờ đợi điều đó ở

^{1*} - Từ “остзейские” Ăng-ghen dùng chữ cái la-tinh để phiên âm tiếng Nga.

những người chưa hề biết tinh thần trách nhiệm là gì, những người đi vào cái chết với sự ngoan ngoãn thụ động như là khi được lệnh đi lấy nước hoặc cầm roi đánh đồng đội của mình. Người ta sẽ uống công, nếu chờ đợi ở người lính Nga làm nhiệm vụ tiên tiêu hoặc tác chiến trong đội hình tàn khai biểu hiện được sự cơ trí linh hoạt của người Pháp hoặc tư duy tinh táo đơn giản của người Đức. Cái mà họ cần là mệnh lệnh, mệnh lệnh rõ ràng dứt khoát, và nếu như người lính Nga chưa nhận được lệnh thì có thể là anh ta không rút lui, nhưng cũng không tiến lên và không biết nên hành động như thế nào.

Kỵ binh, tuy người ta mất vào nó nhiều tiền và rất được chú ý, chưa bao giờ là kỵ binh xuất sắc. Nó không thể trội hơn người trong chiến tranh chống Pháp cũng như trong các cuộc tiến quân chống người Ba Lan. Sự phục tùng thụ động, nhẫn nại và ngoan ngoãn của người Nga không phải là phẩm chất cần thiết cho kỵ binh. Ưu điểm chính của kỵ binh chính là cái mà người Nga thiếu nhiều nhất, đó là *“hành động chớp nhoáng”*. Như trong trận Ba-la-cla-va, khi 600 long kỵ Anh, với tinh thần anh dũng và quả cảm của kỵ binh chân chính, xông vào quân Nga vượt xa họ về số lượng, đánh tan pháo binh, lính Cô-dắc, phiêu kỵ và thương kỵ của quân Nga, cho đến khi gặp các đội hình bộ binh đông đặc mới buộc phải quay lui; nhưng trong cuộc tấn công bằng kỵ binh này, ai xứng đáng được danh hiệu người chiến thắng thì điều đó còn là điều nghi vấn. Nếu cuộc tấn công không suy tính đó được tiến hành chống lại bất cứ quân đội nào khác thì không còn một người lính nào trở về, vì quân địch sẽ bao vây bên tấn công từ bên sườn và sau lưng và giản đơn cắt đường rút lui của họ. Nhưng kỵ binh Nga thì lại đứng yên chờ địch và đã bị đánh tan trước khi nghĩ đến chuyện cho ngựa tiến lên! thực thà mà nói, nếu như có một sự thật nào đó có thể chứng minh sự kém cỏi của kỵ binh chính quy Nga thì đấy chính là sự thật ấy.

Pháo binh được trang bị bằng khí tài có chất lượng không đồng đều, nhưng nơi nào có pháo tốt thì nó cũng hoàn thành

tốt nhiệm vụ của mình. Pháo thủ tỏ ra rất dũng cảm trong chiến đấu, nhưng vẫn thiếu tính cơ trí. Khẩu đội pháo Nga mà mất sĩ quan thì trở thành hoàn toàn vô dụng; nhưng ngay khi sĩ quan còn sống, nó cũng buộc phải chỉ chiếm lĩnh trận địa mà điều lệnh quy định, dù rằng điều đó là phi lý. Ở trong cứ điểm bị vây, khi hoàn cảnh đòi hỏi sự kiên nhẫn, sự dẻo dai và thường xuyên sẵn sàng chịu đựng nguy hiểm, thì pháo binh Nga biểu hiện chất lượng cao, song điểm nổi bật của họ không phải chủ yếu ở sự bắn chính xác, mà chủ yếu ở tinh thần hy sinh quên mình để làm tròn nhiệm vụ và tính kiên cường dưới hỏa lực địch. Toàn bộ cuộc vây đánh Xê-va-xtô-pôn đã chứng minh điều đó.

Nhưng chính trong pháo binh và công binh Nga người ta đã thấy những sĩ quan có trình độ học vấn cao mà nước Nga khoe khoang trước châu Âu, và tài năng của họ đã được thực sự khuyến khích sử dụng rộng rãi. Trong khi ở Phổ, chẳng hạn, những người có năng lực nhất, nếu cấp bậc của họ thấp, thì thường bị thủ trưởng của họ cản trở, còn mọi sự cải tiến mà họ đưa ra đều bị xem như là ý đồ tự phụ muốn có những cái mới, nên nhiều người trong số họ đã buộc phải đi kiếm nơi phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ, tại đây họ đã xây dựng được pháo binh chính quy thuộc hàng ưu tú nhất châu Âu - thì ở Nga, những con người như thế đều được khuyến khích và ai trội lên ở mặt nào đó thì họ sẽ có được bước đường công danh vẻ vang và nhanh chóng. Đi-bích và Pa-xkê-vích đã lên cấp tướng, một người vào tuổi 29 và một người thì vào tuổi 30, còn Tôt-tơ-le-ben, chưa đầy 8 tháng ở Xê-va-xtô-pôn đã được thăng từ cấp đại úy lên thiếu tướng.

Người Nga tự hào về bộ binh của mình hơn hết. Bộ binh Nga nổi bật ở tinh thần kiên cường khác thường, và trong đội hình hàng ngang hoặc hàng dọc, hoặc ở sau tường chắn, họ đều là địch thủ đáng sợ. Nhưng sở trường của họ cũng chỉ bó hẹp ở đó. Họ hầu như hoàn toàn không thích hợp với nhiệm vụ bộ binh nhẹ (cái gọi là lạp binh cũng chỉ được coi là bộ binh nhẹ, mà trên thực tế chỉ có tám tiểu đoàn xạ thủ thuộc các quân đoàn bộ binh nhẹ

là làm nhiệm vụ bộ binh nhẹ); thông thường bộ binh Nga không phải là xạ thủ giỏi, họ đi bộ giỏi nhưng chậm; đội hình hàng dọc của họ thường được bố trí tồi đến nỗi bao giờ cũng bị hỏa lực pháo đánh tan trước khi bước vào tấn công. Điều lệnh “bố trí chuẩn mực”, mà các viên tướng không dám vi phạm, đã góp phần không ít vào tình hình đó. Ở An-ma chẳng hạn, pháo binh Anh đã gây ra tổn thất lớn trong các đội hình quân Nga rất lâu trước khi đội hình hàng ngang rất vụng về của quân Anh được triển khai xong, vượt sông rồi thay đổi đội hình để tấn công. Nhưng thậm chí về sự ngoan cường ghê gớm của bộ binh mà người Nga lấy làm tự hào, cũng chỉ có thể nói đến một cách dè dặt nào đó sau khi 8 000 bộ binh Anh trong trận In-ke-rơ-man bị tập kích bất ngờ trên một trận địa mà họ chưa chiếm lĩnh xong và được canh gác không nghiêm, đã chống cự được trong cuộc đánh giáp lá cà chống 15 000 lính Nga tấn công họ, phòng ngự trên bốn giờ đồng hồ và đẩy lùi thắng lợi nhiều đợt tấn công. Trận đánh gần In-ke-rơ-man cũng cho quân Nga thấy rằng trong lĩnh vực mạnh nhất của họ, họ cũng đã có kỷ phùng địch thủ. Thất bại của tất cả những cuộc công kích đó của quân Nga được giải thích bằng tinh thần dũng cảm của binh sĩ Anh, cũng như sự cơ trí linh hoạt và sự hăng hái biểu hiện ở hạ sĩ quan cũng như ở bản thân các binh sĩ, sau trận đánh này, chúng ta có thể cho rằng tham vọng của quân Anh mang danh hiệu bộ binh *nòng cốt* ưu tú nhất thế giới, là có lý do xác đáng.

Quân phục của quân đội Nga hầu như hoàn toàn bắt chước kiểu của Phổ; trang bị mang đeo rất bất tiện, không những dây da đeo lưng lê và túi đạn mà cả quai ba-lô cũng đeo chéo trước ngực. Tuy nhiên, gần đây đã có một số cải tiến, song về trang bị có thay đổi gì không thì chúng tôi chưa rõ. Súng rất nặng nề, mãi gần đây mới sử dụng súng trường nòng ngắn; súng của Nga là kiểu nặng nhất và bất tiện nhất trong tất cả các loại súng hiện có. Gươm của kỵ binh kiểu cũ và tồi kém. Về những cỗ pháo mới được đem sử dụng ở Crum thì nghe nói rất tốt và rất có hiệu

quả; nhưng toàn bộ pháo binh có được trang bị loại pháo này hay không, thì đó còn là điều rất đáng nghi ngờ.

Sau hết, quân đội Nga vẫn còn mang dấu ấn của các học viện vượt xa trình độ phát triển văn hóa nói chung trong nước, cho nên nó có tất cả những cái hại và khuyết điểm của sự giáo dục kiểu nhà kính đó. Trong những cuộc chiến tranh quy mô nhỏ, lính Cô-dắc là lực lượng chiến đấu duy nhất đáng lo ngại vì tính tích cực và tính dẻo dai của họ; nhưng tính ham rượu chè và cướp bóc làm cho họ trở thành hoàn toàn không đáng tin cậy trước con mắt các viên chỉ huy. Trong chiến tranh quy mô lớn, do hành quân chậm chạp, sự cơ động chiến lược của quân Nga sẽ ít nguy hiểm, nếu không gặp kẻ địch quá sơ suất như quân đội Anh vào mùa thu năm ngoái. Trong chiến đấu chính quy, quân Nga sẽ là địch thủ ngoan cường đối với binh sĩ, nhưng không đáng sợ đối với các tướng lĩnh tấn công họ. Sự bố trí của quân Nga trong phần lớn các trường hợp đều rất giản đơn, dựa vào những qui tắc thông thường được quy định từ trước, nên rất dễ phán đoán được; đồng thời sự thiếu cơ trí của các tướng lĩnh và các cơ quan chỉ huy, cũng như sự vụng về của binh sĩ, làm cho bất cứ sự cơ động phức tạp nào của họ trên chiến trường đều trở thành đặc biệt mạo hiểm.

III - NHỮNG QUÂN ĐỘI NHỎ HƠN CỦA CÁC QUỐC GIA Ở ĐỨC

Ba-vi-e có hai quân đoàn, mỗi quân đoàn gồm hai sư đoàn. Sư đoàn gồm hai lữ đoàn bộ binh (bốn trung đoàn bộ binh và một tiểu đoàn lạp binh), một lữ đoàn kỵ binh có hai trung đoàn cùng ba khẩu đội bộ pháo và một khẩu đội kỵ pháo. Ngoài ra mỗi quân đoàn còn có tổng đội dự bị pháo binh gồm sáu khẩu đội bộ pháo và một đội công binh và lính đánh mìn. Như vậy là toàn quân đội có: 16 trung đoàn bộ binh, mỗi trung đoàn gồm ba tiểu đoàn, cùng với sáu tiểu đoàn lạp binh, tổng cộng sẽ lên đến 54 tiểu đoàn, hai trung đoàn giáp kỵ và sáu trung đoàn long kỵ nhẹ, - tổng cộng có 48 đại đội

ky binh; hai trung đoàn bộ pháo (với biên chế sáu khẩu đội pháo 6 pao và sáu khẩu đội pháo 12 pao) và một trung đoàn kỵ pháo (bốn khẩu đội pháo 6 pao) - tổng cộng có 28 khẩu đội pháo, mỗi khẩu đội có 8 khẩu pháo, tất cả là 224 khẩu, không kể sáu đại đội pháo cứ điếm, và 12 đại đội vận tải; cũng còn có một trung đoàn công binh gồm tám đại đội và hai đại đội quân y. Toàn quân đội tính theo biên chế thời chiến, có 72 000 người, không kể quân dự bị và lan-đơ-ve hiện còn chưa có các cán bộ khung.

Trong quân đội của Hiệp bang Đức²⁴¹, Áo cung cấp các quân đoàn 1, 2 và 3, Phổ cung cấp các quân đoàn 4, 5 và 6, Ba-vi-e cung cấp quân đoàn 7, còn quân đoàn 8 thì do Vuyéc-tem-béc, Ba-đen và Hét-xen - Đác-mơ-xtát góp chung.

Vuyéch-tem-béc có tám trung đoàn (16 tiểu đoàn) bộ binh, bốn trung đoàn kỵ binh (16 đại đội kỵ binh, một trung đoàn pháo (bốn khẩu đội bộ pháo và ba khẩu đội kỵ pháo, tổng cộng có 48 khẩu); tổng quân số thời chiến khoảng 19 000 người.

Ba-đen có bốn trung đoàn (tám tiểu đoàn), hai tiểu đoàn xạ thủ, một tiểu đoàn lập binh; cả thảy có 10 tiểu đoàn bộ binh, ba trung đoàn hay là 12 đại đội kỵ binh, bốn khẩu đội bộ pháo và năm khẩu đội kỵ pháo, cả thảy có 40 khẩu pháo. Toàn số quân thời chiến là 15 000 người.

Hét-xen - Đác-mơ-stát có bốn trung đoàn hay là tám tiểu đoàn bộ binh, một trung đoàn hay là tám đại đội kỵ binh nhẹ và ba khẩu đội pháo (có một khẩu đội kỵ pháo) với 18 khẩu. Tổng cộng là 10 000 người.

Điếm độc đáo duy nhất của quân đoàn 7 và 8 là pháo binh của họ sử dụng các xe pháo của Pháp. Quân đoàn 9 của Hiệp bang Đức gồm có một sư đoàn do Đắc-đen cung cấp và sư đoàn thứ hai do hầu quốc có quyền cử hoàng đế Hét-xen và Na-xau góp chung.

Phần của Đắc-đen gồm có bốn lữ đoàn bộ binh, mỗi lữ đoàn gồm bốn tiểu đoàn và một lữ đoàn lập binh gồm bốn tiểu đoàn; ngoài ra còn bốn tiểu đoàn nòng cốt và một tiểu đoàn lập binh làm

đội dự bị còn chưa được thành lập; bốn trung đoàn kỵ binh nhẹ, mỗi trung đoàn có năm đại đội và một trung đoàn pháo gồm sáu khẩu đội bộ pháo và hai khẩu đội kỵ pháo. Tổng cộng có 20 tiểu đoàn bộ binh, 20 đại đội kỵ binh và 50 khẩu pháo hay là 24 500 người theo biên chế thời chiến. Hầu quốc có quyền cử hoàng đế Hét-xen có bốn trung đoàn hay là tám tiểu đoàn, một tiểu đoàn xạ thủ và một tiểu đoàn lập binh, hai đại đội giáp kỵ và bảy đại đội phiêu kỵ, ba khẩu đội pháo, trong đó có một khẩu đội kỵ pháo. Tổng cộng có 10 tiểu đoàn bộ binh, 9 đại đội kỵ binh, 19 khẩu pháo; toàn quân số thời chiến là 12 000 người. Na-xau có bảy tiểu đoàn bộ binh, hai khẩu đội pháo hay là 7 000 người theo biên chế thời chiến và 12 khẩu pháo.

Quân đoàn 10 gồm có quân của Han-nô-vơ và Brao-svai-gơ tạo thành sư đoàn 1, và quân của Mếch-clen-bua, Hôn-stai-nơ, Ôn-đen-buốc và các thành phố Han-dây cũng tạo thành sư đoàn 2. Han-nô-vơ góp tám trung đoàn, hay là 16 tiểu đoàn và bốn tiểu đoàn bộ binh nhẹ, sáu trung đoàn hay là 24 đại đội kỵ binh, bốn khẩu đội bộ pháo và hai khẩu đội kỵ pháo. Tổng cộng là 22 000 người và 36 khẩu pháo. Pháo binh được tổ chức theo kiểu của Anh. Brao-svai-gơ góp năm tiểu đoàn bộ binh, bốn đại đội kỵ binh và 12 khẩu pháo, tổng cộng 5 300 người. Về các quốc gia nhỏ góp thành sư đoàn thứ hai thì không đáng nhắc tới.

Sau hết, mấy quốc gia nhỏ nhất ở Đức đã thành lập một sư đoàn dự bị; toàn bộ quân số của quân đội Hiệp bang Đức cùng với sư đoàn dự bị ấy - theo biên chế thời chiến có thể biểu hiện bằng bảng sau đây:

	I Quân số trong biên chế				II Quân số dự bị			
	Bộ binh	Kỵ binh	Số pháo	Cộng	Bộ binh	Kỵ binh	Số pháo	Cộng
Áo.....	73	13 546	192	94 822	36 750	6 773	96	47 411
Phổ.....	501	11 355	160	79 484	30 834	5 660	80	39 742
Ba-vi-e.....	61 629	5 086	72	35 600	13 793	2 543	36	17 800
Quân đoàn 8...	27 566	4 308	60	30 150	11 685	2 154	32	15 075
Quân đoàn 9.....	23 369	2 887	50	24 254	9 702	1 446	25	12 136
Quân đoàn 10...	19 294	3 572	58	28 067	11 107	1 788	29	14 019
Sư đoàn dự bị...	22 246	-	-	11 116	5 584	-	-	5 584
	11 116							
Tổng cộng.....	238 721	40 754	592	303 493	11 9 455	20 364	298	153 767

Đương nhiên, bảng trên đây không cho một khái niệm đầy đủ về lực lượng vũ trang thực tế của Hiệp bang Đức, vì khi cần thiết Phổ, Áo và Ba-vi-e có thể cung cấp một số quân lớn hơn nhiều. Các đơn vị của quân đoàn 10 và sư đoàn dự bị và có thể là của quân đoàn 9, có thể tạo thành số quân phòng thủ để khởi gây trở ngại cho tốc độ hoạt động dã chiến do tổ chức rất khác nhau và những đặc điểm của chúng. Chất lượng chiến đấu của binh sĩ các quân đội ấy đều xấp xỉ trình độ binh sĩ Áo và Phổ, nhưng dĩ nhiên, những quân đội nhỏ ấy không có điều kiện thuận lợi để phát huy các tài năng quân sự, và trong các quy chế của chúng còn có nhiều cái lỗi thời.

Bài thứ ba và là bài cuối cùng, chúng ta sẽ nghiên cứu quân đội Tây Ban Nha, quân đội Xéc-đi-ni, quân đội Thổ Nhĩ Kỳ và các quân đội khác ở châu Âu.

BÀI THỨ BA

I. - QUÂN ĐỘI THỔ NHĨ KỲ

Thời kỳ đầu cuộc chiến tranh này quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đã có sức chiến đấu mạnh hơn bất cứ lúc nào trước kia. Những cố gắng khác nhau về cải tổ và cải cách quân đội sau khi Ma-khơ-mút lên ngôi sau cuộc tàn sát tinh binh²⁴² và nhất là sau Hòa ước A-đri-a-nô-pôn, đã được thống nhất và hợp thành một hệ thống. Trở ngại đầu tiên và là lớn nhất - địa vị độc lập của các pa-sa chỉ huy các tỉnh xa xôi - đã bị loại trừ trên mức độ lớn; nhìn chung, họ đã dần dần phục tùng kỷ luật ở mức độ phục tùng của các viên chỉ huy khu vực châu Âu. Nhưng sự dốt nát, tính ngang ngược và tính tham lam của các pa-sa vẫn được duy trì nguyên vẹn, giống như trong thời kỳ các tổng đốc hoành hành ở các miền châu Á; nếu trong vòng 20 năm gần đây, chúng ta hiếm nghe thấy tin tức về các cuộc nổi loạn của pa-sa, thì chúng ta lại thường nghe thấy tin tức về các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh chống lại bọn thống trị tham lam ở các tỉnh đó. Bọn thống trị này - trước kia là những tên gia nô hèn kém nhất và “những con người sẵn sàng làm bất cứ việc gì” - lợi dụng địa vị mới của mình để làm giàu bằng các thủ đoạn cường đoạt, ăn hối lộ và đánh cắp vô liêm sỉ tài sản quốc gia. Lễ tự nhiên là trong tình hình đó, việc tổ chức quân đội, trên mức độ rất lớn, chỉ tồn tại trên giấy tờ.

Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ gồm có quân thường trực chính quy (ni-dam), quân hậu bị (rê-đíp), các lực lượng không chính quy và các lực lượng hỗ trợ của các nước chư hầu.

Ni-dam gồm có sáu quân đoàn (oóc-đa), mỗi quân đoàn tuyển lính ở khu vực mà nó đóng quân, giống như các quân đoàn ở Phổ, tại đó mỗi quân đoàn đóng quân ở tỉnh mà nó tuyển tân binh. Như chúng ta sẽ thấy, nhìn chung tổ chức ni-dam và rê-đíp của Thổ

Nhĩ Kỳ là bắt chước khuôn mẫu của Phổ. Bộ tư lệnh của sáu quân đoàn đóng ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, Sum-la, Tô-li - Mô-na-xtua, Éc-de-rum, Bát-đa và A-lép-pô. Mỗi quân đoàn đều ở dưới quyền của mu-sia (nguyên soái) và gồm có hai sư đoàn, hay là sáu lữ đoàn, bao gồm sáu trung đoàn bộ binh, bốn trung đoàn kỵ binh và một trung đoàn pháo.

Bộ binh và kỵ binh được tổ chức theo hệ thống của Pháp, pháo binh - theo hệ thống của Phổ.

Trung đoàn bộ binh gồm bốn tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có tám đại đội, khi đủ quân số biên chế của tiểu đoàn phải lên tới 3 250 người, kể cả sĩ quan và cơ quan tham mưu, hay là mỗi tiểu đoàn có 800 người; song trước chiến tranh, tiểu đoàn ít khi có trên 700 người, mà ở châu Á thì hầu như bao giờ cũng ít hơn nhiều.

Mỗi trung đoàn kỵ binh gồm bốn đại đội thương kỵ và hai đại đội lạp kỵ binh; mỗi đại đội phải có 151 người, thông thường thì các đại đội kỵ binh còn thiếu quân số hơn các đại đội bộ binh.

Mỗi trung đoàn pháo gồm có sáu khẩu đội kỵ pháo và chín khẩu đội bộ pháo; mỗi khẩu đội có bốn khẩu pháo, cho nên tổng số pháo trong trung đoàn là 60 khẩu.

Như thế là mỗi quân đoàn phải có 19 500 bộ binh, 3 700 kỵ binh và 60 khẩu pháo. Trên thực tế, tổng quân số của quân đoàn, không bao giờ vượt quá 20 000 - 21 000 người.

Ngoài sáu quân đoàn còn có bốn trung đoàn pháo (một trung đoàn hậu bị và ba trung đoàn pháo cứ điểm), hai trung đoàn công binh và lính đánh mìn và ba đơn vị bộ binh đặc biệt được cử đi Can-đi-a, Tuy-ni-di và Tơ-ri-pô-li, với tổng quân số 16 000 người.

Như vậy là trước chiến tranh, tổng quân số của ni-dam, hay là quân thường trực chính quy, rõ ràng gồm:

36 trung đoàn bộ binh mà quân số trung bình của mỗi trung đoàn là 2 500 người	90 000 người
24 trung đoàn kỵ binh mà quân số trung bình của mỗi trung đoàn là 660 - 670 người.....	16 000 người
7 trung đoàn pháo dã chiến.....	9 000 “

3 trung đoàn pháo cứ điểm	3 400 người
2 trung đoàn công binh và đánh mìn	1 600 “
Các đơn vị riêng lẻ	16 000 “

Cộng..... 136 000 người

Binh sĩ phục vụ đủ 5 năm trong ni-dam thì được giải ngũ và trong 7 năm tiếp sau được chuyển vào diện rê-đíp, hay là quân hậu bị. Quân hậu bị này cũng được biên chế thành các quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn v.v. với số lượng giống như quân thường trực; về quan hệ với ni-dam thì về thực chất nó giống như quan hệ của lan-đơ-ve loại một với quân thường trực ở Phổ, chỉ có một điểm khác nhau là: ở Phổ, trong các đơn vị lớn hơn lữ đoàn, quân thường trực là lan-đơ-ve bao giờ cũng biên chế hỗn hợp, trong khi trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ thì những loại quân ấy biên chế độc lập với nhau. Sĩ quan và hạ sĩ quan của rê-đíp luôn luôn ở trong các đơn vị hậu bị; rê-đíp mỗi năm được triệu tập một lần để huấn luyện và trong thời gian huấn luyện được hưởng lương và khẩu phần như quân thường trực. Nhưng tổ chức này đòi hỏi có một sự quản lý dân chính được tổ chức tốt và một trình độ văn minh mà Thổ Nhĩ Kỳ còn xa mới đạt tới, cho nên, ở mức độ rất lớn, nó chỉ tồn tại trên giấy tờ; do đó, nếu chúng tôi cho rằng quân số của rê-đíp ngang với ni-dam thì rõ ràng là chúng tôi nêu lên quân số lớn nhất có thể có của nó.

Số lượng quân bổ trợ được tuyển mộ ở các địa phương như sau:

1. Các công quốc vùng Đa-nuýp	6 000 người
2. Xéc-bi	20 000 -
3. Bô-xni-a và Héc-txê-gô-vi-na.....	30 000 -
4. Thượng An-ba-ni.....	10 000 -
5. Ai cập	40 000 -
6. Tuy-ni-di và Tơ-ri-pô-li.....	10 000 -

Cộng..... 116 000 người

Phải cộng thêm vào đó số lính tình nguyện - lính ba-si-bu-dúc; Tiểu Á, Cuộc-đi-xtan và Xi-ri có thể cung cấp một số lượng lớn

lính này. Đây là tàn dư cuối cùng của những đạo quân phi chính quy lớn - chủ yếu đó là các đơn vị kỵ binh mà trong những thế kỷ trước đã tràn vào khắp nước Hung-ga-ri và hai lần tiến sát Viên²⁴³; những thất bại liên tiếp mà họ vấp phải trong hai thế kỷ vừa qua đã chứng minh rằng họ thua cả kỵ binh trang bị kém nhất của châu Âu đến mức nào. Họ đã mất lòng tự tin trước đây, và vai trò hiện nay của họ quy vào chỗ tụ tập xung quanh quân đội, ăn xài và tiêu diệt những nguồn vật phẩm cần thiết để nuôi quân chính quy. Lính ba-si-bu-dúc ham cướp bóc và không đáng tin cậy, nên thậm chí không làm nổi nhiệm vụ cảnh giới nơi đóng quân mà quân Nga trao cho lính Cô-dắc của họ; vào lúc mà người ta cần đến lính ba-si-bu-dúc hơn bao giờ hết thì không tài nào tìm thấy họ. Vì vậy, trong cuộc chiến tranh này, việc giảm số lượng loại quân này được thừa nhận là điều hợp lý và chúng tôi cho rằng người ta đã tập hợp không quá 50 000 lính này.

Như vậy là số lượng quân đội Thổ Nhĩ Kỳ vào thời gian đầu cuộc chiến tranh này, chúng ta có thể tính theo những con số sau đây:

Ni-dam	136 000 người
Rê-đíp	136 000 “
Quân bổ trợ chính quy từ Ai Cập và từ Tuy-ni-di....	50 000 “
Quân bổ trợ phi chính quy từ Bô-xni-a và An-ba-ni	40 000 “
Lính ba-si-bu-dúc	50 000 “

Cộng..... 412 000 người

Nhưng trong tổng số này phải trừ đi một số lượng nào đó. Điều khá chính xác là các quân đoàn ở châu Âu thì ở trong một trạng thái tương đối tốt và được biên chế theo hết khả năng của Thổ Nhĩ Kỳ; nhưng ở châu Á, tại các tỉnh xa xôi, nơi mà dân Hồi giáo chiếm ưu thế, thì có thể là tình hình nhân lực đã sẵn sàng nhưng tình hình vũ khí, quân trang, đạn dược lại rất tồi. Tập đoàn quân Đa-nuýp chủ yếu là do ba quân đoàn châu Âu hợp thành. Đây là hạt nhân mà xung quanh nó tập hợp rê-đíp châu Âu, quân đoàn Xi-ri hoặc ít ra là đại bộ phận của nó, các đơn vị Ác-na-út²⁴⁴

và Bô-xni-a và lính ba-si-bu-dúc. Tuy thế, tính thận trọng đặc biệt của Ô-me-rơ-pa-sa - ông ta kiên trì cho đến phút cuối cùng mới sử dụng đến quân đội của mình - là bằng chứng tốt nhất nói lên rằng ông ta ít tin tưởng như thế nào vào sức chiến đấu của đạo quân chính quy ưu tú duy nhất của Thổ Nhĩ Kỳ từ trước đến nay. Nhưng ở châu Á, nơi mà cái lễ thói tham ô và nằm ý trước đây của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn thịnh hành, hai quân đoàn ni-dam, toàn bộ quân rê-đíp và toàn bộ khối lượng quân phi chính quy đều không thể chống nổi với quân Nga có quân số ít hơn nhiều; mỗi trận đánh đều kết thúc bằng thất bại của quân Thổ Nhĩ Kỳ và đến cuối chiến dịch năm 1854, đạo quân châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ hầu như không còn tồn tại nữa. Từ đó thấy rõ rằng quân đội không những thiếu tổ chức chặt chẽ; mà trên thực tế phần lớn chính quân lính cũng không tồn tại. Người ta thường xuyên nghe thấy các sĩ quan nước ngoài và phóng viên các báo ở Các-xơ và Éc-de-rum than phiền về tình trạng thiếu vũ khí, quân trang, đạn dược và lương thực, và tất cả họ đều khẳng định rằng nguyên nhân của tình trạng này là sự nằm ý, sự bất lực và lòng tham lam của các pa-sa. Người ta phát tiền đều đặn cho chúng, nhưng lần nào chúng cũng chiếm làm của riêng.

Quân phục của binh sĩ quân chính quy Thổ Nhĩ Kỳ nhìn chung là bất chước quân đội phương Tây; sự khác nhau chủ yếu là chiếc phe-xca đỏ, một thứ mũ không thích hợp nhất với khí hậu địa phương, đội vào thường bị cảm nắng trong mùa hè nóng nực. Chất lượng quân phục rất kém, trong khi đó quân phục không được thay theo thời hạn quy định, vì sĩ quan thường biên thủ khoản tiền dùng để thay quân phục. Vũ khí trong bộ binh cũng như trong kỵ binh đều là kiểu không cải tiến; chỉ có pháo binh được trang bị các khẩu pháo dã chiến rất tốt, được đúc ở Công-xtăng-ti-nô-plơ dưới sự lãnh đạo của các sĩ quan người Âu và các kỹ sư trong nước.

Bản thân người Thổ Nhĩ Kỳ không phải là binh sĩ tồi. Bản tính họ dũng cảm, đặc biệt dẻo dai và kiên nhẫn, và trong những điều kiện nhất định họ tỏ ra biết phục tùng chỉ huy. Các sĩ quan người Âu, một khi đã được sự tín nhiệm của binh sĩ Thổ Nhĩ Kỳ, có thể tin cậy ở họ; Gra-khơ và Bất-lơ ở Xi-li-xtơ-ri và

I-xoan-đơ-bếch (I-lin-xki) ở Va-la-ki có thể chứng minh điều đó. Nhưng đây là những ngoại lệ. Nhìn chung, sự thù ghét bẩm sinh của người Thổ Nhĩ Kỳ đối với “tín đồ dị giáo” rất mãnh liệt, phong tục và quan niệm của họ khác người Âu đến nỗi chừng nào người Thổ Nhĩ Kỳ còn là một dân tộc thống trị ở trong nước, thì họ còn không chịu phục tùng những người mà trong thâm tâm họ coi khinh và coi là thấp kém hơn họ rất nhiều. Cảm giác khinh miệt ấy thậm chí lan sang cả tổ chức quân đội sau khi quân đội ấy được tổ chức theo kiểu châu Âu. Người lính Thổ Nhĩ Kỳ ghét bỏ các thiết chế của tín đồ dị giáo không kém gì căm ghét chính bản thân tín đồ dị giáo. Thêm vào đó kỷ luật nghiêm ngặt, hoạt động tích cực liên tục và sự chú ý thường xuyên mà quân đội hiện đại đòi hỏi đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ có đầu óc định mệnh, lười biếng, thụ động thù ghét cao độ. Thậm chí sĩ quan thà để cho quân đội bị đánh tan còn hơn là phát huy tính tích cực và tư duy sáng suốt của mình. Đây là một trong những chỗ yếu nhất của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, và riêng chỗ yếu này đã đủ để khiến cho quân đội ấy không thích hợp với bất cứ hoạt động tấn công nào.

Lính thường và hạ sĩ quan được tuyển mộ theo lối ghi tên tình nguyện và rút thăm; trong các sĩ quan sơ cấp đôi khi cũng có người được đề bạt từ lính thường lên, nhưng theo lệ thường, thì đây là những binh sĩ phi chiến đấu và cần vụ, tức cái gọi là bọn hầu hạ và điều đóm cho các sĩ quan cao cấp. Các trường quân sự ở Công-xtăng-ti-nô-plơ ở vào trình độ rất thấp không thể huấn luyện đủ số lượng thanh niên để bổ sung cho quân số thiếu hụt. Còn về các quân nhân ở cấp cao hơn, thì ở đây thịnh hành chế độ sủng ái không thể nào hình dung nổi ở các nước phương Tây. Đại bộ phận tướng lĩnh trong thời thanh niên đã là những nô lệ Séc-kê-xi cũ, những mignons^{1*} của các nhân vật hiển quý. Sự cực kỳ dốt nát, tầm hiểu biết hạn chế và tính tự phụ thịnh hành ở khắp nơi, còn trò âm mưu kiểu cung đình là thủ đoạn chủ yếu để thăng quan tiến chức. Thậm chí một số ít tướng lĩnh người Âu (bọn phản bội) phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ lẽ ra không được thu dụng, nếu người ta không tuyệt đối cần đến họ để toàn bộ

^{1*} - người được sủng ái

bộ máy quân sự khỏi bị tan rã. Nhưng trong những điều kiện như thế, người ta đã tuyển dụng, mà không có sự lựa chọn, những người thực sự xứng đáng, cũng như bọn phiêu lưu thuần túy.

Hiện giờ, sau ba chiến dịch, có thể nói rằng quân đội Thổ Nhĩ Kỳ không còn tồn tại nữa, trừ 80 000 người thuộc đạo quân ban đầu của Ô-me-rơ-pa-sa mà một bộ phận của nó đóng ở vùng Đa-nuýp, một bộ phận ở Crum. Đạo quân châu Á gồm đủ loại căn bã với số lượng chừng 25 000 người, nó không thích hợp với dã chiến và bị mất tinh thần sau khi bại trận. Số còn lại của 400 000 người trước đây đã biến đi đâu rồi, điều đó nào ai biết: có thể là một bộ phận của họ đã ngã trên chiến trường, đã chết vì bệnh tật, đã tàn phế và giải ngũ, còn bộ phận đã biến thành thổ phỉ. Rất có thể đây là quân đội cuối cùng của Thổ Nhĩ Kỳ, khó có thể tưởng tượng nổi Thổ Nhĩ Kỳ có thể phục hồi lại được sau ngọn đèn mà nó phải chịu đựng vì liên minh với Anh và Pháp.

Đã qua rồi cái thời kỳ khi mà tinh thần gan dạ của quân Thổ Nhĩ Kỳ trong các trận đánh ở Ôn-tê-nít-sa²⁴⁵ và Sê-ta-te đã gây ra sự khâm phục quá đáng. Sự án binh bất động ngoan cố của Ô-me-rơ-pa-sa đủ gây ra sự hoài nghi đối với các phẩm chất chiến đấu khác của quân Thổ Nhĩ Kỳ; thậm chí trận phòng ngự xuất sắc ở Xi-li-xtơ-ri cũng không thể làm tiêu tan hoàn toàn sự hoài nghi ấy. Những thất bại ở châu Á, cuộc rút chạy khỏi Ba-la-cla-va, tư thế phòng ngự thuần túy của quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ép-pa-tô-ri và sự án binh bất động tuyệt đối của họ ở doanh trại gần Xê-va-xtô-pôn - tất cả những điều đó cho phép đánh giá đúng đắn hơn chất lượng chiến đấu của quân Thổ Nhĩ Kỳ. Về tổ chức của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ thì cho tới nay vẫn hoàn toàn không thể đưa ra một sự đánh giá chung nào về ưu điểm của nó. Không nghi ngờ gì nữa, một số trung đoàn của họ nổi trội về mặt tinh thần dũng cảm, có những viên chỉ huy tốt và có thể chấp hành mọi nhiệm vụ, nhưng những trung đoàn như thế rất ít. Khối lượng bộ binh đồ sộ thiếu tinh thần đoàn kết, do đó nó không thích hợp với dã chiến, tuy biểu hiện những phẩm chất tốt trong chiến hào. Kỵ binh chính quy tuyệt đối thua kém kỵ binh của bất cứ nước nào ở châu Âu. Pháo binh đạt trình độ cao hơn, các trung đoàn pháo dã chiến của nó rất xuất sắc; binh sĩ dường như sinh ra để làm

nhệm vụ ấy, nhưng các sĩ quan thì còn thiếu nhiều phẩm chất tốt. Trong quân rê-đíp, trình độ tổ chức kém còn bộc lộ rõ nét hơn, tuy rằng binh sĩ đương nhiên đều sẵn sàng làm hết khả năng. Trong số quân không chính quy, người Ác-na-út và Bô-xni-a chỉ tỏ ra là những du kích xuất sắc và thường được sử dụng vào việc phòng ngự công sự. Lính ba-si-bu-dúc hầu như vô dụng, thậm chí còn vô dụng hơn nhiều. Lính Ai Cập xem ra ngang trình độ ni-dam Thổ Nhĩ Kỳ, lính Tuy-ni-di hầu như hoàn toàn vô tích sự. Do đó, nếu như đạo quân ô hợp ấy, với những sĩ quan tồi và sự chỉ huy không thích đáng hầu như hoàn toàn tan rã sau ba chiến dịch, thì điều đó cũng không có gì làm người ta phải ngạc nhiên.

II. QUÂN ĐỘI XÁC-ĐI-NI

Quân đội Xác-đi-ni gồm có 10 lữ đoàn bộ binh, 10 tiểu đoàn lạp binh, bốn lữ đoàn kỵ binh, ba trung đoàn pháo, một trung đoàn công binh và lính đánh mìn, một đơn vị lính bộ binh tinh nhuệ (cảnh sát) và kỵ binh nhẹ thuộc đạo Xác-đi-ni.

Trong 10 lữ đoàn bộ binh thì có một lữ đoàn vệ binh, bốn tiểu đoàn tinh binh, hai tiểu đoàn kỵ lạp binh và chín lữ đoàn nòng cốt, tương đương 18 trung đoàn, mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn. Cần thêm vào đó 10 tiểu đoàn lạp binh (bersaglieri^{1*}) mỗi lữ đoàn có một tiểu đoàn này; như vậy là số lượng bộ binh nhẹ hiện đã qua huấn luyện của quân đội Xác-đi-ni vượt xa bất cứ quân đội nào khác.

Ngoài ra, mỗi trung đoàn còn có một tiểu đoàn hậu bị. Sau năm 1849 quân số của tiểu đoàn này giảm đi rất nhiều do những nguyên nhân tài chính. Thời chiến tiểu đoàn phải có khoảng 1 000 người, thời bình có không quá 400; số còn lại được về nghỉ vô thời hạn.

Kỵ binh có bốn trung đoàn kỵ binh nặng và năm trung đoàn kỵ binh nhẹ. Mỗi trung đoàn có bốn đại đội dã chiến và một đại đội hậu bị, thời chiến, bốn đại đội dã chiến của trung đoàn phải có khoảng 800 người, còn thời bình quân số vị tất đạt 600 người.

Ba trung đoàn pháo gồm có một trung đoàn công nhân và nhân viên kỹ thuật, một trung đoàn pháo cứ điểm (12 đại đội) và một

^{1*} - béc-xa-li-ê-ri là lạp binh I-ta-li-a

trung đoàn pháo dã chiến (sáu khẩu đội bộ pháo, hai khẩu đội kỵ pháo, hai khẩu đội trọng pháo, mỗi khẩu đội có tám khẩu pháo). Những khẩu đội kinh pháo có pháo nòng dài 8 pao và lựu pháo 24 pao; các khẩu đội trọng pháo có pháo nòng dài 16 pao; tổng cộng có 80 khẩu.

Trung đoàn công binh và đánh mìn gồm 10 đại đội hay là khoảng 1 100 người. Số lượng lính bộ binh tinh nhuệ (cưỡi ngựa và đi bộ) rất lớn đối với một vương quốc nhỏ như vậy, tính có khoảng 3 200 người. Kỵ binh nhẹ làm nhiệm vụ cảnh sát ở trên đảo Xác-đi-ni, có chừng 1 100 người.

Năm 1848, trong thời kỳ chiến dịch đầu tiên chống Áo, quân số của quân đội Xác-đi-ni không ngại ngần gì nữa, đã lên tới 70 000 người. Năm 1849, con số đó tăng lên hầu như đến 130 000. Sau đó nó giảm xuống còn khoảng 45 000 người. Lực lượng đó hiện giờ thế nào, khó mà xác định được, nhưng không nghi ngờ gì cả, sau khi ký hiệp ước với Anh và Pháp²⁴⁶ quân số của quân đội ấy lại tăng lên.

Tính chất cơ bản lớn nhất của quân đội Pi-ê-mông cho phép nó bất cứ lúc nào cũng có thể tăng và giảm số lượng quân chiến đấu, tính chất ấy sở dĩ có được là nhờ chế độ bổ sung quân rất giống với chế độ của Phổ; thật thế, về nhiều mặt, Xác-đi-ni có thể được gọi là xứ Phổ của I-ta-li-a. Ở các bang thuộc Xác-đi-ni, mỗi công dân cũng có nghĩa vụ tòng quân, tuy có khác Phổ ở chỗ là cho phép tòng quân thay; cũng như ở Phổ, thời hạn quân dịch chia ra thành thời kỳ ở ngạch thường trực và thời kỳ trong đó binh sĩ rời quân đội nhưng tiếp tục ở trong ngạch hậu bị, và khi xảy ra chiến tranh có thể được gọi tái ngũ. Chế độ này là một cái gì ở giữa phương pháp của Phổ và phương pháp được thi hành ở Bỉ và ở các quốc gia nhỏ ở Đức. Như thế là bằng cách gọi lính hậu bị, số lượng bộ binh có thể tăng khoảng từ 30 000 lên đến 80 000 người. Quân số của kỵ binh và pháo binh dã chiến chỉ có thể tăng ít, vì binh sĩ của các binh chủng này thông thường phải ở lại trung đoàn suốt thời hạn quân dịch.

Về hình thức bên ngoài cũng như về chất lượng chiến đấu, quân đội Pi-ê-mông không thua kém bất cứ quân đội nước nào ở

châu Âu. Giống như lính Pháp, lính Pi-ê-mông nhất là bộ binh, người không cao; chiều cao trung bình của quân vệ binh thậm chí không đạt 5 phút 4 in-sơ. Nhưng nhờ quần áo may đẹp, có tư thế quân sự, thân hình cân đối và lanh lẹ và có bộ mặt xinh xắn của người I-ta-li-a, nên họ trong dễ coi hơn nhiều so với các binh sĩ có vóc người cao lớn. Kiểu quân phục và trang bị của bộ binh nòng cốt và quân vệ binh, về cơ bản, giống như kiểu của Pháp, một số chi tiết thì bắt chước người Áo. Lính bác-xa-li-ê-ri mang một kiểu trang phục đặc biệt: đội mũ kiểu lính thủy có cắm chùm lông gà lớn và mặc áo ngoài màu nâu. Kỵ binh mặc áo ngoài màu nâu ngắn, dài chớm đến đùi. Về cơ bản bộ binh được trang bị súng trường nòng ngắn, lính bác-xa-li-ê-ri được trang bị bằng ca-ra-bin ngắn kiểu Ti-gôn là một thứ vũ khí tốt và hoàn toàn thích hợp, nhưng về tất cả các mặt đều thua súng trường Mi-ni-ê. Kỵ binh tuyển đầu được trang bị chủ yếu bằng giáo; quy tắc ấy có còn được duy trì trong kỵ binh nhẹ hay không, thì điều đó chúng tôi không dám nói. Pháo cỡ tám pao của các khẩu đội kỵ binh pháo và bộ pháo hạng nhẹ đã đem lại cho họ ưu thế so với các quân đội châu Âu khác, giống như ưu thế của quân Pháp khi còn có được trong tay pháo cỡ ấy. Nhưng các khẩu đội trọng pháo được trang bị pháo nòng dài 16 pao đã làm cho pháo binh của họ trở thành pháo binh dã chiến hạng nặng nhất trên lục địa. Trận đánh trên sông Đen đã chứng minh rằng những khẩu pháo ấy, khi đã được đặt xong, có thể bắn hoàn hảo, trong trận này pháo bắn chính xác đã thúc đẩy, trên mức độ rất lớn, thắng lợi của liên quân và đã được mọi người ca ngợi.

Trong tất cả các quốc gia I-ta-li-a, Pi-ê-mông ở vào vị trí thuận lợi nhất cho việc thành lập một quân đội ưu tú. Các đồng bằng của sông Pô và các nhánh của nó cung cấp những con tuấn mã và những binh sĩ khôi ngô lực lưỡng, tầm vóc cao nhất trong số tất cả những người I-ta-li-a, đặc biệt thích hợp với kỵ binh và pháo binh nặng. Ở miền núi bao quanh những đồng bằng đó, từ ba phía - bắc, tây và nam - có những con người dũng cảm, tầm vóc không cao lớn lắm, nhưng khỏe mạnh và kiên nghị, cần cù và cơ trí như tất cả những người miền núi. Chính họ là hạt nhân của bộ binh, nhất là trong các đơn vị lính bác-xa-li-ê-ri, mà về mặt

huấn luyện thì họ hầu như không thua kém chasseurs de Vincennes^{1*}, nhưng không nghi ngờ gì cả, họ trội hơn những người này về mặt thể lực và sức dẻo dai.

Các trường quân sự ở Pi-ê-mông nhìn chung ở vào trình độ cao, do vậy các sĩ quan được huấn luyện tốt. Trước năm 1846, quý tộc và tầng lớp có ảnh hưởng lớn đối với việc bổ nhiệm các chức vụ sĩ quan. Cho đến lúc đó, Sác-lơ An-be chỉ thừa nhận có hai lực lượng mà ông ta dựa vào để cai trị: tầng lớp và quân đội; thật thế, ở I-ta-li-a, đâu đâu người ta cũng có thể nghe nói rằng ở Pi-ê-mông cứ ba người mà người ta gặp ở ngoài phố thì nhất định có một người là lính, người thứ hai là tầng lớp và chỉ người thứ ba mới là dân thường. Hiện nay tình hình đó đương nhiên là chấm dứt rồi; giới tầng lớp hoàn toàn không có ảnh hưởng gì, và tuy rằng quý tộc còn giữ nhiều chức vụ sĩ quan, nhưng các cuộc chiến tranh năm 1848 và 1849 đã in dấu ấn của nó lên quân đội, mang lại cho nó tính chất dân chủ ở mức độ nhất định, và tính chất dân chủ ấy không dễ gì thủ tiêu được. Một số phóng viên Anh ở Crum khẳng định rằng hầu hết các sĩ quan Pi-ê-mông đều “xuất thân từ quý tộc”, nhưng điều đó rất xa sự thật; cá nhân chúng tôi quen biết một số sĩ quan Pi-ê-mông trưởng thành từ lính thường lên và chúng tôi có thể khẳng định rằng phần lớn các đại úy và trung úy hiện nay là những người hoặc xứng đáng với cấp hiệu của họ nhờ sự dũng cảm trong cuộc đấu tranh chống người Áo, hoặc ít ra không có quan hệ gì với quý tộc.

Chúng tôi cho rằng lời khen ngợi hay nhất có thể đưa ra đối với quân đội Pi-ê-mông nằm trong ý kiến phát biểu của một trong những kẻ thù trước đây của quân đội này là tướng Suên-han-xơ, phó tổng tham mưu trưởng quân đội Áo trong những năm 1848 và 1849. Trong cuốn “Hồi ký về cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a”, viên tướng này, một trong những sĩ quan ưu tú của quân đội Áo và là người đã tìm mọi cách cản trở việc thiết lập nền độc lập của I-ta-li-a, bao giờ cũng nói về quân đội Pi-ê-mông với sự kính trọng nhất:

“Pháo binh của họ”, - ông nói, - “gồm những con người được chọn lọc, do những sĩ quan ưu tú có tri thức chỉ huy, khí tài pháo binh của họ tốt, và cỡ pháo tốt hơn

^{1*} - lạp binh Vành-xen

của chúng ta”. “Không thể coi thường kỵ binh, kỵ binh tuyển đầu được trang bị giáo, nhưng vì vũ khí này khi có những kỵ binh tài ba nhất mới sử dụng được, nên chúng tôi không dám coi biện pháp mới này là sự cải tiến lớn. Nhưng tài cưỡi ngựa của họ ở trình độ cao”. Ở Xan-ta-lu-xi-a hai bên chiến đấu với tinh thần dũng cảm đáng kinh ngạc, quân Pi-ê-mông tấn công rất kiên quyết và mãnh liệt; quân Áo cũng như quân Pi-ê-mông đã lập được nhiều chiến công và biểu hiện tinh thần dũng cảm cá nhân”. “Quân đội Pi-ê-mông không phải hổ thẹn khi nói đến trận đánh ở Nô-va-ra”²⁴⁷ v.v..

Tướng Phổ Vi-li-den, người đã tham gia chiến dịch 1848 và không hề có thiện cảm với nền độc lập của I-ta-li-a cũng đã khen ngợi quân đội Pi-ê-mông.

Từ năm 1848, một số giới ở I-ta-li-a coi quốc vương Xác-đi-ni như là thủ lĩnh tương lai của cả bán đảo. Tuy không tán thành ý kiến ấy, chúng tôi vẫn cho rằng khi người I-ta-li-a đấu tranh giành được tự do, thì quân đội Pi-ê-mông sẽ là lực lượng quân sự chủ yếu để đạt được mục đích ấy và nó sẽ tạo thành hạt nhân của quân đội I-ta-li-a sau này. Trước khi điều đó được thực hiện, quân đội Pi-ê-mông có thể sẽ trải qua một loạt sự biến đổi nội bộ có tính chất cách mạng, nhưng những chiến binh ưu tú của nó sẽ vượt qua được mọi thử thách và thậm chí nó còn có được lợi thế do sự sát nhập nó vào quân đội dân tộc chân chính.

III - NHỮNG QUÂN ĐỘI NHỎ HƠN Ở I-TA-LI-A

Quân đội của giáo hoàng xem ra chỉ có trên giấy tờ. Các tiểu đoàn bộ binh và đại đội kỵ binh không bao giờ đủ quân số và chỉ tạo thành một sư đoàn yếu. Ngoài ra còn có trung đoàn vệ binh người Thụy Sĩ là thứ quân duy nhất mà chính phủ còn có thể tin cậy ít nhiều. Quân đội Tô-xca-nơ, Pác-mơ và Mô-đê-na đều quá nhỏ bé để có thể được bàn đến; chỉ cần nói rằng những quân đội này về cơ bản được tổ chức theo kiểu của Áo. Ngoài ra có quân đội Na-plơ, nhưng cũng không đáng nói nhiều. Quân đội này chưa bao giờ tỏ ra dũng cảm trước quân địch; dù chiến đấu cho quốc vương như vào năm 1799, hoặc cho hiến pháp như vào năm 1821, nó bao giờ cũng nổi tiếng về chạy dài²⁴⁸. Thậm chí vào năm 1848 và 1849, quân địa phương của quân đội Na-plơ đã bị những người khởi nghĩa đánh bại ở khắp mọi nơi, và nếu không có các đơn vị

quân đội người Thụy Sĩ thì ông vua trái phá giờ đây không còn ngồi trên ngai vàng của mình nữa. Trong thời gian La Mã bị vây, Ga-ri-ban-di đã dẫn một đơn vị nhỏ xuất kích đánh vào sư đoàn Na-plơ và hai lần đánh bại sư đoàn này²⁴⁹. Quân số quân đội Na-plơ theo biên chế thời bình là 26 000 - 27 000 người, nhưng năm 1848, theo người ta nói, nó lên tới 49 000 người mà nếu được biên chế đầy đủ sẽ đạt khoảng 64 000 người. Trong tất cả những quân đội ấy, chỉ có quân lính người Thụy Sĩ là đáng chú ý. Những đội quân này gồm có bốn trung đoàn, mỗi trung đoàn có hai tiểu đoàn; tiểu đoàn đủ quân số phải có 600 người, cả bốn trung đoàn có 4 800 người. Nhưng hiện nay số cán bộ khung của nó quá đông, nên mỗi tiểu đoàn có khoảng 1 000 người (riêng trung đoàn 4, trung đoàn Béc-nơ, có 2 150 người); tổng quân số binh lính người Thụy Sĩ là khoảng 9 000 người. Đây là những binh sĩ hạng nhất thực sự được đặt dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan của chính họ, không phụ thuộc vào Chính phủ Na-plơ về mặt tổ chức nội bộ và quản lý. Thoạt tiên binh sĩ này được thuê vào năm 1824 hoặc năm 1825 khi quốc vương không còn tín nhiệm quân đội của mình mới nổi loạn cách đây không lâu, cảm thấy cần có vệ binh mạnh để bảo vệ mình. Với các bang ở Thụy Sĩ người ta đã ký kết các hiệp ước hoặc “định ước” ba mươi năm, như cách người ta gọi; quân lính người Thụy Sĩ duy trì điều lệnh kỷ luật và tổ chức quân sự của mình và hưởng lương gấp ba lần so với các binh sĩ Na-plơ tại địa phương; các quân lính này được tuyển mộ trong những người tình nguyện ở tất cả các bang, ở đây đều thành lập các phòng tuyển mộ. Sĩ quân về hưu, cựu binh và thương binh đều được hưởng trợ cấp. Nếu hết hạn 30 năm mà định ước không được ký lại thì các trung đoàn này sẽ giải tán. Hiến pháp hiện nay của Thụy Sĩ cấm mộ lính đi phục vụ ở nước ngoài, do đó, sau năm 1848 các định ước đã được hủy bỏ; việc tuyển mộ ở Thụy Sĩ đã bị đình chỉ, ít ra là trên phương diện chính thức, nhưng ở Ki-át-xô và những địa phương khác ở Lô-m-bác-di đã thành lập các trạm tuyển mộ, và nhiều nhân viên tuyển mộ đã bí mật tiếp tục công việc của mình trên lãnh thổ Thụy Sĩ. Chính phủ Na-plơ rất cần tân binh, nên không từ chối nhận cả những tên phản bội trong số các nhân vật lưu vong chính trị đang ở Thụy Sĩ lúc bấy

giờ. Trong điều kiện đó, quốc vương Na-plơ xác nhận các đặc quyền mà các định ước ba mươi năm đã quy định cho binh sĩ người Thụy Sĩ, và tháng tám năm ngoái, khi hết hạn ba mươi năm như hiệp ước đã quy định, thì một sắc lệnh đặc biệt đã gia hạn thi hành các đặc quyền trong suốt thời gian các binh sĩ người Thụy Sĩ ở lại phục vụ nhà vua.

IV - QUÂN ĐỘI THUY SĨ

Ở Thụy Sĩ không có quân đội quốc gia thường trực. Mỗi người Thụy Sĩ có khả năng làm nghĩa vụ quân sự đều phải phục vụ trong dân binh. Dân binh chia ra làm ba nhóm tuổi (Auszug, erstes và zweites Aufgesbot^{1*}). Thanh niên trong mấy năm phục vụ đầu tiên được gọi đi học lớp huấn luyện đặc biệt và đôi khi phải tập trung ở doanh trại. Nhưng tất cả những ai đã được chứng kiến bước đi vững vẻ và dáng điệu khó coi của binh sĩ Thụy Sĩ hoặc đã được nghe lời chế nhạo của binh sĩ trẻ đối với các hạ sĩ quan huấn luyện họ thì đều phải thừa nhận rằng các phẩm chất quân sự của họ phát triển rất yếu. Đề quan niệm được sức chiến đấu của loại dân binh này, chúng tôi chỉ có thể phán đoán qua ví dụ về cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt năm 1847²⁵⁰ mà đặc điểm là số thiệt hại đặc biệt nhỏ so với số lực lượng tham gia cuộc chiến tranh ấy. Tổ chức dân cảnh hầu như hoàn toàn nằm trong tay chính phủ các bang và, tuy cơ cấu chung của nó do luật liên bang quy định và đứng đầu dân binh là bộ tư lệnh liên bang, một hệ thống như thế chỉ có thể dẫn tới sự phá hoại trật tự và sự đồng nhất. Đồng thời hệ thống đó tất nhiên trở ngại cho việc tích lũy cần thiết các lực lượng hậu bị, cho việc tiến hành các biện pháp cải cách và việc củng cố một cách có hệ thống các địa điểm trọng yếu, nhất là ở nơi mà Thụy Sĩ dễ bị tấn công nhất, trên biên giới của Thụy Sĩ và Đức.

Người Thụy Sĩ, giống như tất cả những người dân miền núi khác, nếu được huấn luyện nghiêm ngặt, sẽ là những binh sĩ ưu tú; nơi nào mà họ phục vụ trong quân chính quy đứng dưới bất cứ ngọn cờ nào, họ đều chiến đấu rất khá. Nhưng họ thiếu sự

^{1*} - loại vừa đến tuổi, thuộc diện gọi đợt một và đợt hai

nhanh nhạy cơ trí, và muốn tăng cường lòng tự tin và tinh thần đoàn kết của họ thì cần huấn luyện họ một thời gian dài hơn là người Pháp hoặc người miền Bắc nước Đức chẳng hạn. Có thể, trong trường hợp nước ngoài tấn công Thụy Sĩ, nhiệt tình yêu nước của họ sẽ bù đắp cho những khuyết điểm ấy, song điều đó rất đáng nghi ngờ. Một đạo quân chính quy 80 000 người hoặc thậm chí ít hơn thế chắc chắn sẽ thắng được con số 160 000 người và đông hơn thế, con số mà chính người Thụy Sĩ nói rằng họ có thể cung cấp được. Năm 1798, người Pháp chỉ dùng có mấy trung đoàn mà đã đánh thắng họ²⁵¹.

Người Thụy Sĩ rất tự hào về những xạ thủ xuất sắc của họ. Không nghi ngờ gì nữa, ở Thụy Sĩ so ra có nhiều xạ thủ giỏi hơn bất cứ nước nào khác ở châu Âu, trừ lãnh địa vùng núi An-pơ thuộc Áo. Nhưng khi người ta thấy rằng hầu hết các tay thiện xạ ấy trong quân đội đều được trang bị bằng súng nòng ngắn thông thường không tiện lợi, thì lòng kính trọng đối với các xạ thủ xuất sắc của Thụy Sĩ đã giảm xuống rất nhiều. Có thể là một số ít tiểu đoàn bộ binh gồm những xạ thủ xuất sắc, nhưng những cây súng nòng ngắn và nặng nề (Stutzen) đã lỗi thời và không thể nào so sánh với súng trường Mi-ni-ê, cùng với phương pháp nạp đạn bất tiện và chậm chạp của súng ấy, thuốc súng được nhồi bằng dụng cụ nhồi hình thù chiếc sừng, không bảo đảm được thắng lợi của họ đối với quân đội được trang bị vũ khí hoàn hảo hơn.

Vũ khí, trang bị, tổ chức, chế độ huấn luyện của quân đội Thụy Sĩ đã lỗi thời và xem ra tình hình sẽ cứ như thế, chừng nào mà chính phủ các bang còn tham dự vào công việc này.

V - QUÂN ĐỘI CÁC NƯỚC VÙNG BÁN ĐẢO XCĂNG-ĐI-NA-VƠ

Quân đội Thụy Điển và Na Uy, tuy liên hợp dưới ngọn cờ của một quốc vương, song vẫn độc lập như của quốc gia của chúng. Khác với Thụy Sĩ, những nước miền núi này có quân đội thường trực. Nhưng xét điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt của họ, do đó, cũng xét theo tình trạng dân cư thưa thớt, bán đảo Xcăng-đi-na-vơ

giống Thụy Sĩ đến mức ngay trong tổ chức quân sự của hai nước cũng chủ yếu tồn tại cùng một hệ thống - hệ thống dân binh.

Thụy Điển có ba loại quân: các trung đoàn được tổ chức bằng cách tuyển mộ (värfvade trupper), các trung đoàn địa phương (indelta trupper) tại các điểm dân cư và quân dự bị. Värfvade gồm có ba trung đoàn bộ binh, gồm sáu tiểu đoàn, hai trung đoàn kỵ binh và ba trung đoàn pháo với 13 khẩu đội bộ pháo và bốn khẩu đội kỵ pháo, tổng cộng có tất cả 96 khẩu 6 pao, 24 khẩu 12 pao và 16 khẩu 24 pao. Tổng cộng là 7 700 người và 136 khẩu pháo. Toàn bộ pháo binh của quân đội Thụy Điển nằm trong loại quân này.

Indelta tạo thành 20 trung đoàn địa phương tại các điểm dân cư, mỗi trung đoàn có hai tiểu đoàn, năm tiểu đoàn bộ binh độc lập và sáu trung đoàn kỵ binh, số đại đội trong các trung đoàn kỵ binh thay đổi từ 1 đến 8. Quân số của loại quân này là 33 000 người.

Quân dự bị chiếm đại bộ phận quân đội, trong trường hợp được gọi nhập ngũ sẽ có 95 000 người.

Ngoài ra trên đảo Gôt-lăng có đội dân binh đặc biệt thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, gồm có 21 đại đội với quân số 7 850 người và 16 khẩu pháo. Như thế là tổng quân số quân đội Thụy Điển lên chừng 140 000 người và 150 khẩu pháo dã chiến.

Thời hạn phục vụ của lính tình nguyện trong các trung đoàn loại thứ nhất thường là 14 năm, nhưng pháp luật cũng cho phép tuyển mộ theo thời hạn ba năm. Indelta là một loại dân binh đặc biệt mà binh sĩ của nó sau khi đã qua huấn luyện sẽ được sống cùng với gia đình ở các trang trại phân phối cho họ và mỗi năm chỉ bị gọi ra huấn luyện một lần, trong thời gian một tháng. Thu nhập của trang trại là lương của họ, nhưng trong thời gian huấn luyện, họ được lĩnh tiền thù lao đặc biệt. Các sĩ quan cũng nhận một mảnh đất của nhà vua ở khu vực thích hợp trong nước làm lãnh địa tạm thời của mình. Tất cả các công dân Thụy Điển có khả năng làm nghĩa vụ quân sự trong lứa tuổi từ 20 đến 25 đều tham gia quân dự bị; họ qua một thời gian huấn luyện quân sự ngắn, rồi sau đó hằng năm được gọi ra huấn luyện hai tuần. Như thế là ngoài một số lượng nhỏ värfvade và quân gôt-lăng, thì

toàn thể quân đội Thụy Điển - indelta và quân dự bị - về thực chất là dân binh.

Trong lịch sử quân sự, người Thụy Điển chiếm một địa vị hoàn toàn không tương xứng với số dân có hạn, nguồn cung cấp quân số cho quân đội nổi tiếng của Thụy Điển. Trong cuộc chiến tranh ba mươi năm²⁵², Gu-xtáp A-đôn-phơ, bằng những cuộc cải cách của mình, đã mở ra một kỷ nguyên mới trong chiến thuật. Sác-lơ XII, mà thiên tài quân sự vĩ đại của ông ta đã bị đầu óc phiêu lưu hủy diệt, đã buộc người Thụy Điển lập được những kỳ tích thực sự, ví dụ: dùng kỵ binh tấn công đánh chiếm công sự. Trong những cuộc chiến tranh chống Nga vừa qua, người Thụy Điển đã biểu hiện khía cạnh ưu tú nhất của mình, năm 1813 Béc-na-đốt-tơ ra sức tránh cho quân đội Thụy Điển mọi sự phiêu lưu và quân Thụy Điển hầu như không bị hỏa lực uy hiếp trừ phi mắc sai lầm, trừ trận Lai-pxích trong đó họ chỉ là một bộ phận không đáng kể của liên quân. Không nghi ngờ gì nữa, värfvade, thậm chí indelta có thể giữ vững mãi mãi vinh quang của quân đội Thụy Điển, nhưng quân dự bị, nếu không được tập trung và huấn luyện một thời gian dài trước khi tác chiến, thì chỉ có thể đóng vai đạo tân binh.

Na Uy có năm lữ đoàn bộ binh gồm 22 tiểu đoàn hay là 12 000 người, một lữ đoàn kỵ binh gồm ba sư đoàn lập binh hay là 1 070 người, và một trung đoàn pháo khoảng 1 300 người; ngoài ra, họ còn có quân dự bị dưới hình thức dân cảnh, gồm 9 000 người; tổng quân số quân đội Na Uy khoảng 24 000 người. Về cơ cấu của nó, quân đội này không khác quân đội Thụy Điển mấy. Đặc điểm duy nhất của nó là một số nhỏ đại đội lập binh được trang bị nạng trượt tuyết, với dụng cụ này binh sĩ sử dụng hai chiếc gậy dài có thể vận động nhanh chóng trên tuyết giống như người Lô-pa-ri.

Quân đội Đan Mạch gồm có 23 tiểu đoàn bộ binh (một tiểu đoàn vệ binh, 12 tiểu đoàn nòng cốt, năm tiểu đoàn bộ binh nhẹ và năm tiểu đoàn lập binh), biên chế thành bốn lữ đoàn, mỗi tiểu đoàn theo biên chế thời bình có khoảng 700 người, ba lữ đoàn kỵ binh (ba đại đội kỵ vệ binh, sáu trung đoàn long kỵ, mỗi trung đoàn có

bốn đại đội; trong thời bình đại đội có 140 người), một lữ đoàn pháo binh (hai trung đoàn với 12 khẩu đội với 80 khẩu cỡ 6 pao và 16 khẩu cỡ 12 pao) và ba đại đội công binh. Tổng quân số: bộ binh - 16 630 người, kỵ binh - 2 900 người, pháo binh và công binh 2 900 người với 96 khẩu pháo.

Theo biên chế thời chiến, mỗi đại đội bộ binh lên tới 200 người, tiểu đoàn bộ binh có 800 người và đại đội kỵ binh có 180 người, nên tổng số quân tác chiến lên tới 25 500 người. Ngoài ra trong quân dự bị có thể gọi ra 32 tiểu đoàn bộ binh, 24 đại đội kỵ binh và sáu khẩu đội pháo binh tổng cộng là 31 500 người, tạo khả năng đưa tổng quân số lên khoảng 56 000 - 57 000 người. Nhưng khi cần số lượng ấy có thể tăng thêm; chẳng hạn, trong cuộc chiến tranh vừa rồi, riêng Đan Mạch, không kể Hôn-stai-nơ và Slê-dơ-vích, đã có thể cung cấp từ 50 000 đến 60 000 người, mà hiện nay Đan Mạch lại có quyền tuyển lính ở những công quốc nói trên.

Quân đội được bổ sung bằng cách gắp thăm trong số thanh niên ở lứa tuổi từ 22 trở lên. Thời hạn phục vụ là tám năm, nhưng trên thực tế, pháo thủ ở lại các trung đoàn có sáu năm, còn binh sĩ của quân thường trực thì phục vụ bốn năm, thời gian còn lại họ nằm trong diện quân dự bị. Ở lứa tuổi 30 đến 38, người Đan Mạch sẽ thuộc vào dân binh gọi đợt một, còn từ lứa tuổi 39 cho đến 45 sẽ thuộc vào diện dân binh gọi đợt hai. Tất cả những cái đó đều tổ chức rất tốt, nhưng nếu xảy ra chiến tranh với Đức thì hầu như một nửa quân đội Đan Mạch - số quân này được tuyển ở các công quốc - sẽ bỏ chạy tán loạn và sẽ quay súng chống lại đồng đội hiện nay của mình. Chính sự pha trộn nhiều giữa người Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ là nhược điểm của quân đội Đan Mạch; nó làm cho quân đội đó, trên thực tế, hầu như hoàn toàn bất lực khi xảy ra cuộc xung đột nào đó với nước lân cận mạnh hơn mình.

Từ cuộc cải tổ những năm 1848 - 1849, quân đội Đan Mạch được cung cấp và trang bị tốt và có cơ sở vững vàng về mọi mặt. Người sinh trưởng ở chính Đan Mạch đều là binh sĩ ưu tú, tỏ ra xuất sắc hầu như trong mọi trận chiến đấu của cuộc chiến tranh ba

năm, song người Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, không nghi ngờ gì cả, lại tỏ ra trộ hơn. Sĩ quan nói chung là tốt, nhưng trong số họ có quá nhiều người xuất thân từ quý tộc và họ rất kém về mặt đào tạo lý luận. Báo cáo của các sĩ quan thường được viết một cách cầu thả giống như báo cáo của các sĩ quan Anh; sự giống nhau của quân đội Đan Mạch với quân đội Anh còn ở chỗ là họ cũng có đặc điểm là vận động kém; nhưng họ chưa biểu hiện được tính kiên cường không sờn mà những người chiến thắng ở In-ke-rơ-man đã biểu hiện. Không nghi ngờ gì nữa, người Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ có thể được xếp vào số những binh sĩ ưu tú châu Âu. Họ là những pháo thủ xuất sắc, có thể giữ được sự bình tĩnh trong chiến đấu, giống những người bà con với họ - người Anh. Tuy họ là dân đồng bằng, nhưng rất thích hợp để phục vụ trong bộ binh nhẹ; tiểu đoàn lập binh đầu tiên của họ năm 1850 có thể đua tài với bất cứ đơn vị nào cùng binh chủng ấy.

VI - QUÂN ĐỘI HÀ LAN

Quân đội Hà Lan có 36 tiểu đoàn bộ binh, được biên chế thành 9 trung đoàn hay là 44 000 người; bốn trung đoàn long kỵ gồm 20 đại đội, hai đại đội lập kỵ binh và hai đại đội kỵ hiến binh; tất cả 24 đại đội kỵ binh gồm 4 400 người; hai trung đoàn pháo dã chiến (năm khẩu đội bộ pháo cỡ 6 pao, sáu khẩu đội bộ pháo cỡ 12 pao, hai khẩu đội pháo cỡ 6 pao và hai khẩu đội kỵ pháo cỡ 12 pao, tổng cộng 120 khẩu) và một tiểu đoàn công binh; tổng quân số là 58 000 người, không kể các trung đoàn khác nhau ở thuộc địa. Nhưng đạo quân đó không thường xuyên tồn tại trong thời bình. Chỉ có hạt nhân gồm các sĩ quan, hạ sĩ quan và một số ít lính tình nguyện, thường xuyên sẵn sàng chiến đấu. Đại bộ phận binh sĩ tuy được gọi nhập ngũ phục vụ 5 năm, nhưng trên thực tế chỉ phải huấn luyện vài ba tháng, sau đó giải tán về gia đình, rồi hằng năm được gọi đi huấn luyện dã ngoại mấy tuần. Ngoài ra còn có một loại quân dự bị, chia ra làm ba đợt gọi; tất cả công dân có khả năng làm nghĩa vụ quân sự, ở lứa tuổi từ 20 đến 35 đều tham gia loại quân này. Thuộc diện đợt gọi thứ nhất có khoảng 53 tiểu đoàn, và số quân thuộc diện đợt gọi thứ hai gồm

29 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh. Nhưng những đơn vị này hoàn toàn không được tổ chức, nên vị tất có thể coi họ thậm chí là dân binh.

VII - QUÂN ĐỘI BỈ

Quân đội Bỉ gồm có 16 trung đoàn bộ binh, gồm 49 tiểu đoàn, không kể mỗi trung đoàn còn có một tiểu đoàn hậu bị; tổng số bộ binh là 46 000 người. Kỵ binh gồm có hai trung đoàn lập kỵ binh và hai trung đoàn thương kỵ binh, một trung đoàn ghi-đơ, hai trung đoàn giáp kỵ, tất cả là 38 đại đội, không kể bảy đại đội hậu bị; toàn bộ kỵ binh có 5 800 người. Pháo binh gồm bốn trung đoàn (bốn khẩu đội kỵ binh, 15 khẩu đội bộ pháo, bốn khẩu đội hậu bị và 24 đại đội pháo cứ điểm) với 152 khẩu pháo nòng dài cỡ 6 pao và cỡ 12 pao; ngoài ra có một trung đoàn công binh và lính đánh mìn, gồm 1 700 người. Không kể quân dự bị thì tổng quân số là 62 000 người; kể cả quân dự bị, như đợt gọi lính vừa rồi chứng minh, quân số này có thể lên tới 100 000. Quân đội bổ sung quân số theo lối gấp thắm; thời hạn phục vụ là tám năm, nhưng binh sĩ được về nghỉ khoảng một nửa số thời gian ấy. Như thế là, theo biên chế thời bình, lực lượng thực tế của Bỉ chưa chắc đã được 30 000 người.

VIII - QUÂN ĐỘI BÒ ĐÀO NHA

Quân đội Bò Đào Nha năm 1850 gồm có những binh chủng sau đây:

	Biên chế thời bình	Biên chế thời chiến
Bộ binh	18 738	40 401
Kỵ binh	3 508	4 676
Pháo binh	2 707	0498
Công binh và bộ tham mưu	728	495
	25 681	49 670

Pháo binh gồm có một trung đoàn pháo dã chiến với một khẩu đội kỵ pháo và bảy khẩu đội bộ pháo, ba trung đoàn pháo trận địa và pháo cứ điểm và ba tiểu đoàn độc lập trên các đảo. Các cỡ pháo gồm cỡ 6 pao và 12 pao.

IX - QUÂN ĐỘI TÂY BAN NHA

Trong tất cả các quân đội châu Âu, quân đội Tây Ban Nha, do tình hình đặc biệt, đã trở thành mối quan tâm lớn nhất đối với nước Mỹ. Do đó, kết thúc bài điểm tình hình lực lượng quân sự châu Âu, chúng tôi dành cho nó sự chú ý lớn hơn là thiết tưởng nó đáng được dành cho nếu so sánh tầm quan trọng của nó với tầm quan trọng của quân đội các nước láng giềng với nó ở bên kia bờ Đại Tây Dương.

Lực lượng quân sự của Tây Ban Nha gồm có quân đội ở trong nước và các đội quân ở thuộc địa.

Quân đội trong nước gồm có một trung đoàn tinh binh, 45 trung đoàn nông cốt, mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn, hai trung đoàn với biên chế hai tiểu đoàn, đóng ở Xây-ta, và 18 tiểu đoàn cazadores - lập binh. Năm 1852, tất cả 160 tiểu đoàn ấy tạo thành một đạo quân tác chiến 72 670 người, tiêu tốn của nhà nước mỗi năm 82 692 651 đồng rê-a-lơ hay là 10 336 581 đô-la. Kỵ binh vào năm 1851 gồm có 16 trung đoàn lính bộ binh tinh nhuệ, long kỵ và thương kỵ, mỗi trung đoàn có bốn đại đội, với 11 đại đội cazadores hay là kỵ binh nhẹ, tất cả là 12 000 người, tiêu tốn của nhà nước 17 549 562 rê-a-lơ hay là 2 193 695 đô la.

Pháo binh có năm trung đoàn bộ pháo biên chế thành ba lữ đoàn, mỗi khu vực trong vương quốc có một trung đoàn, năm lữ đoàn trọng pháo, ba lữ đoàn kỵ pháo và ba lữ đoàn sơn pháo, tổng cộng có 26 lữ đoàn hay là tiểu đoàn như hiện nay người ta thường gọi. Mỗi tiểu đoàn kỵ pháo có hai khẩu đội, mỗi tiểu đoàn sơn pháo và bộ pháo có bốn khẩu đội, 92 khẩu đội bộ pháo và sáu khẩu đội kỵ pháo có tất cả 588 khẩu pháo dã chiến.

Công binh và lính đánh mìn tạo thành một trung đoàn gồm 1 240 người.

Quân dự bị gồm có một tiểu đoàn (tiểu đoàn 4) cho mỗi trung đoàn bộ binh và một đại đội hậu bị cho mỗi trung đoàn pháo binh.

Tổng quân số lực lượng quân sự năm 1851 - ghi trên giấy tờ là 103 000 người; năm 1843 sau khi Ê-xpác-te-rô đổ, con số đó chỉ còn 50 000 người, nhưng có một thời gian Nác-va-e-xơ đã tăng đạo quân ấy lên đến 100 000 người. Có thể cho rằng con số trung bình trong quân ngũ nhiều nhất là 90 000 người.

Thành phần quân đội ở các thuộc địa như sau:

1- Quân đội ở Cu-ba gồm có 16 trung đoàn bộ binh loại cự binh, bốn đại đội lính tình nguyện, hai trung đoàn kỵ binh, hai tiểu đoàn bộ pháo, mỗi tiểu đoàn có bốn khẩu đội, một tiểu đoàn sơn pháo với bốn khẩu đội, một tiểu đoàn kỵ pháo với hai khẩu đội và một tiểu đoàn công binh và lính đánh mìn. Ngoài những số quân nông cốt ấy còn có milicia disciplinada^{1*} gồm bốn tiểu đoàn bộ binh và bốn đại đội kỵ binh, milicia urbana^{2*} gồm tám đại đội kỵ binh, cộng tất cả có 37 tiểu đoàn bộ binh, 20 đại đội kỵ binh và 84 khẩu pháo. Mấy năm gần đây quân thường trực Cu-ba được bổ sung một số lượng lớn binh lính từ Tây Ban Nha đến, và nếu chúng ta tính con số ban đầu là 16 000 - 18 000 người, thì hiện nay ở Cu-ba có lẽ có 25 000 - 28 000 người. Nhưng con tính ấy chỉ là phỏng chừng thôi.

2- Quân đội ở Pu-éc-tô Ri-cô gồm có ba tiểu đoàn bộ binh gồm có cự binh, bảy tiểu đoàn dân binh thuộc diện kỷ luật, hai tiểu đoàn lính tình nguyện địa phương, một đại đội kỵ binh tình nguyện địa phương và bốn khẩu đội bộ pháo. Vì đại bộ phận thuộc địa của Tây Ban Nha bị buông lơi, nên không thể xác định với mức độ chuẩn xác nào đó quân số của đạo quân này.

3- Quân đội ở quần đảo Phi-líp-pin gồm có năm trung đoàn bộ binh, mỗi trung đoàn có tám đại đội, một trung đoàn lập binh Lu-xôn, chín khẩu đội bộ pháo, một khẩu đội kỵ pháo và một khẩu đội sơn pháo. Chín đơn vị, mỗi đơn vị có năm tiểu đoàn bộ binh bản xứ, và những đơn vị tồn tại từ trước được tuyển mộ trong dân cư bản xứ đã bị giải tán năm 1851.

Quân đội được bổ sung quân số bằng cách gắp thăm, cho phép đi lính thay. Đợt tuyển lính hàng năm cung cấp 25 000 người, nhưng năm 1848 người ta đã gọi lính ba đợt, hay là 75 000 người.

Tổ chức hiện nay của quân đội Tây Ban Nha yếu là nhờ Nác-va-e-xơ, tuy điều lệnh mà Sác-lơ III đặt ra năm 1768 vẫn còn là cơ sở cho cơ cấu của nó. Nác-va-e-xơ đã bỏ cờ địa phương của

^{1*} - dân binh thuộc diện kỷ luật (gồm những đơn vị bị kỷ luật)

^{2*} - dân binh thành phố

trung đoàn - mỗi trung đoàn đều có cờ riêng - và thay bằng cờ chung của Tây Ban Nha. Ông cũng xóa bỏ tổ chức địa phương, tập trung hóa quân đội và khôi phục sự thống nhất của nó. Qua kinh nghiệm biết rõ rằng tiền bạc là động lực chủ yếu đối với một quân đội chưa được lĩnh lương bao giờ và thiếu ăn thiếu mặc, ông ta đã tìm cách chấn chỉnh lương của binh sĩ và việc quản lý tài chính của quân đội. Nác-va-e-xơ có hoàn toàn thực hiện được sáng kiến của mình hay không, điều đó không ai biết được, nhưng tất cả những cải tiến mà ông ta thực hiện trong lĩnh vực này đều biến mất nhanh chóng trong thời kỳ Xác-tô-ri-út và người kế tục y cầm quyền. Tình trạng quen thuộc - “không có lương, không có ăn, không có mặc” - được khôi phục hoàn toàn; trong khi các tướng tá và sĩ quan cao cấp ăn mặc sang trọng với những chiếc áo ngoài lấp lánh vàng bạc, thậm chí mặc những chiếc áo may theo thị hiếu cá nhân, không theo một quy định nào cả, thì binh sĩ mặc những chiếc áo ngoài rách rưới và không có giày. Một sĩ quan Anh đã mô tả tình hình quân đội Tây Ban Nha 10 - 12 năm trước đây như sau²⁵³:

“Tư thế của người lính Tây Ban Nha chẳng có gì là quân nhân cả. Lính gác đi đi lại lại trước vọng gác, chiếc mũ lông lẳng ở gáy, khẩu súng rung rinh trên vai, cất cao giọng hát bài seguidilla^{1*} nào đó với dáng điệu thoải mái nhất. Họ nhiều khi hoàn toàn không có quần phục, hoặc là áo ngoài và quần của họ rách rưới đến nỗi ngay trời nóng họ cũng buộc phải khoác ra ngoài một chiếc áo choàng dài màu tro; cứ trong ba người là có một người giày hoàn toàn hồng thò cả ngón chân ra ngoài - vida militar^{2*} ở Tây Ban Nha tuyệt vời như thế đấy!”

Lệnh của Xéc-ran-nô ban bố ngày 9 tháng Chín 1843 quy định:

“Từ nay, tất cả các sĩ quan và các quan chức cấp cao trong quân đội ra vào nơi công cộng nếu không mặc thường phục thì đều phải mặc quần phục của trung đoàn mình và đeo kiếm kiêu qui định; tất cả các sĩ quan cũng chỉ được đeo các phù hiệu theo đúng kiêu đã quy định; cấm chỉ tất cả mọi đồ trang sức tùy tiện và lố lăng mà nhiều sĩ quan cho rằng cần phô trương”.

^{1*} - xê-ghi-đi-la (bài hát ngắn)

^{2*} - đời lính

Đây là về sĩ quan, còn bây giờ có thể trích dẫn những đoạn nói về binh sĩ.

“Lữ đoàn trưởng Coóc-đô-va mở ở Ca-di-xơ một cuộc lạc quyên - tên ông ta đứng đầu danh sách - nhằm mục đích lấy tiền mua quần áo phát cho mỗi binh sĩ dùng cầm của trung đoàn A-xtu-ri-a”.

Tình hình tài chính hỗn loạn đó là lý do giải thích sự việc sau đây: từ năm 1808 quân đội Tây Ban Nha ở vào tình trạng phiến loạn hầu như liên tục. Nhưng nguyên nhân thực sự của tình trạng đó còn sâu xa hơn nhiều. Cuộc chiến tranh lâu dài với Na-pô-lê-ông, trong đó các đạo quân và các viên tư lệnh của chúng giành được ảnh hưởng chính trị, lần đầu tiên đã đem lại cho quân đội Tây Ban Nha màu sắc quân cấm vệ. Nhiều nhân vật hăng hái đã ở trong quân đội ngay từ thời kỳ cách mạng; việc sát nhập các đội du kích vào quân chính quy đã tăng cường thành phần ấy. Vì vậy, nếu như các sĩ quan cao cấp giữ tham vọng kiêu quân cấm vệ của họ, thì binh sĩ và sĩ quan cấp dưới hiện nay còn được truyền thống cách mạng cổ vũ. Tất cả những tình hình đó đã chuẩn bị dần dần cho cuộc nổi dậy những năm 1818 - 1823, còn sau đó, trong những năm 1833 - 1843²⁵⁴, nội chiến lại đưa quân đội và các lãnh tụ của nó lên địa vị hàng đầu. Không có gì đáng ngạc nhiên khi mà quân đội bị tất cả các đảng phái lợi dụng làm công cụ, đã nhất thời nắm được chính quyền.

“Người Tây Ban Nha là một dân tộc hiếu chiến, nhưng không phải giỏi về quân sự”, linh mục Đơ Prát nói²⁵⁵. Trong tất cả các dân tộc châu Âu, người Tây Ban Nha, không nghi ngờ gì cả, có ác cảm nhất đối với kỷ luật quân sự. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng là một dân tộc nổi tiếng trên một trăm năm về bộ binh của mình, sẽ xây dựng lại quân đội mà nó có thể tự hào. Tuy nhiên để đạt được điều đó cần phải thay đổi không những hệ thống quân sự, mà còn phải thay đổi, ở mức độ lớn hơn, toàn bộ chế độ sinh hoạt dân sự.

C.MÁC

SỰ TỪ CHỨC CỦA TƯỚNG XIM-XƠN. -
TIN TỨC TỪ NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 3 tháng Tám. Hai ngày trước đây, tờ “Morning Post”, với cách phát biểu rõ ràng thể hiện sự lúng túng của nó, đã báo cho công chúng Anh biết là tướng Xim-xơn, vì lý do sức khỏe yếu, sắp sửa từ bỏ trách nhiệm tổng tư lệnh quân đội Anh của mình và sẽ không có ai được cử kế tục ông. Nói cách khác, *quân đội Anh sẽ phục tùng viên tổng chỉ huy Pháp*. Như thế là nội các Anh định từ bỏ trách nhiệm về việc tiến hành chiến tranh và đùn cho “đồng minh vinh quang và vĩ đại của chúng ta”. Nghị viện, do đó, cũng mất đi sự kiểm soát cuối cùng trên hình thức. Đồng thời đã tìm ra được một thủ đoạn chắc chắn để biến liên minh Anh và Pháp thành sự thù địch tàn khốc giữa hai quốc gia ấy. Chúng ta biết rằng tất cả những cái đó là do bàn tay của một tên lãnh nghề làm ra, entente cordiale²⁵⁶ đã bị phá hoại năm 1839 dưới sức ép thô bạo của chính hắn.

Nghị viện đã kết thúc xứng đáng kỳ họp của mình bằng những vụ tai tiếng. *Chuyện tai tiếng thứ nhất*: bác bỏ dự luật về trách nhiệm hạn chế trong các công ty thương mại tư nhân (không phải công ty cổ phần) theo yêu cầu của các nhà đại tư bản mà chỉ một cái Chau mày của họ cũng đủ làm cho con người tự cao tự đại nhất - Pan-móc-xơn run sợ. *Chuyện tai tiếng thứ hai*: hoãn vô thời hạn việc thảo luận dự luật về điều chỉnh quan hệ phát canh và lĩnh canh ở Ai-rơ-len, một dự luật đã chu du 4 năm trời trong

hai viện; hoãn lại là một sự thỏa hiệp rút rè cho phép hạ nghị viện từ bỏ tác phẩm của mình, cho phép nội các phản bội lời hứa của mình và cho phép “khu Ai-rơ-len” để ngỏ vấn đề chưa giải quyết, để lợi dụng nó trong thời gian hustings^{1*}. *Chuyện tai tiếng cuối cùng*: đề án của thiếu tá Rít trao trách nhiệm cho nội các triệu tập nghị viện trong trường hợp ký hòa ước vào thời gian nghị viện nghỉ họp. Mọi người đều biết, Rít là một tên giáo quyết sống nhờ Pan-móc-xơn. Hắn đưa ra “đề án không tín nhiệm” của mình để dùng mảnh lời làm cho nghị viện *bỏ phiếu tín nhiệm* chính phủ. Nhưng nghị viện đã chế nhạo đề án của Rít, chế nhạo Pan-móc-xơn, chế nhạo bản thân mình. Nó đã rơi vào tình trạng giống như tình thế của một con người bị bỏ rơi không còn cách nào khác hơn là dùng đến “sự cười nhạo” để tự phủ định.

Do C.Mác viết ngày 3 tháng Tám 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
361, ngày 6 tháng Tám 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

^{1*} - hội nghị bầu cử

C. MÁC

BÌNH LUẬN VỀ CÁC CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, ngày 8 tháng Tám. Cuộc tranh luận về Ấn Độ trong phiên họp hôm qua của thượng nghị viện bắt nguồn từ bản báo cáo tài chính của Véc-nôn Xmit (hiện nay cả Đại Mô-gôn và Ma-nu đều nằm trong nhân vật này) về tình hình của Đế quốc Anh ở châu Á, và cũng bắt nguồn từ đề án của Brai-tơ nêu lên là sau này sẽ đưa vấn đề quan trọng ấy ra thảo luận ở hạ nghị viện vào thời gian “thích hợp cho tranh luận”; chúng tôi tạm thời không trình bày những cuộc tranh luận ấy, vì trong thời gian nghị viện nghỉ họp chúng tôi đã có ý định bình luận kỹ về tình hình Đông Âu.

Huân tước *Giôn Rót-xen* không thể không tìm cách lợi dụng sự bẽ mặt sắp tới của kỳ họp của nghị viện để tích lũy vốn chính trị cho địa vị khó xử của mình. Sự khó xử của địa vị của ông ta là ở chỗ ông ta *đã không* còn ở trong chính phủ nữa, nhưng *chưa* ở trong phe đối lập. Trong phe đối lập To-ri, địa vị lãnh đạo đã có người chiếm, và ở đây Rót-xen không làm ăn gì được. Trong phe đối lập tự do thì Glát-xtôn đang khao khát quyền lãnh đạo. Trong bài diễn văn vừa rồi, mà ông ta cho là mẫu mực, được đọc lên nhân dịp cho Thổ Nhĩ Kỳ vay nợ, Glát-xtôn đã khéo biện hộ cho việc giảng hòa với Nga, chứng minh rằng chiến tranh được tiến hành làm thiệt hại đến Thổ Nhĩ Kỳ và các dân tộc đang đấu tranh,

nhất là I-ta-li-a, Rót-xen đã cảm thấy trước những sự thất bại đáng sợ trong thời gian nghị viện nghỉ họp và những tiếng hò hét đòi giảng hòa khi nghị viện tái họp trở lại. Ông ta cảm thấy trước rằng cần đưa ra lời yêu cầu hòa bình được che đậy dưới chiêu bài chủ nghĩa tự do, nhất là đảng To-ri đã ở vào địa vị *par excellence*^{1*} là đảng chủ chiến I-ta-li-a - đó là lý do để ký kết hòa ước với Nga! Rót-xen ghen tỵ với Glát-xtôn là người đầu tiên đã nảy ra ý nghĩ đó, và vì Rót-xen không thể *vượt lên trước* Glát-xtôn, trước hết chiếm lấy trận địa có lợi như thế nào, nên ông ta quyết định *đóp* lấy tư tưởng của Glát-xtôn, biến giọng văn cao thượng của bài diễn văn của Glát-xtôn thành giọng văn tầm thường. Rót-xen khác với Pan-móc-xton ở chỗ không còn ở trong chính phủ nữa, và khác với Glát-xtôn ở chỗ chưa ở phe đối lập - tình hình ấy cho phép ông ta biến việc ăn cắp văn chương thành việc có lợi. Vì vậy, tối hôm qua Rót-xen đứng lên phát biểu và ngay từ đầu đã bảo đảm rằng ông ta “không có ý định thu hẹp, cũng như thôi phồng trách nhiệm của chính phủ”. Nhưng ông ta nói rằng trách nhiệm đó rất lớn. Chỉ riêng năm nay đã tiêu vào chiến tranh 45 000 000 p.xt. và sắp sửa đến lúc phải lãnh trách nhiệm về số tiền khổng lồ ấy. Ở biển Ban-tích, hạm đội không thu được thắng lợi gì và xem ra cũng sẽ chẳng thu được gì. Ở Hắc Hải, triển vọng cũng chẳng hơn gì. Chính sách đã thay đổi của Áo cho phép Nga di chuyển quân đội của mình từ Ba Lan và những nơi khác đến Crum. Ở vùng duyên hải châu Á, quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đang đứng trước một thảm họa. Niềm hy vọng gửi đến đây một quân đội đánh thuê của nước ngoài gồm 20 000 - 30 000 người để đóng vai trò quân tăng viện đã tiêu tan. Ông ta lấy làm tiếc rằng điện khẩn của ông ta gửi từ Viên không được trình ra nghị viện. Đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn đồng ý với ông về khả năng tiếp thu hòa ước trên cơ sở những đề nghị gần đây của Áo. Nếu như tiếp tục chiến tranh trái với ý muốn của Thổ Nhĩ Kỳ thì sau này vấn đề sẽ không còn là bảo đảm khoản tiền cho vay, mà là vấn đề tài trợ, Pi-ê-mông đã sáp nhập vào các cường quốc phương Tây, nhưng, do đó, nó hoàn toàn có căn cứ để yêu

^{1*} - chủ yếu

cầu thay đổi tình hình ở I-ta-li-a. La Mã đã bị người Pháp chiếm, Lãnh địa của giáo hoàng bị người Áo chiếm; sự chiếm đóng đó hậu thuẫn cho chế độ chuyên chế ở đây cũng như ở Vương quốc hai xứ Xi-xin và cản trở nhân dân I-ta-li-a noi gương Tây Ban Nha. Việc Nga chiếm Các công quốc vùng Đa-nuýp đã trở thành lý do cho cuộc chiến tranh hiện nay. Liên hệ thế nào việc ấy với việc Pháp - Áo chiếm đóng I-ta-li-a? Địa vị độc lập của giáo hoàng, và cùng với nó là thế cân bằng ở châu Âu đang bị đe dọa. Có nên đàm phán với Áo và Pháp về việc thay đổi hình thức cai trị Lãnh địa của giáo hoàng để tạo khả năng rút quân ở đó đi không? Và sau hết là một lời khuyên chẳng nói được cái gì cả: các bộ trưởng chỉ nên đồng ý ký kết một hòa ước trong danh dự, nhưng đồng thời không nên bỏ lỡ cơ hội đàm phán hòa bình.

Pan-móc-xton trả lời rằng ông ta không phải là hạng người nhận lấy trách nhiệm lớn lao về việc tuyên chiến rồi sợ hãi trước trách nhiệm tiến hành cuộc chiến tranh ấy. Ông ta không phải là con người như thế. (Thực ra Pan-móc-xton biết rõ “trách nhiệm” ấy đem lại cái gì.) Pan-móc-xton tuyên bố điều kiện giảng hòa tùy thuộc vào kết quả của chiến tranh, còn kết quả của chiến tranh tùy thuộc vào những tình huống khác nhau, nghĩa là vào sự ngẫu nhiên. (Do đó, sự ngẫu nhiên phải chịu trách nhiệm về kết quả của chiến tranh, mà kết quả của chiến tranh chịu trách nhiệm về điều kiện giảng hòa.) Theo ông ta (Pan-móc-xton) biết thì Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn đồng ý quan điểm của Pháp và Anh. Mà dù không như thế đi nữa thì cũng nên nhớ rằng Thổ Nhĩ Kỳ *chỉ là phương tiện*, chứ không phải là mục đích trong cuộc đấu tranh chống Nga. Các cường quốc “văn minh” phương Tây phải biết rõ hơn một quốc gia phương Đông già yếu xem cái gì là có lợi. (Đây là lời bình luận tuyệt vời biết bao đối với việc tuyên chiến với Nga khi cuộc chiến tranh ấy được người ta gọi là “chiến tranh phòng ngự” đơn thuần để bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ, lời bình luận tuyệt vời đối với bức công hàm Viên khét tiếng mà các cường quốc “văn minh” phương Tây muốn áp đặt cho Thổ Nhĩ Kỳ v.v..) Còn về I-ta-li-a thì ông ta nói rằng đây là vấn đề tế nhị. Ở Na-plơ, tình hình rất đáng sợ, vì sao? Vì Na-plơ là đồng minh của Nga, đồng minh của một quốc gia *chuyên chế*. Còn tình hình ở I-ta-li-a do Áo và Pháp

(đây là các quốc gia không chuyên chế?) chiếm đóng thì “tuy hình thức cai trị thi hành ở đây không phù hợp với tình cảm nhân dân”, song việc chiếm đóng là cần thiết để duy trì “trật tự”. Và lại, Pháp đã giảm số lượng quân ở La Mã, còn Áo đã hoàn toàn rút quân khỏi Tô-xca-nơ. Pan-móc-xton kết thúc lời phát biểu bằng lời chúc mừng liên minh với Pháp, theo ông ta nói, sự liên minh này hiện nay đã chặt chẽ đến mức là cả hai bên bờ biển Măng-sơ, trên thực tế, chỉ có “*một nội các*” cai trị. Pan-móc-xton vừa mới lên án Na-plơ về việc liên minh với một quốc gia chuyên chế! Còn bây giờ ông ta lại chúc mừng Anh có sự liên minh như thế! Toàn bộ thực chất của bài phát biểu của Pan-móc-xton là đã dùng những lời lẽ hiểu chiến dài dòng để kết thúc chính kỳ họp mà ông ta đã dễ dàng kiếm chế không cho làm những việc hiểu chiến nào.

Đương nhiên, hiện nay Rốt-xen đã lợi dụng không biết ngượng I-ta-li-a làm lý do giả tạo để ký kết hòa ước, giống như sau khi ở Viên trở về, ông ta đã lợi dụng Ba Lan và Hung-ga-ri làm lý do giả tạo để tiếp tục chiến tranh. Rốt-xen đã quên đi không biết ngượng rằng khi làm thủ tướng vào những năm 1847 - 1852 ông ta đã đề cho Pan-móc-xton ban đầu thì kích động I-ta-li-a bằng những lời hứa giả dối, rồi sau bỏ mặc I-ta-li-a ở dưới quyền Bô-na-pác-tơ và quốc vương Phéc-đi-năng, giáo hoàng và hoàng đế. Điều đó không làm Rốt-xen lo lắng. Ông ta chỉ lo lắng làm thế nào tước được của Glát-xtôn cái “lý do I-ta-li-a” và biến thành của riêng.

Do C.Mác viết ngày 8 tháng Tám 1855

Đã đăng trên tờ “*Neue Oder-Zeitung*” số 371, ngày 11 tháng Tám 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ CHỐNG LẠI NƯỚC NGA

Luân Đôn, ngày 11 tháng Tám. Lực lượng quân sự mà hiện nay các nước đồng minh tập hợp để chống lại nước Nga, ngoài quân đội của chính những nước ấy, còn có:

1) Một quân đoàn hỗ trợ Pi-ê-mông không lớn lắm gồm 15 000 người, quân đoàn này rút được ở Pi-ê-mông nhờ sự uy hiếp chung của Anh, Pháp và Áo. Việc dùng người Pi-ê-mông để đổ máu là một trong những điều kiện mà Áo đưa ra đối với sự tham gia của Áo vào “hiệp ước ngày 2 tháng Chạp”²⁵⁷.

2) *Quân đoàn lê dương* chỉ gồm có mấy ngàn người, là olla podrida^{1*} gồm lính đánh thuê các nước phương Tây bị dụ dỗ rời khỏi tổ quốc họ từng người một, bí mật và vi phạm điều lệ cảnh sát.

3) *Quân đoàn I-ta-li-a* gồm 4 000 - 5 000 người đang ở trong quá trình thành lập.

4) *Quân đoàn Ba Lan* chỉ mới có trong kế hoạch.

5) Cuối cùng, sau này còn dự định thành lập quân đoàn hỗ trợ *Tây Ban Nha*, nó sẽ gây ra “bệnh xanh xao về tài chính”.

Danh sách những đội quân tình nguyện đủ màu sắc và những

quân đội nhỏ này phản ánh bản đồ châu Âu hiện nay do Anh và Pháp lãnh đạo. Có thể đưa ra được bức biếm họa nào hoàn chỉnh hơn đối với các quân đội quốc gia mà Na-pô-lê-ông I điều đi chống nước Nga không?

Do C.Mác viết ngày 11 tháng Tám 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số 375, ngày 14 tháng Tám 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} - đạo quân ô hợp

C.MÁC

CUỘC MÍT-TINH VỀ BA LAN

Luân Đôn, ngày 13 tháng Tám. Việc báo chí của chính phủ nhiều lần tức tối đã kích cuộc mít-tinh lớn liên quan đến Ba Lan, được tổ chức vào thứ tư trước tại phòng họp lớn Xanh - Mác-tin-xơ²⁵⁸, đã thúc giục chúng tôi phải bàn tóm tắt về vấn đề ấy. Không nghi ngờ gì nữa, chính nội các đã khởi xướng ra cuộc mít-tinh ấy. Người ta đã đưa “Hội văn học những người bạn của Ba Lan”²⁵⁹ - một hội mà thành phần gồm có, một mặt, là những người ủng hộ Sác-tô-rư-xki, còn, mặt khác, là quý tộc Anh có cảm tình với Ba Lan - ra làm chiêu bài. Từ khi thành lập, hội này đã là công cụ mù quáng trong tay Pan-móc-xton chỉ đạo và kiểm soát nó qua huân tước Đa-đli Xtiu-át đã qua đời cách đây ít lâu. Những lời kêu gọi từ Ba Lan và những đoàn đại biểu, mà hội này gửi tới Pan-móc-xton hàng năm là một trong những thủ đoạn chủ yếu để Pan-móc-xton giữ được tiếng tăm “chống Nga” của mình. Đến lượt họ, những người ủng hộ Sác-tô-rư-xki cũng rút ra được những cái lợi lớn trong quan hệ ấy: quan hệ này làm cho họ có thể đóng vai những đại biểu duy nhất đáng tôn kính, có thể gọi là “chính thức”, của những người Ba Lan lưu vong, gạt bỏ phái dân chủ của những người Ba Lan lưu vong, và sau hết lợi dụng những món kinh phí lớn của hội này để giúp đỡ những người lưu vong để dùng việc đó làm thủ đoạn tuyển mộ thành viên vào đảng phái của mình. Giữa Hội văn học và “Tổng bộ Ba Lan”²⁶⁰, Hội dân chủ

Ba Lan đã diễn ra một cuộc đấu tranh ngoan cường và lâu dài. Năm 1839, “Tổng bộ Ba Lan” đã tổ chức ở Luân Đôn một cuộc mít-tinh công chúng lớn, trong đó đã vạch trần âm mưu của hội “văn học”, tố cáo quá khứ lịch sử của bọn Sác-tô-rư-xki (việc này do Ô-xtơ-rốp-xki, tác giả cuốn lịch sử Ba Lan xuất bản bằng tiếng Anh, làm²⁶¹) và lớn tiếng tuyên bố về thái độ đối kháng của mình với “bọn phục hưng” quý tộc - ngoại giao Ba Lan. Từ đó, những vị trí mà hội “văn học” tiếm đoạt được bị lung lay. Tiện đây cần nêu rõ rằng những sự kiện năm 1846, 1848 - 1849²⁶² đã tạo ra thành phần thứ ba trong những người Ba Lan lưu vong, phái xã hội chủ nghĩa, nhưng phái này đã cùng Hội dân chủ chống lại những người ủng hộ Sác-tô-rư-xki.

Cuộc mít-tinh được tổ chức theo sáng kiến của chính phủ nhằm ba mục đích: một là, thành lập quân đoàn Ba Lan để đưa sang Crum, nhờ đó tự giải thoát được một bộ phận “những người Ba Lan lưu vong”; hai là, khôi phục tiếng tăm cho Pan-móc-xton, và sau hết, chuyển vào tay Pan-móc-xton và Bô-na-pác-tơ bất cứ phong trào Ba Lan nào có thể xuất hiện. Báo chí của chính phủ khẳng định rằng một âm mưu được bố trí hết sức bí mật của các tay sai của Nga đã cản trở việc đạt tới mục đích của cuộc mít-tinh. Không có gì buồn cười hơn là lời khẳng định đó. Phần lớn những người đến phòng họp lớn Xanh - Mác-tin-xơ là những người thuộc phái Hiến chương ở Luân Đôn. Tu chính án nhằm phản đối chính phủ^{1*} là do một người thuộc phái Uốc-các-tơ đưa ra và được hai người khác thuộc phái Uốc-các-tơ là Cô-lét và Hác-tơ ủng hộ. Truyền đơn được rải trong phòng mang nội dung như sau:

“Cuộc mít-tinh này là do quý tộc Anh triệu tập, bọn này chỉ ra sức duy trì

^{1*} - Toàn văn tu chính án của Cô-lét được cuộc mít-tinh thông qua như sau: “Cuộc mít-tinh này thành thực mong muốn phục hưng quốc gia Ba Lan, không thể quên rằng sự phá hoại quốc gia ấy trước hết là kết quả của hành động quý quyết của Pan-móc-xton trong thời kỳ 1830 - 1846, do đó chúng nào Pan-móc-xton còn phục vụ quốc vương thì bất cứ đề nghị nào về phục hưng Ba Lan đều chỉ có thể là cạm bẫy và lừa gạt. Tính xác thực của luận điểm ấy cũng được chứng minh ở chỗ là Pan-móc-xton tiến hành chiến tranh sao cho thiệt hại ít nhất cho nước Nga, còn điều kiện giảng hòa mà ông ta đề nghị là những điều kiện rút cục đã biến sự toàn vẹn và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ thành con số không”.

chế độ chính trị cũ kỹ của Anh” v.v. “Ba Lan lên án bất cứ sự liên minh nào với bọn cầm quyền hiện nay ở châu Âu không muốn được phục hưng bởi một trong những chính phủ hiện tại và không muốn hạ mình xuống mức đóng vai công cụ của các mưu mô ngoại giao” v.v..

Những truyền đơn ấy đều có chữ ký của chủ tịch và thư ký “Ủy ban dân chủ Ba Lan”. Nếu ta xét đến tình hình là những người thuộc phái Hiến chương ở Luân Đôn, những người thuộc phái Ước-các-tơ và nhất là những người Ba Lan lưu vong “dân chủ” hoàn toàn không có quan hệ hữu nghị với nhau, thì mọi sự hoài nghi về một “âm mưu” đều lập tức tiêu tan. Cảnh sóng gió trong cuộc mít-tinh là hoàn toàn do hành động của chủ tịch, huân tước Ha-rinh-ton, gây ra. Ông ta đã sử dụng phương pháp phi nghị viện nhất để từ chối đọc tu chính án của Cô-lét và đưa nó ra biểu quyết. Làn sóng công phần đã tăng lên vì đại tá *Sun-sép-xki*, thư ký “Hội văn học những người bạn của Ba Lan” nảy ra ý nghĩ gọi cảnh sát đến bắt Cô-lét. Dĩ nhiên, sự ồn ào đã tăng lên đến tột bậc khi huân tước Ha-rinh-ton, ông Rô-bóc Pin và bạn bè của họ chạy từ diễn đàn xuống và rời hội trường. Sau khi Gioóc-giơ Tô-m-xơn được bầu làm chủ tịch thay Ha-rinh-ton, thì trật tự được khôi phục ngay.

Các đại biểu của giai cấp cầm quyền Anh tỏ ra xuất sắc trong cuộc mít-tinh Ba Lan này, tuyệt nhiên không gây ra được sự kính trọng đặc biệt đối với bọn quý tộc. Bá tước *Ha-rinh-ton* cũng có thể là một người rất tốt đấy, nhưng, không nghi ngờ gì nữa, ông ấy là một diễn giả rất tồi. Người ta không thể tưởng tượng ra được một cảnh tượng nào khó chịu hơn. Ngài vất vả lắm mới rặn ra được hai câu mạch lạc, còn trước đó thì tất cả các câu trong bài diễn văn của ngài đều dở dang và nhân viên tốc ký hoàn thành. Ngài là một quân nhân và, không nghi ngờ gì nữa, là dũng cảm, nhưng nếu như căn cứ vào việc ngài lãnh đạo cuộc mít-tinh Ba Lan, thì rõ ràng là ngài có thể thích hợp với mọi việc, chứ không thích hợp với vai trò nhà lãnh đạo thôi. Huân tước *Ê-brinh-ton*, bà đỡ của dự luật về ngày chủ nhật, nói năng chẳng hơn bá tước Ha-rinh-ton bao nhiêu. Về mặt ông ta biểu lộ sự ngoan cố, hình dáng cái đầu ông ta làm người ta nhớ đến chiếc búa tạ. Ông ta có một ưu điểm không thể chối cãi được; không thể thuyết

phục ông ta bằng lý lẽ. Na-pô-lê-ông đã từng nói rằng người Anh không bao giờ cảm thấy họ bị thua. Về mặt này, Ê-brinh-ton là kiểu mẫu người Anh.

Tiếp theo các huân tước là một số nam tước phát biểu ý kiến. Huân tước Ê-brinh-ton đọc đề án của chính phủ về sự phục hưng Ba Lan, sau đó, ngài Rô-bóc Pin phát biểu ủng hộ đề án ấy. Về nhiều mặt, khó bề tưởng tượng được một sự tương phản nào rõ hơn là sự tương phản giữa “nghị sĩ đại biểu của Têm-u-oóc” (Pin) và “nghị sĩ đại biểu của Mê-ri-lê-bôn” (Ê-brinh-ton). Người thứ nhất là một tên khoác lác lỗ măng bằm sinh, người thứ hai là một kẻ hèn nhất kiểu cách theo lối tín đồ Thánh giáo. Người thứ nhất làm cho người ta buồn cười, người thứ hai làm cho người ta ghét bỏ. Ngài Rô-bóc Pin gây ấn tượng là kẻ bán rượu nho leo lên được địa vị quý tộc, huân tước Ê-brinh-ton gây ấn tượng là một quan tòa của tòa án tôn giáo hướng về đạo Tin lành. Nếu như hợp nhất Tơ-ni Lam-pkin và Người đẹp - Bram-men thì chúng ta sẽ có một khái niệm về diện mạo, quần áo và cử chỉ rất mực kỳ quặc của Pin. Ông ta là vật hỗn hợp đáng kinh ngạc của anh hề và chàng công tử bột. Pan-móc-xton ưa thích vật lạ ấy đến từ Têm-u-oóc, cho rằng nó có ích. Khi ông ta muốn biết ngọn gió của tâm trạng nhân dân thổi về hướng nào, thì ông ta đưa ngài Rô-bóc Pin ra làm chiếc chong chóng xem chiều gió. Khi ông ta muốn thấy rõ xem dư luận Anh có phê chuẩn việc trục xuất Vích-to Huy-gô v.v. hay không, thì ông ta trao cho Rô-bóc Pin việc đá kích kịch liệt những người lưu vong và ca tụng Bô-na-pác-tơ²⁶³. Bây giờ đối với vấn đề Ba Lan cũng đúng như thế. Pan-móc-xton lợi dụng Pin làm “cái vôi” dò dẫm. Pin đặc biệt thích hợp với vai trò không đáng kính trọng lắm ấy. Ông ta chính là cái mà người Anh gọi là “a chartered libertime”, một kẻ xấu nổi có bằng cấp, kẻ dở hơi có đặc quyền mà về những sự bày đặt và hành động ngông cuồng, mách khoe, lời nói và hành động của ông ta đều không có một nội các nào, một chính đảng nào chịu trách nhiệm cả. Ngài Rô-bóc đã đến dự cuộc mít-tinh Ba Lan, diện rất bánh và có điệu bộ của một diễn viên. Giống như cô thợ may thời trang, ông ta mặc coóc-xê bó sát người có gài hoa hồng tươi thắm ở khuyết, sức nước hoa, tay phải vung vẩy chiếc ô lớn mà ông ta dùng để gõ nhịp khi phát

biểu. Nhờ một sự ngẫu nhiên nực cười mà tiếp sau các huân tước và tòng nam tước, Tai-tơ, nguyên phó chủ tịch Hội cải cách hành chính, đã được phát biểu ngay. Mọi người đều biết, từ khi Tai-tơ, nhờ ảnh hưởng của hội ấy mà được tuyên bố là Xô-lông của Bát, ông ta bắt đầu bước đường công danh của mình trong nghị viện bằng việc bỏ phiếu *phản đối* đề án cải cách hành chính cục bộ của Xcan-li và bỏ phiếu *tán thành* Pan-mớc-xton cho Thổ Nhĩ Kỳ vay tiền; đồng thời ông ta hết sức thận trọng *bỏ phiếu trắng* trong cuộc biểu quyết đề án của Rô-bác. Các huân tước và tòng nam tước với thái độ chế nhạo dường như chỉ vào ông ta mà nói rằng: “Trông kia, đây là con người phải thay thế chúng ta!”. Không cần nói tí mĩ hơn về đặc điểm của ông Tai-tơ. Sếch-xpia đã làm việc đó khi sáng tạo hình tượng bất hủ Sê-lô-u, Phôn-stáp, đã so sánh Sê-lô-u với một trong những người mà người ta khắc bằng vỏ phò mát khi ăn tráng miệng^{1*}

Trái với tất cả những ngài ấy, Hác-tơ, một người nghèo trẻ tuổi và không ai biết tên tuổi, ngay khi bắt đầu phát biểu đã gây cho người ta cái ấn tượng xem anh ta là một con người mang sứ mệnh thu hút và lãnh đạo quần chúng. Bây giờ thì có thể hiểu được sự bất bình của chính phủ đối với cuộc mít-tinh Ba Lan. Cuộc mít-tinh không những biến thành sự thất bại đối với Pan-mớc-xton, mà còn là thất bại lớn hơn đối với giai cấp mà ông ta là đại biểu.

Do C.Mác viết ngày 13 tháng Tám 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
379, ngày 16 tháng Tám 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

^{1*} Xem Sếch-xpia: “Vua Hen-ri IV”, phần II, màn III, cảnh 2.

C.MÁC

PHÊ PHÁN LẬP TRƯỜNG CỦA ÁO TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CRUM

Luân Đôn, ngày 15 tháng Tám. Bức thư mà Bra-ti-a-nu vừa gửi cho tờ “Daily News”, trong đó mô tả nỗi đau khổ của dân cư Các công quốc vùng Đa-nuýp dưới ách áp bức của quân đội chiếm đóng Áo, đã ám chỉ thái độ hai mặt của các viên lãnh sự Pháp và Anh, rồi nêu vấn đề:

“Nếu như Áo duy trì ở các công quốc một đạo quân 80 000 người dựa vào đó, như các công điện khẩn đã chứng minh, nó cản trở quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến vào Bét-xa-ra-bi-a và cản trở việc thành lập quân đội Ru-ma-ni, tuy rằng quân đội này có thể tham gia tích cực vào cuộc chiến tranh, nếu như Áo lại đồng thời rút khỏi Ga-li-xi 200 000 người, nhờ đó Nga có thể chuyển về Crum một số quân ngang thế, như vậy phải chăng Áo đóng vai nước đồng minh, hoặc ít ra *nước trung lập?*”.

Áo giữ lập trường hai mặt từ khi nó đóng vai trò *người đứng giữa*, nghĩa là không phải nước đồng minh, cũng không phải nước trung lập. Theo chúng tôi thì đoạn trích dưới đây trong bức điện khẩn của huân tước Cla-ren-đôn gửi cho nội các Viên ngày 14 tháng Sáu 1853 đã chứng minh sự việc là *Anh* đã phân nào đẩy Áo vào con đường ấy:

“Nếu như quân Nga tiến qua các công quốc và xâm nhập các tỉnh khác của Thổ Nhĩ Kỳ thì chắc chắn sẽ nổ ra cuộc tổng khởi nghĩa của dân cư Cơ Đốc giáo, không phải vì lợi ích của Nga, cũng không phải nhằm mục đích ủng hộ vua Thổ

Nhĩ Kỳ, mà là vì nền độc lập của bản thân họ; không cần nói thêm rằng loại khởi nghĩa đó sẽ lan nhanh đến các tỉnh của Áo trên sông Đa-nuýp. Nhưng việc phán đoán xem những sự kiện ấy sẽ gây ra những ảnh hưởng gì ở Hung-ga-ri và I-ta-li-a, những sự kiện ấy sẽ cổ vũ như thế nào bọn phiến loạn châu Âu mà Áo có lý do để lo sợ, bọn này cho rằng chính hiện nay là thời cơ thuận lợi để thực hiện kế hoạch của chúng đã đến - việc phán đoán đó lại là việc của Chính phủ Áo. Chính những lý do ấy đã thúc đẩy chính phủ của nữ hoàng cùng Áo đạt đến một mục đích chung hết sức quan trọng đối với lợi ích xã hội, và cùng Áo tìm kiếm biện pháp điều hòa tham vọng chính đáng của Nga với chủ quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ”.

Còn một vấn đề nữa liên quan đến chính sách của Áo, mà khi sắp kết thúc kỳ họp của nghị viện cũng không sáng tỏ gì hơn khi kỳ họp bắt đầu. Áo giữ lập trường như thế nào đối với cuộc viễn chinh Crum? Ngày 23 tháng Bảy năm nay, Đì-xra-e-li đã hỏi huân tước Giôn Rốt-xen rằng huân tước dựa vào đâu mà tuyên bố rằng “một trong những nguyên nhân chủ yếu của cuộc viễn chinh Crum là việc Áo cự tuyệt vượt sông Prút”.

Huân tước Giôn Rốt-xen không thể nhớ ra, nói đúng hơn, ông ta nói rằng “căn cứ của ông là những hồi ức mơ hồ, những hồi ức có tính chất chung chung”. Bây giờ Đì-xra-e-li lại nêu vấn đề ấy với Pan-mớc-xton thì Pan-mớc-xton:

“không muốn trả lời những câu hỏi như thế có liên quan đến một số mặt cá biệt trong cuộc đàm phán lâu dài giữa chính phủ của nữ hoàng với chính phủ của một ông vua là đồng minh của nữ hoàng trên mức độ nào đó”.

Chúng tôi thấy rằng, bằng câu trả lời rõ ràng là loanh quanh ấy, Pan-mớc-xton đã xác nhận lời tuyên bố của Rốt-xen, nhưng một cách gián tiếp, che đậy bằng những câu nói tinh tế về “đồng minh trên mức độ nào đó”. Bây giờ chúng ta hãy chuyển từ hạ nghị viện sang thượng nghị viện. Ngày 26 tháng Sáu năm nay, huân tước Linh-huê-xơ đã phát biểu đả kích mạnh Áo:

“Đầu tháng Sáu” (1854) “Áo đã kiên quyết yêu cầu Nga rút khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp. Yêu cầu đó được diễn đạt bằng những lời lẽ hết sức gay gắt, bao hàm sự đe dọa sử dụng vũ lực nếu yêu cầu đó không được thực hiện”.

Sau khi đưa ra một số nhận xét có tính chất lịch sử, Linh-huê-xơ nói tiếp:

“Bấy giờ liệu Áo có thể thực sự tiến hành một cuộc tấn công nào đó chống Nga Không? Áo có định đưa quân vào Các công quốc vùng Đa-nuýp không? Tuyệt nhiên không. Áo không hành động gì suốt mấy tuần, mãi cho đến khi Xi-li-xơ-ri được giải vây và quân đội Nga bắt đầu rút, cho đến khi bản thân Nga tuyên bố ý định của mình là trong một thời gian nữa sẽ rút khỏi các công quốc và lui quân về bên kia sông Prút, - chỉ sau đó Áo mới nhớ đến nghĩa vụ của mình”.

Trả lời bài nói ấy, huân tước *Cla-ren-đôn* tuyên bố:

“Khi Áo nhất quyết nhận lấy một loại nghĩa vụ đối với Anh và Pháp và tiến hành công tác chuẩn bị chiến tranh rộng lớn và tốn kém, hơn nữa khi Áo đòi kỳ được Pháp và Anh cử đại biểu quân sự đến tổng hành dinh của tướng Hét-xơ thì, không nghi ngờ gì nữa, lúc đó Áo định tham gia chiến tranh và đặt hy vọng vào chiến tranh. Nhưng Áo cũng hy vọng rằng rất lâu trước khi mùa thuận lợi cho hoạt động quân sự đến thì liên quân đã thu được những thắng lợi có tính chất quyết định ở Crum, rằng liên quân có lực lượng rảnh rang và có thể tiến hành những hoạt động quân sự khác phối hợp với quân đội của bản thân Áo. Tiếc rằng tình huống ấy không xảy ra và nếu tuyên chiến theo yêu cầu của chúng ta thì chắc là Áo buộc phải đơn độc tiến hành chiến tranh”.

Điều đáng kinh ngạc hơn nữa là lời tuyên bố của *Ê-len-bô-rô* ít lâu sau tại thượng nghị viện, cho tới nay chưa bị một vị bộ trưởng nào bác lại:

“Ngay trước khi tiến hành cuộc viễn chinh quân sự, Áo đã đề nghị thảo luận với các cường quốc đồng minh vấn đề hành động quân sự sau này. Nhưng các nước đồng minh hành động theo quyết định đã có từ trước, đã tiến hành cuộc viễn chinh, và bấy giờ Áo lập tức tuyên bố rằng Áo không thể một mình chiến đấu với người Nga và cuộc viễn chinh Crum đã buộc Áo thay đổi phương thức hành động của mình. Thời kỳ sau đó, đúng vào lúc bắt đầu công việc của Hội nghị Viên, khi mà điều đặc biệt quan trọng là Áo cùng hành động với chúng ta, thì lúc bấy giờ các ngài vẫn còn hoàn toàn bị thu hút vào ý nghĩ làm thế nào bảo đảm thắng lợi cho hành động của chúng ta ở Crum, các ngài đã rút khỏi khu vực tiếp giáp biên giới với Áo 50 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ có sức chiến đấu, do đó tước mất của Áo sự chi viện duy nhất mà Áo có thể trông đợi trong trường hợp mở chiến dịch chống Nga. Thưa quý ngài, từ điều đó, cũng như từ lời tuyên bố gần đây của bá tước Cla-ren-đôn, có thể thấy rõ rằng chính cuộc viễn chinh Crum không sáng suốt của chúng ta đã làm tê liệt chính sách của Áo và đặt Áo vào hoàn cảnh khó khăn mà Áo hiện đang lâm vào. Ngay trước khi tiến hành cuộc viễn chinh

Crum, tôi đã đưa ra lời cảnh cáo trước với chính phủ. Tôi đã vạch ra cho chính phủ rằng điều đó sẽ gây ra ảnh hưởng gì đối với chính sách của Áo”.

Như vậy là chúng ta thấy sự mâu thuẫn trực tiếp giữa những lời tuyên bố của ngoại trưởng Cla-ren-đôn, huân tước Giôn Rót-xen và huân tước Ê-len-bô-rô. Rót-xen nói: cuộc viễn chinh Crum sở dĩ được tiến hành là vì Áo từ chối vượt sông Prút, nghĩa là từ chối cầm vũ khí chống lại Nga. Cla-ren-đôn tuyên bố: không, Áo không thể chống Nga, vì cuộc viễn chinh Crum đã không đem lại kết quả mong muốn. Sau hết, huân tước Ê-len-bô-rô tuyên bố: cuộc viễn chinh Crum được tiến hành trái với ý muốn của Áo và buộc Áo cự tuyệt cuộc chiến tranh chống Nga. Những mâu thuẫn ấy dù được giải thích thế nào đi nữa, vẫn cứ chứng minh rằng tính chất hai mặt không phải là đặc điểm của riêng chính sách của Áo.

*Do C.Mác viết ngày 15 tháng Tám 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 383 ngày 18 tháng Tám 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH CỦA ANH - PHÁP CHỐNG NGA²⁶⁴

I

Luân Đôn, ngày 17 tháng Tám. Cuộc chiến tranh của Anh - Pháp chống Nga, không nghi ngờ gì nữa, sẽ được ghi vào lịch sử chiến tranh như là một cuộc “chiến tranh *khó hiểu*”. Lời nói thì khoác lác, nhưng hành động thì chẳng ra gì; chuẩn bị thì quy mô mà kết quả thì thảm hại; sự thận trọng gần như nhút nhát, rồi lại được thay bằng sự táo bạo điên rồ xuất phát từ sự ngu dốt hoàn toàn; các tướng lĩnh thì tầm thường lạ lùng, nhưng binh lính thì anh dũng lạ lùng; những thất bại tuồng như cố ý rồi xen kẽ là những thắng lợi thu được nhờ hiểu lầm; quân đội đứng trước sự diệt vong do cầu thả rồi lại được cứu vớt nhờ tình hình ngẫu nhiên lạ lùng - cả một mớ những mâu thuẫn và không quán triệt tiền hậu. Mà tất cả những cái đó đặc trưng cho quân Nga, cũng như cho các địch thủ của họ. Nếu người Anh đã tiêu ma quân đội mẩu mực do các quan văn quản lý tồi và các quan võ bất tài, nếu người Pháp đã xông pha vào những điều nguy hiểm vô ích và chịu những tổn thất lớn chỉ vì Lu-i Bô-na-pác-tơ có tham vọng lãnh đạo chiến tranh từ Pa-ri, thì người Nga cũng chịu những thiệt hại

như thế do quản lý tồi và do những mệnh lệnh ngu xuẩn, nhưng kiên quyết của Pê-téc-bua. Thiên tài quân sự của hoàng đế Ni-cô-lai từ cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 - 1829 đã bị ngay những kẻ a dua xu nịnh nhất của ông ta ra sức "lờ tịt đi". Nếu quân Nga có Tôt-tơ-le-ben, - tiện đây xin nói luôn là ông ta không phải là *người Nga*, - thì, mặt khác, quân Nga cũng có Goóc-tra-cốp và những người khác có họ tận cùng bằng âm tiết *ốp*, mà về mặt bất tài thì họ không thua kém Xanh-Ăc-nô và Ra-glan chút nào.

Tương chừng, ít ra là hiện nay, khi mà nhiều trí tuệ như thế đang bận rộn thảo ra đủ mọi thứ kế hoạch tấn công và phòng ngự, khi mà số lượng quân lính và thiết bị ngày một tăng, thì phải nảy sinh ra một tư tưởng nào đó sẽ đem lại thắng lợi. Nhưng đã không xảy ra điều gì như thế. Chiến tranh đang kéo dài, và sự tiếp diễn của nó chỉ thúc đẩy sự mở rộng chiến trường. Chiến trường mở ra càng nhiều thì hoạt động ở mỗi chiến trường càng ít. Hiện nay chúng ta có sáu chiến trường: *Bạch Hải, biển Ban-tích, Đa-nuýp, Crum, Cáp-ca-dơ* và *Ăc-mê-ni-a*. Nhưng câu chuyện về tất cả những gì xảy ra trên một không gian bao la như thế thì có thể thu gom vào một cột báo là đủ.

Về *Bạch Hải*, phía Anh - Pháp thận trọng chẳng nói gì cả. Ở đây, liên quân chỉ có thể theo đuổi hai mục đích: ngăn cản tàu Nga đi lại buôn bán gần bờ biển hoặc những việc đi lại buôn bán khác ở vùng biển này và khi có thời cơ thuận lợi thì chiếm lấy Ăc-khan-ghen-xơ. Họ đã tìm cách thực hiện nhiệm vụ thứ nhất, nhưng chỉ thực hiện được có một phần. Năm ngoái, cũng như năm nay, phân hạm đội của liên quân đến quá muộn và bỏ đi quá sớm. Đối với nhiệm vụ thứ hai - chiếm Ăc-khan-ghen-xơ thì họ thậm chí không tính đến chuyện hoàn thành nhiệm vụ ấy. Không tìm cách hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu ấy, phân hạm đội liên quân phong tỏa bờ biển lại chăm lo đến việc tấn công bừa bãi vào các làng người Nga và người Lô-pa-ri và phá hủy tài sản ít ỏi của ngư dân nghèo. Những hành động nhục nhã ấy được các phóng viên Anh bào chữa rằng điều đó là do tức giận và bức tức bao trùm phân hạm đội vì họ cảm thấy mình chẳng làm được việc gì quan trọng cả! Lời bào chữa ấy khá thật!

Ở khu vực sông *Đa-nuýp* không xảy ra chuyện gì. Thậm chí cửa sông này còn chưa quét sạch được bọn cướp biển làm cho nó mất an ninh. Áo nắm được chiếc chìa khóa mở cửa từ phía này vào nước Nga, và rõ ràng là nó quyết tâm giữ chặt lấy chiếc chìa khóa đó.

Ở *Cáp-ca-dơ* hoàn toàn yên tĩnh. Những người Séc-kê-xi đáng sợ, cũng như tất cả các dân miền núi còn ở trình độ dã man và độc lập, xem ra hoàn toàn hài lòng về việc các đơn vị hành quân của Nga đã rút khỏi thung lũng của họ, và họ cũng không có ý muốn kéo xuống đồng bằng, trừ phi để cướp bóc. Họ chỉ biết chiến đấu trên mảnh đất của họ, ngoài ra, triển vọng sáp nhập vào Thổ Nhĩ Kỳ, xem ra, cũng không làm cho họ hứng thú.

Ở *châu Á*. Thổ Nhĩ Kỳ đã bộc lộ bộ mặt thật hiện nay của nó: quân đội của nó ở châu Á đã hoàn toàn phản ánh tình trạng rữa nát của toàn bộ đế quốc này. Sự thật là cần cứu bọn dị giáo Phrăng-cơ; nhưng bọn Phrăng-cơ^{1*} không thể làm gì ở đây cả, ngoài việc xây các công sự dã chiến. Tất cả mọi ý định của họ buộc binh lính học tập phương pháp tác chiến văn minh đều không đem lại kết quả gì. Quân Nga đã bao vây Các-xơ, và rõ ràng là họ chuẩn bị tấn công Các-xơ một cách có kế hoạch. Khó bề tìm được khả năng cứu viện thành phố này, trừ phi Ô-me-rơ-pa-sa cho đổ bộ lên Ba-tum một đạo quân 20 000 người và đánh vào sườn quân Nga. Việc quân Nga có một đạo quân gồm 20 000 - 30 000 binh sĩ ưu tú mà lại tác chiến chậm chạp như vậy và thiếu kiên quyết như vậy với kẻ thù ít có kỷ luật hơn là điều khó hiểu và tuyệt nhiên không vẻ vang gì cho quân Nga. Dù họ có đạt được thắng lợi gì trên chiến trường này, thì điều lớn nhất mà họ có thể đạt được là chiếm Các-xơ và Éc-de-rum, vì khả năng tiến quân về Công-xtăng-ti-nô-pơ qua ngả Tiểu Á đã hoàn toàn bị loại trừ. Vì vậy chiến tranh ở châu Á tạm thời chủ yếu có ý nghĩa cục bộ, và vì ở xa và chỉ có địa đồ không hoàn toàn chính xác, cho nên vị tất có thể đánh giá đúng đắn tình hình chiến thuật hoặc tình hình chiến lược, và chúng tôi sẽ không bàn tỉ mỉ về đề tài này. Còn lại hai chiến trường chính: Crum và biển Ban-tích.

^{1*} - tên gọi phổ biến ở Cận Đông đối với người Tây Âu

II

Luân Đôn, ngày 18 tháng Tám. Ở *Crum*, cuộc vây đánh tiến hành uể oải. Suốt tháng Bảy, quân Anh và quân Pháp bận rộn vào việc đưa các công sự vây đánh của họ *tiến thêm* lên phía Rê-đan và Ma-la-khốp, và mặc dù chúng ta luôn luôn thấy người ta nói rằng những công sự ấy đã được đẩy lên “sát” công sự của quân Nga, giờ đây chúng ta mới biết rằng ngày 4 tháng Tám đỉnh của đôi hào còn cách hào chính của quân Nga không dưới 115 mét, mà có thể còn xa hơn. Đương nhiên, buộc được một người tính tình nóng hăng như Pê-li-xi-ê phải thừa nhận rằng “phương pháp cường tập” của ông ta đã thất bại và chỉ có những công sự vây đánh có hệ thống mới có thể mở đường cho quân của ông ta làm được điều đó - đã là tốt rồi. Song điều đặc biệt độc đáo là phương pháp tác chiến để cho 200 000 người nằm yên trong nhà bạt chờ đợi đào xong chiến hào và chết chóc vì dịch tả và sốt rét. Như báo chí Pa-ri đã khẳng định, nếu không thể vượt sông Đen do trận địa của quân Nga bên kia sông khó tiếp cận, thì cuộc viễn chinh đến Êp-pa-tô-ri bằng đường biển và có ý đồ từ phía đó buộc quân Nga tiến ra địa hình trống trải và bộc lộ binh lực của mình cũng như tình hình các phương tiện hỗ trợ của mình, - có thể đem lại những kết quả có ích ở một mức độ nhất định. Trong tình hình hiện nay, quân Thổ Nhĩ Kỳ, quân Xéc-đi-ni và một nửa số quân Anh - Pháp đang rơi vào cảnh đóng vai các quan sát viên thụ động. Một bộ phận quan trọng của những đơn vị quân ấy có thể được sử dụng vào các hành động kiềm chế, nhưng hành động kiềm chế duy nhất mà chúng tôi được biết, lại diễn ra ở rạp xiếc A-xơ-li và trên sân khấu của các rạp hát Xa-ri và Vườn Crê-móc, nơi đây, mỗi buổi tối quân Nga đều thất bại kinh khủng giữa những tiếng vỗ tay rầm rộ của những cockney^{1*} yêu nước.

Trong lúc đó, quân Nga chắc đã nhận được toàn bộ lực lượng tăng viện và trong thời gian sắp tới sẽ đưa quân số của họ lên mức tối đa. Quân Anh đã phái thêm mấy trung đoàn, quân Pháp đã cử đi 10 000 - 15 000 người, một số quân lớn hơn nữa sẽ đi

^{1*} - coóc-ni (tiểu thị dân Luân Đôn)

tiếp sau; cộng cả thủy liên quân phải nhận được 50 000 - 60 000 viện binh tới Crum gồm toàn quân sĩ sung sức. Ngoài ra, Chính phủ Pháp đã đăng ký hoặc trưng mua một số lượng lớn các tàu chạy sông (theo các tài liệu khác nhau, thì có từ 50 đến 60 chiếc), dự định được dùng vào cuộc viễn chinh ở Hắc Hải. Những tàu này có dự định được sử dụng ở biển A-dốp hoặc ở các cửa sông Đni-e-prơ và Búc - nơi đây mục tiêu công kích là Ôt-sa-cốp, Kin-bu, Khéc-xôn và Ni-cô-la-ép - hay không, thì tạm thời điều đó chưa rõ. Chúng tôi đã nói rằng vào giữa tháng Tám, tình hình sẽ phát triển thành các cuộc chiến đấu đẫm máu, vì đến lúc đó quân Nga nhận được viện binh sẽ giành lại *thế chủ động*^{1*}. Thật vậy, quân Nga dưới quyền chỉ huy của tướng Li-pran-đi đã tấn công vào các đơn vị quân Pháp và quân Xéc-đi-ni đóng ở sông Đen, nhưng bị đánh lui với những thiệt hại to lớn. Thiệt hại của liên quân *không* thấy được đưa ra, chắc phải nặng lắm. Muốn trình bày tỉ mỉ hơn về sự kiện này, cần có những tin tức đầy đủ hơn là những tin tức được chuyển bằng điện tín.

Ở *biển Ban-tích*, rút cục, người ta đã “giáng được một đòn nặng”: “A great blow has been struck!”. Hãy đọc báo Anh: Pháo kích Xvê-a-boóc-gơ! Huy diệt Xvê-a-boóc-gơ! Tất cả các công sự bằng đất và các công sự khác đều trở thành cảnh đổ nát! Xvê-a-boóc-gơ trên thực tế không còn tồn tại nữa! Thắng lợi huy hoàng của liên quân! Hạm đội phân khởi không bút nào tả xiết! Còn bây giờ ta hãy nhìn vào chính các sự thực. Ngày 7 tháng Tám, hạm đội liên quân gồm 6 tàu chiến chủ lực, 4 hoặc 5 tàu tuần dương lớn (blockships) và khoảng 30 pháo thuyền có đặt cối và pháo đã di chuyển từ Rê-ven tiến đến Xvê-a-boóc-gơ. Ngày 8 tháng Tám họ chiếm lĩnh trận địa. Những tàu có trọng tải nhỏ đã vượt qua các bãi cạn và đá ngầm ở phía tây cứ điềm, nơi mà những tàu lớn không qua được, và rõ ràng là đậu ở trong tầm bắn của pháo tầm xa bắn thẳng từ trên các đảo có pháo đài Xvê-a-boóc-gơ. Các tàu lớn đậu ở ngoài xa và như chúng tôi có thể phán đoán, ở ngoài tầm bắn của pháo trên cứ điềm. Sau đó, các pháo thuyền có đặt cối và pháo bắt đầu bắn. Xem ra thì không phải áp dụng

^{1*} Xem tập này, tr. 485 - 486

lôi ngấm bắn trực tiếp, mà chỉ phải tiến hành pháo kích theo góc bắn thẳng lớn nhất mà pháo nòng dài cho phép. Cuộc pháo kích kéo dài 45 giờ. Đã gây ra một số thiệt hại, nhưng đến mức nào thì tạm thời không thể xác định được, do thiếu tin tức tỉ mỉ của cả hai bên. Kho vũ khí và các kho đạn khác (rõ ràng là các kho nhỏ) đã bị phá hủy. “Thành phố” Xvê-a-boóc-gơ (theo chúng tôi biết, đây là mấy ngôi nhà ở của những người phục vụ trên hạm đội hoặc trong các cứ điểm) đã bị thiêu hủy. Thiệt hại trực tiếp của công sự xem ra rất nhỏ, vì, theo báo cáo của hai vị đô đốc, trên hạm đội *không có ai chết*, chỉ có một số ít bị thương và không có thiệt hại gì về thiết bị. Đó là bằng chứng tốt nhất nói lên rằng phân hạm đội đậu ở cự ly an toàn cho phép pháo kích nhưng không ngấm bắn trực tiếp được, mà chỉ có bằng cách này mới phá hoại được công sự của cứ điểm. Trong bản báo cáo được viết bằng lời văn đúng đắn hơn và tự kiểm chế hơn là bản báo cáo của đô đốc Pháp (ít ra là phán đoán theo nguyên văn đăng trên tờ “Moniteur” và có thể đã được tô vẽ ở Pa-ri), Đôn-đa-xơ thừa nhận rằng trong bảy hòn đảo trên đó có thành phố Xvê-a-boóc-gơ thì chỉ có ba hòn đảo ở phía tây lối vào chủ yếu để đi vào vịnh Hen-xinh-phoóc là bị thiệt hại. Hình như người ta không có ý định tấn công lối vào chính. Các tàu lớn đóng vai quan sát thụ động, thậm chí không hề nghĩ đến đòan đánh có ý nghĩa quyết định nhờ kết quả của một cuộc tấn công như vậy, đến việc đổ bộ quân nhằm mục đích chiếm và phá hủy các công sự. Vì thế chỉ có vật tư dự trữ và kho tàng, nghĩa là những thứ dễ khôi phục, là bị thiệt hại. Nếu quân Nga kiên quyết lợi dụng thời gian và phương tiện, thì sau ba tuần Xvê-a-boóc-gơ sẽ hoàn toàn khá như trước. Xét trên góc độ quân sự thì Xvê-a-boóc-gơ không bị thiệt hại gì cả; toàn bộ quá trình ấy quy lại chỉ là một hành động mà kết quả vật chất của nó vị tất bù đắp được phí tổn đã bỏ vào đấy, một hành động được tiến hành một phần vì hạm đội Ban-tích của liên quân phải làm một cái gì đó trước khi trở về nhà, còn một phần vì Pan-móc-xton muốn kết thúc kỳ họp của nghị viện bằng loạt pháo hoa. Nhưng đáng tiếc rằng, đối với mục đích này, sự kiện đã xảy ra chậm mất một ngày đêm. Đây là cuộc phá hủy nổi tiếng của hạm đội

liên quân đối với Xvê-a-boóc-gơ. Chúng tôi sẽ trở lại đề tài này ngay khi nhận được các tin tức tỉ mỉ.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 17 và 18 tháng tám 1855 Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” các số 385 và 387, ngày 20 và 21 tháng Tám 1855 và đã đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” số 4483, ngày 1 tháng Chín 1855

In theo bản đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” có đối chiếu với bản đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

BÀN VỀ NHỮNG SỰ KIỆN TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Luân Đôn, ngày 22 tháng Tám. Báo cáo của các đô đốc Pê-nô và Đôn-đa-xơ đã chứng thực sự phán đoán mà chúng tôi nêu lên về “cuộc phá hoại về vang Xvê-a-boóc-gơ, một thứ Gi-bran-ta của phương Bắc” (theo cách nói của tờ “Times”). Còn hôm nay chúng tôi đọc thấy ở một tờ báo Luân Đôn:

“Về tính chất của cuộc pháo kích quy mô lớn vào Xvê-a-boóc-gơ, chỉ có thể nói rằng, do ngọn lửa lan rộng, địch chắc bị thiệt hại nặng. Song không gây ra được ấn tượng rằng chúng ta đã nhờ đó mà được lợi nhiều. Thắng lợi không huy hoàng mà cũng không vững chắc. Giống như trước đây trên biển Ban-tích tình hình còn đang phát triển”.

Tuy nhiên trong thời gian nữ hoàng Anh thăm Pháp, tờ “Times” cần đến tinh thần phấn khởi của những tin tức tốt lành mà từ mấy hôm nay nó chỉ mô tả toàn bằng couler de rose^{1*}, nó giả vờ hết sức lạc quan - dù thế nào nó cũng không chịu vứt bỏ niềm hoài vọng phá hủy “*thành phố*” Xvê-a-boóc-gơ.

Còn về trận đánh trên sông Đen, thì muốn đánh giá nó, trước hết phải có những tin tức tỉ mỉ hơn. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ người ta có đầu tranh để vượt sông Đen không và sông sâu đến mức nào để thành một chướng ngại thực sự. Nếu trận đánh xảy

^{1*} - màu hồng

ra trong tình hình không có chướng ngại ấy ở phía chính diện quân Pháp, thì nó đặt quân Nga vào một tình cảnh hết sức bất lợi. Trái lại, nếu nói đến việc vượt qua đường hầm không thể nào đi vòng được, thì tổn thất lớn của quân Nga là hoàn toàn có thể giải thích được, và trận đánh có thể được coi là về vang cho cả hai bên. Nhưng dù sao vẫn còn một điều chưa rõ ràng: tại sao quân Nga không tìm cách vu hồi qua thung lũng Bai-đác-xcai-a. Có một điều đã rõ ràng: nếu liên quân không tự nguyện rút, thì quân Nga, như họ vừa mới chứng minh, không thể đẩy liên quân ra khỏi cao nguyên và ra khỏi tuyến sông Đen. Như thế là lại bắt đầu cái tình trạng bùng nhùng trước kia.

Cuộc cường tập vào đồi Ma-la-khốp có thể xảy ra từng ngày. Nếu nó thất bại, thì liên quân sẽ rơi vào một tình cảnh khó khăn. Nếu nó được thực hiện thành công - điều này vẫn còn khả năng thực hiện, tuy phải trả giá bằng những thiệt hại lớn lao - thì điều đó vẫn chưa có nghĩa là quân Nga mất khu Nam; trừ phi vì thiếu lương thực họ mới buộc phải rút bỏ. Dù sao liên quân vẫn còn có thể đánh bật quân Nga ra khỏi nơi này trước khi mùa đông đến. Các tin tức về tình hình sức khỏe của binh sĩ quân đội Anh ở Crum rất mâu thuẫn. Theo một bản báo cáo thì mỗi tháng có 1 000 binh sĩ Anh ở trong chiến hào bị loại khỏi vòng chiến. Người ta xác minh rằng chỉ riêng trong trung đoàn phiêu kỵ số 10, với quân số 676 người, đã có 161 người ốm. Trong một bức thư gửi cho bá tước Sếp-xbe-ri, bác sĩ Xa-thơ-len, chủ tịch ủy ban y tế do chính phủ cử sang Crum, đã đưa tin như sau:

“Ngày 7 tháng Bảy tính đến cuối tuần: số lượng quân đội Anh 41 593 người; tổng số ca tử vong là 150, vì bệnh tả - 71, vì sốt rét, vì ỉa chảy - 19, vì kiết lỵ - 2. Ngày 14 tháng Bảy vào cuối tuần: số lượng quân đội 42513 người; tổng số ca tử vong - 123, vì bệnh tả - 55, vì sốt rét - 18, vì ỉa chảy - 10, vì kiết lỵ - 5. Chết vì vết thương: tuần đầu - 44, tuần thứ hai - 30, tổng cộng - 74”.

Như thế là trong hai tuần đầu của tháng Bảy, tỉ lệ số ca tử vong vì bệnh tật so với số người chết vì bị thương là khoảng 4 : 1. Bác sĩ Xa-thơ-len đã so sánh như sau tình hình sức khỏe của quân đội vào mùa đông năm ngoài với mùa hè năm nay:

“Sự chết chóc trong mùa đông mang tính chất khác hẳn trong mùa hè. Hiện nay

vị tất còn tồn tại dù chỉ là một trong những nguyên nhân tồn tại trong mùa đông: ăn kém, thiếu ngủ, thể xác mệt mỏi quá sức, thiếu quần áo và nơi ẩn nấp, biện pháp phòng chống thời tiết xấu kém, gây ra scorbutis^{1*} hầu như trong toàn quân. Bấy giờ tất cả các trường hợp lâm bệnh đều mang tính chất hoại huyết và, do đó, tỷ lệ tử vong cao kinh khủng trong các bệnh viện ở Xcu-ta-ri; chỉ có thể so sánh số người chết ấy với số người chết đói ở Ai-rơ-len” (1847); “hiện nay, trái lại, chúng ta gặp phải bệnh sốt rét và bệnh tả mà sự lan tràn của nó trong doanh trại chúng ta, không nghi ngờ gì nữa, đã giảm đi nhờ sự quan tâm nhiều đến binh sĩ”.

Tình hình sức khỏe của binh sĩ thuộc đạo quân bị vây hãm hiện nay, không nghi ngờ gì nữa, còn xấu hơn đạo quân bao vây... Nhưng bác sĩ Xa-thơ-len không thể yêu cầu tin tưởng tuyệt đối vào bức thư của mình vì, như một sự việc cách đây không lâu đã chứng minh, việc phê phán trong doanh trại Anh bị người ta *trùng phạt*. Cách đây chừng một tháng rưỡi, tờ “Times” đã đăng một bức thư nặc danh, đưa tin về thái độ không thể tha thứ được đối với thương binh sau trận huyết chiến ngày 18 tháng Sáu. Ngành quân sự yêu cầu tờ “Times” nêu rõ họ tên phóng viên. Tờ báo cự tuyệt yêu cầu ấy và chỉ đồng ý chỉ đích danh người phóng viên ấy với điều kiện là ông Phrê-đê-rich Pin đưa ra lời hứa chắc chắn không truy nã phóng viên ấy về những sự bóc trần ấy. Pin không đồng ý điều kiện ấy, nhưng tại nghị viện ông ta đã chỉ trích sự từ chối của tờ “Times”. Trong khi đó ông *Bê-cơ-oen* (trợ lý bác sĩ ngoại khoa), tác giả bức thư nặc danh, đang nghỉ ở Xcu-ta-ri vì ốm. Việc này xảy ra vào giữa tháng Bảy. Các viên chỉ huy trong doanh trại bằng cách nào đó đã phát hiện được rằng tác giả bức thư ấy là *Bê-cơ-oen*. Một ủy ban điều tra gồm các sĩ quan quân y cao cấp, mà phần lớn danh dự của họ bị tổn thương chính vì bức thư của *Bê-cơ-oen*, đã được thành lập sau lưng ông *Bê-cơ-oen*, *trong khi ông vắng mặt*; ủy ban này đã đưa ra kết luận về sự phạm tội của *Bê-cơ-oen*, mà không cho ông có cơ hội biện bạch cũng như đưa ra những bằng chứng đối với những điều buộc tội mà ông này đưa ra. Ngày 3 tháng Tám trong một mệnh lệnh thường lệ ban ra trong toàn quân người ta đã tuyên bố cách chức *Bê-cơ-oen*. Dưới ánh

^{1*} - bệnh hoại huyết

sáng của sự kiện ấy có thể đánh giá được tính chất đáng tin cậy của các báo cáo chính thức hoặc bán chính thức của Anh về tình hình sức khỏe của binh sĩ, về việc trông nom thương binh v.v..

Do C.Mác viết ngày 22 tháng Tám 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số 395, ngày 25 tháng Tám 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

THƯ CỦA NÂY-PIA

Luân Đôn, ngày 24 tháng Tám. Hôm nay ngài *Sác-lơ Nây-pia* đã công bố trên các tờ nhật báo một bức thư mà²⁶⁵ về cơ bản đã chứng thực ý kiến của chúng tôi về cuộc pháo kích Xvê-a-boóc-gơ. Chúng tôi dẫn ra đoạn trích dưới đây trong bức thư ấy:

“Qua những điều mà tôi viết, cũng như qua báo cáo của đô đốc Đơn-đa-xơ có thể thấy rằng nếu người ta làm đúng kế hoạch của tôi thì Xvê-a-boóc-gơ đã bị phá hủy. Bây giờ thì rõ ràng là liên quân có cả thảy 43 pháo thuyền đặt pháo và cối mà nhiều pháo thuyền đặt cối không còn sử dụng được nữa, lẽ ra phải có ít nhất là 100 chiếc. Trong một bức thư gửi cho tôi” (1854) “ngài Giêm-xơ Grê-hêm đã đánh giá nhu cầu về số pháo thuyền đặt cối phải lên tới con số 200 chiếc. Nếu số lượng ấy có thực thì có thể tiếp tục cuộc pháo kích, giống như người ta thay phiên nhau trong chiến hào. Các khẩu cối sẽ kịp nguội và cuộc pháo kích có thể kéo dài cho tận đến khi đã phá trụ và mở được đường cho các tàu chiến chủ lực, sau khi qua được lối mở này, các tàu ấy sẽ hoàn thành công việc. Nhưng rõ ràng là bộ hải quân không tính toán rằng các pháo thuyền đặt cối không thể dùng vô thời hạn ở một chỗ, mặc dù những báo cáo về Xê-va-xtô-pôn lẽ ra đã dạy cho nó một điều gì đó. Như vậy là một hành động quân sự tuy đã được thực hiện có suy nghĩ kỹ lưỡng, vậy mà chỉ đạt được thắng lợi cục bộ, và trong báo cáo của mình, đô đốc Đơn-đa-xơ phải thừa nhận rằng công sự bờ biển của quân Nga hầu như không bị hư hỏng. Nếu đô đốc Đơn-đa-xơ có nhiều phương tiện hơn, thì ông ta có thể tiếp tục pháo kích khi còn đẹp trời và phân hạm đội có thể bỏ neo ở Xvê-a-boóc-gơ, chứ không phải quay về Na-rơ-ghe-n...”

Trong năm đầu của chiến tranh, do thiếu phương tiện, còn có thể tha thứ tất cả những điều đó cho bộ hải quân, nhưng sang năm thứ hai thì không thể nào tha thứ như thế được. Đáng lẽ phải đóng những chiếc pháo thuyền đặt pháo và cối thì bộ hải quân lại xây dựng những pháo đài nổi bằng kim loại chặt vật lằm mới nổi được trên mặt nước, mà thậm chí có nổi được đi nữa thì vẫn vô dụng: nếu tiến gần Xvê-a-boóc-gơ ở khoảng cách 400 i-ác-đơ thì chúng chắc chắn sẽ bị tiêu diệt, còn ở cự ly trên 400 i-ác-đơ thì chúng không thể tiến hành bất cứ sự phá hoại nào.

Cuộc thí nghiệm đầu tiên về sử dụng kim loại đã làm cho quốc gia tiêu tốn cả một triệu, và một triệu ấy đâu rồi? Cuộc thí nghiệm thứ hai trị giá không kém nửa triệu, vậy mà các pháo đài nổi bằng kim loại vẫn chưa rời khỏi các bến đỗ tàu của chúng ta, và vị tất có khi nào chúng sẽ rời khỏi những bến đỗ ấy. Đây là kết quả của tình trạng những người bắt tài đứng ở địa vị lãnh đạo. Các bộ trưởng đã buộc phải cải tổ ngành quân sự. Khi nào thì họ nghĩ đến việc cải cách bộ hải quân? mà chừng nào họ còn chưa làm được việc đó, thì tiền bạc của nhân dân sẽ lãng phí toi. Xem ra bộ hải quân đã không hình dung được hậu quả của cuộc pháo kích, tuy rằng hơn một năm trước đây, tôi đã báo trước cho nó biết việc gì sẽ xảy ra. Nếu họ đọc lịch sử, thì họ sẽ biết rằng Mác-ti-ních bị chiếm bằng các pháo thuyền đặt cối; mà các hầm ngầm cho quân phòng thủ ở đây cũng ít như ở Xvê-a-boóc-gơ. Theo sự khăng định của đô đốc Đơn-đa-xơ, kế hoạch của ông ta không trừ tính dùng các tàu chiến chủ lực tổng công kích vào công sự phòng ngự, do đó, hành động của ông ta có nhiệm vụ hạn chế - dùng cối ra sức phá hoại cứ điểm và kho vũ khí.

Nếu trong tay đô đốc Đơn-đa-xơ có đủ phương tiện thì, trong kế hoạch của mình, ông ta đã trừ tính tấn công vào công sự phòng ngự và tập trung toàn bộ hạm đội của mình để hạm đội ấy sẵn sàng lợi dụng sự hoảng hốt và rối loạn mà các pháo thuyền đặt pháo và cối gây ra cho phía địch. Những ngọn lửa rừng rực tự nó đã làm cho quân phòng thủ không thể sử dụng vũ khí; và hạm đội sau khi tiến gần Xvê-a-boóc-gơ có thể phá trụ công sự của cứ điểm, các đảo nhỏ v.v.; đáng lẽ phải như thế, thì lại chỉ phá hoại được những công trình bằng gỗ và các kho vũ khí, còn việc hoàn thành nhiệm vụ cơ bản lại bị hoãn đến sang năm”.

Nây-pia kết thúc bức thư của mình như sau:

“Ngài Giêm-xơ Grê-hêm là một trong những vị bộ trưởng đã phái quân đội Anh sang Xê-va-xtô-pôn vào tháng Chín trong điều kiện không có phương tiện vận tải, không có lương thực, quần áo, lều bạt và quân y viện, để họ chịu đựng ở đây một

mùa đông khủng khiếp và sự chết chóc. Chính vị bộ trưởng ấy đã thúc tôi bắt đầu hoạt động của hạm đội Anh vào cuối tháng Mười và làm cho nó bị diệt vong dưới những tảng đá ở Xvê-a-boóc-gơ. Ông ta đã kiếm được hai sĩ quan hải quân vô liêm sĩ đã ký vào bức thư lãng nhục mà Grê-hêm gửi cho tôi, vậy mà những con người ấy vẫn còn ở bộ hải quân. Đây là phương pháp quản lý hạm đội ở nước ta. Hoạt động của chúng ta trên biển Ban-tích trong hai mùa hè là bài học cho bộ hải quân. Ở bộ hải quân có các kế hoạch tấn công Crôn-stát của tôi và chắc chắn cũng có các kế hoạch của đô đốc Đôn-đa-xơ. Do đó, có thể nghĩ rằng đến mùa hè sau ngài Giêm-xơ Grê-hêm và hai trợ lý của ông ta sẽ đích thân lên đường để thực hiện những kế hoạch ấy”.

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Tám 1855
Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số
397, ngày 27 tháng Tám 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NƯỚC ÁO VÀ CHIẾN TRANH

Ở một trang khác, chúng tôi đã đăng bản báo cáo của một sĩ quan Áo về chuyến kinh lý gần đây của hoàng đế Phran-tơ - I-ô-xíp đối với quân đội đóng ở Ga-li-xi. Những sự kiện mà tác giả mô tả có liên quan đến cuộc kinh lý đó, và ý kiến của tác giả về sự bố trí của quân đội hoàng đế đều xác nhận những ý kiến mà chúng ta đã nêu lên từ trước cho rằng khi tiến hành chuẩn bị chiến tranh trong năm ngoái, Áo hoàn toàn không đóng vờ hài kịch để đánh lừa các cường quốc phương Tây. Không nghi ngờ gì nữa, Áo không thể chịu những sự hy sinh như thế chỉ để tung hỏa mù trước con mắt toàn thế giới²⁶⁶.

Đúng là chỉ khi nào hết sức cần thiết Áo mới vũ trang chống lại Nga; chừng nào mà còn có thể kéo dài thời gian thì Áo còn bám lấy tia hy vọng mỏng manh nhất, để giữ gìn hòa bình - tia hy vọng giới ngoại giao Nga lộ ra cho Áo làm mồi. Nhưng cuối cùng, Áo không thể kiên nhẫn hơn nữa, và X.Pê-téc-bua, với sự ngạc nhiên gần như biến thành sự hoảng hốt, được tin quân đội Áo tiến về biên giới Ga-li-xi. Điều đó xảy ra vào lúc Nga còn chưa hề nghĩ rằng Áo sẽ dùng các biện pháp quân sự như thế, vào lúc Nga hoàn toàn không có khả năng tập trung nhanh như thế một số lượng quân đội tương ứng ở biên giới Ga-li-xi. Do đó buộc lại phải dùng nghệ thuật ngoại giao. Không cần nhắc lại xem việc đó được tiến hành như thế nào và đem lại kết quả ra sao. Quân đội

Áo đồ sộ, mới đây còn tập trung ở biên giới Ga-li-xi, đột nhiên phân tán²⁶⁷, và sự lo lắng của phía Nga đối với khu vực này đã tiêu tan một phần. Chúng tôi nói một phần, vì sự tập trung của quân đội Áo lại kèm theo hai tình huống quan trọng cần được tính đến ngay cả sau khi nó phân tán. Ở đây muốn nói đến những công sự và đường sắt mới được xây dựng, tu sửa hoặc bồi đắp trong thời gian quân đội đóng ở Ga-li-xi.

Trong khi ở tất cả các khu vực khác của đế quốc, chính phủ thường nhường việc xây dựng đường sắt cho các xí nghiệp tư nhân, còn đối với đường sắt phía tây nối liền Viên với Muyn-sen thì, nhìn chung, chính phủ không có ý định làm như vậy. Nam tước Hét-xơ, tổng tư lệnh đội quân ở Ga-li-xi, đã sử dụng mấy nghìn binh sĩ vào việc xây dựng một tuyến đường sắt - dù ý nghĩa chiến lược của nó to lớn như thế nào - mà nếu theo góc độ thương mại thì giá trị của nó, ít ra là hiện nay, cũng rất đáng nghi ngờ. Đề án xây dựng đường sắt này, nếu trong những điều kiện khác, chắc là sẽ bị các kỹ sư của các công ty tư nhân gác lại khoảng 30 năm nữa. Nga cực kỳ bất bình trước việc xây dựng tuyến đường sắt ấy, vì khi sử dụng nó Áo hiện nay có thể tập trung đạo quân vừa mới bị phân tán ấy trong một thời gian bằng 1/5 số thời gian cần thiết cho Nga để tập trung một đạo quân đông như thế. Bất cứ ai chịu bỏ công sức ra tìm hiểu các tài liệu thống kê về vận tải đường sắt của Áo và so sánh những gì đã được làm vì mục đích chính trị thuần túy ở phía Đông với thái độ ít quan tâm đến lợi ích thương mại ở phía Tây, thì nhất định sẽ hoài nghi ý kiến cho rằng tuyến đường sắt ở Ga-li-xi được xây dựng vội vã như vậy là chỉ nhằm đánh lừa thế giới. Hoàn toàn rõ ràng là để đạt mục đích ấy thì việc nhanh chóng hoàn thành xây dựng tuyến đường sắt phía Tây nối liền Áo với Ba-vi-e, có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều.

Ý kiến của chúng tôi lại càng được chứng thực bởi việc cải tiến những công sự cũ và xây dựng những công sự mới được thực hiện gần đây ở các tỉnh miền Đông của Áo. Nếu việc xây dựng đường sắt có thể được giải thích bằng những lý do chiến lược và những lý do khác, thì việc xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống công sự và những khoản chi tiêu phi sản xuất do những

công việc ấy gây ra, chỉ có thể được giải thích bằng chính mục đích mà những công sự ấy trực tiếp phục vụ. Sự so sánh mà chúng tôi đã nêu lên về quy mô xây dựng đường sắt ở miền Đông và miền Tây nước Áo càng có thể dùng để giải thích việc xây dựng công sự. Trong 36 cứ điểm của Đế quốc Áo có bảy cái trực tiếp và chín cái gián tiếp thuộc phòng tuyến miền Đông và phần lớn những cứ điểm này, chẳng hạn, như Cra-cốp, Pê-rê-mur-sơ và Da-lê-si-ki, chỉ gần đây mới được cải tiến ở mức độ cần thiết. Cra-cốp và Pê-rê-mur-sơ cùng với Lơ-vốp mà do vị trí Lơ-vốp không thể trở thành một cứ điểm mạnh đều không chế con đường dẫn đến Vác-sa-va. Da-lê-si-ki ở cực đông Ga-li-xi, đối diện với cứ điểm quan trọng của Nga là Sô-tin. Cra-cốp đã trở thành một cứ điểm hàng đầu, và tất cả các công sự của nó, cũng như các công sự khác ở Ga-li-xi, đều hoàn toàn ở trong tư thế chuẩn bị chiến tranh. Trước kia, trong quân đội Áo người ta thường quen coi việc bổ nhiệm các viên tướng tuổi già sức yếu làm tư lệnh cứ điểm là một sự thái hời trong danh dự, còn việc phục vụ trong các cứ điểm ấy được coi là một sự đi đày đối với những sĩ quan bị triều đình hắt hủi. Nhưng hiện nay, quyền chỉ huy các cứ điểm ở khắp miền Đông và Đông-Bắc đều được giao cho những người thực sự có năng lực, những viên tướng có công lao và những sĩ quan nổi tiếng ở bộ tham mưu. Cra-cốp do tướng Vôn-te chỉ huy, Pê-rê-mu-sơ do thiếu tướng E-bơ chỉ huy, Da-lê-si-ki do thiếu tướng Glê-dơ chỉ huy, Các-lơ-xbuốc ở Tơ-ran-xin-va-ni thì do tướng Dết-may-ơ chỉ huy, còn Ôn-muyt-xơ ở sườn tây bắc thì do tướng Phôn Bêm chỉ huy. Trong khi đó ở miền Tây tình hình khác hẳn; ở đây sự vật và con người đều là cảnh điêu tàn cũ đang được để cho điêu tàn thêm nữa. Nhưng cảnh tượng đó sẽ bị thay đổi biết nhường nào, nếu các cường quốc phương Tây nghi ngờ, dù chỉ trên lời nói, tính chân thực của chính sách của Áo! Nhà cầm quyền Áo sẽ vội vã như thế nào trong việc khôi phục Lin-xơ và 40 tháp canh kiểu Mắc-xi-mi-li-an, Lin-xơ hiện nay thậm chí không thể được coi là một cứ điểm, và khôi phục Dan-xbuốc, một cứ điểm đã từng là dinh lũy hàng đầu! Thay cho cái đó chúng ta thấy gì? Không có sự động tĩnh nào và không có sự chuẩn bị chiến tranh nào. Ngay những binh sĩ từ miền Đông, nơi mà họ hy vọng giành

được càn nguyệt quế chiến thắng, trở về càn đến gần địa giới Ba-vi-e càn bị mất tinh thần chiến đấu.

Những sự thực đó tự chúng ta đã nói rõ; chỉ còn một vấn đề cần được làm sáng tỏ, đó là: ai cản trở việc thi hành chính sách của Áo, vì ai mà đất nước phải gánh vác nghĩa vụ dân tộc phụ thêm lớn lao mà không đem lại lợi ích trực tiếp nào cho bản thân cũng như cho các đồng minh giả định của mình? Chúng ta biết rằng ở Viên đang lưu truyền một ý kiến được tán thành ở khắp nơi trên nước Đức, cho rằng Áo cự tuyệt tham chiến do sợ Phổ sẽ trở thành kẻ thù thứ hai của mình, cũng như vì nếu tiến hành chiến tranh mà không có sự chi viện của Đức thì sẽ không bảo đảm kết thúc nhanh chóng, mà địa vị đặc biệt của đế quốc này lại đòi hỏi điều đó. Nhưng chúng tôi kiên quyết giữ quan điểm ngược lại. Chúng tôi cho rằng nếu Áo dám tấn công quân Nga, thì Phổ và bộ phận còn lại của Đức sẽ buộc phải noi gương họ, dù là chậm và miễn cưỡng.

Ai phải chịu trách nhiệm về chính sách hiện nay của Áo? Đó là nước Anh do huân tước Pan-móc-xton, một tên đạo đức giả xuất sắc và một kẻ nói suông khoác lác, lãnh đạo. Để chứng minh giả thiết đó, chúng ta phải rời trại lính và đi sâu vào cõi mê cung ngoại giao. Ngày 23 tháng Bảy, ông Đi-xra-e-li chất vấn huân tước Giôn Rót-xen rằng căn cứ vào đâu mà ông ta tuyên bố rằng “một trong những nguyên nhân chính của cuộc viễn chinh Crum là việc Áo từ chối vượt sông Prút”. Huân tước Giôn không nhớ, hay đúng hơn, đã nói rằng “căn cứ đó của ông ta là hồi ức nói chung”. Bây giờ Đi-xra-e-li lại nêu câu hỏi ấy với huân tước Pan-móc-xton, ông này

“không muốn trả lời những câu hỏi như thế, những câu hỏi chỉ dính líu đến một số mặt nằm trong cuộc đàm phán lâu dài giữa chính phủ của nữ hoàng với một chính phủ quân chủ, trên chừng mực nào đó, là đồng minh của nữ hoàng. Về bản thân, ông ta chỉ có thể nói rằng ông ta bao giờ cũng cho rằng Crum là nơi có thể giáng một đòn nặng nề nhất vào địa vị bá chủ của Nga trên Hắc Hải; ngay cả nếu không có những nguyên nhân khác thì, theo ý ông ta, lý do ấy cũng là căn cứ đầy đủ nhất để thực hiện cuộc viễn chinh”. “Tôi cho rằng”, - ông ta tuyên bố, “cuộc viễn chinh Crum là một bước đi tốt nhất”.

Như vậy, qua huân tước Pan-móc-xton chúng ta được biết tư tưởng về Chiến tranh Crum nảy sinh không phải ở Áo, cũng không phải ở Bô-na-pác-tơ, mà ở chính ông ta. Ngày 26 tháng Sáu, huân tước Linh-huê-xơ đã kích mạnh nước Áo và đã tuyên bố rằng

“đầu tháng Sáu Áo đã quyết định yêu cầu Nga rút khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp. Yêu cầu này được diễn đạt với những lời lẽ hết sức gay gắt, bao hàm sự ám chỉ rằng nếu yêu cầu đó không được thực hiện thì Áo sẽ dùng đến vũ lực để đạt lấy nó”.

Sau mấy lời bình luận có tính chất lịch sử, vị huân tước cao quý nói tiếp:

“Phải chăng lúc đó Áo thực sự mở một cuộc tấn công nào đó vào nước Nga? Phải chăng Áo định đưa quân đội vào Các công quốc vùng Đa-nuýp? Tuyệt nhiên không phải. Nó không hề có một hành động nào trong mấy tuần lễ, mãi cho đến khi Xi-li-xơ-ri được giải vây và quân Nga bắt đầu rút, cho đến khi bản thân nước Nga tuyên bố ý định của họ là qua một thời gian nữa sẽ rút khỏi các công quốc và lui quân về bên kia sông Prút”.

Như vậy, huân tước Linh-huê-xơ trách Áo nói một đảng làm một nẻo. Sau ông ta, huân tước Cla-ren-đôn lại phát biểu. Lời phát biểu của Cla-ren-đôn cho chúng ta một khái niệm nào đó về những nguyên nhân đã biến nước Áo tháng Năm và tháng Sáu thành nước Áo tháng Bảy và tháng Tám. Ông nói:

“Khi Áo nhất quán nhận lấy một loạt nghĩa vụ đối với Anh và Pháp và tiến hành công tác chuẩn bị chiến tranh đồ sộ và tốn kém; tiếp nữa, khi Áo đòi kỳ được Pháp và Anh cử đại biểu quân sự đến đại bản doanh của tướng Hét-xơ, thì không nghi ngờ gì nữa, Áo đã định tham chiến và đặt hy vọng vào chiến tranh. Nhưng Áo cũng hy vọng rằng rất lâu từ trước khi mùa khí hậu thuận lợi cho việc bắt đầu các hoạt động quân sự đến thì, liên quân sẽ đạt được những thắng lợi có tính chất quyết định ở Crum, rằng liên quân sẽ có lực lượng rảnh rang và có thể tiến hành những hành động khác phối hợp với quân đội của bản thân Áo. Đáng tiếc là tình hình đó không xảy ra, và nếu tuyên chiến theo yêu cầu của chúng ta, có lẽ Áo sẽ phải đơn độc tiến hành chiến tranh”.

Như thế, sự giải thích của huân tước Giôn Rót-xen trực tiếp mâu thuẫn với lời tuyên bố của huân tước Cla-ren-đôn. Huân tước Giôn khẳng định rằng sở dĩ có cuộc viễn chinh ở Crum là

vì Áo cự tuyệt vượt sông Prút, nghĩa là không chịu chống lại Nga. Còn huân tước Cla-ren-đôn nói rằng vì có cuộc viễn chinh Crum mà Áo không thể chống lại nước Nga.

Cũng sẽ bỏ ích khi trở lại bàn về lời tuyên bố của huân tước Ê-len-bô-rô đã từng không bị một ai bác bỏ:

“Ngay trước khi cuộc viễn chinh ở Crum được tiến hành, Áo đã đề nghị thảo luận với các nước đồng minh về vấn đề hoạt động quân sự sau này. Nhưng các nước đồng minh hành động theo quyết định đã có từ trước, nên đã tiến hành cuộc viễn chinh và bây giờ Áo tuyên bố ngay rằng Áo không thể một mình chiến đấu chống quân Nga, và cuộc viễn chinh Crum đã buộc Áo thay đổi phương thức hành động của mình. Thời kỳ sau đó, chính vào lúc bắt đầu công việc của Hội nghị Viên, khi mà điều đặc biệt quan trọng là Áo cùng hành động với chúng ta, thì vào thời điểm ấy các ngài vẫn còn bị hoàn toàn thu hút bởi ý nghĩ là làm thế nào bảo đảm thắng lợi cho hành động của các ngài ở Crum, các ngài đã rút khỏi khu vực tiếp giáp biên giới Áo 50 000 binh lính Thổ Nhĩ Kỳ có khả năng chiến đấu, do đó, làm Áo mất đi sự chi viện duy nhất mà Áo có thể trông mong trong trường hợp mở chiến dịch chống Nga. Thưa các quý ngài, qua đó, cũng như qua lời tuyên bố của bá tước, có thể thấy rõ ràng rằng cuộc viễn chinh thiếu sáng suốt của chúng ta ở Crum đã làm tê liệt chính sách của Áo và đặt Áo vào một hoàn cảnh khó khăn khiến Áo lập tức buộc phải từ bỏ đường lối hành động bảo đảm cho nó danh dự, phẩm giá và lợi ích. Ngay trước khi tiến hành cuộc viễn chinh ở Crum, tôi đã đánh bạo lưu ý chính phủ về hậu quả tất nhiên của bước đi ấy. Tôi đã chỉ ra cho chính phủ thấy rằng cuộc viễn chinh ấy sẽ gây ảnh hưởng gì đối với chính sách của Áo”.

Lời khuyên của huân tước Ê-len-bô-rô không được lưu ý. Pan-móc-xton đã phái quân viễn chinh đến Xê-va-xtô-pôn đúng vào lúc thấy rõ rằng cuộc viễn chinh ấy sẽ buộc Áo từ bỏ việc mở đầu những hành động quân sự chống Nga. Sự thể có vẻ như Pan-móc-xton định giúp đỡ kẻ thù hung ác nhất của Anh, tưởng như ông ta định đặt Áo vào địa vị lập lờ hiện nay ở Các công quốc vùng Đa-nuýp, phò mặc Áo cho chính sách ngoại giao của Nga và đẩy Áo đến gần cái vực thẳm mà tất nhiên sẽ hiện ra trước nước Áo. Tiến hành những hoạt động ấy, cũng như nhiều biện pháp khác trong bước đường công danh lâu dài và không vẻ vang của

mình, Pan-móc-xton dù muốn hay không cũng đã tiếp tay rất đắc lực chỉ cho một mình nước Nga mà thôi.

*Do C.Mác viết cuối tháng Tám 1855
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York
Daily Tribune" số 4493, ngày 13 tháng Chín
1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI BINH LÍNH ANH

Luân Đôn, ngày 28 tháng Tám. Trong quân đội Anh có một thiết chế đủ để nhận định về các tầng lớp xã hội mà từ đó binh sĩ Anh được tuyển mộ. Chúng tôi muốn nói hình phạt bằng roi. Nhục hình không còn tồn tại trong quân đội Pháp, Phổ và những quân đội khác có quy mô nhỏ hơn. Thậm chí ở Áo, nơi mà phần lớn số tân binh đều là những người nửa dã man, cũng có nguyện vọng rõ ràng là xóa bỏ nhục hình; chẳng hạn, hình phạt đui người bị phạt chạy qua hàng roi, gần đây đã bị xóa khỏi điều lệnh của quân đội Áo. Trái lại, ở anh “cat-o’-nine-tails” (“mèo chín đuôi”) - một thứ dụng cụ tra tấn trông giống roi da ở Nga - vẫn tiếp tục được sử dụng như trước. Khi vấn đề cải cách lập pháp quân sự được đưa ra nghị viện thì tất cả các viên tướng cũ đều sốt sắng tán thành “cat” và hăng nhất là ông già Oen-lin-ton. Dưới mắt họ, binh sĩ không bị ăn roi là một thứ gì đầy lố lăng. Theo quan niệm của họ thì những phẩm chất, như tinh thần dũng cảm, tính kỷ luật và tinh thần bất khả chiến thắng chỉ có ở những binh sĩ mà trên lưng họ có những vết sẹo của ít ra là 50 roi, giống như những võ sĩ hộ vệ trước kia có huy hiệu trên chiếc mặc của mình.

Điều cải cách duy nhất là hạn chế số lượng roi xuống còn dưới 50 lần. Hiệu quả của cuộc cải cách ấy có thể thấy được qua sự việc là khoảng một tuần trước đây, ở Ôn-đéc-sốt có một người

lính đã tắt thở sau khi đã bị đánh 30 roi. Trong trường hợp này người ta đã sử dụng một phương pháp thường thấy - tẩm “cat-o’-nine-tails” vào nước tiểu. Khi mà nước tiểu rơi vào thân thể bị lột trần đầy máu thì hình phạt này là biện pháp tốt nhất để làm cho nạn nhân phát điên. “Mèo - chín đuôi” không những là một công cụ tra tấn, mà nó còn để lại vết sẹo không bao giờ mất đi - nó in dấu lên con người suốt đời. Thậm chí trong quân đội Anh dấu vết ấy chẳng khác gì sự sỉ nhục suốt đời. Người lính bị đánh roi tức là bị làm nhục trước con mắt đồng đội của mình. Trong khi đó, theo điều lệnh của quân đội Anh, hình phạt đối với binh sĩ đang ở trước mặt quân địch hầu như toàn là phạt roi; như vậy, chính cái hình phạt mà những người bảo vệ nó cho là biện pháp duy nhất để duy trì kỷ luật trong những giờ phút quyết định thì trên thực tế lại biến thành biện pháp chắc chắn nhất để phá hoại kỷ luật, làm mất tinh thần binh sĩ và làm tổn thương point d’honneur^{1*} của họ. Điều đó giải thích hai sự thật lý thú: một là, một số lượng lớn binh sĩ Anh đào ngũ ở gần Xê-va-xtô-pôn. Mùa đông, khi binh sĩ Anh đã phải cố gắng quá sức con người để canh gác trong các chiến hào, thì những ai không thể thức liền hai đến hai ngày đêm rười đều bị phạt roi. Xin hãy tưởng tượng xem! Dùng roi đánh những binh sĩ Anh đã tỏ ra là những anh hùng trong các chiến hào gần Xê-va-xtô-pôn và trong trận In-ke-rơ-man! Nhưng các điều khoản ghi trong điều lệnh kỷ luật không cho phép lựa chọn. Những người tốt nhất trong quân đội bị phạt roi khi họ mệt mỏi và sau khi bị làm nhục, họ đào ngũ sang phía quân Nga. Đối với chế độ roi vọt vị tất có thể tưởng tượng ra được lời tuyên án nào nghiêm khắc hơn là những sự việc trên. Trong những cuộc chiến tranh trước đây chưa xảy ra tình hình binh sĩ của một nước nào đó đào ngũ hàng loạt sang phía quân Nga. Họ biết rằng ở đây họ sẽ bị đối xử tệ hơn là trong hàng ngũ của quân đội của họ. Niềm vinh dự lần đầu tiên xuất hiện hiện tượng đào ngũ hàng loạt như thế là thuộc về quân

^{1*} - danh dự

đội Anh, và bản thân người Anh đã chứng minh rằng chính “cat-o’-nine-tails” đã cung cấp lính đảo ngũ cho quân đội Nga.

Một tình huống khác là những khó khăn mà nước Anh gặp phải mỗi khi định tổ chức đội quân lê dương. Ngay từ thời kỳ chiến tranh chống Gia-cô-banh, nhục hình trong các đơn vị lê dương đã bị thủ tiêu trên thực tế, tuy người ta cho rằng điều lệnh chính thức của quân đội Anh vẫn có hiệu lực trong các đơn vị ấy. Đầu thế kỷ XIX, một số tướng Anh bị tiếm nhiệm tư tưởng tả giáo, trong đó có ngài Rô-bóc Uyn-xơn, đã đăng những bài đả kích chế độ nhục hình đối với binh sĩ. Trong hơn 10 năm trời, ngài Phren-xít Bóc-đét đã lớn tiếng phản đối “cat-o’-nine-tails” trong nghị viện và gọi dân tộc Anh là “a flogged nation” (dân tộc bị ăn đòn). Tại hạ nghị viện, ông ta được sự ủng hộ kiên quyết của huân tước Phúc-xton và huân tước Cô-cren nổi tiếng (hiện nay là đô đốc, bá tước Đan-đô-nan). Cóp-bét đã phát động trên báo chí một chiến dịch mãnh liệt, chống “Cat”, vì thế ông ta bị tù hai năm. Trong những năm cuối của cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông, đã có lúc sự công phần của nhân dân và quân đội lên cao đến mức ngay cả công tước I-oóc nổi tiếng về sự sùng bái kịch cỡm đối với việc luyện quân máy móc, về việc bỏ chạy từ phía người Pháp sang và về quan hệ tình cảm với bà Clác, cũng buộc phải - trong một thời gian ngắn - ra lệnh thông tri cho toàn thể sĩ quan biết rằng những vụ phạt roi xảy ra nhiều lần trong đơn vị của họ sẽ là điều trở ngại cho sự thăng cấp của họ.

Vậy thì giải thích sao đây việc “cat-o’-nine-tails” vẫn đứng vững được trước tất cả những sự đả kích mãnh liệt ấy trong suốt nửa thế kỷ? Rất đơn giản. Nó là công cụ dùng để duy trì tính chất quý tộc của quân đội Anh, công cụ để dựa vào đó tất cả các chức vụ chỉ huy, kể từ chuẩn úy, đều được gắn chặt - dưới hình thức đặc quyền phong kiến - vào bọn con em trẻ tuổi của giới quý tộc và thân sĩ. Việc thủ tiêu “cat-o’-nine-tails” sẽ kéo theo sự xóa bỏ cái hồ ngăn cách lớn lao hiện nay giữa binh sĩ với sĩ quan, và hồ ngăn cách ấy phân chia quân đội như thể thành hai chủng tộc khác nhau. Đồng thời, do đó, sẽ mở đường vào quân đội cho những tầng lớp dân cư có địa vị cao hơn là những tầng lớp mà từ đó

quân lính từ trước đến nay vẫn được tuyển mộ. Như thế sẽ chấm dứt chế độ cũ của quân đội Anh. Như thế thì quân đội sẽ bị cách mạng hóa triệt để. “Mèo - chín đuôi” là Xéc-be-ơ canh giữ của cải cho giới quý tộc.

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 28 tháng Tám 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” số 405, ngày 31 tháng Tám 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu trong cuốn: C.Mác và Ph. Ăng-ghen “Luận văn và thư từ 1854 1855”, 1924

PH.ĂNG-GHEN

TRẬN GIAO CHIẾN TRÊN SÔNG ĐEN²⁶⁸

Trái với sự mong đợi của chúng tôi, trong buổi họp do tàu “A-phri-ca” chờ tới đêm thứ tư không có bản báo cáo của công tước Goóc-tra-cốp về trận giao chiến trên sông Đen xảy ra ngày 16 tháng Tám. Nhưng những bản tin của Pháp và Anh mà chúng tôi đã đăng hôm qua có đủ tin tức để đánh giá tương đối đúng đắn trận đánh đó. Trong báo cáo của quân Pháp, điều đập vào mắt người ta là không có sự khoác lác vốn có ở những tay võ biền Pháp và biểu hiện hết sức rõ ràng trong những thông cáo đầu tiên của Pê-li-xi-ê. Lần này thì viên lão tướng viết rõ ràng khác thường, thực tế về thực chất; thậm chí ông ta còn đánh giá thích đáng tinh thần dũng cảm mà quân Nga biểu hiện trong trận đánh. Báo cáo của ông ta có ưu thế hơn khi so sánh với những thông kê nực cười của tướng Xim-xon về số lượng binh lính tham gia trận đánh; theo những thông kê ấy thì hình như 15 000 quân Pháp và Xác-đi-ni gì đấy không cần có sự cố gắng đặc biệt cũng đã đánh bại được 60 000 quân Nga. Trên thực tế, tình hình xem ra đã diễn biến như sau:

Sáng 16 tháng Tám, trước rạng đông, quân Nga từ các điểm cao Mê-ken-di kéo xuống và chiếm lĩnh trận địa trên đỉnh những quả đồi chạy xuống sông Đen. Quân Nga do công tước Goóc-tra-cốp đích thân chỉ huy. Dưới quyền ông có tướng Rê-át chỉ huy cánh phải (các sư đoàn 7 và 12), Li-pran-đi chỉ huy sư đoàn 5 ở giữa và

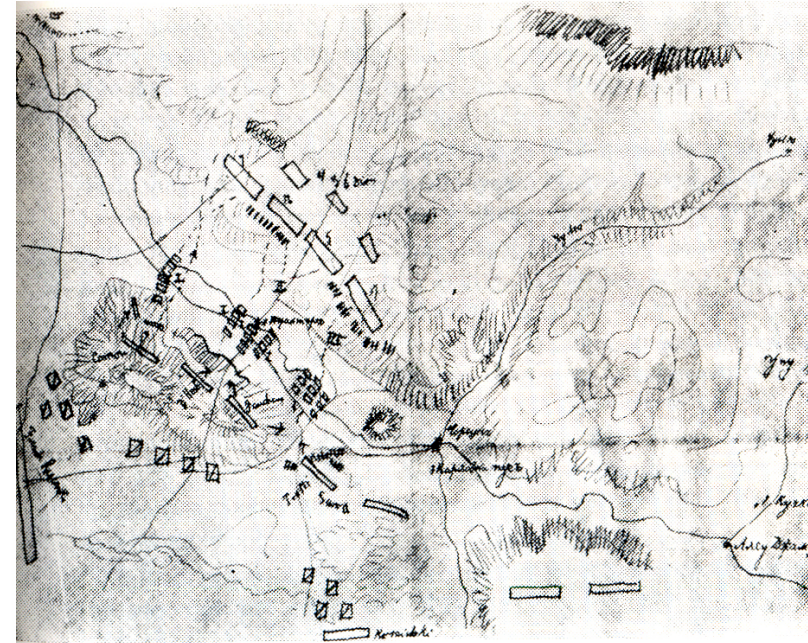
sư đoàn 17 hình thành cánh trái của quân Nga. Một bộ phận của các sư đoàn 4 và 6 cũng có mặt ở đó và xem ra làm đội dự bị. Sư đoàn 5 cùng với các đơn vị thuộc các sư đoàn 4 và 6 là một bộ phận của quân đoàn 2 (quân đoàn Pa-nuy-tin) vừa mới đến Crum; những đơn vị còn lại là những đơn vị cũ ở Crum và rõ ràng là tác chiến với quân số rất thiếu hụt.

Địa hình bên kia sông Đen về cơ bản là bằng phẳng; nó là bộ phận kéo dài của đồng bằng Ba-la-cla-va chạy mãi đến tận sông Đen; ngay bên bờ sông, đồng bằng này bị hai dãy đồi cắt đôi, những đồi này cao dần lên từ phía Ba-la-cla-va nhưng lại chạy xuống sông Đen, do đó tạo thành một trận địa phòng ngự tốt để chống địch vượt sông. Giữa hai dãy đồi ấy là một thung lũng, nơi mà kỵ binh nhẹ của quân Anh đã tấn công trong trận đánh ở Ba-la-cla-va. Dãy đồi phía đông tạo thành cánh phải của trận địa, đã bị hai sư đoàn Xác-đi-ni của La Mác-mo-ra chiếm lĩnh; dãy đồi kia ở phía tây bắc bị ba sư đoàn của quân Pháp chiếm lĩnh và tạo thành trung tâm và cánh trái của trận địa. Tướng đ'Éc-bi-ông chỉ huy quân Pháp đã bố trí sư đoàn của Ca-mu ở bên trái, sư đoàn của mình ở giữa và sư đoàn của Phô-sơ ở bên phải, nơi đây trận địa của sư đoàn này tiếp giáp với trận địa sư đoàn Xác-đi-ni của Tơ-rốt-ti. Khả năng phòng ngự của trận địa được tăng cường nhờ hai vật chướng ngại ở ngay phía trước nó: vật chướng ngại thứ nhất là sông Đen mà bấy giờ, không nghi ngờ gì nữa, có thể lội qua được, nhưng vẫn buộc quân Nga vượt nó chỉ ở những đoạn nhất định và ở khúc hẹp; vật chướng ngại thứ hai là Kênh dẫn mà nước phần lớn chảy qua các tầng đá nên ngay sau khi vượt qua rồi vẫn buộc phải leo qua những vách đá dựng đứng. Trên đỉnh đồi, quân Pháp và quân Pi-ê-mông đã xây những tường chắn nhỏ chỉ đủ che cho các khẩu pháo. Hai dãy đồi tạo thành mấy pháo đài có thể yểm hộ nhau bằng pháo. Bên kia sông Đen, trên đó có bắc cầu ở gần So-rơ-gun tại đầu cánh phải quân Xác-đi-ni và ở từ quán (người Nga gọi là tơ-rắc-ti-rơ) đối diện với trận địa trung tâm của quân Pháp, quân Pi-ê-mông đã phái hai đại đội làm nhiệm vụ cảnh giới chiến đấu, còn cầu Tơ-rắc-ti-rơ có một lô-cốt

đầu cầu nhỏ yểm hộ thì do quân Pháp chiếm lĩnh. Xa nữa là các đội tiền tiêu của quân Pháp.

Sáng ngày 16 tháng Tám, đặt xong pháo trên điểm cao phía đông sông Đen, quân Nga phải các đơn vị đi đầu tiên đến thung lũng. Trời chưa rạng đông và sương mù dày đặc góp sức cho cuộc tấn công bất ngờ giống như trong trận In-ke-rơ-man. Các trạm tiền tiêu của liên quân bị đẩy lùi tức khắc, và khi sắp rạng đông thì công sự đầu cầu và toàn bộ bờ đông sông Đen rơi vào tay quân Nga đang tiếp tục chiến đấu với hai trung đoàn quân Pháp để chiếm các cây cầu. Tiếp đó sư đoàn 7 và 12 của quân Nga được bố trí đối diện với các sư đoàn Ca-mu và đ'Éc-bi-ông của quân Pháp, đã tiến xuống thung lũng thành hai đội hình khép chặt; ở đây họ chuyển thành các đội hình cường tập và tiến thành hai cụm khác nhau: sư đoàn 7 lội và bắc cầu tạm vượt qua sông Đen và Kênh dẫn nước và tiến đánh Ca-mu; còn sư đoàn 12, mà một bộ phận được để lại làm đội dự bị, đã qua cầu Tơ-rắc-ti-rơ để tấn công đ'Éc-bi-ông, những người bảo vệ cầu này bị quân Nga có ưu thế rõ ràng về binh lực đánh lui trong khoảnh khắc. Quân Nga vượt Kênh dẫn nước và leo lên sườn cao điểm với một tốc độ và tinh thần hăng hái chưa từng thấy ở họ. Sư đoàn 7 quân Nga hầu như đã lên đến đỉnh đồi thì lúc đó quân của Ca-mu bố trí thành một tuyến dã nhát tề nổ súng và đánh vào sườn và sau lưng mạnh đến mức quân Nga phải lập tức quay lui và rút về bên kia sông dưới hỏa lực mãnh liệt; nếu có thể tin vào Pê-li-xi-ê thì sư đoàn 7 không còn xuất hiện trong suốt thời gian trận đánh này nữa. Sư đoàn 12 ở giữa đã leo lên được điểm cao và xen được vào nơi bố trí của mấy trung đoàn quân Pháp. Có một thời gian, trận đánh không phân thắng bại, nhưng lúc đó đ'Éc-bi-ông lệnh cho một lữ đoàn của sư đoàn Phô-sơ đánh vào sườn trái các đội hình quân Nga, và sau một trận giáp lá cà ngăn quân Nga bị đẩy lùi xuống đồi, còn quân Pháp thì truy kích họ và tạm thời chiếm lại chiếc cầu.

Tuy nhiên, Goóc-tra-cốp chuẩn bị một đợt tấn công mới. Một phần của sư đoàn 12 và toàn bộ sư đoàn 5 xuống đến thung lũng, nơi đây họ yểm hộ cho số lính đang rút lui chân chính lại hàng



Sơ đồ trận đánh trên sông Đen ngày 16 (4) tháng Tám 1855
do Ăng-ghe-nơ soạn thảo

ngũ và sau đó cả sư đoàn 12 và 5 tiến lên mở đợt tấn công thứ hai. Họ vượt qua cầu và lội qua sông ở bên phải và bên trái cầu, đánh mạnh vào các trận địa trung tâm của liên quân (các sư đoàn đ'Éc-bi-ông và Phô-sơ). Nhưng lúc đó quân Pháp đã bố trí xong toàn bộ pháo binh của họ; pháo binh của họ bắn vô mặt vào các đội hình quân Nga, đồng thời pháo binh của quân Xác-đi-ni bắn vào sườn quân Nga. Bất chấp hỏa lực mãnh liệt đó, quân Nga vẫn tiến lên một cách ngoan cường, nhanh chóng và lại leo lên được đỉnh cao. Ở đây họ bị quân Pháp, triển khai thành một tuyến nhích về phía sau đỉnh đồi cao, đón đánh. Khi mấy hàng đầu của đội hình vừa nhô lên khỏi đỉnh thì quân Pháp nổ súng đồng loạt và từ chính diện và bên sườn xung phong vào họ. Cuộc đánh lộn cũng ngắn ngủi như lần đầu. Quân Nga bị hỏa lực bộ binh và pháo binh truy kích đã rút lui hỗn loạn sang bên kia sông. Thất bại thứ hai này của quân Nga trên thực tế đã quyết định kết cục của trận đánh. Ba phần năm bộ binh của họ đã tham gia trận đánh và họ không hy vọng sẽ có số quân mới tăng viện kéo đến chiến trường; liên quân cũng có ba trong số năm sư đoàn tham gia trận đánh, nhưng số quân tăng viện từ doanh trại gần Xê-va-xtô-pôn đang tiến gấp để chi viện họ. Pê-li-xi-ê còn gọi thêm hai sư đoàn bộ binh và một sư đoàn cận vệ và những đơn vị này đã đến gần. Bảy giờ là khoảng 8 giờ sáng.

Bất chấp sự chênh lệch lực lượng đó, Goóc-tra-cốp quyết định mở một đợt tấn công nữa. Bảy giờ thì phải điều sư đoàn 17 để hình thành hạt nhân của những đơn vị thuộc các đội quân đã bị đánh bại, và sư đoàn này còn có thể được tung ra đánh địch. Hướng tấn công lại chuyển sang bên trái; lần này quân Nga đánh vào sư đoàn Phô-sơ. Nhưng không kết quả. Hỏa lực đan chéo của pháo binh Pháp và Xác-đi-ni đã gây cho quân Nga những tổn thất lớn ngay trước khi họ lên được đỉnh cao đồi; quân Pháp lại đánh tan các đội hình quân Nga và đánh bật họ sang bên kia sông, còn quân Pi-ê-mông (sư đoàn Tơ-rôt-ti) bao vây quân Nga từ bên sườn và kết thúc thắng lợi. Chỉ có một bộ phận của các sư đoàn 4 và 6 với quân số tương đương một sư đoàn, là chưa sử dụng đến. Tung họ vào cuộc tấn công là vô ích. Thất bại không còn hồ nghi

gì nữa, và quân Nga, sau khi đưa pháo binh lên phía trước, bắt đầu rút lui. Trận địa của bản thân quân Nga kiên cố đến mức Pê-li-xi-ê hiểu rõ rằng không thể tấn công được; do đó trận địa ấy chỉ bị hỏa lực của pháo và súng trường. So với liên quân thì thiệt hại của quân Nga trong trận đánh này rất lớn. Họ bị thương vong và bị bắt khoảng 5 000 người, còn liên quân thì chỉ thiệt hại chừng 1 500 người. Nguyên nhân của tình hình đó là quân Nga buộc phải mở mọi đợt tấn công của mình dưới hỏa lực hết sức mạnh của liên quân, nhất là của quân Pi-ê-mông, các khẩu pháo 16 pao của quân Pi-ê-mông khó di chuyển, nhưng một khi được đặt vào trận địa rồi thì chúng có thể phát huy hỏa lực có hiệu quả đặc biệt.

Lần này, quân Nga chỉ tấn công chính diện. Không thể vu hồi quân Pháp từ bên trái, như ở In-ke-rơ-man, vì rằng các khẩu đội pháo của quân Pháp đặt trên nhánh núi đối diện với In-ke-rơ-man đã khống chế nơi đó. Muốn vu hồi liên quân từ cánh phải thì các lực lượng cơ bản của quân Nga phải xuống thung lũng Bai-đác-xcai-a, nơi đây địa hình quá phức tạp đối với những binh lính hết sức không nhanh nhẹn. Do đó quân Nga lựa chọn tấn công chính diện và đã hành động hoàn toàn đúng khi tập kích bất ngờ quân địch. Tính bất ngờ của cuộc tập kích đem lại thắng lợi cục bộ, nhưng nó đã không được tích cực lợi dụng đến cùng. Khi quân Nga đã chiếm được các bến qua sông Đen, đáng lẽ họ phải tung ra tất cả mọi lực lượng có trong tay để củng cố thắng lợi của mình trước khi quân Pháp trấn tĩnh lại được sau đòn đầu tiên. Đáng lẽ như vậy thì quân Nga lại để cho địch có thời gian chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cho bộ binh và pháo binh của họ, và hiệu quả của tính bất ngờ mà kết quả là có thể chuyển điểm cao do quân Pháp chiếm sang tay quân Nga, hầu như đã mất đi ngay khi quân Nga vừa đến sông Đen. Điều đó lại là một bằng chứng nói lên rằng khó bề làm cho quân Nga cơ động khi tình huống đòi hỏi hành động nhanh chóng và khi mà những người chỉ huy cấp dưới phải tự mình định đoạt.

Quân Pháp bao giờ cũng có đặc điểm là coi thường ở một chừng nào đó công tác cảnh giới nơi đóng quân. Ngay khi họ chiếm lĩnh

được trận địa tốt nhất, kẻ địch hành động tích cực bao giờ cũng có thể tập kích bất ngờ ban đêm vào các trạm gác của họ và có thể tập kích vào doanh trại của họ mà không có sự nguy hiểm gì đặc biệt. Trong trận này, cách hành động của quân Pháp chứng tỏ rằng ngay binh lính Nga hành động chậm chạp cũng có thể đạt được điều đó. Trận địa chủ yếu của quân Pháp ở gần sông Đen đến mức các đơn vị đi trước của họ hoặc phải tiến lên rất xa về phía trước, hoặc, nếu điều kiện địa hình không cho phép làm như thế thì những đơn vị này phải được tăng cường đến mức có thể giữ vững cho đến khi doanh trại đã chuyển sang tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nhưng quân Pháp không bảo đảm cho doanh trại của mình có đủ số quân tiền vệ, do đó quân Nga có thể tiếp cận trận địa chính của họ, không để cho họ có thời gian điều động toàn bộ lực lượng của mình chống lại. Nếu là quân địch tích cực hơn quân Nga, thì họ sẽ tung ra binh lực có ưu thế về số lượng với tốc độ rất nhanh để có thể chiếm được cao điểm nằm trong tay quân Pháp trước khi quân Pháp có thể tiến hành một cuộc chống cự có tổ chức và thực sự. Nhưng bản thân quân Nga sợ đem mạo hiểm một hai sư đoàn của mình trong chiến đấu ban đêm, nên đã để mất toàn bộ ưu thế giành được nhờ tập kích bất ngờ.

Thắng lợi có tính chất quyết định mà quân Pháp giành được trong việc đẩy lùi cuộc tấn công của các đội quân Nga, khi quân Nga đã leo lên được điểm cao, là nhờ vận dụng một chiến thuật mà trước đây họ ít sử dụng. Rõ ràng là quân Pháp đã học được phương pháp tác chiến này của quân Anh rất thành thạo trong cách đánh này. Trong việc phòng ngự một dãy đồi, điều rất có lợi là bố trí binh lính ngay phía sau sông đồi, nơi mà binh lính hoàn toàn ẩn nấp được và triển khai thành một tuyến chờ đội hình của địch xuất hiện. Khi đơn vị đi đầu của đội hình địch vừa xuất hiện trên sông của quả đồi thì binh lính phòng ngự hình thành một tuyến sẽ bắn đồng loạt, còn quân địch chỉ có thể bắn trả bằng mấy khẩu súng, rồi sau đó từ chính diện và bên sườn dùng lưới lê xung phong vào địch. Quân Anh đã dùng chiến thuật ấy và bao giờ cũng thành công ở Bu-xa-cu, Pam-plô-na, Oa-téc-lô²⁶⁹ và các

trận đánh khác. Tuy nhiên, các quân đội lục địa châu Âu xem ra đã hoàn toàn quên mất phương pháp chắc chắn ấy trong phòng ngự cao điểm. Thủ đoạn ấy có trong các sách giáo khoa về chiến thuật, nhưng trong thực tiễn nó bị gạt bỏ bởi một thiên hướng phổ biến hơn là ưa triển khai đội hình hàng dọc có tuyến xạ thủ yểm hộ. Quân Pháp đáng được đặc biệt ca ngợi, vì đã học được ở kẻ thù trước đây của mình phương pháp tác chiến giản đơn và có hiệu quả ấy. Nếu như quân Pháp dàn thành các đội hình dọc thì không nghi ngờ gì nữa, quân Nga sẽ chiếm ưu thế và có thể thắng trận. Nhưng trong tình huống lúc đó, hỏa lực của bộ binh triển khai thành một tuyến bắn vào quân địch đã bị hỏa lực mãnh liệt của pháo binh làm cho hỗn loạn và bị mệt mỏi sẽ phải leo dốc núi, hỏa lực ấy đã mang tính chất chí tử, còn cuộc xung phong kiên quyết bằng lưỡi lê đủ đẩy lùi đội hình địch với tinh thần chiến đấu đã tan rã ngay trước khi những lưỡi lê sáng loáng đâm vào người họ.

Đây là trận đánh chính quy thứ ba trong cuộc chiến tranh này và, giống như các trận ở An-ma và gần In-ke-rơ-man, nó có đặc điểm là tương đối ngắn. Đặc điểm của các trận đánh trong thời kỳ chiến tranh của Na-pô-lê-ông là có một thời kỳ dài gồm những trận mở màn nhỏ; hai bên cố gắng tìm hiểu lực lượng địch trước khi tung chủ lực vào cuộc chiến đấu với địch ở địa điểm có tính chất quyết định; đòn quyết định chỉ giáng xuống khi đại bộ phận quân đội hai bên đã tham gia trận đánh. Ở đây, chúng ta thấy một cảnh tượng trái lại: không có sự dấy dựa nào, không có sự tiêu hao dần lực lượng địch; đòn giáng xuống tức khắc và số phận của trận đánh tùy thuộc vào kết quả của một vài đợt tấn công. Cách đánh đó tỏ ra táo bạo hơn phương pháp tác chiến của Na-pô-lê-ông; nhưng nếu như một ưu thế số lượng gấp đôi, như ưu thế mà liên quân có ở An-ma, và sự vụng về của quân Nga trong cơ động mà ai nấy đều biết, nếu như hai điều đó dường như là lý do của những hành động trực tiếp ấy, thì những hành động này vẫn chứng minh rằng cả hai bên đều rất thiếu sự chỉ huy quân sự thành thạo; và trong tất cả mọi trường hợp, khi những tên võ biền tác chiến theo nguyên tắc ấy mà gặp phải một

viên tướng hiểu rõ nên khai chiến với chúng như thế nào, nên đặt ra cho chúng những cạm bẫy gì và như chúng vào bẫy như thế nào, thì chúng sẽ nhanh chóng rơi vào địa vị bị đát vô cùng.

Sau hết, chúng tôi nhắc lại điều mà chúng tôi đã thường nói: sự dũng cảm của binh sĩ và sự tầm thường của tướng lĩnh là đặc điểm của hai bên tham gia cuộc chiến tranh hiện nay.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 31 tháng Tám 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4494, ngày 14 tháng Chín 1855 và đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 409 và 411, ngày 3 và 4 tháng Chín 1855

In theo bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune", có đối chiếu với bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung"

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NHỮNG SỰ TỐ GIÁC MỚI Ở ANH

Nếu như không kể những văn kiện của ngài A.Bóc-xơ do thân phụ của ngài công bố sau khi ngài chết để gột sạch cho con trai cái tội danh giả mà Pan-móc-xton gán cho: tuồng như A.Bóc-xơ là kẻ chủ mưu của cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan nhục nhã và thất bại, và để chứng minh rõ ràng rằng những bức điện khẩn tai tiếng của ngài A.Bóc-xơ, mà Pan-móc-xton đưa ra nghị viện, không những đã bị xuyên tạc đến mức mất hẳn nguyên ý của chúng, mà trên thực tế còn bị giả mạo và đầy rẫy những câu bịa đặt thêm thắt nhằm mục đích đánh lừa dư luận²⁷⁰, - nếu không kể những văn kiện ấy, thì trong một loạt văn kiện được công bố từ trước tới nay hình như không có văn kiện nào làm tổn thương mạnh mẽ đến danh tiếng của Chính phủ Anh và bọn người chiếm đoạt quyền thừa kế các chức vụ quốc gia ở Anh, bằng những thư từ trao đổi giữa ngài Giêm-xơ Grê-hêm và ngài Sác-lơ Nây-pia. Những thư từ ấy bị lão đô đốc vừa mới công bố để khôi phục thanh danh của mình²⁷¹.

Trong cuộc tranh luận gay go, ngài Giêm-xơ Grê-hêm có hơn đối thủ của mình bởi một lợi thế lớn - không có tài liệu vạch mặt nào có thể làm tổn thương mạnh hơn nữa đến uy tín của ông ta trước dư luận. Đây chính là con người đã công nhiên khoe khoang mình đã tham gia vụ giết anh em Ban-đê-ê-ra, con người đã bị vạch mặt là thường xuyên bóc xem các bức thư riêng ở sở bưu điện Luân Đôn và lợi dụng thư từ ấy vì lợi ích của Liên minh thần thánh²⁷²,

con người đã xun xoe hôn tay hoàng đế Ni-cô-lai khi ông ta vừa bước chân lên bờ biển Anh; con người ấy đã dùng phương pháp đặc thù của mình để làm cho đạo luật mới về người nghèo vốn đã hà khắc lại càng thêm tàn nhẫn; sau hết, con người ấy chỉ mấy tháng trước đây thôi, trước nghị viện đông nghị, đã uổng công tìm cách đổ lỗi cho ông Lây-ác về sự lãng nhục mà chính ông ta đã làm đối với đại úy Cri-xti bất hạnh. Tiếng tăm của con người ấy có thể coi là đã được củng cố. Trong sự nghiệp chính trị của ông ta có cái gì giống như câu đố. Ông ta không có cái tài năng đặc biệt cho phép huân tước Pan-móc-xton không thuộc vào đảng phái nào cả, trong đảng ông ta cũng không có cái uy tín thừa hưởng nào để nhờ đó huân tước Giôn Rốt-xen đã thành công một cách suôn sẻ mà không cần gì tài năng đặc biệt; tuy nhiên, ông ta đã đóng vai trò quan trọng rõ ràng trong số các nhà hoạt động nhà nước Anh. Chiếc chìa khóa để giải câu đố ấy phải tìm không phải trong niên giám lịch sử thế giới, mà là trên các trang báo của tờ "Punch". Năm này qua năm khác, trong tờ tạp chí bổ ích ấy đều xuất hiện bức biếm họa vẽ trực tiếp theo đối tượng và được tô điểm bằng một câu ngắn gọn: "Tay sai đặc lực để làm việc bần thiêu bên cạnh ngài Rô-bóc Pin". Ngài Rô-bóc Pin không phải là vĩ nhân, mà là một người lương thiện, nhưng trước hết là một nhà hoạt động nhà nước Anh, một lãnh tụ của chính đảng; địa vị buộc ông ta làm những việc bần thiêu mà ông ta thi hành một cách khá trái ý muốn. Chính vì thế ngài Giêm-xơ là vật tìm thấy thực sự của ông, chính vì thế ngài Giêm-xơ trở thành hoàn toàn cần thiết, và đồng thời còn là một nhân vật vĩ đại.

Ngài Sác-lơ Nây-pia thuộc vào một gia đình khác người cả về năng khiếu của mình, cũng như cả về tính cổ quái của mình. Trong số những người ôn hòa hiện đại, anh em Nây-pia đã gây cho người ta ấn tượng coi họ là đại biểu của một bộ lạc nguyên thủy nào đó, mà năng khiếu tự nhiên cho phép họ nắm được những thành tựu của nền văn minh, nhưng không làm cho họ cúi mình trước những thói quen câu nệ của nền văn minh đó, bám lấy lễ tiết của nó và phục tùng kỷ luật của nó. Nếu như anh em Nây-pia bao giờ cũng trung thành phục vụ nhân dân Anh, thì họ thường xuyên cãi cộ với chính phủ của mình và đứng lên phản đối chính phủ ấy.

Nếu như họ có những ưu điểm của các nhân vật trong các tác phẩm của Hô-me, thì trên mức độ nhất định cũng có tính khoáng lạc vốn có ở các nhân vật ấy.

Chúng ta hãy xét về ngài Sác-lơ Nây-pia, một viên tướng đã quá cố. Không nghi ngờ gì nữa, đây là một quân nhân có tài nhất mà nước Anh đã từng có được từ thời Man-bô-rô, nhưng ông ta đã nổi tiếng nhờ vụ kiện với Công ty Đông Ấn, một vụ kiện mà sau khi ông chết, gia đình ông vẫn theo đuổi, không kém gì nhờ việc chiếm lĩnh tỉnh Xin-đơ²⁷³. Hoặc ngài U.Nây-pia, một viên tướng, nhà văn quân sự hạng nhất ở Anh, nhưng cũng nổi tiếng về việc cãi cọ thường xuyên với ngành quân sự Anh; ông ta ít đếm xỉa đến thiên kiến hẹp hòi của đồng bào ông đến nỗi lịch sử chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ nổi tiếng của ông²⁷⁴ đã bị giới phê bình Anh nhất trí xỉ vả như là “báo cáo tốt nhất của Pháp chưa hề thấy về cuộc chiến tranh ấy”. Đối thủ của ngài Gi.Grê-hêm, lão đô đốc Nây-pia, cũng nổi tiếng về việc ông ta đã hủy các mệnh lệnh của cấp trên của mình. Còn về kẻ nổi dõng tráng kiện cuối cùng của gia đình Nây-pia thì ngài Gi.Grê-hêm chỉ cảm thấy rằng con người này quán lấy ông ta như con trăn; chiếc vòng bằng sắt của con trăn này qua kiểm tra mới thấy chỉ là sợi mạng nhện thông thường mà thôi.

Là bộ trưởng bộ hải quân, ngài Giêm-xơ Grê-hêm đã cách chức tư lệnh của Sác-lơ Nây-pia khi ông này trở về Anh. Tại hạ nghị viện, Grê-hêm chỉ rõ Nây-pia là người chịu trách nhiệm về thất bại ở biển Ban-tích; để chứng thực điều đó, Grê-hêm đã đọc mấy chỗ trong thư riêng của Nây-pia. Grê-hêm buộc tội Nây-pia đã lần tránh chấp hành mệnh lệnh táo bạo mà ông đã nhận được của bộ hải quân. Grê-hêm bày tỏ hy vọng rằng trong tương lai sẽ không có một vị bộ trưởng bộ hải quân nào thiếu thận trọng đến nỗi cho phép giương lên ngọn cờ của ngài Sác-lơ Nây-pia; ông ta còn chế nhạo Nây-pia trên các tờ báo chịu ảnh hưởng của ông ta, gọi Nây-pia là “Sác-li hiếu chiến”, giống như vua Pháp trong thần thoại đã “đem hai vạn quân leo lên đồi, rồi lại trở xuống”. Ngài Sác-lơ, căn cứ theo lời của chính ông ta,

“đã yêu cầu điều tra về hành động của mình nhưng bị từ chối; ông nhờ cậy nội các, nhưng không được trả lời gì cả; cuối cùng ông kêu gọi hạ nghị viện. Ông bị từ chối với lý do rằng đem thảo luận các văn kiện có liên quan đến vụ việc này có thể gây nguy hại cho hạm đội của nữ hoàng”.

Sau cuộc pháo kích Xvê-a-boóc-gơ, lý do ấy, rút cục, đã phá sản.

Ngài Giêm-xơ không hoài nghi gì về việc ý định của mình sẽ thành công, vì để đề phòng, ông ta đã đánh dấu “thư riêng” [“private”] lên trên tất cả những bức thư có thể phần nào làm tổn thương đến thanh danh của bản thân và khôi phục thanh danh cho kẻ bị đem hy sinh mà ông đã lựa chọn. Còn về hàm nghĩa của từ “thư riêng” thiêng liêng ấy thì bản thân ngài Giêm-xơ, khi đưa ra các chứng cứ trước ủy ban Xê-va-xtô-pôn, đã tuyên bố rằng bộ trưởng bộ hải quân Anh thường đánh dấu “thư riêng” vào các chỉ thị chính thức khi ngài ấy có đủ căn cứ để giấu giếm những chỉ thị đó không những đối với công chúng, mà ngay cả đối với nghị viện. Đối với một con người, như ngài Giêm-xơ vẫn cho rằng mình có quyền công bố công khai thư riêng, thì việc biến các văn kiện chính thức thành tài sản riêng là điều hoàn toàn tự nhiên. Nhưng lần này ông ta đã tính toán không hỏi ông chủ. Ngài Sác-lơ Nây-pia cả gan phá vỡ xiềng xích của “những chỉ thị riêng”, có thể chịu nguy cơ bị xóa tên trong danh sách chính thức các sĩ quan hạm đội Anh và chắc chắn sẽ mất cái quyền lại được giương lên ngọn cờ của mình vào lúc nào đó; nhưng đồng thời ông ta không những cản đường vào bộ hải quân của ngài Giêm-xơ, mà còn chỉ cho nhân dân Anh thấy rằng hạm đội của họ cũng mục rữa như quân đội của họ. Khi chiến dịch Crum làm quân đội Anh mất cái vinh quang trước kia của nó, thì những kẻ bảo vệ ancien régime^{1*} từ chối thừa nhận làm lỗi của họ với cái lý do có vẻ chính đáng là nước Anh chưa bao giờ có tham vọng trở thành cường quốc quân sự hàng đầu. Nhưng họ không dám quả quyết rằng Anh chưa bao giờ đưa ra yêu cầu trở thành cường quốc hải quân thứ nhất trên thế giới. Chiến tranh làm cho dân tộc được thử thách - đây là mặt dền bù của nó. Giống như chiếc xác ướp tan ngay khi tiếp

^{1*} - trật tự cũ

xúc với không khí, chiến tranh tuyên bố bản án cuối cùng đối với một chế độ xã hội đã mất sức sống của nó.

Thư từ giữa Giêm-xơ Grê-hêm và đô đốc Nây-pia bao gồm thời kỳ từ 24 tháng Hai đến 6 tháng Mười một năm 1854 và không thể đăng tải toàn bộ trên tờ báo chúng tôi chỉ là do số lượng thư từ ấy rất lớn, có thể được tóm tắt trong một số ít câu. Như mọi người đều biết, cho đến cuối tháng Tám, khi mà mùa đi biển trên biển Ban-tích kết thúc, mọi việc đều khá thuận lợi, tuy nhiên ngay từ đầu cuộc viễn chinh, Sác-lơ Nây-pia đã nêu lên với ngài Giêm-xơ ý kiến của mình là

“kinh phí mà bộ hải quân cấp phát để trang bị và bổ sung hạm đội biển Bắc là không đủ cho mục đích đã định và không tạo được điều kiện thuận lợi để nghênh chiến với quân Nga”.

Suốt thời gian đó, trong thư của mình, ngài Giêm-xơ không bày tỏ ý kiến gì ngoài sự quan tâm ủng hộ đối với “ngài Sác-lơ đáng kính” của mình. Ngày 12 tháng Ba, ông ta “chúc mừng” hạm đội của ông rời bờ biển Anh trong “trật tự hoàn toàn”; ngày 5 tháng Tư, ông ta “hài lòng về cuộc tiến lên của ông”; ngày 10 tháng Tư ông ta “hoàn toàn hài lòng về hành động của ông”; ngày 20 tháng Sáu, ông ta gọi Nây-pia là “vị tư lệnh hạm đội không gì so sánh được”; ngày 4 tháng Bảy, ông ta “tin rằng ngài Sác-lơ sẽ làm tất cả những điều mà con người có thể làm”. Ngày 22 tháng Tám, ông ta “chân thành chúc mừng thắng lợi của ông trong hoạt động ở Bô-mác-xun-đơ”, còn ngày 25 tháng Tám, tràn ngập niềm vui sướng nên thơ, ông ta viết:

“Tôi rất đổi hài lòng về hành động của Ngài, tôi khâm phục trước những bằng chứng về sự thận trọng của Ngài và trước tư tưởng lãnh mạnh của Ngài”.

Suốt thời gian ấy, ngài Giêm-xơ chỉ lo rằng ngài Sác-lơ

“do khát vọng thiết tha muốn lập chiến công vĩ đại và thỏa mãn nguyện vọng thô bạo của đám người sốt ruột sẽ có thể rơi vào sự ngẫu hứng thiếu suy nghĩ và quên làm tròn một trong những nghĩa vụ cao cả nhất - có dũng khí tinh thần để làm điều mà mình cho là đúng, không sợ bị chỉ trích là có những hành động không đúng”.

Ngay từ ngày 1 tháng Năm 1854, ông ta viết cho ngài Sác-lơ:

“Tôi cho rằng hầu như không thể chiếm được Xvê-a-boóc-gơ cũng như Crôn-stát từ phía biển, đặc biệt là Xvê-a-boóc-gơ và chỉ có một đạo quân lớn mới có thể tấn công thành công từ phía đất liền vào những lực lượng mà nước Nga có thể tập trung dễ dàng ở những con đường tiến thẳng về thủ đô”.

Khi ngài Sác-lơ viết cho ngài Giêm-xơ vào ngày 12 tháng Sáu, rằng

“sau khi suy tính kỹ càng, ông đi đến kết luận, được cả đô đốc Sác-xơ tán thành là: phương pháp duy nhất có hiệu quả để chiếm Xvê-a-boóc-gơ là trang bị một số lượng lớn các pháo thuyền”,

thì ngài Giêm-xơ trả lời ông ta vào ngày 11 tháng Bảy:

“Với 50 000 người và 200 pháo thuyền, ngài có thể giành được những thắng lợi quan trọng và có ý nghĩa quyết định vào cuối tháng Chín”.

Nhưng mùa đông vừa tới, quân đội và hạm đội Pháp rút về, còn bão mạnh trong những ngày thu phân bắt đầu làm nổi sóng trên biển Ban-tích thì người ta nhận được báo cáo của ngài Sác-lơ:

“Dây neo trên các chiến hạm của chúng tôi đã bắt đầu đứt, tàu “Đra-côn” chỉ còn một neo, tàu “Pô-vê-li-ten-ních” và tàu “Va-xi-lích” đã mất một neo vào đêm hôm qua; tàu “Vôn-sép-ních” đã buộc phải thả neo trong sương mù, sau khi nhổ neo ban đêm ở gần Na-rơ-ghen lại buộc phải thả neo không xa đèn biển Ren-xcác, vì bị gió thổi tạt vào nơi có đá ngầm; tàu “E-vri-an” va phải đá ngầm, nhưng may mà không đắm”.

Bây giờ ngài Giêm-xơ đột nhiên phát hiện “rằng chiến tranh không thể tiến hành không có sự phiêu lưu và sự nguy hiểm”, do đó phải chiếm Xvê-a-boóc-gơ bằng được mà không cần có một tên lính nào, không cần có một pháo thuyền và không cần một khẩu súng cối nào! Thật vậy, chúng ta chỉ có thể nhắc lại câu nói của cựu đô đốc: “Giả thử hoàng đế Nga là bộ trưởng bộ hải quân thì ông ta cũng viết những bức thư như thế”.

Qua những thư từ ấy có thể thấy rõ ràng rằng trạng thái vô chính phủ bao trùm bộ hải quân, cũng như bộ chiến tranh. Ngài Giêm-xơ đồng ý cho Nây-pia tiến quân qua Ben-tơ, nhưng nội các lại có thái độ không thuận đối với việc đó. Tháng Tám ngài Giêm-xơ viết thư cho Nây-pia yêu cầu phải chuẩn bị kịp thời cho việc rời biển Ban-tích, trong khi đó nội các lại gửi cho Nây-pia một bức

điện có tính chất trái ngược. Ngài Giêm-xơ có một cách nhìn đối với bản báo cáo của tướng Ni-en, còn nội các lại có cách nhìn khác. Nhưng yếu tố lý thú nhất trong những thư từ ấy có lẽ là nó chiếu rọi một ánh sáng mới vào liên minh Anh - Pháp. Đô đốc Pháp báo cho ngài Sác-lơ biết lệnh triệu hồi lực lượng vũ trang Pháp đề ngày 13 tháng Tám. Quân đội Pháp rời khỏi vùng này ngày 4 tháng Chín, còn bộ phận còn lại của hạm đội Pháp rời khỏi đây ngày 19 tháng Chín. Thế nhưng ngài Gi.Grê-hêm khẳng định với ngài Sác-lơ rằng mãi ngày 25 tháng Chín ông mới biết tin quân Pháp rút về. Do đó ngài Giêm-xơ tưởng lầm rằng “quyết định ấy được thông qua tại chỗ với sự đồng ý của Nây-pia”, nhưng, như ông nhấn mạnh, “không hỏi ý kiến Chính phủ Anh gì cả”. Mặt khác, Ni-en, tướng Pháp thuộc công binh và bạn thân của Lu-i Bô-na-pác-tơ tưởng như đã khuyến nghị “dùng các chiến hạm chủ lực phá hủy Xvê-a-boóc-gơ trong vòng hai giờ”. Qua đó thấy rằng ông ta muốn thúc đẩy hạm đội Anh tiến hành một cuộc tấn công mù quáng trong đó quân Anh sẽ bị thiệt hại nặng vì đá ngầm và công sự phòng ngự của quân Nga mà chẳng thu được lợi lộc gì.

*Do C.Mác viết khoảng 8 tháng Chín 1855
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4502, ngày 24 tháng
Chín 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

VỀ VIỆC CHIẾM XÊ-VA-XTÔ-PÔN²⁷⁵

Luân Đôn, ngày 11 tháng Chín. Chín giờ tối hôm qua, các khẩu pháo ở Công viên Xanh-Giêm-xơ và *Tao-ơ*²⁷⁶ đã báo tin cho Luân Đôn về việc chiếm được khu Nam Xê-va-xtô-pôn. Điều làm cho các giám đốc các rạp hát Li-xê-um, Hai-mác-két và A-đen-phi hài lòng là những tiếng hô “hoan hô” và tiếng hát những bài ca chính thức “God save the Queen” và “Partant pour la Syrie”^{1*} cuối cùng thì không còn do những tin tức giả dối gây ra như trước kia, mà là do những tin nhanh chính thức gây ra.

Chiến dịch Crum rút cục đã đi đến một bước ngoặt. Khoảng một tuần nay, quân Nga đã buộc phải báo tin trong các bức điện của họ rằng hỏa lực của liên quân đã phá hoại nghiêm trọng các công sự ở Xê-va-xtô-pôn và các công sự ấy đã được tu sửa với “khả năng lớn nhất”, nghĩa là chúng đã không được sửa chữa lại hoàn toàn. Sau đó, hôm qua chúng tôi lại được biết tin là vào thứ bảy ngày 8 tháng Chín, vào buổi chiều, liên quân đã cường tập vào bốn pháo đài; họ bị đánh bại ở một pháo đài, họ đã chiếm được hai, nhưng hai phải bỏ lại một, và cuối cùng họ đã củng cố được ở pháo đài thứ tư, quan trọng nhất ở trên đồi Ma-la-khốp (pháo

^{1*} - “Lạy chúa, hãy cứu lấy nữ vương”, “Tiến sang Xi-ri”

đài Coóc-ni-lốp). Mất pháo đài này, quân Nga buộc phải phá hoại và rút bỏ phía Nam^{1*}.

Việc lực lượng tăng cường lớn đã đến sau trận đánh trên sông Đen đã làm cho các tướng lĩnh liên quân không bị bất cứ cuộc tấn công nào của quân Nga ở In-ke-ro-man đe dọa; thậm chí trong trường hợp quân Nga điều được các bộ phận còn lại của các sư đoàn 4 và 6 và hai sư đoàn tinh binh thì liên quân vẫn đủ sức chống cự một cách thắng lợi với bất cứ binh lực nào mà quân Nga có thể điều vượt qua sông Đen, và đồng thời còn rút được một binh lực khá lớn để tiếp tục vây đánh, thậm chí tiến hành cường tập. Phải thừa nhận rằng lần này thì Chính phủ Pháp đã vận chuyển nhanh chóng một cách khác thường số quân có thể chống cự lại số quân tăng viện của quân Nga được điều đến từ Ba Lan và Vô-lun mà hiện đang trên đường hành quân. Số lượng quân Pháp đưa sang phương Đông từ đầu tháng Bảy gồm có không dưới 50 000 người. Trong điều kiện đó, nhờ hành động có hiệu quả của những trận địa cối điều lên phía trước của quân Anh và quân Pháp, chiến hào đã đào được đến sát hào thành dưới sự yểm hộ mãnh liệt của pháo binh. Những chiến hào đó được đẩy lên bao xa và có vòng đê đốc secundum artem^{2*} bao quanh hay không thì hiện giờ chúng tôi chưa biết. Cuộc bắn phá thành phố ngày càng mang tính chất một cuộc pháo kích chính quy; hỏa lực cầu vòng phát huy rất thành công, khiến cho việc bố trí những phân đội lớn ở khu vực bị bắn phá không thể tiến hành được. Cuối cùng đã nhận được lệnh cường tập.

Ở Ma-mê-lôn vào mùa xuân quân Nga đã xây dựng một loạt công sự độc lập có tường chắn và nơi tránh đạn và không thể đốt cháy được cũng không thể phá hủy bằng đạn pháo được. Những công sự ấy là nơi ẩn nấp rất tốt của họ để tránh hỏa lực địch, nhưng khi diễn ra cuộc cường tập mới người ta phát hiện thấy rằng

^{1*} - Trong bài Ph. Ăng-ghen viết cho tờ “New-York Daily Tribune” thay cho câu trên là đoạn sau đây: “Mất địa điểm này, quân Nga buộc phải rút quân từ phía Nam về phía Bắc vào ngày 9 tháng Chín, do đó, rút bỏ thành phố Xê-va-xtô-pôn. Trước khi rút, họ đã cho nổ tung các kho tàng và công trình kiến trúc, dùng mìn phá hoại các công sự phòng thủ làm cho chúng không sử dụng được nữa và theo lời của tướng Pê-li-xi-ê, đã biến toàn bộ khu vực này thành một lò lửa khổng lồ rực cháy; quân Nga cũng đốt các tàu chạy bằng hơi nước của họ, nhấn chìm các tàu chiến còn lại và sau hết đã phá hủy chiếc cầu ở gần pháo đài Páp-lốp”.

^{2*} - hoàn toàn theo đúng quy tắc nghệ thuật

trong những công sự ấy không đủ chỗ để tập trung số lượng quân lính cần thiết để phòng thủ chúng. Từng đoạn một của công sự chỉ do một nhóm binh sĩ bảo vệ đã lần lượt rơi vào tay quân Pháp, quân Pháp đã lợi dụng ngay chúng để bố trí binh lính của mình. Rõ ràng là người ta cũng đã mắc phải sai lầm ấy trong khi xây dựng các công sự phòng ngự trên đồi Ma-la-khốp. Quân Nga đã quá cố gắng trong việc xây dựng công sự, đến mức vừa chiếm được cao điểm khổng lồ ngọn đồi quân Pháp đã sử dụng ngay công sự của quân Nga để tránh hỏa lực của chính quân Nga. Vì Rê-đan lớn (pháo đài số 3) và Rê-đan ở vịnh Cô-ra-ben (pháo đài số 1 của quân Nga) ở vào một nơi bằng phẳng hơn, nên ở đây không thể xây dựng công sự phức tạp bố trí bậc thang như ở đồi Ma-la-khốp. Rõ ràng là ở đây, bên trong pháo đài có xây dựng lô-cốt kép thông thường chia cắt góc nhô của pháo đài, nhờ đó mà từ lô-cốt kép có thể bắn mãnh liệt vào phần bên trong của góc nhô. Binh lính đóng giữ pháo đài nhờ thế mà có thể tập trung an toàn hơn ở sâu bên trong pháo đài, còn phần bên trong của công sự có thể được phòng thủ bằng cách xuất kích lô-cốt kép. Do cách cấu trúc công sự đó, một cách cấu trúc công sự thường thấy ở các trường hợp như trên, nên các đội quân Anh tấn công theo đội hình hàng ngang và các đội quân Pháp được tung vào cường tập trận địa ấy đã có thể dễ dàng vượt tuyến tường lũy bên ngoài hầu như hoàn toàn bị bỏ trống, nhưng khi đến lô-cốt kép, dưới làn mưa đạn đã buộc phải rút lui và bỏ cuộc cường tập.

Ngay sau khi chiếm được đồi Ma-la-khốp, tướng Đơ Xa-lơ, hoạt động ở cánh tấn công bên trái của quân Pháp, đã cố gắng cùng cố ở pháo đài Trung tâm (số 5, giữa pháo đài Cột buồm và Ca-ran-tin) nhưng đã bị đánh lui. Chúng tôi không biết rõ là cuộc tấn công đó được tiến hành theo sáng kiến cá nhân của ông ta hay là nằm trong kế hoạch chung. Chúng tôi cũng không biết rõ là chiến hào của quân Pháp đã đào đủ gần pháo đài chưa để điều đó có thể biện minh cho cuộc thử nghiệm táo bạo đó.

Việc chiếm được đồi Ma-la-khốp là một bước ngoặt trong quá trình vây đánh^{1*}. Đồi Ma-la-khốp hoàn toàn không chế phía Cô-ra-ben và sườn đông của điểm cao trên đó xây dựng thành phố Xê-va-xtô-pôn. Nó uy hiếp, từ phía sau, các pháo đài bờ biển ở phía

^{1*} - Trên tờ “New-York Daily Tribune”, tiếp theo còn có câu sau: “Căn cứ vào những sự kiện đã xảy ra trước khi có cuộc vây đánh ngoạn mục này, có đủ lý do để cho rằng nếu họ hoàn thành đúng đắn nhiệm vụ của mình, thì nói chung quân Pháp không có nguy cơ bị đánh bật khỏi trận địa mới của họ”.

nam vịnh Lớn và làm cho các tàu chiến của quân Nga không thể phòng thủ toàn bộ phía trong vịnh và phần lớn phía ngoài vịnh. Do đòi Ma-la-khốp bị chiếm mà phòng tuyến Xê-va-xtô-pôn bị chọc thủng ở chính nơi quyết định sự vững chắc của toàn bộ công cuộc phòng ngự. Do đó, chiếm được đòi Ma-la-khốp có nghĩa là chiếm được phía Cô-ra-ben, phá hủy được thành phố bằng pháo kích, từ bên sườn và phía sau chiếm lĩnh pháo đài Cột buồm và làm mất hy vọng cuối cùng về khả năng giữ vững được Xê-va-xtô-pôn. Cho tới nay, Xê-va-xtô-pôn, cũng như tất cả các cứ điểm hiện đại lớn, là dinh lũy cho một đạo quân lớn. Sau khi mất đòi Ma-la-khốp, nó chỉ còn đóng vai trò lô-cốt đầu cầu thông thường đối với số quân phòng thủ phía Bắc, mà là một lô-cốt đầu cầu không có cầu^{1*}. Máy tàu chiến của quân Nga ở trong vịnh đã bị đạn pháo của liên quân bắn cháy. Quân Pháp đặt pháo trên đòi Ma-la-khốp làm cho các tàu còn sót lại của quân Nga mất mọi khả năng tìm kiếm nơi đỗ tàu an toàn, nếu không kể nơi tiếp giáp các khẩu đội Ni-cô-la-ép và A-lếch-xan-đrốp, nơi đây chỉ có thể đỗ một số rất ít tàu. Điều đó cắt nghĩa tại sao quân Nga đã nhân chìm và đốt cháy các tàu chiến chủ lực và tàu chiến chạy bằng hơi nước của họ. Việc hoàn toàn chiếm lĩnh được phía Cô-ra-ben cho phép liên quân bắt đầu các hoạt động dã chiến. Mặc dù họ không thể bố trí một số lượng lớn các khẩu đội và đưa binh lực lớn vào bộ phận ấy của thành phố vì bị pháo kích từ phía Bắc vào, họ vẫn làm cho quân Nga mất ít ra là một nửa đất đai ở Xê-va-xtô-pôn so với tình hình trước ngày 8 tháng Chín và quân Nga chỉ còn giữ được một cứ điểm, trong đó chỉ duy trì được một số lượng quân lính có hạn. Không những sức mạnh tấn công của quân Nga hoàn toàn bị bẻ gãy mà khả năng phòng ngự của họ cũng yếu đi rất nhiều. Chỉ cần một số quân ít hơn nhiều để tiếp tục vây đánh, còn bộ phận nhờ đó mà rảnh ra cộng với số quân đang trên đường hành quân và số quân trong doanh trại Ma-xlác đều có thể được sử dụng vào cuộc viễn chinh ở Ép-pa-tô-ri. Càng nghiên cứu trận địa của liên quân và quân Nga trên sông Đen, chúng tôi càng tin

^{1*} - Trên tờ "New-York Daily Tribune", phía sau còn thêm câu: "Vì vậy việc bỏ thành phố là một quyết định đúng. Tuy nhiên, chúng tôi đã nhiều lần nghe nói về việc xây dựng những công sự mới ở sườn sau của đòi Ma-la-khốp nhằm mục đích tiếp tục phòng ngự phía Cô-ra-ben trong trường hợp mất đòi này. Nhưng rõ ràng là những công sự đó không đủ vững chắc để thúc đẩy công tước Goóc-tra-cốp tiếp tục cuộc phòng ngự. Chắc là chúng ta sẽ nhanh chóng được biết, trên thực tế đây là những công sự gì".

chắc rằng giờ đây không bên nào có thể đánh bật bên kia ra khỏi trận địa của họ, nếu không tạo được từ trước ưu thế lớn về binh lực và không chịu đựng những tổn thất to lớn. Vì vậy, trong doanh trại của liên quân ngày càng lan rộng ý kiến cho rằng cần phải phái đến Ép-pa-tô-ri 60 000 - 70 000 người để từ đó bắt đầu tấn công vào tuyến giao thông của quân Nga gần Xim-phê-rô-pôn. Như thế sẽ buộc quân Nga phải nghênh chiến ở địa hình trống trải, và thắng lợi của trận đánh ấy, trong điều kiện hiện nay, rõ ràng là thuộc về liên quân. Song, hiện nay tất cả đều phụ thuộc vào chỗ liên quân có biết lợi dụng thời cơ này với một tốc độ và nghị lực cần thiết hay không^{1*}

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 11 tháng Chín 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 429, ngày 14 tháng Chín 1855 và đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4506, ngày 28 tháng Chín 1855

*In theo bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" có đối chiếu với bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune"
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

^{1*} Trên tờ "New-York Daily Tribune", thay cho hai câu cuối này là đoạn dưới đây: "Nếu giả định rằng quân Nga ở Crum có 200 000 người (đương nhiên, điều này không thể có được) thì cần 80 000 người để phòng thủ các đồn ở phía Bắc, 60 000 người để phòng thủ trận địa trên sông Đen và 60 000 người cho hoạt động chống lại liên quân ở Ép-pa-tô-ri. Xét đến tinh thần hiện nay của liên quân thì có thể khẳng định rằng trong tình hình quân số ngang nhau và trận địa có lợi như nhau, liên quân sẽ đánh bại quân Nga; mà do liên quân đã cắt đứt được tuyến giao thông của quân Nga, nên họ có thể buộc quân Nga nghênh chiến - trong bước đi này rõ ràng là không hề có sự phiêu lưu nào. Hơn nữa, hoàn toàn có khả năng là quân Nga có thể điều đi chống lại đội quân viễn chinh ấy một đạo quân nhiều nhất là 60 000 người. Tuy nhiên, cuộc cơ động này được tiến hành càng sớm thì càng tốt cho liên quân, và nếu họ hành động kiên quyết thì họ có thể đạt được những kết quả quan trọng. Hiện giờ, họ có ưu thế về tinh thần và về quân số, và chúng tôi không nghi ngờ rằng họ sẽ lợi dụng ưu thế đó trước khi lại một mùa đông nữa đến trên cao nguyên, sẽ làm giảm quân số của họ và làm sút tinh thần chiến đấu của họ.

Thật vậy, tin tức cuối cùng cho biết là trước ngày 13 tháng Chín người ta đã phái 25 000 người đi Ép-pa-tô-ri, và chắc hẳn chúng ta sẽ nhanh chóng được biết rằng tiếp theo sau sẽ là những lực lượng lớn hơn.

Chúng tôi tạm thời chỉ có những tin điện hết sức ngắn về sự kiện ấy. Khi những tin tức đầy đủ hơn, chính xác hơn tới, chúng tôi sẽ trở lại đề tài này". (Hai đoạn cuối là do ban biên tập "Tribune" thêm vào.)

C.MÁC

LỄ AN TÁNG Ô CÔ-NÔ

Luân Đôn, ngày 11 tháng Chín. Lễ tang của lãnh tụ phái Hiến chương Ô Cô-no đã được cử hành xế trưa hôm qua. Đám tang có khoảng 20 000 người dự, hầu hết là công nhân, đã đi từ vườn hoa nhỏ Phin-xbe-ri và Xmít-phin-đơ đến Nốt-tinh-hi-lơ nơi đặt linh cữu, rồi đưa linh cữu đến nghĩa trang Ken-xan-grin (một trong những nghĩa trang đẹp nhất Luân Đôn).

Đi đầu đám tang là các cỗ xe tang, mỗi xe đóng bốn ngựa có trang điem những ngù lông lớn theo phong tục người Anh. Đi tiếp sau các cỗ xe là những người cầm cờ. Trên những lá cờ đen có viết những dòng chữ trắng: “He lived and died for us” (“Ông đã sống và chết vì chúng ta”). Trên lá cờ lớn đỏ thắm hiện lên đẹp đẽ dòng chữ “Alliance des peuples”^{1*}. Trên đầu nhọn của cán lá cờ đi đầu rung rinh chiếc mũ đỏ tượng trưng cho tự do²⁷⁷. Sau lễ cầu nguyện được cử hành tại nhà thờ nhỏ đẹp có hàng cột tròn ở cổng nghĩa trang, Uy-li-am Giôn-xơ đã đọc lời diếu tưởng niệm người đã khuất. Lễ hạ huyệt kết thúc trong tiếng thánh ca. Đã có đủ các dấu hiệu của một cuộc biểu tình lớn, chỉ thiếu sự gay gắt, vì Êc-ne-xtơ Giôn-xơ do vợ ốm nặng không thể tham gia và phát biểu ý kiến. Khi những người dự lễ tang trở về thành phố vào khoảng 5 giờ rưỡi chiều, họ gặp năm đội cảnh sát; họ tiễn đưa chúng bằng tiếng hô “too late” (“chậm quá rồi”) với giọng nói

đặc chí có tính chất châm biếm. Vì Ô Cô-no chết đi trong cảnh nghèo nàn, ông được an táng nhờ số tiền đóng góp của giai cấp công nhân Luân Đôn.

Do C.Mác viết ngày 11 tháng Chín 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder-Zeitung” số 430, ngày 15 tháng Chín 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

^{1*} - “Liên minh các dân tộc”.

PH.ĂNG-GHEN

TRIỂN VỌNG CUỘC CHIẾN TRANH CRUM

Ngoài bản danh sách không đầy đủ các sĩ quan Anh bị thương vong, các báo chí mà tàu “A-mê-ri-ca” chở tới - và chúng tôi đã đọc rất kỹ - hầu như không bổ sung gì vào những điều mà chúng ta đã biết về những tình huống dẫn đến việc chiếm lĩnh phía Nam Xê-va-xtô-pôn. Cô nhiên, báo chí đã đăng không ít ý kiến về những nguyên nhân, cũng như về những hậu quả có thể có của cuộc rút lui đột nhiên của Goóc-tra-cốp khỏi một trận địa được phòng thủ lâu như thế và ngoan cường như thế; trong tất cả những ý kiến ấy đặc biệt đáng chú ý là cách nhìn của các phóng viên của chúng tôi ở Luân Đôn và ở Pa-ri. Nhưng có những quan điểm và ý kiến mà không một người nào trong số họ, tuy lập trường của họ trái ngược nhau, không chú ý đầy đủ và coi trọng đúng mức²⁷⁸.

Sự kiện ở Crum hiện nay sẽ có bước ngoặt như thế nào, thì trên mức độ rất lớn, điều đó tùy thuộc vào những nguyên nhân buộc quân Nga bỏ phía Nam. Hoàn toàn rõ ràng là quyết định bất ngờ ấy được thông qua tuyệt nhiên không phải do những suy tính thuần túy có tính chất chiến lược hoặc chiến thuật. Nếu Goóc-tra-cốp cho rằng phía Nam và thậm chí phía Cô-ra-ben không thể giữ được sau khi mất đồi Ma-la-khốp, thì ông ta đã không xây dựng ở khu ngoại ô ấy nhiều công sự phòng ngự ở vòng trong đến thế. Tuy có thể cho rằng việc chiếm được cao điểm không chế ấy sẽ bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng của cuộc vây đánh, nhưng vẫn có thể đẩy lùi sự thất thủ thành phố này một tháng

đến một tháng rưỡi bằng cách phòng thủ ngoan cường, ban đầu là công sự phòng ngự vòng trong của ngoại ô, rồi đến bản thân thành phố. Dựa vào địa đồ, bình đồ và sơ đồ tốt nhất, xét trên góc độ thuần túy chiến thuật hoặc chiến lược thì hoàn toàn không cần thiết vội vã rút bỏ một trận địa cho tới nay vẫn được phòng thủ ngoan cường như thế. Lý do thuần túy quân sự không giải thích được bước đi ấy, cũng như không thể giải thích nó bằng sự hoảng hốt và sợ hãi mà thất bại to lớn và bất ngờ gây ra. Xem ra thì những tình huống mang tính chất khác đã thúc đẩy Goóc-tra-cốp thi hành một biện pháp làm tổn thương nghiêm trọng đến địa vị của ông ta trong quân đội và toàn bộ sự nghiệp của ông ta.

Chỉ có hai cách giải thích. Hoặc là *tinh thần chiến đấu* của binh sĩ Nga đã sa sút đến mức không còn có thể khôi phục dù chỉ là một cái gì đó gọi là trật tự tối thiểu và tiếp tục chiến đấu sau phòng tuyến vòng trong, hoặc là người ta đã bắt đầu cảm thấy tình trạng thiếu lương thực không những ở Xê-va-xtô-pôn, mà còn ở doanh trại bên ngoài Xê-va-xtô-pôn. Một loạt thất bại hầu như liên tục mà quân Nga gánh chịu kể từ trận đánh ở Ôn-tê-nít-sa và Sê-ta-te cho đến trận đánh trên sông Đen và trận cường tập ngày 8 tháng Chín không thể không làm tan rã tinh thần của những người bảo vệ Xê-va-xtô-pôn, hơn nữa, về cơ bản, đây là những binh lính đã thua trận ở sông Đa-nuýp và sau đó ở gần In-ke-rơ-man. Người Nga không dễ bị xúc động và có thể chịu đựng được thất bại lâu hơn so với phần lớn các quân đội khác; nhưng không một quân đội nào trên thế giới có thể đứng vững vô thời hạn khi nó bị hết kẻ thù nọ đến kẻ thù kia tấn công, khi nó không có gì để đối phó với cả một chuỗi dài thất bại, ngoài biện pháp tiêu cực là cuộc chống cự lâu dài và ngoan cường, ngoài trận phòng ngự tích cực duy nhất thắng lợi là trận đánh ngày 18 tháng Sáu. Nhưng sự chống cự đó trong cứ điểm bị vây một khi bị kéo dài thì tự nó đã có tác dụng làm sa sút tinh thần. Đi đôi với nó là những thử thách nặng nề, sự thiếu nghỉ ngơi, bệnh tật và sự tồn tại không phải của một mối hiểm nguy cấp tính có tác dụng rèn luyện tinh thần chiến đấu, mà là của một mối hiểm nguy mãn tính, rút cục, nhất thiết sẽ làm suy yếu tinh thần chiến đấu.

Những thất bại diễn ra kế tiếp nhau trên sông Đen và ở đồi Ma-la-khốp tất nhiên hoàn thành quá trình sa sút tinh thần, và hoàn toàn chắc chắn là quân lính của Goóc-tra-cốp ở trong thành phố không còn có thể được sử dụng vào cuộc chiến đấu tích cực với địch nữa. Vì đồi Ma-la-khốp không chế chiếc cầu đi sang khu bên kia, các khẩu pháo của quân Pháp có thể phá hoại chiếc cầu ấy bất cứ lúc nào, nên không thể nhận được sự chi viện, thành thử sự rút lui ít ra cũng có thể cứu vãn được quân sĩ. Không có gì là lạ khi người ta thấy trong số quân lính phòng thủ cuối cùng đã xảy ra tình trạng mất tinh thần; điều lạ lùng là việc đó không xảy ra sớm hơn.

Cũng có tất cả những triệu chứng nói lên rằng một trong những nguyên nhân chủ yếu của cuộc rút lui đột nhiên của công tước Goóc-tra-cốp là tình trạng thiếu lương thực của toàn thể quân đội. Việc đi lại của quân Nga trên biển A-dốp bị gián đoạn tuy không lập tức gây ảnh hưởng như sự mong đợi của báo chí Anh và Pháp bấy giờ đang rất cần đưa tin thắng lợi, nhưng rút cục tình trạng ấy vẫn gây ra cho quân Nga nhiều khó khăn, vì họ chỉ còn lại một tuyến tác chiến, do đó sự chuyên chở giảm sút đi. Những khó khăn vốn đã lớn trong việc chuyên chở lương thực, đạn dược và cỏ ngựa từ Khéc-xôn qua thảo nguyên dân cư thưa thớt thì nay càng tăng lên sau khi con đường ấy trở thành con đường duy nhất có thể tiếp tế cho quân đội. Các phương tiện vận tải trung thu được ở U-cra-i-na và Quân khu sông Đông đã dần dần hư hỏng; một số lớn ngựa và bò kéo đã quy xuống do làm việc quá sức và thiếu cỏ; do tình hình các tỉnh lân cận cạn nguồn vật lực, việc cung cấp nguồn dự trữ cần thiết ngày càng khó khăn. Rõ ràng là sự gián đoạn trong việc cung cấp đã tác động trước hết không phải chủ yếu ở Xê-va-xtô-pôn (nơi đây, để đề phòng thành phố bị bao vây từ phía Bắc dĩ nhiên là đã dự trữ các loại vật tư), mà chủ yếu ở doanh trại gần In-ke-rơ-man, ở Bác-si-xa-rai và ở những địa điểm mà số quân tăng viện phải đi qua. Trong thông cáo của bộ chỉ huy liên quân đã nhiều lần nêu lên tình hình đó, và lại một số tình huống khác cũng chứng thực điều đó. Chỉ có tình trạng quân Nga không thể bảo đảm lương thực ngay cho số quân lính hiện đang đóng ở Crum mới giải thích được

việc hai sư đoàn tinh binh đã từng vận động trên đường hết sức lâu và nghe nói hiện nay đã đến được Pê-rê-cốp, nhưng không được phép tiến thêm nữa và tham gia trận chiến đấu trên sông Đen; điều đó cũng giải thích sự việc là tuy đại bộ phận số quân đi chi viện cho Xê-va-xtô-pôn còn chưa tới, vậy mà quân Nga vẫn cứ quyết định đánh với binh lực hiện có rất không đủ để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra cho họ.

Như vậy, tất cả điều đó chứng thực giả thuyết cho rằng sự sa sút tinh thần của đại bộ phận binh sĩ Nga và tình trạng thiếu lương thực cho quân đã chiến đấu khiến cho Goóc-tra-cốp không đặt quá nhiều hy vọng vào việc đẩy lùi một thời gian ngắn sự thất thủ của một cứ điểm không thể bảo vệ được nữa. Goóc-tra-cốp đã lợi dụng khả năng cuối cùng để cứu vãn đội quân phòng thủ và xem ra ông ta đã hành động đúng. Nếu làm khác đi thì có mọi căn cứ để cho rằng ông ta buộc phải phó mặc đội quân phòng thủ cho số mệnh định đoạt, tập hợp đội quân đã chiến của mình và rút sâu vào nội địa Crum, nếu không phải là về tận Pê-rê-cốp. Trong trường hợp này, đội quân phòng thủ phía Nam buộc phải nhanh chóng bí mật di chuyển sang phía Bắc, hoặc đầu hàng; còn đội quân phòng thủ phía Bắc, do mất hết hy vọng được thay thế và trong hàng ngũ mình có những binh lính mất tinh thần, cũng sẽ buộc phải đầu hàng vì đói.

Chùng nào quân Nga còn hy vọng không những duy trì được quân số của họ ở Crum xấp xỉ mức quân số của liên quân, mà còn nhận được lực lượng tăng viện đem lại cho họ ưu thế lớn về số lượng, thì phía Bắc Xê-va-xtô-pôn còn là một trận địa có ý nghĩa hết sức quan trọng. Dùng lực lượng của quân đội phòng thủ để giữ vững phía Bắc, đồng thời cho đội quân đã chiến chiếm lĩnh những trận địa mà chúng ta đã biết qua các bản tin gần đây nhất - điều đó có nghĩa là kiểm chế liên quân ở cao nguyên Hê-rắc-lây Khéc-xô-néc. Điều đó cũng có nghĩa là không để cho các chiến hạm của liên quân vào vịnh Xê-va-xtô-pôn và làm cho nó mất khả năng xây dựng căn cứ tác chiến hải quân thích hợp ở nơi nào đó gần hơn Bô-xpho, vì cả Ca-mu-sơ lẫn Ba-la-cla-va đều không thích hợp cho mục đích ấy. Chùng nào quân Nga còn có thể tiến hành hoạt động đã chiến ở Crum thì phía Bắc còn là chiếc chìa

khóa đối với toàn bộ Crum và quyết định ý nghĩa của Crum trong lục chiến và hải chiến, giống như đồi Ma-la-khốp là chìa khóa đối với phía Nam. Nhưng nếu quân Nga không đủ sức tiến hành dã chiến thì phía Bắc cũng mất ý nghĩa quan trọng. Đương nhiên, đó là một trận địa bố phòng khá mạnh, nhưng nếu tiến hành vây đánh chính quy với một binh lực đầy đủ, thì nó tất nhiên sẽ thất thủ, vì nó không thể trông đợi viện trợ ở đâu cả.

Ý kiến trên có thể làm cho người ta ngạc nhiên, nếu nhớ lại ý nghĩa to lớn mà người ta đã gán một cách hợp lý cho phía Bắc. Tuy nhiên, nó hoàn toàn có căn cứ. Cuộc chiến tranh hiện nay nhìn chung đã gây ra cho người ta ấn tượng về một cuộc chiến tranh trực thành và vây đánh, và dưới con mắt của nhà quan sát hời hợt thì nó đã xóa sạch thành tựu của nghệ thuật quân sự bắt nguồn từ nghệ thuật cơ động nhanh của Na-pô-lê-ông, và cuộc chiến tranh này đã đưa nghệ thuật quân sự trở lại trình độ cuộc Chiến tranh bảy năm. Thực ra, sự việc hoàn toàn trái lại. Ở thời đại chúng ta, cứ điểm và tập đoàn cứ điểm chỉ có tác dụng điểm tựa mà đội quân dã chiến dựa vào trong các cuộc cơ động của mình. Như dinh lũy ở Ca-la-phát là lô-cốt đầu cầu cho phép Ô-me-rơ-pa-sa uy hiếp sườn quân Nga; Xi-li-xtơ-ri, Ru-súc, Vác-na và Sum-la có thể nói là bốn góc nhô ra của một dinh lũy lớn mà Ô-me-rơ-pa-sa có thể lui về bất cứ lúc nào mà địch không thể truy kích ông ta nếu không chiếm được hoặc làm mất tác dụng ít ra là hai trong những góc nhô ra ấy. Như Xê-va-xtô-pôn là điểm tựa của quân Nga ở Crum, mỗi lần đạo quân này thua kém địch về quân số hoặc bị uy hiếp về các mặt khác, thì Xê-va-xtô-pôn tạo cho nó khả năng tạm nghỉ chờ đội quân tăng viện mới đến. Đối với liên quân, Xê-va-xtô-pôn là căn cứ của hạm đội Nga cần phải bị phá hủy, là căn cứ tác chiến hải quân cần phải được chiếm lấy; đối với quân Nga giữ được Xê-va-xtô-pôn có nghĩa là giữ được Crum, vì nó là trận địa duy nhất có thể giữ được bằng một binh lực ít hơn địch nhiều trong khi chờ đội quân tăng viện. Như thế là kết cục cuối cùng bao giờ cũng tùy thuộc vào đội quân dã chiến, còn tác dụng của cứ điểm được quyết định không phải ở uy lực tự nhiên hoặc uy lực nhân tạo của nó, nghĩa là không phải ở giá trị vốn có trong bản thân nó, mà là ở sự bảo vệ và yểm trợ

(appui) mà nó có thể đem lại cho đội quân dã chiến. Giá trị của nó đã trở thành tương đối. Nó không còn là một nhân tố độc lập trong chiến tranh, mà chỉ là trận địa có lợi, có khi phải được chống giữ một cách hợp lý bằng mọi thủ đoạn cho đến khả năng cuối cùng, mà cũng có khi không cần như thế. Chiến dịch Xê-va-xtô-pôn đã chứng minh điều đó tốt hơn bất cứ chiến dịch nào khác. Xê-va-xtô-pôn, cũng như tất cả các cứ điểm đích thực hiện đại, đóng vai trò một dinh lũy được bảo vệ bằng những công sự lâu bền. Chừng nào lực lượng hiện có đủ để phòng ngự dinh lũy ấy, chừng nào chưa thiếu thốn về cung cấp và liên lạc với căn cứ tác chiến chính vẫn còn chắc chắn, nhất là khi mà dinh lũy ấy được đội quân phòng thủ mạnh đóng giữ, không cho phép địch đi vòng qua mà không bị nguy hiểm, thì chừng đó nó vẫn có ý nghĩa quan trọng hàng đầu và có thể phá vỡ các kế hoạch của địch trong suốt thời gian diễn ra chiến dịch. Nhưng khi tất cả những điều kiện ấy không còn nữa, khi đội quân phòng thủ thua hết trận này đến trận khác, dự trữ lương thực của họ bắt đầu cạn và họ có nguy cơ bị cắt đứt liên lạc với căn cứ của mình và có nguy cơ phải chia sẻ số phận với quân Áo ở Un-mơ năm 1805²⁷⁹, thì, trong trường hợp này, không nghi ngờ gì nữa, cần coi trọng sự an toàn của chính quân đội hơn là giá trị trừu tượng của trận địa và cần hết sức nhanh chóng rút về trận tuyến khác có lợi hơn.

Xem ra thì tình cảnh mà hiện nay quân Nga lâm vào chính là như vậy. Đại bộ phận thành phần vốn có của đội quân tác chiến của quân Nga - 14 sư đoàn trong số 24 sư đoàn - đã tham chiến và một bộ phận bị tiêu diệt ở Crum, còn đội dự bị, dân quân và những đơn vị mới thành lập khác mà họ có thì không thể nào so sánh được với những đơn vị mà họ đã mất đi. Quân Nga sẽ hành động đúng, nếu sau này họ sẽ không đưa quân đội đến bán đảo nguy hiểm này và rút bỏ nó thật nhanh. Liên quân có ưu thế lớn so với quân Nga về mặt số lượng, cũng như về tinh thần chiến đấu. Chiến đấu bên ngoài cứ điểm với số binh lực mà hiện nay Goóc-tra-cốp có thì tức là lao vào thất bại chắc chắn. Goóc-tra-cốp có thể bị vu hồi hoặc ở bờ biển phía nam Crum và thung lũng sông Xan-gi-rơ, hoặc ở gần Ép-pa-tô-ri. Trong cả hai trường hợp, tuyến giao thông của ông ta với phía Bắc sẽ bị cắt đứt mà không

có hy vọng khôi phục, vì ưu thế về số lượng của liên quân mỗi ngày một tăng. Xem ra thì điều tốt nhất mà hiện nay Goóc-tra-cốp có thể làm là hết sức giữ vững mặt trận cho đến khi chuẩn bị xong việc làm nổ các công sự phía bắc và đi trước địch được một hai ngày đường. Ông ta càng đến nhanh Pê-rê-cốp càng tốt. Sẽ là điều có ý nghĩa đặc biệt nếu các tin tức mà chúng tôi nhận được từ Pa-ri nói rằng hình như liên quân sau khi chiếm được Xê-va-xtô-pôn hiện đang phái quân đến Ép-pa-tô-ri, được xác nhận. Nếu liên quân hành động khá kiên quyết hoặc trên hướng đó, hoặc ở bờ biển phía Nam và ở đường núi Sa-tura - Đa-gơ thì chiến dịch sẽ kết thúc nhanh chóng và Crum sẽ rơi vào tay họ. Theo như chúng tôi có thể phán đoán thì sai lầm duy nhất mà hiện nay liên quân có thể mắc phải, đó là cuộc tấn công chính diện thực sự vào trận địa quân Nga gần In-ke-rơ-man hoặc án binh bất động trong một tuần. Chuyến tàu sau đến đây vào tối mai chắc sẽ đem lại những tin tức chính xác về ý đồ sắp tới đây của liên quân.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 14 tháng Chín 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4508, ngày 1 tháng Mười 1855

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÀN VỀ NHỮNG SỰ KIỆN Ở CRUM

Luân Đôn, ngày 14 tháng Chín. “Chuông rung lên vang rền và đại bác nổ âm âm” - cả nước Anh hiện sống trong bầu không khí đó. Đâu đâu cũng ngự trị không khí hân hoan, ở mỗi công trình nào đáng được chú ý, dù là công cộng hoặc tư nhân, đều pháp phối quốc kỳ Anh và Pháp. Cảnh tượng ở Man-se-xtơ cũng giống ở Luân Đôn, mặc dù có “trường phái Man-se-xtơ”, cảnh tượng ở Ê-đin-bơc cũng giống ở Man-se-xtơ, mặc dù có triết học Xcôt-len. Không có cái gì, ngay cả danh sách dài dặc từ sĩ chuyên về Luân Đôn bằng điện, lại có thể chấm dứt được sự say sưa phổ biến trước thắng lợi. Thất bại của quân Anh ở Rê-đan và việc quân Pháp chiếm được cứ điểm có ý nghĩa quyết định là đồi Ma-la-khốp - chỉ có sự *trương phản* đó mới làm nhòa được những tiếng hoan hô thắng lợi và kiềm chế chút ít tâm lý tự tăng bốc mình. Những ai tán thành thiên kiến cũ - thiên kiến nảy sinh từ sự lẫn lộn một cách không có phê phán giữa chế độ xã hội hiện đại với chế độ xã hội cổ đại, cũng như nảy sinh từ nhiều điều khác và cho rằng tuồng như thương nghiệp và công nghiệp đã tiêu diệt tính hiếu chiến của nhân dân - những người đó hiện nay ở Anh, thậm chí ở thủ phủ công nghiệp của Anh là Man-se-xtơ, mới có thể tin vào quan điểm ngược lại. Vấn đề hết sức giản đơn. Trong thế giới hiện đại, nếu như không phải của cải của mỗi người, thì dù sao cũng là của cải của một nước tăng lên cùng với sự tăng thêm *lao động*, còn trong thế giới cổ đại, của cải tăng lên

cùng với sự tăng thêm của tình trạng *ăn không ngồi rồi* của dân tộc. Nhà kinh tế học Xcôt-len *Xtiu-át* công bố tác phẩm xuất sắc của mình 10 năm *trước* khi xuất hiện A-đam Xmit, đã phát hiện và phát triển nguyên lý ấy²⁸⁰.

Trong khi đó, nhiệt tình của quần chúng đã ủng hộ công tìm kiếm chất nuôi dưỡng trong những tin điện mới. Những tin điện này bây giờ nghèo nàn bao nhiêu thì những điều nói đến ban đầu lại phong phú bấy nhiêu. Pê-li-xi-ê viết rằng ở Xê-va-xtô-pôn, “matériel immense”^{1*} đã rơi vào tay liên quân. Chúng tôi đoán rằng đã rơi vào tay liên quân rất nhiều sắt cũ sắp sửa mất giá trị.

Sự kiện hiện nay sẽ biến chuyển ra sao, điều đó trên mức độ rất lớn tùy thuộc vào nguyên nhân buộc quân Nga đã đột nhiên bỏ phía Nam. Hoàn toàn rõ ràng là quyết định ấy được thông qua tuyệt nhiên không phải do sự suy tính thuần túy về chiến thuật hoặc chiến lược. Nếu Goóc-tra-cốp cho rằng sau khi thất thủ đồi Ma-la-khốp tất nhiên phải bỏ phía Cô-ra-ben và phía thành phố, thì tại sao ông ta lại cho xây dựng ở ngoại ô nhiều công sự phòng ngự vòng trong như vậy? Tuy Ma-la-khốp là một trận địa chủ đạo, nhưng nếu phòng thủ ngoan cường trước hết là công sự phòng ngự vòng trong của ngoại ô, rồi đến bản thân thành phố, thì có thể đẩy lùi sự thất thủ Xê-va-xtô-pôn 5-6 tuần lễ nữa. Dựa vào những địa đồ, bình đồ và sơ đồ tốt nhất và xem xét theo góc độ thuần túy chiến thuật hoặc chiến lược thì không cần thiết vội bỏ một trận địa mà cho tới nay vẫn được phòng thủ ngoan cường. Chỉ có hai cách giải thích: hoặc là tinh thần chiến đấu của quân Nga đã sa sút đến mức không nên tiếp tục đề kháng sau các công sự vòng trong của thành phố; hoặc là không những trong thành phố, mà cả trong doanh trại đã bắt đầu cảm thấy thiếu lương thực; sau hết, có thể là cả hai nguyên nhân ấy đều đã tác động.

Một loạt thất bại hầu như liên tục mà quân Nga chịu đựng kể từ trận Ôn-tê-nít-sa và Sê-ta-te cho đến trận đánh trên sông Đen và trận cường tập ngày 8 tháng Chín đã không thể không ảnh hưởng đến tinh thần của đội quân bị vây, hơn nữa, phần lớn

trong số họ đã chứng kiến thất bại trên sông Đa-nuýp và gần In-ke-rơ-man. Cố nhiên, người Nga không bị xúc động dễ dàng, do đó có thể chịu đựng thất bại lâu hơn các quân đội khác. Nhưng mọi cái đều có giới hạn. Bản thân việc chống cự quá lâu dài trong cứ điểm bị vây hãm đã có tác dụng làm mất tinh thần. Đi kèm theo tình trạng đó là những thử thách nặng nề, những khó khăn, sự thiếu nghỉ ngơi, bệnh tật và sự tồn tại của một mối nguy hiểm không phải cấp tính có tác dụng tối luyện tinh thần chiến đấu, mà đây là mối hiểm nguy mãn tính làm yếu tinh thần chiến đấu. Trận thất bại trên sông Đen trong đó có sự dự phần của một nửa đạo quân chi viện cho đội quân phòng thủ, tức là chính đội quân tăng viện phải đi cứu phía Nam và việc để mất đồi Ma-la-khốp, một trận địa then chốt - hai thất bại này đã hoàn tất quá trình làm mất tinh thần. Vì đồi Ma-la-khốp không chế chiếc cầu đi sang bên kia, mà cầu đó thì quân Pháp có thể phá hoại bất cứ lúc nào, nên việc đưa bất cứ lực lượng tăng viện nào đến đều trở thành nghi vấn, cho nên rút lui là biện pháp duy nhất để cứu vãn quân đội. Còn về tình trạng thiếu lương thực thì có tất cả mọi triệu chứng nói lên rằng người ta đã bắt đầu cảm thấy tình hình đó. Từ khi sự đi lại của quân Nga trên biển A-dốp bị gián đoạn, họ chỉ còn một tuyến tác chiến, do đó vận tải cũng giảm sút. Những khó khăn lớn vốn có trong việc vận chuyển lương thực, đạn dược v.v. qua vùng thảo nguyên dân cư thưa thớt đến nay dĩ nhiên tăng lên rất nhiều sau khi chỉ còn một con đường đi lại được chạy từ phía Khéc-xôn. Các phương tiện vận tải được trưng dụng ở U-cra-i-na và Quân khu sông Đông đã dần dần hư hỏng, còn đối với các tỉnh lân cận vốn đã bị cướp sạch mà phải cung cấp phương tiện mới để thay thế thì càng ngày càng khó khăn. Rõ ràng là sự gián đoạn trong cung cấp ảnh hưởng trước tiên không phải chủ yếu đến bản thân Xê-va-xtô-pôn, là nơi có những dự trữ lớn, mà chủ yếu đến doanh trại ở gần In-ke-rơ-man, Bác-si-xa-rai và những địa điểm mà quân tăng viện phải đi qua. Chỉ có điều đó mới giải thích được việc hai sư đoàn tinh binh đã hành quân trên đường lâu như thế mà hiện nay đã đến Pê-rê-cốp thì lại không tiến lên tham gia trận đánh trên sông Đen, điều đó cũng giải thích được tình hình là tuy phần lớn số quân đi chi viện chưa tới,

^{1*} - “vật tư khổng lồ”

nhưng quân Nga vẫn cứ quyết định đánh với binh lực hiện có quá ư không đủ để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra cho họ. Nếu những ý kiến ấy đúng, thì Goóc-tra-cốp quả thực chẳng có cách nào khác hơn là lợi dụng việc mất đội Ma-la-khốp làm lý do hữu lý cho việc cứu vãn đội quân phòng thủ của mình.

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 14 tháng Chín 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 435, ngày 18 tháng Chín 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VÀ TÀI CHÍNH

Luân Đôn, ngày 24 tháng Chín. Tình hình thương mại và tài chính không những của nước Anh, mà đặc biệt là của *Pháp*, hiện giờ đã làm dư luận quan tâm hầu như ngang với cuộc chiến tranh Crum. Mọi người đều biết, ngân hàng Pháp đã nâng mức chiết khấu của kỳ phiếu ngân khố và của chứng khoán có giá có bảo đảm tương tự lên 5% trong khi kỳ phiếu thương mại vẫn chiết khấu 4%. Các giám đốc ngân hàng Pháp sợ kim loại quý trong hầm ngân hàng hao hụt đi, nên đã quyết định nâng tỷ suất chiết khấu của kỳ phiếu thương mại lên 5%, nhưng bộ trưởng Bộ tài chính can thiệp và cấm họ tiến hành nghiệp vụ đó. Dĩ nhiên, chính phủ ra sức duy trì càng sâu càng tốt cái vỏ ngoài của thị trường tiền tệ rẻ và thừa thãi tín dụng, do đó giữ tâm trạng tốt cho các chủ hiệu nhỏ.

"Hai năm gần đây", tờ "Manchester Examiner"²⁸¹ viết, - "những đòi hỏi về tiền của của nước Pháp hết sức lớn. Trong vòng hai năm, chính phủ Lu-i Na-pô-lê-ông đã chi hết 200 000 000 pao xtéc-ling; tòa thị chính Pa-ri đã sử dụng những món tiền vay lớn vào việc trang hoàng thủ đô; được chính phủ đề xướng và nâng đỡ, người ta đã đặt ra những phương án mà việc thực hiện chúng đòi hỏi phải chi những khoản tiền kèch sù; chỉ riêng Crédit Mobilier²⁸² đã là sáng lập viên của ít ra là nửa tá công ty lớn, mỗi công ty ấy đều nâng thị giá cổ phiếu của mình lên cao hơn nhiều so với giá ghi trên cổ phiếu; vốn của các công ty ấy còn phải chờ người ta hùn vào, và vô số cổ phiếu đang chuyển từ tay người này sang tay người khác không tính gì đến ngày thanh toán. Tình hình tài chính của chính

phủ, tính chất đầu cơ thuần túy của phần lớn những xí nghiệp ấy, tình hình thị trường tiền tệ hiện nay ở Pháp, hậu quả nặng nề của những vụ thu hoạch kém liên tiếp đối với quần chúng nhân dân, và ảnh hưởng của chúng đối với sở giao dịch - tất cả những cái đó đều nói lên khả năng xảy ra một tai họa đủ sức phá hoại cả tiến trình chiến tranh ở phương Đông lẫn nền an ninh và sự phồn vinh của nước Pháp”.

Về thị trường lương thực thì tờ báo trên nói riêng đã vạch rõ:

“Không nghi ngờ gì nữa, hai nước Pháp và Anh sẽ là những nước nhập khẩu lớn về ngũ cốc. Đơn đặt hàng đã gửi từ đây sang khu vực Đa-nuýp sẽ thúc đẩy Mỹ vận chuyển sang châu Âu lương thực chứ không phải vàng. Ở Anh, mùa màng năm ngoái tốt hơn mọi năm trước, nhưng dù sao thì từ tháng tám 1854 đến tháng Tám 1855 chúng ta vẫn nhập 335 000 quác-tơ tiểu mạch và 1 558 892 tạ bột mì, còn giá cả trung bình cả năm vẫn ở mức cao hơn 70 si-linh. Năm nay, chúng ta cần nhập một số lượng lớn hơn để ngăn ngừa giá cả lên cao hơn nữa. Nếu không nhập từ Bắc Mỹ, thì còn biết nhập từ đâu? ở Bắc Đức mùa màng cũng kém hơn bình thường, và Mỹ đã chuyển bột mì đến khu vực biển Ban-tích, từ đó, khi cần thiết, chúng ta thường nhận một số lượng lớn lương thực. Theo thông báo của Chính phủ Áo thì ở đó mùa màng bình thường, nhưng Áo có thừa để xuất khẩu hay không thì điều đó còn đáng hoài nghi, còn toàn bộ Nam I-ta-li-a đều thiếu lương thực nghiêm trọng, và cũng như trước đây, nó không thể bù đắp bằng số lương thực xuất khẩu từ các cảng ở Hắc Hải. Vì vậy, khi mua lương thực, Pháp sẽ phải cạnh tranh không những với Anh, mà còn với phần lớn các nước ở lục địa châu Âu. Bài báo vừa có tính chất an ủi, vừa có tính chất dạy đời đăng trong tờ “Moniteur” đã chứng minh tốt nhất cho ta thấy tình hình trên đây khó chịu cho Chính phủ Pháp đến mức nào”.

Còn nói về vô số công ty cổ phần mới ở Pháp mà tờ “Manchester Examiner” đã nhắc đến, thì như cuốn “Nghiệp vụ giao dịch”²⁸³ xuất bản vừa rồi ở Pa-ri đã vạch rõ, chỉ riêng trong một ngành - *các ngân hàng cổ phần* - con số các công ty ấy riêng ở Pa-ri từ thời kỳ cách mạng tháng Hai đã tăng lên 6 lần. Trước năm 1848 ở Pa-ri chỉ có hai ngân hàng cổ phần, sau cách mạng người ta đã thành lập 12 ngân hàng như thế. Hiện nay có: Banque de France, Caisse Commerciale, Comptoir d'Escompte^{1*}, ngân hàng dưới hình thức công ty hợp tư thuộc công ty Lây-đơ và C⁰, Crédit

^{1*} - Ngân hàng Pháp, Quỹ thương mại, Ngân hàng chiết khấu

Foncier de France^{1*}, Ngân hàng Mác-ti-ních, Banque de Guadeloupe, Banque de l'île de la Réunion^{2*}, Ngân hàng An-giê-ri, Crédit Mobilier, Société Générale du Crédit maritime, Caisse et journal des chemins de fer, Comptoir central, Crédit Industriel và Banque de Sénégal^{3*}. Số vốn *đã thanh toán* của ngân hàng ấy chỉ có 151 230 000 phrăng và tổng số vốn ngân hàng chỉ có 252 480 000 phrăng hay là khoảng 10 000 000 p.xt. - một số tiền chưa bằng số vốn của riêng Ngân hàng Anh.

“Kiến trúc thượng tầng đồ sộ”, tờ “Economist”, cơ quan ngôn luận của chính phủ ở Luân Đôn, viết, - “được dựng lên bằng tín dụng trên cơ sở nhỏ hẹp của số vốn ấy, không thể không gây ra sự lo lắng. Chẳng hạn, *Ngân hàng Pháp*, với số vốn 91 250 000 phrăng nhưng đã phát hành 542 589 300 phrăng chứng khoán ngân hàng, nghĩa là gấp sáu lần số vốn ấy. Crédit Mobilier có quyền phát hành trái khoán với số tiền vượt 10 lần số vốn của nó. Crédit Foncier de France, mà số vốn danh nghĩa chỉ có 30 000 000 phrăng, đã phát hành 200 000 000 phrăng trái khoán. Do đó có thể dự kiến rằng sự hoảng loạn hoặc sự sụt giá của số lượng trái khoán lớn như thế có thể dẫn đến những tai họa nghiêm trọng ở Pa-ri và ở nước Pháp”.

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Chín 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 453 ngày 28 tháng Chín 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

^{1*} - Tín dụng ruộng đất Pháp

^{2*} - Ngân hàng Goa-đơ-lúp, Ngân hàng đảo Rê-uy-ni-ông

^{3*} - Tổng công ty tín dụng hàng hải, Ngân hàng gửi tiền và tín dụng đường sắt, Ngân hàng trung ương, Tín dụng công nghiệp, Ngân hàng Xê-nê-gan

PH.ĂNG-GHEN

LỰC LƯỢNG ĐỀ KHÁNG CỦA NƯỚC NGA²⁸⁴

Nga hoàng ngự giá đến Ô-đét-xa, hoàng hậu chuyển từ Pê-téc-bua về Mát-xcơ-va, trái tim thiêng liêng của Nga. Côn-xtan-tin, người em hiếu chiến nhất của Nga hoàng tạm thời chấp chính - tất cả những tình hình đó chứng minh đầy đủ rằng nước Nga có đầy đủ quyết tâm đề kháng một cách ngoan cường nhất. Ni-cô-la-ép và Khéc-xôn, hai cứ điểm mạnh nhất ở Nam Nga, là nơi tập trung quân dự bị hiện đang được thành lập ở các tỉnh Ta-vrích và Khéc-xôn. Ngoài lực lượng dự bị của quân đội (thuộc các tiểu đoàn 5, 6, 7 và 8) mà số lượng không thể xác định chuẩn xác được, ở Ni-cô-la-ép đại đế đã tập trung khoảng 40 000 dân quân, đồng thời ở Ô-đét-xa đã có gần 25 000 người. Không thể xét đoán tính chuẩn xác của những tài liệu ấy. Song có một điều rõ ràng là ở Nam Nga đã tập trung một binh lực lớn.

Kế hoạch chiến lược của Nga không những đã tính đến khả năng thất thủ Crum, mà thậm chí còn tính đến sự xâm nhập của địch vào Nam Nga. Vì thế, phòng tuyến chủ yếu được lựa chọn ở tuyến sông Đni-e-prơ, với Khéc-xôn và Ni-cô-la-ép là căn cứ tác chiến ở tuyến thứ nhất và Ê-ca-tê-ri-nô-xláp là căn cứ tác chiến ở tuyến thứ hai. Vì Khéc-xôn và Ni-cô-la-ép nằm trong phạm vi hoạt động không những của pháo thuyền, mà còn của các chiến hạm nhẹ, cho nên cần có căn cứ ở nội địa. Ê-ca-tê-ri-nô-xláp chính là căn cứ ấy. Ở vào nơi mà chỗ sông Đni-e-prơ uốn khúc tạo thành một góc khoảng 75 độ, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp là trung tâm rất tốt cho

đội quân rút về nội địa, vì đội quân này hy vọng tìm được chỗ ẩn nấp trước hết là ở vùng hạ lưu (từ đông - bắc chảy về tây - nam) rồi ở vùng trung lưu (từ tây - bắc chảy về đông - nam) của con sông này. Đạo quân tấn công từ Pê-rê-cốp vào nội địa nước Nga trước hết buộc phải vượt sông Đni-e-prơ ở Khéc-xôn, rồi tiến về Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, lại phải vượt sông ở thành phố này. Bất cứ đội quân nào vận động trên tả ngạn sông Đni-e-prơ đều có thể bị chặn lại dễ dàng ở phía Nam Ê-ca-tê-ri-nô-xláp mấy dặm, trên bờ sông Vôn-chi-a, nơi con sông này chảy vào sông Đni-e-prơ. Thêm vào những lợi thế này còn có những lợi thế khác: toàn bộ khu vực ở phía nam Ê-ca-tê-ri-nô-xláp là một thảo nguyên rộng, chiều dài tới 200 dặm, nơi đây việc điều động cũng như cung cấp cho quân lính đều khó khăn, trong khi đó bản thân thành phố, ở vào cực bắc thảo nguyên gồm các tỉnh Ki-ép và Pôn-ta-va giàu có và tương đối đông dân, có thể nhận được không khó khăn gì số lương lương thực cần thiết. Sau hết, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp bảo đảm được sự liên lạc với đội quân ở khu trung tâm tại Ki-ép và yểm hộ được con đường đi Mát-xcơ-va. Chính vì vậy mà ở Ê-ca-tê-ri-nô-xláp đã được xây dựng công sự và dự trữ mọi thứ cần thiết để cung cấp cho đội quân miền Nam. Ở đây đã tập trung một số lượng lớn lương thực, quân trang và đạn dược. Nếu như tất cả những cái đó, một mặt, nói lên tầm nhìn xa chiến lược của quân Nga - viên lão tướng và tên đạo ngũ Giô-mi-ni đã không phí công dạy bảo họ lâu ngày như thế - thì, mặt khác, cũng lại chứng minh rằng quân Nga xuất phát từ chỗ họ không thể đạt được thắng lợi trong một thời gian dài. Nếu như liên quân tiến (từ Pê-rê-cốp) vào nội địa nước Nga thì, dĩ nhiên, họ phải chiếm Ê-ca-tê-ri-nô-xláp. Nhưng trong điều kiện của chiến dịch năm nay thì không thể bàn đến cuộc tấn công đó, mà năm 1856 cũng vị tất có thể bàn đến. Vì trước hết phải đạt tới chỗ nước Nga rút sạch khỏi Crum, toàn bộ Nam Cáp-ca-dơ và Cáp-ca-dơ cho đến Tê-rếch và Cu-ban, thiêu hủy Ô-đét-xa, phá hủy cảng Ni-cô-la-ép và quét sạch quân Nga khỏi sông Đa-nuýp cho đến Ga-lát. Nói cách khác, liên quân phải chiếm đoạt tất cả những khu vực xa xôi nhất ấy của nước Nga trước khi xảy ra, dù chỉ là ý định về cuộc tiến quân vào nội địa nước Nga. Vì thế, kế

hoạch chiến lược nhìn xa thấy rộng của quân Nga là kế hoạch de mauvais augure^{1*}.

Binh sĩ của liên quân đã được điều đến thung lũng thượng lưu sông Đen để vu hồi đầu cực của cánh phải của quân Nga ở Ai-tô-đo hoặc ở thượng lưu sông Ben-béch. Báo cáo của Goóc-tra-cốp và Pê-li-xi-ê đều nói lên điểm này. Chúng tôi cho rằng cuộc cơ động này của liên quân mang tính chất thị uy quá ư rõ ràng để có thể thực sự theo đuổi mục đích nói trên.

Nhiệm vụ của liên quân hiện nay rõ ràng là đánh bật quân Nga ra khỏi trận địa kiên cố trên các điểm cao Mê-ken-di. Nếu liên quân làm được việc đó thì quân Nga buộc phải bỏ đồn Bắc và, do đó, phải bỏ ngay chính cả Crum. Giữa điểm cao Mê-ken-di và Xim-phê-rơ-pôn không có một trận địa nào khác mà liên quân có thể vu hồi; ở phía bên kia Xim-phê-rơ-pôn là thảo nguyên không thích hợp với hoạt động của các đội quân lớn và hoàn toàn không tạo thành trận địa nào. Quân Nga có giữ được Crum hay không là tùy thuộc vào việc họ có giữ vững được các trận địa hiện có, nhất là trận địa trên điểm cao Mê-ken-di, hay không.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 25 tháng Chín 1855

Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 455, ngày 29 tháng Chín 1855 và đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4522, ngày 17 tháng Mười 1855

*In theo bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" có đối chiếu với bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune"
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} - mang điềm gở.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

* CÁC BÁO CÁO CỦA CÁC TƯỚNG TÁ - CÁC TÒA ÁN ANH. - TIN TỨC TỪ NƯỚC PHÁP

Luân Đôn, ngày 27 tháng Chín. Các bản báo cáo của các tướng Xim-xon, Pê-li-xi-ê và Ni-en và nhất là thư của các phóng viên báo chí Anh ở Crum chứa đựng rất nhiều tài liệu đủ loại mà cần có thời gian mới có thể nghiên cứu với tinh thần phê phán được. Vì vậy chúng tôi chỉ có thể trình bày tỉ mỉ hơn về sự kiện ngày 7 và 8 tháng Chín trong bản tin sau²⁸⁵. Còn bây giờ cần vạch rõ rằng báo chí Anh hầu như nhất trí và hoàn toàn có căn cứ để lên án nghiêm khắc tướng Xim-xon và các sĩ quan cao cấp Anh dưới quyền chỉ huy của viên tướng này. Trong thời gian tiến hành cuộc cường tập Rê-đan người ta đã hoàn toàn chứng minh tính chính xác của câu nói hóm hình truyền miệng trong quân đội Nga: "L'armée anglaise est une armée des lions, commandée par des ânes" ("Quân đội Anh là quân đội sư tử do lừa chỉ huy"). Một tờ báo Luân Đôn yêu cầu thành lập một Ủy ban Xê-va-xtô-pôn mới, nó quên rằng sự vô dụng về mặt lãnh đạo quân đội Anh là hậu quả tất nhiên của sự thống trị của tập đoàn thống trị lỗi thời. Mọi công tác chuẩn bị ngay từ đầu đã tiến hành rất tồi. Chiến hào quân Anh còn cách hào của Rê-đan rất xa (250 i-ác-đơ), nên binh sĩ phải chạy trên địa hình trống trải hơn 15 phút dưới hỏa lực địch và khi họ đến đích thì đã mệt rã rời. Các kỹ sư Pháp đã kịp thời lưu ý người Anh về khuyết điểm đó, nhưng được trả lời rằng:

“Nếu chúng tôi tiến lên máy i-ác-đơ nữa thì quân lính của chúng tôi sẽ phải nhỏ lên một góc độ chịu hỏa lực bắn rộng nhất của pháo đài Cột buồm và sẽ thiệt hại nặng”.

Trước hết, nguy cơ bị thiệt hại đó nhỏ hơn nhiều so với hiểm nguy mà binh lính đã phải chịu khi thực hiện cuộc cường tập. Ngoài ra có thể làm yếu hiệu quả của hỏa lực bắn rộng nhất, một phần bằng cách làm các tường ngang và đào hào chữ chi, một phần bằng cách xây dựng các ổ pháo để phản pháo. Song tất cả những ý kiến phản đối ấy của người Pháp đều tiêu tan vì thái độ ngoan cố của ông Xim-xơn phục phịch. Hơn nữa, trong khi các chiến hào của quân Pháp rộng rãi, không những có thể chứa, mà còn ẩn giấu được một số lượng lớn binh lính, thì các chiến hào của quân Anh nhỏ hẹp và được đào tẽ đến nỗi bất cứ người Anh nào có thân hình ít nhiều đầy đà đều lập tức thu hút sự chú ý của bộ tham mưu quân Nga. Vì quân Anh buộc phải vượt một khoảng cách lớn, nên khi đến mục tiêu tấn công, đáng lẽ công kích địch ngay thì trước hết họ tìm chỗ ẩn nấp và bắn bằng súng trường, nên để cho quân Nga có thời gian tập hợp lại lực lượng. Mọi công tác chuẩn bị chiến đấu tột tẽ đến mức nào thì điều đó có thể thấy được ở chỗ là sau khi chiếm được tường lũy, quân Anh thậm chí không nghĩ đến việc vít chặt các khẩu pháo của quân Nga còn ở đó. Trong thành phần binh lính tấn công không có công nhân mang theo dụng cụ cần thiết, cũng không có pháo thủ để có thể hoàn thành nhiệm vụ ấy mà không cần dụng cụ chuyên môn. Nhưng đỉnh cao của tất cả những cái đó là mệnh lệnh có tính chất chiến thuật của tướng Xim-xơn ban ra trước và trong cuộc cường tập. (Trong khi tiến hành cường tập, như chúng tôi được biết qua một bản tin của tờ “Daily News”, Xim-xơn bị số mũi đã trum áo mưa có mũ ngồi trên ghế mềm của pháo đài Ma-mê-lôn). Để đánh chiếm Rê-đan, một công sự đáng gờm, mà trong vòng nửa năm nay đã phá tan mọi cuộc tấn công của quân Anh, ông ta đã cử một phân đội cường tập gồm 200 người, một phân đội yêm hộ gồm 320 người và phân đội chủ lực không quá 1000 người. Khi chiếm được góc nhô ra của Rê-đan, quân Anh nằm dưới hỏa lực ác liệt của lô-cốt vuông đã biến thành lô-cốt cổ thủ và của các hầm ngầm ở

sườn phía sau đó. Nếu số lượng của số quân tấn công đầy đủ thì quân Anh có thể vu hồi lô cốt vuông, và điều đó sẽ nhanh chóng quyết định kết cục của trận đánh. Song, quân tăng viện chưa tới, tuy đại tá Uyn-hêm đã ba lần cử người yêu cầu họ đến ngay tức khắc, và rút cục, đã buộc phải đích thân đi tìm kiếm họ. Như thế là quân lính đã ở trên tường chắn suốt ba giờ dưới hỏa lực mãnh liệt; họ đã hai lần tiến vào công sự, bị tiêu diệt một cách vô nghĩa lý từng bộ phận một, và cuối cùng họ đã buộc phải rút lui hết sức lộn xộn. Tiến hành cường tập với một số lượng nhỏ binh lính như Xim-xơn đã làm, ban đầu ném vào cuộc chiến đấu chưa đầy 1/20 lực lượng hiện có trong tay, giữ đội dự bị cần thiết cho chiến đấu ở phía sau, đẩy những binh sĩ dũng cảm vào chỗ hy sinh vô nghĩa lý do cá nhân chuyên quyền - tất cả những cái đó là một trong những chuyện tai tiếng lớn nhất trong lịch sử chiến tranh hiện đại. Nếu việc đó xảy ra dưới thời Na-pô-lê-ông I thì Xim-xơn chắc chắn bị đưa ra trước tòa án quân sự.

Ở lục địa, người ta đã phê bình nhiều và một cách chính đáng sự chuyên quyền của *tòa án thừa kế tài sản*. Song quyền xét xử của các *quan tư pháp không ăn lương của nước Anh*²⁸⁶ không phải cái gì khác hơn là quyền xét xử kiểu tòa án thừa kế tài sản đã được hiện đại hóa và đã được hiến pháp bảo hộ. Chúng tôi dẫn ra đoạn trích nguyên văn sau đây trong một tờ báo địa phương ở Anh:

“Thứ ba trước, một công nhân nông nghiệp già nua Na-ta-ni-en Uy-li-am đã ra trước tòa án hòa giải ở Vu-xtơ. Ông ta đã bị xử 5 si-linh tiền phạt và 13 si-linh án phí về việc vào ngày chủ nhật, 26 tháng Tám, ông ta đã gặt lúa mì trên một mảnh đất nhỏ thuộc cá nhân ông. Uy-li-am chứng minh rằng làm việc đó là cần thiết, rằng lúa mì sẽ bị hỏng đi, nếu cứ để ở trên cây, rằng suốt một tuần lễ ông ta đã làm việc vất vả từ sáng sớm cho đến đêm khuya cho ông chủ mà ông linh canh ruộng. Nhưng chẳng ăn thua gì. Tòa án có các reverends (mục sư) ngồi không thể nào kêu nài được”.

Các chủ xưởng, hương thân và những đại biểu khác của các tầng lớp đặc quyền hợp thành quan tư pháp, không ăn lương cũng

hành động giống như mục sư trong trường hợp làm quan tòa xét xử vụ án của bản thân.

Chúng tôi dẫn ra đoạn trích sau đây trong một bức thư riêng của một người Anh (thuộc đảng Vích cư trú ở Pa-ri):

“Bài báo hiểu chiến đấng hôm nay” (tức ngày 24 tháng Chín) trên tờ “Constitutionnel” xem ra đã làm nản lòng giai cấp tư sản Pa-ri, và ở ba địa điểm khác nhau trong thành phố mà là quan trọng về mặt thương mại, tôi đã nghe thấy cùng một ý kiến diễn đạt hầu như bằng một cách phát biểu nhất trí: Đây! gần cả một năm trời, người ta nói với chúng ta rằng ngay lập tức sau khi chiếm được Xê-va-xtô-pôn sẽ bắt đầu đàm phán hòa bình. Bây giờ khi đã chiếm được Xê-va-xtô-pôn người ta lại bảo chúng ta rằng đây chỉ là một thắng lợi quân sự thuần túy chừng nào còn chưa chiếm được toàn bộ Crum thì đừng có nghĩ đến hòa bình. Nếu cứ tiếp tục như thế thì chỉ có Thượng đế mới biết được khi nào thì hòa bình đến. Tất cả những điều đó được nói với về mặt iu xiù nhất. Phải công bằng mà thừa nhận rằng nếu gác vấn đề uy tín dân tộc ra thì cuộc chiến tranh hiện nay, do nhiều nguyên nhân, trở thành không đúng lúc đối với nước Pháp. Trong các báo cáo mùa thu, tình hình mỗi tuần một xấu hơn so với mức người ta dự kiến trong tuần trước. Chẳng hạn, hiện giờ, chiếc bánh mì nặng bốn pao ở Ru-ăng giá 26 xu, còn ở Pa-ri giá 3 phrăng hoặc 60 xu. Ở Boóc-dô, hội đồng thị chính đã buộc phải chi ra một số tiền lớn để giúp dân trong trường hợp giá của loại bánh mì nặng bốn pao bị nâng lên đến một phrăng, là giá mà ở Gi-rôn-đơ người ta cho là giá thời kỳ có nạn đói. Tình hình đó đang xuất hiện dần ở khắp nước. Do đó, tình hình trong nước ở Pháp đặc biệt nghiêm trọng, những người ủng hộ cách mạng, với số lượng đáng lo ngại, đã rải ra khắp nước và nếu sự nghèo nàn trở thành không chịu đựng được thì họ có thể tập hợp hàng ngàn người dưới ngọn cờ của họ. Việc tổ chức ra các tổng hội đồng ở các tỉnh và các hội đồng thị chính là một sai lầm quá gở: hệ thống này gây ra hậu quả chí tử. Ở nhiều tỉnh, hiện nay hoàn toàn không có các tổng hội đồng, còn các thị trường do chính phủ bổ nhiệm thì hiện nay thường buộc phải giải tán các hội đồng thị chính của mình. Hầu như hằng ngày đều đọc được những thông cáo chính thức về việc một thị trường thành phố nào đó đã giải tán hội đồng thị chính, viên tỉnh trưởng NN nào đó đã giải tán tổng hội đồng hàng tỉnh. Nguyên nhân của tình hình đó không được nêu ra, nhưng bản thân sự việc, tuy không được phép bình luận chính thức, vẫn gây ra sự công phẫn của dân cư tỉnh nào xảy ra việc đó. Tất cả tình

hình ấy làm cho sự có mặt của những binh sĩ có nhiều kinh nghiệm hơn và đáng tin cậy hơn ở nhiều địa điểm trở nên cần thiết”.

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 27 tháng Chín 1855

Đã đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” số 457, ngày 1 tháng Mười 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

SỰ KIỆN CÓ TÍNH CHẤT QUYẾT ĐỊNH CỦA CUỘC CHIẾN TRANH²⁸⁷

Hiện nay, qua các báo cáo chính thức của các viên tư lệnh liên quân và những bản tin của báo chí châu Âu mà những bản tin quan trọng nhất đã được đăng trên bản báo, chúng tôi đã được biết đầy đủ tình tiết của cuộc tổng cường tập thắng lợi ngày 8 tháng Chín vào Xê-va-xtô-pôn. Những bản tin đáng chú ý ấy, đương nhiên, mọi người đều đọc rồi, nên không cần nhắc lại những sự việc được nêu lên trong đó. Vì vậy chúng tôi muốn giới thiệu rõ ràng với bạn đọc những điều kiện trong đó diễn ra cuộc cường tập và giải thích tại sao trong cuộc cường tập ấy, kết quả tấn công của liên quân trên các địa điểm lại hết sức khác nhau^{1*}.

Theo báo cáo của tướng Ni-en thì quân Pháp, trên tất cả các địa điểm, đều đào chiến hào đến khá gần công sự quân Nga. Ngay đối diện Rê-đan nhỏ, ở vực Ki-len (pháo đài số 1) và đồi Ma-la-khốp (pháo đài số 2) mồm chót của hào tiếp cận của họ ở cách hào của quân Nga không quá 25 i-ác-đơ. Về hướng pháo đài Cột buồm (pháo đài số 4) cự ly là 30 i-ác-đơ, về hướng pháo đài

^{1*} - Trong bài đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung", thay cho đoạn trên là mấy câu dưới đây: "ngày 8 tháng Chín người ta đã sử dụng 5 sư đoàn quân Pháp và các phân đội của hai sư đoàn quân Anh. Theo chính thông báo của liên quân thì trong tổng số khoảng 45 000 người, liên quân đã thiệt hại 10000 người, tức là gần một phần tư quân số. Thiệt hại của quân Nga không thể xác định được".

Trung tâm (pháo đài số 5) cự ly là 40 i-ác-đơ. Như thế là ở tất cả những địa điểm trên, các đơn vị cường tập ở rất gần các công sự mà họ phải tấn công. Nhưng quân Anh đã ngừng đào đối hào khi vừa đến cách Rê-đan lớn (pháo đài số 3) 240 i-ác-đơ. Điều đó được giải thích bởi lẽ thói thủ cựu vẫn còn thịnh hành trong quân đội Anh. Khi quân Anh vừa đào chiến hào đến cự ly ấy thì họ thấy rằng nếu tiếp tục tiến lên, quân Nga có thể từ pháo đài Cột buồm, là pháo đài nhô ra phía trước rất nhiều so với các công sự khác, phát huy hỏa lực rộng nhất vào họ. Mà trong lý thuyết về vây đánh có một nguyên tắc chung là không được đào chiến hào đến cự ly hướng về tuyến mà địch đã chiếm lĩnh, vì như vậy sẽ làm cho những chiến hào ấy bị hỏa lực bắn rộng nhất của địch uy hiếp.

Nếu tránh được phương pháp đào chiến hào không đúng đó thì, đương nhiên, rất tốt. Nhưng trong trường hợp này, khi không sao tránh được hỏa lực bắn rộng nhất của địch (kế hoạch chung về vây đánh và đặc điểm địa hình đã loại trừ khả năng chiếm một cách đúng lúc pháo đài Cột buồm), thì việc đào những chiến hào ấy, không nghi ngờ gì nữa, là điều tốt hơn là không đào gì cả. Thực ra nguyên tắc lý luận quy định nhiều phương pháp làm mất tác dụng tai họa không sao tránh khỏi đó. Trong tình huống như thế, nên cấu trúc tường ngang và đối hào phức tạp. Nghe nói, các kỹ sư quân sự Pháp đã tranh luận với các đồng nghiệp Anh của mình, chứng minh với những người này rằng tuy khi đào công sự trong điều kiện bất lợi như thế họ có thể thiệt hại một số lớn người, nhưng chịu những tổn thất ấy khi đào công sự để bảo đảm cho thắng lợi của cuộc cường tập vẫn tốt hơn là chịu những tổn thất ấy khi tiến hành cường tập mà kết quả của cuộc cường tập ấy do thiếu hào tiếp cận kín nên trở thành bấp bênh. Nhưng các kỹ sư Anh đã giữ ý kiến của họ. Kết quả của cuộc cường tập chứng minh rằng họ hoàn toàn không đúng.

Tướng Pháp bố trí binh lực của mình như sau: sư đoàn Mác-Ma-hông đối diện với trận địa then chốt đồi Ma-la-khốp; bên phải nó, đối diện với tường giữa nối liền đồi Ma-la-khốp

với pháo đài số 1 là sư đoàn của La-mốt-tơ-ru-giơ, đầu cánh phải, đối diện với chính pháo đài số 1 là sư đoàn Duy-lắc. Vì đồi Ma-la-khốp là công sự duy nhất cần chiếm bằng được dù trong trường hợp địch chống cự ngoan cường, nên Mác-ma-hông có đội dự bị - sư đoàn vệ binh Mê-li-nê. Đây là binh lực mà quân Pháp tung vào cuộc cường tập phía Cô-ra-ben. Còn về phía thành phố thì người ta không dự định tấn công chính diện tức khắc vào pháo đài Cột buồm tạo thành một loại tường thành kiên cố nhô ra phía trước và có công sự bên trong khá kiên cố. Nhưng sư đoàn Lơ-vai-ăng phải tấn công pháo đài Trung tâm và trong trường hợp thành công, sư đoàn đ'Ôt-ma-rơ sẽ chi viện nó; sư đoàn đ'Ôt-ma-rơ được lệnh vòng ra phía sau pháo đài Cột buồm, để đồng thời tấn công pháo đài này từ chính diện, lữ đoàn lính Pi-ê-mông của San-đi-ni đã được tập trung trong chiến hào. Trận địa giữa đồi Ma-la-khốp và pháo đài Cột buồm do quân Anh chiếm lĩnh. Họ phải tấn công vào Rê-đan.

Ban đầu người ta dự định cường tập vào đồi Ma-la-khốp, sau khi chiếm được nó các đơn vị còn lại sẽ tiến lên tấn công các mục tiêu của mình. Đồi Ma-la-khốp là một đồn lớn ở trên đỉnh một ngọn đồi cùng tên không chế khu vực xung quanh. Đồn này bị kín ở mọi phía, nhưng sau lưng có một lối ra vào lớn để lực lượng tăng viện vào. Bên phải và bên trái của nó đều có tường giữa nối liền với Rê-đan lớn và Rê-đan nhỏ mà chúng cũng là những đồn bị kín, các phía có những công sự nhỏ hơn dùng làm lô cốt cố thủ; tường phía sau cũng có lỗ châu mai hướng vào bên trong đồn, tạo thành lô-cốt kép. Mặt sau của những lô cốt kép này lại nối liền với đồi Ma-la-khốp bằng bức tường giữa thứ hai ở bên trong, tạo thành phòng tuyến thứ hai. Phía trong của Rê-đan lớn và Rê-đan nhỏ có tương đối ít vật chướng ngại; do đó hoàn toàn có thể không chế bằng pháo ở lô cốt kép và lô cốt cố thủ. Nhưng đồi Ma-la-khốp, nơi mà địch tập trung hỏa lực sau khi chiếm Ma-mê-lôn có nhiều tường ngang rộng chạy theo tường thành, được dùng làm nơi ẩn nấp chống đạn cho pháo thủ và binh sĩ ở trong chiến hào; bên trong pháo đài có xây dựng những lô cốt lớn có nắp chống đạn; những lô cốt lớn ấy dùng làm doanh

trại và hoàn toàn không thích hợp cho việc phòng ngự. Khi nhận được những tin tức đầu tiên về việc chiếm đồi Ma-la-khốp, chúng tôi đã nói rằng quân Nga, không nghi ngờ gì nữa, đã mắc sai lầm như khi họ cấu trúc đồn Cam-xát-xki trên Ma-mê-lôn, tức là: cố sức tránh hỏa lực địch, rõ ràng là họ đã làm cho phía trong của pháo đài không thích hợp với việc đánh trả cuộc cường tập vì đã chia phía trong pháo đài ra thành nhiều ngăn nhỏ²⁸⁸. Sự chính xác của ý kiến của chúng tôi hiện nay đã được hoàn toàn chứng thực. Mê cung của đồi Ma-la-khốp cũng như mê cung của Ma-mê-lôn tuyệt đối không thích hợp cho phòng ngự; nó bị chiếm trong vòng 10 phút và không còn chiếm lại được nữa.

Quân Pháp đã chuẩn bị xuất sắc cho cuộc cường tập đồi Ma-la-khốp. Mọi cái đều được suy tính trước và được bảo đảm. Để vượt hào, họ đã dùng một kiểu cầu mới mà chúng tôi chưa có tài liệu giới thiệu; chỉ cần chưa đầy một phút đã bắc xong những cầu ấy. Cuộc cường tập vừa mới bắt đầu, công binh đã đào chớp nhoáng đôi hào chạy từ chiến hào đến hào thành, mở lối đi rộng rãi ở tường chắn của quân Nga, lấp con hào thứ hai và mở con đường thích hợp đi vào bên trong đồn nằm trên đồi Ma-la-khốp, dọc theo con đường này quân tăng viện, đội dự bị, thậm chí cả các khẩu pháo dã chiến cũng có thể vận động được. Sau khi chiếm toàn bộ đồn, quân Pháp đã nhanh chóng vít kín lối vào ở phía sau công sự, đục lỗ châu mai, vận chuyển pháo dã chiến, và sau mấy giờ, trước khi quân Nga có thể thực sự mưu tính chiếm lại công sự thì nó đã hoàn toàn biến thành công sự chống lại quân Nga, và hành động của quân Nga đã tỏ ra quá muộn. Pháo thủ đã sẵn sàng vít chặt các khẩu pháo khi cần thiết, còn bộ binh thì đeo ở thắt lưng các dụng cụ làm công sự nhẹ.

Cuộc tấn công tiến hành dưới sự đôn đốc trực tiếp của thống chế Pê-li-xi-ê và tướng Ni-en. Chúng tôi không biết rõ là các cuộc tấn công khác có được chuẩn bị tốt như thế không; nhưng phần lớn các cuộc tấn công này, đặc biệt là cuộc tấn công vào pháo đài Trung tâm, đã không thành công. Rõ ràng là tướng đơ Xa-lơ đã tiến hành cường tập vào pháo đài Trung tâm với một binh lực không

đủ, vì quân Pháp vừa tiến đến tường chắn của quân Nga thì buộc phải tìm nơi ẩn nấp sau tường này. Cuộc cường tập biến thành cuộc bắn nhau và, đương nhiên, là bị đẩy lùi. Trong cuộc cường tập vào Rê-đan, tướng Xim-xon đã ra sức minh họa rằng một hành động như vậy sẽ đưa đến kết quả gì. Cuộc tấn công vào Rê-đan nhỏ là một trận chiến đấu hết sức đẫm máu; quân Nga đã bảo vệ xuất sắc trận địa này và riêng ở trận địa này đã đánh tan năm lữ đoàn quân Pháp.

Trong các bài trước đây, chúng tôi đã nói sự tồn tại trong quân đội Anh một phương pháp tác chiến phi lý, theo phương pháp này người ta đã thành lập cho cuộc cường tập những đội hình yếu đến mức chỉ cần địch chống cự hơi nghiêm chỉnh một chút là có thể coi những đơn vị ấy như là nhất định bị tiêu diệt. Trong kế hoạch cường tập ngày 18 tháng Sáu do huân tước Ra-glan soạn ra, sai lầm đó đập ngay vào mắt người ta, còn tướng Xim-xon thì rõ ràng là quyết tâm vượt cả viên sĩ quan cấp trên đã quá cố của mình^{1*}. Góc nhô ra của Rê-đan đã bị pháo binh Anh bắn phá, Xim-xon quyết định tấn công địa điểm ấy sau khi đồi Ma-la-khốp bị quân Pháp chiếm lĩnh hoàn toàn. Do vậy tướng Xim-xon đã rút từ sư đoàn hai và sư đoàn nhẹ tất cả vào khoảng 1 800 người, nghĩa là một nửa quân số của hai lữ đoàn, để thành lập đơn vị cường tập! Hai lữ đoàn còn lại của những sư đoàn ấy được chỉ định làm lực lượng tăng viện, còn các sư đoàn 3 và 4 làm đội dự bị; ngoài những đơn vị trên, ở đây còn có sư đoàn cận vệ và sư

^{1*} Trong tờ “Neue Oder - Zeitung” thay cho câu trên là đoạn sau đây: “Sự thù cừu ấy được giải thích bởi điều sau đây: những cứ điểm mà người Anh, trong đó có Oen-linton ở Tây Ban Nha, phải đối phó chủ yếu, thì đã được xây dựng theo hệ thống cũ của I-ta-li-a - Tây Ban Nha, do đó chỉ trong những trường hợp hiếm có mới chứa được trên 500 người. Ở người Anh thì cái gì cũng được nêu lên thành truyền thống, cho nên phương pháp cường tập của họ cũng đã đi vào truyền thống, dù rằng điều kiện để thực hiện nó đã biến đi từ lâu rồi. Chẳng hạn, ngày 18 tháng Sáu, huân tước Ra-glan đã bắt chước cách đánh cũ của Oen-lin-ton, và như mọi người đều biết, ông ta đã đạt những kết quả như thế nào. Đáng lẽ phải rút ra bài học từ thất bại của Ra-glan, Xim-xon lại cảm thấy cần thiết không những bắt chước Ra-glan, mà thậm chí còn vượt Ra-glan nữa”.

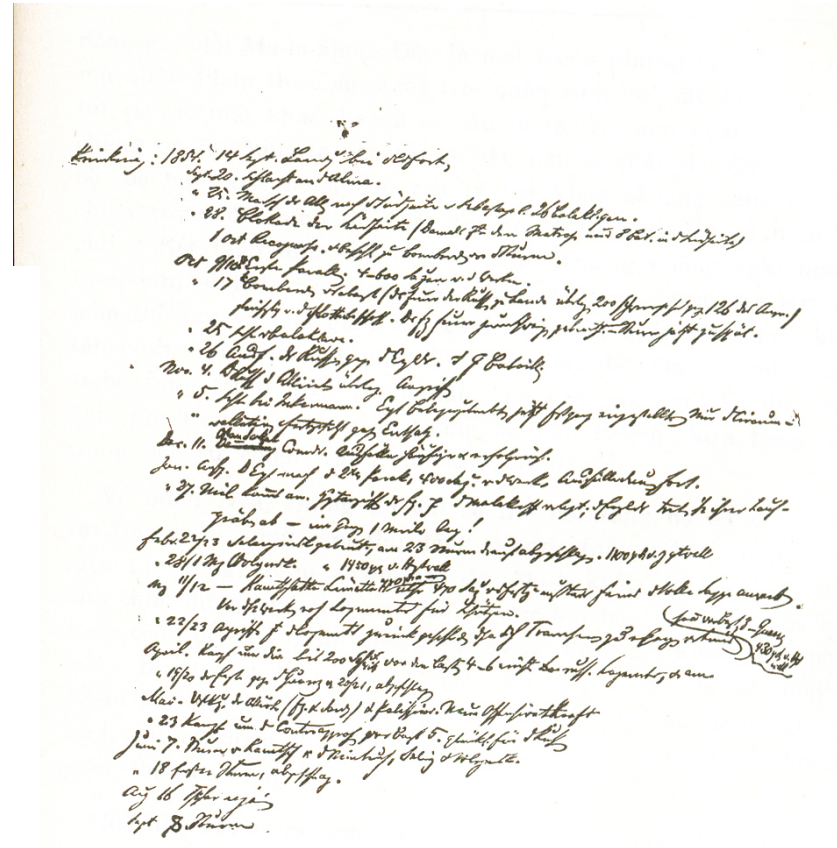
đoàn Xcôt-len, tổng cộng lên tới 25 000 người. Trong tất cả các đội quân ấy, trên thực tế chỉ tung vào cuộc cường tập khoảng 1800 người, về sau có thêm 2 000 người nữa chi viện! Tuy nhiên, khác với quân Pháp có thể nhảy từ chiến hào của mình sang hào thành của quân Nga, 1 800 binh sĩ ấy phải vượt 250 i-ác-đơ địa hình trống trải dưới hỏa lực lướt sườn từ tường giữa của Rê-đan. Quân Anh chết thây chất thành đồng nhưng vẫn tiến, dùng thang vượt qua hào, xông vào góc nhô ra và chịu hỏa lực của đạn rìa và súng trường bắn từ các chiến hào và lô cốt cổ thủ phía sau Rê-đan. Kết quả là họ tàn khai, cố gắng nấp sau các tường ngang và bắt đầu cuộc bắn nhau với quân Nga như quân Pháp ở pháo đài Trung tâm. Nếu như quân tăng viện và đội dự bị tiến lên và bằng cuộc tiến công từ cự ly gần phát huy chiến quả đã đạt được, thì tình hình trên cũng không đem lại tác hại gì. Nhưng chỉ có rất ít quân tăng viện tiến lên, mà lại thành từng nhóm nhỏ và không đều đặn. Lữ trưởng Uyn-hêm, chỉ huy các đội hình cường tập, ba lần cử sĩ quan về yêu cầu phái quân tăng viện theo đội hình chiến đấu chính quy, nhưng không kết quả. Cả ba sĩ quan đều bị thương khi băng qua đồng bằng. Cuối cùng Uyn-hêm đích thân quay về và thuyết phục tướng Cô-đrinh-ton phái một trung đoàn nữa nhưng lúc bấy giờ quân Anh bất ngờ rút lui và bỏ Rê-đan. Quân tăng viện của quân Nga tiến lên quét sạch địch khỏi Rê-đan. Bấy giờ ông già Xim-xon, trong tay hãy còn lực lượng hậu bị 20 000 người, quyết định lại tiến hành cường tập vào sáng sớm hôm sau!

Cuộc tấn công thảm hại đó của quân Anh vào Rê-đan chứng minh sự hoàn toàn bất lực của các tướng Anh ở Crum. Rõ ràng là họ bẩm sinh đã có khuynh hướng ganh đua nhau mắc sai lầm. Ba-la-cla-va và In-ke-rơ-man có thể dùng làm những ví dụ rõ ràng về điều đó. Nhưng các trận cường tập ngày 18 tháng Sáu và 8 tháng Chín còn vượt xa các trận trên về mặt này. Cuộc cường tập được tổ chức cầu thả đến nỗi quân Anh, khi không chế được góc nhô ra của Rê-đan, thậm chí đã không vít chặt các khẩu pháo, nên những khẩu pháo ấy đã bắn mãnh liệt đạn rìa và đạn lựu pháo vào quân Anh khi họ rút lui cũng như khi họ tấn công. Quân Anh

có định chiếm lĩnh những chiến hào thích đáng không - điều đó chúng ta không rõ; Xim-xơn và phóng viên các báo không hề nhắc tới điểm đó. Xem ra thì những biện pháp dự phòng tối cần thiết cũng không được thi hành.

Thực ra, cuộc tấn công vào Rê-đan, pháo đài Trung tâm và Rê-đan nhỏ, ở mức độ nào đó, chỉ là hành động thị uy. Nhưng cuộc tấn công vào Rê-đan lớn có ý nghĩa độc lập nhất định. Việc chiếm được trận địa này lập tức góp phần dứt điểm việc chiếm đồi Ma-la-khốp, vì nếu đồi Ma-la-khốp do địa thế cao không chế được Rê-đan, thì đến lượt nó, Rê-đan lại khống chế các điểm tiếp cận đồi Ma-la-khốp và chiếm được Rê-đan có nghĩa là bao vây được từ bên sườn tất cả các đội hình quân Nga được phái đến chiếm lại đồi Ma-la-khốp. Việc chiếm đồi Ma-la-khốp buộc quân Nga phải bỏ toàn bộ phía Nam; việc chiếm Rê-đan lẽ ra chỉ ít cũng buộc họ vội vã rút khỏi khu Cô-ra-ben, mà hơn nữa còn rút vội trước khi họ kịp dùng hỏa lực và bộc phá hoàn thành công tác phá hoại có hệ thống và có hiệu quả để bảo đảm cho họ rút lui được an toàn. Do đó, quân Anh ở một địa điểm rất quan trọng đã không làm được điều mà đồng minh của họ có quyền chờ đợi. Không những các tướng lĩnh tỏ ra không ngang tâm mà binh sĩ cũng hành xử không được bình thường. Số đông trong số họ là lính trẻ măng đến Crum chưa bao lâu, họ tìm đủ cách để ẩn nấp và bắn nhau, chứ không đánh giáp lá cà. Trong hàng ngũ họ thiếu kỷ luật và trật tự; các đơn vị khác nhau lẫn lộn lung tung, các sĩ quan không nắm được quân, và chỉ sau mấy phút cả guồng máy trở nên rã rời. Tuy vậy phải thừa nhận rằng bất chấp tất cả những điều đó, quân Anh tuy không nhận được lực lượng tăng viện, nhưng vẫn đứng vững ở Rê-đan gần hai giờ, chống cự một cách thụ động nhưng ngoan cường; nhưng cần biết rằng chúng ta chưa quen nhìn thấy bộ binh Anh rơi xuống trình độ quân Nga và chỉ tìm danh dự trong sự dũng cảm thụ động.

Vinh dự hàng đầu hôm đó thuộc về các tướng Bô-xxê và Mác-Ma-hông. Bô-xxê chỉ huy toàn bộ cánh tấn công bên phải của quân Pháp, còn Mác-Ma-hông chỉ huy sư đoàn đã chiếm lĩnh và



Bản ghi chép theo trình tự thời gian của Ph. Ăng-ghen về các sự kiện cơ bản của cuộc chiến tranh Crum²⁸⁹

đóng giữ đồi Ma-la-khốp. Đây là một trong những ngày hiêm thấy mà quân Pháp thực sự vượt trội quân Anh về mặt dũng cảm. Về tất cả các mặt khác, họ đã từ lâu tỏ ra trội hơn quân Anh. Phải chăng từ đó chúng ta nên rút ra kết luận là quân đội Anh đã thoái bộ, bộ binh của nó không còn có thể khoe khoang rằng nếu tác chiến trong đội hình dày đặc thì họ là bộ binh ưu tú nhất thế giới? Kết luận như thế là quá sớm. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, hơn ai hết, các tướng lĩnh Anh ở Crum đã có thể làm hao mòn thể lực và làm giảm sút tinh thần của quân đội; mặt khác, tân binh mới tham gia quân đội ít lâu nay đã kém xa những binh sĩ bổ sung trước đây. Nhân dân Anh cần suy nghĩ kỹ điều đó; hai trận thất bại trong ba tháng là hiện tượng chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh của nước Anh.

Về quân Nga, chúng tôi chỉ có thể nói rằng họ đã chiến đấu với tinh thần dũng cảm thụ động thường thấy ở họ, nhưng trong cuộc tấn công nhằm chiếm lại đồi Ma-la-khốp, họ đã biểu hiện tinh thần dũng cảm tích cực cao. Trước khi báo cáo của quân Nga được công bố, chúng tôi không thể phán đoán về những biện pháp chiến thuật của họ. Có một điều rõ ràng: đồi Ma-la-khốp bị chiếm bất thành linh. Toàn bộ quân lính phòng thủ đang ăn bữa trưa, chỉ có pháo thủ bên cạnh pháo là sẵn sàng chiến đấu để phòng bị tấn công.

Nếu như chúng ta xem xét tình hình sau khi phía Nam bị chiếm thì qua báo cáo của Goóc-tra-cốp chúng ta sẽ thấy rằng quân đội liên quân gồm 20 000 người (không nêu rõ quốc tịch) đã tiến về Ép-pa-tô-ri và những đơn vị trinh sát mạnh đã được tung về cánh trái của quân Nga ở thung lũng Bai-đác-xcai-a, nơi đây các đơn vị tiên phong của quân Nga đã buộc phải rút về U-rơ-cu-xta, theo hướng thung lũng thượng lưu sông Tru-lin, một nhánh của sông Đen. Một quân đoàn gồm 30 000 người hiện đang ở Ép-pa-tô-ri, đó là lực lượng tương đối yếu và không thể ra khỏi thành phố ở một cự ly xa. Nhưng quân tăng viện có thể đến. Dù sao, hoạt động đã chiến đã bắt đầu, và hai tuần sắp tới sẽ cho biết quân Nga có

giữ vững được trận địa của mình không, hay là họ sẽ buộc phải để toàn bộ Crum rơi vào tay liên quân.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 28 tháng Chín 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4519, ngày 13 tháng Mười 1855 và đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số 463, ngày 4 tháng Mười 1855

In theo bản đăng trên tờ "New - York Daily Tribune", có đối chiếu với bản đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung"

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

BẢN BÁO CÁO CHÍNH THỨC VỀ TÀI CHÍNH

Luân Đôn, ngày 2 tháng Mười. Hiện chúng tôi đang có bản báo cáo chính thức về thu nhập quốc gia của năm ngoái, trong nửa năm và một quý (theo sự đổi mới của Glát-xtôn thì năm tài chính ở Anh kết thúc vào ngày 30 tháng Chín, về cả thu lẫn chi). Bản báo cáo, một mặt, chứng minh tính co giãn của các nguồn bổ sung cho ngân sách của Anh, mặt khác, lại chứng minh rằng những bản quyết toán dựa trên lý luận xác suất không phải là forte^{1*} của các nhà tài chính Anh. Mức tăng ròng của thu nhập so với năm tài chính trước là 8 344 781 p.xt., so với nửa năm đầu là 2 929 699 p.xt. và so với quý trước là 1 924 124 pao xtéc-linh. Nếu xét đến, một mặt, sự tăng thuế dưới thời Glát-xtôn và Lu-ít và, mặt khác, sự không ăn khớp giữa mức tăng dự kiến về thu thuế và mức tăng thực tế về thu thuế, thì ý nghĩa của những con số trên sẽ lập tức thay đổi. Điều đó có thể thấy được hết sức rõ ràng khi tìm hiểu các khoản mục. Thu nhập về thuế quan tăng cả năm là 1 290 787 p.xt., nửa năm là 608 444 p.xt. và một quý là 364 423 p.xt. Số tăng này phải hoàn toàn tính vào khoản thuế quan mới đối với chè, đường và cà phê. Cần phải có chủ nghĩa lạc quan tư sản của tờ "Daily News" thì từ những tài liệu thống kê ấy mới có thể rút ra kết luận về sự tăng phúc lợi của các giai cấp cần lao. Như mọi người đều biết, Glát-xtôn đã ngừng việc giảm thuế chè

^{1*} - mặt mạnh

và đường mà hạ nghị viện đã quyết định thi hành năm 1854 theo đề nghị của ông ta. Người thừa kế ông ta, Lu-ít, tăng thuế mỗi tạ đường 3 si-ling để theo sự đánh giá của ông ta - đem lại thêm 1 200 000 pao xtéc-ling; theo ông ta tính toán thì tăng thuế mỗi pao chè 3 pen-ni, sẽ làm tăng thu nhập về thuế quan 750 000 pao xtéc-ling; sau hết, tăng thuế mỗi pao cà-phê 1 pen-ni thì sẽ đem lại cho tổng số một surplus^{1*} là 150 000 pao xtéc-ling. Song tổng số tăng thu nhập về thuế quan trong quý cuối chỉ được 364 423 p.xt., do đó còn xa mới đạt được một nửa con số tăng thêm mà người ta trông đợi ở riêng khoản tăng thuế đường. Qua bảng kê khai về thu thuế quan có thể thấy rằng tiêu dùng về cà phê đã giảm chừng 2% so với năm 1853. Thu nhập về thuế rượu vang và thuốc lá cũng giảm đi nhiều.

Ở Anh, thu nhập về thuế tiêu dùng được xem như bằng chứng về comforts^{2*} của các tầng lớp bên dưới của xã hội. Thu nhập về thuế tiêu dùng ngay trong quý khá nhất cũng giảm 266 006 pao xtéc-ling. Thế mà thuế mới của ngài Gi.C.Lu-ít đối với các loại rượu ở Xcôt-len và Ai-rơ-len đã được thi hành đầy đủ. Lu-ít hy vọng rằng thuế gia tăng sẽ đem lại thêm 1 000 000 pao xtéc-ling. Ngược lại, trong một quý ông ta đã mất đi 266 066 pao xtéc-ling. Còn về thuế tem thì cả năm tăng 100 472 p.xt., nhưng trong nửa năm giảm 48 402 p.xt. và trong quý cuối giảm 103 344 pao xtéc-ling. Điều đó càng đáng chú ý, nếu xét rằng thuế thừa kế, mà Glát-xtôn thi hành lần đầu tiên, đã được thực hiện đầy đủ. Thu nhập về buru chính cũng thuộc loại thuế trên (thuế tem) đã hụt cả năm là 206 819 p.xt, nửa năm là 175 976 p.xt. và quý cuối là 81 243 p.xt. Thu nhập về thuế sở hữu ruộng đất tăng cả năm 6 484 147 p.xt., nửa năm là 2 195 124 p.xt. và trong một quý là 1 993 590 p.xt. Song chớ nên quên rằng Glát-xtôn đã tăng gấp đôi thuế suất trước đây, trông đợi nhờ đó có các khoản thu nhập về thuế mới là 6,5 triệu p.xt, ngoài ra, ngài Gi.C. Lu-ít thi hành thuế bổ sung - cứ mỗi pao xtéc-ling thêm 2 pen-ni, với hy vọng là số thu nhập về thuế sẽ tăng 4 000 000 pao xtéc-ling. Do đó, về mặt

^{1*} - phần phụ trội, thu nhập bổ sung

^{2*} - phúc lợi, tiện nghi

thu nhập về thuế sở hữu ruộng đất, số tăng không thể nào tương ứng với sự tăng thuế suất.

Ở đây, người ta không ngớt quan tâm đến sự gian lận và số phận sau này của Crédit Foncier^{1*}, Crédit Mobilier cũng như các cơ quan ngân hàng khác mà Bô-na-pác-tơ đã tạo ra, hoặc những cơ quan nhất định sẽ phá sản. Ở đây tưởng cũng nên nhớ lại rằng E-min Pê-rây-rơ và những giám đốc khác của các cơ quan ngân hàng ấy đều là những người vốn từng theo thuyết Xanh-Xi-mông. Các ngài ấy bao giờ cũng cho rằng sự cứu vớt thế giới là ở các ngân hàng, mà cũng có thể là ở những sự phá sản. Dù sao thì họ cũng tìm được ở đó sự tự cứu vớt mình. Nếu không kể đến tư tưởng vĩ đại chung của người sáng lập ra nó, thì học thuyết Xanh-Xi-mông, dưới thời Bô-na-pác-tơ đã được thực hiện dưới hình thức duy nhất có thể có của nó. Còn có thể hy vọng gì nữa? Pê-rây-rơ là tên bịp chủ chốt của Bô-na-pác-tơ về mặt tài chính. Còn ngài Mi-sen Sơ-va-li-ê là một trong những tổng biên tập và nhà kinh tế học chủ chốt của "Journal des Débats"²⁹⁰. Habent sua fata libelli^{2*}. Nhưng những tư tưởng vĩ đại cũng có "fata"^{3*} của nó.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Mười 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 467, ngày 6 tháng Mười 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

^{1*} - Tín dụng ruộng đất

^{2*} - Sách có số phận của nó

^{3*} - "số phận"

C.MÁC

NGÂN HÀNG PHÁP. - VIỆN BINH CHO CRUM.- CÁC NGUYÊN SOÁI MỚI

Luân Đôn, ngày 4 tháng Mười. Ngân hàng Anh lại nâng mức chiết khấu từ 5% lên 5,5%. Biện pháp này trước hết nhằm chống lại Banque de France^{1*} trong 6 tuần qua đã chuyển từ Anh về Pháp một số vàng trị giá 4 600 000 pao xtéc-ling bằng cách lợi dụng những kỳ phiếu phát hành cho Luân Đôn và thanh toán ở đây. Tại sở giao dịch ở đây đang lan truyền những tin đồn đáng lo ngại nhất về tình hình tài chính của Banque de France. Một số người cho rằng người ta đang chờ đợi việc hoãn mọi khoản thanh toán bằng tiền kim loại, một số khác cho rằng chứng khoán của Banque de France phải có được sự đảm bảo ổn định “để có sự bảo đảm chắc chắn hơn”. Sự đảm bảo ấy tất sẽ dẫn tới “run”^{2*} ngân hàng và sự sụt giá tức khắc của chứng khoán ngân hàng của nó. Sau hết còn có người quả quyết rằng Banque de France định tăng gấp đôi số vốn của nó bằng cách phát hành cổ phiếu mới theo cách đặt mua. Dù những tin đồn ấy về chi tiết còn mập mờ thế nào đi nữa thì chúng vẫn chứng minh rằng Banque de France đang ở vào tình cảnh nguy ngập và thiết chế này từ khi thành lập dưới thời Na-pô-lê-ông I đã được coi là vũng vàng không thể lung lay thì đến thời Na-pô-lê-ông III chỉ còn là một trong những kim tự

^{1*} - Ngân hàng Pháp

^{2*} - “sự đổ xô đến”

tháp tín dụng *bị lật nhào* cần được coi là những đài kỷ niệm tiêu biểu của kỷ nguyên thống trị của ông ta. Cái bộ phận của xã hội Pháp đòi hỏi trước hết *cái vỏ ngoài* của sự dồi dào tín dụng của “prospérité toujours croissante”^{1*}, không thể oán trách khi giờ phút trả giá cho sự lừa gạt thú vị đó sẽ đến. Dù sao đi nữa, nghiệp vụ tài chính, mảnh lối của sở giao dịch và đầu cơ của ngân hàng trong những năm thống trị cuối cùng của Lu-i Phi-líp đã gây ra sự giạt gân thực sự và làm xuất hiện những tác phẩm luận chiến lớn như “Những kẻ cho vay nặng lãi - đế vương của thời đại chúng ta”, “Vương triều Rốt-sin”²⁹¹ v.v., chỉ là chuyện vặt so với những điều đã xảy ra trong lĩnh vực ấy vào thời kỳ từ năm 1852 cho đến nay.

Hiện giờ người ta đang chờ lệnh dùng tàu chở sang Crum khoảng 6 000 người, trong đó có 800 pháo binh, 900 kỵ binh, còn lại là bộ binh. Ngoài ra phải đưa chừng 4 000 bộ binh từ Gi-bran-ta, Man-tơ, quần đảo I-ô-niêng và từ Pi-rây đến chiến trường. Những lực lượng tăng viện này - thậm chí nếu thêm vào đây các đơn vị lê dương - còn lâu mới đủ đưa đội quân tác chiến của Anh dù chỉ là lên bằng mức biên chế ban đầu. Về điểm này, *Brai-tơ* đã tuyên bố hôm qua tại cuộc mít-tinh ở Rô-sđen:

“Nếu như tôi là người ủng hộ chiến tranh thì tôi sẽ theo đuổi một chính sách khác hẳn đối với bộ máy quân sự trong nước ta. Tôi sẽ thi hành đầy đủ chế độ tuyển lính như người ta đã làm ở Nga, Áo và Pháp, và như vậy sẽ buộc mọi người thuộc tất cả các giai cấp tham gia một cách tương ứng vào cái gọi là quốc sự”.

Việc tặng danh hiệu nguyên soái cho các huân tước và bá tước già nua Côm-béc-mia, Xơ-ra-pho và Hác-đinh để khen thưởng tướng Xim-xon (tiện đây nói luôn, viên tướng này cần phải bị triệu hồi) về thất bại ở Rê-đan là một trong nhiều lời hóm hình nhạt nhẽo và lời pha trò vô vị mà Pan-móc-xton ưa dùng để tiêu khiển lúc tuổi già. Hai viên tướng đầu hoàn toàn có thể được coi là người chết, nên việc đề bạt họ, nói đúng ra, là mang tính chất truy tặng. Họ được xếp vào hàng các bậc thánh trong binh nghiệp sau khi sự tồn tại trần tục của họ đã kết thúc từ lâu. Huân tước Hác-đinh chiếm cái chức vụ quá ư lỗi thời *Commandeur en chef*^{2*} quân đội Anh và do quyết tâm xun xoe nịnh nọt không biết mệt mỏi nguyên soái hoàng thân An-be, nên hoàn toàn xứng đáng được nhận cái

^{1*} - “sự phồn vinh luôn luôn phát triển”

^{2*} - Tổng tư lệnh

gây nguyên soái. Điều làm cho việc này đặc biệt lý thú là tình hình sau đây: chiến thắng cùng quân Pháp giành được đối với quân Nga đã được đánh dấu bằng việc đề bạt những sĩ quan đã bị lãng quên, đã từng cùng người Nga chiến đấu chống người Pháp. Chẳng hạn, công lao của huân tước Xto-ra-pho chính là ở chỗ trong trận Oa-téc-lô, ông ta đã chỉ huy một lữ đoàn vệ binh, trong thời gian tiến quân về Pa-ri, ông ta đã chỉ huy đội tiên tiêu của quân Anh và đã chiếm Pa-ri sau khi chiếm lĩnh các điểm cao Ben-vin và Mông-mắc-tơ-rơ.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Mười 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số
469, ngày 8 tháng Mười 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

DIỄN BIẾN CHIẾN SỰ

Có nhiều tin tức mới từ chiến trường. Để bổ sung cho bản báo cáo của Goóc-tra-cốp mà chúng tôi sẽ bình luận ở một vài bài khác, chuyến tàu cập bến thứ bảy vừa rồi đã đem đến cho chúng tôi thông cáo chính thức về hành động của kỵ binh ở Cu-ru-lu gần Ép-pa-tô-ri mà chúng tôi đã tường thuật từ trước. Ngoài ra, chúng tôi đã nhận được những tin tức về trận cường tập không thành công của quân Nga vào Các-xơ, về việc liên quân phá hoại các đồn Ta-man và pháo đài Pha-na-gô-ri và về cuộc đổ bộ của liên quân lên bán đảo Kin-bu²⁹².

Mười hai đại đội kỵ binh Pháp (trung đoàn phiêu kỵ thứ tư, các trung đoàn long kỵ thứ 6 và thứ 7) đã tham gia hoạt động của kỵ binh ở gần Ép-pa-tô-ri. Theo báo cáo của tướng đ'A-lông-vin được viết rõ ràng và dễ hiểu, thì quân Pháp và quân Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến hành một cuộc trinh sát rộng lớn vào sâu nội địa theo ba con đường khác nhau - một về phía nam và hai về phía bắc hồ Xa-xúc. Hai cánh quân đi hai con đường sau đã gặp nhau ở làng Đôn-sắc, nơi đây họ phát hiện kỵ binh Nga đang tiếp cận. Ở đây trong các bản báo cáo đã bắt đầu có những chỗ mâu thuẫn. Tướng đ'A-lông-vin kể rằng 18 đại đội kỵ binh Nga, lợi dụng lúc quân Pháp xuống ngựa và cho ngựa ăn, định vu hồi quân Pháp từ phía nam và cắt đường rút của họ về Ép-pa-tô-ri; bấy giờ đ'A-lông-vin lệnh cho kỵ binh của mình lên ngựa, xông vào sườn quân Nga, đánh tan họ và truy kích hai-li-ơ. Còn Goóc-tra-cốp thì lại nói rằng

quân Nga chỉ có một trung đoàn (trung đoàn thương kỵ thứ 18) hay là tám đại đội kỵ binh, rằng họ bị quân Pháp tấn công bất ngờ khi xuống ngựa để dỡ pháo của đại đội pháo trên xe, nên buộc phải tháo chạy. Ông ta đổ sai lầm này cho tướng Coóc-phơ. Tại sao cả một trung đoàn thương kỵ đột nhiên xuống ngựa và giúp một đại đội pháo dỡ 8 khẩu pháo từ xe xuống, và tại sao pháo thủ phải tự mình làm việc đó thì lại không có mặt - điều này ta phải tự mình đoán lấy thôi. Toàn bộ bản báo cáo của Goóc-tra-cốp viết mập mờ, không theo phong cách quân sự, thiết tha bào chữa cho thất bại đầu tiên đó của kỵ binh, nên khó bề coi nó như sự trình bày nghiêm chỉnh các sự việc. Đồng thời, chúng ta thấy rằng, ông ta đổ trách nhiệm về thất bại ấy cho tướng Coóc-phơ, giống như thất bại ở Xi-li-xtơ-ri thì ông ta đổ cho Xen-van, ở In-ke-rơ-man - đổ cho Xôi-mô-nốp, ở sông Đen - đổ cho Rê-át. Bản thân Goóc-tra-cốp, tuy bị thất bại trong mỗi trận đánh, vẫn luôn luôn là bất khả chiến thắng. Ông ta không thua trận, tuyệt nhiên không; mỗi lần đều có một sĩ quan cấp dưới bất hạnh nào đó đã phá hoại kế hoạch thông minh của ông tướng này bằng một sai lầm nghiêm trọng nào đó và thường đã hy sinh trong chiến đấu như là sự trừng phạt về điều đó. Nhưng lần này thì viên tướng mắc sai lầm nghiêm trọng không gặp may và ông ta vẫn sống. Có thể sau này viên tướng ấy sẽ góp ý gì đó về bản báo cáo của Goóc-tra-cốp, còn bây giờ thì ông ta đành phải hài lòng rằng nhận xét của địch về ông ta còn khá hơn nhiều so với nhận xét của vị thống soái không thể mắc sai lầm nói về ông ta. Sau trận đánh này, để tăng viện cho quân Pháp, một trung đoàn kỵ binh nhẹ của người Anh đã được phái đến Ép-pa-tô-ri.

Hai cuộc viễn chinh khác đã được tiến hành ở điểm cực hai sườn của chiến trường Crum. Một trong hai đội quân viễn chinh ấy tiến từ Kéc-sơ và Ê-ni-ca-lơ sang bờ bên kia của eo biển. Một số cứ điểm nhỏ - Ta-man và Pha-na-gô-ri đã bị phá hủy và đã chiếm được chừng 100 khẩu pháo; như thế là liên quân đã hoàn toàn khống chế lối vào biển A-dốp. Hành động này xuất phát từ sự thận trọng và kết quả trực tiếp của nó không thể gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Cuộc viễn chinh thứ hai có ý nghĩa lớn hơn. Hạm đội liên quân

chỉ chừng một vạn quân trước hết nghi binh ở gần Ô-đét-xa, nhưng không bắn một phát đạn pháo nào, rồi tiến về Kin-bu. Địa điểm này ở gần đầu dải đất từ phía nam ôm lấy vịnh cửa sông lớn do hai con sông Đni-e-pro và Búc tạo thành. Ở chỗ này, vịnh cửa sông rộng khoảng 3 dặm và lối vào có bãi cạn cản trở, ở đây nước chỉ sâu có 15 phút (theo hải đồ tốt nhất). Phía bắc lối vào vịnh cửa sông là Ôt-sa-cốp, còn ở phía nam là Kin-bu. Hai cứ điểm này được nổi tiếng lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1787, bấy giờ sông Búc là biên giới giữa hai đế quốc, do đó Ôt-sa-cốp thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, còn Kin-bu thuộc Nga. Bấy giờ Xu-vô-rốp chỉ huy cánh trái của quân Nga (tổng tư lệnh là Pô-tem-kin) và đóng ở Kin-bu. Quân Thổ Nhĩ Kỳ lúc đó làm chủ Hắc Hải, đã từ Ôt-sa-cốp vượt ngang qua lối vào vịnh cửa sông. Địch đánh lạc hướng Xu-vô-rốp, thoát đầu họ đổ bộ vào phía Đông-Nam thành phố Kin-bu, nhưng tin chắc rằng họ đã không thể đánh lừa được Xu-vô-rốp bằng cuộc nghi binh ấy, liền đổ bộ chủ lực lên phía cực tây bắc của dải đất đối diện với Ôt-sa-cốp. Ở đây họ đào công sự và tấn công cứ điểm, nhưng Xu-vô-rốp đã dùng một lực lượng ít hơn quân Thổ Nhĩ Kỳ nhiều để tiến hành một cuộc xuất kích, mở đầu trận đánh, và với sự giúp sức của quân tăng viện đã đẩy quân Thổ Nhĩ Kỳ ra phía biển. Tồn thất của quân Thổ Nhĩ Kỳ rất lớn. Bản thân Xu-vô-rốp bị thương trong trận này, và một năm sau đó, năm 1788, đã xảy ra trận cường tập Ôt-sa-cốp.

Lần này thì liên quân đổ bộ không phải ở phía dưới, mà là ở phía trên thành phố Kin-bu chừng bốn dặm để cắt đứt đường giao thông trên bộ của nó với Khéc-xôn và với các vùng nội địa nước Nga. Các pháo thuyền của liên quân chắc cũng sẽ nhanh chóng cắt đứt đường giao thông trên biển. Dải đất ở Kin-bu, ở phía trên thành phố sáu dặm, thì rất hẹp; giống như mũi A-ra-bát, nó rất thấp và toàn cát, nên đào chiến hào sâu vài phút đã thấy có nước. Do đó, không thể xây dựng nhanh chóng ở đây những công sự mạnh có hào sâu; những công sự mà quân Thổ Nhĩ Kỳ dựng lên năm 1787 hoặc chỉ là những hàng rào, hoặc là pháo đài có bao cát xếp xung quanh. Cũng do nguyên nhân ấy, công sự ở

Kin-bu cũng không thể kiên cố lắm vì không thể xây móng chắc cho bờ trong bằng đá; nhưng từ cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ, không nghi ngờ gì nữa, ở đây đã đào những hào rộng đầy nước. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng nếu Kin-bu bị tấn công kiên quyết thì nó không thể giữ được lâu để chống lại liên quân. Khi Kin-bu đã nằm trong tay liên quân thì trước mặt họ mở ra triển vọng tiến hành những hoạt động quan trọng về hướng Khéc-xôn và Ni-cô-la-ép, nghĩa là về hướng căn cứ tác chiến của quân Nga ở Crum. Vì vậy, cuộc đổ bộ này có thể rất quan trọng, nếu có những hành động tương ứng tiếp liền sau cuộc đổ bộ. Song, cho tới khi tàu rời bến, không nhận được tin tức nào về các hành động kiên quyết, điều đó làm cho chúng tôi đi tới kết luận là cả cuộc viễn chinh này cũng sẽ được liên quân tiến hành với sự chậm chạp điềm tĩnh thường thấy ở họ.

Thất bại của quân Nga ở gần Các-xơ hoàn toàn có khả năng là sự kiện chấm dứt chiến dịch ở Ác-mê-ni-a. Quân Thổ Nhĩ Kỳ được tổ chức tồi và chịu thiếu thốn về tất cả mọi thứ cần thiết cho tác chiến, đã đóng vai trò thảm hại trên chiến trường này. Không thể tiến hành hoạt động dã chiến, họ chỉ bó hẹp ở chỗ giữ Các-xơ, Éc-de-rum và những nơi ở sát liền những cứ điềm ấy. Tướng Uy-li-am-xơ phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đã chỉ huy đội quân phòng thủ Các-xơ và lãnh đạo việc xây dựng các công sự phòng ngự tương ứng. Phần lớn mùa hè, hành động quân sự của hai bên chỉ hạn chế ở những cuộc bắn nhau, tập kích có tính chất phá hoại và tiến quân vào vùng núi kiếm cỏ ngựa. Kết quả chung và chủ yếu của tình hình đó là quân Nga tiến dần về phía trước, có thể bao vây Các-xơ và thậm chí cắt đứt đường giao thông của nó với Éc-de-rum. Các-xơ nằm trong một thung lũng ở bên cạnh dẫn đến thượng lưu sông A-rắc-xơ; Éc-de-rum ở gần nơi phát nguyên của sông Ô-phrát; Ba-tum ở cửa sông Trô-rôc (Ba-ti-xơ) mà thượng lưu các nhánh của nó chảy qua khu vực gần Các-xơ và Éc-de-rum, do đó một trong những con đường giữa các thành phố ấy chạy dọc theo lưu vực sông Trô-rôc cho đến thành phố Ôn-tur, từ đây chạy qua vùng núi về Các-xơ. Ôn-tur là điềm trung tâm đối với quân Thổ Nhĩ Kỳ, vì con đường từ Ba-tum

đến và con đường nói trên kia gặp nhau ở đây, còn Ba-tum là địa điềm gần nhất mà người ta có thể hy vọng sẽ có những lực lượng tăng viện lớn nhất được điều từ đây tới. Nếu quân Nga chiếm được Các-xơ thì trước hết sẽ củng cố ở Ôn-tur, do đó cắt đứt tuyến giao thông gần nhất và tốt nhất giữa Éc-de-rum với Hắc Hải và Công-xtăng-ti-nô-plơ. Song, quân Thổ Nhĩ Kỳ sa sút tinh thần đến nỗi rút về Éc-de-rum, chỉ còn giữ được con đường núi giữa thượng lưu sông Ô-phrát và nơi phát nguyên của sông A-rắc-xơ, trong khi đó Ôn-tur hoàn toàn không được bố phòng.

Sau hết, khi vòng vây khép chặt xung quanh Các-xơ thì quân Thổ Nhĩ Kỳ định tổ chức đội tải lương ở Ôn-tur và tiến về Các-xơ với đội hộ tống mạnh. Một bộ phận kỵ binh đã được cử đi từ Các-xơ, vì ở đây không biết dùng họ vào việc gì và trên thực tế họ đã vừa chiến đấu vừa tiến về Ôn-tur qua vùng do quân Nga chiếm; chẳng bao lâu sau đó, từ Ôn-tur đã cử đi một đội tải lương. Nhưng lần này thì quân Nga đã đề phòng. Quân Thổ Nhĩ Kỳ bị đánh tan hoàn toàn, còn lương thực bị quân Nga chiếm. Bây giờ ở Các-xơ đã cảm thấy thiếu lương thực. Ô-me-rơ-pa-sa được cử đi châu Á để nhận trách nhiệm chỉ huy và tổ chức ở Ba-tum một đạo quân có thể tiến hành hoạt động dã chiến. Song, việc thành lập một đạo quân mới đòi hỏi nhiều thời gian, còn hành quân qua Ôn-tur với mục đích giải phóng Các-xơ không phải là biện pháp tốt nhất trong số những biện pháp mà Ô-me-rơ-pa-sa có thể tiến hành, vì do thiếu lương thực, Các-xơ có thể buộc phải đầu hàng bất cứ lúc nào trước khi viện binh tới.

Quân Thổ Nhĩ Kỳ đã lâm vào tình cảnh khó khăn ấy hồi cuối tháng Chín. Trên thực tế, Các-xơ đã bị coi như thất thu, và quân Nga cũng không nghi ngờ gì rằng riêng việc phong tỏa cũng đủ để buộc thành phố đầu hàng do nạn đói đã bắt đầu ở đó. Nhưng xem ra, bản thân quân Nga cũng không có ý định chờ cho đến khi Các-xơ ăn đến bao bột mì cuối cùng và nuốt nốt con ngựa cuối cùng. Có thể là do sợ mùa đông sắp đến, đường sá xấu đi và lương thực thiếu thốn, cũng có thể do lệnh trên hoặc do sợ hãi trước đội quân của Ô-me-rơ-pa-sa, họ đột nhiên quyết định hành động một cách kiên quyết. Từ A-lếch-xăng-đrô-pôn một cứ điềm ở biên

giới cách Các-xơ mấy li-ơ, người ta đã chuyển tới đó pháo công thành, và sau mấy ngày đào hào tiếp cận và bắn phá, chủ lực quân Nga, dưới quyền chỉ huy của Mu-ra-vi-ép, bắt đầu cuộc cường tập vào Các-xơ. Trận đánh rất ác liệt và kéo dài 8 giờ. Lính ba-si-bu-dúc và bộ binh phi chính quy thường hay bỏ chạy trước quân Nga trong đã chiến thì ở đây đã chiến đấu trên địa hình có lợi hơn. Tuy lực lượng tấn công, rõ ràng là vượt lực lượng phòng thủ từ bốn đến sáu lần, nhưng mọi ý đồ đột nhập thành phố của họ, đều không thành công. Trong trận này, quân Thổ Nhĩ Kỳ rút cục, lại tỏ ra dũng cảm và mưu trí. Tuy quân Nga đã mấy lần chiếm được pháo đài của quân Thổ Nhĩ Kỳ (chắc là các công sự đã chiến phía sau và có thể bị hỏa lực của phòng tuyến thứ hai), nhưng họ không thể củng cố được ở đâu cả. Nghe nói, thiệt hại của họ rất lớn - bốn ngàn người chết đã được quân Thổ Nhĩ Kỳ chôn cất. Nhưng chúng ta phải nhận được những tin tức tỉ mỉ hơn và chính xác hơn mới tin được.

Còn về hành động của Ô-me-rơ-pa-sa thì ông ta có hai sự lựa chọn: hoặc là tiến quân theo sông Trô-rốc qua Ôn-tur, để giải phóng Các-xơ, nơi đây ông ta có nguy cơ đến quá muộn để thực hiện mục đích của mình, vì ông ta cầm quân vận động trên cao nguyên Ác-mê-ni-a, nơi đây, quân Nga được bảo vệ chống lại cuộc tấn công chính diện tích cực bằng một tuyến công sự kiên cố và tại nơi đây Ô-me-rơ-pa-sa không có khả năng đánh vào sườn quân Nga; hoặc tiến quân theo sông Ri-ôn đến Cu-ta-ít rồi từ đây vượt núi đến thung lũng sông Cu-ra tiến về hướng Ti-phlít. Ở đây ông ta không vấp phải cứ điếm ít nhiều kiên cố nào, đồng thời có thể lập tức uy hiếp trung tâm thống trị của Nga ở Nam Cáp-ca-dơ. Đây là phương pháp tốt nhất để buộc Mu-ra-vi-ép rút khỏi Ác-mê-ni-a, và chắc bạn đọc còn nhớ, chúng tôi đã nhiều lần chỉ rõ, chỉ có hành động theo hướng đó mới tạo khả năng giáng một đòn mạnh vào thế lực của Nga ở châu Á. Căn cứ tác chiến hành quân thích hợp để thực hiện cuộc tiến quân này có thể là Rê-đút-ca-lơ, nhưng vì ở đây không có bến đỗ an toàn cho tàu thủy, nên Ô-me-rơ-pa-sa đã chọn Xu-khum Ca-lơ, nơi đây có bến đỗ tốt hơn cho tàu thủy và đường thuận tiện hơn trên bờ biển. Chúng

ta sẽ nhanh chóng biết xem việc bắt đầu một hành động quan trọng vào mùa này trong năm có tỏ ra quá muộn hay không.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 19 tháng Mười 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4538, ngày 5 tháng Mười một 1855

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN ĐỘI NGA

Khi các cường quốc phương Tây và Nga tuyên chiến với nhau thì báo chí Anh - Pháp nêu ý kiến cho rằng Nga sẽ không cảm thấy thiếu lính, nhưng sẽ nhanh chóng cảm thấy thiếu tiền. Họ tính toán rằng những khó khăn về tài chính sẽ làm yếu quân đội và gây trở ngại cho việc điều động mấy triệu binh sĩ ấy mà, nghe nói, nước Nga có thể đưa ra bất cứ lúc nào để chống lại kẻ thù của mình. Trên thực tế đã xảy ra những gì? Tuy rằng trên hình thức Nga đã bị đuổi khỏi các cơ sở giao dịch lớn ở châu Âu, nó vẫn vay được tiền không khó khăn gì²⁹³; tiền giấy của nó, tuy phát hành bổ sung nhiều lần vẫn không sụt giá; quân lính Nga khi hành quân đã nhận được lương thực và các phương tiện vận tải của dân cư theo phương thức chỉ có thể áp dụng được ở một nước nông nghiệp thuần túy. Tuy các cảng của nó bị phong tỏa, cho tới nay nó vẫn có thể tránh được những đá ngầm về tài chính và các nhà thông thái ở Luân Đôn quả quyết chắc chắn là nó sẽ đung phải. Còn nói về nguồn dự trữ nhân lực không bao giờ cạn thì sự thực hoàn toàn khác. Trong khi Anh, bằng cách tuyển mộ lính tình nguyện ở trong và ngoài nước, đã dần dần nâng số lượng quân đội của mình ở Crum lên bốn vạn người, còn Pháp chỉ trong năm nay đã gọi 14 vạn chứ không phải 8 vạn người và đã có thể phái sang phương Đông một đạo quân thậm chí quá đông đối với những hoạt động mà nó có thể giao phó cho Pê-li-xi-ê, - thì Nga đã đạt được những gì? Ở tất cả các khu vực tiến hành tuyển quân

đã công bố hai đợt tuyển quân phổ biến, trong mỗi đợt, tính đại thể, cứ 1 000 nam giới thì lấy 10 người, sau đó lại có đợt tuyển quân phổ biến để tuyển vào dân quân; cứ 1 000 người nam giới lấy 23 người, và hiện nay đã ra lệnh tiến hành một đợt tuyển quân phổ biến mới để tuyển vào quân nòng cốt: cứ 1 000 người nam giới lấy 10 người. Tuyển quân thời kỳ trung bình cứ 1 000 nam giới lấy khoảng 5 người đối với một nửa phần đế quốc, trong khi đó nửa kia sẽ cung cấp tân binh vào năm sau. Như vậy, con số tuyển quân trung bình hằng năm trên toàn bộ đế quốc (dĩ nhiên) trừ các tỉnh không tiến hành tuyển quân, là cứ 1 000 nam giới lấy 2,5 người. Nhưng hai năm chiến tranh đã buộc tiến hành tuyển quân cả thảy là 53 người trong 1 000 nam giới hay là khoảng 2,5% toàn bộ nhân khẩu cả nam lẫn nữ. Đủ thấy, trong hai năm qua số quân tuyển hàng năm đã vượt 10 lần số tuyển quân bình thường trong thời bình. Nếu giả định rằng Pháp gọi nhập ngũ, trong hai năm chiến tranh, cả thảy 30 vạn người - không nghi ngờ gì nữa, con số này vượt con số thực tế - thì sẽ chiếm tỷ lệ 1/120 trong 2 năm hay là 1/240 mỗi năm trên tổng số 36 triệu nhân khẩu, nghĩa là vừa vặn bằng 1/6 số quân mà nước Nga buộc phải gọi nhập ngũ. Thật vậy, thời bình, ở Nga, mỗi năm có khoảng 1/900, còn ở Pháp có khoảng 2/900 nhân khẩu được gọi làm nghĩa vụ quân sự. Nhưng vì thời gian phục vụ ở Nga vượt thời hạn phục vụ ở Pháp hơn hai lần, nên tình hình đó là hoàn toàn bằng nhau.

Từ mọi phía, chúng tôi nghe thấy nói rằng ở Nga đã cảm thấy ảnh hưởng của việc không ngừng rút bớt lao động nam giới, trong khi đó ở Pháp hầu như không cảm thấy ảnh hưởng ấy. Theo tin tức thì ở Ba Lan chẳng hạn, đã cảm thấy thiếu lao động trong công việc đồng áng; một bằng chứng khác của sự thật này là sự bất bình lớn của quý tộc trước sự thể họ thường bị rút mất bộ phận quý giá nhất trong số nông nô thuộc quyền sở hữu của họ. Việc cử một quý tộc hiền hách Lan-xcôi làm bộ trưởng Bộ nội vụ, và thông tri của ông ta gửi giới quý tộc báo tin hoàng đế A-lếch-xan-đơ đã bảo đảm, bằng một pháp lệnh đặc biệt, mọi quyền lợi và đặc quyền của quý tộc²⁹⁴, - đã chứng tỏ rằng triều đình lo lắng đến mức nào về những triệu chứng của sự bất bình đó trong bọn chủ nông nô.

Nhưng đặc điểm đáng ngạc nhiên nhất của những đợt tuyển quân hay lập lại đó là trên thực tế chúng chỉ tăng cho quân đội một số lượng không lớn lắm. Nếu giả định rằng tổng số nhân khẩu nam giới thuộc diện tuyển quân là 22 triệu - con số đó không nghi ngờ gì nữa, bị hạ thấp - thì trong hai năm sẽ tuyển quân nòng cốt không dưới 66 vạn người và vào dân quân không dưới 56 vạn. Thực ra, dân quân chỉ được động viên cục bộ có thể được ước tính là 20 vạn; như vậy số lao động nam giới thực tế bị rút đi là khoảng 86 vạn người. Số binh sĩ thuộc ngành hậu bị giải ngũ trong 5 hoặc 10 năm cuối cùng của thời hạn phục vụ của họ và đã được gọi nhập ngũ trước khi nổ ra chiến tranh, cũng có thể được tính vào con số trên; nhưng vì phần lớn số họ đã được gọi nhập ngũ từ năm 1853, nên ở đây chúng tôi không tính.

Tuy có số quân dự bị để thành lập các tiểu đoàn 5 và 6 trong mỗi trung đoàn bộ binh, tuy có 66 vạn tân binh được biên chế một phần vào bốn tiểu đoàn nòng cốt đầu tiên của mỗi trung đoàn và một phần vào các tiểu đoàn hậu bị đợt hai mới được thành lập (tiểu đoàn 7 và 8) của những trung đoàn ấy, nhưng nhiều đơn vị quân đội còn xa mới đủ quân số theo biên chế. Một bằng chứng hết sức lý thú về mặt này là lệnh của tư lệnh Quân đoàn phương Nam, tướng Li-đéc-xơ, ban ra ở Ni-cô-la-ép. Ông ta tuyên bố rằng theo lệnh của cấp tối cao, 23 đru-giur-na^{1*} dân quân (23 000 người) thuộc vào Quân đoàn phương Nam phải được biên chế vào các trung đoàn nòng cốt và được bổ sung vào các tiểu đoàn 3 và 4 của mỗi trung đoàn. Nhưng biện pháp này chỉ có thể có nghĩa là các trung đoàn tạo thành Quân đoàn phương Nam đã bị giảm quá nhiều quân số, đại bộ phận binh sĩ tiểu đoàn 3 và 4 đã phải chuyển sang các tiểu đoàn 1 và 2, còn vị trí của họ thì do các binh sĩ thuộc dân quân lấp vào. Nói cách khác, trước khi được dân quân bổ sung về quân số thì bốn tiểu đoàn của các trung đoàn ấy vị tất đã bằng hai tiểu đoàn đủ biên chế. Nếu sự giảm sút đó xảy ra trong một đạo quân mà đại bộ phận của nó chưa gặp địch bao giờ, và chưa một đơn vị nào của nó tác chiến kể từ trận Xi-li-xơ-ri, thì thiệt hại của Crum và châu Á phải lớn đến chừng nào! Thực trạng của

^{1*} Từ "дружина" là chữ Nga, Ăng-ghen viết bằng các chữ cái la-tinh.

quân đội Nga đột nhiên hiện ra trước chúng tôi. Nó cho phép chúng tôi đánh giá thiệt hại mà quân Nga đã gánh chịu, và điều đó giải thích cho chúng tôi biết tại sao hai phần ba triệu binh sĩ được bổ sung vào quân đội lại không đem lại cho nó sự tăng thêm rõ rệt về quân số.

Nhưng cái gì đã gây ra những thiệt hại to lớn không tương xứng ấy? Một là, những cuộc di chuyển dài mà tân binh phải tiến hành từ nơi cư trú đến các thị xã chính, rồi đến trạm phân phối và sau cùng, đến trung đoàn của mình, chưa kể đến những cuộc hành quân mà sau đó họ phải tiến hành với trung đoàn của mình. Đối với tân binh, hành quân gấp từ Péc-mơ đến Mát-xcơ-va, từ Mát-xcơ-va đến Vin-nô và, sau hết, từ Vin-nô đến Ô-đét-xa hoặc Ni-cô-la-ép, đâu phải là chuyện giản đơn. Nếu những cuộc hành quân gấp không bao giờ chấm dứt đó lại được tiến hành theo ý muốn tối cao của một con người như Ni-cô-lai, một con người quy định chuẩn xác cả giờ đến lẫn giờ đi và trừng phạt bất cứ sự vi phạm mệnh lệnh nào; nếu các lữ đoàn, sư đoàn, quân đoàn bị xua vội từ đầu này đến đầu kia của đế quốc, không đếm xia đến biết bao nhiêu người bị rút lại phía sau vì ốm đau và mệt mỏi; nếu từ Mát-xcơ-va đến Pê-rê-cốp phải được tiến hành như một cuộc hành quân gấp thông thường mà ở nước khác thì không nơi nào và không bao giờ phải kéo dài quá hai ngày - thì những thiệt hại to lớn đã tìm được sự giải thích rồi. Còn phải thêm vào sự căng thẳng quá mức về thể lực của binh sĩ cả sự hỗn loạn không tránh khỏi phát sinh do sự quản lý tồi, như mọi người đều biết, ở tất cả các khâu của ngành quân sự Nga, đặc biệt là ngành quân nhu. Cũng cần chú ý đến phương pháp cung cấp cho binh lính khi hành quân, một sự cung cấp được thực hiện cố hết sức dựa vào dân cư các khu vực nằm trên đường hành quân. Khi tổ chức được tốt thì phương pháp ấy hoàn toàn thích hợp ở một nước thuần túy nông nghiệp; nhưng nó không thể đem lại những kết quả cần có và gây ra những khó khăn rất lớn ở những nơi - như nước Nga - mà ngành quân nhu và các viên chỉ huy vợ bầm do tham ô một phần số dự trữ nhận được của nông dân. Sau hết, phải tính đến những tính toán sai lầm lớn không tránh khỏi xảy ra ở một nơi mà các quân đoàn rải ra trên một

không gian lớn như vậy lại phải vận động theo mệnh lệnh phát ra từ một trung tâm thống nhất, hơn nữa người ta lại đòi hỏi các quân đoàn đã chấp hành những mệnh lệnh ấy với sự chuẩn xác của bộ máy đồng hồ, khi mà tất cả những tiền đề được lấy làm cơ sở cho những mệnh lệnh ấy lại sai lầm và vô căn cứ. Không phải gương và đạn của địch, không phải bệnh tật là điều không sao tránh khỏi ở nhiều nơi tại miền Nam Nga - thậm chí không phải sự cần thiết của những cuộc hành quân kéo dài đã tàn phá mãnh liệt hàng ngũ quân đội Nga, mà chính là những điều kiện đặc thù trong đó binh sĩ Nga được gọi nhập ngũ, được huấn luyện, hành quân, luyện tập, ăn, mặc, ở, chịu sự chỉ huy và chiến đấu - là nguyên nhân của sự thật đáng sợ sau đây: hầu như toàn bộ số quân Nga đã từng tồn tại năm 1853, đã biến mất mà không buộc được địch quân gánh chịu một phần ba số thiệt hại mà bản thân nó phải chịu.

Mệnh lệnh gần đây của tướng Li-đéc-xơ cũng đáng được chú ý về một phương diện khác. Nó công khai thừa nhận rằng dân quân hoàn toàn chưa sẵn sàng chiến đấu chống kẻ thù. Mệnh lệnh ấy khuyên cựu binh chớ nên cười tân binh và đừng coi thường họ về sự vụng về của họ trong đội ngũ; mệnh lệnh đó thừa nhận rằng tân binh hầu như chưa được huấn luyện về chiến đấu, và đã có sửa lại ít nhiều điều lệnh chiến đấu, những sửa đổi này, xem ra, đã được hoàng đế hoàn toàn tán thành. Chớ nên gây ra sự “chán ghét” trong binh sĩ bằng lối huấn luyện vô ích kiểu duyệt binh; chỉ nên huấn luyện cho họ những động tác tối cần thiết: sử dụng súng, nạp đạn, ngắm mục tiêu, bắn vào mục tiêu, vận động thành đội hình hàng dọc và đội hình tán khai - tất cả những điều còn lại đều bị tuyên bố là lối huấn luyện vô ích kiểu duyệt binh. Như thế là viên tướng Nga, được sự tán thành trực tiếp của hoàng đế, đã chỉ trích hai phần ba toàn bộ điều lệnh huấn luyện của quân Nga như là điều ngu xuẩn vô ích chỉ gây ra cho binh sĩ thái độ chán ghét đối với nghĩa vụ của họ; mà điều lệnh này lại chính là thành tựu mà cố hoàng đế Ni-cô-lai đặc biệt lấy làm tự hào!

Ở bất cứ nước nào khác, “những lính trẻ”, mà mỗi động tác và bước đi đều gây ra, như người ta vẫn thấy, những trận cười

rộ của đồng đội của họ, đều không được coi là tân binh. Họ đã ở trong quân ngũ 6 đến 10 tháng mà vẫn vụng về như khi họ vừa mới rời chiếc cày. Không thể viện cớ rằng những cuộc hành quân dài không dành cho họ thời gian để huấn luyện. Trong những chiến dịch cuối cùng của mình, Na-pô-lê-ông đã biên chế tân binh, sau hai tuần huấn luyện, vào các tiểu đoàn tương ứng, rồi phái họ sang Tây Ban Nha, sang I-ta-li-a, sang Ba Lan, họ được huấn luyện trong lúc hành quân, khi đang đi, cũng như khi hạ trại; khi họ được biên chế vào quân đội sau sáu hoặc tám tuần hành quân, họ đã có thể được coi là thích hợp với việc chấp hành nhiệm vụ. Không bao giờ Na-pô-lê-ông dành cho tân binh của mình quá ba tháng để trở thành người lính; thậm chí năm 1813 khi ông ta buộc phải lập một đạo quân mới, những cán bộ sĩ quan mới, v.v. ông ta đã đưa tân binh của mình đến chiến trường Dác-den sau ba tháng kể từ khi họ được đưa đến trạm phân phối; và kẻ thù của ông ta nhanh chóng biết rằng ông ta đã có thể làm được gì với những “tân binh thô thiển” ấy. Giữa khả năng thích ứng nhanh chóng của người Pháp và sự vụng về mu-gích của người Nga có sự khác nhau biết chừng nào! Một bằng chứng tốt biết bao về sự bất lực của các sĩ quan dân quân Nga! Tuy nhiên, Li-đéc-xơ khẳng định rằng hầu hết các sĩ quan ấy đã phục vụ trong quân đội và nhiều người trong số họ đã được gửi mùi thuốc súng.

Việc hạn chế công tác huấn luyện vào những động tác cần thiết nhất cũng nói lên rằng Li-đéc-xơ trông đợi gì ở lực lượng tăng viện mới của ông ta. Đội hình tán khai và vận động theo đội hình hàng dọc - đây là tất cả những gì mà người ta huấn luyện cho binh sĩ; không có triển khai chính diện, cũng không có chuyển đội hình hàng dọc thành đội hình hàng ngang. Thật vậy, binh sĩ Nga kém thích hợp nhất với việc vận động trong đội hình hàng ngang, cũng như hành động trong đội hình tán khai. Chỗ mạnh của họ là chiến đấu trong đội hình hàng dọc dày đặc, trong đội hình chiến đấu này những sai lầm nghiêm trọng của người chỉ huy gây ra sự rối loạn nhỏ nhất và không ảnh hưởng đến tiến trình chung của trận đánh và với đội hình này bản năng đoàn kết của khối quân chúng dũng cảm nhưng thụ động có thể lấp bù cho những sai sót ấy. Binh sĩ Nga, giống như những con ngựa hoang

trên thảo nguyên bị chó sói đuổi thường trụ lại thành một khối không định hình, khó cơ động, không thể điều khiển được, nhưng bám chắc được vị trí của mình; địch phải căng hết sức ra mới đánh tan được họ. Nhưng dù sao đi nữa, trong nhiều trường hợp vẫn cần đến đội hình hàng ngang, thậm chí quân Nga cũng dùng đến nó, tuy rất ít thấy. Người ta có thể trông mong gì ở một quân đội mà nói chung không biết triển khai đội hình hoặc vất vả lắm mới triển khai được đội hình, nhưng không thể chuyển thành đội hình hàng dọc mà lại không gây ra sự lộn xộn phổ biến?

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng tháng Mười một 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4548, ngày 16 tháng Mười một 1855

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUYỀN THỐNG CỦA ANH

Về chính sách đối ngoại của đảng Vích ở Anh người ta thấy có một lối nhìn hết sức sai lầm được lưu hành rộng rãi cho rằng họ tuồng như bao giờ cũng là kẻ thù không đội trời chung của nước Nga. Lịch sử chứng minh rõ ràng là ngược hẳn lại. Trong "Nhật ký và thư tín của Giêm-xơ Ha-rít, đệ nhất bá tước Man-mơ-xbê-ri" - cựu đại sứ Anh bên cạnh triều đình X.Pê-téc-bua trong mấy năm dưới thời đảng Vích cũng như đảng To-ri cầm quyền - và trong "Hồi ký và thư từ của Sác-lơ Giêm-xơ Phốc-xơ"²⁹⁵, do huân tước Giôn Rốt-xen xuất bản, chúng tôi phát hiện được những tài liệu khiến người ta phải kinh ngạc bóc trần chính sách của đảng Vích và Phốc-xơ, cho tới nay vẫn là quân sự chính trị cao cấp của đảng Vích, cô vũ và đề xướng; đảng Vích tôn sùng ông ta không kém gì người Thổ Nhĩ Kỳ tôn sùng Ma-hô-mét. Vì vậy, để hiểu được việc nước Anh bao giờ cũng xun xoe khúm núm trước nước Nga như thế nào, chúng tôi xin nhắc lại tóm tắt những sự kiện đã xảy ra trước khi Phốc-xơ tham gia nội các.

Qua nhật ký của bá tước Man-mơ-xbê-ri, chúng ta được biết là trong thời gian có cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ²⁹⁶, Anh đã cuống cuống ra sức gây sức ép ngoại giao đối với Nga như thế nào. Đại sứ Anh được ủy nhiệm bằng bất cứ giá nào cũng ký kết hiệp ước liên minh tấn công và phòng thủ với nước

Nga. Nữ hoàng ban đầu đã trả lời một cách lập lờ: Ê-ca-tê-ri-na cảm thấy bản thân từ “tân công” không được hoan nghênh; bà ta thấy cần chờ đợi sự phát triển sau này của các sự kiện. Cuối cùng nhà ngoại giao Anh mới hiểu rằng toàn bộ vấn đề là ở chỗ Nga muốn nhận được từ trước sự ủng hộ của Anh đối với kế hoạch chống Thổ Nhĩ Kỳ của mình; Ha-rít khuyên chính phủ mình nên khuyến khích tham vọng của Nga, nếu muốn bảo đảm cho mình sự viện trợ của Nga chống lại các thuộc địa ở châu Mỹ.

Năm sau, ngài Giêm-xơ Ha-rít đưa ra những đề nghị đã ôn hòa hơn; ông ta không cố đạt kỳ được liên minh với Nga nữa. Nước Anh thỏa mãn với sự phản kháng của Nga - một sự phản kháng được lực lượng hải quân hậu thuẫn - để có thể kìm hãm được Pháp và Tây Ban Nha. Nữ hoàng khi trả lời đã tuyên bố rằng bà ta không có đủ căn cứ để thi hành biện pháp đó. Đại sứ Anh thuyết phục với thái độ nịnh nọt và khúm núm:

“Chỉ có vị nữ vương Nga thế kỷ 17 mới có thể nói như vậy, nhưng từ đó nước Nga đã trở thành cường quốc lãnh đạo ở châu Âu, và lợi ích của châu Âu cũng là lợi ích của nó. Nếu Pi-e Đại đế trông thấy hạm đội Nga liên minh với hạm đội Anh thì ngài sẽ không còn cho mình là người đứng đầu trong hàng ngũ các vua chúa Nga nữa”.

- và cứ như thế cũng theo tinh thần ấy.

Nữ hoàng tỏ ý tán thưởng sự nịnh nọt ấy, nhưng cự tuyệt đề nghị của viên đại sứ. Hai tháng sau, ngày 5 tháng Mười một 1779, quốc vương Gioóc-giơ tự tay viết cho “bà chị” nữ hoàng một bức thư bằng thứ tiếng Pháp cổ. Ông ta không còn đòi kỳ được sự phản kháng chính thức nữa, mà sẽ tỏ ra hài lòng với một cuộc biểu dương lực lượng giản đơn.

“Chỉ riêng sự xuất hiện của một bộ phận của hạm đội của hoàng đế”, - quốc vương viết - “là đủ để khôi phục và giữ gìn nền hòa bình ở châu Âu; liên minh chống Anh đã thành lập sẽ lập tức tiêu tan”.

Có bao giờ xảy ra chuyện một đại cường quốc tự hạ mình xin viện trợ như thế không?

Nhưng tất cả những lời nịnh nọt đó của Anh đều không đạt được mục đích, và năm 1780, Nga tuyên bố lập trường trung lập được vũ trang. Anh đã ngậm bồ hòn làm ngọt. Để giảm vị đắng

của nó, Chính phủ Anh đã tuyên bố trước rằng các tàu buôn của Nga sẽ không bị tàu tuần dương Anh chặn lại hoặc bắt giữ. Như thế là Anh đã từ bỏ quyền kiểm soát tàu nước ngoài mà chẳng có sức ép nào. Chẳng bao lâu sau đó, nhà ngoại giao Anh lại bảo đảm với nội các X.Pê-téc-bua rằng tàu chiến Anh sẽ không gây trở ngại gì cho hoạt động buôn bán của thần dân của nữ hoàng; còn năm 1781 thì ngài Giêm-xơ Ha-rít đã ghi công lao cho đội hải quân Anh về chỗ nó giả vờ không trông thấy tàu Nga thường xuyên chở các vật tư hàng hải cho các nước thù địch của Anh và mỗi lần những tàu ấy bị chặn lại hoặc bị giữ do nhầm lẫn thì bộ hải quân đều trả những khoản bồi thường khảng khái vì sự bắt giữ ấy. Nội các Anh đã sử dụng mọi thủ đoạn để thuyết phục Nga từ bỏ sự trung lập. Chẳng hạn, huân tước Xtooc-môn đã viết cho đại sứ Anh ở X.Pê-téc-bua:

“Nên chẳng cần có sự tác động vào đầu óc hiểu danh của vị nữ hoàng, nhận nhượng cho bà ta một cái gì đó quan trọng hoặc cái gì có lợi cho hạm đội và nền thương mại của bà ta, để thúc đẩy bà ta viện trợ cho chúng ta chống lại các thuộc địa nổi loạn của chúng ta hay không?”

Ha-rít trả lời rằng việc nhượng đảo Mi-noóc-ca có thể là miếng mồi đó. Năm 1781, Mi-noóc-ca quả thực đã được đề xuất với Ê-ca-tê-ri-na, nhưng tặng phẩm ấy đã bị từ chối.

Tháng Ba năm 1782, Phốc-xơ tham gia nội các và tuyên bố ngay với đại sứ Nga ở Luân Đôn rằng Anh chuẩn bị bắt đầu đàm phán với Hà Lan là nước mà nội các trước đã tuyên chiến dựa trên hiệp ước năm 1674²⁹⁷, trong đó có thừa nhận sự tự do đi lại của tàu biển và tự do buôn bán, rằng Anh dự định ký ngay hiệp định đình chiến. Phốc-xơ đã chỉ thị cho Ha-rít giới thiệu biện pháp ấy như là bằng chứng của sự coi trọng của quốc vương đối với nguyện vọng và ý kiến của nữ hoàng. Nhưng Phốc-xơ không chỉ bó hẹp ở đó. Trong một phiên họp của các bộ trưởng đã quyết định đề nghị lên quốc vương để ngài gợi ý với đại sứ Nga, mà dinh thự của ông ta ở gần hoàng cung, rằng hoàng thượng muốn hiểu rõ thêm ý đồ của nữ hoàng và đặt quan hệ mật thiết nhất với triều đình X.Pê-téc-bua, lấy bản tuyên ngôn trung lập làm cơ sở cho hiệp định giữa hai nước.

Chẳng bao lâu sau, Phốc-xơ từ chức. Người kế chân ông ta, huân tước Gran-tam xác nhận rằng quan hệ tương đối thiện chí của X.Pê-téc-bua đối với Luân Đôn là kết quả chính sách của Phốc-xơ; và khi Phốc-xơ lại tham gia nội các, ông ta nêu lên ý kiến rằng liên minh với các cường quốc phương Bắc là chính sách của mỗi một người Anh có giáo dục, và phải thi hành nhất quán chính sách ấy. Trong một bức thư gửi cho Ha-rít, ông ta nhắc rằng tình hữu nghị với triều đình X.Pê-téc-bua có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Anh và tuyên bố rằng trong thời kỳ tại chức ngắn ngủi đầu tiên trong chính phủ, ông ta đã theo đuổi mục đích hết sức cao cả là chứng minh với nữ hoàng rằng nội các Anh hết sức chân thành, cố gắng tuân theo ý kiến của ngài và tranh thủ sự tín nhiệm của ngài. Phốc-xơ đã dốc hết sức mình để đạt được sự liên minh với Nga. Ông ta thuyết phục quốc vương viết thư cho nữ hoàng và yêu cầu nữ hoàng có sự chú ý thiện chí đến tình hình của Anh.

Năm 1791, Phốc-xơ, bấy giờ ở phe đối lập, đã tuyên bố tại nghị viện:

“Thật là điều lạ lùng khi tại nghị viện Anh người ta thấy có ý kiến nói đến sự phát triển thực lực của Nga như là cái gì gây ra sự lo lắng. Hai mươi năm trước, Anh đã dẫn tàu Nga vào Địa Trung Hải. Ông ta (Phốc-xơ) khuyên quốc vương đừng cản trở việc sát nhập Crum vào nước Nga. Anh ủng hộ Nga trong ý đồ của Nga xây dựng sự vĩ đại của mình trên cảnh đổ nát của Thổ Nhĩ Kỳ. Tô ý ghen tức trước thực lực ngày càng tăng lên của Nga trên Hắc Hải là không sáng suốt”.

Cũng trong những cuộc tranh luận đó, Biéc-cơ bấy giờ thuộc đảng Vích đã chỉ rõ:

“Coi Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ là bộ phận hợp thành của thế cân bằng ở châu Âu là điều kỳ quặc”.

Những quan điểm như thế đã được Biéc-cơ - tất cả các đảng phái ở Anh đều công nhận ông ta là kiểu mẫu cho các nhà hoạt động nhà nước Anh - phát biểu ngày một thường xuyên hơn và kiên quyết hơn cho đến hết đời hoạt động chính trị của mình; sau đó những quan điểm ấy đã được sự ủng hộ của một lãnh tụ nổi tiếng của đảng Vích kế thừa địa vị lãnh đạo trong đảng.

Trong thời kỳ cầm quyền những năm 1831 và 1832, huân tước Grây, lợi dụng cuộc thảo luận về chính sách đối ngoại, đã bày tỏ niềm tin tưởng rằng việc Đế quốc Nga thôn tính Thổ Nhĩ Kỳ là có lợi cho bản thân Thổ Nhĩ Kỳ và góp phần vào sự phồn thịnh của châu Âu. Phải chăng nước Nga hồi bấy giờ không đã man bằng nước Nga hiện nay, như người ta mô tả với chúng ta? Phải chăng bấy giờ nó là một quốc gia chuyên chế chưa đến nỗi ghê tởm như các đảng viên Vích hiện đại mô tả? Nhưng các nhà hoạt động nhà nước của phái tự do Anh vẫn cứ không những xun xoe, cầu xin liên minh với nó, mà còn thúc giục nó thực hiện chính những âm mưu mà hiện nay đang bị người ta lên án gay gắt.

Do C.Mác viết khoảng 28 tháng Chạp 1855

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4597, ngày 12 tháng Giêng 1856

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH Ở CHÂU Á

Dần dần chúng tôi biết được những tình tiết về sự thất thủ Các-xơ²⁹⁸ và hiện giờ thì những tình tiết ấy đã hoàn toàn chứng thực tất cả những điều mà chúng tôi đã nhiều lần nói về tình hình của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Tiểu Á. Hiện nay không còn có thể phủ nhận sự thật là đạo quân ấy đã bị tan rã do sự trễ nải của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và sự thống trị vô hạn của tính lười biếng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, do thuyết định mệnh và sự ngu xuẩn. Không những thế, những sự thực đã phát hiện nay hoàn toàn đủ để chứng minh rằng thậm chí sự phản bội trực tiếp, hiện tượng thường thấy ở Thổ Nhĩ Kỳ, đã đóng vai trò không nhỏ trong sự thất thủ Các-xơ.

Ngay khi bắt đầu chiến dịch năm ngoái, chúng tôi đã có thể kể với bạn đọc tình cảnh tuyệt vọng của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Éc-de-rem và Các-xơ và những vụ ăn cắp lớn đã gây ra tình cảnh đó. Để phòng thủ cao nguyên Ác-mê-ni-a, người ta đã tập trung hai quân đoàn Tiểu Á và Mê-dô-pô-ta-mi và một bộ phận của quân đoàn Xi-ri. Những quân đoàn này đã được tăng cường bởi các rê-đíp của mình, tức là các tiểu đoàn dự bị, và tạo thành hạt nhân của nhiều đội quân phi chính quy gồm người Cuốc-đơ và Bê-đu-in. Nhưng bốn hoặc năm trận thất bại trong năm 1853 và 1854, bắt đầu từ trận đánh ở gần A-khan-xích cho đến trận đánh ở gần Bai-a-dét, đã làm tan rã tinh thần đoàn kết và tinh thần chiến đấu của đạo quân ấy, còn sự thiếu thốn về quân trang và lương thực trong

những tháng mùa đông đã hoàn toàn tiêu diệt nó. Một đám những người lưu vong Hung-ga-ri và Ba Lan đủ màu sắc, trong đó có những tay phiêu lưu và những người hoàn toàn đáng kính trọng, đã tập hợp trong bộ tham mưu của đạo quân này, tuy họ không giữ một chức vụ chính thức nào. Dưới con mắt của bọn pa-sa ngu dốt hay ghen tị và nham hiểm, bọn phiêu lưu được coi là những chuyên gia bậc nhất, còn những người thực sự có ích trong số những người lưu vong ấy lại bị đối xử như bọn phiêu lưu; kết quả là sự hoành hành thực sự của đầu óc mưu cầu danh lợi và của các âm mưu làm mất uy tín của toàn bộ những người lưu vong và xóa sạch hầu như mọi dấu vết ảnh hưởng của họ. Sau đó các sĩ quan Anh đến, họ được đón tiếp với thái độ rất tôn trọng như nghĩa vụ lễ nghi đối với một chính phủ đồng minh đòi hỏi, và đó là điều tự nhiên trong tình hình các sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ bất lực tột bậc. Nhưng ý đồ của các sĩ quan ấy là định nâng lên một trình độ nào đó tinh thần chiến đấu của đội quân đang tác chiến ở Ác-mê-ni-a, cũng không thành công. Với những cố gắng của mình, đôi khi họ cũng có thể nhất thời kéo một pa-sa nào đó ra khỏi tình trạng nằm ý hoàn toàn, tranh thủ được việc cấu trúc những công sự phòng ngự cần thiết nhất ở Các-xơ, đôi khi ngăn ngừa được một vụ tham ô gây ra sự căm phẫn, thậm chí một vụ bí mật thông đồng với địch - nhưng tất cả chỉ có thể thôi. Mùa xuân năm ngoái, khi tướng Uy-li-am-xơ đốc sức tạo cho Các-xơ số dự trữ lương thực tối cần thiết thì bao giờ ông ta cũng vấp phải trở ngại. Ngành quân nhu Thổ Nhĩ Kỳ không tính đến khả năng bị vây và không chuẩn bị lừa ngựa để vận chuyển những đồ dự trữ. Khi phát hiện có đủ lừa thì họ lại cho rằng dùng lừa để chuyển vật phẩm của vua Thổ Nhĩ Kỳ là xúc phạm đến ngài v.v.. Kết quả là Các-xơ, thành trì của Ác-mê-ni-a ấy, ở cách cứ điểm Gum-ri của Nga có hai ngày đường, trên thực tế hoàn toàn không có tí lương thực nào và buộc phải kiếm thức ăn ở vùng lân cận. Về đạn dược thì tình hình cũng vậy. Sau cuộc tấn công do quân Nga tiến hành ngày 29 tháng Chín đạn dược cho pháo binh chỉ còn đủ cho ba ngày, tuy cần nhớ rằng cuộc vây đánh trên thực tế chưa diễn ra - ngày 29 tháng Chín là ngày duy nhất có chiến đấu thực sự trong suốt thời gian phong tỏa. Trong các hầm thuốc men

gửi cho quân đội đều chứa mọi thứ cũ kỹ, còn các phẫu thuật viên khi muốn dò vết thương và cưa chân tay thì lại được người ta gửi đến các dụng cụ đỡ đẻ từ Công-xtăng-ti-nô-plơ!

Đây là tình hình ở Các-xơ. Nếu quân phòng thủ, gồm quân lính A-na-tô-li đã mất tinh thần, có thể chống cự quyết liệt như thể trong ngày 29 tháng Chín với những phương tiện thiếu thốn như vậy và sau đó lại giữ vững được lâu như vậy bất chấp cái đói, thì đây cũng là một trong những sự kiện gỡ thế diện của lịch sử Thổ Nhĩ Kỳ, những sự kiện này có đầy rẫy trong cuộc chiến tranh hiện nay. Chính cái thuyết định mệnh đã đưa tầng lớp trên vào sự thờ ơ và không hoạt động gì thì lại đã sản sinh ra sự chống cự ngoan cường trong quân chúng. Đây là tàn dư cuối cùng của cái tinh thần thượng võ nhờ nó mà ngọn cờ Hồi giáo đã từng được chuyển từ Méc-cơ đến Tây Ban Nha và chỉ bị chặn lại ở Pua-a-chi-ê²⁹⁹. Sức mạnh tấn công của nó không còn nữa, nhưng dấu vết khả năng phòng thủ của nó vẫn được duy trì. Tinh thần chống cự ngoan cường phía sau tường lũy của cứ điểm là đặc điểm điển hình của quân Thổ Nhĩ Kỳ; giải thích tinh thần ngoan cường đó bằng sự có mặt của sĩ quan người Âu ở đây là một sai lầm lớn. Nếu họ có mặt ở Các-xơ và Xi-li-xtơ-ri năm 1854 và 1855 thì họ không có mặt ở Vác-na, ở Brai-lốp, ở Xi-li-xtơ-ri năm 1829, khi đó cũng đã có được những chiến công anh hùng³⁰⁰. Trong những điều kiện đó các sĩ quan người Âu chỉ có thể uốn nắn sai lầm, củng cố lô cốt cố thủ, đem lại sự thống nhất trong hệ thống phòng ngự, ngăn ngừa cuộc phản bội trực tiếp. Nhưng tinh thần dũng cảm của cá nhân binh sĩ trước sau vẫn như thế, không tùy thuộc vào sự có mặt của người Âu; tinh thần ấy cũng không thiếu ở Các-xơ, ngay cả trong số các đội quân bị tan rã về tổ chức của đạo quân A-na-tô-li hầu như hoàn toàn tan rã.

Ở đây chúng ta phải đánh giá công lao của các sĩ quan Anh đã có vai trò quan trọng trong công cuộc phòng thủ Các-xơ và hiện đang là tù binh ở Ti-phlít. Không nghi ngờ gì nữa, họ đã làm được rất nhiều để chuẩn bị phương tiện đề kháng, công lao trong việc củng cố phòng thủ thành phố và cung cấp cho thành phố tất cả những gì có thể cung cấp được, đều hoàn toàn thuộc về họ, họ đã khắc phục được trạng thái nằm im ngái ngủ của các pa-sa và họ đã chỉ

huy trận phòng ngự ngày 29 tháng Chín. Nhưng thật là điều phi lý nếu dành cho họ, như báo chí Anh hiện nay đang làm, tất cả niềm vinh quang của thắng lợi ngày 29 tháng Chín và của toàn bộ cuộc phòng ngự và mô tả họ như là một nhóm những anh hùng bị những người Thổ Nhĩ Kỳ nhát gan bỏ rơi vào giờ phút hiểm nghèo trong khi họ hy sinh thân mình cho những người này. Còn nói rằng trong lúc diễn ra cuộc cường tập, họ đứng ở hàng đầu các chiến sĩ, thì chúng tôi không có ý định cải chính điều đó. Bản tính người Anh rất ngổ ngáo, cho nên sĩ quan Anh mắc sai lầm lớn nhất và thường thấy nhất trong chiến đấu, chính là ở chỗ họ quên mất chức trách người chỉ huy của mình và chiến đấu như người lính thường. Họ hành động như vậy với sự tin tưởng rằng sự hoan hô nhiệt liệt của đồng bào họ đang chờ đợi họ, song như trong bất cứ quân đội nào khác, trong trường hợp ấy họ có nguy cơ bị giáng cấp, vì không tự chủ được mình. Nhưng mặt khác, binh sĩ Thổ Nhĩ Kỳ đã quen nhìn thấy các sĩ quan của mình chạy trốn sự hiểm nguy, nên trong lúc chiến đấu hăng họ ít nghĩ đến các sĩ quan hoặc đến mệnh lệnh, mà cứ gặp đâu đánh đấy; dù sao đi nữa họ cũng không phải là những con người có thể chú ý đến sự thể là bên cạnh mình có nửa tá người Anh đang hết sức tỏ ra anh dũng và họ lại càng không vì thế mà hăng lên. Về binh đồ công sự ở Các-xơ đã được vẽ sai hoàn toàn, thì chúng tôi đã nêu lên tí mĩ điều đó ngay ngày hôm sau khi nhận được tin tức về cuộc cường tập ngày 29 tháng Chín, và sự phán đoán của chúng tôi nêu lên lúc bấy giờ đã được binh độ chính thức về các công sự ấy, do Chính phủ Anh công bố, hoàn toàn xác nhận. Do đó, có thể đánh giá công lao của các sĩ quan Anh ở Các-xơ theo tinh thần câu ngôn ngữ Pháp: “Ở xứ mù thẳng chột làm vua”. Nhiều người trong số những người chưa trau dồi đủ tri thức để đỡ khi thì thiếu úy ở Pháp lại có thể được coi là đại tướng ở Đông Dương; nếu các sĩ quan Anh nổi tiếng ở nước mình vì hoàn toàn không thành thạo nghề nghiệp của mình, thì vị tất có thể trông chờ là khi phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ họ lại có thể đột nhiên biến thành những tài năng quân sự có tri thức sán lạn. Cá nhân chúng tôi cho rằng Cmê-ti cũng đáng ca tụng không kém gì tất cả những người khác đã tham gia phòng ngự Các-xơ.

Tình hình ở Các-xơ là như vậy, còn trong khi đó ở Éc-de-rum đã xảy ra những gì? Chẳng một tá pa-sa già dùng thời gian vào việc hút thuốc bằng những chiếc tẩu của họ, hoàn toàn không nhận thức được rằng họ còn gánh một trách nhiệm nào đó, rằng Các-xơ đang lâm vào tình cảnh nghiêm trọng, rằng kẻ địch ở cách đó mấy ngày đường, về phía bên kia dãy đồi Đe-vơ - Bôi-un. Mấy ngàn binh sĩ chính quy, kèm theo một số ít đơn vị không chính quy, cứ hết tiền lại lùi, không một lần dám tấn công địch và rút lui ngay khi vừa phát hiện ra các trạm tiền tiêu của nó, không có lực lượng, cũng không có dũng khí chi viện cho Các-xơ, do đó thành phố này bị đói, còn quân đội Éc-de-rum không dám tiến hành dù chỉ là một hành động phô trương để chi viện cho Các-xơ. Tướng Uy-li-am-xơ chắc biết rõ rằng ông ta không thể trông đợi gì có được sự chi viện từ phía ấy. Nhưng ông ta đã nhận được những báo cáo gì về sự di động thành công của Ô-me-rơ-pa-sa, và người ta đã hứa với ông ta những gì - thì về điều đó chúng tôi không có tài liệu. Có tin đồn rằng Uy-li-am-xơ đã quyết định là trong trường hợp bất đắc dĩ sẽ đưa đội quân phòng thủ chọc thủng hàng ngũ quân đội Nga, song chúng tôi hoài nghi rằng kế hoạch đó đã được suy nghĩ nghiêm chỉnh. Địa hình rừng núi, với rất ít đường mòn có thể dẫn đến Éc-de-rum, đã tạo ra mọi điều kiện có lợi cho quân Nga; nếu quân Nga chốt mấy đường hẻm ở đây thì kế hoạch này không thể thực hiện được. Thêm vào đó, tại một khu vực ở độ cao 5 - 8 nghìn mét so với mặt biển, mà tại đó mùa đông đến rất sớm và kéo dài từ 6 đến 9 tháng, thì từ cuối tháng Mười việc điều động quân lính không thể tiến hành được. Nếu Các-xơ có thể đứng vững đến mùa đông thì con số thiệt hại của đội quân phòng thủ là 6 000 quân chính quy sẽ không có ý nghĩa gì so với việc tranh thủ được thời gian nhờ cuộc phòng ngự lâu dài. Éc-de-rum, nơi tập trung mọi dự trữ chiến tranh của Thổ Nhĩ Kỳ ở Ác-mê-ni-a, hầu như không có công sự, việc tranh thủ được thời gian sẽ bảo đảm cho nó có được sự an toàn cho đến tháng Năm 1856; đồng thời lợi thế thực sự mà quân Nga thu được thì trên thực tế chỉ hạn chế ở sự chiếm lĩnh được những địa điểm dân cư ở trên bờ sông Các-xơ-sai và ở thượng lưu sông A-rắc-xơ, và không một địa điểm nào trong số những địa điểm này lại có thể

đoạt lại được từ tay quân Nga, ngay cả nếu quân phòng thủ Các-xơ thọc được đến Éc-de-rum. Éc-de-rum hầu như không được bố phòng, và nếu đội quân phòng thủ Các-xơ đến được Éc-de-rum vào giữa tháng Mười thì vẫn không có đủ lực lượng để giữ vững nó. Với tính cách thành phố bị bỏ ngỏ nó chỉ có thể được bảo vệ ở Đe-vơ-Bôi-un, đón đánh ở phía trước thành phố, trong khe núi. Như vậy, Éc-de-rum sẽ được cứu vãn nhờ sự chống giữ của đội quân phòng thủ Các-xơ.

Lại nảy ra câu hỏi: liệu Ô-me-rơ-pa-sa có cứu được Các-xơ không, và hầu như mỗi phóng viên người Âu ở phương Đông đều trả lời câu hỏi ấy theo ý mình. Thậm chí hiện nay người ta còn định buộc cho Ô-me-rơ-pa-sa tất cả tội lỗi để thất thủ Các-xơ, và những mưu toan ấy lại phát sinh từ chính những giới trước đây không lâu còn tìm mọi cách ca ngợi ông ta. Trước hết cần chú ý rằng trên thực tế, Ô-me-rơ-pa-sa bị người ta giữ lại ở Crum, trái với ý muốn của ông ta, cho đến khi đã quá muộn để có thể tiến hành, vào trước mùa đông, một hành động quy mô tương đối lớn nào đó. Sau đó, khi ông ta đến Công-xtăng-ti-nô-plơ để xác định kế hoạch tác chiến của mình, thì ông lại phải lãng phí thời gian vào cuộc đấu tranh với đủ thứ âm mưu. Sau hết, khi mọi thứ đã sẵn sàng thì số phương tiện vận tải mà người Anh hứa lại không có, và khi quân Thổ Nhĩ Kỳ tập trung ở gần Ba-tum, rồi sau đó ở gần Xu-khum Ca-lơ, thì họ lại không có lương thực, không có đạn dược và phương tiện vận tải. Khó bề tưởng tượng được là trong tình hình đó lại có thể trông mong Ô-me-rơ-pa-sa trực tiếp đến cứu viện cho Các-xơ. Chúng ta thấy rằng trong cuộc viễn chinh Min-grê-li-a, ông ta chưa lần nào dám xa rời bờ biển quá hai, ba ngày đường, vậy mà bây giờ ông ta đi theo những con đường quân sự tốt của nước Nga. Nhưng nếu ông ta đi qua Éc-de-rum hoặc đi qua Ác-đa-gan để đến Các-xơ, thì ông ta phải xa rời bờ biển ở khoảng cách 20 hoặc 12 ngày đường, và lại phải tiến theo lòng sông hoặc đường mòn trên núi không thể vận chuyển vật phẩm ngoài việc dùng ngựa thồ. Các đoàn thồ hàng đi từ Tơ-ra-pê-dun đến Éc-de-rum không có con đường nào khác, và việc họ không bao giờ sử dụng xe ngựa đã chứng minh tốt nhất rằng họ phải tiến trên một địa hình như thế nào. Nhìn chung, đây là

con đường duy nhất có thể đi lại được; còn về cái gọi là những con đường từ Ba-tum vào sâu nội địa thì sự tồn tại của chúng còn là vấn đề, vì không thể tiến hành những cuộc vận động lớn trên những đường đó. Các nhà bình luận quân sự thông thái nào đã từng trách Ô-me-rơ-pa-sa không tiến thẳng về Các-xơ cũng nên tìm hiểu trước những câu chuyện tường thuật của những người đã du hành qua nơi này, chẳng hạn hãy tìm hiểu tập du ký của Kéc-dôn hoặc Bô-đen-stét³⁰¹. Về ý kiến của tờ “Times” Luân Đôn nói rằng tướng Uy-li-am-xơ đã đề nghị Ô-me-rơ-pa-sa lấy Ba-tum làm điểm xuất phát để tiến quân thẳng đến Các-xơ, thì chúng tôi chỉ có thể nói rằng Uy-li-am-xơ biết quá rõ Ác-mê-ni-a, nơi mà ông ta đã sống nhiều năm, để có thể đưa ra lời khuyên như thế.

Trong điều kiện hiện hữu, điều tốt nhất mà Ô-me-rơ-pa-sa có thể làm được, đó là uy hiếp tuyên giao thông của quân Nga ở phía trước Các-xơ. Ông ta có thể làm việc đó thành công đến mức nào, thì điều đó còn tùy thuộc vào năng lực vận động của quân đội của ông ta và vào số lượng binh lực Nga chống trả ông ta. Gác lại vấn đề thứ nhất, vì điều đó chỉ có thể được phán đoán dựa vào những sự việc đã diễn ra, chúng tôi ngay từ đầu đã nói rằng hoàn toàn có khả năng là quân Nga sẽ trở thành lực lượng quá lớn đối với đội quân tấn công ấy. Sự đánh giá ban đầu của chúng tôi, mà hiện nay tỏ ra hoàn toàn chính xác, về lực lượng của Bê-bu-tốp chỉ rõ rằng ngay ở Cu-ta-ít, sau khi điều chỉnh ít nhiều sự bố trí, quân Nga có thể đưa ra một lực lượng vượt trội để chống lại quân Thổ Nhĩ Kỳ. Họ đã làm như vậy. Ngay trong điều kiện di chuyển thuận lợi, Ô-me-rơ-pa-sa cũng không thể đưa số quân hiện có trong tay ông ta vượt sông Ri-ôn. Huống hồ sự chậm chạp và thất thường về mặt cung cấp ngay từ đầu đã gây khó khăn cho mọi hoạt động của Ô-me-rơ-pa-sa. Cứ sau hai, ba ngày đường ông ta lại buộc phải dừng lại, gần như một tuần lễ, để tích trữ số dự trữ lương thực cần thiết nhất, và cuối cùng, khi ông ta tiến sâu vào nội địa đến cách Rê-đút - Ca-lơ ba ngày đường, thì bị hoàn toàn tê liệt. Bây giờ thấy một đạo quân mạnh hơn ở trước mặt, Ô-me-rơ-pa-sa buộc phải rút về bờ biển, còn quân Nga thì bám theo, tập kích rất mạnh vào đội hậu vệ của ông ta. Hiện nay quân Thổ Nhĩ Kỳ gặp khó khăn nghiêm trọng vì đụng độ với địch cũng như vì bệnh tật,

họ đã hạ trại lộ thiên ở bờ biển và đang chuyển về Ba-tum, Tơ-ra-pê-dum và những nơi khác. Min-grê-li-a, trừ những đồn lũy bờ biển, lại lọt vào tay quân Nga.

Chiến dịch thắng lợi thứ ba của quân Nga ở châu Á đã kết thúc như vậy: Các-xơ và địa hạt thuộc pa-sa của nó bị chiếm; Min-grê-li-a được giải phóng khỏi tay địch; tàn dư cuối cùng của đạo quân tác chiến của Thổ Nhĩ Kỳ - đạo quân của Ô-me-rơ-pa-sa - đã bị suy yếu rất nhiều về số lượng cũng như về tinh thần. Đây là những kết quả khá quan trọng ở một vùng như tây - nam Cáp-ca-dơ, nơi đây mọi hoạt động tác chiến đều không tránh khỏi trở nên chậm chạp do tính chất của địa hình, cũng như do thiếu đường sá. Nếu đem so sánh những thắng lợi và chiến quả thực tế ấy với việc liên quân chiếm được phía nam Xê-va-xtô-pôn, Kéc-sơ, Kin-bu, Ép-pa-tô-ri và một số đồn lũy ở bờ biển Cáp-ca-dơ, thì rõ ràng là chiến quả của liên quân trên thực tế không lớn đến mức có thể biện minh được cho sự khoác lác của báo chí Anh. Điều rất thú vị là tờ báo Pa-ri “Constitutionnel”, trong một bài do triều đình Pháp xếp đặt, đã chỉ đích danh huân tước Rét-clíp-phơ là thủ phạm của thất bại ở châu Á, buộc tội ông ta không những cản trở triều đình Thổ Nhĩ Kỳ nhận tiền mà các nước đồng minh cung cấp cho nó, mà còn thúc giục triều đình trì hoãn thật lâu việc gửi lực lượng tăng viện đã được chỉ định gửi đến chiến trường này.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 11 tháng Giêng 1856

Đã đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” số 4808, ngày 25 tháng Giêng 1856

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH CHÂU ÂU

Phương pháp tiến hành chiến tranh mà các cường quốc phương Tây sử dụng trong cuộc đấu tranh chống Nga, đã hoàn toàn thất bại. Chiến dịch năm nay, nếu nó xảy ra, sẽ không thể tiến hành theo kế hoạch được người ta theo đuổi cho tới nay. Tập trung toàn bộ lực lượng của Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và Xéc-đi-ni để đánh chiếm một địa điểm ở Crum, đánh chiếm một địa điểm mà người ta có thể tiện thể chiếm luôn bằng phương pháp vu hồi; vì địa điểm ấy mà diễn ra cuộc giành giật cả 11 tháng trời và kết quả là chỉ chiếm được có một nửa; coi nhẹ tất cả các khả năng khác để giáng cho địch một đòn quyết định, coi nhẹ đến nỗi Nga có thể chiếm được Các-xơ, do đó, họ đã bù lại được việc mất phía Nam Xê-va-xtô-pôn - thế đó, người ta đã có thể tiến hành như thế đó một vài chiến dịch trong cuộc chiến tranh mà địa điểm trọng yếu nhất của hai bên tham chiến đã được bảo vệ bởi sự trung lập của Trung Âu. Nhưng cứ tiếp tục như thế thì không được nữa. Hội đồng quân sự vừa mới họp ở Pa-ri là bằng chứng tốt nhất nói lên rằng hiện nay chúng ta sẽ thấy một loại chiến tranh nghiêm chỉnh, nếu cuộc chiến tranh nói chung còn sẽ tiếp tục³⁰².

Chiến tranh, như nó được tiến hành cho tới nay, chỉ là những hành động thù địch chính thức, được thái độ lịch sự khác thường làm dịu đi. Ở đây chúng tôi không nói sự lịch sự cần thiết về mặt giao thiệp với nhau khi người ta giương ngọn cờ đàm phán, mà là sự lịch sự mà bản thân hội đồng quân sự của các bên tham

chiến biểu hiện trong quan hệ với địch. Sự phát sinh ra chiến tranh được giải thích bằng tính toán sai lầm của hoàng đế Ni-cô-lai. Ông ta không hề dự kiến rằng Pháp và Anh sẽ liên hiệp với nhau để phân đối ý đồ của mình đối với Thổ Nhĩ Kỳ; ông ta đặt hy vọng vào một cuộc chiến tranh lạng lẽ và nhỏ với riêng vua Thổ Nhĩ Kỳ, vào một cuộc chiến tranh có thể lại đưa quân đội của ông ta đến chân thành Công-xtăng-ti-nô-plo³⁰³, báo động giới ngoại giao châu Âu khi đã quá muộn, và sau hết, tạo khả năng cho các nhà ngoại giao của mình đạt được, như thường thấy, tại các cuộc hội nghị và đại hội thành quả lớn gấp hai lần cái mà quân đội của ông ta có thể giành được bằng vũ khí. Điều bất hạnh là bất ngờ và trái với ý muốn của mình, Nga và các cường quốc phương Tây bị lôi cuốn vào chiến tranh vì lý do đó, mà không biết; họ buộc phải chiến đấu, tuy không ai muốn. Song, mỗi bên đều hy vọng, dùng phương pháp tiến hành chiến tranh mà, theo họ tính toán, sẽ giữ cho bên kia không sử dụng các biện pháp cực đoan. Họ hy vọng rằng chiến tranh sẽ là cuộc chiến tranh vì các nguyên tắc, rằng nó sẽ ít nhiều mang tính chất cách mạng, rằng Đức và các nước phụ thuộc Đức - Hung-ga-ri, Ba Lan, I-ta-li-a, sẽ tham gia. Ultima ratio^{1*} của phương Tây là gây ra cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức - Hung-ga-ri, Ba Lan, I-ta-li-a, cũng như, trên mức độ nào đó, gây ra cuộc đấu tranh trong nội bộ nước Đức. Ultima ratio của Nga là hô hào chủ nghĩa Đại Xla-vơ, là thực hiện những ước mơ mà những kẻ cuồng nhiệt trong dân cư Xla-vơ châu Âu ôm ấp 50 năm qua.

Nhưng Chính phủ Nga, cũng như chính phủ Lu-i Bô-na-pác-tơ (khỏi phải nói đến Pan-móc-xton) đều không muốn dùng đến những thủ đoạn ấy trừ phi vạn bất đắc dĩ, do đó, cuộc chiến tranh được tiến hành trên cơ sở thái độ rộng lượng và lịch lãm đối với nhau, điều đó vị tất là bình thường trong quan hệ qua lại giữa các vua chúa chính thống của các vương triều cũ và dĩ nhiên là không bình thường giữa bọn mới phát lên và bọn tiếm vị, như vương triều Rô-ma-nốp, các đại biểu của vương triều Han-nô-vơ và cương triều Bô-na-pác-tơ mạo xưng. Bờ biển Ban-tích

^{1*} - Thủ đoạn cực đoan, cái cơ cuối cùng

của Nga hầu như không bị chiến tranh đụng đến; người ta không hề có ý định bám chắc vào đó. Ở đây, cũng như ở Bạch Hải, tài sản tư nhân bị đe dọa nhiều hơn là tài sản quốc gia, đặc biệt là ở bờ biển Phần Lan, nơi đây tưởng chừng như mục đích duy nhất của phân hạm đội Anh là làm cho người Phần Lan cam chịu phục tùng sự thống trị của người Nga. Liên quân cũng hành động như vậy ở Hắc Hải. Liên quân được phái tới đây hình như để buộc người Thổ Nhĩ Kỳ mong đợi sự xâm nhập của Nga; dựa trên hành động của liên quân từ năm 1854 cho đến ngày nay mà xét thì chỉ có thể đi đến kết luận như vậy. Thời kỳ không thể chê trách nhất của liên quân ở Thổ Nhĩ Kỳ là thời kỳ họ đóng ở Vác-na, bấy giờ họ không làm nổi việc gì có ích cả, nhưng ít ra họ cũng không gây thiệt hại nghiêm trọng cho ai, ngoài thiệt hại cho bản thân họ. Sau hết, họ đã đi Crum. Ở đây họ khéo tiến hành chiến tranh đến mức Chính phủ Nga có đủ mọi căn cứ để rất hài lòng về họ. Cách đây không lâu, công tước Căm-brít-giơ đã ban phát nhiều huy chương cho binh sĩ Pháp từ Crum về, nhưng không một thứ huy chương nào, huy chương chữ thập, huy chương chữ thập lớn, huy chương ngôi sao và giải băng mà Chính phủ Nga trao tặng lại có thể diễn đạt được lòng biết ơn của Chính phủ Nga đối với những người lãnh đạo các chiến dịch những năm 1854 - 1855. Thật thế, cho đến khi quân phòng thủ của Nga bỏ phía Nam Xê-va-xtô-pôn, thì liên quân đã bị thương vong 250 000 người và tiêu mất mấy triệu bạc. Quân Nga, lần nào cũng thua trận ở địa hình trống trải, lại đã thắng kẻ thù của mình bằng quyết tâm, nghị lực và tài nghệ của vị thủ trưởng ngành công binh của họ^{1*}. Nếu In-ke-rơ-man là điều si nhục không rửa sạch được đối với quân Nga, thì việc quân Nga xây dựng đồn lũy ở núi Xa-pun và Ma-mê-lôn ngay trước mũi quân thù, lại là nỗi nhục không rửa sạch được đối với quân Anh và quân Pháp. Thêm vào đó, rõ ràng là Xê-va-xtô-pôn không làm cạn lực lượng của Nga bằng của liên quân, vì điều đó không cản trở quân Nga chiếm Các-xơ.

Sự thất thủ của Các-xơ quả thực là sự kiện nhục nhã nhất đối với liên quân. Có lực lượng quân sự to lớn trên biển, từ tháng

Sáu 1855 có lực lượng trội hơn quân tác chiến của quân Nga về số lượng, - vậy mà liên quân chưa lần nào tập kích được vào những địa điểm yếu nhất của Nga - lãnh thổ Nam Cáp-ca-dơ của nó. Hơn nữa, họ đã để cho quân Nga tổ chức được ở khu vực này căn cứ tác chiến độc lập, một thứ lãnh địa toàn quyền có thể đứng vững một thời gian khi bị lực lượng trội hơn tấn công, ngay cả khi giao thông với chính nước Nga bị cắt đứt. Nhưng không thỏa mãn với những điều đó và không học tập những kinh nghiệm đau đớn của cả một loạt thất bại mà quân đội Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu ở châu Á trong những năm 1853 - 1854, liên quân còn cản trở quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa cứu vãn tình hình ở châu Á, vì liên quân giữ đạo quân này ở Crum, mà ở Crum thì chỉ cho phép nó bỏ củi và gánh nước cho liên quân. Như thế là từ khi hoàn toàn thanh toán được các cứ điểm của quân Nga trên bờ biển từ eo Kéc-sơ đến Ba-tum, nghĩa là sau khi đã chiếm được phòng tuyến trên đó có thể tìm được 10 - 15 địa điểm làm căn cứ tác chiến cho bất cứ hoạt động nào chống lại Cáp-ca-dơ hay Nam Cáp-ca-dơ - như chúng tôi thường chỉ rõ, đây là địa điểm yếu nhất của nước Nga - liên quân không hành động gì cả cho đến khi thấy rằng Các-xơ đã rơi vào tình hình nghiêm trọng, còn đạo quân Éc-de-rum thì không làm ăn gì được. Bấy giờ Ô-me-rơ-pa-sa mới được liên quân cho phép tiến hành cuộc viễn chinh đen đui ở Min-grê-li-a, - nhưng đã quá muộn để cứu vãn tình hình.

Việc liên quân ngoan cường tập trung toàn bộ binh lực trên một bán đảo mà diện tích không lớn hơn Lông - Ai-len, không nghi ngờ gì nữa, đã giúp họ tránh được mọi vấn đề không vui. Vấn đề dân tộc, cũng như chủ nghĩa Đại Xla-vơ, vấn đề khó khăn ở Trung Âu, cũng như sự cần thiết phải chiếm đoạt đất đai, - đều không được đặt ra; hai bên cũng không đạt được những kết quả quan trọng và có tính chất quyết định có thể gây khó khăn cho cuộc đàm phán sắp tới để buộc đối phương chịu những hy sinh lớn lao. Song, đối với những người trực tiếp tham gia chiến dịch thì tất cả những cái đó hoàn toàn không phải là điều dễ chịu. Đối với họ, ít ra là từ thượng sĩ trở xuống, chiến tranh là một thực tế nghiệt ngã, một thực tế khắc nghiệt. Trừ khi có các cuộc chiến tranh, chưa bao giờ tinh thần dũng cảm sáng ngời như vậy lại

^{1*} - Tôt-tơ-le-ben

bị phung phí như thế để giành lấy những kết quả không tương xứng với nó, như tình hình đã diễn ra trong cuộc chiến tranh Crum. Chưa bao giờ một số lượng binh sĩ ưu tú lớn như thế lại bị đem hy sinh trong một thời gian ngắn như thế để đạt được những thắng lợi đáng nghi ngờ như thế. Rõ ràng là không thể buộc các quân đội lại chịu đựng những đau khổ như thế. Họ cần những kết quả rõ ràng hơn là niềm “vinh quang” trống rỗng. Không thể tiếp tục cuộc chiến tranh mà trong một năm chỉ đánh có hai trận lớn và tiến hành bốn - năm cuộc tổng cường tập, vậy mà lại bị dậm chân tại chỗ. Không một quân đội nào chịu đựng được lâu điều đó. Không một hạm đội nào chịu đựng được một chiến dịch thứ ba cũng vô hiệu như hai chiến dịch trước ở biển Ban-tích và Hắc Hải. Nếu cuộc chiến tranh sẽ tiếp tục thì, như người ta nói với chúng tôi, sẽ có cuộc xâm nhập vào Phần Lan, E-xtô-ni-a, Bết-xa-ra-bi-a; người ta hứa hẹn sẽ có quân đội Thụy Điển chi viện, Áo cũng chi viện bằng cuộc biểu dương lực lượng. Đồng thời được biết rằng Nga đã tiếp nhận đề nghị của Áo làm cơ sở cho đàm phán³⁰⁴ tuy rằng điều đó còn xa mới giải quyết được vấn đề hòa bình, nhưng dù sao vẫn mở ra khả năng kết thúc chiến tranh.

Như vậy, có thể không có chiến dịch mới; nhưng nếu nó nhất định xảy ra thì có thể dự kiến rằng nó sẽ được tiến hành với quy mô lớn hơn và thành công hơn từ trước tới nay.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng 18 tháng Giêng 1856

Đã đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” số 4616, ngày 4 tháng Hai 1856

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CUỘC XUNG ĐỘT ANH. - MỸ. - TÌNH HÌNH Ở PHÁP³⁰⁵

Luân đôn, thứ sáu, ngày 8 tháng Hai 1856

Trừ một số ngài bị mua chuộc trong báo giới của chính phủ, còn xem ra ở Anh không ai tin vào tính chất nghiêm trọng của cuộc xung đột Anh - Mỹ³⁰⁶. Một số người xem nó như là một mảnh lối khéo léo được tính toán nhằm đánh lạc sự chú ý đối với cuộc đàm phán hòa bình. Một số khác quả quyết rằng Pan-mớc-xton sẽ đạt kỳ được việc gọi đại sứ của hai bên về sau khi đã từ chức, như Pít đã làm trước khi ký hòa ước A-mi-len³⁰⁷, để dễ bề trở lại khi người ta lại cần đến vị bộ trưởng Anh chân chính. Căn cứ vào tình hình tiến hành luận chiến một số người có đầu óc nhìn xa trông rộng cho rằng tất cả những cái đó chỉ là mảnh khước tranh cử thông thường của tổng thống^{1*}. Báo chí của phái dân chủ nhìn thấy ở đây hoạt động hậu trường của Bô-na-pác-tơ, cảm thấy hài lòng qua việc khêu lên cuộc huynh đệ tương tàn giữa những người Ăng-glô-xắc-xông ở hai bên bờ Đại Tây Dương. Nhưng tất cả mọi người đều hoàn toàn tin chắc rằng dù lời lẽ chính thức có gay gắt như thế nào thì cũng không có một chút nguy cơ xung đột quân sự nào. Rõ ràng đây cũng là quan điểm của

^{1*} - Piéc-xơ

tờ báo của Chính phủ Pháp “Constitutionnel” đã đề cử ông chủ của mình làm người tạo lập hòa bình cho Thế giới cũ cũng như cho Thế giới mới.

Tinh tiết chủ yếu mà người ta không được bỏ qua trong việc đánh giá cuộc xung đột này, đó là sự đình chỉ hầu như hoàn toàn, trên thực tế của entente cordiale giữa Anh và Pháp mà báo chí Anh đã thừa nhận ít nhiều công khai. Lấy tờ “Times” Luân Đôn làm ví dụ, tờ báo này cách đây không lâu còn tuyên bố rằng Bô-na-pác-tơ hiện nay là nhân vật vĩ đại hơn cả Na-pô-lê-ông chân chính, và đề nghị đui đui cả những người có ác ý không thừa nhận giáo lý đó. Nhưng hiện nay, trong một bài xã luận của nó lại đưa ra tư tưởng cho rằng trở ngại duy nhất đối với việc ký hòa ước là sự sốt sắng quá đáng của Bô-na-pác-tơ trong vấn đề này. Tiếp theo bài ấy là một bài khác ám chỉ rằng cái “công cụ được lựa chọn của Thượng đế” ấy, rút cục, chỉ là công cụ pis aller^{1*} mà xã hội Pháp sử dụng, chỉ vì “không tìm được người nào quốc gia có thể trao phó sự tín nhiệm và kính trọng của mình”. Bài thứ ba của tờ “Times” chửi bới toàn bộ đại bản doanh với các viên tướng, bộ trưởng, quan chức của ông ta là một đám người tham tàn đù màu sắc ở sở giao dịch. Lời lẽ của báo chí các tỉnh ở Anh còn ít tự kiềm chế hơn. Mặt khác, hãy chú ý đến giọng nói đã thay đổi của báo chí Pháp, sự xu nịnh và khúm núm thô bỉ của nó đối với Nga tạo thành sự tương phản hết sức rõ rệt với ác cảm nén lại của nó đối với Anh. Cũng hãy chú ý đến sự đe dọa hết sức rõ ràng về ý định thành lập đồng minh thống nhất trên lục địa mà báo chí Áo, Bỉ và Phổ đã lên tiếng ủng hộ. Sau hết, hãy đọc báo chí Nga, trong các bài tuyên truyền cho hòa bình, đã cố tình chỉ kêu gọi riêng nước Pháp và hầu như không nhắc đến Anh.

“Ồ chân trời đã xuất hiện “chiếc cầu vồng hòa bình”, - tờ “Con ong phương Bắc” viết, - được tất cả bạn bè của nền văn minh hoan nghênh... Trong hai năm chiến tranh với bốn cường quốc, nhân dân Nga tỏ rõ đầy đủ tính chất cao thượng và cao quý của mình và đã được sự kính trọng ngay cả của nhân dân các nước

^{1*} - tệ nhất

thù địch... Còn về nước Pháp thì có thể khẳng định rằng toàn thể nhân dân Pháp yêu mến và tôn trọng người Nga, ca ngợi tinh thần dũng cảm và hy sinh quên mình của họ và trong mọi trường hợp - trong thời gian ngừng bắn ngắn ngủi ở Crum và trong khi tù binh Nga đi qua nước Pháp - đều biểu hiện sự đồng tình với họ. Còn về phần mình, người Nga cũng đối xử với tù binh Pháp như với những người anh em”³⁰⁸.

Tờ báo “Le Nord” ở Bruy-xen nói toạc ra rằng Bô-na-pác-tơ ngay từ đầu đã khuyến khích Áo đứng ra làm trung gian để dự tính từ bỏ liên minh với Anh ngay khi có thời cơ thuận lợi đầu tiên.

Như vậy, vì liên minh với Pháp có thể phút chốc biến thành đoạn tuyệt với nước này, nên rõ ràng là Anh tuy vẫn còn đang ở trong tình trạng chiến tranh với Nga, nhưng không chuẩn bị đánh nhau với Mỹ, cho nên sự bất đồng giữa các chính phủ ấy không thể có ý nghĩ nào khác điều đã nói trên kia.

Hòa bình ở ngay châu Âu tuyệt nhiên không thể được coi là được bảo đảm. Còn về những điều kiện mà các nước đồng minh đề nghị với Nga thì việc tiếp thu những điều kiện ấy vị tất có thể được xem là biểu hiện của sự nhượng bộ của Nga. Việc nhường một mảnh đất không rõ ở Bét-xa-ra-bi-a cũng được đánh dấu bằng một dãy núi thần bí, không thể tìm thấy được trên bản đồ địa lý nào, được đền bù quá đủ cho sự nín lặng ngoan cường về việc quân Nga chiếm được Các-xơ, mà sau đó đã được một tờ báo ở Pê-téc-bua đặt tên đáng ngờ vực là một tỉnh của Nga. Trong khi đó, khéo lợi dụng ngừng bắn và mọi thời cơ có thể đến với nó trong tiến trình các sự kiện, nước Nga đã tập trung lực lượng vũ trang của mình ở tất cả những địa điểm trọng yếu nhất, có thể là nó muốn tiếp tục chiến tranh. Nhưng, đối với Bô-na-pác-tơ, ký kết hòa ước bất kể thế nào là một nhu cầu cấp bách, tình hình này là một bảo đảm chắc chắn cho hòa bình. Vì, một mặt, Bô-na-pác-tơ không có tiền để tiếp tục chiến tranh, còn mặt khác, như Mông-ta-lăm-be đã nói về cuộc viễn chinh La Mã, sự cần thiết lập lại một cuộc viễn chinh Crum đã chín muồi “trong nội bộ nước Pháp”³⁰⁹.

Ít lâu trước khi Nga tiếp nhận những điều kiện hòa bình sơ

bộ, ở Pa-ri đã lưu truyền rất rộng rãi dư luận cho là Bô-na-pác-tơ dự định phát hành công trái cưỡng bức phân bổ theo tỷ lệ với số thuế thực thu. Tình hình của quân đội Pháp ở Crum đã chứng minh hùng hồn rằng kho bạc của ông ta đã *trống rỗng*. Gần đây, các phóng viên đã vạch rõ tình hình thâm của quân lính của Pê-ni-xi-ê. Dưới đây là sự mô tả chân thực dưới ngòi bút của một hạ sĩ quan Anh trong một bức thư gửi từ Xê-va-xtô-pôn ngày 5 tháng Riêng cho tờ “Birmingham Journal”.

“Hôm nay, từ sáng sớm đã đẹp trời. Khoảng ba giờ thì gió bắc thổi mạnh, trời trở nên rét mướt buộc chúng tôi phải cài hết cúc áo. Binh sĩ của chúng ta không khổ sở vì rét, nhưng những người Pháp nghèo nàn thì thật đáng thương. Suốt ngày họ mang vác trên mình chất đốt từ Xê-va-xtô-pôn về, ăn mặc tồi tàn và tôi nghĩ rằng họ ăn uống kém hơn chúng tôi. Ban ngày, lúc nào cũng có một người nào đó đi lại quanh quần kiếm bánh mì khô. Binh sĩ của chúng ta thương hại họ và rất tốt với họ. Lính gác của chúng ta được lệnh không cho họ vào doanh trại, vì rằng một số trong họ thích bán cô-nhắc, nên có khi gây ra chuyện say rượu trong binh sĩ chúng ta. Nhưng có khi những người Pháp đáng thương lần tránh được lính gác và lên vào với bono Inglic^{1*}. Đương nhiên, binh sĩ chúng ta biết họ cần gì và không bao giờ để họ ra về tay không. Những con người đáng thương ấy thậm chí không có gắng để cho ấm tay. Vật duy nhất đã được bỏ xung thêm cho họ từ mùa hè, - đó là chiếc mũ che gió dính vào cổ áo choàng và một đôi ghệt bằng da thô được buộc vào đầu gối bằng mấy chiếc dây da nhỏ. Họ không mang bút tất, còn giầy ủng thì họ *đã từng có*. Người Pháp quả thực là hiện thân của sự nghèo nàn; và họ cũng cảm thấy điều đó, nhất là khi họ trông thấy binh sĩ Anh đội mũ ấm bằng da hải cẩu, mặc áo dạ lót lông, cổ và thắt lưng quần những chiếc khăn rộng, đi những đôi ủng chắc chắn cao đến đầu gối bằng da bò”.

Như người ta thấy, nếu Na-pô-lê-ông để cho quân đội - đối với ông ta, nó là tất cả - ở trong tình cảnh như vừa mô tả, thì tình hình tài chính của ông ta quả thực khá thâm. Mặt khác, việc hai năm chiến tranh này đã phải trả bằng cái giá đắt hơn toàn bộ số chi phí của bác ông ta trong thời kỳ từ năm 1800 đến năm 1815, đã chứng minh việc quản lý nền tài chính đó ra sao. Nghe

^{1*} - những người Anh tốt bụng

nói, ngay cả những viên tướng của Bô-na-pác-tơ từ Crum trở về cũng căm phẫn chỉ trích Moóc-ni và đồng bọn đã làm giàu một cách vô liêm sỉ trên xương máu của quân đội. Những lời phản kháng đó đã được đăng trên một tờ báo bán chính thức trong đó có viết:

“Nếu hòa ước được ký kết thì hoàng đế sẽ hướng toàn bộ sự chú ý vào vấn đề tài chính, và đặc biệt là vào một số hành động lạm dụng đã phát triển hết sức rộng rãi trong điều kiện đầu cơ điên cuồng, chẳng hạn, sẽ chú ý đến những trường hợp kiêm nhiệm các chức vụ trái ngược nhau, hoặc đến một số trường hợp kiểm tra được nhiều của cải quá ư nhanh chóng”.

Đồng thời, trong giới thanh niên đại học, trong giai cấp công nhân, trong một bộ phận giai cấp tư sản, và điều tệ hại nhất đối với Bô-na-pác-tơ là trong quân đội, đã xuất hiện những dấu hiệu của tinh thần cách mạng.

Về chuyện xảy ra ở Ecole Polytechnique³¹⁰ thì mọi người đều biết rằng Bô-na-pác-tơ ban đầu định thỏa hiệp với nhà trường, tuy rất bức mình về sự im lặng ngoan cường của học sinh đại học ngày 29 tháng Chạp khi ông ta đóng vai trò của thượng nghị viện La Mã đối với quân đội (giống như ông ta thích đóng vai hoàng đế La Mã đối với thượng nghị viện của mình). Người ta ngờ ý với học sinh đại học rằng hoàng đế muốn duy trì trường học của họ, nếu trong cơ hội đầu tiên có được họ sẽ tỏ thiện cảm với triều đại của hoàng đế. Nhưng Ecole này, thông qua đại biểu của mình, trả lời rằng học sinh đại học không những sẽ không hô “Vive l'Empereur!”^{1*}, mà sẽ còn đuổi khỏi trường này bất cứ bạn học nào của họ dám hô khẩu hiệu ấy. Sau câu trả lời đó là quyết định đóng cửa trường học vô chính phủ ấy. Bộ phận học sinh đại học bị chỉ định làm nghĩa vụ quân sự bị chuyển đến Vành-xen-nơ, nơi đây sẽ lập một trường pháo binh đơn giản. Bộ phận khác bị chỉ định vào ngành dân chính, sẽ được chuyển về Ecole Normale³¹¹. Bản thân trường học sẽ biến thành trại lính. Đây là kết cục của ngôi trường mà Na-pô-lê-ông Đại đế yêu quý.

^{1*} - “Hoàng đế muôn năm !”

Nhà tù Ma-dắc chắt ních những học sinh các trường đại học Pa-ri và những thanh niên khác đã hô “Vive la liberté!”^{1*} trong lễ tang nhà điêu khắc Đa-vít. Có một tình tiết liên quan đến cuộc biểu tình chống Ni-da, trở thành đặc biệt khó chịu cho Na-pô-lê-ông. Sau cuộc tấn công của cảnh sát bắt đi một loạt học sinh đại học đã từng la ó phản đối Ni-da vì hấn ca tụng Ti-be-rơ là đáng cứu thế của xã hội La Mã, số học sinh đại học còn được tự do đã xếp thành hàng ngũ, diễu hành toàn thành phố Pa-ri đến nhà Ni-da ở phố Cuốc-xen yêu cầu hấn phải thu xếp việc trả tự do cho bạn học của họ. Một đơn vị bộ binh được cử đi theo sau học sinh đại học hầu như đồng thời đến đó. Binh sĩ được đón tiếp bằng những tiếng hô: “Vive la lignee!”^{2*} lập tức giữ tư thế “tự do” và từ chối hành động. Để đề phòng sự kết nghĩa thêm nữa, người ta đã điều ngay số binh sĩ ấy đi và thay thế họ bằng sergents de ville^{3*}. Đám biểu tình của học sinh đại học tiến về rạp hát Ô-đê-ông, học sinh đại học chiếm các ghế ngồi ở trước sân khấu, không ngừng hát bài “Sire de Franc Boisy”^{4*}, ném thẳng vào mặt Bô-na-pác-tơ và O-giê-ni đang ngồi ở khu ghế lô, những đoạn ca khúc châm biếm có tính chất sỉ nhục nhất.

Báo chí của Bô-na-pác-tơ thừa nhận rằng số người bị bắt ở các tỉnh lên tới 5 000 người; những nguồn tin khác đưa ra con số 15 000 người, xem ra là con số phù hợp với thực tế. Như hiện nay đã thấy rõ âm mưu này của công nhân³¹² có chi nhánh của nó trong quân đội. Đã buộc phải giải tán toàn bộ trường hạ sĩ quan ở La-Phle-sơ và thay đổi toàn bộ số quân phòng thủ ở trung tâm nước Pháp. Để trấn áp tinh thần nổi loạn trong quân đội, Bô-na-pác-tơ lại lặp lại cuộc thí nghiệm phiêu lưu nhất của thời kỳ phục tích, áp dụng một hệ thống gián điệp phổ biến trong quân đội. Việc thành lập đạo quân mới đáng kính trọng này đã trở thành lý do cho những cuộc tranh cãi gay go giữa thống chế Ma-nhăng

^{1*} - “Tự do muôn năm!”

^{2*} - “Quân đội muôn năm!”

^{3*} - cảnh sát

^{4*} - “Ngài đờ Phrăng Boa-xy”

và một số sĩ quan cao cấp cho rằng việc đó không hợp với khẩu vị của quân đội.

Giống như mọi khi, trước khi xảy ra sự kiện nghiêm trọng, phong trào công nhân Pa-ri bao giờ cũng được đánh dấu bằng quodlibets^{1*} của mình bài hát ưa thích nhất của họ là như sau :

“Voilà qu’il part, voilà qu’il part

Le petit marchand de moutarde,

Voilà qu’il part pour son pays

Avec tous ses outils”etc^{2*}

Để không còn có sự hoài nghi về câu hát “anh chàng tiểu thương bán mù tạt” ám chỉ ai, cảnh sát đã cấm bài hát đó.

Về việc các cơ quan của Bô-na-pác-tơ được tôn trọng đến mức nào, ta có thể phán đoán qua một giai đoạn đăng trên tờ “Nord”, một số thượng nghị sĩ tán thành không do dự hành động của ông Đruên Đờ Luy-xơ từ chối danh hiệu thượng nghị sĩ, nhưng họ không cho rằng noi gương ông kia là thông minh. Khi người ta hỏi Moóc-ni rằng liệu có thể hy vọng rằng ai đó trong bọn họ sẽ noi gương ấy không, thì ông ta trả lời rằng ông có những căn cứ xác đáng để cho rằng sẽ xảy ra điều ngược lại. “Nhưng những căn cứ đó là gì?” - người đối thoại lại hỏi. “Tôi có ba vạn căn cứ xác đáng, mỗi cái giá *mọi phrăng*”, Moóc-ni trả lời thản nhiên.

Có thể nêu lên một tình tiết nữa cực kỳ quan trọng trong tình cảnh hiện nay của nhân dân Pháp. Không cần bàn luận thêm nữa về bọn đầu cơ chứng khoán, đối với chúng chiến tranh và hòa bình đều có lợi như nhau. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, quần chúng nhân dân Pháp đã tỏ ra thờ ơ đối với niềm say mê không thay đổi trước đây của mình - “la gloire”^{3*}. Kết quả hết sức có ý nghĩa đó của cuộc cách mạng năm 1848 chứng minh một cách

^{1*} - bài ca bày tỏ nguyện vọng

^{2*} - “Kìa hấn bỏ đi, kìa hấn bỏ đi

Anh chàng tiểu thương bán mù tạt

Kìa hấn đi về xứ sở của hấn

Với tất cả đồ nghề của hấn” v.v

^{3*} - “sự vinh quang”

không thể bác bỏ được rằng thời kỳ thịnh vượng của chế độ
Bô-na-pác-tơ đã qua rồi.

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Hai 1856
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4634, ngày 25 tháng Hai 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

The People's Paper.

LONDON, SATURDAY, APRIL 4, 1856

C.MÁC

NUỚC PHÁP CỦA BÔ-NA-PÁC TƠ CHÁU³¹³

Nước Pháp của Bô-na-pác-tơ Châu mở tiệc nhân dịp Mông-ti-giô sinh con trai, phung phí tài sản quốc gia vào cuộc diễu binh gây ra cái cười khinh bỉ, “được dát vàng như các tượng thánh”^{1*}, nước Pháp ấy là sự tương phản đáng sợ với nước Pháp bị tra tấn ở Cay-en-na, bị đau khổ ở Lam-bét-xa, bị kiệt sức ở pháo đài Be-lơ-I-lo³¹⁴ và bị rửa nát ở nơi khô sai, với nước Pháp đang chết đói ở Crum, với nước Pháp ở trong chính cái nước Pháp đang đứng bên miệng hố phá sản.

Trong bức thư của ông Ta-xi-li-ê, được dịch từng chữ theo nguyên văn³¹⁵, bạn đọc sẽ tìm thấy cảnh ngộ đích thực, gây xúc động sâu sắc lòng người, của những công dân Pháp bị đày ở Cay-en-na. Song giới báo chí luôn cúi kiêu chính công Anh, bằng lối diễn tả bóng bẩy với những câu văn hoa mỹ đã réo vào tai thế giới đang ngái ngủ một tin tức vĩ đại về sự độ lượng không bờ bến và lòng nhân từ thật sự siêu phàm của vị anh hùng chuyên chiêu đãi bằng lạp xưởng ở doanh trại Xa-tô-ri³¹⁶ đã tuyên bố cuộc đại xá và làm át tiếng khóc đầu tiên của đứa con tính nết thất thường của mình bằng những tiếng hoan hô của hàng ngàn người Pháp được tự do và trở về gia đình mình.

^{1*} Séc-h-xpia : “Vua Hen-ri VIII”, màn I, cảnh 1.

Song, chúng ta hãy gác lại sự khoái trá bị mua chuộc của bọn xu nịnh và hãy lắng nghe tiếng nói không thể mua chuộc được của những sự kiện. Bu-xơ-ra-pa³¹⁷ tỏ ý sẵn sàng trả tự do cho những người mà hắn đã hành hạ trong bốn năm trời, với điều kiện là họ đồng ý chịu nổi nhục không gột sạch được là đi xuyên qua furcae Caudinae³¹⁸ của đế quốc ở thời kỳ suy sụp. Nếu họ tuyên bố *trung thành phục tùng* nên đế chế, nghĩa là tán thành coup d'état^{1*} và từ bỏ nền cộng hòa, nếu họ bán linh hồn của mình, thì Bu-xơ-ra-pa sẵn sàng bán sinh mạng của họ cho họ.

“Ngay khi trịnh trọng tuyên bố thiết lập đế chế, - tờ “Moniteur” nói, - người ta đã đưa ra lời kêu gọi rộng lượng đó”. Như thế là bản thân tờ “Moniteur” đã công khai thừa nhận rằng cuộc đại xá hiện được quảng cáo như là một tin tức gây sững sốt, chỉ là việc diễn lại trò hề cũ rích đã được trình diễn bốn năm trước đây. Bậc thiên tài về mặt mua chuộc tự an ủi mình bằng niềm hy vọng rằng nạn nhân của hắn hiện đã bị hạ thấp xuống trình độ của bản thân hắn, rằng họ đã đủ ngoan ngoãn để đến năm 1856 tiếp nhận, như là một ân huệ, cái điều mà năm 1852 họ đã phần nộ bác bỏ, coi đó như là một sự sỉ nhục.

Bằng những sự gian lận và giả mạo được dựng lên một cách khéo léo, tờ “Moniteur” đã che đậy “lời kêu gọi rộng lượng” của mình, yêu cầu mọi người làm điều đê tiện. Tờ báo quả quyết rằng tuồng như trong số 11 000 người bị xử đày đi An-giê-ri sau sự kiện tháng Sáu năm 1848, nhờ lòng nhân từ của tổng thống mà ở châu Phi chỉ còn lại 306 người. Nhưng với những tài liệu cũng của chính tờ “Moniteur” có trong tay, chúng tôi khẳng định rằng trong số 11 000 người bị bắt vào tháng Sáu 1848 thì đến tháng Mười một năm ấy, khi Assemblée Constituante^{2*} thảo luận về việc thi hành pháp lệnh về đi đày, chỉ còn 1 700 người, trong số này có 1 500 người bị đưa đến pháo đài Be-lơ-I-lơ, còn ngày 8 tháng Ba năm 1849, trong thời kỳ nội các Ô.Ba-rô cầm quyền, 700 trong số 1 500 người ấy bị đưa đi Bon ở châu Phi. Như thế là ân huệ

^{1*} - cuộc chính biến

^{2*} - Hội đồng lập hiến

của Bu-xơ-ra-pa đã thu hẹp con số sau cùng 700 này xuống còn 306, chứ hoàn toàn không phải thu hẹp con số to lớn 11 000 xuống còn 306 như báo “Moniteur” dối trá của nó nói, mà bản thân cái ân huệ không đáng kể ấy chỉ là mảnh khước chống lại Hội đồng thôi. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải cảm ơn tờ “Moniteur” về chỗ nó đã nhắc nhở nước Pháp về những hành động tàn bạo xấu xa của Ca-ve-nhắc và chế độ cộng hòa tư sản.

Còn về số nạn nhân bị đi đày và trục xuất của sự biến tháng Chạp, thì cũng tờ “Moniteur” ấy xác định con số nạn nhân ấy là 11 201 người, và quả quyết rằng hiện nay con số đó đã giảm xuống còn 1 058 người. Nhưng số nạn nhân của coup d'état ở riêng các tỉnh An-pơ Hạ, Ê-rô, Vác và Ni-e-vơ đã là hơn 11 000 người, và hiện nay còn lại ít nhất là 12 000 người bị xử trục xuất hoặc đi đày khổ sai. Mọi người biết rất rõ rằng trên 50 000 người đã là nạn nhân của coup d'état. Ngoài ra, cần chỉ rõ rằng “lời kêu gọi rộng lượng” của “Moniteur” chỉ hướng vào những người bị đưa sang An-giê-ri hoặc sang những lãnh địa hải ngoại khác, trong lời kêu gọi đó không nhắc tí gì đến những người bị kết án ở An-giê, đến những người bị giam trong nhà tù vì đã tham gia các đoàn thể bí mật; nó cũng không đề cập đến những người bị tòa án quân sự lưu động năm 1851 xử tù khổ sai, đến những tù nhân ở Be-lơ-I-lơ, đến những sinh viên bị bắt vì họ đã la ó phản đối những kẻ được trả lương để tán dương Bu-xơ-ra-pa v.v.. Để bù lại, tờ “Moniteur” đã tuyên bố đại xá hoàn toàn và tuyệt đối cho bọn săn bắn trộm, bọn buôn lậu, bọn làm bạc giả, bọn ăn cắp vặt, bọn đào ngũ, bọn tù khổ sai và id genus omne^{1*}. Hoàn toàn phù hợp với tính chất của đế chế ở thời kỳ suy sụp và phù hợp với những hành động trước đây của Bô-na-pác-tơ giả, việc sinh con trai phải là ngày hội đối với tất cả bọn đê tiện cùng họ hàng với người cha ấy.

Bây giờ chúng ta chuyển từ các nạn nhân của coup d'état để sang bàn về các công cụ của nó, từ những người phản đối nó để

^{1*} - những kẻ tương tự

chuyển sang nói về bọn nô lệ đã thực hiện nó, từ binh sĩ của tự do để chuyển sang nói về quân đội ở Crum. Triệu chứng lịch sử có ý nghĩa to lớn là : vào lúc sôi nổi nhất của những ảo tưởng mới về vương triều mới thành lập, trong thắng lợi vĩ đại vì đã gia nhập được vào giới tỏa hương thơm của các vương triều hợp pháp đã thối nát, Bô-na-pác-tơ vẫn cần sự thừa nhận của những nạn nhân bất hạnh của mình, do đó hẳn cố gắng tranh thủ, một cách giả nhân giả nghĩa, sự quy thuận của họ đối với đế chế. Nhưng có một ví dụ nổi bật nữa về sự trở trêu của lịch sử, đó là: trong khi thủ lĩnh và các thành viên của Hội ngày 10 tháng Chạp³¹⁹ mở tiệc linh đình và hoang phí ở Pa-ri nhân thắng lợi của coup d'état, thì cái quân đội đã áp đặt cho nước Pháp nền thống trị đáng ghét ấy lại đã chuộc tội của nó ở Crum bằng những sự thiếu thốn, nạn đói, sự hấp hối và cái chết dưới hình thức đáng sợ nhất và đau đớn nhất.

Trong thời kỳ đầu của chiến dịch phương Đông từ tháng Mười một 1854 đến tháng Ba 1855, phần tử mới phát lên trong tháng Chạp lại đã được tôn lên làm đức thánh linh thứ hai, còn chế độ quản lý quân sự cừ khôi của đế chế quang vinh cũng được ca tụng bằng mọi cách, bằng cách so sánh nó với những thử thách nhục nhã đổ lên số phận của quân đội Anh do kết quả của sự phản bội có tính toán trước ở trong nước và hậu quả tất nhiên của một hệ thống đã lỗi thời. Nhưng ở hành động này, cũng như trong mọi hành động khác của đế chế thuộc thời kỳ suy tàn, điều mà người ta coi là hiện thực thì chỉ là ảo ảnh trong các vở kịch nhằm thu được hiệu quả trực tiếp trên sân khấu. Trong hai năm, Bô-na-pác-tơ hoàn toàn bận rộn vào việc chuẩn bị chiến tranh. Ông ta động viên toàn bộ lực lượng của nhà nước trung ương tập quyền đồ sộ ở Pháp để bảo đảm những thắng lợi đầu tiên cho quân đội của mình^{1*}. Thật vậy, nếu trong hai năm đầu của nền thống trị hoàn toàn vô dụng của mình, thậm chí tên phiêu lưu ở Xtơ-ra-xbua

^{1*} Trong bài của C.Mác đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" tiếp theo là những chữ sau : "quân đội này bây giờ là trụ cột chủ yếu của chính quyền mà ông ta tiếm đoạt nhưng còn chưa tỏ rõ lực lượng của nó".

và Bu-lông cũng không phá hoại được tổ chức tuyệt vời của quân đội Pháp do cuộc cách mạng thứ nhất để lại, thì điều đó cũng không có gì phải ngạc nhiên cả. Trong hai năm đầu của cuộc chiến tranh hiện nay mà ông ta đã đạt được điều đó, thì đây phải coi là một kỳ tích. Phung phí vào Ba-tơ-ra-khô-mi-ô-ma-khi-a³²⁰ của mình một số tiền nhiều hơn là Na-pô-lê-ông Đại đế đã chi trong 15 năm thực hiện thiên I-li-át của mình, vào đầu năm thứ ba Bô-na-pác-tơ đã phát hiện thấy rằng tài nguyên của nước Pháp đã kiệt, bộ máy quản lý quân sự của nó đã bị lâm vào tình trạng vô dụng, quân đội tiêu tan vì túng thiếu. Cái ung nhọt làm rữa nát quân đội Pháp - nạn ăn cắp và phung phí của công - là nguyên tắc hữu cơ của đế chế vào thời kỳ suy tàn ; chỉ cần tất cả có hai năm để phát hiện ra tác dụng hủy diệt của nó.

Tình trạng bi thảm của quân đội Pháp đã được che đậy kỹ càng không những trên báo chí Pháp, mà cả trên báo chí Anh. Hiện giờ, ở khắp mọi nơi người ta lớn tiếng nói về điều bí mật ấy. Nó đã trở thành một chân lý không ai dám phủ nhận nữa sau khi tờ báo của chính Bô-na-pác-tơ "Moniteur" đã đưa ra lời cải chính trực tiếp. Trong bài này, chỉ cần đưa ra đoạn trích trong bức thư gần đây của phóng viên báo "Times" ở Xê-va-xtô-pôn, là đủ:

"Quân đội Pháp dù nó được mô tả trên giấy tờ là đông đảo như thế nào đi nữa, thì nó vẫn đang tan đi một cách thảm hại nhất: bệnh hoại huyết và bệnh sốt rét đang làm kiệt cạn hàng ngũ của họ. Cách đây ít lâu, theo tôi tính, nó mất mỗi ngày 170 người... Hiện nay chính người Pháp cũng thừa nhận rằng con số người chết hằng ngày trong quân đội của họ là 120 người, mà trong một số ngày con số đó còn lớn hơn nhiều. Bị thiệt hại hơn cả là cánh phải của quân đội ở thung lũng Bai-đác-xcai-a... Khi đến mùa ẩm áp, phải thấy có khả năng bệnh tật tăng lên mạnh mẽ... Danh sách bệnh binh Pháp sẽ kinh khủng... Quân đội Pháp tan biến cũng nhanh chóng như nó bị tan tác vì đạn pháo và bị bắn trong thời kỳ tàn khốc nhất của cuộc vây đánh".

Tình trạng thiếu nhà ở có mái che, thiếu áo ngoài và thiếu thốn thức ăn đã được phóng viên nêu lên như là nguyên nhân chính của sự đau khổ của người Pháp. Mô tả cái rét hiếm có và hậu quả là "ở trong các nhà gỗ, nước trong thùng đóng băng dày 3 in-sơ", và

bão tuyết chừng như không ngớt mà kết quả là “chỉ một số ít nhà gỗ là không bị một số lượng lớn tuyết vùi”, phóng viên đặt câu hỏi: quân đội Pháp ở trong các nhà bạt - không phải trong những nhà gỗ được cung cấp chu đáo mọi thứ cần thiết, cũng không ở trong những nhà bạt hai lớp được đắp đất xung quanh, mà là ở trong những nhà bạt một lớp và không được che đậy - làm thế nào mà chịu đựng được ? Phóng viên kết thúc bằng lời tuyên bố: “quả thực không chịu đựng nổi khi trông thấy các đoàn vận chuyển bệnh binh Pháp”, rằng Pê-li-xi-ê bỏ ra nhiều công sức để giấu giếm, không cho quân đội Anh thấy bệnh binh, hơn là để giảm bớt nỗi đau khổ của họ.

Chúng tôi bổ sung thêm vào đó một đoạn trích khác trong tờ “Morning Advertiser”, chính cái tờ báo đã chia sẻ với tờ “Morning Post” đặc quyền hèn hạ là chúc mừng việc lên cầm quyền của Bô-na-pác-tơ năm 1851 và cho tới nay còn ca tụng huân tước Pan-móc-xton như là vị bộ trưởng Anh chân chính:

“Ở doanh trại quân Pháp trên sông Đen có tới 3 000 bệnh binh, các trạm điều trị đã chật chội nich người bệnh, hàng ngũ nhân viên y tế giảm dần do bệnh tật và kiệt sức, ngành quân nhu rơi vào tình trạng hoàn toàn hỗn loạn và không nuôi được quân đội, người ta thật sự đã xin những bánh mì khô của binh sĩ ở các trạm tiền tiêu, bệnh hoại huyết do thiếu thức ăn thực vật và bệnh thương hàn do thiếu thịt gây ra đang hoành hành với sức mạnh ghê gớm; sự tương phản giữa hai quân đội là nguồn gốc của sự bất mãn công khai của binh sĩ Pháp. Phương tiện vận tải không đủ để chuyển bệnh binh về Công-xtăng-ti-nô-plơ - bệnh viện ở đây đã có trên 12 000 bệnh nhân, bệnh dịch trở thành một thảm họa thực sự và số người chết do dịch bệnh thật khủng khiếp; tàu vận tải từ phương Đông cập bến Mác-xây đầy nạn nhân của bệnh sốt rét và tàu chở bệnh nhân thương hàn đang đi về trạm kiểm dịch Phri-un”.

Phải làm gì đối với một đội quân đang tan đi nhanh chóng^{1*}? Phải chăng nên an ủi nó bằng cách kể câu chuyện thần thoại A-rập

^{1*} - Trong bài của C.Mác đăng trên tờ “New-York Daily Tribune”, câu trên được thay bằng câu sau đây: “Phải làm gì đối với đội quân bất mãn và đang chết chóc do sự vô dụng của ngành quân nhu, sự cẩu thả nhục nhã, và sự ăn cắp công khai?”

về sự “giáng sinh” của vua An-giê-ri³²¹ hoặc bằng cách vẽ ra chiếc áo ngoài thêu kim tuyến của vệ binh lả lướt của vị anh hùng thận trọng ? Nên nhớ rằng binh sĩ Pháp không muốn cam chịu những sự nhạo báng như binh sĩ Anh. Nếu cần bằng chứng thì đó là sự việc trong quân đội Pháp người ta đã nhiều lần mưu sát tướng Pê-li-xi-ê, - sự việc được nêu lên trong tờ “Gazzetta di Milano” của Ra-đét-xki đóng vai trò của tờ “Moniteur”. Cũng chớ nghĩ rằng các trung đoàn chủ chốt ở chính nước Pháp sẽ đóng vai khán giả bàng quan của vở bi kịch Crum. Cảnh sát Pa-ri đã bắt đầu các cuộc lùng bắt trong doanh trại. Linh du-a-vơ được gọi về Pa-ri, để hâm nóng nhiệt tình của công chúng bằng cái vẻ bề ngoài của họ, đã bị điều khỏi thủ đô vì bị xem là không đáng tin cậy. Hai trung đoàn khác từ Crum trở về cũng bị điều đi các tỉnh. Sự đối lập giữa vệ binh và các trung đoàn chủ chốt mỗi ngày một trở nên gay gắt, vì hiện giờ Bô-na-pác-tơ đang thành lập những trung đoàn vệ binh mới, quân số đầy đủ, để quân đoàn đặc quyền này có thể đảm đương việc canh giữ Pa-ri mà không cần đến các trung đoàn nòng cốt. Sau khi đã mua chuộc quân đội, do đó gây ra sự đối lập giữa quân đội với đất nước, thì giờ đây Bô-na-pác-tơ lại định mua chuộc quân đội ngay trong nội bộ quân đội, - đó là một cuộc thí nghiệm khá nguy hiểm.

Để mô tả đầy đủ tình hình *tài chính* - chúng tôi sẽ không gọi nó là cái gót chân của A-si-lơ phi thường ấy, vì cái gót chân ấy quá lớn - cần một bài báo đặc biệt. Ở đây chỉ cần nêu rõ rằng vì trong thời gian gần đây, các chứng khoán có giá bị sụt giá, cho nên với lời tuyên bố ký kết hòa ước, cũng như với sự ra đời của Bô-na-pác-tơ mới, lẽ đương nhiên là người ta chờ đợi những chứng khoán ấy tất nhiên sẽ lên giá. Việc thực hiện điều này không phải là do ý muốn tùy tiện. Không những chính phủ đã ra lệnh cho phép được tự do sử dụng quỹ tiền mặt quốc gia hiện có để mua chứng khoán quốc gia có giá, mà Crédit Mobilier và những cơ quan tín dụng tương tự mọc lên như nấm trong thời cầm quyền của Bô-na-pác-tơ cũng đã khẩn trương mua vét các chứng khoán có giá trong hai ngày liền. Bất chấp tất cả những thủ đoạn đó,

ngay vào lúc báo tin “giáng sinh” vẫn không có sự lên giá của các loại chứng khoán có giá, mà đã xảy ra sự sụt giá, và sự sụt giá ấy vẫn còn đang tiếp diễn. Nổi giận, Bô-na-pác-tơ đã cấm sở giao dịch bán mọi thứ chứng khoán có giá, trừ các loại được mua bán theo giá của chính phủ, rồi ra lệnh gọi các nhà môi giới chủ yếu của sở giao dịch lên cục cảnh sát.

Khi bức tượng A-tê-nê Pa-la-xơ đổ ở Pác-tê-non thì nghe nói sự kiện ấy có nghĩa là điềm không lành đối với nước Cộng hòa A-ten. Vậy thì khi tượng nửa người của Bô-na-pác-tơ lung lay trên bệ của nó ở nhà thờ Do Thái là nơi quy định giá cả thị trường đối với các chính phủ và chiết khấu lịch sử của các dân tộc thì điều đó báo trước sự sụp đổ của đế chế đầu cơ chứng khoán.

*Do C.Mác viết khoảng 1 tháng Tư 1856
Đã đăng trên tờ "The People's Paper" số
205, ngày 5 tháng Tư 1856, ký tên: C.M. và
đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4676, ngày 14 tháng Tư 1856*

*In theo bản đăng trên tờ "The
People's Paper" có đối chiếu
với bản đăng trên tờ "New-York
Daily Tribune" Nguyên văn là
tiếng Anh*

C.MÁC

CÁC-XƠ THẤT THỦ³²²

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Ba - tháng
Tư 1856*

*Đã đăng trên tờ "The People's Paper" các
số 205, 206, 207 và 208; các ngày 5, 12, 19
và 26 tháng Tư 1856*

Ký tên: Các Mác;

*Cũng đăng trên tờ "New - York Daily
Tribune" số 4671, ngày 8 tháng Tư 1856*

*In theo bản đăng trên tờ
"The People's Paper" có
đối chiếu với bản đăng
trên tờ "New - York Daily
Tribune" Nguyên văn là
tiếng Anh*

I

Sự thất thủ của Các-xơ là bước ngoặt trong lịch sử của cuộc chiến tranh giả tạo chống lại nước Nga. Không có sự thất thủ của Các-xơ thì không có năm điếm³²³, không có hội nghị, không có hiệp ước Pa-ri³²⁴, nói tóm lại, không có hòa bình giả tạo. Ngoài ra, nếu chúng ta có thể chứng minh trên cơ sở cuốn Sách xanh³²⁵ của bản thân chính phủ, tuy cuốn sách này được soạn thảo theo cách làm cho nó bị giản lược đến mức biến dạng, cắt xén đến mức xuyên tạc và được tô điểm, vá vúi bằng những điều bịa đặt, - nếu chúng ta có thể chứng minh rằng sự thất thủ Các-xơ ngay từ đầu đã được nội các của huân tước Pan-móc-xton dự kiến và sắp xếp trước một cách có hệ thống, thì tấm màn sẽ được vén lên và tẩn bĩ kịch về cuộc chiến tranh phương Đông với tất cả những sự kiện kinh người của nó sẽ lộ ra khỏi màn sương mù mà cho tới nay giới ngoại giao vẫn phủ lên nó.

Vào cuối tháng Năm 1855, tướng Uy-li-am-xơ báo cho huân tước Rết-clíp-phơ, còn huân tước Rết-clíp-phơ thì báo cho huân tước Cla-ren-đôn rằng:

“Một lực lượng quan trọng của quân Nga gồm 28 000 bộ binh, 7 500 kỵ binh và 64 khẩu pháo đang tập kết về Gum-ri, và Mu-sia cũng đã nhận được tin tức về ý đồ của địch muốn tấn công Các-xơ. Trong dinh lũy này, chúng ta có 13 900 bộ binh, 1 500 kỵ binh, 1 500 pháo thủ và 42 khẩu pháo dã chiến”.

Sau một tuần, ngày 3 tháng Sáu, Uy-li-am-xơ báo cho Cla-ren-đôn:

“Hiện giờ, quân đóng giữ Các-xơ có lương thực đủ cho 4 tháng, và tôi hy vọng rằng chính phủ trung ương và các đồng minh nhanh chóng bày tỏ với số tân binh ấy rằng người ta hoàn toàn không quên họ”.

Báo cáo này (xem các văn kiện về Các-xơ, số 231), phó Đao-ninh nhận được ngày 25 tháng Sáu. Như thế là ngay hôm đó Chính phủ Anh đã biết rằng Các-xơ sẽ thất thủ vào ngày 3 tháng Mười, nếu

không nhận được sự chi viện; trong các bước đi sau này, chính phủ đều xuất phát từ tình hình đó.

Ngày 11 tháng Bảy, huân tước Cla-ren-đôn nhận được ba bản báo cáo của tướng Uy-li-am-xơ đề ngày 15, 17, và 19 tháng Sáu, trong đó, ông ta liên tiếp báo cáo rằng đã xảy ra những trận đánh nhỏ ở các điểm tiền tiêu; ngày 16 tháng Sáu một cuộc tấn công chính quy của quân Nga vào dinh lũy đã bị quân Thổ Nhĩ Kỳ đánh lui một cách dũng cảm, sau cùng, quân địch đã thực hiện một cuộc hành quân bên sườn để tiến về phía dinh lũy và chốt lại một lực lượng lớn (30 000 người) ở cách địa điểm yếu nhất của trận địa quân Thổ Nhĩ Kỳ, có một giờ hành quân. Uy-li-am-xơ kết thúc bản báo cáo cuối cùng với những lời sau đây:

“Đáng tiếc là chúng ta không có kỵ binh phi chính quy... Địch đã cắt đứt một phần tuyến giao thông của chúng ta với Éc-de-rum”.

Khi Công-xtăng-ti-nô-plơ cũng nhận được những tin tức ấy thì huân tước Rét-clíp-phơ được mời dự hội nghị tại cung thủ tướng ở Bô-xpho. Các bộ trưởng Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị chi viện cho Các-xơ, bằng cách cử một đội quân viễn chinh từ Rê-đút - Ca-lơ đi qua Cu-ta-ít đến Cru-di-a, gồm những thành phần sau đây:

Đội quân của tướng Vi-vi-an.....	20 000
Đội quân của tướng Bít-xơn.....	3 000
Điều từ đội quân đóng giữ Ba-tum.....	12 000
Lính An-ba-ni.....	2 000
Điều từ Bun-ga-ri.....	5 000
Kỵ binh chính quy Ai Cập.....	800
Kỵ binh Tuy-ni-di.....	600

Tổng cộng.....43 400

Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ bày tỏ sự đồng ý trao quyền chỉ huy cuộc viễn chinh này cho người Anh và chức vụ chỉ huy sẽ do tướng Vi-vi-an đảm nhiệm. Huân tước Cla-ren-đôn được biết đề nghị này vào ngày 11 tháng Bảy. Ngày 12 tháng Bảy, huân tước Rét-clíp-phơ đánh điện bổ xung cho ông ta:

“Việc chuẩn bị cho cuộc viễn chinh có thể có, đang được tiến hành. Nếu Ngài lập tức điện cho tôi biết xem chính phủ có sẵn sàng phê chuẩn cuộc hành quân kiểm chế lớn lao qua Rê-đút - Ca-lơ và Cu-ta-ít đến Gru-di-a hay không, thì có thể tiết kiệm được nhiều thời gian quý giá”.

Trong thời gian từ 25 tháng Sáu đến 12 tháng Bảy Chính phủ Anh, biết rõ nguy cơ đang đe dọa Các-xơ, đã ý ra không hành động gì để chi viện cho cứ điểm: chẳng giữ lấy một bức điện nào cả. Nhưng ngay từ hôm quyết định phá hoại bất cứ kế hoạch chi viện nào của Thổ Nhĩ Kỳ để cứu Các-xơ, chính phủ lại đột nhiên tỏ ra tích cực điên cuồng. Ngày 13 tháng Bảy (xem văn kiện về Các-xơ, số 248), Cla-ren-đôn gửi cho Rét-clíp-phơ một điện khẩn nội dung như sau:

“Chính phủ của nữ hoàng cho rằng điều sáng suốt hơn là cử quân tăng viện đến hậu phương quân đội Thổ Nhĩ Kỳ chứ không phải đưa quân viễn chinh vào hậu phương quân Nga. Quân tăng viện có thể được phái đến Tơ-ra-pê-dun rồi từ đó đến Éc-de-rum. Khoảng cách từ Tơ-ra-pê-dun đến Éc-de-rum nhỏ hơn khoảng cách từ Rê-đút - Ca-lơ đến Ti-phlít và đường chạy qua lãnh thổ nước bạn, chứ không phải nước địch. Ở Éc-de-rum, quân đội sẽ gặp những người bạn sẵn sàng giúp đỡ, chứ không phải kẻ thù đối kháng, và ở đây dự trữ lương thực, chứ không phải nạn đói, chờ đợi họ. Nếu quân đội ở Các-xơ không thể giữ được trận địa ấy trong cuộc đấu tranh chống quân Nga thì nó nên rút về Éc-de-rum; toàn bộ lực lượng của Thổ Nhĩ Kỳ nên tập trung ở chính chỗ đó. Nếu cần đánh bại quân Nga thì điều đó có thể làm được bằng lực lượng của các đội quân liên hợp dễ dàng hơn là bằng lực lượng của một bộ phận riêng lẻ của nó. Quân Nga càng tiến sâu vào biên giới Thổ Nhĩ Kỳ thì thất bại của nó càng có ý nghĩa quyết liệt hơn”.

Vào ngày hôm sau, sau khi nhận được điện của Rét-clíp-phơ, Cla-ren-đôn còn tỏ ra khẳng khái hơn và đã xếp Éc-de-rum vào danh sách những địa điểm cần rút lui về.

Điện

Bá tước Cla-ren-đôn gửi huân tước Xơ-rát-phơ đơ Rét-clíp-phơ.

Bộ ngoại giao, ngày 14 tháng Bảy 1855

Kế hoạch tăng cường quân đội ở Các-xơ, được nêu trong các bức điện khẩn

của Ngài ngày 30 tháng Sáu và 1 tháng Bảy (phải là ngày 12 tháng Bảy) đã không được chấp thuận. Các luận cứ phản đối việc sử dụng quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trước khi nó trở nên thích hợp với các hoạt động tác chiến, sẽ do giao thông viên chuyển đi hôm nay. Căn cứ tác chiến phải là Tơ-ra-pê-dun, mà nếu quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Các-xơ và Éc-de-rum không đủ sức bảo vệ địa điểm thứ hai trong số những địa điểm ấy chống lại quân Nga, thì hãy để nó rút về Tơ-ra-pê-dun, nơi đây nó có thể dễ dàng nhận được quân tăng viện.

Nếu Các-xơ là chiếc chìa khóa để vào Éc-de-rum thì Éc-de-rum là chiếc chìa khóa vào Công-xtăng-ti-nô-plơ và là trung tâm gặp nhau của các con đường chiến lược và các con đường thương mại ở A-na-tô-li. Một khi Các-xơ và Éc-de-rum rơi vào tay quân Nga thì hoạt động thương mại trên lục địa của Anh vừa^{1*} Tơ-ra-pê-dun đến Ba Tư sẽ lập tức bị gián đoạn. Chính phủ Anh biết rất rõ tất cả tình hình đó, vẫn thân nhiên khuyên triều đình Thổ Nhĩ Kỳ trao chiếc chìa khóa của ngôi nhà của nó ở châu Á, khi mà không một địa điểm nào bị lâm nguy, và đề nghị quân đội ở Các-xơ bị bao vây hãy rút lui về chỗ đóng số quân tăng viện bị cấm đi chi viện cho số quân bị bao vây. “Nếu cần đánh bại quân Nga” - ngài bá tước tuyên bố (hình như ngài đặt câu hỏi: có cần làm điều đó chẳng?) - thì theo ý kiến ngài, quân Nga mà càng tiến sâu vào biên giới Thổ Nhĩ Kỳ, nghĩa là càng nhiều cứ điểm và lãnh thổ rơi vào tay quân Nga và trên thực tế quân Nga mà càng tiến gần đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, thì thất bại ấy càng có tính chất quyết liệt hơn và dễ dàng đạt được hơn.

Những bức điện khẩn ấy của huân tước Cla-ren-đôn được củng cố thêm một cách thích đáng bằng bức điện khẩn sau đây của quý ngài “Take care of Dowb”³²⁶ Pan-muy-rơ, nhân vật Các-nô của nước Anh, gửi trung tướng Vi-vi-an:

Huân tước Pan-muy-rơ gửi trung tướng Vi-vi-an
Bộ chiến tranh, ngày 14 tháng Bảy 1855

Thưa ngài!

Tôi xin gửi kèm theo đây, đề ngài am tường, bản sao điện khẩn mà bá tước

^{1*} - qua

Cla-ren-đôn cũng đã gửi cho đại sứ quán của nữ hoàng ở Công-xtăng-ti-nô-plơ về kế hoạch chi viện quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Các-xơ do Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị. Tôi cần thông báo để Ngài rõ rằng tôi hoàn toàn đồng ý với tất cả những điều đã nói trong bức điện ấy về tính chất không thể chấp nhận được của kế hoạch do Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị. Tôi hết sức tin tưởng vào kinh nghiệm quân sự của Ngài, nên không chút lo ngại rằng Ngài có thể tiếp thu một cuộc viễn chinh khinh suất và mạo hiểm như Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ chủ trương. Đương nhiên, chức trách của Ngài, không những với tư cách tư lệnh quân đội, mà còn với tư cách là một sĩ quan Anh được sự tin nhiệm của chính phủ của nữ hoàng, là khi có điều kiện thì sẽ ra sức giúp đỡ đồng minh Thổ Nhĩ Kỳ của chúng ta, nhưng đồng thời Ngài cần hết sức thận trọng và không đem phiêu lưu danh dự của nước Anh và tiếng tăm của cá nhân Ngài để tiến hành những hoạt động quân sự, mà để tiến hành chúng thì còn chưa chuẩn bị được cơ sở tương ứng, chưa bảo đảm được tuyến giao thông, chưa lập được nguồn dự trữ, chưa chuẩn bị được phương tiện vận tải. Tiến hành một coup de main^{1*} bằng cách bất ngờ đổ bộ quân đội lên bờ biển nhằm mục đích uy hiếp cứ điểm địch hoặc thậm chí tấn công cứ điểm ấy, - đó là một chuyện, nhưng tiến hành cuộc viễn chinh với mục đích xâm nhập có chuẩn bị trước vào đất nước địch và tiến hành chiến tranh trên lãnh thổ địch, thì đó lại là việc khác hẳn. Trong tình huống thứ nhất, có thể chấp nhận một sự phiêu lưu trên mức độ nào đó, trong tình huống thứ hai, trước khi có hành động phải có sự chuẩn bị toàn diện từ trước. Ngoài ra, dựa vào tất cả những tin tức mà tôi nhận được, tôi hoàn toàn có căn cứ để cho rằng quân đội ở Ba-tum đang lâm vào tình trạng bi thảm. Tôi biết rằng quân lính chưa được tổ chức đầy đủ, Ngài không có tin tức gì về số quân Bun-ga-ri, còn về đội kỵ binh của Bít-xơn thì tôi nghĩ rằng khó khép nó vào sự phục tùng mệnh lệnh và xác lập kỷ luật trong hàng ngũ họ, cũng như các đơn vị quân lính của Ngài. Tóm lại, tôi tin chắc rằng ý định chi viện bằng cách đó cho chuẩn tướng Uy-li-am-xơ là không sáng suốt. Hiện nay đã quá muộn để hối tiếc về chính sách đã đặt vị sĩ quan hết sức dũng cảm ấy và quân lính của ông ta vào hoàn cảnh gay go như thế; nhưng thực hiện những kế hoạch được đưa ra nhằm chi viện cho ông ta thì như thế có nghĩa là đi vào con đường thất bại mới. Ngài phải -, điều đó, không nghi ngờ gì nữa, là rất rõ ràng cả đối với Ngài - không bỏ phí thời gian, để chuẩn bị quân đội của mình cho những hành

^{1*} - cuộc tập kích táo bạo

động quân sự mà nhất định Ngài sẽ phải tiến hành ở nơi này hay nơi khác, một khi Ngài đã sẵn sàng để làm việc đó; đối với quân đội, tổ chức cũng là cần thiết như sự dẻo dai và lòng dũng cảm, và nếu không có phẩm chất thứ nhất thì hai phẩm chất sau cùng hoàn toàn vô dụng.

Trong bức điện khẩn này, vị bộ trưởng chiến tranh của huân tước Pan-móc-xton tỏ ra là một tên hề thực thụ, chỉ thích hợp với sự giải trí của chủ hần. Tạo ra sự uy hiếp đối với cứ điểm Xê-va-xtô-pôn “hoặc thậm chí” mở cuộc tấn công vào Xê-va-xtô-pôn là nơi mà nước Nga đã không ngừng tăng cường công sự phòng ngự trong vòng 20 năm nay, đó là việc làm hoàn toàn sáng suốt đối với ông ta, vì đây là coup de main không chín chắn của liên quân; nhưng “cuộc xâm nhập có chuẩn bị từ trước” của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ vào đất địch nhằm đánh bại nó thì, theo “Đau-bơ”, đó là điều chưa từng nghe thấy! Ông ta hoàn toàn tán thành ý kiến của Cla-ren-đôn cho rằng thực chất đích thực của chiến lược là củng cố hậu phương của quân đội mình, chứ không phải hoạt động ở hậu phương địch - hãy để ông ta tranh luận về vấn đề ấy với Na-pô-lê-ông I, với Giôn-mi-ni và với tất cả các nhà chiến lược vĩ đại khác. Ông ta cũng đồng ý với bạn của ông ta rằng trong thời chiến quân đội dù sao cũng không nên đi qua nước thù địch, mà bao giờ cũng chỉ nên đi qua nước bạn - “với nguồn dự trữ lương thực và không lo đói” - triết lý chân chính của kẻ phàm ăn. Nhưng xuyên qua sự ngu xuẩn tự phụ của tên hề, chúng ta đã nắm được ý đồ của kẻ đứng đằng sau hần! Không phải ông “Đau-bơ” đáng thương có sứ mạng phát hiện rằng Gru-di-a là nước địch, chứ không phải nước bạn, mà đó là nước Gru-di-a đóng vai trò là nước Ba Lan của Nga ở Cáp-ca-dơ.

Nhìn vào ý đồ chung của nó thì đề nghị của Thổ Nhĩ Kỳ mà “Đau-bơ” coi là khinh suất và mạo hiểm, là táo bạo, chính xác và, theo ý chúng tôi, là tư tưởng chiến lược duy nhất nảy sinh trong tiến trình của cuộc chiến tranh này. Đề nghị ấy chung quy là chiếm lĩnh trận địa xa rồi trung tâm đối với phía quân bao vây, tạo ra sự uy hiếp đối với Ti-philít, các trung tâm thống trị ấy của Nga ở châu Á và đặt Mu-ra-vi-ép trước nguy cơ bị cắt đứt khỏi

căn cứ tác chiến và tuyến giao thông của mình, buộc ông ta rút khỏi Các-xơ. Một cuộc viễn chinh như thế ở Min-grê-li-a sẽ tạo khả năng không những chi viện cho Các-xơ, mà còn chuyển sang hành động tấn công ở tất cả các khu vực và, do đó, đạt được ưu thế lớn nhất có thể có trong chiến tranh - tức là buộc địch chuyển vào phòng ngự. Nhưng nguy cơ đã đến gần; cho nên để hoàn thành thắng lợi kế hoạch ấy, cần phải thực hiện một cách nhanh chóng, kiên quyết, với lực lượng đầy đủ, tự bảo đảm được phương tiện vận tải và lương thực. Vì Mu-ra-vi-ép coi Gum-ri - cứ điểm dành riêng để phòng ngự chống quân Thổ Nhĩ Kỳ - là căn cứ tác chiến thứ nhất ở hậu phương trực tiếp của mình, nên ông ta có thể giữ trận địa của mình cho đến tận khi tin chắc rằng sự tiến quân của địch về Ti-philít quả thực tạo thành sự uy hiếp đối với ông ta. Để thực hiện kế hoạch này, cần đổ bộ lên bờ biển Séc-kê-xi-a ít nhất 55 000 người, chiếm Cu-ta-ít và vượt thung lũng Gô-ri. Ô-me-rơ-pa-sa sau này dẫn 36 000 quân để tiến hành một cuộc viễn chinh như thế đến gần sông Ri-ông thì khi điếm lại chỉ còn không quá 18 000 - 20 000 người.

Không nghi ngờ gì nữa, một đạo quân gồm 20 000 người ở Éc-de-rum sẽ đem lại nhiều lợi ích hơn là một đạo quân 40 000 người ở Min-grê-li-a. Mặt khác, chớ nên quên rằng khi Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đưa ra đề nghị của mình, số lượng quân Nga ở Ti-philít, theo tài liệu của chính cuốn Sách xanh, không vượt quá 15 000 người, còn Bê-bu-tốp cùng số quân tăng viện của mình thì chưa tới. Ngoài ra, theo sự khẳng định của Ô-me-rơ-pa-sa, cuộc tiến quân từ Tơ-ra-pê-dun đến Éc-de-rum, rồi đến Các-xơ của một đạo quân khá đông để hoàn thành nhiệm vụ của nó đem theo dự trữ lương thực, đạn dược và vũ khí cần thiết đòi hỏi bốn tháng ròng. Sau hết, nếu Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đưa ra một kế hoạch đúng khi không có những phương tiện cần thiết, thì trách nhiệm của các nước đồng minh của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ là bảo đảm cho nó đầy đủ phương tiện, chứ tự mình không nên đưa ra kế hoạch sai lầm. Trong khi đó, 60 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ bị giam chân

ở Crum và không hành động gì được, mà đây là đội quân duy nhất có sức chiến đấu của Thổ Nhĩ Kỳ.

“Ở Ba-tum, Xu-khum - Ca-lơ và những địa điểm khác nằm gần bờ biển”- huân tước Rét-clíp-phơ viết ngày 28 tháng Sáu - “hết sức khó tập trung quá 11 000 người... Các vùng khác của đế quốc (trừ Bun-ga-ri) không thể cung cấp lực lượng dự bị bổ sung nào trừ Bô-xni-a, ở đây còn có thể tuyển được mấy ngàn người nữa, tôi nói về quân chính quy, có thể chiêu mộ được thêm người ba-si-bu-dúc, nhưng thưa Ngài, Ngài biết đấy, người ta ít có thể trông mong ở đám người vô kỷ luật đó như thế nào ... Tôi nghi ngờ ở Bun-ga-ri có quá 50 000 binh sĩ, kể cả số quân đóng giữ. Áo quả thực đã tuyên bố ý định của mình là coi việc quân Nga vượt sông Đa-nuýp như là casus belli^{1*} và hứa không để cho Nga xâm nhập các công quốc vùng Đa-nuýp. Nhưng vị tất có thể hy vọng rằng Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ sẽ ra quyết định tuân theo những sự bảo đảm ấy trong các hành động của nó và không tính đến việc để trận địa quan trọng không được bảo vệ đầy đủ là điều thiếu sáng suốt như thế nào - tuy rằng một quyết định như thế có thể và đáng được ca ngợi”.

Ngoài đội quân Anh - Thổ Nhĩ Kỳ, trong tay Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ còn lại những quân lính nào? Mà những binh lính ấy, như có thể kết luận qua điện khẩn của Cla-ren-đôn và Pan-mua, chỉ là thủ đoạn làm cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ mất đi những lực lượng cuối cùng mà nó còn nắm được.

Nhưng Chính phủ Anh có đưa ra kế hoạch gì của mình chống lại kế hoạch của Thổ Nhĩ Kỳ không? Chẳng lẽ nó không chuẩn bị đưa quân lính Anh - Thổ Nhĩ Kỳ đến Tơ-ra-pê-dum, rồi từ đây đến Éc-de-rum hoặc Các-xơ hay sao? Trong điện khẩn của mình gửi ngày 14 tháng Bảy, Cla-ren-đôn tỏ ý “phản đối việc sử dụng quân Thổ Nhĩ Kỳ trước khi nó trở nên có khả năng tác chiến”. Nhưng nếu những binh sĩ ấy không thích hợp với tác chiến, thì có nghĩa là họ không thích hợp với cuộc viễn chinh Éc-de-rum, cũng không thích hợp với cuộc viễn chinh Min-grê-li-a. Trong bức điện khẩn gửi cùng ngày, anh hề Pan-muy-rơ viết như sau cho Vi-vi-an, tư lệnh quân đội ở đó:

^{1*} - cái cơ gây chiến

“Ngài không được bỏ phí thời gian và phải chuẩn bị quân lính của mình cho những hành động quân sự mà Ngài, không nghi ngờ gì nữa, sẽ tiến hành ở nơi này hoặc nơi khác một khi Ngài đã sẵn sàng cho việc đó”.

Ông ta yêu cầu Vi-vi-an sẵn sàng không phải cho một hành động trực tiếp, không phải cho Éc-de-rum, mà là cho hành động ở nơi này hoặc nơi khác, nói cách khác, không ở đâu cả. Ngay từ ngày 7 tháng Chín Cla-ren-đôn (xem văn kiện số 302) đã cho rằng quân đội Anh - Thổ Nhĩ Kỳ huấn luyện rất tồi và không thích hợp với việc đánh chiếm trận địa có công sự gần Xê-va-xtôn-pôn. Như vậy, hoàn toàn rõ ràng là Chính phủ Anh đưa ra phương án Éc-de-rum không phải là để thực hiện nó, mà là để phá hoại cuộc viễn chinh Min-grê-li-a của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Nó phản đối không phải một kế hoạch cụ thể nào đó, mà là mọi kế hoạch chi viện cho Các-xơ.

“Định viện trợ cho quân đội của chuẩn tướng Uy-ni-am-xơ, là việc làm thiếu sáng suốt... Hối hận về cái chính sách (chính sách của Pan-móc-xton) đã đặt vị sĩ quan dũng cảm ấy và quân lính của ông ta vào tình cảnh nghiêm trọng như vậy là quá muộn rồi”, Pan-muy-rơ viết như vậy cho Vi-vi-an.

Cla-ren-đôn nói với Rét-clíp-phơ: ngoài việc trao cho người Nga Các-xơ, cộng thêm Éc-de-rum, thì việc thi hành bất cứ biện pháp nào khác đều quá muộn rồi. Kế hoạch này không những được chính phủ của Pan-móc-xton thông qua từ ngày 13 tháng Bảy, mà còn được thừa nhận trong cuốn Sách xanh, và chính phủ thì, như chúng ta sẽ thấy, chưa bao giờ từ bỏ nó.

Tất cả những bức điện khẩn của Rét-clíp-phơ trong tháng Bảy, được xếp vào các văn kiện số 254 - 277 về Các-xơ, đều chứng minh rằng Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ sốt sắng chuẩn bị cuộc viễn chinh Min-grê-li-a của Vi-vi-an. Chuyện ấy đã có thể xảy ra như thế nào?

Ngày 12 tháng Bảy 1855, như chúng ta còn nhớ, huân tước Rét-clíp-phơ điện cho huân tước Cla-ren-đôn rằng việc chuẩn bị cuộc viễn chinh Min-grê-li-a dưới sự lãnh đạo của tướng Vi-vi-an đang được tiến hành thuận lợi và “để tiết kiệm thời gian quý báu”, huân tước yêu cầu chính phủ đưa ra những chỉ thị tương ứng

bằng điện. Vì vậy Cla-ren-đôn đánh điện phản đối phương án của Thổ Nhĩ Kỳ; tuy bức điện đề ngày gửi là 14 tháng bảy, mãi 30 tháng Bảy nó mới được chuyển tới Công-xtăng-ti-nô-plơ, bấy giờ, như chúng ta thấy, huân tước Rét-clíp-phơ lại viết cho Cla-ren-đôn những dòng sau đây:

“Ý kiến không tán thành của chính phủ của nữ hoàng đối với kế hoạch chi viện cho quân đội của vua Thổ Nhĩ Kỳ ở Các-xơ, được đưa ra gần đây, đương nhiên lại tăng thêm sự bối rối của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Bồn phận của tôi là chuyển ý kiến ấy cho các bộ trưởng Thổ Nhĩ Kỳ không những với tính cách phản ánh ý kiến, mà còn với tính cách phụ quyết việc sử dụng đội quân của tướng Vi-vi-an. Sau đó, lập tức diễn ra một tình trạng éo le hết sức nghiêm trọng. Chính phủ của nữ hoàng không những cấm sử dụng quân đội, mà còn quyết tâm lựa chọn một kế hoạch khác - cử quân tăng viện đến Éc-de-rum qua ngã Tơ-ra-pê-đun. Ý kiến đó đã vấp phải ở đây sự phản đối của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như hết thảy các nhân vật chính thức và tư nhân. Xê-ra-xkia^{1*}, Ô-me-rơ-pa-sa, tướng Hai-ôn và các sĩ quan của chúng ta, tất cả họ đều đồng ý với Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ và đại sứ quán Pháp rằng cần phải lựa chọn cuộc hành quân kiềm chế theo hướng Rê-đút-Ca-lơ vì như thế có thể đem lại thắng lợi to lớn, đương nhiên là với điều kiện có sự bảo đảm tương ứng về phương tiện vận tải, lương thực và các nhu yếu phẩm khác... Tuy nhiên, các tin tức gửi đến từ Các-xơ lại tuyệt nhiên không làm cho người ta yên tâm, còn thời gian quý báu thì không tránh khỏi bị phung phí vào những sự hoài nghi và dao động”.

Vì con đường từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đến Luân Đôn không dài hơn tí nào so với đoạn đường từ Luân Đôn đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, nên người ta rất đỗi ngạc nhiên trước sự việc bức điện khẩn của Rét-clíp-phơ gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 12 tháng Bảy thì đến ngày 14 tháng Bảy Luân Đôn đã nhận được, trong khi đó điện khẩn của Cla-ren-đôn gửi từ Luân Đôn ngày 14 tháng Bảy thì mãi đến 30 tháng Bảy hoặc vào khoảng gần ngày ấy Công-xtăng-ti-nô-plơ mới nhận được. Trong bức điện khẩn ngày 19 tháng Bảy, Rét-clíp-phơ tỏ ý không hài lòng về sự im lặng của chính phủ đã được ông ta khẩn thiết yêu cầu “cho biết ý kiến

ngay lập tức”. Qua một bức điện khác đề ngày 23 tháng Bảy, chúng ta thấy rằng ông ta vẫn chưa nhận được điện trả lời. Như chúng tôi đã nói từ trước, trên thực tế chưa có sự xác nhận về việc nhận được điện trả lời trước ngày 30 tháng Bảy. Vì vậy, không nghi ngờ gì nữa, ngày tháng ở Luân Đôn được ghi trên bức điện khẩn của Cla-ren-đôn là *bịa đặt*, và sự thực thì bức điện ấy đã được gửi đi chậm hơn mấy tuần so với ngày tháng được ghi trong cuốn Sách xanh. Sự bịa đặt ấy bóc trần mục đích kéo dài thời gian. Người ta cần bắt người khác phải để mất thời gian quý báu, gây ra sự hoài nghi và dao động, và điều quan trọng hơn cả là: buộc Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ để phí cả tháng Bảy vào việc chuẩn bị cuộc viễn chinh của tướng Vi-vi-an, mà theo quyết định của Chính phủ Anh, thì không được tiến hành.

^{1*} - Ru-sđi-pa-sa (bộ trưởng chiến tranh)

II

Vì sự dao động về chiến lược của Chính phủ Anh không cho phép chính phủ này trong ba tháng qua bày tỏ rõ ràng quan điểm của mình đối với những hoạt động quy mô mà Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ định tiến hành, nên điều tốt nhất mà nó có thể làm là cấp tốc cử vào lúc đó một đơn vị nhỏ của mình via Éc-de-rum để khôi phục giao thông giữa thành phố này với Các-xơ. Liên quân làm chủ Hắc Hải, còn Chính phủ Anh thì hoàn toàn nắm được 4 000 lính ba-si-bu-dúc dưới quyền chỉ huy của tướng Bít-xơn, đây là đơn vị duy nhất có khả năng chiến đấu của kỵ binh phi chính quy Thổ Nhĩ Kỳ. Đồ bộ ở Tơ-ra-pê-dun, đơn vị này có thể đến Éc-de-rum trong 10 ngày, hộ tống đoàn quân lương chở đến Các-xơ và, do đó, tạo khả năng cho cứ điểm tiếp tục cuộc đề kháng của mình từ một tháng đến một tháng rưỡi, nghĩa là cho đến khi mùa đông rét mướt của Ác-mê-ni bắt đầu sẽ buộc phía vây hãm ngừng các hành động tấn công. Ngày 7 tháng Bảy, tướng Bít-xơn viết thư cho Rét-clíp-phơ, yêu cầu Rét-clíp-phơ sử dụng quân của ông ta vào hành động quân sự tích cực.

Lời thỉnh cầu của ông ta không được coi trọng. Ngày 14 tháng Tám, bản thân quân đội gửi đơn thỉnh cầu, yêu cầu đừng để họ ngồi không nữa, mà hãy cử họ sang châu Á. Không có sự trả lời nào cả. Ngày 12 tháng Chín Bít-xơn đánh bạo trình bày lần thứ ba ý kiến của mình. Vì Chính phủ Anh không muốn chịu đựng lâu hơn nữa sự quấy rầy của kẻ cầu xin thiếu tế nhị kia, nên đã sử dụng các âm mưu quân sự - ngoại giao mà kết quả là Bít-xơn bị triệu hồi ra khỏi quân đội. Vì bản thân Bít-xơn bị triệu hồi, nên toàn bộ thư từ của ông ta với chính phủ đều bị rút ra khỏi cuốn Sách xanh.

Như chúng ta đã biết, Chính phủ Anh đã ôm khư khư lấy cuộc

viễn chinh Éc-de-rum via Tơ-ra-pê-dun. Khi đã nhận được tin quân Nga đã chiếm được con đường cái đi lại giữa Éc-de-rum và Các-xơ và chiếm được một phần lương thực chuẩn bị cho số quân ở Các-xơ, thì người ta thực hiện sau lưng đại sứ quán Anh ý định độc lập chi viện tức khắc từ Tơ-ra-pê-dun. Kèm theo báo cáo ngày 16 tháng Bảy 1855 của Rét-clíp-phơ có thư của phó lãnh sự Xti-ven, nội dung như sau:

Tơ-ra-pê-dun, ngày 9 tháng Bảy 1855

Thưa quý ngài!

Tôi hân hạnh báo để Ngài biết rằng Ha-phi-dơ-pa-sa lên đường đi Éc-de-rum hôm qua với 300 pháo binh và 20 khẩu pháo dã chiến. Hiện nay đang thành lập một đơn vị lớn quân phi chính quy mà quân số dự tính lên tới 10 000 người; đơn vị này lên đường hôm nay cũng theo hướng ấy

(Ký tên: *xti-ven*)

Rét-clíp-phơ, theo chức trách của mình, lập tức đòi Xê-ra-xkia giải thích xem tại sao lơ tịt việc tập kết 10 000 quân phi chính quy ở Tơ-ra-pê-dun và việc Ha-phi-dơ-pa-sa đến Éc-de-rum.

“Tất cả những điều mà tôi nghe ngài ấy nói về vấn đề ấy” - ông ta phàn nàn - “đó là Tu-xum-pa-sa được lệnh đi Tơ-ra-pê-dun, rồi có thể là từ đó đi Xi-va-xơ, nơi mà ông ta phải chiêu mộ 4 000 binh sĩ phi chính quy và cùng họ tiến ra chiến trường”.

Nếu kẻ các đường giữa Tơ-ra-pê-dun, Xi-va-xơ và Éc-de-rum, thì thấy rằng những đường ấy tạo thành một tam giác cân mà cạnh đáy của nó, tức là đường từ Tơ-ra-pê-dun đến Éc-de-rum, ngắn hơn mỗi cạnh sườn khoảng một phần ba. Do đó, phái quân tăng viện thẳng từ Tơ-ra-pê-dun đến Éc-de-rum, chứ không phải cử Tu-xum-pa-sa từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đến Tơ-ra-pê-dun, rồi từ Tơ-ra-pê-dun “có thể” đến Xi-va-xơ, nơi mà ông ta có thể mất thời gian vào việc tuyển mộ quân lính phi chính quy, để rồi sau đó có thể là cùng họ tiến về Éc-de-rum, điều đó có nghĩa là làm cho sự kiện chuyển biến quá nhanh chóng, điều mà đại sứ Anh không thể không trách cứ phía Thổ Nhĩ Kỳ. Không dám nói với Xê-ra-xkia rằng việc chi viện cho thành phố bị vây là tùy thuộc vào sự tri

hoãn có tính toán cẩn thận, huân tước Rét-clíp-phơ nêu lên với ông ta một câu hỏi:

“Phải chăng có thể hoài nghi điều sau đây: đơn vị lính ba-si-bu-dúc lớn ấy được tập hợp vội vàng và hỗn độn như vậy sẽ chỉ có lợi cho kẻ thù?”

Và khi Xê-ra-xkia bác bỏ một cách có lý điều đó, nói rằng :

“Ông ta khẩn thiết yêu cầu chi tiền để trả lương cho lính ba-si-bu-dúc, vì đây là điều kiện cơ bản cho mọi sự phục tùng của họ, và thậm chí ông ta còn dọa từ chức nếu yêu cầu của ông ta không được thỏa mãn”, thì huân tước Rét-clíp-phơ lập tức tỏ ra nặng tai.

Nếu chúng ta xét đến một kế hoạch tác chiến khác, do Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị và bị các nước đồng minh của nó phá hoại, thì chúng ta sẽ rơi vào một mớ bòng bong khó bề gỡ nổi.

Qua báo cáo của trung tá Xim-môn-xơ, đại diện của Anh tại doanh trại của Ô-me-rơ-pa-sa, gửi cho huân tước Cla-ren-đôn ngày 15 tháng Bảy, và qua bị vong lục của Ô-me-rơ-pa-sa kèm theo báo cáo đó, ta có thể xác định sự việc sau đây: Ngày 23 tháng Sáu Ô-me-rơ-pa-sa nhận được thư của tướng Uy-li-am-xơ cho biết tuyến giao thông với Éc-de-rum đã bị cắt đứt, và yêu cầu - với lời lẽ khẩn khoản nhất là lập tức cần gửi quân tăng viện đến Các-xơ hoặc tiến hành một hành động kiềm chế quy mô từ phía Rê-đút-Ca-lơ. Ngày 7 tháng Bảy, Ô-me-rơ-pa-sa gửi bị vong lục cho các thống soái tối cao liên quân - Xim-xơn và Pê-li-xi-ê - kiên quyết đòi triệu tập hội nghị các viên tư lệnh lục quân và hải quân của liên quân để có quyết định ngay. Trong bị vong lục, ông ta nêu lên:

“bản thân ông ta cùng với một bộ phận quân đội của ông ta ở đây” (ở Ba-la-cla-va) “và ở Kéc-sơ, với 25 000 bộ binh và 3 000 kỵ binh của Ép-pa-tô-ni và một số lượng pháo binh tương ứng sẽ tiến về một địa điểm nào đó trên bờ biển Séc-kê-xi-a, bằng cách uy hiếp tuyến giao thông của quân Nga từ địa điểm này, ông ta sẽ buộc quân Nga rút bỏ cuộc vây đánh Các-xơ”.

Để luận chứng cho đề nghị của mình, Ô-me-rơ-pa-sa vạch rõ rằng quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Á, với số lượng 10 000 người đang bị một lực lượng vượt trội của quân Nga vây hãm trong dinh lũy ở Các-xơ, đang lâm vào tình trạng là khi thiếu lương thực rất

có thể họ sẽ buộc phải đầu hàng, quân đóng giữ Các-xơ trên thực tế là quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Á; nếu số quân đóng giữ Các-xơ đầu hàng thì Éc-de-rum, thành phố do vị trí địa lý mà rất khó có thủ, sẽ rơi vào tay địch và đối phương sẽ không chế được tuyến giao thông với Ba Tư, cũng như với phần lớn Tiểu Á; nên chấp nhận đề nghị của ông ta, liên quân có thể lợi dụng những ưu thế chủ yếu mà họ có được, tức là sự thuận tiện của vận tải đường biển và đạo quân Thổ Nhĩ Kỳ duy nhất có đầy đủ sức chiến đấu và sẵn sàng tiến quân, tức là đạo quân của chính Ô-me-rơ-pa-sa. Đối với bị vong lục ấy, nguyên soái Pê-li-xi-ê và tướng Xim-xơn trả lời rằng “do thiếu những thông tin bổ sung, nên các ông cho rằng triệu tập hội nghị là quá sớm”. Mặc dù như vậy, ngày 12 tháng Bảy Ô-me-rơ-pa-sa lại gửi thư cho họ nói rằng:

“trong khi đó ông ta đã nhận được điện khẩn của chính phủ của ông ta, căn cứ vào bức điện khẩn ấy thì toàn bộ lãnh thổ châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ cho đến tận cổng thành Công-xtăng-ti-nô-plơ đều không được bảo vệ, và do mỗi giờ đều quý báu, nên chính phủ yêu cầu ông ta lập tức tìm kiếm sử dụng mọi phương tiện và tài nguyên cần thiết để ngăn ngừa mối hiểm nguy to lớn mà chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, do đó cả sự nghiệp của liên quân, đang lâm vào”. “Trong tình hình đó” - ông ta nói thêm - “Ở Crum có 60 000 binh sĩ phần lớn là người sinh trưởng ở châu Á, và gia đình và tài sản của họ đang đứng trước nguy cơ bị địch tiêu diệt, và xét rằng đạo quân ấy ở Crum không hoạt động gì, và lại, xem ra không có hy vọng sử dụng họ trong tương lai gần vào hoạt động tích cực, cho nên, với bản phận của mình đối với quốc vương của tôi và vì lợi ích của sự nghiệp chung, tôi thấy cần nhắc lại đề nghị trước đây của tôi”.

Vì vậy, ông ta yêu cầu các tướng lĩnh liên quân triệu tập hội nghị tại tổng hành dinh quân Anh. Đồng thời cùng với bức thư gửi các tướng lĩnh liên quân ấy, ông ta đã thuyết phục trung tá Xim-môn-xơ gửi thư mật cho tướng Xim-xơn và đô đốc Lai-ôn-xơ mà chúng tôi trích dẫn trong đó đoạn sau đây:

Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị tướng Vi-vi-an dẫn đầu đạo quân Thổ Nhĩ Kỳ tiến về Rê-đút-Ca-lơ... Nhưng Ô-me-rơ-pa-sa cho rằng phái đơn vị ấy đến đó là phiêu lưu, vì binh sĩ còn chưa quen các sĩ quan của mình, còn các sĩ quan thì không nói tiếng nói của binh sĩ, do đó không thể chỉ huy họ trên chiến trường;

đội quân này tuy có thể làm nhiệm vụ đồn trú, nhưng chưa thể phái họ vào sâu nội địa. Ngoài ra đơn vị này về số lượng thì quá yếu để có thể hoàn thành hoạt động quân sự được dự định. Ô-me-rơ-pa-sa cũng giữ ý kiến cho rằng bản thân ngài được sự tin nhiệm của người Thổ Nhĩ Kỳ và rất có tiếng tăm ở châu Á, nơi mà ông ta đã tiến hành mấy chiến dịch, thì sẽ được thiện cảm của dân cư và sẽ kiếm được, nhờ sự giúp đỡ của họ, lương thực và tin tức tình báo dễ dàng hơn là người nước ngoài không biết tiếng nói, cũng như đất nước họ”.

Hội nghị được triệu tập vào ngày 14 tháng Bảy, gồm có Ô-me-rơ-pa-sa, trung tá Xim-môn-xơ, các tướng Xim-xơn, Pê-li-xi-ê, Mác-tanh-prê và các đô đốc Lai-ôn-xơ, Bruy-a và Xtiu-át tham dự. Ô-me-rơ-pa-sa trình bày tỉ mỉ về binh lực của quân Nga ở châu Á và về hoạt động quân sự của họ ở ngoại ô Các-xơ. Ông ta phát triển tường tận các luận cứ nêu trên và kiên quyết bảo vệ ý kiến cho rằng.

“Không thể để phí thêm thời gian vào việc chuẩn bị cuộc hành quân, nhằm mục đích cản trở cuộc tiến quân sâu thêm nữa của quân Nga vào châu Á”.

Nhưng, như trung tá Xim-môn-xơ đã báo cáo với Cla-ren-đôn,

“các tướng lĩnh và đô đốc không nhận được của các đại sứ của mình ở Công-xtăng-ti-nô-plơ những tin tức tình báo buộc họ phải tin rằng tình hình ở châu Á quả thực đang lâm vào nguy hiểm như Ô-me-rơ-pa-sa miêu tả căn cứ vào thông tri nhận được của chính phủ mình”, nên họ đã quyết định “không phát biểu ý kiến nào về vấn đề này do thiếu những tin tức tình báo tương ứng”.

Tóm lại, trong trường hợp này, các tướng lĩnh liên quân từ chối phát biểu ý kiến về vấn đề ấy, vì họ không nhận được tin tức tình báo của chính phủ mình. Sau đó, các chính phủ đồng minh từ chối ra những mệnh lệnh cần thiết, vì các tướng lĩnh của họ không phát biểu ý kiến của mình. Kinh ngạc trước thái độ lạnh lùng của các viên tư lệnh liên quân, trước cử chỉ lạ lùng của họ lấy việc họ không tin vào sự thật làm lý do để không phát biểu ý kiến của họ về những sự thật ấy, và trước sự chê trách không tế nhị của họ rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ nói dối, nên Ô-me-rơ-pa-sa, người duy nhất quan tâm trực tiếp đến vấn đề này, đã lập tức đứng lên và tuyên bố dứt khoát rằng:

“trong tình hình này, ông ta thấy mình có trách nhiệm đi Công-xtăng-ti-nô-plơ mấy ngày để tham khảo ý kiến với chính phủ của ông ta”.

Và quả thực là hai ngày sau, ngày 16 tháng Bảy, ông ta đã đi Công-xtăng-ti-nô-plơ đem theo trung tá Xim-xơn; nhưng đi theo ông ta còn có một viên trung tá Xuy-lô nào đó, “đi với lý do phục hồi sức khỏe của mình” (xem phụ lục của văn kiện về Các-xơ, số 270) nhưng thực ra, viên sĩ quan này được các tướng Pê-li-xi-ê và Xim-xơn trao nhiệm vụ phá hoại kế hoạch của Ô-me-rơ-pa-sa. Xuy-lô, sĩ quan bộ tham mưu của tướng Xim-xơn, đã mang đến cho Rét-clíp-phơ bức thư của anh chàng đáng thương hại Xim-xơn, cái tên bại tướng không may mắn nhất trên thế giới ấy, như tướng Ê-van-xơ gọi hắn; trong thư này, Xim-xơn nói với viên đại sứ không phải về việc ông ta và các đồng sự của ông ta không tin vào sự khẳng định của Ô-me-rơ-pa-sa, mà về việc “họ dứt khoát phản đối việc rút bất cứ đơn vị quân đội nào ra khỏi Crum trong lúc này”; tiếp nữa, không nói về việc họ cảm thấy cần phải giấu không cho Ô-me-rơ-pa-sa biết ý kiến của họ, mà là về việc ông ta, Xim-xơn,

“khẩn khoản yêu cầu ngài đó sử dụng ảnh hưởng đặc biệt của mình đối với Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ để cho ý kiến của ông ta thắng ý kiến của quý ngài Ô-me-rơ-pa-sa”, vì “lợi ích quốc gia trọng đại đã được đặt vào canh bạc” và “thắng lợi của Ô-me-rơ-pa-sa có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng”.

Đây chính là thắng lợi! Thắng lợi có thể có của Ô-me-rơ-pa-sa làm cho Pê-li-xi-ê mất ngủ, cái con người mà cho tới nay không thể khoe khoang về điều gì khác ngoài trận đánh nhục nhã ngày 18 tháng Sáu. Tên đáng thương hại Xim-xơn, viên bại tướng không gặp may mà tướng Ê-van-xơ đã mô tả là con người thiển cận bẩm sinh, vẫn khá quý quyết để lợi dụng tình cảnh khó khăn của đồng sự của mình trong giới chỉ huy và thực hiện, sau lưng Ô-me-rơ-pa-sa, hoạt động âm mưu, - có thể nói, đó là sự cơ động duy nhất mà ông ta đã tiến hành trong cả thời gian diễn ra chiến dịch Crum.

Trong điện khẩn ngày 19 tháng Bảy, Rét-clíp-phơ viết cho Cla-ren-đôn:

“đêm hôm kia” (17 tháng Bảy) “ông kinh ngạc khi được biết rằng Ô-me-rơ-pa-sa bắt ngờ từ Crum đến và trực tiếp gặp Xê-ra-xkia”.

Ông vui mừng về tin tức của người pha-na-ri-ốt³²⁷ Pi-da-ni cho biết tin là:

“việc tổng thống chế đến đây mà không được phép của chính phủ đã gây ra sự bất bình nhất định” và nói rằng “ông ta tin chắc rằng lợi ích của liên quân sẽ được bảo đảm tốt hơn hết, nếu Ô-me-rơ-pa-sa lập tức trở về Crum để chỉ huy quân lính của mình”.

Tuy có sự tin chắc ấy của Rét-clíp-phơ, Ô-me-rơ-pa-sa đã lưu lại Công-xtăng-ti-nô-plơ từ 17 tháng Bảy mãi cho đến đầu tháng Chín. Dưới đây chúng ta sẽ thấy rằng do đâu mà đã xảy ra sự lãng phí thời gian ấy.

Ngày 23 tháng Bảy, Rét-clíp-phơ báo cho Cla-ren-đôn:

“Ô-me-rơ-pa-sa đã đề nghị Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ trao cho ông ta thực hiện cuộc xâm nhập vào Gru-di-a lấy Rê-đút - Ca-lơ làm điểm xuất phát, đồng thời sử dụng Ca-ta-ít vì lợi ích của mình”.

Đề nghị ấy đã được thảo luận đêm hôm trước (22 tháng Bảy) trong hội nghị ở dinh thủ tướng, và qua thảo luận đã quyết định:

“thành phần đơn vị quân dự định dùng để hoàn thành nhiệm vụ nói trên dưới quyền chỉ huy của Ô-me-rơ-pa-sa, sẽ được lấy từ Ép-pa-tô-ri 20 000 người và từ Bun-ga-ri 5 000 người, còn quân số thiếu của đơn vị quân đóng ở Ép-pa-tô-ri thì sẽ được bổ sung bằng những đơn vị bổ sung mới. Trường hợp kế hoạch trên bị phân đôi thì đề nghị sửa đổi bằng cách chỉ lấy ở Crum 10 000, còn lấy từ Bun-ga-ri 15 000 người, kể cả những người sẽ phải tham gia đơn vị quân đội này”.

Bức điện khẩn ấy, mà nghe nói, Cla-ren-đôn đã nhận được ngày 1 tháng Tám và đã lợi dụng ngay việc nhận được đó để điện cho đại sứ Anh ở Pa-ri là huân tước Cau-li, - rõ ràng là đã bị cố tình xuyên tạc ở đoạn có ý nghĩa quyết định. Ở đây muốn nói đến đoạn nói rằng Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị rút ở Ép-pa-tô-ri 20 000 người, chuyển số này cho Ô-me-rơ-pa-sa chỉ huy và thay thế họ ở Ép-pa-tô-ri bằng một đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ. Trong bức điện gửi huân tước Cau-li, Cla-ren-đôn đã dẫn ra chính đoạn

này, và lại ông ta còn tuyên bố rằng “chính phủ của nữ hoàng có thiện cảm với điều đó”, và bày tỏ “niềm hy vọng của mình là chính phủ của hoàng đế cũng đồng ý với điểm đó”.

Trong đoạn này của bức điện khẩn, Ép-pa-tô-ri được cố tình đặt thay cho Ba-la-cla-va. Qua báo cáo của trung tá Xim-môn-xơ, đề ngày 15 tháng Bảy và do Cla-ren-đôn nhận được ngày 30 tháng Bảy, thì thấy rằng trong bị vong lục của mình gửi các tướng lĩnh liên quân, cũng như trong hội nghị quân sự, Ô-me-rơ-pa-sa đều đòi kỳ được cầm đầu bộ phận quân đội đang ở đây (ở Ba-la-cla-va); ông ta cho rằng bộ phận quân đội này, mà ông điều từ Ép-pa-tô-ri, là đơn vị duy nhất thích hợp với việc tác chiến ở châu Á. Ô-me-rơ-pa-sa đã thay đổi ý kiến khi đến Công-xtăng-ti-nô-plơ chẳng? Qua báo cáo ngày 2 tháng Tám có thể rút ra kết luận hoàn toàn ngược lại, trong báo cáo này, Xim-môn-xơ báo tin.

“Ngài Ô-me-rơ-pa-sa báo với tôi rằng để bổ sung quân số, ông ta vui lòng cung cấp bất cứ bộ phận nào của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở dưới quyền chỉ huy của ông ta, trừ sư đoàn hiện nay đang đóng trong doanh trại gần Xê-va-xtô-pôn, sư đoàn này gồm những quân sĩ ưu tú của ông ta và, đương nhiên, ông ta muốn giữ nó bên mình để phòng trường hợp sử dụng nó để thực hiện cuộc tiến quân được dự định vào châu Á”.

Có bằng chứng gì để chứng minh rằng trong hội nghị diễn ra đêm 21 rạng 22 tháng Bảy, Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã đi đến quyết định trái ngược với đề nghị của Ô-me-rơ-pa-sa không? Cũng trong bức điện khẩn ngày 23 tháng Bảy mà trong đó Rét-clíp-phơ báo cáo về việc Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ thông qua quyết định, Rét-clíp-phơ nói với Cla-ren-đôn rằng:

“Ô-me-rơ-pa-sa được nhà vua tiếp đón rất thân thiết và được khen thưởng khá hậu hĩnh”, đồng thời bổ sung câu: “tôi thấy không cần nhắc lại rằng ông ta có quan hệ tốt đẹp nhất với các bộ trưởng của nhà vua Thổ Nhĩ Kỳ, nhất là với Xê-ra-xkia-pa-sa”.

Do đó, không thể nói đến sự bất đồng nào giữa Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ và vị tổng tư lệnh của nó. Triều đình và Ô-me-rơ-pa-sa đều ngạc nhiên như nhau khi nhận được chỉ thị của Luân Đôn là chuyển số quân ở Ép-pa-tô-ri cho Ô-me-rơ-pa-sa chỉ huy, và điều

của Ô-me-rơ-pa-sa những đơn vị quân đóng ở gần Xê-va-xtô-pôn và ở Kéc-sơ. Chính phủ Anh theo đuổi mục đích gì khi nó bịa ra đoạn trên trong bức điện khẩn? Chính phủ Anh ra sức che giấu dư luận về sự việc là trước Chính phủ Pháp nó tỏ ra là người ủng hộ kế hoạch của Ô-me-rơ-pa-sa, nhưng đồng thời bằng cách xếp đặt lại câu chữ một cách giản đơn, nó đã biến đề nghị của chính Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ thành một điều trực tiếp trái ngược. Thế là phát sinh ra lý do mới để tranh luận. Sự việc ngày càng phức tạp, và tình hình đó đã khiến người ta lãng phí cả tháng Tám và tháng Chín vào việc phát ra những mệnh lệnh và phản mệnh lệnh. Các trò giả mạo của Chính phủ Anh thậm chí còn thấy được cả trong việc xếp đặt các văn kiện trong cuốn Sách xanh. Để làm rối trí bạn đọc, bức điện của Cla-ren-đôn gửi Cau-li-in ở trang 248 sau đó, ở những trang 248 - 252 là đoạn trích dẫn từ bức điện khẩn của Rét-clíp-phơ gửi ngày 19 tháng bảy, thư của Xim-xon gửi Rét-clíp-phơ ngày 16 tháng Bảy, thư và bị vong lục của Ô-me-rơ-pa-sa và chỉ ở cuối cùng mới đăng bức điện khẩn của Rét-clíp-phơ ngày 23 tháng Bảy mà kết quả của nó tuồng như là bản chỉ thị của Cla-ren-đôn gửi Cau-li.

Bây giờ cần trình bày vấn đề hoạt động của bộ ngoại giao ở phố Dao-ninh và nghiên cứu kỹ bá tước Cla-ren-đôn là người đã sốt sắng đóng ở đây vai trò thư ký chính của Pan-mớc-xton vĩ đại. Hai ngày sau khi gửi điện khẩn cho Rét-clíp-phơ, ngày 16 tháng Bảy Cla-ren-đôn lại gửi cho Rét-clíp-phơ một bức điện khẩn khác kết thúc bằng câu nói sau đây:

“Chính phủ của nữ hoàng vẫn đề nghị như trước đây, là “tất cả các đơn vị quân đội phải đi chi viện cho số quân ở Các-xơ đều tiến về Tơ-ra-pê-dun. Nếu Ô-me-rơ-pa-sa, như tôi đã nghe nói, có ý định đi Công-xtăng-ti-nô-plơ và đã thực sự quyết định đem theo một bộ phận nào đó của quân đội của ông ta cùng với đơn vị quân gồm người Tuy-ni-di và An-ba-ni ở Rê-đút-Ca-lơ, thì chính phủ của nữ hoàng cũng không phản đối điều đó”.

Trong khi bức điện khẩn của Rét-clíp-phơ gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 23 tháng Bảy, đến Luân Đôn ngày 1 tháng Tám vừa tròn sau 9 ngày, thì bức điện khẩn của Cla-ren-đôn, đề

ngày 16 tháng Bảy, lại mất hơn nửa tháng để đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Ngày 30 tháng Bảy, bức điện đó còn chưa đến Công-xtăng-ti-nô-plơ khi Rét-clíp-phơ viết:

“Việc chính phủ của nữ hoàng đòi kỳ được phái quân tăng viện via Tơ-ra-pê-dun đã đặt Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ vào hoàn cảnh rất khó khăn”.

Đủ thấy, Rét-clíp-phơ còn chưa nhận được điện khẩn của Cla-ren-đôn nói rằng chính phủ của nữ hoàng không có gì phản đối cuộc viễn chinh ở Rê-đút-Ca-lơ, nếu đích thân Ô-me-rơ-pa-sa tiến hành cuộc viễn chinh đó. Đặc trưng của vấn đề niên biểu của tấn kịch quân sự ngoại giao kỳ quặc ấy là: tất cả những bức điện khẩn nhằm mục đích gây ra sự dây dưa đều đến đặc biệt nhanh chóng, trong khi các bức điện khẩn dường như đề nghị đẩy nhanh hoạt động thì lại đến với sự chậm trễ không giải thích được. Nhưng trong bức điện khẩn cuối cùng của Cla-ren-đôn mà chúng tôi dẫn ra còn có một chỗ không kém phần kinh ngạc. Trong khi huân tước Rét-clíp-phơ viết ngày 19 tháng Bảy từ Công-xtăng-ti-nô-plơ rằng ông ta ngạc nhiên khi được biết Ô-me-rơ-pa-sa đột nhiên đi Công-xtăng-ti-nô-plơ, thì ngay từ ngày 16 tháng bảy, nghĩa là vào hôm mà Ô-me-rơ-pa-sa rời Crum, Cla-ren-đôn đã từ Luân Đôn báo cho Rét-clíp-phơ rằng: “Tôi nghe nói, Ô-me-rơ-pa-sa dự định đi Công-xtăng-ti-nô-plơ”. Chúng ta biết rằng bản thân Ô-me-rơ-pa-sa đã quyết định như thế chỉ vào ngày 14 tháng Bảy, khi hội nghị quân sự kết thúc. Trong thời gian từ 14 đến 16 tháng Bảy không có tàu nào đi từ Xê-va-xtô-pôn đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, và Ô-me-rơ-pa-sa buộc phải yêu cầu đô đốc Lai-ôn-xơ điều cho ông ta sử dụng chiếc chiến hạm Anh “Dũng cảm”. Phải chăng có thể tin rằng những bức điện mà bộ ngoại giao gửi từ Luân Đôn đi cần 17 ngày để đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, trong khi những bức điện mà bộ này nhận được từ Crum thì lại đã đưa tin tức về các sự kiện thậm chí trước khi chúng xảy ra? Tình hình không hoàn toàn như thế. Liên lạc giữa Xê-va-xtô-pôn và Vác-na thực hiện qua đường điện tín dưới nước, còn liên lạc giữa Vác-na và Luân Đôn thực hiện bằng hệ thống điện tín thường, cho nên Cla-ren-đôn có thể nhận được tin tức ngay hôm họp hội

ngộ quân sự. Nhưng bức điện gửi từ Xê-va-xtô-pôn đâu rồi? Đương nhiên, nó không có trong cuốn Sách xanh. Đơn giản là nó bị xóa. Tại sao? Xem ra thì chính đường dây điện qua đó Cla-ren-đôn nhận được tin tức về việc Ô-me-rơ-pa-sa dự định đi Công-xtăng-ti-nô-plơ, lại đã báo cho ông ta biết sự phản đối mà Ô-me-rơ-pa-sa gặp phải từ phía Pê-li-xi-ê, tức là từ phía Chính phủ Pháp. Lẽ tự nhiên là từ đây nảy ra câu hỏi là tại sao Cla-ren-đôn yên chí chờ đợi từ 16 tháng Bảy đến 1 tháng Tám, không báo cho Chính phủ Pháp biết việc đó và không tiến hành đàm phán với chính phủ này về vấn đề mà kết cục của toàn bộ chiến dịch phụ thuộc vào? Để đề phòng câu hỏi ấy, bức điện nói trên đã bị giấu biến đi. Nhưng nếu như Cla-ren-đôn đã rút bỏ bức điện đánh từ Crum, thì tại sao ông ta lại công bố bức điện của mình được gửi từ Luân Đôn, ngày 16 tháng Bảy? Vì không thể xác định có bao giờ nó đến Công-xtăng-ti-nô-plơ không, nên việc bỏ sót nó trong cuốn Sách xanh không phải là một thiếu sót gì lớn. Ở đây người ta theo đuổi hai mục đích. Một mặt, cần chứng tỏ rằng Chính phủ Anh sẵn sàng chi viện cho Các-xơ bất chấp những khó khăn mà Bô-na-pác-tơ gây ra, do đó, dồn lên đầu Bô-na-pác-tơ toàn bộ trách nhiệm về sự trì hoãn. Mặt khác, cần chứng minh rằng Cla-ren-đôn tin vào bức điện giả ngày 23 tháng Bảy và ông ta sẵn sàng trao cho Ô-me-rơ-pa-sa bất cứ bộ phận nào trong đội quân của ông ta, khi chưa biết rằng Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ quyết định buộc phải trao cho Ô-me-rơ-pa-sa số quân ở Ép-pa-tô-ri. Tuy nhiên, khi biết rõ quyết định ấy, ông ta đã khăng khăng giữ lấy nó bất chấp mọi sự phản kháng của Ô-me-rơ-pa-sa và của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Toàn bộ hành động của Cla-ren-đôn - việc ông ta khuyến khích triều đình bận rộn trong suốt tháng Bảy vào cuộc viễn chinh Vi-vi-an, trì hoãn cuộc đàm phán với Bô-na-pác-tơ đến tháng Tám, thay thế đề nghị của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ trong điện khẩn gửi Pa-ri bằng đề nghị giả mạo mà sự tiếp thu của Na-pô-lê-ông đối với đề nghị ấy, không nghi ngờ gì nữa, đã trở thành nguồn gốc của một mớ bòng bong mới trong vở hài kịch sai lầm ấy - tất cả những hành động ấy chỉ phục vụ một mục đích: giết thời gian.

III

Ngày 2 tháng Tám 1855, huân tước Cau-li điện từ Pa-ri rằng “bá tước Va-lép-xki thấy trước sự phản đối đối với phương án” mà Cla-ren-đôn đã nhân danh Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đưa ra. Như vậy, bá tước Cla-ren-đôn giáo quyết có dịp để phô bày, trong bức điện khẩn ngày 3 tháng Tám, nhiệt tình yêu nước của mình và đổ lỗi cho Chính phủ Pháp chịu trách nhiệm về những hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra trong trường hợp Các-xơ và Éc-de-rum rơi vào tay quân Nga. Ngày hôm sau, 4 tháng Tám, Cla-ren-đôn nhận được bức điện sau đây gửi từ Pa-ri:

Bằng điện tín

Huân tước Cau-li gửi bá tước Cla-ren-đôn

Pa-ri, ngày 4 tháng Tám 1855

Chính phủ Pháp không cản trở cuộc viễn chinh Tiều Á mà Ô-me-rơ-pa-sa dự định tiến hành, với điều kiện là quân số Thổ Nhĩ Kỳ ở Xê-va-xtô-pôn sẽ không giảm đi.

Tuy có điều kiện đặt trước ấy, bức điện ấy vẫn có nghĩa là sự thừa nhận vô điều kiện đề nghị mà Cla-ren-đôn đã nhân danh Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đưa ra ngày 1 tháng Tám, căn cứ vào đề nghị này thì số quân đóng ở Ép-pa-tô-ri phải được giao cho Ô-me-rơ-pa-sa, còn quân của tướng Vi-vi-an sẽ thay thế những đơn vị ấy. Cũng ngày hôm ấy, Cla-ren-đôn điện cho Rét-clíp-phơ:

“Ngày 4 tháng Tám. Ô-me-rơ-pa-sa có thể đi chi viện cho Các-xơ, với điều kiện là ông ta không giảm quân số Thổ Nhĩ Kỳ ở Xê-va-xtô-pôn và để nguyên số quân đóng giữ ở Ê-ni-cay-lơ”.

Chính phủ Pháp chỉ phản đối việc giảm quân số Thổ Nhĩ Kỳ ở Xê-va-xtô-pôn. Chính phủ Anh lại thêm vào đó một trở ngại nữa,

đặt ra việc cấm sử dụng số quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ê-ni-ca-lơ. Ngày 8 tháng Tám Cla-ren-đôn nhận được thư của tướng Uy-ni-am-xơ gửi từ Các-xơ, đề ngày 14 tháng Bảy, thông báo rằng ngày 11 và 12 tháng Bảy tướng Mu-ra-vi-ép đã tiến hành trinh sát ở gần cứ điểm và ngày 13 tháng Bảy.

“ông ta đã cùng quân lính của mình xuất hiện tại các điểm cao phía nam ở cao hơn Các-xơ, những điểm cao này là chiếc chìa khóa đối với sự phòng ngự của chúng ta và năm 1828 Các-xơ đã bị chiếm, sau khi mất những điểm cao ấy”.

Bức thư kết thúc như sau:

“tôi vừa được biết tướng Nga đang chờ quân tăng viện từ Bai-a-dét via Gum-ri đến và những đơn vị từng là đơn vị quân phòng thủ đã bị điều khỏi bờ biển Séc-kê-xi cách đây không lâu, cũng đang tiến sâu vào Gru-di-a và có thể tham gia vào những hành động sau này ở Tiểu Á”(số 276).

Ý đồ giảm quân số Thổ Nhĩ Kỳ của Cla-ren-đôn đã nhận được đà thúc đẩy mới, ngay khi ông ta vừa biết tin về số quân tăng viện của Nga. Ông ta lập tức thảo ra một bức điện khẩn và bổ sung *index militum prohibitorum*^{1*} của mình:

Bằng điện tín

Bá tước Cla-ren-đôn gửi huân tước Rét-clíp-phơ

Bộ ngoại giao, ngày 9 tháng Tám 1855

Quân của tướng Vi-vi-an lập tức tiến về Ép-pa-tô-ri. Quân Thổ Nhĩ Kỳ, với quân số 10 000 - 12 000 người đóng ở đây, phải chuyển đi Rê-đút - Ca-lơ dưới quyền chỉ huy của Ô-me-rơ-pa-sa. Quân số Thổ Nhĩ Kỳ ở Ba-la-cla-va và Kéc-sơ không được giảm đi. Quân số Thổ Nhĩ Kỳ đang tiến về Rê-đút - Ca-lơ dưới quyền chỉ huy của Ô-me-rơ-pa-sa phải bổ sung thích đáng bằng những đơn vị lấy từ Bun-ga-ri hoặc các nơi khác, chứ không phải từ Crum.

Vì vậy chúng ta thấy rằng Cla-ren-đôn lại mở rộng phạm vi cấm đoán của mình. Nhớ lại điện khẩn của trung tá Xim-môn-xơ ngày 15 tháng Bảy nói rằng Ô-me-rơ-pa-sa dự định hành động “với bộ phận quân đội của mình đóng ở đây” (ở Ba-la-cla-va) “và ở Kéc-sơ, với 25 000 bộ binh và 3 000 kỵ binh điều từ Ép-pa-tô-ri và với

^{1*} - danh sách số quân được xếp vào loại cấm sử dụng

pháo binh”; hiện nay Cla-ren-đôn cấm Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ động đến số quân đóng giữ Kéc-sơ; ông ta mở rộng sự phản đối của Bô-na-pác-tơ đối với việc rút quân khỏi khu vực Xê-va-xtô-pôn ra toàn bộ Crum, trừ Ép-pa-tô-ri, thêm vào đó, ở đây số lượng quân bị triệu hồi thậm chí bị rút xuống còn 10 000 - 12 000 người, chứ không phải 20 000 người, như ông ta nêu ra trong bức điện khẩn gửi Chính phủ Pháp ngày 1 tháng Tám. Như một tên hề hóm hỉnh, ông ta cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ có quyền tìm kiếm quân lính “ở bất cứ nơi nào khác”. Sau khi nhồi tạc đạn ở Luân Đôn, hiện nay ông ta có thể yên chí chờ nó nổ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Trong bức điện khẩn của Cla-ren-đôn gửi Rét-clíp-phơ ngày 16 tháng Bảy, chúng ta ngạc nhiên trước câu viết sau đây:

“Nếu Ô-me-rơ-pa-sa - mà tôi nghe nói, dự định đi Công-xtăng-ti-nô-plơ - quá thực quyết định đem theo một bộ phận nào đó của quân đội ông ta đi Rê-đút-Ca-lơ, thì chính phủ của nữ hoàng cũng không phản đối điều đó”.

Qua thư của Phu-át - Ê-phen-đi gửi Rét-clíp-phơ ngày 31 tháng Bảy, thư trả lời của Rét-clíp-phơ ngày 4 tháng Tám và thư của Rét-clíp-phơ ngày 8 tháng Tám (xem văn kiện 282 và phụ lục) thì thấy rằng các bức điện khẩn của Cla-ren-đôn gửi từ ngày 16 tháng Bảy đến ngày 8 tháng Tám đều chưa đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Trong thư của mình, Phu-át-pa-sa xác nhận rằng việc chuẩn bị (cuộc viễn chinh Min-grê-li-a) đã bắt đầu thì nay bị đình lại, “vì còn chưa nhận được sự trả lời chính thức và rõ ràng” (từ Luân Đôn) “mà người ta đang mong đợi”, và bên vực kế hoạch viễn chinh Min-grê-li-a của Thổ Nhĩ Kỳ, “chống lại luận điểm cơ bản trong bức điện khẩn của Anh” mà căn cứ vào đó thì “quân tăng viện *phải* được gửi đi Tơ-ra-pê-dun qua Éc-derum”. Trong thư trả lời ngày 4 tháng Tám, Rét-clíp-phơ nói rằng:

“Cách đây không lâu buộc phải thông tri ý kiến của chính phủ mình, ông đã hoàn thành nghĩa vụ ấy và đau khổ nhận thấy Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã lâm vào tình cảnh khó khăn như thế nào”.

mà tình hình ấy càng trở nên phức tạp do ý kiến mà “ông buộc phải nói ra”; đồng thời ông ta bổ sung rằng:

“Tuy chính phủ của nữ hoàng tuyên bố dứt khoát lựa chọn những hành động trực tiếp hơn, xuyên qua Tơ-ra-pê-dun và Éc-de-rum, nhưng sự phản đối của nó đối với hành động kiểm chế từ phía Séc-kê-xi hoàn toàn có khả năng giảm đi, nếu các lực lượng được sử dụng vào mục đích đó là thuần nhất về thành phần và có thể tin cậy được”.

Trong bức điện khẩn gửi Cla-ren-đôn ngày 8 tháng Tám Rét-clíp-phơ tỏ ý bất bình về chỗ chính phủ:

“vẫn có ý định gán cho Tơ-ra-pê-dun ý nghĩa quan trọng là địa điểm duy nhất từ đó có thể chi viện thực tế... Tất cả các bậc quyền uy quân sự đều kiên quyết tỏ ý ủng hộ nó” (cuộc viễn chinh Min-grê-li-a)... Tuy có nhiều lý do kiên quyết ủng hộ kế hoạch chi viện duy nhất có thể thực hiện được, tôi vẫn thẳng thắn báo cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ quan điểm hoàn toàn trái ngược của chính phủ mình”.

Thư trả lời của Cla-ren-đôn (20 tháng Tám) đối với bức điện khẩn sau chót trên đây của Rét-clíp-phơ phải được nghiên cứu từ hai mặt: trong mối quan hệ với luận điểm của Rét-clíp-phơ cho rằng, theo ông ta, trước ngày 8 tháng Tám Chính phủ Anh đã phản đối cuộc viễn chinh Min-grê-li-a, và trong mối quan hệ với kế hoạch mà Cla-ren-đôn gửi đi Pa-ri ngày 1 tháng Tám dưới hình thức kế hoạch của chính Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ về điểm thứ nhất, Cla-ren-đôn tuyên bố (xem văn kiện số 283):

“Một loạt điện tín và bức điện khẩn ngày 4 tháng Tám của tôi, mà Ngài phải nhận được sau khi điện khẩn của Ngài được gửi đi, sẽ cho Ngài thấy rằng chính phủ của nữ hoàng cùng với chính phủ của hoàng đế Pháp đã đồng ý để Ô-me-rơ-pa-sa tiến về châu Á nhằm mục đích thực hiện một hành động kiểm chế để chi viện cho Các-xơ; về mặt này chính phủ của nữ hoàng không còn giữ bằng được quan điểm mà nó giữ từ đầu là sự chi viện phải được tiến hành qua ngã Tơ-ra-pê-dun”.

Theo cuốn Sách xanh thì Cla-ren-đôn nói chung đã không gửi thêm một bức điện nào ngoài bức điện khẩn ngày 14 tháng Bảy, trong đó ông ta phản đối cuộc viễn chinh Min-grê-li-a và yêu cầu quân Thổ Nhĩ Kỳ rút khỏi Các-xơ và Éc-de-rum, và bức điện khẩn ngày 9 tháng Tám mà đương nhiên là Rét-clíp-phơ không thể nhận được ngày 8 tháng Tám. Chúng ta đứng trước một sự biến đổi rành rành, khi ông ta nói về “một loạt bức điện” trong đó đã phủ

nhận sự phủ quyết của Chính phủ Anh đối với cuộc viễn chinh Min-grê-li-a. Tại sao ông ta không dẫn ra bức điện khẩn của ông ta gửi ngày 16 tháng Bảy? Đó chính là vì bức điện này chỉ có trong cuốn Sách xanh, chỉ được viết cho cuốn Sách xanh và chưa bao giờ vượt ra ngoài phạm vi Bộ ngoại giao ở phố Đao-ninh. Rét-clíp-phơ rõ ràng là đoán được cạm bẫy mà người ta chăng ra đối với ông ta, đã viết cho Cla-ren-đôn ngày 13 tháng Tám (văn kiện số 286) như sau:

“Thưa Ngài, tôi vừa đọc xong bức điện ngày 9 tháng Tám của Ngài. Tôi không nghi ngờ gì là việc Chính phủ Anh phê chuẩn tiến hành hành động kiểm chế từ phía Rê-đút - Ca-lơ sẽ làm cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như Ô-me-rơ-pa-sa, rất mực hài lòng. Nội dung của bức điện trước nêu rõ rằng chỉ có thể tiến quân về Các-xơ qua ngã Tơ-ra-pê-dun, đã gây ra sự thất vọng rõ ràng”.

Rét-clíp-phơ không biết tí gì về một loạt “bức điện” của Cla-ren-đôn. Ông ta chỉ biết bức điện nói trên trong đó chỉ rõ rằng “chỉ có thể” tiến hành cuộc viễn chinh qua ngã Tơ-ra-pê-dun. Ông ám chỉ bức điện ngày 13 tháng Bảy được khẳng định bằng bức điện ngày 14 tháng Bảy. Ông hoàn toàn không biết gì về sự tồn tại của bức điện khẩn ngày 16 tháng Bảy. Chúng tôi nhấn mạnh về điều đó vì một nguyên nhân rất giản đơn. Đọc lướt qua văn kiện về Các-xơ là hoàn toàn đủ để mỗi người đều tin rằng Chính phủ Anh bèn bĩ ra sức phá hoại kế hoạch của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Những sự giả mạo, xuyên tạc và lừa bịp mà chúng tôi phát hiện thấy, đã chứng minh rằng Chính phủ Anh tuy vậy cũng đã nhận thức được rằng nó làm trò giả mạo và những sự giả mạo ấy đã phơi bày sự thật là Chính phủ Anh đã có một kế hoạch được suy tính từ trước mà nó không dám công khai nói ra.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét bức điện khẩn ngày 20 tháng Tám của Cla-ren-đôn từ một khía cạnh khác.

“Ô-me-rơ-pa-sa” - Cla-ren-đôn nói - “với tư cách tư lệnh quân đội của vua Thổ Nhĩ Kỳ, có quyền tự do hoàn toàn trong việc chỉ đạo việc điều động quân của mình, sử dụng chúng tốt nhất cho sự nghiệp chung; sự hạn chế duy nhất đối với tự do hành động của ông ta là điều kiện mà hai chính phủ đặt ra để cho cuộc tiến quân về châu Á không gây ra bất cứ sự giảm quân số nào của Thổ Nhĩ Kỳ

ở khu vực Xê-va-xtôn-pôn và ở Ê-ni-ca-lơ, trong khi các đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ dưới quyền chỉ huy của tướng Vi-vi-an có thể dùng để thay thế những đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ mà chắc là Ô-me-rơ-pa-sa sẽ đem theo mình ra khỏi Ép-pa-tô-ri”.

Theo bức điện khẩn của Cla-ren-đôn gửi đi Pa-ri ngày 1 tháng Tám thì Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã đề nghị trao cho Ô-me-rơ-pa-sa chỉ huy các đơn vị quân đội được điều từ Ép-pa-tô-ri và không đụng đến số quân Thổ Nhĩ Kỳ ở gần Xê-va-xtôn-pôn. Làm thế nào mà ông ta có thể gọi sự đồng ý giản đơn với đề nghị của bản thân Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ là “sự hạn chế tự do hành động của Ô-me-rơ-pa-sa”? Nhưng mặt khác, liệu ông ta có thể hành động khác được không, nếu cũng chính bức điện khẩn của Rét-clíp-phơ mà ông ta đã trả lời, nhắc nhở rằng Ô-me-rơ-pa-sa đã hy vọng có được 17 000 người từ Ba-la-cla-va và 3 000 người từ Kéc-sơ đến v.v.. Vì vậy, ý kiến được nêu lên trong điện khẩn của ông ta gửi Pa-ri với tính cách là đề nghị của bản thân Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ thì hiện nay người ta lại ép Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ tiếp nhận với tính cách là ý kiến của các nước đồng minh phương Tây của Thổ Nhĩ Kỳ.

Trước ngày 13 tháng Tám - vừa vặn một tháng kể từ khi Ô-me-rơ-pa-sa đề nghị với các tướng lĩnh liên quân về cuộc viễn chinh Min-grê-li-a của mình - Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ chịu ấn tượng nặng nề vì nguyên nhân là Chính phủ Anh phản đối cuộc viễn chinh đó, và tất cả mọi việc chuẩn bị của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ để chi viện Các-xơ, do đó, cũng bị ngừng lại. Mãi đến ngày 13 tháng Tám, cuối cùng Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ mới thoát khỏi cảnh khủng khiếp ấy và hài lòng được biết rằng các đồng minh phương Tây của mình đã đồng ý với quyết định mà triều đình này đã thông qua ngày 22 tháng Bảy. Rút cục, đến nay Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ có thể hướng những cố gắng của mình chống lại Mu-ra-vi-ép, chứ không phải Cla-ren-đôn. Ngày 15 tháng Tám hội nghị của đế quốc Ô-tô-man đã được triệu tập để thảo luận và tìm kiếm những biện pháp hữu hiệu nhất để chi viện cho Các-xơ. Kết quả của cuộc thảo luận ấy làm cho người ta hết sức kinh ngạc, cũng như hết sức bất ngờ.

“Ô-me-rơ-pa-sa” - Rét-clíp-phơ nói trong bức điện khẩn gửi Cla-ren-đôn ngày 16 tháng Tám (số 294) - “phản đối một cách kiên quyết nhất kế hoạch bố trí đơn vị quân đội đóng ở Ép-pa-tô-ri đã được truyền đi theo con đường điện tín đánh từ Luân Đôn đến Ép-pa-tô-ri, và cho rằng không thể gánh trách nhiệm chỉ huy cuộc viễn chinh chừng nào số quân Thổ Nhĩ Kỳ đang ở gần Xê-va-xtô-pôn không được phép tham gia cuộc viễn chinh”.

Như thế là chúng ta thấy rằng kế hoạch Ép-pa-tô-ri - mà tuồng như được thông báo về Luân Đôn ngày 23 tháng Bảy - đã được chuyển từ Luân Đôn đến Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 9 tháng Tám, như hiện nay người ta đã khẳng định.

Ngày 16 tháng Tám, trung tá Xim-môn-xơ cũng gửi điện khẩn cho Cla-ren-đôn (văn kiện số 297):

“Thưa ngài, tôi phải báo với Ngài rằng Xê-ra-xkia, sau khi nhận được thông tri của huân tước Xơ-rát-phơ đơ Rét-clíp-phơ nói rằng chính phủ của nữ hoàng đã quyết định phái quân Thổ Nhĩ Kỳ đến Ép-pa-tô-ri, đã báo cho Ngài Ô-me-rơ-pa-sa biết về quyết định ấy. Ô-me-rơ-pa-sa cho rằng sự điều động ấy không tạo cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ khả năng tập trung lực lượng cần thiết để tiến hành cuộc tiến quân về châu Á nhằm cứu vãn đội quân ở Các-xơ, đã gửi báo cáo cho Xê-ra-xkia... Ô-me-rơ-pa-sa tuy đòi bằng được đem theo mình quân lính của ông ta được điều từ gần Xê-va-xtô-pôn, song vẫn sẽ rút một bộ phận của đội quân ấy, cũng như các đơn vị của đội quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Kéc-xơ để bổ sung vào đội quân Anh - Thổ Nhĩ Kỳ với số lượng cần thiết để đưa đội quân này đến mức đủ quân số... Theo tôi thì đề nghị này là đề nghị duy nhất đem lại hy vọng cứu vãn đội quân ở Các-xơ, đương nhiên là với việc tuân thủ những điều kiện, như Ngài Ô-me-rơ-pa-sa đã rõ, do chính phủ Anh và Pháp đặt ra, - những điều kiện này quy định rằng cuộc viễn chinh không được gây ra sự giảm sút nghiêm trọng quân số ở Crum, và do đó, đề nghị thứ nhất của Ô-me-rơ-pa-sa trình bày với các tướng lĩnh - mà tôi đã báo cáo trong bức điện khẩn ngày 15 tháng Bảy - không thể thực hiện được. Pa-sa hoài nghi không biết cuộc viễn chinh hiện nay còn đủ kịp thời để cứu vãn số quân đóng giữ Các-xơ hay không. Nhưng nếu thậm chí không chi viện được cho Các-xơ, thì dù sao cuộc viễn chinh này vẫn cản trở địch cũng cố ở khu vực của Pa-sa ở Êc-de-rum và không để cho chúng chuẩn bị cho cuộc tấn công mới vào sâu đất nước trong chiến dịch sắp tới”.

Bị vong lục của Ô-me-rơ-pa-sa gửi Xê-ra-xkia mà người ta viện

dẫn trong bức điện khẩn nói trên của trung tá Xim-môn-xơ, đã được gửi kèm theo thư của Rét-clíp-phơ gửi Cla-ren-đôn ngày 16 tháng Tám. Chúng tôi dẫn ra dưới đây những ý kiến nêu lên trong bản bị vong lục ấy:

“Đội quân đóng ở Ép-pa-tô-ri hiện nay có nhiều thành phần khác nhau - họ gồm người Tuy-ni-di và người Ai Cập và thiếu phương tiện vận tải đường bộ... Họ không thể hành quân cũng như cơ động... Nếu người Ai Cập quen với khí hậu nóng buộc phải tiến về châu Á và tiến hành những hành động quân sự trong điều kiện mùa đông sắp tới thì họ không thể tiến hành những cuộc cơ động cần thiết, và đội quân với thành phần phức tạp ấy ít có hy vọng thắng lợi. Kế hoạch ấy, nếu được thực hiện, sẽ phá hoại sự nhất trí của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như của quân đội Anh, và không nên quên rằng trong thời chiến, sức chiến đấu của quân đội, ngay cả sự tồn tại của bản thân quân đội, phần nhiều phụ thuộc vào sự đoàn kết trong hàng ngũ của nó... Pa-sa chỉ rõ, mỗi viên tướng tiến hành chiến tranh phải sớm thấy trước những điều kiện khó khăn nhất mà tình hình chiến sự có thể đặt họ vào, và phải có mọi biện pháp có thể có để ngăn ngừa thất bại. Ông dẫn chứng trường hợp đội quân ở Các-xơ có thể bị tiêu diệt trước khi ông ta đến được châu Á và quân Nga có thể tiến lên xa hơn địa điểm ấy, và tuyên bố rằng quân đội của ông ta, với thành phần phức tạp và không thể hoàn toàn tin cậy được, thì ông sẽ ở vào tình cảnh khó khăn như tình cảnh mà hiện nay đội quân ở châu Á lâm vào...”

Mỗi viên tướng khi được ủy thác một hành động quân sự nào đó, phải đồng ý với hành động ấy và phương pháp thực hiện nó, để ông ta có thể được xem là có trách nhiệm đối với tiến trình của nó. Quân Anh - Thổ Nhĩ Kỳ được bổ sung đầy đủ quân số bằng những đơn vị được điều từ Bun-ga-ri và Kéc-xơ, sẽ hầu như tương đương với quân số của mấy sư đoàn ở dưới quyền chỉ huy của ông ta. Còn nói về quân số của liên quân thì không cần giám gi cả, nếu người ta đồng ý với ý kiến của ông. Trái lại, nếu thực hiện kế hoạch do Luân Đôn gửi tới, thì hệ thống các biện pháp đã được xác lập, do Xê-ra-xkia đặt ra để bổ sung cho đội quân đánh giữ Ép-pa-tô-ri, sẽ bị phá hoại, và tất nhiên sẽ xảy ra sự chậm trễ, vì sẽ phải thành lập một tổ chức hoàn toàn mới”.

Vì vậy, theo ý kiến của Ô-me-rơ-pa-sa, việc thực hiện kế hoạch của Luân Đôn tất nhiên sẽ dẫn tới tình hình là đội quân còn sức chiến đấu cuối cùng của Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị tiêu diệt, sự đoàn kết

trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như trong quân đội Anh, sẽ bị phá hoại, người Tuy-ni-di và người Ai Cập sẽ bị đẩy đi làm vật hy sinh một cách có tính toán trước, hệ thống biện pháp bổ sung quân đã được xác lập đối với quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Ép-pa-tô-ri sẽ bị phá hoại; tất nhiên sẽ gây ra những sự chậm trễ, danh tiếng quân sự của Ô-me-rơ-pa-sa sẽ bị tổn thương, còn đội quân Min-grê-li-a sẽ chịu cùng số phận giống như đội quân đóng giữ Các-xơ. Khi báo cho Cla-ren-đôn biết sự phản kháng kiên quyết ấy, Rét-clíp-phơ thậm chí không nghĩ rằng bản thân ông ta đã trở thành con kênh mà thông qua đó Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, như người ta mô tả - tuồng như đã chuyển cho Cla-ren-đôn một kế hoạch đồng nhất với kế hoạch của Luân Đôn.

Như vậy là chúng ta có bằng chứng mới không thể chối cãi được, chứng minh rằng đề nghị của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, dưới hình thức nó được trình bày trong bức điện khẩn ngày 23 tháng Bảy, là sự giả mạo của Luân Đôn và Cla-ren-đôn, khi đề xuất nó với Chính phủ Pháp trong bức điện ngày 1 tháng Tám, đã nhận thức được hết sức rõ ràng rằng ông ta tiến hành một sự giả mạo thô lỗ.

Kế hoạch của Cla-ren-đôn được thực hiện một cách phù hợp chuẩn xác với ý đồ của ông ta. Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, rút cục đã được thông báo rằng Chính phủ Anh nói chung đồng ý với cuộc viễn chinh của Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời lại biết rằng chính phủ đó phản đối mọi chi tiết cần thiết cho việc thực hiện cuộc viễn chinh ấy. Sau khi Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải mất đi cả một tháng trời để đấu tranh chống phương án Éc-de-rum của Cla-ren-đôn, thì đến nay triều đình ấy lại phải mất đi một tháng trời quý giá hơn - tháng Tám - để phản đối kế hoạch Ép-pa-tô-ri của Cla-ren-đôn.

Bị vong lục thứ hai của Ô-me-rơ-pa-sa kèm theo điện khẩn của Rét-clíp-phơ gửi Cla-ren-đôn đề ngày 20 tháng Tám, nó giống bản bị vong lục thứ nhất về nội dung, nhưng có sự bổ sung dưới đây (xem văn kiện số 296):

“Bất cứ viên tướng nào định thực hiện một hành động tương tự bất chấp mọi nguyên tắc quân sự, đều sẽ hy sinh danh tiếng quân sự của mình và, ngoài

ra, còn làm cho toàn bộ các kế hoạch của liên quân bị đe dọa. Tôi không đồng ý điểm thứ nhất, cũng như điểm thứ hai.

Dù tôi có nhận lấy việc chỉ huy, điều đó cũng chẳng đem lại lợi ích gì cho sự nghiệp”.

Ông ta nhận định đội quân ở Ép-pa-tô-ri là “những người lính vô kỷ luật, hỗn tạp về thành phần và không có kinh nghiệm”.

Ngày 20 tháng Tám (xem văn kiện số 298, điện của Xim-môn-xơ gửi Cla-ren-đôn) Ô-me-rơ-pa-sa báo cho Xim-môn-xơ biết tình hình ở Các-xơ dựa vào tin tức của sĩ quan tùy tùng của Xê-ra-xkia, viên sĩ quan này rời Các-xơ ngày 5 tháng Tám và đến Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 19 tháng Tám:

“Khi ông ta ra đi, trong kho tàng ở thành phố Các-xơ chỉ còn dự trữ lương thực đủ cho quân phòng thủ thành phố không quá một tháng, hoặc nhiều lắm là 5 tuần; đạn dược cũng không đủ cung cấp cho quân phòng thủ. Nhưng tình hình đó không có ý nghĩa quan trọng, vì tướng Mu-ra-vi-ép tuyên bố với quân đội của ông ta hiện nay, sau khi được tăng viện, đã có khoảng 50 000 người - rằng ông muốn chiếm Các-xơ bằng nạn đói và chiếm thành phố mà không phải bắn một phát súng... Quân Nga đã buộc dân cư trong chu vi tám giờ hành quân (28 dặm) phải chuyển đi hết bất cứ những gì họ có về lương thực thực phẩm... Quân phòng thủ Éc-de-rum gồm 6 000 quân chính qui và 12 000 quân phi chính quy, song trong số phi chính quy, nhiều đơn vị đã rời thành phố và đang tan rã”. “Qua cuộc nói chuyện với Ô-me-rơ-pa-sa” - Xim-môn-xơ nói - “thì thấy rõ là Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ lo buồn cực độ về tình hình thê thảm ở châu Á, còn triển vọng hoàn toàn rõ ràng là vào cuối tháng này hoặc đầu tháng Chín sẽ bị mất đi số quân phòng thủ Các-xơ - 16 000 người và gần 200 khẩu pháo, trong đó có khoảng 70 khẩu pháo dã chiến, thì đã đẩy triều đình ấy đến chỗ hầu như tuyệt vọng... Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đau lòng và thất vọng về chỗ đã để lãng phí nhiều thời gian như thế và các nội các Pa-ri và Luân Đôn cũng như nhà đương cục quân sự ở Crum đã không coi các sự kiện có ý nghĩa nghiêm trọng như Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã đánh giá, và các nội các ấy chỉ làm một việc là phản đối những đề nghị luôn luôn được đưa ra nhằm mục đích cải thiện tình hình của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ và ngăn ngừa tai họa”.

Ngày 21 tháng Tám, tại hội nghị của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ (xem văn kiện số 299, điện Xim-môn-xơ gửi Cla-ren-đôn ngày 23 tháng Tám)

“đã thông qua quyết định hành động với nghị lực lớn nhất và sử dụng mọi

phương tiện có trong tay Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ để thực hiện kế hoạch do Ô-me-rơ-pa-sa đề nghị... Đã quyết định gửi công hàm cho các đại sứ Anh và Pháp để họ rõ quyết định của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ và yêu cầu hạm đội của chính phủ họ góp phần vào việc chuyên chở quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, pháo, khí tài, cũng như các phương tiện vận tải đường bộ đến bờ biển châu Á... Sau khi làm tất cả những gì mà nó có thể làm được để tổ chức cuộc tiến quân nhằm mục đích chi viện cho đội quân đóng giữ Các-xơ và khôi phục tình hình ở châu Á, nó” (Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ) “đã trút bỏ trách nhiệm của mình đối với tai họa có thể xảy ra, nếu không một kế hoạch nào do nó đề nghị được thực hiện. Để chuẩn bị điều động quân đội, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay đã đưa các tàu của mình đến Xi-dô-pôn, nơi đây binh lính sẽ bắt đầu được đưa xuống tàu. Rõ ràng là Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn một số điều hoài nghi và liệu nó có nên thi hành những biện pháp kiên quyết như thế không vì đội quân Anh - Thổ Nhĩ Kỳ đã nhận được lệnh của Luân Đôn tiến về Ép-pa-tô-ri”.

Tháng Tám đã sắp hết mà Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ vẫn cảm thấy mình bị trói buộc trong các hành động của mình bởi kế hoạch Ép-pa-tô-ri của Cla-ren-đôn. Sự lo lắng của nó càng tăng lên khi các tin tức từ Các-xơ càng trở nên tuyệt vọng hơn, và sau hết, nó ra sức đòi Rét-clíp-phơ bấy giờ đã đến Xê-va-xtô-pôn - gửi đi bức điện sau đây (văn kiện số 290):

Huân tước Rét-clíp-phơ gửi bá tước Cla-ren-đôn

Gần Xê-va-xtô-pôn, 26 tháng Tám

Tôi yêu cầu lập tức thông báo rõ ràng cho tôi: liệu Ô-me-rơ-pa-sa có thể đem theo từ Ba-la-cla-va toàn bộ hoặc một bộ phận quân Thổ Nhĩ Kỳ với điều kiện là những đơn vị ấy được thay thế bằng những đội quân khác có ngang quân số hay không, và trong trường hợp ấy có cho phép đội quân của tướng Vi-vi-an chiếm lĩnh trận địa gần Xê-va-xtô-pôn và không đi Ép-pa-tô-ri nữa hay không. Người ta chờ đợi Ô-me-rơ-pa-sa ngày này qua ngày khác. Ông ta đặt điều kiện trước để thực hiện cuộc viễn chinh của ông ta là trao cho ông quyền hành động như đã nói ở trên. Ông ta đã đưa ra đầy đủ bằng chứng cho việc đó. Nếu chúng ta có thể cung cấp được phương tiện vận tải, thì xem ra, sau một tháng quân lính sẽ đổ bộ ở Rê-dút-Ca-lơ. Lực lượng quân Nga uy hiếp Éc-de-rum đã rút theo hướng Các-xơ. Theo tin tức cho biết thì vào đầu tháng Tám, quân đội Thổ Nhĩ Kỳ có số dự trữ lương thực đủ cho gần hai tháng.

IV

Bằng kế hoạch Ép-pa-tô-ri của mình, Cla-ren-đôn đã cản trở được mọi hành động của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ trong suốt tháng Tám. Điện khẩn của Rét-clíp-phơ đã xác nhận lời khẳng định của tướng Uy-li-am-xơ nói rằng “lương thực ở Các-xơ vị tất đủ đến đầu tháng Chín”. Bị vong lục mà chúng tôi dẫn ra ở đây (phụ lục của văn kiện số 315) đã chứng minh cho thấy quân Thổ Nhĩ Kỳ đóng giữ Các-xơ đã kiên trì đứng vững quá thời hạn mà Uy-li-am-xơ đã chỉ rõ với tinh thần hy sinh phi thường như thế nào.

Các-xơ, ngày 1 tháng Chín 1855

Chúng tôi dùng lương thực rất tiết kiệm. Binh sĩ được chia nửa khẩu phần bằng mì và thịt hoặc cơm. Có khi chỉ 100 đراك-ơ bánh mì khô thay cho bánh mì và không có gì nữa. Không có tiền. 3 000 xạ thủ thuộc cư dân hồi giáo sắp sửa chết đói. Người Ác-mê-ni-a được lệnh dời thành phố vào ngày mai. Không có đại mạch, hầu như không có cỏ cho ngựa. Ngựa trông như những bộ xương cử động được, quân đồn trú ở đây không thể sử dụng chúng được; ngựa của pháo binh sắp sửa rơi vào tình trạng giống thế. Làm thế nào để kéo các khẩu pháo dã chiến?... Có biện pháp gì để cứu vãn đạo quân này?

Ký tên: *Uy-li-am-xơ*

Ngay khi Cla-ren-đôn tin chắc rằng lương thực ở Các-xơ đủ dùng để đến đầu tháng Mười, còn mặt khác, Rét-clíp-phơ xác nhận với ông ta rằng ngay cả khi có sự giúp đỡ của tàu vận tải của liên quân, thì quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa cũng sẽ đến Rê-đút-Ca-lơ sớm nhất là vào những ngày đầu tháng Mười, thì ông ta đã thấy ngay rằng không còn nguy hiểm nữa, nếu thúc đẩy Chính phủ Pháp tiếp thu kế hoạch của Thổ Nhĩ Kỳ. Ngoài ra, Cla-ren-đôn biết rằng ông ta yêu cầu Chính phủ Pháp đúng vào

lúc mà cuộc cường tập vào Xê-va-xtô-pôn đã đến gần, do đó, Pê-li-xi-ê có lý do nghiêm chỉnh để không cho phép bất cứ sự biến động nào trong thành phần số quân đóng ở gần Xê-va-xtô-pôn. Để giấu giếm những tin tức nhận được, điện khẩn của Rét-clíp-phơ được dẫn ra dưới hình thức các đoạn trích, và nguyên ý của nó bị xuyên tạc. Chúng tôi dẫn ra bức điện khẩn của Cla-ren-đôn gửi huân tước Cau-li:

Bộ ngoại giao, ngày 28 tháng Tám 1855

Chính phủ của nữ hoàng tin rằng chính phủ của hoàng đế sẽ đồng ý với sự trả lời dẫn ra dưới đây đối với bức điện khẩn của tử tước Xơ-rát-phơ Đơ Rét-clíp-phơ gửi từ Ba-la-cla-va ngày 26 tháng Tám. Trong trường hợp này, xin Ngài hãy vui lòng trực tiếp, thông qua huân tước Pan-muy-rơ, chuyển ý kiến trả lời ấy cho tướng Xim-xơn, vị tướng này sẽ báo tin ấy cho tử tước Rét-clíp-phơ nếu ông ta còn ở Ba-la-cla-va: “Ô-me-rơ-pa-sa có thể đem theo mình ra khỏi Ba-la-cla-va sang châu Á những đơn vị quân đội của ông ta mà ông ta thấy cần thiết; những đơn vị này phải được thay thế bằng số lượng tương đương các đơn vị được điều từ số quân của tướng Vi-vi-an hoặc bằng các đơn vị được điều từ Ép-pa-tô-ri căn cứ vào quyết định của các tướng lĩnh liên quân; theo sự thỏa thuận với các đô đốc phải ra những chỉ thị tương ứng về việc vận chuyển quân lính của ông ta”.

Ký tên: *Cla-ren-đôn*

Ngay cả trong bức điện khẩn này, Cla-ren-đôn cũng không thể tự kiềm chế được để không chơi xỏ Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy rằng qua một loạt bị vong lục của Ô-me-rơ-pa-sa, ông ta đã biết rất rõ rằng việc thay thế số quân của Ô-me-rơ-pa-sa ở gần Xê-va-xtô-pôn bằng những đơn vị được điều từ Ép-pa-tô-ri sẽ đòi hỏi nhiều thời gian và có thể tác hại rất nhiều đến toàn bộ kế hoạch, nhưng ông ta dường như vẫn en passant^{1*} đề nghị với Chính phủ Pháp thay thế số quân ở Xê-va-xtô-pôn bằng quân lính của tướng Vi-vi-an hoặc số quân lính được điều từ Ép-pa-tô-ri. Pa-ri trả lời như sau:

Bằng điện tín

^{1*} - tiện thể

Huân tước Cau-li gửi bá tước Cla-ren-đôn

Pa-ri, 29 tháng Tám 1855

Hoàng đế không phản đối việc rút quân Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi Ba-la-cla-va và thay thế chúng bằng những đơn vị khác, với điều kiện là các vị tổng tư lệnh của liên quân đồng ý; nhưng trong tình hình hiện nay, hoàng đế không có trách nhiệm phát biểu thêm gì nữa. Tôi đã gửi bức điện báo cáo cho tướng Xim-xon và sau chữ “châu Á”, tôi đã thêm: “với điều kiện là Ngài và tướng Pê-li-xi-ê không phản đối”.

Nguyện vọng thiết tha của huân tước Cla-ren-đôn muốn đẩy nhanh cuộc viễn chinh Min-grê-li-a vào giờ phút hiểm nghèo ấy đã được thể hiện rõ ràng trong bức điện khẩn ngày 7 tháng Chín mà ông ta gửi cho trung tá Xim-môn-xơ bằng bưu điện thường, nên mãi đến 23 tháng Chín Xim-môn-xơ mới nhận được. Ngày 5 tháng Chín, Cla-ren-đôn nhận được bức điện khẩn sau đây của trung tá Xim-môn-xơ (văn kiện số 301):

“Thưa ngài, tôi phải báo với Ngài rằng Ô-me-rơ-pa-sa đã tuyên bố với tôi rằng ông ta chỉ có thể rời Công-xtăng-ti-nô-plơ sớm nhất là 5 - 6 ngày nữa, vì đang lâm vào công tác chuẩn bị cần thiết cho cuộc viễn chinh châu Á, và sự có mặt của ông ta ở đây là tuyệt đối cần thiết cho việc hoàn thành công việc chuẩn bị ấy”. Căn cứ theo những biện pháp mà Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ thi hành, “Ô-me-rơ-pa-sa chỉ trông cậy vào hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ để chuyên chở sang châu Á con số 50 000 người và 3 400 ngựa chia thành hai chuyến, mà việc chuyên hết toàn bộ số quân lính sẽ đòi hỏi 3 - 4 tuần, hoặc mỗi chuyến cần 10 đến 14 ngày... Ô-me-rơ-pa-sa rất muốn liên quân giúp ông ta chuyên chở số quân đóng ở gần Xê-va-xtô-pôn và vũ khí trang bị của họ, cũng như số ngựa vận tải từ Xi-đô-pôn; ông ta cho rằng nếu cho phép hạm đội Anh chở số quân đóng ở gần Xê-va-xtô-pôn sang châu Á sau khi hạm đội ấy đã giúp chuyên chở xong đội quân được chỉ định thay thế số quân ở Ba-la-cla-va, thì nhiệm vụ đó có thể được hoàn thành tốt nhất”.

Về bức điện khẩn ấy, Cla-ren-đôn trả lời như sau:

Bá tước Cla-ren-đôn gửi trung tá Xim-môn-xơ

Bộ ngoại giao, ngày 7 tháng Chín 1855

Thưa ngài!

Báo cáo về các biện pháp mà Ô-me-rơ-pa-sa đưa ra để chi viện cho đội quân

châu Á, được nói đến trong bức điện khẩn ngày 26 tháng Tám của Ngài, lại mâu thuẫn với những tin tức gần đây nhất mà chính phủ của nữ hoàng nhận được. Trong bức điện khẩn của Ngài, Ngài nói rằng Ô-me-rơ-pa-sa dự tính mang theo một bộ phận quân Thổ Nhĩ Kỳ ở gần Xê-va-xtô-pôn và thay thế những đơn vị ấy bằng các đơn vị của tướng Vi-vi-an. Song qua điện của chính tướng Xim-xon gửi đi sau đó, thì thấy rằng theo ý kiến của Ô-me-rơ-pa-sa, đơn vị của tướng Vi-vi-an còn chưa thích hợp cho việc chiếm lĩnh trận địa gần Xê-va-xtô-pôn trước mùa xuân tới. Căn cứ vào ý kiến ấy và sự phản kháng của tướng Xim-xon chống lại việc điều đơn vị ấy đến nơi ông ta - sự phản kháng này dựa vào ý kiến nói trên - chính phủ của nữ hoàng quyết định rằng không nên cử đơn vị này đi hội quân với đạo quân ở gần Xê-va-xtô-pôn.

Cla-ren-đôn

Chúng ta lưu ý rằng bức điện khẩn của Xim-xon, anh chiến binh đáng thương, đã bị cuốn Sách xanh bỏ sót, “ý kiến” của Ô-me-rơ-pa-sa chỉ là một sự giả mạo và “ngày tháng được ghi mãi về sau”, khi Ô-me-rơ-pa-sa đưa ra ý kiến mới của mình mâu thuẫn với ý kiến của ông ta đưa ra ngày 26 tháng Tám - là xảy vào đầu tháng Bảy, như có thể thấy được qua đoạn trích dưới đây trong bức điện khẩn của trung tá Xim-môn-xơ gửi đi từ doanh trại ở Ca-ma-rur ngày 23 tháng Chín 1855:

“Thưa ngài, xin ngài cho phép tôi báo cáo với Ngài rằng Ô-me-rơ-pa-sa đã phát biểu quan điểm ấy của mình trong thư gửi tướng Xim-xon ngay từ đầu tháng Bảy... trước khi ông ta được biết về tình hình nguy ngập của quân đội ở châu Á. Ngay từ bấy giờ ông ta đã bày tỏ niềm tin tưởng vững chắc rằng tướng Xim-xon không có ý định sử dụng quân đội ấy trong trường hợp xung đột với địch ở địa hình trống trải (en rase campagne)... Huân tước Ra-glan đã nhiều lần hỏi tôi rằng liệu tôi có cho rằng có thể sử dụng đội quân ấy để chiếm lĩnh phòng tuyến ở gần Xê-va-xtô-pôn hay không, và khi tôi hỏi Ô-me-rơ-pa-sa về ý kiến của ông ta về vấn đề này thì ông ta nói với tôi rằng ông ta không thấy trở ngại gì cho việc đó, nếu huân tước Ra-glan cho rằng việc đó là hoàn toàn cần thiết”.

Truyền đạt ý kiến của Ô-me-rơ-pa-sa, được nói ra trước khi vấn đề viễn chinh Min-grê-li-a được đưa ra thảo luận, giả mạo ý kiến ấy của ông ta, rồi dựa vào sự giả mạo ấy đưa ra kháng nghị của mình, - lẽ đương nhiên, Xim-xon với cái “đầu óc đàn độn”

của mình đã hành động theo những chỉ thị mật nhận được từ Luân Đôn. Anh chàng đáng thương Xim-xơn là một trong những tác phẩm của Pan-móc-xơn, một trong những Gô-lê-m của ông ta. Gô-lê-m, như nhà thơ Đức Ác-nim³²⁸ nói, là những ụ đất mà thầy phù thủy cao tay đã ban cho hình dáng con người và đã thổi vào chúng sức sống nhân tạo. Ngay cả nếu giả định rằng Xim-xơn viết đúng như đã mô tả trong bức điện khẩn của Cla-ren-đôn - việc cuốn Sách xanh bỏ xốt bức điện này cũng đặt nghi vấn cho điều đó - thì bây giờ Cla-ren-đôn cũng không thể sinh ra bất cứ sự hoài nghi nào về ngày tháng phát biểu, cũng như về thực chất của ý kiến của Ô-me-rơ-pa-sa. Ngay từ 15 tháng Bảy, Xim-môn-xơ đã thông báo cho ông ta rằng, theo ý kiến của Ô-me-rơ-pa-sa, thì “quân của Vi-vi-an tuy thích hợp với việc làm nhiệm vụ đóng giữ, nhưng chưa thể phái họ vào sâu trong nội địa”, còn trong bức điện khẩn sau đó ông ta nói rằng “ở Ba-la-cla-va và Kéc-xơ, quân của Vi-vi-an sẽ đóng ở các phòng tuyến bên trong”, chứ không ở “địa hình trống trải”.

Quá trình cuộc viễn chinh Min-grê-li-a của Ô-me-rơ-pa-sa không được ghi chép trong cuốn Sách xanh, những tài liệu mà người ta để lộ ra đủ để vạch ra những trở ngại mà các chính phủ đồng minh đã đặt ra trên con đường của cuộc viễn chinh đó ngay cả trong thời kỳ sau này, khi họ rất miễn cưỡng đồng ý tiến hành cuộc viễn chinh và khi phía Nam Xê-va-xtô-pôn đã bị chiếm.

Ngày 21 tháng Chín, từ doanh trại ở Ca-ma-rur, Xim-môn-xơ viết cho Cla-ren-đôn:

“Ngày 18 tháng Chín, tướng Pê-li-xi-ê đồng ý phái ba tiểu đoàn lập binh Thổ Nhĩ Kỳ từ đây đi châu Á. Trong một vài ngày sau họ sẽ đến Ba-tum bằng đường biển. Cho tới nay tướng Pê-li-xi-ê còn chưa đồng ý phái sang châu Á những đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ khác đang đóng ở đây”.

“Đối với câu hỏi của tôi” - Rét-clíp-phơ nói ngày 26 tháng Chín - “Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ khẳng định với tôi rằng việc chuyên chở quân và vận tải lương thực đang được tiến hành, nhưng chậm chạp, vì phương tiện vận tải dùng vào mục đích đó được cung cấp với số lượng hạn chế. Không thể không thấy rằng việc thay đổi kế hoạch xoành xoạch, những nhu cầu cấp bách do những hoạt động quân sự

của chúng tôi ở gần Xê-va-xtô-pôn gây ra, nhu cầu lớn về phương tiện vận tải - tất cả những cái đó gộp lại dẫn tới tình hình là hy vọng cứu vãn Các-xơ đang giảm đi”.

Nhưng sự thay đổi kế hoạch xoành xoạch chính là việc làm của bàn tay nội các Anh; nhu cầu cấp bách do hoạt động quân sự ở gần Xê-va-xtô-pôn gây ra là một lý do vu vơ, vì sau khi chiếm được thành phố thì liên quân chỉ hạn chế ở việc canh giữ đồng gạch vụn của nó, còn tình trạng thiếu phương tiện vận tải cần thiết là do phó Đao-ninh đã luôn đưa ra những chỉ thị về việc chuyên chở vô ích quân lính từ Vác-na đến Ê-ni-ca-lơ, Kéc-xơ, Ép-pa-tô-ri và ngược lại Bô-xpho.

Những dự cảm u ám ấy đã tiêu tan trong khoảnh khắc trước thắng lợi lóe sáng, như sao băng, mà quân Thổ Nhĩ Kỳ đã giành được ngày 29 tháng Chín đối với các đơn vị cường tập của quân Nga. Trong báo cáo của mình, cũng đề ngày hôm ấy, tướng Uy-li-am-xơ gọi ngày ấy là “ngày về vang của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ”. Trong báo cáo ngày 3 tháng Mười (xem văn kiện số 342) ông ta nói với Cla-ren-đôn:

“Trong thời gian diễn ra cuộc chiến đấu kéo dài gần 7 giờ, bộ binh cũng như pháo binh Thổ Nhĩ Kỳ đã chiến đấu với tinh thần dũng cảm không sùng; nếu ta nhớ lại rằng trong suốt gần bốn tháng trời, binh sĩ toàn đảo công sự, còn ban đêm lại canh giữ những công sự ấy, nếu nhớ lại rằng họ thiếu thốn quần áo và chỉ được phát chưa đầy nửa khẩu phần và đặng đặng 29 tháng trời không được phát lương, thì tôi nghĩ rằng, thưa Ngài, Ngài sẽ thừa nhận rằng họ đã tỏ ra xứng đáng với sự khâm phục của cả châu Âu và, không nghi ngờ gì nữa, họ đã giành được quyền được xếp vào loại các quân đội hạng nhất của châu Âu”.

Nhận được tin tức phấn khởi đó, Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã gửi lời chúc mừng tới những người bảo vệ Các-xơ (văn kiện số 345) trong đó có viết:

“Chúng tôi vững tin vào tinh thần không biết run sợ và nhiệt tình đã cổ vũ Ngài, vào ân huệ vô biên của thượng đế và chúng tôi tìm thấy sự an ủi trong ý nghĩ đó. Mặt khác, chúng tôi đã cố gắng ngày đêm để tìm ra những phương pháp buộc địch phải rút bỏ cuộc bao vây. Tin tức phấn khởi ấy đã thổi vào chúng tôi một sức sống mới”.

Tin tức ấy sẽ thổi vào lòng ngực Cla-ren-đôn sức sống mới dồi dào như thế nào! Chẳng lẽ ông ta, một kẻ ngày đêm đã bận rộn tìm kiếm những cách thức cản trở việc thực hiện những biện pháp do Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ sáng tạo ra, lại không muốn tung ra một cách kháng khái ít ra là những lời hoa mỹ hùng biện về tiền về sự đồng tình của mình hay sao? Không hề có điều đó đâu! Lầm lẫn trong tính toán của mình, ông ta đã trút nỗi bực dọc lên đầu Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ trong một bức điện ngắn, có ý châm biếm và có tính chất khiêu khích (văn kiện số 346).

“... Đội quân đóng giữ Các-xơ bị bỏ rơi, không được tăng viện đã lấy làm hài lòng được biết rằng ít ra là những sự đau khổ của nó... đã phá tan sự yên tĩnh của các bộ trưởng Thổ Nhĩ Kỳ, do thiếu mọi biện pháp để chi viện thông thường, nên không bao giờ ngừng cầu nguyện cho sự an toàn và thắng lợi của quân đội ấy”.

Cla-ren-đôn, người bạn trầm lặng trước kia của A-bớc-đin, ở đây lại đứng ra làm chiếc loa thảm hại cho Pan-móc-xton.

Gần hai tháng nữa lại trôi qua kể từ khi đẩy lùi được cuộc tấn công của quân Nga ở gần Các-xơ ngày 29 tháng Chín, cho đến ngày cứ điềm đầu hàng vào ngày 24 tháng Mười một. Chính phủ Anh đã lợi dụng thời gian ấy như thế nào để cải thiện tình hình? Một là, nó trì hoãn việc cung cấp phương tiện vận tải cần thiết cho Ô-me-rơ-pa-sa. Ngày 2 tháng Mười, ông Ô-li-phan-tơ, phóng viên báo “Times” viết từ doanh trại của Ô-me-rơ-pa-sa.

“Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ dần dần trở thành một lực lượng ngày càng lớn mạnh. Một khi 10 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ từ Ba-la-cla-va tới - các tướng lĩnh liên quân, rút cục, đã miễn cưỡng đồng ý việc điều động số quân này - thì nó sẽ có tới gần 50 000 người. Sự chậm trễ chủ yếu là do sự dấy dưng của bộ tư lệnh của chúng ta ở Crum không cung cấp phương tiện vận tải để chuyển quân lính tới đây, và rõ ràng là nó hoàn toàn không suy tính đến việc số quân ấy có đến đây hay không. Hết sức đáng tiếc là nguyên nhân quan trọng duy nhất làm cho Ô-me-rơ-pa-sa không yên tâm đối với cuộc viễn chinh này, cũng bắt nguồn từ chính cái nguồn gốc đã gây ra biết bao nhiêu tai họa”.

Nhưng đây chưa phải là tất cả. Ngay từ tháng Bảy, trong cuộc tranh luận tại nghị viện về việc cho Thổ Nhĩ Kỳ vay tiền, Pan-móc-xton đã tuyên bố rằng Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đang

thiếu tiền gay gắt, và toàn bộ hành động sau này của nó đều tùy thuộc vào chỗ hiện nay nó có nhận được tiền hay không. Nghị viện đã đồng ý cho vay, và Chính phủ Anh đã tuyên bố về khoản cho vay ấy vào tháng Tám 1855, nhưng qua văn kiện được đệ trình nghị viện thì thấy rằng trong số 5 triệu bảng được cấp cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ thì đến 29 tháng Riêng 1856 mới chi ra chừng 2 triệu, thậm chí số tiền này lại được gửi đi từng đợt nhỏ là 100 000 pao xtéc-linh.

Ngay từ ngày 24 tháng Mười một 1855, Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã tuyên bố (xem văn kiện số 353, phụ lục số 4):

“Cuối cùng Ngài” (Xê-ra-ki-a) “đến gặp tôi và nói rằng tôi biết không kém gì ông ta về những cố gắng bền bỉ mà ông ta đã tiến hành để chi viện cho đội quân đóng giữ Các-xơ. Ô-me-rơ-pa-sa đã trì hoãn do những nguyên nhân mà ông ta, đáng buồn thay, không có quyền chi phối. Đây là việc làm của liên quân. Ngay từ đầu đã thấy rõ rằng những biện pháp mà quân Thổ Nhĩ Kỳ có thể thi hành không có sự giúp đỡ của đội quân đóng ở Crum, đã không đủ để thực hiện mục đích đã định... Ngài rất kiên trì tiếp tục giải thích với tôi rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ tuyệt đối không thể hoàn thành mọi điều cần thiết cho việc tác chiến sau này do sự trì hoãn trong việc trao số tiền được vay. Số 1 triệu ki-lô lương thực mà họ đã mua để thỏa mãn nhu cầu của quân đội thì chưa đến, vì họ không có tiền để thanh toán số lương thực ấy... Ông đã viết thư cho thủ tướng rằng trong trường hợp nếu số tiền lấy từ nguồn ấy” (vay nợ) “không được nhận trong vòng một tuần lễ, tính từ ngày hôm nay, thì ông ta sẽ từ chức” (thư của tướng Man-xphin-đơ gửi huân tước Đơ Rét-clíp-phơ).

Có một sự trùng hợp đáng chú ý là đúng vào ngày Các-xơ đầu hàng, thì Xê-ra-xkia đã giải thích có sức thuyết phục với cố vấn quân sự Anh về những nguyên nhân đích thực của thảm họa ấy : sự trì hoãn cuộc viễn chinh của Ô-me-rơ-pa-sa do liên quân không trao cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ các đơn vị quân lính của chính Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, rồi tiếp đó là việc đình chỉ mọi hành động chiến đấu vào tháng Mười và tháng Mười một do Chính phủ Anh không trao cho Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ số tiền của bản thân nó.

Ở Các-xơ khi người ta quyết định đầu hàng ngày 24 tháng Mười một thì

“binh sĩ chết đói mỗi ngày hằng trăm người. Họ biến thành những bộ xương và không còn sức chiến đấu, cũng như chạy trốn. Phụ nữ dắt díu con cái đến nhà các viên tướng đòi thức ăn và bỏ chúng lại đó; thành phố đầy rẫy người chết và người sắp chết” (văn kiện số 366).

Trong suốt cả thời kỳ mà Cla-ren-đôn phá hoại có hệ thống các kế hoạch của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, làm tê liệt lực lượng của nó và giữ chặt số tiền của chính triều đình đó, chúng ta thấy ông ta không ngừng làm cho Triều đình Thổ bị trói chân trói tay chán ngấy ông ta, vì đã khuyên triều đình ấy hành động kiên quyết và chê trách nó chậm chạp. Trong lịch sử thế giới vị tất tìm được sự đối chiếu nào gây ra sự chê cười chua chát hơn là sự đối chiếu giữa một bên là Chính phủ Anh và bằng những hành động phiêu lưu của nó ở Crum, ở biển Ban-tích, ở Thái Bình Dương và bằng việc những khoản khen thưởng hào hiệp cho các thủ phạm của những thất bại ấy, nó đã biến nước Anh thành trò cười cho châu Âu, - với một bên khác cũng là Chính phủ Anh mà với giọng điệu nghiêm khắc nhất của Ca-tô cổ đại đã chê trách Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ về những sai lầm của các nhà hoạt động quân sự và các nhà đương cục dân sự của nó. Chính phủ của các vị Xát-lơ phần nộ về tính chất dễ bị mua chuộc của các pa-sa; những người bảo hộ bọn Cô-đrinh-ton và bọn Ê-li-ôt nặng nề đòi trừng phạt Xê-lim-pa-sa và Ta-khíp-pa-sa; *improvvisatori*^{1*} của Xim-xon vốn vẫn tức giận chau mày đối với bọn bảo hộ Ô-me-rơ-pa-sa; Pan-muy-rơ - “hãy quan tâm đến Đâu-bo” - lên lớp cho Xê-ra-xkia; Phó Đao-ninh với bọn tiến sĩ Xmít của nó, với bọn Phin-đơ, Ê-ri và Goóc-đôn là bọn thậm chí trong hội nghị của ủy ban Xê-va-xtô-pôn đã chửi bới một vị pa-sa nào đó ở Tơ-ra-pê-dun về tội xếp gậy thông nòng và các chiếc khoan đã không được bó thành bó và không được bọc bằng chiếu gai, - đây là bức tranh đích thực về cuộc chiến tranh phương Đông. Và trước hết là Cla-ren-đôn dửng dưng cảm với những lời than phiền cảm động về thái độ lạnh nhạt của Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ! Ông ta giống như nhân vật Téc-xi-to

^{1*} - tác giả ngẫu hứng

đã trách Đa-na-ít về tội đã không đổ đầy cái thùng không đầy của mình.

C.MÁC

NƯỚC PHỔ³²⁹

Nạn đầu cơ chứng khoán không kìm hãm được đã biến nước Pháp thành sông bạc và làm cho đế quốc của Na-pô-lê-ông biến thành sở giao dịch, - nạn đầu cơ ấy tuyệt nhiên không bó hẹp trong biên giới nước này. Bệnh dịch này không bị ranh giới chính trị ràng buộc, đã vượt qua dãy núi Pi-rê-nê, dãy An-pơ, sông Ranh và - dù rằng điều này thật lạ lùng - bao trùm cả nước Đức trang nghiêm, nơi mà sự đầu cơ trong lĩnh vực tư tưởng đã nhường chỗ cho sự đầu cơ các giấy có giá, summum bonum^{1*} đã nhường chỗ cho tiền thưởng^{2*}, ngôn ngữ khó hiểu của phép biện chứng nhường chỗ cho ngôn ngữ không kém phần khó hiểu của sở giao dịch, nguyện vọng thiết tha hướng tới thống nhất đã nhường chỗ cho lòng ham mê lợi tức cổ phần. Miền sông Ranh của Phổ, do ở gần nước Pháp, cũng do sự phát triển cao độ của nền công nghiệp và thương nghiệp của nó mà mắc phải bệnh ấy đầu tiên. Các chủ ngân hàng ở Khuên không những đã tham gia liên minh hình thức với bọn đại bịp ở Pa-ri, cùng chúng mua tờ báo “Indépendance belge”³³⁰ để làm cơ quan ngôn luận chung, và với việc thành lập ngân hàng quốc tế ở Lúc-xăm-bua, chúng không những lôi cuốn toàn bộ miền Tây Nam nước Đức vào vòng xoáy

^{1*} - phúc lợi tối cao

^{2*} - tiền thưởng thêm vào lợi tức cổ phần

nước của “Crédit Mobilier”, mà còn đạt được - trong biên giới miền sông Ranh của Phổ và Công quốc Vét-xơ-pha-li - những thành tựu lớn đến mức là hiện nay tất cả các tầng lớp xã hội, trừ công nhân và tiểu nông, đều bị lôi cuốn bởi sự cuồng nhiệt kiếm lời, thậm chí các nguồn tư bản của giai cấp tiểu tư sản cũng bị tách ra khỏi các kênh thông thường của chúng để tham gia vào những hành động phiêu lưu mạo hiểm nhất, và mỗi một chủ hiệu nhỏ đều biến thành nhà luyện kim đan. Tình trạng bộ phận còn lại của nước Đức cũng không tránh bệnh truyền nhiễm ấy, điều đó có thể thấy được qua đoạn trích dưới đây trong tờ báo của chính phủ “Preussische Correspondenz”:

“Sự quan sát gần đây đối với tình hình thị trường tiền tệ đã xác nhận điều dự đoán là một trong những cuộc khủng hoảng thương nghiệp đáng sợ, lặp lại theo chu kỳ, lại đang đến gần. Sự phát triển điên cuồng của nạn đầu cơ không kìm hãm nổi mà thoát đầu xảy ra ở nước ngoài, nay đã diễn ra ở phần lớn nước Đức từ năm ngoái; không những sở giao dịch Béc-lin và các nhà tư bản Phổ, mà cả các tầng lớp xã hội mà trước đây ra sức tránh trực tiếp tham gia vào hoạt động mạo hiểm của sở giao dịch chứng khoán, cũng đều bị cuốn vào vòng xoáy nước ấy”

Chính phủ Phổ đã viện dẫn nỗi sợ hãi trước cuộc khủng hoảng tài chính đang đến gần để làm cái cớ không cho phép thành lập “Crédit Mobilier”, ngờ rằng cái biểu hiện choáng mắt của nó che đậy những mục đích lừa bịp. Nhưng tổ chức bị cấm thành lập dưới nhãn hiệu này thì lại có thể được thành lập dưới nhãn hiệu khác, cho nên cái gì không được phép ở Béc-lin thì lại có thể được phép ra đời ở Lai-pxích và Hăm-buốc. Giai đoạn mới của cơn sốt đầu cơ bắt đầu từ khi cuộc chiến tranh kết thúc, không phụ thuộc vào sự phồn vinh thương nghiệp thường kèm theo việc ký kết hòa ước, như tình hình đã diễn ra vào năm 1802 và 1815. Lần này chúng ta thấy đặc điểm là nước Phổ, trên hình thức, tỏ ra vui lòng mở thị trường của mình cho tư bản và hoạt động đầu cơ của phương Tây. Không nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ nhanh chóng nghe thấy những tin tức về sự xuất hiện con đường sắt I-a-cút vĩ đại với một nhánh chạy đến tận Bắc Kinh và về những kế

hoạch không kém đồ sộ khác; vấn đề không phải là điều gì cụ thể dự định được thực hiện, mà là chất liệu mới có thể được sử dụng để duy trì không khí đầu cơ. Chỉ còn thiếu bản hòa ước để đẩy nhanh sự đại phá sản mà Chính phủ Phổ hết sức sợ hãi.

Sự tham gia chưa từng có đối với Phổ vào hoạt động đầu cơ của châu Âu ấy không thể có được, nếu nền công nghiệp của nó trong những năm gần đây không đạt được những thành tựu to lớn. Chỉ riêng khoản tư bản bỏ vào ngành đường sắt đã tăng từ 19 triệu ta-le Phổ năm 1840 lên đến 154 triệu vào các năm 1854 - 1855. Tổng giá trị của con đường sắt hiện đang được xây dựng được xác định là 54 000 000 ta-le; ngoài ra, chính phủ còn phê chuẩn cho xây dựng những tuyến đường sắt mới trị giá tới 57 000 000 ta-le. Trong thời kỳ từ năm 1849 đã xuất hiện 87 công ty cổ phần với một số tư bản là 83 000 000 ta-le. Trong những năm 1854 - 1856 đã có 9 công ty bảo hiểm được đăng ký, với số tư bản là 22 000 000 ta-le. Trong hai năm này, 6 công ty cổ phần có 10 500 000 ta-le tư bản đã mở hàng loạt xưởng dệt. Qua “Báo cáo về bông” người ta thấy được tổng số bông chở đến các cảng châu Âu trong thời kỳ từ 1853 đến 1856 đã thay đổi như thế nào. Theo báo cáo chính thức thì sản lượng bông đóng kiện xuất khẩu trong 7 tháng đầu của những năm nói trên là:

	tính theo kiện			
	1853	1854	1855	1856
Xuất khẩu sang Anh	1 100 000	840 000	963 000	1 131 000
Xuất khẩu sang Pháp	255 000	229 000	249 000	354 000
Xuất khẩu sang các cảng khác ở châu Âu	204 000	179 000	167 000	346 000

Từ những con số trên đây có thể kết luận rằng nếu năm 1853 các nước ở lục địa châu Âu chỉ nhập khẩu bằng khoảng 1/3 tổng số bông nhập vào Anh, thì đến năm 1856 số lượng nhập khẩu của

các nước châu Âu đạt 5/8 số lượng nhập khẩu của Anh. Ngoài ra, còn phải thêm vào đó số bông mà Anh chuyển khẩu sang các nước châu Âu. Việc nhập khẩu nhiều bông ở Pháp chỉ là hiện tượng bề ngoài, vì đại bộ phận số lượng đó lại chuyển từ Ha-vơ sang Thụy Sĩ, Ba-đen, Phran-phuốc và Ăng-ve. Do đó, sự phát triển của nền công nghiệp châu Âu được tiêu biểu bằng những con số nói trên, có nghĩa là sự phát triển trước hết là của nền công nghiệp Đức và chủ yếu là của nền công nghiệp Phổ. Lợi nhuận mà đại địa chủ thu được trong thời chiến - trong những năm mất mùa và giá cao - có thể cạnh tranh với số của cải mà giai cấp tư sản công nghiệp tích lũy được trong những năm gần đây. Giá ngựa, giá đại gia súc, gia súc nói chung, ấy là chưa nói đến giá ngũ cốc, trong nội bộ nước Đức đều được duy trì ở mức cao đến nỗi vị tất cần đến sự tác động của thị trường nước ngoài để cho đại địa chủ có thể tắm trong vàng. Chính số của cải ấy - trước đây, hai giai cấp ấy chưa bao giờ trải qua một sự tích lũy của cải nhanh chóng như vậy - đặt cơ sở cho cơn sốt đầu cơ hiện đang hoành hành ở Phổ.

Khi cái bong bóng xà phòng ấy tan đi, quốc gia Phổ sẽ trải qua một thử thách nặng nề. Các giai đoạn phản cách mạng khác nhau, mà nước Phổ đã kinh qua kể từ năm 1849, đã dẫn tới hậu quả là giai cấp quý tộc - địa chủ không đông đảo đã nắm được chính quyền; quốc vương Phổ, bằng mọi cách đã góp phần tăng cường sự thống trị của giai cấp ấy, thì hiện nay, trong quan hệ với nó, đã ở vào địa vị giống như của Lu-i XVIII đối với Chambre introuvable³³¹. Phri-đrich Vin-hem không chịu thỏa mãn với bộ máy chính quyền quan liêu hờ hững mà vương phụ để lại. Suốt đời mình, ông ta mơ tưởng trang hoàng lâu đài quốc gia Phổ bằng vật trang trí kiểu lô-tích lãng mạn gì đó. Nhưng dựa vào kinh nghiệm hoạt động của Herrenhaus^{1*} của mình, ông ta nhanh chóng tin chắc rằng trên thực tế, bọn địa chủ, hay là Krautjunks như người ta gọi chúng ở Phổ, tuyệt nhiên không cho rằng làm đồ trang sức trung cổ cho chế độ quan liêu là điều hạnh phúc; chúng

^{1*} - viện quý tộc

độc sức cổ hạ thấp chế độ quan liêu ấy và đẩy nó xuống giữ vai trò công cụ giản đơn phục vụ những lợi ích giai cấp của chúng. Điều đó giải thích sự xung đột giữa bọn gioong-ke và chính phủ, giữa quốc vương và các vương tử ở Phổ. Để chứng tỏ với chính phủ rằng chúng không đùa đâu, bọn gioong-ke vừa mới cự tuyệt phê chuẩn việc tiếp tục thu thuế phụ thu được thi hành trong thời chiến - điều đó là chưa từng thấy ở nước Phổ lập hiến. Chúng坦然 tuyên bố một cách kiên quyết rằng trong lãnh địa của chúng, chúng có đầy đủ quyền lực không kém gì quốc vương Phổ trên toàn quốc. Chúng đòi kỳ được để làm sao bản hiến pháp, tuy vẫn là lời nói rỗng tuếch đối với tất cả các giai cấp khác, nhưng lại có ý nghĩa thực tế đối với chúng. Vứt bỏ mọi sự kiểm soát của chế độ quan liêu, chúng đồng thời muốn rằng chế độ quan liêu ấy đè bẹp tất cả các giai cấp hạ tầng khác, với một sức mạnh gấp đôi.

Giai cấp tư sản phản bội cuộc cách mạng năm 1848, đã buộc phải thỏa mãn với việc chiêm ngưỡng cảnh tượng là bất chấp thắng lợi về mặt xã hội mà họ đạt được nhờ việc tích lũy tư bản không kiểm chế được, song hiện nay họ đã mất mọi vai trò chính trị. Hơn nữa, Krautjunktors coi thường những quy tắc lịch thiệp sơ đẳng nhất, đã phẫn khởi lợi dụng mọi lý do để làm cho giai cấp tư sản cảm thấy sự hèn kém của nó. Khi các diễn giả của giai cấp tư sản định phát biểu tại hạ nghị viện thì bọn gioong-ke rời ghế của chúng en masse^{1*}, còn đối với lời kêu gọi hãy lắng nghe dù là những ý kiến khác với ý kiến của chúng, thì bọn gioong-ke cười vào mặt các ngài thuộc phái tả. Khi phái tả than phiền về những trở ngại mà họ vấp phải khi tiến hành bầu cử, thì người ta trả lời nó rằng chính phủ chỉ làm tròn chức trách của mình, tránh cho quần chúng khỏi bị quấy nhiễu. Khi nó chỉ rõ rằng báo chí quý tộc được hưởng tự do hoàn toàn trái ngược với những điều hạn chế được áp đặt cho báo chí tự do, thì người ta nhắc nhở nó rằng tự do ở một quốc gia Cơ Đốc giáo có nghĩa là thỏa mãn không phải những sở thích của các cá nhân, mà là thỏa mãn

^{1*} - đồng loạt

ý chúa và thỏa mãn những kẻ cầm quyền. Khi thì người ta làm cho nó hiểu rằng “danh dự” là độc quyền của giới quý tộc, khi thì người ta làm cho nó xúc động sâu sắc bằng những điều minh họa hiển nhiên của những giáo lý bị vứt bỏ từ lâu của Ha-lơ, Bô-nan và Đờ Me-xtơ-rơ. Người công dân Phổ tự hào về trình độ học vấn của mình trong lĩnh vực triết học, cảm thấy bị lãng nhục khi nhìn thấy những học giả ưu tú bị đuổi khỏi các trường đại học, còn sự nghiệp giáo dục thì bị giao phó cho bọn theo chủ nghĩa mộng muội; các tòa án tôn giáo thì được can thiệp vào công việc gia đình của công dân, còn bản thân anh ta thì bị cảnh sát lừa vào nhà thờ vào những ngày chủ nhật. Bọn gioong-ke không thỏa mãn với việc tìm đủ mọi cách để không phải nộp thuế khóa; chúng còn nhét giai cấp tư sản vào các phường hội và nghiệp đoàn, làm ô ứ các cơ quan thị chính của giai cấp này, thủ tiêu tính độc lập và tính chất không thể phé truất của các quan tòa của giai cấp này, chấm dứt quyền bình đẳng giữa các giáo phái v.v.. Trong những trường hợp hiếm có, khi đại biểu của giai cấp tư sản tại nghị viện bộc lộ sự căm thù chứa chất trong lòng họ và đánh bạo đem cuộc cách mạng sắp nổ ra để dọa bọn gioong-ke, thì người ta trả lời chằm chọc họ rằng cách mạng cũng cần tính số với giai cấp tư sản chẳng kém gì cần tính số với giai cấp quý tộc.

Sự thực thì ít có khả năng giai cấp đại tư sản lại lãnh đạo cách mạng Phổ như năm 1848. Ở miền Đông nước Phổ, nông dân không những đã mất đi tất cả những cái mà cuộc cách mạng năm 1848 đã đem lại cho họ trong sự nghiệp giải phóng, mà vẫn như trước đây phải lệ thuộc trực tiếp vào bọn quý tộc về mặt hành chính cũng như về mặt pháp lý. Ở miền sông Ranh của nước Phổ, nơi mà tư bản chủ yếu được đầu tư vào các xí nghiệp công nghiệp, quá trình nô dịch hóa nông dân bằng các món nợ cầm cố đã phát triển với tốc độ nhanh như tốc độ tăng lợi tức của các món nợ. Trong khi ở Áo, dù sao chính phủ cũng thi hành một ít biện pháp nào đó để làm yên lòng nông dân, thì ở Phổ người ta đã thử thách sự kiên nhẫn của họ bằng đủ mọi biện pháp có thể có. Còn đối với giai cấp công nhân thì chính phủ đàn áp mãnh liệt các cuộc bãi

công của họ, đã ngăn cản họ giành lấy phần của họ trong số những khoản lợi lộc mà bọn chủ thu được, và bỏ họ một cách có hệ thống không cho tham gia chút nào vào đời sống chính trị. Sự bất hòa trong nội bộ vương triều, sự phân biệt của chính phủ thành các phe thù địch lẫn nhau do sự hiềm thù thường xuyên giữa giới quan liêu với giới quý tộc và giữa giới quý tộc với giai cấp tư sản, cuộc khủng hoảng thương mại ở khắp nơi và sự căm phẫn ngày một tăng của các giai cấp nghèo khổ chống lại tất cả những tầng lớp bên trên của xã hội, - đây là bộ mặt của nước Phổ hiện đại.

*Do C.Mác viết ngày 15 tháng Tư 1856
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New York
Daily Tribune" số 4694, ngày 5 tháng
Năm 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu*

**CHÚ THÍCH
THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA
C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN
CÁC BẢN CHỈ DẪN**

CHÚ THÍCH

1. Với bài báo này, trên các trang báo “Neue Oder - Zeitung” Mác bắt đầu giải thích một cách có hệ thống những cuộc tranh luận ở nghị viện về những vấn đề chính sách đối nội và đối ngoại của Anh năm 1855.

“*Neue Oder - Zeitung*” (“*Báo Ô đê mới*”) - tờ báo dân chủ - tư sản Đức ra hàng ngày, được xuất bản dưới tên gọi này trong những năm 1849 - 1855 ở Brê-xláp (Vrôt-xláp).

Xuất bản vào tháng Ba 1849, do sự phân liệt trong ban biên tập tờ “Allgemeine Oder - Zeitung” (“*Báo phổ thông Ô-đê*”), một tờ báo Thiên chúa giáo đối lập, xuất bản từ năm 1846, tờ “Neue Oder - Zeitung” đã mang khuynh hướng dân chủ - tư sản. Vào những năm 50, tờ báo đó được coi là tờ báo cấp tiến nhất ở Đức và bị các cơ quan của chính phủ truy bức.

Đầu những năm 50, lãnh đạo tờ báo là những nhà dân chủ tư sản: En-xơ, Tem-mê và Stai-nơ: từ tháng Chín 1855 Mô-rít-xơ En-xơ trở thành tổng biên tập báo “Neue Oder - Zeitung”; người chịu trách nhiệm xuất bản tờ báo là Ma-xơ Phrít-len-đơ, một nhà chính luận người Đức, anh em họ với Ph. Lát-xan. Nhờ sự môi giới của ông này. Mác đã được mời làm cộng tác viên của tờ báo. Từ cuối tháng Chạp 1854 Mác bắt đầu cộng tác với tờ “Neue Oder - Zeitung” với tư cách là phóng viên ở Luân Đôn, mỗi tuần gửi đến tòa báo hai - ba bài. Trong những năm thế lực phản động hoành hành, hầu như báo chí công nhân không tồn tại. Vì vậy Mác và Ăng-ghe-nơ cho rằng cần phải sử dụng báo chí dân chủ - tư sản để đấu tranh chống các lực lượng phản động; việc cộng tác với tờ “Neue Oder - Zeitung” đã tạo cho Mác khả năng duy trì mối quan hệ với nước Đức, giới thiệu với những độc giả người Đức những vấn đề hết sức quan trọng về tình hình chính trị quốc tế và trong nước, về phong trào dân chủ và công nhân, về sự phát triển kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa, trước hết là ở Anh và Pháp. Nhân cuộc Chiến tranh ở Crum, Mác đã liên tục gửi cho tờ “Neue Oder - Zeitung” những bài báo viết về diễn biến của tình hình chiến sự; khi làm sáng tỏ những sự kiện quân sự, đôi khi Mác sử dụng

- toàn bộ những bài bình luận quân sự do Ăng-ghe-n viết cho tờ “New - York Daily Tribune” (“Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày”) đồng thời dịch chúng ra tiếng Đức; đôi khi Mác gửi cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bài tóm tắt các bài báo của Ăng-ghe-n, trong một vài trường hợp, Mác có sửa đổi và bổ sung một số chỗ. -9.
- 2 Khi phân tích những cuộc tranh luận ở nghị viện, trong các bài báo của mình, Mác sử dụng những bản tường thuật tốc ký của tờ “Times”, đồng thời ông cũng tham khảo cả tác phẩm của Han-xác-đơ “Những cuộc tranh luận ở nghị viện” (“Hansard’s Parliamentary Debates”) xuất bản ở Luân Đôn. Mác đã đích thân tham dự một vài phiên họp của hạ nghị viện. -9.
- 3 Đây muốn nói đến trận chiến đấu ở Ba-la-cla-va ngày 25 (13) tháng Mười 1854, trong trận chiến đấu này quân đội Nga đã giáng cho các đơn vị quân Anh - Thổ Nhĩ Kỳ, đặc biệt là kỵ binh Anh, một đòn nặng nề. Ăng-ghe-n đã miêu tả tỉ mỉ trận chiến đấu này trong bài báo “Trận đánh ở Ba-la-cla-va” (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.10, tr. 603 - 611). -9.
- 4 Năm 216 trước công nguyên, vào thời kỳ cuộc chiến tranh Pu-ních lần thứ hai, tướng Han-ni-ban của Các-ta-giơ đã đánh tan quân đội La Mã trong trận đánh ở Can-nơ (I-ta-li-a). -10.
- 5 “Punch” - tên gọi tắt tờ tạp chí hài hước ra hàng tuần của Anh theo khuynh hướng tư sản - tự do, “Punch or the London Charivari” (“Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn”), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841. - 10.
- 6 *Bốn điểm* là những yêu cầu mà các cường quốc phương Tây đưa ra đối với nước Nga trong công hàm ngày 8 tháng Tám 1854, coi đó là điều kiện tiên quyết để bắt đầu những cuộc đàm phán hòa bình. Nước Nga phải từ bỏ quyền bảo hộ của mình ở Môn-đa-vi-a, Va-la-ki và Xéc-bi, thay vào đó là quyền bảo hộ của toàn châu Âu, phải để cho tàu thuyền tự do đi lại trên sông Đa-nuýp, phải đồng ý xem xét lại Công ước Luân Đôn năm 1841 về các eo biển và phải từ bỏ sự bảo trợ đối với những thần dân theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ. Lúc đầu Chính phủ Nga hoàng cự tuyệt bốn điểm, nhưng đến tháng Mười một 1854 Chính phủ Nga hoàng buộc phải đồng ý lấy những điểm đó làm cơ sở cho những cuộc đàm phán hòa bình trong tương lai. -11.
- 7 Đây muốn nói đến hiệp ước liên minh giữa Anh, Pháp và Áo, ký ngày 2 tháng Chạp 1854 ở Viên. Theo hiệp ước, khi chưa có sự thỏa thuận trước giữa các bên thì các cường quốc trên không được có bất kỳ một sự thỏa hiệp nào với nước Nga và không để cho quân đội Nga chiếm đóng Các công quốc Đa-nuýp. Trong trường hợp nổ ra chiến tranh giữa Áo với Nga, thì nhất thiết Anh và Pháp phải ủng hộ Áo về quân sự. Bốn điểm phải là cơ sở cho các cuộc đàm phán với Nga. Hiệp ước đã quy định rằng nếu đến ngày 1 tháng Giêng 1855 những cuộc đàm phán chưa đi đến ký kết một hòa ước, thì ba nước sẽ cùng thỏa thuận về những hành động phối hợp tiếp theo. Thông qua hiệp ước này, Anh và Pháp cố lôi kéo Áo vào cuộc chiến tranh chống nước Nga, về phía mình,

- Áo đã chủ tâm lợi dụng liên minh với các cường quốc phương Tây để tăng cường ảnh hưởng của mình ở vùng Ban-căng, để bắt Các công quốc Đa-nuýp phải phục tùng sự thống trị của Áo. - 11.
- 8 “The times” (“Thời báo”) - tờ báo hàng ngày lớn nhất ở Anh theo khuynh hướng bảo thủ, được thành lập ở Luân Đôn năm 1785. -12.
- 9 *Phê-đa-i* (theo nghĩa đen là hy sinh thân mình) là tên gọi mà ở I-ran thời trung cổ người ta dùng để gọi những tín đồ cuồng nhiệt nhất của giáo phái I-xmai-lít - Ấc-xa-xin, một giáo phái bí mật của đạo Hồi (Si-ít), giáo phái này do bọn phong kiến I-ran lập ra vào cuối thế kỷ XI để đấu tranh chống lại những người Tu-rốc-xen-giúc và thập tự quân đã từng thống trị ở I-ran. -13.
- 10 *Phái Pin* - nhóm ủng hộ R.Pin (nhóm To-ri ôn hòa), tán thành chính sách nhượng bộ về kinh tế của Pin đối với giai cấp tư sản công thương nghiệp, đồng thời duy trì sự thống trị về chính trị của giới quý tộc ruộng đất và tài chính. Vì lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp, năm 1846 Pin đã hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc, việc làm đó đã gây ra sự bất bình sâu sắc trong những đảng viên To-ri tán thành chính sách thuế quan bảo hộ và dẫn đến sự phân hóa trong đảng To-ri và sự tách riêng của phái Pin. Vào những năm 50, phái Pin chỉ là một phái nhỏ trong nghị viện, không có cương lĩnh rõ ràng, theo cách nói của Mác thì họ là “Những sĩ quan không có quân đội”; phái Pin tham gia chính phủ liên hiệp A-bóc-đin (1852 - 1855) và giữ những chức vụ quan trọng nhất trong chính phủ đó, kể cả những chức vụ quân sự. Vào cuối những năm 50 - đầu những năm 60, phái Pin gia nhập đảng tự do. - 13.
- 11 Căn cứ vào những bức điện từ Luân Đôn gửi về, biên tập báo “Neue Oder - Zeitung” đã bổ sung vào phần cuối bài báo của Mác đoạn sau đây, mà trong lần xuất bản này chúng tôi đã lược bỏ: “Theo các bức điện từ Luân Đôn gửi về ngày 26 và 27 tháng Giêng, khi trình bày trước nghị viện nguyên nhân từ chức của mình song song với những tài liệu khác, huân tước Giôn Rót-xen nhân vấn đề này còn đưa ra bức thư trao đổi giữa ông ta và huân tước A-bóc-đin, trong đó ông ta đã dứt khoát đòi phải có một sự thay đổi nào đó trong lãnh đạo quân sự. Theo ông ta thì tình trạng thảm hại trong quân đội ở Xê-va-xtô-pôn là hiển nhiên, nhưng ông ta lại không thể lý giải được nguyên nhân dẫn tới điều bất hạnh đó mặc dù ông ta là người rất có kinh nghiệm thực tiễn. Huân tước Pan-móc-xton đã chỉ trích lý do xin từ chức của Gi. Rót-xen, nhưng đồng thời ông ta cũng nhất trí cho rằng cần phải hết sức kiên quyết tiến hành chiến tranh. Ông ta khẳng định rằng toàn bộ tàu chiến đã được sử dụng hết mức: để vận chuyển các đơn vị quân đội, quân trang quân dụng và lương thực đến Crum, và ông ta yêu cầu phải bỏ phiếu chính thức xem có tin nhiệm chính phủ hay không. Bài phát biểu của Rô-bác nhiều lần bị ngắt quãng bởi những tràng vỗ tay vang dội của tất cả các nhóm nghị sĩ, mặc dù người ta thấy rõ rằng diễn giả đang ốm yếu. Tại thượng nghị viện, bá tước A-bóc-đin đã tuyên bố rằng mặc dù người cộng sự có uy tín của họ đã từ chức, song các vị bộ

- trường đều thấy phải có bản phận phản đối đề nghị bổ nhiệm ủy ban điều tra”. -15
- 12 Ý muốn nói đến tập “Memorials and Correspondence of Charles James Fox”. Vol. 1 - 3, London, 1853 - 1854 (“Hồi ký và thư từ của Sác-lơ Giêm-xơ Phốc-xơ”. T.1 - 3, Luân Đôn, 1853 - 1854) do Rốt-xen xuất bản; t.4 của bộ sách này xuất bản vào năm 1857. - 18.
- 13 Phái Pi-u-di - một trào lưu trong quốc giáo ở Anh vào những năm 30 - 60 của thế kỷ XIX. Phái này được gọi theo tên của một trong số những người sáng lập ra nó - nhà thần học của trường Đại học tổng hợp Ôc-xphốt tên là Pi-u-di, ông này đã kêu gọi phục hồi những lễ nghi Thiên chúa giáo và một số tín điều của đạo Thiên chúa trong quốc giáo ở Anh. Những người theo phái Pi-u-di đã trình bày những tín điều của mình trong các bài báo và trong các cuốn sách được họ xuất bản dưới một tên chung “Tracts for the Times” (“Văn tập về thời đại hiện nay”), từ đó họ có tên gọi thứ hai là: phái văn tập. Phái Pi-u-di là sự phản ánh về mặt tôn giáo cuộc đấu tranh của giới quý tộc Anh muốn duy trì ảnh hưởng của mình ở trong nước, chống lại giai cấp tư sản công nghiệp là giai cấp phân động có chân trong các giáo phái khác nhau của đạo Tin lành. -19.
- 14 - Chế độ mua bán hàm sĩ quan trong quân đội xuất hiện ở Anh vào cuối thế kỷ XVII. Chế độ này tồn tại đến năm 1871, đã đảm bảo địa vị độc quyền của giới quý tộc Anh trong quân đội. Chế độ này được nói tỉ mỉ trong bài báo của C.Mác “Việc buôn bán quân hàm. Tin tức từ Ô-xơ-rây-li-a” (xem tập này, tr.137 - 139). - 20.
- 15 “Chiến tranh ở châu Âu” là một trong nhiều bài báo có liên quan đến cuộc chiến tranh Crum, do Ăng-ghe-nen viết theo yêu cầu của Mác cho tờ “New - York Daily Tribune”.
- “New - York Daily Tribune” (“Diễn đàn Niu Ốc hàng ngày”) - tờ báo Mỹ xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Tờ báo này do Hô-ra-xơ Gri-li, nhà báo và nhà hoạt động chính trị Mỹ nổi tiếng thành lập, cho tới giữa những năm 50 thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của cánh tả đảng Vích ở Mỹ, sau này là cơ quan ngôn luận của đảng cộng hòa. Vào những năm 40 - 50 tờ báo đứng trên lập trường tiến bộ và chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ. Một loạt các nhà văn và nhà báo nổi tiếng ở Mỹ đã cộng tác với tờ báo, từ cuối những năm 40 một trong số những biên tập viên của tờ báo là Sác-lơ Đa-na, người chịu ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tương. Mác bắt đầu cộng tác với tờ báo “New - York Daily Tribune” từ tháng Tám 1851 và tiếp tục cộng tác hơn 10 năm, đến hết tháng Ba 1862; một số lượng lớn các bài viết cho tờ báo này là do Ăng-ghe-nen viết theo yêu cầu của Mác. Các bài báo của Mác và Ăng-ghe-nen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bao hàm những vấn đề quan trọng nhất về tình hình chính trị trong nước và quốc tế, về phong trào công nhân, về sự phát triển kinh tế của các nước châu Âu, về sự bành trướng thuộc địa, về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và phụ thuộc v.v.. Trong thời kỳ thế lực phân động hoành hành ở châu Âu, Mác và Ăng-ghe-nen đã sử

dụng tờ báo Mỹ phổ cập rộng rãi này để dựa vào những tài liệu cụ thể mà vạch trần những tệ nạn của xã hội tư sản, những mâu thuẫn không thể điều hòa vốn có trong xã hội đó, cũng như để chỉ rõ tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Trong một số trường hợp, ban biên tập tờ “New - York Daily Tribune” đã tùy tiện xử lý các bài báo của Mác và Ăng-ghe-nen, đăng một số bài dưới dạng các bài xã luận của ban biên tập, không đề tên tác giả và đôi khi còn tự tiện xâm phạm vào nội dung các bài báo. Mác đã nhiều lần phản đối những hành động nói trên của ban biên tập. Vào những năm 1855 - 1856 các bài báo của Mác và Ăng-ghe-nen thường được đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” thành các bài xã luận. Trong thời kỳ mà tập này bao hàm, chỉ có hai bài là có chữ ký của Mác khi đăng trên báo.

Từ mùa thu năm 1857, do cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ cũng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tờ báo, ban biên tập đã đề nghị Mác giảm bớt số bài gửi đến cho tờ báo. Vào thời kỳ đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ, Mác đã chấm dứt hẳn sự hợp tác với tờ báo; việc trong ban biên tập ngày càng có thêm những người chủ trương thỏa hiệp với các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ và việc tờ báo rời bỏ những lập trường tiến bộ đã đóng vai trò đáng kể trong việc tờ “New - York Daily Tribune” đoạn tuyệt với Mác.-21.

16 Xem chú thích 108. -21.

17 Xem chú thích 6. - 21.

18 Ăng-ghe-nen muốn nói đến bài báo của mình “Lực lượng quân sự của Nga” (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.10, tr.582 - 587).- 22.

19 Hòa ước A-đri-a-nô-pôn - một hòa ước được ký kết vào tháng Chín 1829 giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Nga nhờ thắng lợi của nước Nga trong cuộc chiến tranh 1828 - 1829. Theo hiệp ước này, cửa sông Đa-nuýp cùng những hòn đảo và một phần lớn vùng duyên hải phía đông Hắc Hải ở phía Nam cửa sông Cu-ban được chuyển giao cho Nga. Thổ Nhĩ Kỳ phải thừa nhận quyền tự trị của Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, trao cho hai nước này quyền tự bầu ra người đứng đầu của mình. Việc bảo đảm quyền tự trị đó được giao cho nước Nga, điều này chẳng khác gì thiết lập chế độ bảo hộ của Nga hoàng đối với các công quốc. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã cam kết công nhận Hy Lạp là một quốc gia độc lập, chỉ ràng buộc với Thổ Nhĩ Kỳ bằng việc nộp cống vật hàng năm cho hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, và cam kết tuân thủ toàn bộ những hiệp ước trước đó có liên quan đến quyền tự trị của Xéc-bi, sau khi hợp pháp hóa quyền tự trị đó bằng một sắc lệnh đặc biệt. - 27.

20 “The Morning Advertiser” (“Người đưa tin buổi sáng”) - báo hàng ngày ở Anh, được thành lập ở Luân Đôn năm 1794, vào những năm 50 của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản cấp tiến. - 28.

21 Phái văn tập - xem chú thích 13. - 29.

- 22 Ý muốn nói đến cuộc viễn chinh của hải quân Anh vào cửa sông Sen-đa, được thực hiện năm 1809 trong cuộc chiến tranh của liên minh lần thứ năm tiến hành chiến tranh chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông. Sau khi chiếm được đảo Van-khe-ren, người Anh đã không biết sử dụng hòn đảo đó làm căn cứ để triển khai những hoạt động quân sự và họ đã buộc phải rời khỏi đảo sau khi gần 10 nghìn trong số 40 nghìn quân đổ bộ đã bị chết vì nạn đói và bệnh tật. - 30.
- 23 Bài “Chính phủ trước của Anh” là một trong nhiều điển hình về sự cộng tác sáng tạo giữa Mác và Ăng-ghe-n. Ngày 30 tháng Giêng 1855 Mác đã gửi cho Ăng-ghe-n tài liệu nhận xét về Chính phủ liên hiệp A-béc-đin vừa từ chức, còn trong bức thư gửi cho Ăng-ghe-n ngày 31 tháng Giêng thì Mác đã phác thảo một đề án ti mi cho bài báo dự định viết. Trên cơ sở những tài liệu đó, ngày 1 tháng Hai Ăng-ghe-n đã viết bài báo này, nó được đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 23 tháng Hai. Cũng chính với chủ đề trên Mác đã viết bài “Nội các bị lật đổ” và bài “Hai cuộc khủng hoảng” cho tờ “Neue Oder - Zeitung” (xem tập này, tr. 56 - 60 và tr. 64 - 68). - 34.
- 24 *Nhóm Ai-rơ-len* - nhóm nghị sĩ Ai-rơ-len trong nghị viện Anh. Vào những năm 30 - 50 thế kỷ XIX phần lớn nhóm này bao gồm các đại biểu cánh hữu thỏa hiệp của phong trào dân tộc phản ánh những lợi ích của giai cấp tư sản chớp bu, đại địa chủ và giới tăng lữ Thiên chúa giáo Ai-rơ-len. Cũng trong thời gian này các nhà hoạt động Ai-rơ-len theo chủ nghĩa tự do dựa vào bọn tá điền phong lưu, đã tham gia thành phần nhóm này. Trong điều kiện sự cân bằng được hình thành giữa đảng Tori và đảng Vích, nhóm Ai-rơ-len cùng với phái Man-se-xtơ có khả năng làm lay chuyển tương quan lực lượng trong nghị viện, gây ảnh hưởng tới tiến trình cuộc đấu tranh nội bộ trong nghị viện và đôi khi quyết định số phận của nội các. - 34.
- 25 Năm 1844 Giêm-xơ Grê-hêm là bộ trưởng nội vụ Anh, chiêu theo Chính phủ Áo, đã lệnh cho Tổng cục bưu điện Anh cho phép cảnh sát kiểm duyệt thư tín của những nhà cách mạng I-ta-li-a lưu vong, trong đó có thư của Mát-di-ni là người sống lưu vong ở Luân Đôn từ năm 1837. - 36.
- 26 Trong bài phát biểu tại phiên họp hạ nghị viện ngày 31 tháng Năm 1853, Rốt-xen đã tuyên bố rằng nghị viện Anh không nên phê chuẩn sự ủng hộ của nhà nước đối với giáo hội Thiên chúa ở Ai-rơ-len bởi vì giới tăng lữ Thiên chúa giáo thiếu trung thành với ngai vàng và hiến pháp nước Anh. - 36.
- 27 *Công ty Nam Hải* được thành lập ở Anh vào khoảng năm 1712 lấy cơ là để buôn bán với Nam Mỹ và các đảo ở Thái Bình Dương; mục đích thực sự của nó là đầu cơ phiếu quốc trái. Công ty đã được chính phủ trao cho một loạt đặc quyền và độc quyền trong đó có quyền phát hành những chứng phiếu quốc gia, và triển khai hoạt động đầu cơ khổng lồ, hoạt động này đã kết thúc bằng sự phá sản của công ty vào năm 1720. Do sự phá sản mà số nợ của nhà nước tăng lên một cách đáng kể, năm 1853, Glát-xtôn đã tìm cách thanh toán một phần số nợ đó của nhà nước bằng cách mua các cổ phiếu mất giá của công ty này. - 38.

- 28 Ý muốn nói đến những *dự luật về các đại địa chủ và tá điền* ở Ai-rơ-len, được đưa ra vào tháng Mười một 1852 tại nghị viện Anh. Trong đó có quy định giảm nhẹ những điều kiện thuê ruộng đất ở Ai-rơ-len. Năm 1853 các dự luật này được thông qua ở hạ nghị viện với sự tán thành giả tạo của chính phủ liên hiệp là kẻ muốn nhận được sự ủng hộ của những nghị sĩ Ai-rơ-len đối với đường lối chính trị của mình nhưng các dự luật này đã vấp phải sự phản đối ở thượng nghị viện. Những năm tiếp theo chúng bị chuyển hết nghị viện này qua nghị viện kia và bị thay đổi ít nhiều; đến tháng Bảy 1855 việc thảo luận những dự luật đó lại bị hoãn vô thời hạn. Mác đã phân tích và đánh giá các dự luật này trong một loạt bài viết của mình (xem tập này, tr.463 - 465 và 620 - 621). - 38.
- 29 *Đạo luật về việc đi đày* (Transportation Bill), hủy bỏ hình phạt đày đi khổ sai ở thuộc địa, được thông qua ngày 12 tháng Tám 1853. Hết hạn giam cầm, những người bị kết án được nhận giấy phóng thích cho phép được sống ở nước Anh dưới sự giám sát của cảnh sát và họ bị sử dụng làm sức lao động rẻ mạt trong các công việc xã hội. Mác đã đánh giá đạo luật này trong bài “Vấn đề chiến tranh. - Dân số nước Anh và các báo cáo thương nghiệp. - Công việc của nghị viện” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr.335 - 336). - 38.
- 30 Đây là nói đến hội nghị của các đại sứ Anh, Pháp, Phổ và đại diện Áo được triệu tập theo sáng kiến của Chính phủ Áo ngày 24 tháng Bảy 1853 ở Viên để hòa giải giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ do mối quan hệ Nga - Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng trở nên căng thẳng. Hội nghị đã thảo ra một thông điệp hòa giải (gọi là thông điệp Viên), quy định việc hoàng đế Thổ phải cam kết tuân thủ các hiệp ước Quy-súc - Cai-nắc-gia (1774) và A-đri-a-nô-pôn (1829) và duy trì các quyền và đặc quyền bất khả xâm phạm của giáo hội chính thống ở Đế quốc Ôt-tô-man. Theo quyết định của hội nghị, thông điệp trước tiên gửi cho Nga hoàng, và sau đó, nếu như Nga hoàng thấy bằng lòng với thông điệp đó, sẽ gửi cho hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ. Ni-cô-lai I đã chấp thuận nội dung thông điệp, đồng thời tự dành cho mình quyền giải thích nó theo ý kiến riêng của mình, còn hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ thì chỉ đồng ý với điều kiện đưa vào thông điệp một số thay đổi và bổ sung mà Chính phủ Nga hoàng không thể chấp nhận được.
- Ngày 12 tháng Chạp 1853 tại Công-xtăng-ti-nô-plơ các đại sứ Anh, Pháp, Áo và Phổ đã ký vào bản thông điệp và trao cho Thổ Nhĩ Kỳ ngày 15 tháng Chạp 1853. Trong bức thông điệp này, bốn cường quốc tỏ ý sẵn sàng làm trung gian cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ để khôi phục hòa bình giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời đưa ra những điểm như sau làm cơ sở cho cuộc thương lượng: Nga rút khỏi Các công quốc Đa-nuyp, phục hồi hiệu lực các hiệp ước trước đây giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, đảm bảo các quyền cho người Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ bằng các sắc lệnh đặc biệt của hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, thay đổi chế độ cai trị ở Đế quốc Ôt-ta-man. - 39.

- 31 Có ý nói đến việc trao đổi thư tín mật giữa huân tước Xây-mua, công sứ Anh ở Pê-téc-bua, với bộ trưởng ngoại giao Anh, huân tước Giôn Rốt-xen, sau đó là Cla-ren-đôn, có liên quan đến cuộc đàm phán giữa Xây-mua với Ni-cô-lai I về vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ đầu năm 1853. Nhân bài phát biểu có tính chất hiếu chiến của Giôn Rốt-xen đọc tại hạ nghị viện ngày 17 tháng Hai 1854 nhằm chống lại nước Nga, ngày 2 tháng Ba (18 tháng Hai) 1854 trên tờ “Journal de Saint - Pétersbourg” (“Báo Xanh Pê-téc-bua” - cơ quan ngôn luận của Bộ ngoại giao Nga, xuất bản bằng tiếng Pháp) đã đăng bài xã luận nói bóng gió tới thỏa ước đã có giữa Chính phủ Nga hoàng và Chính phủ Anh về vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời viện dẫn thư từ của Xây-mua để xác nhận. Chính phủ Anh buộc phải công bố những thư từ nói trên. Mác đã phân tích cặn kẽ những tài liệu đó và lập trường nước đôi của Chính phủ Anh trong cuộc đàm phán với Ni-cô-lai I trong bài báo “Những tài liệu về việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ” và “Thư tín ngoại giao bí mật” (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.10, tr 155 - 156, và tr. 167 - 183). - 40
- 32 Theo luật pháp có hiệu lực ở Anh từ năm 1662 những kẻ bần cùng trong trường hợp thay đổi chỗ ở và xin cơ quan cứu tế cấp một khoản thu nhập nào đó thì có thể bị tòa án quyết định cưỡng bức quay trở về nơi cư trú gốc của mình. Ngày 10 tháng Hai 1854, một dự luật (Settlement and Removal Bill) quy định cấm cưỡng bức di chuyển chỗ ở đối với những người nghèo ở Anh và ở Oen-xơ đã được đưa ra hạ nghị viện. Dự luật này không được nghị viện thông qua. - 41.
33. Theo luật pháp có hiệu lực ở Anh từ đầu thế kỷ XVIII, những nghị sĩ của nghị viện mới được bầu cần phải “tuyên thệ khước từ” (thề rằng họ phủ nhận quyền thừa kế ngai vàng của con cháu Gia-cốp II); trong bản tuyên thệ còn có những lời bày tỏ lòng trung thành với đạo Cơ Đốc. Nếu không tuyên thệ, các nghị sĩ sẽ bị tước quyền được tham gia tích cực vào công việc của nghị viện. Nhiều lần người ta nêu ra trong nghị viện vấn đề thay đổi nội dung tuyên thệ, nhưng chỉ có vấn đề năm 1866 mới rút bỏ được những lời nói về lòng trung thành với đạo Cơ Đốc. - 41.
- 34 Ở đây Mác ám chỉ một cách mỉa mai sự lẫn lộn các sự kiện lịch sử mà Héc-bóc phạm phải, khi quy những hoạt động liên quan đến năm 1793 cho Hội đồng chấp chính, là cơ quan được thành lập năm 1795. Ngày 2 tháng Tư 1793, trong thời kỳ chiến tranh của nước Pháp cách mạng chống lại khối liên minh các cường quốc châu Âu, người ta đã cử các phái viên của Hội nghị quốc ước và bộ trưởng chiến tranh đến đại bản doanh tập đoàn quân phương bắc của tướng Đuy-mu-ri-ê mang theo mệnh lệnh chỉ thị cho Đuy-mu-ri-ê phải có mặt ở Hội nghị quốc ước, để thẩm vấn vì tội phản bội cách mạng. Đuy-mu-ri-ê từ chối không tuân lệnh Hội nghị quốc ước, bắt giữ các phái viên và bộ trưởng chiến tranh và giao họ cho người Áo. Sau việc này không bao lâu Đuy-mu-ri-ê đã công khai chuyển sang phía Áo. - 43.

- 35 Có lẽ Mác muốn nói đến tác phẩm trào phúng của Bay-ron “English bards and Scotch reviewers” (“Các ca sĩ nước Anh và các nhà bình luận Xcôt-len”). - 44.
- 36 Mác quan niệm thiểu số là những phe phái và những nhóm nhỏ khác nhau trong nghị viện Anh, mà trong thời kỳ chính phủ liên hiệp A-bóc-đin, mặc dù số lượng ít ỏi, đã đóng một vai trò to lớn, có ảnh hưởng đến tiến trình cuộc đấu tranh trong nội bộ nghị viện do đa số trong nghị viện thiếu cứng rắn. Mác đã đánh giá các phe phái và các nhóm ở nghị viện trong bài báo “Các chính đảng và tập đoàn” (xem tập này, tr 61 - 63). - 49.
- 37 Đây là nói về lập trường của Pan-mớc-xton trong cuộc xung đột Anh - Hy Lạp về vấn đề thương gia Pa-xi-phi-cô, người gốc Bồ Đào Nha, mang quốc tịch Anh. Ngôi nhà của Pa-xi-phi-cô tại A-ten bị đốt cháy vào năm 1847, về sau là cái cớ để Pan-mớc-xton, bấy giờ là bộ trưởng ngoại giao, đưa hạm đội Anh đến bờ biển Hy Lạp và gửi tối hậu thư cho Chính phủ Hy Lạp. Trong bài diễn văn hiếu chiến đọc tại hạ nghị viện ngày 25 tháng Sáu 1850 nói về cuộc xung đột này, Pan-mớc-xton đã biện bạch cho hành động của mình là cần thiết để bảo vệ thể diện của các công dân Anh, và ví họ như các công dân của La Mã cổ đại. - 53.
- 38 “The Morning Post” (“Bưu điện buổi sáng”) - nhật báo của đảng bảo thủ Anh; xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1772 - 1937. Giữa thế kỷ XIX, là cơ quan ngôn luận của những phần tử cánh hữu, thuộc đảng Vích, tập hợp xung quanh Pan-mớc-xton. - 55.
- 39 “The Daily News” (“Tin tức hàng ngày”) - tờ báo tư sản Anh theo khuynh hướng tự do chủ nghĩa; xuất bản dưới tên này ở Luân Đôn từ năm 1846 đến hết năm 1930. - 55.
- 40 “The Herald” - tên gọi tắt tờ nhật báo Anh theo khuynh hướng bảo thủ “The Morning Herald” (“Truyền tin buổi sáng”), xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1780 - 1869. - 55.
- 41 *Phái cấp tiến ở Mây-phe* - biệt danh của một nhóm giả danh cấp tiến (Môn-xơ-uốt, Ô-xbóc-nơ...), trên thực tế đại biểu cho một bộ phận quý tộc Anh bỏ đỡ giới dân chủ. Từ “Mây-phe” bắt nguồn từ tên gọi một trong những vùng thanh lịch ở Luân Đôn - Mây-phe là nơi có những biệt thự của giới quý tộc. - 56.
- 42 A.Quetelet. “Sur l’homme et le développement de ses facultés, ou Essai de physique sociale”. Tomes I - II. Paris, 1835 (A.Kê-tơ-lê. “Về con người và sự phát triển năng lực của nó hoặc thử bản về vật lý học xã hội”. Tập I - II, Pa-ri, 1835). Mác đã sử dụng bản dịch tiếng Anh của cuốn sách này xuất bản ở Ê-đin-bơc năm 1842. 61.
- 43 *Trường phái Man-se-xto* - một khuynh hướng trong tư duy kinh tế ở Anh, phân ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Những người theo khuynh hướng này, phái mậu dịch tự do, đã bênh vực tự do mậu dịch và nhà nước không can thiệp vào đời sống kinh tế. Trung tâm cổ động của phái mậu dịch tự do là

- Man-se-xtơ, nơi hai chủ xưởng dệt Cốp-đen và Brai-tơ lãnh đạo phong trào này và tổ chức ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc năm 1838. Trong những năm 40 - 50 phái mậu dịch tự do lập thành một nhóm chính trị đặc biệt, về sau nhập vào đảng tự do. - 63.
- 44 Xem chú thích 31. - 66.
- 45 Trong lần xuất bản thứ nhất Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen bằng tiếng Nga, bài báo không có đoạn văn tiếp theo. - 67.
- 46 Ăng-ghe-nen có ý nói đến bài báo của mình “Trận đánh ở An-ma”, trong đó ông phân tích một trong những trận chiến đấu lớn vào thời kỳ cuộc Chiến tranh Crum giữa quân Nga và quân đồng minh, diễn ra ngày 20 (8) tháng Chín 1854 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t. 10, tr. 575 - 581). - 69.
- 47 Đây là nói đến việc quân Anh dưới sự chỉ huy của Oen-lin-ton năm 1811 vây hãm pháo đài Ba-na-i-ốt (Tây Ban Nha) do quân Pháp chiếm giữ trong thời gian cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814). Oen-lin-ton đã hai lần rút bỏ vòng vây để giao chiến với quân đội Pháp đến giải vây. - 73.
- 48 Có lẽ Ăng-ghe-nen muốn nói đến bài báo của mình “Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t. 10, tr. 588 - 593). - 73.
- 49 Sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 của phái Bô-na-pác-tơ ở Pháp, Pan-móc-xton, bấy giờ là bộ trưởng ngoại giao Anh, trong cuộc hội đàm với đại sứ Pháp ở Luân Đôn đã tán thành những hoạt động tiềm vị của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Hành động này Pan-móc-xton đã không thỏa thuận với các thành viên khác của nội các đảng Vích do đó dẫn đến việc ông ta phải từ chức vào tháng Chạp 1851, mặc dù trên nguyên tắc, Chính phủ Anh không bất đồng với quan điểm của Pan-móc-xton và là chính phủ đầu tiên ở châu Âu công nhận chế độ Bô-na-pác-tơ ở Pháp. - 76.
- 50 Có ý nói đến bài báo “Góp phần phê phán việc bao vây Xê-va-xtô-pôn” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.10, tr. 686 - 688). - 78.
- 51 Các bài báo “Huân tước Pan-móc-xton” do Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” nhân dịp thành lập chính phủ Pan-móc-xton ngày 6 tháng Hai 1855, về cơ bản chúng là bài tóm tắt tiêu phẩm nổi tiếng “Huân tước Pan-móc-xton”, tiêu phẩm này được Mác viết vào mùa thu năm 1853 cho tờ “New - York Daily Tribune” và cũng đã được đăng dưới dạng đầy đủ hơn trên báo “People’s Paper” của phái Hiến chương (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr. 453 - 537). - 82.
- 52 Nhân cuộc thảo luận trong nghị viện Anh vào tháng Sáu 1850 về vấn đề xung đột Anh - Hy Lạp do cái gọi là vụ Pa-xi-phi-cô (xem chú thích 37), chính sách đối ngoại của chính phủ trong đó Pan-móc-xton giữ chức bộ trưởng ngoại giao đã được hạ nghị viện tán thành; ngược lại thượng nghị viện với đa số gồm

- 37 phiếu đã phản đối lập trường của chính phủ về vấn đề đang được tranh luận. Pháp và Nga thông qua đại sứ của mình ở Luân Đôn cũng bày tỏ sự bất bình của mình đối với lập trường của Chính phủ Anh; đại sứ Pháp đã rời khỏi Luân Đôn để tỏ thái độ, đại sứ Nga không dự bữa tiệc do Pan-móc-xton chiêu đãi. - 84.
- 53 *Những đạo luật về ngũ cốc* nhằm hạn chế hoặc cấm việc nhập khẩu ngũ cốc từ nước ngoài vào, được áp dụng ở Anh từ năm 1815 vì lợi ích của bọn đại địa chủ. Giai cấp tư sản công nghiệp, kẻ đấu tranh chống những đạo luật về ngũ cốc dưới khẩu hiệu tự do mậu dịch đã đòi hủy bỏ được các đạo luật này vào năm 1846. - 85.
- 54 *Cuộc phong tỏa sông Sen-da* và bờ biển Hà Lan do hải quân Anh - Pháp tiến hành năm 1832 nhằm mục đích buộc Hà Lan phải đình chỉ các hoạt động quân sự mà nó tái diễn vào năm 1831 để chống lại nước Bỉ đã tách ra khỏi nó. Các hoạt động quân sự đã được đình chỉ vào năm 1833. Đồng thời do kết quả của sự thỏa ước giữa năm cường quốc (Anh, Pháp, Nga, Phổ và Áo), cả Hà Lan lẫn Bỉ buộc phải chấp nhận những điều kiện thỏa hiệp cho một hòa ước (1833) do các cường quốc đưa ra.
- Cuộc phong tỏa của Anh đối với cửa sông Ta-khô và Đu-ê-rô* diễn ra trong thời kỳ nội chiến ở Bồ Đào Nha (1828 - 1834) giữa phái theo chế độ chuyên chế (đảng giáo quyền - phong kiến) do Đôn Mi-ghe-nen, người rắp ranh chiếm ngôi vua Bồ Đào Nha, cầm đầu và phái theo chủ nghĩa lập hiến (đảng tự do - tư sản) vì muốn củng cố ảnh hưởng của mình trên bán đảo I-bê-ri-cơ và loại bỏ vị trí ở vùng này của Áo là kẻ ủng hộ những người theo chế độ chuyên chế Chính phủ Anh đã điều một hạm đội đến bờ biển Bồ Đào Nha phong tỏa cửa sông Ta-khô và Đu-ê-rô, và việc làm này đã góp phần vào thắng lợi của phái theo chủ nghĩa lập hiến.
- Cuộc bao vây Bu-ê-nốt-Ai-rét* do hải quân Anh - Pháp tiến hành bắt đầu vào năm 1845, với mục đích buộc Chính phủ Ác-hen-ti-na phải mở cửa sông Pa-ra-na và các sông khác cho tàu nước ngoài. Anh và Pháp đã đạt được mục đích này vào năm 1852, sau khi cưỡng bức Ác-hen-ti-na ký hiệp định tương ứng. - 86.
- 55 Theo hiệp ước được ký kết giữa Chính phủ Anh với Chính phủ Vương quốc hai xứ Xi-xin (Vương quốc Na-plơ) năm 1816, Vương quốc hai xứ Xi-xin cam kết không trao cho các nước khác những đặc quyền thương mại nếu chúng động chạm đến lợi ích của Anh. Năm 1838 quốc Vương Na-plơ trao cho công ty Pháp độc quyền khai thác lưu huỳnh ở Xi-xin, điều này gây ra sự phản đối gay gắt của phía Anh. Để buộc quốc vương Na-plơ phải hủy bỏ quyết định của mình, năm 1840 Chính phủ Anh đã ra lệnh cho hạm đội của họ ở Địa Trung Hải triển khai hoạt động quân sự, Na-plơ buộc phải thực hiện yêu cầu của Anh.
- Về cuộc viễn chinh nhân sự kiện Pa-xi-phi-cô* xem chú thích 37.
- Khi nói tới *cuộc viễn chinh ở vịnh Ba Tư*, Mác muốn nói đến những hoạt

động của hạm đội Anh trong thời gian cuộc xung đột Anh - I-ran những năm 1838 - 1841, do quân đội I-ran bao vây pháo đài của Áp-ga-ni-xtan là Hê-rát, đầu mối giao thông thương mại quan trọng nhất. Chiến dịch của quốc vương I-ran Mô-ha-mét bao vây Hê-rát năm 1837 là hậu quả của những mâu thuẫn gay gắt không chỉ giữa I-ran với Áp-ga-ni-xtan mà cả giữa Anh với Nga ở vùng này. Hồng tăng cường ảnh hưởng của Anh ở Áp-ga-ni-xtan và làm suy yếu ảnh hưởng lúc này đã được củng cố của Nga ở I-ran, cũng như áp đặt cho I-ran một hiệp ước buôn bán bất lợi. Chính phủ Anh đã tuyên bố những hoạt động của quốc vương I-ran là thù địch với nước Anh và yêu cầu hủy bỏ việc bao vây Hê-rát. Do quốc vương I-ran từ chối không thực hiện yêu cầu đó nên Chính phủ Anh đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với I-ran và đồng thời đề đe dọa gây chiến, đã phái một đoàn tàu chiến đến vịnh Ba Tư năm 1838. Quốc vương I-ran buộc phải hủy bỏ cuộc vây hãm và sau đó đồng ý ký hiệp ước thương mại với Anh. - 86.

56 Đây là nói về sự can thiệp của Anh vào cái gọi là cuộc chiến tranh Các-lốt ở Tây Ban Nha (1833 - 1840) diễn ra giữa các lực lượng Thiên chúa giáo - phong kiến phản động do Đôn Các-lốt - kẻ rắp ranh chiếm ngôi vua, - cầm đầu với các lực lượng của phái tư sản - tự do là lực lượng ủng hộ chính phủ của hoàng hậu nhiếp chính Ma-ri-a - Cri-xti-na. Mượn cớ giúp Chính phủ Tây Ban Nha, Anh đã đưa đến Tây Ban Nha một hạm đội và một quân đoàn lê dương tinh nguyện Anh đã từng tham gia những hoạt động quân sự trong những năm 1835 - 1837. Mục đích thực sự của việc Anh can thiệp vào công việc của Tây Ban Nha là muốn củng cố ảnh hưởng của mình trên bán đảo I-bê-ri-cơ.

Cuộc chiến tranh với Trung Quốc về nhập khẩu thuốc phiện (còn gọi là cuộc chiến tranh “thuốc phiện” lần thứ nhất năm 1839 - 1842) - cuộc chiến tranh xâm lược của Anh chống Trung Quốc, khởi đầu cho việc biến Trung Quốc thành một nước nửa thuộc địa. Việc chính quyền Trung Quốc thu tiêu nguồn dự trữ thuốc phiện của những thương gia ngoại quốc ở Quảng Châu là lý do dẫn đến cuộc chiến tranh. Lợi dụng thất bại của nước Trung Quốc phong kiến lạc hậu, bọn thực dân Anh đã bắt Trung Quốc phải chấp nhận Hiệp ước Nam Kinh có tính chất ăn cướp (ngày 29 tháng Tám 1842) quy định mở cửa năm hải cảng của Trung Quốc (Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba, Thượng Hải) cho Anh buôn bán, chuyển giao đảo Hồng Công thành “sở hữu vĩnh viễn” của Anh và Trung Quốc phải nộp một khoản lớn tiền bồi thường chiến tranh. Theo biên bản bổ sung năm 1843, Trung Quốc còn phải trao cho người nước ngoài quyền được hưởng đặc quyền ngoại giao. - 86.

57 Năm 1838 do việc thù lĩnh Hồi giáo Áp-ga-ni-xtan Đê-xtơ Mô-ha-mét khước từ không liên minh với Anh chống lại I-ran và Nga, do không có khả năng biến Áp-ga-ni-xtan thành công cụ cho chính sách của mình nên Anh đã quyết định lật đổ Đê-xtơ Mô-ha-mét bằng con đường can thiệp quân sự và đưa tên tay sai của mình là quốc vương Sút-du lên ngai vàng. Quân đội Anh tràn vào Áp-ga-ni-xtan chiếm đóng và tàn phá hầu khắp đất nước, bắt giam Đê-xtơ Mô-ha-mét; thế

nhưng sự thống trị của người Anh chẳng được bao lâu. Cuộc khởi nghĩa nhân dân tháng Mười một 1841 đã mang đến kết quả là quân đội Anh bị đánh bại và bị tiêu diệt. Năm 1842 người Anh lại mưu toan xâm lược Áp-ga-ni-xtan một lần nữa, song mưu toan ấy cũng kết thúc bằng sự sụp đổ hoàn toàn.

Trận pháo kích của hạm đội Anh - Áo vào pháo đài Xi-ri Xanh-Giăng d' A-cơ xảy ra trong thời kỳ cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập những năm 1839 - 1841. Anh đã can thiệp vào cuộc xung đột, vì lo sợ nước Nga có những hoạt động riêng rẽ để ủng hộ quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ và đồng thời cũng muốn cô lập Pháp là nước mà trong cuộc chiến tranh giành phạm vi ảnh hưởng ở Cận Đông đã trông cậy vào nhiếp chính vương Ai Cập Mô-ha-mét A-li, kẻ xâm lược Xi-ri. Chính phủ Anh nâng nặc đòi ký Công ước Luân Đôn ngày 15 tháng Bảy 1840 giữa bốn cường quốc (Anh, Nga, Áo và Phổ) về viện trợ quân sự cho quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ. Trên cơ sở của công ước, người ta đã đưa ra một yêu cầu có tính chất tối hậu thư đối với Mô-ha-mét A-li, buộc ông ta phải phục tùng vua Thổ Nhĩ Kỳ và phải hoàn trả lại ngay tức khắc cho vua Thổ Nhĩ Kỳ tất cả mọi lãnh địa, trừ Ai Cập và phần phía nam Xi-ri. Do Mô-ha-mét A-li từ chối không thi hành yêu cầu đó nên các tàu chiến của Anh - Áo đã pháo kích Bày-rút, Xanh-Giăng d' A-cơ và các pháo đài khác trên bờ biển Xi-ri vào mùa thu năm 1840. Mô-ha-mét A-li buộc phải chịu thua và chấp nhận tối hậu thư của các cường quốc. - 86.

58 Về *hiệp ước A-đri-a-nô-pôn* xem chú thích 19.

Hiệp ước Ban-ta-li-man - hiệp ước do Nga và Thổ Nhĩ Kỳ ký kết ngày 1 tháng Năm (19 tháng Tư) 1849 về việc quân đội của họ ở lại Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, nơi chúng được đưa vào với mục đích đàn áp phong trào cách mạng. Theo hiệp ước, chế độ chiếm đóng được duy trì cho đến khi xóa bỏ hoàn toàn hiểm họa cách mạng (mãi đến năm 1851 quân đội nước ngoài mới rút khỏi các công quốc), tạm thời áp dụng nguyên tắc quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ bổ nhiệm các vương công với sự thỏa thuận của Nga hoàng và quy định một loạt biện pháp của Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, trong đó có việc chiếm đóng quân sự trở lại trong trường hợp cách mạng tái diễn. - 87.

59 Ngày 8 tháng Năm 1852 các đại diện của Nga, Áo, Anh, Pháp, Phổ, Thụy Điển cùng với các đại diện của Đan Mạch đã ký Nghị định thư Luân Đôn về sự toàn vẹn của nước quân chủ Đan Mạch. Cơ sở của hiệp ước là nghị định thư được những nước tham gia Hội nghị Luân Đôn nói trên (trừ Phổ) thông qua ngày 4 tháng Bảy 1850, nghị định thư này quy định nguyên tắc không thể phân chia các lãnh địa của quốc vương Đan Mạch, kể cả công quốc Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ. Trong Nghị định thư Luân Đôn, hoàng đế Nga được nhắc đến như một trong những người có quyền hợp pháp giành ngôi vua Đan Mạch (với tư cách là cháu của công tước xứ Hôn-stai-nơ - Gôt-toóc-ơ là Các-pi-ôt-Un-riích đã từng thống trị ở Nga với tên gọi Pi-ôt III) nhưng đã khước từ những quyền của mình để nhường cho công tước Cri-xti-an Gluych-xbuốc là người được tuyên bố kế tục ngôi vua Phrê-đê-riích VII. Điều này là đã tạo ra một tiền

- lệ cho những kỳ vọng của Nga hoàng đối với ngai vàng Đan Mạch trong tương lai, khi triều đại Gluych-xbuốc chấm dứt. - 87.
- 60 Đây là nói về hiệp định do các đại diện Nga, Anh và Hà Lan ký kết ngày 19 (7) tháng Năm 1815 ở Luân Đôn về việc đền bù chi phí chiến tranh cho Nga do đã đánh đuổi quân đội Na-pô-lê-ông ra khỏi các tỉnh của Hà Lan và Bỉ. Theo hiệp định này, để đền bù, chính phủ Anh và Hà Lan phải trả một phần khoản nợ của Nga cho các chủ ngân hàng Hà Lan Hốp và công ty cũng như những tiền lãi chưa thanh toán trước ngày 1 tháng Giêng 1816 của khoản nợ đó. Một điều khoản đặc biệt của hiệp định ước định trước rằng sẽ ngừng trả nợ nếu các tỉnh của Bỉ tách ra khỏi Hà Lan. Sau cuộc cách mạng năm 1830 và sau việc thành lập nhà nước Bỉ độc lập, Chính phủ Hà Lan đã đình việc trả tiền. Nhưng ngày 16(4) tháng Mười một 1831 Pan-móc-xton thay mặt Chính phủ Anh đã ký kết với Nga một hiệp định mới khẳng định những cam kết tài chính trước đây của Anh. - 87.
- 61 *Hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi* giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ được ký kết ngày 8 tháng Bảy (26 tháng Sáu) 1833. Việc ký kết hiệp ước xảy ra sau cuộc đổ bộ của những đơn vị quân Nga vào vùng Bô-xpho khu vực Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi. Các đơn vị này được đưa đến Thổ Nhĩ Kỳ nhằm mục đích hỗ trợ cho vua Thổ Nhĩ Kỳ chống lại quân đội của I-bra-him-pa-sa đang đe dọa thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ. I-bra-him là con trai nhiếp chính vương Ai Cập Mô-ha-mét A-li, người nổi dậy chống lại vua Thổ Nhĩ Kỳ. Tháng Năm 1833 triều đình Thổ Nhĩ Kỳ được Anh và Pháp làm môi giới đã ký kết hòa ước với Mô-ha-mét A-li, nhường cho ông ta Xi-ri và Pa-le-xtin. Mặc dù hiềm họa trực tiếp đối với vua Thổ Nhĩ Kỳ đã qua nhưng giới ngoại giao Nga hoàng vẫn biết cách lợi dụng tình hình căng thẳng và sự có mặt của quân Nga ở Thổ Nhĩ Kỳ thúc giục Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ ký liên minh phòng thủ với Nga và đã đưa được vào Hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi, hiệp ước hợp pháp hóa liên minh trên, một điều khoản mật; theo điều khoản này thì Thổ Nhĩ Kỳ cam kết làm theo yêu cầu của Nga là không cho tàu quân sự nước ngoài đi qua các eo biển. Điều khoản thứ hai xác nhận Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn và các hiệp định Nga - Thổ Nhĩ Kỳ khác. Hiệp ước có hiệu lực trong thời gian 8 năm. - 88.
- 62 Theo hiệp ước A-đri-a-nô-pôn năm 1829, các hòn đảo ở cửa sông Đa-nuýp chuyển sang nước Nga, tuy nhiên việc tự do đi lại trên sông Đa-nuýp của tàu buôn tất cả các nước vẫn được bảo đảm. Thế nhưng vào năm 1836 trên cơ sở sắc lệnh của Thượng nghị viện nhiếp chính ngày 2 tháng Ba (19 tháng Hai) trên nhánh sông Xu-lin của sông Đa-nuýp Nga đã dựng lên một trạm kiểm dịch mà thực tế đóng vai trò trạm thuế quan, kiểm soát hoạt động của tàu thuyền trên đoạn sông này. Trong thời gian diễn ra những cuộc tranh luận về vấn đề này ở nghị viện Anh tháng Tư 1836, Pan-móc-xton tuyên bố rằng hành động của Nga không gây thiệt hại gì cho việc buôn bán giữa Anh với Thổ Nhĩ Kỳ, vì thế ông ta thấy không có lý do gì để Anh can thiệp về mặt ngoại giao. - 88.
- 63 "*Portfolio*" - tên gọi tắt tập văn kiện và tài liệu ngoại giao do Đ. Uốc-các-tơ xuất

- bản ở Luân Đôn. Tập "The Portfolio or a Collection of State Papers" ("Tập công văn hay là Tập văn kiện quốc gia") được xuất bản trong những năm 1835 - 1837. Tập mới với nhan đề "The Portfolio. Diplomatic Review" ("Tập công văn. Bình luận ngoại giao") được xuất bản trong những năm 1843 - 1845. - 89.
- 64 "*The manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") - báo tư sản Anh, cơ quan ngôn luận của phái mậu dịch tự do, sau này là cơ quan ngôn luận của đảng tự do; được sáng lập ở Man-se-xtơ năm 1821. - 93.
- 65 Có ý nói tới cuốn sách mỏng khuyết danh của Mác - Nai-lơ: "Progress and present position of Russia in the East". London, 1836 ("Sự phát triển và vị trí hiện nay của nước Nga ở phương Đông". Luân Đôn, 1836). - 96.
- 66 "*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") - nhật báo tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến hết năm 1862, cơ quan ngôn luận của đảng Vích, đầu những năm 50 là cơ quan ngôn luận của phái Pin, sau đó là của phái bảo thủ. - 100.
- 67 "*The Economist*" ("Nhà kinh tế học") - tạp chí ra hàng tuần ở Anh về các vấn đề kinh tế và chính trị, được sáng lập ở Luân Đôn năm 1843; cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản công nghiệp. - 101.
- 68 Bài báo "Chiến tranh treo trên bầu trời châu Âu" do Ăng-ghen viết cho tờ "New - York Daily Tribune". Mác đã viết lại bài này thành các bài gửi cho tờ "Neue Oder - Zeitung" trong đó có rút gọn và thay đổi đôi chút: "Những vấn đề ở nghị viện và những vấn đề quân sự" (xem tập này tr. 112 - 114) và "Tình hình quân đội". Bài "Tình hình quân đội" ("Zustand der Armeen") đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" ngày 24 tháng Hai 1855 đã được đưa vào Toàn tập C. Mác và Ph.Ăng-ghen, tiếng Nga, xuất bản lần thứ nhất), không có trong lần xuất bản này vì nội dung của nó đã được đề cập đầy đủ trong bài báo đăng trên tờ "Tribune". - 103.
- 69 *Blue Books* (Những cuốn Sách xanh) - tên gọi chung cho những ấn phẩm đăng các văn kiện của nghị viện Anh và các tài liệu ngoại giao của Bộ ngoại giao. Những cuốn Sách xanh - sớ dĩ được gọi như vậy là vì chúng có bìa màu xanh - được xuất bản ở Anh từ thế kỷ XVII và là nguồn tài liệu chính thức cơ bản về lịch sử kinh tế và ngoại giao của đất nước này. - 112.
- 70 Có ý nói đến các cuốn sách: W.F.P. Napier. "History of the War in the Peninsula and in the South of France from the year 1807 to the year 1814" Vol. I-VI, London, 1828 - 1840 (U.Ph.P.Nây-pia. "Lịch sử cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ và miền Nam nước Pháp từ năm 1807 đến năm 1814". T.I-VI, Luân Đôn, 1828 - 1840). - 114.
- 71 Đây là nói về cuộc thảo luận ở nghị viện Anh năm 1845 về vấn đề tăng trợ cấp cho trường dòng Thiên chúa giáo ở Mây-nút (Ai-rơ-len) được thành lập năm 1795. Việc nâng trợ cấp cho trường dòng nhằm mục đích lôi kéo giới tăng lữ Thiên chúa giáo Ai-rơ-len về phía các giai cấp thống trị Anh và do đó làm suy yếu phong trào giải phóng dân tộc ở Ai-rơ-len. - 117.
- 72 Đây là nói về việc cải cách quyền bầu cử, đạo luật về vấn đề này được hạ

ngại viện Anh thông qua năm 1831 và cuối cùng được thượng nghị viện chấp thuận vào tháng Sáu 1832. Cuộc cải cách này nhằm chống lại độc quyền chính trị của giới quý tộc ruộng đất và tài chính và cho phép các đại biểu giai cấp tư sản công nghiệp tham gia vào nghị viện. Giai cấp vô sản và tiểu tư sản là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh đòi cải cách đã bị giai cấp tư sản theo chủ nghĩa tự do đánh lừa và không được quyền bầu cử. - 119.

73 - *Hiến chương nhân dân* mà nội dung là những yêu sách của phái Hiến chương, được công bố ngày 8 tháng Năm 1838 với tư cách là dự luật đưa ra nghị viện, bao gồm sáu điểm: quyền phổ thông đầu phiếu (đối với nam giới từ 21 tuổi trở lên), bầu cử hàng năm vào nghị viện, bỏ phiếu kín, bình đẳng giữa các khu vực bầu cử, hủy bỏ điều kiện về tài sản đối với các ứng cử viên vào nghị viện, trả lương cho nghị sĩ. Ý nghĩa của Hiến chương nhân dân cũng được Mác chỉ rõ trong những bài khác của tập này (xem tr.180, 181, 310, 348,350) - 119.

74 *Bản hiến chương nhỏ* là tên gọi dự luật cải cách bầu cử được Hi-um, thủ lĩnh phái cấp tiến tư sản, đưa ra nghị viện Anh nhiều lần trong những năm 1848 - 1851 để đối lập lại bản Hiến chương nhân dân của phái Hiến chương. Dự luật Hi-um dự định quyền bầu cử cho tất cả những ai có nhà hoặc một phần ngôi nhà (Household Suffrage), định kỳ bầu cử vào nghị viện là ba năm một lần và bỏ phiếu kín. Dự luật này là cương lĩnh của Hội liên hiệp dân tộc về cải cách nghị viện và tài chính.

Hội liên hiệp dân tộc về cải cách nghị viện và tài chính do phái cấp tiến tư sản thành lập vào năm 1849 với mục đích cổ động cho bản Hiến chương nhỏ của Hi-um và cho việc tiến hành cải cách thuế khóa. Đem cương lĩnh của mình chọi lại những yêu sách của phái Hiến chương, phái cấp tiến tư sản dự tính trong điều kiện tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân giảm sút, sau khi cuộc biểu dương lực lượng của phái Hiến chương ngày 10 tháng Tư 1848 thất bại, sẽ chia rẽ phong trào Hiến chương và áp đặt ảnh hưởng của mình đối với quần chúng công nhân. Cuộc cổ động của phái cấp tiến tư sản được Cốp-đen, Brai-tơ và cả những phần tử cải lương của phái Hiến chương do Ô.Cô-no đứng đầu ủng hộ, đã bị thất bại. Ngay cả vào những năm 50 phần lớn những người theo phái Hiến chương vẫn trung thành với Hiến chương nhân dân. Năm 1855 Hội liên hiệp dân tộc về cải cách nghị viện và tài chính đã tan rã. - 119.

75 Hoàng đế La Mã Ca-li-gu-la đã phong cho con tuấn mã sừng á của mình chức quan chấp chính. - 121.

76 *Đại Mô-gôn* là tên mà người châu Âu gọi những lãnh chúa của đế quốc ở Bắc Ấn Độ được thành lập năm 1526 và bị suy tàn vào thế kỷ XVIII (người ta cho rằng đó là những người kế tục Thành Cát Tư Hãn và từ đó mà có tên gọi là “mô-gôn”). - 121.

77 Âm chỉ việc bổ nhiệm Rót-xen làm đại diện của Anh ở Hội nghị Viên theo sáng

kiến của Pan-mớc-xton, hội nghị này sẽ khai mạc vào tháng Ba 1855 (về hội nghị này xem chú thích 108). - 122.

78 *Cuộc giải phóng các tín đồ Thiên chúa giáo* - năm 1829 nghị viện Anh đã hủy bỏ việc hạn chế các quyền chính trị của các tín đồ Thiên chúa giáo. Các tín đồ Thiên chúa giáo mà phần lớn là người Ai-rơ-len có quyền được bầu vào nghị viện và giữ một số chức vụ trong chính phủ; đồng thời điều kiện về tài sản tối thiểu để đủ tư cách cử tri được tăng lên gấp năm lần. Bằng thủ đoạn như vậy, các giai cấp cầm quyền Anh hy vọng sẽ lôi kéo được về phía mình giới chóp bu trong giai cấp tư sản Ai-rơ-len và bọn địa chủ Thiên chúa giáo và do đó chia rẽ phong trào dân tộc của Ai-rơ-len. - 123.

79 *Đạo luật về người nghèo* được thông qua vào năm 1834, chỉ cho phép trợ giúp người nghèo bằng một hình thức là đưa họ vào trại lao động với chế độ tù khổ sai mà dân chúng gọi là “ngục Ba-xti-ơ cho người nghèo”. Đạo luật này nhằm buộc những người nghèo phải chấp nhận những điều kiện lao động nặng nhọc trong các công xưởng và bằng cách đó tăng số lượng nhân công rẻ mạt cho giai cấp tư sản công nghiệp. - 127.

80 Đây là nói về một trong những cuộc bãi công lớn nhất của công nhân Anh vào những năm 50 thế kỷ XIX. Tháng Tám 1853 thợ dệt và thợ kéo sợi của các xưởng dệt vải ở Pre-xton và các vùng ngoại ô đã bãi công đòi tăng lương thêm 10%; họ được công nhân các ngành khác ủng hộ. Để đáp lại, tháng Chín 1853 Hội liên hiệp chủ xí nghiệp tuyên bố sa thải hàng loạt gần 25 000 trong số 30000 công nhân Pre-xton đã nghỉ việc. Nhờ sự giúp đỡ của công nhân các thành phố khác, công nhân Pre-xton đã giữ vững được hơn 36 tuần lễ. Những người theo phái Hiến chương đã tích cực tham gia tổ chức cuộc vận động quyền góp cho những người bãi công. Vào tháng Hai 1854 việc sa thải công nhân hàng loạt đã phải chấm dứt song cuộc bãi công vẫn tiếp diễn. Để phá vỡ cuộc bãi công, Hội liên hiệp chủ xí nghiệp bắt đầu đưa công nhân từ Ai-rơ-len và các trại lao động ở Anh về Pre-xton. Tháng Ba 1854 các nhà lãnh đạo cuộc bãi công bị bắt. Do quỹ tiền bị cạn kiệt, công nhân buộc phải trở lại làm việc. Tháng Năm cuộc bãi công kết thúc. Những chi tiết tỉ mỉ hơn về cuộc bãi công ở Pre-xton xin xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, các tập 9 và 10. - 128.

81 Ban biên tập báo “New - York Daily Tribune” trong nhiều trường hợp đã thay đổi phần đầu các bài báo của Mác và Ăng-ghen do muốn tạo cho chúng có cái vẻ là những bài báo được viết ở Mỹ. Trong những dòng đầu tiên của bài báo này, ban biên tập báo cũng xâm phạm như vậy vào bản văn của Mác. - 132.

82 *Đạo luật về các cuộc nổi loạn* (Mutiny Act) là đạo luật được nghị viện thông qua hàng năm, bắt đầu từ năm 1689 đến năm 1881, cho phép quốc vương có quyền duy trì một đội quân thường trực và lực lượng hải quân ở một mức độ nhất định, đưa những điều lệ và quy chế quân sự vào quân đội và hạm đội, sử dụng tàu chiến và thiết lập một chế độ trừng phạt những hành động bạo loạn, không phục tùng mệnh lệnh, vi phạm kỷ luật v.v.. Làn sóng bất bình

- của binh lính Anh là lý do để ban hành đạo luật đầu tiên trong các đạo luật như vậy. - 138.
- 83 *Xi-mô-ni-a* - hệ thống mua bán các tước vị trong giáo hội thời trung cổ, ngay từ thế kỷ XII những người chủ trương cải cách tôn giáo đã tiến hành đấu tranh chống lại hệ thống đó. - 138.
- 84 Trên tờ “*Neue Oder - Zeitung*” ra ngày 9 tháng Ba 1855 có đăng một tin ngắn nói rằng bác sĩ nổi tiếng người Anh Gran-vin năm 1853 đã tiên đoán cho Pan-móc-xton về cái chết sắp tới của Nga hoàng và khuyên ông ta nên lưu ý đến điều tiên đoán đó để xác định chính sách của mình đối với Nga. - 143.
- 85 *Những châm ngôn Pi-ti* - những châm ngôn của Pi-ti, nhà tư tế - tiên tri trong đền thờ thần A-pô-lông ở Đen-phơ (Hi Lạp cổ đại). - 143.
- 86 “*Moniteur*” - tên gọi tắt tờ nhật báo Pháp “*Le Moniteur universel*” (“Báo đại chúng”), xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1901; từ năm 1799 đến năm 1869 là cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ. Bài báo mà Mác nhắc đến được đăng trên tờ “*Moniteur*” ngày 17 tháng Hai 1855. - 146.
- 87 Mác có ý nói đến cuốn sách mông muội danh: “*De la conduite de la guerre d’ Orient. Expedition de Crimée. Mémoire. Mémoire adressé au gouvernement de S.M. l’Empereur Napoléon III par un officier général*” Bruxelles, 1855 (“Về việc tiến hành cuộc chiến tranh phương Đông. Cuộc viễn chinh ở Crum. Thư của một vị tướng gửi cho chính phủ đức hoàng đế Na-pô-lê-ông III” Bruy-xen, 1855). Việc công bố cuốn sách mang nội dung phê phán gay gắt ban lãnh đạo cuộc viễn chinh ở Crum như vậy đã làm chần chừ dư luận và gây nên những tiếng vang rộng rãi trên báo chí, người ta cho rằng tác giả cuốn sách này là của hoàng thân Na-pô-lê-ông (Giê-rôm Bô-na-pác-tơ em). - 146.
- 88 Có ý nói đến những bài báo chống lại Bô-na-pác-tơ đăng trên báo “*Times*” trong thời gian từ tháng Chạp 1851 đến tháng Mười một 1852 của nhà báo Anh Ri-sốt (thường ký tên là “Một người Anh”) viết về Lu-i - Na-pô-lê-ông và về cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 146.
- 89 Ở dưới Mác trích dẫn bài phát biểu của Giôn-xơ tại cuộc mít tinh ở phòng Xanh - Mác-tin-xơ đăng trên tờ “*People’s Paper*” ngày 3 tháng Ba 1855. “*The People’s Paper*” (“Báo nhân dân”) - tuần báo của phái Hiến chương do Éc-ne-xơ Giôn-xơ - một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương cách mạng, bạn của Mác và Ăng-ghe-n, sáng lập ở Luân Đôn vào tháng Năm 1852. Mác và Ăng-ghe-n đã cộng tác với báo, đồng thời cũng giúp đỡ cả việc biên tập báo từ tháng Mười 1852 đến tháng Chạp 1856. Ngoài những bài báo mà Mác và Ăng-ghe-n viết riêng cho tờ “*People’s Paper*” báo còn đăng lại những bài rất quan trọng của hai ông đã đăng trên tờ “*New - York Daily Tribune*”. Trong thời kỳ này, tờ *People’s*

- Paper*” triệt để bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Việc Giôn-xơ xích lại gần phái cấp tiến tư sản đã khiến cho Mác và Ăng-ghe-n ngừng cộng tác với tờ “*People’s Paper*” và tạm thời cắt đứt quan hệ với Giôn-xơ. Tháng Sáu 1858 tờ báo chuyển sang tay các nhà kinh doanh tư sản. - 147.
- 90 Có ý nói tới những mâu thuẫn Anh - Pháp ngày càng sâu sắc ở Cận Đông trong thời kỳ cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập 1839 - 1841. Việc ký kết Công ước Luân Đôn ngày 15 tháng Bảy 1840 (xem chú thích 57) về viện trợ quân sự cho quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ chống nhiếp chính vương Ai Cập Mô-ha-mét - A-li không có sự tham gia của Pháp đã làm cho quan hệ giữa Anh và Pháp xấu đi nghiêm trọng và gây nên nguy cơ chiến tranh. Lo sợ các cường quốc liên minh chống lại mình, Pháp buộc phải khước từ việc ủng hộ nhiếp chính vương Ai Cập. - 147.
- 91 Năm 1846 chính phủ Gi-đô đã thành công trong việc đình hôn giữa con trai thứ của vua Pháp Lu-i Phi-líp - công tước Mông-păng-xi-ê - với công chúa Tây Ban Nha Ma-ri-a Lu-i-da Phéc-nan-đa và phá vỡ cuộc hôn thú do Anh sắp đặt giữa hoàng thân Lê-ô-pôn Cô-buốc-gơ với nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-be-la II. Cuộc ganh đua xung quanh những dự định hôn ước ấy giữa Chính phủ Anh và Pháp đã khiến cho quan hệ giữa Anh và Pháp trở nên căng thẳng trong những năm. 1846 - 1847. - 147.
- 92 *Hiệp ước U-tơ-rếch năm 1713* - một trong những hòa ước được ký kết giữa một bên là Pháp và Tây Ban Nha, và bên kia là các nước tham gia khối liên minh chống Pháp (Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Phổ và vương triều Háp-xbuốc ở Áo); các hòa ước đó đã kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha (bắt đầu từ năm 1701). Theo hiệp ước, ngai vàng Tây Ban Nha được dành cho người kế vị là Phi-líp Buốc-bông, một người Pháp, cháu trai của Lu-i XIV, nhưng vua Pháp phải từ bỏ các kế hoạch của mình định hợp nhất nền quân chủ Pháp và Tây Ban Nha và phải từ bỏ quyền chiếm ngôi vua Tây Ban Nha cho mình và cho những người thừa kế của mình trong dòng họ Buốc-bông Pháp. Hiệp ước phê chuẩn việc chuyển giao cho Anh một loạt thuộc địa của Pháp và của Tây Ban Nha ở Tây Ấn, Bắc Mỹ cũng như ở Gi-bran-ta.
- Buộc tội Pháp vi phạm Hiệp ước U-tơ-rếch vào năm 1846 và 1847, Pan-móc-xton có ý nói đến ý đồ của Lu-i Phi-líp muốn tạo ra một triển vọng mới để hợp nhất hai chế độ quân chủ bằng cách làm cho con trai thứ của mình kết hôn với công chúa Tây Ban Nha. - 148.
- 93 Đây là nói đến hiệp ước được ký kết năm 1835 do thủ lĩnh theo chủ nghĩa tự do của phong trào dân tộc Ai-rơ-len là Ô. Cô-nen - người lãnh đạo phái Ai-rơ-len trong nghị viện, với các thủ lĩnh đảng Vích. Vì cuộc đàm phán diễn ra trong nhà huấn tước Lit-sphin-đơ ở Luân Đôn nên hiệp ước này có tên là Hiệp ước Lit-sphin-hau-xơ. - 155.
- 94 Có ý nói đến việc cổ động nhằm xóa bỏ sự hợp nhất Anh - Ai-rơ-len năm 1801. Sự hợp nhất do Chính phủ Anh áp đặt đối với Ai-rơ-len sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1798, đã xóa bỏ những dấu vết cuối cùng của nền

tự trị Ai-rơ-len và thủ tiêu nghị viện Ai-rơ-len. Yêu sách xóa bỏ sự hợp nhất (Repeal of Union) đã trở thành một khẩu hiệu đại chúng nhất ở Ai-rơ-len từ những năm 20 thế kỷ XIX. Thế nhưng phái tự do tư sản lãnh đạo phong trào dân tộc (Ô. Cô-nen và những người khác) đã coi việc cổ động nhằm xóa bỏ sự hợp nhất chỉ là một phương tiện để đạt được những nhượng bộ nhỏ nhất của chính phủ Anh đối với giai cấp tư sản Ai-rơ-len. Năm 1835 sau khi ký giao ước với đảng Vích ở Anh, Ô. Cô-nen nhìn chung đã chấm dứt cuộc cổ động này. Nhưng năm 1840, dưới tác động của phong trào quần chúng, phái tự do Ai-rơ-len buộc phải thành lập Ri-pi-lơ (Hội của những người đòi hủy bỏ sự hợp nhất) và họ cố gắng hướng hội này đi vào con đường thỏa hiệp với các giai cấp cầm quyền Anh. - 155.

95 Năm 1848 ở Ai-rơ-len người ta chuẩn bị tổ chức một cuộc khởi nghĩa nhân dân với mục tiêu giải phóng dân tộc cho tổ quốc và thành lập nền cộng hòa. Những người chủ xướng cuộc khởi nghĩa là Mít-sen, La-lo-rơ và một số đại biểu khác của cách mạng trong Liên đoàn Ai-rơ-len, thành lập năm 1847. Do hậu quả tan rã của Hội Ri-pi-lơ (xem chú thích 94), do Mít-xen và những người lãnh đạo phong trào bị bắt, cũng như do sách lược thỏa hiệp, mà thực chất là sự phản bội của phái tự do trong Liên đoàn đứng đầu là Xmít Ô-brai-en, nên cuộc tổng khởi nghĩa không nổ ra. Tháng Bảy 1848 chỉ diễn ra những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ ở thành thị và các cuộc nổi dậy tự phát của nông dân ở các tỉnh, song những cuộc nổi dậy này đã bị thất bại. Chính phủ Anh đã đàn áp rất dã man những người tham gia phong trào cách mạng năm 1848 ở Ai-rơ-len. - 158.

96 Bài “Những sự kiện ở Crum” là bản dịch của bài “Những kết quả hoạt động quân sự ở Crum” (“The Results in the Crimea”), do Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” và được công bố ngày 2 tháng Tư 1855 với tư cách là xã luận. Khi dịch bài báo của Ăng-ghen cho tờ “Neue Oder - Zeitung”, Mác đã sửa và rút gọn đi đôi chút. - 159.

97 Trận đánh Ép-pa-tô-ri giữa quân Nga và quân Thổ Nhĩ Kỳ diễn ra ngày 17 (5) tháng Hai 1855. - 161.

98 Những dòng đầu của bài báo này là do ban biên tập tờ “New - York Daily Tribune” thêm vào. - 164.

99 Tại vùng A-xpéc-nơ (tả ngạn sông Đa-nuyép, cách Viên không xa) ngày 21 - 22 tháng Năm 1809 đã diễn ra một trận giao chiến lớn giữa quân của Na-pô-lê-ông I và quân Áo của đại công tước Sác-lơ, kết thúc bằng thắng lợi của quân Áo. Hồng cứu quân đội của mình khỏi bị tiêu diệt, Na-pô-lê-ông I đã đưa quân ra khỏi vùng tả ngạn sông Đa-nuyép. - 166.

100 Đây là nói về trận đánh ở Lai-pxích ngày 16 - 19 tháng Mười 1813 - trận đánh lớn nhất trong cuộc chiến tranh của liên minh các cường quốc châu Âu chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông, kết thúc là quân đồng minh đã giành thắng lợi trước quân đội của Na-pô-lê-ông I. - 167.

101 Có ý ám chỉ cuộc bạo động không thành của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Xtơ-ra-xbua ngày 30 tháng Mười 1836. - 167.

102 Ngày 18 tháng Sương mù (ngày 9 tháng Mười một 1799) - ngày nổ ra cuộc chính biến hoàn tất quá trình phân cách mạng của giai cấp tư sản Pháp; kết quả cuộc đảo chính là chế độ độc tài quân sự của Na-pô-lê-ông đã được thiết lập.

Ngày 14 tháng Sáu 1800 trong trận *Ma-ren-gô* (Bắc I-ta-li-a) quân đội Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ đã đánh thắng quân đội Áo. Thắng lợi đầu tiên to lớn này của Bô-na-pác-tơ, sau cuộc đảo chính, đã góp phần củng cố quyền lực của ông ta.

Khi nói về việc tái bản Ngày 18 tháng Sương mù, Mác và Ăng-ghen có ý nói đến cuộc đảo chính của Lu-i Bô-na-pác-tơ ngày 2 tháng Chạp. 1851. - 171.

103 “*The Leader*” (“Lãnh tụ”) - tuần báo tư sản Anh theo khuynh hướng tự do chủ nghĩa; được thành lập ở Luân Đôn năm 1850. - 175.

104 *Hội hòa bình* - tổ chức hòa bình chủ nghĩa của giới tư sản, do giáo phái Quây-cơ thành lập năm 1816 ở Luân Đôn. Hội này được sự ủng hộ tích cực của phái mật dịch tự do là phái cho rằng trong điều kiện hòa bình, nhờ mật dịch tự do, nước Anh có thể sử dụng triệt để hơn ưu thế công nghiệp của mình và đạt được sự thống trị về kinh tế và chính trị. - 176.

105 *Đạo luật ngày lao động 10 giờ*, chỉ áp dụng cho trẻ em và lao động nữ, được nghị viện Anh thông qua ngày 8 tháng Sáu 1847.

Tháng Hai 1850 tòa án bộ tài chính (một trong những tòa án cấp cao ở Anh) đã tuyên bố trắng án cho các chủ xưởng bị buộc tội vi phạm đạo luật ngày lao động 10 giờ. Quyết định này trên thực tế có nghĩa là hủy bỏ đạo luật, đã gây nên sự phản kháng của công nhân, do đó ngày 5 tháng Tám 1850 nghị viện đã công bố một đạo luật mới quy định ngày lao động cho phụ nữ và trẻ em là 10^{1/2} giờ và định thời gian bắt đầu và kết thúc ngày lao động.

Đạo luật ngày lao động 10 giờ năm 1847 được phân tích tỉ mỉ trong các bài báo của Ăng-ghen “Vấn đề ngày lao động 10 giờ” và “Đạo luật ngày lao động 10 giờ của Anh” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr.317 - 325 và 326 - 340). - 177.

106 Trường thuật về cuộc mít-tinh này, mà ở đó Giôn-xơ đã phát biểu, được đăng trên các báo “Morning Post”, ngày 19 tháng Ba và “People’s Paper” ngày 24 tháng Ba 1855. - 178.

107 - Trận đánh ở *In-ke-rơ-man* ở Crum giữa quân đội Nga và quân Anh - Pháp xảy ra ngày 5 tháng Mười một (24 tháng Mười) 1854. Trận đánh kết thúc bằng thất bại của quân đội Nga, tuy nhiên những hoạt động tích cực của quân Nga đã buộc liên quân phải từ bỏ việc tấn công chớp nhoáng Xê-va-xtô-pôn và chuyển sang bao vây pháo đài một cách lâu dài. Trận này được Ăng-ghen mô tả chi tiết trong bài “Trận chiến đầu ở *In-ke-rơ-man*” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen,

- Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.10, tr.612 - 618). - 182.
- 108 *Hội nghị Viên* - hội nghị các đại diện Nga, Anh, Pháp, Áo và Thổ Nhĩ Kỳ họp ở Viên nhằm đề ra các điều kiện để ký kết hòa ước giữa các cường quốc tiền hành cuộc chiến tranh ở Crum. Hội nghị khai mạc ngày 15 tháng Ba 1855 và kéo dài (có gián đoạn) đến ngày 4 tháng Sáu 1855. Người ta đưa ra cái gọi là bốn điểm (xem chú thích 6) làm cơ sở cho cuộc đàm phán. Đồng ý chấp nhận các điểm một, hai và bốn với một số điều kiện đặt trước, Nga kiên quyết bác bỏ điểm thứ ba dự định hạn chế lực lượng hải quân Nga ở Hắc Hải do các cường quốc phương Tây đưa ra. Đại diện Anh và Pháp dứt khoát đòi Nga phải chấp nhận không điều kiện tất cả các điểm. Họ bác bỏ cả đề nghị thỏa hiệp của Áo đưa ra trong phiên họp cuối cùng của hội nghị. Đề nghị này dự định cho phép Nga và Thổ Nhĩ Kỳ có quyền tự thỏa thuận với nhau về số lượng lực lượng hải quân mà hai cường quốc có thể có trên Hắc Hải. Hội nghị chấm dứt công việc của mình mà không thông qua được một quyết nghị nào. - 183.
- 109 *Ceterum censeo* - những từ đầu tiên trong câu nói đã trở thành danh ngôn của Ca-tô Cu, mà ông ta thường dùng để kết thúc các bài nói của mình tại thượng nghị viện La Mã: *Ceterum censeo Carthaginem esse delendam* (Và lại, tôi cho rằng Các-ta-giơ phải bị phá hủy). - 183.
- 110 Đoạn trích trong bài báo của Ăng-ghen “Mưu kế cuối cùng của Na-pô-lê-ông” và cả bài tiếp theo của ông “Trận Xê-va-xtô-pôn” được Mác tái tạo lại dưới dạng văn tắt trong bài “Những sự kiện gần đây ở Crum” (Ueber die Letzten Vorgänge in der Krim”) đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 26 tháng Ba 1855 (bài này đã được đưa vào Toàn tập, C. Mác và Ph.Ăng-ghen, tiếng Nga xuất bản lần thứ nhất). - 191.
- 111 Năm 1854 hoàng thân Na-pô-lê-ông chỉ huy sư đoàn ở Crum. Do không tán thành cuộc viễn chinh Crum lại không có đủ khả năng quân sự và không được miễn phục trong quân đội, ông đã viện cớ bị bệnh, cố lẩn tránh việc chỉ huy các hoạt động quân sự, rồi sau đó tự ý quay trở về Pa-ri. - 192.
- 112 Về bản tiếng Đức của bài báo này xem chú thích 110. Đoạn đầu có lẽ là do ban biên tập “New - York Daily Tribune” thêm vào. - 196.
- 113 “*The Press*” (“Báo chí”) - tuần san Anh, cơ quan ngôn luận của đảng To-ri; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1853 đến năm 1866. 202.
- 114 Có lẽ Mác muốn nói đến cuộc đi thăm Pa-ri tháng Ba 1853 của huân tước Man-mơ-xbê-ri, cựu bộ trưởng ngoại giao trong nội các Đốc-bi thuộc đảng bảo thủ. Như tờ “Times” ngày 23 tháng Ba 1853 đã thông báo về chuyến thăm này, Na-pô-lê-ông III đã mở tiệc mời Man-mơ-xbê-ri và tiễn hành trao đổi riêng với ông này. Theo hồi ký của chính Man-mơ-xbê-ri, trong cuộc trao đổi, hoàng đế Pháp có nhấn mạnh sự cần thiết phải củng cố các mối quan hệ hữu nghị giữa Anh và Pháp. - 202.
- 115 E. Girardin. “La Paix”. Paris, 1855 (E.Gi-rác-danh. “Hòa bình”. Pa-ri, 1855). - 205.

- 116 Âm chỉ cuốn sách của Lu-i Bô-na-pác-tơ “Những tư tưởng của Na-pô-lê-ông”, xuất bản ở Pa-ri năm 1839 (Napoléon - Louis Bonaparte. “Des Idées napoléoniennes”. Paris, 1839). - 206.
- 117 *Hoàng cung Xanh* - *Giêm-xơ* ở Luân Đôn - hoàng cung của các vua Anh từ cuối thế kỷ XVII, vào thế kỷ XIX là nơi tổ chức các nghi lễ trọng thể và tiếp khách. - 207.
- 118 *Exeter Hall* - tòa nhà ở Luân Đôn, nơi hội họp của các tổ chức tôn giáo và từ thiện. - 213.
- 119 Ở đoạn đầu của bài báo này ta có thể nhận rõ những dấu vết cho thấy ban biên tập tờ “New - York Daily Tribune” xâm phạm vào nguyên bản. - 222.
- 120 Ăng-ghen có ý nói đến bài báo của mình. “Những kết quả hoạt động quân sự ở Crum”, bản tiếng Đức của bài báo được dùng làm căn cứ cho bản dịch in trong tập này, tr. 159 - 163. - 223.
- 121 Có ý nói đến bài “Những sự kiện gần đây ở Crum” bản tiếng Anh của bài báo được dùng làm căn cứ cho bản dịch in trong tập này, tr. 196 - 201. - 229.
- 122 *Chế độ thay thế trong quân đội* được áp dụng rộng rãi ở Pháp trong một thời gian dài và là một trong những đặc quyền của các giai cấp hữu sản. Mỗi một người giàu bị gọi đi làm quân dịch có thể trả một khoản tiền nhất định để thuê người thay cho mình. Trong thời kỳ cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII chế độ này bị cấm, nhưng Na-pô-lê-ông I lại hợp pháp hóa nó. Tháng Tư 1855 người ta đã sửa đổi một số điểm trong chế độ thay thế trong quân đội: theo luật mới, nếu những người thay không phải là họ hàng gần gũi với người phải đi quân dịch, thì phải do các cơ quan nhà nước tuyển chọn, còn số tiền nộp để thay thì được đưa vào quỹ đặc biệt “trợ cấp quân đội”. Luật mới nhằm mục đích xây dựng một quân đội ổn định hơn và trung thành với hoàng đế. Năm 1872 chế độ thay thế ở Pháp bị hủy bỏ. - 232.
- 123 “*Phra Đi-a-vô-lơ*” (“Người anh em Đi-a-vô-lơ”) - vở ca kịch hài hước của nhà soạn nhạc Pháp Ô-béc, theo kịch bản của Xcơ-ri-bơ. - 236.
- 124 Đây là nói về cuộc khởi nghĩa anh dũng của giai cấp vô sản Pa-ri ngày 23 - 26 tháng Sáu 1848, bị giai cấp tư sản Pháp đàn áp dã man. Thất bại của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu là tín hiệu cho cuộc tấn công của bọn phản cách mạng ở các nước châu Âu. - 240.
- 125 Bài này cũng được đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 30 tháng Tư 1855 làm xã luận với nhan đề “Những điều biện bạch của Na-pô-lê-ông” (Napoleon’s apology). - 242.
- 126 Về *Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn* xem chú thích 19.
- Hiệp ước Quy-súc* - *Cai-nắc-gia* - hòa ước được ký kết ngày 21 (10) tháng Bảy 1774 giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ do thắng lợi của Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1768 - 1774. Theo hiệp ước, Nga nhận được phần bờ phía bắc Hắc Hải giữa Nam Búc và Đni-e-prơ với pháo đài Kin-bu, cả A-đốp,

Kéc-sơ và Ê-ni-ca-lơ và Nga cũng đạt được sự thừa nhận nền độc lập của Crum, điều này về sau đã tạo điều kiện dễ dàng để sát nhập nó. Tàu buôn của Nga có quyền tự do đi lại qua Bô-xpho và Đắc-đa-nen. Theo hiệp ước, vua Thổ Nhĩ Kỳ phải trao cho giáo hội chính thống một loạt đặc quyền, đặc biệt là điều thứ 14 quy định việc xây dựng nhà thờ chính thống giáo ở Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Bài điều hoàng đế Ni-cô-lai mà Ăng-ghe-nh nhắc tới được đăng trên báo “Moniteur” ngày 27 tháng Ba 1855, trong đó khẳng định rằng lý do đưa đến cuộc chiến tranh Crum là cách giải thích thiên vị của Nga đối với Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn. Thế nhưng trong cuộc tranh cãi diễn ra ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh Crum xung quanh vấn đề “các vùng đất thánh”, Nga đã xuất phát từ những điều khoản của Hiệp ước Quy-súc-Cai-nắc-gia, trong đó những đặc quyền của giáo hội chính thống được ước định trước bằng một điều khoản đặc biệt. - 243.

127 Ngày 20 tháng Bảy 1808 trong trận giao chiến ở *Bai-len* vào thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập ở Tây Ban Nha (1808 - 1814), quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Duy-pông đã bị quân Tây Ban Nha bao vây và phải hạ vũ khí.

Ngày 29 - 30 tháng Tám 1813 ở *Cun-mơ* (Séc) trong thời kỳ cuộc chiến tranh của liên minh các cường quốc châu Âu chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, quân Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Văng-đam đã bị quân Áo bao vây và bắt làm tù binh. - 243.

128 Moltke. “Der Russisch - türkische Feldzug in der europäischen Türkei 1828 und 1829”. Berlin 1845 (Môn-tơ-kê. “Chiến dịch Nga - Thổ Nhĩ Kỳ ở phần châu Âu Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 và 1829”. Béc-lin 1845). - 243.

129 Bài “Vu xuất kích ngày 23 tháng Ba” là bản dịch bài “Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn” (“The Siege of Sevastopol”) của Ăng-ghe-nh viết cho tờ “New - York Daily Tribune” và đăng làm xã luận trên báo này ngày 30 tháng Tư 1855. Khi dịch bài báo này, Mác có chỉnh lý chút ít. - 248.

130 Các bài này của Ăng-ghe-nh được ông viết theo đề nghị của Mác để đăng đồng thời trên tờ “Neue Oder - Zeitung” và “New - York Daily Tribune”. Như có thể thấy rõ qua bài thứ hai trên báo “Neue Oder - Zeitung” và qua thư Mác gửi En-xơ ngày 17 tháng Tư 1855, Ăng-ghe-nh đã có ý định tiếp tục phê phán các học thuyết đại Xla-vơ và Mác và Ăng-ghe-nh rất coi trọng việc vạch trần bản chất phản động của các học thuyết này. Thế nhưng những bài tiếp theo của Ăng-ghe-nh về đề tài này không thấy xuất hiện trên báo.

Trên tờ “New - York Daily Tribune” các bài của Ăng-ghe-nh viết về chủ nghĩa đại Xla-vơ được đăng ngày 5 và 7 tháng Năm 1855 với nhan đề “Cuộc đấu tranh ở châu Âu” (“The European Struggle”) và “Chỗ yếu của Áo” (“Austria’s Weakness”) đã bị bóp méo đi nhiều; chẳng hạn ở bài thứ hai, ban biên tập tờ “Tribune” đã đưa vào cả một đoạn tăng bốc những tư tưởng đại Xla-vơ của A.Gu-rốp-xki, một trong những cộng tác viên của báo. - 253.

131 *Đại hội Xla-vơ* họp ngày 2 tháng Sáu 1848 ở Pra-ha, đại hội đã thể hiện cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng trong phong trào dân tộc của các dân tộc Xla-vơ bị đế chế Háp-xbuốc áp bức. Khuynh hướng ôn hòa - tự do chủ nghĩa hữu khuynh trong đó có những người lãnh đạo đại hội (Pa-lát-xki, Sa-pha-rích), mưu toan giải quyết vấn đề dân tộc bằng con đường duy trì và củng cố chế độ Quân chủ Háp-xbuốc. Khuynh hướng dân chủ tả khuynh (Xa-bi-na, Phri-sơ, Li-ben-tơ, v.v..) kiên quyết chống lại khuynh hướng trên và cố gắng phối hợp hành động với các lực lượng dân chủ cách mạng ở Đức và Hung-ga-ri. Một bộ phận đại biểu đại hội thuộc phái cấp tiến tích cực tham gia cuộc khởi nghĩa Pra-ha tháng Sáu 1848 đã bị đàn áp dã man. Một số đại biểu của phái ôn hòa - tự do chủ nghĩa còn lại ở Pra-ha ngày 16 tháng Sáu đã tuyên bố hoãn vô thời hạn các phiên họp của đại hội. - 257.

132 Năm 1804 ở Xéc-bi đã xảy ra một cuộc khởi nghĩa nhân dân, cuộc khởi nghĩa này là cái mốc quan trọng nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc nhiều thế kỷ của nhân dân Xéc-bi chống lại quyền bá chủ của bọn phong kiến Thổ Nhĩ Kỳ. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa là vụ thảm sát người Xéc-bi do bọn thị vệ binh Thổ Nhĩ Kỳ gây ra. Tháng Hai 1804 đông đảo quần chúng nhân dân Xéc-bi đứng đầu là Ghê-oóc-ghi Pê-tơ-rô-vích (Ghê-oóc-ghi Đen), đại biểu giai cấp tư sản nông nghiệp, trước kia là nghĩa quân du kích, đã đứng lên đấu tranh chống lại bọn xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ. Những hoạt động thắng lợi của quân đội Nga ở Ban-căng trong thời gian cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1806 - 1812 là sự ủng hộ quan trọng cho phong trào của người Xéc-bi. Trong thời gian cuộc chiến tranh này, sau khi đánh đuổi được quân xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ năm 1811, người Xéc-bi đã xây dựng được bộ máy quản lý nhà nước của mình. Theo Hiệp ước Bu-ca-rét năm 1812 Thổ Nhĩ Kỳ phải để cho Xéc-bi có quyền tự trị trong các công việc quản lý nội bộ. Tuy nhiên, lợi dụng cuộc xâm lược của quân đội Na-pô-lê-ông vào nước Nga, vua Thổ Nhĩ Kỳ đã xé bỏ hiệp ước, năm 1813 đã tổ chức cuộc hành quân trừng phạt vào Xéc-bi và phục hồi lại ách thống trị của mình ở đây một thời gian. Nhờ cuộc khởi nghĩa mới của người Xéc-bi lại thắng lợi năm 1815 cũng như nhờ sự ủng hộ về mặt ngoại giao của Nga, ách thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ đã bị lật đổ, và sau cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829 bằng một sắc lệnh đặc biệt của quốc vương năm 1830, Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải công nhận quyền tự trị nền độc lập thực sự của Xéc-bi. - 258.

133 Đây là nói về việc nước Nga Nga hoàng đàn áp cuộc cách mạng Hung-ga-ri năm 1849. - 259.

134 Trong trường hợp này Ăng-ghe-nh có ý nói đến nhà triết học duy tâm Đức Bru-nô Bau-ơ, người về thực chất đã phát triển các tư tưởng đại Xla-vơ trong một loạt cuốn sách nhỏ của mình: “Nước Nga và nước Đức” (1853), “Nước Nga và nước Anh” (1854) và các cuốn khác. - 261.

135 Năm 1797 Chính phủ Anh đã ban hành một đạo luật đặc biệt về hạn chế ngân hàng, quy định tỷ giá bắt buộc của giấy bạc và hủy bỏ việc đổi giấy bạc

- lấy vàng. Mãi đến năm 1819 việc đổi giấy bạc lấy vàng mới được phục hồi. - 262.
- 136 A.Haxthausen. “Studien über die innern Zustände, das Volksleben und insbesondere die ländlichen Einrichtungen Russlands”. Dritter Teil, Berlin, 1852, S.526 (A.Hắc-xơ-hau-den. “Nghiên cứu những mối quan hệ bên trong của đời sống dân tộc và đặc biệt là của các cơ sở nông nghiệp Nga”. Phần thứ ba, Béc-lin, 1852, trang 526). - 263.
- 137 *Hội cải cách hành chính* được thành lập tháng Năm 1855 ở Luân Đôn theo sáng kiến của các thủ lĩnh giới tự do chủ nghĩa trong giai cấp tư sản thương nghiệp tài chính (“giới kinh doanh” Xi-ti). Lợi dụng sự bất bình trong nước ngày càng tăng do ảnh hưởng của những thông tin báo chí và thông tin của ủy ban điều tra nghị viện về những thiệt hại của quân đội Anh ở Crum, Hội cải cách hành chính hy vọng dùng các cuộc mít-tinh quần chúng để gây áp lực với nghị viện và tạo điều kiện rộng rãi hơn cho các đại biểu của giai cấp tư sản thương nghiệp - tài chính chiếm lĩnh các chức vị nhà nước hiện đang nằm trong tay giới quý tộc Anh. Các thủ lĩnh của Hội mưu toan thỏa thuận với phái Hiến chương và bằng cách ấy chuẩn bị trước cho mình sự ủng hộ của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh chống tập đoàn thống trị, nhưng mưu toan đã không thành. Trong những cuộc mít-tinh do Hội này tổ chức và cả trong các cuộc mít-tinh do mình tổ chức, để đối lập với những yêu cầu có tính chất tư sản ôn hòa về cải cách hành chính, phái Hiến chương đã đưa ra yêu cầu cải cách nghị viện trên cơ sở Hiến chương nhân dân (xem chú thích 73). Cuộc cô đọng của Hội cải cách hành chính không thu được kết quả và chẳng bao lâu Hội đã chấm dứt sự tồn tại của mình. Những chi tiết tỉ mỉ hơn về Hội và về thái độ của phái Hiến chương đối với nó xin xem tập này, tr. 291 - 295, 309 - 311, 346 - 350. - 263.
- 138 - Mác có ý nói đến tiểu thuyết trào phúng của nhà văn Đức Thế kỷ XVIII - Vi-lăng “Người Áp-đe-rơ”, trong đó kể lại rằng do những vụ cãi cọ vì những chuyện tầm phào, dân chúng thành phố Áp-đe-rơ cổ kính của người Phrắc-ki đã chia ra làm hai phe như thế nào, cuộc đấu tranh giữa các phe suýt làm cho thành phố bị hủy diệt ra sao. Cuốn tiểu thuyết được xuất bản lần đầu vào năm 1776 ở Vây-mác. - 264.
- 139 - *Cuộc chiến tranh ba mươi năm* 1618 - 1648 - cuộc chiến tranh toàn châu Âu, nảy sinh do cuộc đấu tranh giữa các tín đồ đạo Tin lành với đạo Thiên chúa. Chiến tranh bắt đầu bằng cuộc khởi nghĩa ở Séc chống lại ách thống trị của nền Quân chủ Háp-xbuốc và cuộc tấn công của thế lực phản động Thiên chúa giáo. Cuộc chiến tranh này đã biến thành cuộc chiến tranh giữa phe Thiên chúa giáo phong kiến (giáo hoàng, dòng họ Háp-xbuốc ở Tây Ban Nha và ở Áo, các công tước theo đạo Thiên chúa ở Đức) và các nước theo đạo Tin lành (Séc, Đan Mạch, Thụy Điển, Hà Lan tư sản và một số quốc gia Đức chấp nhận cải cách tôn giáo), được các vua Pháp là những người chống đối dòng họ Háp-xbuốc ủng hộ. Nước Đức trở thành vũ đài chính của cuộc đấu tranh này, là đối

- tượng cướp bóc của chiến tranh, và là đối tượng của những tham vọng xâm lược của các bên tham chiến. Vào thời kỳ đầu cuộc chiến tranh mang tính chất chống lại các lực lượng phản động của châu Âu chuyên chế phong kiến, nhưng đặc biệt là từ năm 1635 nó đã biến thành một loạt cuộc xâm lăng của những kẻ xâm lược ngoại bang kinh địch nhau vào nước Đức. Cuộc chiến tranh chấm dứt năm 1648 bằng việc ký kết Hòa ước Ve-xơ-pha-li ghi nhận tình trạng chia nhỏ về chính trị của nước Đức. - 265.
- 140 Mác muốn nói đến giáo hoàng La Mã Pi IX, người mà năm 1846 - đầu 1848, trong điều kiện phong trào cách mạng lớn mạnh ở I-ta-li-a, đã tiến hành một số cải cách có tính chất ôn hòa - tự do chủ nghĩa ở lãnh địa giáo hoàng vì lợi ích của giới quý tộc và giai cấp tư sản công - thương nghiệp, để qua đó mà ngăn chặn cách mạng nổ ra. - 265.
- 141 Đây là nói đến vai trò của Ô-đi-lông Ba-rô trong bữa tiệc vận động đòi cải cách bầu cử do các đại diện của phái đối lập tư sản và tiểu tư sản tổ chức ngay trước khi nổ ra cuộc Cách mạng tháng hai 1848 ở Pháp. Liên kết với cánh hữu của phe đối lập tư sản, một nhóm nghị sĩ Pháp đứng đầu là Ô-đi-lông Ba-rô (thường gọi là phái đối lập vương triều) đã tham gia tổ chức cuộc vận động này, với ý đồ làm cho toàn bộ phong trào mang tính chất vô hại đối với nền Quân chủ tháng Bảy. Đưa ra yêu sách cải cách bầu cử ôn hòa, phái đối lập vương triều coi đây là phương tiện ngăn ngừa cách mạng và duy trì triều đại Ốc-lê-ăng. - 265.
- 142 Bài báo của Ăng-ghen “Tin từ Xê-va-xtô-pôn” cũng được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 11 tháng Năm 1855 dưới nhan đề “Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn” (Die Belagerung von Sebastopol). Khi đăng bằng tiếng Đức bài báo bị rút ngắn đi nhiều. - 266.
- 143 Đây là nói tới việc đình chỉ tạm thời các phiên họp của Hội nghị Viên do bất đồng giữa các bên tham gia hội đàm ở điểm thứ ba về những điều kiện đưa ra đối với Nga (xem chú thích 108). Nước Nga bác bỏ lời đề nghị của các cường quốc phương Tây đòi hạn chế lực lượng hải quân của Nga ở Hắc Hải, sau sự kiện này ngày 26 tháng Tư 1855 các phiên họp của Hội nghị Viên tạm thời chấm dứt. Phiên họp cuối cùng của Hội nghị diễn ra ngày 4 tháng Sáu 1855. - 266.
- 144 Thông báo này là sai sự thật. Dựa trên cơ sở những tin tức đã được kiểm tra, Ăng-ghen đã viết về điều này trong bài báo “Cuộc chiến tranh Crum” (xem tập này, tr. 300 - 308). Chỉ đến ngày 7 tháng Sáu (26 tháng Năm) 1855 các công sự đã được liệt kê của Nga mới bị quân đồng minh chiếm. - 266.
- 145 Lúc đầu bài báo được viết cho tờ “New - York Daily Tribune” và được đăng trên báo ngày 29 tháng Năm 1855 làm xã luận dưới nhan đề “Cuộc tấn công mới ở Crum” (“The new move in the Crimea”). Trong lần xuất bản này, bài báo được in theo bản đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” bởi vì trong bản tiếng Anh người ta thấy rõ sự xâm phạm của ban biên tập tờ “Tribune”, chẳng hạn ở đây có

- viện dẫn một thống kê khác về số lượng quân đồng minh ở Crum dựa theo tin của phóng viên tờ báo là Pun-xki ở Luân Đôn. - 277.
- 146 - *Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc* do các chủ xưởng ở Man-se-xtơ là Cốp-đen và Brai-tơ thành lập năm 1833. Đưa ra yêu sách đòi hoàn toàn tự do mậu dịch, Đồng minh đã cố tìm cách để hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc (về những đạo luật này xem chú thích 53) với mục đích giảm tiền lương của công nhân và làm suy yếu địa vị kinh tế chính trị của giới quý tộc ruộng đất. Trong cuộc đấu tranh của mình chống lại địa chủ, Đồng minh đã mưu toan lợi dụng quân chúng công nhân. Nhưng vào thời gian này, những công nhân tiến bộ Anh đã bắt đầu đi theo con đường của một phong trào công nhân đang hình thành độc lập về chính trị (phong trào Hiến chương). Sau khi các đạo luật về ngũ cốc năm 1846 bị hủy bỏ, Đồng minh cũng ngừng tồn tại. Việc chính phủ Pin của đảng To-ri hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc do kết quả của cuộc vận động mà Đồng minh tiến hành đã dẫn đến sự chia rẽ trong đảng To-ri và tạo điều kiện dễ dàng hơn cho đảng Vích lên nắm chính quyền năm 1846. - 282.
- 147 Có ý nói đến đạo luật của nghị viện năm 1716 (Septennial Act) tăng thời hạn hoạt động của nghị viện từ 3 đến 7 năm vì lợi ích của tập đoàn thống trị thuộc đảng Vích. - 284.
- 148 Về *trại lao động* xem chú thích 79. - 284.
- 149 Về *cuộc viễn chinh Van-khe-ren* xem chú thích 22. - 287.
- 150 Bài báo này được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” dưới nhan đề “Phong trào phản đối ở ngoài nghị viện” (“Die Aufregung außerhalb des Parlaments”). Lần xuất bản này vẫn giữ lại nhan đề của bản biên tập trong lần xuất bản thứ nhất Toàn tập C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n, tiếng Nga. - 291.
- 151 Đây là nói tới *Ban tổ chức của phái Hiến chương* ở Luân Đôn ra đời vào tháng Hai 1855 do kết quả của cuộc cải tổ “Ủy ban chào mừng và phản đối”. (Ủy ban chào mừng và phản đối được thành lập tháng Mười 1854 theo sáng kiến của E.Giôn-xơ nhằm mục đích tổ chức cuộc gặp mặt trọng thể ở Luân Đôn với Bác-be là người đã từng tham gia cuộc Cách mạng năm 1848 ở Pháp, đã ra tù, cũng như để chuẩn bị cho cuộc biểu tình phản đối việc Na-pô-lê-ông III định đến Luân Đôn trong thời gian này). Ban tổ chức ở Luân Đôn hoạt động cùng với Ban chấp hành trung ương của phái Hiến chương và đặt cho mình nhiệm vụ khôi phục phong trào Hiến chương của quân chúng ở Luân Đôn, đồng thời củng cố sự hợp tác quốc tế của các lực lượng dân chủ. Tham gia Ủy ban có: Giôn-xơ, Ha-ri-xơn, Tay-lo và những người khác; một ủy ban gồm 7 ủy viên do ban tổ chức lựa chọn, thực hiện nhiệm vụ thiết lập các mối liên hệ quốc tế, ủy ban này cùng với các đại diện những người lưu vong Pháp, Đức... ở Luân Đôn tổ chức ra Ủy ban quốc tế. Cuối năm 1855 ban tổ chức ở Luân Đôn chấm dứt sự tồn tại của mình, còn Ủy ban quốc tế thì trở thành một tổ chức

- độc lập. Năm 1856 Ủy ban đổi tên thành Hội liên hiệp quốc tế và tồn tại với cái tên này đến năm 1859. - 293.
- 152 Mác có ý nói tới bài xã luận của báo “People’s Paper” ngày 12 tháng Năm 1855 trong đó vạch trần những âm mưu của Hội cải cách hành chính và ý đồ ve vãn của nó đối với phái Hiến chương. - 295.
- 153 Ở đây và ở dưới nữa Ăng-ghe-nen viện dẫn bài báo của mình “Cuộc tấn công mới ở Crum”, bản tiếng Đức của bài này được dùng làm căn cứ cho bản dịch in trong tập này, tr. 277 - 280. - 300.
- 154 *Trận I-ê-na* giữa quân Phổ và quân Pháp xảy ra ngày 14 tháng Mười 1806 và kết thúc bằng sự thất bại của quân Phổ. - 304.
- 155 *Phố Dao-ninh* - đường phố ở trung tâm Luân Đôn, tại đây có trụ sở chính thức của chính phủ. - 309.
- 156 Có ý nói đến cuốn sách mỏng khuyết danh “The City or the Physiology of London Business; with Sketches on’ Change and at the Coffee Houses”, London, 1845 (“Khu Xi-ti, hay là sinh lý của giới kinh doanh ở Luân Đôn, kèm theo những bình luận ngắn về sở giao dịch và các quán cà phê”, Luân Đôn, 1845). Mác trích dẫn cuốn sách này trong tập III bộ “Tur bản”. - 311.
- 157 Trên tờ “Moniteur” ngày 11 tháng Tư 1855 có đăng bài xã luận “Cuộc viễn chinh phương Đông” trong đó người ta đã nêu lên những chi thị của Na-pô-lê-ông III cho nguyên soái Xanh-Ác-nô. Bài xã luận này đã được Ăng-ghe-nen phân tích cặn kẽ trong bài “Phê phán bài báo của Na-pô-lê-ông trên tờ “Moniteur” (xem tập này, tr. 242 - 247). - 312.
- 158 Cuộc viễn chinh thất bại của quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của Ê-xpi-nắc ở Đô-brút-gia đã xảy ra vào tháng Bảy 1854, cuộc viễn chinh này đã khiến cho một số lớn binh lính chết vì bệnh dịch tả và các bệnh khác. - 313.
- 159 Đêm mùng 1 rạng ngày 2 tháng Chạp 1851 một tiểu đoàn trong trung đoàn do Ê-xpi-nắc chỉ huy được giao nhiệm vụ bảo vệ Quốc hội; Ê-xpi-nắc bị bọn Bô-na-pác-tơ mua chuộc, ngày 2 tháng Chạp đã cho quân của mình chiếm giữ tòa nhà họp Quốc hội, bằng cách này đã góp phần vào thắng lợi cuộc đảo chính của Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 314.
- 160 Có ý nói tới tuyên bố của Đê-xra-e-li tại phiên họp hạ nghị viện ngày 22 tháng Năm 1855, rằng trong những ngày tới ông ta sẽ đưa ra thảo luận ở nghị viện một bản dự thảo thông điệp gửi cho nữ hoàng, trong đó bày tỏ sự bất bình với chính sách dao động của Pan-mớc-xton về vấn đề chiến tranh và hòa bình. Đề nghị này đã được đưa ra ngày 24 tháng Năm 1855 và gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi tại nghị viện; những cuộc tranh luận này đã được Mác phân tích trong một loạt bài viết của mình (xem tập này, tr. 328 - 341, 353 - 356, 366 - 369). - 315.
- 161 Phần nói đến những sự kiện gần đây ở Crum trong bài báo này (trước đoạn nói đến hoàn cảnh bổ nhiệm Pê-li-xi-ê) là bản dịch bài báo của Ăng-ghe-nen “Ngài tổng

- chỉ huy mới của Pháp” (“The new French Commander”), đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 12 tháng Sáu 1855 với tư cách là xã luận. - 317.
- 162 Các phiên họp hạ nghị viện từ năm 1547 diễn ra trong hội trường nhà thờ thánh Xtê-phan (Điện Oét-min-xtơ). - 324.
- 163 Sự phân bố lực lượng giai cấp ở Pháp sau Cách mạng tháng Hai 1848 và sự thất bại của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri đã tạo khả năng cho phái Bô-na-pác-tơ lợi dụng quyền phổ thông đầu phiếu để trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 10 tháng Chạp 1848 đưa Lu-i Bô-na-pác-tơ lên làm tổng thống nước cộng hòa; năm 1851, khi tiến hành cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp, để mị dân, Lu-i Bô-na-pác-tơ sử dụng khẩu hiệu khôi phục quyền phổ thông đầu phiếu đã bị Quốc hội lập pháp của Pháp hủy bỏ ngày 31 tháng Năm 1850. Những sự kiện này được Mác phân tích trong các tác phẩm của ông “Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.7) và “Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.8). - 348.
- 164 Năm 1842 phái cấp tiến cũng như phái mật dịch tự do theo chủ nghĩa tự do của giai cấp tư sản đã tiến hành một loạt mưu toan bắt phong trào công nhân phải chịu ảnh hưởng của mình và lợi dụng họ để cổ động cho việc hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc và cho những cải cách tư sản. Họ đưa ra đòi hỏi lập lờ, cho phép giải thích khác nhau, về cái gọi là “quyền bầu cử đầy đủ” nhằm làm cho công nhân xao lãng cuộc đấu tranh cho việc thực hiện cương lĩnh chính trị và xã hội của phái Hiến chương. Dựa vào một số lãnh tụ có tư tưởng thỏa hiệp của phái Hiến chương (Lô-vét...), phái cấp tiến tư sản đã triệu tập được hai hội nghị đại biểu giai cấp tư sản và phái Hiến chương ở Bớc-minh-hêm năm 1842, tại đó họ đã nêu lên vấn đề phối hợp cổ động cho cải cách bầu cử. Nhưng đề nghị đòi thay thế Hiến chương nhân dân bằng “đạo luật” mới “về các quyền” và bằng yêu sách đòi “quyền bầu cử đầy đủ” đã bị đa số trong hội nghị thuộc phái Hiến chương kiên quyết bác bỏ. Từ đó Hiến chương đã đặc biệt trở thành đòi hỏi của đông đảo quần chúng nhân dân. - 349.
- 165 Có ý nói tới các tác phẩm của Tô-mát Hốp-xơ do Môn-xơ-uốt xuất bản trong những năm 1839 - 1845 bằng tiếng Anh gồm 11 tập và bằng tiếng La-tinh gồm 5 tập. - 354.
- 166 Mác có ý nói đến đoạn độc bạch của Hăm-lét (bi kịch của Séch-xpia “Hăm-lét” hồi III, cảnh hai), trong đó Hăm-lét khuyên răn các diễn viên, đòi hỏi khi sắm vai cần tuân thủ ý thức điều độ. - 354.
- 167 - Có ý nói tới cuốn sách: Ch. Babbage. “On the Economy of Machinery and manufactures”. London, 1832 (S. Báp-bít-giơ. “Về bản chất kinh tế của máy móc và công xưởng”. Luân Đôn, 1832). - 354.
- 168 - Ngụ ý nói các tiêu thuyết của Bun-vơ-lít-ton “Nam tước cuối cùng” và “I-u-giu - Adam”. Tiêu thuyết đầu mô tả hình ảnh một trong những người tham gia chủ

- yếu các cuộc tương tàn phong kiến ở Anh vào thế kỷ XV là bá tước Vác-vích, có tục danh là “người tạo lập ra vua”. - 355.
- 169 Những dòng đầu trong đoạn một và đoạn ba của bài báo này, chỗ nói về những tin tức nhận được qua tàu thủy “A-di-a” từ Ha-li-phắc, là do ban biên tập báo thêm vào. 357.
- 170 Bản tóm tắt bài báo này của Ăng-ghe-n, có một số sửa đổi nhỏ về biên tập do Mác thực hiện, được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 15 tháng Sáu 1855 dưới nhan đề “Phê phán những hoạt động chiến tranh ở Crum” (“Kritik der Krimischen Unternehmungen”). Đoạn đầu bài báo trên tờ “New - York Daily Tribune” là do ban biên tập báo bổ sung. - 370.
- 171 Ăng-ghe-n có ý nói đến bài báo của mình “Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn”, bản tiếng Đức của bài này được dùng làm căn cứ cho bản dịch đăng trong tập này (xem tr. 248 - 252). - 371.
- 172 “Le Constitutionnel” (“Người lập hiến”) - nhật báo tư sản Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1815 đến năm 1870; trong những năm 40, là cơ quan ngôn luận của cánh ôn hòa thuộc phái Oóc-lê-ăng; trong thời kỳ cách mạng 1848 tờ báo này đã phản ánh những quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng tụ tập xung quanh Chi-e; sau cuộc đảo chính tháng Chạp 1851 là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ. - 377.
- 173 Đây là nói về việc thủ tiêu nền Cộng hòa La Mã và phục hồi quyền lực thế tục của giáo hoàng vào tháng Bảy 1849 do kết quả cuộc can thiệp được tiến hành theo quyết định của Chính phủ Pháp. Lu-i Bô-na-pác-tơ với cương vị tổng thống nền Cộng hòa Pháp là một trong những người tổ chức cuộc can thiệp này. - 377.
- 174 *Hòa ước Tin-dít* - các bản hòa ước được ký kết vào ngày 7 và 9 tháng Bảy 1807 giữa nước Pháp Na-pô-lê-ông và hai nước tham gia liên minh lần thứ tư chống Pháp là Nga và Phổ bị thất bại trong cuộc chiến tranh. Điều kiện hòa ước cực kỳ bất lợi đối với Phổ là nước bị mất phần lớn lãnh thổ của mình (trong đó có toàn bộ lãnh địa phía tây sông En-bơ). Nước Nga không bị mất phần lãnh thổ nào mà thậm chí lại được vùng Bê-lô-xtốc tách ra từ Phổ. Nhưng A-lếch-xan-đơ I phải thừa nhận những vùng chiếm đóng của Pháp ở Đức và những thay đổi về lãnh thổ do Na-pô-lê-ông tiến hành ở đó, cũng như chủ quyền của Na-pô-lê-ông đối với quần đảo I-ô-niêng, phải đồng ý cho thành lập Công quốc Vác-sa-va, căn cứ quân sự của Pháp ở biên giới Nga, và phải tham gia phong tỏa Anh (còn gọi là cuộc phong tỏa của lục địa). - 380.
- 175 Có ý nói tới hiệp ước liên minh giữa Áo và Phổ ngày 20 tháng Tư 1854, theo đó hai nước cam kết cùng nhau chống lại Nga trong trường hợp Nga từ chối không chịu rút khỏi Các công quốc vùng Đa-nuýp hoặc Nga tiếp tục tiến quân trên vùng Ban-căng. - 383.
- 176 Lower Empire (từ tiếng Pháp Bas - Empire) - tên gọi dùng trong sách báo lịch

- sử để gọi đế quốc Bi-dăng-xơ; đã trở thành danh từ chung để chỉ các quốc gia đang trong thời kỳ suy tàn và tan rã. - 383.
- 177 Bức thư của S. Nây-pia được đăng trên báo “Morning Advertiser” ngày 15 tháng Sáu 1855. - 385.
- 178 Không tìm thấy bài báo Mác hện viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung”. - 387.
- 179 *Tờ-ri-ni-ti-hau-xơ* - tòa nhà ở Luân Đôn, nơi đặt trụ sở ban lãnh đạo nghiệp đoàn hoa tiêu Anh được thành lập vào cuối thế kỷ XVI với mục đích xúc tiến thương mại và hàng hải. - 387.
- 180 “*Reynold’s Newspaper*” (“Báo Rây-nôn”) - tuần báo Anh theo khuynh hướng cấp tiến; do Rây-nôn xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1850; đầu những năm 50 ủng hộ phái Hiến chương. - 393.
- 181 Pradt. “Du congrés de Vienne”. Paris, 1815, t.I.,p.262. - 396.
- 182 Knesbeck. “Denkschrift betreffend die Gleichgewichtslage Europás beim Zusammentritte des Wiener Congresses verfaßt”. Berlin, 1854, S. 11 - 14. - 397.
- 183 Có lẽ muốn nói tới cuốn sách: A.G. Dunlop. “Cossack Rule and Russian Influence in Europe and over Germany”. London, 1855 (A.G. Đan-lốp. “Sự thống trị của người Cô-dắc và ảnh hưởng của Nga ở châu Âu và đối với Đức”. Luân Đôn, 1855). - 400.
- 184 Phần đầu bài báo của Mác (thông báo về việc chiếm Xê-va-xtô-pôn) được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” dưới dạng một bản tin riêng với sự bổ sung thích hợp của ban biên tập báo. Phần này của bài báo được in bằng tiếng Nga lần đầu. - 408.
- 185 “*Xôm-nam-bu-la*” - vở ca kịch của nhà soạn nhạc I-ta-li-a Vin-chen-xô Ben-li-ni. - 408.
- 186 “*God save the Queen*” (“Lạy chúa, hãy cứu lấy nữ vương”) - quốc ca Anh.
 “*Rule Britannia*” (“Nước Anh hãy cai quản”) - bài hát ca ngợi dân tộc Anh.
 “*Partant pour la Syrie*” (“Tiến sang Xi-ri”) - bài ca chính thức được cử hành trong các tiết lễ của Na-pô-lê-ông vào thời kỳ Đế chế thứ hai. - 408.
- 187 Trong buổi duyệt binh do Na-pô-lê-ông III tổ chức ở Bu-lô-nhơ vào cuối tháng Chín 1854, ông ta đã tuyên bố về việc quân đồng minh chiếm Xê-va-xtô-pôn dựa trên cơ sở những tin đồn sai. - 409.
- 188 “*Người tàn tật Nga*” - Cơ quan ngôn luận của Bộ chiến tranh, xuất bản ở Xanh Pê-téc-bua từ năm 1813 đến năm 1917, từ năm 1816 ra hàng ngày.
 Thông báo về sự kiện ở Gan-ghê được đăng trên báo này số ra ngày 1 tháng Sáu 1855. (Đây là nói về trận tấn công tháng Năm 1855 vào đội thủy thủ một chiếc thuyền của một chiến hạm Anh đã đổ bộ lên đảo Gan-ghê mà đội phòng vệ Nga cho là đội trinh sát). - 410.
- 189 Trong trận Oa-téc-lô ngày 18 tháng Sáu 1815 (Bi), quân đội Na-pô-lê-ông I đã bị

- liên quân Anh - Hà Lan dưới sự chỉ huy của Oen-linh-ton và quân đội Phổ dưới sự chỉ huy của Bluy-khơ đánh tan. - 413.
- 190 Mác ngụ ý nói đến câu nói phổ biến ở Anh: “It’s Hamlet without the Prince” (“Đó là Hăm-lét không có Hăm-lét”) tức là thiếu cái chính trong một vấn đề nào đó. - 413.
- 191 “*The Globe*” - tên gọi tắt tờ nhật báo Anh “The Globe and Traveller” (“Trái đất và nhà du hành”) xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803; cơ quan ngôn luận của đảng Vích, trong thời kỳ đảng này cầm quyền, là tờ báo của chính phủ, từ năm 1866 là cơ quan ngôn luận của đảng bảo thủ. - 414.
- 192 Ở đây và ở bên trên trong cùng đoạn này, Mác viện dẫn bài “Phê phán những hoạt động chiến tranh ở Crum”, bản tiếng Anh của bài này được dùng làm căn cứ cho bản dịch đăng trong tập này (xem tr. 370 - 376), và cả bài “Màn đầu hài kịch diễn ở dinh huân tước Pan-móc-xton. - Diễn biến của những sự kiện gần đây ở Crum” (xem tr. 317 - 321). - 414.
- 193 Về *Hiệp ước Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi* xem chú thích 61.
 Hiệp nghị về Đác-đa-nen - có ý nói đến *Công ước Luân Đôn* về các eo biển, được ký kết ngày 13 tháng Bảy 1841, giữa một bên là Nga, Anh, Pháp, Áo, Phổ và bên kia là Thổ Nhĩ Kỳ. Hiệp nghị quy định rằng trong thời bình, eo Bô-xpho và Đác-đa-nen sẽ đóng cửa đối với các tàu chiến của tất cả các cường quốc. Hiệp nghị không đã động gì tới quy chế của các eo biển trong thời chiến do đó về mặt hình thức đã thừa nhận quyền của Thổ Nhĩ Kỳ trong trường hợp này có thể tự quyết định vấn đề cho phép các tàu chiến của các nước khác đi qua. - 417.
- 194 *Giáo hội thượng đẳng* - một khuynh hướng trong giáo hội Anh có những tín đồ chủ yếu là trong tầng lớp quý tộc; duy trì những nghi lễ cổ sang trọng, nhấn mạnh mối quan hệ lưu truyền với Thiên chúa giáo.
 Giáo hội hạ đẳng - một khuynh hướng khác trong giáo hội Anh, phổ biến chủ yếu trong giới tư sản và tầng lữ lớp dưới; ngược lại với giáo hội thượng đẳng, khuynh hướng này đặc biệt chú ý tới việc thuyết giáo đạo lý Cơ đốc tư sản.
 Các tín đồ phi quốc giáo - đại biểu các giáo phái và các trào lưu tôn giáo ở mức độ này hay mức độ khác từ bỏ những tín điều của giáo hội quan phương. - 419.
- 195 Theo thể thức đã được nghị viện Anh thông qua, khi thảo luận những vấn đề quan trọng, hạ nghị viện tự tuyên bố họp đầy đủ thành phần với tư cách một ủy ban (Committee of the whole House); thi hành chức trách chủ tọa (Chairman of Committees) trong các cuộc họp như thế là một trong những người thuộc danh sách chủ tịch, do Chủ tịch hạ nghị viện bổ nhiệm riêng để tiến hành cuộc họp đó. - 420.
- 196 Có ý nói đến Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc được thành lập vào

tháng Bảy 1840 ở Luân Đôn. Hội là đảng công nhân có tính chất quần chúng đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân; trong những năm cao trào Hiến chương, số thành viên lên tới 40 nghìn người. Hoạt động của Hội thể hiện sự thiếu thống nhất về tư tưởng và sách lược giữa các hội viên và tư tưởng tiêu cực của phần đông các lãnh tụ phái Hiến chương. Sau khi phong trào Hiến chương bị thất bại năm 1848, đầu những năm 50 các đại biểu tiên tiến của phong trào Hiến chương cách mạng ái mộ chủ nghĩa cộng sản khoa học trước tiên là E.Giôn-xơ, đã cố gắng tổ chức lại phong trào Hiến chương trên cơ sở xã hội chủ nghĩa. Điều này được phản ánh trong cương lĩnh do hội nghị của phái Hiến chương thông qua năm 1851. Năm 1855 trong hoàn cảnh trong nước có sự bất bình rộng rãi đối với chính sách của tập đoàn cầm quyền, những người cách mạng trong phái Hiến chương lại tìm cách khôi phục phong trào quần chúng đòi thực hiện Hiến chương nhân dân (xem chú thích 73) và lại một lần nữa đưa ra khẩu hiệu tổ chức lại phong trào Hiến chương, cũng cố về mặt tổ chức Hội Hiến chương. Mùa hè năm 1855 đã tiến hành bầu cử hàng loạt ủy ban địa phương của phái Hiến chương và đến tháng Tám đã tiến hành bầu cử Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc có E.Giôn-xơ, Rô-bin-xơn và Phin-len tham gia.

Vào nửa cuối những năm 50 việc tăng cường các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân Anh, do địa vị độc quyền của Anh trên thị trường thế giới và do giai cấp tư sản mua chuộc tầng lớp trên trong giai cấp công nhân, đã làm cho phong trào Hiến chương tan rã và Hội Hiến chương toàn quốc trên thực tế ngừng hoạt động. - 423.

197 Xem chú thích 33. - 430.

198 Bản tóm tắt bài báo này của Ăng-ghen được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 2 tháng Bảy 1855 dưới nhan đề “Về các sự kiện ở Crum” (“Über die Ereignisse in der Krim”). Trong đoạn đầu của bài báo trên tờ “New York Daily Tribune” người ta thấy rõ sự xâm phạm của ban biên tập báo. - 432.

199 Phần dành nói về những sự kiện quân sự của bài báo này cũng như bài báo đăng dưới đây “Về trận tấn công ngày 18 tháng Sáu” (xem tập này, tr. 453 - 456) là bản dịch bài của Ăng-ghen “Thất bại vừa qua của quân đồng minh” (“The late repulse of the Allies”) viết cho tờ “New York Daily Tribune” và được đăng làm xã luận trên tờ báo này ngày 21 tháng Bảy 1855. - 449.

200 *Pen-men* - đường phố ở Luân Đôn, nơi có một loạt câu lạc bộ của giới quý tộc. - 449.

201 *Treadmill* - bánh xe nặng nhiều nấc do người vận hành. Các tù nhân trong nhà tù Anh bị phạt bằng cách buộc phải quay bánh xe ấy. - 450.

202 *Court of Chancery* (tòa đại pháp) - một trong những tòa án cấp cao ở Anh, sau cuộc cải cách tòa án năm 1873 là phân ban của Tòa án tối cao. Thẩm quyền của tòa án này là những vụ việc liên quan đến quyền thừa hưởng gia sản, những

cam kết, những công ty cổ phần v.v.. Tòa này do đại pháp quan đứng đầu. Tòa đại pháp nổi tiếng về thói hạch sách và quan liêu giấy tờ khi xét xử. - 462.

203 *Committee of Supply* (ủy ban cấp kinh phí) - theo thể thức được thừa nhận trong hoạt động thực tiễn của nghị viện Anh, khi thảo luận một số vấn đề quan trọng liên quan đến việc thanh toán những khoản chi của nhà nước, hạ nghị viện tự tuyên bố hợp với tư cách một ủy ban về cấp phát tiền cho quốc vương. Đây là một trong những trường hợp nghị viện hợp toàn thể với tư cách một ủy ban (xem chú thích 195). - 462.

204 Phần thứ hai của bài báo này đề cập đến các sự kiện ở Crum là một dị bản bài của Ăng-ghen “Sai lầm nghiêm trọng ở Crum” (“The great Crimean blunder”) đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 27 tháng Bảy 1855 với tư cách là bài xã luận. Khi công bố bài này trên tờ “Neue Oder - Zeitung” Mác đã bỏ đi một số chi tiết. - 466.

205 Đan-tơ. “Thần khúc”, phần một, “Địa ngục”, ca khúc thứ ba. - 475.

206 *Vấn đề tiên quyết* (previous question) - thể thức trong hoạt động thực tiễn của nghị viện Anh, thường được áp dụng trong những trường hợp muốn lảng tránh việc ra quyết định về một vấn đề nào đó. Trong tiến trình thảo luận một đề nghị nào đó, người ta đưa ra biểu quyết “vấn đề tiên quyết”: “có nên tiến hành biểu quyết ngay bây giờ vấn đề này” (“that this question be now put”) hay không. Nếu nghị viện phủ quyết thì việc xem xét vấn đề cơ bản bị hoãn lại. Nếu nghị viện đồng ý thì tiến hành biểu quyết ngay lập tức, không phải tranh luận gì thêm. - 475.

207 *Impeachment* - việc hạ nghị viện khởi tố trước tòa án của thượng nghị viện để kết án những bộ trưởng hay những nghị sĩ nào đó có những hành động vi phạm pháp luật. Tục lệ này đảm bảo cho hạ nghị viện quyền kiểm tra hoạt động của các bộ trưởng và thường được áp dụng trong các thế kỷ XVII - XVIII, trên thực tế ngừng tồn tại trong hoạt động của nghị viện vào thế kỷ XIX. - 478.

208 Ngày 27 tháng Sáu 1855 giữa Anh, Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ đã ký kết một hiệp định về việc Chính phủ Anh và Pháp bảo đảm cho Thổ Nhĩ Kỳ vay 5 triệu pao xtéc-ling. Vì vậy tháng Bảy 1855 Chính phủ Anh đã đưa ra hạ nghị viện một dự luật đảm bảo khoản vay cho Thổ Nhĩ Kỳ, dự luật này bị số đông nghị sĩ phản đối. Do kết quả các cuộc thảo luận, dự luật được thông qua bằng một đa số phiếu không đáng kể và tháng Tám được quốc vương phê chuẩn. - 489.

209 Học thuyết thực dân hóa của Uây-cơ-phin sau này được Mác phê phán ở chương 25, tập I, bộ “*Tư bản*”. - 491.

210 Mác đã sử dụng những tư liệu của ủy ban nghị viện nói trên trong chú thích 51 của chương 4, tập I bộ “*Tư bản*”. - 491.

211 “Reports of the Inspectors of Factories to Her Majesty’s Principal Secretary of State for the Home Department, for the Half Year ending 30 th April 1855”. London, 1855 (“Những báo cáo của các thanh tra công xưởng gửi bộ trưởng Bộ nội vụ

- trong nửa năm, cho tới ngày 30 tháng Tư 1855”. Luân Đôn, 1855). Báo cáo này Mác sử dụng trong chú thích 32a của chương 7, tập I, bộ “Tư bản”. - 491.
- 212 Bản tóm tắt tiểu phẩm của C.Mác “Huân tước Giôn Rốt-xen” được đăng với cùng nhan đề này trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 28 tháng Tám 1855. - 495.
- 213 “A Letter from the Right Honourable Edmund Burke to a Noble Lord on the Attacks made upon him and his Pension, in the House of Lords, by the Duke of Bedford and the Earl of Lauderdale, Early in the present Sessions of Parliament”. London, 1796, p.37 (“Thư của Êt-mun Biéc-cơ tôn kính gửi cho huân tước cao cả về những trách cứ của công tước Bét-phốt và bá tước Lô-đéc-đan đối với ông ta và việc trợ cấp cho ông ta tại thượng nghị viện vào đầu kỳ họp hiện nay của nghị viện” Luân Đôn, 1796, tr. 37). - 497.
- 214 Mác liệt kê những cuốn sách của Rốt-xen: “Don Carlos, or Persecution”. London, 1822. “An Essay on the History of the English government and Constitution, from the Reign of Henry VII to the Present Time”. London, 1821. “Memoirs of the Affairs of Europe from the Peace of Utrecht”. Vol. 1-2 London, 1824 - 1829. - 498.
- 215 J.A. Roebuck. “History of the Whig Ministry of 1830, to the Passing of the Reform Bill”. Vol.2. London, 1852, p.67 (Gi. A. Rô-bác. “Lịch sử nội các đảng Vích năm 1830 trước khi thông qua luật cải cách”. T.2. Luân Đôn, 1852, tr.67). - 499.
- 216 Năm 1819 sau cuộc tàn sát đẫm máu những công nhân hợp mít-tinh gần Man-se-xơ đề thảo luận đơn thỉnh nguyện về quyền bầu cử phổ thông, theo đề nghị của huân tước Ca-xlê-ri, nghị viện Anh đã thông qua 6 điều luật phân động (“các đạo luật bịt mồm”) thủ tiêu quyền bất khả xâm phạm về cá nhân, quyền tự do báo chí và tự do hội họp. - 502.
- 217 *Cô-pi-hôn-dơ* - một trong các loại nông dân ở Anh - là những người sở hữu ruộng đất theo bản sao (theo bản trích lục biên bản) dựa trên điều kiện trả địa tô phong kiến cho bọn đại địa chủ.
- Li-dơ-hôn-dơ* - những người sở hữu ruộng đất trên cơ sở lĩnh canh, thời hạn và điều kiện lĩnh canh được quy định bởi hợp đồng giữa địa chủ với tá điền. - 502.
- 218 Đây là nói về phong trào tự phát của những cố nông ở một loạt tỉnh miền Nam và Đông - Nam nước Anh vào cuối năm 1830 - đầu năm 1831 do sự bản cùng vì tình trạng thất nghiệp ngày càng tăng trong tầng lớp cố nông vì cuộc khủng hoảng kinh tế và vì bọn phéc-mi-ê sử dụng máy tuốt lúa cơ khí. Phong trào có tên là “xuynh” (“từ tiếng Anh” swing) có nghĩa là phần đập của tay đòn.
- Những cố nông khởi nghĩa và những tá điền nghèo khổ nhất liên kết với họ đã đốt cháy các ấp trại, các đồng rơm và các nhà kho của bọn địa chủ và bọn phéc-mi-ê, phá hủy các máy tuốt lúa của chúng. Những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ đó của giai cấp vô sản nông nghiệp đã bị lực lượng võ trang đàn áp dã man theo lệnh của chính phủ đảng Vích của huân tước Grây. - 503.

- 219 *Phri-hôn-dơ* - một hạng địa chủ nhỏ ở Anh, có nguồn gốc từ những người sở hữu tự do thời trung thế kỷ. - 504.
- 220 Theo truyền thống nghị viện Anh, chủ tịch thượng nghị viện được dành cho một chỗ ngồi đặc biệt, *túi lông cừu*, xưa kia là cái tượng trưng cho nguồn của cải quốc dân chủ yếu của nước Anh. - 505.
- 221 Về *Hiệp ước Li-sphin-hau-xơ* xem chú thích 93. - 511.
- 222 *Habeas Corpus Act* - đạo luật năm 1679 quy định thể thức trong hoạt động tư pháp ở Anh, theo thể thức này thì người bị bắt có thể đòi ban bỏ lệnh Habeas corpus về việc đưa anh ta ra tòa để kiểm tra việc bắt giữ có hợp pháp không. Sau khi xem xét nguyên nhân việc bắt giữ, tòa án có thể hoặc là thả người bị bắt ra, hoặc là đưa anh ta trở lại nhà tù, hoặc là cho anh ta tự do dưới dạng ký quỹ hay bảo lãnh. Hiệu lực của Habeas Corpus Act không có tác dụng đối với những vụ buộc tội phản quốc và có thể bị nghị viện quyết định tạm đình chỉ. Chính phủ Anh thường hay dùng đến biện pháp này ở Ai-rơ-len. - 513.
- 223 *Corporation Act* (Pháp lệnh về các nhà đương cục thị chính) được nghị viện Anh thông qua năm 1661, đòi hỏi những người giữ các chức vụ dân cử (chủ yếu muốn nói đến những cơ quan quản lý thành phố) phải thừa nhận những giáo lý của giáo hội Anh.
- Test Act* (pháp lệnh về việc tuyên thệ) năm 1673 đòi hỏi tất cả những người giữ các chức vụ nhà nước cũng phải thừa nhận như vậy.
- Trước kia các đạo luật này nhằm chống lại thể lực phân động Thiên chúa giáo, sau này chúng biến thành công cụ đấu tranh chống lại bất kỳ phái nào đối lập với giáo hội quan phương nước Anh và thành công cụ bảo vệ những đặc quyền của giáo hội này. - 520.
- 224 Ecclesiastical Titles Bill (dự luật về các tước vị trong giáo hội), trở thành luật vào tháng Tám 1851, tuyên bố lệnh của giáo hoàng năm 1850 về việc bổ nhiệm các giám mục và tổng giám mục Thiên chúa giáo ở Anh là vô hiệu lực. - 520.
- 225 Bản tiếng Anh bài báo của Mác (đã được đưa vào Toàn tập C. Mác và Ph.Ăng-ghen xuất bản lần thứ nhất, bằng tiếng Nga) được đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 10 tháng Tám 1855 dưới nhan đề “Hội nghị gần đây ở Bớc-minh-hêm” (“The late Birmingham Conference”). - 525.
- 226 Hội cải cách quốc gia do các đại diện cánh tả, cấp tiến của phái đối lập tự sản thành lập tháng Bảy 1855. Ngược lại với Hội cải cách hành chính (xem chú thích 137). Hội này đưa ra đòi hỏi cải cách nghị viện trên cơ sở quyền bầu cử phổ thông. Những người cấp tiến tự sản cảm thấy Hội cải cách quốc gia muốn đạt được một sự thỏa thuận với phái Hiến chương, đồng thời cũng tính đến việc áp đặt ảnh hưởng tư tưởng và chính trị của mình đối với phong trào công nhân. Các lãnh tụ của phái Hiến chương là E. Giôn-xơ, Phin-len và những người khác lúc đầu đã tham gia Ban chấp hành hội này, thế nhưng do áp lực của đa số phái Hiến chương ý thức được nguy cơ của việc Hội Hiến chương phụ thuộc về mặt tổ chức vào phái cấp tiến tự sản và chống lại việc tham gia vào

tổ chức tư sản đó, chẳng bao lâu họ đã rút khỏi thành phần của Ban chấp hành này. Những dao động của Giôn-xơ, biểu hiện là ông không nhận thức được nguy cơ tồn thất cho đường lối độc lập của giai cấp vô sản về sau đã đưa ông ta tới chỗ xa rời những nguyên tắc cách mạng của phái Hiến chương. - 525.

227 Trong bài báo này Mác đã sử dụng hai báo cáo sau đây về các phiên họp Hội nghị Bóc-minh-hêm tháng Bảy 1855: “Birmingham Conference. Report of Committee on the Proposed Bases of Pacification known as “The Four Points”” London, 1855 (“Hội nghị Bóc-minh-hêm. Báo cáo của ủy ban về cơ sở đã được kiến nghị của giải pháp hòa bình được gọi là “Bốn điểm””, Luân Đôn 1855).

Birmingham Conference. Report of Committee on the Danish Treaty”. London, 1855 (“Hội nghị Bóc-minh-hêm. Báo cáo của Ủy ban về vấn đề hiệp định Đan Mạch”. Luân Đôn, 1855). - 526.

228 Tác phẩm “Các quân đội châu Âu” được Ăng-ghe-n viết theo đề nghị của Mác, tác phẩm này do tờ tạp chí “Putnam’s Monthly” (“Nguyệt san của Pát-nêm”) đặt trước với Mác thông qua tổng biên tập báo “New - York Daily Tribune” là S. Đa-na. Mác đã sưu tập tư liệu ở Viện bảo tàng Anh về quân đội của các nước khác nhau ở châu Âu và đặc biệt là về quân đội Tây Ban Nha và Na-plơ để giúp Ăng-ghe-n viết tác phẩm này. Phần tác phẩm của Ăng-ghe-n nói về quân đội Anh được Mác sao lại thành những bản tin cho báo “Neue Oder - Zeitung”, đăng trên báo trong các ngày 28 tháng Tám, 31 tháng Tám và 1 tháng Chín 1855: “Quân đội Anh” (“Die britische Armee”), “Hình phạt binh lính Anh” (“Züchtigung der Soldaten”), “Binh phục và trang bị của lính Anh” (“Uniformirung und Equipirung des britischen Soldaten”). Trong tập này chỉ đăng bài thứ hai trong các bài kể trên, trong đó Mác đưa vào một loạt những bổ sung của mình và là bài có một ý nghĩa độc lập (xem tr. 658 - 661); toàn văn của hai bài kia trên tờ “Neue Oder - Zeitung” hoàn toàn giống với các bài đăng trên tạp chí Niu Ốc “Putnam’s Monthly”. - 533.

229 *Trại lính ở Bu-lô-nhơ* - căn cứ quân sự do Na-pô-lê-ông I thành lập trong những năm 1803 - 1805 để xâm nhập vào nước Anh qua biển Măng-sơ.

Ở Ô-xtéc-lít ngày 2 tháng Chạp (20 tháng Mười một) 1805 đã xảy ra trận giao chiến giữa một bên là quân đội Nga và quân đội Áo với bên kia là quân đội Pháp, kết thúc bằng thắng lợi của Na-pô-lê-ông I. - 537.

230 Người ta gọi cuộc chiến tranh giữa Anh và Pháp xảy ra trong những năm 1808 - 1814 trên lãnh thổ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ, hay là cuộc Chiến tranh Tây Ban Nha. Đồng thời trên toàn bán đảo cũng diễn ra cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chống lại sự chiếm đóng của Pháp. - 537.

231 Trận giao chiến giữa quân đội Anh và quân đội Mỹ ở Tân Ốc-lê-ăng (Mỹ) xảy ra ngày 8 tháng Giêng 1815. - 537.

232 Đây là nói đến trận Bô-rô-di-nô (gần Mát-xcơ-va) ngày 7 tháng Chín (26 tháng Tám) 1812, trận lớn nhất trong cuộc Chiến tranh vệ quốc năm 1812, trong trận

này quân đội Nga đã thể hiện phẩm chất chiến đấu cao và làm cho quân đội Pháp bị tổn thất nặng nề; kết quả của trận đánh đã chuẩn bị một bước ngoặt có lợi cho Nga trong quá trình chiến tranh và chuẩn bị cho thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông, mặc dù quân đội Nga buộc phải rời bỏ Mát-xcơ-va một cách hợp lý trong hoàn cảnh như thế. - 539.

233 *Cuộc Chiến tranh bảy năm* (1756 - 1763) - cuộc chiến tranh giữa hai khối liên minh các quốc gia châu Âu: một bên là Anh - Phổ và bên kia là Pháp - Nga - Áo. Nguyên nhân chính của cuộc chiến tranh là sự cạnh tranh thương mại và thuộc địa giữa Anh và Pháp và mâu thuẫn giữa chính sách xâm lược của Phổ với lợi ích của Áo, Pháp và Nga. Trong quá trình chiến tranh, quân đội Phổ của Phri-đrich II, từng nhiều lần chiến thắng quân Pháp và quân Áo, đã phải chịu một loạt thất bại nghiêm trọng trong các trận đánh với quân Nga. Kết quả cuộc chiến tranh là đế quốc thuộc địa Anh được tăng cường nhờ chiếm được một số thuộc địa của Pháp. Nước Áo và Phổ về cơ bản vẫn giữ được biên giới trước đây. Uy tín của Nga về quân sự và chính trị ở châu Âu tăng lên một cách đáng kể.

234 Đây là nói về tác phẩm của Ô-clít “Những nguyên lý” (bao gồm 13 quyển), trong đó trình bày những nguyên lý của toán học cổ điển. - 558.

235 Chesney. “Observations on Past and Present State of Fire-Arms” London, 1852 (Séc-xni, “Những ghi chép về hỏa khí, quá khứ và hiện tại của nó”. Luân Đôn, 1852). - 559.

236 H.Douglas. “A Treatise on Naval Gunnery”. London, 1820 (H.Du-glát. “Bàn về pháo binh trên biển”. Luân Đôn, 1820). - 559.

237 Custine. “La Russie en 1839”. T.1 - 4. Paris, 1843 (Cu-xtin-nơ. “Nước Nga năm 1839”. Tập 1 - 4. Pa-ri, 1843). - 584.

238 Giả thuyết sai lầm về cái chết của Tôt-tơ-lê-ben dựa trên thông tin không đúng do các báo ở châu Âu loan truyền. Tôt-tơ-lê-ben bị thương ngày 20 (8) tháng Sáu 1855, ít lâu sau buộc phải rời Xê-va-xtô-pôn và nằm điều trị. - 586.

239 Có ý nói đến quyển sách: G. Cathcart. “Commentaries on the War in Russia and Germany in 1812 and 1813”. London, 1850 (Gi.Cát-các-tơ. “Bình luận về cuộc chiến tranh ở Nga và Đức năm 1812 và 1813”. Luân Đôn, 1850). - 587.

240 Ăng-ghe-n mô tả trận *Sê-ta-te* ngày 6 tháng Giêng 1854 (25 tháng Chạp 1853) và cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri tháng Năm - tháng Sáu 1854 trong các bài báo “Trận chiến đấu gần đây trên chiến trường châu Âu”, “Cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri” và “Chiến tranh ở vùng Đa-nuýp” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.10, tr. 43 - 46, 295-306, 339 - 344). - 587.

241 *Hiệp bang Đức* - liên minh các quốc gia Đức, được thành lập theo quyết định của Hội nghị Viên năm 1815; không có chính phủ trung ương, duy trì 36 quốc gia Đức với chế độ chuyên chế phong kiến - tất cả những điều đó càng củng

- cổ thêm tình trạng phân tán về kinh tế và chính trị của Đức và cản trở sự phát triển tiến bộ của nó. - 592.
- 242 Có ý nói đến cuộc đàn áp dã man năm 1826 của vua Ma-khơ-mút II đối với các vệ binh Thổ Nhĩ Kỳ nổi loạn chống lại các cuộc cải cách trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ được tiến hành với mục đích thay các đơn vị vệ binh phong kiến bằng các binh đội thường trực. - 596.
- 243 Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đã bao vây Viên hai lần: năm 1529 và năm 1683, cả hai lần đều thất bại. - 599.
- 244 *Ac-na-út* - tên gọi bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ chỉ người An-ba-ni. - 599.
- 245 Ăng-ghen đã phân tích tỉ mỉ trận *Ôn-tê-nít-sa* ngày 4 tháng Mười một (23 tháng Mười) 1853 trong bài báo của mình “Chiến tranh trên sông Đa-nuýp” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, tr.9, t.677 - 686). - 602.
- 246 Đây là nói đến hiệp ước quân sự được ký kết ngày 26 tháng Giêng 1855 giữa một bên là Anh và Pháp và bên kia là Vương quốc Xác-đi-ni (Pi-ê-mông). Theo hiệp ước, Xác-đi-ni đảm nhiệm việc cung cấp một quân đoàn gồm 15 000 người trong cuộc chiến tranh chống Nga, còn Anh và Pháp thì đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ của Vương quốc Xác-đi-ni. Giới cầm quyền Xác-đi-ni phải trả giá bằng việc tham gia vào cuộc Chiến tranh Crum để hồng nhận được sự ủng hộ của Na-pô-lê-ông III trong cuộc đấu tranh sau này nhằm sát nhập các lãnh địa I-ta-li-a dưới quyền cai trị của Áo vào Pi-ê-mông. - 604.
- 247 Ăng-ghen trích dẫn cuốn sách xuất bản khuyết danh của C.Suên-han-xơ “Erinnerungen eines österreichischen Veteranen aus dem italienischen Kriege der Jahre 1848 und 1849” Bd.I, S.166,167, 223; Bd.II, S.239, Stuttgart und Tübingen, 1852 (“Hồi ký của một cựu chiến binh Áo về cuộc chiến tranh I-ta-li-a năm 1848 và 1849”. Tập I, tr.166,167, 223, tập II, tr.239, Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1852). - 607.
- 248 Năm 1799 trong thời gian Pháp tiến hành chiến tranh chống liên minh châu Âu, liên minh này có Na-plơ (Vương quốc hai xứ Xi-xin) tham gia, quân đội của vua Na-plơ Phéc-đi-năng IV đã bị quân Pháp đánh tan. Na-plơ bị quân đội Pháp chiếm đóng.
- Tháng bảy 1820 tại Na-plơ, phái cách mạng tư sản - phái Các-bô-na-ri - với sự tham gia của quân đội đã phát động khởi nghĩa chống lại chế độ chuyên chế và đã đạt được việc thực hiện hiến pháp ôn hòa tự do chủ nghĩa. Nhưng năm 1821 theo quyết định của Đại hội Lai-bắc của Liên minh thần thánh, nước Áo đã tiến hành can thiệp chống Na-plơ; quân đội Áo đã đánh bại quân đội Na-plơ và chiếm đóng Na-plơ. Trật tự chuyên chế được phục hồi. - 607.
- 249 Có ý nói đến sự tham gia của Vương quốc Na-plơ tháng Năm - tháng Bảy 1849 vào cuộc can thiệp của Áo và Pháp chống lại Cộng hòa La Mã. Các đội quân cộng hòa dưới sự chỉ huy của Ga-ri-ban-đi đã hai lần thực hiện cuộc tấn công chớp nhoáng và buộc quân đội Na-plơ phải tháo chạy. - 608.

- 250 *Đồng minh đặc biệt* - liên minh riêng rẽ của bảy bang Thiên chúa giáo lạc hậu về kinh tế ở Thụy Sĩ, được ký kết năm 1843 với mục đích chống lại những cải cách tư sản tiến bộ ở Thụy Sĩ và bảo vệ đặc quyền của giáo hội và giáo phái dòng Tên. Quyết nghị của quốc hội Thụy Sĩ vào tháng Bảy 1847 về việc giải tán Đồng minh đặc biệt là lý do khiến đồng minh này mở chiến sự chống lại các bang khác vào đầu tháng Mười một. Ngày 23 tháng Mười một 1847 quân đội của Đồng minh đặc biệt, mà phần lớn là các đội dân binh đã bị quân đội của chính phủ liên bang đánh tan. - 609.
- 251 Có ý nói đến thất bại của quân đội Thụy Sĩ và việc quân đội Pháp chiếm đóng Thụy Sĩ vào mùa xuân năm 1798. - 610.
- 252 *Cuộc chiến tranh ba mươi năm* - xem chú thích 139. - 612.
- 253 Ở dưới Ăng-ghen trích dẫn cuốn sách xuất bản khuyết danh của Hi-u-dơ: “Revelations of Spain in 1845. By an English resident”. London, 1845, vol. I, pp. 326,329 (“Sự thật về Tây Ban Nha trong năm 1845. Tác phẩm của một người Anh đã sống liên tục tại nước đó”. Luân Đôn, 1845, t.I, tr.326,329); xem thêm tr.313 - 314 cuốn sách này. - 618.
- 254 Có ý nói đến cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Tây Ban Nha bị các lực lượng của Liên minh thần thánh được phái đến Tây Ban Nha, theo quyết định của Đại hội Vê-rô-na, đàn áp năm 1823, và cuộc chiến tranh Các-lốt lần thứ nhất ở Tây Ban Nha 1833 - 1840 (xem chú thích 56) dẫn đến cuộc cách mạng tư sản lần thứ ba kéo dài đến năm 1843. - 619.
- 255 Pradt. “Memoires historiques sur la revolution d’ Espagne”. Paris, 1816, p.189 (Prát, “Hồi ký về lịch sử cách mạng ở Tây Ban Nha”. Pa-ri, 1816, tr.189). - 619.
- 256 “*Entente cordiale*” (“hòa hợp thân thiện”) - cách diễn đạt biểu thị sự gần gũi giữa Anh và Pháp sau cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830. Mặc dù có “entente cordiale”, vào những năm 30 cũng như trong thời gian tiếp theo, nhiều lần đã xảy ra những mâu thuẫn gay gắt giữa Anh và Pháp trong một loạt vấn đề quốc tế, đặc biệt là vấn đề phương Đông.
- Trong trường hợp này là nói về lập trường chống Pháp của Chính phủ Anh, đặc biệt là của Pan-mớc-xơ, trong cuộc xung đột Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập những năm 1839 - 1841 (xem chú thích 90). - 620.
- 257 Về *Hiệp ước ngày 2 tháng Chạp 1854* xem chú thích 7. - 626.
- 258 Cuộc mít-tinh ở phòng họp lớn Xanh - Mác-tin-xơ được tổ chức vào ngày 8 tháng Tám 1855; bản tường thuật cuộc mít-tinh này được đăng trên tờ “People’s Paper” ngày 11 tháng Tám 1855. - 628.
- 259 *Hội văn học những người bạn của Ba Lan* được tổ chức ở Luân Đôn năm 1832 theo mô hình Hội văn học do phái bảo thủ quân chủ - quý tộc của giới lưu vong Ba Lan, đứng đầu là A-đam Sác-tô-rư-xki, thành lập vào cùng năm ấy. - 628.
- 260 *Tổng bộ Ba Lan* - cơ quan chấp hành lãnh đạo của Hội dân chủ Ba Lan, được

thành lập năm 1836. Hội dân chủ xuất hiện năm 1832 ở Pháp như một tổ chức của giai cấp tư sản - quý tộc cánh tả trong những người lưu vong Ba Lan. Cương lĩnh của Hội dự định thủ tiêu các đảm phụ phong kiến và sự bất bình đẳng về đẳng cấp, chuyển giao các phần đất cho nông dân không phải chuộc lại và một loạt biện pháp tiến bộ khác. Hội dân chủ tích cực tham gia chuẩn bị cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp năm 1846 nhằm mục đích giải phóng dân tộc Ba Lan. Từ mùa hè năm 1849, sau khi Hội dân chủ Ba Lan bị cấm ở Pháp, Tổng bộ Ba Lan chuyển trụ sở sang Luân Đôn, nhưng phần lớn thành viên của Hội vẫn ở lại Pháp như trước. Những năm 50 là thời kỳ có những sự bất đồng về tư tưởng trong Hội dân chủ. Năm 1862 do việc thành lập Ủy ban trung ương toàn quốc ở Ba Lan để chuẩn bị khởi nghĩa, Hội dân chủ đã quyết định tự giải tán. - 628.

261 J.B. Ostrowsky. "The History of Poland". Vol. I - II, London, 1841 (I-u. B.Ô-xtơ-rốp-xki. "Lịch sử Ba Lan". T1 - II, Luân Đôn, 1841). - 629.

262 Tháng Hai 1846 trên các vùng đất Ba Lan người ta chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa nhằm mục đích giải phóng dân tộc Ba Lan. Những nhà dân chủ cách mạng Ba Lan là những người chủ chốt khởi xướng nên cuộc khởi nghĩa. Nhưng do sự phản bội của những phần tử quý tộc và do cảnh sát Phổ bắt giam những người lãnh đạo khởi nghĩa nên cuộc tổng khởi nghĩa bị tan vỡ và chỉ diễn ra những cuộc bùng nổ cách mạng lẻ tẻ. Riêng ở nước Cộng hòa Cra-cốp chịu sự kiểm soát chung của Áo, Nga và Phổ từ năm 1815, những người khởi nghĩa đã giành được thắng lợi ngày 22 tháng Hai và thành lập chính phủ dân tộc, chính phủ này ra tuyên ngôn xóa bỏ các đảm phụ phong kiến. Đồng thời ở Ga-li-xi cũng nổ ra cuộc khởi nghĩa của nông dân U-cra-i-na. Tháng Ba 1846 cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp bị đè bẹp, sau đó Chính phủ Áo đàn áp phong trào của nông dân Ga-li-xi. Tháng Mười một 1846 Áo, Phổ và Nga ký kết một hiệp ước sát nhập Cra-cốp vào Đế quốc Áo.

Năm 1848 phong trào cách mạng lại nổ ra ở nhiều nơi trên đất Ba Lan, đặc biệt là ở Pô-dơ-nan, Xi-lê-di và cả trong nông dân U-cra-i-na ở Ga-li-xi. Vào những năm 1848 - 1849 các nhà cách mạng Ba Lan đã tích cực tham gia đấu tranh cách mạng ở một loạt nước châu Âu (Đức, Áo, Hung-ga-ri, Pháp và I-ta-li-a). - 629.

263 Mác có ý nói đến bài phát biểu của R. Pin tại phiên họp hạ nghị viện ngày 12 tháng Chạp 1854, trong đó ông ta kêu gọi Chính phủ Anh thi hành những biện pháp đàn áp chống những người lưu vong và chấm dứt những cuộc đấu tranh của giới lưu vong, trước hết là của V.Huy-gô, chống lại Bô-na-pác-tơ. - 631.

264 Bản tóm tắt phần thứ hai của bài này được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 1 tháng Chín 1855 dưới nhan đề "Chiến tranh" ("The War") với tư cách là bài xã luận. - 637.

265 Bức thư của S.Nây-pia được công bố trên báo "Times" ngày 24 tháng Tám 1855. - 648.

266 Trong đoạn đầu của bài này người ta thấy rõ sự xâm phạm của ban biên tập báo "New - York Daily Tribune". - 651.

267 Kể từ ngày 24 tháng Sáu 1855, theo lệnh của hoàng đế Áo, bắt đầu việc giảm bớt số quân đội Áo đóng ở biên giới Ga-li-xi, điều này về thực chất có ý nghĩa là nước Áo công khai từ chối không tham gia vào cuộc chiến tranh đứng về phía đồng minh. - 652.

268 Trong đoạn đầu bài này người ta thấy rõ sự xâm phạm của ban biên tập báo "New - York Daily Tribune". Một dị bản của bài báo được đăng cùng với nhan đề này trên tờ "Neue Oder - Zeitung" ngày 3 và 4 tháng Chín 1855. - 662.

269 Ở đây đã nêu ra những thí dụ về những hoạt động quân sự, trong đó quân đội Anh cùng với quân đội đồng minh của mình đánh thắng quân Pháp trong thời kỳ các cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I: trận *Bu-xa-cu* (Bồ Đào Nha) ngày 27 tháng Chín 1810; trận bao vây pháo đài *Pam-plô-na* (Tây Ban Nha) năm 1813, trận *Oa-téc-lô* (Bi) ngày 18 tháng Sáu 1815. - 667.

270 Năm 1839 nghị viện Anh cho phát hành Sách xanh, trong đó có những tài liệu ngoại giao về Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan. Thư tín của đại diện Anh ở Ca-bun là A. Bớt-xơ nói về những sự kiện liên quan đến cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan (về cuộc chiến tranh này xem chú thích 57), cũng được đưa vào Sách xanh, được Bộ ngoại giao lựa chọn và xuyên tạc có dụng ý nhằm mục đích che đậy vai trò khiêu khích của Anh trong việc gây chiến tranh. A.Bớt-xơ trước khi chết không lâu đã gửi bản sao thư tín của mình về Luân Đôn và phân thư tín không đưa vào Sách xanh đã được gia đình ông ta công bố. Vì vậy, những điều xuyên tạc mà Chính phủ Anh đưa ra đã bị vạch trần. - 670.

271 Thư từ trao đổi giữa Grê-hêm và S. Nây-pia trong thời kỳ từ ngày 24 tháng Hai đến ngày 6 tháng Mười một 1854 đã được công bố trên báo "Times" ngày 3, 4, 6 và 8 tháng Chín 1855. - 670.

272 Về việc kiểm duyệt thư từ của những nhà cách mạng lưu vong I-ta-li-a, tiến hành theo lệnh của Grê-hêm, xem chú thích 25.

Trong số những thư của người khác cũng bị bóc có thư của hai anh em Ban-đê-ê-ra gửi cho Mát-di-ni, trong đó họ trình bày kế hoạch đổ bộ vào Ca-la-bri nhằm mục đích phát động khởi nghĩa ở I-ta-li-a chống lại triều đại Buốc-bông ở Na-plơ và ách thống trị của Áo. Tháng Sáu 1844 khi tiến hành cuộc đổ bộ này, những người tham gia đã bị bắt, anh em Ban-đê-ê-ra bị bắn chết. - 670.

273 Năm 1843 bọn thực dân Anh đã tiến hành xâm chiếm Xin-đơ, một tỉnh ở vùng tây-bắc Ấn Độ giáp Áp-ga-ni-xtan. Trong thời kỳ chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan 1838 - 1842, bằng cách đe dọa và cưỡng bức, Công ty Đông Ấn đã bắt giới cầm quyền phong kiến Xin-đơ phải đồng ý để cho quân đội của họ qua lại trên lãnh địa Xin-đơ. Lợi dụng điều này, năm 1843 người Anh đòi bọn phong kiến địa phương phải tự thừa nhận là chư hầu của Công ty và sau cuộc đàn áp đã man của quân đội Anh dưới sự chỉ huy của S.Nây-pia đối với

- những bộ tộc Bê-lút-gia khởi nghĩa (dân bản xứ Xin-đơ) họ đã tuyên bố sáp nhập toàn bộ tỉnh này vào Ấn Độ thuộc Anh. - 672.
- 274 Xem chú thích 70. - 672.
- 275 Bài này là dị bản bài của Ăng-ghe-nhê “Xê-va-xtô-pôn thất thủ” (“The Fall of Sevastopol”), đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 28 tháng Chín 1855 với tư cách là bài xã luận. Trong lần xuất bản này, bài báo được in theo nguyên văn xác thực hơn của tờ “Neue Oder - Zeitung”; như có thể thấy rõ qua thư Mác viết ngày 11 tháng Chín, ông đã đưa vào bài của Ăng-ghe-nhê một số chỗ sửa đổi dựa trên cơ sở những thông tin điện báo gần nhất. - 677.
- 276 *Tao-ơ* - một lâu đài ở Luân Đôn, thời trung thế kỷ là cung vua và nhà tù chính trị; vào thế kỷ XIX là kho vũ khí. - 677.
- 277 *Chiếc mũ đỏ*, hay là chiếc mũ Phri-ghi - chiếc mũ của người Phri-ghi cổ đại, về sau là hình mẫu cho chiếc mũ của phái Gia-cô-banh trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và từ đó trở thành biểu tượng của tự do. - 682.
- 278 Ở đoạn đầu và đoạn cuối của bài báo có những chỗ do biên tập báo “New - York Daily Tribune” viết thêm vào. Ban biên tập có ý nói tới Pun-xki khi nói về phóng viên của mình ở Luân Đôn. - 684.
- 279 Tháng Mười 1805 trong thời kỳ chiến tranh của khối liên minh thứ ba các cường quốc châu Âu chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông, quân đội Áo của tướng Mác đã bị quân Pháp bao vây ở vùng Un-mơ và buộc phải đầu hàng. - 689.
- 280 Có ý nói đến chương VII, quyển I, tập I tác phẩm Giêm-xơ Xti-u-át “An Inquiry into the Principles of Political Economy” (“Nghiên cứu những nguyên lý khoa kinh tế chính trị”), lần đầu tiên xuất bản ở Luân Đôn năm 1767 thành hai tập. - 692.
- 281 “*Manchester Examiner*” - tên gọi tắt tờ báo theo chủ nghĩa tự do Anh “Manchester Daily Examiner and Times” (“Thời báo và người quan sát hàng ngày Man-se-xtơ”). Báo được thành lập năm 1848 do hợp nhất hai tờ “Manchester Times” (“Thời báo Man-se-xtơ”) và “Manchester Examiner” (“Người quan sát Man-se-xtơ”). Trong những năm 40 - 50 báo này ủng hộ phái mật dịch tự do; xuất bản đến năm 1894 với những tên gọi khác nhau. - 695.
- 282 Có ý nói đến *Société générale du Crédit Mobilier* - ngân hàng cổ phần cỡ lớn, do anh em Pê-rây-ra thành lập vào năm 1852. Ngân hàng có mối quan hệ chặt chẽ với chính phủ Na-pô-lê-ông III, dưới sự bảo trợ của chính phủ, đã tiến hành những thủ đoạn đầu cơ. Theo khuôn mẫu *Crédit Mobilier* của Pháp người ta đã thành lập những ngân hàng tương tự ở một loạt nước khác. Năm 1867 ngân hàng bị phá sản và năm 1871 bị giải thể. - 695.
- 283 Đây là nói đến quyển sách: A.Courtois: “Des opérations de Bourse ou Manuel des fonds publics français et étrangers et des actions et obligations de sociétés françaises et étrangères négociées à Paris”. Paris, 1855 (A.Cút-tu-a. “Nghịệp vụ giao dịch, hay là hướng dẫn về chứng phiếu quốc gia của Pháp và nước ngoài và

- về những cổ phiếu và trái phiếu của những công ty cổ phần Pháp và nước ngoài có thể giao dịch ở Pa-ri”, Pa-ri, 1855). - 696.
- 284 Dị bản Anh của bài này được in trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 17 tháng Mười 1855 dưới nhan đề “Tình hình quân sự” (“The State of the War”) với tư cách là bài xã luận; trong bản tiếng Anh của bài báo có thể thấy rõ sự xâm phạm của ban biên tập báo. - 698.
- 285 Đây là nói về trận tấn công Xê-va-xtô-pôn, Ăng-ghe-nhê đã phân tích tỉ mỉ trận tấn công này trong bài “Về trận tấn công Xê-va-xtô-pôn”, dị bản tiếng Anh của bài báo được dùng làm căn cứ cho bản dịch đăng trong tập này, tr.706 - 716. - 701.
- 286 *Tòa án thừa kế tài sản* - tòa án phong kiến dựa trên quyền của địa chủ được xét xử và trừng phạt nông dân của mình.
- Ở Anh, *quan tư pháp không ăn lương* là những quan tòa hòa giải được bổ nhiệm từ các đại biểu của giai cấp hữu sản. - 703.
- 287 Bản tiếng Đức, ngắn hơn của bài báo này (được đưa vào Toàn tập C. Mác và Ph.Ăng-ghe-nhê, tiếng Nga, xuất bản thứ nhất), được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 4 tháng Mười 1855 dưới nhan đề “Về trận tấn công Xê-va-xtô-pôn” (“Zur Erstürmung Sebastopols”). Đoạn đầu bài báo đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” có những dấu vết xâm phạm của ban biên tập báo. - 706.
- 288 Có ý nói tới bài báo của Ăng-ghe-nhê “Xê-va-xtô-pôn thất thủ”, bản tiếng Đức của nó được dùng làm căn cứ cho bản dịch đăng trong tập này, tr.677 - 681. - 709.
- 289 Dưới đây là bản dịch bản ghi theo trình tự thời gian của Ăng-ghe-nhê về những sự kiện cơ bản của cuộc chiến tranh Crum (trong bản thảo có lược gọn nhiều chỗ):

CUỘC CHIẾN TRANH CRUM:

1854

Tháng Chín

14. Cuộc đổ bộ ở Pháo đài cổ.
20. Trận giao chiến ở An-ma.
25. Cuộc chuyển quân của liên quân xuống phía Nam Xê-va-xtô-pôn.
26. Ba-la-cla-va bị chiếm đóng.
28. Cuộc phong tỏa miền Nam. (Vào thời điểm này ở miền Nam ngoài số lính thủy ra thì chỉ có 8 tiểu đoàn).

Tháng Mười

1. Tiến hành trinh sát và quyết định bắn phá trước khi tiến công.
- 9-10. Tuyến thứ nhất cách các điểm bố phòng 400 - 600 xa-gien.

17. Trận bắn phá Xê-va-xtô-pôn (ưu thế hỏa lực của quân Nga trên đất liền. 200 đại bác hạng nặng chống lại 126 đại bác của quân tấn công), cuộc bắn phá đồng thời của hải quân. Quân đối phương đã dập tắt pháo binh Pháp. Lúc này tấn công đã muộn.

25. Trận giao chiến ở Ba-la-cla-va.

26. Cuộc đột kích của 9 tiểu đoàn quân Nga vào trận địa Anh.

Tháng Mười một

4. Ưu thế lực lượng quân Nga so với liên quân. Cuộc tấn công.

5. Trận giao chiến ở In-ke-rơ-man. Việc phong tỏa của Anh lúc này hầu như hoàn toàn ngừng. Chỉ có tuyến công sự bảo đảm để không bị chọc thủng vòng vây là tiếp tục được củng cố.

Tháng Chạp

11. Ô-xten - Xa-ken chỉ huy quân phòng vệ. Các trận tấn công càng dày hơn và có hiệu quả hơn.

[1855]

Tháng Giêng

Khởi đầu. Sau khi lập tuyến thứ hai, quân Anh ở cách các điểm bố phòng 400 xa-gien. Các trận tấn công vẫn tiếp diễn.

27. Ni-en đến. Trận tấn công quyết định của quân Pháp vào Ma-la-khốp bị hoãn lại; quân Anh phải rút bỏ ½ số hầm hào của mình - tất cả là trên chiều dài 1 dặm.

Tháng Hai

22 - 23. Đồn Xê-len-ghin được xây dựng xong, trận tấn công ngày 23 vào đồn này bị bẻ gãy. Cách chiến lũy chính 1 100 ác-đơ.

28-1 tháng Ba. Đồn Vô-lun được xây dựng xong - cách chiến lũy chính 1 450 ác-đơ.

Tháng Ba

11-12. Công sự hình bán nguyệt Cam-sát-ca dài 770 ác-đơ, như vậy, cách pháo đài 470 xa-gien kẻ thù buộc phải sử dụng đường ngầm bí mật vượt qua.

Thêm vào đó, trước các công sự này có bố trí những chỗ trú ẩn cho các xạ thủ.

22-23. Những đợt tấn công vào các chỗ trú ẩn đó đều bị đánh lui, chúng liên kết với nhau thành một chính thể bởi một hệ thống chiến hào; trước pháo đài thứ ba cũng là một mỏ đá cách chiến lũy chính 430 ác-đơ.

Tháng Tư

Các trận tấn công vào những nơi trú ẩn của Nga ở cách các pháo đài số 4-6 khoảng 200 bước chân, và

19 - 20 - quân Anh tấn công vào mỏ đá, và

20 - 21 - bị đánh lui.

Tháng Năm

Viện binh tới bổ sung cho quân đồng minh (người Pháp và người Xéc-đi-ni) và Pê-li-xi-ê. Cuộc tấn công với lực lượng mới.

23. Trận đánh chiếm chiến hào trước pháo đài số 5, quân Nga giành thắng lợi.

Tháng Sáu

7. Trận tấn công công sự bán nguyệt Cam-sát-ca, mỏ đá, các đồn Xê-len-ghin và Vô-lun.

18. Trận tấn công đầu tiên, bị đánh lui.

Tháng Tám

16. Sông Đen.

Tháng Chín

8. Tấn công. - 713.

290 "*Journal des Débets*" - tên gọi tắt tờ nhật báo tư sản Pháp "*Journal des Débets politiques et littéraires*" ("*Báo tranh luận chính trị và văn học*") được thành lập ở Pa-ri năm 1789. Trong thời kỳ Quân chủ tháng Bảy là tờ báo của chính phủ, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản phái Oóc-lê-ăng. Trong thời kỳ cách mạng 1848, tờ báo thể hiện các quan điểm của giai cấp tư sản phân cách mạng có tên gọi là đảng trật tự. Sau cuộc đảo chính năm 1851 là cơ quan ngôn luận của phái đối lập ôn hòa Oóc-lê-ăng. - 719.

291 Mác có ý nói đến tiểu phẩm của A.Túc-xê-nê "Les juifs rois de l'époque. Histoire de la féodalité financière". Paris, 1845 ("*Những kẻ cho vay nặng lãi - để vương của thời đại chúng ta. Lịch sử của giới quý tộc tài chính*"). Pa-ri, 1845) và các tiểu phẩm của Gi.M. Ma-ti-ơ-Đéc-ven "*Histoire édifiante et curieuse de Rothschild I-er, roi des juifs*". Paris, 1846 ("*Chuyện bổ ích và lý thú về Rốt-sin I, vua của những kẻ cho vay nặng lãi*"). Pa-ri, 1846) và "*Rothschild I-er valets et son peuple*". Pa-ri, 1846 ("*Rốt-sin I, tôi tớ của ông ta và dân tộc của ông ta*"). Pa-ri, 1846). - 721.

292 Trong đoạn đầu bài này có thể thấy rõ sự xâm phạm của ban biên tập báo "*New - York Daily Tribune*". - 723.

293 Tháng Sáu 1854 thông qua nhà băng Xanh-Pê-téc-bua của Stinh-lít-xơ và công ty, nước Nga đã ký vay nước ngoài 50 triệu rúp bạc với lãi suất 5%. Khoản tiền vay này chủ yếu dùng để trang trải những chi phí về việc tiến hành chiến tranh Crum. - 730.

294 Thông tri được nhắc đến ra ngày 28 tháng Tám 1855. - 731.

295 "*Diaries and Correspondence of James Harris, first Earl of Malmesbury, containing*

an Account of his Missions at the Courts of Madrid, Frederick the Great, Catherine the Second, and at the Hague; and of his special Missions to Berlin, Brunswiek, and the French Republic” 2-nd ed. London, 1845, vol. I. pp.166, 217, 228, 299, 454, 510, 515 (“Nhật ký và những thư tín của Giêm-xơ Ha-rít, đệ nhất bá tước Man-mơ-xbê-ri, gồm có bản báo cáo về những nhiệm vụ của ông ta trong triều đình Ma-đrít, trong các triều đình Phri-đrich Đại đế, Ê-ca-tê-ri-na II và ở La Hay, cũng như về những chuyến đi công cán đặc biệt của ông ta đến Béc-lin, Brao-svai-gơ và Cộng hòa Pháp”. Xuất bản lần thứ hai, Luân Đôn, 1845, t.I, tr. 166, 217, 228, 299, 454, 510, 515).

Về hồi ký và thư từ của Phốc-xơ, xin xem chú thích 12. - 737.

296 Ý muốn nói tới cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (1775 - 1783), cuộc chiến tranh này đã dẫn đến việc thành lập Hợp chúng quốc Mỹ. Quan điểm của các cường quốc châu Âu trong cuộc chiến tranh này được quyết định bởi sự cạnh tranh thương mại và thuộc địa với Anh. Nhằm làm suy yếu uy thế của Anh, Pháp và Tây Ban Nha đã tham chiến chống lại Anh, về sau chiến tranh cũng nổ ra với Hà Lan. Năm 1780 nước Nga, là nước mà Chính phủ Anh bằng mọi cách cố giành lấy sự ủng hộ của nó, đã tuyên bố nguyên tắc vũ trang bảo vệ của các tàu buôn các nước trung lập tiến hành buôn bán với những nước chống đối nước Anh. Chính sách trung lập vũ trang, được một loạt nước ủng hộ (Hà Lan, Đan Mạch, Áo và v.v.), đã ảnh hưởng đến kết cục cuộc chiến tranh. Chẳng bao lâu sau thất bại quyết định của quân đội Anh năm 1781, nước Anh đã buộc phải ký hòa ước (hiệp ước hòa bình triệt để được ký kết năm 1783 ở Véc-xay) và công nhận nền độc lập của các thuộc địa cũ của mình. - 737.

297 Nước Anh tuyên chiến với Hà Lan vào tháng Chạp 1780 lấy cớ là Hà Lan vi phạm Hòa ước Oét-min-xơ năm 1674, hòa ước này kết thúc cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan 1672 - 1674. Khi làm việc này Anh đã vin vào một điều khoản mật của hòa ước 1674 nói rằng hai nước cam kết không ủng hộ các cường quốc thù địch của một trong hai bên, đồng thời Anh cũng không đã động đến một điều khoản khác của hòa ước này là bảo đảm quyền tự do vận tải đường biển và buôn bán.

Tuyên chiến với Hà Lan năm 1780 vì Hà Lan tiến hành buôn bán với Pháp, Tây Ban Nha và các thuộc địa Bắc Mỹ là những nước đang trong tình trạng chiến tranh với Anh, Chính phủ Anh định phá hoại nền thương mại của Hà Lan và xâm chiếm các thuộc địa của Hà Lan. Cuộc chiến tranh 1780 - 1784 đã kết thúc bằng thắng lợi của Anh. Theo hiệp ước được ký kết tháng Năm 1784 ở Pa-ri, Hà Lan phải nhượng lại cho Anh cảng Nê-ga-pa-tam (ở Nam Ấn Độ) và để cho Anh có quyền tự do vận chuyển trên hải phận Đông Ấn của Hà Lan. - 739.

298 Các-xơ bị quân Nga chiếm ngày 28 (16) tháng Mười một 1855. Việc chiếm giữ pháo đài này, một pháo đài đã được người Thổ Nhĩ Kỳ, với sự giúp đỡ của người Anh, biến thành căn cứ bàn đạp để xâm nhập vào vùng Nam Cáp-ca-dơ,

đã kết thúc một loạt hoạt động quân sự có hiệu quả của quân đội Nga trên chiến trường Cáp-ca-dơ của Cuộc chiến tranh Crum. Những thất bại của quân Thổ Nhĩ Kỳ trong những năm 1853 - 1854 (ở A-khan-xích ngày 26 (14) tháng Mười một 1853, ở Ba-sơ-Ca-đúc-li-a-rơ ngày 1 tháng Chạp (19 tháng Mười một) 1853, ở Sô-lôc ngày 15 (3) tháng Sáu 1854, ở Bai-ca-dét ngày 29 (17) tháng Bảy 1854 và ở Quy-ri-úc - Đa-rơ ngày 5 tháng Tám (24 tháng Bảy) 1854 trong ý đồ tấn công vào Ác-mê-ni-a và Cru-di-a, đã làm tiêu tan tinh thần chiến đấu của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. Những hoạt động của đội quân Ô-me-rô-pa-sa được điều từ Crum sang Cáp-ca-dơ tháng Mười 1855 và hành binh từ Xu-khum-Ca-lơ đến Min-grê-li-a để tiếp viện cho quân đồn trú Thổ Nhĩ Kỳ ở Các-xơ đang bị bao vây, đều không có kết quả gì. Việc chiếm được Các-xơ là sự kiện lớn lao cuối cùng của cuộc Chiến tranh Crum, trong một chừng mực nhất định nó thúc đẩy cuộc chiến tranh này sớm kết thúc. - 742.

299 Năm 732 trong một trận đánh ở *Pu-a-chi-ê* (miền tây nước Pháp) quân đội người Phrăng của Các Mác-ten-lơ đã giáng cho quân A-rập một đòn thất bại quyết định và chặn đứng bước tiến tiếp tục của chúng trên lãnh thổ châu Âu. - 744.

300 Ăng-ghen có ý nói đến việc quân đội Nga bao vây các pháo đài trên bán đảo Ban-căng: Vác-na, Brai-lốp, Xi-li-xtơ-ri, trong thời kỳ chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829. Mặc dù quân Thổ Nhĩ Kỳ đã kiên cường bảo vệ những pháo đài này, song các pháo đài ấy vẫn bị quân Nga chiếm được. - 744.

301 Có ý nói đến các cuốn sách: F.Bodenstedt. “Die Völker des Kaukasus und ihre Freiheitskämpfe gegen die Russen” Frankfurt am Main, 1848 (Ph.Bô-đên-stét, “Các dân tộc Cáp-ca-dơ và cuộc đấu tranh giải phóng của họ chống lại người Nga. Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, 1848); R.Curzon. “Armenia: a year at Erzeroom, and on the frontiers of Russia, Turkey, and Persia” (R. Kéc-dôn. “Ác-mê-ni-a: một năm ở Êc-de-rum và trên biên giới Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư”). Ba lần xuất bản cuốn sách này đều ra ở Luân Đôn năm 1854. - 748.

302 Đây là nói đến các phiên họp mật của hội đồng quân sự gồm đại diện các nước Anh, Pháp và Xéc-di-ni với sự tham gia của các nhà ngoại giao các nước đó, diễn ra ở Pa-ri tháng Giêng 1856 dưới sự chủ tọa của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Theo tin báo chí, hội đồng quân sự đã thảo luận vấn đề phối hợp hoạt động của các nước đồng minh phòng khi ra chiến dịch mới chống nước Nga. - 750.

303 - Âm chỉ cuộc tiến quân của các đơn vị tiên phong quân đội Nga mùa hè 1829 về hướng Công-xtăng-ti-nô-pơ trong thời kỳ chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829. - 751.

304 Đây là nói đến năm điếm do Áo thay mặt các cường quốc đồng minh đưa ra với Nga vào giữa tháng Chạp 1855 coi như là điều kiện để đàm phán hòa bình. Những điều kiện này là sự cụ thể hóa tiếp theo bốn điếm đã được thảo luận trước đây (xem chú thích 6). Nội dung của chúng tóm lại là như sau: hủy bỏ

sự bảo hộ của Nga đối với Các công quốc vùng Đa-nuýp và thay nó bằng sự bảo hộ của tất cả các cường quốc tham gia hiệp ước, Nga phải đồng ý thay đổi biên giới ở Bét-xa-ra-bi-a - phải nhường lại vùng lãnh thổ tiếp giáp với Đa-nuýp; tàu bè tự do đi lại trên sông Đa-nuýp và vào cửa sông này; trung lập hóa Hắc Hải, cấm các tàu quân sự đi qua eo biển, cấm Nga và Thổ Nhĩ Kỳ có các công xưởng hải quân và hạm đội quân sự trên biển Hắc Hải, trừ một số lượng được phép những tàu cỡ nhỏ; sự bảo trợ có tính chất tập thể của các cường quốc lớn đối với các công dân Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo Cơ Đốc. Theo điểm thứ năm, các cường quốc tham chiến dành cho mình quyền đưa ra đối với Nga những điều kiện mới ngoài bốn điểm nói trên trong tiến trình đàm phán hòa bình. Năm điểm được đưa ra dưới dạng tối hậu thư, đã được Chính phủ Nga hoàng chấp nhận và sau này dùng làm cơ sở cho cuộc đàm phán hòa bình ở Pa-ri. - 754.

305 Trong phần thứ hai của bài này, Mác sử dụng bức thư của Ăng-ghe-n viết ngày 7 tháng Hai 1856 mô tả tình hình ở Pháp. - 755.

306 Cuộc xung đột giữa Anh và Hợp chúng quốc Mỹ phản ánh cuộc đấu tranh giành quyền thống trị ở Trung Mỹ, xuất hiện vào cuối năm 1855. Cuộc đấu tranh này thể hiện những bất đồng sâu sắc trong việc lý giải Hiệp ước Clây-tơn-Bun-vơ năm 1850, theo hiệp ước thì Anh và Mỹ cam kết bảo đảm tính trung lập của kênh đào liên đại dương được thiết kế ở Ni-ca-ra-go-a, cũng như không chiếm đóng và không bắt Ni-ca-ra-go-a, vùng bờ biển Moóc-ki-tơ và các vùng khác ở Trung Mỹ phải phục tùng quyền lực của mình. Nhưng trái với hiệp ước, nước Anh vẫn tiếp tục chiếm đóng vùng bờ biển Moóc-ki-tơ và các vùng đất khác mà họ chiếm được trong những năm 40. Nước Mỹ thì muốn củng cố ảnh hưởng của mình ở khu vực này nên đã ủng hộ kẻ phiêu lưu người Mỹ là Oan-cơ, kẻ đoạt chính quyền ở Ni-ca-ra-go-a năm 1855. Mối quan hệ giữa Anh và Mỹ trở nên gay gắt còn do Anh mưu toan tuyển mộ lính đánh thuê trên lãnh thổ nước Mỹ cho quân đội Anh ở Crum. Chính phủ của cả hai nước lên án nhau vi phạm hiệp ước năm 1850, tuyên bố phản đối, đe dọa cắt đứt quan hệ ngoại giao. Tháng Mười 1855 Anh đã phái các tàu chiến của mình đến bờ biển nước Mỹ. Song sự việc đã không đưa tới đụng độ quân sự, cuộc xung đột được dàn xếp bằng việc ký kết vào tháng Mười 1856 một hiệp ước quy định việc trung lập hóa vùng bờ biển Moóc-ki-tơ và vùng biển lân cận. - 755.

307 *Hòa ước A-mi-en*, được ký kết ngày 27 tháng Ba 1802 giữa một bên là Pháp và các đồng minh của Pháp là Tây Ban Nha và Cộng hòa Ban-ta-vi-a (Hà Lan) và bên kia là Anh, đã hoàn tất sự sụp đổ của liên minh chống Pháp thứ hai. Hòa ước chỉ đảm bảo một thời gian tạm ngừng bắn ngăn ngừa trong các hoạt động quân sự, năm 1803 cuộc chiến tranh giữa Anh và Pháp lại tiếp tục càng quyết liệt hơn. - 755.

308 Trích dẫn do Mác đưa ra lấy từ bài báo đăng trên tờ “Con ong phương Bắc” ngày 14 tháng Giêng 1856.

“*Con ong phương Bắc*” - tờ báo chính trị và văn học Nga xuất bản ở

Xanh-Pê-téc-bua từ năm 1825 đến năm 1864 (trước năm 1860 do Bun-ga-rin và Grét-sơ làm chủ bút); đây là cơ quan báo chí bán chính thức của Chính phủ Nga hoàng. - 757.

309 Trong phiên họp của Quốc hội lập pháp ngày 22 tháng năm 1850 Mông-ta-lăm-be đã kêu gọi Chính phủ Pháp tiến hành một cuộc chinh phạt chống các lực lượng cách mạng và dân chủ ở trong nước kiểu như cuộc viễn chinh được tiến hành năm 1849 chống Cộng hòa La Mã (về cuộc viễn chinh chống Cộng hòa La Mã xem chú thích 173). - 757.

310 Ngày 29 tháng Chạp 1855 trong thời gian cuộc đón tiếp trọng thể quân đội Pháp từ Crum trở về Pa-ri, các sinh viên trường École Polytechnique (trường cao đẳng bách khoa) đã không chịu chào mừng quân đội và hoàng đế, do đó đã bị chính phủ đàn áp.

Trong diễn văn chào mừng quân đội của mình, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã tự ví mình như viện nguyên lão La Mã thường họp mặt đông đủ để nghênh tiếp các đội quân chiến thắng ở cổng thành La Mã. - 759.

311 *École Normale* - Trường cao đẳng sư phạm ở Pa-ri. - 759.

312 Cuối tháng Tám 1855 tại thành phố Ăng-giơ (ở tây-bắc nước Pháp) một số công nhân khoảng vài trăm người đã mưu toan phát động khởi nghĩa nhằm mục đích thiết lập nền cộng hòa ở Pháp; mưu toan này đã không thành công. Những người lãnh đạo công nhân khởi nghĩa đã liên hệ với hội kín “Ma-ri-an-na” của những người cộng hòa được thành lập năm 1850. Do làn sóng phản đối nên cuối năm 1855 - đầu năm 1856 đã xảy ra nhiều vụ bắt bớ và xét xử. - 760.

313 Ngoài tờ “People’s Paper”, Mác còn gửi bài này cho tờ “New - York Daily Tribune” đăng ngày 14 tháng Tư 1856 dưới nhan đề “Những vật hy sinh và công cụ của Bô-na-pác-tơ” (“Bonapartean Victims and Tools”) với tư cách là bài xã luận. - 763.

314 *Cây-en-na* - thành phố ở Gu-a-na thuộc Pháp (Nam Mỹ), nơi đây ai tù chính trị, được mệnh danh là “cái máy chém tàn khốc” vì sự chết chóc hàng loạt do chế độ hà khắc và khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt ở đó gây ra.

La-bét-xa (Lam-bê-dơ) - một trại cải tạo của Pháp được xây dựng trên vùng đổ nát của thành phố La Mã cổ đại ở Bắc Phi; từ năm 1851 đến năm 1860 là nơi đầy ắp tù chính trị.

Be-lơ-I-lơ - hòn đảo ở vịnh Bi-xcay, trong những năm 1849 - 1857 là nơi giam giữ tù chính trị; đặc biệt ở đây giam giữ những công nhân tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri. - 763.

315 Bản dịch bức thư của Ta-xi-li-ê, người tù chính trị Pháp bị đi đày, được Mác gửi cho tờ “People’s Paper” và được đăng trên báo này ngày 12 tháng Tư 1856. - 763.

316 Mác ám chỉ một cách mỉa mai những phương pháp mà Lu-i Bô-na-pác-tơ và phái Bô-na-pác-tơ dùng để chiêu mộ những người ủng hộ ông ta trong sĩ quan và

- binh lính quân đội khi chuẩn bị làm cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. Trong thời gian mở các cuộc chiêu đãi và duyệt binh ở Xa-tô-ri và các nơi khác do Lu-i Bô-na-pác-tơ tổ chức với tư cách tổng thống nước cộng hòa người ta thường hay thiết đãi sĩ quan và binh lính bằng giò, thịt muông thú lạnh, rượu sâm-banh v.v.. - 763.
- 317 *Bu-xtơ-ra-pa* - biệt danh của Lu-i Bô-na-pác-tơ, gồm những chữ đầu của tên gọi các thành phố Bu-lông, Xơ-ra-xbua và Pa-ri. Biệt danh này ám chỉ những mưu toan của ông ta định tiến hành một cuộc bạo động của phái Bô-na-pác-tơ ở Xơ-ra-xbua (30 tháng Mười 1836) và Bu-lông (6 tháng Tám 1840) cũng như ám chỉ cuộc đảo chính ở Pa-ri ngày 2 tháng Chạp 1851 dẫn đến việc thiết lập chế độ độc tài Bô-na-pác-tơ ở Pháp. - 764.
- 318 *Furcae Caudinae* - Hẻm núi Cáp-đin ở gần thành phố Cáp-đi-a (Cổ La Mã), tại đây vào năm 321 trước công nguyên, trong thời gian cuộc chiến tranh Xam-nít lần thứ hai, những người Xam-nít đã đánh bại các đội quân La Mã và bắt họ phải chui qua “cái ách”, điều được coi là sự nhục nhã lớn nhất đối với một đội quân chiến bại. Từ đó mà có thành ngữ “đi qua Furcae Caudinae”, nghĩa là bị lẫm nhục cực độ. - 764.
- 319 *Hội ngày 10 tháng Chạp* là hội kín của phái Bô-na-pác-tơ, ra đời năm 1849, bao gồm chủ yếu là những phần tử mất tính giai cấp. Đặc điểm chi tiết của Hội ngày 10 tháng Chạp được Mác trình bày trong tác phẩm “Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ” (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 209 - 216). - 766.
- 320 “*Ba-tơ-ra-khô-mi-ô-ma-khi-a*” (“Chiến tranh của loài chuột và loài ếch nhái”) - trường ca hài hước cổ Hy Lạp của các tác giả vô danh, nhại lại bản anh hùng ca của Hô-me-rơ. - 767.
- 321 - Có ý nói đến sinh nhật ngày 16 tháng Ba 1856 của con trai Na-pô-lê-ông III Ô-gien, người nhận chức hiệu vua An-giê-ri. - 769.
- 322 Tác phẩm “Các-xơ thất thủ” được in theo văn bản đầy đủ nhất trên tờ “People’s paper” tháng Tư 1856 dưới dạng bốn bài báo. Lúc đầu Mác viết một bài ngắn hơn về đề tài này cho tờ “New - York Daily Tribune”, bài này được đăng trên báo ngày 8 tháng Tư 1856 cũng với nhan đề ấy. Ngày 3 tháng Năm 1856 Mác cho đăng bài báo có ký tên mình trên các tờ “The Sheffield Free Press” (“Báo tự do Sép-phin”) và “The Free Press” (“Báo tự do”) dưới nhan đề “Những điểm lý thú trong các tài liệu về Các-xơ” (“Kars Papers Curiosities”); bài này về cơ bản là những đoạn trích từ bài thứ hai và thứ ba trên tờ “People’s Paper”. - 771.
- 323 *Về năm điểm* xem chú thích 304. - 773.
- 324 *Hiệp ước* (công ước) *Pa-ri* - hòa ước được ký kết ngày 30 tháng Ba 1856 tại Đại hội Pa-ri giữa các đại diện một bên là Pháp, Anh, Áo, Xéc-đi-ni, Phổ và Thổ Nhĩ Kỳ với bên kia là Nga, và hòa ước này đã kết thúc cuộc Chiến tranh Crum 1853 - 1856. Nước Nga thất bại trong cuộc chiến tranh buộc phải nhường

- lại khu vực của sông Đa-nuýp và phần đất phía Nam Bét-xa-ra-bi-a, từ bỏ quyền bảo hộ đối với Các công quốc vùng Đa-nuýp và sự bảo trợ cho những công dân theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ, chấp nhận việc trung lập hóa Hắc Hải, tức là không cho tàu chiến nước ngoài qua lại các eo biển, chấp nhận việc cấm Nga và Thổ Nhĩ Kỳ không được có những công xưởng hải quân và hạm đội quân sự trên Hắc Hải; để đổi lấy Xê-va-xtô-pôn và các thành phố khác bị quân đồng minh chiếm đóng ở Crum, Nga phải trả lại Các-xơ cho Thổ Nhĩ Kỳ. Mặc dù những điều kiện hòa bình của giới ngoại giao phương Tây (Anh, Áo) rất nặng nề đối với Nga nhưng họ vẫn không thực hiện được hoàn toàn những ý đồ xâm lược của mình. Cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn anh hùng, những tổn thất của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trên chiến trường Cáp-ca-dơ, những thất bại của quân đồng minh trên biển Ban-tích và cả việc giới ngoại giao Nga lợi dụng được những mâu thuẫn Anh - Pháp - tất cả những điều đó có ảnh hưởng nhất định đến kết quả của cuộc đàm phán hòa bình.
- Hiệp ước Pa-ri không giải quyết được vấn đề phương Đông, đây là một trong những nguyên nhân khiến cho những mâu thuẫn giữa các nước châu Âu ở vùng Ban-căng và Cận Đông trong những năm 70 lại trở nên gay gắt thêm. - 773.
- 325 Mác có ý nói đến cuốn Sách xanh: “Papers Relative to Military Affairs in Asiatic Turkey, and the Defence and Capitulation of Kars”. London, 1856 (“Những tài liệu liên quan đến những sự kiện quân sự ở Thổ Nhĩ Kỳ thuộc châu Á, đến sự phòng thủ và đầu hàng của Các-xơ”). Luân Đôn, 1856). - 773.
- 326 “*Take care of Dowb*” (“Hãy quan tâm đến Đâu-bơ”) - bộ trường chiến tranh Pan-muy-rơ nhận biệt danh nhạo báng này sau khi ông ta đề nghị quan tâm đến người cháu của mình, sĩ quan trẻ Đâu-bíc-ghin, trong bức điện chính thức gửi cho tướng Xim-xơn thông báo bổ nhiệm ông ta làm tổng chỉ huy. - 776.
- 327 *Pha-na-ri-ốt* - những người Hy Lạp giàu có và quyền quý sống ở khu phố Pha-na-rơ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (Xtam-bun), phần lớn họ là con cháu của các dòng họ Bi-dăng-xơ quý tộc. Nhờ có tài sản và những mối quan hệ chính trị nên họ giữ những chức vụ cao trong bộ máy hành chính của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. - 790.
- 328 Mác có ý nói đến truyện ngắn hoang đường của Ác-min “I-da-be-la Ai Cập”. - 810.
- 329 Trong bài báo này Mác đã sử dụng những tư liệu riêng về tình hình kinh tế Phổ mà Ăng-ghen đã thông báo cho ông trong bức thư ngày 14 tháng Tư 1856. - 816.
- 330 “*L’Indépendance - belge*” (“Độc lập của Bỉ”) - nhật báo tư sản được thành lập ở Bruy-xen năm 1831, cơ quan ngôn luận của phái tự do chủ nghĩa. - 816.
- 331 “*Chambre introuvable*” (“Nghị viện có một không hai”) - hạ nghị viện ở Pháp trong những năm 1815 - 1816, bao gồm những phần tử phản cách mạng cực đoan. - 819.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

(Tháng Giêng 1855 - Tháng Tư 1856)

1855

Cuối tháng Giêng -

đầu tháng Hai

24-27 tháng Giêng

Khoảng 29 tháng
Giêng

31 tháng Giêng -

1 tháng Hai

Mác tiếp tục nghiên cứu khoa kinh tế chính trị, ông đọc qua một số lớn những vở kịch của mình với những trích đoạn về các vấn đề kinh tế nhằm hệ thống hóa tài liệu cho tác phẩm sau này.

Mác viết bài cho tờ báo dân chủ - tư sản Đức "Neue Oder - Zeitung" ("Báo Ô-đê mới"), từ cuối tháng Chạp 1854 ông đã trở thành cộng tác viên của tờ báo này. Ông viết cho tờ báo này ba bài về các cuộc tranh luận ở nghị viện Anh và về cuộc khủng hoảng nội các. Các bài báo của Mác "Khai mạc kỳ họp của nghị viện", "Về cuộc khủng hoảng nội các" và "Công việc của nghị viện" được công bố trên tờ "Neue Oder - Zeitung" ngày 27, 29 và 30 tháng Giêng.

Trong khi tiếp tục theo dõi diễn biến chiến sự ở Crum, Ăng-ghen viết cho báo "New - York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày") bài "Chiến tranh ở châu Âu" theo đề nghị của Mác, trong đó ông phân tích triển vọng cuộc Chiến tranh Crum biến thành cuộc chiến tranh toàn châu Âu. Mác gửi bản tiếng Đức bài báo này với phần bổ sung do ông viết về các cuộc tranh luận ở nghị viện cho tờ "Neue Oder - Zeitung" và được công bố ngày 1 tháng Hai dưới nhan đề "Tin từ nghị viện. - Từ chiến trường". Trên tờ "New - York Daily Tribune", bài của Ăng-ghen được công bố ngày 17 tháng Hai với tư cách là xã luận.

Nhân việc nội các liên hiệp A-bớc-đin sụp đổ, Mác gửi cho Ăng-ghen tài liệu để viết bài cho tờ "New - York Daily

1 tháng Hai

Trước 2 tháng Hai

2 tháng Hai

2-6 tháng Hai

Khoảng 9 tháng Hai

Khoảng 9 tháng Hai -
3 tháng Ba

12 - 14 tháng Hai

Tribune", đây là tiểu luận phê phán tỉ mỉ hoạt động của nội các liên hiệp. Ăng-ghen sử dụng tài liệu này trong bài "Chính phủ trước của Anh", bài này được công bố trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 23 tháng Hai với tư cách là xã luận.

Theo lời mời của lãnh tụ phái Hiến chương E.Giôn-xơ, Mác đến dự hội nghị Ủy ban quốc tế những người lưu vong với mục đích tìm hiểu đặc điểm của tổ chức này; hội nghị thảo luận vấn đề tổ chức lễ kỷ niệm cách mạng tháng Hai 1848 ở Pháp.

Mác nhận được thư của Lát-xan nêu rõ tình hình chính trị bên trong nước Đức; Mác gửi thư này cho Ăng-ghen.

Thông báo cho Ăng-ghen về việc thành lập Ủy ban quốc tế những người lưu vong dưới quyền chủ tịch của Giôn-xơ theo sáng kiến của các lãnh tụ phái Hiến chương, Mác phê phán hoạt động của ủy ban này và nhấn mạnh rằng cùng với phái Hiến chương tham gia ủy ban này còn có cả đại biểu những nhóm tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn, xa lạ với phong trào vô sản chân chính.

Mác viết nhiều bài về cuộc khủng hoảng nội các ở Anh: "Nội các A-bớc-đin sụp đổ"; bài này được công bố trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 17 tháng Hai do Mác ký tên và bài "Bàn về cuộc khủng hoảng nội các", "Nội các bị lật đổ", "Các chính đảng và tập đoàn" và "Hai cuộc khủng hoảng"; những bài này được công bố trên tờ "Neue Oder - Zeitung" ngày 5, 7, 8 và 9 tháng Hai.

Ăng-ghen viết bài "Cuộc giành giật ở Crum" trong đó ông đánh giá cao hệ thống công trình phòng thủ do những người bảo vệ Xê-va-xtô-pôn xây dựng. Bản tiếng Đức bài báo này cùng với phần bổ sung của Mác được công bố trên tờ "Neue Oder - Zeitung" ngày 12 tháng Hai dưới nhan đề "Pan-móc-xton. - Quân đội". Trên tờ "New - York Daily Tribune", bài của Ăng-ghen được công bố ngày 26 tháng Hai với tư cách là xã luận.

Mác bị đau mắt, do làm việc căng thẳng khi đọc nhiều cuốn vở ghi chép của mình về kinh tế học. Vì quá mệt mỏi nên Mác buộc phải nằm nghỉ ít ngày, con trai Mác là Êt-ga (Mu-sơ) và con gái mới sinh Ê-lê-ô-no-ra cũng bị ốm, bác sĩ khuyên Mác nên rời khỏi nơi ông đang sống là vùng Xô-hô ở Luân Đôn có hại cho sức khỏe.

Nhân việc thành lập nội các Pan-móc-xton, Mác gửi cho

	tờ “Neue Oder - Zeitung” hai bài, là bản tóm tắt tiêu phẩm của ông “Huân tước Pan-mớc-xton”, tiêu phẩm này đã được đăng vào cuối năm 1853 - đầu năm 1854 trên tờ “New - York Daily Tribune” và trên tờ “People’s Paper” (“Bảo nhân dân”), cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương. Các bài báo của Mác vạch mặt tập đoàn thống trị Anh, được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 16 và 19 tháng Hai.
<i>Trước 13 tháng Hai</i>	Mác nhận được giấy mời của Ủy ban quốc tế những người lưu vong đến dự cuộc mít-tinh, kỷ niệm cách mạng tháng Hai 1848 ở Pháp; sau khi trao đổi ý kiến với Ăng-ghen, Mác quyết định không tham dự cuộc mít-tinh vì sự vô bổ của nó.
<i>17 và 19 tháng Hai</i>	Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” hai bài “Nghị viện” và “Sự liên hợp của đảng To-ri với phái cấp tiến”, trong đó vạch rõ sự gay gắt của tình hình kinh tế và bối cảnh chính trị ở Anh. Hai bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 22 và 24 tháng Hai.
<i>Khoảng 20 tháng Hai</i>	Ăng-ghen viết bài “Chiến tranh treo trên bầu trời châu Âu”, trong đó ông phân tích tính tương quan lực lượng của các bên tham chiến. Bản tiếng Đức có phần bổ sung của Mác về các cuộc tranh luận ở nghị viện được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 23 và 24 tháng Hai dưới nhan đề “Những vấn đề ở nghị viện và những vấn đề quân sự” và “Tình hình quân đội”. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài của Ăng-ghen được công bố ngày 8 tháng Ba với tư cách là xã luận.
<i>24 tháng Hai</i>	Nhân viên phái Pin rút khỏi nội các Pan-mớc-xton, Mác viết bài “Bản về cuộc khủng hoảng mới của nội các”. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 27 tháng Hai.
<i>27 tháng Hai</i>	Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bài “Pan-mớc-xton và bọn quạ đầu Anh”, trong đó ông vạch trần bản chất phản động trong đường lối của các đảng cầm quyền. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 3 tháng Ba.
<i>Cuối tháng Hai</i>	Mác nghiên cứu lịch sử La Mã cổ đại; ông ghi chép những trích đoạn từ tác phẩm gồm ba tập của B.G Nibua “Lịch sử La Mã”.
<i>2 tháng Ba</i>	Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bài “Hiến pháp của nước Anh” và đồng thời gửi bản tiếng Anh của bài này

	cho tờ “New - York Daily Tribune”; trong đó Mác chỉ ra rằng sự thỏa hiệp giữa giai cấp tư sản và giới quý tộc kìm hãm sự phát triển tiến bộ của đất nước là cơ sở của chế độ chính trị ở Anh. Bài này được công bố ngày 6 tháng Ba trên tờ “Neue Oder - Zeitung” và ngày 24 tháng Ba trên tờ “New - York Daily Tribune” với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Cuộc khủng hoảng ở Anh”.
<i>3 tháng Ba</i>	Mác báo tin cho Ăng-ghen về ý định của mình đến Man-se-xto một thời gian vì tình trạng sức khỏe yếu và cần phải nghỉ ngơi.
<i>6 và 7 tháng Ba</i>	Mác viết các bài “Về lịch sử liên minh với Pháp”, “Ủy ban điều tra” và “Hội ký Bruy-xen”, trong đó ông vạch trần tính chất hai mặt trong chính sách đối ngoại của Pan-mớc-xton và chỉ rõ tính chất mỏng manh của liên minh giữa Anh và Pháp. Các bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 9, 10 và 11 tháng Ba.
<i>13 tháng Ba</i>	Mác viết bài “Sự trả thù của Ai-rơ-len” mang nội dung phê phán chính sách thỏa hiệp của nhóm nghị sĩ Ai-rơ-len trong nghị viện Anh. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 16 tháng Ba.
<i>Giữa tháng Ba - 6 tháng Tư</i>	Con trai Mác là Ét-ga bị ốm nặng. Do quá lo lắng cho bệnh tình của con, vợ Mác cũng bị ốm. Chăm sóc người ốm, Mác hoàn toàn kiệt sức vì nhiều đêm thức trắng. Như mọi khi, Ăng-ghen giúp đỡ vật chất cho gia đình Mác đang trong cảnh túng bần.
<i>Khoảng 16 tháng Ba</i>	Ăng-ghen viết bình luận thường kỳ về những hoạt động quân sự, đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 19 tháng Ba dưới nhan đề “Những sự kiện ở Crum” và trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 2 tháng Tư với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Những kết quả hoạt động quân sự ở Crum.”
	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Số phận của tên đại phiêu lưu”, trong đó ông vạch trần tính chất phiêu lưu trong chính sách đối ngoại của nước Pháp Bô-na-pác-tơ. Mác cũng gửi một dị bản của bài này cho tờ “Neue Oder - Zeitung”, dị bản này được công bố trên báo ngày 20 tháng Ba dưới nhan đề “Phê phán phương thức tiến hành chiến tranh của Pháp”. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài này được công bố ngày 2 tháng Tư với tư cách là bài xã luận.
<i>18 tháng Ba</i>	Trong thư gửi Ăng-ghen, Mác bày tỏ suy nghĩ về sự cần

thiết phải lên tiếng vạch trần những tư tưởng đại Xla-vơ phản động trên các trang báo của tờ “New - York Daily Tribune”

Trong thư, Mác thông báo cho Ăng-ghen việc sắp tới sẽ xuất bản tạp chí của những người lưu vong cách mạng Nga “Sao Bắc đẩu” ở Luân Đôn do Ghéc-sen làm chủ bút.

20 tháng Ba

Mác viết bài về cuộc mít-tinh ở Quán Luân Đôn, do phái mậu dịch tự do trong giai cấp tư sản tổ chức ngày 16 tháng Ba nhằm mục đích lôi kéo phái Hiến chương vào chiến dịch đối lập của giai cấp tư sản chống lại giới quý tộc và buộc phong trào công nhân phải chịu ảnh hưởng của mình. Trong bài này Mác đã nêu ra những lời phát biểu của E.Giôn-xơ và những lãnh tụ khác của phái Hiến chương tại cuộc mít-tinh, trong đó vạch trần những mưu toan của các đại biểu phái đối lập tư sản định lợi dụng phong trào công nhân cho những mục đích của họ. Bài “Cuộc mít-tinh ở Quán Luân Đôn” được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 24 tháng Ba.

20 - 27 tháng Ba

Mác theo dõi bài phát biểu ở nghị viện Anh và trên báo chí về những vấn đề chính trị quốc tế và viết một loạt bài về những vấn đề ấy. Các bài của Mác “Tin tức của báo chí Anh”, “Tin từ nghị viện: những cuộc tranh luận về Phô ở thượng nghị viện”, “Về lịch sử liên minh với Pháp”, “Na-pô-lê-ông và Béc-be”, “Thuế tem đánh vào các báo” được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 23, 24, 27 và 30 tháng Ba.

Khoảng 23 tháng Ba

Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Mưu kế cuối cùng của Na-pô-lê-ông”, trong đó vạch trần những mục đích của vương triều Na-pô-lê-ông III trong cuộc Chiến tranh Crum, và bài “Trận Xê-va-xtô-pôn” nói về thất bại của quân đồng minh khi thực hiện mưu toan chiếm đồn Xê-len-ghin. Mác cũng gửi bản vấn tất tiếng Đức bài thứ hai cho tờ “Neue Oder - Zeitung” đăng ngày 26 tháng Ba dưới nhan đề “Về những sự kiện gần đây ở Crum”. Trên tờ “New - York Daily Tribune” hai bài của Ăng-ghen được công bố ngày 7 tháng Tư với tư cách là các xã luận.

28 tháng Ba

Mác viết bài về cuộc điều tra những nguyên nhân gây nên tình hình thảm họa của quân đội Anh ở Crum do ủy ban nghị viện tiến hành, trong đó Mác phê phán gay gắt bộ máy chiến tranh của Anh. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 31 tháng Ba dưới nhan đề

“Những tiết lộ của Ủy ban điều tra” và một dị bản của nó được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 14 tháng Tư với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Quân đội Anh”.

Khoảng 30 tháng Ba

Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Tiến trình của chiến tranh” trong đó ông đánh giá cao nghệ thuật quân sự - xây dựng công trình của những người bảo vệ Xê-va-xtô-pôn; Mác cũng gửi bản tiếng Đức của bài báo này cho tờ “Neue Oder - Zeitung” đăng ngày 2 tháng Tư dưới nhan đề “Về tình hình ở Crum”. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài báo được đăng ngày 17 tháng Tư với tư cách là bài xã luận.

30 tháng Ba

Mác báo tin cho Ăng-ghen về tình trạng sức khỏe xấu một cách nghiêm trọng của con trai, cảm ơn Ăng-ghen về sự chăm sóc mà ông đã dành cho gia đình Mác và cả về việc ông đã đảm nhận viết bài trong thời gian Mác gặp khó khăn.

6 tháng Tư

Người con trai lên tám tuổi của Mác là Êt-ga qua đời. Mác cho Ăng-ghen biết ý định của mình muốn đưa vợ đến Ma-se-xtơ một thời gian.

10 tháng Tư

Mác viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Triển vọng trước mắt ở Pháp và ở Anh”, trong đó nêu ra tư tưởng về việc giai cấp vô sản cần phải lợi dụng tình hình phức tạp do chiến tranh để mở rộng cuộc đấu tranh cách mạng. Ban biên tập tờ “Tribune” trong thời gian gần đây thường đăng những bài của Mác với tư cách là các bài xã luận thì lần này đăng bài của Mác ngày 27 tháng Tư có ký tên ông.

Khoảng 14 tháng Tư

Ăng-ghen viết bài chỉ rõ sự bất tài của Na-pô-lê-ông III và các tướng lĩnh của ông ta với tư cách là những nhà chỉ huy quân sự. Bài này được công bố ngày 17 tháng Tư trên tờ “Neue Oder - Zeitung” dưới nhan đề “Phê phán bài báo của Na-pô-lê-ông trên tờ “Moniteur” và ngày 30 tháng Tư trên tờ “New - York Daily Tribune” với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Những điều biện bạch của Na-pô-lê-ông”.

Khoảng 15 tháng Tư

Ăng-ghen viết bài bình luận quân sự phê phán phương pháp tiến hành bao vây Xê-va-xtô-pôn của quân đồng minh. Bài bình luận được công bố ngày 18 tháng Tư trên tờ “Neue Oder - Zeitung” dưới nhan đề “Vụ xuất kích ngày 23 tháng Ba” và ngày 30 tháng Tư trên tờ “New - York Daily

<i>Khoảng 17 tháng Tư</i>	<p>Tribune” với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn”.</p> <p>Ăng-ghen cho tờ “Neue Oder - Zeitung” và “New - York Daily Tribune” các bài chống chủ nghĩa đại Xla-vơ, trong đó ông vạch trần tính chất phản động của tư tưởng hợp nhất các dân tộc Xla-vơ dưới sự chi phối của nước Nga Nga hoàng. Trên tờ “Neue Oder - Zeitung”, các bài này được đăng ngày 21 và 24 tháng Tư dưới nhan đề “Nước Đức và chủ nghĩa đại Xla-vơ”. Báo “New - York Daily Tribune” công bố các bài của Ăng-ghen vào ngày 5 và 7 tháng Năm với tư cách là các bài xã luận dưới dạng bị bóp méo.</p>
<i>18 tháng Tư khoảng - 6 tháng Năm 7 - 21 tháng Năm</i>	<p>Mác và vợ ở Man-se-xtơ.</p> <p>Nhân cuộc cô động sôi nổi của đại biểu các giới tài chính - thương mại của giai cấp tư sản đòi cải cách hành chính, Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” năm bài về đề tài này: “Về lịch sử các chiến dịch cô động”, “Tờ “Morning Post” chống nước Phổ. - Đảng Vích và đảng To-ri”, “Phiên họp của thượng nghị viện”. “Phái tư sản đối lập và phái Hiến chương”, “Bản về phong trào cải cách”. Các bài này vạch trần những mục tiêu thật sự của các nhà cải cách ở khu Xi-ti, nêu rõ nỗi hoảng của họ trước giai cấp công nhân và việc họ sẵn sàng thỏa hiệp với giới quý tộc, được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 10, 18, 19 và 24 tháng Năm.</p>
<i>Khoảng 8 và khoảng 11 tháng Năm</i>	<p>Ăng-ghen viết hai bài về diễn biến của cuộc chiến tranh. Trên báo “Neue Oder - Zeitung” các bài này được công bố ngày 11 và 14 tháng Năm dưới nhan đề “Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn” và “Chiến dịch Crum”; trên tờ “New - York Daily Tribune” chúng được công bố ngày 28 và 29 tháng Năm với tư cách là các bài xã luận dưới nhan đề “Tin từ Xê-va-xtô-pôn” và “Cuộc tấn công mới ở Crum”.</p>
<i>Trước 16 tháng Năm</i>	<p>Mác đề nghị En-xơ, một trong những biên tập viên của báo “Neue Oder - Zeitung” tìm giúp nơi xuất bản cuốn sách mỏng về chủ nghĩa đại Xla-vơ mà Ăng-ghen dự định viết và công bố ở Đức. Những cố gắng của En-xơ không đạt được kết quả vì các nhà xuất bản đều từ chối không dám nhận xuất bản cuốn sách đó “do sợ mang tiếng là cách mạng”.</p> <p>Văn tập “Những tiểu phẩm chính trị”, do Ta-cơ xuất bản</p>

<i>19 tháng Năm</i>	<p>ra mắt bạn đọc trong văn tập này có in lại số bài của Mác trong loạt bài “Huân tước Pan-mớc-xton” đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” và “People’s Paper”.</p> <p>Mác viết bài “Thị trường tiền tệ” trong đó ông nêu ra những tư liệu lột tả cuộc khủng hoảng tiền tệ sâu sắc ở Anh. Bài này được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 22 tháng Năm.</p>
<i>Khoảng 21 tháng Năm</i>	<p>Ăng-ghen viết bài bình luận quân sự, bài này được đăng làm xã luận trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 8 tháng Sáu dưới nhan đề “Cuộc Chiến tranh Crum”.</p>
<i>24 tháng Năm</i>	<p>Mác đưa bài bình luận quân sự do Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” vào bài viết thường kỳ của mình cho tờ “Neue Oder - Zeitung”. Bài báo dưới nhan đề “Màn đầu hài kịch diễn ở dinh huân tước Pan-mớc-xton. - Diễn biến của những sự kiện gần đây ở Crum” được công bố trên báo ngày 29 tháng Năm. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài của Ăng-ghen dưới nhan đề “Viên chỉ huy trưởng mới của Pháp” được công bố ngày 12 tháng Sáu với tư cách là bài xã luận.</p>
<i>26 tháng Năm - 1 tháng Sáu</i>	<p>Nhân có các cuộc tranh luận ở nghị viện về chính sách đối ngoại của chính phủ Pan-mớc-xton, Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bốn bài, trong đó ông phân tích lập trường của các đảng phái và phe nhóm khác nhau ở nghị viện Anh đối với cuộc Chiến tranh Crum. Các bài của Mác “Cải cách nghị viện. - Sự gián đoạn và sự nổi lại Hội nghị Viên. - Cái gọi là cuộc chiến tranh hủy diệt” “Kiến nghị của Đì-xra-e-li”, “Tin từ nghị viện: những cuộc tranh luận về kiến nghị của Đì-xra-e-li”, “Phê phán bài diễn văn gần đây của Pan-mớc-xton”, được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 30, 31 tháng Năm, 1 và 4 tháng Sáu.</p>
<i>5 tháng Sáu</i>	<p>Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bài “Hội cải cách hành chính. - Hiến chương nhân dân”; ông nêu bật ý nghĩa cương lĩnh dân chủ hóa chế độ chính trị Anh do phái Hiến chương đề ra và nhấn mạnh rằng việc thực hiện cương lĩnh sẽ mở ra triển vọng cho giai cấp công nhân giành lấy quyền lực chính trị. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 8 tháng Sáu.</p>
<i>6 - 9 tháng Sáu</i>	<p>Mác tiếp tục theo dõi những cuộc tranh luận ở nghị viện Anh về vấn đề chiến tranh và nhân đó viết hai bài báo,</p>

	các bài này được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 9 và 12 tháng Sáu.
<i>Khoảng 8 tháng Sáu</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Tin tức từ Crum”. Bản tiếng Đức bài báo này được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 11 tháng Sáu dưới nhan đề “Phê phán những sự kiện ở Crum”. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài báo này được công bố ngày 23 tháng Sáu với tư cách là bài xã luận.
<i>Khoảng 12 tháng Sáu</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Xê-va-xtô-pôn”, trong đó ông phác thảo tóm tắt sự phát triển của khoa xây dựng công sự. Bản tiếng Đức của bài này được đăng trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 15 tháng Sáu dưới nhan đề “Phê phán những hoạt động chiến tranh ở Crum”. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài này được công bố ngày 29 tháng Sáu với tư cách là bài xã luận.
<i>Khoảng 15 tháng Sáu</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Những kế hoạch quân sự của Na-pô-lê-ông” trong đó ông chứng minh rằng kế hoạch “chiến tranh cục bộ vì mục đích cục bộ” do quân đồng minh đưa ra là nhằm không để cho cuộc Chiến tranh Crum trở thành cuộc chiến tranh của các dân tộc chống lại các chế độ phân động ở châu Âu. Mác cũng sử dụng tư liệu của bài này cho những bản tin của mình: “Vụ rắc rối ở hạ nghị viện. - Cuộc Chiến tranh ở Crum” và “Chiến tranh cục bộ. - Những cuộc tranh luận về cải cách hành chính. - Báo cáo của Ủy ban Rô-bác” các bản tin này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 19 và 23 tháng Sáu. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài của Ăng-ghen được công bố ngày 2 tháng Sáu với tư cách là bài xã luận.
<i>Trước 15 tháng Sáu</i>	Mác nhận được đề nghị của Đa-na - một trong những biên tập viên của tờ “New - York Daily Tribune” - viết cho tạp chí tiến bộ Niu Oóc “Putman’s Monthly” (“Nguyệt san của Pát-nêm”) một số bài viết về các quân đội châu Âu, theo đề nghị của Mác, Ăng-ghen đảm nhận viết những bài này.
<i>19 tháng Sáu</i>	Mác viết bài “Một chính sách kỳ lạ”, trong đó ông vạch trần những mục đích chính trị phản cách mạng của giai cấp thống trị Anh và Pháp trong cuộc Chiến tranh Crum. Bài này được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 10 tháng Bảy với tư cách là bài xã luận.

<i>Sau 19 tháng Sáu</i>	Mác nhận được thư của Si-li, nguyên là người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, gửi từ Pa-ri, trong đó ông ta truyền đạt ý kiến của một số người quen biết Mác cho rằng cần phải sớm công bố tác phẩm của Mác về khoa kinh tế chính trị.
<i>24 tháng Sáu</i>	Mác cùng với V.Líp-nêch tham gia cuộc biểu tình của quần chúng tại công viên Hây-đơ ở Luân Đôn để phản đối đạo luật cấm buôn bán vào ngày chủ nhật, một đạo luật làm tổn hại đến lợi ích của quần chúng nhân dân, Mác mô tả những ấn tượng của mình về cuộc biểu tình trong bài “Phong trào chống giáo hội. Biểu tình tại công viên Hây-đơ”, trong đó ông nhấn mạnh tính chất quần chúng của phong trào và vai trò tích cực của phái Hiến chương ở đó. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 28 tháng Sáu.
<i>27 tháng Sáu</i> <i>khoảng 3 tháng Bảy</i>	Khi nghiên cứu tại thư viện Viện bảo tàng Anh, Mác thu thập tư liệu về quân đội Tây Ban Nha và Na-pơ cho Ăng-ghen; Ăng-ghen sử dụng tư liệu này trong tác phẩm của mình “Các quân đội châu Âu”.
<i>Khoảng 29 tháng Sáu</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Tin tức Xê-va-xtô-pôn”, Bản tiếng Đức của bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 2 tháng Bảy dưới nhan đề “Về những sự kiện ở Crum”. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài này được công bố ngày 12 tháng Bảy với tư cách là bài xã luận.
<i>Cuối tháng Sáu - đầu tháng Bảy</i>	Ăng-ghen viết phần thứ nhất tác phẩm của mình “Các quân đội châu Âu”, phần này được in trong số tháng Tám của “Putman’s Monthly”
<i>1 tháng Bảy</i>	Mác tham gia cuộc biểu tình thứ hai ở Công viên Hây-đơ phản đối đạo luật cấm buôn bán vào ngày chủ nhật, may mà ông không bị bắt. Trong bài “Làn sóng công nhân việc ban bố luật đòi nghiêm chỉnh tôn trọng ngày chủ nhật”, Mác kiên quyết phản đối những hành động của cảnh sát Luân Đôn đàn áp dã man những người tham gia cuộc biểu tình. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 5 tháng Bảy.
<i>Khoảng 6 tháng Bảy</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” một bài nói về cuộc tấn công thất bại của quân đồng minh vào Xê-va-xtô-pôn ngày 18 tháng Sáu. Khi gửi bản tiếng Đức bài này cho tờ “Neue Oder - Zeitung”, Mác chia nó ra làm hai bài, bài thứ nhất được ông bổ sung thêm phần miêu

	tả các cuộc xung đột giữa nhân dân với cảnh sát ở Luân Đôn, xảy ra sau cuộc đàn áp những người biểu tình ở công viên Hây-đơ ngày 1 tháng Bảy. Bài “Những cuộc xung đột giữa nhân dân và cảnh sát. Về các sự kiện ở Crum” và bài “Về trận tấn công ngày 18 tháng Sáu” được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 9 và 11 tháng Bảy. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài của Ăng-ghen được công bố ngày 21 tháng Bảy với tư cách là bài xã luận có nhan đề “Thất bại vừa qua của quân đồng minh”.
11 - 20 tháng Bảy	Nhân cuộc khủng hoảng nội các mới và việc Rốt-xen từ chức, Mác viết một loạt bài về các cuộc tranh luận ở nghị viện, trong đó ông vạch trần tính chất phản dân chủ của nghị viện Anh. Mác đưa những bài bình luận quân sự do Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” vào một số bài này. Các bài “Tin từ nghị viện: những đề nghị của Rô-bác và Bun-vơ”, “Tin từ nghị viện: đề nghị của Bun-vơ, vấn đề Ai-rơ-len”, “Sự từ chức của Rốt-xen. - Những sự kiện ở Crum”, “Sự từ chức của Rốt-xen”, “Trong nghị viện” và “Tin từ nghị viện. - Từ chiến trường” được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 14, 16, 17, 20, 21 và 23 tháng Bảy.
17 tháng Bảy	Trong thư gửi Ăng-ghen, Mác thông báo một số tin tức về những đảng viên trước đây của Liên đoàn những người cộng sản và những nhà cách mạng Đức khác đã lưu vong sang Mỹ.
Sau 17 tháng Bảy	Mác cùng vợ - tuy còn chưa hồi phục sau chấn động vì cái chết của con trai - và con gái chuyển đến Kem-bơ-ru-ơn (ngoại ô Luân Đôn) ở chỗ I-man, nguyên là thành viên Liên đoàn những người cộng sản; trong thời gian I-man ở Xcốt-len, ông giao cho gia đình Mác sử dụng biệt thự của mình.
25 tháng Bảy - 12 tháng Tám	Mác viết tiểu phẩm “Huân tước Giôn Rốt-xen”, trong đó thông qua Rốt-xen - đại diện điển hình của đảng Vích, ông vạch trần đường lối của giới cầm quyền Anh trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX. Tiểu phẩm được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” từ ngày 28 tháng Bảy đến 15 tháng Tám và dưới dạng tóm tắt trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 28 tháng Tám.
Cuối tháng Bảy	Ăng-ghen viết phần thứ hai tác phẩm “Các quân đội châu Âu”, phần này được in trong số tháng Chín của tờ “Putnam’s Monthly”.

13 tháng Tám	Mác viết bài “Mít-tinh về Ba Lan” trong đó ông vạch trần tính chất khiêu khích trong chính sách của chính phủ Pan-mớc-xton đối với phong trào dân tộc Ba Lan, đồng thời phê phán lập trường của phái quân chủ - quý tộc bảo thủ trong giới lưu vong Ba Lan, đặt phái dân chủ đối lập với phái này. Bài báo được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 16 tháng Tám.
15 tháng Tám	Mác viết bài “Phê phán lập trường của Áo trong cuộc Chiến tranh Crum”, trong đó ông làm sáng tỏ những cuộc tranh luận tại nghị viện Anh về nguyên nhân khiến Áo từ chối không tham gia chiến tranh chống nước Nga. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 18 tháng Tám còn bài mở rộng nó viết vào cuối tháng Tám dưới nhan đề “Nước Áo và chiến tranh”, thì được đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 13 tháng Chín với tư cách là bài xã luận.
17 và 18 tháng Tám	Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bài “Cuộc chiến tranh Anh - Pháp chống lại nước Nga”, trong đó ông sử dụng bài bình luận quân sự của Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune”. Bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 20 và 21 tháng Tám. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài của Ăng-ghen được công bố ngày 1 tháng Chín với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Chiến tranh”.
Khoảng 31 tháng Tám	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Trận giao chiến trên sông Đen”, dị bản tiếng Đức bài báo này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 3 và 4 tháng Chín. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài báo được công bố ngày 14 tháng Chín với tư cách là bài xã luận.
Tháng Chín	Ăng-ghen viết phần thứ ba, phần cuối cùng tác phẩm của mình “Các quân đội châu Âu”, phần này được công bố trong số tháng Chạp của tờ “Putnam’s Monthly”.
1 tháng Chín	Mác báo tin cho Ăng-ghen biết về việc Đa-na lại đề nghị viết cho tạp chí “Putnam’s Monthly” một bài nói về những sự hoàn thiện trong phương pháp tiến hành chiến tranh hiện đại.
6 tháng Chín	Sau khi được tin về cái chết của R. Đa-ni-en-xơ, một trong những thành viên của Liên đoàn những người cộng sản bị buộc tội tại vụ án ở Khuên, Mác viết thư gửi lời chia buồn với vợ ông ta ở Khuên. Trong thư gửi Ăng-ghen, Mác cho biết ông định cho đăng

	bài cáo phó về Đa-ni-en-xơ và tin buồn về cái chết của ông ta trên báo chí có chữ ký của Mác, Ăng-ghen, Phrai-li-grát và V.Vôn-phơ.
<i>Khoảng 8 tháng Chín</i>	Nhân việc công bố trên báo chí Anh những thư tín trao đổi giữa đô đốc Anh S.Nây-pia với bộ trưởng hàng hải Giêm-xơ Grê-hêm liên quan đến hoạt động quân sự của quân đồng minh trên biển Ban-tích năm 1854, Mác viết bài “Những tổ giác mới ở Anh”. Bài này được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 24 tháng Chín với tư cách là bài xã luận.
<i>Sau 8 tháng Chín</i>	Ăng-ghen sắp xếp những ghi chép theo niên đại về các sự kiện cơ bản của cuộc Chiến tranh Crum.
<i>11 tháng Chín</i>	Mác dựa trên cơ sở những thông tin điện báo gần nhất để làm chính xác thêm bài viết của Ăng-ghen cho tờ “New - York Daily Tribune” “Xê-va-xtô-pôn thất thủ”, ông gửi bản tiếng Đức bài báo này cho tờ “Neue Oder - Zeitung”, và bài báo này được công bố ngày 14 tháng Chín dưới nhan đề “Về việc chiếm Xê-va-xtô-pôn”. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài báo được đăng ngày 28 tháng Chín với tư cách là bài xã luận.
	Nhận được thư của En-xơ nói đến những khó khăn về tài chính của tờ “Neue Oder - Zeitung”, trong thư trả lời của mình, Mác tỏ ý sẵn sàng cộng tác với tờ báo mà không cần nhuận bút.
	Nhân việc cựu lãnh tụ phái Hiến chương Ô Cô-no qua đời, Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” một bài mô tả tang lễ Ô Cô-no do công nhân Luân Đôn tổ chức. Bài “Lễ an táng Ô Cô-nô” được công bố trên báo ngày 15 tháng Chín.
<i>12 tháng Chín</i>	Mác rời Căm-be-ru-en đến Man-se-xtơ với Ăng-ghen.
<i>Khoảng 14 tháng Chín</i>	Ăng-ghen viết bài “Triển vọng của cuộc chiến tranh ở Crum”, trong đó ông chỉ rõ vai trò của các pháo đài và các đội quân dã chiến trong chiến tranh hiện đại. Bản tiếng Đức của bài này Mác gửi cho tờ “Neue Oder - Zeitung”, ở đó nó được công bố ngày 18 tháng Chín dưới nhan đề “Bàn về những sự kiện ở Crum”. Trên tờ “New - York Daily Tribune”, bài của Ăng-ghen được công bố ngày 1 tháng Mười với tư cách là bài xã luận.
<i>24 tháng Chín và 4 tháng Mười</i>	Mác viết các bài “Tình hình thương mại và tài chính” và “Ngân hàng Pháp. - Viện binh cho Crum. - Các nguyên soái mới”, trong đó ông chỉ rõ những triệu chứng của cuộc khủng hoảng tài chính đang chín muồi ở Pháp. Các bài

	này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 28 tháng Chín và 8 tháng Mười.
<i>28 tháng Chín</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” một bài về cuộc tấn công và chiếm lĩnh Xê-va-xtô-pôn, dị bản của bài này được công bố trên tờ “Neue Oder - Zeitung” ngày 4 tháng Mười dưới nhan đề “Về trận tấn công Xê-va-xtô-pôn”. Trên tờ “New - York Daily Tribune” bài này được công bố ngày 13 tháng Mười với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Sự kiện có tính chất quyết định của cuộc chiến tranh.
<i>2 tháng Mười</i>	Mác viết cho tờ “Neue Oder - Zeitung” bài “Bản báo cáo chính thức về tài chính”, trong đó ông phê phán chính sách thuế khóa của Chính phủ Anh và chỉ rõ tính chất vô căn cứ của những điều khẳng định của báo chí tư sản Anh về việc tăng phúc lợi của những người lao động Anh. Bài này được công bố trên báo ngày 6 tháng Mười.
<i>Khoảng 6 - 10 tháng Mười</i>	Mác nhận được hai bức thư của En-xơ trong đó ông đề nghị Mác đừng gửi bài cho tờ “Neue Oder - Zeitung” nữa vì tờ báo sắp sửa bị đình sản. Nhận được lá thư đầu tiên, Mác thôi không gửi bài đến nữa.
<i>Khoảng 19 tháng Mười</i>	Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài bình luận quân sự thường kỳ. Bài này được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 5 tháng Mười một với tư cách là bài xã luận dưới nhan đề “Diễn biến chiến sự”.
<i>Nửa đầu tháng Mười một</i>	Mác và Ăng-ghen gặp gỡ người bạn của mình, nhà thơ vô sản Đức G.Véc-thơ, vừa đi du lịch khắp lục địa châu Âu về.
<i>Đầu tháng Mười một</i>	Trong thư gửi cho Đa-na, Mác đòi thay đổi điều kiện công tác của ông với báo “New - York Daily Tribune”. Trong thư trả lời, Đa-na chấp thuận đề nghị của Mác mỗi tuần gửi cho báo hai bài với nhuận bút mười đô-la mỗi bài.
<i>Khoảng 2 tháng Mười một</i>	Ăng-ghen viết bài “Quân đội Nga” nêu rõ ảnh hưởng của sự lạc hậu về kinh tế và chế độ chính trị phản động của nước Nga Sa hoàng đối với tình hình quân đội Nga. Bài này được đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 16 tháng Mười một với tư cách là bài xã luận.
<i>8 tháng Mười một</i>	Mác cho En-xơ biết là ông đã nhận được thư của ông ta báo tin tờ “Neue Oder - Zeitung” sắp sửa đình bản và do vậy ông đã ngừng gửi bài cho báo. Trong thư Mác bày tỏ sự khen ngợi về hoạt động của tờ “Neue Oder - Zeitung” đã tiếp tục xuất bản thêm một thời gian nữa, và nêu rõ

	rằng tờ báo đã xuất bản với mức cao nhất có thể làm được trong điều kiện của sự phân động về chính trị ở Đức. Mác còn thông báo về việc chính quyền Anh truy bức những người lưu vong chính trị trên đảo Giéc-xi.
<i>17 tháng Mười một 1855 và 5 tháng Giêng 1856</i>	Tờ báo của phái Uốc-các-tơ đối lập với Pan-móc-xton “Sheffield Free Press” (“Báo tự do Sép-phin”) đăng lại hai bài báo của Mác trong loạt bài “Huân tước Pan-móc-xton”, công bố trên tờ “People’s Paper”, bài thứ nhất trong số đó được đăng thành một tập riêng, tập số 4A trong “Free Press Serials” (“Tủ sách nhỏ “Free Press”).
<i>Đầu tháng Chạp 12 tháng Chạp</i>	Mác từ Man-se-xơ trở về Luân Đôn. Ăng-ghen thông báo cho Mác về cuộc bãi công đang tiếp diễn của công nhân các nhà máy dệt ở Man-se-xơ.
<i>12 tháng Chạp 1855 - tháng Giêng 1856</i>	Mác vài lần gặp gỡ Ét-ga Bau-ơ và Bru-nô Bau-ơ. Trong các bức thư gửi Ăng-ghen, Mác thông báo về những cuộc trao đổi của mình với hai anh em Bau-ơ và đưa ra những nhận xét phê phán về quan điểm duy tâm của họ, đặc biệt là ông lên án mạnh mẽ thái độ miệt thị kiêu căng của Bru-nô Bau-ơ đối với phong trào công nhân.
<i>Khoảng 24 tháng Chạp 1855 - đầu tháng Giêng 1856</i>	Ăng-ghen ở thăm những người thân thích của mình ở Luân Đôn, ông thường xuyên gặp gỡ Mác.
<i>Khoảng 28 tháng Chạp</i>	Mác viết bài “Chính sách đối ngoại truyền thống của Anh” trong đó dựa trên những dẫn chứng lịch sử, ông vạch ra bản chất phân cách mạng trong chính sách đối ngoại của đảng Vích. Bài này được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 12 tháng Giêng 1856 với tư cách là bài xã luận.
<i>29 tháng Chạp 1855 - 16 tháng Hai 1856</i>	Tất cả loạt bài của Mác “Huân tước Pan-móc-xton” công bố trên tờ “People’s Paper”, được đăng lại trên tờ “Free Press” (“Báo tự do”), cơ quan ngôn luận của phái Uốc-các-tơ ở Luân Đôn và đồng thời được xuất bản thành một tập riêng, tập số 5 trong “Free Press Serials” dưới nhan đề “Tiểu sử huân tước Pan-móc-xton”.

1856

Tháng Giêng - tháng Tư

Ăng-ghen viết loạt bài chống chủ nghĩa đại Xla-vơ cho báo “New - York Daily Tribune”, ông nghiên cứu những sách báo

	về lịch sử và văn hóa của các dân tộc Xla-vơ; những bài của Ăng-ghen được Mác gửi sang Niu Óóc đều không được công bố.
<i>Nửa đầu tháng Giêng</i>	Mác viết cho tờ “New - York Daily Tribune” các bài về Các công quốc vùng Đa-nuýp và về Thụy Sĩ. Các bài này không được công bố.
<i>Khoảng 11 tháng Giêng</i>	Nhân việc quân đội Nga chiếm được pháo đài Các-xơ tháng Mười một 1855, Ăng-ghen viết cho tờ “New - York Daily Tribune” bài “Chiến tranh ở châu Á” trong đó ông phân tích những nguyên nhân thất bại của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Nam Cáp-ca-dơ và nêu bật thắng lợi to lớn của quân Nga. Bài này được công bố trên báo ngày 25 tháng Giêng với tư cách là bài xã luận.
<i>Khoảng 18 tháng Giêng</i>	Ăng-ghen viết bài “Cuộc chiến tranh châu Âu” trong đó ông tổng kết sơ bộ cuộc Chiến tranh Crum, nêu rõ rằng tiến trình các sự kiện không đáp ứng được những hy vọng về việc biến cuộc chiến tranh này thành cuộc chiến tranh vì cải cách dân chủ ở châu Âu và giải phóng các dân tộc bị áp bức. Bài này được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 4 tháng Hai với tư cách là bài xã luận.
<i>18 tháng Giêng</i>	Mác gửi cho Ăng-ghen bài báo “Tin về phái Hiến chương” của Đ.Uốc-các-tơ vu cáo các lãnh tụ phái Hiến chương. Trong thư Mác nhận xét rằng trong trường hợp này Uốc-các-tơ hành động một cách khách quan y như “nhân viên cảnh sát Anh”.
<i>Tháng Hai - tháng Tư</i>	Mác nghiên cứu các tài liệu ngoại giao, các tiểu phẩm cuối thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XVIII, và cả những công trình nghiên cứu lịch sử về quan hệ Anh - Nga trong thư viện Viện bảo tàng Anh. Ông ghi chép từ những cuốn sách của Gi. Uy-li-am, Hi-u-dơ, Ma-khôn, Slốt-xơ và nhiều tác giả khác cũng như từ nhật ký của Pi-ốt I và những ghi chép của Vê-xê-lốp-xki, đại sứ Nga ở Anh, ông cho Ăng-ghen biết ông định công bố những tài liệu do ông phát hiện ra về lịch sử ngoại giao của thế kỷ XVIII.
<i>7 tháng Hai</i>	Trong thư gửi Mác, Ăng-ghen nhận xét chi tiết tình hình chính trị bên trong nước Pháp, nêu rõ thái độ chống đối Bô-na-pác-tơ ngày càng tăng trong giai cấp vô sản, sinh viên và quân đội.
<i>8 tháng Hai</i>	Mác sử dụng tư liệu trong thư Ăng-ghen gửi ngày 7 tháng Hai để viết bài “Cuộc xung đột Anh - Mỹ. - Tình hình ở Pháp”, trong đó ông tiên đoán sự sụp đổ không thể tránh

*Khoảng 25 – 28
tháng Hai*

khỏi của chế độ Bô-na-pác-tơ ở Pháp và ông cũng đề cập đến những mâu thuẫn giữa Anh và Mỹ. Bài này được đăng trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 25 tháng Hai.

G.Lê-vi với tư cách là đại biểu công nhân Đuyt-xen-đoóc-phơ đến Luân Đôn gặp Mác; ông ta thông báo cho Mác về tình hình phong trào công nhân ở tỉnh Ranh, về tinh thần cách mạng đang dâng lên trong công nhân công xưởng ở Đô-lin-ghen, I-dơ-lôn, En-bơ-phen-đơ và những nơi khác, họ đã sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa. Mác ngừa trước cho Lê-vi khỏi những hành vi mạo hiểm, giải thích cho ông ta về sự còn non nớt của cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Ranh trong điều kiện hiện tại và đồng thời cũng chỉ rõ rằng nếu “Pa-ri báo hiệu, thì cần phải mạo hiểm tất cả trong bất kỳ hoàn cảnh nào”. Lê-vi còn thông báo cho Mác biết một loạt sự việc gây tổn hại uy tín trong hoạt động và đời tư của Lát-xan, những sự việc đó đã gây nên lòng căm ghét của công nhân Đuyt-xen-đoóc-phơ đối với ông ta. Mác khuyên hãy nên theo dõi Lát-xan và trong lúc này không nên vạch mặt ông ta trước công chúng.

*Cuối tháng Hai –
nửa đầu tháng Ba*

Mác nghiên cứu sách báo về lịch sử các dân tộc Xla-vo tại Viện bảo tàng Anh. Trong các bức thư gửi Ăng-ghen, ông đánh giá có phê phán từng cuốn sách về ngôn ngữ học Xla-vo, trong đó có tác phẩm của Đô-brốp-xki Hép-tơ, Ai-sơ-hốp. Quan tâm đến lịch sử văn hóa các dân tộc Xla-vo, đặc biệt là văn hóa cổ Nga, Mác đọc qua bản dịch bằng tiếng Pháp cuốn “Thiên anh hùng ca về đạo quân I-go” và hứa với Ăng-ghen sẽ tìm cho Ăng-ghen một xuất bản phẩm của tác phẩm này.

5-7 tháng Ba

Qua thư từ, Mác và Ăng-ghen trao đổi ý kiến xoay quanh những thông báo của Lê-vi về tình hình phong trào công nhân ở tỉnh Ranh. Hai ông còn thảo luận những tin tức do Lê-vi cung cấp về thái độ của Lát-xan và đi đến kết luận rằng thái độ ấy là cơ sở để càng không đáng tin cậy ông ta nữa.

*Cuối tháng Ba -
tháng Tư*

Sau khi nghiên cứu những tài liệu ngoại giao vừa được công bố trong cuốn Sách xanh về sự đầu hàng của Các-xơ, Mác viết tác phẩm “Các-xơ thất thủ” với mục đích vạch trần những hành động bội ước của giới ngoại giao Anh và Pháp đối với “người đồng minh” Thổ Nhĩ Kỳ. Lúc đầu tác phẩm này được Mác dành cho tờ “New - York Daily Tribune” và được đăng trên báo ngày 8 tháng Tư, về sau được Mác gửi cho cơ quan ngôn luận của phái Hiến

chương “People’s Paper” dưới hình thức mở rộng đáng kể, ở đó nó được công bố thành bốn bài ngày 5, 12, 19 và 26 tháng Tư do Mác ký tên. Mác đã sử dụng những bài riêng biệt trong tờ “People’s Paper” làm bản tin của mình cho tờ “Free Press” và “Sheffield Free Press”, chúng được công bố ngày 3 tháng Năm.

Trước 29 tháng Ba

Mác giới thiệu với tổng biên tập báo “People’s Paper” E.Giôn-xơ bản thảo bài viết của mình “Các-xơ thất thủ” vốn được dành cho tờ “New - York Daily Tribune”. Giôn-xơ dự định sử dụng tư liệu của bài này cho bài giảng trước thính giả công nhân ở hội trường Xanh-Mác-tanh và cho đăng trên tờ “People’s Paper” ngày 29 tháng Ba một bản thông báo về việc sửa công bố loạt bài của Mác về Các-xơ trên báo này.

Khoảng 1 tháng Tư

Mác viết bài “Nước Pháp của Bô-na-pác-tơ cháu”, trong đó ông tố cáo chế độ Đế chế thứ hai. Bài này được đăng trên tờ “People’s Paper” ngày 5 tháng Tư và trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 14 tháng Tư với tư cách là bài xã luận.

Nửa đầu tháng Tư

Mác đôi lần gặp gỡ C.Sáp-pơ, ông này thừa nhận tính chất sai lầm của quan điểm phiêu lưu bè phái của mình trong thời kỳ Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt và hối hận về việc ông ta đã cùng với Vi-lích tham gia vào cuộc đấu tranh bè phái chống lại Mác và Ăng-ghen cùng những người ủng hộ hai ông.

Trước 10 tháng Tư

Mác nhận được thư của Lê-vi gửi từ Đuyt-xen-đoóc-phơ, trong đó ông này thông báo về cuộc gặp gỡ của mình với Mi-ken, nguyên là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, và cả về những mối bất đồng của mình với Mi-ken về vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản trong cuộc cách mạng sắp tới, Lê-vi không tán thành quan điểm thỏa hiệp của Mi-ken và đề nghị Mác cho biết ý kiến về vấn đề này.

15 tháng Tư

Mác viết bài về tình hình kinh tế và chính trị đối nội của Phổ, trong đó ông sử dụng những tư liệu thực tế qua thư của Ăng-ghen gửi cho ông ngày 14 tháng Tư. Bài của Mác “Nước Phổ” được công bố trên tờ “New - York Daily Tribune” ngày 5 tháng Năm với tư cách là bài xã luận.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

- A-béc-đin* (Aberdeen), Gioóc-giơ *Goóc-đơn*, bá tước (1784 - 1860) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, thủ lĩnh phái Pin từ năm 1850, bộ trưởng ngoại giao (1828 - 1830, 1841 - 1846) và thủ tướng nội các liên hiệp (1852 - 1855). - 13, 14, 17 -20, 34, 36, 38, 43 - 48, 59, 62, 75, 87, 98, 99, 113, 116, 122, 182, 324, 330, 342, 367, 405, 472, 473, 477, 485, 812.
- A-clen* (*Acland*), Giêm-xơ (1798 - 1876) - nhà hoạt động chính trị - xã hội Anh, thuộc phái mật dịch tự do, năm 1855 là một trong những người tổ chức phong trào đòi cải cách hành chính của giới tài chính - thương mại trong giai cấp tư sản. - 293.
- A-lếch-xan-đrơ I* (1777 - 1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825). - 185, 396.
- A-lếch-xan-đrơ II* (1818 - 1881) - hoàng đế Nga (1855 - 1881). - 185, 195, 253, 380, 403, 698, 731.
- A-lông-vin* (Allonville), Ác-măng Ôc-ta-vơ Ma-ri, đ' (1800 - 1867) - tướng Pháp, trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Crum - 723.
- A-xtơ* (Aster), Éc-nơ-xtơ Lút-vích (1778 - 1855) - tướng Phổ, kỹ sư quân sự. - 373, 575, 576.
- Ác-gai-lơ* (Argyll), Gioóc-giơ, Đu-gla-xơ *Kem-pơ-ben*, công tước (1823 - 1900) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc phái Pin, sau này theo chủ nghĩa tự do, quan chương án (1853 - 1855, 1859 - 1860, 1860 - 1866, 1880 - 1881) đứng đầu ngành bưu chính (1885 - 1858, 1860), bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ (1868 - 1874). -121.

- Ác-nim* (Arnim), Lút-vích I-ô-a-sim (1781 - 1831) - nhà thơ Đức theo khuynh hướng lãng mạn phân động. - 810.
- Ác-si-mét* (khoảng 287 - 212 trước công nguyên) - nhà toán học và cơ học vĩ đại cổ Hy Lạp. - 422.
- An-be* (1819 - 1861) - hoàng thân Đắc-den - Cô-buốc-gơ-gô-ta, chồng của nữ hoàng Anh Vích-tô-ri-a. - 386 - 389, 393, 415 - 418, 441, 722.
- An-be-rô-ni* (Alberoni), Giu-li-ô (1664 - 1752) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, hồng y giáo chủ; trong những năm 1717 - 1719 là tể tướng của vua Phi-líp V.-94.
- An-na* (1665 - 1714) - nữ hoàng Anh (1702 - 1714). - 138.
- Át-đin-ton* - xem *Xít-mút*, Hen-ri.
- Ăng-ghen* (Engels), Phri-đrich (1820 - 1895) (những tài liệu tiểu sử). - 103, 196, 224, 226, 228, 306, 320, 361, 362, 438.

B

- Ba-ra-ghê đ' In-li-ê* (Baraguay đ' Hilliers), A-si-lơ (1795 - 1878) - tướng Pháp, từ năm 1854 là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1853 - 1854), năm 1854 chỉ huy đội quân viễn chinh Pháp ở biển Ban-tích. - 320.
- Ba-rô* (Barrot), Ô-đi-lông (1791 - 1873) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, trước tháng Hai 1848 đứng đầu phái đối lập vương triều tự do chủ nghĩa; tháng Chạp 1848 - tháng Mười 1849 đứng đầu nội các dựa trên liên minh phân cách mạng của các phe phái theo chủ nghĩa quân chủ. - 265, 764.
- Bác-be* (Berbès), Ác-măng (1809 - 1870) - nhà cách mạng dân chủ tiểu tư sản Pháp; một trong những người lãnh đạo các hội cách mạng bí mật trong thời kỳ Quân chủ tháng Bảy, nhà hoạt động tích cực của cuộc cách mạng 1848, nghị sĩ Quốc hội lập hiến, bị kết án tù chung thân do tham gia vào các sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848, năm 1854 được ân xá, sau đó sống lưu vong và ít lâu sau thì từ bỏ hoạt động chính trị. - 207.
- Bác-rinh-ton* (Barrington), Uy-li-am Oai-men, tử tước (1717 - 1793) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng chiến tranh (1755 - 1761; 1765 - 1778). - 138.
- Ban-đắc* (Balzac), Ô-nô-rê Đờ (1799 - 1850) - nhà văn hiện thực vĩ đại Pháp. - 102.
- Ban-đê-ê-ra* (Bandiera), hai anh em, Át-ti-li-ô (1810 - 1844) và Ê-mi-li-ô (1819 - 1844) - hai nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, sĩ quan hải quân Áo, thành viên hội "Nước I-ta-li-a trẻ"; bị tử hình vì âm mưu nổi dậy khởi nghĩa ở Ca-la-bri (1844). - 385.

- Ban-lan-tai-nơ* (Ballairtine) Uy-li-am (1812 - 1887) - luật sư Anh. - 450.
- Báp-bít-giơ* (Babbage), Sác-lơ (1792 - 1871) - nhà toán học và cơ học Anh, nhà kinh tế học tư sản. - 354.
- Bát* (Butt), I-xắc (1813 - 1879) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, phần tử tự do có chân trong nghị viện, trong những năm 70 là một trong những người tổ chức phong trào đòi tự trị của Ai-rơ-len (Hô-mơ-ru-lơ). - 101.
- Bay-rơn* (Byron), Giôc-giơ (1788 - 1824) - nhà thơ lỗi lạc người Anh, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng. - 44.
- Bây-li* (Baillie), Hen-ri Giêm-xơ (sinh năm 1804) - nghị sĩ Nghị viện Anh, thuộc đảng To-ri. - 315.
- Bây-tơ* (Bates), Rô-béc Mây-kin (sinh khoảng 1791) - chủ ngân hàng Anh. - 429.
- Bắc-hau-xơ* (Backhouse), Giôn (1772 - 1845) - quan chức Anh, trong những năm 1827 - 1842 là thứ trưởng ngoại giao. - 89.
- Bắt-lơ* (Butler), Giêm-xơ Ác-ma (1827 - 1854) - sĩ quan Anh, một trong những người tổ chức phòng thủ Xi-li-xơ-ri năm 1854. - 600.
- Béc-gơ*, Phê-đo Phê-đô-rô-vích (1793 - 1874) - tướng Nga sau đó là thống tướng, trong những năm 1855 - 1863 là tổng chỉ huy quân đội ở Phần Lan và toàn quyền Phần Lan. - 483.
- Béc-na-đốt-tơ* (Bernadotte), Giảng Ba-ti-xơ Giuy-tơ (1763 - 1874) - nguyên soái Pháp, năm 1810 được vua Thụy Điển Sác-lơ XIII nhận làm con nuôi và trở thành người thừa kế ngôi vua, năm 1813 tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, trong những năm 1818 - 1844 là vua Thụy Điển và Na Uy dưới tên gọi Sác-lơ XIV I-ô-han. - 612.
- Béc-nan Ô-xbôc-nơ* (Bernal Osborne), Ran-phơ (1808 - 1882) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do (thuộc cái gọi là phái cấp tiến Mây-phe), nghị viên, bộ trưởng hải quân (1852 - 1858). - 10.
- Bét-phốt* (Bedford), Giôn Rốt-xen, công tước (1766 - 1839) - nhà quý tộc Anh, cha của Giôn Rốt-xen. - 498, 505.
- Bê-bu-tốp*, Va-xi-li Ô-xi-pô-vích, công tước (1791 - 1858) - tướng Nga, trong thời kỳ Chiến tranh Crum chỉ huy các đơn vị quân đội ở Cáp-ca-đơ. - 748, 779.
- Bê-đô* (Bedeau), Ma-ri An-phông-xơ (1804 - 1863) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị người Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; trong những năm 30 -40 tham gia cuộc xâm lược An-giê-ri, trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai là phó chủ tịch Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi nước Pháp. - 165.
- Bê-cơ-oen* (Bakewell), R.Hôn-lơ - bác sĩ quân y Anh, năm 1855 phục vụ tại quân y viện dã chiến ở Crum. - 646.
- Bê-rinh* (Baring), Phren-xít (1796 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng

- Vích, nghị sĩ, bộ trưởng tài chính trong những năm 1839 - 1841, bộ trưởng hàng hải trong những năm 1849 - 1852. - 91, 329, 352, 366.
- Bêm* (Böhm) - tướng Áo, trong thời kỳ Chiến tranh Crum là chỉ huy trưởng pháo đài Ôn-muýt-xơ. - 653.
- Bi-dô* (Bizot), Mi-sen Brít (1795 - 1855) - tướng Pháp, kỹ sư quân sự, chỉ huy các đơn vị công binh ở Crum trong những năm 1854 - 1855. - 196.
- Biéc-cơ* (Burke), Êt-mun (1729 - 1797) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, sau đó theo đảng To-ri, nghị sĩ, vào thời kỳ đầu hoạt động thì thiên về chủ nghĩa tự do về sau là phần tử phản động, một trong những kẻ điên cuồng chống đối cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 497.
- Biéc-gơ, đờ-xem Klan-ri-các-đơ*, U-líc Giôn.
- Bin-xơ* (Beales), Êt-mơn (1803 - 1881) - luật sư Anh, phần tử cấp tiến tư sản; năm 1855 là một trong những người cổ động cho việc mở rộng các quyền chính trị của giai cấp tư sản công nghiệp bằng con đường cải cách nghị viện, trong các năm 1865 - 1869 là chủ tịch Đồng minh cải cách. - 179.
- Bít-xơn* (Beatson), Uy-li-am Phéc-guyt-xơ - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy đội kỵ binh quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Đa-nuýp và sau đó là ở Crum (đến tháng Chín 1855). - 774, 784.
- Blai* (Bligh), Giêm-xơ - một trong những nhà hoạt động tích cực của phong trào Hiến chương những năm 50. - 422.
- Bô-đen-stét* (Bôdenstedt), Phri-đrich (1819 - 1892) - nhà thơ và dịch giả người Đức, trong những năm 40 du lịch khắp Cáp-ca-đơ và tiểu Á. - 748.
- Bô-na-pác-tơ* (Bonaparte), Giê-rôm (1784 - 1860) - em trai Na-pô-lê-ông I, vua xứ Ve-xơ-pha-li (1807 - 1813), nguyên soái từ năm 1850. - 192.
- Bô-na-pác-tơ* (Bonaparte), Na-pô-lê-ông Giô-đép Sác-lơ Pôn (1822 - 1891) - con của người nêu ở trên, anh em họ của Na-pô-lê-ông III, mang tên Giê-rôm sau khi anh trai của mình chết (1847); năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crum với quân hàm cấp tướng. - 153, 154, 159, 164, 167, 169, 192.
- Bô-na-pác-tơ (dòng họ)* - triều đại hoàng đế ở Pháp (1804 - 1814, 1815, 1852, 1870). - 165, 170, 245, 369.
- Bô-nan* (Bonald), Lu-i Ga-bri-en Am-broa-đơ, tử tước đờ (1754 - 1840) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, một trong những nhà tư tưởng của giới phản động quý tộc, tăng lữ vào thời kỳ phục tịch. - 821.
- Bô-ling-brốc* (Bolingbroke), Hen-ri (1678 - 1751) - nhà triết học thần luận, nhà hoạt động chính trị người Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri. - 283.
- Bô-nin* (Bonin), Ê-đu-a (1793 - 1865) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ,

- bộ trưởng chiến tranh (1852 - 1854, 1858 - 1859); trong thời kỳ Chiến tranh Crum ủng hộ liên minh giữa Phổ với các cường quốc phương Tây. - 186.
- Bô-xkê* (Bosquet), Pi-e Giô-dép Phrăng-xoa (1810 - 1861) - tướng Pháp, nguyên soái từ năm 1856; trong những năm 30 - 50 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1854 chỉ huy sư đoàn, sau đó chỉ huy quân đoàn ở Crum (1854 - 1855). - 712.
- Bốc-sơ* (Boxer), Ét-uốt (1784 - 1855) - đô đốc Anh, chỉ huy hải cảng Ba-la-cla-va. -. 92.
- Bóc-đét* (Burdett), Phren-xít (1770 - 1844) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, sau này thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. - 264, 349, 660.
- Bóc-cli* (Berkeley), Mo-ri-xơ Phrê-đê-rích Phít-sơ-hác-đinh (1788 - 1867) - đô đốc và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ, bộ trưởng hàng hải (1833 - 1839 và 1846 - 1857). - 51.
- Bóc-cli* (Berkeley), Phren-xít Hen-ri Phít-sơ-hác-đinh (1794 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo khuynh hướng tự do, nghị viên. - 491.
- Bốc-xơ* (Burnes), A-lêch-xan-đrơ (1805 - 1841) - sĩ quan Anh; trong những năm 1839 - 1841 thực hiện chức năng cố vấn chính trị bộ tham mưu quân đội Anh ở Ca-bun. - 670.
- Bra-ti-a-nu* (Bratiano), Đì-mi-tơ-ri (1818 - 1892) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Ru-ma-ni, tham gia cuộc cách mạng 1848 ở Va-la-ki, sau khi cách mạng thất bại sống lưu vong. - 633.
- Brai-tơ* (Bright), Giôn (1811 - 1889) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ của phái mâu dịch tự do và một trong những người sáng lập Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, từ đầu những năm 60 lãnh tụ cánh tả của đảng tự do; giữ một loạt chức vụ bộ trưởng trong nội các đảng tự do. - 115 - 118, 238, 264, 310, 315, 317, 367, 368, 476, 503, 509, 622, 721.
- Bram-men* (Brummel), Gioóc-giơ Brai-en (1778 - 1840) - nhà quý tộc Anh, có biệt danh "Người đẹp - Bram-men" vì sự đom đóm của mình. - 631.
- Bran-xi-ông* (Brancion), A-đôn-phơ Êc-nét-xơ đờ (1803 - 1855) - sĩ quan Pháp, năm 1855 chỉ huy trung đoàn ở Crum. - 453.
- Brau-nơ* (Brown), Gioóc-giơ (1790 - 1865) - tướng Anh; trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 319.
- Bru-tút* (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút) khoảng 85 - 42 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, một trong những người chủ xưởng vụ âm mưu của giới cộng hòa quý tộc chống I-u-li-út Xê-da. - 19, 459.
- Brun-nốp*, Phi-líp I-va-nô-vích, nam tước (1797 - 1875) - nhà ngoại giao Nga; công sứ (1840 - 1854, 1858 - 1860), sau đó là đại sứ ở Luân Đôn (1860 - 1874). - 527.
- Brum* (Brougham), Hen-ri Pi-tơ, nam tước (1778 - 1868) - luật sư và nhà văn Anh, trong những năm 20 - 30 là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng Vích, đại Pháp

- quan (1830 - 1834); từ những năm 50 không đóng vai trò gì quan trọng trong đời sống chính trị. - 412, 505, 507, 523.
- Bruy-a* (Bruat), Ác-măng Giô-dép (1796 - 1855) - đô đốc Pháp, năm 1855 là tổng chỉ huy hạm đội ở Hắc Hải. - 788.
- Bu-ôn* - *Sao-en-stai-nơ* (Buol Schauenstein), Các-lơ Phéc-đi-măng, bá tước (1797 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, công sứ ở Pê-téc-bua (1848 - 1850), sau đó ở Luân Đôn (1851 - 1852), thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1859). - 11, 236, 332, 473.
- Bu-ve-ri* (Bouverie), Ê-đu-ác Plây-đen (1818 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, nghị viên; thứ trưởng thương mại (1855), chủ tịch Ủy ban phụ trách những vấn đề luật về người nghèo (1855 - 1858). - 441, 466, 472.
- Buêch-gô-in* (Burgoyne), Giôn Phốc-xơ (1782 - 1871) - tướng Anh, kỹ sư quân sự, từ năm 1868 là thống soái, trong những năm 1854 - 1855 là cố vấn quân sự và chỉ huy các đơn vị công binh ở Crum. - 96.
- Bun-đen* (Bunsen), Cri-xchi-an Các-lơ I-ô-di-át, nam tước (1791 - 1860) - nhà ngoại giao, nhà chính luận và nhà thần học Phổ; đại sứ ở Luân Đôn (1842 - 1854). 186, 187, 451.
- Bun-vơ-Lít-ton* (Bulwer - Lytton), Ét-uốt Gioóc-giơ Lít-ton (1803 - 1873) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Anh, vào thời kỳ đầu hoạt động thuộc đảng Vích, từ năm 1852 thuộc đảng To-ri, nghị viên. - 186, 188, 452.
- Buốc-kê-nê* (Bourqueney), Phrăng-xoa A-đôn-phơ, nam tước (1799 - 1869) - nhà ngoại giao Pháp, công sứ (1841 - 1844), sau đó là đại sứ (1844 - 1848) ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, công sứ (1853 - 1856), sau đó là đại sứ (1856 - 1859) ở Viên. - 11.

C

- Ca-li-gu-la* (12-41) - hoàng đế La Mã (37 - 41). - 121.
- Ca-mu* (Camou), Giắc (sinh năm 1792) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 664, 665.
- Ca-ninh* (Canning), Gioóc-giơ (1770 - 1827) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng To-ri, bộ trưởng ngoại giao (1807 - 1809, 1822 - 1827) thủ tướng (1827). - 83, 85, 283, 501.
- Ca-ninh* (Canning), Sác-lơ Giôn (1812 - 1862) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, sau đó theo phái Pin; đứng đầu ngành bưu chính (1853 - 1855), toàn quyền ở Ấn Độ (1856 - 1862). - 116.
- Ca-tô* (Mác-cút Poóc-xi-út Ca-tô-Cụ) (234 - 149 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn La Mã, bảo vệ những đặc quyền của giới quý tộc, năm

- 184 trước công nguyên được bầu làm người kiểm duyệt, tính khắt khe trong chế độ kiểm duyệt của ông ta đã trở thành ngạn ngữ. - 814.
- Ca-ve-nhắc* (Cavaignac), Lu-i Ô-gien (1802 - 1857) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri; từ tháng Năm 1848 là bộ trưởng chiến tranh, đàn áp vô cùng tàn bạo cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri; đứng đầu cơ quan hành pháp (tháng Sáu - tháng Chạp 1848). - 320.
- Ca-xlê-ri* (Gastlereagh), Rô-bóc *Xtiu-át*, tử tước (1769 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng phụ trách các vấn đề chiến tranh và thuộc địa (1805 - 1806, 1807 - 1809), bộ trưởng ngoại giao (1812 - 1822). - 185, 396, 502.
- Các-đu-en* (Cardwell), Êt-uốt (1813 - 1886) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của phái Pin, về sau theo phái tự do; bộ trưởng thương mại (1852 - 1855), bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len (1859 - 1861), bộ trưởng thuộc địa (1864 - 1866) và bộ trưởng chiến tranh (1868 - 1874). - 115, 134, 219.
- Các-nô* (Carnot), La-da-rơ Ni-cô-la (1753 - 1823) - nhà toán học và nhà vật lý học Pháp, nhà hoạt động chính trị và quân sự, phần tử cộng hòa tư sản; trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII gia nhập phái Gia-cô-ban Năm 1794 tham gia cuộc đảo chính phân cách mạng ngày 9 tháng Nóng - 372, 776.
- Các-rai-tơ* (Cartwright), Giôn (1740 - 1824) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị - xã hội Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản; lên tiếng trên báo chí đòi cải cách nghị viện trên cơ sở quyền bầu cử phổ thông. - 349.
- Can-tơ-bơ-ri* tổng giám mục - xem *Xam-nơ*, Giôn.
- Can-rô-béc* (Canrobert), Phrăng-xoa Xéc-ten (1809 - 1895) - tướng Pháp, từ năm 1856 là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri; một trong những người tích cực tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, tổng chỉ huy quân đội (tháng Chín 1854 - tháng Năm 1855), sau đó chỉ huy quân đoàn ở Crum. - 165, 170, 198, 199, 223, 226, 229, 230, 245, 250, 267, 269, 277, 278, 300, 306, 314, 318 - 321, 357, 375, 551.
- Cát-các-tơ* (Cathcart), Gioóc-giơ (1794 - 1854) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 182, 587.
- Cát-xtơ-lan* (Castellane), E-xpri Vích-to Ê-li-da-bét Bô-ni-pha-xơ, bá tước (1788 - 1862) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tham gia tích cực cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 320.
- Cau-li* (Cowley), Hen-ri Ri-sốt Sác-lơ *Oen-xli*, nam tước (1804 - 1884) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1852 - 1867). - 790, 791, 795, 807.
- Căm-brít-giơ* (Cambridgre), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819 - 1904) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum, tổng chỉ huy quân đội Anh (1856 - 1895). - 211, 213, 216.

- Căng-ti-ông* (Cantillon) - hạ sĩ quan Pháp, phục vụ trong quân đội Na-pô-lê-ông I, năm 1818 vì mưu sát Oen-lin-ton (tổng chỉ huy quân đội chiếm đóng Anh ở Pháp) đã bị truy tố, nhưng được tuyên bố trắng án. - 274.
- Cla-ren-đôn* (Clarendon), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích *Vi-li-ê-xơ*, bá tước (1800 - 1870) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, sau này theo phái tự do chủ nghĩa; toàn quyền Ai-rơ-len (1847 - 1852), là người đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1848; bộ trưởng ngoại giao (1853 - 1858, 1865 - 1866 và 1868 - 1870). - 19, 35, 43, 45, 75, 95, 121, 187 - 190, 330, 410, 417, 473, 513, 521, 633-636, 655, 773 - 783, 786 - 805, 806 - 812, 814.
- Clan-ri-các-đơ* (Clanricarde), U-líc Giôn đơ *Biéc-gơ*, hầu tước (1802 - 1874) - nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Anh, thuộc đảng Vích, đại sứ Pê-téc-bua (1838 - 1841), đứng đầu ngành bưu chính (1846 - 1852). - 102, 136, 429.
- Clau-đơ-vít-xơ* (Clausewitz), Các (1780 - 1831) - viên tướng và nhà lý luận quân sự tư sản hết sức nổi tiếng của Phổ. - 575.
- Cmê-ti* - xem I-xma-in-pa-sa.
- Cnê-đê-bếch* (Knesbeck), Các-lơ Phri-đrich, nam tước (1768 - 1848) - đại nguyên soái Phổ, tham gia các cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, tham dự Đại hội Viên 1814 - 1815; năm 1831 là tổng chỉ huy quân giám sát của Phổ ở Pô-đơ-nan. - 397, 400.
- Cooéc-môn-tanh* (Cormontaigne), Lu-i đờ (khoảng 1696 - 1752) - tướng Pháp, kỹ sư quân sự, tác giả một loạt tác phẩm về xây dựng công sự và bao vây. - 372.
- Cooéc-ni-lốp*, Vla-đi-mia A-lếch-xi-ê-vích (1806 - 1854) - nhà hoạt động xuất sắc của hải quân Nga, đô đốc, tham mưu trưởng hạm đội Hắc Hải (1849 - 1853), một trong những người cổ vũ và tổ chức cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn anh hùng. - 224, 225, 229, 678.
- Cooéc-phơ*, Phê-đo Cri-xtô-phơ-rô-vích, nam tước - tướng Nga, năm 1855 chỉ huy sư đoàn kỵ binh ở Crum. - 724.
- Cô-cren* (Cochrane), Tô-mát, bá tước *Dan-đô-nan* (1775 - 1860) - đô đốc Anh, tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, nghị viên. - 660.
- Cô-đrinh-ton* (Codrington), Uy-li-am Giôn (1804 - 1884) - tướng Anh, năm 1854 - 1855 chỉ huy sư đoàn, sau đó là tổng chỉ huy quân đội ở Crum (tháng Mười một 1855 - Tháng Bảy 1856). - 711, 814.
- Cô-lét* (Collet), Cô-lét Đốp-xơn - nhà báo cấp tiến và nhà hoạt động xã hội Anh. - 629, 630.
- Cô-lơ* (Koillar), I-an (1793 - 1852) - nhà thơ vĩ đại và nhà ngôn ngữ học Tréc-khi-a, một trong những người cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc Xla-vơ người gốc Xlô-va-ki. - 256.
- Cô-pi-tát* (Kopitar), Vác-phô-lô-mây (1780 - 1844) - đại biểu nổi tiếng của ngôn ngữ

học Xla-vơ, người gốc Xla-nô-vơ, đã viết một loạt tác phẩm về ngôn ngữ, văn học và lịch sử các dân tộc Xla-vơ. - 256.

Cô-sút, (Kossuth), La-i-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, lãnh đạo những phần tử dân chủ - tư sản trong cuộc cách mạng 1848 - 1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại lưu vong khỏi Hung-ga-ri. - 36, 60.

Côm-béc-mia (Combermere), Xtê-plơ-tôn *Cốt-ton*, tử tước (1773 - 1865) - tướng Anh, từ năm 1855 là thống soái tham gia các cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, là tổng chỉ huy quân đội Anh ở Ai-rơ-len (1822 - 1825), sau đó ở Ấn Độ (1825). - 721.

Côn-tréc-tơ (Colchester), Sác-lơ *Áp-bốt*, nam tước (1798 - 1867) - đô đốc Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên. - 411, 412.

Côn-xtan-tin Ni-cô-la-ê-vích (1827 - 1892) - đại công tước Nga, con trai thứ hai của Ni-cô-lai I, đại đô đốc, phụ trách ngành hàng hải (1853 - 1881) và hải quân (1855 - 1881). - 698.

Côn-xtan-tin Pa-vlô-vích (1779 - 1831) - đại công tước Nga, tổng tư lệnh quân đội Ba Lan từ năm 1814, trên thực tế là toàn quyền Ba Lan (1814 - 1831). - 89.

Côn-uây (Conway), Hen-ri Xây-mua (1721 - 1795) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Anh, là thống soái từ năm 1793, thuộc đảng Vích, nghị viên. 502.

Cốp-bét (Cobbett), Giôn Moóc-gan (1800 - 1877) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Anh, nghị viên, con trai của Uy-li-am Cốp-bét. - 177.

Cốp-bét (Cobbett), Uy-li-am (1762 - 1835) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cấp tiến tiểu tư sản, đấu tranh nhằm dân chủ hóa chế độ chính trị Anh. - 47, 119, 177, 263, 349, 501, 660.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sốt (1804 - 1865) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ phái mật dịch tự do và một trong những người sáng lập Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, nghị viên. - 264, 301, 355, 367, 368, 509.

Công-gri-vơ (Congreve), Uy-li-am (1772 - 1828) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự người Anh, năm 1808 đã phát minh ra tên lửa mang tên ông. - 535.

Crê-dút-xơ - hoàng đế xứ Li-đi (560 - 546) trước công nguyên). - 191.

D

Da-môi-xki (Zamojski), Vla-đi-xláp, bá tước - đại phong kiến Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa 1830 - 1831, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, là một trong những người lãnh đạo giới lưu vong quân chủ - bảo thủ Ba Lan ở Pa-ri; trong thời

kỳ cuộc Chiến tranh Crum, mưu toan tổ chức một đội quân Ba Lan để tham gia chiến tranh chống Nga. - 89.

Đét-may-ơ (Sedlmayer) - tướng Áo, chỉ huy trưởng pháo đài Các-lơ-xbuốc trong thời kỳ Chiến tranh Crum. - 653.

Đ

Đa-vít đ'Ăng-giê David d'Angers), Pi-e Giăng (1788 - 1856) - nhà điêu khắc nổi tiếng Pháp, phần tử cộng hòa cánh tả, tham gia cuộc cách mạng năm 1830 và 1848; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi nước Pháp nhưng ít lâu sau lại quay trở về. - 760.

Dan-đô-nan - xem *Cô-cren*, Tô-mát.

Dan-lốp (Dunlop), A-lếch-xan-đrơ Grê-hêm - nhà chính luận Anh. - 400.

Dan-tơ A-li-ghi-e-ri (Dante Alighieri) (1265 - 1321) - nhà thơ vĩ đại I-ta-li-a. - 475.

Đê-mô-xten (384 - 322 trước công nguyên) - nhà hùng biện lỗi lạc và nhà hoạt động chính trị cổ Hy Lạp, lãnh tụ của đảng đối lập Ma-xê-đoan ở A-ten, ủng hộ nền dân chủ chiếm hữu nô lệ. - 154.

Đi-bích, I-van I-va-nô-vích, bá tước (1785 - 1831) - đại nguyên soái, tổng chỉ huy trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829, tổng chỉ huy quân đội đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831. - 589.

Đi-lê-nơ (Delane), Giôn Ta-đê-út (1817 - 1879) - nhà báo Anh, tổng biên tập báo "Times" (1841 - 1877). - 55.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, từ năm 1871 là bá tước *Bi-con-xphin* (1804 - 1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri về sau là lãnh tụ của đảng bảo thủ, bộ trưởng tài chính (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868), thủ tướng 1868 và 1874 - 1880). - 9, 19, 34, 37, 40, 53, 56, 57, 61, 63, 94, 97, 101, 122, 202, 283, 314 - 317, 322 - 325, 328 - 334, 338, 339, 343, 354, 405, 462, 471 - 474, 476, 634, 654.

Điu-cơ (Duke), Giêm-xơ (sinh năm 1792) - nghị sĩ nghị viện Anh, thuộc phái mật dịch tự do. - 178.

Đô-brốp-xki (Dobrowski), I-ô-đép (1753 - 1829) - nhà bác học lỗi lạc và nhà hoạt động xã hội Tréc-khi-a, người sáng lập ngành ngôn ngữ học khoa học về các ngôn ngữ Xla-vơ; những tác phẩm của ông đóng vai trò to lớn trong việc phát triển phong trào dân tộc ở Tréc-khi-a nửa đầu thế kỷ XIX. - 256.

Đô-kin-xơ (Dawkins), Ét-uốt - nhà ngoại giao Anh, thống sứ ở Hy Lạp trong những năm 1827 - 1834. - 87.

Đờ Me-xtơ-rơ (De Maistre), Giô-đép (1753 - 1821) - nhà văn Pháp theo chủ nghĩa

- quân chủ, một trong những nhà tư tưởng của giới phản động tăng lữ và quý tộc, kẻ thù cuồng nhiệt của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 821.
- Đóc-bi* (Derby), Ê-đu-ác Gioóc-giơ Giê-phri Xmit *Xten-li*, từ năm 1851 là bá tước (1799 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, trong thời kỳ đầu hoạt động thuộc đảng Vích, sau đó là lãnh tụ đảng To-ri, về sau là một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ; thủ tướng (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868). 34, 38, 44, 54, 57, 61, 76, 101, 130, 156, 233, 283, 288, 292, 405, 466, 508, 518, 519, 521, 526.
- Đon-côm-bơ* (Duncombe), Tô-mát Xlinh-xbi (1796 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, trong những năm 40 tham gia phong trào Hiến chương, nghị viên. - 95, 98, 430, 449.
- Đon-đa-xơ* (Dundas), Giêm-xơ Uýt-li *Đin-xơ* (1785 - 1862) - đô đốc Anh, từ năm 1852 đến tháng Giêng 1855 là tổng chỉ huy hạm đội Địa Trung Hải của Anh tham gia cuộc chiến tranh Crum. - 355.
- Đon-đa-xơ* (Dundas), Ri-sốt Xan-đơc-nơ (1802 - 1861) - đô đốc Anh, năm 1855 là tổng chỉ huy hạm đội ở biển Ban-tích. - 409, 427, 642, 644.
- Dram-môn-dơ* (Drummond), Hen-ri (1786 - 1860) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên, năm 1855 là ủy viên ủy ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crum. - 29, 100, 208, 429.
- Druên Đơ Luy-xơ* (Drouyn de Lhuys), Ê-đu-a (1805 - 1881) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 40 là phần tử thuộc phái quân chủ ôn hòa Oóc-lê-ăng, sau năm 1851 theo phái Bô-na-pác-tơ; bộ trưởng ngoại giao (1848 - 1849, 1851, 1852 - 1855, 1862, 1868), năm 1855 là đại diện của Pháp tại Hội nghị Viên. - 235, 236, 701.
- Đu-glát* (Douglas), Hô-vác-đơ (1776 - 1861) - viên tướng và nhà văn quân đội Anh, tác giả các tác phẩm về pháo binh và xây dựng công sự. - 28, 559.
- Dun-xơ Xcốt* (Duns Scotus), Giôn (khoảng 1265 - 1308) - nhà triết học thời trung cổ, nhà triết học kinh viện, đại biểu của chủ nghĩa duy danh vốn là biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật trong thời kỳ trung thế kỷ; tác giả của tác phẩm đồ sộ “Trước tác Ốc-xphốt”. - 80.
- Duy-lắc* (Dulac) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy một sư đoàn ở Crum. - 708.
- Duy-mu-ri-ê* (Dumouriez), Sác-lơ Phrăng-xoa (1739 - 1823) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, thuộc phái Gi-rông-đanh, trong những năm 1792 - 1793 chỉ huy quân đội cách mạng miền Bắc; tháng Ba 1793 phân bội lại sự nghiệp cách mạng. - 43, 50.
- Duy-pông đơ l'E-tăng* (Dupont del' Etang), Pi-e Ăng-toan (1765 - 1840) - tướng Pháp, vào năm 1808 trong thời kỳ chiến tranh ở Tây Ban Nha đã cùng sư đoàn của mình đầu hàng ở Bai-len. - 243.

E

- Êc-bi-ông* (Herbillon), Ê-min (1794 - 1866) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 663, 664.
- En-li-xơ* (Ellice), Ét uốt (1781 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, sau này thuộc đảng tự do, nghị viên, năm 1855 là ủy viên ủy ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crum. - 101.
- Ê-ca-tê-ri-naII* (1729 - 1796) - nữ hoàng Nga (1762 - 1796). - 185, 738, 740.
- Ê-bnơ* (Ebner) - tướng Áo trong thời kỳ chiến tranh Crum là chỉ huy trưởng pháo đài Pê-rê-mur-sơ. - 653.
- Ê-brinh-ton* (Ebrington), Hu-u, tử tước (1818 - 1905) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, sau này thuộc đảng tự do, nghị viên. - 345, 630.
- Ê-đe-rơ* (Adair), Rô-bớt A-lếch-xan-đrơ Sê-phtơ - đại tá Anh, nghị viên. - 475, 476.
- Ê-len-bô-rô* (Ellenbrough), Ê-đu-a Lô, nam tước (1750 - 1818) - luật sư và nhà hoạt động nhà nước Anh, trong thời kỳ đầu hoạt động thuộc đảng Vích, sau đó theo đảng To-ri, nghị viên, chánh án tòa án hoàng gia (1802 - 1818). - 286.
- Ê-len-bô-rô* (Ellenborough), Ê-đu-a Lô, bá tước (1790 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên; toàn quyền Ấn Độ (1842 - 1844), bộ trưởng hàng hải (1846), chủ tịch Hội đồng kiểm tra về vấn đề Ấn Độ (1858); con trai người nêu trên. - 9, 282, 285, 288, 291, 292, 635, 656.
- Ê-li-ốt* (Elliot), Goóc-giơ Ô-ga-xtết (1813 - 1901) - sĩ quan hải quân Anh, từ năm 1858 là đô đốc, trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy một trong những tàu chủ lực của hạm đội trên biển Ban-tích. - 814.
- Ê-ri* (Airey), Ri-sốt (1803 - 1881) - tướng Anh, trong những năm 1854 - 1855 phụ trách hậu cần quân đội ở Crum. - 814.
- Ê-van-xơ* (Evans), Gioóc-giơ Đơ Lây-xi (1787 - 1870) - tướng Anh, nhà hoạt động chính trị theo chủ nghĩa tự do, nghị viên; năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 92, 150, 151, 178, 789.
- Ê-xpác-te-rô* (Espartero), Ban-đô-me-rô (1793 - 1879) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thủ lĩnh đảng tiến bộ, nhiếp chính Tây Ban Nha (1841 - 1843), đứng đầu chính phủ (1854 - 1856). - 616.
- Ê-xpi-nắc* (Espinasse), Sác-lơ Ma-ri Ét-pri (1815 - 1859) - tướng Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, một trong những người tích cực tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Đô-brút-gia, sau đó chỉ huy lữ đoàn ở Crum (1854 và 1855). - 192, 313.
- Ê-sin* (389 - 314 trước công nguyên) - nhà hùng biện, và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng A-ten, lãnh tụ phái Ma-xê-đoan ở A-ten, ủng hộ tập đoàn chủ nô thống trị. 154.

Éch-xe-tơ (Exeter), Bra-un-lao Xê-xin, hầu tước 1795 - 1867) - nhà quý tộc Anh, thuộc đảng To-ri. - 475.

G

Ga-ri-ban-di (Garibaldi), Giu-dép-pơ (1807 - 1882) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ, lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; năm 1848 với cương vị chỉ huy đội quân tình nguyện đã đứng về phía quân đội Pi-ê-mông chiến đấu quên mình trong cuộc chiến tranh chống Áo; người tổ chức chính cuộc phòng thủ của nước Cộng hòa La Mã từ tháng Tư đến tháng Sáu 1849; trong những năm 50 - 60 lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a nhằm giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. - 608.

Gai (Gai), Li-u-đê-vít (1809 - 1872) - nhà báo Crô-a-xi, nhà ngôn ngữ học và nhà hoạt động chính trị, năm 1848 là thành viên chính phủ lâm thời Crô-a-xi; trong quan điểm chính trị của mình, ông tán thành cương lĩnh chủ nghĩa Xla-vơ-Áo. - 256.

Ghi-dô (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787 - 1784) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, từ năm 1840 đến cách mạng tháng Hai 1848 trên thực tế lãnh đạo chính sách đối nội và đối ngoại, thể hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính. - 232, 310.

Ghíp-xơn (Gibson), Tô-mát Min-nơ (1806 - 1884) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc phái mật dịch tự do; sau này theo phái tự do chủ nghĩa; bộ trưởng thương mại (1859 - 1865 và 1865 - 1866). - 315, 324, 354, 462.

Gi-rác-đanh (Girardin), E-min Đờ (1806 - 1881) - nhà chính luận tư sản và hoạt động chính trị Pháp, những năm 30 - 60 - là tổng biên tập báo "Presse" có gián đoạn, trong chính trị có đặc điểm là cực kỳ vô nguyên tắc. - 205.

Giê-phrít (Jeffreys), Gioóc-giơ, nam tước (1648 - 1689) - luật sư và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, chánh án tòa án hoàng gia (1683 - 1685), những tuyên án của ông ta về các vụ việc chính trị mang tính chất cực kỳ tàn bạo. - 286.

Giu-vê-nan (Đê-xi-mút Giu-ni-út Giu-vê-na-lít) (sinh trong những năm 60 - chết sau năm 127) - nhà thơ trào phúng La Mã nổi tiếng. - 369.

Gioóc-giơ III (1738 - 1820) - vua Anh (1760 - 1820). - 510, 738, 739.

Gioóc-giơ IV (1762 - 1830) - hoàng thân nhiếp chính (1811 - 1820) và vua Anh (1820 - 1830). - 421, 510.

Giô-mi-ni (Jomini), Hăng-ri (1779 - 1869) - tướng phục vụ quân đội Pháp, sau đó phục vụ quân đội Nga, nhà lý luận quân sự tư sản, tác giả một loạt tác phẩm về chiến lược và lịch sử quân sự; người gốc Thụy Sĩ. - 575, 699, 778.

Giôn-xơ (Jones), Êc-ne-xơ Sác-lơ (1819 - 1869) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong

trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương cách mạng, một trong những biên tập viên của tờ "Northern Star", tổng biên tập báo "Notes to the People" và "Peoplés Paper", bạn của Mác và Ăng-ghe-n. - 180, 265, 292 - 295, 347, 525, 682.

Giôn-xơ (Jonnes), Giôn Hây-lơ (1769 - 1838) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tiểu tư sản, nghề chuyên môn là bác sĩ. - 287.

Giôn-xơ (Jones), Hác-ri Đa-vít (1791 - 1866) - tướng Anh, kỹ sư quân sự, năm 1855 chỉ huy các đơn vị công binh ở Crum. - 96, 196.

Giôn-xơ (Jones), Uy-li-am - người theo phái Hiến chương, trưởng ban tổ chức lễ tang Ph. Ô-Cô-no (tháng Chính 1855). - 682.

Glát-xtôn (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, vào nửa cuối thế kỷ XIX là lãnh tụ đảng tự do, bộ trưởng tài chính (1852 - 1855 và 1859 - 1866) và thủ tướng (1868 - 1874, 1880 - 1885, 1886, 1892 - 1894). - 19, 37, 39, 43, 52, 57, 62, 64 - 67, 75, 76, 80, 81, 95, 115, 117, 134, 146, 183, 213, 220, 238, 315, 325, 328, 329, 334, 337, 342, 344, 354, 367, 369, 390, 391, 405, 472, 473, 477, 622-625, 717, 718.

Glê-đơ (Gläser) - tướng Áo, chỉ huy trưởng pháo đài Da-lê-si-ki trong thời kỳ Chiến tranh Crum. - 653.

Goóc-đôn (Gordon), Giôn Uy-ly-am (1814 - 1870) - sĩ quan Anh, kỹ sư quân sự, sau này là tướng, trong những năm 1854 - 1855 - chỉ huy các đơn vị công binh ở Crum. - 814.

Goóc-tra-cốp, A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích, công tước (1798 - 1883) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga; đại sứ ở Viên (1854 - 1856), bộ trưởng ngoại giao (1856 - 1882). - 11, 236, 325, 339.

Goóc-tra-cốp Mi-kha-in Đmi-tơ-ri-ê-vích, công tước (1793 - 1861) - tướng Nga, chỉ huy Tập đoàn quân Đa-nuýp (1853 - 1854), tổng chỉ huy Tập đoàn quân phương Nam (từ tháng Chín 1854 đến tháng Hai 1855), sau đó là tổng chỉ huy quân đội ở Crum (tháng Hai - tháng Chạp 1855); toàn quyền vương quốc Ba Lan (1856 - 1861). - 32, 305, 363, 638, 662, 664, 665, 680, 684 - 687, 689, 692, 693, 700, 715, 723, 724.

Gô-đrich-xem Rô-bin-xơn Phrê-đê-vích, Giôn.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. - 29.

Gra-khơ (Grach), Phri-đrich (1812 - khoảng 1856) - sĩ quan Phổ, phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 1841, một trong những chỉ huy cuộc phòng thủ Xi-li-xtơ-ri vào năm 1854. - 600.

Gran-bi (Granby), Sác-lơ Xê-xin Giôn *Man-nết-xơ*, hầu tước (sinh năm 1815) - quý tộc Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên. - 328.

Gran-tam (Grantham), Tô-mát Rô-bin-xơn, nam tước (1738 - 1786) - nhà hoạt động

- nhà nước và nhà ngoại giao Anh, thuộc đảng Vích, đại sứ ở Ma-drít (1771 - 1779), bộ trưởng ngoại giao (1782 - 1783). - 740.
- Gran-vin* (Granville), Gioóc-giơ *Lu-xơn - Gô-e-rơ*, bá tước (1815 - 1891) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, sau này là một trong những lãnh tụ của đảng tự do, bộ trưởng ngoại giao (1851 - 1852 - 1870 - 1874 và 1880 - 1885), bộ trưởng thuộc địa (1868 - 1870, 1886), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1852 - 1854, 1855 - 1858 và 1859 - 1865). - 121, 130, 411, 417, 424.
- Gran-vin* (Granville), Ô-gát-tếch Bớt-si (1783 - 1872) - bác sĩ Anh, tác giả một loạt tác phẩm y học, người gốc I-ta-li-a. - 143.
- Grây* (Grey), Gioóc-giơ (1799 - 1882) nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng nội vụ (1846 - 1852, 1855 - 1858 và 1861 - 1866), bộ trưởng thuộc địa (1854 - 1855). - 18, 121, 467, 491.
- Grây* (Grey), Hen-ri Gioóc-giơ, bá tước (1802 - 1894) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1835 - 1839); bộ trưởng chiến tranh và thuộc địa (1846 - 1852): con trai của Sác-lơ Grây. - 40, 65, 67, 121, 521.
- Grây* (Grey), Sác-lơ, bá tước (1764 - 1845) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của đảng Vích, bộ trưởng hàng hải (1806), thủ tướng (1830 - 1834). - 503, 741.
- Grê-hêm* (Graham), Giêm-xơ Rô-bóc Goóc-giơ (1792 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, trong thời kỳ đầu hoạt động thuộc đảng Vích, sau đó theo phái Pin, là bộ trưởng nội vụ (1841 - 1846), bộ trưởng hàng hải (1830 - 1834), 1852 - 1855). - 36, 43, 65, 75, 95, 115, 116, 145, 202, 317, 326, 353-356, 367, 390, 472, 473, 477, 670 - 676.
- Grê-hêm* (Graham), Môn-tê-ghi-u Uy-li-am - nghị sĩ nghị viện Anh. - 189.
- Grô-vơ-nơ* (Grosvenor), huân tước Rô-bóc (1801 - 1893) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, sau này theo phái tự do, nghị viên. - 317, 344, 421, 426, 427, 440, 443.
- Gu-xtáp II A-đôn-phơ* (1594 - 1632) - vua Thụy Điển (1611 - 1632) và thống soái; có ý đồ làm bá chủ trên biển Ban-tích nên gây chiến với Đan Mạch, Ba Lan và Nga; tham gia cuộc Chiến tranh ba mươi năm, cầm đầu liên minh các quốc gia theo đạo Tin lành. - 612.
- Guéc-ni* (Gurney), Xa-muy-en (1786 - 1856) - chủ ngân hàng Anh, người đứng đầu ngân hàng chiết khấu cỡ lớn ở Luân Đôn (1825 - 1856). - 451, 452.

H

- Ha-lơ* (Haller), Các-lơ Lút-vích (1768 - 1854) - luật sư và nhà sử học Thụy Sĩ; kẻ biện hộ cho chế độ nông nô và chế độ chuyên chế. - 821.
- Ha-phi-đơ-pa-sa* - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1855 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Cáp-ca-dơ. - 785.
- Ha-ri-xơn* (Harrison), Gioóc-giơ - công nhân Anh, một trong những người tích cực tham gia phong trào Hiến chương. - 179.
- Ha-rít* - xem *Man-mơ-xbê-ri*, Giêm-xơ.
- Ha-rinh-ton* (Harrington), Lê-xơ Phít-giơ-ran-đơ Sác-lơ *Xtên-khốp*, bá tước (1784 - 1862) - đại tá và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích. - 630, 631.
- Ha-tem* (Hotham), Sác-lơ (1806 - 1855) - sĩ quan Anh, trong những năm 1854 - 1855 là toàn quyền xứ Vích-tô-ri-a (ở Ô-xơ-rây-li-a). - 139, 141.
- Hác-đinh* (Hardinge), Hen-ri, tử tước (1785 - 1856) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, từ năm 1855 là thống soái; tham gia các cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1828 - 1830 và 1841 - 1844), toàn quyền ở Ấn Độ (1844 - tháng Giêng 1848), tổng tư lệnh quân đội Anh (1852 - 1856). - 51, 182, 219, 721.
- Hác-uyích* (Hardwicke), Sác-lơ Phi-líp *I-ooóc*, bá tước (1799 - 1873) - đô đốc và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri. - 9, 286.
- Hai-tơ* (Hayter), Uy-li-am Giu-đi-náp (1792 - 1878) - luật sư và nhà hoạt động nghị viện Anh, thuộc đảng Vích, về sau thuộc đảng tự do. - 15.
- Han-ca* (Hanka), Vát-xtáp (1791 - 1861) - nhà ngôn ngữ học và nhà sử học Tréc-khi-a, trong các tác phẩm của mình lên tiếng chống lại việc Giéc-manh hóa dân tộc Tréc do dòng họ Háp-xbuốc tiến hành; kẻ phản động về quan điểm chính trị, kẻ biện hộ cho nền quân chủ chuyên chế Nga hoàng, có những xuyên tạc thô bạo khi công bố những tài liệu lịch sử. - 256.
- Hát-xan-ben - Xa-bắc* (1056 - 1124) - người sáng lập ra giáo phái hành thích trong đạo Hồi; giáo phái này đấu tranh chống những người Tu-rốc-xen-giúc và thập tự quân trong các thế kỷ XII - XIII. - 13.
- Hây-lơ* (Hale), Uy-li-am - chủ xưởng róc-két ở ngoại ô Luân Đôn. - 36, 535.
- Hây-uốt* (Hayward), A-bra-ham (1801 - 1884) - luật sư và nhà chính luận Anh, đầu thời kỳ hoạt động thuộc đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, năm 1854 được bổ nhiệm làm thư ký Ủy ban tế bản. - 49.
- Hay-nau* (Haynau), I-u-li-út I-a-cốp (1786 - 1853) - tướng Áo, đàn áp dã man phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri trong những năm 1848 - 1849. - 360.
- Hác-xơ-hau-den* (Haxthausen), Au-gu-xtơ (1792 - 1866) - quan chức và nhà văn Phổ, tác giả tác phẩm miêu tả những tàn dư của chế độ công xã trong quan hệ ruộng

đất ở Nga, là phần tử phản động ủng hộ chế độ nông nô trong quan điểm chính trị. - 263.

Héc-bóc (Herbert), Xít-ni (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, trong thời kỳ đầu hoạt động thuộc đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, là bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1845 - 1846 và 1852 - 1855) và bộ trưởng chiến tranh (1859 - 1860). - 16, 29, 43, 50 - 52, 62, 65, 75, 90, 91, 115 - 118, 145, 146, 213, 220, 315.

Héc-véch (Herwegh), Ghê-oóc (1817 - 1875) - nhà thơ Đức nổi tiếng, nhà dân chủ tiêu tu sản. - 367.

Hét-xơ (Heß), Hen-rích, nam tước (1788 - 1870), tướng Áo, sau này là thống soái, tích cực tham gia đàn áp cách mạng ở I-ta-li-a trong những năm 1848 - 1849, vào những năm 1854 - 1855 là tổng chỉ huy quân đội ở Hung-ga-ri, Ga-li-xi và Các công quốc vùng Đa-nuýp. - 652.

Hi-u-đơ (Hughes). T.M - nhà văn Anh nửa đầu thế kỷ XIX; nhiều năm sống ở Tây Ban Nha. - 618.

Hi-um (Hume), Giô-dép (1777 - 1855) - nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những thủ lĩnh phái cấp tiến tư sản, nghị viên. - 86, 119, 120, 310, 349, 502, 507.

Hít-côt (Heathcote), Uy-li-am (1801 - 1881) - nghị sĩ nghị viên Anh. - 328, 329, 352.

Hoóc-nơ (Horner), Lê-ô-nác (1785 - 1864) - nhà địa chất và nhà hoạt động xã hội Anh; thanh tra công xưởng (1883 - 1856), đã đứng ra bảo vệ lợi ích của công nhân. - 176, 492.

Hoóc-xmen (Horsmari), Êt uốt (1807 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước theo phái tự do Anh; trong những năm 1855 - 1857 là bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len. - 95.

Hôn (Hall), Ben-gia-min (1802 - 1867) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo đảng tự do (thuộc cái gọi là phái cấp tiến Mây-phe); trong những năm 1854 - 1855 là bộ trưởng y tế, đứng đầu cơ quan phụ trách các công việc xã hội (1855 - 1858). - 9, 10, 491.

Hôn (Hall), Giôn (1795 - 1866) - bác sĩ quân y Anh; trong những năm 1854 - 1856 phụ trách trạm quân y ở Crum. - 80.

Hôn-phoóc-đơ (Halford), Hen-ri - nghị sĩ nghị viên Anh. - 176.

Hốp-xơ (Hobbes), Tô-mát (1588 - 1679) - nhà triết học vĩ đại Anh, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc; thế giới quan chính trị - xã hội của Hốp-xơ có những khuynh hướng phản dân chủ sâu sắc. - 354.

Huy-gô (Hugo), Vích-to (1802 - 1885) - nhà văn vĩ đại Pháp, nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 sống lưu vong trên đảo Gióc-xi, cuối năm 1855 bị chính quyền Anh trục xuất. - 631.

I

I-ăng (Young), Giôn (1807 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri; bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len (1852 - 1855). - 57.

I-bra-him-pa-sa (1789 - 1848) - tướng lĩnh Ai Cập, con nuôi của nhiếp chính vương Ai Cập Mô-ha-mét - A-li; tổng chỉ huy quân đội Ai Cập trong các cuộc chiến tranh của Ai Cập chống Thổ Nhĩ Kỳ (1831 - 1833 và 1839 - 1841); từ năm 1844 là đồng nhiếp chính vương Ai Cập. - 88.

I-ê (Yea), Lây-xi (1808 - 1855) - sĩ quan Anh, trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy một trung đoàn ở Crum. - 455.

I-oóc (York), Phrê-đê-rích Au-gu-xtơ, công tước (1763 - 1827) - con trai thứ hai của vua Anh Giôóc-giơ III, là thống soái từ năm 1795, tổng chỉ huy quân đội Anh (1798 - 1809, 1811 - 1827); quân đội dưới sự chỉ huy của ông ta đã nhiều lần bị thua trận trong các cuộc chiến tranh với Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 660.

I-oóc (York), Sác-lơ Phi-líp (1764 - 1834) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1801 - 1803), bộ trưởng nội vụ (1803 - 1804), bộ trưởng hàng hải (1810 - 1811). - 286, 287.

I-xma-in - pa-sa (Đi-ớt-đơ *Cmê-ti*) (1810 - 1865) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, người gốc Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ, ở đó nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ huy những đơn vị quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Đa-nuýp (1853 - 1854), sau đó ở Cáp-ca-đơ (1854 - 1855). - 745.

I-xcan-đơ-béch (A-lếch-xan-đơ *I-lin-xki*) (1810 - 1861) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, người gốc Ba Lan; trong những năm 30 - 40 phục vụ trong quân đội Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Tư, Pháp, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri. Sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ, ở đó nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ; chỉ huy những đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Đa-nuýp (1853 - 1854), ở Crum (1855) và ở Cáp-ca-đơ (1855 - 1856). - 288.

K

Kéc-dôn (Curzon), Rô-bóc (1810 - 1873) - nhà du hành và nhà văn Anh, trong những năm 1843 - 1844 là một trong những người được ủy quyền thiết lập biên giới giữa Thổ Nhĩ Kỳ và I-ran ở Éc-đe-rum. - 748.

Ken-li (Kelly) - sĩ quan Anh; năm 1855 chỉ huy trung đoàn ở Crum. - 251.

Kê-tơ-lê (Quetelet), A-đôn-phơ (1796 - 1874) - nhà bác học tư sản lỗi lạc người Bỉ; nhà thống kê học, nhà toán học và nhà thiên văn học. - 61.

Kê-u (Keogh), Uy-li-am Ni-cô-la-xơ (1817 - 1878) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, gia nhập phái Pin, một trong những lãnh tụ của phái Ai-rơ-len trong nghị viện, nhiều lần giữ những chức vị cao trong cơ quan luật pháp của Anh. ở Ai-rơ-len. - 56, 156, 157.

Kinh (King), Pi-tơ Giôn Lốc (1811 - 1885) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị viên. - 507, 522.

Khru-sốp A-lếch-xan-đơ-rơ Pê-tơ-rô-vích (1806 - 1875) - tướng Nga, trong những năm 1853 - 1856 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Crum, một trong những người tích cực tham gia cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn anh hùng. - 200.

L

La Mác-mo-ra (La Marmora), An-phông-xơ Phe-re-rô (1804 - 1878) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, bộ trưởng chiến tranh ở Pi-ê-mông (1848, 1849 - 1855, 1856 - 1859), năm 1855 chỉ huy quân đoàn Xác-đi-ni ở Crum, sau này là thủ tướng. - 663.

La-mốt-tơ-ru-giơ (La Motterouge), Giô-dép E-đu-a Đờ (1804 - 1883) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 708.

Lai-ôn-xơ (Lyons), Ét-môn (1790 - 1858) - đô đốc Anh, năm 1855 là tổng tư lệnh hạm đội Hắc Hải. - 319, 788, 793.

La-mô-ri-xi-e (Lamoricière), Cri-xtốp Lu-i Lê-ông (1806 - 1865) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1848 tích cực tham gia đàn áp cuộc cách mạng tháng Sáu của công nhân Pa-ri, sau đó là bộ trưởng chiến tranh trong chính phủ Cave-nhắc (tháng Sáu - tháng Chạp), đứng ở phía đối lập với chính phủ Lu-i Bô-na-pác-tơ, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi Pháp. - 165, 192, 320.

Lan-xđao-nơ (Lansdowne), Hen-ri Pét-ti-phi-sơ-mô-rít, hầu tước (1780 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng tài chính (1806 - 1807), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1830 - 1841, 1846 - 1852), bộ trưởng không bộ (1852 - 1863). - 75, 417.

Lan-xcôi, Xéc-gây Xtê-pa-nô-vích, từ năm 1861 là bá tước (1787 - 1862) - nhà hoạt động nhà nước Nga, bộ trưởng nội vụ (1855 - 1861). - 731.

Lâu (Lowe), Rô-béc (1811 - 1892) - nhà hoạt động nhà nước và nhà chính luận Anh, cộng tác viên của báo "Times", thuộc đảng Vích, sau này thuộc đảng tự do, nghị viên, thứ trưởng thương mại (1855 - 1856), bộ trưởng tài chính (1868 - 1873), bộ trưởng nội vụ (1873 - 1874). - 101, 317, 328, 329, 352, 353.

Lây-ác (Layard), Ô-xtin Hen-ri (1817 - 1894) - nhà khảo cổ và hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản sau đó theo phái tự do, nghị viên; năm 1855 là thành viên ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crum. - 11, 16, 52, 95, 100, 130, 131, 178, 220, 264, 282, 288, 315, 317, 344, 367, 386, 390, 415, 462, 671.

Li-đéc-xơ A-lếch-xan-đơ-rơ Ni-cô-la-ê-vích (1790 - 1874) - tướng Nga, năm 1853 - 1854 chỉ huy quân đoàn ở Đa-nuýp, năm 1855 chỉ huy Tập đoàn quân phương Nam, đầu năm 1856 là tổng tư lệnh quân đội ở Crum. - 482, 732, 734, 735.

Li-nơ (Ligne), Các-lơ I-ô-đép, công tước Đờ (1735 - 1814) - tướng Áo, nhà ngoại giao và nhà văn, từ năm 1809 là thống soái. - 396.

Li-pran-đi, Pa-ven Pê-tơ-rô-vích (1796 - 1864) - tướng Nga, năm 1853 - 1854 chỉ huy sư đoàn ở Đa-nuýp, năm 1854 - 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum, trong trận giao chiến ở sông Đen chỉ huy quân đoàn. - 641, 662.

Li-ven, Đa-ri-a (Đô-rô-tây-a) Khơ-ri-xtô-phô-rốp-na, công tước phu nhân (1785 - 1857) - vợ của nhà ngoại giao Nga Kh. A.Li-ven; đóng vai trò quan trọng trong đời sống ngoại giao châu Âu với tư cách là chủ nhân những phòng khách chính trị ở Luân Đôn và Pa-ri. - 417.

Li-vóc-pun, (Liverpool), Rô-béc Bên-xơ Giêm-kin-xơn, bá tước (1770 - 1828) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh đảng To-ri, giữ một loạt chức bộ trưởng, thủ tướng (1812 - 1827). - 85, 98, 185, 286, 431.

Lin-xi (Lindsay), Uy-li-am Sau (1816 - 1877) - chủ tàu và nhà buôn Anh, thuộc phái mậu dịch tự do, nghị viên. - 431.

Linh-huê-xtơ (Luynhurst), Giôn Xinh-lơ-ton Cốp-li nam tước (1772 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, luật sư, thuộc đảng To-ri, đại pháp quan (1827 - 1830, 1834 - 1835 và 1841 - 1846). - 14, 185 - 188, 330, 634, 655.

Lô-li (Lawley), Phren-xít Sác-lơ (1825 - 1901) - nhà báo Anh, thư ký riêng của Glát-xtôn (1852 - 1854), trong những năm 1854 - 1865 thường trú ở Mỹ với tư cách là phóng viên tờ "Times". - 39, 136.

Lô-vét (Lovett), Uy-li-am (1800 - 1877) - thợ thủ công Anh, nhà dân chủ tiểu tư sản, trong những năm 30 là một trong những lãnh tụ của phong trào Hiến chương, người ủng hộ "lực lượng tinh thần" và hợp tác với giai cấp tư sản. - 349.

Lơ-đruy-ô-lanh (Ledru - Rollin), A-lếch-xăng-đơ-rơ Ô-guy-xtơ (1807 - 1874) - nhà chính luận và hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, tổng biên tập báo "Réforme", năm 1848 là thành viên chính phủ lâm thời, nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập Pháp, ở đó ông ta cầm đầu phái Núi, sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 lưu vong sang Anh. - 100.

Lơ-vai-ăng (Levaillant) - tướng Pháp, năm 1854 - 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 708.

Lu-can (Lucan), Gioóc-giơ Sác-lơ Bin-hem, bá tước (1800 - 1888) - tướng Anh, thuộc đảng To-ri, năm 1854 - đầu năm 1855 chỉ huy sư đoàn kỵ binh ở Crum. - 182.

Lu-i Phi-líp (1773 - 1850) - công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830 - 1848). - 136, 148, 235, 286, 314, 431, 721.
Lu-i XIV (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1715). - 536.
Lu-i XVIII (1755 - 1824) - vua Pháp (1814 - 1815 - 1815 và 1824). - 819.
Lu-ít (Lewis), Gioóc-giơ *Coóc-nu-ô-lơ* (1806 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng tài chính (1850 - 1852), trong những năm 1852 - 1855 là tổng biên tập tạp chí “Edinburgh Review”, trong những năm 1855 - 1858 là bộ trưởng tài chính, bộ trưởng nội vụ (1859 - 1861) và bộ trưởng chiến tranh (1861 - 1863). - 121, 183, 717, 718.

M

Ma-lin-xơ (Malins), Ri-sốt (1805 - 1882) - luật sư Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên. - 431.
Ma-nhãng (Magnan), Béc-na Pi-e (1791 - 1865) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 320, 760.
Ma-khơ-mút II (1785 - 1839) - quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ (1808 - 1839). - 88, 596.
Ma-rô (Murrough), Giôn Pa-tơ-rích - nhà hoạt động chính trị, theo phái tự do Anh, nghị viên. - 179.
Mác (Marx), Các (1818 - 1883) - những tài liệu tiểu sử. - 122, 176, 282, 288, 314, 320, 420, 449.
Mác-đô-nan (Macdonald) - cộng tác viên báo “Times”. - 211.
Mác-Nai-lơ (McNeill), Giôn (1795 - 1883) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tê-hê-ran (1836 - 1839 và 1841 - 1842), năm 1855 là một trong những người được chính phủ ủy quyền điều tra hoạt động của cục quân khu ở Crum. - 961.
Mác-tanh-prê (Martimprey), Ê-đu-ác Sác-lơ Đờ (1808 - 1883) - tướng Pháp, trong những năm 1854 - 1855 là tham mưu trưởng quân đội ở Crum. - 788.
Mai-nơ (Mayne), Ri-sốt (1796 - 1868) - cảnh sát trưởng ở Luân Đôn (từ năm 1850). - 443, 444, 449.
Mai-xơ (Miles), Uy-li-am (sinh năm 1797) - nghị sĩ nghị viện Anh, thuộc đảng To-ri. - 101.
Man-bô-rơ (Marlborough), Giôn Sốc-sin, công tước (1650 - 1722) - tướng lĩnh Anh, trong những năm 1702 - 1711 là tổng tư lệnh quân đội Anh trong cuộc chiến tranh vì Di sản Tây Ban Nha. - 672.
Man-mơ-xbê-ri (Malmesbury), Giêm-xơ Ha-rít, bá tước (1746 - 1820) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, đại sứ ở Pê-téc-bua (1777 - 1782). - 737 - 739.

Man-mơ-xbê-ri (Malmesbury), Giêm-xơ Ha-rít, bá tước (1807 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, về sau là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng bảo thủ, bộ trưởng ngoại giao (1852, 1858 - 1859), thủ thư (1866 - 1868, 1874 - 1876). - 202, 409 - 412, 526, 528.
Man-toi-phen (Manteuffel), Ôt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quan liêu quý tộc; bộ trưởng nội vụ (1848 - 1850); thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (1850 - 1858). - 186.
Man-xphìn-đơ (Mansfield), Uy-li-am Râu-đơ (1819 - 1876) - tướng Anh, trong những năm 1855 - 1856 là cố vấn quân sự của sứ quán Anh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. - 813.
Mát-di-ni (Mazzini) Giu-đép (1805 - 1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời nước Cộng hòa La Mã, năm 1850 là một trong những người tổ chức Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu ở Luân Đôn. - 36.
Mắc-ma-hông (Mac-Mahon), Ma-ri E't-mơ Pát-ri-xơ Mô-rít (1808 - 1893) - tướng Pháp về sau là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; tham gia các cuộc chiến tranh của Đế chế thứ hai, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum, một trong những tên đao phủ đối với Công xã Pa-ri, tổng thống nền Cộng hòa thứ ba (1873 - 1879). - 707, 712.
Mắc-xi-mi-li-an đ' Ê-xơ (1782 - 1863) - đại công tước Áo, tướng lĩnh, người phát minh ra kiểu công trình thành quách đặc biệt mang tên ông ta “những cái tháp Mắc-xi-mi-li-an”. - 653.
Men-buốc (Melbourne), Uy-li-am Lam, tử tước (1779 - 1848) - nhà hoạt động nhà nước Anh, bộ trưởng nội vụ (1830 - 1834), thủ tướng (1834 và 1835 - 1841). - 91, 102, 155, 511, 517.
Men-lích-sắc (1055 - 1092) - người cầm quyền (quốc vương) vương quốc của những người Xen-giúc (1072 - 1092). - 13.
Men-si-cốp, A-lêch-xan-đơ Xéc-gây-ê-vích, công tước (1787 - 1869) - nhà hoạt động quân sự và nhà nước Nga, năm 1853 là đại sứ đặc mệnh toàn quyền ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, tổng chỉ huy các lực lượng lục quân và hải quân ở Crum (1853 - tháng Hai 1855). - 24, 32.
Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ, công tước (1773 - 1859), nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, phần tử phản động; bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1821) và thủ tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức ra Liên minh thần thánh. - 256 - 260, 355, 396.
Mê-li-nê (Mellinet), Ê-min (1798 - 1894) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn vệ binh ở Crum. - 708.
Mê-ta-xta-di-ô (Metastasio), Pi-e-rô (1698 - 1782) - nhà thơ I-ta-li-a, tác giả của nhiều kịch bản ca kịch. - 509.
Mi-clô-sích (Miklosich), Phran-ti-sếch (1813 - 1891) - nhà bác học lỗi lạc, đại biểu

- của ngôn ngữ học Xla-vơ, người sáng lập ra môn ngữ pháp so sánh của các ngôn ngữ Xla-vơ; người gốc Xla-vô-nơ. - 256.
- Mi-kha-in Ni-cô-la-ê-vích* (1832 - 1909) - đại công tước Nga, con trai thứ tư của Ni-cô-lai I. - 142.
- Mi-ni-ê* (Minié), Clô-đơ Ê-chiên (1804 - 1879) - sĩ quan Pháp, người sáng chế ra súng trường kiểu mới. - 546, 556, 564, 576, 605, 610.
- Min-nơ Ghíp-xơn* - xem *Ghíp-xơn*, Tô-mát *Min-nơ*.
- Min-tơ* (Minto), Gin-béc-tơ Ê-li-ô-t, bá tước (1782 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, thuộc đảng Vích; bộ trưởng hàng hải (1835 - 1841), thủ thư (1846 - 1852), năm 1847 - 1848 ở I-ta-li-a cùng với đoàn ngoại giao. - 521.
- Môóc-ni* (Morny), Sác-lơ Ô-guy-xơ Lu-i Giô-dép, bá tước Đờ (1811 - 1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp 1851 - tháng Giêng 1852), chủ tịch Đoàn lập pháp (1854 - 1856, 1857 - 1865). - 759, 761.
- Mô-ha-mét-sắc* (1810 - 1848) - quốc vương Ba Tư (1834 - 1848). - 88.
- Mô-nơ* (Monet), Đờ - tướng Pháp, năm 1854 đầu năm 1855 chỉ huy lữ đoàn ở Crum. - 199.
- Mô-rít-xơ, Na-xau*, bá tước (hoàng tử *O-răng-giơ*) (1567 - 1625) - toàn quyền Hà Lan (1585 - 1625); nhà hoạt động quân sự và tướng lĩnh trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của Hà Lan. - 575.
- Môn-tơ-kê* (Moltke), Hen-mút Các-lơ Béc-nơ-hác-đơ (1800 - 1891) - sĩ quan Phổ, sau này là đại nguyên soái, nhà hoạt động quân sự và nhà văn phân động, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa sô-vanh Phổ. Trong những năm 1835 - 1839 phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ; tổng tham mưu trưởng quân Phổ (1857 - 1871) và quân đội đế chế (1871 - 1888). - 243.
- Môn-xen* (monsell), Uy-li-am (1812 - 1894) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, thuộc phái tự do, một trong những lãnh tụ của phái Ai-rơ-len ở nghị viện; trong những năm 1852 - 1857 là thư ký cục pháo binh. - 56, 131, 157.
- Môn-xơ-uốt* (Molesworth), Uy-li-am (1810 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng tự do (thuộc cái gọi là phái cấp tiến Mây-phe), nghị viên, đứng đầu cơ quan phụ trách các công việc xã hội (1853 - 1855) và bộ trưởng thuộc địa (1855). - 10, 56, 322, 323, 355, 491.
- Mông-ta-lăm-be* (Montalembert), Mác-cơ Rê-nơ (1714 - 1800) - tướng Pháp, kỹ sư quân sự, sáng chế ra hệ thống công sự mới được áp dụng rộng rãi vào thế kỷ XIX. - 372, 575.
- Mông-ta-lăm-be* (Montalembert), Sác-lơ (1810 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập pháp

- và Quốc hội lập hiến, thuộc phái Oóc-lê-ăng, đứng đầu đảng Thiên Chúa giáo. - 757.
- Mông-te-xki-ơ* (Montesquieu), Sác-lơ (1689 - 1755) - nhà xã hội học tư sản lỗi lạc người Pháp, nhà kinh tế và nhà văn, đại biểu của phái khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, nhà lý luận của chế độ quân chủ lập hiến. - 417.
- Mông-ti-giô* (Montijo), O-giê-ni (1826 - 1920) - hoàng hậu Pháp, vợ Na-pô-lê-ông III. - 760, 763.
- Mu-ra-vi-ép*, Ni-cô-lai Ni-cô-la-ê-vích (1794 - 1866) - tướng Nga, trong những năm 1854 - 1856 là tổng chỉ huy quân đội ở Cáp-ca-đơ và tổng trấn Cáp-ca-đơ. - 379, 403, 537, 538 - 541, 549, 619, 728 - 729, 778, 796, 800.
- Mun-txơ* (Muntz), Gioóc-giơ Phrê-đê-rích (1794 - 1857) - chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng cấp tiến tư sản, nghị viên. - 157.

N

- Na-pô-lê-ông I* Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815). - 106, 122, 166, 171, 172, 192, 194, 209, 242, 274, 304, 313, 356, 372, 383, 400, 405, 453, 660, 688, 703, 720, 735, 756, 758, 767, 778.
- Na-pô-lê-ông*, hoàng thân - xem *Bô-na-pác-tơ*, Na-pô-lê-ông Giô-dép Sác-lơ Pôn.
- Na-pô-lê-ông III* (Lu-i Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873) - cháu của Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền Cộng hòa thứ hai (1848 - 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870). - 43, 76, 101, 122, 146, 150, 154, 164, 167, 169 - 173, 192, 194, 201, 202, 207, 228, 236, 241, 243 - 247, 274, 306, 313, 354, 359, 377 - 384, 392, 402, 405, 408, 409, 413, 437, 450, 465, 470, 480, 486, 490, 547, 550, 625, 631, 637, 655, 676, 714, 720, 751, 756 - 761, 763 - 770, 794, 797.
- Nác-va-e-xơ* (Narvaez), Ra-môn Ma-ri-a (1800 - 1868) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước phân động Tây Ban Nha, lãnh tụ phái Mô-đê-ra-đốt, đứng đầu chính phủ (1844 - 1846, 1847 - 1851, 1856 - 1857, 1864 - 1865 và 1866 - 1868), đàn áp dã man các cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng. - 616, 617.
- Nai-tin-gây* (Nightingale), Phlo-ren-xơ (1820 - 1910) - nhà hoạt động xã hội Anh, trong thời kỳ Chiến tranh Crum bà đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức phục vụ quân y trong quân đội Anh. - 212, 217.
- Nai-tơ* (Knight), Sác-lơ (1791 - 1873) - nhà chính luận và nhà xuất bản Anh. - 395.
- Nây-pia* (Napier), Êt-uốt Ê-lếch-xơ (1808 - 1870) - sĩ quan Anh; năm 1854 - 1855 tham gia tổ chức tiếp tế cho quân đội ở Crum. - 73.
- Nây-pia* (Napier), Giô-dép (1804 - 1882) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên; năm 1852 tham gia nội các Đốc-bi với tư cách là chương lý

- phụ trách về Ai-rơ-len; trong những năm 1858 - 1859 là đại pháp quan phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len. - 38.
- Nây-pia* (Napier), Sác-lơ (1786 - 1860) - đô đốc Anh, năm 1854 chỉ huy hạm đội ở biển Ban-tích. - 355, 386, 429, 670 - 676.
- Nây-pia* (Napier), Sác-lơ Giêm-xơ (1782 - 1853) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814), trong những năm 1842 - 1843 chỉ huy quân đội chiếm Xin-đơ, trong những năm 1843 - 1847 cầm quyền ở Xin-đơ. - 671.
- Nây-pia* (Napier), Uy-li-am Phren-xít Pa-tơ-rích (1785 - 1860) - viên tướng và nhà sử học quân sự Anh; trong những năm 1808 - 1814 tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I trên bán đảo I-bê-ri-cơ. - 105, 114, 547, 549, 556, 559, 573, 671.
- Nê-xen-rô-đe*, Các Va-xi-lê-vích, bá tước (1780 - 1862) nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, quốc vụ khanh, bộ trưởng ngoại giao (1816 - 1856). - 185, 330, 331, 338.
- Ni-cô-la I* (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1855). - 11, 21, 24, 27, 40, 66, 108 - 111, 127, 132, 142, 144, 185, 243, 330, 339, 387, 403, 638, 671, 733, 734, 751.
- Ni-cô-lây* (Nicholay), Gi.A. - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản; năm 1855 là một trong những người cổ động đòi mở rộng các quyền chính trị của giai cấp tư sản công nghiệp bằng con đường cải cách nghị viện, trong những năm 60 là ủy viên ban chấp hành Đồng minh cải cách. - 179.
- Ni-da* (Nisard), Giăng Ma-ri Na-pô-lê-ông Đê-di-rê (1806 - 1888) - nhà phê bình và nhà nghiên cứu lịch sử văn học Pháp, trong những năm 50 là giáo sư trường Đại học tổng hợp Xoóc-bon, trong những bài giảng của mình cổ biện bạch cho cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 760.
- Ni-en* (Niel), A-đôn-phơ (1802 - 1869) - tướng Pháp, về sau là nguyên soái, năm 1854 chỉ huy các đơn vị công binh của đội quân viễn chinh trên biển Ban-tích, năm 1855 chỉ huy các đơn vị công binh ở Crum. - 165, 170, 196, 676, 701, 706, 709.
- Niu-ca-lơ* (Newcastle), Hen-ri Pê-lem Phên-xơ Pê-lem *Clin-ton*, công tước (1811 - 1864) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc phái Pin, bộ trưởng chiến tranh và thuộc địa (1852 - 1854), bộ trưởng chiến tranh (1854 - 1855) và bộ trưởng thuộc địa (1859 - 1864). - 9, 14, 17, 18, 43 - 47, 49, 51, 62, 63, 67, 98, 116, 183, 213, 220, 472, 473, 477, 478.

O

- Oai-đơ* (Wise), Giôn Ê-sơ-phoóc-đơ - nghị sĩ nghị viện Anh. - 314.
- Oai-đơ-men* (Wisemen), Ni-cô-la-xơ (1802 - 1865) - linh mục Thiên chúa giáo Anh, từ năm 1850 là tổng giám mục Oét-min-xơ và hồng y giáo chủ. - 521.

- Oai-tơ-xai-đơ* (Whiteside), Giêm-xơ (1804 - 1876) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, thuộc đảng To-ri, nghị viên; nhiều lần giữ những chức vụ tư pháp cấp cao trong bộ máy cai trị của Anh ở Ai-rơ-len. - 101.
- Oan-mơ-xli* (Walmsley), Giô-soa (1794 - 1871) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị viên; trong những năm 50 là một trong những người tổ chức và chủ tịch Hội liên hiệp dân tộc vì cải cách nghị viện và tài chính. - 310.
- Oét-min-xơ* (Westminster), Ri-sốt Grô-vơ-no, hầu tước (1795 - 1869) - quý tộc Anh, đại địa chủ, thuộc đảng Vích. - 443.
- Oét-xmơ-len* (Westmorland), Giôn *Phây-nơ*, bá tước (1784 - 1859) - nhà ngoại giao Anh; công sứ ở Béc-lin (1841 - 1851), sau đó ở Viên (1851 - 1855). - 11, 324, 325.
- Oóc-lê-ăng* - đông vua Pháp (1830 - 1848). - 192.
- Oóc-si* (Orsi), bá tước (chết năm 1899) - người kinh kỳ thị trường chứng khoán, người đại lý của Na-pô-lê-ông III, người gốc xứ Coóc-xi-ca. - 409.
- Oen-lin-ton* (Wellington), Ác-tua *Oen-xli*, công tước (1769 - 1852) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, trong những năm 1808 - 1814 và 1815 chỉ huy quân đội trong các cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I; tổng chỉ huy quân đội (1827 - 1828, 1842 - 1852), thủ tướng (1828 - 1830). - 71, 73, 78, 85, 123, 219, 274, 413, 503, 537, 549, 554, 658, 701.
- Ô-brai-en* (O'Brien), Uy-li-am Xmít (1803 - 1864) - nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc Ai-rơ-len, lãnh tụ cánh hữu của hội "Ai-rơ-len trẻ", năm 1848 sau khi mưu toan khởi nghĩa không thành công ở Ai-rơ-len, đã bị chính quyền Anh bắt và kết án tử hình, sau được thay bằng án đày chung thân; năm 1856 được ân xá. - 513.
- Ô-man-xki* (Aumale), Hăng-ri Ô-gien Phi-líp Lu-i *Oóc-lê-ăng*, công tước (1822 - 1897) - con trai của vua Pháp Lu-i Phi-líp, trong những năm 40 tham gia xâm lược An-giê-ri. - 192.
- Ô-li-phan-tơ* (Oliphant), Lô-ren-xơ (1829 - 1888) - nhà du hành và nhà báo Anh, năm 1855 có mặt ở Cáp-ca-đơ với tư cách là phóng viên tờ "Times" bên cạnh đội quân viễn chinh của Ô-me-rơ-pa-sa. - 812.
- Ô-me-rơ-pa-sa* (Mi-kha-in *La-ta-xơ*) (1806 - 1871) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, người gốc Crô-a-xi, tổng tư lệnh quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trong cuộc Chiến tranh Crum. - 72, 77, 104, 151, 222, 226, 228 - 231, 277 - 280, 305, 350, 359, 362, 375, 468, 490, 600, 602, 639, 688, 726 - 729, 745 - 748, 752 - 753, 779, 786 - 796, 799 - 802, 806 - 814.
- Ô-tu-ây* (Otway), Ác-tua Giôn (1822 - 1912) - nhà hoạt động nghị viện Anh, những năm 50 thuộc đảng To-ri. - 390, 427.
- Ô-xboóc-nơ* - xem *Béc-nan Ô-xboóc-nơ*, Ran-phơ.

- Ô-xtơ-rốp-xki* (Ostrowski), I-u-dép Bô-lê-xláp (1805 - 1871) - nhà chính luận và nhà sử học Ba Lan, tác giả một loạt tác phẩm về lịch sử Ba Lan. - 629.
- Ô Cô-nen* (O' Conenell), Đa-ni-en (1775 - 1847) - luật sư và nhà hoạt động chính trị tư sản Ai-rơ-len, lãnh tụ phái hữu theo chủ nghĩa tự do trong phong trào giải phóng dân tộc. - 119, 155, 156, 349, 465, 510 - 514.
- Ô Cô-no* (O' Connor), Phéc-giuýp (1794 - 1855) - một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương, người sáng lập và tổng biên tập báo "Northern Star", sau năm 1848 theo chủ nghĩa cải lương. - 119, 682.
- Ô Ma-ra* (O' Meara), Ba-ri Ét-uốt (1786 - 1836) - bác sĩ quân y và nhà chính luận Anh, trong những năm 1815 - 1818 là bác sĩ riêng của Na-pô-lê-ông I trên đảo Xanh Hê-len, người gốc Ai-rơ-len. - 209.
- Ô Phla-ét-ti* (O' Flaherty), Ét-mông - công chức Anh, năm 1854 là người được bộ tài chính ủy quyền về việc thu thuế ở Ai-rơ-len. - 40.
- Ôt-ma-rơ* (d' Autemarre), đ' - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 708.
- Ô-clít* (cuối thế kỷ IV - đầu thế kỷ III trước công nguyên) - nhà toán học lỗi lạc ở Hy Lạp. - 558.
- Ô-giê-n Xa-voa*, hoàng thân (1663 - 1736) - tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước Áo. - 537.
- Ô-giê-ni* - xem *Mông-ti-giô Ô-giê-ni*.
- Ôn-tô-pơ* (Althorp), Giôn Sác-lơ Xpen-xơ, tử tước (1782 - 1845) - nhà hoạt động nhà nước Anh, nghị viên, một trong những lãnh tụ của đảng Vích trong thời kỳ đấu tranh đòi cải cách nghị viện năm 1832, bộ trưởng tài chính (1830 - 1834). - 503, 505.

P

- Pa-lát-xki* (Palacký), Phran-ti-sếch (1798 - 1876) - nhà sử học nổi tiếng Tréc-khi-a, nhà hoạt động chính trị tư sản, thuộc đảng tự do; chủ tịch hội Xla-vơ ở Pra-ha năm 1848, thi hành đường lối nhằm duy trì chế độ Quân chủ Háp-xbuốc, là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa Áo - Xla-vơ. - 256.
- Pa-nuy-tin*, Phê-đô Xéc-ghê-ê-vích (1790 - 1865) - tướng Nga, thời kỳ đầu Chiến tranh Crum chỉ huy quân đoàn, năm 1855 - 1856 chỉ huy quân đội dự bị ở tây-nam Nga. - 24, 32, 360, 663.
- Pa-xi-phi-cô* (Pacífico), Đa-vít (1784 - 1854) - công dân Anh, nhà buôn ở A-ten; người gốc Bồ Đào Nha. - 54, 86.
- Pa-xkê-vích*, I-van Phê-đô-rô-vích, công tước (1782 - 1856) - đại nguyên soái Nga, từ mùa hè năm 1831 là tổng chỉ huy quân đội Nga đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan

- 1830 - 1831, từ năm 1832 là toàn quyền Vương quốc Ba Lan, năm 1849 là tổng chỉ huy quân đội Nga tham gia đàn áp cuộc cách mạng ở Hung-ga-ri, năm 1854 là tổng tư lệnh quân đội ở biên giới phía tây và phía nam nước Nga, tháng Tư - tháng Sáu chỉ huy quân đội ở Đa-nuýp. - 589.
- Pác-xtôn* (Paxton), Giô-dép (1801 - 1865) - nhà kiến trúc Anh, tác giả đề án thiết kế tòa nhà triển lãm công nghiệp quốc tế ở Luân Đôn (1851) nghị viên. - 100.
- Pan-móc-xton* (Palmerston), Hen-ri Giôn Tem-pon, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, vào đầu thời kỳ hoạt động thuộc đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những lãnh tụ của đảng Vích dựa trên những phần tử hữu khuynh của đảng này, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1809 - 1828), bộ trưởng ngoại giao (1830-1834, 1835-1841 và 1846-1851), bộ trưởng nội vụ (1852-1855) và thủ tướng (1855-1858 và 1859-1865) - 10, 14, 17 - 20, 28, 34, 35, 38, 40, 43, 45, 49, 50, 52 - 55, 59 - 62, 65, 66, 75, 76, 82 - 89, 94 - 99, 112, 113, 115 - 118, 121, 122, 131, 133, 137, 142, 147, 153, 156, 174, 182, 183, 189, 218, 228, 233, 236, 263, 265, 274, 281, 287, 289, 291, 314 - 317, 322 - 324, 342 - 345, 352, 353, 366 - 369, 381, 387 - 392, 393, 407, 414, 416, 427 - 430, 450, 457, 459 - 466, 471, 472, 476, 477, 485, 489, 490, 516, 528, 620 - 625, 628 - 632, 634, 643, 654 - 657, 670, 671, 721, 751, 755, 768, 773, 777, 778, 781, 792, 709 - 813.
- Pan-muy-rơ* (Panmure), Phốc Môn, nam tước (1801 - 1874) nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích; bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1846-1852), bộ trưởng chiến tranh (1855-1858). - 91, 95, 98, 116, 182, 233, 289, 440, 776 - 781, 814.
- Péc-xi-van* (Perceval), Xpen-xơ (1762-1812) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri; trong những năm 1807-1809 là bộ trưởng tài chính, thủ tướng (1809-1812). - 84, 283, 286, 288, 431, 521.
- Pê-li-xi-ê* (Pelissier), Giảng Giác (1794-1864) - tướng Pháp, từ tháng Chín 1855 là nguyên soái; trong những năm 30 - 50 tham gia xâm lược An-giê-ri; đầu năm 1855 chỉ huy quân đoàn, sau đó là tổng tư lệnh quân đội ở Crum (tháng Năm 1855 - tháng Bảy 1856). - 300, 306, 313, 314, 318 - 321, 357 - 360, 361 - 363, 370, 374 - 377, 408, 414, 432, 434 - 438, 451, 453 - 455, 467, 470, 640, 662, 664, 678, 679, 700, 701, 709, 730, 758, 767, 768, 786 - 789, 794, 807.
- Pê-nô* (Penaud), Sác-lơ (1800-1864) - đô đốc Pháp, năm 1855 chỉ huy hải đoàn trên biển Ban-tích. - 644.
- Pê-rây-rơ* (Pérelre), E-min (1800-1875) - chủ ngân hàng Pháp, trong những năm 1825-1831 tham gia phái Xanh - Xi-mông, trong thời kỳ Đế chế thứ hai thuộc phái Bô-na-pác-tơ; một trong những người sáng lập và giám đốc ngân hàng cổ phần "Crédit Mobilier". - 719.
- Pên-lát* (Pellatt), Áp-xli (1791 - 1863) - nhà kinh doanh Anh, thuộc đảng cấp tiến tư sản, nghị viên. - 179.
- PilX* (1792-1878) - giáo hoàng La Mã (1846-1878). - 520-523.

- Pi-a-nô-ri* (Pianori), Giô-van-ni (1827-1855) - nhà cách mạng I-ta-li-a, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a và tham gia bảo vệ Cộng hòa La Mã chống bọn can thiệp Pháp; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Pi-ê-mông, sau đó sang Pháp, tháng Năm 1855 bị tử hình vì mưu sát Na-pô-lê-ông III. - 274.
- Pi-da-ni* (Pisani), Ê-chiên - phiên dịch ở đại sứ quán Anh tại Công-xtăng-ti-nô-plơ (1854-1855). - 790.
- Pi-ô-t I* (1672-1725) - Nga hoàng từ năm 1682; hoàng đế toàn Nga từ năm 1721 - 27, 185.
- Piêc-xơ* (Pierce), Phran-clin (1804-1869) - tổng thống Mỹ (1853-1857). - 756.
- Pin-da-rơ* (khoảng 522 - khoảng 442 trước công nguyên) - nhà thơ trữ tình cổ Hy Lạp, viết nhiều đoàn ca trang trọng. - 85, 286.
- Pin* (Peel), Giô-na-tan (1799-1879) - tướng Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên; năm 1855 là thành viên ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crum. - 475 - 478.
- Pin* (Peel), Phrê-đê-rích (1823-1906) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái Pin, về sau thuộc đảng tự do, thủ trưởng bộ chiến tranh (1855-1857), em trai của Rô-bóc Pin. - 91, 131, 646.
- Pin* (Peel), Rô-bóc (1788-1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ phái ôn hòa mang tên ông ta là phái Pin trong đảng To-ri; bộ trưởng nội vụ (1822-1827 và 1828-1830), thủ tướng (1834-1835 và 1841-1846), được sự ủng hộ của phái tự do chủ nghĩa đã hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc (1846). - 87, 91, 118, 123, 147, 213, 219, 283, 296, 297, 354, 477, 500, 511-514, 516-519, 521, 671.
- Pin* (Peel), Rô-bóc (1822 - 1895) - nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Anh, thuộc phái Pin, về sau thuộc đảng tự do chủ nghĩa, nghị viên, thủ trưởng hải quân (1855-1857), con trai người nêu trên. - 174, 189, 630, 631.
- Pít* (Pitt), Uy-li-am, con (1759 - 1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri; thủ tướng (1783 - 1801 và 1804 - 1806). - 122, 262, 283, 286, 431, 755.
- Phéc-đi-năng II* (1810-1859) - vua xứ Na-plơ (1830-1859), được mệnh danh là vua bom vì đã bắn phá Mét-xi-na năm 1848. - 607, 625.
- Phi-li-mo-rơ* (Phillimore), Giôn Gioóc-giơ (1808 - 1865) - luật sư và nhà hoạt động chính trị theo chủ nghĩa tự do, nghị viên. - 477.
- Phi-líp II* Ma-xê-đoan (khoảng 382 - 336 trước công nguyên) - vua xứ Ma-xê-đoan (359 - 336 trước công nguyên). - 154.
- Phin-đơ* (Filder) - tướng Anh, trong những năm 1854 - 1855 phụ trách tiếp viện cho quân đội ở Crum. - 814.
- Phin-len* (Pinlen), Giêm-xơ - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào Hiến chương, trong những năm 1852 - 1858 là ủy viên Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc, - 423.
- Phít-xơ-giê-ran* (Fitzgerald), Giôn Đa-vít (1816-1889) - luật sư và nhà hoạt động chính

- trị Ai-rơ-len, thuộc đảng tự do, nghị viên; nhiều lần giữ những chức vụ tư pháp cao trong bộ máy cai trị của Anh ở Ai-rơ-len. - 156, 157.
- Phoóc-rơ* (Porey), E-li Phrê-đê-rích (1804-1872) - tướng Pháp, về sau là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 30-40 tham gia xâm lược An-giê-ri, một trong những người tích cực tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851; năm 1854 - đầu năm 1855 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Crum, tháng Tư 1855 được bổ nhiệm làm tổng đốc tỉnh Ô-ran (ở Bắc Phi). - 199, 314.
- Phô-sơ* (Faucheux) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 663-666.
- Phốc-xơ* (Fox), Sác-lơ Giêm-xơ (1749-1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng Vích; bộ trưởng ngoại giao (1782, 1783 và 1806). - 18, 737, 739, 741.
- Phốc-xton* (Follkestone) - nghị sĩ Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản. - 660.
- Phran-tơ-xơ - I-ô-xíp* (1830-1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916). - 563, 651.
- Phri-đrích II* (1712 - 1786) - vua Phổ (1740 - 1786). - 187, 536, 549, 573.
- Phri-đrích - Vin-hem III* (1770 - 1840) - vua Phổ (1797 - 1840). - 396.
- Phri-đrích - Vin-hem IV* (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861). - 819, 820.
- Phu-át-ê-phen-đi* (1814-1869) - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 50 - 60 nhiều lần giữ chức thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao. - 774, 790, 797.
- Poóc-len* (Portland), Uy-li-am Hen-ri *Ben-tin-cơ*, công tước (1738-1809) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng Vích; bộ trưởng nội vụ (1794-1801), thủ tướng (1783 và 1807-1809). - 84.
- Poóc-séc-xơ* (Porchester). Hen-ri *Héc-bóc* (1741-1811) - nhà hoạt động nghị viện Anh, thuộc đảng Vích. - 30.
- Pô-tem-kin*, Gri-gô-ri A-lếch-xan-đrô-vích, công tước (1739-1791) - nhà hoạt động nhà nước Nga, đại nguyên soái, tổng chỉ huy trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1787 - 1791. - 725.
- Pôn* (Paul), Giôn Đin (1802 - 1868) - chủ ngân hàng Anh. - 429.
- Pốt-xô-đi-Boóc-gô*, Các-lơ Ô-xi-pô-vích, bá tước (1764-1842) - nhà ngoại giao Nga, người gốc xứ Coóc-xi-ca, từ năm 1814 đến năm 1821 là công sứ, từ năm 1821 đến năm 1835 là đại sứ ở Pa-ri, sau đó ở Luân Đôn (1835-1839). - 185.
- Pra-xlanh* (Pranslin), Sác-lơ, công tước *Đờ Soa-don* (1805-1847) - quý tộc Pháp; vụ án năm 1847 về việc ông ta giết vợ đã gây dư luận chính trị lớn. - 102, 136.
- Prát* (Pradt), Đô-mi-ních Duy-phua-rơ *Đờ* (1759-1837) - linh mục Pháp, nhà ngoại giao, nhà chính luận và nhà sử học. - 396, 619.
- Prít-sét-tơ* (Pritchett), Rô-bóc Tay-lơ (1828-1907) - thợ chế tạo súng người Anh, đã hoàn thiện kiểu súng trường Mi-ni-ê. - 556.
- Pu-phen-đoóc-phơ* (Pufendorf), Xa-mu-en, nam tước (1632-1694) - nhà bác học người

Đức, luật sư và nhà sử học, một trong những đại biểu của học thuyết tư sản “quyền tự nhiên”. - 253.

Q

Quy-xtin-nơ (Custine), A-xtôn-phơ, hầu tước Đờ (1790-1857) - nhà du lịch và nhà văn Pháp. - 584.

R

Ra-đét-xki (Radetzky), I-ô-dép, bá tước (1766 - 1858) - thống soái Áo, từ năm 1831 chỉ huy quân đội Áo ở Bắc I-ta-li-a, trong những năm 1848 - 1849 đàn áp dã man phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, trong những năm 1850 - 1856 là toàn quyền Vương quốc Lôm-bác-di - Vơ-ni-đơ. - 259, 563, 769.

Ra-glan (Raglan), Phi-xrôl Giêm-xơ, Hen-ri Xô-méc-xét, nam tước (1788 - 1855) - thống soái Anh; với tư cách sĩ quan tham mưu của Oen-lin-ton đã tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I (1808 - 1814 và 1815); thư ký quân sự văn phòng tổng tư lệnh (1827 - 1852), tổng tư lệnh quân đội ở Crum (1854 - 1855). - 44, 46, 70-72, 78, 96, 164, 165, 169, 170, 182, 200, 214, 219, 226, 230, 241, 245, 250, 318, 359, 370, 413, 451, 455, 638, 710.

Rai-tơ (Wright), Na-tan (1654 - 1721) - luật sư và nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ thư và ủy viên Hội đồng cơ mật (1700 - 1705). - 138.

Rê-át, Ni-cô-lai An-đrê-ê-vích (khoảng 1793 - 1855) - tướng Nga, năm 1855 chỉ huy quân đoàn ở Crum. - 662, 721.

Rê-đinh-ton (Redington), Tô-mát Ni-cô-la-xơ (1815 - 1862) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, thứ trưởng phụ trách các vấn đề Ai-rơ-len (1846), phó chủ tịch Hội đồng kiểm tra vấn đề Ấn Độ (1852 - 1856). - 131.

Rê-nhố Đơ Xanh-giăng đ'Ăng-giê-li (Regnault de Saint - Jean đ'Ange'ly), Ô-guy-xơ Mi-sen, Ê-chiê-n, bá tước (1794 - 1870), - tướng Pháp, sau này là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng chiến tranh (1851), chỉ huy vệ binh (1854 - 1869), năm 1855 chỉ huy quân đoàn dự bị ở Crum. - 480, 486.

Rết-clíp-phơ - xem *Xtơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ*, *Xtơ-rát-phơ*.

Ri-đi-ghéc, Phê-đo Va-xi-li-ê-vích, bá tước (1784 - 1856) - tướng Nga, năm 1854 là phó toàn quyền Vương quốc Ba Lan và chỉ huy quân đội ở biên giới phía tây

nước Nga, năm 1855 là tổng tư lệnh quân đoàn vệ binh và quân đoàn lính ném lựu đạn. - 483.

Ri-sốt II (1367 - 1400) - vua Anh (1377 - 1399). - 95, 112.

Ri-sốt III (1452 - 1485) - vua Anh (1483 - 1485). - 121.

Ri-sốt (Richards), An-phrết Bấy-tơ (1820 - 1876) - nhà soạn kịch và nhà báo Anh, lên tiếng phản đối chủ nghĩa hòa bình của Cốp-đen và phái Man-se-xtơ. - 146.

Rít (Reed), Giô-dép Hây-toóc-nơ - sĩ quan Anh, nghị viên. - 621.

Rít-sơ-mơn (Richmond), Sác *Len-nốc* - *Gioóc-đơn*, công tước (1791 - 1860) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái bảo hộ mậu dịch trong đảng To-ri. - 9.

Rô-bác (Roebuck), Giôn-Ác-tua (1801 - 1879) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị viên; năm 1855 là chủ tịch ủy ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crum. - 11 - 20, 28, 41, 43, 46 - 50, 52, 62, 95, 97 - 100, 115 - 117, 214, 220, 323, 324, 367, 385 - 388, 402, 407, 412, 415, 417, 441, 457 - 460, 471 - 478, 485, 489, 493, 499, 632.

Rô-be-xpi-e (Robespierre), Mác-xi-mi-liêng (1758 - 1794) - nhà hoạt động lỗi lạc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVII, lãnh tụ phái Gia-cô-banh, đứng đầu chính phủ cách mạng (1793 - 1794). - 100.

Rô-bin-xơn (Robinson), Phrê-đê-rích Giôn, tử tước *Gô-đrích* (1782 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri; trong những năm 1823 - 1827 là bộ trưởng tài chính, thủ tướng (1827 - 1828). - 85, 137.

Rô-cơ-bi (Rokeby), Hen-ri *Rô-bin-xơn* - *Môn-tê-guy* - nam tước (1798 - 1883) - tướng Anh, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum. - 92.

Rô-ghê (Roguet), Cri-xtô-phơ Mi-sen, bá tước (1800 - 1877) - tướng Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tích cực tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851... - 320.

Rô-ma-nốp - dòng họ các vua và hoàng đế Nga (1613 - 1917) - 751.

Rốt-xin (Rothschild), Lai-ô-nên, nam tước (1808 - 1879) - đứng đầu nhà băng của dòng họ Rốt-sin ở Luân Đôn, thuộc đảng Vích, từ năm 1858 là nghị viên. - 420, 523.

Rốt-xen (Russell), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866), bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1853, 1859 - 1865), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1854 - 1855); năm 1855 là đại biểu của Anh tại Hội nghị Viên và bộ trưởng thuộc địa. - 10 - 20, 35, 36, 39 - 41, 44 - 46, 49, 51, 54, 62, 64 - 66, 76, 96, 97, 101, 116 - 119, 122, 130, 131, 133, 218, 220, 235, 236, 323 - 326, 329 - 332, 337 - 341, 344, 353 - 356, 367, 388, 390, 417, 430, 459, 462, 463, 466, 471 - 474, 495, 497 - 509, 511 - 514, 516 - 524, 622 - 625, 634, 635, 654, 655, 671, 737.

Ru-đi-pa-sa (1809 - 1879) - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, trong những

năm 50 - 60 nhiều lần giữ chức bộ trưởng chiến tranh - 782, 785, 802, 804, 813, 814.

S

Sa-pha-rích (Safarik), Pa-ven Giô-dép (1795 - 1864) - nhà ngôn ngữ học lỗi lạc, nhà sử học và nhà khảo cổ học Xlô-va-ki, đại biểu của phái tự do trong phong trào dân tộc Tréc-khi-a và Xlô-va-ki; tham gia Đại hội Xla-vơ ở Pra-ha năm 1848, ủng hộ cương lĩnh của chủ nghĩa Áo - Xla-vơ. - 256.

Sác-lơ III (1716 - 1788) - vua Tây Ban Nha (1759 - 1788). - 617.

Sác-lơ XII (1682 - 1718) - vua Thụy Điển (1697 - 1718). - 612.

Sác-lơ-An-be (1798 - 1849) - vua xứ Xác-đi-ni (1831 - 1849). - 606.

Sác-lơ-ma-nhơ (khoảng 742 - 814) - vua (768 - 800) và hoàng đế (800 - 814) Phrăng-c-. - 192.

Sác-nơ-hoóc-xtơ (Scharnhorst), Héc-khác (1755 - 1813) - viên tướng và nhà hoạt động quân sự Phổ; sau khi quân đội Phổ bị Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806 là chủ tịch ủy ban soạn thảo những nguyên tắc cơ bản cho cuộc cải cách quân sự; bộ trưởng chiến tranh (1807 - 1810) và tổng tham mưu trưởng (1807 - 1813); đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến tranh giải phóng chống Na-pô-lê-ông năm 1813. - 575.

Sác-tô-ru-xki (Czartoryski), A-đam Ê-gi-ơ, công tước (1770 - 1861) - quan đại phu Ba Lan; đầu thế kỷ XIX là bạn thân của A-lếch-xan-đrơ I; bộ trưởng ngoại giao Nga (1804 - 1806); trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831 đứng đầu chính phủ lâm thời, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp lưu vong sang Pa-ri, ở đó lãnh đạo giới lưu vong Ba Lan theo khuynh hướng quân chủ - bảo thủ. - 89, 628, 629.

San-đi-ni (Cialdini), En-ri-cô (1811 - 1892) - tướng I-ta-li-a, năm 1855 chỉ huy một lữ đoàn của quân đoàn Xác-đi-ni ở Crum. - 708.

Săng-gác-ni-ê (Changarnier), Ni-cô-la Ăng Tê-ô-đuyn (1793 - 1877) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri; trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, trong những năm 1848 - 1851, chỉ huy quân phòng vệ và quân vệ binh quốc gia ở Pa-ri, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi nước Pháp. - 165, 320, 486.

Se-li (Shelley), Giôn (1808 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái mật dịch tự do, nghị viên. - 178.

Séc-xni (Chesney), Phren-xít Rô-đôn (1789 - 1872) - đại tá Anh, từ năm 1855 là tướng. - 559.

Sê-ô-đa-ép, Mi-kha-in I-va-nô-vích (chết năm 1859) - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh năm 1812; trong thời kỳ Chiến tranh Crum chỉ huy quân đoàn và quân bộ binh dự bị. - 24, 32.

Sép-xbe-ri (shaftesbury), An-tô-ni E-sli Cu-pơ, bá tước (1801 - 1885), nhà hoạt động chính trị Anh, trong những năm 40 lãnh đạo nhóm To-ri bác ái trong nghị viện; từ năm 1847 theo đảng Vich; năm 1855 chủ tịch ủy ban kiểm tra tình hình vệ sinh trong quân đội ở Crum. - 419, 645.

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn Anh vĩ đại. - 49, 80, 121, 632, 763.

Si (Shee), Uy-li-am (1804 - 1868) - luật sư và hoạt động chính trị theo chủ nghĩa tự do Ai-rơ-len, nghị viên. - 157, 464.

Sin-đéc Các-lơ An-đrê-ê-vích (1785 - 1854) - tướng Nga, kỹ sư quân sự và nhà phát minh nổi tiếng, trong các cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828 - 1829 và năm 1854 đã chỉ huy việc phong tỏa của quân Nga trên sông Đa-nuýp. - 225.

Sơ-va-li-ê (Chevalier), Mi-sen (1806 - 1879) - kỹ sư, nhà kinh tế học và nhà chính luận Pháp, trong những năm 30 là môn đệ của Xanh-Xi-mông, sau đó theo phái mật dịch tự do; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 tích cực ủng hộ và tuyên truyền chính sách kinh tế của Na-pô-lê-ông III, một thời gian dài cộng tác với ban biên tập tờ "Journal des Débats". 719.

Suên-han-xơ (Schonhals), Các-lơ (1788 - 1857) - viên tướng và nhà văn quân đội Áo; tham gia đắc lực vào đàn áp cuộc cách mạng ở I-ta-li-a trong những năm 1848 - 1849. - 606.

Sun-sép-xki (Szulzewski) - đại tá Ba Lan, phần tử lưu vong; năm 1855 là thư ký Hội văn học những người bạn của Ba Lan ở Luân Đôn. - 630.

T

Ta-lây-răng - Pê-ri-go (Talleyrand - Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754 - 1838) - nhà ngoại giao Pháp nổi tiếng, bộ trưởng ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807, 1814 - 1815), đại diện Pháp tại Hội nghị Viên (1814 - 1815), là người cực kỳ vô nguyên tắc trong chính trị và hám lợi. - 235, 396.

Ta-xi-li-ê (Tassilier) - công nhân nhà in Pháp, từ tháng Sáu 1848 bị đi đày ở Cây-en-na vì lý do chính trị. - 763.

Ta-khíp-pa-sa - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1855 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Cáp-ca-đơ. - 814.

Tai-lơ (Tyler), Uôt (chết năm 1381) - lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất ở Anh năm 1381. - 95, 112.

- Tai-tơ* (Tite), Uy-li-am (1798 - 1873) - kiến trúc sư và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng tự do chủ nghĩa, nghị viên; năm 1855 là phó chủ tịch Hội cải cách hành chính. - 346, 632.
- Tay-lo* (Taylor), Giêm-xơ - nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa Anh, năm 1855 lên tiếng ủng hộ phong trào của giai cấp tư sản công nghiệp đòi cải cách nghị viện. - 178, 180.
- Tay-lo* (Taylor), Tôm (1817 - 1880) - nhà soạn kịch và nhà báo Anh, trong những năm 50 là cộng tác viên, trong những năm 1874 - 1880 là biên tập viên tạp chí "Punch"; năm 1854 được bổ nhiệm làm thư ký Hội đồng bảo vệ sức khỏe. - 10.
- Ti-bê-rơ* (42 trước công nguyên - 37 sau công nguyên) - hoàng đế La Mã (14 - 37). - 760.
- Ti-mua* (Ta-méc-lan) (1336 - 1405) - tướng lĩnh và kẻ xâm lược Trung Á, người lập ra quốc gia rộng lớn ở phương Đông. - 142.
- Ti-tốp*, Vla-di-mia Páp-lô-vích (1805 - 1891) - nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1843 - 1853), năm 1855 là đại diện Nga tại Hội nghị Viên. - 325, 338.
- Tôm-xơn* (Thompson), Gioóc-giơ (1804 - 1878) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản; trong những năm 50 là một trong những nhà hoạt động tích cực của Hội liên hiệp dân tộc vì cải cách nghị viện và tài chính. - 310, 630.
- Tốt-tơ-le-ben*, E-du-ác I-va-nô-vích (1818 - 1884) - kỹ sư quân sự xuất sắc người Nga, đại tá, từ tháng Tư 1855 là tướng, một trong những người tổ chức cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn anh hùng. - 226, 272, 586, 589, 638, 752.
- Tơ-ra-vét-xơ* (Travers), In-grê-hêm - nhà hoạt động chính trị Anh; năm 1855 là thủ lĩnh phong trào đòi cải cách hành chính của giới tài chính - thương mại trong giai cấp tư sản. - 293.
- Tơ-rô-lốp* (Trollope), Giôn (sinh năm 1800) - nhà hoạt động chính trị Anh, nghị viên. - 63.
- Tơ-rốt-ti* (Trotti) - tướng Xác-đi-ni, năm 1855 chỉ huy một sư đoàn của quân đoàn Xác-đi-ni ở Crum. - 663, 665.
- Tu-xum-pa-sa* - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1855 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Cáp-ca-đơ. - 785.

U

- Uây-cơ-phin* (Wakefield), Ét-uốt Ghi-bon (1796 - 1862) - nhà hoạt động nhà nước Anh, nhà kinh tế học đã đề ra học thuyết tư sản về thực dân hóa. - 491.
- Uê-clip* (Wakley), Tô-mát (1795 - 1862) - bác sĩ và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc

- phái cấp tiến tư sản; năm 1855 lên tiếng đòi mở rộng các quyền chính trị của giai cấp tư sản công nghiệp bằng con đường cải cách nghị viện. - 178.
- Uốc-các-tơ* (Urquhart), Đa-vít (1805 - 1877) - nhà ngoại giao Anh, nhà chính luận phân động và nhà hoạt động chính trị, thuộc phái Tuốc-cơ-phin; trong những năm 30 thực hiện những nhiệm vụ ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 1847 - 1852 là nghị viên. - 89, 144, 349 - 352, 355, 387, 466, 526.
- Uốc-cơ-men* (Workman) - một trong những người tham gia tích cực phong trào Hiến chương những năm 50. - 294.
- Uốc-đơ* (Ward), Uy-li-am, nam tước (sinh năm 1817) - nhà quý tộc Anh, thuộc đảng To-ri. - 475.
- Uôn-pôn* (Walpole), Hô-ra-xơ (1717 - 1797) - nhà quý tộc Anh, nhà văn và nhà nghiên cứu nghệ thuật. - 502.
- Uôn-pôn* (Walpole), Xpen-xơ Hô-ra-xơ (1806 - 1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng nội vụ (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1867). - 53, 369.
- Uy-li-am III O-răng-giơ* (1689 - 1702) - toàn quyền Hà Lan (1672 - 1702), vua Anh (1689 - 1702). - 94, 123.
- Uy-li-am IV* (1765 - 1837) - vua Anh (1830 - 1837). - 88, 89.
- Uy-li-am-xơ* (Williams), Uy-li-am Phê-nu-ích (1800 - 1883) - tướng Anh, trong những năm 1854 - 1855 là đại diện tại ban tham mưu quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-đơ và là một trong những người chỉ huy phòng thủ Các-xơ. - 726, 743, 746, 748, 773, 774, 786, 796, 806, 811.
- Uyn-hêm* (Windham), Sác-lơ A-sơ (1810 - 1870) - đại tá Anh, từ tháng Mười 1855 là tướng; mùa thu 1855 chỉ huy lữ đoàn, sau là tham mưu trưởng quân đội ở Crum (tháng Mười một 1855 - tháng Bảy 1856). - 703, 711.
- Uyn-xơn* (Wilson), Giêm-xơ (1805 - 1860) - nhà kinh tế học tư sản và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái mậu dịch tự do, người sáng lập và tổng biên tập tạp chí "Economist", trong những năm 1853 - 1858 là bộ trưởng tài chính. - 660.
- Uyn-xơ* (Wilson), Rô-bớt Tô-mát (1777 - 1849) - tướng Anh, nhà văn quân đội, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị viên. - 659.

V

- Va-lép-xki* (Walewski), A-lêch-xan-đơ Phlo-ri-ăng Giô-dép Ca-lô-na, bá tước (1810 - 1868) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Pháp, con trai của Na-pô-lê-ông I và nữ bá tước Ba Lan Va-lép-xcai-a; tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831, sau khi khởi nghĩa thất bại, lưu vong sang Pháp; bộ trưởng ngoại giao (1855 - 1860); chủ tịch Hội nghị Pa-ri (1856). - 795.

- Vác-vích* (Varwick), Ri-sốt *Nê-vin*, bá tước (1428 - 1471) - chúa phong kiến Anh, đóng vai trò to lớn trong cuộc chiến tranh Hoa hồng đỏ và Hoa hồng trắng (1455 - 1485); do ảnh hưởng mà ông ta có được khi đưa người khác lên ngôi vua nên có biệt danh là “người tạo dựng các ông vua”. - 119, 459.
- Vai-ăng* (Vaillant), Giảng Ba-ti-xơ Phi-li-be (1790 - 1872) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; bộ trưởng chiến tranh (1854 - 1859). - 164, 169, 359.
- Vát-ten* (Vattel), Ê-mốt (1714 - 1767) - luật sư Thụy Sĩ, nhà ngoại giao ở xứ Dắc-den, chuyên gia về các vấn đề luật quốc tế. - 253.
- Vây-nơ* (Vane), Hác-ri Gioóc-giơ - nghị sĩ nghị viện Anh. - 315.
- Văng-dam* (Vandamme), Đô-mi-ních Rơ-nê (1770 - 1830) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông I, năm 1813 cùng với quân đoàn của mình đã đầu hàng ở Cun-mơ. - 243.
- Vê-den* (Wedell), Lê-ô-pôn Hen-rích (1784 - 1861) - tướng Phổ; năm 1855 đã có mặt ở Pa-ri cùng với phái đoàn ngoại giao. - 174.
- Víc-cốp* (Wikoff), Hen-ri - nhà báo Mỹ, đầu những năm 50 xuất hiện trên báo chí với tư cách là phái viên của Pan-mớc-xton. - 55.
- Vil-li-den* (Willisen), Vin-hem (1790 - 1879), viên tướng và nhà lý luận quân sự Phổ. Năm 1848 là phái viên của nhà vua ở Pô-dơ-nan, vào những năm 1848 - 1849 có mặt trong quân đội Áo đàn áp phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a. - 607.
- Vi-vi-an* (Vivian), Rô-bốt Giôn Hác-xi (1802 - 1887) - tướng Anh, trong những năm 1855 - 1856 chỉ huy quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trên bán đảo Kéc-sơ. - 774, 776, 780, 781, 794, 795, 807.
- Vích-tô-ri-a* (1819 - 1901) - nữ hoàng Anh (1837 - 1901) - 14, 55, 61, 387, 415, 418, 440, 466, 507, 519.
- Vin-đi-sơ-grét-xơ* (Windischgrätz), An-phrết, hầu tước (1787 - 1862) - thống chế Áo; năm 1848 chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha và ở Viên, trong những năm 1848 - 1849 chỉ huy quân đội Áo đàn áp cuộc cách mạng ở Hung-ga-ri. - 259, 563.
- Vô-băng* (Vauban), Xê-ba-xchiêng lơ Prét-tơ-rơ (1633 - 1707) nguyên soái Pháp, kỹ sư quân sự, tác giả một loạt công trình nghiên cứu về xây dựng công sự và bao vây. - 371 - 374.
- Vôn-te* (Wolter), I-ô-han (1789 - 1857) - tướng Áo, kỹ sư quân sự; trong những năm 1853 - 1857 là chỉ huy trưởng pháo đài Cra-cốp. - 653.
- Vôn-te* (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật là *A-ru-ê*) (1694 - 1778) - nhà triết học thần luận, nhà văn trào phúng, nhà sử học Pháp, đại biểu nổi tiếng của phong trào khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, đấu tranh chống chế độ chuyên chế và Thiên chúa giáo. - 420, 450.
- Vút* (Wood), Sác-lơ (1800 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích;

trong những năm 1846 - 1852 là bộ trưởng tài chính, chủ tịch Hội đồng kiểm tra về vấn đề Ấn Độ (1852 - 1855), trong những năm 1855 - 1858 là bộ trưởng hàng hải, bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ (1859 - 1866). - 36, 57, 94, 121, 202, 344, 431, 476, 477.

X

- Xa-go-den* (Sugden), Ê-đu-ác, nam tước *Xen-Lê-ô-nác* (1781 - 1875) - luật sư và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, năm 1852 là đại pháp quan. - 523.
- Xa-lơ* (Sallez), Sác-lơ Ma-ri đơ (1803 - 1858) - tướng Pháp, năm 1855 chỉ huy quân đoàn ở Crum. - 679, 709.
- Xa-thơ-len* (Sutherland), Giôn (1808 - 1891) - bác sĩ Anh, năm 1855 lãnh đạo ủy ban kiểm tra tình hình vệ sinh của quân đội ở Crum. - 645, 646.
- Xác-tô-ri-út* (Sartorius), Phéc-nan-đô Lu-i-xơ Hô-xê, bá tước *Xan-lu-i-xơ* (1820 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước phân động và nhà chính luận Tây Ban Nha, một trong những thủ lĩnh của phái Mô-đê-ra-đốt, bộ trưởng nội vụ (1847 - 1851), đứng đầu chính phủ (1853 - 1854). - 618.
- Xam-nơ* (Sumner), Giôn Bớt-đơ (1780 - 1862) - linh mục Anh, tổng giám mục Can-tơ-bơ-ri (1848 - 1862). - 175.
- Xanh-Ác-nô* (Saint - Arnaud), Ác-măng Giắc A-sin *Lơ-roa Đờ* (1801 - 1854) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri; một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng chiến tranh (1851 - 1854), năm 1854 là tổng tư lệnh quân đội ở Crum. - 153, 164, 169, 192, 219, 242, 243, 246, 314, 320, 545.
- Xanh-Xi-mông* (Saint - Simon), Hăng-ri (1760 - 1825) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp. - 719.
- Xát-lơ* (Sadleir), Giôn (1814 - 1856) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những thủ lĩnh của phái Ai-rơ-len trong nghị viện, năm 1853 là thứ trưởng tài chính. - 39, 56, 136, 464, 814.
- Xây-mua* (Seymour), Gioóc-giơ Ha-min-tơn (1797 - 1880) - nhà ngoại giao Anh, trong những năm 1851 - 1854 là công sứ ở Pê-téc-bua. - 38, 340.
- Xéc-ran-nô-i* - *Đô-min-ghe-xơ* (Serrano y Dominguez) Phran-xi-xcô (1810 - 1885) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, bộ trưởng chiến tranh (1843), tham gia cuộc đảo chính năm 1856; bộ trưởng ngoại giao (1862 - 1863), đứng đầu chính phủ (1868 - 1869, 1871, 1874), quan nhiếp chính vương quốc (1869 - 1871). - 618.

- Xen-van* (chết năm 1854) - tướng Nga, năm 1854 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Xi-li-xto-ri; bị chết trong một cuộc tấn công pháo đài. - 724.
- Xêm-lim-pa-sa* - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1855 chỉ huy những đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ trên chiến trường Cáp-ca-dơ. - 814.
- Xê-xin* (Cecil), Rô-bốt Ác-tua Tan-bốt *Gác-côi-nơ*, từ năm 1868 là hầu tước *Xôn-xbe-ri* (1830 - 1903) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, sau thuộc đảng bảo thủ, nghị viên; nhiều lần giữ chức thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao trong nội các đảng bảo thủ. - 477.
- Xi-ây-ét* (Sieyès), Ê-ma-nu-en Giô-đép (1748 - 1836) - tu viện trưởng ở Pháp, nhà hoạt động của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của giai cấp đại tư sản. - 410.
- Xi-tôn* (Seaton), Giôn *Côn-boóc-nơ*, nam tước (1778 - 1863) - tướng Anh, tham gia chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I (1808 - 1814 và 1815), chỉ huy quân đội Anh ở Ai-rơ-len (1855 - 1860). - 91.
- Xi-véc-xơ*, Vla-di-mia Các-lô-vích, bá tước (1790 - 1862) - tướng Nga, trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy quân đội ở Pri-ban-tích. - 23, 31, 483.
- Xi-xmôn-đi* (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na *Xi-môn-đơ Đờ* (1773 - 1842) - nhà kinh tế học và nhà sử học Thụy Sĩ, nhà phê bình tiêu tư sản đối với chủ nghĩa tư bản. - 29.
- Xim-môn-xơ* (Simmons), Giôn Lin-tơn A-ra-bin (1821 - 1903), trung tá Anh, kỹ sư quân sự, về sau là thống soái, trong thời kỳ Chiến tranh Crum là đại diện tại ban tham mưu quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Crum. - 786 - 792, 796, 802, 804, 807 - 811.
- Xim-xơn* (Simpson), Giêm-xơ (1792 - 1868) - tướng Anh, năm 1855 (tháng Hai - tháng Sáu) là tham mưu trưởng, sau đó là tổng tư lệnh quân đội ở Crum (tháng Sáu - tháng Mười một). - 92, 96, 620, 622, 701 - 704, 709 - 712, 721, 786 - 789, 792, 808, 809, 814.
- Xít-mút* (Sidmouth), Hen-ri Át-đin-ton, từ tước (1757 - 1844) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri; thủ tướng và bộ trưởng tài chính (1801 - 1804); với cương vị bộ trưởng nội vụ (1812 - 1821) đã thi hành những biện pháp đàn áp phong trào công nhân. - 85, 283.
- Xcan-li* (Scully), Vin-xen-tơ (1810 - 1871) - luật sư và nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa người Ai-rơ-len, nghị viên. - 632.
- Xcôn-phin-đơ* (Scholefield), Uy-li-am (1809 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị viên. - 490, 491.
- Xmít* (Smith), A-đam (1723 - 1790) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. 9, 692.
- Xmít* (Smith), En-đriu (1797 - 1872) - bác sĩ quân y Anh, đứng đầu ngành quân y của quân đội Anh (1846 - 1858). - 212, 213, 218, 814.
- Xmít* (Smith), Rô-bốt *Véc-nôn* (1800 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc

- đảng Vích, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1852), chủ tịch Hội đồng kiểm tra vấn đề Ấn Độ (1855 - 1858). - 29, 121, 622.
- Xlô-côm* (Slocombe), Uy-li-am - một trong những người tích cực tham gia phong trào Hiến chương những năm 50. - 294.
- Xô-lông* (khoảng 638 - 558 trước công nguyên) - nhà lập pháp nổi tiếng A-ten, do áp lực của quần chúng nhân dân, đã thi hành một loạt đạo luật nhằm chống lại giới quý tộc cha truyền con nối. - 632.
- Xô-mơ-xét* (Somerset), Hen-ri (1794 - 1862) - tướng Anh, năm 1855 được bổ nhiệm làm tổng chỉ huy quân đội của Công ty Đông Ấn ở Bom-bay. - 92.
- Xôi-môn-nốp*, Phê-đo I-va-nô-vích (1800 - 1854) - tướng Nga, trong thời kỳ Chiến tranh Crum chỉ huy các đơn vị quân đội ở Đa-nuýp và Crum, bị chết trong trận In-ke-rơ-man. - 724.
- Xtáp-phớt* (Stafford), Ô-ga-xtơ (1811 - 1857) - nhà hoạt động nghị viện Anh, thuộc đảng To-ri. - 52, 220.
- Xten-li* xem *Đớc-bi*, Ê-đu-ác.
- Xten-li* (Stanley), huân tước Ê-đu-ác Hen-ri, từ năm 1869 là bá tước *Đớc-bi* (1826 - 1893) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, trong những năm 60 - 70 thuộc đảng bảo thủ, sau đó theo đảng tự do; nghị viên, thứ trưởng ngoại giao (1852), bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ (1858 - 1859), bộ trưởng ngoại giao (1866 - 1868 và 1874 - 1878), bộ trưởng thuộc địa (1882 - 1885), con trai của Ê-đu-ác Đớc-bi. - 100, 130, 328.
- Xti-ven-xơ* (Stevens), - phó lãnh sự ở Tơ-ra-pê-dun thời kỳ Chiến tranh Crum. - 785.
- Xtiu-át* (Stuart), huân tước Đa-đli Cút-xơ (1803 - 1854) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, nghị viên, có liên hệ với những nhóm lưu vong quân chủ - bảo thủ Ba Lan. - 86, 628.
- Xtiu-át* (Steuart), Giêm-xơ (1712 - 1780) - nhà kinh tế học tư sản Anh, một trong những đại biểu cuối cùng của chủ nghĩa trọng thương, người gốc Xcôt-len. - 692.
- Xtiu-át* (Stewart), Hu-xtơn (1791 - 1875) - đô đốc Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng hải quân (1850 - 1852); năm 1855 là phó tổng tư lệnh hạm đội ở Hắc Hải. - 788.
- Xtôóc-môn* (Stormont), Đa-vít *Ma-ri*, từ tước (1727 - 1796) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, thuộc đảng To-ri; công sứ ở Viên (1763 - 1772) và ở Pa-ri (1772 - 1778), bộ trưởng ngoại giao (1779 - 1782). - 739.
- Xtơ-ra-en* (Strahan), Uy-li-am (sinh khoảng 1808) - chủ ngân hàng Anh. - 429, 452.
- Xtơ-ra-pho* (Strafford), Giôn *Binh-gơ*, bá tước (1772 - 1860) - tướng Anh, từ năm 1855 là thống soái, tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I (1808 - 1814 và 1815), - 721, 722.

Xtơ-rát (Strutt), Ét-uốt (1801 - 1880) - nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa Anh, thủ tướng Công quốc Lan-kê-xtơ (1852 - 1854). - 509.

Xtơ-rát-phơ đơ Rết-clíp-phơ (Stratford de Redcliffe), Xtơ-rát-phơ *Can-ninh*, tử tước (1786 - 1880) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1810 - 1812, 1825 - 1828, 1841 - 1858). - 89, 749, 773 - 776, 779 - 785, 788 - 793, 795 - 804, 806, 810, 813.

Xu-vô-rốp, Alếch-xan-đơ Va-xi-li-ê-vích (1730 - 1800) - tướng lĩnh Nga lỗi lạc. - 725.

Xuy-lô (Suleau), trung tá Pháp, năm 1855 là đại diện tại ban tham mưu quân đội Anh ở Crum. - 789.

TÊN CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-ba-quých - nhà tiên trong kinh thánh. - 450.

A-ga-mơ-nông - vua Ác-gốt, trong thần thoại cổ Hy Lạp, một trong những nhân vật của “I-li-át”, người chỉ huy quân đội Hy Lạp trong thời kỳ Chiến tranh Tơ-roa; theo thần thoại đã đem con gái mình là I-phi-giê-ni làm lễ vật tế nữ thần Ác-tê-ni-đa, để loại trừ những trở ngại cho hạm đội Hy Lạp rời bến ở gần Tơ-roa. - 509.

A-si-lơ, trong thần thoại cổ Hy Lạp, là người dũng cảm nhất trong các anh hùng Hy Lạp đã vây hãm thành Tơ-roa, một trong những nhân vật chính của “I-li-át”. Theo thần thoại, A-si-lơ bị tử thương do một mũi tên bắn vào gót chân - chỗ hiểm duy nhất trên thân thể ông ta. - 769.

Cuốc-ti-u-xơ (Mác-cu-xơ Cuốc-ti-u-xơ) - theo huyền thoại, là một chàng trai thời cổ La Mã, đã lao xuống vực thẳm để cứu La Mã. - 19.

Dích-phrít - nhân vật trong thần thoại Giéc-manh cổ, một trong những nhân vật chính của thiên anh hùng ca trung cổ “Bài ca về Ni-bê-lun-gơ”. Theo thần thoại, Dích-phrít đã giết chết con rồng và tắm trong máu của nó, do đó đã trở thành người không thể bị thương tổn. - 325.

Đa-na-ít - trong thần thoại cổ Hy Lạp là con gái của vua Đa-nai, do đã giết các ông chồng của mình nên phải chịu hình phạt là đời đời kiếp kiếp phải đổ đầy nước vào cái thùng không đáy. - 815.

Đông Ki-sốt - nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của Xéc-van-tét. - 85, 288.

Đrô-mi-ô (Đrô-mi-ô ở E-phe-đơ và Đrô-mi-ô ở Xi-ra-quy-đơ) - hai anh em sinh đôi

giống nhau một cách lạ thường, hai nhân vật trong tác phẩm của Sếch-xpia “Hài kịch về sự nhầm lẫn”. - 98.

E-xpê-ri-đơ - trong thần thoại cổ Hy Lạp là các con gái của thần khổng lồ Át-lát coi giữ những quả táo vàng mọc trên cây cuộc sống. - 431.

Giôn Bun (Giôn Bò tốt) - danh từ chung thường để chỉ những đại biểu của giai cấp tư sản Anh, được sử dụng rộng rãi kể từ khi xuất hiện tác phẩm trào phúng chính trị của nhà văn - nhà khai sáng Ác-bét-nốt “Câu chuyện của Giôn Bu-lơ” vào năm 1712. - 40, 48, 54, 105, 236, 312, 380, 587.

Gô-lê-m - theo truyền thuyết Do Thái, là người nhân tạo nặn bằng đất sét để làm những việc nặng nhọc; hình tượng Gô-lê-m lần đầu tiên được Ác-nim đưa vào văn học trong truyện ngắn viễn tưởng của ông “I-da-ben-la Ai-cập”. - 810.

Hăm-lét - nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của Sếch-xpia. - 354, 413.

I-phi-giê-ni, - con gái của vua A-ga-mơ-nông trong thần thoại cổ Hy Lạp. - 509.

I-u-giu A-ram - nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên của Bun-vơ-Lít-ton, hình tượng của nhà bác học giam mình trong thế giới khoa học và trở thành nạn nhân của sự va chạm với thực tế xung quanh. - 355.

I-xát-sa-rơ - theo kinh thánh là thủy tổ một trong mười hai nhánh của dân tộc Do Thái, có đặc điểm là hết sức vâng lời, kiên nhẫn và giỏi chịu đựng, vì lẽ đó Gia-cốp, bố của I-xát-sa-rơ, đã ví anh ta với “con lừa xương xẩu”. - 394.

Lam-phin, Tơ-ni - nhân vật trong hài kịch của Ô-li-ve-rơ Hôn-xmít “Bà ta nhường bước để giành chiến thắng” (“Đêm của những sai lầm”), con trai một nhà quý tộc tinh lẻ, là người đốt nát, lỗ mãng hay lên mặt và làm bộ. - 630.

Ma-nu - theo huyền thoại là nhà lập pháp Cổ Ấn Độ, “Bộ Luật Ma-nu” do giới tư tế soạn thảo trong khoảng thời gian giữa thế kỷ I và V. - 622.

Mê-phi-xtơ-phê-le-xơ - một trong những nhân vật chính trong bi kịch của Gơ-tơ “Phau-xtơ”. - 424.

Mô-lô-sơ - thần mặt trời trong tôn giáo Phi-ni-ki-a và Các-ta-giơ Cổ đại, việc thờ phụng thần mặt trời đi đôi với hiến lễ bằng người, sau này cái tên Mô-lô-sơ là biểu tượng của lực hấp dẫn tàn bạo. - 175.

Pa-la-xơ A-tê-nê - một trong những vị thần chính trong thần thoại cổ Hy Lạp, nữ thần chiến tranh và biểu tượng của sự anh minh; được coi là nữ thần hộ mệnh của Quốc gia A-ten. - 770.

Phôn-xtáp - nhân vật trong một loạt tác phẩm của Sếch-xpia (“Vua Hăng-ri IV” và “Mấy bà vui tính ở Uyn-đơ”); kẻ hèn nhát hay khoác lác, kẻ khô hải và tên ma rợ. - 632.

Pông-xơ Pi-la-tơ - toàn quyền La Mã ở Giu-đê (26 - 36), tên của ông ta đã trở thành biểu tượng của sự giả nhân giả nghĩa và hung bạo. - 428.

Xê-lô-u - nhân vật trong các tác phẩm của Sếch-xpia “Vua Hăng-ri IV” và “Mấy bà

vui tính ở Uyn-dơ”; một tên quan tòa quê mùa tham lam kiêu ngạo và hẹp hòi, kẻ hay lí sự nhỏ mọn. - 632.

Tăng-ta-lơ - trong thần thoại cổ Hy Lạp là vua xứ Li-di, do đã lãng mạ các vị thần nên bị hành hạ đời đời dưới địa ngục: mỗi khi Tăng-ta-lơ định uống nước cho đỡ khát và ăn cho đỡ đói thì nước ở dưới chân ông ta đứng và quả treo trên đầu ông ta lại biến mất. - 212, 217.

Téc-xi-tơ - nhân vật trong “I-li-át”, chiến binh Hy Lạp, tham gia Cuộc chiến tranh Tơ-roa; được mô tả là một gã gù thọt chân hung dữ và độc địa, trong một đoạn ở ca khúc thứ hai của trường ca, đã bị Ô-di-xê giết chết vì hắn ta đã lãng mạ những người chỉ huy của quân đội Hy Lạp. - 12, 417, 814.

Ua-rơ-uych - nhân vật chính trong tiểu thuyết của Bun-vơ - Lít-ton “Nam tước cuối cùng”, hình tượng lý tưởng hóa về người tham gia các cuộc chiến tranh phong kiến trong tàn thế kỷ XV. - 355.

Uy-li-xơ, hoặc *Ô-di-xê* nhân vật trong “I-li-át” và “Ô-di-xê”, ông vua thần thoại của đảo I-ta-ca, một trong những người chỉ huy quân đội Hy Lạp trong thời kỳ Chiến tranh Tơ-roa, có đặc điểm là dũng cảm, khôn ngoan và tài hùng biện. - 12.

Xanh-đơ-bát - thủy thủ - nhân vật trong truyện cổ tích A-rập “Một nghìn một đêm lẻ”. - 459.

Xăm-xông - nhân vật trong kinh thánh được coi là có sức mạnh và lòng dũng cảm siêu nhiên. - 92.

Xéc-be-rơ (Kéc-be-rơ) - trong thần thoại cổ Hy Lạp là con chó ba đầu canh giữ lối ra khỏi địa ngục, nơi linh hồn người chết bị đẩy đọa. - 661.

Xi-bi-lơ - một trong những “nữ tiên tri” lãng du thời cổ; theo truyền thuyết sống ở Cu-mác (thuộc địa cổ Hy Lạp ở miền nam I-ta-li-a). Những điều tiên tri sưu tập trong cái gọi là “Những cuốn sách của Xi-bi-lơ” được cho là của bà, đã đóng vai trò to lớn trong đời sống tôn giáo của La Mã Cổ đại. - 143.

Xlai, Cri-xtô-phơ - nhân vật trong hài kịch của Sếch-xpia “Thuần phục người đàn bà gỗ ngợc”. - 509.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

“*Báo Rô Ma*” - xem “*Gazzetta di Roma*”.

“*Con ong phương Bắc*” (Xanh- Pê-téc-bua). - 756.

“*Người tàn tật Nga*” (Xanh- Pê-téc-bua). - 756.

“*Advertiser*” - xem “*The Morning advertiser*”

“*The Augus* - (Ác-gu-xơ)” (Men-buốc). - 140.

“*The Birmingham Daily Press*” (“*Nhật báo “Bóc-minh-hêm*”). - 525.

“*The Birmingham Journal and Commercial Advertiser*” (“*Báo Bóc-minh-hêm và người truyền tin thương nghiệp*”). - 758.

“*Chronicle* - xem “*The Morning Chronicle*”.

“*Le Constitutionnel*” (“*Người lập hiến*”) (Pa-ri). - 749, 756.

“*Courier and Telegraph*” (“*Tin tức và điện tín*”) (Luân Đôn). -

“*The Daily News*” (“*Tin tức hàng ngày*”). - 55, 101, 143, 263, 633, 702, 717.

“*The Economist*” (“*Nhà kinh tế học*”) (Luân Đôn). - 101, 697.

“*The Edinburgh Review or Critical Journal*” (“*Tạp chí Ê-đin-bóc hay Tạp chí phê bình*”) (Luân Đôn) 183.

“*Gazette*” - xem “*The London Gazette*”.

“*Gezetta di Roma*” (“*Báo Rô Ma*”). - 521.

“*Gazzetta Ufficiale di Milano*” (“*Báo Mi-la-nô*”). - 769.

“*Le Globe*” (“*Địa cầu*”) (Pa-ri). - 232.

“*The Globe and Traveller*” (“*Trái đất và nhà du hành*”) (Luân Đôn). - 414, 450.

“*Herald*” - xem “*The Morning Herald*”. -

“*Illustrated Times*” (“*Thời báo minh họa*”) (Luân Đôn). - 394.

“*L'Indépendance belge*” (“*Độc lập của Bỉ*”) (Bruy-xen). - 815.

“*Journal des Debats politiques et Littéraires*” (“*Báo tranh luận chính trị và văn học*”) (Pa-ri). - 719.

“*The Lancet*” (“*Dao chích*”) (Luân Đôn). - 429.

- "*The Leader*" ("Lãnh tụ") (Luân Đôn). - 175.
- "*L Loyd's Weekly London Newspaper*" ("Tuần báo Lôi-dơ ở Luân Đôn"). - 394.
- "*The London Gazette*" ("Báo Luân Đôn"). - 10.
- "*Manchester Daily Examiner and Times*" ("Thời báo và người quan sát hàng ngày Man-se-xtơ"). - 695, 696.
- "*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ"). - 93.
- "*Melbourne Argus*" - xem "*The Argus*".
- "*Le Moniteur universel*" ("Báo đại chúng" (Pa-ri). - 146, 242, 243, 246, 247, 642, 764 - 769.
- "*The Morning Advertiser*" ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 28, 113, 121, 142, 143, 146, 149, 178, 263, 769.
- "*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 100, 101, 113, 233, 263, 769.
- "*The Morning Herald*" ("Truyền tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 55, 145, 149, 174, 202.
- "*The Morning Post*" ("Bưu điện buổi sáng"). - 55, 65, 113, 142, 153, 154, 174, 228, 769.
- "*Neue Oder - Zeitung*" ("Báo O-đe mới") (Brê-xláp, nay là Vrôt-xláp). - 12, 15, 20, 33, 47, 60, 63, 68, 79, 81, 93, 99, 102, 108, 111, 114, 118, 120, 125, 129, 131, 141, 144, 148, 152, 154, 158, 163, 173, 177, 181, 184, 190, 201, 206, 210, 215, 231, 234, 247, 252, 261, 265, 266, 632, 636, 643, 647, 650, 661, 669, 681, 683, 690, 697, 700, 705, 706, 710, 716, 719, 722.
- "*New - York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày"). - 27, 37, 42, 55, 73, 74, 111 - 136, 163, 168, 195, 201, 221, 227, 235, 241, 245, 247, 252, 643, 657, 669, 676, 678, 679 - 681, 697, 700, 705, 729, 736, 741, 749, 754, 762, 766 - 767, 771, 822.
- "*Le Nord*" ("Phương Bắc") (Pa-ri - Bruy-xen). - 757, 761.
- "*Penny Times*" ("Thời báo Pen-ni") (Luân Đôn). - 394.
- "*The Peoples Paper*" ("Báo nhân dân") (Luân Đôn). - 147, 770, 771.
- "*The Pilot*" ("Người cầm lái") (Luân Đôn). - 394.
- "*The Portfolio*" ("Cái cặp") (Luân Đôn). - 89.
- "*Post*" - xem "*The Morning Post*".
- "*The Press*" ("Báo chí") (Luân Đôn). - 202 - 206.
- "*Preussische Litographische Correspondenz*" ("Tin tức in thạch của Phổ") (Béc-lin). - 817.
- "*Punch, or the London Charivari*" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"). - 10, 85, 671.
- "*Putnam's Monthly*" ("Nguyệt san của Pát-nem") (Niu Oóc). - 533.
- "*Reynolds's Newspaper*" ("Báo Rây-nôn") (Luân Đôn). - 393, 394.
- "*The Times*" ("Thời báo") (Luân Đôn). - 11, 28, 30, 34, 35, 48, 54 - 56, 58, 72, 78, 89,

- 92, 101, 126, 132, 142, 183, 208 - 211, 220, 224 - 226, 229, 230, 247, 251, 644, 647, 748, 756, 757, 767, 812.
- "*Town and Country Newspaper*" ("Báo thành thị và nông thôn") (Luân Đôn). - 394.
- "*Tribune*" - xem "*New - York Daily Tribune*".
- "*The Westminster Review*" ("Tạp chí Oét-min-xtơ") (Luân Đôn). - 508.

BẢN CHỈ DẪN ĐỊA DANH

A

A-dốp. - 363.
A-đri-a-nô-pôn (Ê-đích-nơ). - 27, 87, 243.
A-khan-xích (A-khan-xi-khơ). - 742.
A-la-mút, pháo đài thời trung cổ ở I-ran. - 13.
A-lép-pô (Kha-lép). - 579.
A-lếch-xăng-đrô-pôn (Lê-ni-na-can). - 727, 743, 778.
A-lu-sta. - 302.
A-lúp-ca. - 303.
A-mi-en. - 756.
A-na-pa. - 365, 379.
A-na-tô-li. - 468, 776.
A-ra-bát. - 363.
A-rắc-xơ, sông. - 726, 746.
A-ten. - 46, 106, 172.
A-xpéc-nơ. - 166, 172, 564.
Ác-đa-gan. - 747.
Ác-khan-ghen-xtơ. - 638.
Ác-mê-ni-a. - 638, 726, 728, 743, 746, 747.
Ai-Cập. - 521, 594, 600, 620.
Ai-rơ-len. - 38, 39, 57, 59, 66, 85, 91, 155 - 158, 510, - 514, 519, 718.
Ai-tô-đo (Gô-ri-xtôi-ê), đài quan sát ở Crum. - 436, 700.

An-ba-ni. - 598, 599.
An-giê. - 765.
An-giê-ri. - 106, 193, 764.
An-ma, sông. - 69, 71, 239, 277, 279, 280, 302, 305, 668.
An-pơ, núi. - 254, 816.
An-pơ Hạ, một tỉnh ở nước Pháp. - 764.
Án, sông. - 37, 59.
Án Độ. - 37, 57, 58, 67, 121, 128, 130, 134, 553.
Ây-xbê-ri, điểm quan sát ở Anh. - 130.
Ăng-ve. - 819.
Át-lon. - 157.

B

Ba-dác-gích hay *Đô-brích* (Tôn-bu-khin). - 192.
Ba-đen. - 592.
Ba-la-cla-va. - 9, 51, 69, 73, 78, 81, 92, 112, 146, 160, 164, 165, 169, 182, 200, 211, 216, 219, 240, 267, 278, 300 - 305, 375, 379, 402, 435, 452, 468, 469, 482, 483, 488, 552, 557, 560, 588, 602, 663, 687, 711, 786, 790, 796, 800, 810.
Ba-tum, (Ba-tu-mi). - 639, 726, 748, 749, 753, 774.
Ba-vi-e. - 591, 592, 595, 652.
Bác-si-xa-rai. - 26, 160, 320, 686, 693.
Bạch hải. - 638, 752.
Bai-a-dét (Đô-gu-bai-a-dít). - 742.
Bai-đa (Oóc-li-nôi-ê), đài quan sát ở Crum. - 435.
Bai-len. - 243.
Ban-căng. - 243, 382, 404.
Bán đảo I-bê-ri-cơ. - 114, 537, 672.
Ban-la-rát. - 138 - 141.
Ban-ta-Li-man (Ban-ta-ni-ma-nư). - 87.
Bát. - 346.
Bát-đa. - 597.
Bát-đa-i-ốt. - 73, 78.

Bắc-kinh. - 817.
Be-lơ I-lơ, hòn đảo ở vịnh Bi-xcay. - 763 - 766.
Be-ri-xláp. - 364.
Béc-đi-an-xcơ (O-xi-pen-cô). - 363.
Béc-lin. - 186, 275.
Ben-bếch, sông. - 280, 300, 302 - 305, 436.
Ben-gan. - 37, 59.
Ben-tơ - xem *Đại Ben-tơ*.
Bét-xa-ra-bi-a. - 24, 25, 32, 194, 383, 754, 757.
Biển A-dốp. - 468, 483, 641, 686, 693, 724.
Biển A-đri-a-tích. - 258.
Biển Ban-tích. - 23, 31, 103, 165, 170, 172, 343, 355, 381, 638 - 641, 672 - 675, 814.
Biển Gnin (Xi-va-sơ), hồ. - 364.
Bléch-bóc. - 92.
Bom-bay. - 92.
Bon. - 764.
Bô-hêm - xem *Tréc-khi-a*.
Bô-mác-xun-đơ. - 674.
Bô-rô-đi-nô. - 540.
Bô-xni-a. - 598, 599.
Bô-xpho, eo biển. - 52, 88, 687, 774, 811.
Bôn-tơn. - 92.
Bóc-minh-hêm. - 157, 262, 346, 347.
Bun-ga-ri. - 774.
Brai-lốp (Brai-la). - 744.
Brát-phoóc. - 525, 526.
Brao-sva-gơ. - 593.
Brê-xláp (Vrôt-xláp). - 574.
Bu-đa-pét. - 257.
Bu-ê-nốt - Ai-rét. - 86.
Bu-lông. - 537, 767.
Bu-xa-cu, điểm quan sát ở Bồ Đào Nha. - 667.
Búc (Búc ở miền Nam). - 22, 24, 25, 30, 32, 641, 725, 726.
Búc (Búc ở miền Tây), sông. - 25, 33.

C

Ca-la-phát. - 161, 228, 688.
Ca-li-phoóc-ni-a. - 128, 134.
Ca-li-sơ. - 22, 23, 30, 31.
Ca-ma-rur, hoặc *Cô-ma-rur*, đài quan sát ở Crum. - 809, 810.
Ca-mê-nét-xơ (Ca-mê-nét-xơ Pô-dôn-xki). - 23, 31.
Ca-mư-sơ. - 468, 687.
Ca-pha - xem *Phê-ô-đo-xi-a*.
Ca-sa, sông. - 277, 302, 303.
Các công quốc vùng Đa-nuýp - xem *Va-la-ki và Môn-đa-vi-a*.
Các-lơ-xbuốc (An-ba-I-u-li-a). - 653.
Các-xơ. - 600, 639, 723, 726, 727, 742 - 749, 750, 752, 753, 757, 771, 773 - 775, 778
- 781, 784 - 787, 794, 795, 799, 800, 803, 804, 806, 812, 813.
Các-xơ-sai (Các-xơ), sông. - 747.
Căm-brít-giơ. - 286, 288.
Can-đi-a, đảo. - 597.
Can-cút-ta. - 92.
Can-nơ. - 10.
Cao điểm Mê-ken-di ở Crum. - 662, 700.
Cao nguyên Ác-mê-ni-a. - 598, 610.
Cáp-ca-dơ. - 23, 31, 88, 379, 381, 403, 482, 581, 639, 699, 729, 749, 750, 778.
Cây-en-na. - 763.
Clai-đơ, ở Xcôt-len. - 415.
Con ngòi Xu-lin hoặc *nhánh sông Xu-lin*, ở châu thổ sông Đa-nuýp. - 60.
Coóc-phu, đảo. - 105, 113, 416, 552.
Cô-blen-txơ. - 373.
Cô-pen-ha-ghen. - 411.
Côn-béc-gơ (*Cô-lốp-giơ*). - 371.
Công quốc Lan-kê-xtơ. - 91.
Công-xtăng-ti-nô-plơ (Xtam-bun). - 39, 66, 88, 92, 96, 106, 164, 169, 171, 186, 193,
211, 212, 217, 231, 243, 253, 339, 379, 402, 490, 597, 600, 639, 727, 743, 745,
774 - 777, 781, 782, 785, 788 - 794, 796, 797, 804.
Cra-cốp. - 110.

Crai-na. - 255.

Crô-a-xi. - 255.

Crum. - 9, 10, 19, 21, 23 - 28, 30, 32, 41 - 46, 48, 50, 52, 64, 69, 70, 74, 76 - 80, 91, 96, 103 - 109, 112, 113, 133, 145, 151 - 154, 159, 162 - 172, 182, 183, 191 - 195, 212, 213, 216, 219, 222, 224, 226, 228 - 231, 243, 266, 277 - 280, 287, 300, 301, 312, 313, 317, 330, 332, 339, 357, 359, 360, 361, 363, 364, 375, 378 - 381, 390, 391, 402, 403, 409, 413, 415, 420, 432, 438, 440, 444, 449, 450, 464 - 469, 476, 479, 481 - 485, 488, 490, 492, 540, 545, 551, 552, 557, 577, 578, 590, 602, 606, 623, 634, 635, 638 - 640, 645, 655, 663, 677, 681, 684, 686 - 690, 698 - 701, 711, 712, 716, 720, 721, 726, 730, 732, 746, 750, 753, 757, 758, 763, 766, 769, 780, 789, 793, 794, 796.

Cu-ba, đảo. - 616.

Cu-ban, sông. - 381, 403, 579, 699.

Cu-ra, sông. - 728.

Cu-ru-lu, đài quan sát ở Crum. - 723.

Cu-ta-it (Cu-tai-xi). - 728, 748, 774, 779.

Cun-mơ (Khlu-mét), đài quan sát ở Tiệp Khắc. - 243.

Cuốc-đi-xtan. - 598.

D

Da-lê-si-ki. - 653.

Dan-xbuốc. - 653.

Dắc-den. - 592.

Đ

Đa-nuýp, sông. - 32, 59, 88, 104, 109, 151, 161, 237, 243, 379, 382, 402, 404, 602, 638, 685, 693, 699.

Đác-đa-nen, eo biển. - 87, 237, 417.

Đại Ben-tơ, eo biển. - 675.

Đại Tây Dương. - 543, 755.

Dan-ma-xi. - 563.

Dan-txích (Gơ-dan-xơ). - 372, 373.

Đe-vơ-Bôi-an, dãy núi ở Cáp-ca-dơ. - 746, 747.

Đen, sông. - 160, 165, 223, 226, 229, 230, 277, 279, 280, 300, 303 - 306, 313, 320, 357,

361, 375, 409, 436, 468, 469, 605, 640, 641, 644, 645, 662 - 667, 678, 680, 681, 686, 687, 692, 693, 700, 715, 724.

Đép-tơ-phoóc. - 416.

Đi-giông. - 110.

Đni-e-prơ, sông. - 25, 33, 364, 377, 391, 439, 641, 698, 699, 725.

Đni-e-xtơ-rơ, sông. - 22 - 24, 30, 32, 383.

Đô - brút-gia. - 313.

Đông, sông. - 439.

Đông Ấn. - 36, 90 - 92.

Đức-bi. - 525, 526.

Đức-hêm. - 223.

Đu-blin. - 513, 514.

Đu-ê-rô, sông trên bán đảo I-bê-ri-cơ. - 86.

E

E-xtô-ni-a. - 754.

Éc-den-rum (Éc-đu-rum). - 579, 600, 639, 726, 742, 746, 747, 775, 779, 780, 784 - 786, 795, 797, 798.

En-bơ hoặc La-bơ, sông. - 258.

Eo biển Kéc-sơ. - 753.

Ép-pa-tô-ri. - 160 - 163, 194, 222, 223, 227 - 229, 278, 279, 301, 305, 313, 359, 362, 379, 402, 602, 640, 680, 689, 715, 723, 724, 749, 790, 791, 795, 796, 800, 807, 809.

Ê-ca-tê-ri-nô-xláp (Đni-e-prơ-pê-tơ-rốp-xơ). - 698, 699.

Ê-đin-bóc. - 518, 519, 691.

Ê-ni-ca-lơ, pháo đài gần Kéc-sơ ở thế kỷ XIX. - 363, 724, 796, 810.

Ê-rô, một tỉnh ở nước Pháp. - 765.

G

Ga-lát. - 699.

Ga-li-xi. - 23, 25, 31, 109, 254, 651 - 654.

Ga-lít (Cu-dưn - Ít-mác), sông. - 191.

Gan-ghê (Han-cơ). - 406 - 410, 427.
Gê-ni-sê-xơ. - 363.
Gi-bran-ta. - 105, 113, 205, 416, 552, 644, 721.
Gla-xgô. - 395.
Gốt-lăng, đảo ở biển Ban-tích. - 611.
Gru-di-a. - 379, 403, 774, 778.
Gum-ri. - xem *A-lêch-xăng-đrô-pôn*.

H

Ha-li-phắc, ở Anh. - 525, 526.
Ha-li-phắc, ở Ca-na-đa. - 358.
Ha-li-pô-li (Hê-li-bô-lu). - 52, 242.
Ha-vrơ. - 819.
Han-nô-vơ. - 593.
Hát-đơ-xphin. - 525, 526.
Hắc-hải. - 9, 11, 27, 103, 104, 126, 132, 161, 245, 257, 336, 343, 353, 354, 378, 382, 391, 392, 402, 404, 468, 534, 581, 623, 641, 725, 726, 752, 754, 784.
Hăm-buốc. - 817.
Héc-txê-gô-vi-na. - 598.
Hét-xen-Đác-mơ-stát. - 592.
Hét-xen. - 592, 593.
Hen-xinh-phoóc (Hen-xinh-ki). - 428.
Hê-rát. - 88.
Hê-rắc-lây *Khét-xô-néc-xem Khéc-xô-néc Hê-rắc-lây*.
Hôn-stai-nơ. - 593, 613.
Hung-ga-ri. - 25, 111, 189, 254, 257, 259, 260, 360, 751.

I

I-ai-la (dãy núi ở Crum). - 303.
I-an-ta. - 301.

I-ê-na. - 304.
I-xmai. - 22, 30, 381, 403.
Ii-ke-rơ-man. - 160, 165, 182, 197 - 201, 213, 240, 278, 300 - 302, 357, 361, 467, 479, 482, 486, 488, 555, 556, 560, 590, 614, 659, 663, 665, 668, 678, 685, 686, 690, 693, 694, 711, 724, 740.

K

Kéc-nơ-then. - 255, 257.
Kéc-sơ. - 277, 301, 312, 313, 319, 346, 363, 364, 375, 379, 468, 724, 749, 791, 796, 800, 810.
Khuê-ních-xbéc (Ca-li-nin-grát). - 373, 575, 576.
Khuên. - 373, 576, 816.
Khác-cốp. - 382, 404, 468.
Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây. - 25, 70, 76, 160, 162, 193, 200, 231, 280, 305, 318, 359, 361, 362, 437, 687, 693, 698, 699, 725.
Ki-át-xô, đài quan sát ở Thụy Sĩ. - 608.
Ki-ép. - 25, 32, 699.
Kin-bu. - 641, 724, 725, 749.

L

La Mã. - 106, 172, 409.
La-Phle-sơ. - 760.
Lai-pxích. - 167, 172, 612, 817.
Lam-béc-xa (Lam-hê-đơ). - 763.
Lan-kê-sia, một tỉnh ở Anh. - 176, 552.
Le-xtơ, một tỉnh ở Anh. - 234.
Li-ông. - 110.
Li-vóc-pun. - 334, 395, 415.
Lin-xơ. - 653.
Lít-xơ. - 525, 526.

Lôm-bác-đi. - 257.

Lông-Ai-len, đảo ở Đại Tây Dương. - 753.

Lơ-vốp. - 653.

Lu-xôn, đảo ở Thái Bình Dương. - 617.

Luân Đôn. - 10, 36, 51, 58, 59, 101, 145, 182, 186 - 189, 207, 236, 238, 265, 266, 285, 287, 322, 336, 344 - 347, 394, 395, 409, 413, 414, 420, 421, 440, 443, 444, 449 - 452, 457, 467, 469, 488, 490, 501, 503, 517, 525, 526, 628, 629, 677, 682, 691, 720, 739, 782, 791 - 794, 796, 797, 800, 810.

Lúc-xăm-bua. - 816.

M

Ma-in-xơ. - 372.

Ma-ren-gô. - 171.

Ma-xlắc, đài quan sát ở Crum. - 680.

Mác-xây. - 416, 481, 488.

Man-tơ, đảo. - 105, 113, 150, 416, 552, 721.

Man-se-xơ. - 92, 128, 134, 262, 264, 691.

Măng-tu. - 372.

Măng-sơ, eo biển. - 625.

Mát-xơ-va. - 110, 211, 217, 382, 404, 698, 699, 733.

Mây-nút. - 117.

Men-bua-nơ. - 139.

Mê-men (Clai-pê-đa). - 281.

Méch-cơ. - 744.

Méch-clen-bua - 593.

Mi-noóc-ca, hoặc *Mê-noóc-ca*, đảo ở Địa Trung Hải. - 739.

Min-grê-li-a. - 748, 753, 778 - 781, 797 - 800, 807 - 810.

Min-si-ô, sông ở I-ta-li-a. - 259.

Mô-đê-na. - 607.

Mô-ra-vi. - 25, 32, 255.

Môn-đa-vi-a (Môn-đô-va). - 23, 25, 31, 38, 59, 185, 186.

Mông-Va-lê-ri-ăng. - 272.

Mũi A-ra-bát

Muyn-sen. - 652.

N

Na-xau. - 592, 593.

Na-plơ. - 86, 457.

Na-rơ-ghen (Nai-xa-rơ), đảo gần Ta-lin. - 675.

Nam Cáp-ca-dơ. - 379, 699, 753.

Ni-cô-la-ép. - 379 - 382, 402 - 405, 438.

Ni-e-vrơ, một tỉnh ở nước Pháp. - 764.

Niu-cát-xơ trên sông Tai-nơ (Niu-cát-xơ). - 65, 387, 415, 525, 526.

Núi Xa-pun. - 229, 251, 252.

Nốt-tinh-hêm. - 177, 179, 525, 526.

O

Oa-téc-lô. - 414, 436, 437, 667, 722.

Ô-đét-xa. - 243, 355, 379 - 384, 402 - 404, 407, 438, 469, 698, 699, 725, 733.

Ô-xtéc-lít (Xláp-cốp). - 188, 537.

Ôc-xphốt. - 41, 67.

Ôn-đéc-sốt. - 658.

Ôn-đen-buốc. - 593.

Ôn-tê-nít-sa. - 602, 685, 692.

Ôn-muýt-xơ (Ô-lô-mu-xơ). - 653.

Ôn-tư (Ôn-tu). - 726, 727.

Ôt-sa-cốp. - 641, 726.

Ô-phrát, sông. - 726.

P

Pa-ri. - 167, 174, 189, 232, 244, 246, 266, 271, 272, 301, 306, 313, 319, 336, 359, 373, 379, 400, 409, 413, 414, 437, 457, 470, 488, 637, 642, 696, 704, 722, 750, 757, 760, 766, 769, 773, 790, 795, 798, 800, 807, 811.

Pác-mơ. - 607.

Pam-plô-na. - 667.

Péc-mơ. - 733.
Pê-rê-cốp. - 161, 194, 364, 379, 402, 469, 687, 690, 693, 699, 733.
Pê-rê-mu-sơ. - 653.
Pi-ê-mông. - 43, 604 - 608.
Pi-rây. - 721.
Pi-rê-nê, dãy núi. - 816.
Phần Lan. - 24, 31, 483, 490, 754.
Pháo đài Pha-na-gô-ri. - 723, 724.
Phê-ô-đo-xi-a. - 226, 230, 244, 301, 379, 402.
Phran-phước trên sông Mai-nơ. - 819.
Poóc-xmút. - 92, 415.
Pô, sông. - 71, 77, 605.
Pô-đô-li-a. - 22, 24, 25, 30, 32, 360.
Pô-dơ-nan. - 373, 576.
Pô-lê-xi-ê. - 25, 33.
Pôn-ta-va. - 468.
Pra-ha. - 257.
Pre-xtơn. - 92, 128.
Prút, sông. - 24, 32, 636, 654.
Pu-a-chi-ê. - 744.
Pu-éc-tô Ri-cô. - 617.

Q

Quân khu Sông Đông. - 686, 693.
Quần đảo I-ô-niêng. - 416, 721.
Quần đảo Phi-líp-pin. - 617.
Quy-súc - Cai-nắc-gia (Cai-nắc-gia). - 208, 243.

R

Ranh, sông. - 378, 816.
Rê-đút - Ca-lơ, công sự bờ biển ở Cáp-ca-dơ. - 728, 748, 774, 786, 792, 806.

Rê-ven (Ta-lin). - 641.
Ri-ôn (Ri-ô-ni), sông ở Cáp-ca-dơ. - 728, 748, 779.
Rô-sđen. - 721.
Ru-mê-li. - 468.
Ru-súc (Ru-xơ). - 242, 243, 688.
Rừng Bô-hêm (Tréc-khi-a), dãy núi. - 254.

S

Sa-tua - Đa-giơ, úi. - 301, 302, 690.
Séc-kê-xi. - 88.
Sen-đa, sông. - 86.
Sép-phin. - 417, 457, 458, 526.
Sê-ta-te. - 587, 602, 685, 692.
Slê-dơ-vích. - 556, 613.
So-rơ-gun. - 320, 357, 439, 663.
Sô-tin. - 653.
Stê-ri-a. - 255.
Sum-la (Cô-la-rốp-grát). - 70, 77, 243, 597, 688.

T

Ta-gan-rốc. - 363, 379, 402.
Ta-khô, sông trên bán đảo I-bê-ri-cơ. - 86.
Ta-man. - 723, 724.
Tân Oóc-lê-ăng. - 537.
Tê-rếch, sông. - 381, 403, 579, 699.
Têm-u-oóc, ở Anh. - 631.
Thái Bình Dương. - 86, 411, 814.
Thi-véc-ton. - 314.
Thung lũng Bai-đác-xcai-a. - 303, 357, 361, 468.
Ti-phlít (Tơ-bi-li-xi). - 728, 744, 775, 778, 779.

Ti-rôn. - 257.
Tiểu Á. - 639, 742, 787.
Tin-dít (Xô-vết-xơ). - 380, 403.
Tinh Ki-ép. - 24, 25, 32, 699.
Tinh Lan-kê-sia. - 176.
Tinh Pô-đôn-xơ. - 382, 404.
Tinh Pôn-ta-va. - 699.
Tinh Ta-vrích. - 698.
Tinh Vôi-xca Đôn-xơ. - 597, 686, 693.
Tô-li-mô-na-xlua (Bi-tôn). - 597.
Tô-xea-nơ. - 607, 625.
Tơ-ra-pê-dun (Tơ-ra-bơ-đôn). - 237, 747, 748, 775, 779, 784, 785, 798, 814.
Tơ-ran-xin-va-ni. - 653.
Tơ-ri-pô-li. - 597, 598.
Tréc-khi-a. - 25, 32, 109, 254, 255.
Trô-rốc, sông. - 726, 728.
Tu-lông. - 193, 439, 481, 488.
Tuy-ni-di. - 597, 598.

U

U-cra-i-na. - 686, 693.
U-rơ-cu-xta, điểm quan sát ở Crum. - 715.
U-tơ-rếch. - 148.
Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi. - 88, 417.
Un-mơ. - 689.
Uy-len-sia. - 90.
Uyn-đơ. - 14.

V

Va-la-ki. - 24, 31, 38, 59, 185, 186, 598, 600, 624, 656.
Vác, một tỉnh ở Pháp. - 765.
Vác-na. - 52, 150, 151, 164, 169, 192, 242, 243, 688, 744, 752, 793, 810.

Vác-sa-va. - 25, 32, 653.
Van-khe-ren, đảo. - 30, 287.
Vanh-xen-nơ. - 606, 759.
Vết-xơ-pha-li. - 817.
Vi-xla, sông. - 25, 111, 377, 391, 582.
Vích-to-ria-a, ở Ô-xơ-rây-li-a. - 138 - 140.
Viếc-gi-ni-a. - 124.
Viên. - 11, 21, 38, 43, 66, 96, 98, 103, 114, 117, 151, 172, 183, 185 - 190, 222, 235, 236, 257, 259, 266, 271, 275, 316, 322, 325, 328, 332, 335, 339, 341, 352, 353, 356, 367, 388, 390, 396 - 400, 462, 489, 568, 599, 624, 652, 653.
Vin-nô (vin-nhút). - 733.
Vịnh Ca-ran-tin. - 197, 358, 363.
Vịnh Cô-ra-ben. - 679.
Vịnh Ba-tư. - 86, 88.
Vịnh Ki-len. - 197.
Vịnh Lớn. - 197.
Vịnh Phần Lan. - 369.
Vịnh Phía Nam. - 165, 170, 370.
Vô-lun. - 22, 25, 30, 194, 360, 439, 482, 678.
Vôn-chi-a, sông. - 699.
Vu-li-giơ. - 416.
Vu-xơ. - 346, 347.
Vùng đất Tòa thánh. - 623.
Vuyếc-tem-béc. - 592.
Vực Ki-lin. - 371, 434, 706.

X

Xa-xúc, hồ. - 161, 723.
Xa-voa. - 378.
Xác-đi-ni - xem *Pi-ê-mông*.
Xác-đi-ni, đảo. - 603, 604, 607.
Xan-gi-rơ, sông. - 301, 689.
Xanh Giảng-d' A-cơ (Ác-ca). - 86.

- Xanh - Pê-téc-bua* (Lê-nin-grát). - 66, 102, 329, 330, 335, 340, 411, 483, 582, 638, 651, 698, 739.
- Xao-tu-ác*. - 292, 323.
- Xây-lan*, đảo. - 416.
- Xây-ta*. - 616.
- Xcăng-đi-na-vơ*, bán đảo. - 610.
- Xcốt-len*. - 18, 40, 41, 66, 67, 718.
- Xcu-ta-ri* (U-xcu-đa). - 52, 96, 150, 211, 212, 217, 646.
- Xéc-bi*. - 255, 598.
- Xê-va-xtô-pôn và những công sự ở Xê-va-xtô-pôn*. - 10, 17, 27, 64, 70, 73, 76, 78, 80, 116, 143, 152, 154, 160, 162 - 170, 183, 192 - 197, 199, 205, 222, 225, 228 - 230, 242, 244 - 252, 266, 269 - 272, 278, 279, 300 - 302, 305 - 308, 312, 330, 357, 359, 362 - 364, 370, 373, 374, 378, 379, 388, 402, 407 - 409, 413, 414, 432, 436 - 439, 467, 469, 476, 479, 480, 483, 486, 555, 586, 588, 589, 602, 655, 659, 677, 679, 680, 684 - 690, 693, 706, 749, 750, 752, 758, 778, 781, 791 - 796, 800, 803, 806, 807, 810.
- *Công sự đã chiến Cam-sát-xki*, hoặc *Ma-mê-lon*. - 252, 266, 267, 307, 358, 370, 371, 375, 432 - 434, 453, 479, 486, 678, 702, 709, 752.
- *Công sự phía Bắc*, hoặc *Đồn phía Bắc*. - 159, 223, 279, 700.
- *Đồi Ma-la-khốp* (pháo đài Coóc-ni-lốp). - 197, 199, 223 - 225, 229, 252, 267, 273, 374, 408, 434, 435, 453, 479, 485, 640, 645, 677 - 680, 684, 685, 688, 690 - 694, 706 - 710, 712, 715.
- *Đồn I-a-dô-nốp* hoặc *khẩu đội Xa-đô*. - 308.
- *Đồn Vô-lun*. - 266, 267, 307, 358, 370, 371, 374, 434.
- *Đồn Xê-len-ghin*. - 199, 224, 251, 266, 267, 307, 358, 370, 371, 374, 434.
- *Khẩu đội A-lếch-xan-đrốp*, hoặc *Pháo đài A-lếch-xan-đrốp*. - 680.
- *Khẩu đội Ni-cô-la-ép*, hay *Đồn Ni-cô-la-ép*. - 680.
- *Khẩu đội Páp-lốp*, hay *Đồn Páp-lốp*. - 678.
- *Pháo đài Ca-ran-tin* (pháo đài số 6). - 307, 432.
- *Pháo đài Cốt buồm* (pháo đài số 4). - 266, 269, 273, 307, 358, 362, 432, 680, 706 - 709.
- *Pháo đài Trung tâm* (pháo đài số 5). - 267, 268, 357, 358, 362, 679, 706, 707, 708, 709 - 712.
- *Phía Cô-ra-ben*, hoặc *Vùng phụ cận Cô-ra-ben*. - 370, 437, 438, 456, 679, 680, 684, 692.
- *Phía Bắc*. - 160, 194, 229, 269, 300, 302, 304, 320, 375, 376, 467, 480, 486, 678, 680, 681, 686, 687, 689.

- *Phía Nam*. - 73, 163, 193, 269, 279, 306, 375, 376, 408, 409, 414, 437, 469, 479, 486, 645, 678, 684, 686, 687, 692, 712, 715, 749, 750, 753, 810.
- *Phía thành phố*. - 307, 370, 707.
- *Rê-đan nhỏ* (pháo đài số 1). - 706, 708, 710, 712.
- *Rê-đan lớn* (pháo đài số 3). - 268, 285, 308 - 311, 455, 640, 679, 691, 701, 706, 708 - 712, 721.
- *Xê-va-xtô-pôn*, hoặc *Vũng tàu Xê-va-xtô-pôn* - xem *Vịnh lớn*. -
- Xi-bia*. - 388.
- Xi-dô-pôn* (Xô-dô-pôn). - 805.
- Xi-li-xtơ-ri* (Xi-li-xtơ-ra). - 151, 225, 226, 243, 587, 600, 601, 688, 724, 732, 744.
- Xi-nô-pơ*. - 39, 65, 66.
- Xi-ri*. - 598.
- Xi-va-xơ*. - 785.
- Xim-phê-rơ-pôn*. - 161, 194, 244, 279, 300, 301, 303, 439, 468, 681.
- Xin-đơ*, một tỉnh ở Pa-ki-xtan. - 672+.
- Xmiéc-na* (I-đơ-mia). - 96.
- Xmô-len-xcơ*. - 111.
- Xô-móc-xết*, một tỉnh ở Anh. - 234.
- Xtáp-phớt*. - 351, 355.
- Xtơ-ra-xbua*. - 167, 172, 766.
- Xtơ-ra-rút*. - 503, 507.
- Xu-khum - Ca-lơ*. - 728, 747.
- Xúp-phôn*, một tỉnh ở Anh. - 234.
- Xút-giúc-Ca-lơ*, công sự bờ biển ở Cáp-ca-đơ. - 88, 364.
- Xút-xếch*, một tỉnh ở Anh. 124.
- Xvê-a-boóc-giơ* (Xu-ô-men-li-nơ). - 640 - 643, 648, 673, 675, 676.

MỤC LỤC*

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7 - 8
C.MÁC. Khai mạc kỳ họp nghị viện.....	9 - 12
C.MÁC. Về cuộc khủng hoảng nội các	13 - 15
C.MÁC. Công việc của nghị viện.....	16 - 20
PH.ĂNG-GHEN. Chiến tranh ở châu Âu.....	21 - 27
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Tin từ nghị viện. - Từ chiến trường.....	28 - 33
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Chính phủ trước của Anh.....	34 - 42
C.MÁC. Bản về cuộc khủng hoảng nội các.....	43 - 47
C.MÁC. Nội các A-bóc-đin sụp đổ.....	48 - 55
C.MÁC. Nội các bị lật đổ.....	56 - 60
C.MÁC. Các chính đảng và tập đoàn.....	61 - 63
C.MÁC. Hai cuộc khủng hoảng.....	64 - 68
PH.ĂNG-GHEN. Cuộc giành giật ở Crum.....	69 - 74
C.MÁC. VÀ PH.ĂNG-GHEN. Pan-móc-xton. - Quân đội	75 - 79
C.MÁC. *Tin từ nghị viện: Tham luận của Glát-xtôn	80 - 81
C.MÁC. Huân tước Pan-móc-xton.....	82 - 89
I.....	82 - 85
II.....	85 - 89
C.MÁC. Héc-bóc lại trúng cử. - Những biện pháp đầu tiên của nội các mới. - Tin tức từ Đông Ấn	90 - 93
C.MÁC. Nghị viện	94 - 99

* Hoa thị dùng để chỉ những đầu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, đặt ra.

C.MÁC. Sự liên hiệp của đảng To-ri với phái cấp tiến	100 - 102
PH.ĂNG-GHEN. Chiến tranh treo trên bầu trời châu Âu	103 - 111
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những vấn đề ở nghị viện và những vấn đề quân sự.....	112 - 114
C.MÁC. Bản về cuộc khủng hoảng mới của nội các	115 - 118
C.MÁC. Hi-um.....	119 - 120
C.MÁC. *Pan-móc-xton và bọn quả đầu Anh	121 - 125
C.MÁC. Hiến pháp của nước Anh	126 - 129
C.MÁC. Lây-ác.....	130 - 131
C.MÁC. Khủng hoảng ở Anh.....	132 - 136
C.MÁC. Việc buôn bán quân hàm. - Tin tức Ô-xơ-rây-li-a	137 - 141
C.MÁC. Báo chí Anh nói về ông vua đã chết	142 - 144
I.....	142
II.....	143
C.MÁC. Về lịch sử liên minh với Pháp.....	145 - 148
C.MÁC. Ủy ban điều tra	149 - 152
C.MÁC. Hồi ký Bruy-xen.....	153 - 154
C.MÁC. Sự trả thù của Ai-rơ-len	155 - 158
PH.ĂNG-GHEN. Những sự kiện ở Crum.....	159 - 163
PH.ĂNG-GHEN. Sổ phận của tên đại phiêu lưu.....	164 - 168
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Phê phán phương thức tiến hành chiến tranh của Pháp.....	169 - 173
C.MÁC. *Chiến dịch chống Phổ trên báo chí. - Ngày ăn chay. - Xung đột giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản	174 - 177
C.MÁC. *Cuộc mít-tinh ở Quán Luân Đôn.....	178 - 181
C.MÁC. Tin tức của báo chí Anh	182 - 184
C.MÁC. *Tin từ nghị viện: Những cuộc tranh luận về Phổ ở thượng nghị viện	185 - 190
PH.ĂNG-GHEN. Mưu kế cuối cùng của Na-pô-lê-ông.....	191 - 195
PH.ĂNG-GHEN. Trận Xê-va-xtô-pôn.....	196 - 201
C.MÁC. Về lịch sử liên minh với Pháp.....	202 - 206
C.MÁC. Na-pô-lê-ông và Bác-be. - Thuế tem đánh vào các báo	207 - 210
C.MÁC. *Những tiết lộ của ủy ban điều tra	211 - 215
C.MÁC. Quân đội Anh.....	216 - 221
PH.ĂNG-GHEN. Tiến trình của chiến tranh	222 - 227

PH.ĂNG-GHEN. Về tình hình ở Crum.....	228 - 231
C.MÁC. Chuyện tai tiếng về Hội đồng lập pháp ở Pháp. - Ảnh hưởng của Đruên Đơ Luy-xơ. - Tình hình của đội dân binh	232 - 234
C.MÁC. Triển vọng trước mắt ở Pháp và ở Anh	235 - 241
PH.ĂNG-GHEN. Phê phán bài báo của Na-pô-lê-ông trên tờ “Moniteur”	242 - 247
PH.ĂNG-GHEN. Vụ xuất kích ngày 23 tháng Ba	248 - 252
PH.ĂNG-GHEN. Nước Đức và chủ nghĩa đại Xla-vơ	253 - 261
I.....	253 - 256
II.....	256 - 261
C.MÁC. Về lịch sử các chiến dịch cổ động.....	262 - 265
PH.ĂNG-GHEN. Tin từ Xê-va-xtô-pôn.....	266 - 273
C.MÁC. Pi-a-nô-ri. - Sự bất bình đối với Áo.....	274 - 276
PH.ĂNG-GHEN. Chiến dịch Crum.....	277 - 280
C.MÁC. Tờ “Morning Post” chống nước Phổ. - Đảng Vich và đảng To-ri	281 - 284
C.MÁC. Phiên họp của thượng nghị viện	285 - 290
C.MÁC. *Phái tư sản đối lập và phái Hiến chương	291 - 295
C.MÁC. Thị trường tiền tệ.....	296 - 299
PH.ĂNG-GHEN. Cuộc Chiến tranh Crum	300 - 308
C.MÁC. Bàn về phong trào cải cách.....	309 - 311
C.MÁC. Bàn về cục diện ở Crum. - Tin từ nghị viện.....	312 - 316
C.MÁC. VÀ PH.ĂNG-GHEN. Màn đầu hài kịch ở dinh huân tước Pan-móc-xton. - Diễn biến của những sự kiện gần đây ở Crum	317 - 321
C.MÁC. Cải cách nghị viện. - Sự gián đoạn và sự nối lại Hội nghị Viên. - Cái gọi là cuộc chiến tranh hủy diệt	322 - 327
C.MÁC. Kiến nghị của Đi-xra-e-li	328 - 333
C.MÁC. *Tin từ nghị viện: Những cuộc tranh luận về kiến nghị của Đi-xra-e-li.....	334 - 341
C.MÁC. Phê phán bài diễn văn gần đây của Pan-móc-xton.....	342 - 345
C.MÁC. *Hội cải cách hành chính. - Hiến chương nhân dân.....	346 - 351
C.MÁC. *Những cuộc tranh luận ở nghị viện về chiến tranh.....	325 - 356
PH.ĂNG-GHEN. Tin tức từ Crum	357 - 360
PH.ĂNG-GHEN. Phê phán những sự kiện ở Crum	361 - 365
C.MÁC. *Những cuộc tranh luận tại nghị viện Anh	366 - 369
PH.ĂNG-GHEN. Xê-va-xtô-pôn	370 - 376
PH.ĂNG-GHEN. Những kế hoạch quân sự của Na-pô-lê-ông	377 - 384

C.MÁC. Thư của Nây-pia. - Ủy ban Rô-bác	385 - 389
C.MÁC. VÀ PH.ĂNG-GHEN. *Vụ rắc rối ở hạ nghị viện. - Cuộc chiến tranh ở Crum	390 - 392
C.MÁC. Lời chúc của hoàng thân An-be. - Thuế tem đối với báo chí.....	393 - 395
C.MÁC. Một chính sách kỳ lạ.....	396 - 401
C.MÁC. VÀ PH.ĂNG-GHEN. Chiến tranh cục bộ. Những cuộc tranh luận về cải cách hành chính. - Báo cáo của ủy ban Rô-bác.....	402 - 407
C.MÁC. Tin tức về việc chiếm Xê-va-xtô-pôn. - Tin tức từ Sở giao dịch Pa-ri. - Cuộc tranh luận tại thượng nghị viện về tội ác ở Gan-ghê	408 - 412
C.MÁC. Thất bại ngày 18 tháng Sáu. - Quân tăng viện.....	413 - 418
C.MÁC. *Phong trào chống giáo hội. - Biểu tình tại Công viên Hây-đơ	419 - 426
C.MÁC. Những tin tức khác nhau	427 - 431
PH.ĂNG-GHEN. Tin từ Xê-va-xtô-pôn	432 - 439
C.MÁC. Những tin tức khác nhau	440 - 442
C.MÁC. Làn sóng công phản nhân việc ban bố luật đòi nghiêm chỉnh tôn trọng ngày chủ nhật hơn nữa	443 - 48
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những cuộc xung đột giữa nhân dân và cảnh sát. - Về các sự kiện ở Crum	449 - 452
PH.ĂNG-GHEN. Về trận tấn công ngày 18 tháng Sáu	453 - 456
C.MÁC. *Tin từ nghị viện: Những đề nghị của Rô-bác và Bun-vơ.....	457 - 460
C.MÁC. * Tin từ nghị viện: Đề nghị của Bun-vơ, vấn đề Ai-rơ-len	461 - 465
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Sự từ chức của Rốt-xen. - Những sự kiện ở Crum.....	466 - 470
C.MÁC. Sự từ chức của Rốt-xen.....	471 - 474
C.MÁC. Trong nghị viện.....	475 - 478
PH.ĂNG-GHEN. Triển vọng của chiến tranh.....	479 - 484
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Tin từ nghị viện. - Từ chiến trường	485 - 488
C.MÁC. PAN-MÓC-XTÔN. - Sinh lý học của các giai cấp thống trị Anh.....	489 - 793
C.MÁC. Huân tước Giôn Rốt-xen	495 - 524
I.....	497 - 500
II.....	501 - 505
III.....	506 - 509
IV.....	510 - 514
V.....	515 - 519
VI.....	520 - 524

C.MÁC. Hội nghị Bớc-minh-hêm: Vấn đề truyền ngôi vua ở Đan Mạch và về bốn điều bảo đảm.....	525 - 532
I.....	525 - 530
II.....	530 - 532
PH.ĂNG-GHEN. Các quân đội châu Âu.....	533 - 619
Bài thứ nhất.....	534 - 566
I. Quân đội Pháp.....	541 - 551
II. Quân đội Anh.....	551 - 561
III. Quân đội Áo.....	561 - 566
Bài thứ hai.....	567 - 595
I. Quân đội Phổ.....	567 - 577
II. Quân đội Nga.....	577 - 591
III. Những quân đội nhỏ hơn của các quốc gia ở Đức.....	591 - 595
Bài thứ ba.....	596 - 619
I. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ.....	596 - 603
II. Quân đội Xac-di-ni.....	603 - 607
III. Những quân đội nhỏ hơn ở I-ta-li-a.....	607 - 609
IV. Quân đội Thụy Sĩ.....	609 - 610
V. Quân đội các nước vùng bán đảo Xcăng-đi-na-vơ.....	610 - 614
VI. Quân đội Hà Lan.....	614 - 615
VII. Quân đội Bỉ.....	615
VIII. Quân đội Bồ Đào Nha.....	615
IX. Quân đội Tây Ban Nha.....	616 - 619
C.MÁC. Sự từ chức của tướng Xin-xơn. - Tin tức từ nghị viện.....	620 - 621
C.MÁC. Bình luận về các cuộc tranh luận ở nghị viện.....	622 - 625
C.MÁC. Lực lượng quân sự chống lại nước Nga.....	626 - 627
C.MÁC. Cuộc mít-tinh về Ba Lan.....	628 - 632
C.MÁC. Phê phán lập trường của Áo trong cuộc Chiến tranh Crum.....	633 - 636
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Cuộc chiến tranh của Anh - Pháp chống Nga.....	637 - 643
I.....	637 - 639
II.....	640 - 643
C.MÁC. Bàn về những sự kiện trên chiến trường.....	644 - 647
C.MÁC. Thư của Nây-pia.....	648 - 650
C.MÁC. Nước Áo và chiến tranh.....	651 - 657

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những hình phạt đối với binh lính Anh.....	658 - 661
PH.ĂNG-GHEN. Trận giao chiến trên sông Đen.....	662 - 669
C.MÁC. Những sự tố giác mới ở Anh.....	670 - 676
PH.ĂNG-GHEN. Về việc chiếm Xê-va-xtô-pôn.....	677 - 681
C.MÁC. Lễ an táng Ô-Cô-no.....	682 - 683
PH.ĂNG-GHEN. Triển vọng cuộc Chiến tranh Crum.....	684 - 690
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Bàn về những sự kiện ở Crum.....	691 - 694
C.MÁC. Tình hình thương mại và tài chính.....	695 - 697
PH.ĂNG-GHEN. Lực lượng đề kháng của nước Nga.....	698 - 700
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. * Các báo cáo của các tướng tá. - Các tòa án Anh. - Tin tức từ nước Pháp.....	701 - 705
PH.ĂNG-GHEN. Sự kiện có tính chất quyết định của cuộc chiến tranh.....	706 - 716
C.MÁC. Bản báo cáo chính thức về tài chính.....	717 - 719
C.MÁC. Ngân hàng Pháp. - Viện binh cho Crum. - Các nguyên soái mới.....	720 - 722
PH.ĂNG-GHEN. Diễn biến chiến sự.....	723 - 729
PH.ĂNG-GHEN. Quân đội Nga.....	730 - 736
C.MÁC. Chính sách đối ngoại truyền thống của Anh.....	737 - 741
PH.ĂNG-GHEN. Cuộc chiến tranh ở châu Á.....	742 - 749
PH.ĂNG-GHEN. Cuộc chiến tranh châu Âu.....	750 - 754
C.MÁC. Cuộc xung đột Anh - Mỹ. - Tình hình ở Pháp.....	755 - 762
C.MÁC. Nước Nga của Bô-na-pác-tơ Cháu.....	763 - 770
C.MÁC. Các-xơ thất thủ.....	771 - 815
I.....	773 - 783
II.....	784 - 794
III.....	795 - 805
IV.....	806 - 815
C.MÁC. Nước Phổ.....	816 - 822
<i>Chú thích.....</i>	825 - 877
<i>Thân thể và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghen.....</i>	878 - 895
<i>Bản chỉ dẫn tên người.....</i>	896 - 938
<i>Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ.....</i>	940 - 941
<i>Bản chỉ dẫn địa danh.....</i>	942 - 957

PHỤ BẢN

Sơ đồ trận đánh trên sông Đen ngày 16 (4) tháng Tám 1855, do Ăng-ghe-nơ soạn thảo	663 - 664
Bản ghi chép theo trình tự thời gian của Ph. Ăng-ghe-nơ về các sự kiện cơ bản của cuộc chiến tranh Crưm	713

Chịu trách nhiệm xuất bản

GS: TRẦN NHÂM

Biên tập: NGUYỄN PHÚC KHÁNH

LÊ XUÂN TIÊM

VŨ HỒNG THẨM

Sửa bài: BAN SÁCH KINH ĐIỂN

Trình bày, bìa: NGHIÊM THÀNH

In 2000 cuốn, khổ 15x22, In tại Lixsin

Số XB: 130/CTQG, in xong và nộp lưu chiểu tháng 11/1993

